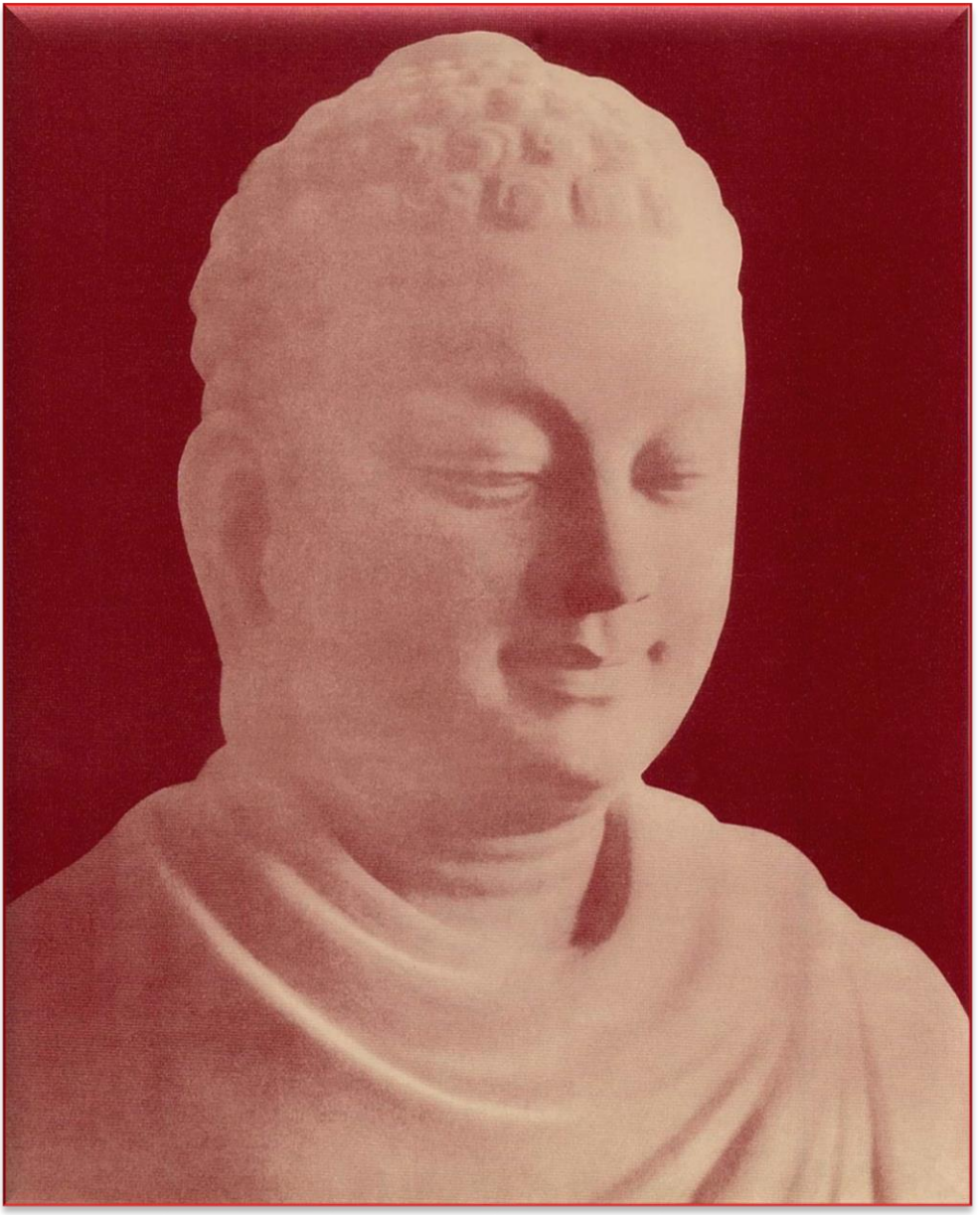


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 13

BỘ BẢN DUYÊN

IV

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 13

BỘ BẢN DUYÊN
IV

SỐ 190 → 191

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật-đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

MỤC LỤC
BỘ BẢN DUYÊN 4 – T013

SỐ 190 3
KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP (TT) 3
QUYỂN 15 3
Phẩm 17: VUA TỊNH PHẠN THẤY ĐIỀM MỘNG 3
Phẩm 18: DỌC ĐƯỜNG THẤY NGƯỜI BỆNH 6
Phẩm 19: TRÊN ĐƯỜNG GẶP THÂY CHẾT 9
Phẩm 20: DA-DU-ĐÀ-LA THẤY ĐIỀM MỘNG (Phần 1) 13
QUYỂN 16 19
Phẩm 20: DA-DU-ĐÀ-LA THẤY ĐIỀM MỘNG (Phần 2) 19
Phẩm 21: BỎ VƯƠNG CUNG XUẤT GIA (Phần 1) 27
QUYỂN 17 33
Phẩm 21: BỎ VƯƠNG CUNG XUẤT GIA (Phần 2) 33
Phẩm 22: XUỐNG TÓC NHUỘM Y (Phần 1) 44
QUYỂN 18 49
Phẩm 22: XUỐNG TÓC NHUỘM Y (Phần 2) 49
Phẩm 23: XA-NẶC VÀ NGỰA TRỞ VỀ CUNG (Phần 1) 60
QUYỂN 19 64
Phẩm 23: XA-NẶC VÀ NGỰA TRỞ VỀ CUNG (Phần 2) 64
QUYỂN 20 79
Phẩm 23: XA-NẶC VÀ NGỰA TRỞ VỀ CUNG (Phần 3) 79
Phẩm 24: QUAN SÁT CÁC NGOẠI ĐẠO 81
Phẩm 25: SỨ GIẢ CỦA NHÀ VUA ĐI TÌM THÁI TỬ (Phần 1) 93
QUYỂN 21 96
Phẩm 25: SỨ GIẢ CỦA NHÀ VUA ĐI TÌM THÁI TỬ (Phần 2) 96
Phẩm 26: BỒ-TÁT HỎI ĐẠO TIÊN A-LA-LA (Phần 1) 104
QUYỂN 22 111
Phẩm 26: BỒ-TÁT HỎI ĐẠO TIÊN A-LA-LA (Phần 2) 111
Phẩm 27: ĐÁP LỜI HỎI CON CỦA LA-MA 124
Phẩm 28: KHUYÊN HƯỞNG THỌ DỤC LẠC THẾ GIAN (Phần 1) 126
QUYỂN 23 128
Phẩm 28: KHUYÊN HƯỞNG THỌ DỤC LẠC THẾ GIAN (Phần 2) 128
QUYỂN 24 143
Phẩm 28: KHUYÊN HƯỞNG THỌ DỤC LẠC THẾ GIAN (Phần 3) 143
Phẩm 29: TINH TẤN TU KHỔ HẠNH (Phần 1) 148
QUYỂN 25 157
Phẩm 29: TINH TẤN TU KHỔ HẠNH (Phần 2) 157

Phẩm 30: HƯỚNG VỀ CÂY BỒ-ĐỀ (Phần 1) 168
QUYỂN 26 172
Phẩm 30: HƯỚNG VỀ CÂY BỒ-ĐỀ (Phần 2) 172
QUYỂN 27 187
Phẩm 30: HƯỚNG VỀ CÂY BỒ-ĐỀ (Phần 3) 187
Phẩm 31: MA VƯƠNG KHỦNG BỐ BỒ-TÁT (Phần 1) 192
QUYỂN 28 203
Phẩm 31: MA VƯƠNG KHỦNG BỐ BỒ-TÁT (Phần 2) 203
QUYỂN 29 221
Phẩm 31: MA VƯƠNG KHỦNG BỐ BỒ-TÁT (Phần 3) 221
Phẩm 32: BỒ-TÁT THU PHỤC MA VƯƠNG (Phần 1) 231
QUYỂN 30 236
Phẩm 32: BỒ-TÁT THU PHỤC MA VƯƠNG (Phần 2) 236
Phẩm 33: BỒ-TÁT THÀNH PHẬT 240
QUYỂN 31 252
Phẩm 34: TRONG QUÁ KHỨ MA VƯƠNG TRANH VỚI BỒ-TÁT 252
Phẩm 35: HAI THƯƠNG GIA CÚNG PHẬT (Phần 1) 263
QUYỂN 32 268
Phẩm 35: HAI THƯƠNG gia CÚNG PHẬT (Phần 2) 268
Phẩm 36: PHẠM THIÊN KHUYẾN THỈNH (Phần 1) 277
QUYỂN 33 283
Phẩm 36: PHẠM THIÊN KHUYẾN THỈNH (Phần 2) 283
Phẩm 37: CHUYỂN DIỆU PHÁP LUÂN (Phần 1) 289
QUYỂN 34 299
Phẩm 37: CHUYỂN DIỆU PHÁP LUÂN (Phần 2) 299
Phẩm 38: LÝ DO ĐẶT TÊN DA-DU-ĐÀ (THƯỢNG TÁN) (Phần 1) 312
QUYỂN 35 314
Phẩm 38: LÝ DO ĐẶT TÊN DA-DU-ĐÀ (THƯỢNG TÁN) (Phần 2) 314
QUYỂN 36 327
Phẩm 39: NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA DA-DU-ĐÀ 327
QUYỂN 37 340
Phẩm 40: PHÚ-LÂU-NA XUẤT GIA 340
Phẩm 41: NA-LA-ĐÀ XUẤT GIA (Phần 1) 343
QUYỂN 38 354
Phẩm 41: NA-LA-ĐÀ XUẤT GIA (Phần 2) 354
Phẩm 42: TA-TỲ-DA XUẤT GIA (Phần 1) 363
QUYỂN 39 369
Phẩm 42: TA-TỲ-DA XUẤT GIA (Phần 2) 369
Phẩm 43: GIÁO HÓA BINH TƯỚNG (Phần 1) 376

QUYỂN 40 384
Phẩm 43: GIÁO HÓA BINH TƯỚNG (Phần 2) 384
Phẩm 44: BA ANH EM CA-DIẾP (Phần 1) 393
QUYỂN 41 399
Phẩm 44: BA ANH EM CA-DIẾP (Phần 2) 399
QUYỂN 42 413
Phẩm 44: BA ANH EM CA-DIẾP (Phần 3) 413
Phẩm 45: ƯU-BA-TƯ-NA (Phần 1) 424
QUYỂN 43 428
Phẩm 45: ƯU-BA-TƯ-NA (Phần 2) 428
QUYỂN 44 443
Phẩm 46: HIẾN CÚNG RỪNG TRE (Phần 1) 443
QUYỂN 45 459
Phẩm 46: HIẾN CÚNG RỪNG TRE (Phần 2) 459
Phẩm 47: NHÂN DUYÊN CỦA ĐẠI CA-DIẾP (Phần 1) 461
QUYỂN 46 473
Phẩm 47: NHÂN DUYÊN CỦA ĐẠI CA-DIẾP (Phần 2) 473
QUYỂN 47 473
Phẩm 47: NHÂN DUYÊN ĐẠI CA-DIẾP (Phần 3) 487
Phẩm 48: NHÂN DUYÊN VỢ CHỒNG BẠT-ĐÀ-LA 489
Phẩm 49: NHÂN DUYÊN XÁ-LỢI-PHẤT VÀ MỤC-KIỀN-LIÊN (Phần 1) 498
QUYỂN 48 501
Phẩm 49: NHÂN DUYÊN XÁ-LỢI-PHẤT VÀ MỤC-KIỀN-LIÊN (Phần 2) 501
QUYỂN 49 517
Phẩm 50: NHÂN DUYÊN NĂM TRĂM TỲ-KHEO 517
Phẩm 51: ĐOẠN TRỪ NIỆM BẤT TÍN VỚI VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI 527
Phẩm 52: NGHI THỨC THUYẾT PHÁP (Phần 1) 528
QUYỂN 50 531
Phẩm 52: NGHI THỨC THUYẾT PHÁP (Phần 2) 531
Phẩm 53: BỔN SINH CỦA PHẬT THI-KHÍ (Phần 1) 543
QUYỂN 51 546
Phẩm 53: BỔN SINH CỦA PHẬT THI-KHÍ (Phần 2) 546
QUYỂN 52 563
Phẩm 54: NHÂN DUYÊN ƯU-ĐÀ-DI (Phần 1) 563
QUYỂN 53 579
Phẩm 54: NHÂN DUYÊN CỦA ƯU-ĐÀ-DI (Phần 2) 579
Phẩm 55: NHÂN DUYÊN CỦA ƯU-BA-LY (Phần 1) 589
QUYỂN 54 595
Phẩm 55: NHÂN DUYÊN CỦA ƯU-BA-LY (Phần 2) 595

QUYỂN 55 610
Phẩm 55: NHÂN DUYÊN CỦA ƯU-BA-LY (Phần 3) 610
Phẩm 56: NHÂN DUYÊN CỦA LA-HẦU-LA (Phần 1) 611
QUYỂN 56 624
Phẩm 56: NHÂN DUYÊN CỦA LA-HẦU-LA (Phần 2) 624
Phẩm 57: NHÂN DUYÊN NAN-ĐÀ XUẤT GIA (Phần 1) 627
QUYỂN 57 637
Phẩm 57: NHÂN DUYÊN NAN-ĐÀ (Phần 2) 637
Phẩm 58: NHÂN DUYÊN CỦA BÀ-ĐỀ-LỢI-CA (Phần 1) 647
QUYỂN 58 650
Phẩm 58: NHÂN DUYÊN CỦA BÀ-ĐỀ-LỢI-CA (Phần 2) 650
QUYỂN 59 664
Phẩm 58: NHÂN DUYÊN CỦA BÀ-ĐỀ-LỢI-CA (Phần 3) 664
Phẩm 59: MA-NI-LÂU-ĐÀ (Phần 1) 675
QUYỂN 60 678
Phẩm 59: MA-NI-LÂU-ĐÀ (Phần 2) 678
Phẩm 60: NHÂN DUYÊN CỦA A-NAN 684
SỐ 191 692
KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ 692
QUYỂN 1 692
QUYỂN 2 701
QUYỂN 3 710
QUYỂN 4 721
QUYỂN 5 732
QUYỂN 6 743
QUYỂN 7 753
QUYỂN 8 766
QUYỂN 9 777
QUYỂN 10 790
QUYỂN 11 800
QUYỂN 12 813
QUYỂN 13 828

✷ ✷ ✷ ✷ ✷

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 13

BỘ BẢN DUYÊN
4

SỐ 190

(QUYỂN 15 → 60)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 190

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP (TT)

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng Pháp sư
Xà-na-quật-đa, người xứ Thiên trúc.

QUYỂN 15

Phẩm 17: VUA TỊNH PHẠN THẤY ĐIỀM MỘNG

Bấy giờ Thiên tử Tác Bình muốn cho Thái tử phát tâm xuất gia nên một đêm nọ dùng thần lực làm cho Đại vương Tịnh Phạn thấy bảy điềm chiêm bao.

Khi ấy Đại vương Tịnh Phạn đang ngon giấc trên long sàng, mộng thấy các điềm chiêm bao:

–Điềm chiêm bao thứ nhất: Thấy một chiếc lọng lớn của trời Đế Thích, chung quanh chiếc lọng này có vô số người nâng đỡ, ra đi từ cửa Đông thành Ca-tỳ-la.

–Điềm chiêm bao thứ hai: Thấy Thái tử ngự giá trên chiếc xe mười con voi lớn, ra đi từ cửa Nam thành Ca-tỳ-la.

–Điềm chiêm bao thứ ba: Thấy Thái tử ngồi nghiêm chỉnh trên xe tứ mã, ra đi từ cửa Tây thành Ca-tỳ-la.

–Điềm chiêm bao thứ tư: Thấy một bánh xe, được trang hoàng bằng các ngọc quý, ra đi từ cửa Bắc thành Ca-tỳ-la.

–Điềm chiêm bao thứ năm: Thấy Thái tử đứng nơi ngã tư đại lộ trong thành Ca-tỳ-la, tay cầm dùi đánh chiếc trống lớn.

–Điềm chiêm bao thứ sáu: Thấy Thái tử ngồi trên tầng lầu cao ở trung tâm thành Ca-tỳ-la, rải các vật quý giá xuống bốn mặt lầu, lúc ấy có vô số dân chúng đến lấy mang về.

–Điềm chiêm bao thứ bảy: Thấy có sáu người cách ngoài thành chẳng bao xa cất tiếng, kêu khóc rơi lệ, hai tay bứt lấy đầu tóc lăn lộn trên đất.

Trong cơn mộng, khi Đại vương thấy các điềm như vậy, tâm rất đỗi bàng hoàng lo sợ, lông tóc dựng ngược lấy làm quái dị, cả người run rẩy, giật mình thức dậy liền gọi các đại thần đang ở trong cung đến bảo:

–Này các khanh, đêm nay ta đương ngon giấc bỗng thấy các việc hết sức kinh sợ. Rồi nhà vua theo thứ tự kể bảy điềm chiêm bao như đã nói ở trên. Đại vương còn dặn: Các khanh phải nhớ rõ các điềm chiêm bao này, đừng để quên mất, sáng sớm khi ta lâm triều, ở giữa bá quan văn võ, các khanh sẽ kể lại cho ta nghe.

Các đại thần nghe điềm chiêm bao và lời căn dặn của Đại vương rồi liền tâu:

–Tâu Đại vương, chúng thần vâng lời Đại vương cố gắng ghi nhớ, thật chẳng dám quên.

Sáng sớm khi Đại vương lâm triều ở giữa bá quan văn võ, các đại thần đem việc chiêm bao của vua tâu lại một cách chi tiết cho nhà vua biết.

Vua Tịnh Phạn nghe đại thần tâu rồi liền triệu tập các Bà-la-môn giỏi bàn mộng trong nước đến bảo:

–Các khanh là những bậc đại trí, có thể biết được điềm chiêm bao của ta, như những gì ta kể vừa rồi, các khanh xem thử hậu quả như thế nào?

Các vị Bà-la-môn thông thái ấy, vâng lệnh nhà vua, mỗi vị đều suy nghĩ, nhưng vẫn không tìm được lời giải đáp. Họ mới tâu nhà vua:

–Xin Đại vương biết cho, chúng thần từ xưa chưa từng được nghe nói đến các điềm chiêm bao như thế. Nay được nghe qua, tâm ý mờ mịt, không biết các điềm chiêm bao này có hậu quả như thế nào.

Đại vương Tịnh Phạn nghe các tướng sư Bà-la-môn nói như vậy tâm lại lo sầu, sinh ra ý nghĩ:

–Hoặc Thái tử không còn làm Chuyển luân thánh vương sao, đâu có lẽ đã được làm Chuyển luân thánh vương rồi lại mất ngôi sao! Tâm ta hết sức lo âu, không biết ai giải mối nghi này cho ta!

Bấy giờ Thiên tử Tác Bình từ cung điện cõi trời Tịnh cư, xa trông thấy Đại vương Tịnh Phạn ưu sầu chẳng vui, liền ẩn thân nơi Thiên cung, đến thành Ca-tỳ-la hóa làm một vị Phạm chí Bà-la-môn, đầu búi tóc với chiếc mão bằng các loại hoa kết thành, thân hình đoan chánh trẻ trung, khoác trên mình bộ y phục da nai màu đen, dáng vẻ người thông minh trí tuệ, đứng ngoài cửa cung vua Tịnh Phạn xướng lên thế này:

–Ta biết rõ điềm chiêm bao của vua Tịnh Phạn một cách chắc chắn, không nghi ngờ.

Người gác cửa thành nghe Bà-la-môn nói như vậy vội vã chạy vào nơi bệ rồng, quỳ mọp tâu Đại vương:

–Tâu Thánh thượng phải biết, hiện giờ có một vị Bà-la-môn ở ngoài ngọ môn xướng lên thế này: "Ta biết rõ các điềm chiêm bao của vua Tịnh Phạn."

Đại vương liền cho mời vị Bà-la-môn này đưa thẳng vào nội cung, nhà vua niềm nở hỏi:

–Này Đại Bà-la-môn, ngài có trí tuệ sáng suốt, hãy biết cho ta là vào lúc nửa đêm hôm qua, ta thấy bảy điềm chiêm bao: "Điềm chiêm bao thứ nhất thấy có vô lượng vô biên dân chúng vây quanh tả hữu đỡ lấy chiếc lọng lớn của trời Đế Thích ra đi từ cửa Đông thành Ca-tỳ-la… cho đến điềm chiêm bao thứ bảy thấy sáu người cách ngoài thành chẳng bao xa cất tiếng khóc vang, tay bứt đầu tóc." Nay ta lo sợ tâm ý bàng hoàng, không biết điềm mộng như vậy tốt xấu lẽ nào, ngài có thể vì ta bàn giải từng chi tiết một. Nhà vua nói như vậy rồi đứng yên chờ nghe vị Bà-la-môn giải thích.

Thiên tử Tác Bình tâu Đại vương:

–Xin Đại vương lắng nghe lời giải về những điềm chiêm bao mà ngài mơ thấy.

–Điềm chiêm bao thứ nhất, ngài thấy vô lượng vô biên chúng sinh cùng nhau vây quanh, đỡ lấy chiếc lọng lớn của trời Đế Thích ra đi từ cửa Đông thành Ca-tỳ-la: Đây là Thái tử Tất-đạt-đa của Đại vương được vô lượng trăm ngàn chư Thiên hầu hạ chung quanh. Nghĩa là Thái tử sẽ bỏ cung điện này, vượt thành xuất gia. Đây là hiện tượng tốt đối với điềm chiêm bao nói trên.

–Điềm chiêm bao thứ hai: Đại vương lại thấy Thái tử ngự giá trên chiếc xe mười hương tượng ra đi từ cửa Nam thành Ca-tỳ-la. Nghĩa là sau khi Thái tử xuất gia rồi, chứng được Nhất thiết trí cho đến mười lực. Đây là hiện tượng tốt đối với điềm chiêm bao nói trên.

–Điềm chiêm bao thứ ba: Đại vương lại thấy Thái tử ngồi xe tứ mã, ra đi từ cửa Tây thành Ca-tỳ-la. Nghĩa là Thái tử sau khi xuất gia, chứng Nhất thiết trí đầy đủ bốn pháp vô úy. Đây là hiện tượng tốt đối với điềm chiêm bao nói trên.

–Điềm chiêm bao thứ tư: Đại vương lại thấy một bánh xe được trang hoàng bằng các ngọc quý, ra đi từ cửa Bắc thành Ca-tỳ-la. Nghĩa là sau khi xuất gia, Thái tử chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi sau đó

ở ba cõi nhân thiên ngài chuyển pháp luân vi diệu. Đây là hiện tượng tốt đối với điềm chiêm bao nói trên

–Điềm chiêm bao thứ năm: Đại vương lại thấy Thái tử ở ngã tư đại lộ trong thành Ca-tỳ-la, tay cầm dùi đánh chiếc trống lớn. Nghĩa là Thái tử sau khi xuất gia rồi chứng đạo quả Bồ-đề, đang khi ngài chuyển Pháp luân, hàng chư Thiên cất tiếng ca ngợi, âm thanh vang tới Phạm thiên rồi truyền âm thanh này vang khắp cõi Sắc đều biết. Đây là hiện tượng tốt đối với điềm chiêm bao ấy.

–Điềm chiêm bao thứ sáu: Đại vương lại thấy Thái tử ngồi trên lầu ở trung tâm thành Ca-tỳ-la rải các vật quý xuống khắp bốn phía lầu. Nghĩa là Thái tử sau khi chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với tám bộ chúng: chư Thiên, dân chúng… Ngài ban ra các giáo pháp vi diệu như vậy. Các pháp đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Chánh đạo… Đây là hiện tượng tốt đối với điềm chiêm bao.

–Điềm chiêm bao thứ bảy: Đại vương lại thấy có sáu người cách ngoài thành chẳng bao xa miệng cất tiếng khóc vang, tay bứt lấy đầu tóc. Nghĩa là Thái tử xuất gia rồi, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đương khi Ngài chứng quả Bồ-đề thì hàng lục sư ngoại đạo sinh ưu não. Lục sư đó là: Phú-lan-na Ca-diếp, Ma-bà-ca-la Cù-xa-tử, A-kỳ-na-chỉ-xa Cam-bà-la, Ba-la-phù-đa Ca-tra-da-na, San-xà-di-ty-da-tư-trí-chỉ-tử và Ni-càn-đà-nhã-đề-tử. Đây là hiện tượng tốt đối với điềm chiêm bao nói trên

Thiên tử Tác Bình hiện hình Bà-la-môn vì Đại vương giải thích giấc mộng rồi lại tâu:

–Đại vương nên sinh tâm hoan hỷ, chớ nên âu sầu, lo sợ, chẳng vui. Vì sao? Đây là giấc mộng tốt, đưa đến hậu quả an lành, phải lấy làm hân hạnh, chớ nên lo nghĩ. Thiên tử nói lời an ủi rồi liền biến mất.

Đại vương Tịnh Phạn nghe lời bàn mộng của Tướng sư Bà-la-môn nói giấc mộng này được quả báo an lành như vậy, lại vì Thái tử tăng thêm phương tiện ngũ dục khiến cho Thái tử say đắm hoang mê với kỳ vọng là Thái tử không xuất gia. Lúc đó Thái tử ở trong cung mặc tình thọ hưởng mọi thú vui.

Phẩm 18: DỌC ĐƯỜNG THẤY NGƯỜI BỆNH

Bấy giờ Thiên tử Tác Bình lại suy nghĩ về Bồ-tát Hộ Minh, vị Đại sĩ này ở trong cung buông lung phóng dật say đắm ngũ dục đã trôi qua thời

gian khá lâu, thế gian vô thường, tuổi trẻ không dừng, Bồ-tát Hộ Minh nên phải sớm rời bỏ nội cung xuất gia, ta nay có thể vì ngài tạo phương tiện khuyến thỉnh để khiến ngài tỉnh ngộ sớm xa lìa ngũ dục. Tác Bình suy nghĩ như vậy rồi, do vì thần lực của Thiên tử mà cũng do nhân duyên phước đức đời trước của Bồ-tát nên Thái tử đang ngồi trong cung điện bỗng nhiên khởi ý muốn ra khỏi thành đến lâm viên thưởng ngoạn.

Thái tử liền gọi người đánh xe đến bảo:

–Này người đánh xe tài giỏi, khanh nên mau mau trang hoàng xe ngựa tốt đẹp, nay ta muốn xuất hành đến hoa viên ngắm cảnh dạo chơi.

Người đánh xe tâu:

–Y theo lệnh của Thái tử, hạ thần không dám trái ý.

Người đánh xe nhận lệnh của Thái tử rồi liền đến tâu Đại vương Tịnh Phạn:

–Xin Đại vương biết cho, nay Thái tử muốn rời thành hướng về thắng cảnh Hoa lâm viên để thưởng ngoạn mảnh đất an lành.

Đại vương liền ra lệnh tất cả dân chúng trong thành dọn dẹp mọi cỏ rác, sạn sỏi, gai góc, cây khô mục, gò nổng, phẩn uế, những nơi hôi thối đều được làm bằng phẳng, rưới nước quét dọn sạch sẽ, rồi trang hoàng thành Ca-tỳ-la hết sức tốt đẹp; cho đến những cây cối trong hoa viên mang tên phụ nữ hay nam nhi đều lấy chuỗi anh lạc của mỗi giới trang sức trên đó. Trên đường Thái tử đi qua không được xuất hiện các người già bệnh, đừng để Thái tử trông thấy sinh tâm chán nản.

Người đánh xe trang hoàng xe ngựa xong rồi đến tâu Thái tử:

–Xa giá hạ thần đã chuẩn bị hoàn tất, cúi xin Thái tử tùy ý ra đi.

Lúc ấy Thái tử ngồi trên bảo xa với tư cách một Đại vương, oai đức thần lực trông thật tôn nghiêm, ra đi từ cửa Nam thành Ca-tỳ-la, từ từ hướng về hoa viên để dạo xem phong cảnh.

Bấy giờ Thiên tử Tác Bình ở phía trước, trên con đường Thái tử đang đi qua, hóa làm một người bệnh, hình thể chỉ còn da bọc xương hết sức đau khổ, bụng trướng to, nước từ đó rỉ ra, thân hình tiều tụy, tay chân như ống sậy không còn khí sắc, nước da vàng vọt nhăn nheo, hơi thở hôi thối, mạng sống chỉ còn trong giây lát, nằm rên rỉ trăn trở lăn lộn trên phân dãi hết sức đau đớn, muốn ngồi dậy nhưng không đủ sức, nhép miệng nói thì thào:

–Cúi xin đỡ giùm tôi ngồi dậy.

Thái tử thấy người bệnh từ lúc đầu…cho đến câu đỡ giùm tôi ngồi dậy, liền hỏi người đánh xe:

–Này người đánh xe tài giỏi, đây là người gì? Bụng rất to như cái chõ lớn, khi thở thì cả người rung động, tay chân như ống sậy, thân thể tiều tụy, nước da vàng vọt nhăn nheo không còn khí sắc, ngồi dậy phải nhờ người khác nâng đỡ?

Rồi Thái tử cất tiếng thở dài:

–Ôi chao, buồn thương não ruột, không nỡ thấy nghe.

Thiên tử Tác Bình dùng thần lực khiến người đánh xe trả lời:

–Xin Thánh tử lắng nghe, kẻ này gọi là người bệnh.

Thái tử lại hỏi:

–Tại sao người này gọi là người bệnh?

Người đánh xe đáp:

–Tâu Thánh tử, thân thể người này không được an ổn khỏe mạnh, mất hết oai đức, ốm gầy khổ sở, không còn sức lực, giờ chết sắp đến nơi, cha mẹ đã qua đời, tứ cố vô thân, không nơi cậy nhờ, do vì không chỗ nương tựa người này chẳng bao lâu mạng chung, muốn sống hết sức khó khăn. Nếu không có ai chăm sóc mà mong có ngày lành bệnh, nhất định không có việc ấy xảy ra, chỉ chờ chết mà thôi. Thưa Thánh tử, vì những lý do đó, gọi là người bệnh.

Có kệ thế này:

Thái tử hỏi người đánh xe rằng
Tại sao người này chịu khổ ấy
Người đánh xe tâu lên Thái tử
Tứ đại bất hòa bệnh phát sinh.

Thái tử lại hỏi:

–Chỉ riêng người này chịu quy luật ấy hay là tất cả chúng sinh trong thế gian đều phải chịu quy luật bệnh này?

Người đánh xe đáp:

–Quy luật bệnh này không dành riêng cho một người nào mà tất cả các loại chúng sinh đều không thoát khỏi.

Thái tử lại nói:

–Ta cũng chưa thoát khỏi quy luật này, rồi ta mắc bệnh giống như người này không khác, ôi thôi đáng sợ!

Thái tử liền bảo người đánh xe:

–Nếu thân này của ta không thoát khỏi quy luật bệnh, đủ thứ các bệnh không thể vượt qua được, nay cần gì phải đến viên lâm dạo chơi thọ hưởng vui thú, nên hồi giá trở về nội cung, ta sẽ tư duy về quy luật này.

Người đánh xe vâng lệnh Thái tử đánh xe quay về nội cung, Thái tử về đến nơi tĩnh tọa tư duy: "Ta sẽ bệnh, các bệnh chưa hiện khởi, tại sao ta buông lung."

Đại vương Tịnh Phạn hỏi người đánh xe:

–Thái tử dạo chơi nơi hoa viên có được vui vẻ không?

Người đánh xe đáp:

Đại vương phải biết, Thái tử muốn rời hoàng thành hướng về hoa viên, ngắm quang cảnh hồ ao…, nhưng giữa đường gặp một người bệnh… cho đến miệng nói đỡ giùm tôi dậy. Thái tử thấy vậy liền ra lệnh đánh xe trở về, hiện giờ ngài đang tịnh tọa trong cung chuyên tâm quán tưởng.

Đại vương nghe lời nói như vậy rồi trong tâm nghĩ đến lời dự đoán của Tiên nhân A-tư-đà quyết định chân thật. Đại vương lại nghĩ: "Không lẽ ta để Thái tử xả tục xuất gia, nay ta sẽ vì Thái tử tăng thêm thú vui ngũ dục khiến cho Thái tử say đắm ngũ dục nhiều hơn mà chẳng xả tục xuất gia." Nghĩ rồi Đại vương liền tăng thêm thú vui ngũ dục cho Thái tử gấp bội phần. Có bài kệ:

Thái tử ở lâu trong cung cấm
Muốn đến viên lâm hưởng thú vui
Trên đường gặp bệnh nhân tiều tụy
Nên sinh tâm ly dục trở về
Ngồi yên suy tư gốc lão bệnh
Ta nay chưa thoát có vui gì
Sắc thanh hương vị cùng các xúc
Rất tuyệt vời ngài chưa bỏ được
Thuở xưa ngài tu hành thiện nghiệp
Nay hưởng phước vui sướng ai bằng.

Như vậy thuở ấy Thái tử ở trong cung tuần tự thọ hưởng đủ thú vui của ngũ dục.

□

Phẩm 19: TRÊN ĐƯỜNG GẶP THÂY CHẾT

Thuở ấy, Thiên tử Tác Bình một hôm nọ phát sinh ý nghĩ: "Bồ-tát Hộ Minh đang ở trong cung thọ hưởng vui thú tuyệt đỉnh, nay đến lúc Bồ-tát phải xuất gia, ta sẽ vì Bồ-tát cố tâm khuyến thỉnh làm cho Thái tử xa lìa thú vui ngũ dục, xả tục xuất gia." Thiên tử Tác Bình muốn Bồ-tát Hộ Minh sinh ý rời nội cung ra khỏi thành hướng về lâm viên thưởng ngoạn tham quan phong cảnh tuyệt đẹp.

Lúc ấy Thái tử bảo người đánh xe:

–Này người đánh xe tài giỏi, khanh nên trang hoàng bảo xa tứ mã, ta nay muốn ra khỏi thành đến lâm viên dạo chơi.

Người đánh xe nhận lệnh Thái tử liền đến tâu Đại vương:

–Xin Đại vương biết cho, nay Thái tử muốn rời khỏi cung thành đến lâm viên thưởng ngoạn quang cảnh.

Đại vương Tịnh Phạn liền ra lệnh trang hoàng thành Ca-tỳ-la, tất cả đường lớn nhỏ đều dọn dẹp. Gai góc, sỏi sạn gạch đá, cây mục, mô đất, phẩn uế đều được quét dọn sạch sẽ, bằng phẳng cho đến trong hoa viên các cây mang tên nữ nhi hay nam nhi lại dùng chuỗi anh lạc theo mỗi loại mà trang sức lên đó, rồi cho người rung linh đánh trống tuyên bố:

–Kẻ già yếu, người bệnh tật không được xuất hiện trên con đường Thái tử đi qua khiến cho Thái tử trông thấy sinh tâm chán nản.

Người đánh xe trang hoàng xe ngựa hết sức chu toàn tốt đẹp, rồi đến tâu Thái tử:

–Xin Thái tử nghe cho, hạ thần nay đã trang hoàng xa giá xong rồi, cúi xin Thái tử tùy thời xuất hành.

Thái tử ngồi trên xe đầy đủ oai đức thần lực, ra đi từ cửa Tây thành Ca-tỳ-la hướng về hoa viên để thưởng ngoạn.

Khi đó, Thiên tử Tác Bình ở phía trước Thái tử hóa thành một tử thi nằm trên giường được nhiều người khiêng đi, lại dùng áo bằng sô nhiều màu tuyệt đẹp căng làm tấm màn nhỏ đắp trên mình tử thi, lại có vô số bà con nội ngoại quây quần hai bên trước sau kêu khóc, hoặc có kẻ bứt tóc, có người đấm ngực hoặc có kẻ vỗ đầu hay khoanh tay hoặc có kẻ hai tay hốt đất bùn bôi trên đầu trên mặt hoặc có kẻ thốt ra những lời buồn bã nghẹn ngào, nước mắt tuôn như mưa, kêu gào khóc lóc không thành lời. Thái tử thấy cảnh như vậy sinh lòng sầu thảm, hỏi người đánh xe:

–Kẻ nằm trên giường này là người gì vậy? Lại dùng hoa trang hoàng chung quanh… cho đến nhiều y phục bằng vải gai đầy màu sắc, làm tấm màn nhỏ đắp trên mình, được người ta khiêng đi, chung quanh lại có vô số người khóc than thảm thiết?

Lời kệ:

Thái tử trẻ đẹp thân tuấn tú
Hỏi người đánh xe đây là ai.
Nằm yên trên giường bốn người khiêng
Thân quyến chung quanh kêu gào khóc?

Lúc đó Thiên tử Tác Bình dùng thần lực khiến người đánh xe trả lời:

–Bẩm Đại thánh Thái tử, đây gọi là thây chết.

Thái tử lại hỏi:

–Thây chết nghĩa là gì?

Người đánh xe đáp:

–Tâu Đại thánh Thái tử, người này bỏ mạng sống nơi thế gian, không còn oai đức, nay đồng với cây đá, không có cảm giác như tường vách không hơn kém, vĩnh biệt thân tộc bạn bè, chỉ có thần thức đi đầu thai cõi khác, từ nay về sau không còn thấy cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc. Kẻ sống người chết, cảnh giới hoàn toàn khác nhau như vậy, không bao giờ gặp lại cho nên gọi là thây chết.

Người đánh xe đến trước Thái tử nói kệ:

Giác quan tâm thức mất tác dụng,
Thi thể vô tri như cây đá,
Thân quyến vây quanh đều khóc than,
Ân ái từ đây hằng vĩnh biệt.

Thái tử lại hỏi người đánh xe:

–Này kẻ đánh xe tài giỏi, ta cũng phải chịu quy luật chết này chăng? Quy luật chết này, ta đã vượt khỏi hay chưa?

Người đánh xe đáp:

–Tâu Đại thánh Thái tử, thân thể Thái tử tuy tôn quý nhưng đối với quy luật chết này cũng chưa thoát khỏi, tất cả những ai ở trong thế gian, hoặc là trời hay loài người, có bao nhiêu thân tộc quyến thuộc bạn bè, mỗi người đều chịu cảnh biệt ly như vậy, người kia không thấy người này, người này cũng không thấy người kia. Rồi nói kệ:

Tất cả chúng sinh mãn nghiệp này,
Thiên, nhân, quý, tiện đều bình đẳng,
Thế gian thiện ác tuy có khác,
Đến khi tắt thở lại như nhau.

Thái tử nghe lời trình bày như vậy rồi bảo người đánh xe:

–Nếu thân này của ta cũng phải chịu quy luật chết chóc; quy luật cái chết ta chưa vượt qua, rồi đây ta sẽ không thấy chư Thiên và quyến thuộc và chư Thiên quyến thuộc cũng không thấy ta, vậy cần gì phải đến lâm viên dạo chơi thưởng ngoạn, mau mau hồi giá trở về nội cung để ta quán tưởng.

Người đánh xe vâng theo lệnh Thái tử liền quay xe trở về nội cung. Thái tử về đến nội cung, an tọa tư duy: "Thân ta nhất định rồi sẽ chết, chưa

có năng lực vượt qua khỏi quy luật sự chết.” Ngài chú tâm yên lặng tư duy như vậy, biết quả báo thế gian rốt cuộc quy về vô thường vậy mà khi Thái tử sắp bước vào trong cung, có một tướng sư vô trí ngu si đứng bên ngoài cửa cung Đại vương, xem kỹ hình dung tướng mạo Thái tử từ đầu đến chân, thấy có tướng trượng phu rồi to tiếng xướng lên: “Này mọi người! Tất cả phải biết, từ ngày nay trở đi đến nội ngày thứ bảy, Thái tử sẽ được đầy đủ bảy thứ quý báu tự nhiên xuất hiện.”

Đại vương Tịnh Phạn hỏi người đánh xe:

–Này tên đánh xe tài giỏi, ngày nay khanh đưa Thái tử đến lâm viên, Thái tử có vừa ý, vui vẻ không?

Người đánh xe quỳ xuống cung kính thưa:

–Xin Đại vương phải biết, ngày nay Thái tử ra đi chưa đến lâm viên.

Đại vương Tịnh Phạn lại hỏi:

–Vì cớ gì Thái tử không đến lâm viên?

Người đánh xe tâu:

–Xin Đại vương nghe cho, Thái tử ra khỏi cung, trên con đường đến viên lâm, thấy một thây chết nằm trên giường có bốn người khiêng… cho đến quyến thuộc vây quanh kêu khóc. Thái tử thấy vậy liền ra lệnh hồi giá trở về nội cung, ngài ngồi tư duy không được vui vẻ.

Đại vương Tịnh Phạn nghe lời trình bày như vậy, trong tâm lo lắng, liên tưởng đến lời dự đoán của Tiên nhân A-tư-đà nhất định chân thật. Ta không lẽ để Thái tử bỏ ta xuất gia. Ngày nay ta sẽ tăng thêm thú vui ngũ dục cho Thái tử, khiến Thái tử say đắm không nghĩ đến chuyện xuất gia. Nghĩ rồi, lúc ấy nhà vua liền vì Thái tử tăng thêm y phục tốt đẹp và đầy đủ các thú vui ngũ dục.

Có bài kệ nói:

Biển công đức tu vô lượng kiếp.
Thái tử vì thấy kẻ mạng chung,
Tâm rất buồn ôm lòng áo não,
Về nội cung tư duy cái chết,
Nơi thành này cung điện tuyệt vời,
Thái tử đẹp tuổi đầy nhựa sống,
Vui ngũ dục đắc ý lắm thay,
Như Đế Thích vui chơi thượng uyển.

Trải qua ngày tháng, Thái tử vẫn ở trong cung, vui chơi, thọ hưởng mọi thứ vui thích.

Phẩm 20: DA-DU-ĐÀ-LA THẤY ĐIỀM MỘNG (Phần 1)

Thiên tử Tác Bình thấy Thái tử xuất thành đến lâm viên, giữa đường gặp tử thi sinh tâm chán nản ngũ dục thế gian, trở về nội cung tĩnh tọa tư duy. Qua sáu ngày sau, Thiên tử Tác Bình lại nghĩ và nói: "Bồ-tát Hộ Minh, vị Đại sĩ nay vì say đắm ngũ dục, tâm sinh phóng dật chẳng chịu xa lìa, ta nay sẽ vì Thái tử tạo nhân duyên khuyến thỉnh." Suy nghĩ như vậy rồi, lúc ấy Thiên tử Tác Bình lại tạo điều kiện khiến Thái tử xuất gia, cảm động đến nhân duyên đời trước của Thái tử khiến Thái tử tự nhiên có ý muốn đến lâm viên du ngoạn. Thái tử gọi người đánh xe vào bảo:

–Người đánh xe tài giỏi, khanh mau mau sửa sang xe giá nghiêm chỉnh, nay ta muốn đến hoa viên thưởng ngoạn.

Người đánh xe nhận lệnh, liền đến tâu Đại vương Tịnh Phạn:

–Xin Đại vương biết cho, hôm nay Thái tử muốn đến viên lâm dạo chơi thưởng ngoạn.

Đại vương Tịnh Phạn liền ban sắc lệnh dân chúng nội thành Ca-tỳ-la dọn dẹp sạch sẽ và trang hoàng nghiêm chỉnh như bao lần trước không khác, cho đến rung chuông loan báo nội thành: Trên con đường Thái tử đi qua tuyệt đối không được xuất hiện các hạng người: già, bệnh, chết, tàn tật… khiến cho Thái tử thấy được sinh tâm chán nản thế gian.

Người đánh xe nhận lệnh, trang hoàng xe ngựa tốt đẹp, đến trước Thái tử tâu:

–Thưa Thái tử đã đến giờ xuất hành.

Thái tử liền ngồi trên xe, oai đức thế lực trông thật tôn nghiêm, ra đi từ cửa Bắc thành Ca-tỳ-la mà thẳng đến lâm viên.

Lúc ấy, Thiên tử Tác Bình dùng sức thần thông, cách trước xe Thái tử chẳng bao xa, biến thành một vị Sa-môn cạo bỏ râu tóc, thân đắp chiếc ca-sa đại y để hở vai bên phải, tay phải chống tích trượng, tay trái bưng bình bát đi ven lề đường.

Thái tử thấy rồi liền hỏi người đánh xe:

–Đây là người gì mà cung cách đàng hoàng, dung nghi tề chỉnh, ung dung tản bộ ở phía trước ta, mắt đăm đăm nhìn phía trước một tầm, không liếc ngó hai bên, chú tâm mà đi, không giống như bao nhiêu lữ hành khác, đầu cạo nhẵn không để râu tóc, sắc phục toàn một màu đỏ thẫm nhuộm bằng vỏ cây, không giống màu áo trắng thế tục, bát màu da cam giống như bằng đá xông khói.

Thiên tử Tác Bình dùng thần thông khiến người đánh xe đáp:

–Tâu Đại thánh Thái tử, người này gọi là kẻ xuất gia.

Thái tử lại hỏi:

–Sao gọi là kẻ xuất gia? Họ làm việc gì?

Người đánh xe đáp:

–Tâu Đại thánh Thái tử, người này thường làm các việc lành, bỏ các việc ác, đem tâm bình đẳng đối xử với mọi người, thích làm việc bố thí, khéo điều phục các căn, có tài hàng phục tự thân, đem lại sự an lạc cho mọi người, thường đối với tất cả chúng sinh phát tâm đại Từ bi không bao giờ làm cho một chúng sinh nào sợ sệt phiền não, hoàn toàn không sát hại chúng sinh, lại hay phát tâm giúp đỡ. Tâu Thái tử, do vì những việc như vậy, gọi là người xuất gia.

Thái tử lại hỏi:

–Này người đánh xe tài giỏi, do vì cớ gì khiến người này có thiện tâm làm các việc như vậy? Các việc đó, từ việc làm lành…cho đến hoàn toàn không sát hại tánh mạng chúng sinh. Vậy ngươi hãy đánh xe đến bên người xuất gia kia.

Người đánh xe vâng lệnh đáp:

–Tâu Thái tử, hạ thần sẽ tuân lệnh.

Người đánh xe liền cho xe hướng về người xuất gia.

Khi Thái tử đến bên người xuất gia, người liền thưa hỏi:

–Thưa Tôn giả Đại sĩ, ngài là người gì?

Lúc ấy, Thiên tử Tác Bình dùng thần lực khiến người xuất gia cạo bỏ râu tóc kia đáp:

–Tâu Thái tử, ngày nay người ta gọi tôi là kẻ xuất gia.

Thái tử lại hỏi:

–Thưa nhân giả, tại sao lại gọi là người xuất gia?

Người xuất gia đáp:

–Tâu Thái tử, tôi thấy tất cả sự việc trong thế gian hết thảy đều vô thường, quan sát như vậy rồi tôi bỏ tất cả sự nghiệp ở đời, xa lìa thân tộc, chỉ cầu mong giải thoát nên xả tục xuất gia. Rồi tôi lại nghĩ: "Ta phải dùng phương tiện gì để có thể cứu vớt chúng sinh? Đối với thế gian ta phải sống biết đủ, làm các việc lành…cho đến hoàn toàn không sát hại sinh mạng tất cả chúng sinh." Thưa Thái tử, vì những lý do đó, gọi là người xuất gia.

Thái tử lại nói:

–Thưa nhân giả, việc làm của ngài hết sức tốt đẹp vì ngài quán sát biết được tất cả sự việc thế gian là vô thường, biết như vậy rồi ngài lại đem lòng lành ban bố sự an lạc cho tất cả chúng sinh… cho đến không sinh tâm sát hại mà lại đem sự sống, bố thí sự an ổn cho chúng sinh.

Rồi nói kệ:

Quán biết thế gian pháp vô thường
Muốn cầu vô thượng đạo Niết-bàn
Oán thân bình đẳng tâm quán sát
Chẳng tạo thế pháp dục, tham, sân
Ở dưới gốc cây trong rừng núi
Hoặc nơi gò mả đất hoang vu
Các pháp hữu vi đều xa lánh
Sống đời khất thực quán chân như.

Thái tử vì kính pháp nên từ trên xe bước xuống đi bộ hướng đến người xuất gia đầu mặt đảnh lễ sát đất rồi đi quanh ba vòng; sau đó Thái tử lên xe ra lệnh người đánh xe hồi giá về cung

Khi ấy, trong cung có một thể nữ tên là Lộc Nữ từ xa trông thấy Thái tử vào cung, do tâm ái dục nàng cất tiếng nói kệ:

Đại vương Tịnh Phạn hưởng thú vui
Ma-ha-ba-xà rất toại ý
Trong cung thể nữ thật tuyệt vời
Người nào sẽ được gần Thái tử.

Thái tử nghe bài kệ này khắp thân run sợ, lệ nhỏ như mưa, trong tâm chỉ ưa mến cảnh Niết-bàn, các căn thanh tịnh hướng về Niết-bàn mà nói thế này:

–Ta cần phải đeo đuổi cảnh giới Niết-bàn, ta nay cần phải chứng Niết-bàn, ta nay cần phải đi đến Niết-bàn và ta nay cần phải trụ vào Niết-bàn.

Một hôm, Đại vương Tịnh Phạn cùng bá quan văn võ tề tựu chung quanh nơi cung điện, Thái tử bỗng nhiên bước đến đứng bên cạnh Đại vương, chắp tay cúi đầu nói:

–Con nay muốn xuất gia, cúi xin Đại vương cho phép con được toại ý để cầu quả Niết-bàn. Phụ vương phải biết, tất cả chúng sinh rồi sẽ biệt ly.

Khi Đại vương Tịnh Phạn nghe Thái tử tâu như vậy, cả người run rẩy, tay chân rã rời, giống như cây bị voi lớn lay gốc, mắt đầy ngấn lệ, nghẹn ngào bảo Thái tử:

–Thái tử con yêu dấu của ta nên bỏ ý định ấy đi, nay chưa phải là lúc con xuất gia, ta cũng trải qua thời thiếu niên khi các căn buông lung theo

thú vui, ta không tu các pháp hạnh cũng chưa từng thọ các khổ thế gian, lại ta không tu các khổ hạnh mà cũng chưa từng thấy các ái dục xấu xa. Con khởi ý như vậy, con thật rất khó có thể chịu đựng được. Này Đồng tử, con đang độ thanh xuân, tâm ý chưa ổn định, chưa hàng phục các căn mà muốn ở nơi vắng vẻ hẻo lánh, khi đó con không thể chịu nỗi khổ hạnh. Này Đồng tử, con nên đợi khi ta tuổi già, chừng đó nếu ta muốn xuất gia tu hành khổ hạnh, ta sẽ truyền ngôi và trao quốc gia lại cho con mà vào thâm sơn vắng vẻ tu hành khổ hạnh. Này Đồng tử, con không nên trái lời của ta, không thuận ý của cha mà xuất gia tu khổ hạnh, hiện tại ở đời con mang tiếng bất hiếu vì trái lời dạy bảo của kẻ bề trên. Do vậy con nên đem tâm tinh tấn này ở trong cung chớ vội xuất gia, an tâm ở lại nhà thực hiện các pháp thế tục. Này Đồng tử, phàm làm người thế gian, trước phải thọ hưởng thú vui ngũ dục, rồi sau đó mới nghĩ đến việc phát tâm xuất gia.

Thái tử đáp:

–Tâu phụ vương, ngày nay cha không nên ngăn cản chí xuất gia của con. Vì sao? Nếu ngày nay có người đang ở trong căn nhà bốc cháy ngùn ngụt, muốn chạy ra khỏi nhà thoát nạn, lúc đó người này rất dũng mãnh, không có một thế lực nào có thể ngăn cản được. Tâu phụ vương, cái gì có sinh thì có diệt, cái gì có hợp thì có tan. Nếu như có người biết tất cả pháp thế gian đều bị biệt ly mà không bỏ pháp biệt ly đó thì người này không phải là kẻ được lợi ích lớn. Lại như người đời có sự việc còn dở dang, giờ chết sắp đến mà không vội vã làm cho hoàn tất, thì đây không phải là người có trí tuệ sáng suốt.

Rồi Thái tử vì phụ vương mà nói kệ:

Nếu thấy tất cả đều vô thường
Các pháp hữu vi đều tiêu diệt
Đành lìa thân thuộc bỏ thế gian
Giờ chết đến, sự nghiệp phải thành.

Đại vương Tịnh Phạn lại ân cần nói với Thái tử:

–Này Đồng tử, con yêu dấu của ta, nhất định không được bỏ ta đi xuất gia.

Các đại thần cũng theo sự hiểu biết của mình qua các kinh điển đời xưa để lại đều can gián Thái tử:

–Kính bẩm Thái tử, lẽ nào ngài không nghe trong luận Vi-đà có nói từ kiếp ban sơ cho đến nay, các hàng vua chúa thuở xưa niên thiếu, mỗi vị tự cai trị nước của mình, giáo hóa dân chúng, khi đến tuổi già có con cháu chánh thống nối nhau. Các vua đem vương vị trao cho Thái tử, nhiên hậu

mới vào trong núi tu hành các pháp hạnh. Vì lý do đó, ngày nay Thái tử không được riêng mình làm trái phép tắc của Tiên vương.

Đại vương nghe các đại thần nói như vậy nước mắt nhỏ như mưa, hai mắt không chớp, đăm đăm theo dõi sắc mặt Thái tử.

Lúc ấy, Thái tử sinh tâm lưỡng lự ưu sầu, gương mặt không được vui, trở về nội cung. Thái tử về đến cung điện, tất cả các thể nữ ở xa trông thấy hết thảy đều vui mừng liền rời chỗ ngồi hoặc có nàng chắp tay bái chào, hoặc có nàng tỏ vẻ duyên dáng, hoặc có nàng ca múa, hoặc có nàng đến hầu hạ. Thấy Thái tử ngồi rồi, chúng bị lửa ái dục thôi thúc nổi lên phừng phực nên vây quanh Thái tử cùng nhau cười cợt vui đùa, oai đức của Thái tử sáng ngời, các tướng tốt thể hiện rõ ràng, cùng nhau vui vẻ thọ hưởng dục lạc giống như ở cung trời Tự tại.

Lúc ấy các tướng tốt và vẻ đẹp của Thái tử đồng xuất hiện, luôn luôn tươi đẹp, ngày đêm Thái tử dạo chơi, thể nữ lại thấy các tướng tốt của Thái tử xuất hiện tốt đẹp như vậy trong tâm sinh ra ý tưởng đây là điều chưa từng có, phải chăng ngài là Nguyệt Thiên tử giáng xuống trần gian. Thể nữ thấy tướng mạo Thái tử tốt đẹp như vậy lại càng sinh tâm tham đắm nên có nàng liếc mắt đưa tình, hoặc có nàng nhìn không nháy mắt, hoặc có nàng xít xoa, hoặc có nàng vẫy tay gọi. Do vì thần lực của Thái tử, khiến tâm dục ngài không nổi lên, lại không cười giỡn.

Khi Thái tử rời phụ vương trở về nội cung, Đại vương Tịnh Phạn lập tức gọi người đánh xe vào hỏi:

–Này người đánh xe tài giỏi! Thái tử có đến lâm viên không?

Người đánh xe đáp:

–Bạch Đại vương xin ngài biết cho, Thái tử ý muốn đến trong viên lâm nhưng giữa đường thấy một người tóc râu đều cạo, thân đắp chiếc y nhuộm màu hoại sắc, tay bưng bình bát. Thái tử thấy người này rồi liền ra lệnh hồi giá, ngài về trong cung an tọa tư duy.

Đại vương nghe như vậy liền suy nghĩ: "Lời dự đoán của tiên A-tư-đà quả không sai, e rằng Thái tử xả tục xuất gia, ta nay phải tăng thêm thú vui ngũ dục khiến Thái tử say đắm, không nghĩ đến việc xuất gia." Nghĩ rồi Đại vương liền ra lệnh tăng thêm thú vui ngũ dục, ra lệnh thể nữ trong cung làm cho tâm Thái tử thọ khoái lạc, mà không còn nghĩ đến việc xuất gia.

Liền lặp lại với bài kệ:

Giữa đường Thái tử gặp Sa-môn
Thân đắp y sồng nhuộm vỏ cây

Hoan hỷ chí cầu Vô thượng đạo
Thâm tâm chỉ thích hạnh xuất gia.
Thấy sinh già bệnh khổ vô cùng
Sa-môn trì bình đi khất thực
Nhàm chán thế giới ba độc lìa
Ái mộ vô vi cầu giải thoát.
Sinh lão bệnh tử các khổ đau
Thái tử muốn lìa các khổ đó
Trên đường gặp được bậc xuất gia
Chí chân vừa gặp lòng hớn hở.
Muốn bỏ tham sân các não phiền
Ta nên xuống tóc nhập sơn lâm
Thái tử chí cầu chân thật pháp
Gặp được Sa-môn rất vui mừng.
Ngồi xe tứ mã khéo điều hành
Muốn ra ba cõi, nhân ngắm cảnh
Giữa đường gặp kẻ mặc y sồng
Chí hướng bồ đề nay được thỏa.

Bấy giờ Đại vương lại vì Thái tử bày ra nhiều thứ ngũ dục, bao nhiêu những gì đã có, mỗi thứ đều được gia tăng, mặt thành bao quanh cung điện cũ của Thái tử đều được canh giữ nghiêm ngặt. Đặc biệt hơn nữa Đại vương cho xây thêm thành lũy cao lớn, chung quanh cung điện Thái tử cho đào hào thật sâu, trên đầu tường thành an trí lưới bảy báu, giữa các mắt lưới treo chuông rung, các cửa trong cung điện được tăng thêm phần canh giữ, sớm chiều mở cửa tiếng động vang dội đến khắp bốn cửa thành bên ngoài. Bố trí vô số binh xa tượng mã và quân lính mặc áo giáp, sát cánh bên nhau, họ đều được tổ chức theo đội ngũ chỉnh tề chặt chẽ.

Lại bên ngoài cung điện, nơi cửa thành trong ngoài bố trí trăm ngàn tráng sĩ hình dung đẹp đẽ oai hùng, rất dũng cảm, tất cả đều có khả năng đánh tan quân thù, thân mặc chiến bào, tay cầm chĩa ba, côn, trường kiếm, giáo mác, cung tên…, tất cả những thứ binh khí như vậy là để canh giữ Thái tử; lại tăng thêm sắc lệnh cho hàng thể nữ nội cung, ngày đêm ca nhạc múa hát, không được gián đoạn để phô bày tất cả thú vui. Các thể nữ có tài làm mê hoặc luôn luôn kề cận bên Thái tử, dùng ái dục ràng buộc, khiến Thái tử say đắm không nghĩ đến việc xả tục xuất gia.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 16

Phẩm 20: DA-DU-ĐÀ-LA THẤY ĐIỀM MỘNG (Phần 2)

Bấy giờ, quốc sư có một người con tên là Ưu-đà-di *(nhà Tùy dịch là Thông Biện)* thông minh trí tuệ có tài biện luận, lúc ấy Đại vương Tịnh Phạn cho sứ đòi Ưu-đà-di. Khi Ưu-đà-di đến, Đại vương hỏi:

–Này Ưu-đà-di, ngươi thông minh tài trí, nay có thể đến hầu Thái tử Tất-đạt-đa, ngươi hãy dùng đủ mọi cách khiến Thái tử tâm được an ổn, vui thích ở trong cung, chớ để Thái tử nhàm chán xa lìa cung điện xuất gia.

Đại vương cho mời tất cả quyến thuộc họ Thích cùng nhau hội họp, nhà vua nói:

–Này tất cả quý vị trong hoàng tộc, ý ta lo rằng Thái tử Tất-đạt-đa nhất định không ở nhà, ngày nay các vị có cách gì giúp đỡ ta, khiến Thái tử bỏ ý định xuất gia.

Đại vương cùng hoàng tộc bố trí bên ngoài cửa thành phía Đông năm trăm đồng tử dũng kiện đầy mưu lược, có tài dụng binh, đều rất dũng mãnh, những tráng sĩ này có sức mạnh ít ai địch lại. Mỗi đồng tử có năm trăm chiếc xe tự quay quanh mình, mỗi chiếc xe lại có năm trăm người khỏe mạnh vây quanh. Như vậy cho đến các cửa thành: Nam, Tây, Bắc theo thứ lớp, mỗi thành đều có năm trăm người phòng vệ như đã nói trên. Lại có các vị kỳ lão đại thần họ Thích đứng cảnh giác tại các ngã tư, đầu đường lớn nhỏ trong thành cùng nhau giữ gìn Thái tử. Đại vương Tịnh Phạn lại bố trí một đội quân đặc biệt gồm năm trăm tráng sĩ hết sức tinh nhuệ, thân mặc áo giáp, cỡi voi hay ngựa tuần hành chung quanh bốn mặt thành. Tất cả các cửa cung điện được bố trí canh giữ suốt cả ngày đêm.

Lúc Quốc đại phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di tập trung tất cả thể nữ trong cung căn dặn:

–Này các khanh phải biết, từ ngày nay trở đi ngày đêm không được ngủ, đem ngọc phát quang treo lên đầu các cây phướn để ban đêm khỏi tối tăm, lại mọi nơi đều thắp đèn dầu tô hay đèn sáp, luôn luôn dùng lồng đèn

chụp lại đừng để tắt. Các cửa cung cần phải đóng chốt thật kỹ lưỡng, ngoài giờ quy định không ai được mở cửa ra vào; thân thể các ngươi phải trang sức thật lộng lẫy, đều mang chuỗi anh lạc, các ngươi nắm chuyền tay nhau thành vòng tròn bao quanh Thái tử, đừng để Thái tử vượt qua; khi các khanh cầm cung, đao, dao, mác… các khí cụ như vậy, hoặc đứng gác hay ngồi canh, ngày cũng như đêm luôn luôn lưu ý, không được lơ đễnh để Thái tử bỏ đi. Nếu Thái tử đi xuất gia rồi, thì cung điện chúng ta trống không, buồn tẻ mất hết thú vui.

Ưu-đà-di, con trai của Quốc sư được cử làm cận vệ Thái tử, khi ông ta bước vào trong cung điện, thấy Thái tử ngồi giữa chính điện đang tư duy, tất cả thể nữ đều im lặng. Ưu-đà-di thấy cảnh buồn tẻ như vậy, nói với các thể nữ:

–Các ngươi đều là những người có tài nói năng, khéo chiều ý người, biết biến điều buồn thành niềm vui, có hình dung đẹp đẽ dễ thương, thế gian không ai sánh bằng, mỗi nàng đều có tài hoa như vậy, tại sao ngày nay các nàng bỏ mất tài năng ấy mà đành đứng im như vậy? Các nàng phải làm cung điện sống động huy hoàng như cung điện Uất-đơn-việt ở phía Bắc. Lại nữa các nàng có thể làm chánh hậu hay chánh phi của Đại vương trời Hộ thế Tỳ-sa-môn ở phương Bắc, huống nữa là trong cung điện ở trần gian mà không làm được hay sao? Này các thể nữ, các nàng tại sao để Thái tử xa lìa ái dục? Giả sử như đối với hàng thánh nhân chân chánh, các nàng vẫn có thể làm cho họ đam mê ngũ dục, huống nữa là ngày nay đối với Thái tử Thích-ca nơi trần gian này, mà không khiến Thái tử say đắm hay sao? Này các thể nữ, các nàng có tài ăn nói dịu dàng khôn ngoan, có thể biến giận thành vui, khéo biết tâm lý đàn ông, các nàng có thân phụ nữ, có rất nhiều ưu điểm thuận lợi làm lung lạc tâm trí đàn ông, cùng phái nữ mà thấy các nàng còn sinh tâm ái dục, huống nữa là nam nhi mà không say đắm các nàng hay sao? Giả sử có người đàn ông trong thế gian sống chung với các nàng mà không sinh tâm ái dục, hoàn toàn không có việc như vậy. Rồi Đồng tử Ưu-đà-di nói kệ:

Này các nàng thể nữ,
Các nàng nhiều ưu điểm.
Có tài mê hoặc người,
Thân nàng khéo quyến rũ
Giả sử người ly dục,
Hay các Tiên chân chánh.
Thấy được sắc các nàng,
Nhất định sinh tâm dục.

Huống nữa Thái tử này,
Thấy các nàng đùa cợt.
Mà không sinh ngũ dục,
Thật không có việc ấy.

Như vậy các thể nữ tự ở trong khả năng quyến rũ của mình biết dùng ưu điểm sẵn có, ta thấy các nàng ai ai cũng sẵn có những ưu điểm như vậy, mà không làm cho Thái tử ở bên các nàng, tự sinh tâm ái dục, thì ta không vui lòng. Mỗi người trong các nàng hãy cố gắng dùng mọi cách làm cho Thái tử sinh tâm dục nhiễm, chớ để Thái tử nhàm chán xa lìa.

Này các thể nữ, lẽ nào các nàng không nghe: Xưa nước Ca-thi có một Tiên nhân tên là Đề-ba-da-na *(nhà Tùy dịch là Duyên Thượng Sinh)* bị dâm nữ Tôn-đà-lê làm mê hoặc. Tiên nhân có oai đức như chư Thiên không khác, chư Thiên còn không dám làm gì được, mà bị dâm nữ Tôn-đà-lê làm mê hoặc nên đi bộ theo nàng ta vào thành Ca-thi.

–Lại thuở xưa có một Tiên nhân tên là Độc Giác, từ thuở ấu thời cho đến lớn chưa hề dâm dục, một hôm nọ có dâm nữ tên là Thương Đa *(nhà Tùy dịch là Tịch Định)* làm Tiên nhân mê hoặc, mất hết thiền định và năm phép thần thông.

–Lại thuở xưa có một Tiên nhân tên là Tỳ-thương-mật-đa *(nhà Tùy dịch là Hóa Chi)* trải qua nhiều năm tu khổ hạnh, đã từng không ăn đến mười năm, lúc bấy giờ có một dâm nữ tên là Di-ca-na *(nhà Tùy dịch là Nhất giả)* hết sức xinh đẹp, Tiên nhân cũng bị nàng ta làm mê hoặc.

Các Tiên nhân có thần thông như vậy, phần lớn đều bị các dâm nữ mê hoặc, lôi cuốn vào các việc ái dục thế gian, huống nữa ngày nay Thái tử Tất-đạt-đa đang độ thanh niên sức lực cường tráng, thân thể dịu dàng, lại là con của một Đại vương, am tường mọi việc, vậy các nàng nên đem hết tâm lực cung phụng, khiến cho Thái tử ở bên các nàng sinh tâm tham đắm, chớ để ngôi vua bị tuyệt diệt.

Các thể nữ nghe lời cổ vũ của Ưu-đà-di con quốc sư như vậy, cùng nhau hướng đến Thái tử diễn đủ trò ủy mị mê hoặc để tâm Thái tử thêm hoang mê, hoặc có nàng biểu diễn điệu múa, hoặc có thể nữ ca hát ngâm vịnh tán thán thú vui ngũ dục âm thanh ngọt ngào, hoặc có nàng trỗi nhạc, hoặc có nàng làm trò cười biến khuôn mặt thành hình kỳ dị, hoặc có nàng phát ra một trăm thứ tiếng nói câu văn khác nhau, hoặc có nàng ở trước Thái tử biểu diễn dáng đi kiều diễm, hoặc có nàng đem đủ các loại hoa tươi đẹp khác nhau dâng lên Thái tử, hoặc có nàng hòa hợp trăm thứ hương, xoa

trên thân Thái tử, hoặc có nàng thổi ngón tay tạo ra đủ loại tiếng chim, hoặc có nàng lại thưa hỏi Thái tử:

–Thưa Thánh chủng vương tử, xin ngài nghe những lời trào phúng ân ái thế tục.

Thái tử ở trong cung nghe những lời vui đùa gợi tình như vậy sinh tâm suy nghĩ: "Chúng sinh trong thế gian bị các khổ bức bách, các khổ đó là: sinh, già, bệnh, chết… nó đã làm não loạn như vậy, mà không chịu xa lìa các khổ để tìm nơi nương tựa, ta nay phải làm phương tiện khéo léo gì để vượt các sinh, già, bệnh, chết ở thế gian."

Lại các thể nữ bày đủ trò ca múa âm nhạc, hoặc những trò gợi tình, Thái tử thấy vậy tâm không sinh một chút ưa thích. Lúc đó trong hàng cung nữ có một nàng tự tay cầm lấy tràng hoa Mạt-lợi bước đến đeo vào cổ Thái tử, mà mắt Thái tử nhìn nàng chăm chăm không nháy, nhìn rồi tự tay cởi lấy tràng hoa Mạt-lợi, cầm nơi tay từ trong cửa sổ vứt ra bên ngoài.

Lúc ấy Ưu-đà-di con vị quốc sư thấy Thái tử ngồi ngay ngắn chánh niệm tư duy, không vướng mắc cảnh giới hữu vi thế gian, lại không tham đắm sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngọt… Thấy như vậy rồi, Ưu-đà-di là người thông minh trí tuệ, lại dùng bao nhiêu lời lẽ can gián Thái tử:

–Tâu Đại thánh Thái tử, tôi được Đại vương sai đến đây làm bạn giúp vui Thái tử, nay tôi muốn hỏi Thái tử, xin ngài cho phép, vì tôi thấy Thái tử đối với việc đời tại sao tâm không vướng mắc? Rồi nói kệ:

Nói qua tình bạn hữu,
Ác can, thiện khuyên làm.
Ách nạn cứu giúp nhau,
Mới thật gọi bạn hiền.

Ưu-đà-di nói kệ rồi lại thưa tiếp:

–Thưa Đại thánh Thái tử, nay tôi đã là bạn của Thái tử rồi, các việc tốt xấu phải cùng nhau bàn bạc, nếu thấy việc bất thường xảy đến mà làm ngơ bỏ qua thì không thể gọi là bạn; do đó ngày nay tôi muốn cùng Thái tử trò chuyện tâm tư, với tấm lòng của một người bạn chân thành, xin Thái tử lãnh nạp: Ngày nay Thái tử đang độ thanh niên, sức khỏe cường tráng, tôi thấy Thái tử hình như không muốn hưởng sự vui sướng ở đời, mà muốn xa lìa các thể nữ, không muốn sống gần bên họ, họ có gì đáng ghét? Phàm tâm người thế tục đều thuận theo như vậy. Con đường tình ái là căn bản, thân người phụ nữ chỉ để hàng trượng phu quý trọng, lấy họ làm vui, nếu Thái tử quyết định xa lìa thú vui ngũ dục, thì đối với họ sự phú quý vinh hoa nơi

cung điện chỉ là hình phạt, xin Thái tử đem lời dịu dàng tình cảm an ủi hàng cung nữ khiến họ sinh tâm vui mừng, Ưu-đà-di nói kệ:

Nữ được trọng làm vui,
Trọng là vui hơn hết.
Không trọng chỉ có sắc,
Như cây không có hoa.

Lúc ấy, Thái tử ở gần bên Ưu-đà-di con của vị quốc sư, nghe những lời nói như vậy, ngài dùng những lời nói khéo léo với giọng điệu đầy buồn thương, như tiếng sấm rền rền được bao phủ bởi áng mây, như người nhạc sĩ tài giỏi phổ ra âm điệu thâm trầm trả lời Ưu-đà-di:

–Này Ưu-đà-di, ta đã biết ông là lương bằng thiện hữu của ta, ông đem tâm tốt can gián mở mang tâm trí ta được sáng tỏ, ta cũng hiểu ý ông, đối với ta rất thân mật hậu trọng, ta nay cũng không trái ý ông, nay ông thấy ta có những lỗi như vậy, ta nay sẽ thuận theo ý ông, nhưng ta không phải không biết hưởng thú vui ngũ dục thế gian, ta quan sát tất cả sự việc trong thế gian, hiểu biết một cách rõ ràng, vì ta thấy thế gian vô thường bại hoại; do thế gian này đáng sợ, ta sinh tâm chẳng vui. Rồi nói kệ:

Vinh hoa tuy khoái lạc,
Bị sinh, già, bệnh, chết.
Bốn khổ này nếu không,
Tâm ta nào chẳng vui.

Thái tử nói kệ rồi, lại nói với Ưu-đà-di:

–Ông nên quan sát những thể nữ này đã bị cảnh già đoạt lấy nhan sắc đẹp đẽ. Mỗi người tự thấy nhau tâm không vui vẻ, sẽ thấy chỉ có người ngu mới muốn ở trong đó sinh tâm mê đắm. Rồi ngài nói kệ:

Pháp sinh già bệnh chết,
Đối sinh lão bệnh này.
Nếu sinh tâm ưa đắm,
Đồng cầm thú khác gì.

Thái tử cùng với Ưu-đà-di con vị quốc vương đối đáp đàm đạo qua lại, khi Thái tử thấy ánh sáng mặt trời khuất bóng liền vào trong cung cùng thể nữ thọ hưởng khoái lạc ngũ dục hết sức vui vẻ, thể nữ cùng nhau tụ tập đứng chung quanh. Trong đêm đó chánh phi của Thái tử là nàng Da-du-đà-la có cảm giác mang thai. Cũng trong đêm đó, di mẫu của Thái tử là Kiều-đàm Ma-ha Ba-xà-ba-đề trong giấc ngủ mộng thấy một con trâu trắng chúa ở trong thành cất tiếng rống vang, rồi chậm rãi ra đi mà không có một người nào cản lối. Lại trong đêm đó Đại vương Tịnh Phạn mộng thấy ở trung tâm

thành dựng một cây lọng trời Đế Thích được trang hoàng bằng nhiều thứ quý giá và các chuỗi anh lạc, giống như núi chúa Tu-di, từ dưới đất vọt lên trụ trong hư không, lại trong chiếc lọng Đế Thích này chiếu ra ánh sáng chói lọi khắp bốn phương, lại bốn phương nổi lên những đám mây to lớn, kéo đến phủ trên cây lọng này rồi giáng xuống một trận mưa dữ dội, nước mưa xối xuống rửa sạch chiếc lọng; lại trong hư không tuôn xuống đủ thứ hoa đẹp chung quanh cây lọng Đế Thích; lại có vô lượng tiếng nhạc du dương, không có người sử dụng mà tự trỗi lên; lại có một chiếc tán trắng tinh, các ngọc quý làm cán, vàng ròng làm kèo, trông thật xinh xắn đẹp đẽ, tự nhiên đến che bốn phía trên cây lọng trời Đế Thích; lại có bốn vị Đại thiên vương cùng quyến thuộc đến thành này, mở cửa thành rước chiếc lọng Đế Thích đi.

Cũng trong đêm đó Da-du-đà-la hết sức mỏi mệt ngủ say, trong giấc mộng thấy hai mươi điềm chiêm bao rất đáng kinh hãi, thân tâm run sợ chẳng an, lấy làm quái dị kinh hoàng, bỗng nhiên thức giấc.

Khi ấy Thái tử hỏi Da-du-đà-la:

–Vì cớ gì ái khanh đang ngủ bỗng nhiên thức dậy run rẩy, hơi thở hào hển kinh sợ như vậy? Này ái khanh, vì cớ gì, hiện giờ chúng ta không phải ở rừng tử thi, cũng không phải nằm giữa những tử thi, cũng không phải ở trong núi, cũng không phải ở giữa đồng hoang, mà ta đang ở vương cung nơi thành Ca-tỳ-la này, được vô lượng vô biên lực lượng mang khí giới bảo vệ, nơi đây thật an toàn, không sợ dã thú, lại cũng không lo giặc cướp đến nhiễu hại, nơi đây hết sức an vui, không có gì phải lo sợ, ta nay thấy tâm nàng hết sức sợ hãi, sinh tâm ưu sầu lo lắng, bỗng nhiên thức dậy là do nguyên nhân gì?

Da-du-đà-la, chánh phi của Thái tử lệ nhỏ như mưa, buồn rầu sợ sệt nghẹn ngào thưa Thái tử:

–Tâu Đại thánh Thái tử, hôm nay trong giấc mộng thiếp mộng thấy hai mươi điều biến đổi, cúi xin Thái tử lắng nghe, thiếp sẽ kể lại: Thưa Thái tử, thiếp ở trong mộng thấy tất cả chung quanh đại địa này chấn động.

Thưa Thái tử, tiếp đến, thiếp lại thấy cây lọng trời Đế Thích đổ nhào xuống đất.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại thấy mặt trời, mặt trăng và các tinh tú từ trên hư không rơi xuống.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại thấy một chiếc tán hết sức trong sạch tốt đẹp, lúc ấy thiếp theo núp dưới chiếc tán này, chiếc tán thương mến và

che chở thiếp; bỗng nhiên Xa-nặc, con của mụ tỳ nữ dùng sức mạnh đến cướp lấy chiếc tán của thiếp mang đi.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại thấy các ngọc quý giá trang điểm trên búi tóc của thiếp bị một chiếc dao đến cắt mang đi.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại thấy bao nhiêu chuỗi anh lạc trên mình thiếp bị nước cuốn trôi.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại thấy dung nhan của thiếp đẹp đẽ tuyệt vời bỗng nhiên trở thành xấu xí.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại thấy tay chân của thiếp bỗng nhiên rời khỏi thân người.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại thấy thân hình thiếp bỗng nhiên lõa thể.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại thấy giường nằm của thiếp xưa nay, khi thiếp đang ngồi hầu hạ Thái tử, chiếc giường bỗng nhiên ngã nhào xuống đất.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại mộng thấy chiếc giường mà thiếp cùng Thái tử nằm ngủ thọ lạc, bỗng nhiên bốn chân giường gãy đổ.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại mộng thấy một hòn núi lớn toàn bằng các chất ngọc, bốn cạnh sắc bén, hết sức cao, bỗng nhiên bị thiêu đốt, núi kia sụp đổ xuống đất.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp mộng thấy trong cung của vua Tịnh Phạn có một cây hết sức tốt đẹp bỗng nhiên bị gió cuốn mất.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp mộng thấy vầng trăng tròn sáng ở giữa các ngôi sao trong cung này bỗng nhiên biến mất.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp mộng thấy vầng mặt trời ở trong cung điện này trong sáng tỏa chiếu ngàn vạn tia sáng xung quanh, bỗng nhiên biến mất, thế gian tối tăm không chút ánh sáng.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp mộng thấy trong cung điện thành này có một cây đuốc thắp sáng di chuyển ra ngoài thành.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp mộng thấy vị thần từ trước bảo vệ thành này, khắp mình được trang sức bằng chuỗi anh lạc, hình dung tuấn tú rất dễ cảm, đứng ngoài cửa thành bỗng nhiên buồn khóc kêu than.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp lại mộng thấy thành Ca-tỳ-la bỗng nhiên biến thành khoảng đồng trống đáng sợ như ban đêm, tâm không thể vui được.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp mộng thấy nước các ao trong thành Ca-tỳ-la bỗng nhiên vẩn đục và tất cả cây cối hoa quả cành lá trong thành đều rơi rụng che kín khắp mặt đất.

Thưa Thái tử, kế đến, thiếp mộng thấy tất cả tráng sĩ thân mặc áo giáp, tay cầm dao gậy bao quanh khắp bốn mặt thành cùng nhau chạy đuổi theo Thái tử.

Thưa Thái tử, thiếp mộng thấy hai mươi việc như vậy, tâm rất lo sợ kinh hãi, nghi ngờ không an, không biết đây là điềm gì? Hậu quả lành hay dữ? Hay là mạng thiếp sắp lìa trần? Hay là sự ân ái với Thái tử sắp biệt ly? Do đó tim thiếp như trống đánh, rúng động sợ hãi không đủ sức chế ngự, nên ở trong giấc ngủ bỗng nhiên giật mình thức dậy.

Thái tử nghe nói như vậy, tâm suy nghĩ, ta nay chẳng bao lâu sẽ xả tục xuất gia, vì thế hôm nay Da-du-đà-la thấy điềm chiêm bao hết sức kinh hãi như vậy. Lúc ấy, Thái tử bảo Da-du-đà-la:

–Này ái phi Da-du-đà-la, nàng dầu có thấy một ngàn chiếc lọng trời Đế Thích ngã nhào xuống đất đối với nàng có thương tổn gì? Ví dầu nàng lại thấy một ngàn mặt trời mặt trăng và các tinh tú rơi rụng xuống đất, đối với nàng có ảnh hưởng đau khổ gì? Nàng dù thấy một ngàn chiếc lọng bị Xa-nặc con của tỳ nữ dùng sức mạnh mang đi, đây chỉ là sự cướp đoạt chỉ thấy trong giấc mộng, nào có quan hệ với sự thật ban ngày, mà có gì tâm nàng phải rối loạn? Nàng chẳng nên ưu sầu, nàng là đại phi quý nhất của ta, chớ nên suy nghĩ sinh ra sợ hãi, ở trong thế gian tự có những điềm chiêm bao hư vọng như vậy, nàng chẳng nên ôm lòng sợ hãi, chỉ nên an ổn bình thường mà ngủ. Nàng là chánh phi duy nhất của ta, đang độ thanh xuân, dáng điệu yêu kiều, ta e rằng sự sợ hãi như vậy làm tổn thương đến sức khỏe nàng. Này Da-du-đà-la, nàng chỉ thọ hưởng sự an vui, chưa từng bị đau khổ.

Nàng nghe Thái tử giải thích như vậy, yên tâm nằm ngủ trở lại. Thái tử vì muốn an ủi vỗ về Da-du-đà-la nên đồng nằm ngủ, cùng nhau hoan lạc hưởng thú vui ngũ dục.

Đêm đó Thái tử cũng nằm thấy năm giấc mộng lớn:

Giấc mộng thứ nhất: Thái tử thấy nằm trên giường bằng cõi đại địa với chiếc gối bằng núi Tu-di lót trên đầu, tay trái gác trên biển cả phương Đông, tay phải gác trên biển cả phương Tây và hai chân gác trên biển cả phương Nam.

Giấc mộng thứ hai: Thái tử thấy một cọng cỏ tên gọi là "kiến lập" gốc mọc từ rún, ngọn tận cõi trời Sắc cứu cánh.

Giấc mộng thứ ba: Thái tử thấy bốn con chim màu sắc rực rỡ từ bốn phương bay đến đậu dưới hai chân rồi tự nhiên biến thành thuần một màu trắng.

Giấc mộng thứ tư: Thái tử thấy có bốn con thú màu trắng, đầu toàn sắc đen, đến liếm từ gót chân cho đến đầu gối Thái tử.

Giấc mộng thứ năm: Thái tử thấy một ngọn núi phẩn rất cao lớn rộng rãi, Thái tử đi kinh hành trên ngọn núi phẩn này mà không bị dính phẩn uế.

□

Phẩm 21: BỎ VƯƠNG CUNG XUẤT GIA (Phần 1)

Thuở ấy Thái tử ở trong cung, ban đêm ngủ có một quan phụ trách việc bảo vệ cung điện bảo các lính tuần canh:

–Này các ngươi, khi tuần hành canh giữ, mỗi người phải nói câu "Kim-tỳ-la" *(nhà Tùy dịch là đáng sợ),* hoặc nói câu "Mục-đế-la" *(nhà Tùy dịch là thoát ra),* hoặc nói câu "Ương-già-na" *(nhà Tùy dịch là bên trong ra),* các ngươi phải luôn luôn có mặt ở đây.

Đám người tuân hành trả lời:

–Dạ vâng, chúng tôi luôn ở nơi đây.

Quan đại thần lại nói:

–Tất cả các người cần phải canh giữ cẩn thận! Tất cả các người cần phải canh giữ cẩn thận! Từ đêm nay trở về sau, các người canh gác, hoặc ở trên đất liền, hoặc ở dưới nước, hoặc ở trên cây, hoặc ở trong hang, hoặc ở bên hốc núi, hoặc ở bên phòng nhà, hết thảy đều mỏi mệt nên thích ngủ nghỉ. Này các ngươi, đêm nay canh giữ phải cầm khí giới cùng nhau giữ các cửa ngõ trong cung điện, cần phải ra sức ân cần canh gác, tất cả mọi người đều phải chia nhau canh gác không được ngủ nghỉ. Vì cớ gì Đại vương ra lệnh nghiêm ngặt như vậy? Vì Đại vương sợ Thái tử bỏ hoàng cung này mà đi xuất gia. Vì theo lời dự đoán của quốc sư A-tư-đà, nếu giữ được Thái tử ở trong cung, thì chắc chắn Thái tử sẽ làm Chuyển luân thánh vương thống trị bốn châu thiên hạ.

Đại thần nói như vậy rồi, qua phần đầu hôm, đến phần nửa đêm người điểm canh lớn tiếng hô lên: "Đại thánh chúng ta tôn vinh muôn thuở! Nguyện Đại thánh chúng ta an ổn sống lâu muôn đời."

Phần đầu hôm qua rồi, bước sang phần nửa đêm, đồng hồ báo chưa được nửa đêm, có chư Thiên cõi trời Tịnh cư giáng xuống thành Ca-tỳ-la, lúc ấy dân chúng trong thành đều mê man chìm lặng trong giấc ngủ, trên từ Đại vương Tịnh Phạn, các cận thần tả hữu, dưới cho đến tên lính canh

chuồng ngựa Thái tử cùng các hạ thần, thể nữ, hết thảy đều mê man mỏi mệt ngủ say.

Trong Thiên chúng có một Thiên tử tên là Pháp Hạnh đến nội cung dùng sức thần thông khiến cho đồ phục sức trên thân các thể nữ xệch xạc không ngay thẳng; hoặc có nàng áo trịch xuống khỏi vai mà không sửa lại, hoặc có nàng chống tay vào cằm vào má mà ngủ, hoặc có nàng buông đàn không hầu rồi tựa lên đó mà ngủ, hoặc có nàng hai tay ôm lấy chiếc trống mà ngủ, hoặc có nàng ở bên trong nắm song cửa sổ để lộ bán thân mà ngủ, có những nàng hai tay ôm choàng nhau mà ngủ, hoặc có nàng mắt không khép kín, để lộ hai tròng mắt như nhìn sững mà ngủ, hoặc có nàng nằm lăn lộn trên chuỗi anh lạc mà ngủ, hoặc có những cung nữ hình dung đoan chánh, từ xưa đến nay đầy đủ lễ phép, biết xấu hổ, tất cả các hạnh đều được vẹn toàn, nay vì do ngủ say nên đến nỗi hạ phong ra tiếng, tiểu dầm hơi thối nồng nặc mà không hay biết; hoặc có nàng chuỗi anh lạc tuột khỏi thân, hoặc có nàng buông vãi các tràng hoa, hoặc tháo bỏ y phục, trợn mắt mà ngủ giống như tử thi không khác, người ngoài nhìn vào không ngờ là người sống, hoặc có nàng nằm ngửa, sải tay chân, miệng há to mà ngủ; hoặc có nàng nằm loạn không biết đầu đuôi, nằm lộn ngược bên cạnh người khác mà ngủ; hoặc có nàng hai tay lòn dưới bắp vế ôm chặt mà ngủ; hoặc có nàng thân rung động như người say rượu tựa vào vách mà ngủ; hoặc có nàng gục đầu mũi dãi lòng thòng mà ngủ; hoặc có nàng ngồi xổm co cổ mà ngủ; hoặc có nàng khuôn mặt nhợt nhạt tái mét trông rất xấu xí mà ngủ; hoặc có nàng cổ mang trống cơm dây lòn qua nách mà ngủ; hoặc có nàng dùng đàn không hầu gác trên cổ mà ngủ; hoặc có nàng gục đầu, mớ mà ngủ; hoặc có nàng phóng đồ bất tịnh đại tiện mà ngủ; hoặc có nàng nằm úp mặt như tử thi ở giữa gò mả mà ngủ.

Bấy giờ Thái tử bỗng nhiên thức dậy, qua ánh sáng cực kỳ sáng chói của các cây nến hay bó đuốc to bằng nắm tay hay cánh tay lớn thắp khắp mọi nơi trong cung. Ngài thấy các thể nữ nằm ngủ như vậy, có nàng cầm các nhạc cụ như: chập chõa, sênh, đàn sắc, đàn cầm, kèn, ống tiêu, đàn tỳ bà, ống địch, tù và… có nàng há miệng nước miếng đóng thành bọt trắng, hoặc có nàng nước mũi dãi nhểu dòng. Thái tử thấy những cảnh tượng như vậy đâm ra suy nghĩ: Hình dung phụ nữ chỉ như thế thôi, thể hiện những cảnh bất tịnh tồi tệ, có gì đáng cho ta tham ái, phấn son tô điểm bên ngoài cùng các đồ nữ trang: chuỗi anh lạc, y phục, tràng hoa, vòng xuyến trang điểm giả tạo ngoài thân. Đối với người ngu si không biết thì bị nó lừa gạt, thấy nữ sắc vọng sinh tâm ái dục. Đối với người có trí tuệ chánh niệm quán sát thân thể phụ nữ, thể tánh của nó là như vậy, hoàn toàn không có chủ tể

giống như giấc mộng, như trò huyễn thuật. Lẽ ra đối với nữ sắc không có người sinh tâm phóng dật, nhưng vì do tâm niệm vô minh trói buộc nên mới đắm nhiễm. Rồi nói kệ:

Thế gian bất tịnh nhiều mê hoặc,
Không gì vượt hơn người phụ nữ,
Y phục nữ trang cùng điểm tô,
Người ngu thấy vậy sinh tham dục,
Kẻ trí quan sát như thế này,
Như huyễn như mộng không chân thật,
Gấp bỏ vô minh chớ buông lung,
Quyết được công đức thân giải thoát.

Lúc ấy, Thái tử lại chuyên tâm tư duy như thế này: "Ôi thôi thế gian đại hoạn! Ôi thôi thế gian đáng sợ, có gì đáng tham!" Thái tử đem lòng từ bi thương xót chúng sinh, rồi cất to tiếng khóc: Thế gian này ràng buộc, người ngu si giống như súc vật bị kẻ đồ tể giết hại sinh mạng; thế gian này bất tịnh, người ngu si không biết đem tâm vui thích, ví như chiếc bình đẹp vẽ vời bên ngoài mà bên trong chứa đầy phẩn tiểu; thế gian này giả tạm, người ngu si lặn hụp chìm đắm trong đó, như con voi già lún trong vũng bùn lầy; thế gian này ô uế hôi thối, người ngu cho là ngon ngọt thơm tho, giống như con lợn nằm trong chuồng phân; thế gian này dối gạt, người ngu si không biết vội sinh tham đắm, như chó gặm đầu xương trắng; thế gian này tổn hại, người ngu si không biết chen nhau cạnh tranh, giống như con thiêu thân chen nhau nhào vào ngọn đèn đuốc; thế gian này độc hại, người ngu si không biết tham đắm vui thích, giống như cá trạnh nuốt lưỡi câu; thế gian này như hoa úa vàng, người ngu si không biết ưa thích thân cận, giống như loài hoa sống nơi ẩm ướt mà lại lìa khỏi nước rồi lại gặp sức nóng thiêu đốt của mặt trời; thế gian này mong manh, người ngu si không biết đi lại trên đó, giống như trâu già lún trong bùn sâu; thế gian này như đỉnh núi cao, người ngu si không biết sẽ rơi vào vực thẳm, giống như người mù từ đỉnh núi cao rơi xuống vực sâu; thế gian này tuần hoàn, người ngu si không biết lưu chuyển trong sinh tử, giống như bàn tay của người thợ gốm; thế gian này triền miên, người ngu si không biết bị nó ràng buộc, giống như chó bị xiềng xích không được tự do; thế gian này không tươi mát, người ngu si không biết bị lửa thiêu đốt, giống như cỏ mùa hạ bị sức nóng oi bức đốt khô; thế gian này suy thoái, người ngu si không biết một ngày nào đó sẽ bị tiêu diệt, giống như mặt trăng khuyết dần dần không còn; thế gian này không lợi ích, người ngu si không biết quả báo thiện căn hết rồi, như người thua cờ bạc tiền của chuyển về người khác.

Thái tử quán sát thân các thể nữ như vậy rồi lại tư duy: "Ta nay thấy rõ ràng như vậy, cần phải sinh tâm hoan hỷ dũng mãnh, siêng năng tinh tấn, tăng trưởng phước đức, phát thệ nguyện rộng lớn cứu giúp thế gian. Đối với kẻ không ai cứu giúp, ta làm người bảo vệ giúp đỡ; đối với người không ai nuôi dưỡng, ta làm người đỡ đầu; đối với những chúng sinh không nhà cửa, ta làm nhà cửa phòng xá cho họ. Ngày nay những bổn phận này đã hiện rõ trước mắt ta, với ý chí này thì chẳng bao lâu ta sẽ thành chánh quả. Vì cớ sao? Vì những thể nữ không biết xấu hổ đang ngủ say này."

Lúc ấy vào khoảng nửa đêm, Thiên tử Tác Bình thấy Thái tử đã thức dậy, chậm rãi bước đến thưa Thái tử:

–Tâu Thái tử, thuở xưa ngài đã thành tựu đầy đủ các việc chân thật. Lại nữa, Thái tử lúc ở tại nhân gian phát tâm thế này: "Ta nguyện bỏ thân này sinh vào cung trời Đâu-suất, thưa Thái tử, nguyện ấy đã trải qua rồi. Lại nữa, khi Thái tử ở cung trời Đâu-suất, nguyện sinh xuống trần gian thọ sinh trong thai Thánh mẫu, nguyện ấy nay đã mãn. Khi ở trong thai ngài nguyện sớm xuất sinh, nguyện ấy cũng hoàn tất. Sinh rồi đồng tử khôn lớn trong cung tự do dạo chơi thọ hưởng dục lạc, nguyện ấy cũng đã thành tựu qua rồi. Khi tuổi đến hai mươi muốn siêng năng tập học kỹ nghệ, nguyện đó cũng viên mãn. Khi tuổi tráng niên muốn thọ thú vui dục lạc thế gian, nguyện đó đang thực hiện. Xin Thái tử chớ nên mãi mê, ngày nay chư Thiên, nhân loại, cầu mong Thái tử xuất gia tu học Thánh đạo.

Thái tử nghe Thiên tử Tác Bình nói như vậy, liền mang đôi giày da làm bằng các loại ngọc quý, giá đáng tám ngàn ức cân vàng, xỏ vào chân rồi đứng dậy xoay nhìn chỗ ngồi của mình cùng với chiếc bảo sàng, lớn tiếng nói thế này:

–Đây là chỗ thân tối hậu của ta nằm thọ ngũ dục, từ nay mãi về sau sẽ không thọ ngũ dục nữa.

Lúc ấy, tay trái Thái tử vén tấm trướng lưới làm bằng các loại quý giá từ trong cung bước ra, chậm rãi cất bước. Ở trong nội điện vừa đi được một khoảng ngắn, ngài đứng chắp tay hướng về phương Đông, chú tâm niệm danh hiệu chư Phật rồi ngước đầu nhìn các vì sao trên hư không.

Bốn vị Đại thiên vương Hộ thế và trời Đế Thích biết giờ xuất gia của Thái tử sắp đến, nên từ cõi nước của mình sắm đầy đủ phẩm vật đến cúng dường.

Thiên vương Đề-đầu-lại-tra, lãnh chúa các bộ Càn-thát-bà cùng với tất cả quyến thuộc trăm ngàn vạn chúng, thứ tự trước sau đồng trỗi nhạc từ phương Đông kéo đến, đi quanh thành Ca-tỳ-la ba vòng trên hư không, rồi

hạ xuống đất đứng sang một bên, hướng về Thái tử cung kính chắp tay cúi đầu.

Thiên vương Tỳ-lưu-lặc-xoa lãnh chúa các bộ Cưu-bàn-trà cùng với tất cả quyến thuộc trăm ngàn vạn chúng, thứ tự trước sau, tay bưng bảo bình đựng đầy nước hương thơm tuyệt diệu từ phương Nam kéo đến, đi quanh thành Ca-tỳ-la ba vòng trên hư không rồi hạ xuống đất đứng một bên, hướng về phía Thái tử cung kính chắp tay cúi đầu.

Thiên vương Tỳ-lưu-bác-xoa, lãnh chúa chúng long vương cùng với tất cả quyến thuộc trăm ngàn vạn chúng, thứ tự trước sau, tay cầm các thứ chuỗi chân châu tuyệt hảo, lại hiện ra các tảng mây bằng hương thơm, tảng mây bằng hoa cho đến tảng mây bằng ngọc quý, lại thổi làn gió thơm êm dịu, từ phía Tây kéo đến đi quanh thành Ca-tỳ-la ba vòng trên hư không, rồi hạ xuống đất đứng sang một bên, hướng về phía Thái tử, cung kính chắp tay cúi đầu.

Thiên vương Tỳ-sa-môn, lãnh chúa các bộ Dạ-xoa cùng với tất cả quyến thuộc trăm ngàn vạn chúng, thứ tự trước sau tay cầm hỏa châu hay đèn đuốc, hoặc cầm đuốc lớn cháy sáng rực rỡ, hoặc có Thiên chúng thân mặc áo giáp, tay cầm cung tên, giáo mác, dao gậy…từ phương Bắc kéo đến, đi quanh thành Ca-tỳ-la ba vòng trên hư không rồi hạ xuống đất đứng sang một bên, hướng về Thái tử cung kính chắp tay cúi đầu.

Thiên chúa Thích Đề-hoàn Nhân cùng với tất cả quyến thuộc chư Thiên trăm ngàn vạn chúng, theo thứ lớp trước sau đem theo tràng hoa, dầu phấn hương thơm, lại có chư Thiên cầm tràng phan bảo cái, hoặc có chư Thiên cầm chuỗi anh lạc tuyệt đẹp, từ cõi trời Đao-lợi kéo đến đi quanh thành Ca-tỳ-la ba vòng trên hư không rồi hạ xuống đất đứng một bên hướng về Thái tử cung kính chắp tay cúi đầu.

Thái tử xem khắp các phương rồi ngước lên quan sát các vì sao trên hư không và thấy bốn vị Đại thiên vương Hộ thế dùng các chuỗi anh lạc thật đẹp trang điểm trên thân, đầu đội Thiên quan tuần tự thứ lớp bước đi chậm rãi, cùng với các bộ chúng: Càn-thát-bà, Cưu-bàn-trà, Dạ-xoa và chúng Long vương. Mỗi bọ chúng gồm có trăm ngàn quyến thuộc vây quanh tả hữu, mỗi bộ chúng từ các phương: Đông, Nam, Tây, Bắc đến đứng theo phương của mình. Lại thấy có chúa trời Thích Đề-hoàn Nhân thống lãnh trăm ngàn quyến thuộc chư Thiên, thứ tự trước sau tụ tập che kín chung quanh, lại thấy sao Quỷ đã cùng với tháng tốt phù hợp.

Lúc ấy chư Thiên đều xướng to tiếng:

–Đại thánh Thái tử, nay đã nhằm ngày sao Quỷ, nay đã đến lúc, muốn cầu pháp tối thắng không nên ở nơi trần gian. Bậc vua tối thượng trong loài người, mau lên, giờ đã đến, xa lìa thế tục mà xuất gia.

Như vậy, tất cả chư Thiên hộ vệ hai bên đều xướng lên lời tán thán mau xuất gia, chớ nên ở thế gian.

Thái tử nhìn hư không suy nghĩ thế này: "Trong đêm nay thanh vắng, nhằm vào ngày sao Quỷ, từ dưới đất cho đến hư không chư Thiên đều hộ vệ, ngay lúc này ta quyết định không còn do dự, nên phải xuất gia." Trong tâm Thái tử suy nghĩ như vậy rồi, liền kêu Xa-nặc con của tỳ nữ sinh cùng một ngày với Thái tử bảo:

–Này Xa-nặc, ngươi mau đến đây, chớ trái lệnh ta, ngươi nên mau thắng yên cương con ngựa Kiền-trắc đồng sinh một ngày với ta, dẫn đến trước đây cho ta, đừng để một người quyến thuộc họ Thích nào trong gia tộc ta nghe tiếng ngựa kêu.

Xa-nặc đứng bên Thái tử nghe lời sai bảo, rồi ngửa mặt nhìn lên bầu trời, nghĩ rằng bây giờ mới nửa đêm, tâm liền sinh nghi, cả người rùng mình, toàn thân lông tóc dựng ngược, lo sợ chẳng an, rồi tâu Thái tử:

–Tâu Thái tử, tại sao nửa đêm ngài sai tôi thắng yên ngựa con ngựa chúa Kiền-trắc làm gì? Hoặc có sự khủng bố gì chăng? Hoặc có việc cấp tốc gì chăng? Hoặc có kẻ thù địch chăng? Hoặc trong thành hay ngoài thành có việc lành dữ gì chăng?

Thái tử bảo Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, ta nay vội vã vì bị các khổ bức xúc như giặc thù khủng bố, ngươi sao biết được. Chỉ mau mau thắng yên cương con ngựa Kiền-trắc đồng sinh một ngày với ta, kịp thời đem đến đây.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 17

Phẩm 21: BỎ VƯƠNG CUNG XUẤT GIA (Phần 2)

Bấy giờ, Xa-nặc nghe Thái tử nói như vậy, trong tâm lo nghĩ: "Hiện giờ Thánh tử quyết định xuất gia không chịu ở nhà." Nghĩ như vậy rồi, Xa-nặc cố ý cao giọng lớn tiếng thưa Thái tử với dụng ý để các thể nữ hay thức dậy, Xa-nặc thưa:

–Bạch Đại thánh Thái tử, Ngài luôn luôn biết việc làm đúng thời điểm, thời giờ thường thích hợp với mỗi việc, sao giờ này mà thái tử sai dắt ngựa? Nếu Thái tử muốn đi đến lâm viên dạo chơi thưởng ngoạn nơi chỗ tuyệt đẹp ấy thì đây chẳng phải lúc, sao lại dùng ngựa làm gì? Thưa Thánh tử, hiện giờ không có giặc thù, lại không có người phản nghịch làm loạn, bốn phương yên tịnh không có kẻ nhiễu nhương ly loạn, tất cả kẻ giữ biên cương không ai trốn thoát, oai đức của Thánh tử bao trùm khắp cõi đại địa, có một không hai, tại sao trong lúc nửa đêm, ngài lại cần dùng con ngựa chúa Kiền-trắc làm gì? Ngày nay Thái tử ở nơi cung điện này cùng các thể nữ sum vầy thọ hưởng khoái lạc, giống như đức chúa trời vui chơi trong vườn Hoan hỷ, khác nào như Thích Đề-hoàn Nhân cùng các ngọc nữ chư Thiên vây chung quanh. Thái tử ngày nay cũng vậy, ở trong cung điện, ngồi trên giường ngọc dùng đến ngựa làm gì? Xin Thánh tử yên tâm ở trong cung thưởng thức lời ca tiếng nhạc của trăm ngàn thể nữ.

Xa-nặc miệng thì nói những lời như vậy, tay thì nắm kéo tóc, chân thì đá vào thân thể nữ, khiến cho họ thức dậy, nhưng các thể nữ vì bị sức thần thông của chư Thiên nên không hay biết gì cả.

Lúc ấy thái tử tâm sinh lo lắng, sợ mọi người hay biết, nên dùng kệ nói nhỏ với Xa-nặc:

Xa-nặc đồng sinh ngươi phải biết
Ta xem cung nữ như mồ hoang
Giống tợ ruồi lằn nơi hố xí
Như cùng La-sát sống với nhau

Loạn xạ ngủ vùi đủ các hướng
Lại giống bọt nước khi thọ thai.
Xa-nặc ta thấy khổ ngũ dục
Tâm ta không muốn ở hoàng cung
Dạo chơi các phương ta chán nản
Vì thấy già, bệnh và tử thi
Xa-nặc mau đem ngựa Kiền-trắc
Ta nay quyết chí đi xuất gia.

Xa-nặc nghe lời phán quyết của Thái tử, giống như mãnh thú bị tên độc, hết sức khổ não to tiếng khóc bạch Thái tử:

–Ngày nay Ngài nỡ nào xa lìa tôn thân hay sao?

Thái tử đáp:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, Ta nay muốn cầu quả tối thắng, thà xả bỏ tôn thân gia tộc, chớ để đến đời vị lai Ta cùng quyến thuộc bỏ mạng trong miệng của quỷ vô thường hay sao?

Rồi thái tử vì Xa-nặc nói kệ:

Ta nay vì cầu quả Niết-bàn
Rời xa thân tộc đi xuất gia
Vị lai tử thần cướp mạng sống
Mạng khi vào miệng quỷ không tha.

Xa-nặc nghe thái tử nói như vậy, lại ân cần thưa hỏi:

–Bạch Đại thánh thái tử, tất cả thế gian đều nói: "Thái tử nhất định làm Đại Chuyển luân vương", tại sao Thái tử lại xa lánh?

Thái tử lại cắt ngang lời nói Xa-nặc:

–Ôi! Này Xa-nặc, ngươi không nên nói lời như vậy, trong đời quá khứ Ta đã từng ở nơi cung trời Đâu-suất tốt đẹp hơn cung điện trần gian này. Ta đã từng làm Thiên vương thống lãnh ba mươi ba tầng trời, lúc ấy Ta vẫn không thích thọ hưởng cảnh vui nơi ấy. Vì sao? Vì Ta thấy cảnh khổ sinh già bệnh chết, huống lại ngày nay ở nơi cõi nhân gian này. Ở cảnh giới nhân loại này, tuy thời gian thì ngắn mà sự đau khổ ô trược thì nhiều. Ở vương vị cai trị thế gian, tuy tạm thời được tự do mà không thoát khỏi cảnh khủng bố của sinh, già, bệnh, chết. Hễ ai sống trong thế gian này đều bị sự thống trị của quỷ vô thường, nên các vị vua không thể tự do an lạc.

Xa-nặc lại thưa:

–Bạch Đại thánh Thái tử, tuy Thái tử không cần vương vị thế gian, nhưng đối với Đại vương Tịnh Phạn nay tuổi đã già, còn Thái tử đang độ thanh xuân, chớ nên để Đại vương khổ não.

Thái tử đáp:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, Ta nay ở bên Đại vương sinh tâm ái kính. Như Đại vương yêu quý Ta, Ta cũng yêu quý Đại vương gấp bội lần. Đại vương có điều đặc biệt yêu mến thân tộc, Ta cũng không muốn xa cách thân tộc, Ta đối với thân quyến lại không có tâm tưởng gì khác, nhưng chỉ vì Ta kinh hãi lo sợ ở trong các cõi chịu cảnh khổ sinh tử, ngày nay muốn tìm đường giải thoát, nên nay Ta tạm xa lánh tình thân ân trọng đối với thân tộc để rồi đời vị lai thương mến cứu hộ quyến thuộc, lại trong đời vị lai khỏi bị xa lìa.

Xa-nặc bạch Thái tử:

–Tâm Thái tử đã quyết định rồi sao? Cần kíp phải xuất gia hay sao?

Thái tử đáp:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, Ta đã quyết định.

Xa-nặc lại hỏi:

–Bạch Thái tử vì cớ gì?

Thái tử đáp:

–Ta thấy cái khổ vô thường ở thế gian, ý Ta muốn chuyên tâm cầu tìm cảnh giới tốt đẹp hơn.

Xa-nặc lại thưa hỏi:

–Bạch Thái tử, vì nhân duyên gì Ngài tìm cảnh giới tốt đẹp?

Thái tử đáp:

–Giả sử trong thế gian này không có sinh già bệnh chết, không có cảnh yêu mến nhau mà bị xa lìa, không có cảnh ghét nhau mà phải gặp nhau, Ta được vương vị thọ hưởng các phước đức mà không bị cảnh vô thường, hoàn toàn là cảnh chân thật, bất cứ ai sinh trong loài người đều không bị cảnh ô trược. Nếu được như vậy, Ta có thể ở lại nơi đây an tâm hưởng lạc. Này kẻ hiền Xa-nặc, ngươi không nên trái ý Ta, Ta ra lệnh cho ngươi mau mau thắng yên cương con ngựa chúa Kiền-trắc đồng sinh một ngày với Ta.

Xa-nặc bạch:

–Y như lời Thái tử dạy không dám trái ý.

Xa-nặc nghe những lời quyết định của Thái tử, nên cũng biết được thâm tâm của Thái tử, tuy biết sắc lệnh nghiêm cấm của Đại vương Tịnh

Phạn, nhưng nhờ thần lực chư Thiên gia hộ, nên Xa-nặc phát tâm hoan hỷ đi dắt con ngựa Kiền-trắc đem đến cho Thái tử. Nên có kệ:

Xa-nặc vì thần lực chư Thiên
Lệnh cấm Đại vương đành phải phạm
Cũng vì Bồ-tát bổn nguyện thành
Phát tâm dắt ngựa thắng yên cương.

Lúc ấy Xa-nặc tiến đến chuồng ngựa, đứng trước máng cỏ chụp lấy con ngựa Kiền-trắc, dùng vàng ròng làm dây cương với bảy thứ ngọc quý trang điểm, xuyên qua miệng ngựa dẫn ra khỏi chuồng, buộc riêng vào một trụ cọc, lấy bàn chải chải nhẹ trên lưng, rồi phủ lên mình bằng một lớp lụa mềm mại, tiếp theo đặt trên lưng một chiếc yên với hai bàn đạp đều làm bằng vàng, được đính vào bằng bảy thứ ngọc quý và cuối cùng phủ lên trên một màn lưới vàng. Ngựa được khớp yên cương, bàn đạp dây đai đều được chỉnh tề, liền dắt đến trước mặt Thái tử. Lúc ấy ngựa Kiền-trắc cùng sinh một ngày với Thái tử, từ xa trông thấy thân hình tráng kiện của Thái tử, hết sức vui sướng cất tiếng hí to, tiếng hí của ngựa chúa Kiền-trắc đáng ra nghe to đến nửa do-tuần, nhưng nhờ thần lực của trời Thủ đà hội và chư Thiên khiến tiếng ngựa tan biến trong những đám mây, vì sợ người ta nghe được làm cản trở việc xuất gia của Thái tử.

Bấy giờ Thái tử vui mừng hớn hở tràn ngập châu thân liền lấy bàn tay phải mềm mại như màn lưới, với những ngón tay thon thon như những cánh sen, với màu đỏ hồng như tử kim, vuốt ve từ bờm đến lưng ngựa và ngài nói:

–Này ngựa Kiền-trắc, ngươi đồng sinh một ngày với Ta, Ta nay muốn cầu giáo pháp cam lộ, ngươi phải nỗ lực đưa ta đi một cách an toàn tốt đẹp, đừng để người trong hoàng thành hay được cản trở. Này ngựa Kiền-trắc, ngươi trong khi chiến đấu còn hết sức mình liều chết để thắng đối phương, huống ngày nay đi với Ta, ngươi phải hết sức khéo léo phò tá, để Ta đi tìm cái vui xuất thế gian… Vì cái vui thế gian chỉ là cái vui trong chốc lát, chẳng bao lâu nó trở về hoại diệt, cái vui lúc bấy giờ trở thành đại khổ não. Ta vì pháp mà ra sức, việc này rất gian nan. Ta nay vì tất cả chúng sinh thế gian mà xuất gia tu hành chánh đạo để tìm phương pháp giải thoát, ngươi khéo nỗ lực ra sức dũng mãnh phi đi thật nhanh. Ta nay xuất gia vì đem lại lợi ích to lớn cho tất cả chúng sinh thế gian trong đó có loài các ngươi.

Thái tử đứng trên đất, chánh niệm phát đại thệ nguyện: "Đây là lần cuối cùng ở tại gia Ta cỡi ngựa, từ nay trở đi không còn ngồi trên lưng ngựa như ngày hôm nay." Phát nguyện rồi, liền nắm dây cương nhảy lên mình ngựa Kiền-trắc, ngài ngồi trên yên lại nói với ngựa Kiền-trắc một lần nữa: "Này ngựa Kiền-trắc, ngươi nỗ lực chở Ta, đây là lần chở cuối cùng, Ta nay vì làm điều lợi ích cho chư Thiên dân chúng thế gian, nên phát tâm xuất gia."

Khi Thái tử ngồi trên lưng ngựa chúa Kiền-trắc thì cũng có tất cả chúng A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, La-sát, chư Thiên cõi Địa cư, chư Thiên cõi Thủ đà hội, chư Thiên cõi A-ca-nị-tra… đồng đi theo ngựa Kiền-trắc. Lúc ấy chư Thiên tay cầm lọng trắng, chung quanh lọng và cán lọng được dùng các ngọc quý trang điểm, phủ trên lọng bằng một mành lưới bảy báu, trân châu… ở giữa các mắt mành lưới đều treo các chuông rung làm bằng vàng, chư Thiên đồng cầm che trên mình Thái tử.

Thái tử cỡi ngựa Kiền-trắc lần lần hướng ra cửa thành, tiếng động chân ngựa vang xa một câu-lô-xa, chư Thiên cõi Thủ đà hội dùng thần lực không cho tiếng động vang xa, sợ xảy ra sự chướng ngại cản trở việc xuất gia của Thái tử.

Khi Thái tử xuất gia, trong hư không có một Dạ-xoa tên là Bát Túc cùng với quyến thuộc, mỗi người đều dùng tay đỡ lấy bốn chân ngựa, từ từ đi một cách an ổn.

Thái tử lúc sắp cất bước ra khỏi cung có một Thiên tử xướng lên: "Nguyện vị Đại thuyền trưởng, có đại pháp tốt đẹp, nay muốn cứu vớt vô lượng chúng sinh đang chìm đắm trong biển phiền não." Chư Thiên lại xướng lên: "Nguyện Đại Thánh Thế Tôn không chướng ngại, nay muốn xuất gia vượt qua biển sinh tử."

Thái tử bảo Xa-nặc:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, ngươi nay nên đi trước chỉ đường cho ta ra khỏi nội cung.

Khi muốn ra khỏi thành phải tháo chốt mở các cửa, mà tiếng động mở cửa vang xa đến một câu-lô-xa. Khi ấy có hàng Phi nhân đến tháo chốt mở cửa, còn trời Thủ đà hội dùng thần lực làm tan biến tiếng động, khiến không cho người nghe, vì sợ rằng có sự cản ngăn trong khi Thái tử xuất gia.

Xa-nặc bạch Thái tử:

–Thưa Thái tử cửa cung đã mở rồi.

Thái tử hỏi:

–Cửa cung đã mở rồi sao? Tâm Ta quyết định xuất gia, với sở nguyện cầu lợi ích cho chúng sinh thành tựu không còn gì phải nghi ngờ.

Xa-nặc bạch:

–Tâu Đại thánh Thái tử, rất đặc biệt ít có thay, vì cửa cung này trước khi mở nó phải cần nhiều sức mạnh mới mở được, nay đây Thái tử vừa đến nơi thì cửa liền mở. Đại thánh Thái tử đến gần bên cửa cũng như luồng gió mạnh thổi tan đám mây giạt qua hai bên.

Khi Thái tử từ trong cửa cung bước ra ngoài, rồi nói lời thề này: "Đây là lần cuối cùng Ta ra khỏi cửa cung này, từ nay trở đi không ra khỏi cửa cung này nữa."

Thái tử ra khỏi cung đi chậm rãi đến cửa Tỳ-da-ra, bên cạnh cửa có một tướng Dạ-xoa tên là Thiện Nhập cùng với năm trăm quyến thuộc Dạ-xoa, đồng thấy Thái tử đi bộ chậm rãi tiến đến, chúng nói với nhau: "Hiện giờ trong lúc nửa đêm không phải giờ mở cửa, mà nay Đại thánh Thái tử Tất-đạt-đa đi đến dưới cửa, ta nay đây sẽ vì Thái tử chăng?" Khi ấy chúng Dạ-xoa đồng nói: "Chúng ta sẽ vì Thái tử mở cửa, tùy ý Thái tử ra đi, vì ra khỏi nơi đây, Ngài sẽ được thành tựu như ý, chứng được đạo quả cam lộ rồi, Ngài sẽ vì chư Thiên, nhân loại thế gian đem lại nhiều điều lợi ích lớn." Dạ-xoa Thiện Nhập vội vàng mở toang cửa Tỳ-da-ra. Cửa này trong khi mở hay đóng, tiếng động thấu đến nửa do-tuần, lúc ấy trời Tịnh cư dùng thần thông làm tan biến tiếng động, không để cho người ta nghe, vì sợ làm ngăn cản sự xuất gia của Thái tử.

Thái tử ra đi từ cửa Tỳ-da-ra của thành Ca-tỳ-la, khi vừa ra khỏi thấy quân tướng canh gác cửa này, hoặc có người nắm lấy chốt cửa ngủ say không biết Thái tử ra lúc nào, hoặc có người bị thần lực của quỷ Dạ-xoa làm mê muội, hoặc có người bị sức thần thông của chư Thiên làm hôn ám, hoặc có người tuy hết sức cẩn thận có tài canh gác nhưng tất cả đều ngủ vùi không hay Thái tử ra đi.

Lúc ấy Ma vương Ba-tuần ở cõi Dục thấy Thái tử ra đi xuất gia, vì muốn khủng bố Thái tử dùng sức thần thông hóa hiện đám mây lớn, rồi từ đó phát ra tiếng sấm vang rền, hay những tiếng sét đánh điếc tai. Hoặc hiện các dòng sông lớn, cuốn trôi những tảng đá nổi lên lặn xuống cuồn cuộn trôi đi. Hoặc ở trước Thái tử hiện những ngọn núi to cao vút, hoặc hiện những gộp núi sâu thẳm, hoặc hiện những đám lửa cháy lan tràn ngùn ngụt.

Cùng lúc ấy chư Thiên cõi trời Tịnh cư ẩn thân trong những đám mây lớn dùng sức thần thông khiến cho các thứ tiếng sấm sét, dòng sông cuốn đá, núi cao to lớn, gộp núi sâu thẳm, lửa cháy dữ dội đều không hiện ra

được, rồi nắm lấy Ma vương Ba-tuần ném cách ra ngoài vô lượng trăm ngàn do-tuần, không để làm ngăn trở việc xuất gia của Thái tử.

Khi Thái tử ra ngoài cửa thành Ca-tỳ-la, cất giọng như sư tử gầm nói như thế này: "Ta nay thà gieo mình xuống gộp đá mà chết, thà uống các thứ độc dược mà chết, thà nhịn ăn uống mà đành bỏ mạng. Nếu bổn nguyện cứu thoát chúng sinh trong biển sinh tử không thành tựu, Ta thề trọn đời không trở lại thành Ca-tỳ-la này."

Chư Thiên nghe lời thề của Thái tử như tiếng sư tử gầm, tất cả đều vui mừng.

Thuở ấy, khi Thái tử cất tiếng nói như sư tử gầm, tất cả quỷ thần bảo vệ thành Ca-tỳ-la, hoặc có quỷ thần giữ cửa, hoặc có quỷ thần bảo vệ tường thành, hoặc có quỷ thần bảo vệ vọng gác đều lớn tiếng xướng lên: "Đúng như vậy! Đúng như vậy! Lời nguyện của Ngài như tiếng sư tử gầm không có sợ sệt, nguyện Ngài sẽ thành tựu viên mãn." Các quỷ thần vì trong lòng hớn hở, giơ cao hai tay, miệng ca ngợi Thái tử: "Bậc Đại dũng mãnh ra khỏi thành Ca-tỳ-la rồi quay lại nhìn."

Thái tử nghe tiếng tán thán của quỷ thần trong tâm không còn sợ sệt, hết sức vui mừng, toàn thân lông tóc dựng ngược, nói lời thề: "Ngày nay Ta nguyện trọn đời không trở lại trong thành này nữa, nếu Ta chưa chứng pháp cam lộ mà chư Thánh hằng ca ngợi. Khi đoạn được dòng phiền não sinh tử, chứng được đạo quả Niết-bàn, sau đó Ta mới trở lại thành này."

Khi Thái tử đứng ở ngoài thành nói lời thề quyết liệt: "Chừng nào Ta chứng được đạo chân như Bồ-đề, rồi sau đó mới trở lại vào thành giáo hóa." Tiếng nói như sư tử gầm. Chỗ đất Thái tử đứng nói lời này, về sau người ta xây một bảo tháp đặt tên là: "Tháp tiếng nói Thái tử như sư tử gầm."

Lúc ấy nơi đây có một đại thọ Ni-câu-đà, vị thần cây này dùng kệ nói với Thái tử:

Như có người chặt bỏ cây này
Cốt yếu cần phải đào tận gốc
Như chặt đồ vật phải đứt hai
Vượt dòng phải đến bên bờ kia
Một lời nói ra không thể dối
Đã sinh oán giận, nào lại vui.

Thái tử dùng kệ trả lời Thọ thần:

Tuyết sơn có thể còn di chuyển
Nước trong đại hải có thể khô
Tinh tú có thể rơi xuống đất

Lời Ta nói ra không đổi thay.

Lúc ấy chư Thiên trời Tịnh cư lại nói kệ:

Cõi này, nay hiện phương thần dược
Chữa bệnh chúng sinh độc phiền não
Những ai bị nhằm tên ái bắn
Nay người khéo tay đều nhổ khỏi.
Cõi này nay hiện đại lương y
Chữa lành chúng sinh tất cả bệnh
Như người khổ sở già bệnh chết
Ra toa trị liệu thảy đều lành.
Cõi này nay hiện đèn trí tuệ
Chiếu phá vô minh si điên đảo
Những kẻ mù lòa trong đêm tối
Đều được thấy rõ ánh quang minh.
Cõi này nay hiện mặt trời lớn
Ánh sáng chiếu khắp cả thế gian
Vì mắt trí tuệ sáng tròn đầy
Chiếu khắp mười phương các thế giới.
Cõi này nay hiện Đại thuyền trưởng
Hiện sẽ chuyên chở các chúng sinh
Thuyền buồm trí tuệ đầy phương tiện
Cứu vớt nhân thiên vô lượng ức.
Cõi này nay hiện đại thương chủ
Muốn dạy thương nhân qua sa mạc
Vô lượng chúng sinh đang mê hoặc
Hướng đạo dạy đi con đường chánh.
Cõi này nay hiện Đấng Đại Vương
Vua pháp thế gian người tối thượng
Ngọn cờ đại pháp được nêu cao
Để rõ pháp tà và pháp chánh
Cõi này nay hiện Đại Đạo Sư
Hàng phục tất cả các chúng sinh
Nhân thiên những ai chưa điều phục
Tất cả rồi đây sẽ phục tùng.
Cõi này nay hiện Đấng Đại Vương
Vua pháp xuất thế người tối thượng
Sẽ chuyển vi diệu đại pháp luân
Xô dẹp tất cả các ngoại đạo

Cõi này nay hiện Đấng Đại Giác
Giác ngộ thế gian người chưa giác
Những ai trói buộc bởi phiền não
Mở trói tất cả được tự do.
Cõi này nay hiện cờ Đế Thích
Sẽ tuôn vô biên trận mưa pháp
Đầy đủ mười lực không ai bằng
Có tài hàng phục các ngoại đạo
Cõi đại bạch tượng xuống trần gian
Qua cõi vô minh xa thăm thẳm
Cầm chày Kim cang trí tuệ bén
Dẹp tan ngoại đạo các tà ma.
Cõi này nay hiện Đại Phạm vương
Thương xót thế gian khắp mọi loài
Đem lại lợi ích chúng ngu si
Đánh trống thổi loa tuyên đại pháp.
Cõi này nay hiện Đại long vương
Tuôn xuống thế gian trận mưa pháp
Chúng sinh ba cõi nhuần lợi ích
Bệnh tà nhiệt não thảy đều trừ.

Chư Thiên cõi Tịnh cư nói kệ xong, miệng liền xưng niệm: "Nam-mô Tôn giả Đại Trượng Phu Thân", lễ bái rồi đi theo hầu Thái tử. Lúc ấy chư Thiên trời Tịnh cư tùy theo quả báo tiền nghiệp được thân hành vi diệu, oai đức dũng mãnh, chí lực tinh tấn, những gì khó làm đã vượt qua rồi, giờ đây vì Thái tử thân phóng quang minh dẹp tan bóng tối, soi đường cho Thái tử đi, giống như vầng mặt trời từ trong đám mây dày đặt tỏa ánh sáng chói lọi. Đúng như vậy! Từ thân chư Thiên Tịnh cư phóng hào quang sáng tỏ soi đường Thái tử đi cũng lại như vậy.

Chư Thiên cõi Dục đều hóa thân đồng tử đẹp đẽ dễ thương, đi phía trước hướng đạo cho Thái tử đi trên con đường bằng phẳng.

Vua trời Đại phạm cùng quyến thuộc Phạm thiên vây quanh đồng đi bên phải Thái tử.

Vua trời Đao-lợi cùng quyến thuộc Đế Thích cõi trời Ba mươi ba vây quanh, đồng đi bên trái Thái tử.

Bốn Đại thiên vương, thân đeo chuỗi anh lạc tuyệt vời, đầu đội thiên quan tua tủa những chuỗi anh lạc.

Cùng vô lượng trăm ngàn vạn chúng Càn-thét-bà, Cưu-bàn-trà, Long vương, Dạ-xoa… thân mặc áo giáp kiên cố, tay cầm đủ thứ binh khí: cung tên, kiếm bén, gươm, gậy sắt, mâu, giáo, chĩa ba, câu, mác, thiết bài, thiết luân đi phía trước mở đường cho Thái tử và họ thúc Thái tử: "Đi theo con đường này, nhanh lên không được nghỉ."

Lại trên hư không có vô lượng vô biên trăm ngàn các chúng chư Thiên, vui mừng hớn hở tràn ngập châu thân, không thể kềm chế, đem các loài hoa mọc dưới nước hay trên đất liền rải trên mình Thái tử và các loại bột hương như: chiên-đàn, trầm thủy, đa-già-la, ngoài ra còn có các thứ hương khác như: hương bột, hương xông, hương thoa… mỗi chư Thiên cầm trên tay đi theo rải trên mình Thái tử để cúng dường.

Nói về trong cung, khi các thể nữ thức dậy hoảng hốt kêu lên: "Thái tử đâu? Thái tử đâu?" Nàng Da-du-đà-la chỉ thấy mình nằm trơ trọi trên giường, không thấy Thái tử đâu cả, liền la lên: "Ôi thôi! Ngày nay chúng ta bị Thái tử đánh lừa", liền lớn tiếng kêu gào, thân nhào xuống đất, hốt lấy bụi chà lên đầu, đưa hai tay bức lấy đầu tóc, bứt lấy các chuỗi anh lạc trên thân ném xuống đất, hai tay cào xé y phục, thân hình và tứ chi đều bị xây xát, cất tiếng khóc thốt ra những lời chua xót đau thương, thân tâm nàng thống thiết bức xúc khổ não vô cùng.

Khi ấy người canh giữ bảo vệ thể nữ nội cung của Thái tử, chạy đến tâu báo Đại vương Tịnh Phạn:

–Xin Đại vương biết cho, đêm hôm nay khi hạ thần thức dậy không thấy Thái tử đâu.

Người canh chuồng ngựa thấy mất ngựa Kiền-trắc, cũng vội vã đến tâu Đại vương Tịnh Phạn:

–Xin Đại vương biết cho, đêm nay trên chuồng ngựa cũng không còn thấy con ngựa Kiền-trắc.

Đại vương Tịnh Phạn nghe những lời tâu như vậy, cất tiếng la to xướng lên thế này: "Ôi thôi! Ôi thôi! Con yêu dấu ta ơi!" Nói như vậy rồi nhào xuống đất chết giấc. Quan đại phu lấy nước lạnh chiên-đàn rưới trên mình nhà vua, trong chốc lát Đại vương tỉnh lại, tinh thần trở lại trạng thái bình thường, rồi sau đó gọi tướng bảo vệ hoàng thành đến ra sắc lệnh:

–Các khanh cấp tốc chuẩn bị bốn binh chủng, mặc áo giáp… đi tìm Thái tử gấp.

Vị tướng quân phòng vệ nghe sắc lệnh khẩn trương từ nội cung ban ra, vội vã đi truyền lệnh khắp tất cả các tướng lãnh chiến đấu:

–Này các tướng sĩ, các ngươi phải biết Đại vương Tịnh Phạn ban sắc lệnh thế này: "Bá quan đại thần bất cứ ở chỗ nào, hễ ai thọ hưởng lương thực bổng lộc của ta, tất cả đều mau nhóm họp, phân chia đi theo các ngả đường tìm Thái tử. Nếu ai gặp được Thái tử ở đâu, khéo đem lời phủ dụ, đừng để Thái tử ở trong rừng núi hang đá, nên rước trở về hoàng cung."

Các quần thần bá quan văn võ ở trong thành Ca-tỳ-la đều nghe tướng quân phòng vệ rung chuông truyền cáo: "Tất cả quần thần, những ai hưởng bổng lộc của Đại vương Tịnh Phạn, tất cả đều ra khỏi thành Ca-tỳ-la đi tìm Thái tử, nếu ai thấy Thái tử ở đâu nên đem lời phủ dụ khuyên Thái tử trở về hoàng cung."

Bấy giờ, tất cả quần thần bá quan, hoàng tộc và dân chúng nội thành Ca-tỳ-la, người hưởng bổng lộc hay không hưởng bổng lộc đều từ thành tỏa ra đi tìm Thái tử.

Quan đại thần, tuyên các sắc lệnh nhà vua xong rồi, dần dần đến nhà vị đại thần trông coi chuồng ngựa Thái tử, nói với vị ấy:

–Đại vương Tịnh Phạn ra lệnh cấp tốc ra ngoài thành đi tìm Thái tử.

Đại thần trông ngựa nói:

–Ta giữ chỗ ở của Thái tử không được đi đâu.

Quan giữ thành lặp lại lời nói thế này:

–Đại vương Tịnh Phạn ra sắc lệnh nghiêm khắc, tất cả những ai hầu hạ hai bên Thái tử đều bị giam cầm.

Đại thần trông ngựa đáp:

–Thưa nhân giả, nếu muốn giam cầm tôi, trước tiên ngài cùng tất cả vợ con, anh em, chú bác, cô dì thân quyến của ngài đều phải bị giam cầm.

Khi ấy tất cả dân chúng trong thành đều ra khỏi thành đi tìm Thái tử, nhưng Thái tử được sức thần thông của chư Thiên ngăn che nên người đi tìm không thấy được Thái tử.

□

Phẩm 22: XUỐNG TÓC NHUỘM Y (Phần 1)

Khi Thái tử ra khỏi cửa thành Ca-tỳ-la, ngài bảo Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, ngươi nay nên đi trước Ta, đi thẳng đến thôn La-ma.

Xa-nặc bạch Thái tử:

–Dạ vâng, hạ thần y theo lời Thái tử chỉ dạy chẳng dám làm sai.

Xa-nặc dẫn đường đi trước hướng về phía thôn La-ma, ngựa Kiền-trắc bốn chân nhẹ nhàng phi như gió, khởi hành từ khi nửa đêm đến khi sao mai mọc mong ngựa vượt qua dặm đường mười hai do-tuần (*Sư Ma-ha Tăng-kỳ nói: Ngựa khởi hành lúc nửa đến khi sao mai mọc đi được mười hai do-tuần. Hoặc các Sư khác thì nói: Ngựa khởi hành lúc nửa đêm đến khi sao mai mọc đi được một trăm do-tuần*) đến một làng tên là Di-ni-ca, khi mặt trời mọc đi đến chỗ ở của Tiên nhân Bạt-già-bà. Khi đến đây Thái tử lại hỏi Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, đây là chỗ nào?

Xa-nặc đáp:

–Thưa Thái tử, chỗ này còn cách thôn La-ma chẳng bao xa.

Thái tử thấy rừng cây sầm uất mà lại là chỗ ở của Tiên nhân đời trước, nơi đây thấy nhiều cầm thú, hồ ao, khe suối, sống ngòi…Thái tử biết ý Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc muốn dừng nghỉ nơi đây trong chốc lát nên Thái tử bảo:

–Này người hiền Xa-nặc, nếu thấy đúng lúc thì nên dừng nghỉ nơi đây.

Người ngựa dừng lại, Thái tử từ trên lưng ngựa Kiền-trắc nhảy xuống phát lời đại thệ nguyện: "Nay đây là nơi cuối cùng Ta ngồi trên lưng ngựa bước xuống! Nay đây là nơi cuối cùng Ta từ trên lưng ngựa bước xuống." Thái tử bước xuống ngựa rồi, dùng lời nói tình cảm an ủi Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, ở thế gian có nhiều hạng bề tôi, hoặc có kẻ trong tâm hiếu thuận với kẻ bề trên mà không có năng lực, hoặc lại có kẻ có năng lực mà không có tâm hiếu thuận, hoặc lại có kẻ tâm không hiếu thuận và cũng không có năng lực, lại có kẻ bề tôi tâm hiếu thuận và đầy năng lực. Này kẻ hiền Xa-nặc, như ngươi ngày nay thật là hy hữu ít có ở đời, ngươi đem tâm tốt cung kính hiếu thuận ta mà lại đầy năng lực. Này Xa-nặc, ta nay đối với người cũng hết sức hoan hỷ, do vậy mà ông đem tâm rất hiếu thuận hết sức kính ái Ta. Ông nay ái kính phụng sự Ta như vậy mà không đem tâm cầu lợi. Phàm thường tình ở thế gian, người cung phụng kẻ phú quý là vì mang tâm tham đắm mới phụng sự kẻ khác, mà nay ông phụng sự Ta lại không

có tâm như vậy. Ở đời lại có người khi thấy người phú quý mà phụng sự vì sinh tâm mong cầu vật chất, còn thấy kẻ nghèo hèn thì sinh tâm xa lánh. Ông nay thì không có tâm niệm như vậy.

Rồi Thái tử nói kệ:

Nuôi con để nối nghiệp
Thờ cha đền dưỡng dục
Vì lợi, canh tác ruộng
Đều do cầu quả báo.

Xa-nặc nghe kệ rồi liền thưa hỏi Thái tử:

–Bạch Đại thánh Thái tử, phàm kẻ nô bộc thấy chủ nhân muốn phát tâm làm một việc gì, đều không được thưa hỏi lý do, nhưng nay kẻ bề tôi này thấy Thái tử đến trong núi này, do vậy, xin mạo muội hỏi Thái tử, vì lý do gì Thái tử phát tâm vào sống nơi đây như vậy?

Thái tử đáp:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, Ta nay hỏi ông, ngày nay ông lại cần gì phải biết việc ấy?

Xa-nặc lại đáp:

–Thưa Đại thánh Thái tử, tôi thuộc dòng hạ tiện, nhưng so với Thái tử thì đồng sinh một ngày, mà tôi lại làm người hầu hạ trung thành không bao giờ làm trái ý Thái tử.

Thái tử lại bảo Xa-nặc:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, Ta nay nhờ ông một việc, ông có thể làm được không?

Xa-nặc đáp:

–Bạch Đại thánh Thái tử, tôi là nô bộc của Thái tử, gần gũi phụng sự Thái tử, nào đâu dám không làm.

Thái tử lại nói:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, Ta nay bỏ ngôi Thánh vương, không phải vì sợ sệt một việc gì khác, chỉ cầu mong sự giải thoát, xa lìa sự trói buộc trong vòng sinh tử. Này Xa-nặc, Ta nay không nhận lấy vương vị như vậy mà tâm Ta được vui vẻ. Này Xa-nặc, tất cả vương vị đều bị sự khủng bố ác liệt, điều này trong tâm Ta thấy rõ ràng như vậy. Này Xa-nặc, Ta thấy việc xuất gia có những lợi ích không bị cái móc sinh tử lôi kéo, cho nên Ta cắt bỏ tất cả những gì ở đời mà đến ở trong núi này vì Ta nay muốn cầu giải thoát sinh tử. Này kẻ hiền Xa-nặc, ngươi nay nên đem con ngựa Kiền-trắc trở về cung, Ta nay xuất gia, tâm ý đã dứt khoát.

Rồi Thái tử nói kệ:

Lại chẳng cần phải nói dông dài
Ngươi biết ý ta mến tâm ngươi
Cắt ái từ thân nên vào núi
Kiền-trắc và ngươi gấp trở về.

Xa-nặc thưa Thái tử:

–Thưa Đại thánh Thái tử, phàm người xuất gia hiện có bốn việc, rồi sau đó mới xuất gia. Bốn việc đó là: Hoặc là thân đến tuổi già, hoặc thân mang bệnh, hoặc sống cô đơn, hoặc không có tài sản. Mà nay Thái tử đối trong bốn việc này không có một. Lại khi Thái tử sơ sinh, tất cả các thầy Bà-la-môn có trí tuệ thông minh, họ đọc nhiều kinh sách Thánh nhân, uyên thâm các luận, có tài xem tướng. Lúc ấy các tướng sư tiên đoán: Đồng tử có tướng tốt như thế này nhất định sẽ làm Chuyển luân thánh vương, thống lãnh bốn châu thiên hạ, làm vị đại địa chủ đầy đủ bảy báu. Bảy báu đó là xe báu, ngọc báu, voi báu, ngựa báu, ngọc nữ, quan báu chủ kho tàng và quan báu coi binh lính. Vua Chuyển luân sinh một ngàn thánh tử đều dũng kiện có tài đánh dẹp giặc thù, thống lãnh cõi đại địa và bốn biển, đem chánh pháp cai trị dân chúng, hàng phục giặc thù. Thưa Thánh tử, khi được xe báu bằng vàng, chiếc xe này do chư Thiên làm ra không phải con người chế tạo, cân đối đẹp đẽ ai cũng ưa thích. Ở trong hư không bảo luân chạy phía trước, thánh vương nương nơi hư không bay theo sau, tất cả quyến thuộc vây quanh hai bên tả hữu đồng bay đi trong hư không. Lúc ấy Thái tử đang ở địa vị thánh vương hưởng đại phước đức. Thái tử dùng bảo ngọc ma-ni Minh nguyệt trong đêm tối chiếu sáng bảy do-tuần, chung quanh cõi đại địa này đều được sáng tỏ. Lúc đó Thái tử ở địa vị Chuyển luân thánh vương thọ hưởng vô lượng diệu lạc.

Thưa Đại Thánh Thái tử, nếu khi nhà vua muốn cỡi bạch tượng, thì bảy chi của nó đều phục sát đất, đại bạch tượng sáu ngà này được trang bị các vật như: yên, bàn đạp, dây cương… đều toàn bằng vàng. Màu sắc óng ả ẩn hiện, phía trên mình được dùng chuỗi anh lạc trang trí, rồi lại phủ lên trên bằng một mành lưới vàng. Đại bạch tượng đầy đủ thần thông phi hành tự tại, Thánh vương cỡi lên rồi cũng có thể đi khắp cõi đại địa này. Lúc ấy Thái tử ở ngôi Chuyển luân thánh vương thọ hưởng đầy đủ khoái lạc. Lại nữa nếu Thánh tử ở đời vị lai muốn cỡi ngựa chúa, ngựa chúa này toàn thể một màu xanh biếc, sắc lông đầu đen như quạ, bờm và lông đuôi thật dài, được trang bị các vật như: yên, cương, bàn đạp, dây đai… đều bằng vàng ròng. Lại dùng chuỗi anh lạc và mành lưới bằng vàng ròng phủ phía trên

lưng ngựa. Ngựa chúa này có sức thần thông vô ngại, có tài phi hành khắp cõi hư không, khi muốn đi Thánh tử cỡi ngựa này đi khắp cõi đại địa. Khi ấy Thái tử ở ngôi Chuyển luân thánh vương thọ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc. Lại nữa, Thánh tử ở đời vị lai khi được ngọc nữ, dung nhan các nàng rất khả ái, mặt mày xinh đẹp, đi đứng dáng điệu thùy mị tuyệt vời, giống như ngọc nữ chư Thiên, tự nhiên xuất hiện. Khi ấy Thái tử mặc tình thọ hưởng đủ thứ ngũ dục. Địa vị Chuyển luân thánh vương thật rất hạnh phúc… Lại nữa, Thánh tử nếu ở đời vị lai được chủ kho tàng quý báu, quan chủ kho tàng này chứng được Thiên nhãn, thường đem các kho tàng vàng bạc và tất cả vật quý báu… từ dưới đất xuất hiện dâng hiến cho Thánh vương, lúc ấy Thái tử thọ hưởng đủ thứ vui dục lạc. Lại nữa, Thánh tử nếu ở đời vị lai được chủ binh báu, ông quan chủ binh này túc trí đa mưu thông minh lanh lợi, am tường binh pháp, có tài thống lãnh bốn binh chủng, trong thời gian khoảnh khắc biết được tâm niệm của Thánh vương, liền ra lệnh quân lính mặc áo giáp, trang bị vũ khí đầy đủ không có thiếu sót, các bộ phận binh chủng đều cung ứng kịp thời bên Thánh vương, tùy ý sử dụng. Khi ấy Thái tử ở ngôi Chuyển luân thánh vương thọ hưởng khoái lạc rất mực đầy đủ.

Lại nữa Thánh tử, nếu ở đời vị lai, đầy đủ bảy thứ báu này, thuở ấy cõi đại địa, bốn biển lớn, tất cả rừng núi sông ngòi ở nơi thế gian này, không có một nơi nào là không thuộc quyền sở hữu của Thánh tử, tất cả giặc thù đều quy phục. Khi hàng phục rồi, không còn một nơi nào đáng lo sợ nghi ngờ bất an, tất cả dân chúng đều được giàu có, không có một nơi nguy nan nào mà không hàng phục, nhà vua không dùng khí giới: dao, gậy, giáo, mác… y như giáo pháp mà thực thi, y như chánh pháp cai trị thiên hạ, lúc ấy Thái tử ở địa vị Thánh vương thọ hưởng khoái lạc không cùng tận.

Thái tử nghe những lời Xa-nặc nói như vậy, liền hỏi Xa-nặc:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, các tướng sư Bà-la-môn đó chỉ đoán Ta như vậy hay lại còn có tiên đoán những gì khác nữa không?

Xa-nặc đáp:

–Các tướng sư còn tiên đoán những việc khác nữa.

Thái tử hỏi:

–Những lời tiên đoán khác như thế nào?

Xa-nặc đáp:

–Thưa Thánh tử, các tướng sư còn tiên đoán, đồng tử này nếu bỏ vương vị, xuất gia nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi chứng quả Bồ-đề rồi, ngài sẽ chuyển Pháp luân vi diệu vô thượng.

Thái tử bảo Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, ngươi nên cẩn thận chớ vọng ngữ, ngươi cần phải nói lời chân thật. Ngay thuở ấy Tiên nhân A-tư-đà chỉ tiên đoán: Đồng tử này nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chỉ tiên đoán Ta sẽ chuyển Pháp luân vô thượng.

Xa-nặc nghe lời nói này rồi, tâm sinh lo sợ, toàn thân run rẩy dựng chân lông, bạch Thái tử:

–Thưa Đại thánh Thái tử, Ngài có tài nhớ lời tiên đoán như vậy, tôi lén nghe hàng quyến thuộc họ Thích bảo rằng đừng để cho Thái tử nghe được lời tiên đoán ấy, vì sợ Thái tử phát tâm Bồ-đề.

Thái tử bảo Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, Ta thuở xưa từ cung trời Đâu-suất giáng sinh vào thai Thánh mẫu và tất cả những việc khi còn ở trong thai, tâm Ta vẫn còn nhớ rõ không quên, huống nữa là lời tiên đoán sau khi Ta sinh ra rồi mà quên, hoàn toàn không có lý đó.

Này Xa-nặc, chư Thiên còn nói với Ta thế này: "Nhân giả Thái tử, ngài sớm xuất gia, quyết định sẽ chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi chứng quả Bồ-đề rồi sẽ quyết định chuyển pháp luân vô thượng diệu vị."

Này Xa-nặc, do vậy Ta quyết định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quyết định sẽ chuyển Pháp luân vi diệu vô thượng.

Này Xa-nặc, Ta nay nói thật với ông, ta thà bị dao cắt thịt trên thân, thà ăn chất độc mà chết, thà nhảy vào hầm lửa lớn mà chết, thà gieo mình xuống vực thẳm mà chết, thà tự lấy dao cắt cổ mà chết. Nếu đời này Ta chưa chứng được pháp thoát ly sinh tử, thì Ta không bao giờ trở về hoàng cung. Vì sao? Vì tất cả pháp ngũ dục thế gian đều vô thường, chẳng bao lâu nó sẽ chấm dứt, đó là pháp hoại diệt.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 18

Phẩm 22: XUỐNG TÓC NHUỘM Y (Phần 2)

Lúc bấy giờ tay trái Thái tử gỡ các viên ngọc ma-ni vô giá cõi trời nơi chiếc thiên quan đội trên đầu trao cho Xa-nặc và dặn:

–Này Xa-nặc, Ta nay trao cho ngươi ngọc ma-ni này, ngươi đem ngọc này về hoàng cung dâng lên Đại vương Tịnh Phạn thân phụ Ta, khi ngươi đến nơi lễ Đại vương vô lượng lạy, ngươi chắc hiểu ý Ta sắp dặn ngươi những gì, ngươi phải nghe lời Ta, ngươi nay đem ngọc này trở về, đến nơi phụ vương Ta tâu cho rõ ràng, khiến tất cả sầu khổ của Đại vương được tiêu trừ. Ngươi lại hết mình vì Ta tâu lên Đại vương như thế này: "Con nay không phải bị người đời khi dễ, mà bỗng nhiên xa lìa sự hầu hạ bên mình Đại vương, cũng chẳng phải có tâm sân hận, cũng chẳng phải đi tìm của cải, cũng chẳng phải do thiếu sự phong cấp bổng lộc, cũng chẳng phải muốn cầu sinh lên trời. Chỉ vì tất cả chúng sinh không ở trong con đường chân chánh, mà lại bị màn hắc ám vô minh làm mê hoặc, đi theo con đường tà vạy nên muốn làm ngọn đèn trí tuệ soi sáng ánh quang minh, muốn diệt trừ các pháp sinh tử, muốn đoạn các pháp hữu lậu vô thường vì thế mà xuất gia, xin Đại vương mở lòng đại từ đại bi thấy những nguyên nhân mà con muốn xuất gia là như vậy, phụ vương chẳng nên ưu sầu."

Rồi Thái tử nói kệ:

Giả sử suốt đời chung ân ái
Có hội họp quyết phải xa lìa
Thấy cảnh vô thường trong nháy mắt
Do vậy con nay cầu giải thoát.

Thái tử đọc kệ rồi, nói tiếp:

–Ta nay vì muốn thoát khỏi cảnh ưu sầu khổ não cho nên xả tục xuất gia, do vậy ngươi phải trình bày lên Đại vương thân phụ Ta chẳng nên ưu sầu. Thế gian nếu có người lấy việc ưu sầu coi như sự say đắm thú vui ngũ dục, thì những người như thế cần phải ưu sầu, vì sao? Ở đời phần nhiều cha mẹ sinh con như mong cầu tiền của, do đó mới nuôi dưỡng. Nhưng ở đời,

người dùng giáo pháp báo hiếu cha mẹ thì khó có ai! Nếu ý phụ vương nghĩ: Ngày nay con ta xuất gia không đúng lúc. Cúi xin phụ vương không nên quan niệm như vậy, phàm cầu giáo pháp không quy định thời gian. Vì sao vậy? Vì người sống ở đời thọ mạng không đồng. Người trí biết vậy, nên xả tục xuất gia, cầu cảnh giới tối thắng. Ví như có người cùng với giặc thù tử thần sống chung một nhà mà tự khoe rằng ta sống lâu thì thật là vô lý."

Này Xa-nặc, đây là lời nói quyết định phát xuất từ tâm Ta, ngươi về hoàng cung đến bên Đại vương Tịnh Phạn thân phụ Ta trình bày tất cả những lời nói này, khiến tâm Đại vương an ổn, khi ngươi trình bày phải hết sức khéo léo dùng đủ mọi cách an ủi phân giải đừng để Đại vương nhớ đến Ta.

Này Xa-nặc, tuy nhiên ta lại bảo ngươi: Nếu đến bên Đại vương Tịnh Phạn phụ thân ta, ngươi chỉ nói những việc trái nghịch sai lầm thiếu đạo đức của ta như: "Thái tử không biết ân nghĩa, không có tâm yêu mến… như vậy", ông chớ nói những điều hiếu thuận của ta. Vì sao nói như vậy? Vì để Đại vương không còn tâm yêu mến ta nữa, tức xả bỏ tất cả nỗi nhớ nhung ưu sầu.

Xa-nặc nghe Thái tử nói những lời như vậy rồi, cả người đau khổ, nước mắt tuôn trào ràn rụa mặc mày, chắp tay hướng về Thái tử thưa:

–Bạch Đại thánh Thái tử, những lời ngài dạy vừa rồi đối với Đại vương và thân quyến của Thái tử sẽ sinh tâm hết sức ưu sầu. Ý tôi không vui, nỡ nào thấy cảnh tâm tình đoạn tuyệt, giống như voi già sa trong đầm bùn lầy không thể nào tự ra khỏi được. Nghe nói như vậy ai lại không rơi lệ. Xa-nặc lại đem tâm chân thành thưa với Thái tử:

–Những người khác nghe nói còn bùi ngùi cảm động, huống nữa Xa-nặc này, từ nhỏ đến giờ thường sống bên nhau, đồng sinh một ngày, cùng lớn lên với tâm ái kính, thương mến nhau không thôi.

Rồi Xa-nặc nói kệ:

Giả sử có gan đồng dạ sắt
Nghe lời thề biệt ly như vậy
Ai lại không chua xót đau lòng
Huống tôi yêu mến đồng ngày sinh.

Xa-nặc nói kệ rồi, lại bạch Thái tử:

–Tôi dắt ngựa chúa cho Thái tử cỡi là do sức thần thông của chư Thiên, khiến tâm tôi dắt ngựa đến, chẳng phải tự ý của tôi, tôi làm sao ngăn cản được sự xuất gia của Thái tử. Tôi là kẻ nô bộc đồng ngay sinh với Thái

tử và con ngựa chúa này cũng vậy không khác, chưa từng xa Thái tử dù trong chốc lát, mà nay bảo tôi một mình trở về hoàng cung, nhất định không có việc như vậy. Thái tử chẳng cùng chúng tôi trở về hoàng cung, mà chỉ bảo tôi và ngựa Kiền-trắc trở về, lại còn bảo tôi đem những lời ái biệt ly buồn thảm này thưa với Đại vương thân phụ ngài. Ngày nay Thái tử không đoàn tụ gia đình mà trái lời phụ vương, tuổi đã về già, tự ý xuất gia, việc làm của Thái tử như vậy là phải hay trái? Lại không có một pháp tốt đẹp cao thượng nào có thể vượt hơn việc Thái tử hiếu thuận cha mẹ, là đấng đã sinh ra mình. Thái tử cũng không nên xa lìa di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề, người đã từng cho Thái tử bú mớm, người ta sẽ căn cứ vào đó mà luận, thì Thái tử trở thành kẻ vô ân bội nghĩa, không nhớ công ân dưỡng dục ban đầu. Còn nàng Da-du-đà-la chánh phi của Thái tử là người đàn bà trinh tiết đầy đủ đức hạnh, mà ngài không chung sống lại bỏ đi, tạo cảnh biệt ly. Tuy nhiên ngày nay Thái tử xa lìa tất cả thân tộc quyến thuộc dòng họ Thích, còn tôi đây là nô bộc đồng sinh một ngày với Thánh tử, ngài cũng không cho hầu hạ kề bên mà lại đuổi đi. Thưa Thái tử, hễ ngài đi đến đâu, kẻ nô bộc này nguyện theo hầu đến đó không bao giờ xa lìa. Bạch Đại thánh Thái tử, do đó, hôm nay trong tâm tôi, không nỡ đem lửa đỏ ưu sầu đốt lấy tâm tình ân nghĩa, đơn thân độc mã trở về hoàng thành để Thái tử một mình ở lại nơi rừng hoang vắng vẻ này. Dẫu cho tôi rời nơi đây, khi trở về hoàng thành, Thái tử có biết Đại vương Tịnh Phạn sẽ quở trách tôi điều gì chăng? Lại nữa, Thái tử không về triều, khi tôi về một mình, Thái tử có biết có bao nhiêu bạn hữu tri thức và tất cả hoàng hậu, cung phi, thể nữ trong cung hỏi tôi điều gì chăng? Mà Thái tử còn sai tôi về triều nói những lời thế này: "Ngươi nay đem những lời xấu ác hủy nhục ta đến nói với hoàng tộc, khiến quyến thuộc đâm ra chê trách oán ghét Ta, mà không còn nhớ nghĩ đến Ta nữa." Thưa Đại thánh Thái tử, kẻ nô bộc này sao dám vọng ngữ, nói lời hủy nhục Thánh tử như vậy, tâm tôi đâu không tự biết xấu hổ. Tâm ý và miệng lưỡi tôi, nếu vì Thánh tử nói lời xấu ác, dù tôi có vọng ngữ nói xấu Thánh tử, thì thử hỏi lúc đó ai tin lời nói của tôi. Thưa Thánh tử, chẳng khác nào có người nói xấu hủy nhục Nguyệt Thiên tử, nếu như có người nghe Thánh tử ngày nay tâm thường tu tập hạnh từ bi mà lại bảo tôi nói lời bất thiện, nghe những lời nói như vậy, họ có thể tin không? Thánh tử đã tu hạnh đại từ bi, thường đem lời ái ngữ an ủi chúng sinh, nay Thái tử rời bỏ hoàng tộc, việc này e chẳng lành. Do vậy, tốt hơn Thái tử nên hồi tâm trở về hoàng cung thọ hưởng cảnh an vui.

Lúc ấy Thái tử nghe những lời ưu sầu khổ não của Xa-nặc nói như vậy, rồi lại bảo Xa-nặc:

–Ngươi nay cần phải bỏ tâm khổ não, chớ nên ưu sầu, vì sao? Tất cả chúng sinh có sinh tất phải có già, ắt phải biệt ly. Này Xa-nặc, tất cả chúng sinh đều có tâm phiền não ái nhiễm. Vấn đề ở trong thai và vấn đề nuôi dưỡng cũng đều hư vọng có hợp ắt có biệt ly, những người ấy chẳng phải là Ta, Ta chẳng phải là những người ấy.

Rồi Thái tử nói kệ:

Ví như bầy chim nơi đại thọ
Đều từ bốn phương kéo về ngủ
Sáng dậy tung bay khắp mọi phương
Chúng sinh ly biệt có khác gì.
Cũng như giữa hạ mây mù phủ
Nổi lên mấy chốc rồi tan biến
Chúng sinh ly biệt có khác gì
Đoàn tụ một thời rồi ly tán.
Đồng nghiệp nên sinh đến chốn này
Nay đây mỗi người về bổn tánh
Chớ nói ta người có khác nhau
Đi, ở, đây, kia đều tình chấp.
Tất cả đến đi không nhất định
Tùy theo nghiệp lực của chúng sinh
Phân biệt mình, người do ý thức
Giống như cây cối, lá, cành, thân
Hình sắc mỗi loại đều khác biệt
Nguyên tắc xưa nay không thay đổi
Huống luật vô thường của chúng sinh.
Ví như cây cỏ sinh hoa quả
Đến lúc chín muồi thì rơi rụng
Mạng người dài ngắn cũng như vậy
Sống lâu, mạng yểu chết hoàn không.
Tất cả Tiên nhân đời quá khứ
Hằng dạy vô thường lý như vậy
Giả sử sống lâu tám vạn kiếp
Đến lúc vô thường bại hoại tới
Cái chết chắc chắn không nghi ngờ.
Như người các phương đều tự đến
Đồng muốn uống nước một dòng sông
Hoặc ở trên thuyền đến bờ kia
Khi cập bến rồi người mỗi nẻo

Cha mẹ sinh con cũng như vậy
Cùng các quyến thuộc và bằng hữu
Thuở nhỏ tuy đồng sống một nơi
Lớn lên mấy chốc đều xa cách.
Tuy đồng nghiệp quả sống một nhà
Thọ báo khổ vui chẳng giống nhau
Đến khi vô thường nó thôi thúc
Tất cả thân sơ đều vĩnh biệt.

Thái tử nói kệ này rồi, bảo Xa-nặc:

–Do đó, ngươi nay chớ nên đem tâm buồn rầu, quyết định phải trở về. Vì sao? Ngươi nay chỉ vì thương mến Ta không nỡ xa lìa, nên ngươi có thể về triều rồi trở lại tìm Ta. Nếu ngươi khi về đến thành Ca-tỳ-la, thấy hoàng tộc buồn rầu vì Ta, ngươi nên bảo họ: "Này các ngài quyến thuộc trong dòng họ Thích, đối với Thái tử nên cắt bỏ tâm thương nhớ. Vì sao? Vì tôi biết Thái tử có lời thề quả quyết."

Khi ấy Thái tử trao bài kệ quả quyết cho Xa-nặc:

Giả sử ta nay thân máu thịt
Cùng với lóng, đốt, da, gân mạch
Nghiền nát tất cả không còn chi
Hoặc lại thân mạng không bảo tồn
Ta vẫn không rời trọng trách ấy
Vượt qua biển khổ đến tận nguồn
Nếu chưa giải thoát ta tu mãi
Điều này hiện thực ta mới về.

Xa-nặc nghe lời này rồi, liền đem thân quỳ rạp, tứ chi sát đất, hai tay ôm lấy hai bàn chân Thái tử mà nói:

–Lành thay Thái tử, tôi nay xin hoan hỷ, xin Ngài chớ nói lời thề đau khổ thống thiết như vậy. Thưa Đại thánh Thái tử, tôi có sức mạnh gì, có thần lực oai đức gì có thể khiến Thánh tử trở về nội cung? Nhưng một mình tôi từ đây trở về hoàng cung, chắc quyến thuộc của Thánh tử sẽ đánh đập tôi, hoặc Đại vương Tịnh Phạn, phụ vương của Thánh tử và Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề chắc chắn sẽ hỏi tôi: "Ngươi nay đem ném đứa con có giọng nói Phạm thiên nơi xứ nào rồi về đây?"

Lúc ấy Thái tử bảo Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, ngươi chớ nói lời như vậy! Chớ nói lời như vậy! Cha mẹ và quyến thuộc của Ta thấy ngươi từ đây trở về một mình hoàn toàn

không trách ngươi, vì sao Ta biết như vậy? Vì tất cả thân quyến ta đều thương mến ngươi.

Này Xa-nặc, đứng dậy nhanh lên! Đứng dậy nhanh lên! Những gì ngươi nói từ trước đến giờ, giống như thế này: "Ví như ở đời có người đem lời nói, ý kiến được người ta ưa thích đến nói với họ, thì người này sẽ được ban thưởng." Ngươi nhất định mau mau trở về hoàng cung, phụ vương Ta thấy ngươi trở về một mình, tinh thần Ngài sẽ tỉnh táo. Nhưng phụ vương Ta thấy Ta bỏ triều đình, nghe nói Ta xuất gia, tâm ngài hết sức đau khổ, phụ vương và tất cả thân quyến của ta đều kêu gào, buồn rầu nghẹn ngào khóc ấm ức, tất cả dân chúng trong thành cũng vì Ta mà sinh khổ não. Tất cả mọi người đang đau khổ khi thấy ngươi trở về, tâm họ vui mừng không ít.

Xa-nặc từ dưới đất đứng dậy, chắp tay lệ nhỏ thành dòng, cất tiếng khóc vang bạch Thái tử:

–Do vậy mà nay tôi muốn đưa Thánh tử trở về hoàng cung, chớ để dòng họ Đại vương tuyệt tự.

Sau khi Xa-nặc từ dưới đất đứng dậy rồi, thì ngựa chúa Kiền-trắc quỳ hai gối trước, đưa lưỡi liếm hai bàn chân Thái tử, đôi mắt rưng rưng lệ trào.

Xa-nặc bạch Thái tử:

–Thưa Đại thánh Thái tử, con ngựa này tuy mang thân súc sinh, còn có lòng thương mến rơi lệ huống nữa là thân quyến của Thánh tử sẽ biết đau khổ dường nào! Cúi xin Thánh tử nhìn thẳng vào con ngựa chúa Kiền-trắc này, nay nó thấy Thái tử không về cung nên hai gối trước nó quỳ xuống, há miệng đưa lưỡi liếm bàn chân Thánh tử, do vì tâm buồn thương nên hai mắt lệ rơi.

Thái tử dùng bàn tay phải màu vàng với những ngón tay màn lưới, mặt trong có những đường chỉ hình bánh xe chữ vạn ngàn căm, đầy đủ công đức trang nghiêm, mềm mại như tàu là chuối non, vuốt ve trên đầu ngựa chúa Kiền-trắc và nói:

–Này Kiền-trắc, nay ngươi đã làm tròn bổn phận, đã gánh vác trách nhiệm nặng nề đưa Ta đến đây. Từ nay trở về sau ngươi trở về triều tự do sinh sống, nay là lần cuối cùng Ta cỡi trên lưng ngươi trải qua dặm đường dài, việc nhờ ngươi chở Ta nay đã hoàn tất. Này Kiền-trắc, ngươi chớ nên sầu não, chớ nên buồn khóc, việc làm của ngươi hôm nay sẽ giúp ngươi trong tương lai được quả báo lớn. Ta nay muốn cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sau khi chứng đạo quả rồi, sẽ đem pháp cam lộ phân phát cho ngươi.

Rồi Thái tử nói kệ:

Tay hữu Thái tử như màn lưới
Bánh xe chữ vạn hiện ngàn căm
Sắc vàng thanh tịnh tay mềm mại
Vuốt ve đầu chúa ngựa Kiền-trắc
Giống như hai người cùng nói chuyện:
Này ngựa Kiền-trắc đồng ngày sinh
Chớ quá buồn khóc sinh áo não
Bổn phận của ngươi nay đã mãn.
Nếu Ta chứng được pháp cam lộ
Công ngươi chuyên chở Ta thế ấy
Báo đáp ân ngươi hẳn không quên
Sẽ dạy cho ngươi pháp vi diệu.

Bấy giờ Xa-nặc bạch Thái tử:

–Thưa Đại thánh Thái tử, ngày nay ngài ở địa vị một Đại vương, có đầy đủ tất cả ngọc nữ quý báu hầu hạ nơi cung điện và nơi đây tuy đủ thú vui ngũ dục thật tuyệt vời, trong thế gian không ai sánh bằng. Thái tử đã đạt được, tại sao Ngài xả bỏ lạc thú tuyệt vời này, tâm Ngài ưa thích thứ gì mà ở nơi hoang vắng đầy trăm ngàn cầm thú, là nơi có nhiều giặc cướp khủng bố, đi đứng một mình, xa lìa các thứ an vui?

Thái tử bảo:

–Này kẻ hiền Xa-nặc, những điều ngươi nói lý tuy đúng như vậy. Ngươi nay phải lắng nghe Ta, Ta nay sẽ vì ngươi mà giải thích. Ngũ dục thế gian rốt cuộc vô thường, chẳng phải là pháp cứu cánh, không làm cho tâm an ổn, vừa được liền mất nhanh như dòng nước chảy chẳng tạm dừng, như sương trên cỏ chẳng bao lâu liền tan, như nắm tay không phỉnh con nít, như lõi cây chuối không có chân thật, như áng mây mùa thu hiện liền tan, như ánh điện chớp vừa lóe liền mất, như bọt nước nổi thường không được dừng yên, như sóng nắng lừa kẻ khát nước.

Rồi Ngài nói kệ:

Các thú vui ngũ dục
Cũng như dao thái thịt
Như mật dính lưỡi dao
Như mượn của người khác
Như khóc người mới chết
Như mộng thấy khoái lạc
Thức rồi tìm không thấy.

Như róc thịt tội nhân
Như trái cây chín muồi
Mấy chốc sẽ rơi rụng
Như người ác đánh đập
Giết hại không từ tâm
Như cắt từng miếng thịt
Sẽ chịu nhiều đau khổ.
Như cầm cây đuốc lớn
Bất cẩn bị đốt thân
Sắc đẹp cõi nhân thiên
Trưởng cửu thọ ái rồi
Tâm không biết nhàm chán
Được rồi lại mong cầu.
Như người nóng khát nước
Uống nhằm phải nước mặn
Cầu các thứ ngũ dục
Chẳng nhàm lìa cũng vậy.
Như vậy người trí tuệ
Muốn lìa các ngũ dục
Như tránh đầu rắn độc
Muốn cầu mạng trường thọ
Như xa lìa độc dược
Cũng như đống lửa lớn
Nếu có kẻ trí tuệ
Nên phải tránh xa nó.
Sinh tử trong các cõi
Tất cả không bền vững
Luôn chuyển biến không dừng
Thế pháp cũng như vậy
Thọ mạng không nhất định
Chắn chắn gặp tử thần
Suy nghĩ như vậy rồi
Chẳng trụ nơi thế gian.

Thái tử nói kệ rồi bảo Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, những thú vui ngũ dục có những tai họa như vậy. Này Xa-nặc, vương vị cũng vậy. Do những loạn động tai họa đau khổ như thế, Ta thấy các thứ đó đáng sợ nên quyết định sống nơi rừng núi hoang vu này, cùng ở chung với loài phi cầm tẩu thú, với những bọn giặc cướp khủng bố,

đi đứng một mình xa lìa dục lạc, ý Ta thích sống nơi đây, điều này không phải sở nguyện của ngươi. Này Xa-nặc, ngươi nghe Ta nói những lời như vậy rồi, chớ nên trái lại đại sự của ta. Này Xa-nặc, Ta ở trong pháp hạnh như vậy, sẽ khai mở con mắt pháp, ông nên tùy hỷ không được cản trở Ta.

Xa-nặc bạch Thái tử:

–Thưa Đại thánh Thái tử, nếu Ngài đã quyết tâm như vậy, tôi không dám trái lệnh của Thánh tử, sẽ y theo lời dạy của Ngài trở về triều đình.

Thái tử ca ngợi Xa-nặc:

–Hay thay, hay thay! Xa-nặc rất tốt. Ngươi nay thuận theo ý của Ta sẽ được nhiều lợi ích, ông làm được điều lành.

Lúc ấy Thái tử cởi tất cả chuỗi anh lạc trên thân, miệng nói lời thệ nguyện rộng lớn: "Hôm nay đây là đồ trang sức tại gia cuối cùng trên thân Ta. Hôm nay đây là đồ trang sức cuối cùng trên thân Ta." Cởi ra cầm nơi tay trao cho Xa-nặc, trao rồi căn dặn:

–Này Xa-nặc, ngươi đem chuỗi anh lạc này về trao lại cho quyến thuộc của Ta.

Xa-nặc nhận lấy những chuỗi anh lạc rồi lại thưa Thái tử:

–Bạch Thánh tử, khi tôi trở về hoàng cung đem những chuỗi anh lạc này trao cho quyến thuộc của Ngài, nếu họ lại hỏi tôi: "Này Xa-nặc, hôm nay vì cớ gì ông đem Thái tử của chúng ta tống ra nước ngoài, rồi bỏ đó trở về một mình? Này Xa-nặc, Thái tử Tất-đạt-đa có nhắn chúng ta những lời gì không?" Quyến thuộc của Ngài nếu hỏi tôi những lời như vậy, thưa Thái tử tôi sẽ trả lời thế nào?

Thái tử lại nói:

–Này Xa-nặc, khi ngươi về đến hoàng cung nên thay ta đảnh lễ phụ vương Tịnh Phạn và di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề của Ta, ngươi chuyển lời hỏi thăm của Ta đến các vị kỳ đức trong hoàng tộc. Này Xa-nặc, ngươi nên thay Ta thưa với Phụ vương: "Ngày nay Thái tử hết sức biết ân Đại vương, nhưng Thái tử vì cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác do đó nên tạm biệt Đại vương."

Ngươi lại đặc biệt thay Ta thưa cùng Quốc đại phu nhân di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề: "Quốc đại phu nhân không nên vì Thái tử mà quá sầu khổ, Thánh tử nhất định sẽ thành tựu điều lợi ích lớn, rồi sẽ trở về yết kiến lệnh bà, cùng nhau vui vẻ."

Ngươi lại thay Ta vì tất cả thể nữ trong cung, tất cả đồng tử thiếu niên thân tộc và cùng tất cả quyến thuộc trong hoàng gia chuyển lời thế này:

"Ngày nay Thái tử muốn phá màn vô minh hắc ám, sẽ chứng ánh sáng trí tuệ, sau khi Thái tử chứng được trí tuệ sáng suốt rồi, Ngài sẽ trở về thành Ca-tỳ-la."

Khi ấy Thái tử ở bên Xa-nặc, xách vỏ đao làm bằng ngọc Ma-ni được cẩn bằng bảy báu, tay phải rút thanh đao ra khỏi vỏ, còn tay trái nắm lấy búi tóc xanh biếc màu hoa sen xanh, tay phải cầm thanh đao tự cắt lấy, tay tả cầm búi tóc ném lên hư không.

Trời Đế Thích thấy việc ít có, trong tâm hoan hỷ hớt lấy búi tóc không cho rơi xuống đất, dùng chiếc áo trời tuyệt đẹp đựng lấy búi tóc, rồi chư Thiên đem các thứ quý giá cõi trời cúng dường búi tóc này.

Cùng lúc ấy đại chúng chư Thiên cõi Tịnh cư ném một tràng hoa Tu-mạn-na cách Thái tử chẳng gần mà cũng chẳng xa, tràng hoa này rơi xuống đất thành một thợ cạo tóc, cầm dao cạo đứng cách Thái tử chẳng bao xa.

Thái tử thấy người thợ cạo này và hỏi:

–Này người thợ cạo, ông có thể cạo sạch tóc cho Ta hay không?

Người thợ cạo tóc đáp:

–Thưa Thái tử tôi có thể làm được việc này.

Thái tử nói:

–Nếu ông làm được như vậy, thì nay đúng lúc phải cạo.

Lúc đó vị Hóa nhân cạo tóc, tay cầm con dao bén cạo mớ tóc màu xanh biếc trên đảnh nhục kế, đang khi cạo tóc vua trời Đế Thích cho là việc hy hữu, bèn lấy chiếc Thiên y hứng lấy những sợi tóc vừa cạo không cho rơi xuống đất, thâu hết những sợi tóc vừa cạo ra rồi trở về cõi trời Đao-lợi làm lễ cúng dường. Từ đây chư Tiên nhân đặt thành ngày lễ cúng dường búi tóc Bồ-tát, lễ này đến ngày nay vẫn còn.

Thái tử cởi hết tất cả chuỗi anh lạc trên thân và chiếc thiên quan, cạo bỏ râu tóc rồi, Thái tử lại thấy tự thân còn mặc chiếc thiên y, lại nghĩ chiếc áo này không phải sắc phục của người xuất gia. Người xuất gia ở trong rừng núi, biết có ai có chiếc ca-sa hoại sắc đúng như pháp của người xuất gia cho Ta để Ta ở trong rừng núi mặc đúng như pháp.

Khi ấy chư Thiên Tịnh cư biết tâm niệm của Thái tử, liền hóa hiện làm người thợ săn mặc chiếc ca-sa hoại sắc, tay cầm cung tên lần lần hướng đến trước mặt Thái tử, cách chẳng bao xa bỗng nhiên dừng lại.

Thái tử thấy người thợ săn mặc chiếc ca-sa tay cầm cung tên, liền nói:

–Nhân giả ở núi rừng, người có thể cho Ta chiếc ca-sa của ngươi được không? Nếu người đồng ý Ta sẽ trả lại chiếc thiên y Ca-thi-ca của Ta cho người, chiếc áo này giá trị đến trăm ngàn ức lượng vàng, lại được xông các thứ danh hương chiên-đàn… Người dùng chiếc ca-sa này làm gì? Người có thể lấy chiếc áo Ca-thi-ca quý giá này.

Rồi Ngài nói kệ:

Chiếc áo giải thoát Thánh nhân này
Người cầm cung tên không nên mặc
Người nên hoan hỷ trao cho Ta
Đổi lấy Thiên y người chớ tiếc.

Người thợ săn thưa Bồ-tát:

–Hay thay Tôn giả, tôi nay cho Ngài chiếc áo này thật không lẫn tiếc.

Rồi hóa nhân trao cho Bồ-tát chiếc áo ca-sa và nhận chiếc Ca-thi-ca giá trị trăm ngàn lượng vàng lại được xông các loại hương chiên-đàn nơi Bồ-tát.

Bồ-tát tâm rất vui mừng nhận chiếc ca-sa thầm nghĩ mình hết sức may mắn, liền cởi chiếc áo Ca-thi-ca trên thân trao cho người thợ săn.

Vị hóa nhân do trời Tịnh cư hiện nhận lãnh chiếc áo Ca-thi-ca nơi Bồ-tát, rồi dùng thần thông từ dưới đất bay lên hư không, trong thời gian một niệm trở về cõi Phạm thiên. Vì muốn cúng dường chiếc ca-sa nhiệm mầu này, nên chư Thiên ở trước Bồ-tát thị hiện thần thông phi hành trong hư không. Bồ-tát thấy việc hết sức đặc biệt hy hữu như vậy, tâm rất hoan hỷ, nên đối với chiếc ca-sa hoại sắc lại càng sinh tâm cung kính quý trọng bội phần.

Bồ-tát đã cạo bỏ râu tóc, thân đắp chiếc ca-sa hoại sắc, hình dung hoàn toàn thay đổi, nghi dung nghiêm chỉnh, phát lời đại thệ nguyện: "Ta nay mới thật là chân xuất gia." Rồi Bồ-tát bảo Xa-nặc trở về, Xa-nặc ra đi nước mắt tuôn trào ướt cả mặt mày. Sau khi Xa-nặc khuất bóng, chỉ còn lại một mình, Bồ-tát thân đắp ca-sa hoại sắc, ung dung tản bộ đến chỗ Tiên nhân Bạt-già-bà.

Xa-nặc cúi thân đảnh lễ dưới hai chân Bồ-tát, nhiễu quanh ba vòng rồi trở về hoàng cung. Xa-nặc đã thấy ý dứt khoát của Bồ-tát không chịu trở về triều đình, lại thêm thân đắp ca-sa, cạo bỏ râu tóc, đầu không đội thiên quan, thân không mặc thiên y quý giá Ca-thi-ca và không còn trang điểm bảo châu anh lạc. Tất cả những thứ như vậy đều không. Xa-nặc thấy như vậy hai tay bứt tóc, miệng than trời trách đất, kêu khóc thất thanh, té nhào xuống đất, hồn xiêu phách lạc, chết giấc hồi lâu rồi mới

tỉnh, tỉnh rồi đứng dậy xem kỹ chỗ đất đứng, thấy Bồ-tát bỏ đi, lại càng cất tiếng khóc áo não, hai tay choàng lấy cổ ngựa Kiền-trắc, buồn rầu ấm ức nghẹn ngào than thở khóc vang giây lâu mới dứt. Rồi xét thấy tâm ý Bồ-tát dứt khoát không về, không còn hy vọng, nên lượm anh lạc và y phục, dắt ngựa chúa trở về hoàng thành. Thân Xa-nặc tuy trở về hoàng thành mà tâm người thật không xa lìa Thái tử, nên trên con đường trở về hoàng cung, hoặc có lúc suy nghĩ, hoặc có lúc cất tiếng khóc, hoặc có lúc ngất xỉu té nhào xuống đất, hoặc có lúc đứng yên không tiến bước, hoặc có lúc ngồi yên thương nhớ chẳng vui. Tâm Xa-nặc ôm lấy nỗi buồn áo não, lại thể hiện những trạng thái như vậy, lần hồi về đến thành Ca-tỳ-la.

Con ngựa chúa đi sau Xa-nặc thường ngoảnh đầu nhìn về hướng Bồ-tát cất tiếng hí như kêu Bồ-tát, nước mắt tuôn ướt cả mặt. Trước khi ngựa chúa này ra đi, đầy đủ khí lực vui đùa chạy nhảy, từ khi thấy Bồ-tát cạo bỏ râu tóc, xả tục xuất gia, tâm sinh ưu sầu khổ sở, luôn luôn buồn rầu áo não, thân hình gầy ốm, khí lực suy giảm, dầu cho bây giờ ngựa Kiền-trắc có dùng chuỗi anh lạc trang điểm cũng không thấy có oai thần thế lực, vì tâm buồn rầu xa cách Bồ-tát, thường ngoảnh đầu nhìn lại, đôi mắt lệ trào ướt cả mặt mày, cất tiếng buồn thảm hí vang trên đường, buồn đến nỗi không ăn cỏ uống nước, do đó nên thể lực suy dần, thân hình ốm yếu không thể đi nhanh được, đôi mắt lúc nào cũng đầy ngấn lệ. Khi Bồ-tát cỡi ngựa Kiền-trắc vượt thành đến xứ Di-ni-ca chỉ trong thời gian nửa đêm, còn nay do vì buồn khổ bức xúc, thân hình ốm yếu nên thời gian trở về mãn tám ngày mới đến thành Ca-tỳ-la.

Có kệ nói:

Bồ-tát ra đi chỉ nửa đêm
Xa-nặc biệt ly dẫn Kiền-trắc
Vì buồn bức xúc mất oai thần
Về đến hoàng cung mất tám ngày.

Phẩm 23: XA-NẶC VÀ NGỰA TRỞ VỀ CUNG (Phần 1)

Xa-nặc dẫn ngựa Kiền-trắc từ biệt Thái tử trở về, khi đến thành Ca-tỳ-la, mới bước vào thành trông giống như đi trong căn nhà hoang vắng, bao nhiêu hoa viên, suối ao, khe rãnh, sông ngòi, vườn cầm thú… ở trong ngoài bốn mặt thành Ca-tỳ-la, vì Thái tử xả tục xuất gia nên ở đây mất hết sức sống, sông hồ khô cạn, cảnh vật điêu tàn.

Tất cả dân chúng lớn nhỏ trong thành Ca-tỳ-la, từ xa trông thấy Xa-nặc dắt ngựa Kiền-trắc trở về hoàng cung mà không thấy Thái tử đâu cả. Do không thấy Thái tử nên cùng nhau thứ lớp theo sau Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc đồng hỏi Xa-nặc:

–Thái tử Tất-đạt-đa nay ở đâu?

Lúc đó Xa-nặc nước mắt tuôn trào ướt cả mặt mày, nghẹn ngào không nói nên lời. Đám người thấy vậy kêu la buồn khóc cùng theo bên Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc tâm sinh nghi ngờ, vừa đi vừa hỏi:

–Vương tử ngày nay ở xứ nào? Nếu còn ở trong nước thì chúng ta rất vui mừng. Nay tại sao ông bỏ Thái tử về đây một mình?

Xa-nặc vừa đi vừa trả lời:

–Tôi thật không dám bỏ Thánh tử, mà Thánh tử lại trốn bỏ cung điện của mình, cởi bỏ sắc phục thánh triều, ra lệnh đuổi tôi và ngựa Kiền-trắc phải trở về, còn một mình ngài ở lại trong núi sống hạnh xuất gia.

Tất cả mọi người nghe nói như vậy, cho là việc hết sức đặc biệt ít có ở đời, họ cùng nhau ca ngợi việc làm chưa từng có. Mọi người đối diện nhau cùng nói: "Thái tử Tất-đạt-đa làm những việc khó làm." Tất cả mọi người trong thành tuy miệng ca ngợi như vậy mà hai dòng nước mắt vẫn tuôn trào. Lại mỗi người tự trách thân mình: "Ôi! Ngày nay ta sao không thể cùng nhau theo Thái tử xuất gia, ta đến xem đấng thầy cõi trời người sinh hoạt đi đứng cách nào, ta nay thà đến đó, sống theo việc làm của ngài, chớ nên ở nơi đây một ngày xa cách Thái tử mà sống. Vì sao? Vì ngày nay thành này không có Thái tử nên không có oai thần và thế lực. Thành này do không có Thái tử, cho nên vắng lặng trống không so với cánh đồng hoang vu không khác. Chỗ ở rừng rú kia do có sức oai thần và thế lực của ngài, tuy là cảnh đầm ao núi rừng mà lại như xóm làng không khác."

Có kệ nói:

Dân chúng trong thành nghe nói thế
Ca ngợi việc rất ít có thay
Thành này đã trở nên đồng vắng
Nơi có Thái tử như quốc thành.

Bấy giờ ngựa chúa Kiền-trắc hí vang, tất cả dân chúng ở tại nhà của mình nghe tiếng ngựa Kiền-trắc hí, tất cả dân chúng và bao nhiêu thể nữ ở trong hai cung đều suy nghĩ thế này: "Hẳn Thái tử trở về nội thành", nên dân chúng và thể nữ, hoặc có người mở cửa sổ, hoặc có người vén rèm cửa lớn, tâm rất hồi hộp vui mừng, đưa mắt nhìn xa mong thấy được Thái tử. Dân chúng và thể nữ chỉ thấy ngựa chúa Kiền-trắc và Xa-nặc biệt ly Thái

tử trở về một mình, thấy vậy mọi người đóng cửa vào trong phòng kêu khóc thảm thiết.

Thuở ấy Đại vương Tịnh Phạn vì thương nhớ Thái tử khổ não bức xúc thân tâm, suy nghĩ tìm cách nào để gặp được Thái tử, nên vào trai đường giữ giới thân tâm thanh tịnh tu hành khổ hạnh, ưu sầu khổ não, ngày đêm trong tâm cầu khẩn chư Thiên, chư Thần, tìm đủ phương tiện nhân duyên cầu mong gặp được Thái tử để khuây khỏa nỗi lòng.

Khi đó Xa-nặc khổ não ưu sầu buồn khóc lệ nhỏ như mưa, tay dắt ngựa Kiền-trắc, tay bưng mũ ngọc vô giá cùng các chuỗi anh lạc trang sức trên mình Thái tử bước vào trong cung Tịnh Phạn, giống như kẻ cận vệ Thái tử ở ngoài chiến trường về báo tin Thái tử bị sát hại. Xa-nặc đem chuỗi anh lạc trở về vương cung giống như vậy. Người nô bộc Xa-nặc ly biệt Thái tử, đem ngựa cùng y phục ngọc ngà quý giá về, nước mắt như mưa bước vào cung điện Đại vương cũng lại như vậy.

Khi Xa-nặc bước vào trong cung, con ngựa Kiền-trắc ở ngoài cửa cung bốn chân giậm trên đất miệng hí vang. Những người hầu hạ nơi nằm ngồi của Thái tử tưởng Thái tử trở về, nên muốn vào trong cung để chiêm ngưỡng Thái tử nhưng không thấy Thái tử đâu cả, buồn khóc nước mắt như suối, có kẻ ở chỗ đông người mà nói những điều khổ não.

Những loài chim ở trong cung của vua Tịnh Phạn như Khổng tước, Anh vũ, Sáo, Mạng mạng, Câu-sí-la… những chim này nghe tiếng hí của ngựa Kiền-trắc, cũng cho rằng Thái tử trở về hoàng cung, chúng rất vui mừng cất tiếng hót hòa dịu thánh thót.

Tất cả bầy ngựa của Đại vương ở trong chuồng, khi nghe tiếng hí của con Kiền-trắc vang lên như vậy, cũng cho rằng Thái tử trở về hoàng cung, tất cả đều vui mừng hí vang.

Thể nữ trong cung Đại vương nhiều đến trăm ngàn, như Ma-ha Ba-xà-ba-đề… Lại số thể nữ trong cung Thái tử lên đến sáu vạn người, như Đại phi Da-du-đà-la… họ đều nhớ nghĩ Thái tử hết sức ưu sầu, nước mắt ướt cả mặt mày, không còn nghĩ đến dung nhan, thân thể không tắm rửa dơ bẩn, không trang điểm y phục, cởi bỏ tất cả chuỗi anh lạc đẹp đẽ, buồn rầu áo não tâm trí chẳng an, hoặc có kẻ khóc người than, hoặc có người đang ngồi tưởng nhớ, bỗng nghe tiếng hí của con ngựa Kiền-trắc, cùng nhau nghĩ rằng: "Tiếng hí của ngựa Kiền-trắc to như vậy, quyết định Thái tử trở về, không còn nghi ngờ gì nữa." Mọi người nghe tiếng ngựa Kiền-trắc, tâm rất hớn hở, do vì khát ngưỡng muốn trông thấy Thái tử nên Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Da-du-đà-la… số thể nữ nhiều đến trăm ngàn, đều từ nơi phòng mình

hoặc ở trên lầu, hoặc trong cung điện, hoặc trong phòng, bỗng vội vã cùng nhau đứng dậy chạy đến nơi Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc, nhưng thể nữ chỉ từ xa trông thấy Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc ly biệt Thái tử trở về hoàng cung một mình. Thấy vậy, họ hai tay bứt lấy đầu cổ, miệng kêu khóc nước mắt đầy mặt, miệng ca ngợi những đức tính của Thái tử.

Có kệ nói:

Các hàng thể nữ tâm đau khổ
Khát ngưỡng trông mong Thái tử về
Bỗng chỉ thấy Xa-nặc, Kiền-trắc
Lệ nhỏ tràn đầy cất tiếng khóc
Không dùng anh lạc, y phục đẹp
Đầu tóc rối bù thân gầy ốm
Hai tay ôm đầu hết hy vọng
Kêu khóc không ngủ suốt canh thâu.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 19

Phẩm 23: XA-NẶC VÀ NGỰA TRỞ VỀ CUNG (Phần 2)

Bấy giờ Ma-ha Ba-xà-ba-đề và Cù-đà-di đồng thấy viên minh châu trong búi tóc Thái tử, tán lọng, thanh đao, ngọc ma-ni trang điểm, phất trần, các chuỗi anh lạc của Thái tử do Xa-nặc mang về và ngựa Kiền-trắc cùng đoàn người đi theo sau. Thấy vậy rồi hai tay họ tự đánh đập trên thân thể, tâm ưu sầu lo sợ, lại hỏi Xa-nặc:

–Đứa con yêu quý của ta nay ở nơi nào mà ông lại trở về một mình?

Xa-nặc đáp:

–Tâu Quốc đại Hoàng hậu, Thái tử Tất-đạt-đa vì cầu đạo Bồ-đề nên Ngài đã xả bỏ ngũ dục, vào trong núi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa tư duy khổ hạnh.

Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe Xa-nặc nói như vậy, ví như trâu mẹ mất con, buồn khóc rơi lệ không thể kiềm chế được, tự đưa hai tay đánh đập trên người, tâm hết sức kinh sợ, miệng la lên: "Ôi thôi con ta ơi! Ôi thôi con ta ơi!" Nước mắt ràn rụa mặt mày, cả người run rẩy, bỗng nhiên bà ngã nhào lăn lộn trên đất chết giấc, giống như cá lìa khỏi nước dãy dụa đau khổ trên đất. Bà lại hỏi Xa-nặc:

–Ta nay tự xét, thân khẩu ý của ta không có điều gì sai lầm đối với ông, nhưng tại sao ông đem con ta bỏ nơi hoang vu giống như vất bỏ một khúc cây? Tại sao ông đem con ta bỏ trong rừng sống một mình đầy sự khủng bố của các loài độc xà ác thú. Ông bỏ về đây chẳng thương con ta.

Xa-nặc đáp:

–Tâu Quốc đại phu nhân, thân nô bộc này đâu dám xa lìa Thánh tử. Tâu phu nhân, ý Thánh tử xua đuổi con. Thái tử trao cho con con ngựa Kiền-trắc cùng chuỗi anh lạc rồi bảo con mau mau trở về hoàng cung, để đại phu nhân được an tâm khỏi sinh ưu sầu khổ não.

Lúc đó, các thể nữ trong cung đều khóc than: "Ôi thôi cha mẹ ơi!" Hoặc than: "Ơi thôi anh em ơi!" Hoặc than: "Ôi thôi Đại vương ơi!" Hoặc

than: "Phu quân ta ôi!." Những lời chua xót ái luyến này bắt nguồn từ dục nhiễm bức xúc thân tâm. Hoặc có thể nữ liếc mắt khóc, hoặc có thể nữ nhìn nhau khóc, hoặc có thể nữ xoay lưng khóc, hoặc có thể nữ cất đầu khóc, hoặc có thể nữ đối diện nhau khóc, hoặc có thể nữ hai tay đập vào bụng mà khóc, hoặc có thể nữ đấm ngực mà khóc, hoặc có thể nữ khoanh tay mà khóc, hoặc có thể nữ đưa hai tay đập vào đầu mà khóc, hoặc có thể nữ lấy bụi đất bôi lên đầu mà khóc, hoặc có thể nữ xõa tóc che mặt mà khóc, hoặc có thể nữ bứt tóc cúi đầu mà khóc, hoặc có thể nữ giơ hai tay lên trời mà khóc, hoặc có thể nữ buồn rầu chạy loạn khắp đó đây, giống như nai rừng bị nhằm tên độc, hoặc có thể nữ lấy áo phủ cả mặt mà kêu khóc, hoặc có thể nữ cả người run rẩy, giống như gió thổi lay động tàu lá chuối, cúi đầu xuống hay ngẩng đầu lên mà khóc, hoặc có thể nữ ngã nhào trên đất chết giấc không hay biết, vừa mới tỉnh liền cất tiếng khóc, hoặc có thể nữ như cá lìa khỏi nước nằm trên đất đập dãy, hơi thở khò khè, mạng sống mong manh thiêm thiếp mà khóc, hoặc có thể nữ như cây trốc gốc ngã nhào, lăn trên đất mà khóc. Biết bao nhiêu khổ não bức xúc thân tâm thể nữ nên họ kêu khóc như vậy.

Lúc ấy Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc cùng với vô lượng trăm ngàn thể nữ òa khóc không còn được nghe gì khác. Ma-ha Ba-xà-ba-đề nước mắt tuôn tràn, chết giấc hồi lâu mới tỉnh, vừa tỉnh lại khóc cất tiếng kêu Thái tử:

–Ôi thôi con ta ơi! Ôi thôi con ta ơi! Thân con xưa nay vốn được các loại hương thơm xoa đánh vào mình và cùng các thứ tô điểm đẹp đẽ, có oai đức to lớn như vậy; làm sao hôm nay con có thể ở chỗ hoang vu trong hang núi chịu đựng sự khổ sở, bị các loài côn trùng độc hại như: ruồi, lằn, muỗi, kiến…cắn chích thân con? Ôi thôi con ta ơi! Khi ở hoàng cung thân con luôn mặc áo Ca-thi-ca được xông các hương thơm, làm sao ngày nay con có thể chịu đựng được chiếc áo thô kệch xù xì hôi hám? Ôi thôi con ta ơi! Khi con còn ở trong hoàng cung thường dùng các thức ăn cao lương mỹ vị, được chế tạo từ các thực phẩm trăm vị vi diệu thanh tịnh, miệng chưa từng biết nếm món ăn đạm bạc, ngày nay con làm sao ăn được các thứ cơm canh bánh bột khô khan nguội lạnh? Ôi thôi con ta ơi! Khi con còn ở trong hoàng cung nằm trên giường êm nệm ấm, hoặc lại phủ lên trên bằng chiếc thiên y với hai chiếc gối tựa lót hai bên nằm ngồi tùy ý, ngày nay làm sao con có thể nằm ngồi trên đất trống hay trong rừng gai nhọn như kim? Ôi thôi con ta ơi! Khi còn ở trong hoàng cung còn có tôi trai tớ gái, hoặc có người hầu hạ hai bên, họ luôn đem tâm cung phụng kính mến, hoặc có kẻ tựa thân, hoặc có kẻ quỳ gối, hoặc có người đứng yên luôn luôn hướng về Thái tử,

họ đều cung phụng không thiếu sót, ngày nay làm sao có thể sống bên người đầy sân hận, hoặc bên kẻ bần cùng hoặc bên người tánh nóng như lửa đốt, họ đối với con không từ tâm, làm sao con có thể chấp nhận sống với những người có tánh khí như vậy? Ôi thôi con ta ơi! Khi con còn ở hoàng cung có lớp lớp thể nữ hình dung đoan chánh, diện mạo xinh đẹp như hoa vây quanh hầu hạ để tùy ý con thọ hưởng khoái lạc, ngày nay con làm sao sống một mình nơi cảnh núi non trùng điệp, giống như dã thú bị khủng bố mà tâm con vui thú cái gì? Ôi thôi con ta ơi! Ngón chân con thẳng dài mềm mại có màn lưới, ống chân con như giò nai chúa, lòng bàn chân mềm dịu như lá sen non, với hình hai bánh xe ngàn căm in đậm nét rõ ràng tuyệt đẹp, ngày nay với bàn chân như vậy, làm sao con có thể chân không đi trên đất gai góc sạn sỏi? Hay mùa đông băng giá, mùa hè nóng bức, làm sao con có thể đi lại trên bàn chân như thế?

Ma-ha Ba-xà-ba-đề vì Thái tử khóc kể vô số chuyện như vậy rồi, tâm vừa tỉnh lại bình thường, từ đất đứng dậy hỏi Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, việc ấy đã như vậy, Thái tử Tất-đạt-đa con ta trên đường đi có dặn ông điều gì không? Này Xa-nặc, tóc con ta ở đâu?

Xa-nặc đáp:

–Tâu Quốc đại phu nhân, Thánh tử Tất-đạt-đa có dặn con thế này: "Này Xa-nặc, khi ông về đến triều đình sẽ thay Ta ân cần lễ bái thăm hỏi di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề, sau khi lễ bái xong, ông phải thưa thế này: Kính thưa Đại mẫu, xin di mẫu chớ quá ưu sầu, chớ sinh tâm khổ não, chẳng nên nhớ nghĩ đến con, chẳng bao lâu con sẽ chứng được sở nguyện, rồi sẽ trở về phụng kiến di mẫu." Thưa Đại phu nhân, tự tay Thánh tử rút lấy thanh đao, tay tả cầm búi tóc, tay phải cầm thanh đao cắt lấy, rồi ném lên hư không. Lúc đó chư Thiên hứng lấy đem về cung trời cúng dường.

Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe Xa-nặc tâu như vậy, lại than khóc về búi tóc Thái tử:

–Ôi thôi con ta ơi! Tóc con rất dài, búi tóc mềm mại hết sức đẹp đẽ, mỗi lỗ chân lông mọc lên một sợi tóc xoay về một chiều, không rối không rụng, rất thích hợp đội lấy thiên quan thọ ngôi Thánh vương, ngày nay tại sao con nhẫn tâm quăng bỏ nó đi? Ôi thôi con ta ơi! Hai tay con rất dài, lúc đi chậm rãi oai hùng như sư tử chúa, hai mắt tròn xoe như mắt trâu chúa, vai ngực nở rộng, tiếng nói vang rền như tiếng trống tiếng sấm, con người như vậy làm sao xuất gia nơi núi rừng hoang vu? Nếu ngày nay Thái tử thực hiện hạnh xuất gia thì quốc gia này vô phước, như cõi đất sụp đổ không

thể hiện trở lại. Ta mong rằng người có mọi đức tính, đầy đủ công đức, ra đời làm vua và cai trị muôn dân để đem lại an lạc cho dân chúng.

Liền nói kệ:

Nếu vậy cõi đất này hết phước
Lẽ ra chẳng hiện bậc tuệ thông
Đã hiện thân công đức như thế
Nên vì nhân loại làm Thánh vương.

Bấy giờ Da-du-đà-la lớn tiếng kêu khóc, hết sức giận dữ dùng đủ lời quở trách Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, người phụ nữ chúng ta đang tuổi niên thiếu, nửa đêm ngủ say không hay biết, ông nay đem Thánh phu là người mà ta yêu quý đến bỏ ở xứ nào? Cách đây xa gần? Đấng đại trượng phu hiền thánh của ta cùng ông và ngựa cả ba đồng ra đi một lượt, mà hiện giờ chỉ có ông trở về, không thấy Thánh phu yêu quý của ta đâu cả. Do vậy ngày nay thân tâm ta lo sợ run rẩy, ông chẳng phải là người hiền lương, chẳng đem lại lợi ích cho ta. Này Xa-nặc, ta nay nói thật cùng ông, giả sử có kẻ oan gia hết sức hung dữ làm điều tàn khốc cũng không bằng tổn hại do ông gây ra, nhưng đối với ta ngày nay, việc này hết sức độc ác. Này Xa-nặc, nếu ông là người mà ta nhờ vả, lẽ ra ông phải giúp đỡ ta, che chở ta. Tại sao ngày hôm nay ông thấy ta nửa đêm ngủ say, một mình ông lén dẫn Thánh tử ta đến bỏ xứ nào? Này Xa-nặc, ông nay đối với ta làm việc của kẻ đại oán thù, việc này ông đã hoàn tất, ngày nay ông cần gì phải buồn rầu than khóc, ông nên lau nước mắt, cần gì phải gượng ép thương nhớ lệ tuôn vô ích. Này Xa-nặc, ông tạo nghiệp bất thiện, ông nay đã làm xong cần gì phải buồn. Này Xa-nặc, vì ông là thiện hữu của Thánh phu ta, nên giờ cấm đoán ra vào nội cung, đối với ông không có ngăn cản, nên ngày nay ngược lại khiến Thánh phu ta, tùy theo ý ông mà đi. Này Xa-nặc, nuôi ông trong nhà làm gì? Nay ông làm xong việc bất thiện như vậy, lẽ ra ông phải vui mừng, ta biết ông ngày nay sẽ được quả lớn, được phước lợi to. Này Xa-nặc, phàm người thế gian thà cùng người trí làm kẻ oan gia, chẳng nên cùng người ngu kết bằng hữu, ông tuy là bằng hữu của chồng ta mà ông làm việc như vậy như vậy là không chịu suy nghĩ là tại làm sao? Này Xa-nặc, ông nay đối với hoàng tộc ta đã làm những điều không lợi ích, lẽ ra ông nên sinh tâm rất vui sướng. Này Xa-nặc, cung điện này rất cao đẹp nguy nga, giống như những áng mây, lại dùng những chuỗi anh lạc trang hoàng, của cải sung mãn, nay những thứ đó đã vì ông mà trở thành vô nghĩa.

Da-du-đà-la liền đối với Xa-nặc mà nói kệ:

Thà gần kẻ oán có trí tuệ
Chớ nhận kẻ ngu làm bằng hữu
Do ông làm việc thiếu suy nghĩ
Hoàng tộc cùng ta khổ não nhiều.

Da-du-đà-la nói kệ rồi, lại bảo Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, nay đối với chồng ta, nếu đã như vậy, tâm ta sao khỏi ưu sầu. Ngày nay hàng thể nữ làn da trắng như tuyết, đôi môi đỏ tợ son, dung nhan tuyệt đẹp khả ái ít ai sánh bằng, họ cởi bỏ xiêm y lộng lẫy, thân không trang sức chuỗi anh lạc, lẽ ra họ cùng nhau thọ hưởng dục lạc, nào ngờ bỗng sớm trở thành góa phụ. Vì họ mất ngủ, đêm ngày lệ nhỏ thành dòng không ngớt, kêu khóc than thở không thôi.

Này Xa-nặc, con ngựa Kiền-trắc này oán ghét ta, trong đêm hôm đó tạo điều không lợi ích, thấy ta đêm đó ngủ say, nó chở người chồng yêu quý của ta vượt thành ra đi, ngựa này tạo nghiệp vô cùng bất thiện, cớ gì ngày nay trước mặt ta hí vang tỏ vẻ đau khổ? Tiếng hí của nó vang dội khắp thành của Đại vương, mà trước kia nó chở Thánh phu ta ra đi, con ngựa bất thiện này vì cớ gì nó im hơi ẩn nhẫn mà đi? Nếu khi ban đầu ra đi nó hí vang như ngày hôm nay, thì khi ấy mọi người đang ngủ nghe tiếng nó thức dậy, thì ngày hôm nay ta cũng không gặp cảnh đại khổ não này. Con ngựa bất thiện này, giả sử tên bắn thủng xuyên qua thân nó, hoặc dùng gậy đập chết nó, lẽ ra nó không nên đưa Thái tử ra khỏi thành hướng đến nơi sơn lâm mới phải. Đằng này con ngựa không vì hoàng gia ta làm điều lợi ích, chính vì nó sợ roi vọt nên đã chở Thánh chúa là người chồng trong lòng ta thường quý mến ra khỏi thành thẳng đến sơn lâm.

Ngày nay cung điện này của ta do vì không chủ, điện đường, phòng thất, thành lũy xóm làng, đường sá thôn ấp, cửa sổ lầu gác, cửa nẻo lan can, tiếng ngọc khua len ken, cung điện bán nguyệt đẹp đẽ tuyệt vời hết sức hoa lệ. Nay những thứ này hoàn toàn vô nghĩa cũng vì con ngựa Kiền-trắc độc ác này. Khuê phòng trong hoàng cung ta giống như đồng vắng, mở mắt lệ rơi không còn gì để ham muốn.

Da-du-đà-la buồn khóc nghẹn ngào khổ sở nói những lời thống thiết như vậy, rồi ngất xỉu bất tỉnh rất lâu. Xa-nặc nghe những lời quở trách của Da-du-đà-la như vậy, chắp tay cúi đầu khép nép lệ nhỏ khóc ròng, tâu Đại phi Da-du-đà-la của Thánh tử:

–Ngày nay Đại phi chẳng nên quở trách tôi, tôi không sai lầm, tôi và ngựa Kiền-trắc ngày nay thật không có tội lỗi. Thánh phu của đại phi đêm hôm đó khi bắt đầu ra đi, tôi can gián tạo đủ điều chướng ngại, lúc đó tôi

to tiếng kêu các phi, dùng nhiều lời nói như thế này: "Các phi mau thức dậy! Các phi mau thức dậy! Đêm nay ái phu của các phi sắp dẫn tôi và ngựa Kiền-trắc ra đi." Hôm đó tay tôi nắm đầu tóc mỗi cung phi đánh thức, cho hay việc như vậy, tôi nắm đầu tóc Đại phi, rồi nắm đầu tóc các cung phi khác…mỗi cung phi tôi đều gọi tên và nói việc Thái tử ra đi, nhưng bấy giờ các thể nữ ấy không thức dậy. Ngoài ra đối với bao nhiêu thể nữ khác nữa cũng đều như vậy.

Khi Thánh tử ra đi, con ngựa Kiền-trắc cũng tạo đủ điều ngăn cản, miệng nó hí to hơn ngàn tiếng, chân nó giậm xuống đất không chịu bước tới, lại nhe răng hàm dưới mũi thở phì, khi tiếng ngựa hí vang xa nửa do-tuần, tiếng giậm chân của nó vang động đến hơn một câu-lô-xa.

Tôi lúc đó la lên: "Ôi ái phu của các phi đêm nay ra đi." Đại phi cùng bao nhiêu thể nữ khác tự không hay biết những tiếng kêu to như vậy. Đó là do thần lực của chư Thiên làm tan biến tiếng động khiến mọi người không nghe.

Đại phi phải biết, tôi và ngựa Kiền-trắc thật không dám đưa Thái tử ra đi. Như vậy Đại phi tự xét biết Thánh tử của Đại phi có nghe lời tôi hay không? Nếu Thái tử nghe lời cản ngăn của tôi, thì hoàn toàn không có việc này xảy ra.

Xa-nặc hướng về phía Da-du nói kệ:

Tôi không chịu nổi, nước mắt rơi
Chắp tay cúi đầu xin tự bạch
Đại phi chẳng nên quở Kiền-trắc
Kể cả cùng tôi chớ giận hờn.

Tâu Đại phi, tôi cũng biết trước đó Đại vương Tịnh Phạn ban sắc lệnh rất nghiêm khắc, tất cả những người hầu hạ Thái tử phải cẩn thận giữ gìn Thái tử. Tuy tôi có giáo lệnh như vậy, nhưng tôi không được tự do, vì bị thần lực chư Thiên làm mê hoặc tâm ý tôi, chẳng phải tôi muốn làm việc như vậy. Việc ra đi của Thái tử cũng được thần lực của chư Thiên kêu gọi nên mau xuất gia.

Lại nữa, lúc đó tùy tâm Thánh tử muốn mở cửa thành thì cửa tự mở. Từ trước các cửa thành đều có trên ngàn người giữ gìn tâm không lơ đễnh. Nhưng hôm đó Thánh tử bước qua các cửa cung họ đều ngủ say không biết, giống như mặt trời mới mọc, ánh sáng chiếu phá tất cả các bóng tối, lúc bấy giờ tôi biết đây là việc làm của chư Thiên.

Bạch Đại phi, Thánh tử ra khỏi thành, trên đường đi tôi chạy bộ trước phía, lúc ấy thân tôi không biết mỏi mệt.

Bạch Đại phi, con ngựa Kiền-trắc này trên đường đi bốn chân nó không giậm xuống đất, giống như có người khiêng nó mà đi, tiếng hí của nó nghe cũng không xa. Thưa Đại phi, trong tâm tôi lúc đó tự nghĩ cũng biết đó là việc làm của chư Thiên.

Thưa Đại phi, bấy giờ tôi thấy Thái tử muốn làm Sa-môn đúng như pháp, nên cắt bỏ búi tóc ném lên hư không, chư Thiên chụp lấy không cho rơi xuống đất, rồi ngài cởi bỏ y phục vương triều trao cho người thợ săn đổi lấy chiếc ca-sa hoại sắc, lúc ấy tâm tôi nghĩ đây cũng là việc làm của chư Thiên.

Bạch Đại phi, vì những việc như vậy, xin Đại phi ngày nay đối với tôi đừng có tâm giận hờn. Vì sao? Vì việc ra đi của Thái tử không phải do tôi cũng không quan hệ gì đến con ngựa Kiền-trắc.

Bấy giờ Đại phi Da-du-đà-la nằm trên đất suy nghĩ giây lát rồi cất tiếng buồn khóc kêu la nói lên thế này:

–Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Ngày nay thiếp sống phải đạo hiếu thuận với chồng, không biết cớ gì Thái tử lại bỏ thiếp ra đi? Thái tử đến nơi núi rừng cầu pháp tu khổ hạnh, như vậy Thái tử sống không phải đạo, do vì không tùy thuận pháp hạnh. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Ngài lẽ nào không nghe các vua đời trước khi muốn vào sơn lâm cầu pháp tu khổ hạnh, họ đều đem cả vợ con cùng đi, các vị vua đó không tổn hại thánh đạo, cũng được thành tựu. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Lẽ nào ngài không nghe có pháp thế này: Xưa có người đi tu vẫn cùng với vợ con cạo tóc xuất gia hành đạo, tinh cần khổ hạnh, đem theo cả ngựa tốt tế tự chư Thiên hoặc lập hội Vô giá, cả hai vợ chồng đều hưởng quả báo hết sức tốt đẹp, như ngài đã biết điều này có nói trong luận Vi-đà. Nhưng cớ gì ngày nay Thái tử riêng đối với thiếp sinh tâm bỏn xẻn không cho thiếp đồng tu khổ hạnh? Ôi Thái tử! Việc làm của Thái tử vô ích, uổng phí đời người. Nếu ở thế gian Thái tử đã cùng với vợ sinh tâm ân ái, tại sao ngày nay lại ruồng bỏ vợ hiền hay là muốn lên cõi trời Đao-lợi tham đắm ngọc nữ? Ngày nay theo ý thiếp thấy việc như thế này: Ngọc nữ chư Thiên kia có gì đáng tham? Hình dung của họ có gì xinh đẹp? Tình ái ngũ dục có gì đáng hoan lạc?

Nếu như Thái tử nói rằng không tham đắm khoái lạc chư Thiên thì tại sao lại bỏ công đức oai thần của một vương vị, xa lánh thiếp và hàng thể nữ nơi cung điện này.

Thái tử đã xả bỏ tất cả xuất gia vào nơi sơn lâm vắng để tu khổ hạnh. Còn thiếp ngày nay không cầu quả báo chư Thiên, cũng không muốn làm thân ngọc nữ, tâm thiếp biết thế này là đủ, thiếp có oai lực thế này, ở tại

nhân gian không cầu sinh lên cõi trời, chỉ ở nơi đây tu hành khổ hạnh với sở nguyện: Nếu ở nhân gian hay sinh lên trời chỉ nguyện sống đúng như pháp hầu hạ kề bên Thái tử.

Nếu tâm Thái tử quyết định dứt khoát xa lìa hàng thể nữ chúng tôi mà vào trong rừng núi hoang vu, thì tâm nguyện luôn luôn được hầu hạ bên Thái tử của thiếp kiên cố không thay đổi, bền chắc như đá không khác.

Như thiếp ngày nay thật sự trở thành góa phụ, vì thấy phu chủ của mình bỏ triều đình xuất gia vào trong sơn lâm khiến cho thiếp nơi phòng trống cô đơn, làm sao lòng thiếp không tan nát cho được.

Rồi nàng nói kệ:

Tâm ta ngày nay tuy bền chắc
Cứng như sắt đá có khác gì
Chồng bỏ vào núi nội cung trống
Làm sao tâm ta chẳng nát tan!

Da-du-đà-la vì mất Thái tử nên khổ não bức xúc tinh thần hôn mê, bỗng nhiên té nhào xuống đất bất tỉnh giây lâu mới tỉnh dậy, hoặc có lúc kêu khóc buồn thảm, hoặc có lúc đứng cúi đầu nín thinh suy nghĩ, hoặc có lúc kinh sợ cuồng loạn nói nhảm:

–Người chồng của ta nay đi phương nào? Thánh tử của ta dừng nghỉ ở đâu, khiến ta ngày nay cô độc ở trong cung một mình? Thái tử ruồng bỏ ta, phản bội ta mà đi. Từ ngày nay không có Thái tử ta không nằm giường cũ, không dùng nước nóng hương thơm tắm gội, lại trên thân cũng không trang điểm, không lau chùi, không tô son điểm phấn, lại cũng không mặc y phục nhiều màu sắc rực rỡ, từ ngày nay về sau ta không mang các chuỗi anh lạc, cũng không đeo các tràng hoa hay hương thơm, không ăn các thức ăn cao lương mỹ vị, cũng không uống các thứ nước ngon ngọt, tất cả các thứ rượu ta đều không uống. Xưa từng ăn các thức ăn ngon nay lại không ăn, trên đầu để tóc trần không cần trang điểm, ta tuy ở nhà mà tâm ta luôn luôn tưởng như đang ở trong rừng núi tu khổ hạnh, cho đến chẳng thấy đấng trượng phu tối thắng, ta thấy tất cả viên lâm sông hồ khe suối, nhà cửa cung điện đều đầy đất bụi, giống như cánh đồng hoang vắng, do vì không có Thánh tử nơi thành Ca-tỳ-la. Tất cả cung điện lầu gác đều thiếu vẻ tươi sáng trang nghiêm giống như bãi sa mạc, do vì mọi người ở đây trong tâm ưu sầu khổ não, nên không thể tự kiềm chế, mất chánh niệm, lại không còn biết xấu hổ.

Khi Da-du-đà-la lăn lộn trên đất nói nhảm như vậy, thì bao nhiêu thể nữ trong cung đều đồng thanh kêu khóc lớn tiếng, lệ nhỏ ướt cả mặt mày.

Kệ nói:

Khổ não như vậy bức xúc người
Da-du-đà-la cùng thể nữ
Nhìn nhau òa khóc lệ tuôn trào
Mưa rào giữa hạ nào có khác.

Xa-nặc thấy Da-du-đà-la than thở những lời khổ não như vậy, mới khuyên can:

–Đại phi chớ nên sinh tâm khổ não thống thiết như vậy, chớ quá buồn rầu khổ sở, cần phải nguôi đi chớ nên nhớ nghĩ Thánh tử nữa. Khi Thái tử ra đi, tuy Ngài ở trong nhân gian so với chư Thiên không khác, oai thần khí lực của Ngài nào khác chư Thiên. Khi Thái tử ra đi có chư Thiên vây quanh hộ vệ, bên hữu thì có Phạm thiên vương và quyến thuộc, bên tả thì có chúa trời Đế Thích và quyến thuộc cõi trời Đao-lợi, phía Đông thì có vua Càn-thát-bà Đề-đầu-lại-tra, phía Nam thì có vua Cưu-bàn-trà Tỳ-lâu-lặc-xoa, phía Tây thì có Tỳ-lâu-bác-xoa và các Long vương, phía Bắc thì có trời Tỳ-sa-môn thống lãnh các quỷ Dạ-xoa. Thân họ đều mặc áo giáp kim cang, tay cầm cung tên hay giáo mác vây quanh hộ vệ, đi phía trước dẫn đường hay đi phía sau hộ tống, hoặc ở hai bên tả hữu tùy tùng hộ vệ. Trên không trung luôn luôn có ngàn vạn chư Thiên ngọc nữ, họ đều vui mừng hớn hở khắp cả châu thân không thể kiềm chế được, đem các loại hoa rải trên mình Thánh tử không ngớt. Lúc đó Thánh tử thấy ngọc nữ chư Thiên tâm không vui, không thích, không thương, không giận, không lấy, không bỏ, tâm Thánh tử không tham đắm sự hầu hạ của ngọc nữ như vậy.

Tâu Quốc mẫu Đại phi, khi Thánh tử ra đi, chư Thiên hiện thần thông đem bao nhiêu việc cúng dường Thánh tử như vậy, ngày nay tôi khó có thể trình bày tường tận mọi sự việc.

Xa-nặc trình bày như vậy rồi, đệ nhị phi Thánh nữ Cù-đà-di giống như cành đại thọ gãy nhào, nàng nằm dài trên đất không thể đứng dậy nổi, Thánh nữ Cù-đà-di vì lửa ái thương nhớ Thánh tử thiêu đốt bứt xúc thân tâm, hết sức ưu sầu buồn phiền khổ sở, thân nằm trên đất lăn lộn khóc than thốt lên thế này:

–Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Mặt Ngài đầy đặn như trăng rằm. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Thân Ngài đẹp đẽ không ai sánh bằng. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Ngài đầy đủ các tướng vô thượng tối thắng. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Thân Ngài thanh tịnh thế gian không ai sánh bằng, các bộ phận trên cơ thể không tỳ vết, đẹp đẽ như tượng vàng. Ôi thôi phu chủ của ta ơi! Công đức của Ngài rất tối thắng. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Ngài có lòng đại từ bi được người

trời cúng dường. Ôi thôi phu chủ của ta ơi! Ngài dũng kiện có sức mạnh như thần Na-la-diên, không một kẻ thù nào địch lại, mà còn hàng phục được kẻ thù. Ôi thôi phu chủ của ta ơi! Giọng nói của Ngài như Phạm thiên, thánh thót như con chim Ca-lăng-tần-già. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Tiếng tốt của Ngài vang khắp mọi nơi. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Ngài có trăm ngàn phước đức trang nghiêm, người trời trong thế gian không ai sánh bằng. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Công đức của Ngài viên mãn, chư Tiên thấy Ngài đều sinh tâm hoan hỷ. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Ngài như rừng trí tuệ, mọi người nghe danh Ngài thảy đều cúng dường. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Đối trong thế gian ngài có một thiệt căn tối thượng. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Mắt Ngài sáng xanh như hoa sen xanh. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Môi miệng Ngài đỏ như trái tần bà. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Miệng Ngài có bốn mươi răng trắng sạch tinh khiết, như sữa, như lụa, như sương, như tuyết. Ôi thôi phu chủ của ta ơi! Mũi Ngài cao thẳng như ống vàng. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Lông trắng ở giữa hai hàng lông mày của Ngài thanh tịnh mọc ngay chính giữa. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Ngài có đôi vai rộng nở nang bằng phẳng, bụng dài thon, thắt lưng lõm như chiếc cung, tay chân mềm mại. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Ngài có bắp vế, ống chân, bắp tay, cánh tay giống như vòi voi; bàn tay bàn chân bằng phẳng, móng đều đỏ hồng. Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Những chuỗi anh lạc của ngài, Đại vương Tịnh Phạn chọn ngày lành tháng tốt vào đêm sao tốt xuất hiện mới làm, khi ấy Đại vương rất hoan hỷ, tại sao ngài xa lánh nó? Thiếp nay cũng chẳng muốn thấy các chuỗi anh lạc này.

Lúc đó, Cù-đà-di do tâm khổ não khủng bố luôn luôn kinh hoàng giống như nai rừng bị thợ săn đuổi lạc vào hoa viên, tay họ cầm cung tên đuổi theo bắn thân nai, nó vô cùng khổ sở chạy khắp đó đây, quan sát bốn phương không có nơi che chở để được thoát nạn. Trong lúc này tâm Cù-đà-di cũng lại như vậy, hoặc ở trong cung nói nhảm, hoặc nơi điện đường tự tranh luận một mình, hay chạy khắp mọi nơi không tìm ra Thái tử, buồn khóc kêu gào nước mắt ướt cả mặt mày, không ai khuyên giải được, nàng khổ sở vô cùng. Rồi lại lớn tiếng xướng lên:

–Khi Thánh tử còn ở tại triều thì nơi đây đầy đủ mọi vật tốt đẹp nguy nga tráng lệ tràn đầy nhựa sống, có oai thần như trời Đế Thích ở cung trời Đao-lợi, ngày nay bỗng nhiên Thái tử vô cớ bỏ đi, nơi đây tất cả đều mất hết, thành này giống như rừng tử thi, giống như đầm vắng núi hoang hoặc như đồng nội. Khi còn Thái tử, ở nơi cung này, ta cùng Ngài thọ hưởng vô số dục lạc, tâm ta say đắm khoái lạc không biết nhàm chán, ngày nay không còn Thái tử, tâm ta không còn say đắm, ví như cá trạch rời nước nằm trên đất khô, không một chút vui trong giây lát huống nữa là sinh tâm khoái lạc.

Ta nay cũng vậy, vì không có Thái tử tâm nào có vui. Giống như bướm không vui mùa xuân vì không có hoa, nên bướm chẳng màng đến hoa lâm hay không thích hoa lá. Ta nay cũng vậy, vì không có Thái tử nơi đây chẳng có gì vui thú!

Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Chỗ nằm ngồi trước kia của Ngài thường trổi âm nhạc hòa lẫn tiếng hát, vì tâm thể nữ trong cung vui thích đồng ca hát, nay cũng cung điện này đâu có khác, mà làm cho tâm ta bỗng nhiên không vui mà lại ưu sầu khổ não, huống nữa là có kỹ nhạc.

Ôi thôi, phu chủ ta ơi! Thân Ngài mang các tràng hoa tuyệt đẹp, các chuỗi anh lạc trang sức trên thân, dầu thơm phấn thơm tùy thời cung cấp đầy đủ không thiếu sót, chính đương thời kỳ thọ hưởng khoái lạc, tâm rất hoan mê, không biết cớ gì tự nhiên bỏ đi. Ví như bầu trời bỗng kéo mây mù, nổi lên sấm chớp giáng trận mưa đá rồi liền tạnh. Thánh tử cũng vậy, sắp lên ngôi vua thọ hưởng khoái lạc, không có điều gì là không được toại ý, mà lại bỏ thánh vị ra đi.

Phải chăng ta thuở xưa tinh cần bố thí nhiều vật quý giá rồi sinh tâm hối tiếc, do tâm hối tiếc nên nay mắc phải quả báo này, tuy thọ quả báo vô cùng tốt đẹp, bỗng nhiên lại mất, do vì nghiệp hối tiếc nên nay bỗng thành góa phụ. Ngày nay ta bạc phước nên mất vị phu chủ vô thượng tối thắng này.

Ôi cuộc tình ân ái hòa hợp chẳng bao lâu rồi liền ly biệt, giống như trò chơi nơi hý trường, chẳng được mấy chốc rồi lại giải tán. Cuộc tình của ta với Thánh tử cũng lại như vậy.

Lại nghe truyền thuyết, ngày xưa có một vị vua tu tiên, ngài tu hạnh tịch tĩnh điều phục các căn chứng được thiền định, ngài vào trong rừng núi giữ giới không sát sinh, thân chuyên khổ hạnh, uống diệu dược, ăn quả cây ngon ngọt, cùng đem theo vợ con ẩn thân trong rừng đồng tu phạm hạnh, nay đây Thái tử vì duyên gì, một mình vào nơi núi rừng hoang vắng siêng năng tinh tấn.

Rồi Cù-đà-di lại choàng lấy cổ ngựa Kiền-trắc lớn tiếng kêu khóc:

–Ôi thôi! Này ngựa Kiền-trắc, mi không có chút từ tâm, Thánh tử đồng sinh một ngày với mi nay ở xứ nào? Mi vì cớ gì nửa đêm đến chở Thánh tử ta ra đi mà không cho ta biết?

Rồi lại quở trách Xa-nặc:

–Ôi thôi! Này tên Xa-nặc, tâm ngươi rất độc ác, ta lỡ ngủ say tại sao ngươi không đánh thức để cho ta biết? Thái tử là người mà trong tâm ta hằng kính ái, ngày nay bỗng nhiên ra đi, mà lý do gì ngươi không kêu ta?

Để cho ta từ nay suốt thời gian còn lại phải chịu cảnh sống cô đơn, đi đứng nằm ngồi một mình, thật là vô cùng khổ não. Ôi thôi! Này tên Xa-nặc, ngươi hãy nói cho ta biết khi Thánh tử ra đi bằng cách nào? Lại ai là người chỉ lối đi trong hoàng cung này? Khi ra khỏi thành ai là người hướng đạo và đi về phương nào? Rồi ngày nay Thánh tử ở đâu?

Sau khi thứ phi Cù-đà-di quở trách Xa-nặc như vậy rồi lại xuống giọng nói với chàng ta:

–Này người hiền Xa-nặc, tuy sự việc lỡ xảy ra như vậy rồi, ngươi đã hầu hạ Thái tử ra đi rồi lại trở về đây, ngươi nên biết rõ chỗ ở của Thái tử, ngươi nên hướng dẫn ta tới đó, để ta luôn luôn gần gũi bên Thái tử tu tập khổ hạnh, chuyên tâm cầu đạo, với hoài bảo cùng Thánh tử sinh lên Thiên giới.

Xa-nặc nghe đủ lời trách mắng đau khổ cùng giọng nói ngọt ngào của Cù-đà-di, hết sức buồn bã ưu sầu khổ não, bức xúc thân tâm đau khổ tăng lên gấp bội phần, nước mắt tuôn trào ướt cả mặt mày, nhưng gắng gượng tỏ vẻ bình tĩnh chậm rãi an ủi Cù-đà-di:

–Xin phu nhân lắng nghe, chẳng nên ưu sầu, lại chẳng nên khóc lóc như vậy, chẳng bao lâu chúng ta sẽ gặp Thánh tử. Vì sao? Vì khi Thánh tử bảo tôi trở về hoàng cung, Ngài có nói thế này: "Này Xa-nặc, khi ngươi trở về hoàng cung, thay Ta hỏi thăm tất cả quyến thuộc, các phi tần và cùng tất cả các đồng tử bằng hữu tri thức. Ta nay bảo ngươi trở về nội cung an ủi mọi người, thay Ta nói với họ: Ta nay đã dẹp trừ màn lưới tham sân si, chẳng bao lâu ta sẽ chứng trí tuệ Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi chứng đạo rồi Ta hứa sẽ trở về thành Ca-tỳ-la." Tôi biết Thánh tử quyết định sẽ chứng được đại trí tuệ đáp ứng bản nguyện của Ngài, Ngài sẽ trở về không chút nghi ngờ, biết bậc tối thắng trong chúng sinh nhất định không có lời nói thiếu chân thật.

Thuở ấy Đại vương Tịnh Phạn khổ sở ở trong cung tế tự chư Thiên xong rồi, xa nghe trong cung điện của Thái tử có tiếng kêu khóc vang dội, Đại vương liền từ trong cung điện của mình bước ra, ngay khi ấy gặp Xa-nặc đem tán lọng, chuỗi anh lạc của Thái tử và dắt con ngựa Kiền-trắc đến, bày biện các vật và theo sự chỉ dạy của Thái tử, Xa-nặc ân cần thưa hỏi đảnh lễ đầu mặt sát chân Đại vương, nước mắt ràn rụa cả mặt mày, y theo lời Thái tử dạy nghẹn ngào tâu lên nhà vua.

Đại vương Tịnh Phạn thấy chuỗi ngọc anh lạc, tán lọng và ngựa Kiền-trắc của Thái tử, đồng thời nghe những lời từ hiếu ân cần thưa hỏi của Thái tử, bỗng nhiên lớn tiếng thất kinh kêu khóc:

–Ôi thôi đứa con yêu quý của ta ơi! Ai ngờ như thế này!

Khi ấy nhà vua Tịnh Phạn vì thương nhớ Thái tử ưu sầu bức xúc thân tâm, vật mình té nhào xuống đất mê man bất tỉnh.

Có kệ:

Vua nghe Bồ-tát thệ nguyện sâu
Lại thấy Xa-nặc, Kiền-trắc về
Bỗng nhiên té nhào tâm bất tỉnh
Như cờ Đế Thích gãy tự nhiên.

Bấy giờ, bao nhiêu quyến thuộc thân tộc ở trong cung Đại vương Tịnh Phạn thấy nhà vua té nhào xuống đất, họ đều sinh tâm ưu sầu khổ não không còn một chút gì vui thú, tự cất tiếng kêu khóc, thốt ra những lời buồn than áo não.

Tất cả dân chúng lớn nhỏ trong thành Ca-tỳ-la vì biệt ly Thái tử, nên họ cũng kêu oán khóc vang. Các hàng quyến thuộc tuần tự cùng nhau an ủi Đại vương Tịnh Phạn.

Đại vương thương nhớ Thái tử tâm ưu não không nguôi, các thân tộc, hoặc có người khuyên giải, hoặc có người đỡ Đại vương ngồi dậy, tuy nhà vua ngồi dậy nhưng chẳng được bao lâu rồi lại ngã lăn xuống đất mê man bất tỉnh, hoặc giả như có lúc nào tỉnh dậy thì kêu khóc nước mắt ướt cả mặt mày, rồi bảo Xa-nặc:

–Này Xa-nặc, vì cớ gì ông không đưa Thái tử về cung?

Xa-nặc tâu:

–Thưa Đại vương, xin ngài biết cho, con cũng hết sức ân cần dùng mọi cách để thuyết phục Thánh tử trở về Hoàng cung, nhưng tâm Thánh tử không còn ưa thích tất cả các pháp thế tục trong cuộc đời này, Ngài bỏ tất cả không chút lưu luyến, Ngài lại nói với con thế này: "Ông chớ nên can gián Ta, Ta không cần tất cả các thứ ngũ dục, xa lìa thân tộc quốc thành, chỉ thích cảnh núi rừng khe suối vắng lặng."

Đại vương Tịnh Phạn nghe Xa-nặc tâu như vậy và thấy đồ tư trang chuỗi anh lạc… của Thái tử nằm trên đất, ngài liền đảnh lễ các vật này, lệ nhỏ ướt cả mặt mày, lớn tiếng kêu khóc, rồi bảo Xa-nặc:

–Ta nay sức kiệt lại không còn ý khí, tay chân đều rã rời giống như cây khô trơ trụi, ngày nay ta xa cách Thái tử như cây không cành lá chỉ còn có thân cây. Đối với các nước bên ngoài, nay họ thấy vậy khinh khi, ta lại một mình không còn năng lực, như cây bị mưa đá, làm trò vui cho trẻ con.

Ôi thôi con ta ơi! Con là bậc Đại trượng phu tối thượng có hình dung khôi ngô khả ái không ai sánh bằng, là đồng tử dịu hiền lại trái tâm nguyện của ta, tại sao con xuất gia xa lìa ngũ dục, là đứa con tâm ta yêu mến mà lại bỏ ra đi!

Ôi thôi con ta ơi! Trên thân con có đủ các tướng, trong mỗi tướng đều đầy đủ trăm phước trang nghiêm.

Ôi thôi, con ta ơi! Khắp thân thể con đều đầy đủ các tướng tốt.

Ôi thôi, con ta ơi! Con chờ cho thể nữ ngủ say, con lén ra đi.

Ôi thôi, con ta ơi! Thuở xưa tại cung điện ta không có chút ưu sầu.

Ôi thôi, con ta ơi! Trong các nhà vua con là hơn hết.

Ôi thôi, con ta ơi! Từ trước đến nay con thường sinh trong dòng họ các nhà vua.

Ôi thôi, con ta ơi! Tại sao hôm nay con bỏ vương vị xuất gia?

Ôi thôi, con ta ơi! Con được nhiều người thích chiêm ngưỡng, hoặc kẻ nam người nữ, hoặc kẻ già người trẻ hay các bậc trượng phu, một khi mắt họ trông thấy con, là không một ai không hoan hỷ.

Ôi thôi, con ta ơi! Con là bậc tài giỏi đa trí.

Ôi thôi, con ta ơi! Nay con xả bỏ tất cả quyến thuộc, bốn châu thiên hạ và bảy báu mà xuất gia sống một mình.

Ôi thôi, con ta ơi! Nay con bỏ hoàng cung xuất gia ví như đại bạch tượng lay nhổ cổ thụ.

Ôi thôi, con ta ơi! Khi con ra khỏi hoàng cung trải qua bao nhiêu cửa thành, các cửa đều khó mở khó đóng, hơn nữa khi mở đóng tiếng động vang đi rất xa, tại sao hôm nay khiến ta không nghe? Ắt được chư Thiên cản ngăn tiếng động.

Ôi thôi, con ta ơi! Ngày nay nơi thành Ca-tỳ-la này, các hàng quyến thuộc dòng họ Thích mất hết hy vọng, do vì Thái tử Tất-đạt-đa xả tục xuất gia.

Ôi thôi, con ta ơi! Bao nhiêu quyến thuộc dòng họ Thích nơi thành Ca-tỳ-la có bao nhiêu tài sản vàng bạc ngọc ngà, kho lẫm lúa mạch, tiền bạc đồ vật… họ đều xả bỏ coi như đờm dãi, vì Thái tử bỏ đi xuất gia.

Ôi thôi, con ta ơi! Cha vì con xây dựng cung điện bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, tại sao ngày nay con bỏ cung điện ấy xuất gia ưa thích sống nơi vắng vẻ không người, vui cảnh sơn lâm chỉ đầy cầm thú.

Ôi thôi, con ta ơi! Thuở trước khi con chào đời, các Tiên nhân đoán hai việc, do vậy cha hết sức vui mừng tràn ngập châu thân không thể kiềm chế, nên lúc ấy bỗng nhiên đảnh lễ dưới chân hài nhi.

Ôi thôi, con ta ơi! Ngày nay con xuất gia, các vị thần hộ thành đều xa lánh nơi đây.

Ôi thôi, con ta ơi! Mặt con đầy đặn như trăng rằm. Răng con trắng sạch. Mắt con như mắt trâu chúa.

Ôi thôi, con ta ơi! Trước đây thường được nghe tiếng nói của con cha rất vui mừng, ngày nay nhớ tưởng lại càng sầu thảm.

Ôi thôi, con ta ơi! Ta thường dùng các loại hương chiên-đàn thơm hảo hạng như Đa-già-la, trầm thủy ngưu đầu để thoa trên thân con, dùng các chuỗi anh lạc trang sức trên thân con, dùng các loại hương xông để xông tấm thân mềm mại của con. Nay bỗng nhiên cha không thấy con.

Con ơi! Tâm cha ái luyến con thấm tận da, thịt, gân, mạch, xương, tủy vậy mà nay bỗng nhiên con xuất gia vào trong núi rừng!

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 20

Phẩm 23: XA-NẶC VÀ NGỰA TRỞ VỀ CUNG (Phần 3)

Khi ấy, Đại vương Tịnh Phạn lại khấn vái:

–Ngày nay tôi đem tâm cầu nguyện tất cả chư vị Thần vương Hộ thế ủng hộ chúng sinh ở bốn phương, nay sẽ vì Thái tử xin quý ngài thường tạo những điều lợi ích giúp đỡ.

Ngày nay tôi đem tâm cầu nguyện chúa trời Đế Thích ngàn mắt trên Thiên giới, là vị vua trời, phu quân của Xá-chỉ, có thế lực lớn được thiên dân bao quanh hầu hạ, xin quý ngài giúp cho Thái tử.

–Lại mong các vị thần gió, thần nước, thần lửa, thần đất ở bốn phương chính và bốn phương phụ nơi thế gian, xin các ngài giúp đỡ cho Thái tử.

Các ngài là bậc Trượng phu vô thượng siêu việt làm sao vất bỏ bốn đại thiên hạ. Con ta xuất gia lập chí cầu quả Thánh vô thượng cực diệu. Ta mong cầu đại nguyện của con ta chóng thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, để ta sớm được chứng kiến.

Đại vương Tịnh Phạn nằm trên đất đem vô số lời quở trách con ngựa Kiền-trắc:

–Ngươi là con ngựa bất thiện, từ trước tới giờ ngươi đem lại cho ta nhiều điều an vui, nhưng nay vì lý do gì mà ngươi lại tạo những điều hết sức vô ích tổn hại đến dòng họ Thích của ta? Thái tử con ta thường yêu mến ngươi, đối với tâm ta cũng vậy, vì ngươi trước đây thường đem lại cho chúng ta những điều hoan hỷ, nhưng ngày nay ngươi làm những việc như vậy, là ngươi trở lại hủy diệt ngươi. Ngươi hãy đưa ta đến chỗ Thái tử đang ở, để ta cùng đứa con yêu dấu đồng tu khổ hạnh. Do vì ta ngày nay cách biệt Thái tử, thì thọ mạng ta chẳng bao lâu, đời sống ta chỉ trong chốc lát!

Rồi nhà vua nói kệ:

Ngựa Kiền-trắc, ngươi hãy mau lên
Đưa ta đi đến nơi Thái tử
Ta xa Thái tử mạng khó còn

Như người bệnh nặng không thuốc thang.

Nhà vua nói lời như vậy rồi, do lòng thương nhớ Thái tử nên đau khổ bức xúc, người nằm trên đất cất tiếng khóc vang khổ não vô cùng, hoặc vừa chồm dậy lại liền ngã xuống ấm ức nghẹn ngào.

Lúc ấy có một vị đại thần thông minh trí tuệ cùng các Quốc sư, Bà-la-môn, thấy vua Tịnh Phạn lăn lộn trên đất, nghiêng bên tả ngã bên hữu, thân tâm lúc nào cũng rất ưu sầu áo não, buồn thảm khổ sở bức xúc không thôi. Họ muốn hóa giải tâm trạng u sầu này, cố làm ra vẻ không chút buồn rầu, đồng bạch Đại vương:

–Tâu Đại vương, ngày nay ngài nên xả bỏ sự ưu sầu khổ não, phải có nghị lực kiên cường, tâm ý bình tĩnh, chẳng nên ngã nhào chết giấc, giống như kẻ tầm thường khóc kể nước mắt ròng rã. Vì sao Đại vương không nên làm như vậy?

Tâu Đại vương, như trong quá khứ có nhiều vị vua đã từ bỏ vương vị như ném tràng hoa héo, mà vào thâm sơn tu khổ hạnh. Lại nữa, tâu Đại vương, Thái tử Tất-đạt-đa đã kết thiện duyên trong quá khứ nên ngày nay tiếp tục tu khổ hạnh để đạt quả Bồ-đề.

Tâu Đại vương, ngày nay, ngài nên nhớ lại lời Tiên nhân A-tư-đà năm trước. Tiên nhân thuở ấy tâu Đại vương: "Đồng tử này không thể lấy phước báo nhân thiên ràng buộc được và cũng không thể lấy ngôi Chuyển luân thánh vương mua chuộc người, hầu để mong người tham đắm dục lạc thế gian"

Tâu Đại vương, ngày nay, nếu ngài quyết định kêu gọi Thái tử trở về, Đại vương chỉ ban sắc lệnh cho chúng tôi ra đi, Thái tử sẽ vâng theo vương lệnh, hoàn toàn không dám chống trái.

Đại vương liền bảo:

–Nếu hai khanh thấy như vậy là hợp lý, thì mau đến đó khuyên Thái tử trở về, còn nếu không được như vậy, thì thân mạng trẫm ngày nay thật bất an! Vì các khổ sở bức xúc.

Khi ấy đại thần và Quốc sư Bà-la-môn nhận sắc lệnh của vua Tịnh Phạn liền cùng nhau khởi hành để đi đến chỗ của Thái tử. Họ nói kệ:

Thái tử tu khổ hạnh như đây
Vua nhớ lời Tư-đà thuở trước
Ngôi Chuyển luân Thái tử chẳng ham
Đối ngũ dục nhân gian chẳng tưởng.

Đại thần và Quốc sư nói kệ rồi, hai người cùng nhau lên đường.

Đoạn nói về con ngựa Kiền-trắc, ngựa nghe đủ mọi lời quở trách thống thiết như trên, trong tâm hết sức ưu sầu buồn bã. Do tâm bị khổ não bức bách, không một chút an vui nên đưa đến bỏ mạng. Sau khi mạng chung thần thức sinh lên cõi trời Đao-lợi. Sau khi đã sinh lên cõi trời, biết Như lai đã thành đạo liền từ bỏ Thiên giới sinh xuống trần thế, làm con của một nhà Bà-la-môn đầy đủ sáu hạnh nơi thành Na-ba thuộc vùng Trung thổ Ấn độ. Qua thời gian đến tuổi trưởng thành, người con của nhà Bà-la-môn này đến đảnh lễ Đức Như Lai. Như Lai biết tiền thân người này trước làm thân ngựa, sau khi chết được sinh lên trời. Khi ấy Đức Thế Tôn liền nói cho vị ấy nghe được tiền duyên đời trước làm thân ngựa. Vị ấy nghe pháp rồi, dứt sạch các lậu, giải thoát chứng Niết-bàn.

□

Phẩm 24: QUAN SÁT CÁC NGOẠI ĐẠO

Thuở ấy Thái tử tự cầm dao cắt búi tóc trên đầu, rồi cạo bỏ râu tóc, thân mặc áo ca-sa, liền khi ấy vô lượng trăm ngàn chư Thiên hết sức vui mừng tràn ngập châu thân không thể tự kiềm chế. Do trong tâm qua đỗi vui mừng đồng la lớn, hoặc ca vang, hoặc huýt gió, hoặc tung y phục, rồi miệng hô to:

–Thái tử Tất-đạt-đa ngày nay đã xuất gia! Thái tử Tất-đạt-đa ngày nay đã xuất gia! Nhất định Ngài sẽ chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngài đã đủ tất cả yếu tố tinh thần của một chúng sinh, nhưng Ngài đã xả bỏ những yếu tố này, cho đến lẽ ra Ngài phải chịu những khổ não biệt ly như những chúng sinh khác, những thứ ràng buộc ấy nay Ngài đã giải thoát.

Nơi Bồ-tát cắt búi tóc, sau này dân chúng xây một ngôi tháp để kỷ niệm gọi là tháp Cắt búi tóc.

Nơi Bồ-tát mặc chiếc ca-sa đầu tiên, sau này dân chúng xây một ngôi tháp gọi là tháp Thọ ca-sa.

Nơi Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc từ biệt Thái tử trở về hoàng cung, sau này dân chúng xây tháp kỷ niệm đặt tên là tháp Xa-nặc và ngựa Kiền-trắc trở về cung.

Bồ-tát bước đi chậm rãi vẻ mặt đăm chiêu có ai đến hỏi Ngài, Ngài im lặng không đáp. Tất cả dân chúng nói với nhau: “Vị Tiên nhân này nhất định là con dòng họ Thích.” Nhân đây đặt tên cho Ngài là Thích-ca Mâu-ni.

Lúc ấy Bồ-tát tự tâm sinh ra suy nghĩ: "Ta nay đã sống cuộc đời như thế này rồi, đã xả bỏ cảnh vương vị quốc thành quyến thuộc, không có hối tiếc, việc xuất gia nay đã hoàn thành, là hiện tượng của tướng tịch diệt." Nghĩ như vậy rồi, tâm Thái tử càng dũng mãnh. Rồi Thái tử từ thôn A-ni-di-ca lần lần hướng về thành Tỳ-da-ly, trên đường đi băng qua ngang chỗ ở của Vị Tiên nhân kỳ cựu tên là Bạt-già-bà *(nhà Tùy dịch là Ngõa Sư)*. Khi Bồ-tát đến chỗ ở của vị Tiên nhân, khu rừng này tự nhiên bừng sáng. Bồ-tát đã cởi bỏ chiếc thiên y Ca-thi-ca và tất cả chuỗi anh lạc trang sức trên mình, chỉ do oai đức nơi tự thân Bồ-tát phát ra ánh sáng làm chói mắt tất cả Tiên nhân trong rừng. Có bài kệ nói:

Thiên y anh lạc Ngài đều bỏ
Chỉ mặc ca-sa pháp phục thường
Thân quang oai lực chiếu chư Tiên
Nào khác tượng vương sư tử bước.

Khi ấy, tất cả các Tiên nhân đang tu các hạnh như đi, đứng, nằm, ngồi, hoặc tay họ đang cầm đồ vật, họ tùy theo đó giữ lấy oai nghi, tất cả đồng hướng về trước mặt Bồ-tát, đem tâm cung kính ái mộ tôn trọng đảnh lễ; hoặc có Tiên nhân chiêm ngưỡng mà tâm còn sinh nghi. Nhưng những vị Tiên nhân kỳ cựu này, hoặc có vị đang nhặt lấy hoa quả, rễ cây dược thảo. Ngoài ra, các vị khác đi xa chưa về, mặc dầu họ chưa thấy Bồ-tát mà lòng họ không nghi, chỉ từ xa nghe tiếng Bồ-tát, sau khi nghe rồi lòng họ nao nao vội vã trở về chỗ ở trong rừng của mình, nên những điều đáng làm họ không làm, những vật đáng nhặt lấy họ không nhặt lấy, ngoài ra như bao nhiêu hoa quả, rễ cây dược thảo, dầu đã nhặt lấy rồi họ đều vất bỏ, trong tâm họ mong sao sớm trở về gặp được Bồ-tát.

Bao nhiêu loài chim trong rừng như hồng nhạn, ngỗng, vịt trời, anh võ, sáo sậu, uyên ương, mạng mạng, khổng tước và Ca-lăng-già, Câu-sí-la… khi thấy Bồ-tát tiến vào rừng, chúng đều cất tiếng hót thánh thót êm dịu.

Lại bao nhiêu loài trùng thú trong rừng, chúng nó đều không ăn cỏ uống nước, vui mừng hớn hở kéo đến trước mặt Bồ-tát.

Bấy giờ, trong rừng có các vị Bà-la-môn lo việc cúng tế, vắt sữa nơi các bò sữa, tuy các con bò này sắp hết sữa, nhưng vú nơi các con bò bỗng nhiên căng đầy tự nhiên tuôn chảy như lúc ban đầu. Họ nói với nhau: "Chúng ta đã từng nghe nói có tám vị trời Bà-sa-sa, người này phải chăng là một trong tám vị ấy." Hoặc có người nói: "Các vị chủ trời sao Lâu, người này phải chăng là một trong hai vị ấy? Không biết lý do gì và từ đâu người

đến khu rừng này? Ánh sáng tỏa khắp mọi nơi, giống như mặt trời xuất hiện ban mai chiếu khắp thế gian."

Rồi họ nói kệ:

Tám Bà-sa phải chăng là một?
Hoặc Thiên tử trong hai sao Lâu?
Không phải vậy cớ sao bừng sáng?
Tợ vừng hồng tỏa khắp thế gian.

Lúc ấy các vị Bà-la-môn tu tập pháp tiên, tùy sản phẩm có sẵn trong rừng dùng làm vật cúng dường, đồng đem vật cúng dường này đến dâng trước mặt Bồ-tát, mọi người đều nhất tâm đảnh lễ dưới chân Bồ-tát, đồng thưa:

–May mắn thay! Thánh giả đến đây, chúng tôi muốn thỉnh Ngài ở lại. Nơi đây đầy đủ các thứ: rừng cây hoa quả, rễ lá dược thảo và dòng suối mát lạnh… Tùy mỗi thời tiết đủ cung cấp cho Ngài dùng sung mãn. Đây là chỗ ở của các vị Tiên nhân đời trước cầu đạo giải thoát, nơi đây vắng vẻ kinh hành tịch tĩnh dễ được an tâm.

Bồ-tát với giọng nói ngọt ngào êm dịu, từng chữ, từng câu rõ ràng dễ hiểu, âm thanh rền vang như tiếng sấm, mỗi Tiên nhân đều nhận được lời thăm hỏi.

Lúc ấy trong đại chúng Tiên nhân có một vị tiên Bà-la-môn ở trong rừng khéo tu pháp khổ hạnh, thấy được oai nghi dung mạo của Bồ-tát như vậy, mới nói với một vị Bà-la-môn khác:

–Vị Thiên đồng tử này hiểu rõ tâm lý người, khéo dùng phương tiện. Vì sao? Phàm người thế gian họ đều nói: "Ta sinh con cái cần phải nuôi dưỡng, khi các con trưởng thành chúng sẽ thay ta lo mưu kế kinh doanh gia nghiệp, buôn bán mưu cầu tiền của, lập kế sinh nhai. Ta lúc ấy chuyên tu trí tuệ cầu đạo, nếu ta có mắc nợ người khác, chúng đều thanh toán cho ta." Họ suy nghĩ như vậy là do vì ân ái nên nuôi dưỡng các con. Còn đồng tử này không phải vậy, vì chúng sinh mà cầu đạo, không kể thân mạng, không tự cầu lợi.

Trong đại chúng Tiên nhân, có một vị Bà-la-môn khác nói với vị Bà-la-môn trước:

–Này nhân giả, đúng như lời nhân giả vừa nói, người trong thế gian không tự hiểu biết, không làm tròn bổn phận, thường không biết đủ, chỉ nói ngày nay ta phải làm xong việc như thế này, ngày mai ta phải làm xong việc như thế kia. Ngay khi người ta hành sự vẫn chưa đạt được mục đích, tất cả những người như vậy trong thế gian là do mê hoặc, trong hiện tại

không làm tròn việc tự lợi, thì đời vị lai lại không cách nào thành tựu các lợi ích.

Thuở trước, khi Bồ-tát từ cung trời Đâu-suất giáng xuống trần gian, thị hiện thai phàm vào nhà họ Thích, trước ngày sắp đản sinh, nơi khu rừng của Tiên nhân Bạt-già-bà, tự nhiên từ đất mọc lên hai cây bằng vàng, hai cây này to lớn cao vút, đến đêm Bồ-tát xuất gia hai cây này đồng một lúc bỗng nhiên biến mất không thấy tăm dạng. Tiên nhân Bạt-già-bà thấy hai cây này trong một đêm đồng biến mất, tâm rất lo âu vẻ mặt thiểu não, cúi đầu suy nghĩ: "Chắc chắn ta đến lúc suy thoái, hay lại có điềm xấu gì xảy đến nên mới xuất hiện việc như vầy chăng?"

Bồ-tát trông thấy Tiên nhân Bạt-già-bà ngồi gục đầu ưu sầu thiểu não tâm không chút an vui như vậy, Ngài lần lần tiến đến gần bên Tiên nhân hỏi:

–Thưa Tôn giả, vì cớ gì ngài ngồi cúi đầu trông có vẻ ưu sầu?

Tiên nhân đáp:

–Thưa Thiên đồng tử, chỗ này của tôi từ trước đến giờ có hai cây bằng vàng từ dưới đất mọc lên, thân cây to lớn cao vút đẹp đẽ rất khả quan, ngày nay tôi thấy cây này bỗng nhiên biến mất, nên ưu sầu tâm ý chẳng vui. Tôi ngồi cúi đầu tư duy, nguyên nhân là như vậy.

Bồ-tát liền hỏi Tiên nhân:

–Thưa Tôn giả, hai cây này mọc cách nay được bao lâu?

Tiên nhân đáp:

–Đến nay đã trải qua hai mươi chín năm.

Bồ-tát lại hỏi:

–Cây này mất cách nay bao lâu?

Tiên nhân đáp:

–Đêm hôm qua cây này biến mất không thấy.

Bồ-tát lại bảo Tiên nhân:

–Hai cây này là quả báo do phước đức của ta, nên nó xuất hiện. Nếu Ta còn ở đời làm Chuyển luân thánh vương, thì nơi mảnh đất an lành này Ta sẽ lập một hoa lâm viên. Nhưng Ta nay đã xả tục xuất gia, vì lý do đó đêm hôm qua hai cây này biến mất không còn xuất hiện nữa. Vì nhân duyên như vậy, xin Tôn giả chớ ưu sầu.

Bấy giờ Bồ-tát được tất cả các Tiên nhân tùy tùng hai bên, đưa Bồ-tát hướng về phía trước để đến chỗ ở của họ. Bồ-tát tùy ý dạo chơi quan sát khắp tất cả quang cảnh tu khổ hạnh tinh tấn như vậy: đứng, ngồi, tọa

thiền… để cầu đạo. Trong khi Bồ-tát ở trong rừng này, có một Tiên nhân tu khổ hạnh luôn luôn đi theo sau hầu Bồ-tát.

Bồ-tát vào trong rừng, đến chỗ ở của Tiên nhân rồi, Ngài đưa mắt quan sát khắp bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, thấy các hành giả đang tu khổ hạnh như đi, đứng, nằm, ngồi, với mục đích cầu quả vị tối thắng.

Bồ-tát hỏi các Tiên nhân:

–Nay tôi mới vào đây cầu đạo chưa được bao lâu, do vậy tôi muốn học hỏi nơi các vị. Cúi xin chư vị Tiên nhân đúng như pháp, vì tôi mà thuyết giảng những pháp tu khổ hạnh của các vị, mà trước đây tôi chưa từng hay biết. Các vị sẽ vì tôi phân tích rõ ràng, để tôi nghe rồi y như pháp tu tập, các phương pháp này quả thật đem lại lợi ích chân thật cho hành giả, tôi đây cũng y theo tất cả pháp khổ hạnh của các vị mà tu tập.

Các Tiên nhân đáp lời Bồ-tát:

–Nhân giả hỏi chúng tôi tất cả pháp khổ hạnh và pháp cầu đạo, chúng tôi sẽ vì Nhân giả theo thứ lớp mà giải thích. Phàm tu khổ hạnh, trong đây gồm có các pháp: Hoặc có pháp hành giả chỉ ăn rau cỏ; hoặc có pháp hành giả chỉ ăn mầm cỏ tranh; hoặc có pháp hành giả chỉ ăn nhành cây Ca-ni-ca-la; hoặc có pháp hành giả chỉ ăn nhành cây Đầu-câu-la; hoặc có pháp hành giả chỉ ăn nhành của một cây nào đó; hoặc có pháp hành giả chỉ ăn phân bò; hoặc có pháp hành giả chỉ ăn bã mè, quả dại, ngó sen; hoặc có pháp hành giả chỉ ăn cành non các loại cây; hoặc có pháp hành giả chỉ uống nước để sống; hoặc có pháp hành giả sống như con bọ hung; hoặc có pháp hành giả sống như con hươu nai chỉ ăn cỏ mà sống; hoặc có pháp hành giả đứng trên đất mà dụng tâm; hoặc có pháp hành giả ngồi trên đất mà diệt lòng ham muốn; hoặc có pháp hành giả sống bằng "Tứ khẩu thực"; hoặc có pháp hành giả lấy vỏ gai làm y phục; hoặc có pháp hành giả dùng lông dê đen làm y phục; hoặc có pháp hành giả dùng cỏ làm y phục; hoặc có pháp hành giả dùng tơ tằm làm y phục; hoặc có pháp hành giả dùng cỏ vòi rồng làm y phục; hoặc có pháp hành giả dùng cỏ gấu làm y phục; hoặc có pháp hành giả dùng da nai hay da các loài vật chết rữa còn thừa làm y phục; hoặc có pháp hành giả dùng tóc rối làm y phục; hoặc có pháp hành giả lấy len dạ làm y phục; hoặc có pháp hành giả lấy đủ loại giẻ rách làm y phục; hoặc có pháp hành giả để lõa hình nằm trên gai hoặc nằm trên tấm ván hoặc nằm trên gốc cây hoặc nằm trên cây sào; hoặc có pháp hành giả nằm trong rừng tử thi; hoặc có pháp hành giả nằm nơi đống gò mối giống như đời sống của con rắn; hoặc có pháp hành giả đứng nơi đất trống; hoặc có pháp

hành giả trầm mình trong nước; hoặc có pháp hành giả thờ lửa; hoặc có pháp hành giả nhìn theo mặt trời di chuyển; hoặc có pháp hành giả giơ thẳng hai tay; hoặc có pháp hành giả đứng yên như trời trồng; hoặc có pháp hành giả ngồi soạt thân trên mặt đất; hoặc có pháp hành giả không tắm gội, thân thoa đầy bùn đất; hoặc có pháp hành giả búi tóc; hoặc có pháp hành giả nhổ sạch tóc trên đầu; hoặc có pháp hành giả nhổ sạch râu mép.

Chúng tôi tự tu những pháp như vậy. Lại nữa, trong khi thực hành, chúng tôi tư duy quán tưởng: Hoặc nguyện cầu mong được sinh lên cõi trời, hoặc có vị lại nguyện sinh trở lại nhân gian. Do tu khổ hạnh, nên về sau thân này sẽ được an lạc. Tại sao như vậy? Tại vì cầu được sinh lên trời rất khó, nên cốt yếu phải lấy việc tu khổ hạnh làm căn bản.

Rồi họ nói kệ:

Khi tu tập khổ hạnh như đây
Sẽ hưởng phước cõi trời Đao-lợi
Siêng khổ hạnh đời sau an lạc
Do vì khổ là nhân vui sướng.

Tuy Bồ-tát nghe được các pháp khổ hạnh của các Tiên nhân như vậy, tuy mắt chưa từng mục kích cảnh các Tiên nhân nỗ lực tu các pháp môn trên, nhưng tâm Ngài lấy làm ngao ngán cho rằng những lời trình bày của các Tiên nhân chưa phải là pháp chân thiện, Ngài hạ giọng chậm rãi bảo các Tiên nhân:

–Ta nay suy xét pháp tu của các ông, tuy nhiên có khổ cần phải tiêu diệt, mà phước báo đời sau nhưng không định hướng, dầu đời sau có được sinh lên cõi trời, lại các người không biết tất cả quả báo nơi cung điện chư Thiên đều là pháp vô thường. Do vì tu hành nên được quả báo nhỏ nhoi, khổ hạnh như vậy mà đã xả bỏ ân ái thân tộc, lại mất thú vui ở đời. Các vị tu khổ hạnh xa lìa các thú vui, ngược lại sẽ rơi vào trong đại lao ngục.

Rồi Ngài nói kệ:

Thân yêu, thú đời Ta đều bỏ
Tu hành khổ hạnh để lên trời
Tuy lại nói rằng lên Thiên giới
Nào ngờ hậu thế vào lao ngục.

Bồ-tát nói kệ xong, liền bảo:

–Nếu như có người dày vò thân thể để mong cầu quả báo tốt, như sinh lên trời. Do vì cảnh giới trời thọ hưởng thú vui ngũ dục không biết

nhàm chán và đời vị lai họ không tránh khỏi tai họa của phiền não ngũ dục đưa đến.

Này các Tiên nhân, do các vị tu khổ hạnh trở lại chuốc lấy đại khổ. Vì các vị khi sắp mạng chung, thấy khổ sở sinh tâm quá sợ hãi, nên mong cầu đời sau sinh cảnh giới tốt đẹp hơn. Do có mong cầu sinh nên không thoát khỏi luật vô thường. Tại sao như vậy? Chúng sinh sống trên thế gian này, nơi nào có sự khủng bố, thì họ sẽ trở lại đắm chấp nơi đó. Do ở thế gian này bị các khổ sở bức bách, nên họ cầu sinh lên trời thọ hưởng thú vui. Họ ao ước trông mong sinh lên Thiên giới, nhưng việc làm đó chưa thoát khỏi luân hồi, nên đời sau lại đọa vào cảnh giới không lợi ích, mà họ vẫn cố chấp không bỏ tu khổ hạnh, họ cũng không mong cầu lìa bỏ pháp khổ thân.

Muốn cầu cảnh giới tốt đẹp vượt lên trên cảnh giới chư Thiên, nếu là người trí thì nên xa lìa ngũ dục, lần lần tìm đến cảnh giới tối thắng, như người đi bộ chân bước về trước, để đạt đến cảnh giới tối thắng, rồi phải vượt qua cảnh giới tối thắng ấy.

Nếu các người lấy việc khổ thân cho là đắc pháp, thì pháp khổ thân này là phi pháp. Nếu khổ thân để được thú vui trên Thiên giới, do thực hiện pháp này sẽ rơi vào phi pháp. Nhưng mọi hành động của thân này là do tâm điều khiển, cho nên trước phải điều phục tâm chẳng nên làm khổ thân.

Rồi Ngài nói kệ:

Khi thân động là do tâm chuyển
Trước điều tâm nên chớ khổ thân.
Thân vô tri dường như cây đá
Tâm làm chủ cớ sao thân khổ?

Bồ-tát nói tiếp:

–Theo như pháp tu khổ hạnh các vị nói vừa rồi, do nhịn ăn để được phước, thì các loài thú hoang lẽ ra được phước lớn; lại như kẻ bần cùng đời trước trồng ít thiện căn, nên ngày nay mắc quả báo nghèo nàn, tài sản thiếu hụt; cũng như thế gian có kẻ không công đức, thường cầu nước công đức nơi tất cả các thần kỳ trên quả đất này dùng để tắm rửa thân thể, nhằm mong cầu mọi sự đều được thành tựu như sở nguyện. Hoàn toàn không có việc như vậy!

Khi ấy các Tiên nhân khổ hạnh thưa Bồ-tát:

–Bạch Nhân giả trí tuệ sáng suốt, Ngài ở nơi đây nhạn thấy những tai họa gì?

Bồ-tát đáp:

–Ngày nay các vị tu theo pháp khổ hạnh như vậy, đời sau các vị sẽ bị đọa vào cõi khổ.

Các vị Tiên khổ hạnh lại cùng nhau vấn nạn Bồ-tát:

–Nơi này có pháp tu hành như vậy, tại sao Ngài biết được tu khổ hạnh như thế này ngày mai lại bị đọa vào cõi khổ?

Bồ-tát đáp:

–Các vị tu các pháp khổ hạnh như vậy, không phải là giáo pháp cứu cánh, nên sẽ rơi vào chỗ không phải là không sợ hãi.

Các vị Tiên khổ hạnh lại bạch Bồ-tát:

–Nhân giả là bậc Đại đức, xin Nhân giả chớ nói lời như vậy! Chúng tôi ngày nay ở nơi đây, trên con đường hành đạo của chúng tôi có công đức lớn, không có gì đáng sợ hãi, nếu người nào y vào con đường tu hành này, sau khi xả bỏ thân hình thô xấu này, sẽ được báo thân tốt đẹp tuyệt vời.

Bồ-tát nói:

–Tuy sau khi xả bỏ thân thô xấu này sẽ được báo thân tốt đẹp, nhưng chưa phải là pháp ra khỏi luân hồi. Do ngày nay tu pháp làm khổ thân, đời sau sẽ được báo thân. Nhưng báo thân đời sau này cũng chưa khỏi khổ. Lý do tại sao? Tuy có tu nhiều pháp khổ hạnh, để mong cầu lạc thú, mà trái lại cũng chẳng hết khổ.

Các vị Tiên khổ hạnh chấp lý bạch Bồ-tát:

–Thưa Nhân giả, chẳng phải như vậy. Chẳng phải đời này do tu khổ hạnh đời sau lại bị khổ. Do những pháp khổ thân này của chúng tôi, nên đời sau quyết định sẽ được khoái lạc.

Bồ-tát lại bảo:

–Các vị nói như vậy, cũng chỉ là lời nói của kẻ vô trí. Vì cớ sao? Ví như có người muốn cầu lợi lạc mà không biết trong việc cầu lợi lạc này lại có điều bất lợi. Do vì biết bất lợi mà vẫn muốn cầu lợi nơi đó, đây chẳng phải là người trí.

Bấy giờ, có một vị Bà-la-môn ở trong đại chúng cao giọng xướng lên:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Vị Vương tử này là bậc trí tuệ chân thật. Ví như có người được đồ ăn uống cao lương mỹ vị, mà đồ ăn này pha lẫn độc dược, thử hỏi ai muốn ăn. Việc tu khổ hạnh như đây, đời sau tuy được khoái lạc mà chưa thoát khỏi pháp hữu vi sinh lão bệnh tử, thì pháp khổ hạnh này đâu chẳng phải cầu trở lại đường sinh tử?

Bồ-tát lại nói:

–Tất cả khổ thế gian, ghét nhất là tử thần cướp mạng sống, mà lại cầu sinh đời sau, đây là điều đại ngu si.

Vị Tiên khổ hạnh tán thán:

–Hay thay Vương tử! E rằng Ngài chẳng quán sát chín chắn đi sâu vào môn khổ hạnh này. Trong quá khứ có vô lượng Đại đức đồng tu pháp khổ hạnh này, ở nơi đây cũng có vô lượng trăm ngàn vạn ức vị vua tu Tiên… đồng tu pháp khổ hạnh này, đồng cầu lạc thú ở đời vị lai.

Bồ-tát lại nói:

–Như lời ông nói hôm nay, trải qua ngàn vạn năm, ít thấy ai ngu si hơn. Ôi thôi vọng ngữ! Các Đại đức ở nơi đây do tu khổ hạnh, tâm so sánh cảnh khổ vui, nên cầu đời sau hưởng phước lạc, ở đời vị lai thọ sinh trong cảnh giới luân hồi, không bao giờ lấy làm thỏa mãn, ở trong phiền não làm những việc không nên làm. Luân hồi trong đó. Do vì ngày nay ở trong thế gian này cầu mong đời sau hưởng lạc thú, ngược lại bị nhiều khổ sở.

Tiên nhân khổ hạnh lại nói:

–Bạch Nhân giả Vương tử, quốc chủ nước này ở thành Mị-di-la, nhà vua trước khi tổ chức hội Vô già sát hại súc sinh không phải ít để cúng tế chư Thiên, cầu đời sau thọ hưởng lạc thú.

Bồ-tát lại nói:

–Phàm do sát sinh mà gọi là đắc pháp. Việc đó có thể gọi là pháp hạnh hay sao?

Tiên nhân khổ hạnh lại bạch:

–Pháp tế tự chư Thiên của chúng tôi từ trước đến nay được truyền thừa như vậy.

Bồ-tát nói:

–Có kẻ làm đau khổ người khác mà cho là đắc pháp. Ví như có người lấy đất trét lên thân, rồi lại dùng đất để lau đất trên thân, thử hỏi thân có hết đất hay không? Hoặc có người lấy máu thoa lên thân rồi lại lấy máu rửa máu trên thân, làm sao rửa sạch máu trên thân được! Như có người thực hành phi pháp, mong sẽ được đắc pháp. Không có việc như vậy.

Các vị Tiên khổ hạnh đáp:

–Thật có việc như vậy.

Bồ-tát hỏi:

–Vì lý do gì?

Các vị Tiên khổ hạnh đáp:

–Căn cứ vào luận Vi-đà. Tiên nhân đời xưa có nói rõ điều này.

Bồ-tát lại hỏi:

–Luận Vi-đà chư Tiên nói nghĩa ấy ra sao?

Các vị Tiên khổ hạnh đáp:

–Trong luận có nói: "Nếu có người cúng tế chư Thiên thì gọi là đắc pháp."

Bồ-tát lại nói:

–Ta lại hỏi ông, theo pháp thế gian gần đây của các ông, nếu có người giết dê cúng tế trời đất, gọi là đúng như pháp. Lý do gì các ông không giết cha mẹ thân tộc để cúng tế trời đất. Do vậy Ta biết rằng giết dê cúng tế trời không có công đức. Ông thực hành các điều phi pháp, chỉ là ý muốn của các ông như vậy mà thôi.

Bấy giờ Bồ-tát đưa mắt nhìn trông thấy một rừng cây, cách chỗ Ngài ngồi chẳng bao xa, đó chính là rừng tử thi. Bồ-tát thấy rồi liền bảo các vị Tiên khổ hạnh:

–Các Tôn giả hãy nhìn xem cảnh trí mảnh đất khu rừng kia sẽ thuộc loại khổ hạnh nào, mà hiện giờ trong rừng hoặc có tử thi bị chim ăn; hoặc có tử thi thành đống xương trắng; hoặc có tử thi hiện nay đang hỏa táng thành một đống xương; hoặc có tử thi treo trên cây; hoặc có tử thi bị quyến thuộc sát hại, rồi trang nghiêm chỗ ngồi, y theo lễ nghi mai táng để người đời sau lấy làm hổ thẹn; hoặc có tử thi được quyến thuộc quây quần bên nhau đưa đến bãi tha ma trong rừng, bỏ đó rồi trở về nhà.

Các vị Tiên khổ hạnh lại đáp:

–Thưa Nhân giả Vương tử, đúng vậy, mảnh đất khu rừng tử thi kia là mảnh đất công đức bố thí thân bình đẳng, cùng chung cho bốn đẳng cấp trong xã hội không phân biệt một ai, nên gọi là cánh đồng hoang. Còn mảnh đất khu rừng này của chúng tôi, hễ người nào bố thí thân xác mà không lấy làm đau khổ với sở nguyện cầu đời sau được tốt đẹp, sau khi chết họ liền sinh lên trời hưởng thú vui; hoặc có hành giả gieo mình xuống vực thẳm; hoặc đốt thân, hoặc thí thân mạng, tất cả đều được sinh lên trời.

Bồ-tát lại nói:

–Nếu đúng như vậy, hành giả tu khổ hạnh cầu đời sau giàu có. Ôi thôi quá si mê! Ôi thôi, ở trong vô thường cầu đời sau phú quý tức cầu đời sau nhiều oán thù! Ôi thôi, đại khổ lại mưu cầu đại khổ! Họ là những người ngu si, là người vô trí, là người nhảy vào đống lửa, là kẻ nạp mạng vào miệng mãng xà.

Với tài hùng biện của Bồ-tát như vậy, Ngài đối với các vị Tiên khổ hạnh dùng lời vi diệu nói về đường lối giải thoát. Câu chuyện đến đây trời đã hoàng hôn, Bồ-tát trở về chỗ nghỉ của các Tiên nhân.

Sáng hôm sau Bồ-tát lại du hành đến các nơi khác, các Tiên nhân theo thứ lớp cất bước theo sau.

Bồ-tát đi chẳng bao lâu, Ngài thấy chư Tiên tiếp tục đuổi theo, thấy vậy Ngài liền an tọa dưới một tàng cây, chư Tiên hoặc đứng hoặc ngồi bao quanh Bồ-tát.

Lúc ấy trong đại chúng Tiên khổ hạnh có một Tiên nhân thuộc hàng Trưởng lão, đến trước Bồ-tát sinh tâm hy hữu mà bạch:

–Thưa Nhân giả Vương tử, kể từ khi Ngài đến khu rừng này, chỗ ở của chúng tôi được trang nghiêm, e Nhân giả đi rồi quang cảnh này liền trở thành cánh đồng hoang vắng. Vì lý do đó, xin Nhân giả chớ bỏ chúng tôi ra đi. Vì sao? Lại nữa hễ ai muốn sinh lên Thiên giới nên ở nơi mảnh đất công đức này mà tu khổ hạnh. Do vậy Nhân giả chẳng nên bỏ khu rừng nhiệm mầu này, là chỗ Thánh nhân đời trước tu hành thanh tịnh mà đi nơi khác!

Rồi Tiên nhân nói kệ:

Ngài đến đây rừng tôi rực rỡ
Nay vắng Ngài bỗng thành hoang dã
Vì cớ ấy ta chẳng xa nhau
Như ham sống hình hài chớ hủy.

Nói kệ rồi vị Tiên lại bạch:

–Thưa Nhân giả Vương tử, nay ở đây Ngài chỉ thấy có người thô bỉ hèn hạ vô ân nghĩa thôi sao? Hoặc Ngài thấy có người bị rơi vào đường hạnh tạp nhiễm; hoặc Ngài thấy có người sống đời bất tịnh hạnh. Nếu không như vậy tại sao Nhân giả không thích ở lại đây với chúng tôi? Chư Tiên chúng tôi muốn cùng Ngài kết nghĩa thiện hữu tri thức, tùy thuận vâng lời Ngài chỉ dạy thi hành không dám chống trái, muốn cùng Nhân giả mưu cầu đạt được cảnh giới thù thắng tuyệt vời. Giả sử người đang gặp vận xấu sống chung với Nhân giả vẫn đạt được điều tốt đẹp, huống gì là các Tiên nhân chúng tôi.

Bồ-tát được vị Tiên thượng thủ xin cùng Ngài cầu pháp giải thoát. Bồ-tát hiểu được ý họ, liền nói lời thệ nguyện bổn tâm của mình, đồng thời tán thán các Tiên nhân khổ hạnh. Ngài nói:

–Này các Nhân giả chư Tiên, ngày nay các Ngài đã chứng được biện tài vô ngại, từ trước đến nay đem thân tu tập pháp hạnh như vậy, nên tâm

được thanh tịnh, đối với người chưa từng quen biết mà sinh tâm niệm ân cần kính trọng, nay sắp chia tay như xa cách người thân yêu nên rất bùi ngùi. Tình người tuy là vậy, nhưng pháp mưu cầu của chư Nhân giả là quả báo sinh lên Thiên giới. Còn Ta thì chẳng phải vậy. Ta nay chí cầu giải thoát, ý chẳng muốn cầu hữu ngã, nguyện Ta quyết định như vậy. Tâm Ta đã quán sát cảnh tượng của các vị rồi, đối với chỗ ở của các vị Ta chẳng ham muốn, một đàng muốn tái sinh trở lại, một đàng muốn giải thoát tam giới, hai vấn đề hết sức mâu thuẫn. Nhưng Ta cũng chẳng phải chẳng thích chỗ ở này, lại cũng không ganh tị người khác, cũng chẳng phải thấy lỗi của người khác mà bỏ ra đi. Nhưng các vị đều sống trong giáo pháp các vị, tuân hành lời chỉ dạy của bậc Thánh hiền Tiên nhân đời trước, các Ngài đều đã đắc pháp của bậc Đại Tiên.

Bấy giờ các Tiên nhân thấy chí cầu giải thoát tối thượng của Bồ-tát, lại càng sinh tâm ân cần ái kính tôn trọng.

Khi ấy, trong đại chúng Tiên nhân có một vị Tiên Phạm chí, tu hạnh luôn luôn nằm trong tro, hay thân nằm sát bên tử thi, lấy giẻ rách kết làm y phục, tai xanh, mắt vàng, mũi cao, thân trắng, tay cầm bình nước, nghe Bồ-tát nói như vậy, liền hướng đến trước mặt Bồ-tát, tâm rất hoan hỷ dùng lời tán dương:

–Lời nói của Nhân giả hết sức vi diệu trình bày bản nguyện tối thượng của mình. Ngài nay đang độ thiếu niên, chưa thọ ngũ dục mà thấy được các tai vạ ngũ dục nên không khát vọng. Còn có kẻ muốn sinh lên trời thì họ đâu có biết được hoạn nạn sau khi sinh lên trời. Kẻ nào quán sát như vậy mà mong cầu giải thoát thì chẳng bao lâu sẽ được toại nguyện. Nếu Nhân giả quán sát được như vậy, quyết định cầu mong giải thoát tam giới, Ngài nên mau mau ra khỏi nơi đây, đến xứ Nhật xuyên tạng là chỗ ở của một vị Tiên nhân tên là A-la-la, vị Tiên nhân này nhất định đã chứng được Chánh trí thanh tịnh nhãn. Nhân giả có thể học hỏi nơi vị này, sẽ nghe được con đường phương tiện chí chân. Nhân giả nghe được con đường phương tiện rồi, theo ý tôi nhận thấy trí tuệ Nhân giả nhất định sẽ hơn vị ấy. Như trí tuệ cùng tất cả tướng mạo sắc thân của Nhân giả ngày nay, quyết định sẽ vượt qua các trí đến bờ giải thoát. Hơn tất cả Tiên nhân đời trước, vì những điều họ chưa từng chứng biết, nay đây Ngài đều chứng biết.

Bồ-tát bảo vị Tiên Phạm chí:

–Tôi nguyện làm y như lời Nhân giả chỉ bảo.

Rồi Bồ-tát chia tay những Tiên nhân khổ hạnh đã tôn trọng cung kính ân cần mời Ngài ở lại, ra đi về hướng Tiên nhân A-la-la.

Có kệ nói:

Thái tử Thích-ca dòng tôn quý
Đem lời khéo an ủi chư Tiên
Quyết chí hướng về A-la-la
Chư Tiên khổ hạnh về bổn xứ.

□

Phẩm 25: SỨ GIẢ CỦA NHÀ VUA ĐI TÌM THÁI TỬ (Phần 1)

Thuở ấy, Quốc sư Bà-la-môn và một đại thần vâng lệnh Đại vương Tịnh Phạn, họ buồn bã tủi khóc rơi lệ, liền bố trí xe ngựa nghiêm chỉnh hoàn bị, với tư cách thừa thế lực oai đức của Đại vương, khởi hành từ thành Ca-tỳ-la, ra khỏi thành tìm dấu tích đuổi theo Bồ-tát, chẳng bao lâu đã đến khu vực Tiên nhân Bạt-già-bà.

Tiên nhân Bạt-già-bà xa xa trông thấy đoàn sứ giả nhà vua lần lần tiến gần lại, Tiên nhân liền đứng dậy bước ra đón tiếp và nói:

–Hân hạnh thay Nhân giả đến đây! Không biết lý do gì quý ngài bỗng nhiên đến khu rừng này? Xin quý ngài vui lòng cho biết, xin mời quý ngài dừng chân giây lát, tạm ngồi trên tấm thảm cỏ này giải khát, rồi tôi sẽ thết đãi đủ thứ quả ngon nước ngọt tươi mát, các ngài mặc tình thọ dụng.

Hai sứ giả liền đảnh lễ dưới chân vị Tiên Bạt-già-bà, đảnh lễ rồi lui về ngồi một bên. An tọa xong, Tiên Bạt-già-bà vấn an sức khỏe hai sứ giả nhà vua.

Khi ấy đại thần cắt ngang lời nói của Tiên Bạt-già-bà rồi nói:

–Thưa Đại Tiên tôn sư, chúng tôi được Đại vương Tịnh Phạn dòng Cam Giá sai đến đây, tôi là đại thần của nhà vua, còn vị kia là Đại Bà-la-môn Tôn sư của nhà vua. Nhà vua dòng Cam Giá có một Thái tử quý danh là Tất-đạt-đa. Do Thái tử sợ cảnh sinh, già, bệnh, chết, nên bỏ vương cung vào núi chí cầu giải thoát, nghe đồn rằng Thái tử đã đến xứ này. Đó là lý do chúng tôi đến đây.

Tiên Bạt-già-bà nghe hai sứ giả nói như vậy, liền đáp:

–Vị Trượng phu Tối thượng đầy đủ công đức to lớn ấy đã từng đến đây. Sau khi Ngài đến đây hỏi pháp tu tập của tôi, tôi thật sự y theo giáo pháp trình bày cho Ngài nghe. Ngài nghe xong liền nói: "Đây tuy là giáo pháp vượt lên trên thế gian, nhưng sau này vẫn trở lại trong sinh tử, chẳng phải phương pháp rốt ráo." Ngài chê giáo pháp của tôi, bỏ đi nơi khác để cầu đạo thoát ly sinh tử. Nay Ngài đang hướng về chỗ ở của Tiên A-la-la.

Rồi Tiên nhân nói kệ:

Tối thượng Trượng phu công đức lớn
Đến ta nghe pháp cho chẳng thật
Chí cầu Niết-bàn quả tối thượng
Bỏ ta hướng đến chỗ A-la.

Hai sứ giả đại thần và Quốc sư đại Bà-la-môn, sau khi nghe Tiên Bạt-già-bà nói, do họ dốc lòng ân cần kính trọng đối với Đại vương Tịnh Phạn, nên không biết mỏi mệt, không chút trễ nải, không kịp ăn quả ngọt uống nước ngon của Tiên nhân thết đãi, họ y theo lời nói của Bạt-già-bà cùng nhau vội vã ra đi, tìm về hướng Bồ-tát, lần lần chẳng mấy chốc họ đã tìm ra khu rừng Bồ-tát đang ở. Từ xa hai sứ giả trông thấy Bồ-tát đang ngồi trên thảm cỏ dưới cội cây trong khu rừng, Ngài đã cởi bỏ tất cả đồ trang sức quý báu: bảo châu, anh lạc… mà tự thân phóng ra hào quang chiếu sáng rực rỡ tỏa khắp cánh rừng, trông thật trang nghiêm, ví như mặt trời xuất hiện giữa đám mây, chiếu sáng cả trời đất. Sứ giả thấy quang cảnh như vậy, liền bước xuống xe, đi bộ chậm rãi hướng về phía Bồ-tát, đến nơi đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi đồng xướng lên:

–Cúi xin Thánh tử, Ngài luôn luôn được an lành. Rồi họ đứng nép một bên về phía trước Bồ-tát. Bồ-tát hỏi thăm hai vị sứ giả, Ngài tùy theo mỗi việc khó nhọc đã trải qua mà tỏ lời an ủi cảm tạ. Sau khi hỏi thăm an ủi rồi, Bồ-tát cho phép hai sứ giả ngồi gần kề bên.

Hai sứ giả an tọa xong, liền thưa Bồ-tát:

–Thưa Thái tử Đại trí, phụ vương Ngài là Đại vương Tịnh Phạn, do quá yêu thương kính mến Thái tử, nên rất buồn rầu khổ não. Vì sao như vậy? Vì ngày Bồ-tát bỏ vương cung xuất gia, Đại vương nghe tin ấy đang đứng bỗng nhiên ngã xỉu xuống đất, hồn xiêu phách lạc hoàn toàn bất tỉnh, quần thần dùng nước rưới lên mình Ngài hồi lâu mới tỉnh, sau khi hồi phục tinh thần Đại vương quá ư thương nhớ Thái tử, nước mắt tuôn trào ràn rụa cả mặt. Do tình trạng như vậy, ngày nay Đại vương ra lệnh hai chúng tôi đi tìm Thánh tử, cúi xin Thánh tử chánh tâm lắng nghe sắc lệnh của Đại vương ban ra thế này:

"Trẫm cũng biết rằng tâm Thánh tử ưa thích chánh pháp, cũng biết Thánh tử không thích vương cung, quyết định xuất gia cầu vô thượng đạo. Việc ấy tuy đúng, nhưng nay chẳng phải là lúc Thánh tử vào rừng. Trẫm thấy Thái tử vào rừng không đúng lúc, do đó Trẫm hết sức ưu sầu đau khổ, toàn thân bị phiền muộn đốt cháy giống như lửa hồng phừng phực thiêu cả cánh rừng bát ngát. Nay Thái tử nên từ bỏ ý ấy đi, trở về sống nơi vương cung với Trẫm. Thái tử tạm thời xả bỏ tâm ái pháp, nhận lấy tấm lòng quý

trọng của cha. Nếu được như vậy là pháp hạnh của Thái tử. Còn con không về gặp mặt cha, thì nỗi đau của cha lại càng thêm mãnh liệt. Ví như dòng nước đại hà chảy suốt quanh năm, tình cờ trong nhất thời hai bờ sông bị vỡ, làm cho dòng nước tự nhiên gián đoạn; lại như trận cuồng phong thổi tan đám mây lớn; ví như khí trời oi bức thiêu hủy đồng cỏ khô; ví như tháng trời đại hạn làm khô cạn các dòng sông; ví như trận mưa đá làm gãy đổ lúa mạ mùa xuân.

"Này đứa con yêu quý, tâm cha ngày nay cũng vậy! Do vì mơ tưởng thương nhớ đến con, tâm cha quá đau khổ như bị nước sôi, như lửa thiêu đốt làm ruột gan tan nát. Do vậy con phải hồi tâm trở lại vương cung nhận lãnh ngôi vua trị vì thiên hạ. Còn nếu con muốn để lại đời sau lời bình phẩm, thì tùy ý con vào rừng cầu pháp."

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 21

Phẩm 25: SỨ GIẢ CỦA NHÀ VUA ĐI TÌM THÁI TỬ (Phần 2)

Vua Tịnh Phạn nói: "Con trí tuệ của cha, con đang sống với thân tộc mà không có tâm thương mến thân tộc. Con nên thuận ý cha trở về sống trong hoàng cung, chớ để cha ngày nay vì con mà phải chịu ưu sầu khổ não, sẽ hại đến tính mạng.

"Này con yêu quý, người hành pháp đối với tất cả chúng sinh đều phải phát tâm từ bi, như vậy mới gọi là hành pháp. Đâu chỉ ở một mình trong rừng sâu mới gọi là hành pháp? Trước đây cha từng nghe, từ xưa đến nay, có nhiều người tại gia, thân không bỏ các đồ trang sức như chuỗi anh lạc… không cạo bỏ râu tóc vẫn đầy đủ công đức cầu giải thoát, ở tại gia cũng đắc pháp. Hành giả tu tập pháp hạnh giải thoát chỉ cần có trí tuệ và tinh tấn, như vậy là chánh nhân giải thoát. Vì con, cha sẽ trình bày sơ lược: Xưa có Nhân giả tên Tùy Thường, có Nhân giả tên Lực Kim Cang, có Nhân giả tên Đa Hữu, có Nhân giả tên Lưu Hành, có Nhân giả tên Đại Phú, có Nhân giả tên Biên Thiên, lại có vua nước Tỳ-đề-ha tên Năng Sinh Da-da-đề *(đời Tùy dịch là Hành Hành),* có Nhân giả tên Tịnh Tiên, lại có vua Ma-la *(đời Tùy dịch là Tác Hỷ)*; có vô lượng vô biên các vị vua tu tại gia như vậy đều được giải thoát. Con phải biết ở tại gia cầu pháp giải thoát cũng được thành tựu, hà tất phải xuất gia. Do vậy, con phải mau mau trở về nhà để hoàn thành hai nguyện: Một là con được hưởng thú vui năm dục, hai là để cha thường được an vui.

"Phàm người đời lên ngôi vua có tài năng trí tuệ làm đúng theo nguyện vọng của nhân dân gọi là minh quân, cha sẽ làm cho con đạt được hoàn toàn nguyện vọng ấy. Theo người đời, một vị vua khó từ bỏ vương vị, vì con ta làm được việc khó này, bằng cách làm lễ quán đảnh trao vương vị cho con. Nếu do nhân duyên này mà con xây dựng được sơn hà xã tắc, thì cha lấy làm hạnh phúc, bỏ quần thần, thế tục ngay, xuất gia vào núi cầu đạo.

"Vua đã nói kệ:

Ngôi vua, thân thuộc khó từ bỏ
Nay đều cắt bỏ trao Thái tử
Thấy con có khả năng trị nước
Ta sẽ hoan hỷ vào thâm sơn.”

Sau khi đại thần và Quốc sư Bà-la-môn đọc lại bài kệ của vua Tịnh Phạn, hai vị đại sứ khép nép thăm hỏi Bồ-tát xong rồi, lại đưa ra ba sự việc để can gián Thái tử:

–Thưa Đại trí Thánh tử, phụ vương Tịnh Phạn của Thánh tử truyền cho hạ thần những lời chua xót này với giọng điệu nghẹn ngào đôi mắt rơi lệ. Ngày nay Ngài đã nghe sắc lệnh của phụ vương như vậy, đáng ra Ngài phải cung kính vâng theo sắc lệnh của cha mình không được trái ý. Phụ vương của Thánh tử ngày nay đã chìm sâu vào dòng sông đau khổ, mà không có người cứu vớt lên bờ trí. Một mình Thánh tử mới có khả năng cứu vớt Đại vương ra khỏi biển khổ. Như có người rơi vào chỗ nước sâu thăm thẳm, chỉ có người lái thuyền giỏi mới vớt được người này.

Vị Sứ giả kia nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Phụ vương của Thánh tử ngày nay chìm sâu trong biển cả đau khổ, lại không có người cứu nạn, chỉ một mình Thánh tử mới có khả năng làm việc ấy mà thôi. Lại nữa, khi Thánh tử còn bé nhỏ, chỉ có di mẫu Kiều-đàm-di là người chăm sóc nuôi dưỡng, mà bà lại là dì ruột của Thánh tử, đừng để bà cô quạnh, đến nỗi chết mất. Ngày nay, vì nhớ nghĩ đến Ngài, bà buồn rầu kêu khóc hết sức đau khổ, như trâu mẹ mất con. Như vậy! Đúng vậy! Phu nhân Kiều-đàm-di vì không thấy Thánh tử nên buồn rầu, luôn luôn đau khổ kêu khóc tức tưởi. Vì vậy xin Thánh tử nghĩ lại ân dưỡng dục của bà thuở trước, như trâu mẹ luyến ái trâu con mà chẳng nên xa lìa. Phụ nữ quyến thuộc trong cung thương nhớ Thánh tử cũng như vậy.

Lại nữa, tất cả thần dân nam nữ già trẻ thuộc dòng họ Thích trong thành Ca-tỳ-la vì thương nhớ Thánh tử, tâm họ bị lửa khổ não thiêu đốt. Vì vậy, nay xin Thánh tử trở về hoàng cung để gặp lại họ. Ví như mặt đất đang bị thiêu đốt, được chư Thiên giáng xuống trận mưa lớn dập tắt ngọn lửa khổ não.

Bấy giờ Bồ-tát nghe sứ giả của phụ vương trình bày như vậy, suy nghĩ một chút để điều hòa hơi thở, thân tâm an định rồi bảo sứ giả:

–Ta cũng đã biết, mọi người cha đều có tâm yêu thương con. Ta biết Đại vương Tịnh Phạn thân phụ của Ta, đối với Ta ngài hết sức thương nhớ. Nhưng Ta đang sợ sinh lão bệnh tử nơi thế gian, thấy mình đang bị chìm

làm sao cứu được người chìm đắm. Do đó, muốn thoát khỏi luân hồi, trước tiên Ta phải tạm xa lánh quyến thuộc. Ai lại muốn sống xa lìa thân ái mà không muốn đoàn tụ. Nếu trong thế gian không có sự ly biệt ân ái, thì thử hỏi ai lại không thích ở trong thế gian. Tuy cùng thân quyến sống đoàn tụ, lâu dài đi nữa, rồi cũng có ngày biệt ly. Do vậy, ngày nay Ta xả bỏ thân tộc, kể cả cha mẹ thân yêu, chí cầu Bồ-đề.

Theo như lời trình bày của hai vị, vì thương nhớ Ta khiến phụ vương buồn phiền khổ não vô cùng. Nghe lời nói của các ông, Ta thật không lưu luyến ân ái. Tại vì sao? Ví như có người ở trong giấc ngủ, mộng thấy thân bằng quyến thuộc đoàn tụ hội họp, thức dạy vẫn thấy biệt ly. Nếu phàm phu không hiểu đó là giấc mộng, tâm sinh thương nhớ, đó là hạng chúng sinh ngu si vô trí. Nếu là người trí, thì suy nghĩ: "Sự đoàn tụ gia đình quyến thuộc như khách đi đường, các lữ hành đồng một lộ trình kết bạn cùng nhau đi, theo nhau xa gần, khi đến nơi rồi, đều chia tay nhau về nhà." Do ý nghĩa như vậy, tất cả quyến thuộc thân yêu, có đoàn tụ thì có phân ly, cần gì phải ưu sầu khổ não. Lại trong quá khứ đã từng làm quyến thuộc với nhau, rồi xả bỏ đưa đến ngày nay, lại bỏ quyến thuộc đời này để sang đời sau, rồi bỏ quyến thuộc đời sau để sang đời sau nữa, cùng nhau xả bỏ theo tuần tự xoay như vậy. Tâm ái luyến quyến thuộc này từ đâu đến, rồi nó sẽ đi về đâu? Phàm người thế gian bắt đầu từ khi thọ thai đến bất cứ ở đâu, trong từng thời gian ngắn nhất đều có quỷ cướp mạng sống bên mình. Như vậy, tại sao nói đúng lúc với không đúng lúc mà ra sắc lệnh với ta: "Này con, lúc này không phải là thời điểm vào rừng cầu đạo, huống chi đây là lúc ở cung điện hưởng thụ ngũ dục!" Nếu hỏi Ta đúng thời và không đúng thời, Ta sẽ nói sơ lược. Tại sao? Trong tất cả thời gian, con quỷ cướp mạng sống luôn luôn ở bên chúng sinh, không rời. Do vậy, Ta muốn xa lìa cảnh sinh, già, bệnh, chết. Vì vậy, không lúc nào là không đúng.

Bồ-tát lại nói:

–Phụ vương bảo Ta hễ con về cha sẽ làm lễ quán đảnh trao vương vị. Phụ vương của Ta đã có tâm quảng đại, đối với việc khó làm mà ngài đã cho Ta một cách dễ dàng, điều đáng tiếc là chướng ngại đường tu tập của Ta, nên Ta không muốn nhận lãnh ngôi vua, thân ái ràng buộc, không phải là con đường giải thoát. Như người bệnh nặng không muốn ăn thức ăn ngon, tại sao người trí lại tham dục lạc ở đời. Kẻ vô trí bị vọng tưởng với thân ngu si chuốc lấy đại khổ, nên mới chịu nhận lãnh vương vị. Một khi đã ở ngôi vua thì buông lung phóng dật, ham mê tửu sắc không thể xa lìa. Ví như ngôi nhà bằng vàng bị ngọn lửa hồng thiêu đốt; ví như nước ngon

pha với độc dược; ví như ao hoa lại có loài giao long. Đúng vậy! Đúng vậy! Người hưởng khoái lạc ngôi vua bị say đắm tâm ý, các tai hại liền kề mà không hay biết! Vì vậy, Ta không thích làm vua, nó không phải pháp giải thoát.

Rồi Ngài nói kệ:

Ví như nhà vàng tràn ngập lửa
Như uống nước ngon hòa độc dược
Như ao đầy hoa có giao long
Ngôi vua sung sướng rồi đau khổ!

Bồ-tát nói kệ rồi lại bảo:

–Vì lý do đó, các vua đời xưa lên ngôi, đang lúc tuổi trẻ trị dân, hưởng lạc, đến khi tuổi già nhàm chán ngũ dục, mới bỏ cung điện vào núi tu tập. Phàm người đã vào núi rừng tu tập, thà ăn cỏ để sống không chịu ở cung điện, thọ hưởng thú vui ngũ dục, như nuôi rắn độc, sau chuốc lấy tai vạ. Khi mới hưởng dục lạc không biết tai vạ, sau sân hận nổi lên làm hại đến thân. Thà bỏ nhà vào rừng núi tu hành, chẳng nên bỏ rừng núi trở về nhà. Tại sao như vậy? Vì bị chư Hiền thánh đời trước chê trách.

Ngày nay Ta đã sinh vào nhà đạo đức, nên tu pháp thiện, chẳng nên như người ngu si tâm tự buông lung làm điều bất thiện. Đã cạo bỏ râu tóc, thân mặc ca-sa, chỉ ở trong núi học tập tu đạo. Còn kẻ không biết xấu hổ cởi bỏ ca-sa, như vậy gọi là người ngu si không biết hổ thẹn, hoặc họ vì tham sân si, hay sợ người khác, mà lại thoái lui.

Ta ngày nay dù cung điện của trời Đế Thích cũng chẳng ham muốn, huống nữa là trở về cung điện của mình. Ví như có người được thức ăn ngon, sau khi ăn rồi ói mửa trên đất, dầu họ muốn ăn lại, thử hỏi có thể ăn được hay không?

Đúng như vậy! Như vậy, nếu người đã xả bỏ ngũ dục xuất gia, lại bị nghịch cảnh gì đó muốn trở về nhà cũng thế.

Như có người ra khỏi nhà lửa lại muốn trở vào nhà ấy. Đúng như vậy! Như vậy, người đã thấy tai vạ của thế tục, nên bỏ hình thức thế gian vào núi cầu đạo, nếu trở về nhà cũng thế.

Rồi Ngài nói kệ:

Như người chạy ra khỏi nhà lửa
Rồi lại bỗng nhiên vào nhà ấy
Thấy đời đau khổ bỏ xuất gia
Bỏ rừng hoàn tục cũng như vậy.

Bồ-tát nói kệ rồi, lại bảo hai sứ giả:

–Vừa rồi hai ông trình bày lời dạy của Phụ vương Ta: "Các vua đời trước ở tại gia tu tập cũng được giải thoát." Điều này không thể có. Vì sao? Vì hai trường hợp này hết sức trái ngược. Tại sao? Người cầu đạo giải thoát tâm họ an định, ở nơi yên tĩnh mới là chỗ thích nghi. Nếu ở trong cung thì mặc tình hưởng thụ ngũ dục; lúc ra ngoài trị dân, thì phải giận dữ quở phạt đánh đập. Trong tâm người giải thoát không có việc này.

Đối với người ý muốn vui cảnh vô vi tịch tĩnh, họ không tham vương vị thế gian, dầu khi tại vị cần phải xa lìa, nếu ưa thích ngôi vua thì tâm ý của người này không thể tịch tĩnh. Nếu muốn an định mà lại tham việc đời, thì hai việc này mâu thuẫn nhau, cách xa như trời với vực. Như nước lửa không thể hòa hợp. Đúng như vậy! Như vậy! Như người cầu pháp giải thoát mà tham đắm ngũ dục, không thể có việc đó.

Ta xác định rằng các vị vua đời trước đã xả vương vị rồi, sau đó mới được an định trong tịch tĩnh. Nếu khi còn ở vương vị giáo hóa dân chúng, trí tuệ chưa đầy đủ cần phải dụng tâm học tập pháp trị dân, đâu thể chuyên học pháp giải thoát. Việc ấy tuy là như vậy, nhưng tùy ý các vua đời trước, hoặc cầu giải thoát, hoặc thọ ngũ dục. Còn Ta ngày nay không như vậy, chẳng học theo các vua, cũng lại chưa từng có tâm như vậy. Ta nay dứt khoát bẻ gãy khóa dục ở tại gia, không còn tham đắm ngũ dục thế gian, chí cầu giải thoát, đâu được hoàn tục.

Khi ấy, nghe Bồ-tát tỏ bày tâm chuyên chính không còn tham đắm thế gian hết sức chân thật như vậy, hai sứ giả lại cùng nhau kính bạch Bồ-tát:

–Tâu Đại thánh Vương tử, ngày nay Ngài phát lời thệ nguyện cầu pháp vô thượng, đó là điều chân thật không trái đạo lý, nhưng việc này chưa phải lúc. Tại sao? Vì ngày nay phụ vương của Thánh tử ưu sầu khổ não như vậy. Nếu tâm của Thánh tử trái với hiếu đạo, thì trái chánh pháp.

Rồi họ nói kệ:

Nay cầu pháp tạng thật lợi ích
Tuy có chánh lý, chưa hợp thời
Phụ vương sầu khổ tâm thống thiết
Trái với đạo hiếu, cầu đạo chi!

Hai sứ giả nói kệ rồi, lại bạch Thánh tử:

–Thưa Đại vương Thánh tử, theo thiển kiến chúng tôi, nếu cho tài lợi và ngũ dục thế gian không phải phương tiện tốt đẹp. Quan niệm này chưa phải là phương pháp quán sát chính xác. Ngày nay Thánh tử chưa biết

nguyên nhân thì làm sao cầu kết quả? Hiện tại được phước báo mà lại bỏ đi, để tìm quả báo trong tương lai!

Thưa Đại thánh Vương tử, phàm tất cả sách vở thế gian đều có trình bày nhiều cách; có người chủ trương có đời vị lai; có người chủ trương không có đời vị lai. Đối với hai sự việc này rất có nhiều người phân vân. Do vậy Thánh tử đã được quả báo tốt thì nên thụ hưởng. Nếu giả sử thuyết không có vị lai là đúng, thì Thánh tử cần gì phải siêng năng cầu đạo giải thoát!

Lại có người cho rằng các việc thiện ác nơi thế gian này, quyết định sẽ lãnh hậu quả trong đời vị lai, do vậy siêng năng tu hành cầu đạo giải thoát. Quan niệm như vậy là kẻ ngu si. Giả sử các căn hủy hoại, xa lìa thân ái, oán ghét gặp nhau, cảnh hội họp, biệt ly đều là tự nhiên, kể cả sinh lão bệnh tử, thì cần gì phải nhờ vào nhân duyên siêng năng làm việc mà có. Phải biết vấn đề này không thật có. Lại khi ở trong thai, tay, chân, lưng, ngực, bụng, tóc, móng, các mạch, chi tiết… tự nhiên mà thành. Hoặc có người được thân thể rồi, trở lại bị hủy hoại. Hoặc có người nói: "Đã hủy hoại rồi, lại tự nhiên được thành tựu." Cho nên trong các sách vở đời trước có nói: "Đầu gai nhọn như kim ai mài nó, chim thú đủ sắc lông ai người nào vẽ. Vấn đề này tự nhiên không có tác giả, lại không thể muốn mà thành được. Tất cả sự vật trên thế gian không phải tùy tâm mà chuyển biến."

Có kệ nói:

Đầu gai nhọn hoắc ai mài nó
Chim thú đủ màu nào có vẽ
Mỗi loài tùy nghiệp tự đổi thay
Sự vật thế gian không tác giả.

Lại có người cho rằng trời Tự tại là tác giả tạo ra mọi vật ở thế gian này. Nếu tự nhiên vạy, thì con người cũng chẳng cần khổ nhọc tạo nghiệp. Khi ấy phải chăng do nhân duyên đó lưu chuyển đưa đến, khi ra đi phải chăng cũng do nhân duyên ấy luân chuyển tự đi.

Lại có người cho rằng do phân biệt nên tướng "Ngã" phát sinh, cho nên thọ lấy hữu và hữu bị tiêu diệt cũng vậy. Nếu khi thọ lấy hữu chẳng do tìm cầu mà tự nhiên lãnh thọ, thì khi hữu hoại diệt, tự nhiên tiêu diệt không nhờ vào sức khác.

Lại có người cho rằng thế gian khi muốn thọ thân người, nếu cha họ không mắc nợ người khác liền được sinh làm người. Sinh lên trời hay làm tiên đều như vậy. Nếu muốn sinh vào ba chỗ này mà không mắc nợ người

khác, thì họ không cần dụng công khó nhọc, cứ cầu thì tự nhiên sinh vào chỗ mình muốn. Việc giải thoát cũng như vậy. Trong các kinh điển đều trình bày đầy đủ những phương pháp như vậy, mỗi người đều được giải thoát. Người trí khi cầu cảnh giới tốt đẹp, nhất định phải tổn hại tâm lực. Do vậy, chúng tôi biết Thánh tử muốn cầu giải thoát, cứ y vào lý, vào phương pháp của các sách vở đời trước đã nói để cầu con đường giải thoát. Nếu ai y như vậy, nhất định được giải thoát không nghi ngờ gì nữa.

Đại vương Tịnh Phạn, từ phụ của Thánh tử, vì yêu mến Thánh tử mà mang lấy sầu khổ, khổ này cần được giải trừ. Khi Thánh tử về lại cung, nếu trong ý cho cung điện là tai vạ cần phải xa lìa thì chẳng nên ám ảnh như vậy. Vì sao? Vì các Tiên vương đời trước bỏ hoàng cung ra đi, vào rừng núi tu hành, sau trở về cung điện của mình. Các vua ấy đều có danh hiệu là vua Am-bà-lê-sa *(Tùy dịch Hư Không Tiễn)*, người đã bỏ cung điện vào núi tu hành, sau bá quan thần can gián khuyến dụ, quần thần tả hữu trước sau hộ vệ đưa vua trở về cung. Vua La-ma *(Tùy dịch Năng Hỷ)*, người thấy quốc gia bị kẻ ác sách nhiễu, họ giết hại lẫn nhau chiếm cứ đất đai, nhà vua không nỡ đứng xem, nên từ bỏ núi rừng trở về triều chính đem chánh pháp bảo vệ quốc gia. Lại nữa, thuở xưa tại thành Da-ly có một Đại vương tên là Đồ-lô-ma *(Tùy dịch là Thọ)* cũng từ bỏ núi rừng trở về bổn quốc bảo vệ dân chúng. Xưa có một Tiên nhân Phạm chí tên là Bà-chỉ-lê-đê *(Tùy dịch là Ly Ngôn)*, lại có vua Chỉ-đề-bà *(Tùy dịch Hỷ Thiên)*, lại có vua Đạt-ma-da-xá *(Tùy dịch Pháp Xứng),* vô lượng vô biên chư Tiên Phạm chí và các vua đều rời bỏ núi rừng trở về cung điện của mình, vỗ về dân chúng cai trị quốc gia. Do vậy, Thánh tử đã nghe việc làm của các vua đời trước, ngày nay Ngài nên trở về hoàng cung không có gì buồn khổ.

Rồi họ nói kệ:

Đây là danh hiệu các vua xưa
Đều bỏ thể nữ vào sơn lâm
Sau đều bỏ núi về vương cung
Thánh tử nay về nào có lỗi.

Lúc ấy, Bồ-tát nghe hai sứ giả nói những lời như vậy, liền bảo vị đại thần và Quốc sư Bà-la-môn:

–Vấn đề có hay không, nghi hay không nghi ta tự biết rõ. Nhưng hai vấn đề này nó có lý đúng của nó, dù ẩn hay hiện Ta đều chấp nhận. Nghe lời truyền lại đã không có nguồn gốc, do đâu mà tin được. Người có trí chẳng nên y vào lời không thật mà thực hành. Như người mù muốn đi đường, đã không có người dẫn, lại không thấy đúng làm sao đi được. Tâm

không xác quyết, thì dù tốt hay xấu cũng như người mù ngu si kia. Đối với pháp thanh tịnh, thấy chẳng thanh tịnh, do vì vô trí. Nay thà Ta phát tâm tinh tấn dầu rằng chưa đắc quả, đành theo quả báo chịu nhiều khổ đau, thật chẳng ở trong vũng bùn lầy ngũ dục bị các bậc Thánh chê trách mà mê muội dục lạc nhất thời.

Theo lời các ông trình bày, từ xưa đến nay có các vua Hư Không Tiễn, vua Năng Tác Hỷ đều từ giã núi rừng để trở về hoàng cung. Đối với các vua này, Ta chẳng lấy đó để chứng minh cho sự giải thoát. Vì sao? Vì các vua này do sự học tập của họ, khi hết thần thông lại không có một pháp tu khổ hạnh nào khác, do vậy họ trở về hoàng cung.

Các ông ngày nay đối với Ta chớ có ý nghĩ như vậy. Ta đã lập nguyện: "Giả sử mặt trời mặt trăng rơi xuống quả đất này, núi Tuyết hùng vĩ kia dù có dời đi nơi khác, nếu Ta chưa chứng được trân bảo của chánh pháp, vì tham thế sự đem thân phàm phu này trở về hoàng cung thì không có việc như vậy." Ta thà nhảy vào hầm lửa to lớn đang ngùn ngụt bốc cháy dữ dội, chẳng được tự lợi mà trở về hoàng cung, không có việc như vậy.

Khi tát phát lời thệ nguyện xong, Bồ-tát rời khỏi chỗ ngồi từ biệt hai sứ giả, ra khỏi khu rừng, một mình lên đường.

Khi ấy hai sứ giả nghe Bồ-tát nói lời như vậy, đồng thời thấy Ngài phát lời thệ nguyện dứt khoát rời bỏ thân tộc, biết chắc chắn Ngài không trở lại hoàng cung, cả người ngã xỉu, rồi đứng dậy cất tiếng khóc vang, nước mắt tuôn trào ướt cả mặt mày và cố đuổi theo Bồ-tát. Khi ấy do oai đức của Bồ-tát quá lớn, hào quang trong thân chiếu ra giống như ánh sáng mặt trời chói lọi, làm lòa đôi mắt hai sứ giả, nên không thể nào thấy thân Bồ-tát để theo kịp được.

Lúc ấy sứ giả vọng tiếng kêu Bồ-tát:

–Cúi xin Thánh tử chớ có ý chí cứng rắn như vậy, mong Ngài thương tưởng tâm ái mộ của chúng tôi, tâm yêu mến của chúng tôi không thể phai nhòa, không thể xa rời Thánh tử để về.

Hai sứ giả vừa ái mộ Thánh tử vừa kính trọng hướng về Đại vương Tịnh Phạn. Vì lý do đó hai người theo Bồ-tát khắp mọi nơi, hoặc đứng, hoặc trông, hoặc đi, hoặc chạy. Rồi hai sứ giả ra lệnh riêng cho bốn kẻ tùy tùng âm thầm theo hầu cận sau Thánh tử: "Các người không được rời bỏ Thánh tử, hãy theo dõi Ngài đến nơi nào."

Dặn dò như vậy rồi, trong tâm sứ giả lúc ấy sầu não đau khổ vô cùng, khóc than thảm thiết, cùng nhau thảo luận: "Giờ đây chúng ta làm thế nào trở về hoàng thành gặp mặt Đại vương, tâm tình của Ngài quá đau khổ vì

nhớ Thánh tử! Lời của chúng ta làm sao tâu lên Đại vương! Khi đến gặp Đại vương, lại biết nói lời gì đây để giải tỏa được tâm phiền muộn của Ngài."

Có kệ nói:

Hai sứ nhà vua biết Thánh tử
Quyết định không về nơi nội cung
Biệt phái bốn người theo Thánh tử
Về gặp nhà vua biết nói sao!

□

Phẩm 26: BỒ-TÁT HỎI ĐẠO TIÊN A-LA-LA (Phần 1)

Khi Bồ-tát từ biệt hai sứ giả đại thần và Quốc sư Bà-la-môn của Phụ vương, cả hai sứ giả đều rơi lệ. Sau khi từ giã, Ngài từ từ ra đi hướng về thành Tỳ-xá-ly. Trên đường chưa đến thành, qua chỗ tu tập của một Tiên nhân, họ Ca-lam tên A-la-la. Một đệ tử của Tiên nhân trông thấy Bồ-tát đi về phía mình nên ngạc nhiên vô cùng, vì từ khi sinh ra cho đến ngày hôm nay chưa từng thấy sự việc này, vội chạy về chỗ Tôn sư đang ngồi. Đến nơi, hướng về các vị đồng tử bạn học, anh ta lớn tiếng xưng danh tánh mỗi người trong chúng, đây là nhân giả Bạt-già-bà, kia là nhân giả Di-đa-ma-la, nọ là nhân giả Thiết-ma…

–Này các đồng tử, các vị hãy nói rằng: "Chúng ta ngày nay đều hoan hỷ, nên từ bỏ pháp cúng tế này." Ngày nay ở đây có bậc Đại đức Nhân giả là khách phương xa đến, cần phải nghinh tiếp. Vị Nhân giả này đã nhàm chán sự trói buộc của các phiền não, muốn cầu giải thoát vô thượng chí chân, là con của Đại vương Tịnh Phạn, chúa dòng họ Thích, các tướng trang nghiêm, thân như trụ vàng, hào quang tỏa sáng rất mực oai nghiêm, cánh tay rũ xuống, bàn tay quá gối, bàn chân bước đi in hình bánh xe ngàn tăm, dáng đi ung dung oai vệ trông như trâu chúa, vòng hào quang đầy oai đức như vầng mặt nhật, thân như vàng ròng mặc y ca-sa. Chúng ta được nhiều phước lợi, nên đấng Vô thượng Tối tôn đang từ từ đi đến. Chúng ta tùy theo khả năng của mình mà chuẩn bị nghinh đón tôn trọng cung kính lễ bái, cúng dường đầy đủ không được thiếu sót.

Rồi đồng tử đọc kệ ca ngợi Bồ-tát:

Ung dung đi bộ thật oai nghiêm
Đôi mắt trông nhìn như trâu chúa
Thân đủ tướng tốt thật trang nghiêm
Tất cả các lông mịn hướng lên,
Bánh xe ngàn căm dưới bàn chân

Lông trắng giữa mày xoay tròn đẹp
Cánh tay khỏe thẳng buông thong thả
Bậc Đại sư tử trong nhân loại.

Đồng tử đọc kệ tán thán Bồ-tát, rồi lại bảo các đồng tử khác:

–Này tất cả các vị đồng tử, chúng ta hãy cùng nhau đến gặp Tôn sư thưa hỏi việc này.

Họ cùng nhau kéo về bên Tôn sư A-la-la. Đến nơi, họ khép nép trình bày thưa hỏi mọi việc ở trước.

Lời thưa hỏi của các đồng tử vừa dứt, ngay lúc đó Bồ-tát ung dung bước đến chỗ Tiên A-la-la. Tiên nhân A-la-la trông thấy Bồ-tát, khi Ngài gần đến nơi, vị ấy tự nhiên lên tiếng xướng to: "Lành thay! Thánh tử mời đến đây!"

Bồ-tát tiến đến bên cạnh Tiên nhân, hai người đối mặt cùng nhau vấn an sức khỏe: "Ít bệnh, ít não, có an ổn hay không?"

Vấn an rồi Tiên nhân A-la-la mời Bồ-tát an tọa trên tấm thảm cỏ.

Có kệ:

Hai người hội ngộ rất vui mừng
Ít não, ít bệnh hỏi thăm nhau
Đàm đạo vấn an trong chốc lát
Thảm xanh thanh tịnh trải khách ngồi.

Khi Bồ-tát đã an tọa trên thảm cỏ, Tiên A-la-la chú tâm quán sát thân hình Bồ-tát từ đầu đến chân, lòng rất vui mừng thấy việc chưa từng có, với giọng nói hòa nhã đẹp ý cùng nhau đàm đạo.

Tiên nhân đem lời ca ngợi Bồ-tát:

–Nhân giả Cù-đàm, tôi từ lâu nghe danh Nhân giả là bậc Trượng phu, xả bỏ vương vị, cắt đứt màn lưới thân ái ô nhiễm vượt thành xuất gia, như voi chúa thoát khỏi xiềng xích sắt kiên cố, dứt hẳn mọi sự ràng buộc ra sau, tự do vượt khỏi, tùy ý ra đi. Đúng như vậy! Như vậy, ngày nay Nhân giả tâm chí dũng mãnh, xả bỏ cung điện vào nơi núi rừng, đối với mọi hoàn cảnh biết đủ ít muốn, là bậc Đại trí tuệ. Bạch Nhân giả Cù-đàm, Ngài đã làm được việc hiếm có như vậy. Đối với công đức phú quý thế gian, Ngài đã đạt được không màng đến, cạo bỏ râu tóc vào núi rừng, việc này thật khó làm.

Còn các vua đời trước được đầy đủ phước báo của một ngôi vua, thỏa mãn thú vui ngũ dục, đến lúc tuổi già làm lễ quán đảnh cho Thái tử để trao

lại ngôi vua, rồi sau đó mới rời bỏ nội cung xuất gia đi vào núi rừng tu hành cầu đạo. Việc này không phải là việc khó, cũng chẳng phải ít có ở đời.

Theo chỗ tôi biết, Nhân giả tuổi trẻ mà chẳng ham ngũ dục, chẳng màng thế lực phú quý giàu sang, giữ vững tâm mình đến đây cầu đạo. Ngài đã được ngôi Chuyển luân thánh vương không thể nghĩ bàn, là cảnh giới cao tột, chính đang tuổi đầy sức lực, mà làm chủ được tâm ý, không đam mê dục vọng, chí cầu giải thoát, không bị cảnh đời ràng buộc, các căn không bị cảnh giới sáu trần cám dỗ, cảnh giác được tất cả khổ trong các cõi, chẳng bị chúng trói buộc. Tại sao vậy? Thuở xưa có vị vua hiệu Đảnh Sinh, nhà vua thống lãnh bốn châu thiên hạ, thế mà vẫn cho là chưa đủ, bay lên tận cõi trời Ba mươi ba, được chúa trời Đế Thích nhường cho nửa tòa ngồi, do vì trong tâm tham lam không biết đủ, liền khi đó mất hết phước báo ngũ dục, bị đọa lạc nơi trần gian. Lại có vị vua hiệu Na-hầu-sa cũng làm vua cai trị bốn châu thiên hạ, lên cõi trời Đao-lợi giáo hóa chư Thiên, thế mà vẫn cho là chưa đủ, nên cũng mất ngôi Thánh vương, đọa lạc nơi nhân gian. Cùng các trường hợp này có các vua như: La-ma, Đà-la-hô-di, A-ba-ba-tra-ca,… lại có các Chuyển luân thánh vương, khi được ngôi vua tâm không biết đủ, nên đều bị mất sạch cảnh phú quý của một vị vua. Ở đời không mấy ai khi đạt được cảnh phú quý tột đỉnh, mà họ lấy làm thỏa mãn. Ví như đống lửa lớn được thêm củi lại càng cháy mạnh.

Tiên A-la-la dứt lời, Bồ-tát lại nói:

–Thưa Nhân giả Đại tiên, tôi thấy sự đời là như vậy, lại quán sát tất cả pháp thế gian giống như cây chuối bên trong không cứng chắc, rốt cuộc bị hư nát. Do vậy, tuy tôi được ngôi vua, sợ không biết đủ, không cầu tự lợi, xa lìa dục lạc. Tôi biết như vậy rồi du phương mọi nơi tìm cầu Chánh đạo. Như có người đi trong đồng hoang mất bạn đồng hành, không biết phương hướng, không rõ lối đi, lại không có người hướng đạo, mới đi khắp đó đây để tìm kẻ chỉ lối. Tôi nay cũng vậy.

Bồ-tát vừa nói lời như vậy. Tiên A-la-la liền bạch Bồ-tát:

–Thưa Nhân giả Cù-đàm, tôi từ lâu đã biết được tư tưởng của Đại sĩ, nên biết đối với sự giải thoát, Nhân giả là bậc rất tài giỏi.

Bấy giờ trong đại chúng có một đồng tử là đệ tử của Tiên A-la-la chắp tay bạch bổn sư xin tán thán Bồ-tát. Đồng tử nói:

–Thưa thầy, vị này thật hy hữu không thể nghĩ bàn, biết rõ tâm mình. Còn các vua thuở xưa khi còn niên thiếu ở trong cung điện thọ hưởng ngũ dục, rồi sau đó đến tuổi già râu tóc bạc trắng, họ mới làm lễ quán đảnh truyền trao ngôi vua cho Thái tử, để vào rừng núi tu tập hành đạo, mà thành

Tiên. Còn người này không phải vậy, đang niên thiếu sức lực cường tráng, rất ít tật bệnh, khí lực sung túc, tóc đen như quạ, thân thể mềm dẻo, tinh thần hết sức dũng mãnh, chẳng thiếu vật gì, chính là thời kỳ tâm ý buông lung say đắm thú vui ngũ dục, lại được phụ vương tuổi già trao cho vương vị. Thế mà người chẳng màng địa vị, chẳng ham phước báo, lìa bỏ thế gian, xuất gia vào núi cầu đạo.

Tiên A-la-la bạch Bồ-tát:

–Nhân giả phát tâm muốn cầu việc gì, muốn thành tựu đạo quả gì, mới phát tâm vào chốn rừng núi này?

Bồ-tát đáp:

–Thưa Tôn giả Đại sư, tôi thấy tất cả chúng sinh ở thế gian bị sinh, già, bệnh, chết trói buộc không thể vượt khỏi, nên nay tôi phát tâm tinh tấn như vậy.

Tiên A-la-la lại hỏi:

–Thưa Nhân giả Cù-đàm, Ngài phát sinh tuệ nhãn như vậy, phát sinh tưởng như vậy, điều này rất chân thật. Tại sao như vậy?

Rồi vị ấy nói kệ:

Vượt trên các pháp chỉ thực hành
Trì giới, thiền định chẳng qua tâm
Kẻ thù số một là ân ái
Già chết khủng bố khắp ba cõi.

Tiên A-la-la nói kệ rồi, có một đồng tử ở trong chúng là đệ tử của Tiên nhân thưa Bồ-tát:

–Ngày nay Nhân giả xả bỏ thân ái quyến thuộc mà vào nơi đây có ý gì chăng?

Bồ-tát đáp:

–Thế giới có tụ tập nhóm hợp, phải có phân ly. Ta biết như vậy, nên phát tâm muốn cầu đạo Chí chân.

Lúc ấy Tiên A-la-la lại bạch Bồ-tát:

–Thưa Nhân giả, ngày nay Ngài sẽ được giải thoát. Tại sao? Chúng sinh bị chìm đắm trong bùn dục vọng khó vượt qua. Thế gian còn bị trói buộc bởi sợi dây phiền não bền chắc, một mình Nhân giả hiểu rõ tâm mình. Giờ đây ta sẽ nói về pháp môn giải thoát là tâm ái, Nhân giả cần phải xa lìa. Tâm ái nghĩa là gì? Là con giao long rất độc ác ở nơi thế gian. Nó cư trú trong nước tâm của chúng sinh, làm mất tất cả lợi ích. Vì lý do đó ta quán sát người thế gian không phải chánh hạnh. Người có khả năng tu pháp

chánh hạnh này phải là người trí xa lìa ái nhiễm, cần phải phát tâm, đoạn kiến chấp hữu tướng, làm theo pháp vô tướng.

Bồ-tát đáp:

–Thưa Tôn giả Đại tiên, tôi xin thọ giáo lời Tôn giả vừa dạy.

Tiên A-la-la lại hỏi Bồ-tát:

–Nhân giả lãnh thọ thế nào?

Bồ-tát đáp:

–Người thế gian do chấp tướng nên bị tướng ấy trói. Phàm cha mẹ sinh con, nuôi dưỡng giáo dục để xây dựng gia thế. Nuôi dưỡng giáo dục con cái để gia thế phát triển, thành tựu sự nghiệp. Vì lý do đó, cha mẹ nuôi dưỡng con cái. Nếu không có động cơ ấy, dù là quyến thuộc, cũng không thân cận, huống lại là người dưng. Phàm người gần gũi vì mong cầu tham lợi. Bạn thật thân thiết với người thật khó tìm thấy.

Tiên A-la-la lại ca ngợi:

–Hay thay Nhân giả! Ngày nay Ngài đã biết tất cả pháp thế gian, vậy là Sa-môn Cù-đàm hiểu rõ tất cả các trí.

Lúc bấy giờ, trong pháp hội có một đồng tử cũng là đệ tử của Tiên A-la-la bạch Bồ-tát:

–Thưa Nhân giả Cù-đàm, ngày nay Ngài đã được niềm vui tối thượng. Tại sao? Vì Ngài từ từ xa lìa tất cả ân ái, thì chứng được các pháp không phiền não của thế gian. Tại vì sao? Vì tôi nhận thấy thế gian, ít có người không yêu thương vợ con, không mưu cầu tài sản, nên không giơ hai tay kêu khóc với cuộc đời. Mà ngược lại tôi thấy có nhiều người không ít muốn, không biết đủ, keo kiết của cải, khởi lòng tham đắm quyền lợi thế gian, nhà nhà đều đưa tay kêu khóc.

Rồi vị ấy nói kệ:

Thế gian ít thấy người biết đủ
Ít muốn không cầu khỏi khổ đau
Sở dĩ kêu khóc do ân ái
Phần nhiều tham đắm gom tài sản.

Khi ấy Tiên A-la-la bạch Bồ-tát:

–Hy hữu thay Nhân giả Cù-đàm! Trí tuệ Ngài quảng bác, như vậy ngày nay Nhân giả thật là dũng mãnh, chế phục các căn không để các dục nhiễm tăng trưởng, không bị dục vọng lôi cuốn.

Bồ-tát hỏi Tôn giả A-la-la:

–Thưa Tôn giả Đại Tiên, tại sao các căn không được an định? Muốn hàng phục nó phải dùng phương pháp gì? Cúi xin Tôn giả vì tôi giải thích.

Tiên A-la-la đáp:

–Này Sa-môn Đại sĩ, ta nay sẽ vì Đại sĩ trình bày tổng quát các phương pháp hàng phục, phàm là người thế gian muốn thoát ly sinh tử, hãy chú ý lắng nghe.

Có kệ nói:

Đại tôn Tiên nhân A-la-la
Mở mang thần trí cho Bồ-tát
Đây bằng kết quả của tự thân
Trình bày phân biệt điều cốt yếu.

Này Đại sĩ Cù-đàm, phàm muốn loại trừ thể và tướng các căn và cảnh giới của căn, cần phải tư duy phân biệt như thế này. Tại sao? Vì tất cả các căn và tất cả các trần cảnh đã do phân biệt mà biết, nên đều phải loại bỏ, cho đến cảnh ái nhiễm trong các căn, sự nhiễm do ái làm cho tham đắm, do sự tham đắm này, làm cho chúng sinh chìm trong thế gian không thể thoát ly ra được. Các kẻ phàm phu chịu khổ trói buộc bởi lòng tham ái. Tất cả tham ái đều do cảnh giới nên có những sự khổ như vậy. Đại sĩ phải hiểu do nhân duyên gì?

Rồi nói kệ:

Dê núi bị giết bởi tiếng kêu
Bướm nọ thiêu thân vì ánh lửa
Cá kia mắc câu bởi đớp mồi
Cảnh đời lôi cuốn người phải chết.

Lúc bấy giờ Bồ-tát nghe bài kệ này xong, lại hỏi:

–Ngày nay Tôn giả thuyết minh phương pháp điều phục các căn, do nhiều nhân duyên hợp lại mà thành, thể tánh trống không giả dối không thật, giống như hầm lửa, như giấc chiêm bao, như trò ảo thuật, như sương trên cỏ. Ngày nay, tâm tôi suy xét nên biết được như vậy.

Tiên A-la-la lại hỏi Bồ-tát Đại sĩ:

–Vì lý do gì Nhân giả nói cảnh giới vọng tưởng không lợi ích?

Bồ-tát đáp:

–Phàm người muốn nương các cảnh giới để thọ lấy quả báo, cũng như xây nhà cửa muốn che ánh sáng mặt trời hay tránh mưa gió, như người khát đi tìm nước uống, người đói tìm kiếm thức ăn, như dơ bẩn muốn tắm rửa thân thể, như người lõa thể tìm y phục để che thân, như người khốn khổ

thiếu phương tiện thì tìm cầu xe cộ, muốn hết lạnh thì tìm chỗ ấm, muốn trừ chỗ nóng nên tìm nơi mát, muốn khỏi mệt mỏi nên ngồi nơi giường chiếu. Các việc tìm cầu như vạy đều do các khổ đến bức xúc bản thân, do đó mới tìm cầu giải thoát nỗi bức xúc giống như người bệnh nặng mới tìm lương y. Tất cả sự mong cầu của người đời đều như vậy.

Tiên A-la-la ca ngợi:

–Tư tưởng của Nhân giả Cù-đàm thật hy hữu! Đại đức tại sao ở trong thế gian mà phát sinh tư tưởng vô thường một cách dễ dàng như vậy? Hy hữu thay! Hy hữu thay! Thấy được chân thật. Đại đức là bậc lợi căn, thông minh, dễ ngộ. Người hiểu rõ các pháp như vậy gọi là bậc thấy được chân lý, nếu hiểu khác đây thì gọi là sai lầm mê muội. Đúng như lời Nhân giả nói: "Vì đói mà tìm thức ăn, tránh mưa che gió mà làm nhà, do vì trừ nóng lạnh… thay thế đoạt của nhau, người thế gian phát sinh vọng tưởng cho là an vui."

Tiên nhân lại tán thán:

–Nhân giả Cù-đàm thật là chiếc cầu pháp có khả năng chịu đựng trọng tải lớn. Tuy ta truyền dạy giáo pháp, trước phải quán sát căn cơ đệ tử có thọ lãnh được giáo pháp hay không, rồi sau đó mới nói các luận. Theo tôi nhạn thấy Nhân giả không phải như vậy, bất kỳ hành động gì đều thích nghi mọi trường hợp, chẳng cần giai đoạn quan sát. Ta sẽ vì Nhân giả nói hết những nghĩa chân thật trong luận.

Bồ-tát nghe Tiên A-la-la nói như vậy, hết sức hoan hỷ, rồi lại nói:

–Ngày nay Tôn giả chưa biết lòng trung thành của tôi, mà lại vì tôi dạy ngay những giáo pháp vi diệu như vậy. Tôi biết tướng này tuy chưa được ích, nay đã được lợi. Tại sao? Ví như có người muốn thấy cảnh vật phải có ánh sáng, như người đi xa cần có kẻ hướng đạo giỏi, như người muốn qua bờ bên kia sông cần kẻ đưa đò. Ngày nay Nhân giả khai thị tâm tôi cũng như vậy. Cúi xin Tôn giả vì tôi dạy những chỗ hiểu biết của Ngài, làm thế nào để giải thoát sinh, già, bệnh, chết.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 22

Phẩm 26: BỒ-TÁT HỎI ĐẠO TIÊN A-LA-LA (Phần 2)

Lúc bấy giờ Tiên A-la-la biết rõ tâm Bồ-tát có đầy đủ năng lực, nên trình bày giáo lý quyết định thành tựu trong luận của mình, mà nói kệ:

Sa-môn Cù-đàm hãy lắng nghe
Luận ta có nói "tổng thành tựu"
Tuy ngài còn ở trong phiền não
Mai sau giải thoát tự nhiên thành.

Sau khi nói kệ rồi, Tiên A-la-la lại nói:

–Phàm mỗi chúng sinh có hai phần: Một là bổn tánh, hai là biến hóa. Hợp hai phần này gọi là chúng sinh.

–Bổn tánh là gì? Tức là ngũ đại. Ngũ đại là gì? Đó là địa, thủy, hỏa, phong và không đại cùng ngã và vô tướng gọi là tánh Bản thể.

–Biến hóa là gì? Tức là cảnh giới của các căn như tay, chân, nói năng, đi đứng qua lại… và phần tinh thần gọi là Biến hóa.

Nếu biết các cảnh giới như vậy, gọi là biết cảnh giới. Biết cảnh giới nghĩa là gì? Là sự hiểu biết của ngã. Tư duy về ngã nghĩa là gì? Là sự tư duy của người trí.

Rồi vị ấy nói kệ:

Nếu như biết được các căn trần
Thế là biết rõ các cảnh giới.
Cảnh giới biết rõ phải thế nào?
Biết do tư duy của người trí.

Tiên nhân A-la-la nói:

–Thế nào là tư duy về ngã? Người này giống như Tiên Ca-tỳ-la và đệ tử của vị ấy cho sự suy lường là cảnh giới của ý. Còn con của Tiên nhân Ba-xà-ba-đề gọi chỗ hiểu biết sâu xa của ý cũng vậy. Như có người biết rõ con người luôn chịu sự đau khổ của cảnh sinh, già, bệnh, chết một cách

chắc chắn, lại vì người khác giải thích, khiến họ xa lìa tư duy lý này, thì biết rõ tất cả các pháp đều vô tướng.

Tiên nhân lại nói:

–Nhân phiền não là gì? Là kẻ vô trí tham đắm các nghiệp, những nghiệp như vậy thuộc về nhân phiền não. Nhân phiền não đó có bốn loại. Người chưa giải thoát sinh tử, do vì họ chưa giải thoát phiền não. Bốn nhân phiền não là gì? Một là không tin. Hai là chấp ngã. Ba là nghi ngờ. Bốn là không xác định.

1. Thế nào là không tin? Thường làm trái ngược, đáng lẽ hiểu như thế này, mà ngược lại không biết. Như vậy gọi là không tin.

2. Thế nào là chấp ngã? Nói cái này là ta, cái kia chẳng phải là ta, ta nói như thế này, ta lãnh thọ như vậy, ta đi, ta đứng, tướng ta, thân ta…. Xưng ta như vậy, mà mình chẳng hay biết. Như vậy gọi là chấp ngã.

3. Thế nào là nghi ngờ? Đây không phải là nghi tất cả mà chỉ ở một vật. Như cục bùn. Như vậy gọi là nghi ngờ.

4. Thế nào là không xác định? Như vậy là đúng, phải cũng như vậy, chẳng phải cũng như vậy. Tâm ý tưởng đến tất cả các nghiệp đây là chúng, đây là ta, là đây, là kia … Như vậy gọi là không xác định.

Dư tàn nghĩa là chưa biết chỗ thù thắng, chưa giác, bắt đầu giác, chưa chứng tự tánh, hay mới chứng biết, gọi là dư tàn.

Thế nào là không có phương tiện? Người không có trí tuệ thì không biết được phương tiện. Do không có phương tiện, không thể trình bày. Như vậy gọi là không có phương tiện.

Thế nào là nhiễm trước? Nghĩa là người vô trí đối với các cảnh được thấy, nghe, cảm xúc và hiểu biết liền sinh tâm tham nhiễm; hoặc ý tham đắm, hoặc thân tham đắm, hoặc khẩu tham đắm; hoặc ý nghiệp tham đắm tất cả cảnh giới. Với nơi không nên tham đắm mà mê hoặc tham đắm, như vậy gọi là nhiễm trước.

Thế nào là sa ngã? Nghĩa là ta là chỗ kia, chỗ kia là ta. Nếu có ý nghĩ tư duy như vậy, gọi là sa ngã. Do nhân duyên đó rơi vào phiền não, gọi là vô đức, gọi là vô trí, gọi là năm chỗ khổ não không vui. Chỗ không vui gọi là hắc ám, ngu si, đại si và hai tạp trụ là năm chỗ.

Sao gọi là hắc ám? Nghĩa là lười biếng.

Sao gọi là ngu si? Nghĩa là sinh tử.

Sao gọi là đại si? Nghĩa là hành dục. Tại sao? Tại đây giả sử như có bậc đại đức mà vẫn còn bị mê hoặc không biết tỉnh ngộ. Cho nên gọi là đại si.

Hai tạp trụ nghĩa là giận và hờn; lại hai tạp trụ còn gọi là trễ nải và biếng nhác.

Chúng sinh bị vô minh không biết như vậy để tu, nên si mê chìm đắm trong năm chỗ này, ở trong biển khổ phiền não thuận theo dòng sinh tử. Ta nghe, ta biết, ta thấy, ta làm rồi dạy cho người khác làm, ta đạt đến như vậy. Do tâm như vậy, do ý như vậy, đưa chúng ta đến chỗ luân hồi trong biển phiền não.

Bốn thứ nguyên nhân trên, nó ràng buộc quấn chặt chúng sinh trong phiền não, mà nói là không nhân quả! Đại đức Cù-đàm, Ngài phải biết các việc như vậy.

Rồi Tiên A-la-la nói kệ:

Nếu người muốn đạt đến chánh kiến
Tứ thiền thanh tịnh nơi giải thoát
Nếu tâm hiểu rõ trí kia rồi
Chân Thánh, phi Thánh đều biết rõ.
Phân biệt như trên cần thông suốt
Như vậy gọi là hiểu tứ thiền
Các hành vô hành đều xả bỏ
Ngữ văn ngôn tự đều không còn.
Đại phạm cảnh trời là chốn ấy
Tuyên dương phạm hạnh ở trần gian
Nếu ai giữ trọn pháp môn này
Sẽ được sinh về trời Đại phạm.

Lúc bấy giờ Bồ-tát nghe Tiên A-la-la nói lời như vậy, Ngài lại hỏi phương pháp thực hành:

–Nếu thực hành các phương tiện thì đến cõi nào và dựng tịnh hạnh, tu hành, cần phải hành chỗ nào và pháp gì? Xin Tôn giả vì tôi giải thích tất cả.

Lúc ấy Tiên A-la-la căn cứ nghĩa "tôn thể" trong tổng luận của mình, đem giải thích đầy đủ cho Bồ-tát nghe:

–Này Nhân giả Cù-đàm, phàm người muốn tu hành cần phải rời bỏ cung điện, theo hạnh người xuất gia khất thực để sống, phát thệ nguyện rộng lớn, giữ gìn giới hạnh, đời sống đạm bạc, ẩm thực y phục, đồ ngủ nghỉ phải biết thích nghi hoàn cảnh, sống một mình ở nơi vắng vẻ. Theo sự hiểu

biết của tôi thì trong các luận có dạy: "Thấy các sai lầm của tham dục, sân hận, ngu si và cần phải lánh xa. Điều phục các căn, xa lìa dục vọng, nhập vào chánh định hưởng nhiều khoái lạc đi vào Sơ thiền. Bấy giờ ở nơi vắng lặng xa lìa các dục, không còn ác pháp, phân biệt sinh ly, tức chứng Sơ thiền. Được Sơ thiền rồi trở lại tư duy phân biệt như vậy, lần lần được an lạc. Đã được an lạc rồi, lại trụ trong định vắng lặng, do nương vào sức định này, ý lại càng xa lìa tham dục sân hận…, càng xa lìa phiền não, tâm được hoan hỷ, càng hoan hỷ thì trí tuệ lại càng thêm tăng trưởng, lúc ấy liền sinh lên cung điện Phạm thiên. Đã sinh vào cõi Phạm thiên rồi, lại tư duy phân biệt thế này: Cảnh giới này sẽ làm rối loạn trí tuệ của ta cần phải loại trừ. Loại trừ cảnh giới này rồi liền chứng Nhị thiền, tâm rất hoan hỷ. Tâm đã được hoan hỷ rồi, lại thấy hoan hỷ làm rối loạn tâm, nên cầu mong sống cảnh giới tốt đẹp hơn, tức sinh lên cõi trời Quang âm. Đã đến cõi Quang âm rồi, được thọ lạc ở đấy, họ muốn xa lìa sự vui sướng đó; sau khi xa lìa sự vui sướng này, liền chứng Tam thiền. Ở trong Tam thiền hoàn toàn khoái lạc, mà các cõi trời Biến tịnh ở đây càng lên cao lại càng thù thắng, nếu có thể xả bỏ lạc thú này, không cảm thọ, không mê đắm tức là tâm đã xả bỏ được các thứ khổ vui, liền chứng Tứ thiền. Như vậy ở cảnh giới này tất cả khổ vui và tâm chấp đều bị xả bỏ.

Lại có người, tâm họ không thỏa mãn Tứ thiền, nên cầu pháp giải thoát, muốn vượt qua quả báo Tứ thiền, trong tâm tư duy quán sát, thấy chúng sinh trời Quảng quả cõi Tứ thiền trí tuệ thô thiển."

Vị Tiên lại nói:

–Người này tư duy như vậy rồi, sau khi xuất định thấy sắc thân của mình có các tai họa, đau khổ, muốn xả bỏ sắc thân cầu trí tuệ tối thắng, nên phát tâm xa lìa cảnh Tứ thiền. Người này xả bỏ các cảnh giới thiền định, tiếp tục cầu cảnh giới tốt đẹp hơn, mà phát tâm giống như khi phát tâm xả bỏ các dục vọng như vừa nói ở trước. Do vì muốn xả bỏ sắc thân thô, mà phát tâm xa lìa Tứ thiền như vậy. Lúc bấy giờ họ phân tích các sắc tướng trong thân thể trống không, không có ranh giới, đối với tất cả sắc tướng từ nội thân cho đến cây cối ngoại cảnh, phân tích tất cả vật chất thành hư không không có giới hạn. Phân tích tất cả sắc chất thấy rõ ràng trống không, không có giới hạn như vậy, tức là chứng được cảnh giới thù thắng.

Kệ nói:

Cõi trời Đại phạm thật nhiệm mầu
Tất cả vô ngôn, thường vô tướng

Người trí bảo rằng nhân giải thoát
Còn gọi đó là quả Niết-bàn.

Lúc ấy Tiên A-la-la nói kệ này rồi, lại bạch Bồ-tát:

–Thưa Nhân giả Cù-đàm, đây là cảnh giải thoát và phương tiện đạt đến cảnh giải thoát của tôi, nay tôi vì Nhân giả thuyết minh một cách rõ ràng. Theo như lời trình bày của tôi, nếu Nhân giả đối với pháp này sinh tâm hoan hỷ, Ngài có thể lãnh thọ.

Rồi vị Tiên nói kệ:

Thanh tịnh giải thoát pháp như đây
Ta đã biết rồi nay quảng diễn
Nhân giả tâm ý nếu hoan hỷ
Xin Ngài theo đây mà nhận lấy.

Tiên A-la-la lại nói:

–Thuở xưa có các Tiên nhân Kỳ-xa *(nhà Tùy dịch Cầu Thắng)*, Tỳ-du-xà-na *(nhà Tùy dịch Ly Biệt Não),* Ba-la-xa-la *(nhà Tùy dịch Tha Tiễn)* và một số các Tiên nhân khác đồng ca ngợi pháp giải thoát này, cũng đồng tu phương pháp này mà được giải thoát. Nhân giả là bậc Trượng phu đại trí, có khả năng tu tập pháp môn này. Nếu Ngài chịu tu tập sẽ được quả báo giải thoát tốt đẹp.

Khi ấy Bồ-tát nghe Tiên nhân A-la-la nói pháp môn thanh tịnh, nên lãnh thọ thực hành, muốn làm hạnh Sa-môn, muốn cầu quả Sa-môn, cho nên thực hành pháp môn này, liền chứng được. Bồ-tát khi nghe pháp môn này từ Tiên A-la-la nói ra tin tưởng thực hành không chút chống trái. Ngài cũng chẳng nói: "Ta đã biết trước", chỉ thọ trì pháp, tư duy tinh tấn, phát sinh ý chí kiên cố cầu quả báo tốt đẹp. Khi Ngài chứng được cảnh giới tốt đẹp ấy, cũng không sinh tâm ngã mạn chê bai vị Tiên ấy. Nhưng, Ngài tự suy nghĩ: "Chẳng riêng gì Tiên A-la-la có đức tin, Ta cũng có đức tin như vậy! Chẳng riêng gì Tiên A-la-la có hạnh tinh tấn, Chánh hạnh tam-muội và Trí tuệ tam-muội… Ta cũng có các hạnh… trí tuệ cũng lại như vậy. Ngày nay Ta sẽ cầu chứng được pháp như Tiên A-la-la đã chứng, rồi phân tích rõ ràng cho người nghe để họ đạt được cảnh giới tốt đẹp đó."

Bồ-tát theo sự hiểu biết mà thực hành, đã chứng được tất cả pháp hạnh do Tiên A-la-la chỉ bảo. Nhưng Bồ-tát tu pháp môn này không lấy làm khó nhọc, chỉ trong một thời gian ngắn Ngài đã chứng một cách trọn vẹn. Rồi theo chỗ tu chứng của mình thuyết minh một các thông suốt, giống như Tiên A-la-la không khác gì cả.

Rồi Bồ-tát đến trước Tiên A-la-la thưa:

–Bạch Tôn giả A-la-la, Ngài căn cứ vào pháp trí tu chứng của mình, rồi nói lại cho người khác nghe, phải chăng pháp giới đó cầu sinh cảnh giới Vô tưởng?

Bồ-tát vừa dứt lời, Tiên A-la-la lại đáp:

–Thưa Trưởng lão Cù-đàm, pháp trí như vậy tôi đã thật chứng, trình bày lại cho người khác một cách thông suốt rõ ràng.

Bồ-tát lại nói:

–Thưa Tôn giả tôi được nghe giáo pháp của Ngài, y như lời Ngài dạy, tôi tin hiểu và thực hành đã chứng được pháp ấy rồi. Nếu người trí biết thực hành và cầu sinh cảnh giới ấy, cũng không xả bỏ phương pháp này. Nhưng theo ý của tôi, thì pháp này tuy vi diệu nhưng chưa đạt đến chỗ rốt ráo. Tại sao? Với sự quán sát tư duy, theo ý tôi cho rằng pháp này còn có khi biến động. Nhưng bản tánh của cảnh giới này nó là như vậy, tuy đã biết trí này là vô trí, lại phát sinh các pháp khác. Tuy Tôn giả nói: "Ta được giải thoát thanh tịnh." Nếu pháp giải thoát ấy do phân biệt quán sát mới có, thì đó chỉ là pháp nhân duyên, nên gặp duyên thì nó phát sinh trở lại, chẳng phải chân thật giải thoát. Giống như hạt giống gieo không phải mùa, hoặc không hợp thời tiết, hoặc khô nước, hoặc không gặp mưa, thì tiềm tàng trong đất không nảy mầm. Nếu hạt giống gieo đúng mùa, độ ẩm thích hợp, đầy đủ các duyên… hòa hợp, phát sinh. Nay đây cũng vậy, chỉ vì vô trí chấp trước nghiệp ái, khi xả bỏ được các thứ phân biệt chấp trước nghiệp ái này, cho là ta được giải thoát. Nhưng còn chấp ta giải thoát thì đều phải xả, tức phải xả các ái do vô trí, nghiệp không có chỗ kết hợp. Tuy hơn cảnh giới Tứ thiền ở trước, nhưng chưa phải là chỗ chân thật. Hễ còn phân biệt là còn chấp ngã, những vi tế ấy do ba việc mà có. Từ các thứ phiền não vi tế này, lại chấp có một cảnh giới vô tác dụng riêng biệt và chấp lấy tuổi thọ lâu dài, nói rằng ta đã giải thoát.

Rồi Ngài nói kệ:

Do các tai họa rất vi tế
Nên thọ dụng thân không tác dụng
Kiếp số thọ mạng thật lâu dài
Lại chấp cho là ta giải thoát.

Bồ-tát lại nói:

–Theo như Tôn giả đã nói ở trước "Ta đã xả ngã". Đã nói "Ta đã xả ngã", thì không gọi là "chân thật xả ngã". Nếu còn căn cứ, còn phân biệt là chưa giải thoát, thì không thể nói là không còn nhiều đau khổ. Do

vậy phải biết, chỗ có nhiều khổ không thể nói đó là chỗ "vô ngã giải thoát". Có ngã là có khổ, không thể tách rời ra được. Cũng như ánh lửa và sức nóng, sức nóng không thể tách rời ánh sáng lửa, ánh sáng lửa không thể tách rời sức nóng. Thể của hai thứ riêng nhau, trước không nay hợp lại mà có thì không đúng. Ngã đã như vậy thì tất cả khổ não cũng vậy. Giải thoát cõi này để đạt đến cõi kia, rồi bị cõi kia ràng buộc, do vì trí chấp lấy cảnh giới. Họ diệt hết sắc chỉ còn có thức, họ biết có ngã thức tức là hữu, do có hữu nên không được gọi là giải thoát. Vì cảnh giới thành tựu của ngã có hơn kém. Như vậy có thể biết cảnh giới tốt đẹp mà họ mong cầu là thế. Do vì nghĩa này, chẳng cần phải phân biệt đâu là ngã hay chẳng phải ngã, như gỗ như vách, gỡ bỏ từng lớp lại chồng lên từng lớp. Người có trí nên tư duy về ngã, đều buông xả tất cả cảnh giới để được tự lợi.

Rồi Ngài nói kệ:

Thứ tự các lớp đều buông bỏ
Như vậy mới là xả cảnh giới
Tất cả căn trần đều xả hết
Thế là tự lợi với tự tha.

Bấy giờ, trong đồ chúng của Tiên A-la-la có một đệ tử bạch Bồ-tát:

–Đại đức Cù-đàm, Ngài đến đây khiến chỗ ở của chúng tôi đều được tốt đẹp và có tám điều được tự tại.

Bồ-tát hỏi:

–Nơi này có tự tại gì?

Khi ấy Tiên A-la-la cắt ngang, bảo đệ tử:

–Con chớ suy nghĩ đến việc này. Vì lý do gì? Tự tại nghĩa là đối tất cả sự việc có khả năng quyết định, không lệ thuộc với người khác, không theo bạn bè, thân mình tự chứng cảnh an định mới sinh hoan hỷ.

Bồ-tát đáp:

–Tự tại không phải vậy.

Tiên A-la-la hỏi:

–Vậy việc ấy thế nào?

Bồ-tát liền đáp:

–Tự tại không phải như vậy, không phải như vậy.

Tiên A-la-la lại nói:

–Nhân giả cứ trình bày, không được nói lời uẩn khúc.

Bồ-tát nói:

–Nếu y như lời Tôn giả nói, thì hạnh này không còn luân hồi hay sao?

Tiên A-la-la lại hỏi:

–Nhân giả vì cớ gì đưa ra câu hỏi như vậy?

Bồ-tát đáp:

–Ngày nay tâm tôi nhàm chán sự sinh muốn cầu hỏi chỗ chân chánh.

Tiên A-la-la nói:

–Này Nhân giả Cù-đàm, Ngài muốn nghe chăng, tôi sẽ vì Ngài mà nói. Muốn khai hóa thế gian gọi đó là ngã, chỉ có danh từ mà không sinh không già, không thoái không lại, không trong không ngoài, không trước không sau gọi đó là ngã. Tự tại là có thể vào trong luân hồi, ở trong sinh tử cũng không tạm dừng. Nó là pháp và phi pháp, trời và tất cả các cõi, có thể đi xa, có thể tạo thành chiếc thuyền, ngồi trên chiếc thuyền này có thể vượt qua biển thẳm, lưu chuyển qua lại, hay tạo sinh tử, cũng hay biến hóa, tự tại tối thắng, tối diệu tối đại, làm chủ thế gian giáo hóa tất cả.

Bồ-tát hỏi:

–Biến hóa như thế có gì làm bằng chứng không?

Tiên A-la-la nói:

–Nghe lời hỏi của Nhân giả chắc chắn Ngài không chấp nhận giáo nghĩa mà tôi vừa nói, hoặc hiện giờ Nhân giả tâm không ham thích nữa.

Bồ-tát nói:

–Ta không có việc ấy.

Tiên A-la-la nói:

–Đại đức Cù-đàm chớ có nghi ngờ, tùy theo ý của Ngài, mà luận thuyết chủ trương của mình khéo tư duy thâm nhập, để tự soi sáng. Nếu tự hiểu biết thì không bị kẻ khác lừa dối, không nghe theo nghĩa lý khác. Chứng được như vậy gọi là tự lợi, người khác không bằng. Nếu tâm không quyết định, theo các luận sư khác mà chấp nhận giáo pháp của họ, thì trí tuệ của Ngài sẽ bị tổn giảm. Nhân giả nghe pháp của tôi, đối với mỗi pháp, hãy đọc tụng tư duy chân chánh, quán sát ý nghĩ sâu xa, xét chỗ hiểu biết của mình có điều gì nghi ngờ tùy ý hỏi, tôi sẽ mà giải thích cho Ngài.

Bồ-tát lại nói:

–Theo như lời nói của Tôn giả, có khả năng tạo tác biến hóa ra thế gian là bậc Tự tại. Đối với vấn đề này tôi có nghi ngờ.

Tiên A-la-la nói:

–Theo ý Nhân giả cho nghĩa này không đúng sao?

Bồ-tát lại nói:

–Tôi thấy không đúng!

Tiên A-la-la nói:

–Vì sao không đúng?

Bồ-tát lại nói:

–Lý do là tại sao nguyên nhân này chỉ có một? Nếu như trời Tự tại biến hóa tạo tác ra thế gian, thì các pháp chẳng được theo thứ lớp cùng nhau phát sinh như trong hiện tại. Vòng phiền não không nên theo thứ lớp như vậy mà chuyển. Lẽ ra tâm chúng sinh không cần ham lợi mà tự nhiên được lợi. Lẽ ra một chúng sinh không bị nhiều đau khổ. Lẽ ra chúng sinh trong thế gian cúng dường trời Tự tại như cúng dường cha mẹ, ngoài ra chư Thiên khác không được cúng dường. Người bần cùng lẽ ra không được nói những lời hủy nhục của họ, vì nghiệp thiện ác đều do vị ấy, nên chúng sinh không cần nương tựa, không cần tìm cầu, không cần tạo tác. Người đời không cần suy nghĩ có trời Tự tại hay không có trời Tự tại. Người đời phân biệt thế này: "Nên có tạo tác hay không tạo tác?" Nếu không có tạo tác các nghiệp thì lẽ ra tự nhiên sẽ được quả báo. Trời Tự tại do tu tập khổ hạnh để thành Tự tại. Nếu chúng sinh thế gian cũng thực hành như vậy, thì tất cả chúng sinh đó cũng đều gọi trời Tự tại hay sao? Nếu trời Tự tại vô nhân mà tự nhiên thành trời Tự tại. Như vậy chúng sinh khắp nơi cũng là trời Tự tại. Nếu chúng sinh không do tự tại kiến lập, thì không được gọi là có tự tại, đâu được gọi là trời Tự tại thành lập chúng sinh.

Tiên A-la-la tán thán Bồ-tát:

–Đại đức Cù-đàm trí tuệ cao xa, tiếp nhận các luận, khéo trình bày rõ ràng. Nói tóm lại, toàn thể đều do trí lực phân biệt hiểu biết của Ngài, nên thấy con đường để thành tựu chân thật một cách bình đẳng. Xin Ngài vì tôi trình bày, chớ nên từ nan lẫn tiếc pháp bảo.

Bồ-tát lại nói:

–Ta phải cúng dường Tôn giả.

Tiên A-la-la nói:

–Tiên nhân có nhiều hạng làm sao Nhân giả cúng dường hết được. Nhưng ngày nay Nhân giả đã là bậc Thượng thủ, Ngài cũng nên nhận lãnh sự cúng dường của các Tiên nhân.

Bồ-tát lại nói:

–Xin Tôn giả vì ta giải thích ý nghĩa này.

Tiên A-la-la nói:

–Hàng Tiên nhân thật ra hơn tất cả thế gian, nhưng trong số họ chưa hẳn đã sinh ra trước. Nhân giả có trí tuệ sâu xa, xin Ngài khéo tư duy: Nghiệp có trước hay thân có trước?

Bồ-tát hỏi:

–Nghĩa này như thế nào?

Tiên A-la-la nói:

–Vấn đề này rất nan giải! Tại sao? Nếu nghiệp có trước chẳng phải thân có trước, thì lẽ ra không thọ thân, thân không tạo nghiệp, mà nghiệp không tự sinh ra nghiệp, thì ai tạo ra nghiệp này? Nếu thân có trước chẳng phải nghiệp có trước, thì không có nghiệp. Nếu không có nghiệp, thì tại sao lại có chúng sinh (do nghiệp) thọ thân?

Cái gì có khả năng khai hóa thế gian, thì cái ấy không hư hoại, nhất định thường tồn, bị giữ mãi trong ba cõi. Đó là nguồn gốc sinh ra chúng sinh, sinh ra tự thân. Nếu không do trời Tự tại sinh thì tất cả chúng sinh yêu mến sắc thân, tự nó sẽ đầy đủ. Nếu tự nó đầy đủ, thì đối với mọi nơi lẽ ra phải tự có.

Bồ-tát nói:

–Như người bệnh cầu lương y chữa trị, Ta không vấn nạn nghĩa này nữa.

Lúc bấy giờ có một Tiên nhân khổ hạnh là đệ tử của Tiên A-la-la, bạch Bồ-tát:

–Hay thay Cù-đàm! Theo như lời nói của Tôn sư tôi, xin không nên nạn vấn, như ý nghĩa của thầy tôi nói, hãy chấp nhận không nên tranh cãi vì việc làm như vậy không có lợi ích. Nhân giả nên nhận lãnh lời Tôn sư tôi.

Bồ-tát lại nói:

–Ta chẳng vấn nạn làm gì, chỉ muốn hỏi giáo pháp ấy truyền thừa ấy nguồn gốc như thế nào để biết sự thật.

Tiên nhân khổ hạnh nói:

–Nhân giả tùy nhân duyên mà thọ lãnh giáo pháp ấy, sẽ chứng được chân lý. Nếu nghi ngờ giáo pháp và tranh luận, thật là phi pháp, vị lai sẽ mắc tội.

Khi ấy vị Tiên khổ hạnh, đệ tử của A-la-la nói kệ:

Phàm người thưa hỏi, khi nghe pháp
Tâm ý không loạn nghĩa mới thông
Nếu như nghi ngờ lòng chê trách

Đó là soi mói cạnh tranh nhau.
Hai đàng tìm lỗi sinh oán hận
Tức giận hơn thua lời nói xấu
Người trí muốn trừ lỗi khẩu nghiệp
Nói lý, không ý tranh hơn thua
Nghị luận muốn hơn gọi là tham
Tranh danh, sĩ nhục hạ đối phương
Nhiều lời chỉ trích, thành lỗi lớn
Dua nịnh nghe theo, sinh kiêu hãnh.
Sân tâm ngã mạn, tội chướng tăng
Hủy báng cùng nhau tranh phải trái,
Điều phải chẳng làm, làm điều trái
Tranh cãi với nhau thành oán hận.

Bấy giờ Bồ-tát nghe kệ này rồi, nói với vị Tiên khổ hạnh:

–Đúng vậy! Lỗi của sự tranh cãi không thể nói hết. Nhưng Ta chỉ muốn tìm nguồn gốc truyền trao của việc thành tựu như thế nào, chứ không phải tranh cãi tận cùng.

Khi Bồ-tát nói như vậy, Tiên nhân khổ hạnh vẫn chưa vừa ý. Tiên A-la-la nói:

–Đại đức Cù-đàm, đối với con đường giải thoát này Ngài chẳng thích sao? Giáo pháp như đây là tùy duyên không có nguồn gốc?

Bồ-tát đáp:

–Khi muốn cầu quả giải thoát phải tìm hiểu như thế?

Lúc ấy vị đệ tử của Tiên nhân A-la-la lại nói:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, Nhân giả cầu quả giải thoát mà bỏ giáo pháp chúng tôi, chỉ nhọc thân vô ích mà thôi!

Bồ-tát đáp:

–Người cầu cái vui vô thường ở thế gian còn khó, huống gì cầu giải thoát không trở lại!

Vị đệ tử của Tiên nhân A-la-la lại bạch:

–Nhân giả nói không trở lại, vậy là thường đi mãi.

Bồ-tát đáp:

–Nơi ta đi đến theo ý muốn, nay đã đạt được thì trở lại làm gì?

Tiên A-la-la nói:

–Không đi đến chỗ kia mà cũng chẳng trở lại chỗ này, thì không được hay sao?

Bồ-tát nói:

–Việc như vậy thật là hy hữu! Tôn giả trước có nói: "Có thọ lấy đời sau." Sao bây giờ lại nói không trở lại?

Tiên A-la-la đáp:

–Thật đúng như lời Nhân giả nói, thật là quá hy hữu! Thể chân như tịch tĩnh, không bắt đầu, không kết thúc, không có giới hạn, không trước không sau, đi không xác định hoạt động, hình thể không cùng tận. Nhưng do vị thầy vô tướng, ông chủ thiền định tạo ra. Đó là Đại Phạm thiên.

Bồ-tát lại nói:

–Ta xin hỏi Đại Tiên Tôn giả, đến kiếp hoại tất cả vạn vật trên cõi đại địa này như rừng rú, núi Tu-di… cho đến cung điện trời Đế Thích, tất cả đều bị kiếp hỏa đốt cháy. Lúc đó cõi trời Đại phạm ở chỗ nào? Là gì? Tên gì? Làm sao có nói năng? Quả báo công đức làm sao tồn tại? Làm sao khi kiếp hoại vạn vật đều bị tiêu diệt, tại sao trời Đại phạm không bị thiêu đốt?

Lúc bấy giờ Tiên A-la-la cười nhạt lặng thinh, nhưng đệ tử của vị ấy lại bạch Bồ-tát:

–Nhân giả là bậc trí tuệ hơn hết, tại sao Nhân giả không biết chư Tiên trong quá khứ đã chứng được Thánh đạo hay sao? Các Tôn giả Tiên nhân đó là Ba-la-xa-la, Phả-la-đọa-a-tu-lê-da, Bạt-đà-na, Ca-đố-bà-đà-na, Đà-na-đạt-đa, Đạt-lợi-đa-na-da, Bàn-giá-la-ba-để, A-sa-đà, Bạt-ma-đạt-đa, Na-hầu vương tử Da-da-để, Thiều-ba-lê, Ba-la-bà-giá-na, Tỳ-đề-a, Xà-na-ca, A-bàn-để-quốc-la-để-đề-bà, Xà-kỳ-xa-tỳ-da, Đề-tỳ-la, Tỳ-đà-ha-tỳ-da, Bà-nô, Đề-bà-da-na, Nê-sa-đa-na-da, Da-nhã-da-na, Ni-da-bạt-đô, Ha-lê-để, Bạt-xa-la-bà-hầu… Tất cả các Tiên nhân như vậy, vào trong ánh sáng mặt trời mà chứng Thánh đạo.

Lúc bấy giờ Bồ-tát bảo Tiên nhân:

–Nay người nói vào trong ánh sáng mặt trời cầu giải thoát. Nghĩa này như thế nào? Vậy Ta nên lễ bái các vị ấy, nhưng thật ra Ta không chấp nhận sự tự tại như thế.

Khi Bồ-tát nói lời ấy rồi, trong tâm suy nghĩ: "Giáo pháp của Tiên A-la-la không phải là giáo pháp rốt ráo.", nên tâm Ngài chẳng vui.

Vị đệ tử của Tiên A-la-la đoán được ý Bồ-tát, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Bồ-tát:

–Ngày nay Nhân giả đã vượt ra ngoài giáo pháp này, ý lại muốn cầu pháp giải thoát hơn nữa.

Bồ-tát đáp:

–Ý Ta nguyện muốn chứng được pháp như thế này: Không phải đất, không phải nước, không phải lửa, không phải gió, không phải hư không, không phải sắc, không phải thanh, không phải hương vị, không phải xúc, không phải tướng, không an vui, không sợ sệt, không chết, không bệnh, không già, không sinh, không phải có, không phải là không có, không thường, không phải không thường, không dùng ngôn ngữ diễn tả, không có giới hạn.

Rồi Ngài nói kệ:

Không còn lỗi sinh, già, bệnh, chết
Không đất, nước, gió, lửa và không
Vượt khỏi ba cõi không thầy dạy
Thường tịnh tự nhiên được giải thoát.

Khi Tiên A-la-la nghe kệ rồi, lại bạch Bồ-tát:

–Thưa Nhân giả Cù-đàm, ngày nay bao nhiêu pháp tôi tự chứng, đối với người khác tôi đã trình bày một cách rõ ràng. Ngày nay, Nhân giả cũng chứng được pháp này, đối với người khác trình bày pháp ta đã chứng. Nhân giả đã chứng được cũng có thể làm thầy trong đại chúng này như ta đang làm thầy trong đại chúng này vậy. Cù-đàm ngày nay có thể cùng ta đồng tâm, hai chúng ta lãnh đạo đại chúng này, giáo hóa chỉ dạy họ.

Lúc bấy giờ Tiên A-la-la tuy ở địa vị thầy nhưng đối xử với Bồ-tát một cách bình đẳng, tự phân nửa tòa ngồi cho Bồ-tát, cúng dường Bồ-tát, tùy theo nhu cầu của Bồ-tát, Tiên A-la-la cung cấp một cách đầy đủ, hết sức lấy làm vui mừng, vô cùng sung sướng tràn ngập châu thân không thể tự chế.

Lúc ấy Bồ-tát tự suy nghĩ: "Giáo pháp này không thể đưa người đạt đến Niết-bàn, cũng không xa lìa các dục vọng vượt khỏi phiền não, cũng không phải thiền định tịch tịnh, diệt hết các lậu, chứng thần thông, lại cũng không tự giác ngộ và giác ngộ cho người khác thực hiện hạnh Sa-môn, chẳng có thể diệt trừ các phiền não ác. Tại sao? Tu pháp này, chỉ sinh lên cõi Phi tưởng để rồi lại tạo nghiệp. Nên biết pháp này chẳng là đạo quả cùng cực rốt ráo." Suy nghĩ như vậy, Bồ-tát liền từ biệt Tiên A-la-la mà ra đi.

Có kệ:

Bồ-tát suy nghĩ các pháp này
Trong tâm không thể hoan hỷ lắm
Biết chẳng vượt đến chỗ cứu cánh
Từ giã La-la đi tầm đạo.

Lúc bấy giờ đồ chúng của vị Tiên A-la-la nói lời tạm biệt cùng chia tay Bồ-tát:

–Cầu nguyện Nhân giả, nơi nào Ngài đi đến luôn luôn được mọi sự an lành.

□

Phẩm 27: ĐÁP LỜI HỎI CON CỦA LA-MA

Lúc bấy giờ, nơi cõi Diêm-phù-đề có một vị Đại đạo sư tên là La-ma, ông ta đã qua đời, để lại đồ chúng cho trưởng tử tên là Ưu-đà-la La-ma Tử, làm chủ thống lãnh. Ưu-đà-la thường vì đại chúng thuyết giáo pháp tu sinh lên cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng. Ông và đồ chúng sống trong A-lan-nhã tại khu vườn gần thành Vương xá.

Lúc bấy giờ, từ xa nghe danh giáo pháp ông ta hơn giáo pháp Tiên A-la-la, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta cần phải đến cầu pháp với Ưu-đà-la La-ma Tử tu tập phạm hạnh." Sau khi rời chỗ ở của Tiên A-la-la, Bồ-tát chậm rãi đi vượt qua sông Hằng, hỏi những người biết, rồi đi đến chỗ ông ta bạch:

–Thưa Tôn giả Ưu-đà, tôi muốn ở gần Ngài, cầu lời chỉ dạy về tu phạm hạnh.

Ưu-đà-la thưa Bồ-tát:

–Thưa Đại đức Cù-đàm, theo tôi nhận thấy Ngài là bậc Trí tuệ, có thể nhận lãnh giáo pháp của ta mà tu phạm hạnh. Nếu Ngài muốn thọ giáo tu phạm hạnh, cần phải thuận tu giáo pháp của ta bằng nghiệp thanh tịnh sẽ được quả báo.

Khi đó Bồ-tát thọ giáo tu tập khổ hạnh với Ưu-đà-la La-ma Tử. Do vì cầu pháp Sa-môn, tu hạnh Sa-môn, nên Ngài cung kính chắp tay bạch:

–Thưa Nhân giả, tôi chưa rõ pháp thực hành của Ngài đã đạt đến cảnh giới nào? Xin Ngài hãy vì tôi giải thích.

Ưu-đà-la bảo Bồ-tát:

–Này Cù-đàm, phàm chấp tướng và vô tướng là một bệnh lớn, là ung nhọt lớn, là đại ngu si hắc ám, nếu chín chắn tư duy, tức chứng được hữu thể vi diệu, có thể theo thứ lớp giải thoát. Giáo pháp này của ta gọi là giải thoát vắng lặng tối diệu, tối thượng, tối thắng, quả giải thoát này chứng đến cõi Phi phi tưởng. Ta đang tu tập pháp môn tối thắng tối diệu này.

Rồi Ưu-đà-la lại nói:

–Ở trong cõi Phi tưởng phi phi tưởng này, ở trong quá khứ không có định nào vượt qua định này, hiện tại cũng không có, vị lai cũng không có. Định này tối thắng, tối diệu, tối thượng, ta đang tu pháp môn này.

Bồ-tát nghe pháp môn này, tư duy chẳng bao lâu liền chứng được. Ngài nghe lời chỉ giáo của Ưu-đà-la, nghe rồi tin theo lời ấy mà nghĩ như thế này: "Pháp như thế này Ta cũng có thể chứng được, tức có thể hiểu biết được lời thật không hư dối. Ta có thể thấy và biết như vị ấy." Rồi Ngài lại nói với Ưu-đà-la:

–Chẳng riêng ngài hay là La-ma thân phụ của ngài có tín hạnh, mà Ta cũng có tín hạnh như vậy; chẳng riêng La-ma có tinh tấn chánh niệm, thiền định, trí tuệ, Ta nay cũng có tinh tấn cho đến… trí tuệ, Ta nay tu học pháp môn của La-ma này, ta sẽ chứng được rồi lại vì người khác thuyết minh. Ta biết pháp này rồi, ta chứng pháp này rồi, lại muốn cầu giáo pháp tốt đẹp hơn.

Lúc Bồ-tát đạt được pháp môn này rồi, lại bạch Ưu-đà-la:

–Thân phụ của nhân giả thuở trước đối với cảnh giới Phi tưởng phi phi tưởng, sau khi chứng được có dạy lại cho người khác phải không?

Ưu-đà-la nói:

–Thưa Đại đức Cù-đàm, thân phụ tôi làm đúng như vậy.

Bồ-tát nói:

–Thưa Nhân giả Ưu-đà, tôi vâng lãnh giáo pháp của ngài rồi thực hành, nay chứng biết một cách thông đạt.

Ưu-đà-la lại bạch Bồ-tát:

–Thưa Đại đức Cù-đàm, nếu được như vậy thì Nhân giả cùng với thân phụ ta không khác. Nếu ngày nay Nhân giả đã chứng được pháp này rồi, lại vâng giữ thọ trì, thì Ngài sẽ như Tiên nhân La-ma thân phụ ta, thống lãnh đại chúng này, diễn giải chỉ dạy họ.

Thuở ấy Ưu-đà-la tự tu phạm hạnh không chút khuyết điểm, muốn giữ Bồ-tát đồng tu pháp môn, để đồng chứng pháp trí tăng thượng, nên đem đồ cúng dường thượng hạng cúng cho Bồ-tát, tâm rất vui mừng không thể tự chế.

Lúc ấy Bồ-tát nói với Ưu-đà-la:

–Thưa Nhân giả, pháp môn của Ngài không phải là pháp môn cứu cánh. Pháp cứu cánh phải là giải thoát dục vọng, diệt trừ phiền não, nhất tâm vắng lặng, không có các kết lậu… cho đến chứng các thần thông, thành hạnh Sa-môn vào Đại Niết-bàn. Còn pháp của ngài còn trở lại trong sinh

tử. Vì sao? Vì đã sinh vào cõi Phi tưởng phi phi tưởng, sau khi thọ hết phước báo sẽ trở lại phiền não.

Bồ-tát vừa nói xong, Ưu-đà-la lại bạch:

–Thưa Đại đức Cù-đàm, sao Ngài chẳng nghe Tiên La-ma thân phụ của tôi đã chứng pháp này, đối với mọi sự vật đều không còn hay biết, đã sinh vào Phi tưởng phi phi tưởng mà còn trở lại trong sinh tử là điều vô lý.

Ưu-đà-la tuy tu Xa-ma-tha nhưng chỉ chứng được pháp tịch tĩnh, cho rằng không tái sinh, lại cũng không thấy cảnh giới tái sinh, nên không cầu pháp thù thắng tối thượng, chỉ nói La-ma cha ta đã nói như vậy.

Bồ-tát lại tư duy như thế này: "Pháp này chẳng phải pháp cứu cánh, ta nay không nên chuyên tâm giữ pháp này." Rồi Bồ-tát liền từ biệt Ưu-đà-la đi nơi khác.

Có kệ nói:

Bồ-tát tư duy quán pháp này
La-ma thuở trước tuy tu tập
Chẳng phải cứu cánh chân giải thoát
Liền bỏ nơi đây đi nơi khác.

□

Phẩm 28: KHUYÊN HƯỞNG THỌ DỤC LẠC THẾ GIAN (Phần 1)

Khi Bồ-tát từ biệt Ưu-đà-la La-ma Tử ra đi, Ngài ung dung chậm rãi tiến về phía núi Bàn-trà-bà *(Tùy dịch Huỳnh bạch sắc).* Đến dưới chân núi, Ngài tìm chỗ đất bằng phẳng, ngồi kiết già dưới một cội cây, thân hình đoan chánh tập trung tư tưởng ở trong chánh niệm bất động, giống như có người bị lửa cháy trên đầu, cấp tốc tiêu diệt vứt lửa xuống đất. Bấy giờ, trong tâm Bồ-tát muốn trừ sạch hết phiền não cũng như vậy.

Bồ-tát tư duy: "Không biết bao giờ Ta đập tan khối đại phiền não! Không biết bao giờ Ta phá được kho tàng đại ngu si để chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Chúng sinh đang chìm đắm trong biển sinh tử, không biết bao giờ làm cho họ thoát khỏi!" Ngài tư duy như vậy rồi, oai đức thể hiện rực rỡ.

Lúc ấy trong núi có nhiều hạng người, hoặc đi lượm củi, hoặc đi lượm phân bò, hoặc đi săn thú, hoặc đi cày làm ruộng, hoặc đi chăn trâu, cùng những người đi đường… Họ trông thấy Bồ-tát ngồi dưới gốc cây trong núi Bàn-trà-bà, giống như khối ngọc hay pho tượng vàng chiếu sáng. Thấy rồi, họ đều cho rằng điều chưa từng có, cùng nói với nhau: "Này các người, vị

này không phải người thường, không biết từ đâu đến đây?" Hoặc họ cho rằng đây phải chăng là thần núi Bàn-trà? Hoặc họ cho rằng đây phải chăng là Tiên nhân tu ở trong núi Bàn-trà-bà? Hoặc họ cho rằng đây phải chăng là vị Thần minh ở xứ nào đến? Hoặc họ cho rằng đây phải chăng là vị thần hô núi Tỳ-phú-la? Hoặc họ cho rằng đây phải chăng là vị thần thủ hộ núi Kỳ-xà-quật? Hoặc họ cho rằng, đây phải chăng là vị thần đại địa từ dưới đất xuất hiện? Hoặc họ cho rằng đây phải chăng là Thiên tử cõi trời từ hư không giáng hạ đến đây. Bọn họ đều nghi ngờ không biết lý do gì thân thể vị thần này sáng chói oai đức trang nghiêm, chiếu sáng cả núi, giống như ánh sáng vầng nhật nguyệt chiếu khắp, như hoa các cây Sa-la đều khoe sắc. Đây chẳng phải là ánh sáng của bậc Đại nhân thì làm sao có thể hiện được những việc như vậy!

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 23

Phẩm 28: KHUYÊN HƯỞNG THỌ DỤC LẠC THẾ GIAN (Phần 2)

Qua đêm ấy, ngày hôm sau trời vừa tảng sáng, Bồ-tát mặc y phục chỉnh tề rời khỏi núi Bàn-trà đi chậm rãi vào thành Vương xá khất thực. Trên đường đi, Ngài quán sát các ấm đều khổ, không, vô thường, muốn cầu pháp Vô dư đại Niết-bàn. Ngài nhìn xa một tầm, điều phục các căn, các cảnh ô nhiễm chấp trước đều bị đoạn trừ không còn một vết ô trược. Rồi Ngài lại nghĩ như thế này: "Hôm nay Ta khất thực mà không có bình bát, khi được vật thực, biết đựng vào đâu." Nghĩ rồi, Ngài liền đi chung quanh tìm xin bát mà không có. Bỗng thấy nơi kia có một ao sen, Ngài liền nói với người giữ ao:

–Xin Nhân giả vui lòng cho tôi một lá sen trong ao?

Người giữ ao nghe qua liền đồng ý, vào ao ngắt lấy một lá sen dâng cho Bồ-tát. Bồ-tát nhận lá sen, rồi hướng về thành khất thực.

Lúc bấy giờ dân chúng trong ngoài thành Vương xá quan sát tỉ mỉ cử chỉ của Bồ-tát, đồng thời lại thấy Bồ-tát có oai thần rực rỡ, thấy rồi tâm họ cho là việc quá ư hy hữu, cùng nhau bàn tán: "Vị này phải chăng là vị trời Đại Tự tại ba mắt giáng đến xứ này? Trong số đó có những người sắp kinh doanh sự nghiệp đi làm ăn xa phương khác, họ vừa thấy Bồ-tát liền đổi ý không đi, lại cùng nhau kéo về hướng Bồ-tát; hoặc có người sắp làm sự việc, giữa đường thấy dung nghi của Bồ-tát họ liền bỏ sự việc hướng về Bồ-tát; hoặc có người đang ngồi vừa thấy Bồ-tát, bất chợt vùng dậy chạy mau đến bên Bồ-tát; hoặc có người hướng về phía Bồ-tát chắp tay cung kính; hoặc có người cúi đầu lễ bái; hoặc có người dùng âm thanh tao nhã ca ngợi Bồ-tát: "Lành thay! Lành thay! Ngài đến đây!." Khi ấy tất cả dân chúng trong thành Vương xá thấy Bồ-tát, không một ai mà không hoan hỷ ái mộ. Hoặc trong thành có những kẻ nhiều chuyện nói lời đảo loạn, lời phù phiếm khi đối trước Bồ-tát họ đều lặng thinh đi theo Bồ-tát. Hoặc có già trẻ trai gái ở bốn phương thành Vương xá, họ sắp làm những việc khác đều

bỏ việc của mình đều chiêm ngưỡng Bồ-tát mắt không nháy, cho là việc chưa từng có, quan sát thân hình Bồ-tát một cách tỉ mỉ: Mặt mày mắt trán, vai cổ tay chân cùng hành vi cử chỉ. Một khi họ quán sát một nơi nào trên thân, đều ưa thích, không thể nhìn sang nơi khác.

Bấy giờ Bồ-tát đang độ thiếu niên cường tráng, xinh đẹp, chính là thời kỳ tràn đầy nhựa sống sắc đẹp như nở hoa, mà lại xả bỏ cung điện xuất gia tầm đạo. Giữa đôi chân mày của Ngài có sợi lông trắng xoay về bên phải, hai hàng lông mày dài nhỏ, đôi mắt lớn dài rộng, uy đức tỏa khắp, thân thể sáng rực, uy nghiêm đáng kính, chiếu khắp xa gần, giữa hai mươi ngón tay và chân đều có màng mỏng liên kết như mành lưới. Ngài có tài trị hóa tất cả nhân thiên, oai đức thần lực của Bồ-tát bao trùm tất cả, trong thế gian không ai sánh bằng.

Có bài kệ:

Trên đường Bồ-tát ung dung bước
Quần chúng đua nhau đồng chiêm ngưỡng
Chỉ thấy ánh sáng một phần thân
Thấy rồi liền phát tâm hoan hỷ.
Đôi mày nhỏ dài như vòng nguyệt
Đôi mắt xanh đen như trâu chúa
Thân thể trong sáng tỏa hào quang
Mười ngón tay chân có màn lưới,
Người xem thấy sắc đẹp tuyệt vời
Đại chúng tự nhiên theo Bồ-tát
Chiêm ngưỡng tướng tốt thật trang nghiêm
Tất cả mọi người rất hoan hỷ.

Bấy giờ thần thủ hộ thành Vương xá thấy oai nghi của Bồ-tát, tâm hoảng sợ run rẩy chẳng an, thầm nghĩ: "Đây là vị đại thần xứ nào muốn đến chỗ ở của ta?" Khi ấy Bồ-tát được vô số dân bao vây chung quanh tả hữu trước sau, để chiêm ngưỡng dung nhan Bồ-tát. Ngài đi bộ từ từ hướng về thành Vương xá để khất thực, với y phục nghiêm chỉnh, nhất tâm định ý, chăm chú thúc liễm các căn, đôi mắt đăm chiêu nhìn xuống, hai tay nâng đỡ lá sen dùng làm bình bát, hai chân nhẹ nhàng bước đều không chậm không nhanh hướng về phía trước, lúc đi lúc đứng, khi cúi xuống ngước lên, nói chung mọi cử chỉ đầy đủ oai nghi ung dung, tự tại, mọi người trông thấy đều rất hoan hỷ. Ngài chứng pháp thiền chỉ tối thượng tối thắng, tâm được điều hòa, thân thể uyển chuyển, như tượng vương được thuần hóa, không có điều uế trược giống như ao nước trong sạch, thân luôn luôn tỏa

hào quang chung quanh độ một tầm, như cây Sa-la đang độ nở hoa, như pho tượng vàng từ đất xuất hiện, đầy đủ các tướng trang nghiêm một cách viên mãn, như mặt trăng giữa đám sao trên bầu trời đen tối, như vầng nhật chiếu sáng cả thế gian.

Khi ấy tất cả tầng lớp dân chúng trong thành Vương xá thấy Bồ-tát đi trên đường phố tâm họ đều hoan hỷ cho là việc chưa từng có. Hoặc như hạng thương gia giao dịch buôn bán trong thành thì đình chỉ việc buôn bán không đến chợ; hoặc có nơi tửu điếm bình thường có nhiều người say sưa tinh thần điên đảo rối loạn, thì hôm nay họ đều tỉnh táo không ăn uống say sưa, bỏ tất cả yến hội ca hát, đều cùng nhau chạy nhanh đến chỗ Bồ-tát; hoặc có người đi theo hai bên để chiêm ngưỡng Bồ-tát; hoặc có người chạy về phía trước xoay cổ lại xem; hoặc có người đi đàng sau.

Lại trong thành Vương xá có vô số phụ nữ, hoặc họ tựa bên cửa đi, hoặc đứng bên trong cửa sổ, hoặc có người ở trong lầu hay trên cao ốc mà trông, hôm đó mọi sinh hoạt thường ngày đều nghỉ cả để trông nhìn Bồ-tát. Trong thành, nhà nhà đều mở cửa hoan hỷ đón mừng, họ cùng nhau nói: "Người này là ai? Từ đâu đến đây? Thuộc dòng họ nào? Danh hiệu là chi mà dung nhan xinh đẹp, hành động dễ cảm mến thế này? Mà chúng ta từ xưa đến giờ chưa từng thấy tướng mạo đẹp đẽ khác thường như vậy phải chăng là Sa-môn hay Bà-la-môn?" Tiếng ca tụng vang khắp trong ngoài thành.

Lúc bấy giờ vua nước Ma-già-đà tên là Tần-đầu-sa-la họ Thí-ni đóng đô tại thành Vương xá, khi chưa lên ngôi đã mong cầu với năm nguyện:

1. Sớm lên ngôi khi còn tuổi trẻ.

2. Sau khi lên ngôi nguyện trong quốc độ tôi trị hóa, gặp được Đức Phật Thế Tôn xuất hiện.

3. Nếu khi Phật xuất hiện ở đời, tôi đích thân phụng thờ cúng dường Phật.

4. Nếu sau khi được phụng thờ cúng dường rồi, cúi xin Phật vì tôi thuyết pháp đáp ứng như sở nguyện.

5. Nếu Phật đã vì tôi thuyết pháp, tôi nghe pháp rồi, nguyện không hủy báng, được pháp rồi theo đó phụng hành.

Khi vua Tần-đầu-sa-la ngồi trên lầu cao có hàng đại thần hầu chung quanh, xa xa nhìn thấy Bồ-tát cùng đám người từ từ kéo nhau vào thành Vương xá. Nhà vua vừa thoáng thấy Bồ-tát, rất đỗi ngạc nhiên, vội vã xuống lầu, mở cửa cung ra khỏi thành. Nhà vua thấy oai nghi cử chỉ thân hình đoan chánh của Bồ-tát không ai sánh bằng giống như mặt trăng xuất

hiện giữa đám sao trên bầu trời đen tối, được mọi người ưa thích ngắm xem, giống như ngọc ma-ni trong ngoài trong suốt sáng rực. Tôn nhan Bồ-tát tràn đầy oai đức chói sáng trang nghiêm cũng như vạy.

Vua Tần-đầu thấy tôn nhan Bồ-tát tốt đẹp như vậy, liền bảo quần thần:

–Ta từ khi sinh ra cho đến hôm nay, chưa từng thấy người nào có mắt mũi, mặt mày, sắc thân hình dung như vậy. Trán cao rộng bằng phẳng, trong sáng phân minh, chiếu soi tỏ rõ, giống như hoa sen trong nước mà chẳng dính một tí nước. Thân đầy oai đức, tất cả lông trên mình đều xoay về phía hữu. Giữa hai chân mày có sợi lông trắng trong sạch tợ như lưu ly hay bạch ngọc, cũng giống như bọt sữa sáng chói vô cùng, giống như ánh sáng trăng rằm. Hai bàn chân mỗi bước đi để lại trên mặt đất hình ngàn căm xe không sai lệch; không có trạng thái kinh hãi run sợ, trí tuệ Ngài yên tĩnh như núi Tu-di. Không biết từ đâu Ngài xuất hiện đến thành này.

Này các khanh, nên xem xét người này thuộc dòng họ nào? Con ai? Sinh ở nước nào? Danh hiệu là chi mà có hình dung tốt đẹp đáng yêu đáng mến, không biết lý do gì du hành đến đây?

Bấy giờ, trong các đại thần, hoặc có người cho rằng vị này là Thiên vương, có người cho là trời Đế Thích, có người lại cho rằng là Đại Long vương, có người cho rằng là vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa, có người cho rằng là vua A-tu-la Bà-lê, có người cho rằng là thần vương Hộ thế Tỳ-sa-môn, có người cho rằng là Nhật Thiên tử, có người cho rằng là Nguyệt Thiên tử, có người cho rằng là trời Đại Tự tại, có người cho rằng là Phạm thiên.

Lại có các bốc sư Bà-la-môn tâu:

–Tâu Đại vương, ngài phải biết, theo lời dạy từ trước đến sau trong các luận của chúng tôi, thì người này nhất định là Chuyển luân thánh vương. Vì sao? Vì hôm nay thấy thân thể vị đại sĩ này có đầy đủ các tướng tốt.

Trong số đại thần lại có người tâu:

–Xin Đại vương phải biết thật có việc này. Tại sao? Cách đây chẳng bao xa hơn mười do-tuần về phía Bắc, dưới chân núi Tuyết có dòng họ Thích. Dòng họ này có một quốc gia tên là Ca-tỳ-la Bà-tô-đô. Vua cai trị nước này thuộc dòng họ Thích tên là Tịnh Phạn, hạ sinh một Thái tử quý danh là Tất-đạt-đa, họ Thích còn gọi là Cù-đàm. Ngày sinh Thái tử, nhà vua liền mời các tướng sư Bà-la-môn đến xem tướng. Khi các tướng sư xem xong tâu với Đại vương: "Bạch Đại vương, xin ngài biết cho, đồng tử này đủ hai tướng:

1. Nếu Ngài ở tại gia sẽ làm Chuyển luân thánh vương, đứng đầu trong bốn châu thiên hạ giữ gìn cõi đại địa, cho đến dùng đúng pháp trị hóa thế gian.

2. Nếu xả bỏ vương vị, nhất định thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, danh tiếng vang khắp mười phương.

Bạch Đại vương, người này chắc chắn là Thái tử Tất-đạt-đa không còn nghi ngờ gì nữa. Vì sao? Vì vị ấy nay đã xả bỏ quốc thành xuất gia, cạo bỏ râu tóc, sắc thân như vàng ròng mặc chiếc ca-sa du hành đến đây.

Rồi vị ấy nói kệ:

Tướng sư nước nọ dự đoán rằng
Chẳng ở ngôi vua ắt thành Phật
Chắc chắn người này con họ Thích
Xuất gia khổ hạnh mong giác ngộ.

Nghe vị đại thần nói xong, vua Tần-đầu-sa-la suy nghĩ: "Như thuở xưa ta từng phát nguyện, nếu đúng như vậy thì nguyện ta được thành tựu." Nhà vua liền bảo hai đại thần:

–Nếu hai khanh hiểu biết, mau đi theo dõi người xuất gia kia dừng nghỉ ở nơi nào, sau khi đã biết chỗ ở, nên cấp tốc về báo lại cho ta biết. Sau đó, ta đích thân đến chiêm ngưỡng và cúng dường thưa hỏi nhận lãnh những điều chưa từng nghe.

Hai đại thần vâng thánh chỉ, cùng nhau đi theo sau Bồ-tát, không chút nào rời.

Bồ-tát ở trong thành Vương xá, khi khất thực, nhìn thấy mọi nơi quần chúng đều đông nghịt nên suy nghĩ: "Quần chúng này không nơi nương tựa, không có ai cứu giúp, thường bị sinh già bệnh chết trói mà không biết sợ hãi lo âu, lại cũng không biết cầu đạo cứu cánh, không có đạo sư, lại ngu si hôn ám, chìm đắm trong phiền não, ngày ngày bị tổn hại, vì si mê vô trí nên không hay biết. Do đó tham đắm thân ngũ ấm khổ, không, vô thường, mà không biết nhàm chán xa lìa." Bồ-tát tư duy như vậy rồi, phát khởi lòng từ bi, gia tăng, tinh tấn dũng mãnh gấp bội phần, hàng phục tâm ý mình, với ý nghĩ: "Ta nay sẽ làm chỗ nương tựa cho tất cả người thế gian. Ta sẽ cứu vớt sự khổ não cho thế gian. Ta sẽ vì thế gian giảng nói đến chỗ chấm dứt sinh già bệnh chết."

Bấy giờ đôi mắt của Bồ-tát nhìn về phía trước chừng khoảng một đường cày, im lặng chăm chú từ từ cất bước, oai nghi tề chỉnh tuần tự khất thực khắp thành Vương xá. Sau khi khất thực xong, Ngài ung dung rời khỏi thành, lần lần hướng về núi Bàn-trà-bà, tiến đến gần chân núi, ngồi bên bờ

một dòng suối, chánh niệm an tọa, tùy thức ăn ngon dở, như pháp mà thọ dụng. Ăn xong Ngài xếp y, rửa tay chân, liền lên tận đảnh núi Bàn-trà, đi về phía Nam, tìm được một khu rừng có dòng suối trong mát, cây cối tươi tốt, cành lá hoa quả sum suê, có nhiều loại chim thú dạo chơi trong đó. Ngài đến giữa những cây đại thọ trải tấm thảm cỏ ngồi kiết già mắt hướng về phương Đông, thân hình ngay ngắn, chánh ý tư duy, điềm nhiên an tọa, như sư tử bước vào trong hang không chút kinh sợ, thân đắp chiếc ca-sa ánh sáng rực rỡ, dung mạo đoan nghiêm tốt đẹp, ánh sáng tỏa khắp, giống như ánh sáng mặt trời xuất hiện ban mai.

Có kệ:

Núi Bàn-trà rừng cây sầm uất
Chim thú dạo chơi rất thỏa tình
Thân đắp ca-sa như trăng sáng
Ánh sáng tràn ngập tợ bình minh.

Bấy giờ Bồ-tát ngồi dưới gốc cây tư duy thế này: "Ta nên ở nơi đây tu học: Không nhân, không ngã, không chúng sinh, không thọ mạng, không chúng sinh, lại không chủ tể, không có thắng ngã và không dưỡng dục, cái thân ngũ ấm này tất cả đều không, không có mạng cũng không có thức. Tất cả các pháp chỉ là giả danh gọi là chúng sinh mà thôi."

Lúc ấy hai vị đại thần của vua Tần-đầu-sa-la, luôn luôn theo sát bên Bồ-tát. Rồi một người ngồi về phía trước cách Bồ-tát không xa, còn một người vội vã về báo tin cho vua Tần-đầu-sa-la biết. Sứ giả đến nơi, quỳ xuống tâu Đại vương:

–Thưa Đại vương nên biết, người xuất gia đó khất thực xong rời thành Vương xá hướng về núi Bàn-trà, sau khi thọ trai xong… cho đến thân ngồi nghiêm chỉnh, mặt hướng về phương Nam *(như nói ở trên).* Ngày nay Đại vương muốn chiêm bái, xin Ngài mau mau đến đó.

Đại vương Tần-đầu-sa-la nghe sứ giả trình bày dứt lời, liền ra lệnh sắm sửa hành trang xa giá chỉnh tề tốt đẹp, lên xe trực chỉ về núi Bàn-trà. Khi vua Tần-đầu vừa đến chân núi, từ xa trông thấy thân hình đoan chánh của Bồ-tát, tâm vui thích vô cùng, nào là dung nhan như trăng sáng giữa đám sao trong bầu trời đen tối, như khối lửa khổng lồ sáng rực giữa núi rừng tối tăm, như làn điện chớp xé tan đám mây mù dày đặc. Vua nước Ma-già-đà thấy Bồ-tát ngồi dưới gốc cây cũng như vậy. Thấy rồi nhà vua cho là việc quá ư hy hữu, hết sức vui mừng tràn ngập châu thân, rộn khắp cả người vội vã bước xuống xe đi bộ đến bên Bồ-tát vấn an sức khỏe, bạch Ngài:

–Ngài ít bệnh não, tứ đại có an ổn chăng?

Có kệ:

Vua trông Bồ-tát như Thiên chủ
Thân thể sáng lòa lòng hoan hỷ
Vấn an sức khỏe, thân an ổn
Ít bệnh, ít buồn, thân không bệnh.

Lúc bấy giờ Bồ-tát mỉm cười, dùng giọng Phạm thiên nói lời tao nhã dịu dàng, câu văn phân biệt, từ ngữ rõ ràng không có lời ô nhiễm thăm hỏi vua Tần-đầu-sa-la nước Ma-già:

–Đại vương tốt đẹp, rất an lành, có tài trị hóa dân chúng. Đại vương từ nơi xa nào đến? Xin tạm ngồi an nghỉ. Không biết ngài mưu cầu việc gì mà nhọc sức đến đây?

Vua Tần-đầu-sa-la nghe Bồ-tát vấn an như vậy, tiến đến trước Bồ-tát, ngồi an ổn trên một phiến đá. Nhà vua muốn trắc nghiệm tâm Bồ-tát nên bạch:

–Thưa Nhân giả, hôm nay nếu Ngài không từ nan mỏi mệt, cho trẫm hỏi vài lời, vì trong lòng trẫm có điều nghi ngờ, cúi xin Nhân giả giải tỏa mối nghi.

Nhà vua liền hỏi:

–Nhân giả là người gì? Là chư Thiên hay loài rồng? Là Phạm thiên hay Đế Thích? Là người hay thần linh?

Với tâm không kiêu mạn, không tham dục, không sân hận để nhổ sạch tất cả gai phiền não, lại cũng không tâm dua nịnh, Bồ-tát đáp lời vua Tần-đầu-sa-la nước Ma-già:

–Xin Đại vương biết cho, Ta chẳng phải là chư Thiên, chẳng phải là loài rồng, chẳng phải là Phạm thiên… Ta là người. Này Đại vương, Ta muốn cầu đạo tịch tĩnh, nên bỏ ngai vàng xuất gia.

Vua Tần-đầu-sa-la nước Ma-già bạch Bồ-tát:

–Thưa Nhân giả Tỳ-kheo, thấy Nhân giả lòng ta rất hoan hỷ, do vì ngày nay có điều uẩn khúc cũng do vì ta ái kính Nhân giả, muốn hỏi đôi lời, cúi xin Nhân giả vui lòng nghe cho. Vì sao Nhân giả đang độ thanh xuân, sức lực dồi dào khỏe mạnh, lại hình dung đoan chánh dịu dàng đẹp đẽ không ai sánh bằng, chính là thời kỳ mặc tình thọ hưởng thú vui, lại phát tâm xa lìa vương cung xuất gia làm Sa-môn, ngồi một mình trong núi vắng? Lại nữa, Nhân giả có thân hình như vậy, thật đáng thoa hương chiên-đàn, chẳng nên đắp ca-sa thế này! Hai tay Nhân giả với những ngón có đường

chỉ như bức họa, chỉ nên trị hóa dân chúng, nhận lấy đầy đủ cao lương trăm vị tùy ý thưởng thức, nào phải bưng bát đi từng nhà xin ăn.

Rồi vua nói kệ:

Thân Ngài nên thoa hương chiên-đàn
Chẳng nên mặc tấm ca-sa cũ
Bàn tay Ngài chỉ đạo thế gian
Đâu phải sống hành nghề khất thực.

Vua Tần-đầu-sa-la nói kệ này rồi, lại bạch Bồ-tát:

–Ngày nay Nhân giả vì ái kính phụ vương nên không nhận vương vị, xả tục xuất gia. Nay tôi thỉnh Nhân giả ở lại nước tôi thọ hưởng ngũ dục, những gì Nhân giả cần dùng tôi đều xin cung cấp theo ý muốn. Như cần tiền của tôi xin cung cấp tiền của… cho đến các thể nữ hầu hạ của tôi, đều cung cấp cho Nhân giả. Tôi sẽ phân đôi đất nước cho Nhân giả cai trị, Nhân giả có thể ở nơi đất nước tôi nhận lãnh vương vị, tôi cung phụng Nhân giả không có gì thiếu hụt. Vì sao như vậy? Tôi nhận thấy thân thể Nhân giả dịu dàng chẳng nên sống trong cảnh núi rừng vắng vẻ, lại ngồi trên đất với thảm cỏ khô, sợ e tổn thương đến sức khỏe sinh ra bệnh tật. Xin Ngài trị vì quốc gia tôi độ một thời gian ngắn, khi nào phụ vương Nhân giả già yếu, Ngài sẽ trở về bổn quốc lên ngôi vua. Nếu ngày nay Nhân giả đoái tưởng đến tôi, thương xót đến tôi, xin Nhân giả nhận lãnh vương vị, rồi ở đây cai trị. Như Nhân giả tự cho mình là dòng họ tôn quý của một đại tộc, chê quốc gia tôi chật hẹp, đất đai nhơ nhớp thì tôi cùng quần thần bá quan vạn dân, vì Nhân giả mở mang bờ cõi biên cương, để quốc gia to lớn rộng rãi hơn, rồi cùng Nhân giả cai trị. Lúc đó, tôi nguyện được bang giao cùng quý tộc, kết nghĩa thâm tình như quyến thuộc. Mong Nhân giả chẳng nên nghi ngờ cho là không chân thật.

Rồi vua nói kệ:

Nhân giả tự cho dòng đại tộc
Chê nước trẫm nhỏ chẳng nhận lời
Trẫm với đại thần cộng bá quan
Mở mang bờ cõi thêm rộng lớn.

Lúc bấy giờ vua nước Ma-già-đà nói kệ rồi, lại thưa Bồ-tát:

–Tôi có tâm ái kính tôn trọng Nhân giả, mà ngày nay Ngài đi khất thực độ nhật. Ngài hãy nỗ lực phát tâm rộng rãi nhận lấy địa vị, tài sản và thú vui ngũ dục. Vì cớ sao Nhân giả lại nhận việc này? Ở trong cung thưởng thức sắc đẹp của thể nữ vui chơi hoan lạc, đã có thể làm người hưởng phước

báo thế gian, ở vị lai cũng vậy. Nếu ngày nay Ngài không thọ hưởng ba việc này, hay xả bỏ một trong ba việc, thì trong hiện tại hay vị lai cũng không được đầy đủ phước báo. Nếu có nhận lấy cũng bị thiếu hụt. Do vậy, Nhân giả hãy phát tâm rộng rãi để thọ hưởng ba thú vui này. Thọ hưởng ba thú vui đó, Ngài sẽ sử dụng thời thiếu niên với quả báo hình dung tuấn tú nhận lấy là địa vị, tiền tài và dục lạc. Người đàn ông ở thế gian đôi khi hưởng thọ dục là để sinh con cái thừa kế. Đây là tài sản quý báu nhất. Cho nên Nhân giả đừng để bỏ qua cơ hội!

Lại nữa như đôi cánh tay khỏe của Nhân giả phải dùng vào việc cung tên, đâu được bỏ uổng một đời như vậy. Thuở xưa, vua Đảnh Sinh dùng sức dũng kiện của mình cai trị bốn châu thiên hạ cho đến cung trời Đao-lợi. Ngày nay Nhân giả phải đảm trách việc như vậy. Tại sao? Ngày nay tôi vì thương xót tất cả dân chúng mà mời thỉnh Ngài như vậy, tôi cũng chẳng lấy tư cách vua chúa mà ân cần khuyên thỉnh. Tôi thấy thân hình Nhân giả đoan trang mà thương tiếc buồn bã rơi lệ, không nỡ làm thinh, nên tâm thán phục càng tăng bội phần, do đó mới ân cần chịu khó mời thỉnh như vậy. Ngày nay Nhân giả đang độ sức khỏe dồi dào, nên ở thế gian hưởng dục, chờ đến tuổi già sức yếu, chừng đó mới xả tục xuất gia.

Lại nữa, thưa Nhân giả, tổ tiên từ trước đến giờ đều theo hoàng tộc của mình, đến khi tuổi già mới đem việc quốc gia trao lại cho Thái tử hoặc đại thần. Sau đó, xả bỏ vương vị, xuất gia vào núi tu tập.

Lại nữa, thưa Nhân giả, chư Tiên nhân đời trước có dạy rằng phàm con người lúc thiếu niên phải thọ hưởng dục lạc, đến lúc trung niên nên kinh doanh sự nghiệp cầu tiền tài để sống, đến khi già yếu mới xả bỏ tài sản giao lại cho con cái, rồi tu các pháp khổ hạnh. Như vậy đối với mọi phương diện xã hội đều xây dựng chu toàn. Ngược lại người lúc niên thiếu không thọ dục lạc, lúc trung niên không xây dựng sự nghiệp, việc làm như vậy chính là oán thù của bản thân, cũng gọi là giặc. Đến khi tuổi già, các căn suy yếu khó mà tiếp nhận dục lạc.

Lại nữa, thưa Nhân giả, giả sử thiếu thời muốn tu pháp khổ hạnh, cũng bị các căn đòi hỏi ngũ dục. Đến tuổi già trong tâm suy nghĩ muốn đoạn tuyệt các dục lạc, thì cũng dễ hộ trì các căn sinh tâm xấu hổ, ý mới được vắng lặng.

Lại nữa, thưa Nhân giả, ở thế gian lúc thiếu niên chính là thời kỳ sung sức, không thể thấy đạo cao xa, sẽ có nhiều sự sai lầm. Đến tuổi trung niên, khí huyết dần dần suy yếu, thời kỳ phóng dật đã qua. Như có người qua được cánh đồng hoang, đứng nghỉ, thở than: “Ta đã vượt qua cánh đồng

này.” Vậy ngày nay Nhân giả đang độ thanh xuân, chính là lúc hưởng thụ, nguyện xin Nhân giả tùy ý nhiều ít nên thọ dục.

Lại nữa, thưa Nhân giả, thuở thiếu niên các căn khó điều phục nếu Nhân giả muốn thực hành các pháp sự, ưa mến các pháp hạnh, phải theo pháp nhà Ngài, cúng tế chư Thiên. Nhờ sự cúng tế đó cũng được sinh lên trời. Nhân giả ở trong nhà dùng vàng, bạc, ngọc ngà quý giá trang sức nơi thân và hai tay, các vật quý tỏa ánh sáng như ngọn đèn.

Lại nữa, thưa Nhân giả, các vua đời xưa đầu đội mão báu, thân thể trang sức, thường ở trong cung cúng tế chư Thiên, hành các pháp hạnh, lập hội Vô già rồi mới vào trong núi tu các pháp đại tiên để cầu quả giải thoát. Ngày nay Nhân giả nên học các vị vua ấy, làm theo mỗi độ tuổi.

Vua nước Ma-già dùng đủ cách đem những lời ủy dụ như vậy, muốn khuyến thỉnh Bồ-tát hoàn tục. Nghe vua nước Ma-già khuyến thỉnh, Ngài không biến đổi sợ sệt, thân tâm không lay động vắng lặng an trụ như núi Tu-di, không sinh ý tưởng gì khác, thu nhiếp các căn, ba nghiệp thanh tịnh.

Có bài kệ:

Vua Ma-già-đà khuyên Bồ-tát
Như tình bằng hữu trao điều lợi
Bồ-tát bằng ba nghiệp thanh tịnh
Đáp lại như sen không thấm nước.

Bồ-tát bảo:

–Này Đại vương nước Ma-già-đà, ngài nói ra những lời bất thiện, lời đó giống như lời của kẻ vô trí, chẳng xứng đáng lời nói mẫu mực của bậc Đại vương trong thiên hạ. Nếu Đại vương có tâm chân thật đối với Ta, dầu lời nói thành thật đó cũng không lợi ích, cũng chẳng phải thương mến Ta, đối với Ta thật tổn hại. Người ác ở đời không có từ tâm, cũng giống như người phú quý mà khiếp nhược. Nếu muốn làm lợi ích thế gian, cần phải chỉ dạy những gì thu thập từ quá khứ mới là bằng hữu, mới là giúp đỡ họ phát đạt. Phàm người thấy bạn bè gặp hoạn nạn chẳng rời nhau, đồng tâm hợp lực bên nhau, mới gọi là quen biết. Ta cho rằng, khi phú quý sao lại không thể làm bằng hữu tri thức! Người nào khi được tài sản, theo pháp phân chia cho bạn không mất mát thì gọi là bạn thân. Người ấy có thể dùng tài sản lâu dài. Khi dạy bảo nhau, họ không chịu nghe lời hoặc vì nghiệp từ trước mà bị mất tài sản thì sau ta cũng không hối hận. Như nhà vua ngày nay cùng ta kết giao là tri thức, thật sự có tâm ái kính ta, đem những việc như vậy chỉ bảo Ta; Ta có thể tán đồng hay không tán đồng ý kiến của nhà vua.

Bồ-tát nói lời như vậy, lại bảo nhà vua:

–Đại vương phải biết, Ta cầu đạo là sợ cảnh sinh già bệnh chết, cầu pháp giải thoát nên chọn lấy cuộc sống thế này. Thân tộc quyến thuộc thật rất yêu mến ái kính, khó xa lìa họ. Họ khóc kể ảo não nước mắt tràn ngập mặt mày, hoặc vì Ta mà bỏ mạng. Ta bỏ tất cả đi đến đây, vì biết việc tham đắm ngũ dục thế gian là nguyên nhân của nhiều điều bất thiện.

Lại nữa, này Đại vương, Ta thật chẳng sợ rắn độc, cũng không sợ sấm sét của thiên lôi, cũng không sợ trận hỏa hoạn bị cuồng phong thổi cháy dữ dội thiêu đốt cả đồng nội ao hồ, chỉ sợ cảnh ngũ dục bức xúc thân tâm. Vì sao? Đại vương phải biết cảnh ngũ dục vô thường cũng như giặc dữ cướp tất cả công đức, giả dối không thật như trò ảo thuật hiện trong thế gian, nó mê hoặc người đời cho là sự thật. Người ngu si không biết nên say đắm. Huống chi chính mình thọ hưởng ngũ dục.

Bồ-tát nói kệ:

Ngũ dục vô thường cướp công đức
Sáu trần như huyễn hại chúng sinh,
Dối gạt người đời mắc quả báo
Bậc trí sao lại sống với chúng.
Vô trí thiên đường không thỏa mãn
Huống ở nhân gian lại vừa lòng
Đam mê dục nhiễm nào có biết
Đâu khác lửa hồng đốt cỏ khô!
Chuyển luân thuở trước hiệu Đảnh Sinh
Cai trị bốn châu ngồi xe báu
Được Đế Thích ngồi chung nửa tòa
Bỗng khởi lòng tham liền đọa lạc.
Dầu làm bá chủ đại địa này
Tham tâm vẫn muốn tìm thuộc địa
Hưởng dục người đời nào biết chán
Ví như biển cả nhận nước sông.

Bồ-tát nói kệ rồi lại bảo:

–Đại vương phải biết, thuở xưa có một vị Chuyển luân thánh vương tên Na-hầu-sa, thống lãnh bốn châu thiên hạ cho đến cung trời Đao-lợi, giáo hóa cả nhân thiên, nhưng lòng tham vô đáy, do vậy mà đọa lạc trong nhân gian.

Lại nữa, này Đại vương, có Chuyển luân thánh vương tên Y-la cai trị bốn châu thiên hạ cho đến cung trời Đao-lợi, nhưng lòng tham muốn vô độ, nên bị chết.

Lại nữa, này Đại vương, vua A-tu-la Bà-lê sau khi lên ngôi vua, lúc cùng Đế Thích chiến đấu bị thua, Đế Thích chiến thắng chiếm đoạt sơn hà. Rồi Đế Thích lại bị vua Na-hầu-sa chiếm đoạt; Na-hầu-sa vương sau lại bị trời Đế Thích chiếm lại. Như vậy, cảnh giới trời người luân phiên thay ngôi đổi chủ đều là vô thường, hễ ai có năng lực hơn thì sẽ làm chủ. Như vậy người có trí hơn nên quán sát tư duy thế này: Cảnh giới vô thường thay đổi trong chốc lát làm sao tin được! Chỉ có những vị Tiên nhân ở trong rừng núi, ăn toàn hoa quả, rễ lá dược thảo, thân mặc vỏ cây hay da lông thú đã chết, thân thể ốm gầy chỉ còn da bọc xương, họ muốn vượt qua hết tất cả phiền não, thoát ly thế gian, cầu quả giải thoát Niết-bàn Vô vi. Còn ai buông lung bị ngũ dục ràng buộc, đọa lạc vào luân hồi. Thử hỏi, người trí ai lại tham đắm ngũ dục. Nếu say đắm ngũ dục là tự chuốc lấy oán thù vào mình.

Bồ-tát lại nói kệ:

Tiên nhân ở động nơi rừng núi
Ăn quả uống nước mặc vỏ cây
Đầu tuy búi tóc thân gầy ốm
Mong cầu giải thoát lìa ái dục.
Nếu không tự chế hàng phục được
Cũng bị ngũ dục nó kéo lôi
Dục oán vô thường là thế ấy
Người trí chẳng nên dính mắc vào.

Bồ-tát nói kệ rồi, lại bảo:

–Đại vương phải biết, chúng sinh ở trong cõi dục vì muốn thọ hưởng khoái lạc, mà tìm cảnh dục để hòa hợp, khi đã đạt cảnh dục rồi, lại không thỏa mãn. Người vô trí thọ hưởng ngũ dục như vậy không nhàm chán, hiện tại bị khổ não vô cùng, trong tương lai sẽ bị tai ương hoạn nạn. Bởi vậy người trí không mơ tưởng ái dục. Người trí thấy kẻ tạo nghiệp đen tối, thọ khổ vô cùng. Nếu muốn được an ổn không nên tạo nghiệp, không nên hưởng thọ dục lạc, cần phải xa tránh tất cả dục lạc. Nếu có hội họp phải biết có ly biệt, buông lung tình dục thì tâm phóng dật, phóng dật tăng trưởng thì tạo các nghiệp bất thiện, kết quả của bất thiện là đọa vào địa ngục. Trong quá khứ đã làm việc khổ lớn, hiện tại được các dục, sau khi được dục rồi phải cố gắng bảo vệ, nếu không bảo vệ được thì lại bị rơi mất.

Lại nữa, này Đại vương, người trí đối với các ái dục ấy, tư duy thế này: Cảnh giới người trời cũng giống như vật mình mượn kẻ khác, chẳng phải vật thường tồn của mình, vì lý do gì đem tâm tham đắm. Tất cả quả báo cõi nhân thiên như sương trên cỏ, như đầu rắn độc, như đống xương trên bãi tha ma, lại như cục thịt đầu tiên nơi bào thai của người phụ nữ, như giấc chiêm bao, như trò ảo thuật, cũng như đống lửa. Tất cả các cõi khổ não tai ương, không thật như vậy. Chúng sinh luôn luôn bị tất cả các thứ đó bức xúc khổ não. Nên người trí không đem tâm say đắm ái dục.

Lại nữa, này Đại vương, như trong các luận có nói: Vào thời quá khứ ở thành Mị-thệ-la có một ông vua mù tên là Đầu-đề-lại-tra, tuy mù mắt nhưng sinh hạ nhiều con, tất cả một trăm người con đều bậc tài trí. Riêng người em nhà vua có năm chục người con, anh em chú bác tổng cộng một trăm năm chục người. Sau khi hai anh em nhà vua qua đời, các con của hai vị này muốn tranh ngôi vua vì nhân duyên quả báo ái dục, nên sát hại lẫn nhau không còn một người.

Lại nữa, này Đại vương, như khi khoảng đồng hoang ao hồ Đàn-trà-ca bị đốt cháy, các ác quỷ lại sát hại loài súc sinh.

Lại dưới núi Tu-di có hai anh em Tu-la vì đồng yêu một mỹ nữ, hai người chiến đấu để giành mỹ nhân, cả hai đều bị thương vong.

Lại nữa, các lò súc sinh ở thế gian, trồng các trụ cây buộc vào đó đủ loại súc vật để cắt mổ.

Các ái dục cũng như vậy, làm sao người trí có thể tham dục lạc cho được.

Rồi Ngài nói kệ:

Thuở xưa Tu-la hai huynh đệ
Yêu một mỹ nữ giết hại nhau
Cốt nhục tương tàn vì háo sắc
Kẻ trí biết vậy chẳng đam mê.

Bồ-tát lại nói:

–Đại vương phải biết, hoặc lại có người vì ham ngũ dục mong cầu sinh lên trời hay sinh nhân gian, sau khi được sinh vào cõi đó rồi thì say mê ngũ dục, toàn thân như chìm vào nước sôi hay sa vào hầm lửa. Cảnh giới vô thường dối gạt như vậy, cũng chỉ vì ngũ dục mà chuốc lấy oan nghiệp vào thân. Làm sao đem tâm luyến ái cho được!

Rồi Ngài nói kệ:

Ngu si ái dục khiến bần cùng
Ràng buộc tổn thương nhiều đau khổ

Trông mong nhớ dục mau thành việc
Nào biết cạn sức đời sau khổ.

Bồ-tát lại nói:

–Này Đại vương nước Ma-già-đà, Ta biết ngũ dục có tội lỗi đau khổ như vậy, nên nhà vua chẳng nên lấy ngũ dục mà khuyến dụ Ta. Ta đang muốn đi trên con đường vô úy. Nếu Đại vương thật là bạn tốt với Ta, thì đem những lời khuyến dụ thế này nói với Ta: Mong rằng đại nguyện rộng lớn của Nhân giả sớm thành tựu, nguyện sớm thoát khỏi phiền não. Vì sao? Vì Ta chẳng bị nhiều người rượt đuổi, nên lánh vào trong rừng núi. Ta cũng chẳng phải bị địch trả thù hay truy lùng, ta chẳng phải bị người khác chiếm ngôi mà bỏ đi. Ta cũng chẳng phải cầu đạo như các Tiên nhân đời xưa mà thoái chí trở về. Thế nên, Ta không thuận theo lời Đại vương.

Lại nữa, này Đại vương, như có người nắm đầu rắn độc vứt đi, có thể muốn bắt trở lại hay không? Như ném đuốc lửa đang cháy vào tay, có nắm bắt lại không? Cũng như vậy! Cũng như vậy! Ta đã bỏ ngũ dục, xuất gia rồi, mà trở lại thọ ngũ dục thì cũng như vậy.

Lại nữa, này Đại vương, ví như người có đôi mắt sáng, không tốt đẹp hơn người mù mắt hay sao? Ví như người không bị các việc ràng buộc, không tốt đẹp hơn người bị ràng buộc trong lao ngục hay sao? Ví như người giàu có nhiều của cải, không tốt đẹp hơn người bần cùng đói lạnh ăn xin hay sao? Ví như người thông minh trí tuệ, không tốt đẹp hơn người điên cuồng hay sao? Nhưng những người ấy còn có chỗ đẹp chứ ta đã xa lìa ngũ dục, không một thứ nào Ta có thể tham đắm.

Lại nữa, này Đại vương, như lời Đại vương đã nói: "Ở lại nước ta thọ hưởng ngũ dục, tùy ý hoan lạc, ta sẽ cung cấp tiền của và thể nữ." Đại vương biết cho, ta nay không chấp nhận ngũ dục thế gian như ngài nói.

Lại nữa, này Đại vương, khi Ta còn ở cung điện, có vô số ngũ dục, phải bỏ sáu vạn thể nữ, xuất gia vào rừng núi. Đại vương phải biết các thứ như vậy, có vô lượng vô biên tai ương nguy hiểm, lôi kéo chúng sinh vào trong địa ngục, còn dư báo thì làm loài súc sinh, ngạ quỷ, mất hết thiện căn, không phải là điều Thánh nhân ca ngợi.

Lại nữa, này Đại vương, các dục lạc thế gian giống như mây bay không một chút tạm dừng, như trận cuồng phong không bao giờ yên nghỉ, như tháo nước trên núi dồn dập cuốn trôi.

Lại nữa, này Đại vương, người ngu si đam mê ngũ dục không biết giới hạn, trầm luân trong sinh tử bị phiền não trói buộc không thể ra khỏi, như lữ khách trên đường dài khốn khổ mỏi mệt, lại uống nước mặn càng

uống càng khát. Đúng như vậy, người hưởng thụ năm dục, không biết sự nguy hiểm của nó cũng vậy.

Lại nữa, này Đại vương, Ta nói tóm lại: Nếu như có người đang hưởng ngũ dục cảnh trời, cho đến cảnh dục tuyệt vời ở nhân gian. Với tất cả những thứ dục lạc vô cùng tốt đẹp như vậy, mà người ta thọ hưởng rồi thì không biết nhàm chán, tham dục càng thêm, sẽ tìm các thứ dục mới lạ khác.

Lại nữa, này Đại vương, như lời Ngài nói ở trước: "Cùng ta trị hóa nước Ma-già-đà, ta sẽ nhường lại nửa phần thiên hạ cho người cai trị, hoặc nhận lấy trọn ngôi vua ta, ta đều hiến dâng tất cả và phục vụ cho Ngài, hoặc ta hưng binh mở mang bờ cõi khiến cho quốc gia thêm rộng lớn tươi đẹp phồn thịnh." Này Đại vương, ta đã từ bỏ bốn châu thiên hạ, phong phú đầy đủ không thiếu một thứ gì mà đi xuất gia, ngày nay đâu có thể lại tham đắm nhận lấy vương vị nhỏ bé của một tiểu quốc hay sao?

Lại nữa, này Đại vương, như quả báo Sa-già Long vương ở nơi biển cả, được nước mênh mông, với cung điện rộng lớn đầy đủ bảy báu trang nghiêm, đâu có thể tham sống nơi nước lỗ chân trâu hay sao?

Đại vương phải biết, đúng như vậy! Đúng như vậy! Ta đã phát tâm dũng mãnh, xả bỏ bốn châu thiên hạ cùng cung điện bảy báu… cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, xuất gia vào rừng núi tu tập, mà ngày nay tham đắm vương vị thế gian thì cũng lại như vậy.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 24

Phẩm 28: KHUYÊN HƯỞNG THỌ DỤC LẠC THẾ GIAN (Phần 3)

Bấy giờ Bồ-tát bảo nhà vua:

–Như lời nói của Đại vương: "Nhân giả Tỳ-kheo thân thể mềm mại, chẳng nên ở trong rừng núi vắng vẻ hiu quạnh, nằm ngồi ngủ nghỉ trên thảm cỏ." Đại vương phải biết, khi Ta còn trong cung dùng các loại giường quý báu, mặc tình nằm ngồi trên đó, nay đã nhàm chán vứt bỏ đi xuất gia. Tại sao như vậy? Đại vương nên biết, thân này yếu ớt suy thoái vô thường, không phải vật bền chắc, là pháp hoại diệt, có đó rồi bị vứt đi nơi nào đấy, giống như khối đất, như nhau không khác. Lại nữa, này Đại vương, như người có trí đã vất bỏ thây ma, có thể lượm lại hay không? Nếu lấy trở lại, hoàn toàn không có việc như vậy.

Lại nữa, này Đại vương, như lời nói của ngài, nếu đối với Ta có lòng thương mến thì nên tùy hỷ, chớ nên trách Ta: "Khất thực độ nhật, là việc chẳng nên làm." Đại vương nên biết, nếu thương mến Ta, chớ có nói như thế! Tại sao? Vì nay Ta muốn vượt qua biển khổ hoạn nạn sinh, già, bệnh, chết, mỗi bước đi vào đạo. Bởi vậy, Ta chọn lấy đời sống Tỳ-kheo, vì muốn cầu quả tịch diệt an lạc, muốn đời vị lai diệt trừ tất cả hoạn nạn, cho nên cần phải mặc ca-sa hoại sắc.

Đại vương nên biết, nếu có người ở hiện tại được phước đức thọ quả báo ngũ dục, nên yêu mến say đắm, những hạng người này thật đáng thương xót! Nếu có người trong đời hiện tại, không đạt được tâm tịch tĩnh an lạc, nhất định trong đời vị lai chịu các khổ báo. Những chúng sinh này thật đáng thương xót!

Lại nữa, này Đại vương, Ta nay kinh sợ các khổ của phiền não, nên xả tục xuất gia, muốn cầu Niết-bàn chân thật tịch tĩnh. Giả sử Ta được cung trời Đế Thích cũng chẳng ham muốn, huống là quả báo thấp hèn ở nhân gian.

Rồi Ngài nói kệ:

Ta bị trúng tên phiền não bắn
Cần tìm cao tịch diệt để trị
Ví dù có được cung Đế Thích
Ta cũng không ham huống vương vị.

Bồ-tát lại nói:

–Đại vương phải biết, như lời nói ở trước của Đại vương: "Phàm tất cả người thế gian sống phải thủ lợi thích hợp với ba độ tuổi." Theo ý Ta xét thì, đó không phải là lợi ích chân thật. Tại sao? Vì cầu được nhiều tiền của, có được rồi một ngày kia cũng phải hết. Mong muốn thì thêm mong muốn, không khi nào biết đủ. Cầu pháp mới là lợi ích chân thật. Pháp lợi có cạn sâu, tất cả có năm công đức, Ta quyết phải tìm cầu.

Rồi Ngài nói kệ:

Sinh già bệnh chết nếu không còn
Chân thật trượng phu là thế ấy
Tình đời tham dục mưu tài lợi
Ta lìa tài sắc chỉ mong pháp.

Bồ-tát lại nói:

–Đại vương phải biết, theo lời nói ở trước của Đại vương: "Nhân giả chưa đến tuổi già, chính đang độ thiếu niên, cần phải lãnh ngôi vua trị vì thiên hạ, thọ hưởng thú vui ngũ dục." Ta chẳng phải vậy. Vì sao? Nếu thời thiếu niên luôn luôn như vậy, thì lẽ ra tất cả thiếu niên không già, lẽ ra tất cả chúng sinh ở mọi cảnh giới thường xuyên không bị tử thần lôi kéo nên tuổi thọ của chúng sinh không nhất định. Do vậy, người trí đã cầu pháp giải thoát tịch tĩnh chẳng nên thọ lãnh ngôi vua vui chơi ngũ dục. Do đó, trong tất cả ba giai đoạn thiếu niên, trung niên hoặc tuổi già chỉ cầu mong pháp giải thoát sớm thành tựu, như cầu giải thoát hay cầu thiền định, chẳng được trễ nải chần chừ, cần phải siêng năng tu tập, để sớm hoàn tất.

Lại nữa, này Đại vương, như lời nói vừa rồi của Đại vương: "Nên theo pháp nhà thiết lễ cúng tế, lập hội bố thí, thì ở vị lai sẽ được các phước báo tùy theo ý muốn." Đại vương phải biết, Ta không cầu những thú vui như vậy. Nếu các khổ não đến bức xúc tha thiết cầu được sự an lạc thì không phải an lạc chân thật. Kẻ phàm phu ở thế gian muốn cầu quả báo ở đời sau mà trong hiện tại giết hại các sinh mạng để cúng tế chư Thiên, thần lửa…. Đây là điều vô cùng phi lý. Tại sao phi lý? Nếu người làm việc từ thiện, thì chẳng nên làm tổn hại đến tánh mạng sinh vật. Giả sử sát hại sinh vật để cúng tế chư Thiên, thần lửa…, được quả báo an lạc, thường tồn thì

cũng chẳng nên sát hại sinh mạng dùng vào việc cúng tế, huống nữa các quả báo an lạc đó đều là vô thường hư hoại, bị tận diệt, đâu phải là pháp chân thật.

Lại nữa, này Đại vương, phàm người muốn thực hiện pháp giải thoát, thì không cầu tự lợi, dù không tu hành, dù không trì giới, dù không thiền định, cũng còn không nên tổn hại tánh mạng kẻ khác để cầu quả báo lợi ích đời vị lai. Các phàm phu tại thế gian đem việc sát sinh, giả sử có được quả báo an lạc, đó cũng là việc bất thiện. Vì cớ sao? Vì không có từ tâm, mà lại mong cầu đời vị lai được quả báo thiện, hoàn toàn không có việc như vậy.

Rồi Ngài nói kệ:

Giả sử người đời tại thế gian
Giết hại sinh mạng mong an lạc
Trí giả cho là điều bất thiện
Huống cầu đời sau được trời người.

Lúc bấy giờ vua Tần-đầu-sa-la nước Ma-già-đà nghe Bồ-tát nói những lời như vậy, lấy làm ngạc nhiên, với điều chưa từng có, với lòng từ bi, ở trước Bồ-tát tán thán:

–Cao quý thay! Cao quý thay! Sa-môn Cù-đàm có công đức lớn, tu hành khổ hạnh khó tu, ở trong thế gian mà xả bỏ tất cả dục lạc. Thưa Nhân giả Tỳ-kheo, Ngài từ đâu bỗng nhiên xuất hiện đến đây? Sinh quán nơi nào? Thuộc dòng họ gì? Quý danh của song thân là gì? Danh hiệu là chi?

Thưa thế rồi Đại vương chí tâm lắng nghe. Lúc ấy Bồ-tát chánh tâm nhìn thẳng, ôn tồn bảo:

–Đại vương phải biết, cách đây về phương Bắc dưới chân Tuyết sơn, có một vùng đất rộng lớn tên là Thích chủng, kinh đô của Thích chủng là Ca-tỳ-ca-la Bà-tô-đô *(nhà Tùy dịch Huỳnh đầu cư xứ),* Đại vương cai trị thành này là Tịnh Phạn vương, là phụ vương của Ta, Ta là con của Ngài. Mẫu hậu tên là Ma-da *(nhà Tùy dịch là Huyễn)*, còn tên Ta là Tất-đạt-đa *(nhà Tùy dịch là Thành Lợi)*.

Vua Tần-đầu nghe Bồ-tát nói những lời như vậy, buồn bã khóc lóc rơi lệ giây lâu, rồi gạt lệ tâu:

–Tỳ-kheo thật hy hữu, đã sinh trong nhà đại tộc, làm sao đi đứng sống một mình trong rừng thú dữ độc hại, không an ổn đáng sợ hãi này. Rừng này không tốt lại vui sống một mình, không có bạn hữu, làm sao Ngài có thể đi đứng, nằm ngồi an toàn cho được!

Bồ-tát bảo vua Tần-đầu:

–Này Đại vương, ngài phải biết, Ta nay đối với các loài cầm thú độc hại, không kinh hãi sợ sệt, dầu chúng có đến đây cũng không động một sợi lông của Ta. Đại vương phải biết, Ta nay chỉ sợ sinh già bệnh chết đến đây bức xúc Ta, ngoài ra đối với các loài ác thú trong rừng Ta không kinh sợ. Ta sống một mình không có bạn bè mà tự an vui.

Đại vương phải biết, cảnh già thật đáng sợ. Lý do vì sao? Vì khi cảnh già đến, nó cướp mất sức cường tráng khỏe mạnh của thời thiếu niên, thân hình khô gầy, lưng còm không thể đi được. Thử hỏi ai muốn thấy cảnh như vậy. Đó là điều thật đáng sợ!

Lại nữa, này Đại vương, bệnh hoạn nó đến, đó là điều đáng sợ. Lý do tại sao? Đang khi khỏe mạng mà bất chợt mai chiều lâm bệnh, đau nhức trằn trọc rên rỉ, khi khỏe mạnh sắc diện như hoa, sức lực dồi dào tươi thắm, bỗng nhiên tiều tụy, buồn phiền khổ não, nằm ngồi ngủ nghỉ chẳng an, đang lúc này có ai thay thế được cho ta? Nằm trên giường gối, sức không theo ý muốn. Do vì vậy, bệnh là điều thật đáng sợ!

Lại nữa, này Đại vương, chết là điều thật đáng sợ. Tại sao? Ngày chết đến làm giảm tuổi thọ của ta, bỗng nhiên đến cướp đi sự sống, tuy có sức thống trị bốn châu thiên hạ, có kim luân đánh dẹp giặc thù, có bảy báu hướng đạo, có dao bén binh hùng cũng không thể ngăn chận được, khi bị nó tranh giành cướp đoạt. Vì lý do này, chết là điều con người thật lấy làm đáng sợ.

Lúc ấy vua Tần-đầu-sa-la lại hỏi Bồ-tát:

–Thưa Đại thánh Thái tử, Ngài đang cần thứ gì?

Bồ-tát trả lời:

–Này Đại vương nước Ma-già, Ta chỉ cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi chứng quả rồi Ta sẽ chuyển pháp luân vô thượng. Ta chỉ cầu mong như vậy mà thôi.

Vua Tần-đầu lại bạch Bồ-tát:

–Thưa Đại thánh Thái tử, theo tôi nhận thấy tâm Nhân giả dũng mãnh, siêng năng tinh tấn, quyết định sẽ chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoàn toàn không có gì phải nghi ngờ và quyết định sẽ chuyển pháp luân vô thượng.

Hay thay Thái tử, tôi được gặp Nhân giả! Hay thay Thái tử, tôi nghe được tên Nhân giả! Hay thay Thái tử, Nhân giả đã khéo xuất gia, Nhân giả con dòng họ Thích, tôi từ nay sẽ luôn luôn phụng thờ Nhân giả.

Thưa Đại thánh Thái tử, ngày nay tôi thỉnh Nhân giả luôn luôn ngày nào cũng đến cung điện chúng tôi. Tôi nguyện thường được gặp Ngài, bốn sự cần dùng của Nhân giả tôi nguyện cúng dường không chút thiếu hụt.

Khi vua Tần-đầu nói lời tán thán như vậy rồi, Bồ-tát bảo:

–Đại vương phải biết, Ta nay chẳng bao lâu sẽ rời chỗ này đi đến các phương khác.

Đại vương nghe Bồ-tát nói như vậy, chắp tay bạch:

–Thưa Đại thánh Nhân giả, mong rằng những sở nguyện gì của Ngài không bị các ma làm chướng ngại, những pháp giải thoát mà Ngài đang tìm sớm được thành tựu. Thưa Nhân giả họ Thích, mong rằng sau khi Ngài chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tôi nguyện được thân cận Nhân giả cung kính cúng dường; gặp Nhân giả rồi, liền đúng như pháp làm đệ tử Thanh văn của Ngài.

Rồi Đại vương nói kệ ca ngợi:

Ta, Tần-đầu chắp tay khen ngợi
Nguyện cầu Thái tử mau thành đạo
Nếu đã thành tựu, Ngài nhớ lời
Rủ lòng từ bi thương chúng sinh.

Bồ-tát nghe kệ rồi, bảo Đại vương:

–Hay thay lời nguyện của Đại vương! Lời nguyện của Ta và sự mong ước của Đại vương cả hai đều tốt đẹp.

Vua Tần-đầu chắp tay nhất tâm đảnh lễ bạch Bồ-tát:

–Hay thay Thái tử, Ngài có thể cho tôi sám hối, do tôi vô trí đã não loạn Đại thánh. Thái tử đã lìa ái dục nên cho ngũ dục là bất tịnh, còn tôi mang tâm ái nhiễm nên cho là trong sạch. Cúi xin Đại thánh lượng thứ bỏ qua tội này.

Bồ-tát vui vẻ mỉm cười, bảo vua Tần-đầu:

–Hay thay Đại vương! Đúng như vậy. Ta nay thọ sự sám hối thanh tịnh của Đại vương, nguyện Đại vương được an lạc ít bệnh, ít buồn phiền, giữ gìn thân tâm chớ nên phóng dật, thường làm điều lành xa lánh điều ác. Được như vậy Đại vương sẽ an ổn, hưởng nhiều thiện lợi.

Khi ấy vì quan tâm đến vua Tần-đầu-sa-la, Bồ-tát tùy căn cơ, y theo nghĩa lý các pháp tuyên dương giảng dạy khiến nhà vua hoan hỷ, rồi rời khỏi chỗ ngồi đi đến các nơi khác.

Vua Tần-đầu đảnh lễ dưới hai chân Bồ-tát, nhiễu quanh ba vòng, rồi đứng yên nhìn về hướng Bồ-tát ra đi một lúc. Sau đó, nhà vua rời núi Bàn-trà trở lại hoàng cung.

Có kệ:

Bồ-tát hứa với vua Tần-đầu
Khi Ta thành đạo sẽ độ vua
Nghĩ về Đại thánh, vua hoan hỷ
Chốc lát rời non về nước mình.

□

Phẩm 29: TINH TẤN TU KHỔ HẠNH (Phần 1)

Bấy giờ Bồ-tát ra khỏi rừng nơi núi Bàn-trà-bà ung dung hướng về thành Già-da. Đến nơi, Ngài muốn nhiếp phục thân tâm diệt trừ các niệm ác, nên lên núi Già-da-thi-lê-sa *(nhà Tùy dịch Tượng đầu).* Ngài tìm một chỗ bằng phẳng trải thảm cỏ an tọa dưới một gốc đại thọ. Lúc đó, trong tâm Bồ-tát suy nghĩ về ba thí dụ, đều là việc hy hữu trong thế gian, chưa từng nghe nói, chưa từng xem thấy, chưa từng chứng biết. Ba thí dụ đó là gì?

Mọt, có những Sa-môn, Bà-la-môn, tuy thân không hành dục nhưng dục ái, dục não, dục nhiệt, dục chấp trong tâm ý họ vẫn chưa diệt hết, chưa đắc chánh định, vẫn còn tướng ngã, chỉ tu tập về thân. Những vị ấy luôn chịu khổ não, ý không hoan hỷ, tâm không đạt đến an lạc, không có được tri kiến, không chứng pháp thượng nhân, cũng không đạt đến chỗ vô úy. Trong số họ, tuy không còn tướng ngã, không chỉ tin về thân, không cảm thọ khổ não nhưng ý không cảm thọ, không có hỷ lạc nên không có tri kiến để chứng pháp thượng nhân, đến chỗ vô úy. Như có người lấy cây tươi ướt và phẩn ướt, để trên mặt nước cọ sát để lấy lửa. Có người từ nơi khác đến người này xin lửa. Nhưng người này từ nơi cây tươi ướt phẩn ướt ở trên mặt nước ra sức cọ sát có thể ra lửa cho người kia hay không? Nếu có lửa để cho là điều hoàn toàn phi lý. Lửa đã không xuất hiện thì người xin lửa làm gì có lửa. Đúng như vậy, như vậy, nếu có Sa-môn Bà-la-môn tuy không hành dâm dục… cho đến không có tri kiến, chứng pháp. Đây là ví dụ thứ nhất, thế gian chưa từng có cũng chưa từng nghe.

Hai, có những Sa-môn, Bà-la-môn, cấm chế thân không hành dâm dục, nhưng ý tham, phiền não, chấp trước về dục họ chưa diệt hết, chưa được chánh định, vẫn còn tướng ngã, chỉ tu chứng về thân, không còn khổ não nhưng không có hỷ lạc, không có tri kiến để chứng pháp thượng nhân, đạt đến vô úy. Trong số họ, tuy không còn tướng ngã, không chỉ tu chứng về thân, không còn khổ não nhưng tâm ý chưa hỷ lạc, không có tri kiến để

chứng pháp thượng nhân, đến chỗ vô úy. Như có người muốn được có lửa, lấy cây tươi ướt cọ xát trên mặt đất, lại có người đến người này xin lửa. Người dùng cây tươi ướt cọ xát trên đất để tìm lửa, có thể có lửa cho người kia hay không? Nếu có lửa để cho là điều hoàn toàn phi lý. Đúng như vậy, như vậy. Các Sa-môn Bà-la-môn, tuy không hành dâm dục… cho đến không có tri kiến, để chứng pháp. Đây là ví dụ thứ hai, ở thế gian chưa từng nghe.

Lúc bấy giờ Bồ-tát suy nghĩ nói ví dụ thứ ba: Nếu các Sa-môn hay Bà-la-môn, tuy tiết chế thân không hành dâm dục, đối với các ái dục, lửa dục, não dục và tâm say đắm dục họ tiêu diệt hoàn toàn, được chánh định. Những hàng Sa-môn và Bà-la-môn này đã được tự lợi và còn lợi tha, trong tâm hoan hỷ an lạc, có đủ tri kiến để chứng được pháp thượng nhân và đạt được chỗ vô úy. Ví như có người muốn tìm lửa, họ dùng cây khô, cỏ khô và phẩn khô để trên đất cọ xát. Có người hướng về người này xin lửa, người này chỉ dùng ít công phu liền có được lửa, đem cho người kia. Đúng như vậy, như vậy, nếu có Sa-môn Bà-la-môn hành động lìa dục, đối với các tâm ái dục, não dục, lửa dục đều bị tiêu diệt hết, cho đến… được pháp thượng nhân, đến chỗ vô úy. Đây là ví dụ thứ ba của Bồ-tát, tự ý suy nghĩ phát sinh, đều là việc thế gian chưa từng nghe thấy.

Lúc ấy Bồ-tát lại xuống núi Thi-lê-sa thuộc thành Già-da đi đến thôn Ma-già-đà, lần hồi đi hỏi thăm mọi người: "Ở xứ này có công đức gì đáng làm? Có phi pháp nào nên đoạn diệt? Ta muốn cầu cảnh định tịch diệt tối thượng, để nói lên âm thanh vi diệu." Cứ như vậy, Ngài tiến về trước đến một thôn ở phía Nam thành Già-da, thôn này tên Ưu-lâu-tần-loa. Sau khi đến thôn này rồi, vào buổi sáng Bồ-tát mặc y phục vào thôn đến nhà người thợ gốm, xin được một bình bát. Sau khi được bình bát, Ngài bưng bình đi theo thứ lớp khất thực trong làng. Khi đi ngang qua nhà một trưởng giả chủ thôn này, tên là Nan-đề-ca *(nhà Tùy dịch Tự Hỷ)*, đến trước nhà, Ngài yên lặng đứng một bên. Trưởng giả Nan-đề-ca *(Tự Hỷ),* chủ làng này có một ái nữ tên là Tu-xà-đa *(nhà Tùy dịch Thiện Sinh)* dung nhan kiều diễm khả ái vô cùng, được người bấy giờ ưa chuộng chiêm ngưỡng dung nhan. Nàng Thiện Sinh từ xa trông thấy Bồ-tát bưng bình bát đứng yên lặng biết ý muốn khất thực. Thiện Sinh vừa thấy bỗng nhiên từ hai nhũ hoa tự nhiên chảy sữa. Khi ấy, nàng hỏi Bồ-tát:

–Thưa Nhân giả tối thượng, Ngài con ai? Họ tên là chi? Quý danh là gì? Cha mẹ ở đâu? Đang muốn tìm cầu thứ gì? Nhân giả có thần biến gì, mà tôi vừa trông thấy Nhân giả một lần, tự nhiên hai nhũ hoa của tôi ra sữa.

Bồ-tát đáp:

–Này chị Thiện Sinh, tên Ta là Tất-đạt-đa, tên này do cha mẹ Ta ban cho. Ngày nay, Ta muốn cầu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khi chứng quả này rồi Ta sẽ chuyển pháp luân vô thượng.

Khi nàng Thiện Sinh vừa nghe như vậy, lấy bình bát từ tay Bồ-tát, đi vào nhà đựng đầy thức ăn uống cơm canh ngon ngọt, cùng đủ các thứ bánh trái cây. Nàng mang bình bát đầy trở ra, quỳ gối dâng cho Bồ-tát, miệng thưa thế này:

–Nhân giả tối thượng, tôi nguyện luôn luôn được cúng dường Nhân giả có bốn thứ nhu cầu: y phục, đồ ăn uống, đồ nằm ngủ và thuốc thang, tất cả đều đầy đủ, cúi xin Nhân giả từ bi nhận lấy. Tôi nhận xét quý danh của Ngài do cha mẹ ban cho, lại thấy Nhân giả dũng mãnh tinh tấn, chí tâm chuyên chú, nhất định sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quyết định sẽ chuyển pháp luân, chắc chắn không còn nghi ngờ. Nếu khi Nhân giả thành đạo Bồ-đề, sẽ đến nhà tôi nhận sự cúng dường, độ thoát cho tôi, tôi sẽ làm đệ tử Thanh văn của Ngài.

Bồ-tát đáp:

–Này chị Thiện Sinh, sẽ được theo với nguyện của người.

Bồ-tát nhận vật thực xong, bỏ đi nơi khác. Khi Bồ-tát nhận vật thực từ nhà Thiện Sinh, rồi đi đến chỗ vắng lặng, y như pháp mà thọ thực. Thọ thực xong Ngài đi kinh hành, lần lần đi đến một xứ nọ, đất đai bằng phẳng cảnh trí thanh tịnh hữu tình, thích thú tâm người du ngoạn. Rừng cây um tùm cành lá sum suê có đầy hoa quả nặng trĩu, đủ các dòng suối sông rạch ao hồ, nước trong sạch hương vị thơm tho ngọt ngào, chảy ngang dọc, không thiếu gì cả. Các dòng nước, không cạn không sâu lặng yên trong suốt, dễ lội dễ múc. Trong rừng không có các trùng độc thú dữ, ngược lại đây có các loại cầm thú hiền lành xinh đẹp. Nơi này cách làng chẳng gần chẳng xa, nếu đến đó khất thực không khó nhọc, không bị thiếu hụt, nơi đây đường đi bằng phẳng, không cao thấp, dễ đi, dễ lội. Nếu như có người đến đây cầu lợi ích tối thắng thì vô thượng, dễ được dễ thành, mau thành tựu, chứng đắc đạo quả. Vả lại, nơi này tuyệt nhiên không có các loài muỗi mòng rắn rít bọ cạp, lại không ồn ào, ban ngày ít người lai vãng làm phiền nhiễu, ban đêm dứt bặt tiếng động, yên tĩnh thanh nhàn, khí hậu ấm mát điều hòa, gió mưa hợp thời tiết, đáng làm nơi để lắng tâm tu tập thiền định.

Lại thuở xưa có một tiên vua tên là Già-da *(nhà Tùy dịch là Tượng)* cư ngụ trong đây. Đây là thành cũ tiên vua thuở trước ở.

Khi Bồ-tát thấy cảnh trí như vậy, suy nghĩ: "Địa thế nơi đây bằng phẳng vuông vức, ý trông thấy biết là chỗ được mọi người ưa thích, cho đến… là chỗ có thể tu tập thiền định. Nếu như có kẻ trượng phu muốn trừ các nghiệp, cầu lợi ích vô thượng tối thắng, thì nơi đây đủ điều kiện để cư trú. Ta muốn dẹp trừ các ác nghiệp, tu tập thiện căn, cần phải dừng chân nơi đây, ngồi tại chỗ này, cầu đạo Bồ-đề quyết được thành tựu."

Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi, liền trải tấm thảm cỏ trên mặt đất để tu tập thiền định. Sau khi an tọa, Bồ-tát suy nghĩ muốn cho tất cả chúng sinh đang tu tập các khổ hạnh cầu đạo giải thoát. Những khổ hạnh đó là: Hoặc có người đứng treo hai tay, để xả bỏ tất cả sự việc hữu vi thế gian. Hoặc có những hạng người tu tập khổ hạnh như: Khi khất thực họ không nhận vật thực lấy ra từ miệng chum, hoặc khi khất thực họ không nhận vật thực lấy ra từ trong miệng bát nhỏ, có người không nhận vật thực từ giữa hai con dê, có người không nhận vật thực từ người nơi phân dơ, có người không nhận vật thực nơi người chống gậy, không nhận vật thực của người cầm đao gậy. Đó là những trường hợp họ biết chỗ rõ ràng. Khi biết có người đàn bà bất tịnh đến họ chẳng nhận vật thực nơi người ấy, hoặc khi biết đàn bà có chửa cũng không nhận vật thực nơi người này, hoặc họ không nhận vật thực nơi nhà biết có người hành nghề bất tịnh, hoặc họ không nhận vật thực nơi người say rượu, hoặc khi có hai người đang ăn họ cũng không nhận vật thực nơi người này. Khi các người khổ hạnh này ăn, nếu có chó đến họ không ăn; hoặc trên thức ăn có ruồi nhặn hay muỗi bất tịnh dơ bẩn bay đến họ cũng chẳng ở nơi đó mà ăn; hoặc có người cất tiếng kêu: "Đến đây ta sẽ cho người đồ ăn.", họ cũng không thọ lãnh; hoặc có người xướng lên: "Người đứng đó ta sẽ cho vật ăn.", họ cũng không nhận vật thực nơi người này; hoặc có người xướng lên: "Ta đang làm món ăn để bố thí người hãy đợi đấy.", họ cũng không nhận lấy vật ăn nơi người này; hoặc có người chết nên làm thức ăn, họ cũng không nhận lãnh; hoặc có người cho đồ cúng tế chư Thiên còn thừa, họ cũng không nhận lãnh; hoặc vật thực có đường cát, đường cục… cũng không nhận lãnh; hoặc vật thực có bơ dầu…, họ cũng không nhận lãnh; hoặc trong vật thực có bơ sữa…, họ cũng không nhận lãnh; hoặc trong vật thực có cá và các loại thịt, họ cũng không nhận lãnh; hoặc trong vật thực có hành tỏi và các mùi gia vị cay hôi nồng nặc, họ cũng không nhận lãnh; hoặc họ chỉ nhận vật thực một nhà vừa đủ ăn một miếng; hoặc họ nhận vật thực hai nhà chỉ đủ ăn hai miếng cho đến họ nhận vật thực bảy nhà lại ăn bảy miếng rồi nghỉ; hoặc một ngày họ chỉ ăn một bữa; hoặc một ngày ăn hai lần, hay một ngày rưỡi mới ăn; hoặc họ trải qua ba ngày, họ chỉ ăn một bữa; hoặc một ngày họ chỉ ăn một ít; hoặc hai

ngày họ chỉ ăn một ít; hoặc cho đến bảy ngày họ chỉ ăn một ít; hoặc họ chỉ ăn rau; hoặc họ chỉ ăn hột cỏ dại; hoặc họ chỉ ăn cành cây non; hoặc họ chỉ ăn bơ; hoặc họ chỉ ăn cành cây Ca-ni-ca-la; hoặc họ chỉ ăn toàn phân dê; hoặc họ chỉ ăn toàn phân trâu; hoặc họ chỉ ăn toàn bã mè; hoặc họ ăn trái cây; hoặc họ ăn tất cả loại rễ cây; hoặc họ ăn ngó sen; hoặc họ ăn tất cả nhánh ngọn non của các loại cỏ.

Hoặc họ lại chỉ uống nước để sống; hoặc họ dùng theo số vật thực được nhiều ít để sống; hoặc họ học cách ăn cỏ như loài dã thú để sống; hoặc họ có lúc đứng sừng sững mãi giữa trời; hoặc họ ngồi yên một chỗ không xê dịch; hoặc tứ chi họ chống xuống đất dùng miệng táp đồ ăn; hoặc họ chỉ mặc y phục bằng cỏ, hoặc họ dùng vải bỏ nơi mộ địa làm y phục; hoặc họ mặc y phục bằng các loại cỏ; hoặc họ dùng y phục bằng tơ lụa cũ Kiêu-sa-da; hoặc họ dùng vỏ cây đào trắng làm y phục; hoặc họ dùng cỏ râu rồng làm y phục; hoặc họ dùng da súc vật làm y phục; hoặc họ dùng da súc vật đã cũ làm y phục; hoặc họ dùng lông thú làm y phục; hoặc họ dùng da thú phá rách làm y phục; hoặc họ dùng vải vứt bỏ làm y phục.

Hoặc có người để lõa hình nằm trên gai; hoặc có người nằm trên tấm ván; hoặc có người nằm trên Ma-ni; hoặc có người nằm trên cây tròn; hoặc có người nằm nơi gò mả; hoặc có người nằm nơi gò mối giống như rắn ở; hoặc có người nằm trên đất trống.

Hoặc có người thờ nước; hoặc có người lại thờ lửa; hoặc có người nhìn theo mặt trời di chuyển; hoặc có người đứng giơ hai cánh tay; hoặc có người ngồi chồm hổm; hoặc có người dùng cát đất, bụi than thoa vào mình, đứng thẳng người; hoặc có người búi tóc, đầu mặt, mắt mũi không tắm rửa, hai tay nắm chặt; hoặc có người nhổ tóc; hoặc có người nhổ râu.

Hoặc có đạo thờ thần như thần suối, thần ao, thần giếng, thần sông, thần kênh, thần khe, thần đất, thần cây, thần rừng, thần núi, thần đá, thần Dạ-xoa, La-sát, La-hầu A-tu-la vương, Bà-lê A-tu-la vương, Tỳ-chất-đa-la, Diệm-bà-lê A-tu-la vương… hoặc thờ sao Tuế, hoặc thờ Tiên nhân Dược Vương; hoặc thờ Tiên nhân Bà-la-đọa; hoặc thờ Tiên nhân Cù-đàm; hoặc có người thờ Tỳ-sa-môn Thiên vương; hoặc có người thờ chư Thiên Đồng tử; hoặc thờ Tự tại thiên; hoặc lại thờ mặt trời; hoặc lại thờ mặt trăng; hoặc lại thờ chư Thiên Na-la-diên; hoặc thờ Đế Thích; hoặc thờ Phạm thiên; hoặc thờ Tứ đại Thiên vương hộ thế. Thờ các thần như vậy để được hoan hỷ, rồi theo đó cầu nguyện để được mãn nguyện, đều cầu giải thoát.

Bồ-tát quán sát sự cầu giải thoát của họ sai lạc như vậy, Ngài biết rồi phát tâm tu rất khổ hạnh cực khổ đáng sợ.

Có kệ:

Bồ-tát đi đến sông Ni-liên
An tọa bên bờ tâm thanh tịnh
Thấy hàng ngoại đạo tu sai lạc
Nên tu đại khổ giáo hóa người.

Lúc bấy giờ Bồ-tát an tọa, ngậm miệng hai hàm răng khít vào nhau, lưỡi co lên đụng nứu răng, nhiếp tâm nhất niệm, chuyên chánh quán sát tư duy thế này. Buộc tâm tại một chỗ, điều phục thân tâm. Khi hai hàm răng khít với nhau, lưỡi đụng vào nứu, nhiếp tâm buộc niệm tu tập, lúc đó mồ hôi nách tuôn ra. Bồ-tát biết mồ hôi nách tuôn ra như vậy, Ngài lại càng phát tâm dũng mãnh tinh tấn, tâm không còn vướng mắc, cũng không tán loạn, tâm trụ trong vắng lặng, tập trung bất động. Thân, khẩu, ý hết sức khổ như vậy, đều không lay động. Lúc ấy Bồ-tát lại có ý nghĩ: "Ta có thể nhập vào chánh định Bất động."

Khi ấy Bồ-tát không còn dùng miệng thở ra, rồi dùng mũi hít vào nữa, miệng và mũi không hoạt động, thì lúc đó trong hai lỗ tai phát ra tiếng gió lớn, tiếng gió này giống như tiếng động lớn phát ra do khuấy mạnh trong chum to để thành lạc. Đúng như vậy, đúng như vậy. Bồ-tát không cho hơi thở ra vào nơi mũi và miệng, lúc đó nơi hai lỗ tai phát ra tiếng hơi gió, cũng làm như vậy…

Ngài nghĩ: "Ta nay đã phát tâm tinh tấn, không còn nơi đắm nhiễm, bỏ cả giải đãi mới được khổ hạnh tối thắng, việc làm hết sức khó làm như vậy." Rồi Ngài tư duy: "Ta có thể nhập vào chánh định Bất động."

Khi thân, khẩu, ý của Bồ-tát đã được tịch định rồi, Ngài không cho hơi thở ra vào nơi miệng mũi và hai lỗ tai, tất cả đều bít kín. Miệng, mũi và tai đều được vắng lặng, thì hơi thở ở bên trong rất mạnh vì không thoát ra được, nên nó xung lên đảnh đầu, giống như một lực sĩ hết sức dũng kiện cầm một chiếc búa thật bén bổ vào não người khác. Đúng như vậy, như vậy. do hơi thở Bồ-tát không thoát ra nơi miệng, mũi và hai tai được, dồn ép bên trong quá mạnh, nên nó xung lên đảnh, giống như tiếng búa đánh vào não.

Bồ-tát lại nghĩ: "Ta nay đã phát tâm tinh tấn, không còn đắm nhiễm xả bỏ giải đãi…, cho đến hết sức khổ hạnh, khổ hạnh tối thắng như đây." Suy nghĩ rồi Bồ-tát nhập vào chánh định Bất động.

Lúc bấy giờ Bồ-tát lại đình chỉ tất cả hơi thở từ miệng, lỗ tai và đảnh đầu không cho thoát ra. Do vì ngăn chận không cho thoát ra, nên hơi khí bên trong rất cường thịnh, nó xoay chuyển đập mạnh vào hai bên hông,

giống như kẻ đồ tể hay con của đồ tể lành nghề giết trâu, bọn đồ tể hoặc cầm kiếm nhọn hoặc cầm dao bén mổ bụng rồi mổ hai bên hông trâu. Đúng như vậy, như vậy, vì Bồ-tát không cho khí thở thoát ra, nên khí thở bên trong cường thịnh, xuyên phá giữa hai bên hông tạo ra âm thanh cũng lại như vậy. Bồ-tát tư duy như vậy rồi, lại phát tâm tinh tấn đạt đến khổ hạnh tối thắng và suy nghĩ: "Ta nhập vào chánh định Bất động."

Khi ấy Bồ-tát ngăn chận không cho hơi thở ra nơi miệng, mũi và lỗ tai, do đó hơi khí ở bên trong cường thịnh, ví như hai nhà đại lực sĩ, mỗi người nắm lấy mỗi tay của một kẻ yếu đuối ném vào hầm lửa lớn, thân người này hoặc bị lửa đốt cháy rám. Đúng như thế, như thế, Bồ-tát do hơi thở bên trong không thoát ra được, thân chịu sự nóng bức, cũng lại như vậy. Suy nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát lại phát tâm tinh tấn, không còn đắm chấp gì cả, xả bỏ giải đãi, tâm không tán loạn, được chánh niệm, tất cả được vắng lặng. Thân, khẩu và ý đều được chánh định. Đây là khổ hạnh tối thượng, vô cùng kỳ diệu.

Lúc bấy giờ có hàng chư Thiên từ thượng giới xuống, thấy Bồ-tát khổ hạnh như vậy, họ cùng nhau bảo:

–Ngày nay Thái tử Tất-đạt-đa đại trí đã chấm dứt cuộc sống.

Lại có một nhóm Thiên tử khác trong chư Thiên đó nói với nhau:

–Thái tử Tất-đạt-đa ngày nay Ngài chưa chết, chỉ gần chết thôi.

Lại có các Thiên tử khác nói:

–Thái tử Đại thánh Tất-đạt-đa hiện tại chưa chết, sau này cũng không chết. Vì cớ sao? Vì Thái tử là bậc A-la-hán, phàm A-la-hán có hạnh như vậy, chẳng có gì lạ.

Lúc ấy Bồ-tát ở trong rừng thanh vắng, dụng tâm tu khổ hạnh, tức thành vĩ đại khổ hạnh. Lúc bấy giờ dân chúng ở xóm làng bốn phía, cùng đến nơi Bồ-tát đang ngồi, họ thấy Bồ-tát tu khổ hạnh vĩ đại như vậy, đều nói:

–Vị Sa-môn này tu khổ hạnh vĩ đại.

Do đó nên gọi Bồ-tát là Đại Sa-môn. Danh từ Đại Sa-môn để chỉ cho Bồ-tát được khởi xướng từ đây cũng vì lý do này.

Bồ-tát lại tư duy thế này: "Ở trong thế gian có những Sa-môn hay Bà-la-môn hạn chế sự ăn uống để lập hạnh đều giữ lấy sự thanh tịnh. Những hạng người đó, họ chỉ ăn lúa mạch bằng cách hoặc nấu cơm lúa mạch hoặc nấu tấm lúa mạch mà ăn, hoặc dùng lúa mạch biến chế thức ăn để nuôi thân. Hoặc lại có người ăn mè đen, hoặc ăn cháo, hoặc ăn đậu nhỏ, hoặc ăn đậu

lớn, cho đến có người chỉ ăn toàn cơm đậu lớn, hoặc nước đậu lớn, hoặc bã đậu lớn, biến chế các thức ăn bằng đậu lớn để nuôi thân. Hoặc có Sa-môn hay Bà-la-môn tuyệt thực để kiến lập tịnh hạnh. Ta nay cũng có thể tuyệt thực để tu khổ hạnh.” Trong tâm Bồ-tát tư duy như vậy.

Lúc bấy giờ có chư Thiên ẩn thân đến chỗ Bồ-tát bạch:

–Mong Đại thánh Nhân giả chẳng nên suy nghĩ đến việc tuyệt thực như vậy. Tại sao? Nếu Nhân giả ngày nay tuyệt thực để lấy đó làm pháp môn tu hành, thì chư Thiên chúng tôi sẽ đem những thức ăn thượng vị đến, cho vào trong các lỗ chân lông của Nhân giả, để cho tánh mạng của Nhân giả được tồn tại, lại để thân thể của Nhân giả khỏi bị suy giảm.

Bồ-tát nghe lời nói của chư Thiên như vậy, lại tư duy thế này: “Ta đã công bố với tất cả mọi người là ta hoàn toàn không ăn các thực phẩm, mà ngày nay chư Thiên ẩn thân đem thức ăn thượng vị cõi trời đến, cho vào lỗ chân lông ta, để mạng ta còn sống. Như vậy có phải ta đại vọng ngữ dối gạt mọi người.”

Ngài nghĩ như vậy, rồi lại bảo chư Thiên:

–Này chư Thiên, tuy các người có lòng tốt, nhưng việc đó không nên làm.

Bồ-tát ngăn chư Thiên không được thực hiện ý đồ đó, rồi mỗi ngày chỉ ăn một loại khác nhau; hoặc một hột mè đen, hoặc một hột gạo, hoặc một hột đậu nhỏ, hoặc một hột đậu lớn, hoặc một hột đậu xanh, hoặc một hột đậu đỏ, hoặc một hột mạch lớn.

Bấy giờ, cách tụ lạc ấy không xa, có một Bà-la-môn tên Tư-na-da-na thuộc dòng họ tôn quý. Bà-la-môn này được vua Tần-đầu nước Ma-già phong cho một tụ lạc gần bên tụ lạc Ưu-lâu-tần-loa. Bà-la-môn này khi được phong ấp, đặt tên là Tư-na-da-na. Lại có một Bà-la-môn khác tên Đề-bà, sinh sống ở thành Ca-tỳ-la, do kinh doanh nên thường đến ở trong thành Tư-na-da-na vài ngày làm khách.

Bấy giờ, Bà-la-môn Đề-bà vì kinh doanh việc khác nên đi đến khu rừng Bồ-tát đang ở. Thấy Bồ-tát đang thực hành khổ hạnh tối thượng, Bà-la-môn này biết ngay và nói:

–Đây là Thái tử Tất-đạt-đa ở nước ta, đã tu hành khổ hạnh vĩ đại như vậy.

Thấy Bồ-tát hành khổ hạnh như vậy, ông ta rất hoan hỷ. Thấy Bà-la-môn Đề-bà hướng về mình với tâm hoan hỷ, Bồ-tát bảo ông ta:

–Đại Bà-la-môn, ông có thể cho Ta một ít lương thực để nuôi sống không? Như là đậu nhỏ chín, nước canh đậu lớn, đậu xanh, đậu đỏ… để Ta ăn duy trì mạng sống.

Bà-la-môn ấy với tâm hạn hẹp, thấy biết cạn cợt, không có ý rộng lớn, muốn làm việc bố thí, làm đúng theo lời này, nói với Bồ-tát:

–Thái tử Đại thánh, thức ăn này tôi có thể cung cấp đủ.

Bà-la-môn ấy trong sáu năm từng ngày đem thức ăn như trên dâng cho Bồ-tát. Hằng ngày, Bồ-tát nhận thức ăn này, ăn theo pháp để nuôi thân thể. Bồ-tát chỉ đưa bàn tay ra nhận riêng từng ngày, được một phần rất ít, ăn để sống, như là tiểu đậu chín, nước canh đậu đỏ… Như vậy, Bồ-tát ăn rất ít tùy theo số lượng trên tay nhận được và ăn nước đậu.

Bồ-tát do ăn những thức ăn như vậy, thân thể gầy còm, hơi thở yếu ớt, giống như ông già tám chín mươi tuổi suy nhược hoàn toàn không còn khí lực, tay chân không còn cử động theo ý muốn. Đúng như vậy, như vậy, các xương tay chân Bồ-tát chỉ còn dính liền với nhau cũng như vậy.

Sức lực Bồ-tát ra thế này, là do giảm sự ăn uống chỉ còn quá ít lại siêng khổ hạnh, da dẻ toàn thân nhăn nheo, như quả bầu đắng còn non cắt cuống phơi ở ngoài trời, bị nắng thiêu đốt sắc héo vàng, do quả bầu chưa già nên tóp khô, da nhăn nheo, tự rạn nứt ra từng mảnh như đầu lâu. Đúng như vậy, như vậy, xương đầu Bồ-tát cũng lại như vậy không khác. Do vì ăn quá ít, hai cặp mắt Bồ-tát sâu thẳm, cặp con ngươi thụp sâu vào trông giống như nước đáy giếng, trông thấy như hai ngôi sao. Đúng vậy, đúng vậy, mắt Bồ-tát trông kỹ mới thấy cũng như vậy.

Lại nữa, vì ăn quá ít nên xương sườn hai bên hông giãn cách xa nhau, chỉ còn da bọc lấy xương, giống như những sườn nhà nơi chuồng trâu hay chuồng dê.

Lúc bấy giờ lũ mục đồng chăn trâu, dê và ngựa trong làng lui tới khu rừng này, thấy Bồ-tát tu khổ hạnh như vậy, thấy rồi đều cho rằng việc thật hy hữu, tâm rất hoan hỷ, thường lai vãng cúng dường Bồ-tát.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 25

Phẩm 29: TINH TẤN TU KHỔ HẠNH (Phần 2)

Vào một hôm trời mùa xuân tươi đẹp, vua Tịnh Phạn du ngoạn, thấy tất cả thảo mộc trong hoa viên đều đâm chồi nảy lộc, trăm hoa đua nở, quang cảnh sáng tươi; các ao hồ rải rác đó đây đầy những loài ngỗng nhạn, hồng nhạn, oan ương… trên mặt nước, trên các cành cây có các loài chim như Anh dục, Anh võ, Câu-si-la, hoặc các loại Khổng tước, Ca-lăng-tần-già, Mạng mạng… cùng nhau vui đùa ca hát líu lo âm thanh vi diệu. Nghe tiếng chim hót, nhà vua thở than sùi sụt, gạt lệ than:

–Ôi thôi! Thái tử Tất-đạt-đa con ta bỗng nhiên bỏ ta xuất gia, vắng bóng đã qua sáu năm chẳng thấy mặt con. Than ôi! Ngày nay một mình ta thọ hưởng cuộc sống như thế này, biết làm gì đây khi ta không thấy Tất-đạt-đa con ta. Ở đây ngày đêm có thể nữ luôn hầu hạ bên mình, tấu đủ các loại âm nhạc như không hầu, tỳ bà, đàn sắc… Ta đang thọ hưởng thú vui ngũ dục tuyệt vời này, còn con ta tại sao sống một mình trong rừng núi vắng vẻ không bóng người, bị các loài dã thú sư tử, hổ lang, bạch tượng… bao vây; hoặc bị chúng dùng nanh vuốt ngấu nghiến tàn hại con ta ở nơi đó nào ai hay biết, hoặc sống hoặc chết bặt vô âm tín!

Tâm trạng buồn rầu khổ não thương nhớ không vui của vua Tịnh Phạn như vậy.

Bấy giờ Bồ-tát đang tu khổ hạnh nơi xứ Ưu-lầu-tần-loa, thân thể gầy ốm tồi tệ, muốn đứng dậy đi đứng, nhưng sức không giữ nổi thân hình, nên vừa muốn đứng dậy lại bị ngã nhào xuống đất. Khi đó chư Thiên cõi Địa cư thấy việc như vậy, cho rằng Bồ-tát sắp qua đời, nên trong tâm ưu sầu, rồi truyền với nhau: "Ngày nay Thái tử Tất-đạt-đa đã gần qua đời."

Khi ấy, trong chúng chư Thiên có một Thiên tử vội vã đi đến chỗ vua Tịnh Phạn đang ngự, đến nơi tâu với Đại vương:

–Đại vương phải biết, Thái tử Tất-đạt-đa của Đại vương bỏ bốn châu thiên hạ và bảy báu, vào núi xuất gia, do Ngài tu khổ hạnh nên nay đã bỏ mạng.

Lại có một Thiên tử khác cũng ở trong chúng chư Thiên Địa cư, vội vã đến chỗ Đại vương Tịnh Phạn, bạch với nhà vua:

–Đại vương phải biết, Thái tử Tất-đạt-đa của Đại vương tuy chưa chết, nhưng mạng sống không quá bảy ngày nữa.

Đại vương Tịnh Phạn nghe tin chư Thiên Địa cư nói như vậy, vì thương nhớ con trong lòng bức xúc ưu sầu khổ não la lớn lên:

–Ôi thôi con ta ơi! Con chết một mình trong rừng vắng! Con tuy được thân người không chịu hưởng thú vui ngũ dục, lại cũng không chứng được pháp vị vô thượng.

Đại vương nói lời như vậy rồi, tâm thân mê loạn ngã nhào trên mặt đất chết giấc. Hoàng gia dòng họ Thích bỗng nghe tiếng ta thán của Đại vương Tịnh Phạn như vậy, đều vội vàng chạy đến cung Đại vương. Đến nơi họ dùng lời an ủi tâm trạng Đại vương:

–Đại vương chớ khổ não như vậy, lại nữa long nhan ngày nay của Đại vương quá suy yếu, chẳng nên vì việc này mà hại đến tính mạng.

Đại vương hỏi:

–Ngày nay, nơi thành Ca-tỳ-la-vệ này thân tộc quyến thuộc của ta được bao nhiêu người hiện ở nơi đây?

Tất cả hoàng gia dòng tộc họ Thích liền tâu Đại vương:

–Đại vương biết cho, nay dòng họ Thích ở nơi đây có tất cả chín vạn chín ngàn người.

Đại vương lại hỏi:

–Này các khanh quyến thuộc, nếu muốn bảo tồn tánh mạng ta, thì các khanh nên mau mau đi tìm Thái tử Tất-đạt-đa con ta nay ở chỗ nào?

Khi ấy, tất cả quyến thuộc dòng họ Thích đều tâu:

–Đại vương phải biết, Đại vương có thể dùng một tay nắm lấy các núi rừng, núi Thiết vi và các biển lớn, núi Tu-di mà ném đi phương khác. Việc này còn có thể làm được. Còn Thái tử Tất-đạt-đa chưa hết phiền não, thì dầu cho tập trung tất cả mọi người nơi thế gian và chư Thiên này để tìm cách đưa Thái tử về hoàng cung, việc này hoàn toàn không thể được.

Lúc ấy người con quốc sư họ Thích tên là Ưu-đà-di tâu Đại vương:

–Đại vương biết cho, con ngày nay có thể đến chỗ Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia, đem hết tâm lực dùng lời khuyên nhủ đưa Thái tử trở về hoàng cung.

Đại vương nghe qua lời tâu như vậy, liền bảo người con của quốc sư:

–Hay thay Ưu-đà-di! Khanh có thể đến bên Thái tử, nếu như Thái tử chấp nhận lời của khanh trở lại hoàng cung, thì khanh nên theo sát Thái tử, mau mau cùng nhau trở về. Còn như Thái tử không chịu về, thì khanh cũng lánh khỏi nơi đây không được gặp mặt ta. Tại sao như vậy? Vì khanh nói như vậy, tuy giải được nỗi phiền muộn của ta, nhưng nếu Thái tử không về thấy lại mặt khanh, thì ta bị thất vọng, càng tăng sự ưu sầu.

Lúc bấy giờ, Ưu-đà-di, người con của quốc sư sửa sang xa giá, khởi hành từ thành Ca-tỳ-la, trực chỉ hướng bờ sông Ni-liên thuộc xứ Ưu-lầu-tần-loa. Khi đến nơi, trước tiên Ưu-đà-di thấy nhóm năm người Kiều-trần-như có mặt nơi đây, liền hỏi:

–Thưa Nhân giả Kiều-trần-như, hiện nay Thái tử Tất-đạt-đa ở chỗ nào?

Kiều-trần-như đáp lời Ưu-đà-di:

–Thái tử Tất-đạt-đa đã vào trong rừng đang tu khổ hạnh.

Ưu-đà-di lại hỏi tiếp:

–Người hầu cận Thái tử tên gì?

Kiều-trần-như đáp:

–Này Ưu-đà-di, người đó tên là A-xa-du *(nhà Tùy dịch là Điều Mã)*, ông nên hỏi người này.

Khi ấy Ưu-đà-di liền đến trước A-xa-du thưa:

–Này A-xa-du, ông có thể đến chỗ của Thái tử, tâu giùm ta lời này: "Vương phụ của Thái tử có sai sứ giả đến đây muốn ra mắt Thái tử."

Điều Mã đáp lời Ưu-đà-di:

–Ta thật không dám đến gặp Thái tử để trình lời nói này. Tại sao như vậy? Thưa Nhân giả, Thái tử đã tu khổ hạnh trải qua sáu năm. Từ khi Ngài xuất gia cho đến nay, chưa từng hướng mặt về chốn quê nhà, chỉ ngồi quay lưng về thành Ca-tỳ-la. Tại sao như vậy? Vì nhàm chán nguy hiểm của cuộc đời. Này Ưu-đà-di, một mình ông có thể vào rừng diện kiến Thái tử để trình bày lời dạy của phụ vương.

Khi ấy Ưu-đà-di một mình đi vào rừng, thấy Bồ-tát nằm trên mặt đất, từ đầu đến chân đều bị bụi phủ không còn oai nghiêm tươi sáng, cùng với màu đất, thân thể gầy ốm không còn một chút thịt, chỉ da bọc lấy xương giữ thân mà thôi. Đôi mắt sâu thẳm, giống như ngôi sao đặt dưới đáy giếng, toàn thân co quắp các đốt xương đều giãn ra.

Ưu-đà-di thấy thân hình Bồ-tát như vậy, đưa cao hai tay kêu gào khóc lóc la lớn lên:

–Ôi thôi! Ôi thôi! Người con dòng họ Thích của chúng ta, ngày nay bỗng gặp tai nạn đến nỗi này. Thuở xưa, thân hình tuấn tú, nhan sắc tuyệt vời đáng yêu vậy mà ngày nay thân thể ra nông nổi thế này, giống như đất không khác. Đã không được giải thoát an lạc, mà ngược lại tổn hại uổng phí thân hình tốt đẹp.

Khi ấy, nghe tiếng kêu gào của Ưu-đà-di, Bồ-tát hỏi:

–Người này là ai mà trong lòng ưu sầu, ảo não kêu la giống như tiếng của người bị lửa đốt vậy?

Ưu-đà-di đáp lại lời Bồ-tát:

–Bạch Thái tử, tôi là con của Quốc sư trong nước của Thái tử, tên Ưu-đà-di, được Đại vương Tịnh Phạn, phụ vương của Ngài phái đến đây thăm và nghênh đón Thái tử.

Bồ-tát lại nói:

–Này Ưu-đà-di, Ta không cần đến sứ giả phiền não này, Ta chỉ muốn được sứ giả Niết-bàn, không muốn sứ giả sinh tử của phụ vương.

Ưu-đà-di lại thưa Bồ-tát:

–Bạch Đại thánh Thái tử, Nhân giả ngày nay lập thệ nguyện gì kiên cường đến thế này?

Bồ-tát đáp lời Ưu-đà-di:

–Nguyện rằng thân Ta ở nơi mảnh đất này, dù bị nghiền nát như hạt mè đen hay hạt cải trắng, nếu không được pháp tự lợi và lợi tha. Tâm Ta vẫn tinh tấn quyết không buông xuôi mà sinh biếng nhác. Thân tâm Ta ngày nay chỉ thệ nguyện như vậy.

Ưu-đà-di bạch Bồ-tát:

–Tâu Đại thánh Thái tử, tôi ở trước mặt Đại vương Thái tử đã nhận lời thề: "Con phải quyết định kề bên Thái tử cùng nhau trở về thành." Ngày nay, Thái tử đã thệ nguyện sâu nặng như vậy, nếu như chưa được pháp tự lợi và lợi tha mà bỏ thân mạng thì làm sao tôi dám rời Thái tử để trái lời thệ nguyện của tôi mà một mình trở về vào thành Ca-tỳ-la!

Bồ-tát một lần nữa bảo Ưu-đà-di:

–Này Ưu-đà-di, Ta ở nơi đây tu khổ hạnh, nếu như chưa được pháp tự lợi, nửa chừng trên đường tầm đạo mà bỏ mạng, ông nên nhặt thi thể của Ta khiêng vào thành Ca-tỳ-la theo cửa thành lúc trước Ta ra đi. Hãy vì Ta, ông tuyên bố với tất cả dân chúng trong ngoài thành Ca-tỳ-la: "Đây là hài cốt thi thể của người tinh tấn cương quyết giữ lời chân thật, lập thệ nguyện chánh tâm chánh ý."

Này Ưu-đà-di, lại vì Ta, ông đáp lời hỏi của phụ vương, ông nên tâu thế này: "Đại vương phải biết, Thái tử đã vì hết sức tinh tấn, chẳng phải do giải đãi nên ngày nay đã bỏ mạng. Cương quyết giữ lời chân thật nên đã bỏ mạng, chứ không dối trá."

Này Ưu-đà-di, ngày nay Ta tuy như vậy, nhưng ở trong rừng ban đêm ta mộng thấy vô lượng chư Thiên ẩn thân đến bên Ta, đảnh lễ dưới chân và bạch: "Thái tử Tất-đạt-đa, ngày nay Ngài nên rất hoan hỷ! Từ nay trở đi, nội trong bảy ngày nữa, nhất định Ngài sẽ thành tựu điều lợi ích vĩ đại." Này Ưu-đà-di, Ta mộng thấy như vậy, hoàn toàn không phải là không có. Này Ưu-đà-di, ông nên trở về hoàng cung, Ta chẳng cần cùng ông làm bạn.

Khi Ưu-đà-di nghe lời thệ nguyện của Bồ-tát như vậy, nên không còn chút gì hy vọng, liền rời khỏi chỗ Bồ-tát ngồi trong rừng, một mình đi ra khỏi rừng. Sau khi ra khỏi rừng, vị này trở về thành Ca-tỳ-la để yết kiến Đại vương Tịnh Phạn. Đến hoàng cung, ông ta tâu Đại vương Tịnh Phạn:

–Đại vương biết cho, Vương tử Tất-đạt-đa bình an dũng mãnh, còn sống chẳng phải chết.

Đại vương Tịnh Phạn nói:

–Nếu Thái tử con ta bình an không chết, ta còn gì sầu muộn.

Sau khi nghe lời tâu của Ưu-đà-di, nhà vua rất hoan hỷ.

Thuở ấy Ma vương Ba-tuần ở Dục giới muốn làm nhiễu loạn Bồ-tát, nên trong sáu năm Bồ-tát tu khổ hạnh, thường luôn luôn âm thầm sát bên Bồ-tát để tìm cơ hội sai lầm nho nhỏ mà chẳng có.

Có kệ nói:

Khung cảnh vắng lặng thật tuyệt vời
Tòng lâm phong cảnh cây tươi tốt
Ưu-lầu-tần-loa phía Đông này
Bên cạnh bờ sông Ni-liên-thiền
Địa thế nơi đây Ngài chọn được
Thệ nguyện kiết già hành khổ hạnh
Phát tâm dũng mãnh đại tinh cần
Nhất định đến nay, Ta giải thoát.
Ma vương Ba-tuần tới nơi này
Đem lời đường mật dối thưa rằng:
"Cúi xin Nhân giả sống lâu dài
Thọ mạng lâu dài mới đắc pháp
Sống lâu mới đức được tự lợi
Tự lợi về sau khỏi hối tiếc.

Giờ đây Nhân giả thân gầy ốm
Nhất định sẽ chết trong chốc lát
Nay thật, Nhân giả ngàn phần chết
May ra phước đức sống một phần.
Nên bố thí nhiều cúng chư Thiên
Đối với thần lửa nên tế tự
Nhờ vậy mới được công đức nhiều
Tu tập thiền định có ích chi
Xuất gia tầm đạo thật gian nan
Điều phục tự tâm đâu phải dễ."
Ma gần Bồ-tát bằng cách ấy
Dùng đủ lời lẽ giả ngợi khen.
Bồ-tát khi ấy giọng dịu hiền
Dùng lời sâu sắc đáp Ma vương:
"Ba-tuần phóng dật, ngươi bất thiện
Vì cầu tự lợi, hành thế pháp
Tâm ông cho đó là phước đức
Rốt cuộc không cầu được mảy may.
Nếu người thật sự cầu phước đức
Chẳng nên nói ra lời như vậy
Khổ chết với ta đồng như sống
Thật không một niệm sợ bị chết.
Giả sử chúng sinh đều tận diệt
Tâm ta hoàn toàn không thoái chuyển
Nay xây cầu lớn qua biển dục
Tinh tấn dũng mãnh tu phạm hạnh.
Nếu do phong tai thổi thế gian
Tất cả các sông còn khô cạn
Huống chi máu, dịch trong thân thể
Chất nước trong người cũng cạn khô,
Mỡ tủy chất ướt bị khô trước
Kế đến da thịt lại khô sau
Da thịt tiêu rồi khí lực kém
Tâm ý bấy giờ mới tịch định.
Tất cả tinh tấn thêm tăng trưởng,
Chỉ còn đi vào cửa chánh định
Ta nay muốn tu pháp hạnh này,
Mong cầu đạt đến Vô thượng giác.

Do đó, thân mạng Ta không tiếc
Ngươi biết tâm Ta thật thanh tịnh
Tâm Ta đã đạt chỗ chí thành
Trí tuệ trang nghiêm thật bền vững.
Thế gian chưa thấy có người nào
Có thể ngăn được Ta tinh tấn
Ta thà chịu chết mất mạng người
Không cần sống lâu nơi cung điện.
Trượng phu thà chết, cần chiến đấu
Quyết chẳng tham sống, hàng kẻ khác
Dũng mãnh đã chiến thắng đối phương
Địch đã hàng rồi, nào có sợ!
Dũng kiện thì phá được kẻ địch
Ta chẳng bao lâu phá ma chúng:
Ma quân thứ nhất là tham dục
Tên ma thứ hai chẳng hoan hỷ
Thứ ba đói khát cùng lạnh nóng
Đam mê ái dục, ma thứ tư
Ma thứ năm chính là thùy miên
Kinh hãi sợ sệt, ma thứ sáu
Mê hoặc nghi ngờ, ma thứ bảy
Sân hận phẫn nộ, ma thứ tám
Thứ chín tên là tranh lợi dưỡng
Ngu si vô tri ma thứ mười
Cao ngạo kiêu căng ma mười một
Mười hai thường hay hủy nhục người.
Các ngươi quyến thuộc ma Ba-tuần
Quân mã hành động đều hắc ám
Chúng ma đến đây hại hành giả
Những bậc Sa-môn Bà-la-môn.
Bọn ngươi thường đi khắp thế gian
Mê hoặc tất cả trời và người
Quân mã các người gặp phải Ta
Đem binh trí tuệ rất hùng cường
Có tài chiến thắng chẳng còn ai
Đại quân các ngươi bị phá sạch
Như nước làm rã bình đất sống
Quân ngươi tiêu tán chẳng khác nào.

Tâm Ta chánh định vững như núi
Phương tiện trí tuệ đều thành tựu
Tâm không phóng dật tu chánh hạnh
Người sao tìm được chút lỗi lầm!"

Bấy giờ Bồ-tát lại suy nghĩ thế này: "Nếu trong quá khứ có Sa-môn hay Bà-la-môn, vì tự lợi mà tu tập các pháp đại khổ hạnh, hoặc tâm chẳng vui, hoặc cả thân tâm chẳng vui, với các cảm thọ như vậy, thì các Sa-môn Bà-la-môn cũng chẳng hơn khổ hạnh như Ta ngày nay do cầu tự lợi, nên thân và tâm chịu các khổ, chẳng vui. Nếu ở đời vị lai, có các Sa-môn và Bà-la-môn vì cầu tự lợi, thân tâm thọ các khổ hạnh, cũng chẳng hơn các khổ hạnh của Ta ngày hôm nay do cầu tự lợi, mà thân tâm chịu các khổ hạnh. Nhưng Ta vẫn chưa chứng được pháp thượng nhân, chưa được tri kiến, cũng chưa chứng được tăng ích, vậy có thứ đạo nào để chứng được đạo quả Bồ-đề?"

Rồi Bồ-tát lại tư duy tiếp: "Ta nhớ khi còn trong cung của phụ vương, đi xem nông dân canh tác, Ta gặp tàng cây Diêm-phù-đề mát mẻ. Thấy rồi, liền tĩnh tọa dưới tàng cây, Ta xả bỏ tất cả tâm dục nhiễm, nhàm chán các pháp bất thiện, khởi tâm phân biệt ưa thích tịch định nên sinh hỷ lạc, chứng được Sơ thiền. Ta hãy tư duy lại thiền định đó, con đường này chắc hướng về đạo Bồ-đề." Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi, y như pháp nhất tâm chánh quán, nhập vào cảnh tịch định, mong nhờ thiền định này mà đạt đến giác ngộ.

Ngài liền nói kệ:

Pháp môn khổ hạnh chẳng ly dục
Chẳng phải chánh đạo đến Bồ-đề
Chẳng phải thắng nhân cầu giải thoát
Chỉ là làm khổ cho thân tâm.
Ngày nay nếu Ta muốn tu học
Cần phải như xưa xem canh tác
Ngồi dưới tàng cây Diêm-phù nọ
Lìa nhiễm chứng được định Tứ thiền.

Khi ấy Bồ-tát lại suy nghĩ: "Lạc của thiền định chỉ lìa các dục và pháp bất thiện, Ta nào không biết cái lạc đó, Ta nên chứng cái lạc đó, vì muốn thành tựu Nhất thiết tri kiến.

Rồi Bồ-tát lại suy nghĩ: "Ta muốn thành tựu cái lạc của Nhất thiết tri kiến cần phải có sự sống an lạc. Nhưng ngày nay Ta suy nhược không có sức lực, thì làm sao với chiếc thân suy nhược yếu đuối này mà có thể đạt

được lạc ấy? Do vậy, lúc này Ta cần thân thể khỏe mạnh, phải ăn những thức ăn thô; như là đậu nấu hay bánh bún; hoặc dùng dầu hoặc bơ để thoa trên thân, rồi sau đó mới dùng nước nóng tắm rửa thân thể."

Bồ-tát nói với người hầu cận Bà-la-môn:

–Này Đề-bà, kể từ nay, Ta không dùng những thức ăn như trước để duy trì thân mạng. Ý Ta muốn có thức ăn bổ dưỡng hơn để hồi phục cơ thể như là ăn uống các thứ bánh, bún, đậu nấu…; hoặc dầu mỡ để thoa trên thân và nước nóng để tắm gội. Ông có thể sắm đủ các thứ này cho Ta chăng?

Đề-bà bạch Bồ-tát:

–Ngày nay, tôi không có các thứ như vậy, lại nữa nhà tôi nghèo không thể sắm các vật đó, vả lại nếu lúc này dâng hiến liền cho Bồ-tát cũng không thể được. Nhưng Nhân giả phải lập lời thề, thì tôi sẽ vì Nhân giả dùng mọi phương tiện tìm cầu.

Bồ-tát hỏi:

–Ông muốn Ta lập lời thề gì?

Đề-bà bạch Bồ-tát:

–Khi Nhân giả tu khổ hạnh rồi, tâm nguyện được viên mãn, khi ấy Nhân giả bố thí pháp cho tôi, rồi lại đến nhà tôi thọ vật thực do tôi cúng dường.

Bồ-tát đáp:

–Đúng theo lời nguyện của ông.

Khi Bà-la-môn Đề-bà được Bồ-tát hứa khả rồi, liền vâng lời Bồ-tát ra đi, hướng về nhà Bà-la-môn Tư-na-da-na. Đến nơi Đề-bà nói với Bà-la-môn đó:

–Thưa Nhân giả, mong rằng vui với pháp hạnh, hiện cách làng này chẳng bao xa, có một Sa-môn tu đại khổ hạnh, Ngài trải qua nhiều năm tháng không ăn, nay muốn cầu thức ăn; hoặc cơm, bún, bánh, bơ mỡ, mật, đậu nấu…; hoặc dầu thoa thân và cần nước nóng tắm gội. Nhân giả có thể cung cấp các thứ đó chăng?

Thuở ấy, nhà Bà-la-môn Quân Tướng Tư-na-da-na có hai người con gái, một tên là Nan-đà *(nhà Tùy dịch là Hỷ),* người thứ hai tên là Bà-la *(nhà Tùy dịch là Lực)*. Hai nàng này dung nhan thật đoan trang xinh đẹp, ở thế gian ít ai sánh bằng. Trước đây, hai nàng từng nghe: "Cách đây về phương Bắc ở dưới chân Tuyết sơn, có một xứ thuộc dòng họ Thích tên là Ca-tỳ-la-bà-tô-đô. Vị vua trị vì thành này họ Thích tên là Tịnh Phạn, đại phu nhân

thứ nhất của vua tên là Ma-da. Hoàng hậu sinh một Thái tử, hình dung đẹp đẽ tuyệt vời, dung nhan phi thường hết sức dễ thương, sắc thân như vàng, trên đỉnh đầu tròn như chiếc lọng, mũi như chim anh võ, tay dài quá gối, tất cả bộ phận trên người đều đầy đặn, các căn hoàn bị, giống như tượng vàng, đầy đủ ba mươi hai tướng đại nhân trang nghiêm thân thể, khắp thân đầy đủ tám mươi vẻ đẹp. Sau khi Thái tử đản sinh, nhà vua mời tướng sư đến xem tướng Thái tử, tướng sư tiên đoán: "Nếu Thái tử ở tại gia nhất định sẽ làm Chuyển luân thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ, làm chủ cõi đại địa này, đầy đủ bảy báu, dùng chánh pháp trị hóa thế gian. Nếu Thái tử xuất gia sẽ thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiếng đồn khắp mọi nơi."

Hai nàng nghe danh tiếng Thái tử, nên đã từng tỏ lòng mơ ước với cha mình: "Con từng nghe Thái tử họ Thích đẹp đẽ dễ thương vô song như vậy, Thái tử có thể làm chồng chúng con."

Quân Tướng Tư-na-da-na biết được tin tức Bồ-tát qua Bà-la-môn Đề-bà, bèn bảo hai người con gái:

–Lòng mơ ước của chị em con sẽ thành hiện thực. Tại sao? Các con hãy mau đến chỗ Đại Sa-môn tu khổ hạnh kia. Để làm gì? Sau khi hai con đến đó rồi, thưa thỉnh cung kính cúng dường thức ăn, dâng hiến dầu và bơ dùng để thoa thân, rồi sau đó cung cấp nước nóng để Sa-môn tắm gội. Do việc làm này, sự mơ ước của hai con sẽ được thành tựu.

Hai cô gái của Quân Tướng nghe cha dạy như vậy, liền đem theo thực phẩm, dầu và bơ…, những vật phẩm sẵn có trong nhà, đi đến chỗ Bồ-tát khổ hạnh. Đến nơi hai nàng lễ dưới chân Bồ-tát, rồi đem vật thực dâng lên và bạch Bồ-tát:

–Nguyện Tôn giả nạp thọ vật thực dâng cúng của tôi.

Bồ-tát nhận vật thực của hai nàng, tự ý thọ thực, lấy dầu và bơ thoa vào thân, rồi sau đó mới dùng nước nóng tắm rửa. Khi Bồ-tát dùng dầu bơ thoa vào thân, mỗi thứ theo lỗ chân lông hút vào bên trong cơ thể, giống như đống đất hay đống cát, tất cả dầu bơ thấm vào bên trong, không có một chút ở bên ngoài. Đúng vậy, đúng vậy. Dầu bơ thoa vào thân Bồ-tát đều hút hết vào bên trong, không có một chút dính bên ngoài. Thân thể Bồ-tát lúc bấy giờ vẫn chưa hồi phục như xưa.

Khi Bồ-tát thọ thực xong, bảo hai nàng:

–Hai chị em người muốn hồi hướng công đức này về ý muốn gì?

Hai nàng bạch Bồ-tát:

–Thưa Đại Thiện Tôn giả, trước đây chúng tôi nghe dòng họ Thích hạ sinh một Thái tử, hình dung đoan chánh dễ thương, trên thế gian này không có người thứ hai, chúng tôi nguyện vị Thái tử đó cùng kết nghĩa trăm năm.

Bồ-tát bảo:

–Này hai chị em, ta chính là Thái tử dòng họ Thích. Từ nay trở đi, ta nguyện không còn hưởng thọ thú vui ngũ dục. Ta nguyện tương lai sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện chuyển pháp luân vô thượng.

Hai nàng nghe Bồ-tát nói như vậy, lại bạch Bồ-tát:

–Đại thánh Nhân giả, việc này đúng như vậy, Nhân giả sẽ chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi Ngài đạt đạo rồi, xin đến nhà chúng tôi. Chúng tôi mong được gặp Ngài để làm đệ tử Thanh văn của Tôn giả.

Bồ-tát lại đáp lời hai nàng:

–Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như lời nguyện của hai chị em.

Từ đó trở đi hai nàng mỗi ngày đem đồ ăn dâng cúng Bồ-tát, rồi dùng bơ dầu thoa trên mình Bồ-tát và sau đó dùng nước nóng tắm rửa thân thể Bồ-tát. Cứ như thế thân thể Bồ-tát lần lần phục hồi tướng tốt như xưa.

Khi ấy Bồ-tát bảo hai nàng:

–Chị em người từ nay trở đi, hai nàng không được tự ý đem nước tắm thân ta, thôi việc đó đi, chỉ cần đem thức ăn. Vì sao? Từ nay về sau, nếu thân Ta cùng người nữ tiếp xúc thì không được. Ý Ta chẳng thích, ý Ta chẳng phải như vậy.

Thuở ấy, có một kẻ chăn dê vì thấy Bồ-tát tu khổ hạnh thân thể ốm yếu, lại thấy Bồ-tát hết sức siêng năng cần khổ, nên đối với Ngài, sinh tâm hoan hỷ, liền đến nơi quỳ xuống, bạch Bồ-tát:

–Thưa Đại Thánh Tôn giả, ngày nay tùy ý tôi muốn tôn trọng phụng sự cúng dường Tôn giả, không biết ý của Ngài có chấp nhận hay chăng?

Bồ-tát đáp:

–Nếu người thấy đúng lúc, thì sớm sắm các vật tùy theo ý muốn của người.

Người chăn dê liền dùng dầu thoa trên thân Bồ-tát, rồi đem sữa dê dâng cúng cho Bồ-tát dùng, lại bẻ cành đại thọ Ni-câu-đa cắm trên đất che mát cho Bồ-tát. Nhưng do thần lực của Bồ-tát cành cây Ni-câu-đà vừa cắm xuống đất, liền mọc thành thân cây cành lá hoa quả… tất cả đều đầy đủ.

Người đương thời trông thấy, gọi cây này là "Cây Ni-câu-đà chăn dê trồng."

Khi Bồ-tát ăn thức ăn thô, năm vị tiên đồng tu với Bồ-tát, thảo luận với nhau:

–Ngày nay Thái tử Tất-đạt-đa thoái thất thiền định trở lại tính cũ, không còn trì giới, nay Thái tử thành người giải đãi, không còn tịch định, tâm sinh rối loạn.

Phê bình như vậy rồi, đối với Bồ-tát, họ ngao ngán phỉ báng, xa lìa Bồ-tát mà đi nơi khác. Lần lần, họ đến nước Ba-la-nại, vào vườn Nai tu thiền định ở đó.

Có kệ:

Tiên nhân khổ hạnh cả năm người
Thấy Bồ-tát ăn thức ăn cúng
Cho rằng chẳng còn tu thiền định
Phóng túng nuôi dưỡng thân năm đại.

□

Phẩm 30: HƯỚNG VỀ CÂY BỒ-ĐỀ (Phần 1)

Khi Bồ-tát dùng thức ăn thô là chỉ muốn cơ thể phục hồi một ít khí lực, trong thời gian này nàng Thiện Sinh là con gái chủ thôn nọ, từ khi gặp Bồ-tát cho đến nay, vì cầu nguyện cho Bồ-tát, nên ngày ngày nàng bố thí thức ăn chín vào bình bát cho những ai khất thực. Vào buổi sáng, nếu thấy ai khất thực là Sa-môn hay Bà-la-môn đến khất thực thức ăn chín và bình bát, nàng ta đều bố thí, với tâm nghĩ miệng nguyện thế này: "Nhờ việc bố thí thức ăn này, có bao nhiêu công đức đều hồi hướng về Thái tử họ Thích tu khổ hạnh, nguyện Ngài sớm thành tựu các thần thông, nguyện Ngài mau thành tựu diệu quả Bồ-đề, nguyện bậc khổ hạnh được như tâm nguyện, tất cả đều được đầy đủ viên mãn." Nàng bố thí thức ăn và bình bát như vậy trải qua sáu năm.

Khi Bồ-tát đã mãn sáu năm, vào mùa xuân, ngày mười sáu tháng hai, trong tâm tự nghĩ thế này: "Ta chẳng nên ăn những thức ăn như vậy để thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta không biết nhờ ai tìm thức ăn thơm ngon? Ai là người có thể cho Ta thức ăn như vậy, để Ta ăn rồi chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?" Khi Bồ-tát suy nghĩ như vậy, thì ngay lúc đó có một Thiên tử biết được tâm niệm của Ngài, liền đến nhà nàng Thiện Sinh chủ thôn nọ, bảo:

–Này nàng Thiện Sinh, người nếu biết đến lúc Bồ-tát đang muốn dùng thức ăn mỹ vị, Bồ-tát đang cầu thức ăn vô thượng mỹ vị, Ngài dùng thức ăn mỹ vị như vậy để rồi sau đó chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay nàng nên sắm cháo sữa đủ mười sáu phần diệu hảo.

Sau khi nàng Thiện Sinh chủ thôn nọ nghe chư Thiên mách bảo như vậy, vui mừng hớn hở khắp cả thân, không thể tự chế, vội vã cho dồn một ngàn con bò sữa để vắt lấy sữa, rồi đem sữa này cho năm trăm con bò khác uống. Lại ngày sau vắt lấy sữa năm trăm con bò sữa này đem cho hai trăm năm mươi con bò sữa khác uống, lại ngày sau vắt lấy sữa hai trăm năm mươi con bò sữa này đem cho một trăm hai mươi lăm con bò sữa khác uống; ngày sau đó vắt lấy sữa một trăm hai mươi lăm con bò sữa này đem cho sáu mươi con bò khác uống; ngày sau vắt lấy sữa sáu mươi con bò sữa này đem cho ba mươi con bò khác uống; ngày sau vắt lấy sữa ba mươi con bò sữa này, đem cho mười lăm con bò khác uống; ngày cuối cùng vắt lấy sữa mười lăm con bò sữa này, đem trộn với một phần cháo gạo ngon trong sạch, rồi vì Bồ-tát nấu cháo sữa này.

Trong khi nàng nấu cháo sữa, thấy nồi cháo hiện ra hiện tượng lạ: Hoặc hiện ra bình hoa nở, hoặc hiện ra dòng nước sâu thẳm với năng lực, hoặc hiện lên chữ Vạn (卍?), hoặc hiện bánh xe năng lực ngàn tăm, hoặc lại hiện hình trâu chúa, hoặc hiện Tượng vương hay Long vương, hoặc hiện hình con cá, hoặc có khi lại hiện hình đại trượng phu, hoặc lại hiện hình Đế Thích, hoặc có khi hiện hình Đại Phạm vương, hoặc cháo sữa sôi phun lên cao bằng nửa cây Đa-la trong giây lát rồi hạ xuống, hoặc cháo sữa phun lên cao bằng một cây Đa-la rồi hạ xuống, hoặc cháo sữa phun lên cao bằng một đại trượng phu rồi hạ xuống trong nồi cháo, hoàn toàn không có một giọt nào rơi bên ngoài cả.

Đang khi nấu sữa, có một vị toán số tướng sư đại tài đến chỗ này, thấy cháo sữa xuất hiện các hiện tượng như vậy, quán sát kỹ lưỡng rồi bảo:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Vị nào ăn được cháo này chẳng bao lâu chứng được diệu dược cam lộ!

Vào ngày hai mươi ba tháng hai, sáng sớm, Bồ-tát mặc y phục chỉnh tề, đi về hướng Ưu-lầu-tần-loa để khất thực, lần lần đến thôn Nan-đề-ca. Đến thôn kia rồi, Ngài đứng yên lặng bên ngoài nhà Đại Bà-la-môn chủ thôn để cầu vật thực.

Lúc bấy giờ nàng Thiện Sinh con của chủ thôn, thấy Bồ-tát đứng yên lặng ngoài ngõ nhà mình, muốn khất thực. Thấy rồi, nàng lấy một bình bát

bằng vàng đựng đầy cháo sữa hòa với mật, tự tay mình bưng bát cháo đầy đến trước mặt Bồ-tát. Đến nơi, nàng bạch Bồ-tát:

–Cúi xin Tôn giả thương xót nạp thọ bát cháo sữa hòa với mật này.

Khi Bồ-tát thấy cháo sữa hòa lẫn với mật, suy nghĩ thế này: "Ta đang được thuốc tốt chữa lành bệnh về thân, vậy Ta cần phải nỗ lực phát hạnh tinh tấn, sẽ chứng cam lộ và chánh pháp. Lại nữa, từ trước đến nay, Ta đã mất pháp thể và pháp hạnh, ngày nay Ta phải mở ra con đường đạo Ta đã phát thệ nguyện, phải hoàn thành ý nguyện này. Như Ta ngày nay đối với cháo sữa rất bổ hòa với mật này, đúng lúc nhận lãnh để thọ dụng, rồi y theo pháp mà thọ thực. Ta phải vượt qua cảnh giới tử ma, phải chinh phục tử ma đó, vượt qua bờ giải thoát bên kia."

Bồ-tát tư duy như thế rồi mới nhận cháo sữa, rồi hỏi nàng Thiện Sinh con chủ thôn:

–Thưa Thiện tỷ Tôn giả, sau khi Ta dùng hết cháo sữa, chiếc bình bát này trao lại cho ai?

Nàng Thiện Sinh đáp:

–Tôi xin cúng cho Tôn giả.

Bồ-tát lại nói:

–Ta không cần dùng vật như thế này.

Nàng Thiện Sinh nói:

–Sử dụng bằng cách nào tùy ý Nhân giả. Vì tôi từ trước đến giờ hễ bố thí vật thực cho ai thì luôn luôn bố thí cả bình bát.

Khi Bồ-tát nhận vật thực rồi, từ xứ Ưu-lầu-tần-loa chánh niệm ra về, ung dung lần lần hướng về bờ sông Ni-liên. Đến nơi, Ngài đặt bình bát vào chỗ sạch sẽ, rồi cởi y phục xuống sông tắm rửa giải sức nóng trong người. Trong khi Ngài đang tắm rửa thân thể, ở trên hư không chư Thiên dùng các loại bột hương thơm vi diệu hòa lẫn với nước mưa tuôn xuống trên mặt sông.

Lúc bấy giờ, trên mặt sông Ni-liên tràn ngập bột hương thơm xen lẫn với các loại hoa tạo thành dòng. Bồ-tát tắm xong rồi lấy chiếc ca-sa ở trong nước giặt giũ, vắt phơi khô khan rồi đắp lên thân. Ngài muốn sang qua bờ sông bên kia, nhưng sóng và dòng nước chảy quá mạnh, mà thân thể lại ốm yếu không thể lội được, vả lại trong sáu năm siêng tu khổ hạnh, sức yếu đuối không tài nào qua bên kia được.

Khi ấy bên bờ sông có một đại thọ tên là Át-thùy-na *(nhà Tùy dịch là Kim giả),* vị thần ở cây này là Kha-câu-bà *(nhà Tùy dịch là Tiểu Phong),*

lúc đó Thọ thần dùng xâu chuỗi anh lạc đeo nơi tay để dìu Bồ-tát, khi ấy Bồ-tát nắm tay Thọ thần mà qua được bờ bên kia.

Nước hương thơm Bồ-tát tắm trên sông, tất cả chư Thiên đều múc lấy mang về cung điện, dùng nước công đức cát tường này rưới lên cung điện của mình.

Thuở ấy vị chủ sông Ni-liên-thiền có một Long nữ, tên là Ni-liên-trà-da *(nhà Tùy dịch là Bất Quả),* từ dưới đất vọt lên tay cầm bảo tọa hết sức tốt đẹp dâng cho Bồ-tát. Bồ-tát thọ nhận rồi, an tọa trên đó, an tọa xong Ngài lấy cháo sữa do nàng Thiện Sinh con gái chủ thôn nọ cúng. Ngài vừa ăn no thì cháo cũng vừa hết.

Sau khi Bồ-tát ăn cháo sữa vào, do sức phước báo nhân duyên bố thí đời trước huân tập, cho nên thân thể hồi phục đoan chánh dễ thương, các tướng hảo đầy đủ như cũ không có khuyết giảm.

Bồ-tát dùng cháo sữa xong rồi, ném bát vàng xuống dòng sông. Lúc đó Hải Long vương rất vui mừng cho là việc quá hy hữu, vì Bồ-tát khó xuất hiện ở đời, nên nhặt lấy bát vàng này, định đem về thờ nơi cung điện mình. Khi ấy chúa trời Thích Đề-hoàn Nhân hóa thành chim cánh vàng mỏ bằng ngọc kim cương, đoạt lấy bát vàng từ nơi tay Hải Long vương, bay hướng về cõi trời Đao-lợi Ba mươi ba, tự mình luôn luôn thờ cúng. Thuở ấy chư Thiên cõi trời Ba mươi ba lập ngày hội đặt tên là lễ cúng dường Bát vàng Bồ-tát, từ đó đến ngày nay không gián đoạn.

Khi Bồ-tát dùng cháo xong, đứng dậy, ung dung đi hướng về cây Bồ-đề. Long nữ thâu cất bảo tọa, đem về cung của mình để thờ cúng.

Có kệ:

Bồ-tát như pháp dùng cháo sữa
Cô gái Thiện Sinh dâng thượng vị
Dùng xong hoan hỷ đến cội cây
Rồi đây nhất định chứng Bồ-đề.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 26

Phẩm 30: HƯỚNG VỀ CÂY BỒ-ĐỀ (Phần 2)

Sau khi Bồ-tát tắm rửa nơi sông Ni-liên-thiền, thọ cháo sữa, thân thể tươi sáng, dung nghi hồi phục đầy đủ như trước, oai lực tự tại, chậm rãi hướng về cây Bồ-đề. Dáng đi lúc ấy của Ngài giống như dáng đi của chư vị Bồ-tát trong quá khứ. Nghĩa là dáng đi khoan thai chậm rãi, trong lòng hoan hỷ, tiến tới đàng hoàng; từng bước đi vững vàng, chánh niệm an trú, như núi chúa Tu-di, dáng đi đường đường oai vệ; đi không sợ sệt, bước đi không loạn; đi với tâm tri túc không vội vã, không chậm chạp, không nghiêng vẹo, hai chân đi ngay thẳng không giẫm đạp lên nhau; hai chân không đuổi nhau mà đi, đi không thúc bách, đi không lắc thân, an ổn mà đi; đi một cách thanh tịnh, đi chăm chú có vẻ kỳ diệu, dáng đi không có hoạn nạn tổn hại, như dáng sư tử chúa đi, như Đại Long vương đi, như trâu chúa đi, như nhạn chúa đi, như voi chúa đi; dáng đi không khiếp sợ, dáng đi không do dự, dáng đi không dị tướng, bước đi thong thả như dáng đi lực sĩ Kim Cang; đi bàn chân không đụng đất mà vẫn chỉ bánh xe ngàn tăm in trên mặt đất, đi với các ngón chân có mành lưới, có móng chân đỏ mịn như đồng; bước đi động khắp cõi đại địa, bước đi có tiếng rền vang như tiếng dội trong hang núi. Trên mặt đất, nơi nào Ngài đi đến hầm hố tự nhiên bằng phẳng. Trên mặt đất nơi nào có đất đá sỏi sạn, Ngài đi đến tự nhiên sạch sẽ. Mành lưới bàn chân phóng ra hào quang sáng rực chạm vào chúng sinh có tội thì được an ổn; dáng đi hoàn hảo, mỗi bước đi thanh tịnh sinh các hoa sen nhiệm mầu. Ngài bước trên đóa sen đó mà đi, vì trong quá khứ Ngài đã làm các thiện hạnh thanh tịnh, nên được bước đi như vậy. Thuở xưa chư Phật ngồi trên tòa sư tử cao, nương trên tòa này mà đi, tâm ý kiên cố như kim cang đi san bằng rừng rậm các cảnh giới, ngang nhiên mà đi. Nay Ngài vì tất cả các cảnh giới chúng sinh được an lạc mà đi, bẻ gãy tất cả ngọn cờ ma quân mà đi, dẹp tan tất cả ma lực mà đi, dập tắt tất cả ma khí mà đi, đập tan oai thế của ma mà đi, tước hết tất cả ma nghiệp mà đi, làm tiêu tan tất cả ma quân mà đi, làm cho sụp đổ tất cả thế lực của ma mà

đi, vứt bỏ tất cả hành động ma mà đi, sát hại tất cả ma quân mà đi, xé tan tất cả lưới ma mà đi, dẹp tan tất cả ma thuyết phi pháp, như pháp thu phục ngoại đạo mà đi, chiếu sáng bóng tối phiền não mà đi, giúp đỡ bằng hữu phá tan phiền não mà đi, oai lực che khuất cả Đế Thích, Phạm thiên, Đại Tự tại thiên và cõi trời Hộ thế khỏi bị sợ hãi mà đi; ở trong cõi Tam thiên Đại thiên này chỉ có một mình Ngài tôn trọng bậc nhất mà đi, không học theo người khác, tự mình chứng đạo, phân minh mà đi, muốn chứng Nhất thiết chủng trí mà đi, làm tất cả các hạnh chánh niệm, chánh ý tri túc, chánh hạnh mà đi, muốn diệt sinh lão bệnh tử mà đi, muốn hướng đến chỗ Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Vô úy vi diệu tối thắng mà đi, muốn vào cửa Niết-bàn mà đi. Có những hạnh như vậy, nên Bồ-tát chánh diện nhìn thẳng về cây Bồ-đề mà đi đến.

Bồ-tát lại suy nghĩ: "Ta đến Bồ-đề đạo tràng, sẽ làm tòa bằng gì để chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?" Rồi Ngài tự biết nên ngồi trên tòa làm bằng cỏ.

Khi ấy chư Thiên cõi Tịnh cư bạch Bồ-tát:

–Thưa Đại thánh Nhân giả, đúng vậy, đúng vậy! Tất cả chư Phật Như Lai trong quá khứ sắp chứng đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều ngồi trên tấm thảm cỏ mà thành đạo Bồ-đề.

Bồ-tát lại suy nghĩ tiếp: "Ai có thể cho Ta nệm cỏ như vậy?" Nghĩ như vậy, Ngài đưa mắt nhìn quán sát bốn phía tả hữu trước sau.

Khi ấy chúa trời Đế Thích cõi Đao-lợi với Thiên trí biết được tâm niệm của Ngài, liền hóa thân làm người cắt cỏ đứng bên phải cách Bồ-tát chẳng bao xa đang cắt cỏ. Màu cỏ xanh biếc giống như sắc lông nơi cổ con chim khổng tước vương mềm mại óng mượt như thiên y Ca-thi-ca mịn mỏng, cỏ này cũng như vậy. Sắc đẹp tuyệt vời, hương thơm ngào ngạt, ngọn cỏ xoay về bên phải.

Thấy người cắt cỏ đứng bên phải cách mình chẳng bao xa, đang cắt những thứ cỏ như vậy, Bồ-tát liền từ từ tiến đến chỗ người cắt cỏ này, chậm rãi hỏi người cắt cỏ:

–Này Nhân giả hiền thiện, người tên gì?

Người cắt cỏ đáp:

–Tôi tên Cát Lợi *(Lợi ích tốt đẹp)*.

Bồ-tát vừa nghe tên người cắt cỏ, suy nghĩ: "Ta đang muốn cầu tự thân được điều tốt đẹp lợi ích, rồi cũng vì người khác cầu cho họ được những điều tốt đẹp lợi ích. Người Cát Lợi này đang ở trước mặt Ta, nhất định Ta sẽ chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi, bảo với người cắt cỏ với lời êm ái dịu hiền, giống như những lời nói vi diệu của chư vị Bồ-tát trong quá khứ đã nói. Đó là: Lời nói chân thật không giả dối, dùng lời ngay thẳng với tiếng trong trẻo, êm dịu, nhẹ nhàng, hoan hỷ khiến người nghe được tiếng này liền vâng theo; tiếng nghe không trái tai, tiếng nghe trôi chảy, tiếng giáo hóa, tiếng hướng đạo, tiếng không cà lăm, tiếng không ú ớ rên rỉ, tiếng không thô lỗ, tiếng không phá nhau, tiếng dịu dàng, thanh tao, ngọt ngào, tiếng từ xa rõ ràng phân minh, người nghe tiếng này thân khẩu ý đều hoan hỷ; người nghe được tiếng này thì các thứ dục nhiễm, ngu si, sân nhuế, đấu tranh phẫn nộ đều được tiêu trừ; tiếng nghe như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, tiếng chim Mạng mạng; như tiếng sấm rền, như tiếng nhạc ngâm vịnh, tiếng trầm bổng du dương, tiếng không chướng ngại, chẳng phải tiếng hơi mũi; tiếng thanh tịnh, tiếng chánh trực, tiếng như thật; như tiếng Phạm thiên, tiếng như hải triều âm, như tiếng núi đổ, tiếng vang dậy; như tiếng tán thán của chư Thiên vương, như tiếng ngâm vịnh của A-tu-la; tiếng diệt trừ tận gốc nạn ma lực, tiếng chinh phục tất cả ngoại đạo; như tiếng sư tử, như tiếng gió thổi, như tiếng tượng vương, như tiếng mây cuộn, tiếng lan rộng khắp mười phương chư Phật, tiếng giáo hóa chúng sinh, tiếng không nhanh không chậm, tiếng không bị dừng, tiếng không khuyết giảm, tiếng không trược uế, tiếng phù hợp với tất cả người nghe, tiếng hòa nhập vào tất cả tiếng khác, tiếng giải thoát, tiếng không ràng buộc, tiếng không nhiễm trước, tiếng phù hợp các nghĩa, tiếng nói hợp thời, không phải tiếng lỗi thời, tiếng khéo léo trình bày tám ngàn vạn ức pháp môn, tiếng không bị tắt, tiếng không bị ngăn chặn, tiếng có đủ tất cả loại tiếng, tiếng tùy tâm nguyện được viên mãn, tiếng phát sinh tất cả an lạc, tiếng thị hiện tất cả giải thoát, tiếng lưu thông tất cả đạo lộ, tiếng nói ở trong chúng không ra ngoài chúng, làm cho đại chúng được hoan hỷ, tiếng phát ra phù hợp với pháp âm của chư Phật.

Bồ-tát dùng những âm thanh như vậy bảo người cắt cỏ:

–Này Nhân giả, người có thể cho Ta cỏ không?

Hóa nhân đáp:

–Dạ được.

Lúc đó Đế Thích liền cắt cỏ sạch đẹp dâng cho Bồ-tát. Khi Bồ-tát đưa tay nhận bó cỏ này, thì ngay lúc đó mặt đất chấn động sáu cách. Bồ-tát cầm bó cỏ, đi về gốc cây Bồ-đề.

Trong khi Bồ-tát cầm bó cỏ đang đi, giữa đường bỗng xuất hiện năm trăm con chim sẻ màu xanh từ mười phương bay đến, nhiễu quanh Bồ-tát

ba vòng, rồi bay theo sau Ngài. Lại có năm trăm con chim Câu-si-la từ bốn phương bay tới nhiễu quanh Bồ-tát như bầy chim trước; lại có năm trăm con chim Khổng tước bay đến, đại thể như nói ở trên; lại có năm trăm con Ngỗng trắng, năm trăm Hồng nhạn, năm trăm Bạch âu, năm trăm chim Ca-lăng-tần-già, năm trăm chim Mạng mạng, năm trăm bạch tượng sáu ngà, năm trăm bạch mã mà đầu đen như quạ, bờm đuôi đỏ như son phủ dài; năm trăm trâu chúa đều có sừng vòng qua cổ, giống như vầng mây đen.

Lúc ấy lại có năm trăm đồng tử và năm trăm đồng nữ, mỗi người đều mang chuỗi anh lạc quý giá trang sức trên thân. Năm trăm Thiên tử, năm trăm Thiên nữ, năm trăm bình báu có đầy hoa đẹp hương thơm. Chứa đầy các thứ nước thơm, không có người cầm, tự nhiên từ hư không bay đến.

Lại trong thế gian xuất hiện các điềm lành, theo mây nổi từ bốn phương kéo đến, nhiễu quanh bên phải Bồ-tát ba vòng, rồi kéo theo sau Bồ-tát.

Lại tất cả cây lớn, cây nhỏ, khi Bồ-tát đi ngang qua đều hướng theo nép mình sát đất.

Lại bốn phương nổi làn gió mát mẻ điều hòa, thổi tan các đám mây mù khói bụi, bầu trời hoàn toàn trong tạnh.

Lại nữa, trong khi Bồ-tát đi về hướng cây Bồ-đề, trên hư không có vô lượng ngàn vạn chư Thiên đều đi theo sau Bồ-tát, mỗi người vui mừng hớn hở tràn ngập châu thân không sao tự chế, reo hò các âm thinh như: huýt gió, ca hát, xướng vịnh…, hoặc tay tung các thiên y và chuỗi anh lạc, đồng thời hô lên thế này: "Ngày nay cõi Diêm-phù-đề, có Đức Phật Thế Tôn xuất hiện."

Có vô lượng chư Thiên Địa cư đến đứng chung quanh tả hữu trước sau, đảnh lễ và bạch Bồ-tát:

–Đại Thánh Tôn giả, Ngài đã từ lâu luôn luôn cầu nguyện, ngày nay sở nguyện của Ngài sắp được thành tựu. Tất cả chư Thiên trong thế gian có thể vì Nhân giả mà làm những việc tốt đẹp, có thể vì Nhân giả mà tạo những phương tiện an lành, lại có thể trợ giúp Nhân giả thành tựu tâm nguyện. Họ đang ở trước Ngài.

Tất cả số chư Thiên này đi theo sau Bồ-tát hướng về cây Bồ-đề. Khi Bồ-tát đến gần gốc cây Bồ-đề thì cõi mặt đất chấn động sáu cách.

Lại khi Bồ-tát đi bộ, dáng đi của Ngài như sư tử đi, như Long vương đi, như trâu chúa đi, như hồng nhạn đi, như Tượng vương đi, dáng đi không sợ sệt, không chướng ngại, không lệ thuộc; trừ diệt tất cả, không dựng lông tóc, không một ai có thể chiến thắng vì thuở xưa khéo tu tập thiền định; vì

chân chánh, tối thắng, tối diệu mà đi; hàng phục các oán nghiệp mà đi, đoạn tuyệt tất cả điều bất lợi mà đi; muốn chứng được pháp bảo tối thượng nên đi, muốn tiếp nhận an lạc tối thượng nên đi, muốn chứng cảnh tịch tịnh nên đi.

Khi Bồ-tát đi bộ, tất cả các loại chúng sinh sống trên quả đất như chư Thiên Địa cư, A-tu-la, tất cả các loài Rồng, Càn-thát-bà, nhân loại, chim muôn thú vật, người… đều nghe tiếng đất chấn động, nên rất kinh ngạc. Chúng đều quán sát khắp nơi có hiện tượng gì lạ chăng mà mặt đất chìm nổi chấn động như vậy?

Lúc ấy cõi đất này có một Long vương tên là Ca-trà *(nhà Tùy dịch là Hắc Sắc).* Con rồng này sống trải qua nhiều kiếp số lâu dài, đã từng chứng kiến nhiều Đức Phật xuất hiện trong quá khứ. Cảnh giới rồng này thời gian ngày đêm rất dài, Long vương ngủ chưa được bao lâu lại thấy cõi đại địa chấn động, rồi nghe tiếng chấn động, liền giật mình thức giấc, vội vã ngồi dậy, hấp tấp bỏ cung điện chạy ra ngoài. Khi ra bên ngoài quán sát bốn phương, Long vương Ca-trà thấy cách chỗ ở của mình chẳng bao xa, có một vị Bồ-tát đang đi chậm rãi. Khi Long vương thấy Bồ-tát, dự đoán sẽ có điềm lành, giống như chư vị Đại Bồ-tát trong quá khứ phát tâm muốn đến gốc cây Bồ-đề, không khác gì cả. Thấy được như vậy trong tâm không còn nghi ngờ, quyết định biết đây là vị Bồ-tát Đại sĩ sắp chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sinh tâm vui mừng, Long vương liền chắp tay nhất tâm nói kệ tán thán:

Nhân giả oai đức thật trang nghiêm
Như ta từng thấy trong quá khứ
Có các Bồ-tát đến xứ này
Nhân giả ngày nay không có khác
Nay thấy Bồ-tát đến nơi đây
Nhất định thành Phật quyết chẳng nghi.
Thế Tôn ung dung đi tản bộ
Cất bước rảo đi, chân phải trước
Mắt nhìn chăm chú quán các phương
Nhất định sẽ thành Phật, Thế Tôn.
Tôn giả đang đến bên Cát Lợi
Xin một bó cỏ cầm nơi tay
Chánh diện hướng về Bồ-đề thọ
Hôm nay nhất định chứng Chánh giác.
Gió mát bốn phương đồng xuất hiện
Giống như tiếng vang trâu chúa rống

Cùng các loài chim vỗ cánh theo
Trước sau tả hữu quanh bốn mặt.
Hắc ám đêm ngày ngập thế gian
Bị vô minh ngu si che lấp
Thánh giả thành tựu bậc Trượng phu
Hào quang tỏa khắp bốn phương trời
Linh thú dị cầm đồng kéo đến
Trăm ngàn vạn chúng bủa trước sau
Cùng nhau nhiễu quanh bên tay phải
Nhân giả giờ đây chắc đạo thành.
Súc sinh các loài, ngựa cùng voi
Tràng phan bảo cái đồng xuất hiện
Vội vã tranh nhau hướng đến Ngài
Biết chắc sẽ thành Phật Thế Tôn.
Lại nữa Tịnh cư chư Thiên nọ
Dùng vật thanh tịnh trang nghiêm thân
Cúi đầu đảnh lễ chân Bồ-tát
Biết chắc Nhân giả chứng Phật-đà.
Ngày nay hữu lậu tâm Nhân giả
Tất cả phiền não bức xúc Ngài
Các kết sử ấy nay diệt sạch
Bồ-tát quyết thành Vô thượng đạo.
Ngài nay đầy đủ vi diệu pháp
Sâu rộng cao xa khó nghị bàn
Chứng rồi quán sát ung dung bước
Do đó tâm ta chẳng nghi ngờ.
Nhân giả hôm nay đều như pháp
Thuyết pháp tối thượng khó ai bằng
Tất cả trời người không sánh kịp
Tâm ta do vậy chẳng hồ nghi.

Khi Hắc Long vương nói kệ tán thán Bồ-tát như vậy xong, tâm rất vui mừng hớn hở vô cùng, đứng trước Bồ-tát chắp tay đảnh lễ.

Bồ-tát bảo Long vương:

–Hay thay Long Vương! Đúng vậy, đúng vậy. Đúng như lời ông nói, Ta sẽ nhất định thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Rồi Ngài nói kệ:

Hay thay Long vương! Như ông nói

Càng làm cho Ta thêm tinh tấn
Nhất định nay thành đạo Vô thượng
Nhân thiên khắp cõi chẳng sánh bằng.
Ngươi thấy các tướng trang nghiêm khác
Nhiều điều an lành đến giúp Ta
Ta đối với biển phiền não này
Quyết lên bờ giác chẳng nghi ngờ.

Lúc đó hoàng hậu của Hắc Long vương tên là Kim Quang, cùng vô số long nữ hầu hạ tả hữu chung quanh và mỗi Long nữ cầm đủ các thứ hoa thơm tuyệt diệu, phấn thơm, dầu thơm, cùng các thứ y phục đầy đủ màu sắc, cờ lọng phướn quý, các chuỗi anh lạc, đi theo sau Bồ-tát trỗi các nhạc trời, trong tiếng nhạc này phổ ra đủ các lời ca xướng ngâm vịnh để ca ngợi Bồ-tát. Trong tiếng ca vịnh xuất ra lời tán thán Bồ-tát như sau:

Thế Tôn siêu việt thân bất động
Tâm không sợ hãi thường an định
Hoan hỷ vui mừng, thoát ái dục
Sân si đều xả chẳng còn tham
Cứu đời đau khổ làm thầy thuốc
Do vậy con xin đảnh lễ Ngài.
Chúng sinh phiền não quá sâu dày
Bị nó buộc ràng không ra khỏi
Chế phục các căn lại giúp người
Nhổ giùm tên độc cứu chúng sinh
Không nơi nương tựa Ngài bảo hộ
Làm người dẫn đường chốn tối tăm
Đèn soi duy nhất trong tam giới
Do vậy chúng con đồng cúi lạy
Nào ai chiến thắng được Thế Tôn
Ngài diệt vô minh tham sân hết
Phiền não dục nhiễm cũng chẳng còn
Do đó con đem đầu cúi lạy.
Tâm chúng sinh trúng tên phiền não
Không có kẻ giúp nhổ nó ra
Thế Tôn nay đây như bác sĩ
Trị bệnh phiền não cứu chúng sinh
Đối kẻ bơ vơ Ngài bảo hộ
Đạo sư hướng dẫn kẻ lạc đường.
Bóng tối vô minh trùm tam giới

Đuốc tuệ Thế Tôn chiếu khắp nơi
Nay thấy chư Thiên cầm hoa lạ
Ngạt ngào thơm phức khắp hư không
Thiên y anh lạc đồng tung vãi
Quanh cảnh thấy kia đã dự báo
Xét ra việc ấy nào hư vọng
Nhân giả thành Phật rất hỷ hoan.
Bồ-tát mau đến cây Bồ-đề
Nơi đây thu phục bốn ma quân
Xé tan phiền não màn tà kiến
Mau chứng Niết-bàn Vô thượng đạo
Như trong quá khứ các bậc Trí,
Đồng đến nơi đây thành Chánh giác.
Nhân giả ngày nay đến chỗ này
Nhất định thành Phật quyết chẳng nghi.
Thế Tôn quá khứ lúc tu nhân
Hành đạo số kiếp ngàn vạn ức
Siêng năng cần khổ chẳng tạm dừng
Mong đắc Chánh giác, chứng chân như,
Nay đã đến lúc chớ dừng bước
Mau đến ngồi dưới cội Bồ-đề
Chánh tâm nương vào dưới cây này
Quyết chứng Bồ-đề không ngờ vực.

Bồ-tát nghe Long vương nói kệ như vậy, chậm rãi đi về cây Bồ-đề, trong khoảng thời gian ấy suy nghĩ: "Ma vương Ba-tuần làm chủ cõi Dục, tự do thống lãnh. Ta phải báo cho chúng biết, nếu không báo mà tự chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không gọi là Ta chứng Đại giác. Tại sao như vậy? Vì Ta muốn thu phục và giúp đỡ Ba-tuần, đồng thời thu phục và giúp đỡ tất cả chư Thiên ở Dục giới. Chúng ma ấy trong cung điện của ma, lại có vô lượng vô biên chúng ma và quyến thuộc chư Thiên trong quá khứ đã trồng nhiều thiện căn, nếu hôm nay nghe ta phát ra tiếng sư tử rống, hoặc thấy Ta chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì họ sẽ hướng về Ta phát tâm Vô thượng Bồ-đề."

Khi Bồ-tát tư duy như vậy, từ nơi lông trắng ở giữa hai hàng chân mày phóng ra một đạo hào quang tên là "Thu phục dẹp tan chúng ma quân." Khi đó, hào quang này chiếu thẳng đến cung điện Thiên ma, che lấp tất cả ánh sáng theo nghiệp sẵn có nơi cung điện. Hào quang này biến thành ánh sáng rực rỡ chiếu khắp cõi Tam thiên Đại thiên.

Khi Bồ-tát phóng hào quang thì ma Ba-tuần nghe trong hào quang phát ra tiếng kệ:

Thế gian có một Đại chúng sinh
Nhiều kiếp tu hành công hạnh mãn
Thái tử Đạt-đa, con Tịnh Phạn
Xả bỏ ngôi báu đi xuất gia
Ngài muốn mở toang cửa cam lộ
Hiện giờ hướng đến cội Bồ-đề
Ma quân nếu có oai thần lớn
Cùng đến Bồ-đề để xem sao
Giác ngộ bờ kia Ngài gần đến
Muốn độ chúng sinh qua bờ giác
Bồ-tát giác ngộ được hoàn toàn
Nay muốn độ người đồng giác ngộ.
Thiền định tịch tĩnh đã chứng xong
Lại dạy chúng sinh chứng Tam-muội
Con đường giải thoát Ngài rộng bước
Hướng dẫn người đến giải thoát thành
Phá tan ba ác không còn gì
Khắp cõi nhân thiên được đông thêm
Chỉ dạy thiền định năm thông lực
Đưa chúng sinh vào cung cam lộ.
Họ chẳng bao lâu chứng đại minh
Quyết chắc nước ông bị trống rỗng
Bạn sân nhuế ngu si hắc ám
Bạn ấy của ông chẳng còn ai
Sẽ bị đập tan hết dường chạy
Lúc ấy tâm ông nghĩ kế chi?
Như Ngài chứng được cam lộ pháp,
Thường, lạc, ngã, tịnh thật an nhàn.

Đang ngủ, Ma vương Ba-tuần nghe tiếng kệ từ trong hào quang vọng ra như vậy, nên rất kinh sợ, mộng thấy ba mươi hai điềm không tốt.

Ba mươi hai điềm không tốt đó là gì?

1. Mộng thấy tất cả cung điện của mình ở các cõi trời đều tối tăm không có ánh sáng.

2. Mộng thấy cung điện của mình tràn ngập các thứ: Cát sạn phẩn uế.

3. Mộng thấy tự thân bị khủng bố chẳng an, tâm trạng hoang mang.

4. Mộng thấy chạy khắp các phương.

5. Mộng thấy tự thân: Thiên quan trên đầu bỗng nhiên rơi xuống đất, mất hết giày dép đi chân không.

6. Mộng thấy yết hầu, môi lợi khô rang, thân thể phát nóng lạnh.

7. Mộng thấy tất cả cành lá, hoa quả, cây cối trong hoa viên đều khô héo.

8. Mộng thấy tất cả các loài hoa nơi ngòi rạch, hồ ao đều khô héo.

9. Mộng thấy các loài chim trong vườn như Anh võ, Cù dục, Khổng tước, Uyên vương, Hồng nhạn, Cồng cộc, Câu-si-la, Mạng mạng…, lông đầu, lông mình và lông cánh của chúng đều rụng trụi.

10. Mộng thấy các nhạc cụ trong nội cung như kèn, trống, đàn sắc, đàn cầm, không hầu, sênh, hoàng và tất cả nhạc khí ngũ âm đều đứt dây, gãy bể, nằm ngổn ngang trên đất.

11. Mộng thấy những người sủng ái hầu cận từ trước, nay đều xa lánh mình, lui về đứng một bên ưu sầu khổ não, chỉ riêng một mình nằm trên đất.

12. Mộng thấy các ngọc nữ kiều diễm đáng yêu, co quắp, nằm trần trên đất đưa hai tay bức tóc trên đầu.

13. Mộng thấy những ma quân có trí biện luận giỏi đều hướng đến cây Bồ-đề, đảnh lễ dưới chân Bồ-tát.

14. Mộng thấy bốn ái nữ đều giơ hai tay, miệng khóc la lớn kêu: "Cha ơi! Cha ơi!"

15. Mộng thấy y phục trên thân hôi hám nhơ bẩn.

16. Mộng thấy bụi bặm nhơ phủ bẩn cả thân người.

17. Mộng thấy thân thể tự nhiên ốm yếu, mất vẻ tươi thắm.

18. Mộng thấy cung điện, lầu gác, thành quách cửa ngõ, giếng trời đều bị hư hoại đổ nát.

19. Mộng thấy đại binh tướng Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà hoặc Long vương, lúc thì thả xuôi hai cánh tay, hoặc đưa cánh tay đánh vào đầu hay vào ngực, cực kỳ khổ não.

20. Mộng thấy tất cả các vị chúa trời cõi Dục như Thiên vương trấn bốn phương, Đế Thích cõi Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại đều kêu khóc, nước mắt ràn rụa cả mặt mày, đồng chạy đến đứng trước mặt Bồ-tát để chiêm ngưỡng.

21. Mộng thấy tất cả dao, gậy, cung, tên… trong đấu trường đều hư nát, người hầu cận và quyến thuộc đồng bỏ Ma vương chạy tản mác các phương.

22. Mộng thấy những bình rượu may mắn của mình, nay đều vỡ nát.

23. Mộng thấy Thiên tiên Na-dà-la xướng lên: "Điều không lành!."

24. Mộng thấy một vị thần tên là Hoan Hỷ đứng ngang cửa xướng lên lời thề này: "Thật không hoan hỷ!"

25. Mộng thấy mây mù khói bụi phủ cả hư không.

26. Mộng thấy vị đại thần công đức giữ cung ma cất tiếng khóc vang.

27. Mộng thấy những cảnh giới thuộc về ta đến nay không còn thuộc ta nữa.

28. Mộng thấy tất cả bằng hữu nay thành oán thù.

29. Mộng thấy các cung điện ma, hoặc tối tăm, hoặc bị lửa cháy, thiêu đốt tất cả.

30. Mộng thấy tất cả cung điện ma chấn động bất an.

31. Mộng thấy tất cả cây cối rừng rú đều bị kẻ khác chặt phá, hoặc bị ngã rạp trên mặt đất.

32. Mộng thấy hoặc có điều suy nghĩ hay phán đoán phân xử, hoặc muốn đưa ra một sách lược gì, tính toán cả ngày không được một lời, chỉ bị loạn tâm.

Vua Ba-tuần cõi Dục thấy ba mươi hai điềm chẳng lành như vậy, giật mình thức dậy cả người run rẩy, tâm ý chẳng an, hồi họp lo sợ, liền cho gọi tất cả quyến thuộc ma, các ma cận thần hộ vệ nội cung, các đại Tướng quân cho đến các tên gác cửa thành đều nhóm họp. Ma vương tường thuật điềm chiêm bao trong giấc mộng:

–Này các khanh, trong giấc mộng đêm rồi ta thấy những điều quái dị…, như nói trên. Ta thấy điềm chiêm bao không tốt như vậy, hết sức lo sợ, thân tâm chẳng an, bỗng nhiên thức dậy sinh nghi, nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa cảnh giới này của ta sẽ bị mất, lo sợ có kẻ phước đức hơn ta đến sinh cõi này và thay thế ta.

Rồi Ma vương nói kệ:

Đêm qua bỗng nhiên hào quang hiện
Trong đó có kệ vọng nói ra:
"Thái tử xuất gia dòng họ Thích
Thân đủ ba hai tướng tuyệt vời
Ròng rã sáu năm hành khổ hạnh,

Đang đi dần đến cội Bồ-đề.
Tự giác, giác tha, đến giác ngộ
Nếu có sức, ngươi cùng Ngài đánh
Bậc trồng thiện căn ngàn ức kiếp
Sắp chứng Bồ-đề quả Chánh giác
Phá cảnh giới ngươi thành trống không.
Nếu ngươi không sức đánh bại Người
Thì Người thành Phật, thân thường trụ
Lẽ phá cung điện ma các ngươi.”
Do vậy ra lệnh các khanh hay
Ai có sức mạnh mau đến nơi
Một mình Sa-môn ngồi cây nọ
Hãy mau đừng để chứng Bồ-đề.
Nếu khanh vâng theo lời ta dạy
Vì ta kiếm đủ bốn hùng binh
Thế gian tuy nhiều Bích-chi-phật
Có Ngài, nhiều người chứng Niết-bàn
Ta cô độc, Ngài làm Pháp vương
Hạt giống giác ngộ không bị diệt.

Lúc ấy con của Ma vương Ba-tuần tên là Thương Chủ, liền nói kệ bạch phụ vương:

Phụ vương cớ gì mất sắc diện
Thân mất oai quang tâm run sợ?
Dường như phụ vương rất kinh hoàng
Hay nghe thấy gì rất quái lạ?
Xin cha nói rõ cho con biết
Theo sự thấy nghe, cùng bàn luận.
Ma vương Ba-tuần lại dùng kệ bảo Thương Chủ:
Này con phải lắng nghe thật rõ
Đêm qua mộng thấy rất dị thường
Nếu ta nói đủ điều trong mộng
Đại chúng nghe qua đều chết khiếp.

Thương Chủ, con của Ma vương Ba-tuần lại dùng kệ đáp:

Đại chúng dù khiếp, chẳng dám lùi
Đánh trận bị thua mới thật khổ
Nếu như mộng thấy việc như trên
Thà đừng chiến đấu khỏi mang họa.
Ma Ba-tuần lại dùng kệ bảo Thương Chủ:

Trượng phu quyết tâm chắc chiến thắng
Nếu ta thua trận thì ngừng đánh
Sa-môn cô thế tài năng gì
Ta đến Bồ-đề người bỏ chạy.
Thương Chủ lại dùng kệ đáp phụ vương:
Người mạnh, người yếu hay nhiều người
Người có trí tuệ thắng tất cả
Ví như đom đóm đầy ba cõi
Mặt trời xuất hiện, chúng hết sáng.
Trong tâm tự đại chẳng so lường
Cống cao khinh người, không hỏi rõ
Quần thần trí tuệ đồng can gián
Nếu chẳng nghe lời khó bình yên.

Khi Bồ-tát đi sắp đến cây Bồ-đề, trên khoảng đường đó có một cây Am-la. Tưởng là cây Bồ-đề, Bồ-tát đến dưới cây này định an tọa. Lúc đó chỗ đất này do oai đức của Bồ-tát, thân quá nặng nên đất không đỡ nổi sắp bị lún sâu.

Khi ấy Bồ-tát suy nghĩ: "Thế gian có hai hạng người ngồi vào đâu thì chỗ đất đó lún sâu. Hai hạng người đó là ai? Một là hạng người mất hết thiện căn. Hai là hạng người có nhiều phước đức, thiện căn sâu rộng vô kể. Ta nay chẳng phải là hạng người mất hết thiện căn hay chỗ này không phải là dưới cây Bồ-đề chăng?" Khi ấy chư Thiên Tịnh cư ở cõi Sắc, vì Bồ-tát mà trang hoàng cây Bồ-đề, dùng phan lọng bằng lụa tuyệt đẹp trang trí trên cây Bồ-đề. Lại nữa, trong vùng này bao nhiêu cành thân của những cây khác đều nghiêng đầu về phía cây Bồ-đề. Do đó Bồ-tát biết cây này là cây Bồ-đề thật, nên Ngài rời cây Am-la, xoay lại đi chậm rãi về cây Bồ-đề.

Trong khi Bồ-tát hướng về cây Bồ-đề, có một Dạ-xoa tên là Hương Thú đứng dưới tàng cây cách gốc Bồ-đề chẳng bao xa để bảo vệ cây này, khi thấy Bồ-tát gần đến, cấp tốc báo tin cho một đồng bạn tên là Xích Nhãn, nói với Dạ-xoa Xích Nhãn:

–Này Nhân giả, anh lại đây, ta nay sẽ nói với anh điều này: Anh phải biết, anh hãy vì ta mau mau đến nơi Ma vương chúa trời Dục giới tâu với Ngài thế này: "Trong thời quá khứ có Đức Câu-lưu-tôn, Đức Câu-na-hàm và Đức Ca-diếp, các vị Đại Tiên Thánh đó đều đến chỗ này thành Đại chánh giác. Nay lại có người tinh tấn, công đức viên mãn, hạnh Bồ-đề đầy đủ, có ba mươi hai tướng tốt, xâm nhập vào cảnh giới Ma vương ở, đó là con vua Tịnh Phạn thuộc dòng họ Thích, tên là Tất-đạt-đa, đã bỏ lối tu khổ hạnh,

chứng được chánh niệm, nay đến chỗ đất tối thắng này, muốn dừng lại nơi đây, xin Đại vương biết thời."

Xích Nhãn nghe Dạ-xoa Hương Thú nói những lời như vậy, liền vội vàng chạy đến gặp ma Ba-tuần và trình bày lại đầy đủ những lời trên.

Nghe Dạ-xoa Xích Nhãn nói như vậy, Ma vương Ba-tuần liền triệu tập tất cả chư Thiên: trời Tha hóa tự tại, trời Hóa lạc, trời Đâu-suất, trời Đao-lợi, trời Tứ Thiên vương, chư Thiên Địa cư, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà, La-sát Tỳ-xá-giá… Ba-tuần bảo tất cả đại chúng:

–Tất cả các khanh đã nhóm họp, hãy nghe ta nói. Có một người dòng họ Thích sắp chứng qua Bồ-đề, chúng ta cùng nhau đến đó đoạn tâm dũng mạnh, đừng để người chứng quả.

Lúc ấy Thương Chủ, trưởng tử của Ma vương, tâu phụ vương Ba-tuần:

–Tâm con không được vui khi thấy phụ vương làm việc như vậy. Tại sao ngày nay phụ vương muốn cùng Đại sĩ Bồ-tát Tất-đạt-đa kết oán thù, e rằng sau này phụ vương sẽ ăn năn không kịp!

Khi ấy Ba-tuần nghe tâu như vậy, liền quở trách Thương Chủ:

–Thôi đi đồ con nít, tâm trí u ám thiển cận, chưa từng thấy thần thông biến hóa của ta, chưa từng thấy oai lực tự tại của ta.

Thương Chủ bạch phụ vương:

–Đại vương biết cho, con chẳng phải là đứa con ngu si của phụ vương, cũng chẳng phải là chẳng biết thần thông oai lực của phụ vương. Chỉ e rằng ngày nay phụ vương chưa biết thần thông của Bồ-tát Tất-đạt-đa, chưa thấy oai đức của Bồ-tát Tất-đạt-đa. Việc ấy rõ ràng như vậy, mong phụ vương đến đó sẽ tự biết, tự chứng kiến thần thông của Ngài.

Ma vương Ba-tuần không nghe lời can gián của Thương Chủ con mình, vội vã sửa soạn hùng binh tinh nhuệ, ra lệnh tất cả đều tập họp, thân mặc chiến giáp, tay cầm vũ khí, giống như đại lực kiện tướng hết sức dũng mãnh thống lãnh nhiều loại quân lính đáng sợ. Trông thấy đám quân này, mọi người liền dựng chân lông. Thế gian chưa từng thấy cũng chưa từng nghe, có vô lượng trăm ngàn vạn ức binh Thiên ma như vậy. Hoặc một thân hiện trăm ngàn mặt quỷ, mỗi mặt lại hiện nhiều thân rắn; tay chân cong queo có hình thù đáng sợ; đều cầm các binh khí bằng kim cang như cung tên, giáo mác, trái chùy, gậy, búa, dao, đục, kiếm…; hoặc thân thể, đầu mặt, tay chân hiện các hình tướng kỳ dị; hoặc trên cổ đeo các vòng lửa phừng phực, hoặc nơi bụng phun ra lửa đỏ, hoặc miệng phát ra tiếng kêu la thô

bạo, hoặc cầm lưỡi lê, hoặc cầm chùy đấm…. Bao nhiêu thứ binh khí y như vậy. Hoặc có kẻ hai mắt dữ tợn, tròng mắt gườm lên liếc xuống, miệng méo xệch lại nhiều răng nhô ra, lưỡi rộng lớn hiện nhiều hình tướng: Hoặc le thòng xuống, hoặc cuốn tròn như cục đá cuội; hoặc cặp mắt như sao băng, như hắc xà phun chất độc; hoặc nơi cổ quấn đầy rắn, hay tay cầm mãng xà mà ăn, giống như chim cánh vàng bắt rồng nơi biển mà ăn; hoặc tay cầm máu thịt đầu xương, mắt mũi tay chân người mà ăn; hoặc tay cầm ngũ tạng ruột bụng phẩn uế của người mà ăn; hoặc có tên mắt xanh như sư tử chúa rống vang đáng sợ; hoặc có tên mắt hụp xuống hay lồi ra nhắm mở đều phóng ánh sáng; hoặc có tên ngồi trên núi lửa lớn bay trên hư không mà đến; hoặc có tên hai tay và đầu đỡ lấy khối lửa đang cháy phừng phực; hoặc có tên ở trên đất, hai tay nhổ cây để luôn cả rễ, vác trên vai đi đến nơi đó; hoặc có tên lỗ tai như dê đen, hoặc như cái nia, hoặc như vỏ trai vỏ sò, hoặc như tai voi, hoặc như tai heo, hoặc như đoá hoa rũ xuống; hoặc có tên bụng giống như người bệnh phù nước, hai chân như ống sậy, thân thể ốm gầy; hoặc có tên lỗ mũi bành tẹt rộng ra; hoặc có tên bụng như cái chum, bàn chân như bát úp, da trên thân như phơi nắng, thịt trên thân khô ran, huyết mạch khô cạn; hoặc có tên bị treo chặt hết tay chân treo lên; hoặc có tên nắm chiếc đầu trong tay; hoặc có tên bị cắt cổ, máu phun ra, chúng xúm nhau ăn uống, uống rồi mửa ra, hoặc mửa nước bọt trắng, hoặc uống nước đồng sôi, hoặc nuốt hòn sắt nóng; hoặc có tên chặt mất tay chân đi bằng đầu gối; hoặc có tên chỉ còn bộ xương không có da thịt; hoặc có tên hình beo, hình lừa, hình voi, hình ngựa, hình lạc đà, hình bò, hình dê đen, hình tê giác, hình trâu, hình chồn, hình thỏ, hình mao ngưu, hình cự hư, hình cá kình, hình cá ma kiệt, hình chim nghích, hình sư tử, hổ, lang gấu, hình cầm thú, vượn khỉ, chó sói, báo, dã can, chồn, chó…. Tất cả các binh chủng ấy với hình dạng khác nhau rất khủng bố, rất sợ hãi, chỉnh tề, chuẩn bị sẵn sàng chờ lệnh phụng mạng ra tay.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 27

Phẩm 30: HƯỚNG VỀ CÂY BỒ-ĐỀ (Phần 3)

Bấy giờ Ma vương bảo sứ giả Dạ-xoa Xích Nhãn:

–Này Xích Nhãn, ông thấy các binh chủng của ta như thế này thì có ai dám xâm lăng cảnh giới của ta hay không?

Sứ giả Dạ-xoa Xích Nhãn liền tâu Ma vương Ba-tuần:

–Bạch Đại vương, ngài phải biết, con vua Tịnh Phạn dòng họ Thích-ca, tên là Tất-đạt-đa trước ở nơi làng của nàng Thiện Sinh con gái thôn chủ đã lên tiếng vang rền như tiếng trâu chúa rống, đến người cắt cỏ xin một bó cỏ rồi rời khỏi đại thọ tên là Đa-la-ni-câu-đà do người chăn dê trồng, từ từ đi đến dưới cây Bồ-đề. Trong lúc đó lại có năm trăm chim se sẻ màu xanh vây quanh Bồ-tát. Vào tháng đầu mùa xuân, tất cả cây cối đều đâm hoa kết quả, cành lá tự hướng theo. Loài thảo mộc vô tri thức mà còn biết cúi đầu sát đất để cúng dường người. Khi người đến gần dưới cây Bồ-đề thì cõi đại địa này chấn động sáu cách.

Khi Ma vương Ba-tuần thấy Bồ-tát sắp gần đến cây Bồ-đề, y suy nghĩ: "Mong tên họ Thích này hướng đến các cây khác trải thảm cỏ mà ngồi, đừng trải tòa ngồi dưới gốc cây Bồ-đề." Suy nghĩ xong, Ba-tuần bảo tất cả chúng Dạ-xoa:

–Hãy mau đến núp dưới cây Bồ-đề kia, đừng để cho người họ Thích đến chỗ cây Bồ-đề ấy.

Quỷ Dạ-xoa bạch Ma vương:

–Chúng tôi xin nghiêm túc vâng lệnh Đại vương.

Dạ-xoa liền rút bớt một số quỷ Dạ-xoa đến mai phục xung quanh cách gốc cây Bồ-đề không xa. Khi lính quỷ Dạ-xoa từ xa trông thấy Bồ-tát sắp đến gần cây Bồ-đề, thân thể Ngài sáng chói giống như kim sơn phóng quang rực rỡ, không tài nào diễn tả. Quỷ Dạ-xoa thấy vậy, liền nói kệ:

Mặt trời xuất hiện ngàn tia sáng

Oai đức chiếu sáng tựa Kim sơn
Từ bi ban bố cõi trời người
Tiến tới Bồ-đề như Sư tử.

Lúc ấy vị thần bảo vệ rừng cây liền dùng kệ đáp lời các quỷ Dạ-xoa:

Thế Tôn ngàn kiếp đủ công đức
Viên mãn sáu độ: Thí, Giới, Nhẫn
Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ
Đầy đủ muôn hạnh thật trang nghiêm
Đang đi dần đến cội Bồ-đề
Sắp chứng Bồ-đề Vô thượng đạo
Chư Thiên tám bộ cùng nhân loại
Theo sau hộ vệ nghĩ như vậy.

Khi quỷ Dạ-xoa cùng quyến thuộc của Ma vương nghe lời kệ như vậy, đều rời khỏi cây Bồ-đề, tẩu tán nơi khác. Lúc ấy Bồ-tát lần lần đi đến chỗ đất đầy đủ mười sáu tướng công đức.

Mười sáu tướng công đức là:

1. Khi kiếp hỏa thiêu đốt cõi đại địa, mảnh đất này sẽ bị thiêu hủy cuối cùng. Khi lập kiếp ban sơ, mảnh đất này được thành lập trước tiên.

2. Chỗ đất này mọc đầy các loại cây cỏ: Ưu-ba-la, Ba-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi tốt đẹp tuyệt vời *(bốn loại cỏ xanh, đỏ vàng, trắng).*

3. Chỗ đất này là vị trí trung tâm của cõi Diêm-phù-đề.

4. Chỗ đất này không có các chúng sinh ngu si đần độn sống ở đây. Chỉ có người đại phước đức thuộc dòng Thánh mới an tọa mà thôi.

5. Chỗ đất này không có các hầm hố, bốn phía trống rộng bằng phẳng.

6. Chỗ đất này sạch sẽ, không cao không thấp, đầy đặn như bàn tay.

7. Chỗ đất này tự nhiên sinh trưởng nhiều loại hoa như hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen vàng và hoa sen trắng lớn.

8. Chỗ đất này tất cả Thánh nhân đều biết.

9. Chỗ đất này nổi lên tự nhiên.

10. Chỗ đất này luôn luôn có Thánh nhân ở.

11. Chỗ đất này hoàn toàn không ai có thể chiếm lĩnh được.

12. Chỗ đất này có tòa sư tử rất cao, danh tiếng đồn khắp.

13. Chỗ đất này nếu có ma và quyến thuộc của ma có tâm tìm lỗi lầm cũng không thể có.

14. Chỗ đất này là cái rốn của tất cả chỗ đất khác.

15. Chỗ đất này được cấu tạo bằng kim cương.

16. Chỗ đất này mọc loại cỏ cao chừng bốn ngón tay *(chồng lên),* mềm mại, xanh biếc như lông cổ chim Khổng tước, chạm vào cỏ này như sờ thiên y Ca-thi-ca, thân cỏ mềm mại, ngay ngắn, màu sắc tuyệt vời, tỏa mùi thơm phảng phất, ngọn cỏ đều xoay về phía phải, trông thật đẹp mắt.

Thuở xưa các vị Chuyển luân thánh vương đều nghe việc vui thích hy hữu ấy, nên các ngài thường tới lui chiêm ngưỡng chỗ đất này.

Khi Bồ-tát đến gần cây Bồ-đề, thì chỗ đất ấy tự nhiên được quét dọn sạch sẽ, rưới nước hoa, mặt đất bằng phẳng, thanh tịnh trang nghiêm, đẹp đẽ nên ai cũng ưa trông ngắm, lại hoàn toàn không có sỏi sạn, đá gạch và các loại cỏ dại gai góc bừa bãi.

Lúc xin cỏ, Bồ-tát dùng tay trái nhận bó cỏ. Khi đến dưới cây Bồ-đề, Ngài dùng tay phải với năm ngón có màn lưới mềm mại xinh xắn, móng màu đỏ hồng như đánh son phấn nhận lấy bó cỏ từ nơi tay trái. Khi sắp trải cỏ dưới gốc cây Bồ-đề, Ngài hướng về phía Đông, cầm cỏ bỏ xuống đất, gốc cỏ hướng về cây Bồ-đề, trong tâm Bồ-tát thầm nguyện: "Khi ta đã ngồi ở nơi đây rồi, sẽ vượt qua biển phiền não để đến bờ giác ngộ." Khi Ngài vãi nắm cỏ trên mặt đất, như hoa cắm trong bình, hoặc cuộn tròn như xoáy nước, hoặc như hình chữ Vạn.

Bồ-tát thấy tự bó cỏ rơi xuống đất, đều đặn không rối loạn, với những hiện tượng tốt đẹp như vậy, nên nói:

–Như ngày nay Ta vãi bó cỏ xuống đất, đáng ra rối loạn lại không rối loạn, đây là tượng trưng cho điều tốt đẹp, chẳng khác nào như Ta sống trong thế gian loạn động mà nhất định sẽ chứng được pháp không loạn động.

Khi Bồ-tát vãi nắm cỏ trải ra như vậy, mặt đất chấn động sáu cách.

Bấy giờ Ma vương Ba-tuần, chủ cõi Dục đến bên Bồ-tát nói:

–Này người dòng Sát-lợi, người không nên trải cỏ ngồi dưới gốc cây này. Tại sao vậy? Bởi vì nơi đây vào nửa đêm khuya có đến vô lượng quỷ Tỳ-xá-giá, Phú-đơn-na, Dạ-xoa, La-sát thường thường lui tới nơi đây ăn thịt người. Tại phương Bắc cây này có một khu rừng, là nơi an trú của các vị Đại Tiên nhân, gọi là xứ Ưu-lâu-tần-loa, phong cảnh tươi đẹp, rất hữu tình, ai cũng thích thưởng ngoạn. Này người dòng họ Thích hãy đến nơi đó ngồi tùy ý.

Bồ-tát đáp lời Ma vương Ba-tuần:

–Này Ma vương Ba-tuần, ngươi lẽ nào không biết, bất cứ nơi núi đầm thanh vắng, hoặc dưới gốc cây, hoặc nơi gò mả, hoặc ở trong rừng, vào nửa đêm Ta vẫn an ổn, tâm không sợ sệt. Lại nữa, Ta không là kẻ vô trí, lại cũng chẳng phải như người không có năng lực phương pháp, như người tầm thường đến nơi đây. Từ lâu Ta đã biết vào thời quá khứ, chư Phật tại chỗ đất vô úy dưới cội cây này mà thành Thánh đạo. Đó là lý do ngày nay Ta đến nơi đây.

Lúc bấy giờ có một quỷ Dạ-xoa đứng bên phải Ma vương Ba-tuần, nói với Bồ-tát:

–Này kẻ họ Thích, ngươi cần gì phải khổ nhọc ngồi dưới cội cây này, bên ngoài bốn phía cây Bồ-đề này có các đại thọ, người mau mau dời bước đi nơi khác.

Bồ-tát đáp lời Dạ-xoa:

–Tâm nguyện của Ta nếu ngồi ở dưới các cội cây khác thì không thành, chỉ ở dưới gốc Bồ-đề này thì quyết định thành tựu, chỗ khác thì không được.

Khi ấy, Dạ-xoa tâu lại Ma vương:

–Thưa Đại vương, nay ngài có nghe người này nói chăng? Chúng ta phải làm cách nào đuổi người đi khỏi nơi đây?

Ma vương Ba-tuần bảo Dạ-xoa:

–Ta cần phải dùng đủ mọi cách quyết tâm làm thế nào để ngăn người này không cho ngồi nơi đây nữa.

Nghe Ma vương Ba-tuần nói những lời như vậy, Ngài sắp an tọa trên cỏ, tư duy, phát nguyện: "Ta sắp ngồi tòa Kim cang mà chư Phật quá khứ đã ngồi. An tọa xong, Ta sẽ chế phục Ma vương Ba-tuần. Ngày nay, Ta đã ngồi chỗ này rồi, sẽ đoạn diệt các phiền não dục vọng, sân hận, ngu si… Ta đã ngồi chỗ này rồi sẽ chứng được pháp cam lộ vi diệu thanh tịnh mát mẻ."

Khi Bồ-tát trải cỏ, gốc cỏ hướng về cây Bồ-đề, ngọn cỏ đều xoay ra bên ngoài. Ngài trải cỏ xong nhiễu quanh bên phải cây Bồ-đề ba vòng rồi ngồi kiết già, thân tâm đoan chánh, như rắn cất giữ thân thẳng yên không lay động. Ngài xướng lên ba lần:

–Ta chứng cam lộ. Ta chứng cam lộ. Ngày nay Ta nhất định chứng cam lộ!

Trong tâm Bồ-tát phát lời thệ nguyện vĩ đại: "Ta ngồi nơi đây, nếu tất cả hữu lậu không diệt sạch, tất cả tâm không được giải thoát thì Ta nguyện trọn đời không rời khỏi chỗ này."

Có kệ nói:

Bồ-tát thiền tọa dưới cội cây
Như rắn giữ mình không lay động
Trong tâm nguyện lớn như thế này
Đạo quả chẳng thành không đứng dậy.

Lúc ấy Ma vương Ba-tuần biến mất khỏi chỗ cũ trong thời gian ngắn, rồi lại hiện một thân đầu xõa tóc rối, thân mặc áo xấu dính đầy cát bụi, môi miệng khô ran tợ người đói khát, tay cầm một bó lớn bì thư, vội vã hướng về Bồ-tát, đứng trước mặt ném bó bì thư cho Bồ-tát và nói:

–Một phong thư của Ma-na-ma dòng họ Thích của người gởi, một phong thư của Ni-câu-đà gởi, một phong thư của Nan-đề-ca gởi, một phong thư của Bạt-đề-già gởi, một phong thư của Nan-đà gởi, một phong thư của A-nan-đà gởi. Bao nhiêu phong thư này đều là bà con dòng họ Thích nhờ ta chuyển đến người.

Khi ấy, trong số đó có một bức thư đề lời giả dối không thật. Thư đề: "Ngày nay, Đề-bà-đạt-đa ở thành Ca-tỳ-la soán ngôi vua, vào nội cung Thái tử thâu nạp tất cả phi hậu của ngài rồi bắt Đại vương Tịnh Phạn, thân phụ ngài, hạ ngục. Ngoài ra, các vương thúc Bạch Phạn, Hộc Phạn, Cam Lộ Phạn cùng tất cả các vị kỳ lão hoàng gia họ Thích đều bị đuổi ra khỏi thành. Nếu Thái tử nhận được thư này, phải mau mau trở về hoàng triều, chớ còn ở nơi thanh vắng làm gì?"

Bồ-tát đọc những dòng thư như vậy, nghĩ đến ba việc:

"Vì thể nữ sinh tâm ái dục nên Đề-bà-đạt-đa mới thâu nạp phi hậu của Ta.

"Vì Đề-bà-đạt-đa khởi tâm chiến đấu nên người mới thật sự cướp lấy ngôi của phụ vương và quốc gia Ta."

"Vì hoàng gia sinh tâm sát hại, mà họ vì sao tiếc thân mạng không bảo vệ cha Ta?"

Rồi Bồ-tát lại suy nghĩ: "Tất cả cảnh giới thế gian đều vô thường, uế trược, bất tịnh, luôn luôn sinh diệt không chút thời gian tạm nghỉ."

Rồi lại suy nghĩ: "Tất cả pháp thế gian đều là pháp hoại diệt, sinh diệt liên tục!" Do tư duy như vậy, Ngài mới cắt đứt tâm ái dục mà phát khởi tâm xuất gia; dứt tâm đấu tranh mà phát khởi tâm Từ mẫn, đoạn tâm sát hại mà sinh khởi tâm Bi.

"Những việc như vậy, Ta đã vứt bỏ từ lâu." Tư duy như vậy rồi, Ngài phát khởi tâm Xả.

□

Phẩm 31: MA VƯƠNG KHỦNG BỐ BỒ-TÁT (Phần 1)

Khi Bồ-tát đã an tọa dưới cội Bồ-đề, thần thủ hộ cây này vui mừng hớn hở tràn ngập châu thân không thể tự chế, cởi những chuỗi anh lạc trên thân, xõa tung tóc ra, vội chạy đến chỗ Bồ-tát. Do thấy những việc tốt đẹp hết sức vi diệu, vị ấy cho là quá ư đặc biệt hy hữu, trong tâm ân cần kính trọng, đem lời ca ngợi Bồ-tát một cách nghiêm túc và ra lệnh tất cả thân tộc, quyến thuộc bảo vệ Bồ-tát, hết sức cung kính.

Lúc ấy bao nhiêu Thọ thần bất luận lớn nhỏ ở xung quanh bốn phía núi rừng cây này đều hiện thân đi từ cây của mình đến thưa vị Thần hộ vệ cây Bồ-đề:

–Thưa Đại thiện Thọ thần, hiện giờ vị ngồi dưới gốc cây của ngài là ai? Từ trước đến nay chúng tôi chưa từng thấy tôn nhan đầy đủ, với các tướng trang nghiêm, hết sức đẹp đẽ, không ai hơn ngài, như vị trời trong hàng trời.

Vị Hộ thần cây Bồ-đề nghe hỏi lời như vậy, liền bảo các Thọ thần:

–Này các Thọ thần, các người phải biết, vị ngồi dưới gốc cây Bồ-đề là con vua Tịnh Phạn, thuộc dòng Cam Giá. Vào kiếp ban sơ, dân chúng suy cử lập người Cam Giá này lên làm vua, đời đời nối nhau cho đến ngày nay. Vị này là con cháu được truyền thừa của dòng họ đó.

Các vị Thần lại nói với vị Hộ thần cây Bồ-đề:

–Thưa hộ thần cây Bồ-đề, ngày nay ngài được điều lợi ích rất lớn, được thiện phước rất to, nên chỗ ở của ngài có một chúng sinh vi diệu tuyệt vời, vượt lên trên chúng sinh trong tam giới như vậy. Chúng sinh này giống như hoa Ưu-đàm, khó xuất hiện ở đời.

Lúc bấy giờ mỗi người trong chúng Thọ thần đều đem các loại bột hương trầm thủy, ngưu đầu chiên-đàn… cùng các loại hoa thơm tuyệt diệu rải đi rải lại nhiều lần trên mình Bồ-tát, vui mừng hớn hở tràn ngập châu thân, không thể tự chế, chắp tay cúi đầu, hướng về Bồ-tát đảnh lễ và mỗi người đều xướng lên thế này:

–Cần nguyện Nhân giả, vị đứng đầu trong chúng sinh, sớm thành tựu sở nguyện, mau chứng Bồ-đề.

Lại có Thiên vương và chư Thiên cõi Tứ thiên, lại có vô lượng chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, cõi trời Dạ-ma, cõi trời Đâu-suất, cõi trời Hóa

lạc và cõi trời Tha hóa tự tại, vô lượng vô biên chư Thiên như vậy cùng chư Thiên cõi Phạm thiên, mỗi người đều đem các loại hoa trời đẹp tuyệt như Mạn-đà-la, Ma-ha Mạn-đà-la, Ma-ha Mạn-thù-sa, Câu-vật-đầu, Ba-đầu-ma, Phân-đà-lợi… cùng các phấn thơm, sáp thơm rải trên cây Bồ-đề như mưa, tàng cây Bồ-đề giống như bánh xe, chu vi quanh cây này trong một do-tuần, hoa hương chồng chất lên đến đầu gối.

Khi Bồ-tát ngồi dưới cội Bồ-đề, tuyệt không một tiếng kêu của kiến càng hay kiến riện, huống lại là tiếng kêu của loài thú lớn, tất cả loài chim cũng không kêu hót. Giả sử có gió thổi, tất cả các cây cũng không lay động.

Trong khi Bồ-tát đang ngồi dưới cội Bồ-đề, chư Thiên cõi Tịnh cư tâm rất vui mừng hớn hở tràn ngập châu thân, không thể tự chế, đảnh lễ Bồ-tát, trong tâm mỗi người đều nguyện: "Nguyện Nhân giả, vị đứng đầu trong chúng sinh, mong tâm nguyện của Ngài sớm được viên mãn, mau chứng Bồ-đề."

Trong khi Bồ-tát ngồi dưới cội Bồ-đề, Ngài phát lời thệ nguyện trọng đại:

"Ta không thành đạo thì Ta không rời chỗ ngồi này."

Lúc ấy Ma vương Ba-tuần trong tâm lo sợ, liền nói thế này: "Phải chăng người dòng vua chúa họ Thích này muốn diệt trừ cảnh giới của ta? Muốn cho ta khỏi cảnh giới này? Nếu người hơn ta, nhất định người sẽ dạy chúng sinh phương pháp đi đến Niết-bàn, làm cho cảnh giới của ta trở thành trống không. Nhưng hiện giờ người chưa chứng Tịnh nhãn, lại ở trong cảnh giới của ta, ta nay phải cố gắng dùng đủ phương pháp làm cho người, thoái lui trên đường hành đạo, đứng dậy bỏ đi." Rồi ma nói kệ:

Nếu Ngài chứng được quả Bồ-đề
Vì khắp chúng sinh thuyết pháp chánh
Cảnh giới của ta sẽ tổn giảm
Chúng sinh được mở đường chánh này
Cõi ta tự nhiên thành trống vắng
Cõi trống vắng, ta như quả phụ.
Mắt thanh tịnh nay Ngài chưa chứng
Vẫn còn trong cảnh giới của ta
Ta nên đi gấp mau đến đó
Sớm ngăn chận phá việc người ấy
Như dòng sông, nước chưa tràn đến
Vội lo xây cầu bến chắc trước.

Bấy giờ Ma vương Ba-tuần ở giữa đủ mặt một ngàn vương tử để trợ giúp việc khuấy phá Bồ-tát. Có năm trăm người, cầm đầu là Thương Chủ với ý giúp Bồ-tát, đang ngồi bên phải Ma vương Ba-tuần. Ngồi bên trái Ma vương Ba-tuần gồm có năm trăm người, mà kẻ cầm đầu là Ác Khẩu. Ma vương Ba-tuần bảo các con:

–Này các con, cha cùng các con luận bàn hơn thiệt, cha muốn tiếp nhận ý kiến các con. Chúng ta phải lập kế gì để có sức mạnh hàng phục Bồ-tát.

Bấy giờ Thương Chủ, trưởng tử của Ma vương, ngồi bên phải, dùng kệ tâu phụ vương Ba-tuần:

Nếu ai dám đụng đến mãng xà
Đã từng đối địch với voi điên
Trải qua chiến thắng chúa sơn lâm
Mới hàng phục được Tỳ-kheo kia.

Lúc bấy giờ vương tử thứ hai ngồi bên trái Ma vương Ba-tuần tên là Ác Khẩu, vì phụ vương mà nói kệ:

Nếu ai thấy con tim tan vỡ
Các cây bật gốc, ngã trên đất
Nếu Sa-môn kia vừa thấy con
Tháo chạy một hơi và trốn biệt.

Bấy giờ, lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Diệu Minh, dùng kệ bạch phụ vương:

Như người đang bơi trong biển cả
Lại muốn uống cạn nước biển kia
Việc này phụ vương không sợ gì
Sẽ thấy Bồ-tát sợ tái mặt.

Bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương, tên là Bá Đấu, dùng kệ bạch phụ vương:

Thân con phát sinh trăm cánh tay
Mỗi tay bắn ra hàng trăm mũi
Phụ vương cứ tiến, chớ sầu ưu
Riêng con đủ phá Sa-môn nọ.

Bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Thiện Giác, dùng kệ bạch phụ vương:

Nếu ai có sức như voi, ngựa
Hoặc như Tỳ-nữu và Kim Cang
Người có túc nghiệp oai nhẫn nhục

Sức lực như vậy chẳng thắng Ngài.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương, tên là Nghiêm Oai, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Con ở hư không mưa nước, lửa
Tuôn đến đốt cháy xác Tỳ-kheo
Làm thân của hắn thành đống tro
Khác nào lửa đỏ đốt cỏ khô.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Thiện Mục, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Giả sử núi Tu-di bị ngã
Tất cả cung trời đều tan vỡ
Nước trong biển cả đều khô kiệt
Hai vầng nhật nguyệt đều rơi rụng
Dù khiến mặt trời lạnh như băng
Cung điện chư Thiên rơi xuống đất
Bồ-tát đã ngồi dưới gốc cây
Chưa thành Chánh giác không đứng dậy.

Lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương tên là Báo Oán, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Nhật nguyệt tay con đủ sức nắm
Cùng các tinh tú khắp hư không
Nắm giữ tất cả các cõi trời
Nước trong bốn biển vào trong tay
Huống một Sa-môn Thích tử nọ
Nay con nắm hắn vứt biển khơi
Chỉ mau ra lệnh đám quân này
Đưa quân mau đến chỗ Sa-môn.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Đức Tín, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Nhật nguyệt vận hành không nhờ bạn
Luân vương trị hóa chẳng ai bằng
Chư thánh Bồ-tát chẳng nhờ ai
Một mình tiêu diệt đại ma quân.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương, tên là Cầu Quá Thất, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Chiến đấu, gậy gộc chẳng bằng đao
Thân mặc chiến bào tâm không sợ

Binh mã như vậy quyết thành công
Phụ vương chẳng sợ Sa-môn nọ.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Phước Đức Anh Lạc Trang Nghiêm, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Giáp Ngài mặc như Na-la-diên
Khó bề phá hoại thân Tứ đế
Áo giáp nhẫn nhục, đao giải thoát
Cầm tên trí tuệ hạ chúng ta.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương, tên là Bất Hồi, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Giống như cỏ khô gặp lửa đỏ
Giỏi bắn cung thần, tên trúng đích
Sét đánh nhằm núi cũng xuyên qua
Thích tử gặp con ắt phải phục.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Pháp Thân, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Như người dùng màu vẽ hư không
Muốn cho chúng sinh đồng một chí
Thiên thần trăng gió lửa bủa vây
Đạo tràng Bồ-tát nào lay động.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương, tên là Hằng Tác Tội, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Con uống độc dược như ăn cơm
Trượng con chạm ai, thành tro ngay
Nếu không phá thân hắn như bụi
Quyết không còn giữ lấy hai tay.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Thành Lợi, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Ba ngàn thế giới đầy độc hại
Thế Tôn xem thấy chẳng lo âu
Ba độc đáng sợ, ngài diệt sạch
Chúng ta về cung, đánh ích gì!

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương, tên là Tham Hỷ, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Con có âm thanh vượt ngàn trùng
Trăm ngàn ngọc nữ thân kiều diễm
Làm cho huyễn hoặc loạn tâm hắn

Khiến mất thiền định, hưởng dục lạc.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Pháp Hỷ, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Ngài dùng thiền định làm pháp hỷ
Thường trú cam lộ giải thoát môn
Pháp lạc dùng nhổ các tai ương
Chẳng dùng ngũ dục làm thỏa thích.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương, tên là Tiệp Tật, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Con cầm nhật nguyệt dễ như chơi
Cũng hay chận đứng gió, lửa mạnh
Bắt lấy Sa-môn yết kiến cha
Dễ như gió thổi tan đống bột.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Sư Tử Hống, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Vô số dã can kêu đồng vắng
Vì chưa nghe tiếng Sư tử gầm
Loài thú nếu nghe Sư tử rống
Bôn ba tứ tán chạy trăm phương.
Quân ma chúng ta cũng như vậy
Chưa nghe pháp vương xướng triều âm
Đều theo chủ quan chẳng chịu lui
Khi đến chỗ Ngài tự co rút.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên trái Ma vương, tên là Ác Tư, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Con là Ác Tư nguyện chiến thắng
Sa-môn nào thấy ma quân này
Tâm hắn si mê, hết hy vọng
Làm sao chẳng chạy lánh đi liền.

Lúc bấy giờ lại có một vương tử khác ngồi bên phải Ma vương, tên là Thiện Tư, liền dùng kệ bạch phụ vương:

Ngài chẳng ngu si không sức lực
Các ông quá kém về nhân tính
Nên ông chưa biết diệu thuật Ngài
Sẽ bị trí tuệ Ngài hàng phục.
Quân ma các ông đông như cát
Dù tài như vậy khắp tam thiên

Cũng không tổn hại sợi lông Ngài
Huống là sát hại, khỏi chỗ ngồi.
Ông nên thanh tịnh hướng Bồ-đề
Cúi đầu đảnh lễ miệng khen ngợi
Chớ nên gây ác hại binh mình
Bồ-tát chắc thành Thầy ba cõi.

Trong số các vương tử của ma vương, mỗi người tự trình bày ý kiến của mình, hoặc có người ủng hộ việc thiện hoặc có người ủng hộ việc ác, lần lượt cho đến vương tử thứ một ngàn.

Lúc bấy giờ Ma vương Ba-tuần có một vị đại thần tướng quân tên là Hiền Tướng. Ma vương Ba-tuần bảo đại thần Hiền Tướng:

–Khanh đi theo ta, ở đây có một người dòng họ Thích, sắp thành tựu Vô thượng Bồ-đề. Nay cùng khanh đến đó chận chứng đạo pháp ấy, chẳng để Thái tử chứng quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy đại thần Hiền Tướng liền dùng kệ tâu đại vương Ba-tuần:

Đại vương thống lãnh Tứ Thiên vương
Vua A-tu-la, Khẩn-na-la
Ma-hầu-la-già, Ca-lâu-la
Chắp tay cúi đầu quy y ngài.
Huống là tất cả các Phạm thế
Quang âm, Quảng quả và Tịnh cư
Sáu trời cõi Dục và Sắc giới
Tất cả đảnh lễ sát chân ngài.
Các con Đại vương tuy trí tuệ
Sức mạnh trần thế không ai bằng
Trong tâm hằng lễ Đấng Thế Tôn,
Tám mươi do-tuần đầy quân ngài
Dạ-xoa, La-sát, các Quỷ vương…
Thân tuy hiện tại trước Đại vương
Tâm thường nghĩ đến Vô thượng sĩ
Chắp tay cung kính, cúi đầu lễ.
Ngàn vạn quân ma gặp Thánh ấy
Tự lấy hoa hương tung cúng dường
Hạ thần thấy rõ việc như vậy
Biết chắc quân ma thua Bồ-tát.
Ma quân binh mã nơi đồn trú
Có nhiều cú mèo, sáo sậu kêu

Hoặc tiếng cú vọ, tiếng quạ, khách
Tiếng loài ác thú như cáo, lừa.
Thần thấy Bồ-tát dưới Bồ-đề
Chim lành các loại hót líu lo
Phù nhạn, Oan ương, Câu-sí-la
Cù dục, Anh võ và Khổng tước
Vây quanh Bồ-tát hót thanh nhàn
Điềm tốt như vậy Ngài chắc thắng.
Hơn nữa, doanh trại của chúng ma
Thường mưa sỏi, đá, đất, cát bụi
Bồ-tát an tọa dưới Bồ-đề
Trời mưa hoa báu hương vi diệu.
Nơi ở chúng ma đất gập ghềnh
Hầm hang cao thấp nhiều gò nổng
Gai góc, đá chồng, nhiều phẩn uế
Chung quanh phần đất gốc Bồ-đề
Trang hoàng bằng thất bảo, kim ngân.
Thấy cảnh tốt đẹp lạ như vậy
Những người trí tuệ biết nhận xét
Thấy cảnh đó rồi phải rút quân.
Trang nghiêm như vậy khắp một vùng
Quyết chắc chứng thành Vô thượng đạo.
Đại vương nếu chẳng thuận ý thần
Như mộng vua thấy thành sự thật.
Như vậy không nên động đến Ngài
Cần phải rút quân về cung ma
Vua xưa xúc phạm các Tiên nhân
Cõi nước, thần chú đốt thành tro.
Thuở xưa có vua tên Phạm Đức
Phật ý Tiên nhân Tỳ-da-bà
Vua có vườn đẹp nhiều hoa trái
Bị thần chú đốt cháy tan hoang
Nhiều năm vườn này không mọc cỏ
Huống lại cây cối, hoa cùng quả.
Thế gian nhiều người hành khổ hạnh
Khi tu phạm hạnh, bỏ các ác
Các vua yết kiến lễ sát chân
Chúng ta nay nên về bổn xứ.

Vua đã chẳng nghe luận Vệ-đà
Người có ba hai tướng trang nghiêm
Người ấy nếu cầu đạo xuất gia
Ắt đoạn trừ hết lưới kết sử
Thành tựu đạo quả Vô thượng giác
Giữa mày, lông trắng phóng hào quang
Chiếu khắp mười phương ức cõi nước
Huống lại binh chủng đám ma này
Sao lại không thể hàng phục được
Nếu vua muốn đánh, chắc không thắng
Đảnh đầu Bồ-tát cao vượt trời
Hàng vạn chư Thiên không trông thấy
Chắc chắn sẽ thành quả vi diệu,
Thế gian chưa nghe, nay được nghe
Cũng như Tu-di và Thiết vi
Nhật Nguyệt, Đế Thích, Phạm thiên vương
Dạ-xoa, La-sát, các rừng cây
Đều hướng Bồ-đề cúi thân lễ.
Chắc chắn Bồ-tát đầy phước đức
Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền, Trí lực
Nhiều kiếp đến nay tu hạnh này
Nay quyết đẩy lui ma quân ta.
Như voi đạp bể các đồ gốm
Như sư tử rống thú kinh hồn
Như ánh nhật quang che đom đóm
Thế Tôn phá ma cũng như vậy.
Sư tử một thân phá thú trùng
Nọc một độc xà giết nhiều loại
Bồ-tát tu nhiều sức thiện căn
Một mình phá tan ma quân ta.

Lúc ấy Ma vương Ba-tuần nghe kệ đại thần nói như vậy, rất lo sợ, buồn bực chẳng an, thân tâm ưu sầu, khổ não chẳng vui, xấu hổ thẹn thùng, không biết xử sự thế nào. Nhưng trong lòng vẫn còn ngã mạn, chẳng chịu hồi cung, cũng không chạy trốn, lại tuyên bố với các ma quân:

–Các khanh nên bình tâm, chớ sợ hãi, chớ có nhút nhát bỏ chạy. Ta sẽ dùng lời hoa mỹ để trắc nghiệm tâm Sa-môn thế nào. Lại dùng lời khuyến dụ xem thử người có rời cây Bồ-đề hay không? Chẳng lẽ để chúng sinh quý báu này bỗng nhiên gặp tai ương hay sao!

Lúc ấy Thương Chủ, trưởng tử của Ma vương, tâu phụ vương:

–Thưa ma chúa Đại vương, con không muốn phụ vương cùng với Sa-môn dòng họ Thích-ca kết oán thù. Tại sao? Vì ví dụ có trăm ngàn vạn ức ma quân tay cầm đao kiếm, đồng đến nơi Thích tử để làm chướng ngại không cho thành đạo thì không thể làm được, huống chi một mình phụ vương. Phụ vương chỉ xem người họ Thích này ngồi trên tòa Sư tử dưới gốc cây Bồ-đề, không kinh không sợ. Phụ vương, hãy xem người họ Thích thân không lay động. Lại nữa, trên hư không có vô lượng chư Thiên chắp tay đảnh lễ Ngài. Khi chư Thiên đảnh lễ cúng dường tán thán như vậy mà Ngài không một chút vui mừng. Ngài thấy ác tâm, ác ý của phụ vương muốn đến sát hại mà Ngài không phẫn nộ. Phụ vương phải biết, giả sử có người đem màu sắc tuyệt đẹp vẽ trên hư không, hoặc giả sử có người dùng ngón tay nâng núi Du-di to lớn kia, những việc như vậy cũng có thể làm được. Lại giả sử có người lội qua đại dương để đến bờ bên kia, việc này cũng có thể làm được. Giả sử có người khi đại phong thần nổi gió từ bốn phương lại, bỗng nhiên bắt trói được, việc này cũng có thể làm được. Giả sử có người nắm lấy mặt trời, mặt trăng cùng các tinh tú đem để xuống đất, việc này cũng có thể làm được. Giả sử có người khiến tất cả chúng sinh đồng một chí hướng, việc này cũng có thể làm được. Còn như tất cả chúng sinh hợp sức đem người họ Thích thu phục ma quân này dời đi chỗ khác, việc này hoàn toàn không thể được.

Khi ấy Ma vương Ba-tuần dùng kệ bảo trưởng tử Thương chủ:

Ngươi thật oan gia, chẳng phải con
Chẳng nên vác mặt nhìn thấy ta
Tâm ngươi nay đắm Sa-môn nọ
Tốt hơn đến sống với Cù-đàm.

Lúc ấy Ma vương Ba-tuần không nghe lời can gián của trưởng tử Thương Chủ, lại bảo các ái nữ:

–Này các con, cùng nhau lắng nghe lời cha dạy. Các con nên đến bên người họ Thích kia dò xét xem người có tâm tình dục không?

Các con gái của Ma vương vâng lời phụ vương dạy, cùng nhau chậm rãi kéo đến chỗ Bồ-tát. Sau khi chúng đến nơi không cách xa cũng không quá gần Bồ-tát, giở các trò tình tứ của phụ nữ để mê hoặc Bồ-tát như là che đầu, để lộ đầu, che nửa mặt, để lộ diện, mỉm cười để lộ hàm răng trắng, luôn luôn đưa cặp mắt xanh liếc nhìn Bồ-tát, hoặc cúi đầu đảnh lễ Bồ-tát, hoặc ngước đầu nhìn Bồ-tát, hoặc cúi đầu che mặt nhìn xuống đất, hoặc động nhẹ đôi mày, hoặc mở mắt hé nhìn, hoặc xõa búi tóc dùng tay vuốt

tóc, hoặc khoanh hai tay, hoặc giơ hai tay để lộ dưới nách, hoặc dùng tay nâng niu nhũ hoa, hoặc để lộ ngực và lưng đến ức bụng, hoặc vỗ nhẹ trên rốn, hoặc thỉnh thoảng cởi xiêm y, hoặc mặc lại y phục, hoặc thỉnh thoảng vén đồ lót để lộ mông đùi, hoặc cởi chuỗi anh lạc vứt trên đất, hoặc cởi bỏ hoa tai, hoặc đeo lại hoa tai, hoặc đùa bỡn với trẻ con, hoặc chơi với loài cầm điểu, hoặc đi bộ đưa mắt liếc nhìn hai bên, hoặc hít mạnh vào và thở dài ra, hoặc dùng ngón chân vẽ trên mặt đất, ca hoặc múa, hoặc lắc động nơi thắt lưng, hoặc tỏ vẻ khoan khoái, hoặc nhớ lại việc ân ái vui cười lúc trước, bằng cách nằm ngủ với dáng phóng dật, hoặc hiện thân đồng nữ, hoặc hiện thân con gái mới về nhà chồng, hoặc phụ nữ trung niên…

Sau khi giở đủ trò tình tứ của phụ nữ để mê hoặc Bồ-tát như vậy rồi, chúng lại đem đủ thứ hoa hương rải trên mình Bồ-tát. Lại dùng đủ việc của năm dục mời mọc, nhìn vào mặt, chúng xem Bồ-tát có trạng thái tâm ái dục phóng dật không, xem Bồ-tát có tâm ái dục nhìn chúng, hoặc không tâm ái dục nhìn chúng?

Các cô con gái của Ma vương thấy rõ tâm của Bồ-tát vắng lặng, an định, xưa nay thanh tịnh, không cấu trược, đầy đủ thanh tịnh, giống như trăng rằm ra khỏi bàn tay La-hầu A-tu-la vương, trong sáng không gợn mây. Như ánh sáng mặt trời vừa mới mọc, như thỏi vàng ròng tinh chất không chút quặng, như hoa sen ngoi ra từ hồ nước mà không chút bùn hôi. Như ánh lửa, như núi Tu-di an nhiên không động, như núi Thiết vi cao sừng sững, Ngài hộ trì hoàn toàn các căn, điều phục tâm ý. Thấy Bồ-tát như vậy, chúng đều hổ thẹn, nhục nhã.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 28

Phẩm 31: MA VƯƠNG KHỦNG BỐ BỒ-TÁT (Phần 2)

Bấy giờ bọn ma nữ biết rành cách lợi dụng sắc đẹp hấp dẫn của người phụ nữ nên dùng các phương pháp dối trá mê hoặc khác để lung lạc tâm ý Bồ-tát, nói kệ:

Bầu trời tươi đẹp độ xuân sang
Ngàn cây kết quả, hoa đua nở
Thắng cảnh như đây thật hữu tình
Nhân giả khỏe mạnh, thân tuấn tú
Đang độ thanh xuân lòng háo hức
Chính lúc trượng phu hành khoái lạc
Muốn cầu Bồ-đề thật khó thành
Ngài hãy về đời hưởng khoái lạc.
Hãy xem tiên nữ bọn chúng em
Dung nhan kiều diễm thân mềm mại
Trang sức xinh đẹp nhiều anh lạc
Mấy ai gặp được thân thể ấy
Ngài đã được rồi sao chẳng màng?
Thân em thơm sạch tợ hoa sen
Là người phước đức trong trần thế
Cớ gì bỏ đi không dùng đến?
Đầu em tóc mượt xanh ánh biếc
Thường ướp mùi hương các nước hoa
Ngọc quý ma-ni cài búi tóc
Tạo hoa ngọc báu đính trên đầu.
Chúng em trán rộng, cổ tròn đầy
Mày ngài, mắt phụng, mi cong dài
Đẹp sạch như cánh hoa sen xanh
Mũi đẹp đều như chim Anh võ.
Miệng môi tươi thắm đỏ như son

Hoặc đỏ như quả Tần-ba-la
Hoặc như san hô cùng phấn sáp
Răng sạch trắng trong như bạch ngọc.
Lưỡi mỏng, mềm giống cánh hoa sen
Giọng ca ngâm vịnh rất ngọt ngào
Nào khác tiếng nữ Khẩn-đà-la.
Đôi vú xinh xắn đẹp tuyệt vời
Tròn trịa giống như đôi thạch lựu,
Thắt lưng thon nhỏ như eo cung
Sống lưng bằng phẳng lại mịn màng
Giống như đảnh trán loài voi chúa.
Đôi đùi trắng nhũn, to, thẳng, đẹp
Hình dáng giống như chiếc vòi voi
Cặp giò thon nhỏ, thẳng lại tròn
Đẹp sạch giống như chân nai chúa
Dưới bàn đầy đặn chẳng lệch sâu
Trắng hồng tươi thắm như sen nở.
Thân thể chúng em thật yêu kiều
Hình dung như vậy rất xinh đẹp
Nghệ thuật tài năng đều hoàn bị
Nói năng giọng điệu thật dễ nghe
Lại tài múa hát vui lòng chúng.
Chư Thiên thấy em đều hoan hỷ
Họ đều ao ước sinh ái dục
Chúng em chẳng phải chẳng yêu Ngài
Ngài đã gặp em sao không muốn?
Như người thấy được kho vàng quý
Buông bỏ, lánh xa, đi nơi khác
Không biết của cải là nhân vui
Tâm ý của Ngài chẳng khác nào.
Không biết khoái lạc của ngũ dục
Lặng yên thiền định chẳng chịu ta
Hay là Ngài thật ngu si quá
Tại sao chẳng hưởng lạc thế gian?
Đường đến Niết-bàn xa vời lắm!

Lúc bấy giờ Bồ-tát vận dụng tâm lực nhìn thẳng vào đám ma nữ, mắt không rời, chánh niệm mỉm cười giữ vững các căn ổn định, thân thể ngay ngắn, an trụ như núi Tu-di, tâm ý không xao động, không hổ thẹn. Ngoài

ra, bằng bao nhiêu pháp môn phương tiện trí tuệ như thuở xưa mà Ngài đã từng nhiếp phục tất cả phiền não, Ngài dùng kệ với giọng nói đầy lòng thương xót, hơn tiếng Phạm thiên, như tiếng chim Ca-lăng-tần-già, bảo đám ma nữ:

Các thứ ngũ dục nơi thế gian
Khổ não ràng buộc nhiều tội lỗi
Do vì phiền não mất thần thông
Sa hố Vô minh, vào hắc ám.
Chúng sinh mãi mê không biết chán
Ta bỏ phiền não đã từ lâu
Như hầm lửa đỏ, nhiều độc dược
Từ xưa đến nay, sớm xa lìa
Đã uống nước cam lộ trí tuệ
Tự giác xong rồi lại độ người
Sẽ thuyết pháp môn rất vi diệu
Nếu nay thọ dụng uế dục này
Chắc chắn hoàn toàn không đắc đạo.
Nếu ai tăng trưởng tâm tham dục
Thì gọi người này quá ngu si
Tự lợi cho mình không tự có
Huống chi lợi ích cho chúng sinh
Do đó, Ta không còn đam mê.
Năm dục thế gian đốt chúng sinh
Giống như kiếp hỏa thiêu vạn vật
Ngũ dục như bọt, bong bóng nước
Giống như sóng nắng không chân thật
Giả dối lừa gạt kẻ phàm phu.
Kẻ trí nào ai vui ngũ dục
Giống như đám trẻ quá dại khờ
Thích thú vui chơi trong phẩn uế
Gạt gẫm người ngu không trí tuệ.
Thấy người trang điểm chuỗi anh lạc
Thấy vậy rồi sinh tâm tưởng dục
Nguồn gốc đầu tóc từ não sinh
Nhơ nhớp hôi tanh hơn mụt nhọt,
Răng trắng sinh ra nhờ ăn uống
Miệng môi, tai mắt cùng lỗ mũi
Tất cả như bong bóng nước trôi.

Hai mông, thắt lưng và cột sống
Là nơi bất tịnh từ máu sinh
Bụng dạ là đãy chứa phẩn tiểu
Trong đó chứa đầy đồ nhơ nhớp.
Nghiệp ấy là từ ái dục sinh
Như dùng bánh xe làm thuyền tán
Ngu si thọ dục cũng như vậy
Nếu có những người là bậc trí
Đều biết những tai ương như vậy
Thì họ chẳng hưởng thứ vui này.
Ngày đêm thân thể máu lưu hành
Mắt thấy chỗ thối, tâm chẳng vui
Hai đùi, hai giò, hai bàn chân
Gân xương buộc nhau nên đứng vững.
Ta xem các ngươi nay như vầy:
Như tuồng huyễn hóa, như giấc mộng
Tất cả đều do nhân duyên sinh.
Ngũ dục không có tánh chân thật
Ngũ dục đánh mất các Thánh đạo
Ngũ dục dẫn người vào ác đạo
Ngũ dục cũng như hầm lửa lớn
Cũng như chất độc đầy trong bát
Như đầu rắn dữ chẳng nên rờ
Ngu si với dục, bị mê hoặc.
Cố tưởng thanh tịnh sinh tâm tham
Ngũ dục như dùng người làm thuê
Cùng các phụ nữ làm tay sai
Xa lìa tịnh giới và tâm đạo
Cũng lìa trí tuệ thiền tịch định
Sống nơi hỗn loạn chốn ồn ào
Xa lìa diệu pháp, vui ngũ dục
Người ấy đọa địa ngục, không nghi.
Ta thấy chúng ma đều huyễn hoặc
Do vậy tâm ta không ưa thích
Ta cầu tự tại vui rốt ráo
Lại dạy chúng sinh cũng như vậy.
Ta đã giải thoát cảnh thế gian
Như gió trên không, chẳng bị buộc

Giả sử chúng sinh thế gian này
Tất cả đều thành chúng ma nữ
Tâm Ta hoàn toàn không nghĩ đến
Cùng ngươi thọ dục, dù một niệm.
Từ lâu ta trừ: sân, nhuế, hận
Ngu si, tham dục thảy đều không
Chư Phật Thế Tôn bậc Đại trí
Tâm không ngăn ngại như hư không.

Bấy giờ các con gái của Ma vương Ba-tuần thông thạo các pháp huyễn hoặc của người phụ nữ, lại làm duyên dáng tăng thêm vẻ yêu kiều, dung nhan thật lộng lẫy, cũng dùng lời nói mỹ miều xảo quyệt đến quyến rũ Bồ-tát.

Có kệ:

Ma vương Ba-tuần có ba nàng
Khả ái, khả hỷ và hỷ kiến
Tôn quý nhất trong các ma nữ.
Ma vương dạy chúng khéo điểm tô
Mau mau đi đến nơi Bồ-tát
Hiện trò huyễn hoặc làm duyên dáng
Múa thân yểu điệu tợ cành cây
Uốn mình uyển chuyển theo chiều gió
Đứng trước đều hướng về Bồ-tát
Ca múa, xướng hát như thế này:
Ngài là Thích tử sắp làm vua
Tại sao lại ngồi dưới cội này?
Đầu xuân thời tiết thật đẹp trời
Nam nữ gặp nhau lòng hớn hở
Giống như đàn chim tự vui vầy
Dục tâm phát khởi khó ngăn chặn
Đến lúc cùng nhau nên hưởng lạc
Tại sao quyết chí chẳng nhìn em?
Chúng em nay đã đến nơi đây
Cần nên cùng làm thỏa thích ý.
Bồ-tát giống như vầng nhật hiện
Ức kiếp tu hành chứa công đức
Tâm ngài không động, như Tu-di
Giọng Ngài thanh thoát, vang như sấm
Chậm rãi bước đi như sư tử

Lời nói ích lợi lắm thành công:
"Chúng sinh thế gian không lường được
Thường bị các dục gây đấu tranh
Đấu tranh đưa đến những tranh cãi
Những người vô trí như thế ấy,
Thường bị các khổ phiền não đốt.
Người trí biết rồi không tùy thuận
Vứt bỏ, xa lìa nên xuất gia
Sống nơi rừng núi lấy làm vui.
Với ta, hôm nay thời đã đến
Sắp chứng pháp cam lộ thường trụ
Trước phải thu phục chúng ma quân
Sau mới chứng thành Bậc mười lực."

Các nữ ma, con gái Ma Ba-tuần lại bạch Bồ-tát như thế này:

Mặt mày nhân giả như hoa đẹp
Xin nghe những lời chúng tôi nói:
Hãy ở thế gian thọ Vương vị
Tôn quý, quyền lực rất tột bậc
Hoặc nằm, hoặc ngồi hay đi đứng
Âm thanh tuyệt diệu thường liên tục.
Bồ-đề cực quả rất khó thành
Huống lại chư Phật thân trí tuệ
Đường chánh giải thoát khó tiến hành
Nhân giả thấy ai đi đến được?

Khi ấy Bồ-tát lại đáp:

Ta đang quyết định thành Pháp vương
Làm Bậc tự tại trong trời người
Chuyển bánh xe pháp vô thượng diệu
Đầy đủ mười lực không sợ sệt
Riêng Ta siêu tuyệt trong tam giới
Các hàng đệ tử học, vô học
Số ngàn vạn ức xung quanh Ta.
Họ thường ca ngợi như thế này:
Đại thánh ra đời trừ nghi hoặc
Ta sẽ vì họ tuyên diệu pháp
Tùy ý du hành khắp mọi nơi
Do vậy, Ta giữa thế gian này
Chẳng thích vui chơi năm dục lạc.

Ma nữ lại bạch Bồ-tát:

Nay tuổi thiếu niên thật đáng tiếc
Già nua suy yếu chưa xuất hiện
Tràn đầy sức lực mặc tứ tình
Đến khi gầy ốm không kham nổi
Mới nên rời bỏ thân tuấn tú.
Chúng em như hoa tuổi mười lăm
Chính cùng Nhân giả kết lương bằng
Ngũ dục vui chơi rất đẹp duyên
Cớ gì chán ghét em như vậy?
Nếu nay Nhân giả chẳng thuận tình
Chúng em trọn đời theo đuổi mãi.

Bồ-tát lại bảo chúng:

Ngày nay đã được thân thể người
Nỗ lực xa lìa các tai nạn
Cần cầu vào được cửa cam lộ
Khi lìa khổ ách ở thế gian
Mới rời các nạn nơi trời, người.
Và nay già, bệnh chết chưa đến
Các đấu tranh ác lại chẳng sinh
Chúng ta cấp tốc phải lên đường
Sớm lìa các chỗ nạn như vậy.
Nơi thường trụ, lặng yên không sợ
Đó là chân thật thành Niết-bàn.

Lúc bấy giờ ma nữ nói kệ:

Nhân giả trong trời như Đế Thích
Chư Thiên, ngọc nữ hộ hai bên
Diệm-ma, Đâu-suất và Hóa lạc
Tha hóa tự tại cùng cung ma
Tốt đẹp đầy đủ chẳng thiếu chi
Nên hưởng ngũ dục, chớ tịch diệt.

Lúc bấy giờ Bồ-tát dùng kệ đáp:

Ngũ dục như sương, chẳng bao lâu
Như mây mưa mùa thu, giây lát
Các cô đáng sợ, như rắn dữ
Đế Thích, Dạ-ma và Đâu-suất
Đều thuộc ma vương, không tự tại.

Ái dục trăm oán, tại sao tham?

Bấy giờ ma nữ lại nói kệ:

Ngài sao chẳng thấy hoa cây cối
Ong, bướm, tiếng chim đồng hòa tấu
Cỏ xanh mềm mại trải một vùng
Các rừng tốt đẹp cùng xuất hiện
Nhạc công cõi trời trổi âm thanh
Đang là thời đẹp, nên hưởng lạc.

Lúc bấy giờ Bồ-tát dùng kệ nói:

Ngàn cây tùy thời sinh hoa quả
Chim, ong đói khát tìm hương vị
Khi nắng bừng lên, đất tự khô
Cam lộ chư Phật không thể cạn.

Lúc bấy giờ ma nữ lại nói kệ:

Sắc diện Nhân giả như trăng hiện
Nhìn dung mạo em tợ hoa sen
Miệng răng trong sạch, trắng như ngà
Mỹ nhân như vậy trời cũng hiếm.
Huống lại nhân gian Ngài gặp được
Thân tâm hòa thuận theo ý Ngài.
Bấy giờ Bồ-tát dùng kệ đáp:
Ta xem thân ngươi chảy bất tịnh
Vi trùng tụ tập ngàn vạn ổ
Không bền, các ác đầy khắp thân
Sinh, già, bệnh, chết luôn theo đuổi.
Ta cầu Tối thượng nhất thế gian
Đường Bậc trí, chân chính không lùi
Ngươi dùng đủ sáu mươi bốn cách
Tay rung anh lạc, lắc vòng tai
Bị tên dục bắn, Ta mỉm cười.
Nên hỏi: Sao Ngài chẳng điên đảo?
Kẻ khác bị nạn, riêng Đại nhân
Thấy ngũ dục đẹp như độc dược
Như mặt trên dao, làm đứt lưỡi
Dục như đầu rắn, hố lửa sâu.
Bậc Sư tử đi như vũ bão
Cây cối bờ núi đều đổ nhào

Ta nay oai đức lìa ngũ dục
Xả bỏ các ngươi cũng như vậy.
Các hàng ma nữ diễn trăm trò
Huyễn hoặc Bồ-tát chẳng động tâm
Bồ-tát như thân sư tử chúa
Như núi Tu-di yên không động.
Chúng ma dụ dỗ chẳng thành công
Tâm rất xấu hổ, đều cúi đầu
Cung kính, vui mừng, đồng tán thán:
Mặt ngài đẹp sạch tợ hoa sen
Cũng như đề hồ và trăng thu
Chói sáng rực rỡ như Kim sơn
Cầu cho ước nguyện Ngài thành tựu
Tự độ, độ người ngàn vạn chúng.

Lúc bấy giờ lũ con gái của Ma vương Ba-tuần không đủ sức huyễn hoặc Bồ-tát, tâm rất xấu hổ, tự thấy thẹn thùng, đều cúi thân đảnh lễ dưới chân Bồ-tát, nhiễu quanh ba vòng rồi thoái lui, thất thểu đi về bên Ma vương Ba-tuần. Đến nơi, chúng bạch phụ vương:

–Thưa phụ vương, chẳng nên có ý nghĩ đến nơi chúng sinh đó gây oán thù. Vì sao? Vì từ xưa đến nay chưa từng thấy một chúng sinh nào ở trong Dục giới bị chúng con bày đủ trò tình tứ mê hoặc bên họ mà họ không chút động tâm như vậy. Lại nữa, khi chúng con khêu gợi dâm dục thì làm cho ý chí của người khác đều khô cạn, giống như khi trời hạn, tất cả cây cỏ đều bị cháy rụi, giống như bơ để dưới ánh nắng trời mùa xuân đều tự chảy ra nước. Ngày nay bậc Trượng phu này vì nhân duyên gì vẫn độc lập như vậy? Vì lý do đó, xin phụ vương chớ nên gây oán thù với vị ấy.

Rồi hướng về phụ vương, chúng nói kệ:

Thân Ngài vàng hơn hoa Chiêm-bặc
Vô biên công đức danh đồn khắp
Không động, giống như núi Tu-di
Đảnh lễ Ngài rồi, giờ trở về.
Con xin trình rõ đủ mọi điều
Mắt ngài xanh biếc tợ hoa sen
Mỉm cười nhìn con, tâm không động
Diện mạo trong sạch, nhìn không nháy
Không sân, không giận, không dục nhiễm
Xem lũ chúng con như huyễn hóa.

Giả sử Tu-di ngã đổ nhào
Nhật nguyệt tinh tú đều rơi rụng
Biển lớn cạn sạch, nước không còn
Ngài thấy ái dục, tâm chẳng thoái.
Giọng Ngài thanh thót, nghe hoan hỷ
Tâm từ nhìn con, không dục nhiễm
Thấy con không sinh tâm sân hận
Tư duy sáng suốt về thân người
Quán biết ý con và thân thể
Tư duy tỉ mỉ nạn nữ nhi
Do vậy, tâm không hưởng ngũ dục
Lìa dục không tham, nào ai biết
Chẳng phải trình độ của người, trời.
Chúng con bày trò của phụ nữ
Tâm Ngài nếu còn có dục ái
Thì tâm ý cháy như củi khô.
Tuy Ngài thấy con, tâm không nhiễm
Đứng yên sừng sững tợ Tu-di
Phước trí trang nghiêm trăm công đức
Bố thí, trì giới, hạnh viên toàn
Từ hàng vạn kiếp tu phạm hạnh
Là Bậc thanh tịnh oai đức lớn.
Chúng con đảnh lễ Kim thân Ngài
Ma ta bị bại hẳn không nghi.
Chánh giác Bồ-đề, Ngài phải chứng
Chúng ta chẳng nên gieo oán nghiệp
Trận này ta đánh thật khó thắng
Muốn Ngài hàng phục cũng gian nan.
Phụ vương hãy xem trên không trung
Nhiều chúng Bồ-tát phương khác đến
Thân đều trang nghiêm bằng anh lạc
Trân trọng, cung kính lễ Ngài ấy
Hoa Mạn-đà-la rơi như mưa
Nói kệ vi diệu tán thán Ngài.
Chư Phật mười phương cho sứ đến
Mang theo nhiều thực phẩm cam lộ
Các loài hàm thức đều kéo đến
Vô tình các núi cùng cây cối

Thần núi Tu-di cùng Đế Thích
Đảnh lễ hướng về rừng Công đức.
Như vậy phụ vương, chẳng phải lúc
Chúng con cần phải trở về đây.

Lúc ấy Ma vương liền nói kệ:

Qua sông phải qua đến bờ sông
Muốn đào lấy cây phải chặt rễ
Đã kết oán phải trừ tận gốc
Việc đã làm rồi, không thể hối.

Khi ấy Ma vương Ba-tuần không nghe lời khuyên của trưởng tử Thương Chủ, lại cũng không nghe lời can gián của các ái nữ, liền đích thân đến cây Bồ-đề. Khi đến bên cây Bồ-đề rồi, Ma vương liền nói với Bồ-tát:

–Này Sa-môn họ Thích, vì cầu gì mà đến đây, ngồi một mình dưới rừng cây trong đêm mây mù, mưa gió tối tăm, đầy các loài thú hoang dữ và nhiều loài rồng độc ác đáng kinh sợ? Này Tỳ-kheo, người không sợ những tên giặc cướp tàn bạo hay sao?

Khi ấy Bồ-tát đáp lời Ma vương Ba-tuần:

–Này Ma vương Ba-tuần, Ta muốn cầu quả Niết-bàn tịch diệt, là việc làm của chư Phật trong đời quá khứ là chỗ tối thượng vô úy, dứt sạch các hữu. Vì lý do đó, hôm nay Ta đến an tọa dưới cội Bồ-đề, trong cảnh thanh vắng này.

Lúc ấy Ma vương liền dùng kệ nói Bồ-tát:

Sa-môn một mình nơi vắng lặng
Khổ hạnh mong cầu điều rất khó
Tiên nhân tuổi già đầy phương tiện
Còn mất thiền định đều thoái lui
Huống chi ngươi sung sức cường tráng
Cầu quả thắng diệu do đâu được?
Khi ấy, Bồ-tát dùng kệ bảo Ma vương Ba-tuần:
Chư Thiên thuở xưa tu khổ hạnh
Tinh tấn dũng mãnh chưa sâu xa
Phước báo thiện lực sức không mạnh
Ta xưa giữ giới thệ kiên cố
Ba-tuần, nếu Ta không chứng đạo
Trọn đời chẳng bỏ cội cây này.

Khi ấy Ma vương lại nói kệ:

Ta, đấng tối tôn trong Dục giới

Đế Thích, Hộ Thế đều do ta
Tu-la, Long vương, Khẩn-na-la
A-tỳ đến nay đều dân ta
Người cũng đang ở trong nước ta
Tự nghĩ nên sớm rời cây này.

Khi ấy Bồ-tát lại dùng kệ bảo Ma vương Ba-tuần:

Ngươi ở Dục giới tuy quyền lực
Nhưng không tự tại trong pháp giới
Chỉ biết địa ngục cùng ngạ quỷ
Nhưng Ta chẳng phải người ba cõi
Chứng đạo quyết phá cung ma ngươi
Khiến ông về sau mất quyền lực.

Khi ấy Ma vương Ba-tuần lại nói với Bồ-tát:

–Này Thích tử, người nên sớm rời khỏi nơi đây, nhất định sẽ được ngôi Chuyển luân thánh vương, làm vị đại địa chủ cai trị bốn châu thiên hạ đầy đủ bảy báu, thống lãnh tất cả sơn hà đại địa.

Này Thích tử, người lẽ nào chẳng nhớ những lời dự đoán "là ngươi sẽ làm vua…" của các vị Tiên nhân thuở trước như vậy sao? Người nên mau đứng dậy về làm chủ cõi đời một cách tự do. Nếu người trở về sẽ được oai đức tối thượng không ai sánh bằng, trú trong chánh pháp cai trị giáo hóa dân chúng, được dân chúng tất cả nước đồng khát ngưỡng, đến cung kính cúng dường. Lại nữa Thích tử, thân ngươi mềm yếu, từ nhỏ đến lớn được nuôi dưỡng trong thâm cung, nay sống ở trong rừng hoang vắng, ít người lui tới, nhiều loài mãnh thú đáng sợ, sống đơn độc không bè bạn, e thân người bị tổn hại, làm cho ta mãi ưu sầu.

Lại nữa Thích tử, người sớm rời khỏi chỗ này trở về hoàng cung. Những điều thế gian khó có được mà người đã được, ngũ dục tuyệt vời đẹp mắt vừa ý mà người từ khước không thọ hưởng. Người tuy muốn cầu đạo Vô thượng nhưng điều này thật khó được.

Này Thích tử, người chưa thật biết đạo Bồ-đề rất khó chứng được, chỉ uổng công mệt sức mà thôi.

Ba-tuần nói như vậy rồi, đứng yên lặng. Khi ấy Bồ-tát bảo Ma vương Ba-tuần:

–Này Ma vương Ba-tuần, ngươi chẳng cần nói như vậy. Vì lý do gì? Vì tâm Ta không thích thú vui ngũ dục. Này Ma vương Ba-tuần, Ta từ lâu đã biết hiểm họa của ngũ dục, một khi đam mê ngũ dục rồi thì không bao giờ biết đủ. Thú vui ngũ dục chỉ trong chốc lát, không được

lâu dài, vì vô thường, khổ, không, vô ngã nên không chắc chắn, giống như hạt sương trên cỏ, như đầu lưỡi rắn độc đáng sợ khó đụng vào, như đống xương hôi thối chẳng sạch, giống như khúc thịt các loài thú cùng tham ăn tương tranh tương sát, giống như quả chín muồi trên cây, ở cành chẳng được bao lâu, như chiêm bao, như bọt nước, như trò ảo thuật, như sóng nắng không có chân thật, như lửa vùi trong đống phân dê, thình lình đốt cháy người. Này Ma vương Ba-tuần, Ta muốn chứng pháp vô vi. Này Ba-tuần, ngươi phải biết, Ta đã xả bỏ cảnh giàu sang phú quý và cho đến bảy báu trong bốn châu thiên hạ.

Lại nữa, Ma vương Ba-tuần, ví như có người dùng cao lương mỹ vị rồi lại mửa ra, sau đó muốn ăn trở lại, thì không có việc như vậy. Đúng như vậy! Như vậy! Ta nay đã xả bỏ các phước báo như trên, đây là việc hết sức khó làm, giống như người mửa đồ đã ăn, không thể ăn trở lại. Ta đâu có thể trở về hoàng cung! Này Ma vương Ba-tuần, Ta chẳng bao lâu nữa chắc chắn tỏ ngộ Bồ-đề, chứng thành Phật quả, dứt sạch các khổ sinh, già, bệnh, chết. Này Ba-tuần, ngươi nên trở về cung điện của ngươi, không nên đứng đây! Ông nói lắm lời phù phiếm, lời nói không lợi ích, là lời nói của kẻ ngu si.

Khi ấy Ba-tuần lại suy nghĩ: "Người này không thể dùng ngũ dục dối gạt, ta nên dùng các sách lược khác, đem lời hoa mỹ cám dỗ lòng người, khiến bỏ đi nơi khác."

Khi đó Ma vương Ba-tuần suy nghĩ như vậy xong, lại thưa Bồ-tát:

–Nhân giả, Sa-môn Thích tử dòng Cam Giá mau đứng dậy! Mau đứng dậy! Nhân giả từ ấu thời đến nay chưa từng thấy chiến đấu, đao binh tranh nhau, thật đáng khủng khiếp. Nhân giả chỉ làm theo vương pháp của mình, trận chiến đối địch không phải là việc nhân giả có thể chịu được. Lại Nhân giả chẳng nên cùng kẻ khác gây oán thù. Nếu gây oán thù thì các thứ tham dục, ngu si triền miên làm uế trược tâm thức, không thể thoát các ấm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Nhân giả mau mau đem tấm thân với tâm bất thiện, bất chánh kiến này trở về. Này Sa-môn Thích tử, Ngài về hoàng cung lập hội Vô giá, thọ ngôi Kim luân thánh vương, dùng pháp vua hàng phục thế gian, cai trị thiên hạ, chẳng nên luyến tiếc nơi đây mà bị thương tổn vì chiến đấu.

Này Nhân giả, khi Ngài trở về cung của mình, thì sẽ được phước đức, oai thế lớn, trên con đường vương vị chánh đáng, đáng hân hoan mà thuở xưa các vị vua đều khen ngợi. Quốc gia Ngài ở rộng rãi, thống lãnh bốn châu thiên hạ, tất cả đều được đầy đủ không thiếu một vật gì.

Nhân giả đã hạ sinh trong thâm cung của một Đại vương, ngày nay lại cạo bỏ râu tóc làm Tỳ-kheo, thật không thích hợp đời sống khất sĩ. Tại sao Nhân giả con dòng họ Thích, thuộc giai cấp vua chúa, lại chọn lấy đời sống bần cùng của Sa-môn? Tôi thương xót Ngài cho nên mới nói ra những lời như vậy, cũng chẳng phải tôi dùng sức mạnh buộc nhân giả rời khỏi đây, chỉ vì ý tôi không nỡ thấy nhân giả làm những điều không tốt đẹp.

Rồi ma nói kệ:

Này người Sát-lợi, chết đáng sợ
Nên bỏ giải thoát về hoàng cung
Lập pháp cung tên trị thế gian
Đời nay khoái lạc, sau lên trời
Con đường vua chúa danh đồn khắp
Thuở trước các vua đồng tiến bước
Nhân giả đã sinh trong dòng vua
Không hợp Sa-môn sống khất thực.

Khi Ma vương Ba-tuần nói như vậy rồi, Bồ-tát nhìn chăm chú, xác định không theo, không động thân, không rời chỗ ngồi, trong tâm thầm nghĩ: "Ôi thôi! Ba-tuần, ngươi mưu cầu tự lợi chẳng phải vì thương Ta." Nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát nói với Ba-tuần:

–Này Ma vương Ba-tuần, Ta đã ngồi trên tòa Kim cang kiên cố, ngồi kiết già rồi, rất khó phá hoại, vì Ta muốn chứng pháp cam lộ. Này Ma vương Ba-tuần, theo ý nghĩ của ông, tùy ý làm, có thể làm được, tùy ý thực hiện.

Khi ấy Ba-tuần nổi sân, bực tức nói với Bồ-tát:

–Này Tỳ-kheo họ Thích, ngày nay vì cớ gì ngồi dưới gốc cây nơi thanh vắng. Với tiếng rống la của ma quân như vậy, ý ngươi nghĩ gì mà cứ ngồi yên? Hay cho rằng như ngồi trong thành, được bảo vệ vững chắc bởi bốn bức tường chung quanh. Này Tỳ-kheo, lẽ nào không thấy ta thống lãnh bốn binh chủng: tượng, mã, xa, bộ cùng các binh chủng khác, đồng thời cờ phướn, cờ lệnh, cờ lông, lọng lông, cờ xí…kéo đến đây? Có nhiều quỷ Dạ-xoa đều ăn thịt người, bắn tên giỏi như thần, đều cầm cung nỏ hoặc cầm tên nhọn, giáo mâu, câu liêm, mác, dao, gậy, bánh xe chiến đấu bằng kim cương, búa… đủ các loại binh khí. Xe thì có hàng vạn voi, lạc đà, ngựa đầy khắp hư không, đồng cất tiếng rống vang. Ngoài ra, còn có vô lượng các loài rồng đều ẩn trong những tảng mây đen kịt, điện chớp lòe lẹt, lẫn trong trận mưa tuyết cuồng loạn.

Bấy giờ Ma vương Ba-tuần rút một thanh kiếm nhọn ở nơi thắt lưng, cầm nơi tay, vội vã chạy về phía Bồ-tát, miệng xướng to:

–Này gã Tỳ-kheo họ Thích, thanh kiếm này của ta chặt đứt thân thể ngươi, giống như lực sĩ chẻ tre.

Rồi nói kệ:

Bảo kiếm của ta thật cứng bén
Đang cầm nơi tay, người xem rõ
Sa-môn, nếu người không chạy gấp
Sẽ chém thân ngươi như chẻ tre.

Khi ấy Bồ-tát nói kệ đáp Ma vương:

Dù cả Ma vương chật đất này
Tay đều cầm dao như Tu-di
Các ngươi chẳng động một lông Ta
Thân Ta làm sao ngươi chặt đứt?
Ma vương, nếu ngươi có sức mạnh
Ta nay sắp chứng quả Bồ-đề
Như ngươi ngăn cản, Ta không thuận
Hãy mau ra tay, tùy ý ngươi.

Khi Bồ-tát nói kệ này rồi, lại bảo Ma vương:

–Này Ma vương Ba-tuần, giả sử cả ngàn vạn ức chúng sinh đều có thân hình như ông, dốc toàn sức lực đến đây làm trở ngại, mong làm tổn hại đạo quả Bồ-đề của Ta, để Ta không chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta quyết không rời khỏi nơi đây để ngồi dưới những gốc cây khác.

Ma vương Ba-tuần nói với Bồ-tát:

–Này Tỳ-kheo họ Thích, người thuở trước ngồi bên bờ sông Ni-liên-thiền, thuộc xứ Ưu-lâu-tần-loa phát tâm tinh tấn, sáu năm khổ hạnh không tiếc thân mạng vẫn không chứng được quả Vô thượng. Huống chi ngày nay đã bỏ tâm tinh tấn, thoái thất thiền định, sinh tâm giải đãi, nương vào đâu mà ngươi mong đắc quả?

Bồ-tát đáp lời Ma vương Ba-tuần:

–Này Ma vương Ba-tuần, thuở xưa vì Ta mới phát tâm tinh tấn nên ngồi nơi vắng lặng bên bờ sông kia để điều phục tự tâm. Ngày nay sự tinh tấn dũng mãnh đó Ta đã thành tựu. Lại thuở trước, Ta tu khổ hạnh sáu năm là để đối trị sự mỏi mệt, ngày nay không còn như vậy nữa. Này Ma vương Ba-tuần, những lời can gián của ông như vậy thật chẳng phải là lòng thương xót. Nếu có lòng thương xót Ta thì đâu có nói lời như vậy. Ông đã sinh tâm

như vậy, Ta nhất định sẽ được giải thoát, rồi làm kẻ khác cũng giải thoát như Ta. Này Ma vương Ba-tuần, Ta quyết định chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quyết định sẽ được giải thoát vi diệu.

Khi ấy Ba-tuần nghe Bồ-tát nói những lời như vậy, tâm rất ưu sầu nên bỏ tất cả sức cố gắng, lại nghĩ: "Ta đã dùng lời hoa mỹ cám dỗ nhưng không thể khiến người rời khỏi gốc Đạo thọ. Người đã phát lời thệ nguyện sâu nặng, không thể dùng lời tình cảm mà lay động được, vậy nên dùng sức chiến đấu khủng bố, quở trách, bắt ép để giải quyết, khiến người tâm sinh kinh sợ mà vội vã đứng dậy bỏ đi."

Ma Ba-tuần nghĩ như vậy rồi, nói với Bồ-tát:

–Này Tỳ-kheo họ Thích, ta đã dùng lời chân chánh nói với ông, ông không nhận lòng tốt của ta khuyên can như vậy, không đứng dậy gấp đi đến nơi khác. Ông thật là ngu si, đến giờ này ông sẽ thấy rõ những điều không tốt.

Khi ấy Bồ-tát nói với Ma vương Ba-tuần:

–Này Ma vương Ba-tuần, khi Ta còn trong thai Thánh mẫu, các người còn không thể làm chướng ngại Ta, huống chi ngày hôm nay. Này Ma vương Ba-tuần, các ngươi nên mau trở về chỗ ở của các ngươi, từ xưa đến nay Ta đã chưa từng sợ các ngươi, ngày nay cũng không sợ.

Rồi Bồ-tát hướng về Ba-tuần, nói kệ:

Hư không dù mưa đao gậy xuống
Cắt xén thân Ta ra từng mảnh
Nếu Ta không qua biển sinh tử
Trọn đời chẳng rời cội Bồ-đề.

Bấy giờ Ma vương Ba-tuần nói với Bồ-tát:

–Này Tỳ-kheo họ Thích, nay ông nói như vậy là do ông chưa thấy sức mạnh quân ma. Tại vì sao? Vì quân ma của ta mặc chiến giáp kiên cố, cầm đủ thứ loại binh khí lao vào thân ông. Ngay khi ấy, Tỳ-kheo họ Thích tự vội vàng đứng dậy rời khỏi gốc cây này chạy đến bên ta và chắc chắn miệng sẽ nói to lên thế này: "Ma vương, ngài hãy cho ta nương tựa?" Này Tỳ-kheo, người chưa hay biết thần thông của ta, nên ông mới ngồi nơi tòa Sư tử, rống lên tiếng Sư tử. Này Tỳ-kheo họ Thích, hãy mau đứng dậy, cần gì ngày nay phải rống lên tiếng Sư tử một cách uổng phí.

Ma vương nói kệ:

Ta có binh chủng voi, ngựa, lính
Cùng các thần tướng rành binh pháp
Thân mặc chiến bào, tay cầm trượng

Ông còn mạng sống hãy chạy nhanh
Để sau cầu ta, thật khó giúp
Khi ta muốn cứu, lại chẳng kham.

Bấy giờ Bồ-tát nói với Ma vương Ba-tuần:

–Này Ba-tuần, bốn biển lớn và cõi đại địa này có thể dời đi nơi khác. Mặt trời, mặt trăng cùng tinh tú có thể từ hư không rơi xuống đất. Núi chúa Tu-di có thể bửa ra làm trăm mảnh. Cõi đại địa và núi Tu-di cũng có thể đưa lên trời hay có thể lật úp. Cũng có thể lấy đất khô lấp sông Hằng, ngăn không cho nước chảy. Nhưng tâm Ta ngày nay không ai ngăn cản, chế phục được. Thân Ta không thể dời di nơi khác. Vì sao? Này Ma vương Ba-tuần, như Ta thuở xưa khi tu khổ hạnh, các sức thiền định, giới hạnh, thần lực của Ta là như vậy. Này Ba-tuần, với sức Ta như vậy, dù trời, dù rồng không thể hơn Ta, không thể thắng Ta. Ta nhờ thuở xưa tu hạnh Bồ-đề trong ngàn ức kiếp được thành tựu viên mãn.

Rồi Bồ-tát nói với Ma vương:

Tịnh cư các trời, chúng của Ta
Trí lực làm tên, cung phương tiện
Nay Ta thu phục ngươi chẳng khó
Giống như voi say đạp trúc khô.

Ma Ba-tuần nghe Bồ-tát nói những lời như vậy, tăng thêm tức giận. Vốn đã tức giận lại càng thêm tức giận tràn ngập châu thân, Ma vương la lớn ra lệnh tất cả Dạ-xoa, La-sát…:

–Này đại tướng giỏi và loạn chúng Xích Nhãn, các khanh mau mau đến đây, đem tất cả núi đá, cây cối cùng các binh khí cung, tên, đao, kiếm, chày Kim cang, gậy, trái đấm, mâu, giáo, mác, rựa… bủa tuôn vào trên đầu tên họ Thích dòng Sát-lợi! Tất cả vũ khí đều phải tuôn xuống như mưa tuyết.

Lúc ấy đại tướng giỏi Dạ-xoa nghe Ba-tuần ra lệnh như vậy liền cho bốn binh chủng chuẩn bị nghiêm chỉnh, thân đều mặc áo giáp, tay cầm các binh khí vội vã kéo đến, vô lượng trăm ngàn vạn ức Dạ-xoa, La-sát, Tỳ-xá-già và Cưu-bàn-trà… đủ các hình dung, đủ các tướng mạo, đủ các nhan sắc, cầm đủ binh khí, biến hiện đáng sợ, đầu mình dị tướng, la hét khác thường, tiếng đầy ác khí. Đủ các hình như: có kẻ mặt voi, có kẻ đầu ngựa, hoặc đầu lạc đà, đầu bò, đầu trâu, hoặc có người đầu la, đầu chó, hoặc có người đầu dê, đầu ngựa, đầu sư tử, đầu cọp, đầu báo, đầu chó sói, đầu chồn, đầu dã can, đầu mèo, đầu hươu, đầu nai… và các loài mặt chim. Lại có loại đầu Ma-kiệt, rùa, cá. Hoặc có các thân trùng đầu rắn, thân ngựa đầu voi, thân

voi đầu ngựa, thân bò đầu lạc đà, thân lạc đà đầu bò, hoặc thân la, thân lừa đầu trâu, hoặc đầu lừa thân trâu, đầu chó thân heo, đầu heo thân chó, hoặc đầu dê đen thân chó sói, hoặc đầu chó sói thân dê đen, hoặc đầu sư tử thân hổ báo, hoặc đầu hổ báo thân sư tử, hoặc đầu chồn đầu mèo thân gấu, hoặc đầu gấu thân chồn, mèo; hoặc đầu tê giác thân rái, hoặc đầu rái thân tê giác, hoặc đầu mao ngưu thân khỉ, hoặc đầu khỉ thân mao ngưu, hoặc đầu vượn thân dã can, hoặc đầu dã can thân vượn, đầu mèo thân chim, đầu chim thân mèo, hoặc đầu cá Ma-kiệt thân rùa trạnh, hoặc đầu rùa trạnh thân cá Ma-kiệt, hoặc đầu cá thân rắn, đầu rắn thân cá, đầu súc sinh thân người, đầu người thân súc sinh, hoặc có thân mà không có đầu, hoặc có nửa mặt, hoặc có nửa thân, hoặc một thân hai đầu, hoặc một thân ba đầu, hoặc một thân có nhiều đầu, hoặc có đầu mà không có mặt, hoặc có mặt mà không đầu, hoặc có nửa đầu mà không có mặt, hoặc có nửa mặt mà không có đầu, hoặc có hai đầu mà không mặt, hoặc lại không mặt mà có ba đầu, hoặc lại có nhiều đầu mà hoàn toàn không mặt.

Hoặc hoàn toàn không mắt, hoặc có một mắt, hai mắt, ba mắt cho đến nhiều mắt. Hoặc không tai, hoặc có một tai, hai tai, ba tai cho đến nhiều tai. Hoặc không bàn tay, hoặc không cánh tay, hoặc có một bàn tay, hai bàn tay, ba bàn tay, cho đến nhiều bàn tay. Hoặc không có bàn chân, hoặc chỉ có một bàn chân, hai bàn chân, ba bàn chân, cho đến nhiều bàn chân và không ống chân. Hoặc đầu nghiêng ngã, hoặc đầu lủng lẳng, hoặc đầu quay xuống đất, chổng cẳng lên trời, tay chân đảo lộn, hoặc bị chặt đứt mà còn treo. Hoặc mắt đảo lộn, hoặc mắt lồi ra xanh biếc đáng sợ, hoặc có kẻ mắt đỏ, hoặc mắt sáng như băng, hoặc mắt luôn luôn chuyển động. Hoặc có kẻ tai rủ xuống, hoặc có kẻ tai như sơn dương, hoặc có kẻ tai như tai lừa, hoặc như mộc nhĩ, hoặc như tai khỉ, hoặc như tai cá, hoặc trên một thân có nhiều loại tai. Hoặc có kẻ mũi lệch mà thân thì xấu xí, hoặc có kẻ bị treo miệng hoặc treo lưỡi, hoặc lưỡi thô kệch, hoặc lưỡi phóng quang. Hoặc có kẻ răng hết sức to dài, mà thân thể thì lùn tịt, hoặc có người răng lồi xỉ không đều nhau, hoặc có người răng như đao kiếm, hoặc có người đầu lưỡi như hình đao kiếm. Hoặc có người bị treo bụng hoặc không bụng. Hoặc có người tóc phủ, hoặc có người không đầu gối, hoặc đầu gối như cái bình, hoặc có người không bắp vế, bàn chân như cái bát úp, hoặc như cái cối.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 29

Phẩm 31: MA VƯƠNG KHỦNG BỐ BỒ-TÁT (Phần 3)

Lúc bấy giờ, ma quân với thân hình kỳ dị như vậy, hoặc cỡi voi trắng hay cỡi ngựa, hoặc cỡi lạc đà, hoặc cỡi trâu hay tê giác, cỡi đủ các loại xe, kéo đến bao vây bốn mặt. Có đạo quân A-tu-la hay Ca-lâu-la, có đạo quân như Ma-hầu-la-già, Cưu-bàn-trà, La-sát, Dạ-xoa và Tỳ-xá-già quỷ coi mạng sống… Hoặc ốm gầy, cao lớn giống như ngạ quỷ, hoặc đoàn quân có nhiều hình dạng khác nhau, hoặc khuôn mặt lạnh lùng to lớn, hoặc đầu như sợi dây, hoặc đầu to, hoặc mặt nhỏ, hoặc mặt nhăn, hoặc hình dạng khác nhau khiến người trông thấy mất hết thần sắc, hoặc có người trông thấy bị hốt hết hồn phách tinh thần, hoặc mặt xanh, hoặc thân thể màu da như đồng đỏ, hoặc đầu đỏ, thân màu xanh; hoặc đầu màu vàng, thân như màu khói, hoặc đầu tợ như màu khói, thân màu vàng; hoặc đầu đỏ thân đen, hoặc đầu đen thân đỏ; hoặc đầu trắng, thân màu xanh lục, hoặc đầu màu xanh lục, thân trắng; hoặc đầu bên trái trắng, bên phải màu xanh lục, hoặc bên trái xanh, bên phải trắng, hoặc thân thể, đầu mặt, trái phải tất cả đều một màu như vậy.

Hoặc có tên toàn thân lộ rõ bộ xương, hoặc có đầu như đầu lâu, thân mập đầy thịt; hoặc có đầu mặt đầy thịt, thân lòi bộ xương; hoặc có tay chân người, thân súc sinh; hoặc có chân súc sinh mình người. Hoặc có toàn thân lông nhọn như kim, hoặc có lông trên mình như lông gáy heo, hoặc có lông trên mình giống như bờm con lừa, hoặc lông như con gấu, con khỉ, con chuột, con chó sói. Hoặc trên mình xẹt ra ánh lửa, hoặc lông mọc rối loạn, hoặc lông mọc lộn ngược, hoặc đầu búi tóc, hoặc đầu hói không có tóc.

Hoặc có tên mặc áo đỏ, lưng đeo đủ màu sắc, hoặc trên đầu mang xâu đầu lâu, hoặc tóc trên đầu nhuộm đủ màu sắc: tro, khói, xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc lấy đầu lâu làm mũ… đủ các hình trạng cùng nhau kéo đến.

Hoặc có tên tay cầm lấy Khư-tra-bàn-giá (*nhà Tùy dịch: một trong bốn phần của chiếc giường, lấy một chân chiếc giường*). Hoặc có tên lưng đeo các chiếc linh, khi cử động phát ra âm thanh dữ dội, trong tay cầm lấy

đầu lâu. Hoặc có tên lấy hài cốt làm tràng hoa, hoặc cầm tay chân người chết. Hoặc có tên tay rung linh phát ra tiếng động. Hoặc có tên thân cao, to lớn giống như thân cây Đa-la, trong tay cầm xà mâu hoặc kiếm, hoặc dao, giáo, cung, tên, nỏ. Hoặc có tên tay cầm mác, hoặc có người tay cầm chĩa ba, hoặc có tên cầm gậy, hoặc có tên cầm thiết luân, trường kiếm, búa bén. Hoặc có tên tay cầm chày sắc, đầu bốc lên ngọn lửa dữ. Hoặc có tên tay bưng tảng đá to như núi.

Hoặc có tên mặc áo bằng da thú đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng và đen. Hoặc có tên thân màu đỏ, dùng rắn quấn vào mình. Hoặc có tên rắn chui ra từ mắt, tai, mũi; các rắn này màu đen, dùng tay cầm lấy đứng trước Bồ-tát mà ăn. Hoặc có tên ăn thịt người, hoặc có tên uống máu, hoặc có tên trên thân bốc lên những làn khói ngùn ngụt, miệng tuôn ra lửa như ngọn đuốc. Hoặc có tên tất cả nơi các lỗ chân lông đều phun ra lửa, hoặc có tên từ nứu răng phun lửa lan tràn trên mặt đất.

Hoặc ở giữa hư không xuất hiện đám mây to lớn đen kịt, hoặc trong hư không gió bay mưa vãi, sấm chớp chấn động dữ dội, giáng trận mưa đá núi hay như đá vụn. Sét đánh các cây đại thọ làm cành nhánh gãy rụi. Hoặc có tên trương cung la hét, dọa nạt, làm người kinh sợ. Hoặc có tên miệng kêu la lớn tiếng: "Hãy đứng dậy chạy nhanh, đừng ở lại nơi này!" Hoặc có tên biến làm người già hay phụ nữ, giơ hai tay cất tiếng khóc vang: "Ôi thôi, con ta ơi!", "Ôi thôi, anh ta ơi!" Hoặc lại có tên cười lớn tiếng, hoặc có tên sợ hãi chạy giáp vòng Đông, Tây, Nam, Bắc. Hoặc có tên từ phía sau chạy về phía trước. Hoặc có tên bỗng nhiên đứng dậy, hoặc có tên bỗng nhiên bay vọt trong không trung dạo chơi. Hoặc có tên thân nương trên cây mà đi một cách tự tại. Hoặc có tên múa đao, hoặc có tên khua trường kiếm, chĩa ba, giáo, mác… tay chân chẳng yên. Hoặc có tên la rống như trâu chúa kêu giữa mùa hạ, hoặc có tên tiếng nói như thú Thi-bà. Hoặc có tên ở trong không trung la lên: "Kha kha! Hư hư! Hu hu! Hi hi! Kỳ-lê! Kỳ-lê!", miệng la lên như vậy, lại cùng nhau tung vãi y phục. Trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên các binh chủng Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà, Tỳ-xá-già… che lấy kín cả mặt trước cây Bồ-đề như vậy. Phía Nam cho đến tận biển, đầy cả quân ma, không còn chỗ đất trống để vừa được mũi kim, với hình dạng đáng sợ, muốn nắm lấy Bồ-tát, muốn sát hại Bồ-tát, chỉ chờ Ma vương Ba-tuần ra một mệnh lệnh. Bọn chúng hướng mặt về ma vương để xem thế nào. Tất cả các quỷ thần bao vây lấy cây Bồ-đề như đang đói khát, thiếu thốn muốn quyết chí sát hại Bồ-tát.

Nơi cây Bồ-đề có vô lượng chư Thiên Tịnh cư tràn ngập ba mặt: Đông, Tây và phương Bắc. Lại có vô lượng vô biên chư Thiên cõi Sắc chắp tay đảnh lễ Bồ-tát, miệng nói:

–Chư nhân giả thấy không, lúc này Bồ-tát sắp chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hoặc có chư Thiên xướng lên:

–Người dòng Cam Giá thuộc giai cấp tôn quý, mau rời khỏi nơi này, vì ở đây nhiều việc khủng bố, có nhiều binh khí làm tổn hại đến thân Ngài.

Bấy giờ Bồ-tát bảo chư Thiên:

–Chẳng bao lâu Ta sẽ phá tan bọn quân ma khiến chúng ly tán, giống như trận gió thổi sạch những cánh hoa nhỏ ở trên tấm vải.

Khi tất cả chúng ma quỷ kia tụ tập như vậy, đúng vào nửa đêm bầu trời tối tăm, tuy có ánh sáng mặt trăng và các vì sao nhưng đều không thể xuất hiện, vì quá tối đen. Giả sử người có mắt cũng không trông thấy, chỉ thấy đám lửa khổng lồ cháy phừng phực, phát ra tiếng gió thật đáng kinh sợ, cõi đại địa chấn động, nước bốn biển đều sôi sục.

Có kệ:

Bốn biển nước sôi, đất chấn động
Mười phương lửa cháy nghe rùng rợn
Che khuất trăng sao, trời tăm tối
Nửa đêm đen tối chẳng thấy chi.

Bấy giờ trong đại chúng có một Long vương tên là Trì Địa, trong tâm muốn Bồ-tát thắng ma quân, nên tức giận Ma vương. Vì có ác ý, Trì Địa trợn đôi mắt nhìn Ma vương Ba-tuần, miệng phun khí độc vào mình Ma vương làm cho Ma vương lảo đảo chẳng an.

Lúc bấy giờ chư Thiên cõi Tịnh cư muốn Bồ-tát thắng ma quân, đối với Ma vương sinh lòng thương xót, vì chư Thiên Tịnh cư đã dứt sạch các lậu nên không còn tức giận. Khi ấy những chư Thiên ở đây, có những vị kính tín Bồ-tát, thấy ma quân đầy khắp nơi cây Bồ-đề nhiễu loạn Bồ-tát. Thấy rồi ở trong hư không, họ đều xướng lên: "Ôi thôi! Ôi thôi" rồi nói kệ:

Chư Thiên nhóm họp dưới Bồ-đề
Thấy ma sắp gây hại Bồ-tát
Tin pháp giải thoát cho thế gian
Miệng đều xướng to tiếng: Ôi thôi!

Lúc ấy Bồ-tát chỉ tư duy chánh pháp, tâm không loạn động, tâm ý cũng không suy nghĩ gì khác. Bồ-tát nói với Ma vương:

–Này Thiên tử cõi Dục, thân Ta đã thuộc dòng họ giai cấp vua chúa, dòng họ Ta chưa từng biết vọng ngữ, chỉ thành thật giữ lời. Mưu đồ của ông sao chẳng sớm thực hiện? Chớ nên đình trệ kéo dài.

Khi ấy ma Ba-tuần đáp lời Bồ-tát:

–Theo như lời ông nói, ta muốn cắt nát thân ông thành trăm mảnh. Ngươi muốn đánh ta trước hay là để ta sát hại ngươi trước?

Bấy giờ Bồ-tát nói với ma Ba-tuần:

–Ta không có cung tên, hay dao gậy để có thể chặt bắn ông. Tuy như vậy, nhưng Ta phải thu phục các người xong, rồi mới thành Phật.

Khi ấy Ma vương Ba-tuần liền ra lệnh cho các ma quân:

–Các ngươi phải dốc toàn sức lực của mình, dũng mãnh chớ nên khiếp sợ, đối với tên họ Thích này phải biểu hiện sự biến động khủng bố dữ dội.

Ma quân nhận sắc lệnh rồi, bạch Ma vương:

–Y lời Đại thiên dạy, chúng tôi không dám trái.

Rồi mỗi ma liền dùng sức của mình hiện những điều đáng sợ để khủng bố Bồ-tát. Trong đám ma quân có quỷ miệng le lưỡi dài, chuyển động đôi gò má, lộ hàm răng nhọn hoắc muốn cắn lấy Bồ-tát, đôi mắt trợn tròn như mắt Sư tử, hai tai co quắp tợ lưỡi câu, hiện hình thù đáng sợ hãi đến khủng bố, ám hại Bồ-tát. Hoặc có kẻ miệng há to, đứng sừng sững nhìn thẳng muốn nuốt lấy Bồ-tát.

Có kệ:

Ma quân đáng sợ đến như vậy
Bồ-tát an nhiên không lay động
Như đại trí thấy trẻ con đùa
Bồ-tát xem ma cũng như vậy.

Bấy giờ trong ma quân có một tên quỷ sinh tâm tức giận, cầm một dao dài phóng đến Bồ-tát mà con dao vẫn dính trong tay không thoát ra được. Hoặc có kẻ vác núi hay đá lớn ném đến Bồ-tát, núi và đá lại dính vào tay, không rơi xuống đất. Hoặc có kẻ ở trên hư không đem núi, đá, cây, nọc, búa lớn, búa nhỏ, giáo, mác phóng đến Bồ-tát, tất cả đều ở hư không, không rơi xuống đất, hoặc giả có rơi xuống đất lại tự gãy vụn thành trăm mảnh văng khắp nơi. Hoặc trong hư không giống như mặt trời mưa xuống những trận mưa lửa lớn, đám mây cháy rực rơi xuống, nhưng bị oai lực của Bồ-tát, chúng liền biến thành trận mưa hoa sen đỏ rơi xuống. Hoặc có kẻ đến trước mặt Bồ-tát, miệng tuôn ra những con rắn đưa nọc độc cắn Bồ-tát.

Nhưng bầy rắn này nằm đơ dưới đất như bị thần chú, không thể lay động. Hoặc có đám mây lớn, sấm chớp dữ dội, hoặc mưa đá và đá núi phóng trên cây Bồ-đề. Do uy lực của Bồ-tát, những mưa đá ấy rơi xuống đất biến thành mưa các loại hoa. Hoặc có kẻ cầm cung tên bắn vào Bồ-tát, nhưng do oai lực của Bồ-tát, tất cả các mũi tên dính vào dây cung không buông ra được. Hoặc có kẻ cùng một lúc bắn ra năm trăm mũi tên, các mũi tên này lại ở trong hư không, không rơi xuống đất. Hoặc có kẻ cầm thanh đao dài, vác chạy nhanh đến chỗ Bồ-tát, nhưng khi chưa đến nơi, tự nhiên vấp té ngã sấp trên đất.

Bấy giờ, có một nữ La-sát thân hình đen đúa, tay cầm đầu lâu chạy nhanh đến muốn huyễn hoặc động tâm Bồ-tát, muốn đến gần Bồ-tát, nhưng cứ chạy vòng tròn chỗ xuất hành không thể đến gần bên Bồ-tát được. Hoặc có kẻ từ hai con mắt phóng ra hai ngọn lửa cháy đỏ rực muốn thiêu đốt Bồ-tát, chạy nhanh đến gần Bồ-tát, bỗng nhiên không còn thấy Ngài nữa. Hoặc có con quỷ vác tảng đá to chạy nhanh về phía Bồ-tát, cứ chạy mà không đến dưới gốc Bồ-đề được, đuối sức, cực nhọc vô cùng.

Có kệ:

Thân tâm ma quân đều mê loạn
Dùng đủ phương tiện hại Thánh nhân
Không thể kinh động chỗ Ngài ngồi
Vì có trí lực, thệ nguyện mạnh.

Hoặc có ma quân rống lên tiếng Sư tử, hoặc có kẻ phát lên các thứ tiếng thú hoang, hổ, báo, gấu, chó sói. Các loại tiếng này nếu có vô lượng chúng sinh nghe, cũng đều sợ sệt. Hoặc có ma quân la lên: "Giết chết! Giết chết tên họ Thích này!"

Hoặc có ma quân la lên: "Lôi ra đánh! Lôi ra đánh tên dòng Sát-lợi này."

Hoặc có ma quân la lên: "Đánh chết! Đánh chết tên Sa-môn này!"

Hoặc có ma quân la lên: "Giết hại! Giết hại tên dòng Cù-đàm này!"

Hoặc có ma quân la lên: "Chặt đứt! Chặt đứt tên dòng Cam Giá này."

Hoặc có ma quân la lên: "Nghiền nát! Nghiền nát tên dòng Sát-lợi này!"

Hoặc có ma quân la lên: "Phá tan! Phá tan tên họ Thích này!"

Hoặc có ma quân la lên: "Đập nát! Đập nát tên dòng Sát-lợi này!"

Hoặc có ma quân la lên: "Diệt gấp! Diệt gấp tên Sa-môn này!"

Hoặc có ma quân la lên: "Phân thây! Phân thây tên Cù-đàm này!"

Hoặc có ma quân la lên: "Tùy ý! Tùy ý hãy mau hành động!"

Hoặc có ma quân la lên: "Mặc tình! Mặc tình mau ra tay, chớ nên đứng yên!"

Tiếng động huyên náo như vậy, không thể nào nghe rõ được. Khi nghe tiếng này thì hư không muốn rơi xuống đất, tất cả đại địa như gãy từng đoạn. Bao nhiêu thú rừng, nghe tiếng động này, rống vang, chạy tứ tán. Các loài chim đang đậu trên cây, nghe tiếng động này, đều sa xuống đất.

Khi ấy, tất cả loài yêu quỷ trong đám ma quân, hoặc có kẻ cất tiếng cười mỉa mai, hoặc có kẻ cất lên tiếng Kỳ-lê, hoặc có kẻ cất tiếng, hoặc có kẻ nói: "Chặt chặt"; hoặc có kẻ nói: "Đứt đoạn, đứt đoạn"; hoặc có kẻ nói: "Giết chết"; hoặc có kẻ nói: "Cắt đứt"; hoặc có kẻ nói: "Phá phá"; hoặc có kẻ nói: "Cắt từng mảnh; từng mảnh"; hoặc có kẻ nói: "Phân thay, phân thay"… Những tiếng hung dữ như vậy không thể kể xiết.

Ma quân Ba-tuần rút thanh kiếm bén cầm nơi tay muốn chạy về phía trước dọa nạt Bồ-tát, miệng hô to:

–Này Tỳ-kheo họ Thích, nếu ngươi dám ngồi yên nơi đây, không đứng dậy, ta quyết sẽ hại ngươi.

Thế mà Ma vương chạy qua lại mãi, ý muốn tiến gần Bồ-tát mà không tiến đến trước được. Lúc ấy trưởng tử của Ma vương là Thương Chủ, hai tay ôm lấy Ma vương, miệng la lên:

–Phụ vương! Phụ vương, xin cha chớ làm như vậy! Chớ làm như vậy! Cha chắc chắn không thể giết được Tất-đạt-đa người con dòng họ Thích, cũng chẳng làm động được chỗ ngồi này và cha sẽ mắc vô lượng vô biên tội lỗi.

Ba-tuần không nghe lời Thương Chủ can gián, chạy thẳng về phía Bồ-tát, không chịu trở lại.

Bấy giờ một Thiên tử cõi Tịnh cư ở trong hư không ẩn thân chẳng hiện, thấy ma Ba-tuần đem tâm tán loạn chạy đến não hại Bồ-tát, nên định tâm dùng lời vi diệu nói với Ba-tuần:

–Này ma Ba-tuần, chẳng lượng sức mình, hôm nay ông chẳng nên nhiễu loạn vị Thánh này, ông mau mau xả bỏ ác tâm huyễn hoặc, trở về nơi cung điện của mình. Ông không thể nào kinh động được vị Bồ-tát này. Vì lý do gì? Cũng như gió mạnh, không thể lay động núi Tu-di.

Rồi Thiên tử Tịnh cư hướng về ma Ba-tuần nói kệ:

Giả như khiến lửa không còn nóng

Nước mất tánh ướt, ngừng chẳng chảy
Đất mất bền chắc hết bảo trì
Gió không thổi động, im phăng phắc
Công hạnh Bồ-tát vô lượng kiếp
Chắc chắn không bỏ thệ nguyện này.
Thấy chúng sinh khổ trong thế gian
Bệnh nặng ngu si, xan, tham dục
Phát lòng từ bi thương chúng sinh
Muốn làm Thánh y cho thuốc trí
Nay vì cớ gì ông cản trở?
Phần nhiều chúng sinh rơi tà đạo
Nay Ngài muốn mở mắt chánh kiến
Là bậc Đại thánh, vua Giải thoát
Hướng đạo lái buôn bị lạc đường.
Chúng sinh vô minh rơi tăm tối
Ngài muốn thắp đèn trí chiếu sáng
Vị Thánh muốn vào thành Niết-bàn
Đốt đuốc để phá tối thế gian.
Thân cành nhẫn nhục, gốc rễ tâm
Hoa lá tín niệm cộng ý chí
Cây trí phát sinh quả pháp quý
Ông nay chẳng nên bứng cho ngã.
Ông đang bị dây si trói buộc
Bồ-tát muốn mở gút cho ông
Lẽ nào sinh tâm ác với Ngài.
Ngài cầu giải thoát cứu quần sinh
Ông làm chướng ngại nhọc vô ích
Chúng sinh chìm trong biển phiền não
Thế gian, ai biết làm lái thuyền.
Ngài muốn xây dựng cầu vĩ đại
Ông nay cớ sao sinh tâm ác?
Bồ-tát tu đạo hạnh nhiều kiếp
Công ấy ngày nay thành kết quả
Do vậy kiết già nơi cây ấy
Cũng như chư Phật thời quá khứ.

Khi ma Ba-tuần nghe những lời của trời Tịnh cư liền khởi tăng thượng mạn, nổi giận cao độ, gấp gáp chạy đến trước Bồ-tát, muốn hại Bồ-tát.

Khi ấy, hộ vệ nơi cây Bồ-đề có tám vị Thiên thần: Người thứ nhất tên là Công Đức, người thứ hai tên là Tăng Trưởng, người thứ ba tên là Vô Úy, người thứ tư tên là Xảo Biện, người thứ năm tên là Oai Đức, người thứ sáu tên là Đại Lực, người thứ bảy tên là Thiệt Ngữ, người thứ tám tên là Thiện Hội. Tám vị Thiên thần này chiêm ngưỡng Bồ-tát mắt không nháy, đồng thời đem mười sáu điều ca ngợi Bồ-tát, như thế này:

Ngài là chúng sinh thanh tịnh tối thắng, hào quang chiếu sáng như vầng nhật nguyệt ở hư không.

Ngài là chúng sinh thanh tịnh xuất sắc, bừng sáng chói lòa, giống như vừng nhật quang buổi bình minh.

Ngài là chúng sinh thanh tịnh trong sáng, hiện rõ các tướng như đóa sen hồng nở trong ao nước biếc.

Ngài là chúng sinh thanh tịnh, vô úy, dũng mãnh, uy quyền như Sư tử chúa ở trong rừng già.

Ngài là chúng sinh thanh tịnh vắng lặng, sừng sững chẳng động, như núi Tu-di mọc lên trong biển cả.

Ngài là chúng sinh hoàn toàn thanh tịnh, đứng yên sừng sững, như núi Đại thiết vi bền vững chẳng động.

Ngài là chúng sinh biết rõ sâu xa, đầy đủ công đức, ví như biển cả chứa đầy vật quý.

Ngài là chúng sinh khoan dung độ lượng, luôn luôn tăng trưởng, giống như hư không, không có giới hạn.

Ngài là chúng sinh đôn hậu chánh trực, tâm ý chánh định giống như đại địa nuôi dưỡng chúng sinh.

Ngày nay, Ngài hoàn toàn không cấu trược, như nước ao A-nậu-đạt trong sạch đủ tám đức.

Ngày nay, Ngài đoạn trừ tất cả các kết sử, không còn tâm nhiễm, giống như gió mạnh, không vướng các vật.

Ngày nay khuôn mặt Ngài rực rỡ, khó nhìn vào, như lửa phừng phực, xa lìa tất cả sức nóng phiền não.

Ngài là chúng sinh dũng kiện, bền chắc, sức như trời lực sĩ Na-la-diên, không ai địch lại.

Ngài nay tinh tấn, nhiều kiếp tu tập, tâm ý khó thoái lui, giống như Đế Thích phóng chày Kim cang.

Ngài nay đã được thiện lợi đệ nhất, đứng đầu chúng sinh, đầy đủ mười lực, chẳng còn bao lâu thành đạo Vô thượng.[1]

Bấy giờ các thần vương bảo vệ cây Bồ-đề đã dùng mười sáu điều tán thán Bồ-tát như vậy.

Lúc ấy chư Thiên cõi trời Tịnh cư cõi Sắc giới cùng nhau dùng mười sáu điều hủy nhục để bẻ dẹp thế lực Ma vương. Mười sáu điều đó là gì?

–Này ma Ba-tuần, ông không có oai thế, giống như kẻ yếu đuối bị hàng phục lực sĩ, nói dối là ta thắng.

Này ma Ba-tuần, ông một thân cô độc, không có bạn bè, giống như kẻ bị vứt bỏ trong cánh đồng hoang.

Này ma Ba-tuần, ngày nay tất cả lực lượng binh lính của ông đều bị đánh dẹp, như con trâu già ốm yếu đang chở nặng.

Này ma Ba-tuần, ông ngu si mù lòa, nhơ bẩn không thanh tịnh, như ban đêm bắn tên rơi vào chỗ bất tịnh.

Này ma Ba-tuần, ông nay như con lừa mù què chân, lê bước đây đó, như thương gia lạc đường đi vào con đường nguy hiểm.

Này ma Ba-tuần, quyến thuộc của ông ngày nay ly tán, trên thân mất hào quang, giống như kẻ bần cùng xin ăn mặc áo cỏ.

Này ma Ba-tuần, oai đức của ông thật suy giảm, không ai cậy nhờ, cố làm ra vẻ táo bạo, giống như người ngu si không biết xấu hổ.

Này ma Ba-tuần, ông tạo nghiệp bất tịnh, nhiều điều bẩn thỉu, giống như người không ân nghĩa hiếu đức.

Này ma Ba-tuần, ông bị người khác rượt đuổi giống như loài dã can bị Sư tử đuổi bắt, không còn tự do.

Này ma Ba-tuần, quân lính của ông ngày nay chẳng bao lâu bị thoái lui tan rã, giống như trận cuồng phong thổi đàn chim đang bay.

Này ma Ba-tuần, ông nay ngu si, hôn ám, chẳng thức thời, như kẻ bần cùng côi cút sắp đến ngày chết.

Này ma Ba-tuần, quyến thuộc của ông ngày nay thất bại thoái lui, giống như thuốc bột trong lọ có lỗ thủng, bị lọt ra ngoài.

Này ma Ba-tuần, ông nay chẳng bao lâu sẽ bị giam cầm trị phạt như đúng theo lý đuổi kẻ ngu.

---

[1] *Nguyên bản thiếu một câu.*

Này ma Ba-tuần, ngày nay tất cả thần lực của ông chẳng bao lâu sẽ hết sạch, giống như tội nhân cắt đứt tay chân đem đi chỗ khác.[2]

Khi tất cả chư Thiên Thủ đà hội đem mười sáu việc như vậy hủy nhục, xô dẹp thế lực ma Ba-tuần. Tám vị thần hộ vệ cây Bồ-đề lại dùng mười sáu việc hủy nhục ma Ba-tuần. Mười sáu việc đó là gì?

–Này ma Ba-tuần, ông ngày nay chẳng bao lâu sẽ bị Bồ-tát hàng phục, giống như tướng mạnh bị giặc sát hại.

Này ma Ba-tuần, ông nay bị Bồ-tát đánh đập giống như kẻ ốm yếu khiếp nhược bị đại lực sĩ đánh.

Này ma Ba-tuần, ông nay bị hào quang Bồ-tát che lấp giống như ánh sáng mặt trời xuất hiện, che lấp ánh sáng đom đóm.

Này ma Ba-tuần, ông nay bị oai lực của Bồ-tát tự nhiên thoái lui, giống như nắm bột lúa mạch bị gió mạnh cuốn đi.

Này ma Ba-tuần, ngày nay ông bị Bồ-tát khủng bố chạy quýnh quáng như loài thú nhỏ bị sư tử rượt đuổi.

Này ma Ba-tuần, ông sẽ bị Bồ-tát bứng lên như cây Đa-la bị bão thổi tróc gốc ngã trên đất.

Này ma Ba-tuần, ngày nay ông bị Bồ-tát phá tan, giống như thành trì giặc bị sức mạnh hùng hậu của nhà vua phá dẹp.

Này ma Ba-tuần, ông nay bị Bồ-tát làm kiệt lực giống như vũng nước chân trâu bị ánh sáng gay gắt ban mai làm khô cạn.

Này ma Ba-tuần, ngày nay ông thua Bồ-tát, cúi đầu chạy một hơi, giống như tội nhân bị đem xử trảm, tình cờ thoát khỏi.

Này ma Ba-tuần, ông nay bị Bồ-tát làm rúng động như chim chóc nơi đồng hoang, gặp trận lửa lớn hoảng hốt bay tứ tán.

Này ma Ba-tuần, ông nay bị Bồ-tát làm cho hàng phục, trong tâm ưu sầu, giống như nhà vua bỗng nhiên bị tước quyền thế không còn pháp lệnh.

Này ma Ba-tuần, ông nay chẳng bao lâu sẽ bị Bồ-tát lột bỏ thế lực, giống như con Hồng nhạn già bệnh không có đôi cánh.

Này ma Ba-tuần, không bao lâu nữa ông sẽ bị Bồ-tát làm cho tiêu diệt như người đi trong đồng hoang không lương thực.

Này ma Ba-tuần, ông nay chẳng bao lâu sẽ bị Bồ-tát cướp đoạt như người mất thuyền, chìm trong biển cả.

---

[2]. *Nguyên bản thiếu hai câu.*

Này ma Ba-tuần, ông nay bị Bồ-tát thiêu đốt, giống như kiếp tận, tất cả rừng rú cây cối đều bị cháy rụi.

Này ma Ba-tuần, ông nay bị Bồ-tát đánh tan, như chày Kim cang đánh nát núi đá.

Khi nghe các vị Thiên thần đem mười sáu điều hủy nhục để can gián, ma Ba-tuần muốn chứng tỏ mình chống lại lời khuyên can, chạy về phía Bồ-tát muốn sát hại. Ba-tuần bị Thiên thần hủy nhục, tâm vẫn ngoan cố, không chịu về cung điện của mình, lại tăng thêm phẫn nộ, ra lệnh cho ma quân:

–Các ngươi mau đứng lên, cấp tốc, đánh nát tên Tiên nhân này, đừng để nó sống. Người này nay đã tự độ qua đến bến bờ giải thoát, thoát thế giới của ta, lại dạy vô lượng vô biên chúng sinh ra khỏi cảnh giới này. Ta chẳng tha nó. Nếu nó tự biết muốn thoát khỏi tay ta, chỉ có xa cội cây Bồ-đề này thì mạng sống được trường thọ, khỏi bị khốn khổ.

Lúc bấy giờ Bồ-tát bảo ma Ba-tuần:

–Nếu làm cho núi Tu-di dời khỏi chỗ cũ, tất cả chúng sinh không còn ai cả, tất cả tinh tú nhật nguyệt đều rơi xuống đất, biển lớn khô cạn đi nữa, Ta đã ngồi dưới cây Bồ-đề thì không thể di chuyển.

Ma vương lại tức giận la lớn:

–Các ngươi bắt lấy tên Cù-đàm họ Thích này mang hắn mau mau bay về cung điện nguy nga của ta, chẳng nên vội giết, đem xiềng xích năm vòng, gông cùm hai tay, giữ hắn nơi cửa ta để ta thường trông thấy sự khốn khổ ách nạn như thế, giống như đứa tôi đòi khốn khổ.

Lúc bấy giờ Bồ-tát bảo ma Ba-tuần:

–Có thể đem màu sắc sặc sỡ vẽ đủ hình dạng trên hư không này, hoặc các tinh tú cho đến mặt trời, mặt trăng trên hư không đều rơi xuống đất, quân ma các ông đầy cõi tam thiên mà khủng bố được Ta, cho đến chúng ma ở dưới cây Bồ-đề mà dọa nạt được Ta thì không thể được.

□

Phẩm 32: BỒ-TÁT THU PHỤC MA VƯƠNG (Phần 1)

Bấy giờ ma quân đem hết oai lực áp đảo Bồ-tát ở dưới gốc cây Bồ-đề nhưng không làm rúng động một sợi lông của Ngài.

Có kệ nói:

Ma quân cõi trời bỗng nhóm họp
Mọi nơi đánh trống đất vang rền
Thổi còi và ốc các âm thanh

Nói rằng: Người muốn làm việc gì
Nay thấy đại quân chúng ma này
Sao chẳng đứng dậy đi nơi khác?
Ngươi nay sắc đẹp như vàng ròng
Mặt mày thanh tịnh trời người kính
Thân ấy hoại diệt chẳng bao lâu
Đại quân ma vương khó địch lại.
Chỉ thấy đại địa và hư không
Biến hóa nhiều cách hiện trong đó
Quyết cùng chiến đấu e không thắng
Họ hoặc sân hận bị hại thân.
Ca-lăng-tần-già giọng Phạm âm
Bảo hàng Dạ-xoa cùng La-sát:
Ngu si muốn hoại thể hư không
Nay muốn hại Ta cũng như vậy.
Có thể Kim cang phá Sơn vương
Hoặc dùng miệng thổi khô biển cả
Hoặc nắm nơi tay rồng dữ tợn
Như vậy cũng không động tâm Ta.
Chúng ma nổi giận phóng núi lửa
Nhổ sạch gốc cây quăng tứ tán
Sao tuôn đổ rực nước đồng sôi
Hoặc người tay nắm loài rắn độc
Hoặc đầu voi trắng, ngựa, lạc đà
Hoặc đầu dã can, mèo, khỉ, vượn
Hoặc rồng, rắn độc phun khí độc
Hoặc lại sấm sét chớp sáng lòa
Cùng mưa đất đá tuyết kim cương
Hoặc tuôn sắt cục, đồ binh khí:
Mâu, giáo, trường kiếm, mác, chĩa ba
Hoặc hiện rắn độc răng kim cang
Làm cây gãy cành nằm ngổn ngang
Binh chủng áo giáp la vang dậy.
Có người trăm tay bắn trăm tên
Miệng rắn phun ra lửa phừng phực
Hoặc gậy, sắt cục như Tu-di
Hoặc tuôn mưa lửa thật đáng sợ
Ngã nhào trên đất thành dòng suối

Hoặc người núp vây khắp trước sau
Hai bên phải trái tận đến chân
Lảo đảo tay chân tuôn ra lửa
Bỗng nhiên trở lại miệng cười vang.
Ma quân đáng sợ đến như thế
Bồ-tát xem như trò huyễn hóa
Ma lực như vậy giết được mạng
Ta thấy giống như trăng đáy nước,
Cũng lại chẳng phải hình nam nữ
Chẳng ngã, chẳng mạn, chẳng chúng sinh
Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, khẩu, ý
Theo nhân duyên trong ngoài tự sinh.
Các pháp là vậy, không người tạo
Ta nói như vậy chẳng phải ngoa
Không tin lại phải lập lời thề
Ta nay thấy chúng bày trò vậy
Muốn đến bên Ta để khủng bố
Thể tánh các pháp và thân Ta
Tất cả đều không, không có thật.

Khi ma quân, Dạ-xoa… dùng đủ các hình tướng thân thể như vậy để khủng bố, Bồ-tát vẫn không sợ sệt, không lay động. Ma vương Ba-tuần lại càng thêm tức giận, trong tâm sầu não, toàn thân chẳng an.

Có kệ nói:

Quyến thuộc ma vương thật đáng sợ
Dùng nhiều hình thức khủng bố Ngài
Chúng thấy Bồ-tát không kinh hãi
Ba-tuần ưu sầu thêm tức giận.

Lúc ấy Bồ-tát suy nghĩ: "Ma Ba-tuần không chịu nghe lời can gián, tạo đủ điều tội lỗi mà không tự biết. Ta có thể đem lời đúng như pháp để cắt đứt tất cả việc ác của ma."

Bồ-tát suy nghĩ như vậy rồi nói với ma Ba-tuần:

–Này Ma vương Ba-tuần, ông lắng nghe rõ, Ta đến dưới cây Bồ-đề này, đầu tiên cầm nắm cỏ trải nơi đây mà ngồi, vì lý do gì gây lo sợ, sau đó ma Ba-tuần với Ta kết oán thù đấu tranh, đem lời độc ác mạ lị? Này ma Ba-tuần, ông tạo các việc ác không có thiện tâm, Ta nay muốn dứt bỏ tất cả các oán thù với lũ ma các ông, muốn dứt tất cả nghiệp ác cho các ông. Này ma Ba-tuần, nếu ông muốn sinh tâm oán hận, nên nghĩ như thế này:

"Tại sao Bồ-tát mặc áo phấn tảo, đem cỏ trải ngồi dưới cây này, ông đem tâm đố kị việc này như vậy? Này ma Ba-tuần, hãy định tâm ý lại, Ta nguyện sau khi thành quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ đem tất cả những việc như vậy phó chúc cho ông, mong ông hồi sinh tâm đại hoan hỷ. Này Ma vương Ba-tuần, trong tâm ông ngày nay cũng có lời thề: "Chúng ta quyết định khủng bố Bồ-tát, làm cho Bồ-tát rời khỏi chỗ ngồi này, chớ ở nơi đây nữa." Nhưng Ta lại có lời thệ nguyện rộng lớn hơn: "Ngày nay Ta ngồi nơi tòa này, dầu ở nơi đây có nhân duyên mất mạng, thân thể bị nghiền nát thành tro bụi nhưng khi ta chưa thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trọn đời Ta không rời khỏi nơi đây." Này Ma vương Ba-tuần, chúng ta nên tuần tự quán sát xem thệ nguyện của ai có năng lực kiên cường, dũng mãnh, có thể thành tựu thệ nguyện trước? Hoặc Ta, hoặc ông và chúng ma của ông. Nếu sức thiện căn phước nghiệp của Ta kiên cường hơn thì lời thệ nguyện này của Ta được thành tựu không hư dối.

Khi ấy Bồ-tát đối với ma Ba-tuần nói kệ:

Một hội Vô giá xưa ông thí
Nay được oai quyền lớn như vậy
Ta ở vô lượng ức tăng kỳ
Vì các chúng sinh thí tất cả.

Lúc bấy giờ Ma vương Ba-tuần nói kệ bảo Bồ-tát:

Ta xưa cúng tế hội Vô giá
Ông đã biết ta không giả dối
Còn ông nhiều kiếp hành bố thí
Ai tin lời này, muốn thắng ta.

Khi Ma vương nói kệ này, Bồ-tát không sợ hãi khiếp nhược, chuyên chú không loạn, dùng tâm nhu hòa, xả bỏ sự khủng bố, lông toàn thân mềm mại, mắt nhìn chậm rãi, đưa bàn tay phải với móng tay sắc đỏ giống như lá đồng đỏ với đầy đủ các tướng trang nghiêm, là do công đức thiện căn từ vô lượng ngàn kiếp phát sinh. Ngài đưa bàn tay xoa trên đầu, rồi lại xoa gót chân. Xoa gót chân rồi, Ngài đem lòng Từ bi thương xót giống như rồng chúa muốn cất đầu nhìn. Đã cất đầu rồi, quán sát khắp chúng ma, sau khi quán sát rồi, Ngài dùng bàn tay ngàn vạn công đức bên phải chỉ vào mặt đất này mà nói kệ:

Đất này sinh ra tất cả vật
Không có lựa chọn, luôn bình đẳng
Chứng minh lời Ta trọn không hư
Chỉ nguyện nói thật ngay lúc này.

Khi Bồ-tát dùng bàn tay chỉ xuống đất này, nói kệ như vậy, thì vị Địa thần phụ trách nơi đây dùng đủ các thứ trân bảo trang điểm, như mũ trời tuyệt đẹp, vòng tai, công, xuyến và nhẫn… cùng các chuỗi anh lạc trang điểm thân hình và dùng các hoa thơm đựng đầy trong bình bằng bảy báu, hai tay bưng đi về phía Bồ-tát đang ngồi. Cách Bồ-tát chẳng gần chẳng xa, vị này từ dưới đất bỗng nhiên xuất hiện để lộ bán thân, cúi mình cung kính bạch Bồ-tát:

–Đấng Đại Trượng phu, con xin chứng minh lời nói của Ngài, con biết Ngài ở trong đời quá khứ ngàn vạn ức kiếp lập hội Vô giá bố thí.

Khi Địa thần nói lời như vậy, khắp cõi đất này cho đến Tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, phát ra tiếng động lớn, giống như tiếng chuông đồng nước Ma-già-đà vang dội khắp mọi nơi, đầy đủ mười tám thứ như đã nói ở trước.

Lúc ấy ma Ba-tuần và tất cả quân ma đang tụ họp như vậy, bỗng nhiên đều tán loạn thoái lui, thế lực bị bẻ gãy, mọi người bôn ba tự chạy trốn, chiến trường tan rã, tự nhiên hoảng sợ, tâm ý chẳng an, chạy khắp Đông, Tây, Nam, Bắc. Ngay lúc ấy hoặc có những con voi trắng té nhào, hoặc những con ngựa nằm dài, hoặc những chiếc xe gãy nằm ngang dọc, ngổn ngang, hoặc quân lính hôn mê bất động, hoặc lại những binh khí nỏ, giáo, cung, tên, dao dài, lưới rập, búa lớn, rựa… từ trong tay quân ma buông rơi xuống đất. Hoặc có những chiến giáp kiên cố tự nhiên tan rã, rời khỏi thân, chúng cùng tranh nhau chạy trốn bốn phương như vậy. Hoặc lại có tên che úp mặt xuống đất nằm im, hoặc có tên ngã ngửa trên đất như thây chết quằn quại bên trái, bên phải. Hoặc có tên chạy trốn vào trong núi, hoặc có tên chui vào trong hang, hoặc leo lên cây, hoặc trốn vào rừng rậm hoặc có tên hồi tâm quy y Bồ-tát, thỉnh cầu giúp đỡ cho con. Kẻ nào quy y Bồ-tát thì không mất bổn tâm.

Khi ấy ma Ba-tuần nghe tiếng đại địa, tâm rất kinh sợ, té nhào trên đất chết giấc, bất tỉnh nhân sự. Khi ấy, trên không trung lại nghe tiếng la lên:

–Đánh Ba-tuần, tóm lấy Ba-tuần, trói lấy Ba-tuần, bửa Ba-tuần, giết chết Ba-tuần, chặt đứt Ba-tuần… những ai có hành động đen tối, tất cả đều giết sạch, đừng để Ba-tuần trốn thoát.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 30

Phẩm 32: BỒ-TÁT THU PHỤC MA VƯƠNG (Phần 2)

Bấy giờ, ở nơi đó có một vị Địa thần khác đem một bình nước mát lạnh rưới lên thân Ma vương và nói:

–Này ma Ba-tuần, mau mau đứng dậy trở về cung của mình. Vì ông, sẽ có các thứ binh khí đến đây muốn sát hại ông, phân thây ra từng mảnh, số ma quân kia trước đây hiện đủ thân thể, hình dạng kỳ dị, biến hiện đến đây, cầm đủ thứ binh chủng khí giới khủng bố như vậy, giờ đây không thể hoàn hình, đành mang thân hình như vậy trở về chỗ ở của mình nên thấy nhau xem như xa lạ. Do vậy, trải qua bảy ngày sau, hoặc có người nhận ra nhau, hay không nhận ra nhau. Những kẻ nhận ra nhau cùng nhau hỏi han, hoặc họ lại khóc mẹ, hoặc lại khóc cha, hoặc anh, hoặc em, hoặc chị, hoặc em gái. Họ cùng nhau nói thế này: "Ngày nay chúng ta gặp tai nạn lớn, tai ương này đối với chúng ta, mà nay đây chúng ta còn sống sót, thật là điều chúng ta không thể nghĩ bàn."

Có kệ nói:

Tay phải Bồ-tát trăm phước báo
Kẻ tay màn lưới, móng đỏ hồng
Lòng tay luân tướng ngàn tăm sáng
Rực rỡ sắc vàng Diêm-phù-đàn
Chậm rãi xoa đầu lại rờ chân
Tay tỏa ánh sáng như mây chớp
Miệng nói đại địa hãy chứng minh.
Ta xưa tu hành vô số kiếp
Ai đến xin, Ta chưa từng trái.
Thủy, hỏa, phong thần đều xác nhận
Phạm thiên, Đế Thích cùng Nhật, Nguyệt
Mười phương chư Phật đều chứng tri
Như Ta khổ hạnh cầu Bồ-đề
Bố thí, Trì giới, Tinh tấn, Nhẫn

Thiền định, Trí tuệ gồm sáu độ
Cùng Tứ vô lượng, các thần thông
Thứ lớp như vậy nhân trợ đạo
Tất cả huân tu đều kết quả
Ta làm công đức khắp mười phương
Lập hội trai tăng và Bố thí
Ma vương muôn phần không được một.
Ngay đây tay chỉ xuống đất này
Đại địa chấn động như chuông vang
Chấn động sáu cách, biển sôi sục
Ma thấy, ngã nhào, chết bất tỉnh.
Không trung có tiếng: bắt cột lại
Ma bị hàng phục, mất hào quang
Tự biết chẳng bằng oai Bồ-tát
Đấm ngực kêu la khóc dậy trời
Thân thể mỏi mệt biết về đâu?
Đông, Tây, Nam, Bắc chạy rối bời
Tâm loạn mất hồn không hay biết
Quân ma tượng, mã sức chẳng còn
Bàn-trà, Tỳ-xá cùng La-sát
Bỗng nhiên kinh hãi mất đội hình.
Thoái lui chạy kiếm tìm lối thoát
Như chim đồng nội bị gió, lửa
Cha, mẹ, huynh đệ, chị em gái
Tìm kiếm lẫn nhau mà không biết
Đều hỏi người nay ở xứ nào?
Dầu có gặp nhau sinh ganh ghét
Đều nói họa đến sợ mất thân.
Quân ma chúng nó vô số ức
Bỗng nhiên tiêu diệt tợ mây tan
Trải qua bảy ngày khổ như vậy
Sau gặp trở lại biết sống còn
Chúng ta hôm nay rất vui mừng.
Thọ thần Bồ-đề vào lúc ấy
Mang bình nước lạnh lòng thương xót
Rưới thân Ba-tuần bảo thế này:
Lập tức mau đi, chớ ở đây
Lúc này, nếu ông chẳng vâng lời

Mai sau gặp nạn đành cam chịu.
Dạ-xoa, La-sát, Cưu-bàn-trà,
Ma-hầu-la-già và Tỳ-xá
Những hình đáng sợ ở thế gian
Ma vương đưa đến dưới Bồ-đề
Hy vọng khủng bố được Bồ-tát.
Thân Ngài đoan chánh, đầy tướng tốt
Công đức sáng tợ ngàn mặt nhật
Tâm không kinh động như Tu-di
Lại xem lũ ma như huyễn hóa
Các pháp không khác, không phân biệt
Như sao, như sương, như mây nổi
Pháp tướng như vậy, chánh tư duy
Kiết già khéo trụ tâm an ổn.
Nếu còn thấy nghe bằng chấp ngã
Tà niệm như vậy sinh tâm tham
Người ngu chấp ngã cho là thật
Do tâm phân biệt thấy khủng bố.
Thích-ca Mâu-ni Đại Thế Tôn
Quán pháp như thật, tánh bình đẳng
Mười hai nhân duyên tiếp nối sinh
Cảnh giới, tâm ý, không, chẳng thật
Thấy ma khuấy nhiễu không kinh động
Thân ma mỏi mệt thêm bất lợi
Cây, đá, gậy, dao đều vất bỏ
Quyến thuộc bỏ chạy không nơi nương.

Bấy giờ trưởng tử của Ma vương Ba-tuần là Thương Chủ, đầu mặt đảnh lễ sát chân Bồ-tát cầu xin sám hối, bạch:

–Tâu Thánh tử đại thiện, xin Ngài cho cha con phát lộ tạ tội, vì phàm phu thiển cận giống như trẻ con không có trí tuệ. Con bỗng nhiên đến làm não loạn Thánh tử, dẫn đám ma quân hiện đủ hình tướng khủng bố Thánh tử. Trước đây, con đã từng đem lòng chánh trực can gián cha con: "Dù người có trí hiểu rằng các diệu thuật, còn không thể thắng nổi Thái tử Tất-đạt-đa, huống chi là chúng ta." Cúi xin Thánh tử lượng thứ cho cha con. Cha con vô trí không biết đạo lý nên mới khủng bố Đại thánh như vậy, nào đâu đáng sống! Bạch Đại thánh Vương tử, mong thệ nguyện của Ngài sớm được thành tựu, mau chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc bấy giờ tất cả chư Thiên, hoặc ở trên hư không, hoặc ở trên mặt đất, hoặc ở các phương khác, đối với Bồ-tát đều tín kính, hết sức vui mừng hớn hở tràn ngập cả người, không thể tự chế. Vì quá vui mừng, nên họ reo hò:

–Ly ly! Kỳ kỳ! Lê lê!

Tiếng kêu la này vang rền chấn động khắp bốn phương hư không. Họ tung y phục, la lên:

–Ôi thôi, Bồ-tát hy hữu thay! Nay Ngài đã thu phục Ma vương và chúng ma quân.

Họ dùng nhạc trời, tiếng hát cõi trời để tán thán Bồ-tát. Họ lại tung lên nhiều lần các loại hoa trời Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha man-thù-sa, Ưu-bát-la, Câu-vật-đầu, Bát-đầu-ma và Phân-đà-lợi, bột hương chiên-đàn như mưa trên thân Bồ-tát.

Có kệ nói:

Bồ-tát hàng phục được Ma vương
Mặt đất chấn động với sáu cách
Chúng sinh chìm trong bóng vô minh
Thần quang Đại thánh soi sáng khắp.
Trời đất phơi bày ánh nhật nguyệt
Giống như mỹ nữ trang điểm mặt
Hư không mưa xuống các hoa trời
Hoa Mạn-đà-la cùng hoa khác.

Lúc bấy giờ có vô lượng vô biên chư Thiên các cõi số đến ngàn vạn ức, như chúa trời cõi Ta-bà, như vua trời Đại phạm và Đế Thích… đều hết sức vui mừng tràn ngập cả người, không thể kềm chế, đồng chắp tay đảnh lễ Bồ-tát, miệng tung hô:

–Ngày nay vị Thánh này nhất định thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy, cách gốc cây Bồ-đề chẳng bao xa có một Long vương tên là Ca-la lại dùng kệ tán thán Bồ-tát:

Ta từng thấy ngày Phật ra đời
Cũng đến dưới cây Bồ-đề này
Hiện đại thần thông thật hy hữu
Khéo dùng phương tiện đuổi Ma vương.
Ngày nay Thích Tôn cũng như vậy
Trải cỏ kiết già ngồi an ổn
Tâm không duyên cảnh, trụ chánh ý

Chưa từng một niệm biết sợ hãi.
Dũng mãnh như vậy đại tinh tấn
Quyết định Mâu-ni Phật tối thắng
Do vậy cõi này động sáu cách
Âm thanh vang dội tợ tiếng chuông
Đông, Tây, Nam, Bắc nổi rồi chìm
Nhất định chẳng lâu thành Đại Giác.
Chư Thiên phủ kín cả hư không
Trăm ngàn vạn ức na-do-tha
Lời hay khen ngợi, tâm hoan hỷ:
Nay Ngài chắc chứng Đại Diệu Thánh
Chư Thiên vạn ức không đếm hết
Đều tung y phục khắp hư không
Điềm lành báo trước nhiều vô cùng.
Ngài sẽ giác ngộ thành Đại Thánh
Ngàn vạn do-tha chúng chư Thiên
Chắp tay đảnh lễ tại hư không
Điềm ứng hiện trước, khó diễn tả.
Ngài nay thành Phật, Đại Giác Tôn
Chư Thiên đồng tử ngàn vạn ức
Hớn hở tay cầm hoa trời đẹp
Tung rải mưa hoa trên Nhân giả.
Ngài nay thành Phật Đại Tôn Thắng
Cây cối chung quanh cội Bồ-đề
Cành ngọn cúi rạp hướng về Ngài
Điềm lành như đây chẳng phải một.
Ngày nay thành Phật Đại Tối Tôn
Nhân giả thu phục chúng Thiên ma
Tiếng nói hình thù thật đáng sợ
Ngài dùng từ lực đều nhiếp hóa.
Ngày nay thành Phật Đại Tôn Xưng
Long vương Ca-la tán thán Phật
Tâm sinh khoái lạc rất vui mừng.

□

Phẩm 33: BỒ-TÁT THÀNH PHẬT

Khi Bồ-tát thu phục tất cả ma oán, nhổ sạch các gai độc, dựng cờ chiến thắng, rồi ngồi nơi tòa Kim cang tiêu diệt tất cả tâm tranh đấu thuộc

thế gian. Diệt tâm tranh đấu rồi, trong ngoài điều phục, tâm được thanh tịnh. Vì tất cả chúng sinh trong thế gian, Ngài làm những điều lợi ích, vì làm cho tất cả chúng sinh thế gian được an lạc, vì làm cho tất cả chúng sinh độc ác phát lòng Từ, vì đoạn tất cả những kết sử cấu trược của chúng sinh độc ác, nên tự mình Ngài đã trừ được triền cái thùy miên, tâm được thanh tịnh, hiện tiền trí tuệ sáng suốt, chánh niệm viên mãn, rồi cũng dạy cho chúng sinh, khiến họ đoạn trừ sự che lấp của thùy miên. Tự mình đã đoạn trừ tất cả trạo cử, tâm được thanh tịnh, không còn hỗn loạn, rồi cũng dạy cho chúng sinh khiến họ diệt trừ tất cả trạo cử để được thanh tịnh. Tự mình đã đoạn trừ được tâm nghi hối, xa lìa hành vi tối tăm, đối với tất cả các pháp thiện hay ác không còn nghi ngờ phân vân, tâm được thanh tịnh.

Khi Bồ-tát đoạn trừ năm tâm triền cái này rồi, phiền não lần lần yếu ớt. Tại sao như vậy? Vì năm pháp này hay che lấp trí tuệ, vì năm pháp này không trợ duyên phát sinh trí tuệ, vì năm pháp này cản ngăn thiện đạo vi diệu đi đến Niết-bàn. Tất cả những thứ như vậy Ngài đều đã xả bỏ, lìa tâm ái dục, các pháp bất thiện, phân biệt trong ngoài, tư duy quán sát, nhất tâm tịch định, sắp chứng pháp hỷ lạc của Sơ thiền và theo đó tu tập.

Bấy giờ Bồ-tát lại tư duy: "Ta mới chứng được tâm tăng thượng, hiện tại được pháp an lạc vi diệu, tâm không phóng dật, cần phải chánh niệm xa lìa làng xóm, ở nơi vắng vẻ, tu tập để được rốt ráo."

Lúc ấy Bồ-tát muốn xa lìa tất cả phân biệt, trong tâm thanh tịnh, hoàn toàn không còn phân biệt. Từ Tam-muội sinh Hoan hỷ lạc, chứng pháp Nhị thiền mà ở trong đó tu tập.

Lúc ấy Bồ-tát lại nghĩ thế này: "Ta nay đã sinh được tâm tăng thượng thứ hai, cho đến xa lìa tất cả tâm ác, thành tựu các hạnh, nhập vào Nhị thiền."

Khi ấy Bồ-tát xa lìa hoan hỷ, xả bỏ, hành thanh tịnh chánh niệm, chánh tuệ, thân thọ an lạc là pháp được chư Thánh ca ngợi, chứng vào pháp Tam thiền mà ở trong đó tu tập.

Khi ấy Bồ-tát lại suy nghĩ: "Tâm ta đã chứng tâm tăng ích thứ ba này, cho đến nơi vắng vẻ tu hành." Lúc ấy Bồ-tát sắp xả bỏ dục, xả bỏ khổ, cũng như ở trước xả bỏ phân biệt khổ vui, không khổ không vui đều xả, chánh niệm thanh tịnh, chứng pháp Tứ thiền mà ở trong đó tu tập.

Bấy giờ Bồ-tát lại tư duy: "Tâm tăng thượng này của Ta hiện chứng pháp hạnh an lạc ở Tứ thiền, Ta đã chứng biết, tâm không phóng dật, mà người thiện nam nhất tâm chánh niệm, ở nơi vắng lặng tu hạnh tịch tĩnh."

Khi Bồ-tát nhất tâm thanh tịnh, không cấu nhiễm, không có phiền não chướng ngăn che, tất cả khổ hoạn đều đoạn trừ diệt, tâm nhu hòa thư thái, tâm thuần thục đã trụ vào chỗ quyết định. Đêm ấy vào canh đầu, Ngài chứng thần thông về thân, thọ tất cả cảnh giới thần thông. Đó là một thân có thể hiện thành nhiều thân, hoặc hợp nhiều thân trở thành một thân. Khi hợp lại một thân rồi lại ở trong hư không, khuất dạng ở phương trên, xuất hiện ở phương dưới, khuất dạng ở phương dưới, xuất hiện ở phương trên, ẩn hiện tự tại. Khắp các phương Đông, Tây, Nam, Bắc biến hiện cũng lại như vậy. Xuyên qua núi hay vách đá không chướng ngại. Biến hóa tùy ý, vào trong vách rồi lại ra, ra rồi lại vào, đi trên đất cũng như đi trên nước, đi trên nước cũng như đi trên đất, ẩn hiện trong hư không cũng như chim bay. Hoặc tỏa khói mù, hoặc phóng ánh lửa như đống lửa lớn. Sức mạnh của mặt trời, mặt trăng hết sức chói lọi, nhưng có thể dùng bàn tay tiếp xúc được. Hiện thân cao lớn cho đến cõi Phạm thiên. Ví như thợ bạc và học trò của thợ bạc, lấy vàng ròng tạo thành các món đồ, liền thành theo ý muốn, cũng phân biệt biết giá trị tốt xấu của nó. Ví như thợ gốm và học trò thợ gốm đặt cục đất sét ổn định trên bàn quay, ý muốn làm vật gì liền thành vật đó, cũng biết giá trị của nó. Ví như thợ mộc và học trò thợ mộc, chặt lấy cây cối không mục không khô, muốn làm đồ vật gì thì thành đồ vật đó, cũng biết giá trị của nó. Ví như thợ khắc ngà voi và học trò của thợ khắc ngà voi, được ngà voi tốt, muốn làm đồ vật gì thì thành đồ vật đó, cũng biết giá trị của nó.

Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ-tát cũng vậy, Ngài thành tựu tâm thanh tịnh, tâm không uế trược, tâm không chướng ngại, tâm không khổ lụy, tâm nhu hòa, tâm thành tựu thiện nghiệp và tâm chân thật tịch định như vậy. Vào canh một đêm ấy, tu tập tạo tác các thần thông, thành tựu trí tuệ, xuất hiện các cảnh giới thần thông. Đó là một thân hiện thành nhiều thân…, nói tóm lại, thân cao cho đến cõi Phạm thiên.

Tâm Bồ-tát đã được tịch định như vậy, thanh tịnh như vậy, vô cấu như vậy, không ngăn che như vậy, Ngài diệt trừ tất cả phiền não khổ lụy, tâm hoàn toàn thuần thục, tâm được tịch diệt.

Bấy giờ ở giữa canh một đêm ấy, Bồ-tát lại chứng biết Túc mạng thông, tâm hành thành tựu, muốn từ tâm mình biết tất cả tâm niệm của người khác. Đó là biết chỗ thọ thân một đời, chỗ thọ thân hai đời, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm, hai trăm, một ngàn, muôn ngàn, vô lượng vạn ức, nửa kiếp, tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp, vô lượng tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp. Ta xưa

ở chỗ này, tên thế này, dòng họ như vậy, chủng loại như vậy, ăn uống như vậy, thọ lạc như vậy, thọ mạng như vậy, chết rồi sinh vào xứ khác như vậy, ở nơi đó sinh ra rồi lại chết đi…

Lúc bấy giờ Bồ-tát do tướng như vậy, hành như vậy, biết tất cả tự thân của mình trong thời quá khứ đã như vậy, thân của người khác cũng như vậy. Lại tự biết tất cả đời quá khứ của mình. Như có người ra đi từ xóm làng của mình để đến xóm làng khác, trên lộ trình biết nơi nào ngồi, biết nơi nào đi, biết nơi nào ngủ, biết nơi nào nói, biết nơi nào im lặng. Đến xóm làng này rồi biết khoảng thời gian đi đến xóm làng ấy xa hay gần, biết nơi nào đã đi, nơi nào đã ngồi… cho đến nơi nào đã ngủ, nằm, nói, im lặng. Đến xóm làng kia rồi, suy nghĩ trở về xóm làng mình thế này: "Từ xóm làng này trải qua chừng ấy thời gian sẽ đến xóm làng kia, đến nơi ấy sẽ nghỉ thời gian chừng ấy, thời gian đi chừng ấy, thời gian ngồi chừng ấy, thời gian nói chừng ấy, thời gian im lặng chừng ấy, thời gian chừng ấy sẽ đến làng ấp ấy." Lại biết từ xóm làng ấy về đến xóm làng mình, trải qua số thời gian đi, đứng, nằm ngồi, nói năng, im lặng, dừng nghỉ…, tất cả đều biết. Bồ-tát với tâm định, tâm thanh tịnh, tâm không cấu nhiễm, tâm nhu hòa thư thái, tâm không khổ não, tâm có thể tạo các thiện nghiệp. Giữa canh đầu đêm ấy, chứng được trí túc mạng, chánh niệm chứng biết, tâm thành tựu các hạnh.

Bấy giờ Bồ-tát tư duy biết rõ chỗ sinh tử của mình và của người khác. Đó là một đời sinh sống ở nơi quốc độ nào đó, cho đến chỗ đã sinh sống trong vô lượng vô biên kiếp.

Khi ấy Bồ-tát như tướng trạng, như giáo pháp thứ tự nghe nói, tự biết cảnh giới thân mình đã sinh và nơi người khác đã sinh cũng lại như vậy. Bồ-tát nhớ biết cảnh giới của mình sinh, lại nhớ biết trong các cảnh giới chúng sinh thọ sinh, được tâm từ niệm: "Đây là người thân cũ của ta, đây là người xa lạ với ta. Bỏ thân người này lại sinh nơi ấy, ở thế giới này hay thế giới khác." Giống như xe gió, như cây chuối không có lõi cứng, phiền não vô thường, sự thật này được tâm chứng biết rõ.

Bấy giờ Bồ-tát với tâm định, thanh tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu hòa, có thể tu tịnh nghiệp, nửa đêm ấy muốn thành tựu chứng Thiên nhĩ thông nên phát tâm đúng như vậy. Với Thiên nhĩ thanh tịnh hoàn toàn, vượt hơn người thường, Ngài nghe tất cả thứ tiếng. Đó là nghe tiếng địa ngục, hoặc tiếng súc sinh, hoặc tiếng trời, tiếng người, tiếng xa tiếng gần. Như ở nơi xóm làng, thành ấp, đô thị của một quốc gia, có người lên nhà cao, hoặc lên trên lầu và ở đó. Người ấy với tai rất

thính nghe các thứ tiếng, đó là nghe tiếng thổi loa ốc, hoặc tiếng trống lớn, hoặc tiếng trống nhỏ, tiếng trống cơm, hoặc tiếng đàn không hầu, tiếng đàn tỳ bà, tiếng tiêu, tiếng sáo, tiếng sênh, hoặc nghe tiếng khóc, hoặc tiếng phụ nữ, hoặc tiếng đàn ông, hoặc tiếng đồng tử, hoặc tiếng đồng nữ. Như vậy, như vậy… tâm Ngài tịch định, thanh tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, không uế trược, nhu hòa tu các thiện nghiệp như vậy. Vào nửa đêm hôm ấy nghe đủ các thứ tiếng, cho đến tiếng ở địa ngục.

Khi ấy tâm Bồ-tát tịch định, thanh tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, vào nửa đêm hôm ấy, khi thành tựu chứng Thiên nhãn thông, hơn mắt người thường, thấy khắp tất cả, hoặc thấy tất cả chúng sinh qua đời bị đọa; hoặc sinh làm chúng sinh thượng giới, chúng sinh hạ giới, chúng sinh xinh đẹp, chúng sinh xấu xí; hoặc đọa làm tất cả chúng sinh trong ác đạo, hoặc sinh làm các chúng sinh trong cõi thiện, đi hay đứng lại; hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp đã tạo, Ngài đều thấy rõ. Lại thấy biết các chúng sinh tạo thân nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh, hủy báng Sư tăng, chấp tà kiến, do tà kiến nên tạo nghiệp ác. Do đó, bỏ thân ấy rồi, sinh vào cõi ác địa ngục, chịu các đau khổ. Có những chúng sinh vì khẩu nghiệp chịu nhiều cách khổ trong cõi ác, những chúng sinh này do khẩu nghiệp bất tịnh, tạo tất cả các nghiệp ác về miệng, do vì nhân duyên này, chết sinh vào trong loài súc sinh, chịu các đau khổ. Những chúng sinh thân làm các ác nghiệp, đủ các nghiệp về thân. Do vì nhân duyên này, tạo các ác nghiệp về ý, đầy đủ ác nghiệp về ý, cho đến hủy báng tất cả Thánh hiền, có nhiều tà kiến, do vì nhân duyên tà kiến, khi bỏ thân qua đời đọa vào ngạ quỷ, chịu cảnh khổ ngạ quỷ.

Còn những chúng sinh thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, không hủy báng Thánh hiền. Do vì hành chánh kiến, tạo nghiệp chánh kiến, do vì nhân duyên này khi qua đời sinh lên các cõi trời. Những chúng sinh do thân, khẩu tạo nghiệp thanh tịnh đầy đủ, tất cả không phạm, không khuyết, không hủy báng Thánh hiền là do có chánh kiến. Do nhân duyên chánh kiến như vậy, khi qua đời bỏ thân này sinh làm người.

Bồ-tát dùng Thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt người thường, thấy chúng sinh hoặc khi đọa lạc, hoặc khi thọ sinh làm chúng sinh thượng giới, trung giới và hạ giới, hoặc thân tốt đẹp hay xấu xí, hoặc thân có mùi thơm hay mùi hôi thối, hoặc cho đến theo chỗ tạo nghiệp sinh nơi thiện đạo hay ác đạo, Ngài đều biết một cách đúng sự thật như vậy. Ví như có người ở nơi ồn ào trong thành phố, xóm làng, thành ấp của một nước, người này lên

một tòa lâu đài rất cao lớn, ngồi trong đó, dùng Thiên nhãn thanh tịnh quán sát người qua lại, hoặc từ phương Đông đến, hoặc từ phương Tây đến, hoặc từ phương Tây sang phương Đông, hoặc từ phương Đông sang phương Tây, hoặc từ phương Nam sang phương Bắc đến, hoặc đến hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, di chuyển qua lại trong đó. Hoặc có người đi về miền ngược, hoặc có người đi về miền xuôi, bao nhiêu cảnh tượng như vậy…

Bồ-tát vào nửa đêm hôm ấy tâm tịch tĩnh thanh tịnh không cấu nhiễm, không phiền não, nhu hòa tạo các thiện nghiệp, cho đến thấy tất cả chúng sinh tạo bao nhiêu nghiệp thiện, nghiệp ác, theo đó mà thọ báo.

Có kệ nói:

Địa ngục thọ nghiệp rất cực khổ
Súc sinh ăn và nuốt lẫn nhau
Ngạ quỷ chịu khổ thường đói khát
Nhân gian nguy khốn cầu tài sản.
Chư Thiên hết phước khổ biệt ly
Khổ này rất nặng không dụ được
Chúng sinh xoay vần trong các loại
Tất cả mọi nơi không an lạc.
Đó là vực sâu quỷ giết mạng
Cũng là nơi đáy biển phiền não
Chúng sinh chìm đắm không ra được
Luân chuyển đây đó đến rồi đi.
Quán sát năm cõi đều như vậy
Thiên nhãn thông suốt thấy cùng khắp
Phiền não trước sau không thật có
Như lột hết bẹ, cây chuối mất.

Lúc ấy tâm Bồ-tát vắng lặng thanh tịnh không cấu nhiễm như vậy, xa lìa các điều ác, tâm điều hòa thư thái, tạo các thiện nghiệp như vậy. Khi tâm đã được tịch định rồi lại vào khoảng cuối đêm ấy, tâm Ngài muốn chứng thần thông như ý thì tự phát khởi. Sau khi đã chứng thần thông như ý rồi lại chứng Tha tâm thông. Ngài biết chúng sinh từ đâu sinh, biết chúng sinh suy nghĩ việc gì, biết khắp tất cả một cách như thật. Hoặc chúng sinh có tâm dục, làm việc dâm dục, Ngài đều biết một cách đúng sự thật. Hoặc chúng sinh có tâm ly dục, xa lìa dâm dục, Ngài đều biết một cách đúng sự thật. Hoặc chúng sinh có tâm sân hận, phát khởi sân hận, Ngài biết một cách đúng sự thật. Hoặc chúng sinh có tâm xa lìa sân hận, xa lìa các việc sân hận, Ngài biết một cách đúng sự thật. Hoặc chúng sinh có tâm ngu si,

Ngài biết một cách đúng sự thật. Hoặc chúng sinh có tâm xa lìa ngu si, xa lìa được việc ngu si, Ngài biết một cách đúng sự thật.

Nói tổng quát, chúng sinh có tâm ái dục hay lìa ái dục, cho đến hữu vi hay vô vi, hạ đẳng hay thượng lưu, yên tĩnh hay loạn động, rộng hay hẹp, lớn hay nhỏ, có giới hạn hay không có giới hạn, tâm hướng thượng hay hướng hạ, đắc định hay không đắc định, giải thoát hay không giải thoát, Ngài đều thông hiểu đúng sự thật.

Ví như kẻ nam hay người nữ, chính lúc tuổi trẻ thường ưa thích trang điểm, sau khi trang điểm xong rồi hoặc có lúc dùng gương sáng hay có lúc dùng nước trong, soi thấy tất cả mặt mình.

Đúng như vậy! Đúng như vậy! Bồ-tát tịch định cũng như vậy, tâm Ngài thanh tịnh, tâm không cấu nhiễm, tâm không phiền não, tâm điều hòa thư thái làm các thiện nghiệp cũng như vậy.

Tâm đã được tịch định rồi, vào cuối đêm đó do tâm thanh tịnh, theo ý muốn chứng thần thông Túc mạng trí, cũng vậy biết cả tâm mình, biết tâm người khác, phát tâm từ đâu, khởi tâm từ đâu, tất cả các tâm đều thông hiểu đúng sự thật như vậy.

Hoặc chúng sinh có tâm dục, hoặc lìa tâm dục, Ngài đều thông hiểu, cho đến tâm giải thoát hay không giải thoát, Ngài đều thông hiểu đúng sự thật như vậy.

Khi Bồ-tát đã chứng được tâm thanh tịnh, không có tâm cấu uế, lìa tất cả điều ác, tâm điều hòa thư thái, làm tất cả việc lành. Bồ-tát đã chứng được tâm tịch định như vậy rồi, lại vào cuối đêm hôm đó, theo ý muốn, Ngài chứng thần thông Vô lậu tận trí, trong tâm phát khởi trí tuệ suy nghĩ thế này: "Tất cả chúng sinh chìm đắm trong biển khổ não, nghĩa là luôn luôn trải qua cảnh sinh, già, bệnh, chết. Kết liễu thân mạng ở cõi này rồi thác sinh nơi cảnh giới kia. Sau khi thọ sinh rồi lại mắc phải tất cả các khổ cũng như vậy, không thể nào biết được để xa lìa các khổ này. Đó là các khổ sinh, già, bệnh, chết."

Ngài tư duy thế này: "Ta nay phải dùng những phương pháp gì, làm sao lìa được các khổ như vậy? Ta phải tạo nghiệp gì? Làm sao xa lìa sinh, già, bệnh, chết để qua bên kia bờ giải thoát?"

Ngài nói kệ:

Thế gian chìm đắm biển sinh tử
Mãi mãi, chết rồi lại thọ sinh
Bị khổ, già, bệnh, luôn buộc ràng
Mê muội không thể thoát ra được.

Khi Bồ-tát nói kệ này rồi, Ngài lại tư duy sự già, bệnh, chết của ta từ đâu đến? Do nhân duyên gì lại có sự già, bệnh, chết này?"

Khi Bồ-tát suy nghĩ như vậy, Ngài biết được nguyên nhân của già, bệnh, chết là sinh, vì do có sinh nên mới có già, bệnh, chết tiếp theo.

Bồ-tát lại tư duy: "Sinh từ đâu mà có? Do nhân duyên gì mà có sinh?" Sau khi tư duy, Ngài biết do có hữu nên có sinh.

Bồ-tát lại tư duy: "Hữu này từ đâu mà có? Do nhân duyên gì mà có hữu này?" Bồ-tát tư duy như vậy rồi biết do có thủ mới có hữu này.

Bồ-tát lại tư duy: "Thủ này từ đâu mà có? Do nhân duyên gì mà thủ?" Sau khi tư duy, Ngài biết do ái nên có thủ.

Bồ-tát lại tư duy: "Ái này từ đâu mà có? Do nhân duyên gì có ái này?" Bồ-tát tư duy như vậy rồi biết do có thọ mới có ái này.

Bồ-tát lại tư duy: "Thọ này từ đâu mà có? Do nhân duyên gì có thọ này?" Bồ-tát tư duy như vậy rồi biết do có xúc mới có thọ này.

Bồ-tát lại tư duy: "Xúc này từ đâu mà có? Do nhân duyên gì có xúc này?" Bồ-tát tư duy như vậy rồi, biết do có lục nhập mới có xúc này.

Bồ-tát lại tư duy: "Lục nhập từ đâu mà có? Do nhân duyên gì mà có lục nhập?" Sau khi tư duy, Ngài biết do có danh sắc nên có lục nhập.

Bồ-tát lại tư duy: "Danh sắc này từ đâu mà có? Do nhân duyên gì mà có? Từ đâu mà sinh?" Bồ-tát tư duy như vậy rồi, biết do có thức mới có danh sắc.

Bồ-tát lại tư duy: "Thức này do nhân duyên gì mà có? Từ đâu mà sinh?" Bồ-tát tư duy như vậy rồi, biết do có hành mới có thức.

Bồ-tát lại tư duy: "Các hành này do nhân duyên gì mà có? Từ đâu mà sinh?" Bồ-tát tư duy như vậy rồi, biết do có vô minh nên mới có hành.

Bồ-tát lại tư duy thế này: "Do duyên vô minh nên có các hành, do duyên các hành nên có thức, do duyên thức nên có danh sắc, do duyên danh sắc nên có lục nhập, do duyên lục nhập nên có xúc, do duyên xúc cho nên có thọ, do duyên thọ cho nên có ái, do duyên ái cho nên có thủ, do duyên thủ cho nên có hữu, do duyên hữu cho nên có sinh, do duyên có sinh cho nên có lão, do duyên có lão cho nên có bệnh, chết và cho đến các khổ: buồn, lo, khổ não… Các khổ như vậy đều làm nhân sinh lẫn nhau." Pháp này, Bồ-tát trước đây chưa từng nghe từ người khác và chưa từng thấy; từ pháp này sinh nhãn, sinh trí, sinh ý, sinh tuệ và sinh minh.

Bồ-tát lại tư duy: "Không còn cái gì để không còn già, bệnh, chết? Diệt cái gì để diệt già, bệnh, chết?" Tư duy như vậy, Bồ-tát biết rõ vì không sinh nên không già bệnh chết, diệt sinh thì diệt già, bệnh, chết.

Bồ-tát lại tư duy thế này: "Không còn cái gì để không có sinh này? Do diệt cái gì để diệt cái sinh này?" Bồ-tát lại tư duy nghĩ biết thế này: "Do không hữu thì sinh này không, do diệt hữu nên sinh này diệt."

Bồ-tát lại tư duy thế này: "Không còn cái gì… cho đến các hành đều không? Cho đến diệt cái gì… cho đến để các hành đều diệt?" Bồ-tát lại tư duy nghĩ biết thế này: "Do không vô minh nên các hành đều không. Do diệt vô minh nên các hành đều diệt."

Bồ-tát lại tư duy: "Do diệt vô minh nên các hành đều diệt, do các hành diệt cho nên thức cũng theo đó diệt." Nói lược cho đến sinh, già, buồn, lo, khổ não đều diệt. Như vậy tất cả các khổ và tập nhân của khổ đều diệt hết.

Bồ-tát thuở xưa chưa từng nghe như vậy, trong pháp như vậy sinh nhãn, sinh trí, sinh ý, sinh minh, sinh quang, sinh tuệ. Khi tâm Bồ-tát được định như vậy, thanh tịnh không cấu nhiễm, tâm Bồ-tát thư thái, lìa tất cả phiền não, tâm thuần thục. Tâm được vắng lặng, Ngài biết vô minh này một cách đúng sự thật, cũng biết vô minh với nhân như vậy mà sinh, cũng biết vô minh với duyên như vậy mà diệt, biết rõ chắc chắn đây là tướng diệt hết vô minh, biết rõ chắc chắn đã chứng thánh đạo. Nói tóm lược cho đến các pháp: Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, hữu, thủ, sinh, lão, bệnh, tử đều biết rõ: "Đây là nguyên nhân của tất cả già, bệnh, chết. Đây là diệt tất cả già, bệnh, chết. Tất cả già, bệnh, chết này bị diệt, diệt rồi sẽ đắc đạo." Ngài đều biết thế này: "Đây là nguyên nhân của Khổ đế. Biết đúng như thật đây là Khổ đế diệt, biết đúng như thật Khổ đế này diệt rồi sẽ đắc đạo. Biết thật đúng đây là các lậu, biết thật đúng đây là nguyên nhân các lậu, biết thật đúng sự diệt tận các lậu. Các lậu như vậy, diệt rồi sẽ đắc đạo."

Ngài biết đúng như thật đây là dục lậu, biết đúng như thật đây là hữu lậu, đây là vô minh lậu. Biết đúng như thật các lậu này đều diệt không còn sót thì dứt hẳn thọ sinh các cõi.

Như nơi thành ấp, hoặc nơi bên thành, hoặc nơi xóm làng cách nhau chẳng xa có một ao nước, nước trong ao trong sạch, ngon ngọt mát lạnh, không chút vẩn đục, luôn luôn đầy ắp, bờ ao bằng phẳng, bốn bên bờ có nhiều loại cây bao bọc chung quanh, trang trí đẹp đẽ. Trong ao có đá, sạn và nhiều loại thủy tộc: hoặc trai, hoặc ốc, cá sấu, trạnh, ba ba hoặc cá, lươn, cá mè, cá đuối, cho đến cá Ma-kiệt… chúng lội qua lội lại Đông, Tây, Nam,

Bắc, đuổi kiếm thức ăn. Hoặc có con đứng, hoặc có con rượt đuổi lẫn nhau, mà lại có người ở trên bờ, dùng con mắt trong sáng nhìn thấy trông suốt những loài động vật này, biết đây là trai, đây là ốc lớn, đây là rùa, đây là trạnh, đây là ba ba, đây là sạn, đây là đá, đây là cá, đây là cá Ma-kiệt, một số tìm mồi, một số nằm im ngủ, một số chạy khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, một số rượt đuổi lẫn nhau. Bao nhiêu cảnh tượng như vậy, tâm Bồ-tát định như vậy, thanh tịnh như vậy, không cấu nhiễm như vậy, không phiền não như vậy, tâm điều hòa thư thái, tâm thuần thục như vậy. Tâm Ngài đã được tịch định rồi, biết rõ ràng đây là vô minh, biết rõ ràng đây là nguyên nhân của vô minh, đây là vô minh diệt, đây là vô minh diệt rồi sẽ chứng đạo. Nói tóm lược, biết rõ ràng cho đến: ở đây các lậu hoặc đều bị diệt sạch không còn gì cả.

Khi Bồ-tát biết như vậy, thấy như vậy, tâm giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát khỏi hữu lậu, tâm giải thoát khỏi vô minh lậu. Đã giải thoát ba lậu rồi, sinh Tuệ giải thoát, sinh Tuệ giải thoát rồi liền biết: "Thọ sinh của Ta đã hết, phạm hạnh đã thành, việc làm đã hoàn tất, hoàn toàn không thọ sinh đời sau." Canh ba đêm ấy đã qua, bước sang canh tư cuối đêm ấy, khi sao Mai sắp xuất hiện, phần đêm còn lại vẫn yên tĩnh, tất cả chúng sinh đi lại hay ở một nơi, tất cả đều chưa thức dậy. Lúc ấy Thế Tôn liền sinh tri kiến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Có kệ nói:

Đêm ấy bốn canh qua hết ba
Còn một canh sau, sao mai mọc
Các loài sinh sống đều chưa thức
Lúc ấy Đại Thánh Vô Thượng Tôn
Diệt hết các khổ chứng Giác ngộ
Bậc Nhất Thiết Trí trong thế gian.

Khi Đức Thế Tôn chứng tri kiến, tất cả trời, người, Sa-môn, Bà-la-môn, cung điện Phạm thiên và cung điện ma ở nơi thế gian này hết sức sáng chói. Những núi Tiểu thiết vi và Đại thiết vi, trong những núi này từ xưa đến nay luôn luôn tối tăm, chưa từng thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Tuy rằng mặt trời mặt trăng có công năng to lớn như vậy, có ánh sáng như vậy, có oai lực như vậy, mà ánh sáng chói lọi ấy không thể chiếu sáng nơi đây. Nhưng ngày nay nơi đây tự nhiên trong suốt, ánh sáng tràn ngập. Tất cả chúng sinh ở đây đều thấy lẫn nhau, đều biết lẫn nhau, đều nói với nhau: "Nơi đây cũng có chúng sinh ư? Nơi đây cũng có chúng sinh ư!"

Tất cả cây cối ở thế gian ra hoa kết quả rồi liền theo đó chín muồi rơi xuống đất. Do thế lực của Thế Tôn, bầu trời đang trong sáng, không có bụi mù, không có khói ráng, bỗng nhiên kéo mây thành trận mưa nhẹ rưới đất, lại thổi cơn gió mát, điều hòa lạnh nóng, rồi các phương lại trong sáng hiển hiện rõ ràng. Trên hư không, tất cả chư Thiên trổi nhạc trời, dùng giọng chư Thiên ca ngợi tán thán và mưa xuống vô lượng các loại hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la…; lại mưa xuống các loại thiên y như y Kiều-xá-đa…; lại mưa xuống các loại bảo vật như vàng, bạc, lưu ly…; lại mưa xuống các thứ hoa sen như hoa sen xanh, hoa sen trắng và hoa sen trắng lớn; lại rải nhiều lớp các thứ hương bột, hương thoa trên mình Đức Phật. Chung quanh nơi đây một do-tuần, các loại hoa, hương bột và hương hoa ngập lên đến đầu gối. Bấy giờ cõi đại địa chấn động sáu cách, tất cả chúng sinh đều thọ hưởng cực kỳ an lạc, không có các khổ làm não loạn. Ngay lúc bấy giờ không có một chúng sinh nào sinh tâm dục não, sân hận, tham lam, ngu si; lại cũng không có tâm cống cao, ngã mạn, sợ sệt, không tạo các tội lỗi, không có các bệnh tật, các hoạn nạn đều hết, không phát khởi trở lại. Tất cả chúng sinh đói khát đều được no nê, những chúng sinh say sưa đều được tỉnh táo, lại không uống rượu. Những chúng sinh điên cuồng đều trở lại tâm bình thường. Những chúng sinh đui mù đều được thấy, chúng sinh điếc lại được nghe. Những chúng sinh thân thể khiếm khuyết đều được đầy đủ. Những chúng sinh bần cùng đều được của quý. Những chúng sinh gầy ốm đều được mập mạp. Những chúng sinh bị trói buộc trong lao ngục thì tất cả gông cùm tự nhiên tháo gỡ. Những chúng sinh trong địa ngục đều được khỏi khổ. Những sự khủng bố của loài súc sinh đều được tiêu diệt. Loài ngạ quỷ hết cái khổ đói khát…, tất cả đều được no nê.

Có kệ nói:

Lúc ấy chúng sinh diệt phiền não
Đều rất an lạc, khổ không còn
Say sưa điên dại được bình thường
Những người đang sợ, được bình an.

Khi Đức Thế Tôn chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, liền nói kệ với giọng Sư tử rống:

Thuở xưa tạo nghiệp công đức lợi
Ý muốn việc chi đều thành tựu
Mau chóng chứng thành tâm thiền định
Niết-bàn bờ giác, lại đến nơi.
Tất cả bao nhiêu kẻ thù nghịch
Ba-tuần quyền lực khắp Dục giới

Không thể hại Ta, đều quy phục
Do sức trí tuệ đầy phước đức.
Ai luôn dũng mãnh siêng tinh tấn
Muốn cầu Thánh trí nào có khó
Các khổ lập tức được diệt trừ
Bao nhiêu tội nghiệp đều diệt sạch.

Sau khi Như Lai thành đạo, đầu tiên Ngài cảm hứng nói bài kệ này.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 31

Phẩm 34: TRONG QUÁ KHỨ MA VƯƠNG TRANH VỚI BỒ-TÁT

Bấy giờ, vào đầu đêm, Bồ-tát dùng tay chỉ xuống đất để thu phục quyến thuộc ma Ba-tuần, thì quả đất chấn động sáu cách, cho đến tiếng chấn động lớn như tiếng chuông đồng. Lúc ấy dân chúng đang sống ở các xóm làng, thành ấp, quốc gia, thấy quả đất chuyển động vang dậy nên đều sinh nghi, đều đi đến các bốc sư, các nhà thiên văn, hoặc các vị Tiên nhân, hoặc các nhà am tường về chiêm tinh để hỏi họ về việc này. Họ hỏi:

–Vì sao quả đất này chấn động và phát ra tiếng động lớn như vậy? Sa-môn cùng với Ma vương, ai thắng, ai bại? Các ngài đều là bậc có tài bàn về các hiện tượng, xin vì chúng tôi giải rõ điềm chấn động này.

Khi ấy, tất cả các Tiên nhân, nhà thiên văn… trả lời dân chúng:

–Tại làng Già-da, thuộc nước Ma-già-đà có hai sức mạnh đang chiến đấu với nhau: một bên cầu Tối Đại Pháp vương, vượt khỏi thế gian; bên kia cầu làm vua phi pháp ở thế gian. Hai bên cạnh tranh chiến đấu với nhau, trong đó vị cầu Pháp vương đánh bại vị cầu Phi pháp. Sự tranh đấu đã kết thúc, trong cuối đêm đó, vị Sa-môn đã chứng Đại Pháp vương, chẳng bao lâu nữa Ngài sẽ chuyển bánh xe pháp Vô thượng.

Có kệ:

Tất cả mọi người nghe chấn động
Đều đến toán số để hỏi thăm
Hỏi rằng: Chiêm gia người phải biết
Thế gian các ngài là Thánh trí
Quả đất này cớ sao rung động?
Cúi xin các ngài quan sát kỹ
Sớm xin giải thích cho chúng tôi.
Các vị bói toán bảo thế này:
Vua pháp, phi pháp ở nơi kia
Oai thần hai vị đấu tranh nhau

Thử xem oai đức ai thù thắng
Nước Ma-già-đà nơi thôn họ
Bồ-tát, Thiên ma chiến đấu nhau
Chánh pháp xô dẹp được ma quân
Thu phục xong rồi, Ngài thành đạo
Thành Phật, Pháp Vương không còn sợ.

Vào cuối đêm ấy khi sao mai mọc, Đức Như Lai thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ngay khi ấy, nơi thế gian bỗng nhiên sáng rực, quả đất chấn động sáu cách. Sau khi thế gian được chiếu sáng, quả đất chuyển động, Đại vương Tịnh Phạn ở nơi vương cung, đang ngủ giật mình thức dậy. Nhà vua cho mời các tướng sư và những nhà thiên văn Bà-la-môn đến hỏi:

–Này các vị Bà-la-môn, việc ấy như thế nào? Hãy vì trẫm mà giải thích.

Nhà vua vừa nói lời ấy, các nhà thiên văn và tướng số Bà-la-môn liền tâu Đại vương:

–Cúi xin Đại vương chờ cho giây lát, để cho chúng tôi chiêm nghiệm rồi sau sẽ giải thích.

Thuở ấy Thánh mẫu Ma-da phu nhân đã sinh lên cõi trời, hiện mang thân ngọc nữ, từ Thiên giới giáng xuống hoàng cung, báo cho Đại vương Tịnh Phạn và Gia-du, mẹ của La-hầu-la:

–Đại vương phải biết, đêm nay Vương tử Tất-đạt-đa đã thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì lý do này cõi đại địa chấn động. Như Lai đã thu phục ma quân, không còn oán thù, trong thế gian không còn gì đáng sợ.

Khi ấy chư Thiên Tịnh cư cõi Sắc vẫn còn phân vân Như Lai đã chứng Vô thượng Bồ-đề hay chưa. Đức Như Lai biết tâm niệm chư Thiên, liền bay lên hư không để cho họ dứt tâm nghi ngờ. Ngài dùng giọng Sư tử rống nói như thế này:

–Ta đã đoạn các kết sử ái dục, tất cả nước tâm dục phiền não hoàn toàn khô cạn, không còn chảy nữa, không còn tái sinh, không còn vào phiền não nữa, diệt sạch các khổ không còn sót.

Khi ấy tất cả chư Thiên Sắc giới nghe lời nói này đều suy nghĩ: "Như Lai thật sự thành Bậc Vô Thượng Bồ-đề", nên vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế. Họ đem các loại hoa trời thật đẹp, hương hoa, hương bột gỗ thơm chiên-đàn cõi trời, các loại bột hương ngưu đầu chiên-

đàn, hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la rải nhiều lớp trên mình Như Lai. Sau đó, họ lại rải hương hoa lên ma Ba-tuần.

Thấy chư Thiên Sắc giới đem các đồ cúng dường hiến cúng Như Lai, ma Ba-tuần ngồi trên đất, đối trước Như Lai chẳng gần chẳng xa, buồn bã không vui, tâm rất ưu sầu, dùng cọng cỏ lau vẽ trên đất, nghĩ thế này: "Thế gian thật hy hữu, không thể nghĩ bàn. Các Tiên tu khổ hạnh, ta có thể làm tâm họ thoái chuyển. Đế Thích, chư Thiên… ta còn có thể khuyên họ khởi tâm tham dục. Tại sao ngày nay Sa-môn họ Thích này nhất tâm chánh định, chỉ trải qua một thời gian ngắn như vậy, đã khiến binh mã của ta quy phục?"

Về sau, khi Như Lai hành Phật sự, thuyết pháp giảng giáo pháp vi diệu, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thế Tôn! Hy hữu thay! Thế Tôn dùng sức tinh tấn thế nào chứng được Thất đạo phần, đầy đủ pháp bảo, thành tựu Vô thượng Bồ-đề?

Các Tỳ-kheo bạch như vậy rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông phải biết, sức tinh tấn của Ta chẳng chỉ do một đời này để chứng Thất đạo phần, thành Vô thượng Bồ-đề, mà thuở xưa Ta cũng do sức tinh tấn, được ngọc Ma-ni.

Chư Tỳ-kheo liền bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, việc ấy như thế nào, xin Ngài vì chúng con kể lại cho rõ ràng.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông chí tâm lắng nghe. Ta nhớ vào thời quá khứ có một thương chủ vào biển cả để tìm ngọc quý. Người này ở nơi biển khơi tìm được một viên ngọc Ma-ni, giá trị đến trăm ngàn lượng vàng. Được rồi, bỗng nhiên viên ngọc bị rơi lại trong biển. Khi ấy, thương chủ phát tâm dũng mãnh tinh tấn, liền lấy một cái muỗng tát nước biển cả trông mong nước biển khô cạn để tìm lại viên ngọc Ma-ni. Thần biển thấy người này đem muỗng tát nước biển để mong thành đất liền, nên nghĩ: "Người này ngu si không trí tuệ, nước biển cả vô lượng vô biên, làm sao dùng muỗng tát cạn nước biển để thành đất liền?"

Vị Thần liền nói kệ:

Thế gian có lắm hạng chúng sinh
Vì ham tài lợi làm đủ việc
Ta nay thấy kẻ quá ngu si
Không ai ngu hơn kẻ buôn này.
Biển sâu tám vạn bốn do-tuần
Nay muốn đem muỗng tát khô biển

Khốn khổ tự hại, uổng một đời
Tát chưa bao nhiêu bỏ thân mạng
Nước kia tát được bằng giọt nhỏ
Đại dương mênh mông lại sâu thẳm.
Ông nay vô trí, chẳng nghĩ suy
Muốn lấy vòng tai bọc Tu-di.

Lúc ấy lái buôn hướng về Thần biển nói kệ:

Thiên thần nói ra lời bất thiện
Ý muốn ngăn ta tát cạn biển
Thần nên chú ý theo dõi ta
Tát chẳng bao lâu biển khô cạn.
Ngày đêm Thần trụ ở nơi đây
Do vậy tâm buồn rất lo lắng
Ta thề siêng năng, tâm chẳng chuyển
Quyết tát biển cả khiến khô cạn.
Ngọc quý của ta rơi trong đó
Do vậy, biển cả quyết tát khô
Nước khô tận đáy, lượm lại ngọc
Ngọc ấy được rồi mới về quê.

Khi ấy Thần biển nghe lời quyết định như vậy, tâm rất sợ hãi, suy nghĩ thế này: "Người này thật dũng mãnh, tinh tấn, nước biển này quyết định sẽ bị tát cạn."

Thần biển suy nghĩ như vậy rồi liền trả lại ngọc quý cho người lái buôn. Trả rồi, Thần biển nói kệ:

Phàm người phải có tâm dũng mãnh
Chịu đựng gian lao chớ từ nan
Ta thấy tinh tấn sức như vậy
Được lại ngọc quý trở về nhà.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Tinh tấn lúc nào cũng toại nguyện
Lười biếng luôn luôn gặp khổ to
Do vậy cần phát tâm dũng mãnh
Người trí do đó chứng Bồ-đề.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Phải biết, người lái buôn thuở trước là thân Ta ngày nay. Khi người lái buôn vào biển tìm được bảo châu vô giá rồi lại đánh rơi trong biển, nhờ

tâm dũng mãnh mà được lại bảo châu. Ngày nay, Ta cũng vậy, do tinh tấn nên được bảy phần Giác đạo, chứng Vô thượng Bồ-đề.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Đức Thế Tôn thật hy hữu, quá ư đặc biệt, không thể nghĩ bàn. Một mình Ngài đơn độc mà thu phục được tất cả ma quân.

Nói xong, các Tỳ-kheo đều im lặng. Khi ấy Đức Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông phải chú ý lắng nghe. Ta chẳng chỉ một đời này độc thân thu phục ma quân mà trong quá khứ cũng một mình thu phục ma quân như vậy.

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, việc hàng phục đó như thế nào? Cúi xin Ngài vì chúng con nói rõ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy lắng nghe. Ta nhớ vào thời cách đây vô lượng kiếp, có hai anh em chim Anh võ, con thứ nhất tên là Ma-la-kỳ-lê *(nhà Tùy dịch là Mạn Sơn)*, con thứ hai tên là Tất-đà-kỳ-lê *(nhà Tùy dịch là Dữ Sơn)*. Thuở ấy hai con chim Anh võ đang đậu trên cây, bỗng nhiên có một con chim nhạn bay nhanh đến chụp lấy chim Anh võ nhỏ, rồi vụt lên hư không. Khi ấy chim Anh võ anh vì em mà nói kệ:

Cô đơn một mình cũng bị khổ
Cô đơn một mình cũng được vui
Em mổ chỗ yếu nơi mình nhạn
Nhạn bị đau đớn liền thả em
Em thì thân nhỏ, anh sức yếu
Em nên tinh cần, chớ trễ nải.
Chim em nghe anh nói như vậy
Dũng mãnh ra sức sắp hành sự
Nghĩ đem toàn lực như vậy rồi
Liền mổ chỗ yếu nơi thân nhạn
Thân nhạn đau nhức khổ khống chế
Vội vã thả liền chim Anh võ.
Do vì chim nhạn thân đau nhức
Vội bay mọi nơi cầu che chở.
Do kế Anh võ, em được thoát
Mổ nhằm chỗ yếu thân chim nhạn
Chim nhạn khốn cùng không nơi trốn

Anh võ phấn khởi lướt hư không.
Nhạn thấy Anh võ đuổi sau mình
Lánh xa bay đi tìm lối sống.
Anh võ mổ nhạn lúc bấy giờ
Tức nay thân Ta hiệu Thích-ca
Chim nhạn tức là ma Ba-tuần
Thuở ấy duy nhất một mình Ta
Đã thu phục được chim nhạn nọ
Huống chi ngày nay đủ công đức
Thu phục chẳng được Ma vương sao?
Này chúng Tỳ-kheo nên phải biết.

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, tại sao Ma vương Ba-tuần luôn luôn khi dễ, dối gạt Như Lai mà không được, còn Như Lai thường thoát khỏi tai ách của Ma vương?

Nghe nói như vậy rồi, Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nên chú ý lắng nghe, Ta sẽ vì các vị mà nói:

–Chẳng phải chỉ một đời này bị Ma vương dối gạt mà Ta thoát khỏi, chưa từng bị chúng làm não loạn, mà trong đời quá khứ Ma vương Ba-tuần dối gạt, mê hoặc Ta, Ta cũng không bị rối loạn.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, trong quá khứ Ma vương Ba-tuần não hại Ngài như thế nào? Cúi xin Thế Tôn vì chúng con nói rõ cho.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ trong quá khứ có một con sông tên là Ba-lợi-da-đa *(nhà Tùy dịch là Độ Bỉ Tiết)*. Thuở ấy bên cạnh dòng sông này có một người thợ kết tràng hoa. Người này có một vườn hoa bên cạnh sông. Dưới dòng sông này, lúc bấy giờ có một con rùa, theo nước trồi lên, bò đến vườn hoa tìm thức ăn. Nơi nào rùa bò qua thì nơi đó bị giậm đạp hư nát. Khi ấy, chủ vườn hoa thấy nơi nào rùa này tìm thức ăn thì nơi ấy bị giậm nát nên tìm cách bắt con rùa. Sau khi bắt được, đựng rùa trong một giỏ hoa chờ ngày giết ăn thịt. Lúc ấy rùa nghĩ thế này: "Ta phải làm sao? Dùng cách gì, hiểu biết gì thoát khỏi nạn này?." Nó nghĩ kế thế này: "Ta có thể dối gạt chủ vườn hoa."

Nghĩ như vậy rồi, nó hướng về chủ vườn hoa nói kệ:

Ta từ nước lên thân dính bùn
Ông nên rửa sạch giỏ đựng hoa

Thân ta dính bùn chẳng được sạch
E sợ dơ đến giỏ cùng hoa.

Bấy giờ chủ vườn hoa suy nghĩ: "Hay thay! Con rùa này bảo ta những lời tốt đẹp. Ta không được không nghe lời. Ta nên rửa sạch nó, chớ nên để bùn làm dơ giỏ hoa ta." Nghĩ như vậy rồi, tay liền nắm lấy con rùa, đem đến mé nước để rửa. Người này đặt con rùa trên tảng đá, rồi múc nước rửa. Khi ấy con rùa dùng hết sức mạnh, bỗng lao sâu trong nước.

Khi người thợ kết tràng hoa thấy rùa lặn sâu vào trong nước, nên nghĩ thế này: "Lạ thay! Con rùa này có tài gạt ta như vậy. Ta nên lừa gạt lại con rùa này ra khỏi nước."

Khi ấy người thợ kết tràng hoa hướng về con rùa, nói kệ:

Rùa hiền lắng nghe ý ta nói
Thân thuộc của ngươi có rất nhiều
Ta kết tràng hoa đeo cổ ngươi
Mặc ngươi trở về chúng vui mừng.

Khi ấy rùa suy nghĩ: "Người thợ kết tràng hoa này dối gạt ta, vì hiện giờ mẹ ông ta lâm trọng bệnh nằm tại giường. Chị ông đi hái hoa kết thành tràng, sắp đem đi bán để nuôi sống, mà nay ông ta nói lời như vậy, nhất định là dối gạt ta để ăn thịt, nên lừa gạt ta ra khỏi nước mà thôi!"

Khi ấy rùa nói kệ với người kết hoa:

Nhà ông nấu rượu họp người thân
Sắm các món ăn đủ mùi vị
Ông về trong nhà nói thế này:
Thịt rùa nấu xong canh thượng hạng.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông phải biết, con rùa lao vào trong nước lúc ấy tức là Ta ngày nay. Người thợ kết tràng hoa thuở nọ là ma Ba-tuần ngày nay. Khi ấy ma Ba-tuần gạt Ta mà Ta không lầm kế. Nay lại muốn dối gạt Ta, làm sao mà gạt được.

Lúc bấy giờ các vị Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, Hy hữu thay! Thật khó nghĩ bàn, oai thế của Ma vương Ba-tuần rất mạnh, thống lãnh Dục giới, dùng bao nhiêu kế để dối gạt Thế Tôn mà vẫn không làm động đến chỗ ngồi của Ngài.

Nghe chư Tỳ-kheo nói lời này rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông phải biết, chẳng phải chỉ ngày nay ma Ba-tuần đem thế lực muốn dối gạt Ta, mà trong quá khứ cũng vậy, không dối gạt Ta được.

Khi ấy các vị Tỳ-kheo liền bạch Phật:

–Hay thay! Thưa Thế Tôn, việc ấy như thế nào? Cúi xin vì chúng con kể rõ ràng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

–Ta nhớ vào thời quá khứ ở đại dương nọ có một con rồng khổng lồ có người vợ đang mang thai. Bỗng nhiên, con rồng cái chửa này thèm ăn tim khỉ. Vì lý do ấy mà thân thể nó ốm gầy, da dẻ vàng vọt, tê liệt, nằm trăn trở, run rẩy chẳng an.

Bấy giờ con rồng đực thấy vợ ốm gầy, mất nhan sắc như vậy, nên hỏi vợ:

–Hiền thê, em đau bệnh gì? Thèm ăn những gì? Sao anh chẳng nghe nói. Vì sao như vậy?

Lúc ấy rồng cái im lặng không đáp. Rồng chồng lại nói:

–Tại sao em không trả lời?

Rồng vợ nói với rồng chồng:

–Nếu anh cho phép em tùy ý nói thì em sẽ nói. Nếu anh không đồng ý thì em không dám nói.

Rồng chồng lại nói:

–Em nói thử xem. Nếu thấy có lý, anh sẽ đem mọi phương tiện tìm cho được.

Rồng vợ liền thưa với chồng:

–Em đang thèm ăn tim khỉ, anh có thể tìm được không?

Rồng chồng liền đáp:

–Điều em muốn, việc này thật khó. Vì sao? Vì chúng ta ở trên mặt nước trong đại dương, còn khỉ thì ở trên cây, nơi rừng núi. Làm sao có thể tìm được.

Rồng vợ nói:

–Không biết tại sao em muốn ăn tim khỉ như vậy. Nếu không tìm ra tim ấy, thì sẽ bị sảy thai và chẳng bao lâu nữa em cũng bỏ mạng.

Khi ấy, rồng chồng lại bảo vợ:

–Này hiền thê, em nên tạm thời chịu đựng. Anh nay sẽ tìm kiếm. Nếu việc này thành công, thật là điều không thể nói, anh và em vui sướng vô cùng.

Khi ấy rồng đực từ dưới biển vọt lên bờ, thấy cách bờ biển chẳng bao xa có một đại thọ tên là Ưu-đàm-bà-la *(nhà Tùy dịch là Cầu Nguyện)*. Thuở

ấy trên cây này có một con khỉ lớn đang hái trái ăn. Thấy con khỉ ngồi ăn trên cây, rồng lần hồi đi đến dưới gốc cây. Khi đến nơi nó đem lời hoa mỹ cám dỗ và hỏi thăm:

–Lành thay! Lành thay! Đại ca ở trên cây này làm việc gì? Có cực nhọc, khổ sở lắm không? Tìm thực phẩm có dễ dàng không? Có mỏi mệt bệnh tật gì chăng?

Khỉ trả lời:

–Thưa nhân giả, tôi đang không bị khổ não.

Rồng lại hỏi:

–Anh ở đây lấy thức ăn uống ở đâu?

Khỉ trả lời:

–Tôi ở trên cây Ưu-đàm-bà-la và ăn quả của nó.

Rồng lại nói với khỉ:

–Tôi thấy anh, lòng hớn hở tràn ngập cả thân, không thể tự chế. Tôi muốn cùng anh kết làm bạn tốt cùng ái kính lẫn nhau, anh nên nhận lời tôi, cần gì phải ở đây. Lại nữa, cây này quả ít, không được nhiều, tại sao anh lại chịu ở nơi đây? Xin anh vui lòng xuống đây theo tôi, tôi sẽ đưa anh qua bờ biển, nơi đó có khu rừng lớn, cây cối um tùm, quả Lê-câu, quả Na-ta, quả Trấn đầu ca… của vô lượng vô số cây.

Khỉ nói:

–Tôi làm sao qua được bên kia? Biển thì rộng, nước thì sâu, thật khó lội qua. Tôi phải làm gì để bơi qua được.

Khi ấy rồng lại bảo khỉ:

–Tôi dùng lưng để chở anh, đưa anh qua đến bờ bên kia. Anh nay chỉ có việc là xuống cây, cỡi lên lưng tôi.

Lúc ấy con khỉ tâm không bình tĩnh, nhỏ hẹp, thấp hèn, ngu si, hiểu biết cạn cợt, nghe lời đường mật của rồng trong lòng hớn hở, nên từ trên cây leo xuống cỡi trên lưng rồng muốn đi theo rồng. Rồng nọ thầm nghĩ: "May lắm, may lắm! Ý muốn của ta nay đã thành công", nên cùng nhau đi về chỗ của mình. Thân rồng và khỉ đều ngập trong nước.

Khi ấy khỉ hỏi rồng:

–Này thân hữu, vì cớ gì bỗng nhiên ngập trong nước?

Rồng liền đáp:

–Người không biết sao?

Khỉ hỏi:

–Việc ấy thế nào? Muốn làm gì đây?

Rồng liền đáp:

–Vợ ta có mang, nó thèm muốn ăn trái tim khỉ. Vì lý do đó ta đưa ngươi đến đây.

Bấy giờ khỉ suy nghĩ: "Ta đang gặp điều chẳng may, bất lợi vô cùng, tự chuốc lấy cái chết vào thân. Ôi thôi! Ta phải làm cách gì mau thoát tai nạn này khỏi mất thân mạng?" Rồi nó lại nghĩ: "Phải gạt con rồng này mới được."

Thầm nghĩ như vậy rồi, nó lại nói với rồng:

–Này anh bạn lành nhân từ, trái tim tôi còn để lại trên cây Ưu-đàm-bà-la, không mang theo đây. Tại sao lúc ấy bạn không nói đúng sự thật cho ta biết là: "Ta đang cần tim ngươi", để lúc ấy ta mang theo. Bạn nên quay trở lại để ta lấy tim, rồi sẽ trở về.

Khi ấy rồng nghe khỉ nói lời như vậy, cả hai đều ngoi lên khỏi mặt nước. Thấy rồng sắp vượt khỏi mặt nước, gần bên bờ, khỉ phấn khởi, nỗ lực nhảy vọt thật nhanh, chuyển hết sức lực từ trên lưng rồng nhảy sang mặt đất, rồi phóc lên trên đại thọ Ưu-đàm-bà-la.

Rồng ở dưới gốc cây chờ giây lâu, thấy con khỉ lẩn trốn không xuống, nên nói với khỉ:

–Này anh bạn lành thân mật! Anh mau xuống đây cùng tôi về nhà.

Con khỉ lặng thinh không chịu leo xuống. Thấy khỉ ở mãi không chịu xuống, rồng nói kệ:

Anh khỉ bạn hiền đã lấy tim
Xin anh trên cây mau leo xuống
Tôi sẽ đưa anh đến rừng kia
Là nơi đầy dẫy quả cùng hoa.

Bấy giờ con khỉ nghĩ: "Con rồng này thật vô trí." Nghĩ như vậy rồi, khỉ hướng về con rồng nói kệ:

Mưu kế anh rồng tuy cao rộng
Nhưng mà tâm lượng quá hẹp hòi
Anh nên chín chắn tự nghĩ lại
Tất cả mọi loài, ai không tim.
Rừng kia tuy cây trái sum suê
Kể cả Am-la cùng quả ngọt
Thật ra, ta nay không muốn đến
Ta thà ở đây ăn Ưu-đàm.

Bấy giờ Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo phải biết, con khỉ thuở ấy là Ta ngày nay. Con rồng thuở nọ nay là ma Ba-tuần vậy. Thuở ấy ma Ba-tuần vẫn đem lời dối trá để gạt Ta mà không được. Huống ngày nay muốn đem việc năm dục thế gian mà dụ dỗ Ta, đâu có thể làm rung động chỗ ngồi!

Đức Phật nói lời này rồi, các thầy Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Thế Tôn thật hy hữu! Thế Tôn quá ư đặc biệt, không thể nghĩ bàn. Tại sao ma Ba-tuần đem ma quân hình dạng xấu xí khác nhau đến bên Như Lai mà Như Lai quán sát biết rõ từng việc?

Bấy giờ Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các Tỳ-kheo phải biết, chẳng những ngày nay Ma vương đem đại quân với hình dạng xấu xí này đến bên Ta, mà Ta cũng quán biết rõ.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Đức Thế Tôn thật hy hữu, việc này như thế nào? Xin Ngài kể lại, chúng con muốn nghe.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

–Ta nhớ thuở xưa có một người thợ săn biết khu rừng nọ có nhiều chim thường tụ tập đến đó. Ông ta đến đấy dựng một lều cỏ, dùng đủ loại cành cây phủ lên lều, rồi ẩn thân ngồi trong lều ấy. Khi ấy các loài chim cho đây là cành cây thật, nên chúng bay đậu trên cành này. Tên thợ săn thấy chim đậu trên túp lều rồi, lần hồi giết chúng bằng cách bắn hoặc chụp lấy. Khi ấy, có một con chim khác thấy túp lều này nên suy nghĩ: "Túp lều này di động được mọi nơi, còn bao nhiêu cây khác lại đứng yên một chỗ, nhất định trong lều này chẳng phải trống không!" Biết như vậy, nó bay lánh xa túp lều nên không bị thợ săn bắt, mà nói kệ:

Ta thấy tất cả cây trong rừng
Như cây A-thuyết, Tỳ-ê-la
Cây A-lê-la và Diêm-phù
Cây Vô-chỉ La-ba-chân-đầu
Đều dừng đứng yên tại một chỗ
Khi mọc đến nay không di động,
Cây này di chuyển khắp mọi nơi
Nhất định trong đó chẳng trống không
Hoặc là ác vật ở bên trong.
Ta hãy cấp tốc bỏ rừng này
Trong tâm ta rất là ngờ vực
Hoặc là điều ác không từ mẫn

E rằng trong đó sát hại ta.
Lại ta thuở trước ở tha phương
Đã từng bị lưới bay đến đây
Người trí biết rồi nên xa lánh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy phải biết, con chim thuở ấy chính là Ta ngày nay. Người thợ săn kia là ma Ba-tuần. Thuở ấy ông ta làm hình dạng đáng sợ muốn sát hại Ta, lúc ấy Ta vẫn khám phá ra. Ngày nay ma Ba-tuần lại đem ma quân hình dạng xấu xí đáng sợ đến bên Ta, Ta cũng biết từ lâu.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

Người đời suy nghĩ chẳng sâu xa
Làm sao chứng được pháp thượng nhân?
Ta nay bằng tư duy thù thắng
Thoát được ràng buộc, chứng vô vi.

□

Phẩm 35: HAI THƯƠNG GIA CÚNG PHẬT (Phần 1)

Khi Đức Thế Tôn mới thành đạo, ngồi kiết già dưới gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm không đứng dậy, lấy an lạc giải thoát làm thức ăn. Sau khi trải qua bảy ngày, Ngài nhất tâm chánh niệm, xuất khỏi chánh định, ngồi nơi tòa Sư tử, đêm đầu tiên Ngài quán sát mười hai nhân duyên: từ chi cuối quán sát đến chi đầu, rồi từ chi đầu quán sát đến chi cuối. Khéo nghĩ, khéo quán sát, thấy rõ không khác, nhân nơi chi này sinh ra chi kia, nhân có chi kia mới có chi này. Nghĩa là duyên vào vô minh mới có các hành, duyên vào các hành mới có thức, duyên vào thức mới có danh sắc, duyên vào danh sắc mới có lục nhập, duyên vào lục nhập mới có xúc, duyên vào xúc mới có thọ, duyên vào thọ mới có ái, duyên vào ái mới có thủ, duyên vào thủ mới có hữu, duyên vào hữu mới có sinh, duyên vào sinh mới có các khổ lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não.

Đức Thế Tôn biết các pháp này rồi, lại nói kệ:

Người tu phạm hạnh quán các pháp
Thì biết các pháp là tương sinh
Nếu biết các pháp nhân duyên sinh
Thì biết các pháp nhân duyên có.

Đức Thế Tôn vào nửa đêm ấy quán mười hai pháp nhân duyên, quán từ chi ban đầu cho đến chi cuối cùng, rồi chí tâm không thất niệm, không tán loạn, khéo quán sát, khéo suy nghĩ ngược lại: do không có chi kia thì

chi này không có, do chi kia diệt nên chi này tự diệt. Nghĩa là vô minh diệt thì hành tự diệt, hành diệt thì cho đến sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não tất cả đều diệt.

Khi ấy Đức Thế Tôn quán biết các pháp này rồi, Ngài liền nói kệ:

Người tu phạm hạnh quán các pháp
Thì biết các pháp nhân duyên sinh
Nếu biết các pháp nhân duyên sinh
Thì biết các pháp nhân duyên diệt.

Đức Thế Tôn vào nửa đêm ấy quán mười hai nhân duyên, quán từ chi cuối cùng đến chi ban đầu, không thất niệm, không tán loạn, khéo suy nghĩ, khéo quán sát cái kia đã sinh thì sinh cái này, nhân có cái kia nên có cái này. Cái kia không thì cái này cũng không, cái kia diệt thì cái này cũng diệt. Nghĩa là duyên vô minh thì hành sinh, duyên các hành rồi thì tất cả các chi: sinh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não đều tương sinh. Chi kia không sinh thì chi này cũng không. Chi kia diệt rồi thì chi này cũng diệt.

Khi ấy Đức Thế Tôn biết sự thật này rồi, Ngài nói kệ:

Như người phạm hạnh quán thế gian
Liền biết tương sinh cho đến diệt
Đã phá ma quân lập đạo tràng
Như mặt trời chiếu sáng hư không.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ nơi tòa Sư tử đứng dậy rời cây Bồ-đề chẳng bao xa, Ngài lại ngồi kiết già bất động trong bảy ngày, lấy hạnh giải thoát làm niềm an lạc. Trong bảy ngày ở bên cạnh cây Bồ-đề, chăm chú quán sát, mắt không nhắm, Ngài nghĩ thế này: "Ta ở nơi đây diệt cùng tận vô biên phiền não, đã xả bỏ gánh nặng!"

Sau khi trải qua bảy ngày chánh niệm, chánh tri, Ngài ra khỏi Tam-muội.

Về sau có người ở nơi Ngài ngồi quán sát, bên cạnh Bồ-đề này, xây một ngôi tháp, đặt tên là tháp Không nháy mắt và nói kệ:

Ở đạo tràng này diệt các khổ
Lại ngồi nơi đây quán tòa kia
Đạt được sở nguyện đến bờ giác
Ta chứng Bồ-đề tại nơi đây.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ tháp Không nháy mắt đứng dậy, ung dung đi đến Ma-lê-chi *(nhà Tùy dịch là Dương Diệm)* nơi đi kinh hành. Sau khi đi kinh hành rồi, Ngài ngồi kiết già trải qua bảy ngày thọ hưởng niềm vui giải thoát. Trải qua bảy ngày rồi, chánh niệm, chánh tri, Ngài ra khỏi Tam-

muội. Ngay lúc ấy có Long vương Ca-la *(nhà Tùy dịch là Hắc Sắc)* đến trước Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài rồi lui đứng về một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, tại cung điện này, thuở xưa con đã từng cúng dường chư Phật trong quá khứ. Chư Phật vì thương xót con nên đều nhận lấy và ở nơi cung điện này. Chư Phật đó là Đức Thế Tôn Câu-lưu-tôn, Đức Thế Tôn Câu-na-hàm Mâu-ni và Đức Thế Tôn Ca-diếp. Ngày nay gặp Thế Tôn, lành thay! Thật đúng lúc. Xin Ngài thương xót con, ở nơi đây một thời gian ngắn. Tại sao như vậy? Vì con đã đem cung điện này cúng dường ba Đức Phật trong quá khứ. Ngày nay đến Thế Tôn là vị thứ tư vì con mà nhận lấy cung điện này, tức gọi là "cung điện đầy đủ công đức của con được bốn Đức Phật nhận lấy."

Lúc ấy Đức Thế Tôn nhận lời Long vương Ca-la, vào trong cung điện ngồi kiết già, trải qua bảy ngày an định không động, hưởng thọ niềm vui giải thoát.

Đức Thế Tôn trải qua bảy ngày chánh niệm, chánh tri rồi ra khỏi Tam-muội, bảo Đại long vương Ca-la:

–Này Long vương, ông đến với Ta thọ pháp Tam quy: Phật… và ngũ giới. Ông sẽ hưởng thụ đại an lạc mãi mãi.

Long vương Ca-la liền bạch Phật:

–Xin vâng lời Đức Phật dạy, tâm không chống trái, con theo lời Thế Tôn đã bảo.

Long vương Ca-la nghe lời Đức Phật dạy như vậy rồi, liền chắp tay hướng về Đức Phật lãnh thọ ba pháp Tự quy y: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, rồi lãnh thọ năm giới cấm, là cận sự nam đầu tiên trong thế gian. Trong loài súc sinh, tự nói ba pháp Tam quy và ngũ giới, đó là Long vương Ca-la.

Thuở ấy, lại có một Long vương khác tên là Mục-chân-lân-đà, đang hướng về chỗ Đức Phật. Khi đã đến nơi, Long vương lễ dưới chân Đức Phật rồi lui về một bên. Sau khi đứng về một bên, Long vương bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, cung điện này của con, thuở xưa đã từng cúng dường tất cả chư Phật. Quý Ngài nhận lấy và ở trong đó. Chư Đức Phật đó là Đức Thế Tôn Câu-lưu-tôn, Đức Thế Tôn Câu-na-hàm Mâu-ni và Đức Thế Tôn Ca-Diếp. Hay thay! Ngày nay gặp được Thế Tôn, xin cũng vì con nhận lấy cung điện này, thì con sẽ được bốn Đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác thọ nạp cung điện này, con sẽ được lợi ích hoàn toàn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn tùy thuận Long vương Mục-chân-lân-đà nhận lấy cung điện. Ngài ngồi kiết già trong cung điện này trải qua bảy ngày

không đứng dậy, để hưởng niềm vui giải thoát. Trong thời gian bảy ngày này, trên hư không kéo mây tuôn mưa, thổi cơn gió rất lạnh, mưa suốt bảy ngày không ngớt, không khí trở thành giá lạnh. Khi ấy Long vương Mục-chân-lân-đà ra khỏi cung điện, hiện thân to lớn, cuộn thành bảy ngày vòng che chở Đức Phật, lại hiện bảy đầu cúi xuống làm chiếc lọng lớn che trên đầu Đức Phật. Tâm Long vương nghĩ thế này: "Chẳng để thân Thế Tôn bị gió rét lạnh và bụi bặm dính vào. Cũng đừng để các loài trùng, muỗi mòng chích Thế Tôn."

Đã qua bảy ngày, bấy giờ trời trong sáng không có mây mù, Đức Thế Tôn chánh niệm chánh trí ra khỏi Tam-muội. Khi ấy Long vương Mục-chân-lân-đà thu hình rồng, hiện hình Bà-la-môn trẻ tuổi, đứng trước Phật, chắp tay lễ sát đất, bạch Phật:

–Vừa rồi không phải con muốn nhiễu loạn Như Lai, con hiện hình rồng cuộn quanh Như Lai bảy vòng, lại hiện bảy đầu che trên đảnh Như Lai là muốn Như Lai được an ổn, chỉ sợ Thế Tôn bị gió nước thấm lạnh, đất bụi dính vào người, cùng côn trùng, muỗi mòng chích vào thân. Bạch Đức Thế Tôn, do con nghĩ như vậy nên mới che phủ Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì nhân duyên này, tự nói kệ tán thán:

Biết đủ tịch định rất an lạc
Biết đủ quán sát rất sâu xa
An lạc không phiền não trong đời
Lại không sát hại các chúng sinh.
Nếu muốn ở đời thật an lạc
Tất cả tham dục phải xa lìa
Xả bỏ ngã mạn, tánh kiêu căng
Vui này tối thắng rất an lạc
Bao nhiêu dục lạc ở nhân gian
Nếu bỏ được hết không còn ái
Vui đời so sánh với vui đạo
Đạo mười sáu phần, đời không một.

Khi Đức Thế Tôn nói kệ này rồi, bảo Long vương Mục-chân-lân-đà:

–Đại vương hãy đến đây thọ pháp Tam quy và Ngũ giới. Đại vương sẽ mãi mãi thọ hưởng an lạc.

Long vương Mục-chân-lân-đà bạch Phật:

–Đúng như lời Thế Tôn đã dạy, con luôn tuân theo.

Mục-chân-lân-đà nghe lời dạy của Đức Phật, liền đến bên Đức Thế Tôn thọ pháp Tam quy và Ngũ giới.

Khi Đức Thế Tôn còn tu Bồ-tát hạnh, có một người chăn dê, trong thời gian sáu năm Bồ-tát tu khổ hạnh, người này đối với Đức Thế Tôn đem tâm thanh tịnh, tôn trọng cung kính cúng dường, lại đem sữa dâng cúng Thế Tôn và bẻ cành Ni-câu-đà cắm che mát Thế Tôn. Khi ấy cành cây này biến thành đại thọ, người chăn dê này tùy theo nhân duyên thiện căn tín tâm ít nhiều này, sau khi qua đời sinh lên cõi trời Đao-lợi làm Thiên tử, có đại oai lực thần thông tự tại. Người chăn dê sau khi sinh lên cõi trời, lại suy nghĩ: "Ta nay được quả báo, do nghiệp nhân gì mà được thân này?" Lại nghĩ: "Nhớ thuở xưa khi Đức Thế Tôn còn là Bồ-tát, ta đích thân tạo nghiệp như thế này: Khi Bồ-tát tu khổ hạnh, ta đem sữa dâng cúng cho Ngài. Nơi Ngài ngồi, ta bẻ cành Ni-câu-đà cắm vào đất để che mát Bồ-tát. Nhờ thiện nghiệp đó, ta nay được quả báo vi diệu này." Thiên tử lại nghĩ thế này: "Nhờ khi Đức Thế Tôn còn là Bồ-tát, ta gần gũi cúng dường nên nay được quả báo này. Ta cắm cành cây Ni-câu-đà che mát Đức Thế Tôn, nên nay được quả báo và có những thần thông vô ngại này. Huống chi ngày nay Đức Thế Tôn đã chứng quả Vô thượng Bồ-đề, Ngài vì ta mà trở lại nghỉ mát dưới bóng cây này."

Vào nửa đêm, thân phóng hào quang rực rỡ, chiếu sáng đến cây Bồ-đề, Thiên tử với ánh sáng cõi trời ấy đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, vị ấy đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui về một bên. Khi ấy Thiên tử liền bạch Phật:

–Hay thay, Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì thương xót con, nhận cây này, được an lạc theo ý muốn.

Khi ấy Đức Thế Tôn vì thương xót Thiên tử, nhận cây Ni-câu-đà mà thuở xưa người chăn dê đã cắm vào đất. Nhận lời rồi, Ngài ngồi kiết già bất động dưới cây này, trải qua bảy ngày để cảm thọ sự giải thoát an lạc.

Sau khi trải qua bảy ngày, Ngài chánh niệm chánh tri, ra khỏi Tam-muội, bảo Thiên tử:

–Này Thiên tử, lại đây! Đến bên Ta thọ lãnh pháp Tam quy và Ngũ giới. Người sẽ thọ hưởng an lạc lâu dài.

Thiên tử thọ ba pháp Tự quy y và Ngũ giới rồi, trong thế gian. Đây là vị trời đầu tiên được Đức Phật trao cho ba pháp Quy y và Ngũ giới, làm người Ưu-bà-tắc. Tiền thân vị này là người chăn dê, do cúng dường cây, sữa… cho Bồ-tát, nên được quả báo thân chư Thiên.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 32

Phẩm 35: HAI THƯƠNG gia CÚNG PHẬT (Phần 2)

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ rừng "Người chăn dê trồng cây" đứng dậy, ung dung đi dần đến một khu rừng phía dưới, tên là Sai-lê-ni-ca *(nhà Tùy dịch là rừng Chảy sữa)*. Đến khu rừng này, Ngài ngồi kiết già trải qua bảy ngày, vì muốn thọ an lạc giải thoát. Trải qua bảy ngày, Ngài xuất định, chánh niệm chánh tri. Đức Thế Tôn trải qua bảy lần bảy ngày như vậy là do có sức thiền định an trụ liên tục. Được nàng Thiện sinh, con chủ thôn nọ cúng cháo sữa, Ngài chỉ thọ dụng một lần rồi sau đó không ăn gì nữa và sống đến ngày hôm nay.

Thuở ấy, ở phía Bắc xứ Ấn độ có hai thương chủ, một người tên là Đế-lê-phú-sa *(Tùy dịch là Hồ Qua)*. Người thứ hai tên là Bạt-lê-ca *(Tùy dịch là Kim Đỉnh)*. Hai thương chủ này có nhiều trí tuệ, ngay thẳng, chín chắn. Hai người này từ Trung Ấn độ xuất phát, với nhiều hàng hóa, chở đầy năm trăm xe, rất thuận lợi. Khi ấy, hai thương chủ từ Trung Ấn quay trở về Bắc Ấn. Trên con đường trở về phải đi qua khu rừng Sai-lê-ni-ca, cách đó không xa, đoàn lái buôn tuần tự đi tới.

Nhóm thương chủ ấy có một con trâu được huấn luyện đặc biệt, luôn luôn đi trước đoàn xe. Chỗ nào có chướng ngại khủng bố thì con trâu được huấn luyện tốt này, dù có đánh đập, lấy dây cột kéo cũng không chịu đi.

Bấy giờ ở rừng Sai-lê-ni-ca có vị thần giữ rừng. Vị thần này ẩn thân giữ hai con trâu đã được huấn luyện, đứng yên không cho tiến bước. Hai thương chủ đều cầm cọng sen xanh đánh hai con trâu này, nó vẫn không chịu đi. Năm trăm cỗ xe khác đều đứng yên, bánh xe cũng không di chuyển, các dây đai đều tự đứt đoạn, còn bao nhiêu những biến đổi kỳ lạ không tốt như càng, ách, trục, chốt, bầu, tăm, thành, thùng, dây cổ, móc câu, hoặc gãy, hoặc vỡ, hoặc nát, hoặc rách…

Lúc ấy hai thương chủ Đế-lê và Bạt-lê-ca hết sức sợ hãi, vô cùng khổ não, toàn thân dựng chân lông, bàn với nhau:

–Chúng ta đang gặp phải tai họa khác thường và chịu lấy tai ương gì đây!

Hai người rời cách xe vài ba bước, chắp tay trên đầu đảnh lễ tất cả chư Thiên, tất cả thần linh, đứng yên chí tâm khấn vái: "Nguyện xin tất cả những tai ương kỳ lạ khủng bố ngày hôm nay của hai con sớm được tiêu diệt, mau được điều lợi ích an ổn tốt đẹp." Bấy giờ Thần thủ hộ khu rừng hiện nguyên hình, an ủi hai thương chủ:

–Này các thương chủ, chớ nên sợ hãi, các ông ở đây hoàn toàn không có tai ương hiểm họa. Này các thương chủ, ở đây chỉ có Đức Như Lai Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mới thành Phật Vô thượng Bồ-đề, đang ở trong rừng này. Từ khi Ngài thành đạo đến nay, trải qua đúng bốn mươi chín ngày chưa từng ăn uống. Này các thương chủ, nếu thấy đúng lúc, hai người nên đi đến chỗ Đức Vô Thượng Chánh Giác, đem bánh bột sữa mật đến cúng dường trước tiên. Các ông sẽ được an lạc, nhiều sự lợi ích lớn mãi mãi.

Hai thương chủ nghe lời Thần hộ rừng nói như vậy, bạch:

–Như lời Thần dạy, chúng con xin làm theo.

Hai thương chủ mỗi người đem bánh bột sữa mật cùng một số thương nhân đồng đi đến chỗ Đức Phật. Khi gần đến nơi, hai thương chủ từ xa trông thấy Đức Phật dung nghi đoan chánh khả ái, trong thế gian không ai sánh bằng, cũng như các vì sao trên bầu trời, các tướng trang nghiêm trên thân. Thấy rồi đem tâm rất kính trọng, lòng tin thanh tịnh, họ hướng đến trước Thế Tôn. Khi đến nơi, họ lễ dưới chân Đức Phật rồi, lui đứng về một bên. Khi ấy hai thương chủ đồng bạch Đức Phật:

–Nguyện Đức Thế Tôn vì thương xót chúng con mà nhận lấy bánh bột sữa mật ngon sạch này.

Bấy giờ Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Thuở xưa tất cả chư Phật Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều có thọ trì bát hay không?" Trong tâm Thế Tôn liền biết: "Tất cả chư Phật Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đều thọ trì bát."

Khi ấy Thế Tôn lại nghĩ: "Ta nay phải dùng bát gì để nhận bột sữa mật của hai thương chủ này?" Khi Thế Tôn muốn nhận bát, thì bốn vị Thiên vương đều từ bốn phương cấp tốc cùng mang bốn bình bát bằng vàng bay đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, bốn vị đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi lui đứng một bên. Khi bốn vị Thiên vương đứng về một bên, liền đem bốn bát bằng vàng dâng lên Thế Tôn, bạch:

–Cúi xin Thế Tôn thương xót chúng con, nhận bát này để đựng bột sữa mật của hai vị thương chủ, để chúng con được nhiều an vui, lợi ích lớn lâu dài.

Đức Thế Tôn không nhận, vì người xuất gia không nên chứa dùng bát bằng vàng. Bốn vị Thiên vương bỏ bốn bát bằng vàng, lại đem bốn bát bằng bạc dâng cúng Thế Tôn và bạch:

–Thưa Thế Tôn, Ngài có thể dùng bát này đựng thức ăn để chúng con được nhiều an vui, lợi ích lớn lâu dài.

Thế Tôn không nhận.

Như vậy, bốn vị Thiên vương lại đem bốn bát bằng pha lê, Thế Tôn cũng không nhận.

Như vậy, bốn vị Thiên vương lại đem bốn bát bằng lưu ly, Thế Tôn cũng không nhận.

Như vậy, bốn vị Thiên vương lại đem bốn bát bằng ngọc bảo mà Thế Tôn cũng không nhận.

Như vậy, bốn vị Thiên vương lại đem bốn bát bằng mã não, Thế Tôn cũng không nhận.

Kế đến, bốn vị Thiên vương lại đem bốn bát bằng xa cừ dâng cúng Thế Tôn. Thế Tôn lại cũng không nhận bốn bát này.

Khi ấy, Tỳ-sa-môn vương thuộc phương Bắc, nói với ba vị Thiên vương kia:

–Ta nhớ thuở xưa chư Thiên màu xanh đem bát bằng đá đến hiến dâng cho chúng ta và thưa với chúng ta: "Quý Ngài có thể đựng thức ăn trong bát đá này mà ăn." Lại lúc đó có một Thiên tử khác tên là Tỳ-lô-giá-na thưa với chúng ta: "Quý vị nhân giả Thiên vương cẩn thận, chớ nên đựng đồ ăn trong bát này mà ăn. Quý nhân giả chỉ có thể cùng cúng dường như cúng dường tháp vậy. Tại sao? Đời tương lai sẽ có một Đức Như Lai ra đời, tên của Đức Như Lai là Thích-ca Mâu-ni. Lúc ấy quý nhân giả nên đem bốn bát đá này dâng cúng cho Ngài." Các nhân giả Thiên vương, nay đã đến lúc chúng ta đem bốn bát ấy dâng cúng cho Thế Tôn.

Bấy giờ bốn vị Thiên vương trấn bốn phương, đều đem theo quyến thuộc chung quanh, vội đi vào cung điện của mình, mỗi vị lấy một cái bát đá màu xanh biếc đẹp đẽ, thoa các thứ hương thơm vào bát rồi đựng đầy các thứ hoa trời, lại đem tất cả âm nhạc cõi trời cúng dường chiếc bát này, hướng về chỗ Đức Phật. Sau khi đến nơi, họ đồng đem bốn bát dâng cúng Thế Tôn, bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn nhận chiếc bát này, dùng bát này để đựng bánh bột sữa mật của hai thương chủ. Xin Ngài thương xót chúng con, để cho chúng con được nhiều điều lợi ích an lạc lâu dài.

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: "Bốn vị Thiên vương này đem lòng tin thanh tịnh cúng cho Ta bốn cái bát, Ta không thể dùng cả bốn cái. Nếu Ta nhận bát một người thì ba người còn lại sẽ giận. Nếu Ta nhận bát hai người, thì hai người còn lại sẽ giận. Nếu ta nhận bát ba người thì một người còn lại sẽ giận. Ta hãy nhận bốn bát rồi đem sức thần thông biến thành một bát."

Lúc ấy Đức Thế Tôn nhận bát của Thiên vương Đề-đầu-lại-tra rồi nói kệ:

Khéo cúng Thế Tôn bình bát tốt
Người quyết sẽ thành diệu pháp khí
Đã cúng cho Ta bát thanh tịnh
Quyết tăng trí tuệ, tâm chánh niệm.

Đức Thế Tôn cũng nhận bát của Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa thọ nhận một bát, rồi nói kệ:

Ta quán chân như ai cúng bát
Người ấy chánh niệm tâm tăng trưởng
Nhờ bát nuôi lớn đời an lạc
Mau được an lạc thân thanh tịnh.

Đức Thế Tôn cũng nhận bát của Thiên vương Tỳ-lâu-bát-xoa, rồi nói kệ:

Ông đem tịnh tâm cúng tịnh bát
Thật tâm thanh tịnh cúng Như Lai
Tương lai mau chứng tâm thanh tịnh
Thế gian người trời đều vừa ý.

Đức Thế Tôn cũng nhận một bát của Thiên vương Tỳ-sa-môn, rồi nói kệ:

Chư Phật Thế Tôn trì tịnh giới
Điều phục các căn cúng bát lành
Tâm không khuyết hoại ân trọng cúng
Đời sau ông được ruộng thanh tịnh.

Khi ấy Đức Thế Tôn nhận bốn bình bát rồi, theo thứ lớp chồng trên bàn tay trái, rồi dùng bàn tay phải đè xuống. Do sức thần thông, bốn bát hợp thành một bát mà thành bát có bốn lớp, Ngài nói kệ:

Xưa tu công đức nay quả nhãn

Nhờ phát tâm thanh tịnh từ mẫn
Do vậy hôm nay Tứ Thiên vương
Thanh tịnh kiên cố, cúng Ta bát.

Có kệ nói:

Thuở ấy Thế Tôn muốn thọ thực
Thiên vương bốn hướng mang bát đến
Tỏ lòng dâng cúng Phật Thế Tôn
Thọ rồi thần thông biến một bát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì lòng thương hai vị thương chủ Đế-lê-phú-sa và Bạt-lê-ca Bắc Ấn độ nên nhận bánh bột sữa mật đựng trong bát mới sạch của bốn vị Thiên vương vừa cúng, đúng như pháp mà thọ thực. Khi Ngài thọ trai xong, bảo hai vị thương chủ cùng hàng thương nhân:

–Này các thương chủ, các người nhận với Ta ba pháp Quy y: Phật, Pháp, Tăng và thọ năm giới cấm, sẽ làm cho các ông được an lạc, nhiều lợi ích lớn lâu dài.

Hai vị thương chủ cùng quyến thuộc nghe Đức Phật nói như vậy, cùng nhau bạch Phật:

–Chúng con theo lời Phật dạy, không làm trái.

Họ cùng nhau thọ ba pháp tự quy y. Ở trong nhân gian người đầu tiên thọ Tam quy và Ngũ giới làm vị Ưu-bà-tắc là hai thương chủ Đế-lê-phú-na và Bạt-lê-ca.

Lúc ấy Đức Thế Tôn vì hai thương chủ nói kệ tùy hỷ:

Vật thí đầy đủ sắc, hương, vị
Phương tiện thọ rồi lìa phiền não
Trong đó hòa hợp đủ thức ăn
Nên được gọi là bột sữa mật.
Ăn xong, thân thể mịn tươi sáng
Mặt sáng như hoa, dung nhan đẹp
Khí lực dồi dào, được lợi ích
Trừ được đói khát, tâm an ổn.
Cúng Phật Thế Tôn cháo như vậy
Khiến hàng phạm hạnh được no đủ
Ta đã thọ thực được no nê
Hai vị thương chủ cúng bánh bột.
Ta họ Cam Giá, dòng Nhật Chủng
Ca ngợi người này là tối thượng
Do vì công đức bố thí này

Sẽ đạt Thánh trí quả cùng cực
Các lậu tất cả đều diệt sạch,
Do vì nhân duyên tạo nghiệp này
Sau lại dần dần không sợ sệt
Giải thoát dần phiền não ràng buộc
Chứng được vô lậu, được thảnh thơi.
Thí như ruộng tốt, rất bằng phẳng
Hạt giống, mầm, mạ đều tươi tốt
Mưa thuận, gió hòa đúng thời tiết
Lúa mạ mọc nhiều tăng trưởng tốt
Bởi do hạt giống tốt như vậy
Mọc rồi phát triển thật sum suê
Dé lúa nặng quằn tăng gấp bội
Thâu hoạch sản lượng vô số kể.
Cũng như thành tựu các giới hạnh
Bố thí thật nhiều thức ăn uống
Sau được quả báo tốt không lường
Do xưa, nay lợi, lẽ dĩ nhiên.
Nếu người muốn cầu đời sau lợi
Hy vọng chuyển thành nhiều quả tốt
Chỉ việc cúng dường Bậc Nhân Trí
Sẽ thành diệu quả chứng Bồ-đề
Và thành Thiện Thệ, Thế Gian Giải
Tâm mình đã được nhiều lợi ích
Rồi lại vì người nói các pháp
Người được tự lợi, lợi chúng sinh
Như vậy tôn xưng Bậc Đại Trí
Muốn được tự lợi, lợi tất cả
Muốn chứng đạo quả để độ sinh.
Đối với Tam bảo, Phật, Pháp, Tăng
Tâm phải phát sinh hạnh chánh tín
Nhờ tín tâm nên được quả báo
Tín hạnh được rộng lớn hoàn hảo
Thì được giới hạnh khó nghĩ bàn
Tức chứng Tối thắng Vô thượng đạo
Bố thí được quả Tối thắng này
Thấy được chân thật của thế giới.
Lại chứng đạo quả trí viên mãn

Thánh quả phải chánh kiến như vậy
Thấy được như vậy là chánh niệm
Trần lao phiền não đều tan biến,
Chứng được Vô úy đại Niết-bàn
Giải thoát các khổ ở thế gian
Như vậy các pháp được đầy đủ
Chư Thánh khen đây là tối thượng.
Sinh, già, bệnh, chết đều không còn
Buồn khổ biệt ly đều diệt sạch
Thập lực Thế Tôn khen lạc này
Sẽ đến nơi thường, không sinh tử.

Bấy giờ hai vị thương chủ Đế-lê-phú-sa và Bạt-lê-ca cùng các thương nhân đồng bạch Phật:

–Bạch đại Đức Thế Tôn, đoàn người chúng con đang trên đường về, cúi xin Thế Tôn vì chúng con chú nguyện an lành, để cho chúng con không gặp điều chướng ngại, sớm trở về nước mình.

Lúc ấy Đức Thế Tôn vì hai thương chủ và đoàn thương gia nói lời nguyện an lành bằng kệ:

Nguyện loài hai chân lợi lạc lớn
Cả loài bốn chân cũng bình an
Trên đường về quê nhiều điềm tốt
Đi đến các nơi đều như ý,
Ngày đêm đi, nghỉ được vừa lòng
Trong ngày ở đâu cũng nhiều lợi
Các nơi đều được theo ý nguyện
Thương chủ, thương nhân đều khỏe mạnh.
Muốn có giống tốt để sạ ruộng
Sạ rồi hy vọng thu hoạch nhiều
Tất cả thương nhân đi cầu lợi
Vào biển tìm ngọc thật gian nan
Các ông hy vọng nên lên đường
Sở nguyện được lợi mau thành tựu.
Ta nay thành đạo thật vui mừng
Nguyện ông đến đâu đều tốt đẹp
Tất cả tài lợi theo nhu cầu
Những gì ông muốn chóng vừa lòng
Tất cả các phương ông đi đến

Nguyện đều không có các tai ương.

Bấy giờ hai thương chủ đồng bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, xin Ngài cho chúng con một vật làm kỷ niệm, để khi về quê hương không còn thấy Thế Tôn, chúng con lấy vật này xây tháp, lễ bái để tỏ lòng thương nhớ Đại Thánh Thế Tôn. Chúng con tôn trọng cúng dường trọn đời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đem tóc, móng trên thân mình cho các thương chủ làm vật kỷ niệm và bảo họ:

–Này các thương chủ, móng tóc này Ta đem cho để các ông làm vật kỷ niệm, thấy vật này cũng như thấy Ta. Sau này sẽ có một tảng đá từ trên hư không rơi xuống nơi quê hương các ông. Nếu các ông thấy, phải xây tháp nơi đó tôn trọng cúng dường.

Khi ấy hai thương chủ Đế-lê-phú-sa và Bạt-lê-ca nhận tóc, móng nơi Đức Phật rồi thầm nghĩ: "Tóc, móng này là vật đào thải trên thân, không phải pháp thắng diệu, không nên đem tôn trọng cúng dường."

Lúc ấy Đức Phật biết tâm niệm của các thương nhân nên bảo họ:

–Này các thương chủ, chớ nên có ý nghĩ như vậy! Ta nhớ thuở xưa trải qua vô lượng vô biên kiếp số không thể nghĩ bàn, có Đức Thế Tôn xuất hiện ở đời hiệu là Nhiên Đăng Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trong Tâm, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thuở ấy Ta là đồng tử Bà-la-môn thông suốt bốn bộ luận Tỳ-đà. Khi thấy Đức Thế Tôn đi vào thành Liên hoa, Ta đem năm cành hoa sen xanh rải trên Đức Phật, liền khi đó phát tâm Bồ-đề. Đức Thế Tôn Nhiên Đăng liền thọ ký cho Ta: "Này Đồng tử, ở đời vị lai trải qua số kiếp a-tăng-kỳ ông sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác."

Bấy giờ Ta lìa gia đình, cạo bỏ râu tóc xuất gia, ở trong pháp của Thế Tôn Nhiên Đăng. Sau khi Ta xuất gia, tất cả chư Thiên lấy hết tóc của Ta mà chia ra, cứ mười muôn chư Thiên thì được một sợi tóc cùng nhau đem về cùng cúng dường. Từ đó đến nay, Ta đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bằng Phật nhãn, Ta thấy các chúng sinh ấy không một ai không vào Niết-bàn. Ta lúc đó chưa thoát khỏi tham dục, sân si mà ngàn vạn ức vô lượng vô số chúng sinh cúng dường tóc của Ta vẫn còn chứng Niết-bàn. Huống chi ngày nay, tất cả phiền não, tham, sân, si kết hoặc tất cả đều trừ diệt hết. Các ông vì lý do gì không hết lòng tôn trọng móng, tóc thanh tịnh không ô nhiễm này?

Hai thương chủ và các thương nhân nghe Đức Thế Tôn nói sự việc nhân duyên quá khứ liền đối với móng, tóc ấy sinh tâm hy hữu, hết sức tôn trọng cung kính, đảnh lễ đầu sát chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi lui bước lên đường.

Có kệ nói:

Thương nhân các phương qua lối này
Thọ thần hay được bảo họ:
Đây có Thế Tôn được tự lợi
Các ông lễ cúng các thức ăn.

Đức Thế Tôn trải qua bốn mươi chín ngày không ăn uống, đầu tiên nhận vật thực nơi các thương nhân. Thế Tôn sau khi ăn xong, do nghiệp lực quá khứ nên thức ăn không tiêu, bỗng nhiên đau bụng. Lúc ấy, ở núi này có một Dược thần đem quả A-lê-lặc mới có, ngon ngọt vô cùng, đi đến chỗ Đức Phật, khi đến nơi đảnh lễ dưới chân Phật rồi lui về một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, nếu Ngài có đau bụng, trái A-lê-lặc vừa mới ra đầu tiên vô cùng ngon ngọt, con đem đến đây dâng cúng Thế Tôn. Nếu Ngài thấy hợp thời, xin vì con mà nhận quả A-lê-lặc này. Xin Ngài thương xót con mà dùng. Nếu Thế Tôn trong bụng có bệnh, sau khi ăn quả A-lê-lặc này rồi, bệnh liền hết.

Đức Thế Tôn vì thương xót vị Dược thần liền nhận quả A-lê-lặc. Nhận rồi, bảo thọ thần:

–Này Dược thần, hãy đến đây quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và thọ giới năm giới cấm, ông sẽ ở được nhiều điều an lạc lợi ích lớn lâu dài.

Dược thần nghe Đức Phật dạy, liền bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, tốt lắm! Con không trái lời Phật dạy.

Dược thần thọ ba pháp quy y và năm cấm giới.

Đương thời, trong tất cả Dược thần Thiên nữ được thọ Tam quy và Ngũ giới, làm vị Ưu-bà-di đầu tiên là vị Dược thần Thiên nữ ở chung quanh núi của các đại Dược thần.

Đức Thế Tôn nhận quả A-lê-lặc từ nơi thiên nữ Dược thần dâng cúng, Ngài ăn quả, còn hạt đem gieo xuống đất. Nhờ thần lực tự tại của Đức Phật, hạt A-lê-lặc nội trong ngày đó liền phát triển thành rễ. Thân, cây, cành, nhánh của đại thọ liền đâm chồi nảy lộc, ra hoa, kết quả, rồi thành quả chín. Bệnh đau bụng của Đức Thế Tôn cũng hết.

□

Phẩm 36: PHẠM THIÊN KHUYẾN THỈNH (Phần 1)

Khi ấy Đức Thế Tôn rời khỏi rừng Sai-lê-ni-ca, chậm rãi trở lại dưới cội cây Bồ-đề. Lúc ấy trong nước có kẻ nam, người nữ bị bệnh nặng, gầy ốm, vàng võ, khốn khổ nằm trên giường, không thể chữa trị, khó qua khỏi. Những người này chẳng bao lâu nữa lâm chung, hơi thở chỉ còn thoi thóp, nên bị đưa vào thi lâm, coi như mai táng. Khi Bồ-tát còn tu khổ hạnh nơi rừng kia, cách cây Bồ-đề chẳng bao xa có một phụ nữ tên là La-sa-da vẫn chưa tắt thở mà gia quyến đem bỏ nằm trên đất. Người phụ nữ này trông thấy Bồ-tát ngồi dưới cây Bồ-đề tu khổ hạnh, nên sinh tâm rất tín kính, vì kính tín nên lấy áo trên mình để một bên, bạch Bồ-tát:

–Thưa Đại thánh Tôn giả, nếu Tôn giả tu khổ hạnh xong, vượt khỏi bờ biển phiền não đến bờ kia, tự nguyện đã đầy đủ, lúc ấy e thân Ngài không còn y phục. Xin Bồ-tát thương xót con, có thể thu nhận chiếc áo phấn tảo của con, tùy ý Ngài sử dụng.

Người phụ nữ ấy sau một thời gian ngắn thì qua đời, do đối với Bồ-tát sinh tâm chánh tín nên sau khi tắt thở, nhờ thiện căn này, thần thức sinh lên cõi trời Đao-lợi làm ngọc nữ có nhiều oai đức, mang thân chư Thiên, hào quang sáng rực, thần thông tự tại. Sau khi sinh lên cõi trời, tự nghĩ: "Ta do nghiệp nhân gì mà ngày nay thành tựu báo thân này?" Vị ấy tư duy, biết đời trước của mình: Thuở xưa, khi ta còn ở nhân gian làm người phụ nữ, đem áo phấn tảo cúng dường Đức Thế Tôn, tùy ý Ngài sử dụng. Nhờ thiện nghiệp đó mà ngày nay ta được quả báo này. Vị ấy lại nghĩ: "Ngày nay Đức Thế Tôn chưa dùng áo phấn tảo ấy mà mình còn được phước báo, có sức thần thông như vậy, huống chi nếu Thế Tôn nhận dùng áo của ta thì chắc rằng sẽ vượt hơn quả báo này?"

Ngọc nữ thân phóng hào quang sáng rực, vào khoảng nửa đêm đi đến chỗ Đức Phật, hào quang chiếu sáng cả khu rừng, khi đến nơi, đảnh lễ sát chân Phật rồi lui về đứng một bên. Ngọc nữ bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài thương xót con lấy chiếc áo phấn tảo, tùy ý sử dụng.

Đức Thế Tôn vì thương ngọc nữ nên nhận lấy chiếc áo phấn tảo. Như Lai nhận rồi, bảo ngọc nữ:

–Này ngọc nữ, người lại đây thọ ba pháp quy y: Phật, Pháp, Tăng và thọ năm giới cấm. Người sẽ ở thọ hưởng nhiều điều lợi ích an lạc lâu dài.

Thiên nữ nghe Đức Phật nói như vậy, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con y lời Ngài dạy, không dám trái.

Ngọc nữ thọ Tam quy và Ngũ giới. Ngọc nữ thấy Đức Thế Tôn nhận dùng chiếc áo phấn tảo của mình, nên rất vui mừng hớn hở, tràn ngập châu thân không thể tự chế. Sau đó, ngọc nữ đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, ngay nơi đây ẩn thân biến mất.

Thuở ấy Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Ta nay đem chiếc áo phấn tảo này giặt ở đâu?" Vừa nghĩ như vậy, vua trời Đế Thích vì Đức Như Lai liền đi đến một khu rừng cách Như Lai không xa, biến ra một dòng sông nước trong trẻo không vẩn đục. Vua trời Đế Thích biến ra ba tảng đá lớn bên bờ sông: Tảng đá thứ nhất để Đức Như Lai ngồi, tảng đá thứ hai để giặt chiếc áo phấn tảo, tự tay Đế Thích tạt nước và tảng thứ ba để phơi khô chiếc áo sau khi đã giặt xong. Tảng đá phơi áo phấn tảo này do oai thần của Đức Phật, sau đó bay lên hư không, hướng về xứ Bắc Ấn độ, hạ xuống chỗ ở của các thương chủ Đế-lê-phú-sa… để họ xây tháp cùng nhau cúng dường.

Sư Ma-ha Tăng-kỳ nói: "Cứ như vậy trải qua bốn mươi chín ngày"; hoặc lại có sư cho rằng việc này trải qua mười bốn ngày, hoặc có sư cho rằng việc này trải qua hai mươi mốt ngày, hoặc có sư cho rằng việc này trải qua hai mươi tám ngày, bảy ngày thứ nhất lắng tâm dưới gốc Bồ-đề, bảy ngày thứ hai lần lần đi đến tháp Mắt không nháy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ tháp Mắt không nháy đứng dậy, rồi Ngài đi đến dưới cây La-xà-na. Đến dưới cây này, Đức Phật ngồi kiết già bảy ngày ở trong thiền định để thọ hưởng an lạc giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm chánh tri. Khi ấy hai thương chủ Đế-lê-phú-sa và Bạt-lê-ca từ thành Ca-phu-tra lần lần đi đến chỗ Đức Phật. Đến chỗ Phật rồi, cho đến đi nhiễu ba vòng, từ biệt Đức Phật ra đi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ dưới cây La-xà-na đứng dậy, chậm rãi đi dần về ngồi dưới cây Mục-chân-lân-đà. Cho đến nói kệ.

Bấy giờ trải qua bảy ngày, vào một buổi sớm mai Đức Thế Tôn đắp y, mang bình bát đi thẳng đến nhà chủ thôn Nan-đề-ca, khi đến nơi, Ngài đứng một bên, yên lặng để cầu vật thực. Cô gái, con vị chủ thôn khi thấy Đức Thế Tôn đứng yên lặng khất thực bên ngõ, thấy rồi nàng liền đến thỉnh bình bát từ trong tay Ngài, quay vào trong nhà đem đủ thức ăn trăm vị đựng trong bình bát rồi trở ra dâng cúng Đức Thế Tôn và bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn thương xót con, nhận thức ăn này.

Đức Thế Tôn nhận thức ăn của nàng Thiện Sinh con chủ thôn, rồi bảo Thiện Sinh:

–Thiện Sinh, hãy lại đây thọ pháp Tam quy và Ngũ giới, người sẽ được nhiều sự an lạc lợi ích lâu dài.

Nàng Thiện Sinh nghe Đức Phật nói như vậy, bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, con sẽ làm đúng như lời Thế Tôn dạy, không dám trái.

Nàng liền thọ Tam quy và Ngũ giới. Như vậy, nàng Thiện Sinh là người thọ Tam quy và Ngũ giới, làm vị Ưu-bà-di đầu tiên trong nhân loại. Đức Thế Tôn nhận vật thực từ nàng Thiện Sinh, con gái người chủ thôn, thọ thực xong, Ngài ngồi dưới cây Bồ-đề lại trải qua bảy ngày để thọ an lạc giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn trải qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm, chánh tri, rồi vào một buổi sáng Ngài đắp y, mang bình bát ung dung đi về hướng nhà Bà-la-môn Tư-da-na-đa. Đến nơi, Ngài đứng yên lặng một bên ngõ để khất thực. Thấy vậy, Tư-da-na-đa liền ra thỉnh bình bát từ nơi tay Thế Tôn, rồi trở vào trong nhà lấy đủ thứ canh thịt, thức ăn trăm vị đựng đầy trong bát, đem dâng cúng cho Đức Phật, lại bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn vì thương xót con nhận món ăn này.

Đức Thế Tôn nhận thức ăn từ nhà Tư-da-na-đa rồi bảo:

–Này Bà-la-môn, hãy đến đây thọ pháp Tam quy và Ngũ giới.

Vị Bà-la-môn nghe lời Đức Phật nói như vậy, y theo lời Đức Phật dạy mà thọ Tam quy và Ngũ giới.

Khi ấy Đức Thế Tôn nhận thức ăn từ nhà Bà-la-môn Tư-da-na-đa rồi ung dung trở về tháp Mạn-tha-na *(nhà Tùy dịch là Giảo Lạc Mộc)*. Ăn xong, y như pháp, Ngài thâu cất y bát rồi trở lại dưới cây Bồ-đề ngồi kiết già trải qua bảy ngày… cho đến thọ an lạc giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn trải qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm, chánh tri, rồi vào một buổi sáng Ngài đắp y, mang bình bát dần dần đi hướng về bốn chị em thân quyến của Tư-da-na-đa. Bốn chị em này là: người thứ nhất tên là Bà-la *(nhà Tùy dịch là Lực)*. Người thứ hai là Ma-đề-bà-la *(nhà Tùy dịch là Cực Lực)*. Người thứ ba tên Tung-đà-lê *(nhà Tùy dịch là Đoan chánh nữ) và* người thứ tư tên là Kiềm-bà-ca-lê *(nhà Tùy dịch là Ngõa Sư)*. Khi Ngài đến nhà những người này rồi, đứng về một bên, im lặng khất thực. Bốn chị em thấy Đức Thế Tôn đứng yên lặng, liền ra thỉnh chiếc bát nơi Đức Thế Tôn rồi vào nhà lấy đủ các thứ canh thịt, thức ăn trăm vị, màu sắc tuyệt hảo đựng đầy trong bát, đem dâng lên Đức Phật, bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn thương chúng con, nhận món ăn này.

Đức Thế Tôn vì lòng thương, nhận thức ăn trăm vị của bốn chị em. Nhận rồi, Ngài bảo bốn chị em:

–Chị em các ngươi lại đây, nhận nơi ta pháp Tam quy và Ngũ giới, các ngươi sẽ ở được an ổn, lợi ích lâu dài.

Bốn chị em nghe lời Phật dạy rồi liền bạch Phật:

–Y như lời Thế Tôn dạy, chúng con không dám trái ý.

Họ cùng nhau thọ pháp Tam quy và Ngũ giới.

Đức Thế Tôn đã thọ thức ăn của bốn chị em kia rồi, Ngài ung dung trở lại tháp Mạn-tha-na. Đến nơi, Ngài y như pháp thọ trai, rồi quay trở về ngồi dưới cây Bồ-đề trải qua bảy ngày thọ an lạc giải thoát.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn trải qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm, chánh tri, rồi vào một buổi sáng Ngài đắp y, mang bình bát ung dung đi về phía cây Ni-câu-đà của người chăn dê trồng. Trên khoảng giữa đường đi từ cây Bồ-đề đến cây Ni-câu-đà, Ngài thấy có một người phụ nữ chăn trâu đang khuấy lạc thành tô. Bấy giờ Thế Tôn từ từ đi đến bên người phụ nữ này. Khi đến cách người phụ nữ chẳng xa, Ngài đứng yên lặng khất thực. Người phụ nữ thấy Ngài đứng yên lặng chẳng xa, thấy rồi liền đến thỉnh bình bát, đem đựng đầy lạc dâng cúng Thế Tôn, bạch:

–Thưa Đại thánh Tôn giả, xin Ngài thương con, nhận món lạc này.

Đức Thế Tôn thọ nhận món lạc này nơi mục nữ và bảo:

–Này chị mục nữ, hãy đến đây thọ pháp Tam quy và Ngũ giới, người sẽ ở được nhiều lợi ích an lạc lớn lâu dài.

Lúc ấy mục nữ vâng lời dạy của Phật, thọ pháp Tam quy và Ngũ giới. Đức Thế Tôn tùy ý thọ thực, ăn xong, rửa bát rồi đi đến ngồi dưới gốc cây Ni-câu-đà của người chăn dê trồng, trải qua bảy ngày thọ hưởng an lạc giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn sau khi trải qua bảy ngày, ra khỏi Tam-muội, chánh niệm, chánh định, lúc ấy bỗng có một Bà-la-môn dối nịnh tìm lỗi đi đến bên Đức Phật. Đến nơi, nói những lời hỏi thăm, rồi lui về đứng một bên, bạch Phật:

–Thưa Sa-môn Cù-đàm, tại sao gọi là Bà-la-môn? Bà-la-môn tu những pháp gì có bao nhiêu pháp?

Đức Như Lai biết rồi, liền phát ra tiếng Sư tử nói kệ:

Diệt trừ tất cả các nghiệp tội
Do vậy gọi là Bà-la-môn.

Tâm ý thanh tịnh, không dua nịnh
Trong ngoài chánh định, thường an trụ
Như pháp tu hành các phạm hạnh
Lời nói, ý nghĩ cũng như vậy
Đối với các nơi, đều không tham
Hiệu Bà-la-môn mới thành tựu.

Trong thời gian tám tuần, trong ba tuần đầu Ngài đều không ăn, năm tuần sau mới khất thực.

Thuở ấy Đức Thế Tôn an tọa trong Tam-muội tên là Biến quán thế gian. Khi đó Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn Vô thượng quán sát thấy nơi thế gian: Hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục rồi đọa vào địa ngục, hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục rồi đọa làm thân súc sinh, hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục đọa làm thân ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục sinh làm thân người, hoặc có chúng sinh ra khỏi địa ngục sinh làm thân chư Thiên.

Hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh đọa làm thân địa ngục, hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh lại sinh vào súc sinh, hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh đọa làm thân ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh được sinh vào nhân gian, hoặc có chúng sinh ra khỏi súc sinh được sinh lên cõi trời.

Hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ đọa vào địa ngục, hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ lại đọa vào ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ đọa vào súc sinh, hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ được sinh vào nhân gian, hoặc có chúng sinh ra khỏi ngạ quỷ được sinh lên các cõi trời.

Hoặc có chúng sinh ở nhân gian chết rồi đọa vào địa ngục, hoặc có chúng sinh ở nhân gian chết rồi đọa vào súc sinh, hoặc có chúng sinh ở nhân gian chết rồi đọa vào ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh ở nhân gian chết rồi lại sinh vào nhân gian, hoặc có chúng sinh ở trong nhân gian chết rồi được sinh lên các cõi trời.

Hoặc có chúng sinh từ trên cõi trời đọa vào địa ngục, hoặc có chúng sinh từ trên cõi trời đọa vào súc sinh, hoặc có chúng sinh từ trên cõi trời đọa làm thân ngạ quỷ, hoặc có chúng sinh từ trên cõi trời sinh xuống trần gian, hoặc có chúng sinh chết ở cõi trời rồi sinh trở lại cõi trời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy các chúng sinh bị các kiến chấp trói buộc. Hoặc có chúng sinh bị lửa dục thiêu đốt thân thể, hoặc có chúng sinh bị lửa sân hận, hoặc lửa ngu si, thiêu đốt thân thể; hoặc có chúng sinh lệ thuộc ái

dục, bị ái dục não hại lại sinh khoái lạc. Đối với tất cả phiền não khác như sân hận, ngu si cũng như vậy.

Đức Thế Tôn thấy các chúng sinh bị lửa ba độc thiêu đốt liền phát ra tiếng Sư tử rống:

–Các loại chúng sinh trong thế gian này bị cảnh giới nó ràng buộc, hăng say tạo các nghiệp nên có quả báo hình thể như vậy, thân chịu khổ não lớn, đắm trước các cảnh nên phát sinh các tà ý. Tà ý luôn luôn tăng trưởng, do sự tăng trưởng đó tức thành cõi này là do chấp trước về hữu. Ở trong thế gian có các chúng sinh chấp trước về hữu, nên nghĩ đến cảnh giới, liền sinh đến cảnh giới đó. Tất cả chúng sinh ở trong bao nhiêu cảnh giới, tức liền thọ khổ trong cảnh giới đó. Nếu chúng sinh nào diệt được các khổ đó, là nhờ tu học phạm hạnh trong pháp này. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn biết cái khổ đắm trước cảnh giới rồi biết cách ra khỏi cảnh giới. Những hạng người này gọi là không đắm các cõi. Biết như vậy rồi có thể ra khỏi các cõi.

Ta nói như thế này: Nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào cảnh giới mà nói muốn thoát các cõi, tất cả hạng người này không được gọi là thoát khỏi các cõi.

Ta nói những người như vậy như đọa vào tà đạo gọi là chịu cảnh khổ lớn. Ta nói thế này: Xả bỏ tất cả tà đạo ở thế gian thì diệt hết tất cả nghiệp báo khổ quả, đã diệt hết các khổ rồi thì gọi là không có cảnh giới. Tất cả ngã kiến của chúng sinh ở thế gian đều do vô minh lừa dối, nên ưa đắm các cảnh giới. Đắm các cảnh giới rồi thì không thoát khỏi các khổ của cảnh giới ấy. Nếu có người đối với tất cả chỗ quán sát các cõi, đối với tất cả chỗ vẫn chưa xa lìa được cảnh giới, phải ở trong cảnh giới. Đã còn ở trong cảnh giới rồi thì gọi là vô thường, là khổ, là không thật. Đối với pháp không thật biết đúng như vậy, chánh trí như thật, cần phải quán biết. Nếu ai chánh trí quán biết như vậy thì diệt sạch các thức cảnh giới và lòng tham ái cũng diệt sạch, đối với chỗ không có cảnh giới, cũng không sinh tâm niệm, như vậy được gọi là tịch diệt. Tỳ-kheo đã tịch diệt rồi, không còn sinh vào các cõi, không thọ thân đời sau, thì có thể đối với tất cả các trận chiến với ma, đều được đánh thắng và thu phục được ma quân, đối với tất cả mọi nơi đều được lợi ích lớn, đối với các cảnh giới không còn nghĩ tưởng.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 33

Phẩm 36: PHẠM THIÊN KHUYẾN THỈNH (Phần 2)

Bấy giờ Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Pháp mà Ta chứng được rất cao siêu, khó thấy, khó biết, giống như vi trần khó trông thấy, là nơi không thể nghĩ bàn, là đạo không thể suy nghĩ. Ta không có thầy, không phải người có trí tinh xảo dạy Ta chứng pháp ấy. Nhưng các chúng sinh vướng mắc trong dục ý A-la-da nghĩa là dục lạc của ý *(nhà Tùy dịch: trước xứ),* thích sống trong dục ý này, họ ở trong dục ý ưa thích lệ thuộc. Do tâm tham đắm này, họ khó thấy được pháp của Ta. Pháp ấy gọi là mười hai nhân duyên. Mười hai nhân duyên là pháp tương sinh, tất cả chúng sinh không thể hiểu pháp này được, chỉ có Phật mới biết. Lại đối với nhiều nghi khó trừ và tất cả tà kiến Ta đều diệt sạch không còn. Đối với chỗ ái nhiễm, Ta đều lìa ham muốn, được tịch diệt Niết-bàn. Ta tuy đem những pháp như vậy nói với họ thì những chúng sinh ấy cũng chưa có khả năng chứng pháp này. Ta có nói ra cũng uổng công vô ích!"

Lúc ấy Đức Thế Tôn suy nghĩ như vậy là vì những pháp này xưa chưa từng nghe, chưa từng đạt được từ người khác, chưa có người nói ra mà chỉ tự mình biết rõ.

Ngài liền nói kệ:

Ta đã cực nhọc chứng pháp này
Không thể vội vàng tuyên dương được
Ái dục, sân si nó buộc ràng
Tất cả chúng sinh bị nạn ấy.
Tâm trí tinh tế, lại ngược dòng
Vì điều thấy được như vi trần
Kẻ tham dục lạc khó thấy biết
Vì bị vô minh phủ tối tăm.

Do Như Lai thấy pháp rất cao siêu như vậy nên Ngài muốn vui cảnh vắng lặng, không muốn nói cho chúng sinh nghe.

Có kệ:

Thấy các chúng sinh phiền não nặng
Tà kiến, tà đạo, nhiều lỗi lầm
Các pháp giải thoát sâu xa, khó
Biết vậy, muốn ở nơi thanh vắng.

Bấy giờ chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm Thiên vương đang ở cung Phạm thiên, từ xa biết được Thế Tôn có tâm niệm như vậy. Biết rồi, Phạm thiên liền nghĩ: "Tất cả chúng sinh trong thế giới này mất nhiều lợi ích, vì ngày nay Đức Như Lai Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã chứng được pháp bảo như vậy, thành tựu hoàn hảo như vậy mà thế gian chưa hay biết, nhưng ý Ngài lại muốn vui cảnh thanh vắng, không muốn thuyết pháp!"

Khi ấy Phạm thiên vương trong thời gian ngắn như lực sĩ duỗi cánh tay, liền ẩn thân nơi cung trời Đại phạm, giáng xuống trước mặt Đức Thế Tôn, đảnh lễ sát chân Phật rồi đứng về một bên, chắp tay hướng về Đức Phật mà bạch:

–Lành thay! Đức Thế Tôn! Tất cả chúng sinh ở nơi thế gian đều mất hết điều lợi ích lớn, không có chỗ nương tựa. Hiện nay, Thế Tôn đã thật chứng Pháp bảo Vô thượng. Đã chứng rồi, bỗng nhiên Ngài muốn vui cảnh thanh vắng, không thích thuyết pháp. Con xin khuyến thỉnh Thế Tôn vì các chúng sinh chớ trụ trong cảnh tịch tĩnh. Cúi xin Đức Thiện Thệ từ bi thuyết pháp. Hiện nay có nhiều chúng sinh ít trần cấu, thiện căn thuần thục, kết sử yếu kém, lợi căn, dễ giáo hóa, không được nghe pháp, tất nhiên bị tổn giảm. Nếu bây giờ được Đức Như Lai thuyết giáo pháp thì để họ chứng được pháp tướng của thế gian.

Bấy giờ Đại phạm Thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, nói lời như vậy rồi, lại dùng kệ thỉnh Phật:

Thế Tôn đang ở nước Ma-già
Nói pháp nguyên nhân của chúng sinh
Trước mở cửa pháp diệu cam lộ
Sau theo thứ lớp nói tịnh pháp.
Như người không lên đảnh Tu-di
Làm sao thấy được toàn thế giới?
Đại Thánh đã thành đạo Bồ-đề
Mau lên pháp đường dùng mắt trí
Hướng dẫn đám mù lìa các khổ
Thương xót tất cả các chúng sinh,
Thế nên mau rời cội Bồ-đề
Du hành nhân gian tế độ khắp

Đã được tự lợi hơn người, trời
Các khổ diệt sạch được an lạc.
Thiện căn chư Phật không tăng giảm
Chứng pháp thanh tịnh đến bờ kia
Thế gian không ai sánh bằng Phật
Huống chi muốn hơn làm gì có.
Ba cõi độc nhất xưng Thế Tôn
Tu-la chẳng phải là núi chúa
Thế gian đau khổ khởi từ bi
Nay Ngài không nên bỏ chúng sinh.
Đầy đủ năng lực không sợ hãi
Chỉ có Thế Tôn độ hàm linh
Chúng sinh từ lâu bị tên độc
Nghĩa là người, trời khắp thế gian
Gặp được Thế Tôn được nhổ khỏi
Nguyện vì họ làm chỗ quy y
Chư Thiên, nhân loại ở thế gian
Phát tâm muốn nghe pháp bí mật.
Nay Ngài thành tựu, họ cầu mong
Xin thuyết đừng để họ bị đọa.
Thế Tôn, theo như con biết được
Nếu nay chúng sinh biết pháp này
Nghe do người khác hay tự nghe
Liền đến Thế Tôn lễ sát chân.
Giả sử cha mẹ cùng nam nữ
Chết rồi xương rã, tóc phân tán
Mà chẳng sầu thấy mình qua đời
Và không khóc cho các người kia,
Họ chưa biết được Ngài thanh tịnh
Từ trời Đâu-suất giáng trần gian
Do vậy con nay thỉnh Thế Tôn.
Từ lâu lạc đường nay được hướng
Chẳng nghe chánh pháp vô lượng kiếp
Như người gầy ốm có được thịt
Như đất khô ran được tưới nước
Cúi xin Thế Tôn tuôn mưa pháp.
Pháp bảo, chư Phật đâu có tiếc
Chư Thánh ba đời ưa thí pháp

Chư Phật quá khứ nhập Niết-bàn
Không phải là không thuyết chánh pháp.
Tôn giả nay cũng dòng tối thượng
Độ khắp chúng sinh vô số lượng
Cùng Phật quá khứ không khác nhau
Ngày nay đúng lúc thuyết pháp lành
Mở mắt trong sáng cho nhân loại
Để cho họ thấy đường chân chánh
Rừng gai tà kiến Ngài xông pha
Chỉ bày đường thẳng lìa nguy hiểm
Đi trên đường này được cam lộ.
Thế Tôn, người mù sắp xa hố
Người khác cứu vớt đều không được
Chỉ Phật dẫn dắt mới an toàn
Lại dùng phương tiện dạy phát tâm
Nay đã đến lúc nguyện chớ từ.
Nhiều kiếp mới gặp xin đừng hẹn
Như hoa Ưu-đàm lâu mới nở
Chư Phật xuất thế thật khó gặp
Bỗng nhiên nay gặp Đại Đạo Sư
Ngài có sức tinh tấn vô biên
Thân thể trang nghiêm đủ tướng tốt
Chưa dạy vì chưa người phát tâm.
Kim khẩu không nói lời sai khác
Pháp ấy ba đời Phật thành tựu
Do vậy hôm nay Ngài đã ngộ
Phát tâm tinh tấn để độ người
Phát nguyện đúng thời lời chân thật
Thế Tôn soi sáng diệt vô minh
Nguyện Phật sớm dựng cờ đại pháp
Tuyên dương chánh pháp thật hợp thời
Rống tiếng Sư tử như trống trời
Con nguyện Như Lai ngồi thuyền pháp
Vào đời hướng dẫn vô lượng chúng.
Thế Tôn qua khỏi biển phiền não
Chúng sinh chìm đắm cần ra khỏi
Như người gặp được kho của báu
Làm giàu kẻ khác mình không dùng

Thế Tôn đắc pháp kho vô tận
Nguyện vì chúng sinh thuyết rõ ràng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghe bài kệ khuyến thỉnh của Đại Phạm vương, vì chúng sinh khởi lòng từ bi, quán sát trong thế gian, dùng Phật nhãn quán sát rồi, thấy có chúng sinh sinh ra và lớn lên trong thế gian: Có kẻ thông minh, có kẻ đần độn. Những chúng sinh như vậy, có người dễ thành tựu đạo quả, có người thấy tất cả tội khổ đời vị lai, nên sợ sệt không dám phóng dật, thì ở đời vị lai cũng có thể thành đạo.

Ví như có ao sen xanh, ao sen hồng, ao sen trắng và ao sen trắng lớn, trong đó có các loại hoa: hoặc xanh, hoặc hồng, hoặc trắng, hoặc hoa trắng lớn, từ dưới đất mọc lên chưa ra khỏi nước còn chìm trong nước chưa xuất hiện, cần bốn đại hòa hợp nuôi dưỡng, rồi sau đó mới ngoi lên khỏi mặt nước. Hoặc có những hoa sen xanh, hoa sen trắng… lên ngang mặt nước. Hoặc có những hoa sen xanh, hoa sen trắng… nở vượt lên trên mặt nước, không còn dính nước.

Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn quán sát tất cả chúng sinh trong thế gian cũng như vậy. Hoặc có chúng sinh sinh trong thế gian, lớn lên nơi thế gian: Hoặc có kẻ thông minh, hoặc có người đần độn, hoặc có kẻ dễ giáo hóa, hoặc có kẻ dễ đắc đạo… Ngài biết như vậy rồi, nói kệ với Phạm thiên vương:

Vua trời Đại phạm lắng nghe rõ
Ta đang sắp mở cửa cam lộ
Nếu có thính giả hoan hỷ đến
Chí tâm nghe Ta nói pháp mầu.

Khi Phạm vương nghe kệ rồi, suy nghĩ: "Đức Như Lai Thế Tôn sẽ thuyết pháp, muốn thuyết pháp! Đức Thế Tôn thương ta mà nhận lời thuyết pháp." Vì việc này mà Phạm vương rất vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân không thể tự chế, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu ba vòng rồi biến mất.

Thuở ấy Đức Thế Tôn nghĩ: "Ta nên bắt đầu thuyết pháp ở đâu? Ai là người như ý của Ta? Biết được pháp thể của Ta để khi chứng rồi không làm phiền Ta?"

Khi ấy, Đức Thế Tôn nghĩ: "Người ấy là Ưu-đà-la Ca-la-ma tử, có tâm trí khôn lanh, biện giải thông minh, từ lâu đã thành tựu. Tâm tuy còn có ít trần cấu, các phiền não kết sử đã yếu kém, căn tánh thuần thục, trí tuệ mẫn tiệp. Ta nên đến gặp Ưu-đà-la Ca-la-ma-tử, vì người này mà nói pháp đầu tiên. Giáo pháp Ta nói ra, người ấy có thể mau chứng ngộ."

Đức Thế Tôn suy nghĩ như vậy rồi, khi ấy có một Thiên tử ở trên hư không, ẩn thân hướng đến nơi Đức Phật mà thưa:

–Bạch Thế Tôn, Ca-la-ma tử đã chết cách đây bảy ngày.

Trong tâm Thế Tôn thấy Ưu-đà-ma tử thật sự qua đời cách đây bảy ngày. Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Ưu-đà-ma-tử sau khi qua đời sẽ sinh vào cõi nào? Sẽ sinh lên cõi trời Phi phi tưởng."

Khi ấy Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Tuổi thọ chúng sinh cõi trời Phi phi tưởng được bao nhiêu?", thì tâm Thế Tôn liền biết tuổi thọ chúng sinh cõi trời Phi phi tưởng là tám vạn bốn ngàn đại kiếp.

Khi ấy tâm Thế Tôn suy nghĩ: "Ưu-đà-la Ca-la-ma tử nay đang ở cõi trời Phi phi tưởng. Sau khi xả tuổi thọ này lại sinh cõi nào?" Đức Thế Tôn dùng tâm biết được ông ta sau khi mạng chung đọa vào cõi Ta-bà làm loài chồn bay, mà sau khi thọ thân chồn bay rồi, hoặc sống trên nước, hoặc sống trên đất liền, hoặc bay trên hư không, thường ở trong đó sát hại các loài chúng sinh, hoặc cùng với các loài chúng sinh ấy hành dâm dục, sau khi báo thân hết, đói khát mà chết.

Khi ấy Đức Thế Tôn lại suy nghĩ: "Không biết Ưu-đà-la Ca-la-ma-tử sau khi bỏ báo thân loài chồn bay sẽ thọ sinh vào cảnh giới nào?." Lúc ấy tâm Thế Tôn liền biết Ưu-đà-la Ca-la-ma tử sau khi mạng chung, bỏ thân chồn bay sẽ sinh vào trong địa ngục.

Rồi trong tâm Đức Thế Tôn lại suy nghĩ: "Ôi thôi, ôi thôi! Ưu-đà-la Ca-la-ma tử, người nay không còn thọ sắc thân, mất lợi ích lớn, không được thọ báo thân tốt đẹp tuyệt hảo ở thế gian nên người không nghe diệu pháp này. Nếu nghe được diệu pháp của Ta, ngươi sẽ mau chứng pháp ấy."

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Lần đầu tiên Ta nên vì ai thuyết pháp? Khi Ta thuyết pháp, họ không chống lại pháp của Ta, chẳng làm Ta phiền não mà mau chứng pháp Ta nói?"

Lúc ấy trong tâm Đức Thế Tôn tư duy biết thế này: "A-la-la Ca-la-ma từ lâu đã thành tựu trí tuệ hết sức khôn ngoan, tâm vi tế thông minh, ít cầu nhiễm, kết sử yếu kém, căn tánh lanh lợi. Ta nay đến nơi A-la-la Ca-la-ma thuyết pháp đầu tiên, nếu ông ta nghe được pháp này, quyết định sẽ mau chứng biết."

Đức Thế Tôn suy nghĩ như vậy rồi, liền khi ấy có một Thiên tử ẩn thân đến nơi Thế Tôn bạch:

–Thưa Đức Thế Tôn, A-la-la Ca-la-ma vừa chết ngày hôm qua.

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại suy nghĩ: "Người dòng A-la-la sau khi từ bỏ xác thân cõi này, không biết sẽ sinh về nơi nào?"

Ngay Lúc ấy trong tâm Thế Tôn liền biết: "A-la-la sau khi mạng chung ở cõi này sẽ sinh về cõi Bất dụng xứ."

Đức Thế Tôn lại thầm nghĩ: "Không biết chư Thiên cõi trời Bất dụng xứ thọ mạng dài ngắn thế nào?." Lúc bấy giờ trong tâm Thế Tôn liền biết chư Thiên cõi trời Bất dụng xứ thọ mạng có giới hạn, thọ mạng ấy là sáu muôn ba ngàn đại kiếp.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: "A-la-la sau khi ở cõi trời Bất dụng xứ mạng chung, lại sinh vào cõi nào?." Lúc ấy Đức Thế Tôn lại biết: "A-la-la sau khi ở cõi trời Bất dụng xứ mạng chung sẽ sinh trở lại cõi Ta-bà này, làm vua tại vùng biên địa không biết chánh pháp."

Đức Thế Tôn lại nghĩ thế này: "A-la-la sau khi làm vua cõi biên địa không biết chánh pháp mạng chung lại thọ sinh vào cõi nào?." Lúc ấy trong tâm Thế Tôn lại biết: "A-la-la làm vua cõi biên địa, sau khi mạng chung sẽ sinh vào đại địa ngục."

Đức Thế Tôn lại suy nghĩ thế này: "Ôi thôi, ôi thôi! Người dòng họ Ca-la-ma không thọ thân người là một sự mất mát lớn, không được điều thiện lợi, vì không được nghe diệu pháp của Ta. Nếu người nghe được pháp này, liền sẽ mau chứng pháp ấy."

□

Phẩm 37: CHUYỂN DIỆU PHÁP LUÂN (Phần 1)

Bấy giờ Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Trong thế gian có chúng sinh nào thân khẩu thanh tịnh ít trần cấu, các kết sử yếu kém, căn tánh thuần thục, trí tuệ lanh lợi? Khi Ta thuyết pháp đầu tiên không làm phiền não Ta, lại mau chứng pháp của Ta, để khỏi phí công Ta chuyển bánh xe pháp."

Lúc ấy Đức Thế Tôn nghĩ: "Có năm vị Tiên nhân thuở trước cùng với Ta tu khổ hạnh, khi Ta tu khổ hạnh, họ phục vụ Ta, đem lại cho Ta nhiều điều lợi ích lớn. Họ đều là bậc ít trần cấu, các kết sử yếu kém, trí tuệ lanh lợi. Năm người này có thể lãnh thọ diệu pháp của Ta từ lần chuyển bánh xe pháp đầu tiên. Ta nay đến đó làm nơi thuyết pháp đầu tiên."

Đức Thế Tôn lại nghĩ thế này: "Không biết năm vị Tiên nhân này ngày nay ở đâu?." Liền khi ấy, Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người thường để quán sát, thấy năm vị Tiên nhân này đang sống trong vườn Nai, thuộc thành Ba-la-nại.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở lại chỗ cây Bồ-đề thời gian ngắn, định đi về hướng Ba-la-nại.

Có kệ:

Phật muốn thuyết pháp độ Ma-na
Đem tâm xem họ ở nơi nào?
Mới biết mạng chung, sinh Thiên giới
Nhớ năm vị tiên, lần đến họ.

Bấy giờ Ma vương Ba-tuần thấy Đức Phật đứng dậy, sắp rời cây Bồ-đề, tâm rất khổ não, vội vã đến chỗ Đức Phật; đến nơi, bạch Phật:

–Lành thay! Thưa Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn đừng rời khỏi nơi đây. Xin Ngài an tọa, chẳng nên di động. Thế Tôn ở nơi đây tùy ý hành động.

Đức Thế Tôn bảo Ma vương Ba-tuần:

–Này Ma vương Ba-tuần, ông không biết xấu hổ, không biết thẹn thùng. Trước kia ông muốn não hại Ta, lúc ấy Ta còn đầy đủ tham dục, sân hận, si mê, chưa dứt sạch, ông còn chưa não hại được, huống ngày nay Ta đã chứng quả Vô thượng Chí chân Bình đẳng Giác ngộ. Tất cả con đường tà Ta đã xa lìa, đã được chân chánh giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ dưới cây Bồ-đề đứng dậy, ung dung chậm rãi đi về hướng thôn Chiên-đà-la *(nhà Tùy dịch là Nghiêm Xí)*, rồi từ thôn Chiên-đà-la Ngài đi đến làng Thuần-bà-tư-di-la. Trên đường đi, Ngài gặp một khất sĩ Bà-la-môn tên là Ưu-ba-dà-ma (nhà Tùy dịch là Lai Sự), đi ngược chiều gặp nhau. Vị khất sĩ Bà-la-môn thấy Bà-la-môn Đức Phật liền thưa:

–Bạch Nhân giả Cù-đàm, thân Ngài da dẻ hết sức sạch sẽ, tốt đẹp, không có cáu bẩn, diện mạo nhân giả tròn đầy, cực kỳ trang nghiêm, các căn tịch định. Thưa Nhân giả Cù-đàm, thầy của Ngài là ai? Ngài theo ai cầu xuất gia? Làm Ngài vui thích đó là pháp gì?

Bấy giờ Đức Thế Tôn vừa đi vừa dùng kệ đáp lời hỏi của vị khất sĩ Bà-la-môn:

Ta đã thu phục pháp thế gian
Thành tựu đầy đủ tất cả trí
Ở trong các pháp, không dính mắc
Thoát hẳn tất cả lưới khát ái
Hay vì kẻ khác nói thần thông
Do vậy gọi là Nhất Thiết Trí.
Ta nay đáng nhận thế gian cúng
Vô thượng Tối tôn Đấng Tự Tại

Tất cả người trời trong thế giới
Chỉ Ta thu phục các ma quân.
Ta không có thầy dạy giác ngộ
Thế gian không có ai sánh bằng
Tất cả trời, người, Ta độc nhất
Thân tâm thanh tịnh, đại giải thoát,
Tất cả thần thông đều thông đạt
Những điều đáng chứng đã chứng xong
Những nơi cần đến, Ta đã đến.
Cho nên xưng Ta: Thế Tôn thượng.
Giống như sen trắng nơi đầm nước
Hoa sen tuy mọc ở trong đầm
Nhưng chẳng bao giờ hoa dính nước
Ta ở thế gian cũng như vậy
Không bị thế gian làm ô nhiễm
Nên gọi Ta là Bậc Giác Ngộ.

Lúc bấy giờ Bà-la-môn Ưu-ba-dà-ma lại bạch Phật:

–Thưa Trưởng lão Cù-đàm, Ngài đang đi về đâu?

Đức Thế Tôn đáp:

–Ta nay sắp đi về nước Ba-la-nại.

Bà-la-môn lại hỏi:

–Thưa Trưởng lão Cù-đàm, Nhân giả đến đó để làm gì?

Đức Thế Tôn lại dùng kệ đáp lời Bà-la-môn Ưu-ba-dà-ma:

Ta đang sắp chuyển diệu pháp luân
Do đó đến nước Ba-la-nại
Khiến kẻ mắt mù đều được sáng
Mở cửa đánh vang trống cam lộ.

Lúc bấy giờ Bà-la-môn Ưu-ba-dà-ma lại bạch Đức Phật:

–Theo như ý của tôi, Trưởng lão Cù-đàm tự xưng đã chứng A-la-hán, dẹp tan các phiền não, nghĩa ấy như thế nào?

Đức Thế Tôn lại dùng kệ đáp Bà-la-môn Ưu-ba-dà-ma:

Cần phải biết Ta dẹp các oán
Tất cả các lậu đều dứt sạch
Pháp ác thế gian đều diệt sạch
Nên Ta được xưng Chân Chánh Tôn.

Lại có kệ:

Cớ gì được lợi tự nuôi mình
Không làm ích lợi cho kẻ khác?
Thấy kẻ mù lòa không thương xót
Được đạo hơn người cùng sử dụng
Mình vượt lên bờ, thấy kẻ đuối
Nếu không cứu vớt chẳng người thiện
Mình được kho tàng thấy người khổ
Mà không bố thí đâu người trí!
Trong tay có sẵn thuốc cam lộ
Thấy người mắc bệnh không chữa trị
Đồng hoang đáng sợ được đường đi
Thấy kẻ lạc đường nên hướng dẫn.
Như chốn tối tăm làm đèn sáng
Sáng cả, tâm Ta nào keo kiết
Phật thuyết ánh sáng cũng như vậy
Với sự việc này không chấp trước.

Bấy giờ khất sĩ Bà-la-môn Ưu-ba-dà-ma nói lớn:

–Thôi, Trưởng lão Cù-đàm!

Ông ta đập tay vào đùi, vế, tránh Đức Phật, rẽ xuống bên đường đi về hướng Đông.

Bấy giờ, ở nơi đó có một Thiên thần thuở xưa là bạn thân của Bà-la-môn Ưu-ba-dà-ma từng sống bên nhau. Thiên thần muốn khất sĩ Bà-la-môn Ưu-ba-dà-ma làm điều lợi ích, được sự lợi ích, được sự an lạc, giải thoát không còn sợ sệt, nên dùng kệ khuyên Bà-la-môn Ưu-ba-dà-ma:

Nay gặp Vô thượng Thầy trời người
Không biết Thế Tôn chí chân giác
Lõa thân tà kiến muốn đi đâu?
Ông sẽ bị khổ nạn gần kề.
Gặp Ngài Điều Ngự Sư như vậy
Bỏ đi chẳng phát tâm cúng dường
Tay chân cho ông công đức gì?
Hãy phát tín tâm cung kính Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn từ Châu Lang Na-sa-đà-la *(nhà Tùy dịch là Vô Dốc Chùy)* ung dung hướng về xóm Ca-lan-na-phú-la *(nhà Tùy dịch là Nhĩ Thành)*, rồi từ xóm Ca-lan-na-phú-la chậm rãi đi về làng Sa-la-di *(nhà Tùy dịch là Ngự Thành)*, rồi từ làng Sa-la-di ung dung đi về làng Lô-ê-đa-kha-tô-đâu *(nhà Tùy dịch là Bế Tắc thành)*, rồi từ thành Bế Tắc hướng về sông

Hằng. Khi đến bờ sông rồi, Ngài hướng về người lái đò. Đến nơi, Ngài nói với người lái đò:

–Lành thay, nhân giả! Xin người giúp cho tôi sang bên kia sông.

Người lái đò nói:

–Xin Ngài cho tiền đò, rồi sau đó tôi sẽ đưa Tôn giả qua sông.

Đức Thế Tôn nói với người lái đò:

–Ta nay không có gì để đưa tiền đò, vì Ta đã bỏ tất cả của báu, dù cho có thấy nó, Ta xem giống như sỏi, đá, đất cát. Dù có người cắt lấy một tay của Ta và ngược lại có kẻ khác đem bột thơm chiên-đàn thoa trên tay Ta, tâm Ta đối với hai người này ngang nhau. Do vậy, Ta không có của để trả tiền đò cho ngươi.

Người lái đò lại nói:

–Thưa Tôn giả, nếu Ngài cho tiền đò, thì tôi liền đưa Ngài qua sông. Vì sao? Vì tôi chỉ nhờ vào nghề này để sinh sống và nuôi lấy vợ con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn vượt mắt người thường, thấy một bầy nhạn năm trăm con bay trên hư không, từ bờ phía Nam sông Hằng hướng về phía Bắc. Thế Tôn thấy rồi, liền nói với người lái đò nói kệ:

Bầy nhạn bay qua khỏi sông Hằng
Nào từng hỏi giá người lái đò?
Mỗi thân chim nhạn tung sức mình
Bay trên hư không tùy ý đến
Ta nay cần phải dùng thần thông
Bay lên hư không như chim nhạn
Qua đến phía Nam bờ sông Hằng
An ổn đứng vững như Tu-di.

Khi ấy người lái đò thấy Đức Phật qua khỏi sông, hết sức ăn năn hối hận, nghĩ thế này: "Ôi thôi! Ôi thôi! Ta gặp được ruộng phước Bậc Đại Thánh mà không biết đưa qua sông để cúng dường. Ôi thôi! Ôi thôi! Ta mất điều lợi ích lớn!." Nghĩ như vậy rồi, ông ta ngã nhào trên đất chết giấc.

Người lái đò hôn mê một giây lâu rồi tỉnh lại, đứng dậy, vội chạy đến chỗ vua Tần-đầu, là lãnh chúa nước Ma-kiệt-đà, tâu lên sự việc này. Vua Tần-đầu-sa-la, nước Ma-kiệt-đà nghe việc như vậy rồi liền nói:

–Khanh là kẻ phàm phu làm sao biết người nào có thần thông, người nào không thần thông! Do vậy, từ nay về sau hễ tất cả người xuất gia đến bến muốn qua đò, khanh không được hỏi phải quấy. Hễ có ai đến, chớ nên lấy tiền đò, tùy ý họ muốn qua thì chở họ qua.

Khi Đức Thế Tôn bay qua sông Hằng, đến bờ bên kia rồi, lại dùng thần thông bay từ bờ sông về thành Ba-la-nại. Thuở ấy thành này có một ao nước, dưới ao này có một con rồng, Long vương này tên là Thương Khư *(nhà Tùy dịch là Loa).* Thế Tôn bay đến, hạ xuống bên ao. Nơi bàn chân Đức Phật hạ xuống, sau này Long vương xây một ngôi tháp tên là Di-trì-già *(nhà Tùy dịch là Thổ Tháp).* Đức Như Lai trải qua ở đây một đêm, chờ đến giờ khất thực ngày hôm sau. Ở chỗ chờ này về sau có xây một ngôi tháp đặt tên là Tháp Chờ qua một đêm.

Có kệ:

Chư Phật ban đêm không vào làng
Chờ đúng giờ ăn mới khất thực
Đi không đúng lúc bị họa lớn
Chúng Thánh làm việc phải hợp thời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn y theo pháp khất thực, giờ ăn nước Ma-kiệt-đà sắp đến, Ngài đi vào cửa Tây thành Ba-la-nại, ở trong thành theo thứ tự khất thực. Khất thực xong, theo cửa Đông ra khỏi thành. Ra khỏi thành, Ngài tiến đến bờ sông, ngồi ngay ngắn mà ăn. Ăn xong, Ngài tắm rửa rồi hướng mặt về phương Bắc chậm rãi đi đến rừng Nai.

Có kệ:

Vườn Nai chim thú cất tiếng kêu
Là nơi chư Thánh đời trước ở
Thế Tôn thân phóng hào quang sáng
Tiến đến rừng Nai như mặt nhật.

Năm vị Tiên nhân từ xa trông thấy Đức Thế Tôn tiến dần đến chỗ mình, cùng nhau bàn bạc cam kết:

–Này các Trưởng lão, kẻ đến kia là Sa-môn Cù-đàm dòng họ Thích, sắp đến chỗ chúng ta. Đây là người giải đãi đánh mất thiền định, toàn thân bị ràng buộc nên chúng ta không cung kính người, không lễ bái người, không tiếp rước người, không bố trí chỗ ngồi cho người ấy. Tuy nhiên vẫn để tùy ý muốn ông ta, ngồi đâu tự ý.

Chỉ riêng Kiều-trần-như, tâm không chịu cam kết như vậy, nhưng không tỏ lời phản kháng. Họ cùng nhau nói kệ:

Cù-đàm giải đãi nay bỗng đến
Năm tiên chúng ta đều nhất trí
Hoàn toàn không kính, không lễ bái
Người trái lời thề, không nên tiếp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn tiến đến chỗ năm vị tiên. Khi Ngài đến gần, các Tiên nhân không thể ngồi yên, không thể giữ được lời thề, tự nhiên muốn đứng dậy, như chim Xà-câu-ni ở trong lồng sắt, mà bên ngoài có người đốt lửa dữ dội. Vì lưới nóng, chim không thể đứng yên, muốn bay muốn chạy. Năm vị Tiên nhân giống như vậy, thấy Đức Thế Tôn, bỗng nhiên hoảng hốt, từ chỗ ngồi đứng dậy. Khi ấy, năm vị Tiên nhân này, có người trải tòa ngồi, có người mang nước đến để Phật rửa chân, có kẻ mang đá rửa chân và dép da đến, có người bưng bồn đầy nước đến, hoặc sau khi Đức Phật rửa chân rồi, đem ván đến để lót chân, hoặc có người tiếp lấy ba y và bình bát, cùng xướng lên:

–Lành thay, Trưởng lão Cù-đàm đến! Mời Ngài ngồi trên tòa này.

Có kệ:

Hoặc người tiếp bát và ba y
Hoặc lại đảnh lễ dưới chân Phật
Hoặc người sửa soạn trải tòa ngồi
Hoặc đem bình nước và bình rửa.

Lúc ấy Đức Thế Tôn ung dung an tọa trên tòa đã bày sẵn. Thế Tôn ngồi xong, suy nghĩ: "Những người này đều là kẻ ngu si, đều phát lời thề như vậy, rồi tự trái lại, không giữ lời."

Khi thấy Đức Thế Tôn ngồi rồi năm vị Tiên nhân, bạch Phật:

–Thưa Trưởng lão Cù-đàm, thân thể sắc da của Ngài tươi sáng thanh tịnh, khuôn mặt tròn đầy, quang minh rực rỡ, các căn tịch định. Chắc có lẽ Trưởng lão Cù-đàm gặp được pháp cam lộ tuyệt hảo, hay chứng được Thánh đạo cam lộ thanh tịnh?

Khi ấy Đức Thế Tôn liền bảo năm vị Tiên nhân:

–Này các Tiên nhân, chẳng nên gọi Như Lai là Trưởng lão. Tại sao như vậy? Tiên nhân các ông ở tương lai sẽ gặp nhiều đau khổ lâu dài. Vì sao? Vì Ta đã chứng pháp cam lộ. Ta đã chứng đạo cam lộ. Các ông theo điều Ta dạy, các ông nghe điều Ta nói. Ta sẽ chỉ dạy các ông, các ông nghe lời Ta nói, không được trái lại. Nếu nghe lời Ta dạy thì sống thanh tịnh. Nếu có kẻ thiện nam và tín nữ nào y theo lời Ta dạy, chánh tín xuất gia, xa lìa gia đình, cạo bỏ râu tóc, chí cầu phạm hạnh vô thượng, phạm hạnh trọn vẹn thì hiện tại thấy được các pháp, thần thông tự tại, chứng được các hạnh, tự xướng lên: "Ta nay đã đoạn sinh tử, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân đời sau." Các ông phải biết như vậy.

Có kệ:

Năm vị tiên gọi họ của Phật

Thế Tôn ban ân thương họ dạy:
Các ông chớ có ý kiêu căng
Dẹp bỏ ngã mạn, cung kính Ta
Ngã mạn hay không, Ta bình đẳng
Ta muốn chuyển hóa nghiệp các ông
Ta nay thành Phật, hiệu Thế Tôn
Vì các chúng sinh làm lợi ích.

Đức Thế Tôn nói kệ rồi, năm vị Tiên nhân bạch Phật:

–Ngày xưa Trưởng lão Cù-đàm tu hạnh này, cầu đạo này, hành khổ hạnh như vậy mà chưa chứng pháp Thượng nhân, chẳng đồng tri kiến với các bậc Thánh nhân; huống chi ngày nay Ngài giải đãi, đánh mất thiền định, giải đãi buộc chặt lấy thân.

Đức Thế Tôn lại quở trách năm vị Tiên nhân:

–Các ông đã thành Tiên nhân, chớ nói lời như vậy! Như Lai chẳng phải giải đãi, chẳng phải mất thiền định. Ta chẳng phải bị giải đãi trói buộc. Này các Tiên nhân, Ta đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta đã chứng pháp cam lộ. Ta đã được đạo cam lộ. Này năm vị Tiên nhân, các ông nên nhận lời dạy của Ta, nghe pháp của Ta. Này các ông, nếu các ông chịu nghe lời dạy của Ta, Ta sẽ chỉ dạy các ông. Các ông y theo giáo pháp của Ta, chớ nên chống trái, thực hành giáo pháp ấy thì tương lai các ông khỏi thọ thân đời sau.

Năm vị Tiên nhân lại bạch:

–Thưa Trưởng lão Cù-đàm, ngày xưa Ngài tu hành như vậy, cầu đạo như vậy, hành khổ hạnh như vậy mà không chứng pháp Vô thượng, chẳng đồng tri kiến với các bậc Thánh nhân. Cho đến hôm nay bị giải đãi ràng buộc lấy thân!

Bấy giờ, Thế Tôn lần thứ ba bảo năm vị Tiên nhân:

–Này các Tiên nhân, các ông hãy nhớ lại thuở trước, Ta đã từng nói lời dối gạt các ông chưa?

Năm vị Tiên nhân trả lời:

–Thưa Tôn giả, Ngài chưa từng nói dối.

Lúc ấy Đức Thế Tôn đưa lưỡi ra khỏi miệng, đụng đến hai lỗ tai, đến hai lỗ mũi. Chiếc lưỡi phủ kín hai lỗ mũi, rồi dùng lưỡi tự liếm lấy mặt, lại phủ cả mặt. Sau khi phủ mặt rồi, lưỡi thu về vị trí cũ. Sau khi lưỡi đã trở về trạng thái bình thường như cũ rồi, Đức Phật lại bảo năm vị Tiên nhân:

–Này các Tiên nhân, mắt của các ông đã từng thấy, hoặc tai của các ông đã từng nghe: Người vọng ngữ mà có chiếc lưỡi thần thông như vậy không?

Năm vị Tiên nhân đáp:

–Thưa Tôn giả, không có như vậy.

Đức Phật dạy:

–Vì vậy các ông không nên cho Như Lai là giải đãi, Như Lai cũng không mất thiền định, Ta cũng không bị giải đãi ràng buộc. Này các Tiên nhân phải biết: Ta đã thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã chứng pháp cam lộ, đã biết đạo cam lộ, các ông nên thọ lãnh giáo pháp của Ta chỉ dạy. Nghe giáo pháp của Ta, các ông phải y vào pháp ấy mà tu hành không trái giáo pháp của Ta. Nếu có thiện nam tín nữ nào muốn xả tục xuất gia… thì không còn thọ thân đời sau nữa.

Khi Đức Thế Tôn dạy bảo các vị Tiên nhân bằng những lời như trên thì tất cả y phục, hình thức của ngoại đạo, ý nghĩ của ngoại đạo và những gì của ngoại đạo của các vị ấy chất chứa đều bị tiêu diệt hết. Đồng thời y phục trên thân của năm vị Tiên nhân biến đổi thành pháp y, tay bưng bình bát, râu tóc tự nhiên rụng sạch giống như vừa mới cạo cách đây bảy ngày, đầy đủ oai nghi, hình dung giống như vị Tỳ-kheo một trăm hạ. Mọi cử chỉ, oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi đều theo đúng pháp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, tùy theo sức của mỗi người, hãy quán sát phương Đông.

Khi ấy các Tỳ-kheo muốn quán sát phương Đông, mà ngược lại liền thấy phương Tây.

Biết tâm họ, Đức Thế Tôn lại bảo:

–Này các Tỳ-kheo, tùy theo sức của mỗi người, hãy quán sát phương Tây.

Khi ấy các Tỳ-kheo muốn quan sát phương Tây, lại thấy phương Bắc.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy quán sát phương Bắc.

Các Tỳ-kheo muốn quán sát phương Bắc mà ngược lại liền thấy phương Nam.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Này các Tỳ-kheo, hãy quán sát phương Nam.

Các Tỳ-kheo liền thấy phương Bắc.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông hãy quán sát phương trên.

Các Tỳ-kheo liền thấy phương dưới.

Đức Phật lại bảo:

–Này các Tỳ-kheo, các ông hãy quán sát phương dưới.

Ngược lại, họ liền thấy phương trên.

Đức Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông cũng tùy sức mình, quán sát các phương.

Các Tỳ-kheo muốn quán sát các phương, ngược lại, liền thấy phương chính giữa.

Đức Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy quán sát phương chính giữa.

Các Tỳ-kheo muốn quán sát phương chính giữa, ngược lại, liền thấy các phương khác.

Đức Thế Tôn đem lời dạy bảo năm vị Tỳ-kheo, khiến tất cả đều được hoan hỷ, khiến họ tùy thuận, chứng được chân lý, hết sức vui mừng.

Khi ấy năm vị Tỳ-kheo tâm đã được khai ngộ, luôn luôn theo bên Thế Tôn để học hỏi, lắng nghe lời Thế Tôn chỉ dạy, tùy thuận ý Thế Tôn, không còn chống trái, chăm chú lắng nghe lời Thế Tôn, hầu hạ bên mình, không chút xa cách.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 34

Phẩm 37: CHUYỂN DIỆU PHÁP LUÂN (Phần 2)

Bấy giờ Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Không biết chư Phật Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác trong quá khứ ở tại nơi nào thuyết vô thượng vi diệu pháp?" Ngay khi Đức Thế Tôn nghĩ như vậy, vùng đất ở nơi đây bỗng nhiên nổi cao lên khác hẳn các vùng khác.

Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Không biết chư Phật Như Lai Ứng Cúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong quá khứ thuyết vô thượng diệu pháp dưới hình thức nằm hay ngồi?" Khi Đức Thế Tôn nghĩ như vậy, thì ở nơi đấy hiện năm trăm tòa Sư tử cao rộng. Đức Thế Tôn thấy năm trăm tòa này sinh tâm cung kính. Do Đức Thế Tôn cung kính chư Phật thời quá khứ, nên nhiễu quanh ba vòng, khi nhiễu quanh tòa thứ ba rồi, đến tòa thứ tư Ngài liền lên ngồi kiết già trên đó, giống như sư tử không kinh động sợ hãi.

Khi ấy năm vị Tỳ-kheo Kiều-trần-như… liền bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, hy hữu thay! Không biết hôm nay có bao nhiêu Đức Thế Tôn đồng đến thuyết pháp mà có số tòa cao như vậy!

Đức Phật liền bảo năm vị Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nay các thầy phải biết trong hiền kiếp này có năm trăm Đức Phật xuất hiện ở đời, ba Đức Phật qua rồi đã nhập Niết-bàn, nay Ta là Đức Phật thứ tư xuất thế, còn bao nhiêu vị nữa tiếp tục ra đời.

Bấy giờ Đức Phật suy nghĩ: "Không biết chư Phật Như Lai Ứng Cúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong quá khứ thuyết pháp bằng cách chuyển Kim luân, hay Ngân luân, hay Pha lê luân, hay Lưu ly luân, hay Xích châu luân, hay Mã não luân, hay Xa cừ luân, hay Hổ phách luân, hay San hô luân, hay Thất bảo luân, hay Mộc luân?"

Liền khi đó, trong tâm Như Lai tự biết chư Phật Như Lai Ứng Cúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong quá khứ căn cứ vào bốn chân lý và mười hai nhân duyên theo thứ lớp chuyển ba lần pháp luân vô thượng, mà trong thế gian, không có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc Trời,

hoặc Người, hoặc Ma, hoặc Phạm thiên hay một chúng sinh nào có thể chuyển pháp luân không sợ sệt, được tự tại như vậy.

Thuở ấy vào ngày mười hai trong mười lăm ngày đầu thuộc tháng sao Ky, khi mặt trời lên cao quá nửa bóng người, lúc ấy gọi là Tỳ-xa-da *(nhà Tùy dịch là Nan Thắng),* Đức Thế Tôn ngồi mặt hướng về phương Bắc, nhằm giờ sao Quỷ và sao Phòng, Ngài chuyển vô thượng thanh tịnh diệu pháp luân, mà tất cả các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên ở trong thế gian không thể thuyết được pháp luân như vậy. Lấy ngày sao Phòng thuyết pháp, thuyết pháp thì không có chướng ngại, theo thế tục nên lấy ngày này.

Đức Thế Tôn bảo năm vị Tỳ-kheo, những âm thanh mà Như Lai nói ra đều là khéo dạy bảo khéo an ủi giáo hóa mà không khuyết điểm; lời dạy cung kính không trắc ẩn, không dua nịnh, không hoa mỹ mà cũng không thô lỗ, không ủy mị, không cộc cằn; lời nói hòa nhã êm dịu khiến người nghe pháp sinh thiện nghiệp; lời nói không nhanh không chậm; lời nói không ngăn ngại chân chánh vi diệu; khéo léo rõ ràng, lưu loát trôi chảy làm vừa lòng người. Lời nói không cấu trược, không bị phá hoại; không ai sánh bằng, lời nói thanh tịnh không ô nhiễm, từ xưa đến nay thường hỷ xả không hẹp hòi; không sai lầm; lời nói không câu chấp, trong sáng khoan dung; lời nói không vụng về lắp bắp; lời nói không yếu hèn có công năng làm chúng sinh sinh tâm an lạc, lời nói làm tất cả thân chúng sinh cảm thấy tươi mát; lời nói có năng lực đoạn tâm ái dục, sân nhuế, ngu si của tất cả chúng sinh; lời nói có công năng thu phục các ma, hay phá các tội, thu phục tất cả ngoại đạo. Âm thanh của Đức Thế Tôn có năng lực giáo hóa chúng sinh. Tiếng nói của Đức Phật giống như tiếng trống, tiếng Phạm thiên, tiếng chim Ca-lăng-tần-già, tiếng Đế Thích, tiếng hải triều âm, tiếng động đất, tiếng núi Côn lôn, tiếng chim Khổng tước, tiếng chim Câu-sí-la, tiếng chim Mạng mạng, tiếng Nhạn chúa, tiếng chim Hạc, tiếng Sư tử chúa loài mãnh thú. Tiếng Phật giống như tiếng các nhạc cụ không hầu, tỳ bà, đàn tranh, sáo…

Ai nghe được lời chỉ dạy rõ ràng của Đức Phật, đều hoan hỷ ưa thích muốn nghe.

Lời nói của Đức Phật vi diệu thậm thâm không một chút khuyết điểm, làm cho chúng sinh phát khởi căn lành, người nghe đều được lợi ích; lời nói của Phật văn nghĩa rõ ràng, câu văn sáng sủa, nghĩa lý thâm thúy, là pháp tạng chân thật; lời nói hợp thời tiết, hợp căn cơ, không trao lời không đúng lúc, biết căn tánh chúng sinh, câu văn thuận pháp, dùng

các pháp bố thí để trang nghiêm, trì giới thanh tịnh, chịu đựng nhẫn nhục, tinh tấn dũng mãnh, các thiền tịch định, thần thông phấn tấn, trí tuệ phân biệt các pháp thiện ác thế gian, lòng từ thành tựu an lạc, lòng bi không thấy mệt nhọc, xa lìa hoan hỷ xả ly, thành lập Tam thừa, nối truyền Tam bảo, phân biệt ba tụ, ba cửa giải thoát thanh tịnh, lời răn dạy chân thật vô lượng vô biên, kẻ trí vui mừng, Thánh nhân vừa ý, giống như hư không ở khắp bao gồm tất cả.

Đức Thế Tôn dùng tiếng nói như vậy bảo năm vị Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Tỳ-kheo xuất gia luôn luôn phải xả bỏ hai việc thế gian. Hai việc xả bỏ đó là gì?

Điều xả bỏ thứ nhất là hưởng thọ dục lạc. Phàm ở nơi xóm làng thọ hưởng dục lạc, đó là điều phàm phu ca ngợi. Điều này người xuất gia phải xa lìa.

Điều xả bỏ thứ hai là gây khổ cho thân mình, chịu các khổ đau, không phải là điều Thánh nhân ca ngợi, đối với mình không lợi, đối với người không ích. Đây là điều người xuất gia phải xa lìa.

Rồi Đức Phật nói kệ:

Mau tránh xa nơi tổn hại thân
Cảnh giới các căn phải loại trừ
Nếu xa lìa được hai pháp ấy
Liền chứng Thánh đạo thật cam lộ.

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy phải biết, Ta đã bỏ cái chấp hai bên như vậy, có một Trung đạo mà Ta đã chứng, nên được mở con mắt tuệ, được sinh chánh trí, được tịch tịnh, được các thần thông, được giác ngộ, được quả Sa-môn, được Niết-bàn nên được thành tựu.

Này các thầy Tỳ-kheo, nếu các thầy muốn biết pháp Trung đạo ra ngoài các cõi, như Ta đã chứng để được mở con mắt tuệ, được sinh chánh trí, được tịch định cho đến… Niết-bàn đó là Bát thánh đạo…

Bát thánh đạo gồm có Chánh tri kiến, Chánh phân biệt, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Này các Tỳ-kheo, Trung đạo này Ta đã chứng biết, nên Ta đã mở con mắt tuệ, được sinh chánh trí, được tịch định, được sinh các thần thông, được hiểu biết rõ ràng, được quả Sa-môn, được thành tựu Niết-bàn.

Rồi Thế Tôn nói kệ:

Tám đường chân chánh này là nhân

Khủng bố không còn, sinh tử hết
Tất cả nghiệp chướng đã diệt xong
Vĩnh viễn không tái sinh các cõi.

Bấy giờ Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy chí tâm lắng nghe, có bốn chân lý. Bốn chân lý đó là chân lý về khổ, chân lý về nguyên nhân của khổ, chân lý về diệt khổ, chân lý về sự đạt đạo. Như vậy là bốn chân lý.

Này các Tỳ-kheo, các chân lý về khổ có những tướng trạng như thế nào?

Những tướng trạng khổ đó là: Sinh, già, bệnh, chết, buồn lo, thương nhau bị xa cách, ghét nhau lại gặp mặt, mong cầu không toại ý. Các khổ như vậy gọi là chân lý khổ.

Này các Tỳ-kheo, chân lý về nguyên nhân của khổ gồm có những gì?

Nghĩa là lòng khát ái luôn luôn làm động tâm suy nghĩ phát sinh dục lạc, rồi tư tưởng khắp nơi. Như vậy là nguyên nhân sinh ra khổ.

Này các Tỳ-kheo, chân lý về diệt khổ gồm những gì?

Nghĩa là vứt bỏ, xa lìa lòng khát ái, tư tưởng của tâm đều diệt sạch, không còn sót mảy may, tất cả đều được tịch định. Như vậy gọi là chân lý về diệt khổ.

Này các Tỳ-kheo, chân lý đắc đạo gồm những gì?

Nghĩa là thực hiện tám Thánh đế: Chánh kiến, Chánh phân biệt, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Như vậy gọi là chân lý diệt khổ đắc đạo.

Chân lý về khổ này từ xưa đến nay Ta chưa từng được nghe từ người khác, ngay trong các pháp tự sinh con mắt trí, sinh ý hiểu biết rõ ràng, sinh trí tuệ, sinh thệ nguyện. Chân lý khổ này phải biết như vậy, cho đến… chưa nghe ngay trong các pháp sinh con mắt trí tuệ. Chân lý về Khổ đó đã biết rõ ràng.[3]

Chân lý về nguyên nhân của khổ này, Ta không nghe từ người khác, ngay trong các pháp sinh con mắt trí tuệ… Pháp nguyên nhân của khổ này đều phải diệt. Như vậy cho đến… Nguyên nhân khổ đã diệt sạch.

Chân lý về diệt khổ này, Ta không nghe từ người khác, ngay trong các pháp sinh con mắt trí tuệ. Chân lý về diệt khổ này nay phải chứng. Như vậy cho đến… đã sinh trí tuệ, chứng biết chân lý về diệt khổ rồi.

---

[3]. Bản Phạn ngữ thì lập lại, bản Hán ngữ lược lấy chỗ cốt yếu.

Nguyên nhân khổ như vậy đã diệt rồi sẽ được chân lý về sự đạt đạo. Chân lý này Ta không nghe từ người khác, ngay trong các pháp sinh con mắt trí tuệ, diệt được nguyên nhân khổ, chứng được chân lý về sự đạo, cho đến… sinh trí tuệ trở lại diệt khổ chứng đạo *(bốn chương trên đều lập lại chữ Đạo).*

Này các thầy Tỳ-kheo, bốn chân lý cho đến mười hai hành tướng, Ta thuyết ba lần. Thật sự nếu Ta chưa chứng mười hai hành tướng, thì Ta chưa thành tựu Chánh đẳng Chánh giác, không thể gọi Ta đã giác ngộ hoàn toàn.

Này các thầy Tỳ-kheo, bốn chân lý này, Ta nói ra ba lần, thật sự Ta đã chứng biết mười hai tướng chân lý này, rồi sau đó mới thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy mới gọi Ta đã giác ngộ hoàn toàn.

Này các thầy Tỳ-kheo, Ta lúc bấy giờ sinh chánh trí, chánh kiến, tâm không tán loạn, chính được giải thoát.

Này các thầy Tỳ-kheo, đây là đời sau cùng của Ta, Ta không còn tái sinh trở lại.

Khi Đức Phật nói các pháp như vậy, Trưởng lão Kiều-trần-như ngay tại tòa xa lìa trần cấu diệt hết triền phược, tẩy sạch phiền não ngay trong các pháp được trí nhãn thanh tịnh, tất cả các nguyên nhân của khổ đều diệt sạch. Biết các phiền não diệt rồi, biết các pháp đúng như thật, ví như chiếc áo trắng sạch không chút bụi nhơ, không một vết đen, tùy ý muốn nhuộm màu gì thì thành màu đó.

Đúng như vậy! Đúng như vậy! Kiều-trần-như liền ngay tại chỗ ngồi trừ các trần cấu, diệt sạch các phiền não, được pháp nhãn thanh tịnh, biết đúng pháp như thật.

Lúc ấy, trong hội có sáu muôn Thiên tử cũng lìa các trần cấu, ngay trong các pháp được trí nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng giọng sư tử nói kệ:

Diệu pháp sâu xa không thể tả
Chân như vắng lặng không danh tự
Kẻ chứng trước tiên Kiều-trần-như
Chẳng uổng công Ta đã chứng đạo.

Lại có kệ:

Khi thuyết pháp ấy rất sâu xa
Thế Tôn từ bi hơn tất cả
Pháp nhãn thanh tịnh Trần-như chứng
Ngàn vạn chư Thiên đồng đắc pháp.

Lúc bấy giờ chư Thiên Địa cư nghe Thế Tôn nói những pháp như vậy, đồng thanh hô to:

–Này các vị phải biết, hôm nay Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở nước Ba-la-nại tại vườn Nai, là nơi chư Tiên đời trước ở, Ngài chuyển pháp luân vô thượng mà các Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm thiên, Ma vương… thật không thể chuyển được pháp luân như vậy.

Lại có kệ:

Hay thay Thế Tôn chứng như thật
Vì chúng sinh chuyển pháp luân cam lộ
Căn trì giới, thiền định vững chắc
Tàm quý, tinh tấn là trục, vành
Giảng pháp chân chánh rất sâu xa
Kiến lập pháp luân vượt ba cõi
Hiện nay thuộc thành Ba-la-nại
Ngài đang thuyết pháp tại vườn Nai.

Khi chư Thiên Địa cư xướng lên lời như vậy, tiếng này vang đến cõi trời Tứ Thiên vương. Trời Tứ Thiên vương nghe rồi, lại tiếp tục xướng lên truyền rao thế này: "Ngày nay Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong vườn Nai thuộc nước Ba-la-nại đang chuyển pháp luân vô thượng mà Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm thiên, Ma vương, tất cả trong cõi đời thật không ai thuyết được pháp như thế."

Khi trời Tứ Thiên vương nói lên lời như vậy, thì trời Đao-lợi nghe được. Vua trời Đao-lợi nghe rồi cũng xướng lên lời như vậy, thì trời Dạ-ma nghe được. Trời Dạ-ma nghe rồi cũng xướng lên lời như vậy, thì trời Đâu-suất nghe được. Trời Đâu-suất nghe rồi cũng xướng lên lời như vậy, thì trời Hóa lạc nghe được. Trời Hóa lạc nghe rồi cũng xướng lên lời như vậy, thì trời Tha hóa nghe được. Trời Tha hóa nghe rồi cũng xướng lên lời như vậy, thì trời Phạm thiên vương nghe được. Khi ấy Phạm thiên vương liền nói thế này: "Ngày nay Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang chuyển vô thượng pháp luân tại vườn Nai mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Ma, Phạm ở trong thế gian này thật không thể thuyết được."

Tuần tự như vậy chỉ trong thời gian khoảnh khắc truyền rao lần lên, lời ấy biết khắp cho đến cõi trời Đại phạm.

Khi ấy Đại phạm Thiên vương chủ thế giới Ta-bà nghe lời như vậy, lại dùng Phạm âm xướng lên thế này: "Ngày nay Đức Thế Tôn Như Lai

Ứng Cúng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đang chuyển vô thượng pháp luân tại vườn Nai thuộc thành Ba-la-nại, mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn, Ma, Phạm thật sự không một người nào trong thế gian này, có khả năng thuyết pháp như vậy."

Cứ tuần tự như vậy cho đến trời Hữu đảnh.

Khi Đức Thế Tôn thuyết pháp, lúc ấy tất cả cảnh giới của chư Thiên, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn… đều được chiếu sáng rực rỡ. Có những chúng sinh bị tội báo rất nặng ở giữa hai núi Thiết vi và Đại thiết vi u ám tối tăm, dù mặt trời mặt trăng có ánh sáng như vậy, có năng lực to lớn như vậy, có sức phóng ánh sáng như vậy, có oai thế như vậy, có quyền lực như vậy, mà không chiếu đến nơi đây được, không thể làm sáng tỏ được. Nhưng oai thần của Đức Phật làm khắp nơi đây được chiếu sáng. Chúng sinh ở trong đó được ánh sáng, nên họ đều trông thấy nhau, biết nhau. Họ nói với nhau: "Nơi đây cũng có chúng sinh khác ư?"[4]

Bấy giờ tất cả trăm loại cây cối, thảo mộc trên mặt đất này, đều thuận thời, tùy theo mỗi loại lớn nhỏ, đều tự đâm chồi nảy lộc ra hoa kết quả. Có những cây ra hoa rồi tự nhiên rải trên mình Đức Phật. Trên bầu trời trong sáng không chút bụi mù khói ráng, lại thoáng hiện mây nhẹ tạo thành cơn mưa nhỏ rưới trên mặt đất, trong mát đủ tám thứ công đức. Sau khi mưa tạnh bầu trời trở nên trong sáng, tiếp theo là làn gió mát nhẹ thật là dễ chịu. Bốn phương đều trong sáng không chút bụi mù. Chư Thiên tập trung trên hư không, tấu những bản nhạc trời hòa lẫn lời ca vi diệu, đồng thời rải các loại hoa như hoa Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa; các loại y trời mịn mỏng tuyệt đẹp; các hoa bằng bảy báu vàng, bạc, lưu ly…; vô lượng hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng và hoa sen trắng lớn trên mình Đức Như Lai; rải đi rải lại trên mình Đức Như Lai đủ các loại hương thơm. Chung quanh nơi Đức Như Lai ngồi, vuông vức chừng một do-tuần tràn ngập đủ các loại hoa, không sót một nơi nào. Lại quả đất chấn động sáu cách, động khắp và động đều, rung khắp và rung đều, nổi lên khắp và nổi đều, rống khắp và rống đều, gây cảm giác khắp và đều. Lúc ấy tất cả chúng sinh hết sức khoái lạc, không sợ hãi; không có một chúng sinh nào bị tham dục, sân hận, ngu si, ngã mạn, cống cao làm não hại; không một chúng sinh nào tạo các tội. Nếu có chúng sinh bị bệnh hoạn thì liền hết; nếu có chúng sinh say sưa liền được tỉnh táo; nếu có chúng sinh điên cuồng thì được tâm bình thường; nếu có chúng sinh đui thì được thấy; nếu có chúng sinh điếc thì được nghe; nếu có chúng sinh sáu căn không được hoàn bị thì đều được vẹn toàn; nếu có

---

[4]. Hai câu trên bản Phạn lập lại.

chúng sinh nghèo nàn rách rưới thì được giàu có dư dật; nếu có chúng sinh tiều tụy thì được khỏe mập; nếu có chúng sinh bị giam cầm trói buộc đều được phóng thích; những chúng sinh bị gông cùm xiềng xích thì tự nhiên được tháo gỡ; chúng sinh trong địa ngục liền được hết khổ; loài súc sinh không còn khủng bố; loài ngạ quỷ đói khát được no nê. Nhờ những nhân duyên như vậy Kiều-trần-như được gọi là chứng tri. Bấy giờ Trưởng lão Kiều-trần-như thấy các pháp một cách như thật, vượt qua con đường hiểm phiền não, qua sa mạc phiền não một cách như thật, không còn nghi ngờ, trong tâm quyết định không còn ngăn ngại, đã đạt vô úy, không học từ người khác.

Khi biết các pháp như vậy rồi, Kiều-trần-như từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, con đã vào được trong pháp Phật, Ngài đã độ cho con làm Sa-môn, trao cho giới Cụ túc, con nguyện sống đời Tỳ-kheo.

Bấy giờ Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Thiện lai Tỳ-kheo! Vào trong pháp của Ta, tu phạm hạnh, dứt các khổ.

Khi ấy Trưởng lão Kiều-trần-như thành người xuất gia, được giới Cụ túc. Còn bốn người kia, Đức Phật tùy căn cơ của mỗi người, nói pháp để chỉ dạy.

Năm vị Tỳ-kheo này, có ba vị đi khất thực nơi khác, chỉ có hai vị nhận lãnh lời Đức Phật. Ba người này khi mang vật thực về, cả sáu người cùng ăn.

Hai người không đi khất thực, ở nhà lãnh thọ lời giáo hóa của Như Lai là:

Trưởng lão thứ nhất tên Bạt-đề-lê-ca *(nhà Tùy dịch là Tiểu Hiền).*

Trưởng lão thứ hai tên Bà-sa-ba *(nhà Tùy dịch là Khởi Khí)*.

Hai người này ngay tại chỗ ngồi, xa lìa trần cấu, dứt sạch các kết hoặc, không còn phiền não, đối với các pháp được con mắt thanh tịnh, bao nhiêu kết hoặc phiền não đều được diệt sạch, biết được các pháp vô thường, chứng biết như thật. Ví như áo trắng không một sợi chỉ đen, không có vết nhơ, tùy ý muốn nhuộm màu gì thì thành màu ấy. Đúng như vậy! Đúng như vậy! Trưởng lão Bạt-đề-lê-ca và Trưởng lão Bà-sa-ba ngay tại chỗ ngồi xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, tóm lược… thành người xuất gia, được giới Cụ túc.

Lần lượt như vậy, đến những người khất thực về sau, Đức Thế Tôn cũng như pháp khai thị, y như pháp giáo hóa, y như pháp truyền trao. Những Trưởng lão đó là Ma-ha Na-ma *(nhà Tùy dịch là Đại Danh),* A-sa-du-thời *(nhà Tùy dịch là Điều Mã).*

Tại chỗ ngồi, cả hai đều xa lìa trần cấu, đối với các pháp, được pháp nhãn thanh tịnh.

Đúng như vậy! Như vậy! Hai Trưởng lão Đại Danh và Điều Mã ngay tại chỗ ngồi diệt sạch trần cấu phiền não, chứng biết như thật, thấy được thật tướng các pháp, vượt qua các pháp tướng, tâm không còn nghi ngờ, đạt đến địa vị vô úy, không nghe từ người khác, đã chứng biết pháp Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, ở trước Thế Tôn, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn cho con được xuất gia, cho con giới Cụ túc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo hai vị Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy vào trong pháp của Ta, tu hành thanh tịnh diệt sạch các khổ.

Lúc ấy hai vị Trưởng lão liền đắc giới Cụ túc thành người xuất gia.

Rồi nói kệ:

Tiểu Hiền, Khởi Khí, Kiều-trần-như
Ma-ha Na-ma và Điều Mã
Là người đầu tiên chứng thấy biết
Như Lai đánh trống pháp cam lộ.

Lúc ấy Đức Như Lai bảo năm vị Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, ngày trước do Ta luôn luôn tu chánh niệm, tu chánh hạnh, thành tựu được giải thoát vô thượng chân chánh, chứng biết đầy đủ, nên các thầy phải học và thực tập chánh niệm cùng tu chánh hạnh này, thì các thầy sẽ được giải thoát vô thượng chân chánh một cách thực tiễn và đầy đủ.

Lúc ấy lại có Ma vương Ba-tuần đến bên Đức Phật dùng kệ bạch:

Cù-đàm dục ái trói buộc thân
Tất cả dục lạc cõi trời người
Nay đã bị nó trói buộc chặt
Ta quyết chẳng thả! Này Sa-môn!

Khi ấy Đức Thế Tôn suy nghĩ, biết Ma Ba-tuần nói kệ như vậy nên dùng kệ đáp Ma vương:

Gút ái từ lâu Ta đã mở

Ta lìa ái dục cõi trời người
Gút lớn ái dục Ta mở xong
Huống chi Ta đã thu phục ngươi.

Khi Ma vương Ba-tuần nghe Đức Phật nói bài kệ này, đứng yên lặng suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm biết được ý niệm ta, Sa-môn dòng họ Thích ấy thấy được tâm tánh ta." Ma vương bực tức buồn bã khổ não chẳng vui, liền biến thân mất dạng.

Lúc ấy Đức Thế Tôn lại bảo năm vị Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, nếu biết các sắc không có ngã, thì từ sắc không sinh các tướng hoại diệt, phiền não, sẽ không bị khổ về sắc, phải thấy, phải biết như vậy.

Có sắc như vậy, vì sắc không có ngã. Do vậy, tất cả sắc sinh ra phiền não, sinh ra khổ. Tuy sắc sinh ra khổ não, nhưng sắc cũng không có tánh nhất định. Sắc đã không nhất định, thì cũng không thể mong muốn sắc là có như vậy, cũng không thể muốn sắc là không như vậy.

Sắc đã vậy thì thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết thức cũng không có ngã. Nếu thức có ngã, thức ấy lẽ ra không tạo não hại, không tạo các khổ. Vì thể của thức là không nắm bắt được thì làm sao phải làm cho có như thế này mà cũng không thể mong muốn rằng không có như thế kia.

Vì thức không có ngã, nên thức hay sinh phiền não và các khổ. Do vì thức không có ngã, nên không thể nói là thức có như vậy hay không có như vậy.

Đức Phật lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy nghĩ thế nào, thức là thường hay vô thường?

Năm vị Tỳ-kheo liền bạch Đức Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, Thức là vô thường.

Đức Phật lại hỏi:

–Nếu thức là vô thường thì khổ hay vui?

Năm vị Tỳ-kheo trả lời:

–Thưa Đức Thế Tôn, thức này là khổ.

Đức Phật lại bảo:

–Thức đã là khổ, là vô thường, là hoại diệt, chẳng phải chánh pháp, chẳng phải thường trụ. Nếu người thấy thức được như vậy, mà có thể nghĩ thế này: "Thức là ngã, hay ngã là thức, hoặc ta thấy, ta là đều thuộc về ngã hay không?

Năm vị Tỳ-kheo đáp:

–Thưa Đức Thế Tôn, không phải như vậy.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy phải biết, tất cả các sắc, hoặc sắc quá khứ, hiện tại hoặc vị lai, hoặc trong hoặc ngoài, hoặc to hoặc nhỏ, hoặc trên hoặc dưới, hoặc gần hoặc xa. Đối với những sắc ấy, không thể nghĩ thế này: "Sắc là ngã, ngã là sắc." Đúng vậy! Đúng vậy! Chánh trí như thật cần phải biết như vậy. Đối với tất cả thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, hiện tại, vị lai, trong ngoài, lớn nhỏ, trên dưới, gần xa, không thể nghĩ thế này: "Ngã là thọ, tưởng, hành, thức hay các thứ đó là ngã,… hoặc ta là ngã." Đúng như vậy! Đúng như vậy! Chánh kiến như thật phải biết như vậy.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy phải biết, nếu có bậc Thanh văn đa văn, tư duy quán sát, thấy được như vậy thì họ xa lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Xa lìa được rồi, đối với tất cả thức đó họ không còn ưa thích, đã không ưa thích nên họ được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, họ sẽ sinh trí tuệ biết rằng: "Sinh tử ta đã dứt, phạm hạnh ta đã lập, việc làm ta đã xong, không thọ thân đời sau."

Khi Đức Thế Tôn nói pháp này rồi, năm vị Tỳ-kheo đối với các pháp hữu vi, các lậu diệt sạch, tâm được giải thoát. Ngay lúc ấy, trong thế gian có sáu vị A-la-hán, mà Đức Phật là một và năm vị Tỳ-kheo.

Sau đó, Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết, đây là lần đầu tiên Ta chuyển pháp luân, thuyết pháp, người đầu tiên không trái lại giáo pháp của Ta, Tỳ-kheo Kiều-trần-như là người đứng đầu trong năm vị Tiên nhân.

Năm vị Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói lời này, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, thật hy hữu! Tỳ-kheo Trưởng lão Kiều-trần-như trồng thiện căn gì, do nhân duyên gì Như Lai đầu tiên thuyết pháp vô thượng, không trái chống lại?

Đức Phật nghe lời này, bèn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nên chí tâm lắng nghe! Ta nhớ thời quá khứ cũng tại thành Ba-la-nại này có một người thợ làm đồ gốm.

Thuở ấy, có một vị Bích-chi-phật bị bệnh, vào xóm làng để điều trị mà mùa an cư sắp đến. Vị Bích-chi-phật vì trị bệnh muốn đến ở trọ nhà thợ gốm. Ngài đến nhà thợ gốm nói:

–Thưa Nhân giả, nếu người không từ chối, tôi xin an cư mùa hạ này nơi nhà Nhân giả để trị bệnh được mau khỏe mạnh.

Người thợ gốm với tâm thanh tịnh bạch vị Bích-chi-phật:

–Tốt lắm Đại Tiên! Con vâng lời Ngài, tùy ý Ngài ở, tùy theo khả năng, con sẽ cung cấp bốn sự cúng dường cho Đại Tiên.

Sau đó, người thợ gốm dựng một thảo am cách nhà mình chẳng xa, bài trí các dụng cụ: giường nằm, chổi đuổi muỗi, dầu đèn… để cho Bích-chi-phật an cư.

Một đêm nọ, vị Bích-chi-phật nhập vào định Hỏa Quang. Người thợ gốm thấy ánh lửa lớn, suy nghĩ: "Không biết lý do gì ngọn đèn ấy sáng rực lâu như vậy mà không tắt? Không lẽ thảo am này bị phát hỏa hay sao?"

Lúc ấy người thợ gốm rón rén bước đến thảo am, lén nhìn, thấy vị Bích-chi-phật ngồi kiết già như đống lửa lớn bốc cháy sáng chói, nhưng thân Ngài vẫn an nhiên không bị lửa đốt. Thợ gốm thấy vậy liền nhắm mắt vội vã chạy về. Hôm sau, tín tâm của người thợ gốm tăng gấp bội, vì thấy điều chưa từng có. Tôn giả Bích-chi-phật yên tịnh an cư tại nhà thợ gốm qua một mùa hạ. Người thợ gốm cung cấp bốn sự nhu cầu đều đầy đủ. Thợ gốm còn mời lương y đến trị bệnh, cung cấp thuốc thang đầy đủ, nhưng bệnh của Bích-chi-phật không thuyên giảm. Do thân bệnh nặng nên Ngài qua đời.

Bấy giờ, thấy vị Bích-chi-phật nhập Niết-bàn, người thợ gốm thương tiếc buồn rầu kêu la khóc lóc chẳng vui. Vô số dân chúng nghe tiếng khóc lóc, đồng đến hỏi thợ gốm:

–Này anh thợ gốm, vì cớ gì kêu khóc như vậy?

Người thợ gốm nói về thần thông của vị Bích-chi-phật này, tinh tấn như vậy, trì giới như vậy, thường hành diệu pháp. Ngài bệnh, ông ta có mời lương y đến điều trị nhưng không qua khỏi.

Bấy giờ, có những vị Bích-chi-phật chỉ thiếu một là đủ năm trăm vị, dùng thần thông bay trên hư không, mang theo gỗ chiên-đàn đến làm lễ trà tỳ vị Bích-chi-phật này và an ủi thợ gốm:

–Này Nhân giả, người nên vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân. Vì sao như vậy? Vì người đã cúng dường vị Tiên nhân này. Nhờ công đức ấy, ở đời vị lai người sẽ hưởng lợi ích lớn. Ông có thấy thần thông của chúng ta hay không?

Người thợ gốm đáp:

–Dạ thưa, có thấy.

Các vị Bích-chi-phật bảo người thợ gốm:

–Thần thông của chúng ta hiện ra ngày hôm nay, cũng như thần thông của vị Bích-chi-phật đã tịch. Trong hàng Tiên nhân chúng ta thì vị ấy cao tuổi nhất.

Người thợ gốm lại hỏi các vị Bích-chi-phật:

–Thưa chư Tôn giả, hiện giờ quý Ngài ở đâu?

Các vị Bích-chi-phật đáp:

–Này bác thợ gốm, từ đây đi nữa có một ngôi làng gọi là thành Vương xá. Cách thành này chẳng xa, có một hòn núi tên là núi Tiên ở, chúng tôi đang ở trên đó.

Người thợ gốm lại thưa các vị Bích-chi-phật:

–Lành thay! Mời chư Tiên dùng cơm tại nhà con rồi tùy ý ra đi.

Các vị Bích-chi-phật đều dùng cơm tại nhà của người thợ gốm. Sau khi dùng cơm, các vị nói với người thợ gốm:

–Ở đời vị lai có Đức Phật xuất hiện, ông sẽ ở nơi Đức Phật này phát tâm nguyện cầu giáo pháp, là nhờ công đức phát tâm thanh tịnh ngày hôm nay.

Người thợ gốm nghe rồi liền bạch các vị Tiên nhân Bích-chi:

–Vị thầy trước đây của con là vị già nhất trong các vị Bích-chi, con nguyện cũng vậy. Trong đời vị lai được gặp Đức Phật Thích-ca, được xuất gia ở trong pháp của Ngài, được làm bậc Đại trưởng lão thuộc hàng thượng tọa lớn nhất.

Các vị Tiên nhân nói:

–Lời thệ nguyện này của ông nhất định sẽ được thành tựu.

Sau khi các vị Bích-chi-phật đã xác nhận lời thề của người thợ gốm, liền từ giã bay lên hư không mà đi. Người thợ gốm thấy các vị Bích-chi-phật vận dụng thần thông đi trong hư không, nên đem tâm thanh tịnh chiêm ngưỡng chắp tay, hướng về hàng chư Tiên đảnh lễ.

Người thợ gốm thấy thân Tôn giả Bích-chi-phật đã vào Niết-bàn nên thâu nhặt xá-lợi xây tháp, trang trí bằng những vòng bánh xe đẹp, trong vòng bánh xe có những chiếc linh cùng có phướn bằng lụa sặc sỡ và các loại hoa thơm, xông các bột hương, tô các sáp hương để cúng dường tháp. Ông ta phát lời thệ nguyện: "Nhờ thiện căn này, nguyện đời sau tôi được gặp Đức Thích-ca Như Lai, những giáo pháp của Ngài nói ra, tôi nguyện chứng biết, tôi ở bên Phật, nguyện thành bậc Đại trưởng lão trong hàng Thanh văn."

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, người thợ gốm nọ nay là Đại trưởng lão Tỳ-kheo Kiều-trần-như. Thuở trước, nhờ nhân duyên thiện căn cúng dường Bích-chi-phật, mà nay ở bên Ta là người chứng được giáo pháp nói ra lần đầu tiên. Ta lại xác nhận Tỳ-kheo Kiều-trần-như ở trong hàng chư Tăng là người xuất gia đầu tiên, không trái ý Ta, là người giác ngộ pháp của Ta trước nhất.

□

Phẩm 38: LÝ DO ĐẶT TÊN DA-DU-ĐÀ (THƯỢNG TÁN) (Phần 1)

Thuở ấy, tại nước Ba-la-nại, ngoài thành này chẳng bao xa có một cây Ni-câu-đà tươi tốt, cành lá rậm rạp. Tất cả dân chúng, các vương tử, tể tướng, bá quan, trong và ngoài thành đều đến cây này để cúng tế khấn vái cầu nguyện. Những người đến cầu nguyện nơi cây này, thường nguyện: "Tôi được toại ý, bao nhiêu việc làm của tôi được thành tựu. Nếu việc làm của tôi được thành tựu như ý, tôi sẽ đến cúng tế đền đáp công ân."

Những người này, hoặc trong quá khứ đã trồng thiện nghiệp thanh tịnh, hoặc do sức mạnh của phước đức, nay nhân ấy thành tựu, hoặc do hiện báo, tùy theo tâm niệm lại cho rằng cây này cho họ được mãn nguyện, nên họ đến cúng tế long trọng để báo ân thọ thần. Có người đến cầu nguyện tùy theo sở nguyện cũng được thành tựu.

Có người đến cây này cầu xin con trai hoặc con gái. Những người này do nhân duyên phước đức đời trước nên được con trai hay con gái. Nhưng họ không biết, lại có tâm niệm: "Cây này ban cho ta con trai hay con gái." Do đó, mọi người đến cầu đều tổ chức cúng tế long trọng để đền ân. Vì vậy người đương thời gọi rừng cây này là "Cây thần cầu gì được nấy."

Bấy giờ, trong thành ấy có một trưởng giả rất giàu có tên Thiện Các. Trưởng giả này có nhiều tài sản, thế lực khắp nơi, rất nhiều mục súc: Voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà, la lừa… không thiếu loài nào. Ngũ cốc dư dật, nhiều tôi trai tớ gái, thê thiếp tài giỏi âm nhạc, khách hàng buôn bán, chân châu, hổ phách, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, bạch ngọc, kha bối, vàng bạc, đồng sắt, mọi thứ đều đầy đủ không thiếu gì cả. Tòa nhà trưởng giả giống như cung điện Thiên vương Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Trưởng giả như vậy mà không có con trai con gái, nên thân bằng quyến thuộc nói với trưởng giả:

–Thưa Nhân giả, ngài tự biết mình là nhà cự phú, có nhiều thế lực, nói lược sơ… mọi sự đều được đầy đủ, nhưng Nhân giả không có con cái. Ngoài thành này có một cây thần mệnh danh là "Cây thần cầu gì được nấy." Nếu có đàn ông hay đàn bà đến cầu con trai hay con gái đều được như ý. Trưởng giả không đến cây thần ấy cầu sinh con trai hay con gái. Nếu ngài đến cầu, quyết định sẽ được sinh trai gài, chớ để dòng họ Nhân giả bị đoạn tuyệt.

Khi ấy trưởng giả đáp lại lời các thân tộc:

–Làm gì có việc ấy! Cây cối là loài không tình thức, nếu có khả năng cho người cầu nguyện, được sinh con trai hay con gái thì đó là phi lý! Phàm sinh con trai hay con gái là do nhân duyên tạo nghiệp đời trước của cha mẹ, hoặc nhờ sức mạnh của phước đức mà được trai hay gái, nhưng họ không biết lại nói: "Chúng ta đích thân cầu xin cây này nên được con trai hay con gái." Do mãn nguyện nên họ đến cây thần cúng tế linh đình để báo ân.

Lúc ấy thân bằng quyến thuộc đôi ba phen ân cần khuyến thỉnh trưởng giả:

–Thưa Đại trưởng giả, ngài không thể không tin, thật sự cây thần ban cho ta như nguyện, cho người này sinh con trai, cho người kia sinh con gái. Trưởng giả hãy đến đó tỏ bày tâm nguyện với cây thần, thì cầu nam được nam, cầu nữ được nữ, nhất định không nghi.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 35

Phẩm 38: LÝ DO ĐẶT TÊN DA-DU-ĐÀ (THƯỢNG TÁN) (Phần 2)

Bấy giờ đại phú trưởng giả Thiện Giác bị thân thuộc luôn luôn ân cần cùng nhau nài nỉ cho đến lần thứ ba, tha thiết khuyến dụ, nên trưởng giả cực chẳng đã, phải đem gia nhân cùng các dụng cụ búa rìu lớn, giỏ, cào cỏ, mai, xẻng, dao, cưa… đi đến cây Ni-câu-đà. Đến nơi, trưởng giả đứng trước cây thần nói:

–Này cây phải biết, ta nghe người ta đồn rằng ngươi là cây thần được mệnh danh "Nguyện cầu gì đều được như ý." Người nào đến cầu con trai hay con gái đều được kết quả. Hiện nay, ta không có một mụn con, ta ao ước mà chưa toại nguyện, nay ta đến cây thần nguyện cầu. Nếu cho ta sinh được một cậu con kháu khỉnh, ta sẽ trở lại đây thiết lễ cúng dường để báo đáp. Nếu ngươi không cho ta sinh con trai, ta sẽ dùng búa lớn, mai xẻng, chặt đào tất cả gốc rễ cành cây này, quyết không dung thứ, cho đến những rễ to rễ nhỏ còn sót, ta cũng đào bới tới nơi, hoặc bầm vụn cọng rễ, hoặc chặt chẻ cành nhánh ra từng mảnh, sau khi chặt chẻ đem đi phơi khô từng miếng, rồi dùng lửa đốt thân ông ra tro bụi, sau khi thành tro đem vãi xuống chỗ nước chảy xiết, hoặc đem tro thân ông tung vãi trước ngọn gió mạnh, để thổi tứ tán.

Lúc bấy giờ vị thần nương ở cây này, nghe lời của trưởng giả, hết sức sợ sệt, buồn rầu khổ não chẳng vui. Vị này suy nghĩ: "Thật sự ta không cho những người đến cầu sinh con trai hay con gái, chỉ vì những người đến cầu, do nghiệp nhân của họ, do sức phước đức của họ mà sinh con trai hay con gái. Nhưng mọi người không biết nên nói cây thần ban cho con trai hay con gái. Vì được toại nguyện, nên sau đó họ đến tạ ân." Nghĩ như vậy, thần cây buồn khóc rơi lệ nói:

–Cây này là chỗ của ta ở từ xưa đến nay, nếu trưởng giả không sinh được con chắc chắn người sẽ quyết định phá nát cây này.

Vị thần nơi cây Ni-câu-đà thường phụng sự trời Đế Thích, nên vội vã đến gặp Thiên chủ Đế Thích nơi cung trời Đao-lợi. Đến nơi, thần cây quỳ mọp trước Đế Thích tâu lên y những lời thiện ác phước họa của trưởng giả cầu con nói ở trước:

–Lành thay! Thưa Thiên chủ, cúi xin Đại thiên dùng phương tiện trí tuệ cấp tốc sớm cho trưởng giả sinh một cậu con trai kháu khỉnh, đừng để cây này của con bị tàn phá.

Lúc ấy Đại vương Thiên chủ Đế Thích bảo Thọ thần:

–Này Thọ thần chớ nói lời như vậy. Vì cớ sao? Vì ta cũng không thể vì người thế gian mà quyết định cho họ sinh con trai hay con gái. Những người ấy có con trai hay con gái là do nhân làm phước của họ. Này Thọ thần, lý ấy tuy nhiên như vậy, phải nhẫn nại một chút thử xem, chớ nên ưu sầu khổ não, ta sẽ quán sát vị trưởng giả kia có nhân duyên gì chăng?

Đế Thích liền quán sát thấy cõi trời Đao-lợi có một Thiên tử tướng ngũ suy hiện ra, biết chắc chẳng bao lâu sẽ đọa trần gian.

Tướng ngũ suy hiện ra là:

1. Hoa đẹp trên đầu bỗng nhiên úa vàng.

2. Ở dưới nách bỗng nhiên đổ mồ hôi.

3. Y phục dính bụi bặm chẳng sạch.

4. Thân thể tự biến đổi, mất hào quang.

5. Bỗng nhiên không ưa thích giường bằng ngọc đẹp đẽ là nơi mình nằm mà lại bỏ đi đây đó.

Lúc đó Thiên chủ Thích Đề-hoàn Nhân bảo Thiên tử:

–Này Thiên tử, may mắn thay! Nếu người biết phải lúc, người có thiện duyên, đã trồng các nhân lành, thường không phóng dật, cẩn thận biết sợ tội, không có tội lỗi, không tạo các điều sai trái, lại cũng chưa từng tạo các ác nghiệp sâu nặng, cho đến tật đố. Người sẽ rời bỏ chốn này, quyết định sinh trong một nơi tốt đẹp dưới trần gian.

Vị Thiên tử bạch Đế Thích:

–Tôi muốn biết nơi ấy?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Ở hạ phương cõi Diêm-phù-đề có một thành lớn tên Ba-la-nại, thành này có một vị đại trưởng giả tên Thiện Giác, gia đình trưởng giả giàu có, rất nhiều của cải, có nhiều thế lực, không có gì thiếu hụt, nhưng không có con, Thiên tử nên phát tâm đến thành Ba-la-nại làm con trưởng giả.

Vì vị Thiên tử này trong đời quá khứ làm thân Thiên tử, trồng các căn lành, tạo nhân duyên giải thoát sinh tử, bỏ phiền não hướng về Niết-bàn, không thọ sinh trong các hữu vi nơi tam giới. Nên sự tái sinh một lần nữa của Thiên tử là muốn dứt sạch hữu lậu, muốn chứng Thánh đạo, nên Thiên tử thưa:

–Thiên vương hoàn hảo! Tôi nay không muốn sống ở gia đình để thọ hưởng dục lạc thế gian. Lại nữa chẳng bao lâu Đức Đại Sĩ Hộ Minh Bồ-tát sẽ từ cung trời Đâu-suất giáng thần xuống cung vua Tịnh Phạn thuộc dòng họ Thích thành Ca-tỳ-la, vào thai bằng hông bên phải của Đại phu nhân. Đủ tháng Ngài sinh ra và sau đó rời bỏ vương vị mà xuất gia, chứng Vô thượng Bồ-đề. Sau khi đắc đạo, Ngài sẽ chuyển pháp luân vô thượng. Ý tôi muốn tu hành phạm hạnh ở chỗ bậc Bồ-tát ấy. Nhưng trưởng giả kia có nhiều tài sản quý giá, nhiều thế lực, đầy đủ không thiếu gì cả. Vả lại, gia đình như vậy là nơi phóng dật, nên ý tôi không muốn sinh vào nhà ấy.

Thiên chủ Đế Thích bảo vị Thiên tử:

–Ngươi chỉ cầu mong sinh vào nhà ấy. Không lâu nữa, Bồ-tát Hộ Minh sẽ thành Chánh giác, rồi chuyển pháp luân vô thượng. Khi ấy ta sẽ tạo thiện duyên đầy đủ cho ngươi xuất gia và cũng giúp đỡ cho việc xuất gia của ngươi.

Vị Thiên tử nói với Đế Thích:

–Lành thay! Thưa Thiên vương, nếu lúc ấy ngài giúp đỡ cho tôi có điều kiện phát tâm và được xuất gia thì tôi sẽ sinh vào nhà ấy.

Thiên chủ Đế Thích bảo thần cây Ni-câu-đà:

–Này thần cây hiền thiện, đã đến lúc, ngươi hãy báo cho trưởng giả ấy biết với lời thế này: "Lành thay trưởng giả! Theo lời cầu xin của ông, không bao lâu nữa sẽ sinh được một bé trai đẹp, sau đó không lâu sẽ xuất gia làm Sa-môn."

Nghe lời của Đế Thích, vị thần cây vô cùng vui mừng, vội đến nhà trưởng giả, ẩn thân trên không trung, bảo:

–Rất tốt! Này trưởng giả, chắc chắn ông sẽ sinh một bé trai xinh đẹp, có phúc đức trí tuệ. Nhưng khi sinh ra rồi, chẳng bao lâu nhất định sẽ xuất gia làm Sa-môn.

Khi ấy, trưởng giả thưa thọ thần:

–Lành thay Thiên thần! Tôi chỉ mong được sinh con, sẽ dùng phương tiện ngăn không cho nó xuất gia làm Sa-môn.

Thiên tử ấy từ cung trời Đao-lợi giáng xuống trần gian đầu thai vào bụng của vợ Đại trưởng giả. Khi người vợ trưởng giả biết mình mang thai, liền nói với trưởng giả:

–Này trưởng giả, rất tốt đẹp! Hãy vui mừng vì thiếp đã mang thai.

Khi trưởng giả nghe vợ mình báo tin như vậy, liền vì vợ sắm đủ thứ tiện nghi: giường nằm thật đẹp, mền chăn tuyệt hảo, trang hoàng lộng lẫy, người hầu hạ rành nghề, thức ăn cao lương mỹ vị, phục sức hàng hảo hạng…, cung cấp cho phu nhân, mặc tình nàng sử dụng.

Khi ấy bên ngoài bốn cửa thành Ba-la-nại, nơi ngã tư đường đông người qua lại trưởng giả lập hội Vô giá, hễ có ai cầu xin thức ăn cho thức ăn, xin nước uống cho nước uống, xin tràng hoa cho tràng hoa, xin hương cho hương, cần sáp thơm cho sáp thơm, cần đồ nằm cho đồ nằm, cần đồ nuôi dưỡng thân… tất cả đều được cung cấp đầy đủ. Lúc bấy giờ bao nhiêu tài vật trong nhà đều thâu cất vào kho, tất cả quán rượu và lò sát sinh đều giải tán.

Khi vợ trưởng giả mang thai chín đến mười tháng, thai nhi đã đầy đủ, hạ sinh một bé trai hết sức khả ái khỉnh thật dễ thương trong thế gian ít có người thứ hai, thân thể màu vàng giống như thỏi vàng, đầu tròn trịa giống như chiếc lọng, như chim Anh võ, cánh tay duỗi dài, chi tiết trên người đều xinh đẹp, sáu giác quan toàn vẹn, bắp thịt mềm mại giống như khối bơ. Sau khi cậu bé chào đời, tự nhiên xuất hiện một chiếc lọng bằng bảy báu tuyệt vời, che trên thân hài nhi. Bấy giờ mọi người thấy vậy đều lớn tiếng nói:

–Thật kỳ lạ! Từ xưa đến nay chưa từng thấy!

Lúc ấy vị trưởng giả vì đồng tử thuê bốn bà vú: Một bà bồng bế, một bà tắm rửa, một bà cho bú mớm, một bà làm trò vui. Sau khi đồng tử sinh ra, trưởng giả lập hội Vô giá *(như đã nói ở trên)* ở đầu các ngã đường ngoài bốn cửa thành, lại nhóm họp quyến thuộc nội ngoại thưa:

–Tôi sinh được một cháu trai như vậy, xin quý vị đặt tên cho cháu bé.

Họ hàng quyến thuộc cùng nhau bàn luận: "Đứa trẻ này khi mới sinh, tự nhiên xuất hiện một chiếc lọng bằng bảy báu che trên người. Vì sự việc này tiếng đồn khắp tất cả mọi nơi." Do vậy, đứa bé được tên là Da-du-đà *(nhà Tùy dịch Da-du-đà là Thượng Tán).* Thượng Tán sống bên cha mẹ, vì là con một nên cha mẹ rất thương yêu chẳng rời một chút, mắt luôn luôn theo dõi sự nuôi dưỡng hàng ngày, làm cho cậu ta lớn lên như ý muốn.

Có kệ:

Người đầy phước đức mau khôn lớn
Như hạt mọc ở đất phì nhiêu

Bạc phận thiếu duyên không nơi dựa
Giống tợ cây con trồng đầu đường.

Đồng tử lần lần biết đi, biết chạy lớn khôn, sau đó y gia pháp học tập các nghề, như là văn chương, toán số, ấn lý, xuất của cho người, thu nạp của bên ngoài, trao đổi buôn bán, nhuộm các màu sắc, cắt may y phục, phân biệt các loại hương thơm biết rõ ngũ cốc, bảy loại ngọc quý và bảo vật. Tất cả đều lão luyện, thông suốt các nghề, thông minh lanh lợi, đều vẹn toàn, không ai sánh bằng. Khi đến tuổi trưởng thành, anh ta thích ở riêng.

Bấy giờ trưởng giả vì con xây ba tòa nhà: Một tòa để nghỉ trong mùa đông; một tòa để nghỉ trong hai mùa xuân, thu; một tòa để nghỉ trong mùa hạ. Tòa nhà nghỉ về mùa đông hoàn toàn ấm áp. Tòa nhà nghỉ về mùa hạ hoàn toàn gió mát. Tòa nhà nghỉ về hai mùa xuân, thu, được xây dựng ở nơi không nóng không lạnh.

Những dụng cụ trang trí trong ba tòa đều bằng vật quý, những thức ăn uống ngon ngọt rất thích khẩu vị, y phục toàn bằng hàng tốt đẹp, lại bày biện các thứ phấn sáp hương thơm, chọn những cô gái nhan sắc kiều diễm dễ thương, để giúp vui cho đồng tử. Trong cung ấy, mặt trước tòa nhà chính đều có cầu thang, mỗi cầu thang đều có năm trăm người, bày năm trăm bậc thang quý báu, sáng sớm thì bày ra chiều tối thu dọn mang đi. Chung quanh mỗi tòa nhà đều bố trí năm trăm người, bảo vệ mặc chiến giáp kiên cố, tay cầm đủ loại binh khí: dao, gậy, thiết luân, chĩa ba, giáo mác… để canh phòng, vì sợ đồng tử Thượng Tán thình lình bỏ nhà xuất gia. Các cửa ngõ ra vào trong cung đều có cánh cửa chốt khóa kiên cố. Mỗi khi đóng hay mở các cửa này, tiếng động vang đến nửa do-tuần.

Thuở ấy, đồng tử Thượng Tán ở trong nhà ấy tiêu dao vui đùa, thọ hưởng đầy đủ năm thứ dục lạc.

Khi Thế Tôn lần đầu tiên ở thành Ba-la-nại chuyển vô thượng pháp luân, thì vua trời Đế Thích giáng xuống trong cung điện đồng tử Thượng Tán, đến nơi thức tỉnh đồng tử:

–Này Nhân giả Thượng Tán, đã đến lúc, không bao lâu nữa quyết phải xuất gia.

Đồng tử Thượng Tán khi nghe lời kêu gọi của vua trời Đế Thích, im lặng nhận lời. Sáng sớm hôm sau, sai người đánh xe ngựa giỏi đi đến vườn cây, để ngắm nhìn chỗ đất xinh đẹp.

Buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y, mang bình bát ung dung đi vào thành Ba-la-nại khất thực, với Trưởng lão Điều Mã làm thị giả. Đồng tử Thượng Tán từ xa trông thấy Đức Như Lai đi về phía trước, dáng đi trầm lặng, oai

nghi đoan chánh, thân thể đầy đủ, các tướng trang nghiêm, giống như bầu trời ban đêm đầy các vì sao sáng. Thấy rồi, chàng sinh tâm thanh tịnh vui mừng, do trong tâm hoan hỷ thanh tịnh, Thượng Tán bước xuống xe đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đi quanh Đức Phật ba vòng, nhiễu xong lên xe mà đi. Đồng tử Thượng Tán được gặp Đức Phật và ra đi trong thời gian ngắn.

Khi ấy, thấy được tâm đồng tử thanh tịnh, Đức Phật mỉm cười tỏa ra ánh sáng. Bấy giờ Trưởng lão Điều Mã sửa y, trịch áo vai bên phải, đầu gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Như Lai bạch:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thế Tôn, do nguyên nhân gì Ngài mỉm cười phóng ánh sáng?

Đức Phật bảo:

–Này Tỳ-kheo, thầy có thấy đồng tử Thượng Tán đến đảnh lễ dưới chân Ta, đi quanh ba vòng, rồi lui bước lên xe hay không?

Điều Mã bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, con có thấy.

Đức Phật lại bảo:

–Thầy nên lắng nghe, Đại thiện nam tử Thượng Tán này, đêm nay nhất định bỏ nhà xuất gia, đến xin Ta làm Sa-môn, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán.

Khi ấy đồng tử Thượng Tán vào trong khu vườn ngắm nhìn chỗ đất xinh đẹp, đi tản bộ. Lúc ấy Đế Thích dùng sức thần thông biến ra một thây đàn bà chết, sình chương to gần rã nát, bị các thứ côn trùng ruồi giòi rúc rỉa khắp thân. Đồng tử thấy tử thi hôi thúi tan rã, nên sinh tâm nhờm gớm tự nghĩ: "Cái thân thúi rã này, không có gì đáng vui thích để tham đắm phóng dật! Tại sao ở trong đó tưởng là khoái lạc, nay đã tan rã." Đồng tử liền nói lên:

–Ta nay không ham thích khoái lạc xú uế như vậy, muốn trở về nhà.

Sau khi Thượng Tán ra khỏi khu vườn, về tại cung điện của mình. Đầu hôm đêm ấy, khi chàng sắp ngủ, trời Đế Thích dùng sức thần thông khiến các cô gái đẹp đều ngủ say, mà trong nhà chỗ nào cũng thắp đèn, ngọn đèn to như cánh tay, chiếu khắp mọi nơi trong nhà, ánh sáng không gián đoạn.

Vào đêm ấy, Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Đêm nay Đại thiện nam tử Thượng Tán nhất định dũng mãnh bỏ nhà xuất gia, cầu làm Sa-môn." Nghĩ như vậy, Ngài đến sông Ba-la-na *(nhà Tùy dịch là Đoạn Trừ)*, vượt qua sông đến bờ bên kia, tự lấy cỏ làm tòa, sau khi trải tòa rồi, ngồi kiết già trên

đó. Vì lòng Từ bi thương tưởng đến Thượng Tán, nên Ngài muốn ngủ ở đây một đêm.

Đêm đó, đồng tử Thượng Tán đang ngủ say, bỗng nhiên thức giấc, thấy mọi nơi trong nhà thắp nhiều ngọn đèn sáng lớn và các cô gái đẹp đang ngủ say. Có nàng cổ gác trên chiếc trống nhỏ, có nàng cặp nách chiếc đàn sắt hay tỳ bà, có nàng cặp nách ngũ huyền cầm, có nàng ôm lấy đàn không hầu, có nàng ôm lấy chiếc trống, có nàng ôm lấy những nhạc cụ khác như ống địch, ống sáo…, có nàng để lộ bán thân thở khò khè mà ngủ, có nàng xõa tóc, nằm nghiêng mà ngủ, có nàng chảy ra những bất tịnh như mũi, dãi… mà ngủ, có nàng nghiến răng mà ngủ, có nàng úp mặt mà ngủ, có nàng ngửa mặt mà ngủ. Đồng tử Thượng Tán thấy các cô gái nằm ngủ ngổn ngang dưới đất, giống như thây chết. Thấy rồi, đồng tử ghê tởm xa lìa, lại tưởng đến cái vui Niết-bàn, ý hướng đến Niết-bàn đã được phát sinh. Đồng tử suy nghĩ: "Nơi đây là chỗ khủng bố lớn! Nơi đây thật là nhiễu loạn chẳng an!"

Đồng tử Thượng Tán thấy vậy, từ giường nằm ngồi dậy, chân xỏ vào đôi giầy da được nạm bằng ngọc quý, đáng giá hai trăm ngàn. Mang giày rồi, đồng tử thầm nghĩ từ nền nhà bước xuống sân không có cầu thang, liền khi ấy Đế Thích hiện chiếc cầu thang bắt trước nhà, thân Đế Thích tỏa ánh sáng khắp nhà.

Lúc ấy đồng tử Thượng Tán theo ánh sáng ra khỏi nhà, dần dần đi đến phòng của cha và phòng các thể nữ. Đến trong phòng thấy cha mình đang nằm ngủ, dùng dầu thật thơm làm đèn thắp sáng, tim đèn lớn như cánh tay, đặt mọi nơi dưới đất và bên cái trụ. Chàng nhìn sang thể nữ, thấy chúng ôm lấy các nhạc cụ nằm ngủ say… giống như tử thi ngoài bãi tha ma *(như đã nói ở trên).* Thấy vậy đồng tử rất nhàm chán… đến nỗi hết sức sợ sệt.

Thượng Tán rời khỏi phòng phụ thân tiến lần đến cửa ngoài, thấy cửa đóng, chốt khóa kiên cố, mà mỗi khi mở cánh cửa thì tiếng động vang đến nửa do-tuần. Khi ấy Đế Thích vội vã mở cửa, làm cho không phát sinh tiếng động, vì sợ làm trở ngại việc xuất gia của đồng tử.

Khi Thượng Tán ra khỏi nhà đi đến cửa lớn của thành, cửa này được gọi là Bạt-đà-la-bà-đề *(nhà Tùy dịch là Hiền Chủ),* thấy cửa thành Hiền chủ đóng khóa cẩn thận, mở cửa tiếng động cũng vang xa nửa do-tuần. Khi ấy Đế Thích trong thời gian ngắn, mở được cửa này, không làm người khác nghe được tiếng động. Đế Thích nghĩ rằng: "Chớ có để người làm trở ngại sự xuất gia của Thượng Tán."

Thượng Tán ra khỏi thành này, lần lần đi đến sông Ba-la-na. Lúc ấy nước sông bỗng nhiên dâng cao tràn ngập đến bờ sông, tất cả các loài chim uống nước không phải cúi đầu. Khi ấy Đế Thích thâu mất ánh sáng. Thượng Tán đến dừng lại bên bờ sông, than: "Tai hại to lớn này, ôi thật khủng khiếp!"

Khi ấy Đức Thế Tôn đang đi kinh hành tại khoảng đất trống bên kia bờ sông. Vì thương đồng tử nên thân phóng hào quang, Ngài đưa cánh tay sắc vàng hướng về phía Đồng tử vẫy tay nói:

–Lành thay đến đây! Lành thay đến đây! Này Thượng Tán, nơi đây không có hoạn nạn, nơi đây không có sợ sệt, nơi đây an lạc, nơi đây tự do.

Có kệ rằng:

Như Lai biết rõ tâm đồng tử
Ngài cất tiếng gọi như thế này:
Đồng tử Thượng Tán người lại đây
Đi đường Niết-bàn không sợ sệt.
Thế Tôn không gì mà chẳng thấy
Thế Tôn không gì mà chẳng biết
Do vậy nên biết tâm niệm người
Nên nói Thế Tôn đủ các minh.

Khi Thượng Tán nghe Đức Thế Tôn nói như vậy, trút hết nỗi lo khổ âu sầu, tâm được an tịnh. Ví như lữ hành đi trong mùa hạ, bị nắng đốt, thêm đói khát khổ cực vô cùng, bỗng nhiên gặp được ao nước trong mát, người này vào ao uống nước và tắm rửa, tất cả các khổ nóng bức đều tiêu tan. Đúng vậy! Đúng vậy! Đại thiện nam tử Thượng Tán này nghe được lời an ủi của Đức Phật, tất cả ưu tư khổ não đều tiêu diệt, tâm được an định.

Bấy giờ Đại thiện nam tử Thượng Tán hớn hở vui mừng vô cùng, tràn ngập toàn thân không thể tự chế, cởi bỏ đôi giầy da nạm quý báu trị giá hai trăm ngàn, lội xuống sông Ba-la-na, giống như người khạc nhổ đàm dãi, không chút luyến tiếc quay lưng bỏ đi. Đúng vậy! Đúng vậy! Đồng tử vứt bỏ đôi giày cũng lại như vậy. Khi đồng tử lội qua sông, lúc ấy nước sông cạn thấp.

Đồng tử Thượng Tán sau khi lội qua sông, đến được bờ bên kia rồi, trông thấy Đức Thế Tôn oai đức đoan nghiêm, dung mạo đẹp đẽ, các căn tịnh tĩnh, tâm ý chánh định, cho đến ba mươi hai tướng tốt hết sức trang nghiêm, giống như bầu trời ban đêm đầy tinh tú. Thấy rồi, chàng sinh tâm thanh tịnh hoan hỷ, hướng đến trước Đức Phật đầu mặt đảnh lễ sát chân Ngài, rồi lui đứng về một bên.

Đức Thế Tôn thấy Thượng Tán lui đứng về một bên rồi liền tuần tự thuyết các pháp như bố thí, trì giới luật, lại nói pháp nhân duyên sinh vào cõi trời, các tội khổ của ngũ dục, các lậu hoặc chưa hết thì còn sinh phiền não, tán thán pháp xuất gia thanh tịnh. Đức Thế Tôn biết đồng tử đã sinh tâm hoan hỷ nhu hòa, không chướng ngại, nên có thể thọ lãnh các pháp này. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đem lời hoan hỷ, chân thật thuyết pháp về bốn chân lý Khổ, Tập, Diệt và Đạo… cho đồng tử nghe.

Đức Phật thuyết những pháp như vậy, đồng tử Thượng Tán ngay tại chỗ ngồi lìa trần cấu, diệt sạch phiền não. Sau khi diệt sạch phiền não rồi, đối với các pháp sinh pháp nhãn tịnh, bao kết hoặc đều được tiêu trừ, biết các pháp đúng như thật, như áo trắng sạch không chút nhơ, rất dễ nhuộm màu. Đúng vậy! Đúng vậy! Thiện nam Thượng Tán ngồi ngay tại chỗ lìa trần cấu, hết các phiền não… đối với tất cả các pháp đều biết như thật.

Nói về vợ đồng tử Thượng Tán, đêm ấy thức dậy nằm trên giường bỗng nhiên không thấy chồng mình. Nàng nghĩ đến đồng tử càng thêm khát ngưỡng ân ái nhớ mong, nên vội vã đến báo tin cho mẹ chồng:

–Thưa thánh mẫu, mẹ có biết Thượng Tán, ái tử của mẹ đang ở đâu chăng? Đêm hôm, con mới thức giấc bỗng nhiên không thấy đồng tử, không biết chàng đi đâu?

Thánh mẫu nghe như vậy, vì lòng thương yêu nghĩ nhớ đến con, nên kêu khóc thảm thiết. Bà ta vội vã chạy đến chỗ đại trưởng giả cha của Thượng Tán, đến nơi thưa:

–Thưa đại trưởng giả, nay ngài có biết ái tử của ngài ở đâu chăng?

Bà thuật lại tất cả lời của nàng dâu mới thưa. Trưởng giả nghe nói trong cung mất Thượng Tán, vì lòng thương nhớ con, liền bảo các sứ giả:

–Các ngươi phải cấp tốc đi đến các nơi, chỗ của hàng trí thức, nhà toán số, nơi sòng bạc, các thanh lâu, tìm kiếm con ta đem về đây.

Lúc ấy sứ giả đi đến ngã tư đường trong thành Ba-la-nại rung linh rao lên:

–Nếu có ai đến báo với ta: "Tôi thấy Thượng Tán, tôi biết chỗ và làm việc của Thượng Tán" để ta thấy được và tìm biết được Thượng Tán, sẽ ban cho người này vật có giá trị trăm ngàn.

Vào cuối đêm đó, trưởng giả ra lệnh mở cửa thành, cho sứ giả cấp tốc đi loan tin khắp mọi nơi: "Này mọi người ngoài thành, mau mau đi tìm Thượng Tán cho ta."

Đêm ấy trời vừa mờ sáng, vị trưởng giả, thân phụ Thượng Tán, đang ưu sầu khổ não, kêu khóc lệ trào, vội vã đi về cửa thành Bạt-đà-la-đề. Khi ra khỏi cửa thành, trưởng giả đi tới phát hiện được dấu chân giày da của đồng tử, rồi lần theo dấu chân giày, tận cùng dấu chân giày thì thấy đôi giày da giá trị hai trăm ngàn để bên bờ sông. Trưởng giả an tâm phần nào, thầm nghĩ: "Thượng Tán đứa con yêu dấu của ta, hiện nay có lẽ chưa chết."

Ông ta thở phào nhẹ nhõm, suy nghĩ: "Nếu con ta chết thì đôi giày có lẽ mất từ lâu." Khi thấy được đôi giày da, trưởng giả chẳng quan tâm đến, bỏ đó mà đi, giống như người ta thấy đờm dãi, không nghĩ tưởng, vội vàng đi qua. Đúng vậy! Đúng vậy! Thân phụ thiện nam tử Thượng Tán thấy đôi giày da làm bằng bảy báu, bỏ lại đi qua, vội vã lội qua sông Ba-la-na đi tìm đồng tử.

Lúc ấy Đức Thế Tôn ở trên bờ sông trông thấy thân phụ thiện nam tử Thượng Tán đang đi hướng về mình.

Thấy rồi, Đức Thế Tôn liền nghĩ: "Thân phụ thiện nam tử Thượng Tán này đã đến đây tìm con, do vì lòng thương nhớ, sẽ vội vàng ôm lấy thân thiện nam tử Thượng Tán mà không để ý gì đến tốt xấu. Vậy Ta có thể vận dụng thần thông biến hóa làm cho thân phụ thiện nam tử Thượng Tán chỉ ở tại chỗ nhìn thấy đồng tử, mà không thể nào đụng đến đồng tử được."

Khi thân phụ thiện nam tử Thượng Tán trông thấy Đức Thế Tôn oai nghi tề chỉnh, đẹp đẽ thật dễ mến… như trên hư không các vì tinh tú tô điểm vầng nhật nguyệt, thì rất hoan hỷ. Khi đó trưởng giả đến bên Đức Phật, bạch Phật:

–Lành thay! Lành thay! Đại Sa-môn có thấy Thượng Tán con tôi đến đây không?

Đức Phật bảo trưởng giả:

–Này Đại trưởng giả, nếu ngài vui lòng an tọa trong giây lát, chẳng bao lâu ngài sẽ thấy được Thượng Tán.

Nghe Đức Phật nói, trưởng giả thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có lẽ không nói dối, lời nói chân thật", nên vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân không thể tự chế, liền đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui về một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì trưởng giả nên dùng phương tiện tuần tự thuyết pháp như thật, như thuyết pháp bố thí, làm cho các pháp kết sử của vị ấy đều diệt sạch, biết các pháp đúng như thật, ví như chiếc áo trắng sạch dễ nhuộm các màu… Đúng như vậy! Đúng như vậy! Trưởng giả liền ngay tại chỗ ngồi, xa lìa trần cấu, biết các pháp đúng như thật, đối các pháp chứng pháp nhãn thanh tịnh, qua khỏi biển phiền não sinh

tử, vượt các chướng ngại, tâm nghi không còn, chứng được vô úy, không phải nghe giáo pháp từ người khác mà từ nơi Đức Phật, rồi thọ ba pháp quy y: Phật, Pháp, Tăng và thọ năm cấm giới.

Bấy giờ ở trong loài người, đại trưởng giả Thiện Giác là vị Ưu-bà-tắc đầu tiên. Với ba lần bạch liền thành tựu ba pháp quy y là thân phụ thiện nam tử Thượng Tán này. Trong khi nghe Đức Phật thuyết pháp, vị ấy chứng biết như vậy, quán hạnh như vậy, đắc đạo tích như vậy, thấy các kết lậu dứt sạch, đối với các pháp tâm được giải thoát.

Thế Tôn thầm nghĩ: "Thân phụ thiện nam tử Thượng Tán nghe pháp chứng biết, các kết lậu dứt sạch, tâm được giải thoát, không còn thọ năm thứ dục lạc như khi còn tại nhà, Ta hãy thu thần thông lại."

Khi ấy Đức Thế Tôn liền thu thần thông. Sau khi Đức Phật thu nhiếp thần lực, thân phụ Thượng Tán đang ngồi tại chỗ, thấy được con mình. Thấy rồi, trưởng giả bảo Thượng Tán:

–Này con Thượng Tán, mẹ con nhớ con nên khổ não vô cùng, vì con mà buồn khóc, không nên để bà vì con mà bỏ mạng, con nên về đem lại sự sống cho mẹ con.

Trưởng giả nói như vậy rồi, thiện nam tử Thượng Tán đưa mắt nhìn Như Lai.

Đức Thế Tôn bảo phụ thân Thượng Tán:

–Này Đại trưởng giả, ý ông nghĩ sao, nếu như có người là bậc hữu học, đã học các trí, đã học thấy các pháp, khi nghe pháp chứng biết, các kết lậu diệt sạch, tâm được giải thoát, người này có thể thoái tâm trở về nhà mà thọ hưởng thú vui ngũ dục lại hay không?

Trưởng giả đáp:

–Thưa Thế Tôn, không có như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo trưởng giả:

–Thiện nam tử Thượng Tán này đã có tri kiến của bậc hữu học, đã chứng các pháp như trưởng giả không khác. Ngày nay, Thượng Tán khi nghe thuyết pháp, chứng được đạo tích, kết lậu đã diệt sạch, tâm được thanh tịnh giải thoát.

Đức Phật lại bảo trưởng giả:

–Thiện nam tử Thượng Tán này ngày nay không thể trở về nhà thọ hưởng ngũ dục như thuở trước.

Bấy giờ trưởng giả liền bạch Phật:

–Hay lắm Thế Tôn! Nay Thượng Tán khéo ở trong đời được nhiều lợi ích, khéo sống trong thế gian mà các kết lậu đã diệt sạch, tâm được giải thoát.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn thấy trên thân thiện nam tử Thượng Tán còn trang điểm bằng các chuỗi ngọc anh lạc, liền nói kệ:

Thân trang sức bằng ngọc anh lạc
Nhưng tâm chứng pháp được tịch định
Điều phục các căn đều thanh tịnh
Khởi lòng đại bi thương chúng sinh
Đạt được hạnh chân thật như vậy
Thì được gọi là chân phạm hạnh
Cũng gọi Sa-môn dòng họ Thích
Như vậy cũng gọi Tỳ-kheo Tăng.

Thân phụ thiện nam tử Thượng Tán liền bạch Phật:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn, con nguyện cúng dường ẩm thực cho Đức Thế Tôn và thiện nam tử Thượng Tán…, xin Ngài nhận lời.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì thương tưởng trưởng giả, nên im lặng nhận lời mời. Trưởng giả Thiện Giác thấy Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi quanh ba vòng từ tạ ra về.

Trưởng giả Thiện Giác ra về chưa được bao lâu, đại thiện nam tử Thượng Tán từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, quỳ gối chắp tay, bạch:

–Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn, cúi xin Đức Thế Tôn cho con xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Thượng Tán:

–Lành thay! Đến đây Tỳ-kheo! Người hãy ở trong giáo pháp của Ta, tu phạm hạnh dứt sạch các kết lậu.

Đức Phật nói lời như vậy rồi, Trưởng lão Thượng Tán liền thành người xuất gia, được giới Cụ túc làm vị Sa-môn. Lúc bấy giờ, trong thế gian có bảy vị A-la-hán: Đức Thế Tôn là một, năm anh em Kiều-trần-như và Thượng Tán.

Buổi mai hôm sau, Đức Thế Tôn đắp y mang bình bát, bảo Thượng Tán làm thị giả, đi thẳng về nhà trưởng giả Thiện Giác, đến nơi trải tòa an tọa. Khi ấy mẹ và vợ của Trưởng lão Thượng Tán, đồng đến lễ dưới chân Đức Phật, đảnh lễ xong lui về một bên. Sau khi hai mẹ con đứng về một bên rồi, Đức Phật vì họ mà tuần tự thuyết các pháp bố thí… thanh tịnh. Đức

Như Lai đều biết họ sinh tâm hoan hỷ, thanh tịnh, ôn hòa, không có chướng ngại.

Đức Thế Tôn thuyết các pháp làm cho chư Phật hoan hỷ đó là: chân lý về khổ, chân lý về nguyên nhân của khổ, chân lý về diệt khổ và chân lý về sự diệt khổ đắc đạo. Nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp, hai vị ấy tại chỗ ngồi xa lìa các trần cấu, được trí thanh tịnh, bao nhiêu cấu trược bị diệt trừ, tất cả kiến chấp thảy đều tiêu diệt. Đúng vậy! Đúng vậy! Những quyến thuộc này ngay tại tòa xa lìa trần cấu, bao nhiêu cấu trược diệt sạch, chứng biết như thật. Hai vị ấy đã thấy các pháp, chứng biết một cách sâu xa. Đối với các pháp vượt qua phiền não nhiều kiếp, không nghi ngờ sợ sệt, pháp này không phải nghe do từ người khác nói, mà ở trong giáo pháp Thế Tôn chứng được tri kiến, quy y Phật, Pháp, Tăng cùng thọ năm giới cấm.

Bấy giờ ở thế gian, ngay ngày ấy, người trước tiên trong loài người thọ Tam quy và Ngũ giới thành Ưu-bà-di đó là mẹ và vợ của Trưởng lão Thượng Tán cùng tất cả quyến thuộc của họ.

Bấy giờ Đại phú trưởng giả Thiện giác thấy Đức Thế Tôn vì hàng quyến thuộc tùy căn cơ mà thuyết pháp nên hết sức hoan hỷ, bày biện các món ăn. Trưởng giả và vợ trưởng giả cùng nàng dâu, tự tay bưng lấy thức ăn cao lương mỹ vị dâng lên cho Đức Phật và Thượng Tán…, đủ các thức ăn mềm, dẻo. Thức ăn uống… đều đầy đủ, tự ý thọ dụng no đủ.

Lúc ấy trưởng giả Thiện Giác, cha của Trưởng lão Thượng Tán, cùng vợ và nàng dâu, thấy Đức Phật ăn xong, thâu cất y bát, rửa tay chân, rồi an tọa một cách thanh tịnh, mỗi người lấy một chiếc nệm ngồi nhỏ theo thứ lớp ngồi trước Đức Phật.

Thấy trưởng giả Thiện Giác cùng quyến thuộc đúng như pháp đến ngồi phía trước xong, Đức Như Lai từ mẫn muốn độ họ thoát kết sử, lìa khổ não, nên thuyết các pháp thích hợp với họ. Các vị ấy nghe pháp rồi, sinh hoan hỷ, tín tâm vững mạnh, oai đức tăng trưởng.

Khi nghe pháp xong, tất cả mọi người đều hoan hỷ, biết đúng như pháp. Đức Thế Tôn rời tòa đứng dậy ra về, có Thượng Tán đi theo sau.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 36

Phẩm 39: NHÂN DUYÊN ĐỜI TRƯỚC CỦA DA-DU-ĐÀ

Thuở ấy, tại thành Ba-la-nại thuộc xứ Thiên trúc có bốn thiện nam đặc biệt hơn người, là nhà đại phú trưởng giả. Những vị đó là:

Người thứ nhất tên là Tỳ-la-ma *(nhà Tùy dịch Vô Cấu)*.

Người thứ hai tên là Tu-bà-đầu *(nhà Tùy dịch Thiện Tý)*.

Người thứ ba tên là Phú-lan-na *(nhà Tùy dịch Mãn Túc)*.

Người thứ tư tên là Già-bà-bạt-đế *(nhà Tùy dịch Ngưu Chủ)*.

Bốn vị này nghe người ta nói đại thiện nam Da-du-đà *(Thượng Tán)* theo Sa-môn tu phạm hạnh. Nghe vậy, họ suy nghĩ: "Việc này thật hy hữu, phạm hạnh trong pháp của Đại Sa-môn Cù-đàm này phải hội đủ sự bền vững không lay động và vượt trên các pháp khác, thật là bậc nhất! Đó là lý do tại sao đại thiện nam Da-du-đà theo Sa-môn xuất gia tu phạm hạnh. Chúng ta ngày nay cũng đến Sa-môn cầu tu phạm hạnh."

Cùng nhau thảo luận xong, họ rủ nhau đến chỗ Da-du-đà. Gặp mặt nhau, họ dùng lời tốt đẹp hỏi han chúc tụng, tâm ý mỗi người đều hoan hỷ cung kính, rồi ngồi qua một bên. Bốn vị Trưởng lão cùng nhau thưa Da-du-đà:

–Hạnh thanh tịnh này quyết phải bền vững, nhất định vượt hơn các pháp khác. Pháp này hội đủ những đặc tính như vậy, nên đáng kính đáng quý. Như Tôn giả ngày nay ở nơi Đại Sa-môn Cù-đàm tu hạnh thanh tịnh, chúng tôi cũng biết cầu Đại Sa-môn xin tu hành phạm hạnh.

–Bấy giờ Trưởng lão Da-du-đà liền cùng với bốn vị trưởng giả thành Ba-la-nại đồng đi đến Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, sau khi đảnh lễ xong rồi, liền ngồi một bên. Da-du-đà liền bạch Đức Phật:

–Thưa Đại Giác Thế Tôn, bốn vị trưởng giả này đều là bạn cũ hết sức thân mật của con khi còn tại gia. Các vị thiện nam tử này là Vô Cấu, Thiện Ý, Mãn Túc và Ngưu Chủ, ngày nay đến đây quy y Thế Tôn. Lành thay

Thế Tôn! Cúi xin Ngài theo căn cơ bốn trưởng giả này, mà thuyết pháp giáo hóa chỉ dạy.

Đức Thế Tôn vì bốn vị trưởng giả này mà thuyết các pháp vi diệu. Những pháp đó là Bố thí, Trì giới, Tinh tấn, Nhẫn nhục… thuyết các pháp môn. Những trưởng giả này được dạy các pháp như vậy, liền ngay tại chỗ ngồi xa lìa trần cấu, cho đến tất cả bao nhiêu pháp tập khởi đều biết rõ và tướng pháp tịch diệt cũng biết như thật. Như chiếc áo trắng sạch không vết nhơ, dễ nhuộm màu sắc.

Đúng vậy! Đúng vậy! Bốn vị trưởng giả này ngay tại chỗ ngồi… biết tất cả về tướng pháp tập khởi và tịch diệt các phiền não, chứng biết đúng như thật. Bốn vị trưởng giả này đều thấy tướng các pháp, được tướng các pháp, chứng tưởng các pháp, thể nhập tướng các pháp, vượt qua phiền não, tâm không chướng ngại, vượt khỏi lưới nghi, trừ diệt kết sử, được sự vô úy, chẳng phải biết từ người khác, hành theo Phật pháp. Họ đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật. Ở trước Phật, họ quỳ gối chắp tay thưa Đức Phật:

–Bạch Đấng Đại Giác Thế Tôn, ngày nay chúng con đến cầu xin Thế Tôn cho chúng con được xuất gia, nương theo Phật pháp, thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền bảo bốn vị trưởng giả:

–Này các Tỳ-kheo, thanh tịnh đến đây, vào trong giáo pháp của Ta tu phạm hạnh để diệt các khổ.

Khi Đức Thế Tôn nói những lời như vậy, bốn vị trưởng giả ở thành Ba-la-nại, tóc và râu đều rụng giống như vừa mới cạo cách đây bảy hôm, trên thân tự nhiên mặc ba pháp y, tay cầm bình bát. Bốn vị này liền thành người xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bốn vị trưởng giả xuất gia thọ giới Cụ túc như vậy chưa được bao lâu, ở yên một chỗ, bỏ các việc thế gian, giữ gìn thân khẩu không dám phóng dật, siêng năng tinh tấn, ở nơi vắng lặng tu các thiện pháp, đứng ngồi một mình chưa từng gián đoạn như cứu lửa cháy đầu.

Bấy giờ, bốn vị thiện nam tử ở chỗ vắng lặng, vì chánh tín nên xuất gia cầu đạo, chẳng bao lâu liền được vô thượng phạm hạnh, tự thấy tướng các pháp, tự chứng thần thông, vô úy, tự xướng lên: "Đã đoạn sinh tử, đã được quả báo phạm hạnh, việc làm đã xong, không còn tái sinh đời sau." Họ tự biết, tự chứng. Bốn vị trưởng giả này đồng một lúc chứng quả A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát. Bấy giờ, ở thế gian có mười một vị A-la-hán: Thứ nhất là Thế Tôn, thứ hai là anh em Kiều-trần-như, thứ ba là Da-du-đà và bốn vị thiện nam tử đại trưởng giả bằng hữu thân thiết của Da-du-đà khi còn tại gia.

Bấy giờ có năm mươi bạn bè khi xưa còn ở tại nhà của Da-du-đà, từ các nước hợp lại, trong đó có những người từ nhỏ đến lớn cùng sống chung với Da-du-đà, nghe Da-du-đà theo Đại Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh. Họ cùng nhau thảo luận: "Phạm hạnh này quyết phải là pháp tinh anh thù thắng, gồm đủ sự bền vững, nên Da-du-đà mới theo Đại Sa-môn Cù-đàm cầu tu phạm hạnh." Năm mươi người này bàn luận như vậy, rồi cùng nhau kéo đến chỗ Da-du-đà. Sau khi họ gặp nhau, cung kính chào hỏi lẫn nhau, dùng những lời tốt đẹp đàm luận với nhau. Sau khi chào hỏi xong rồi, họ liền lui về một bên. Năm mươi vị bạn hữu này đều là hàng tối đại trưởng giả của mỗi nước khác nhau, là bạn cũ thân thiện của Da-du-đà khi còn ở tại nhà. Bấy giờ họ cùng thưa Da-du-đà:

–Bạch Nhân giả Da-du-đà, ngày nay phạm hạnh này chắc có lẽ là pháp tốt đẹp thù thắng hơn những pháp khác, nên Trưởng lão mới theo Đại Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh. Ý chúng tôi cũng hoan hỷ cùng nhau đồng muốn đến chỗ Đại Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh.

Lúc ấy Da-du-đà cùng năm mươi vị thiện hữu ngày xưa khi còn ở tại nhà đồng đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui về ngồi một bên. Da-du-đà bạch Đức Thế Tôn:

–Bạch Đại Thiện Thế Tôn, con thuở xưa ở nhà có năm mươi vị bằng hữu tri thức, người lớn, người nhỏ, tất cả đều là hàng thiện nam tử, ý họ đều muốn quy y Như Lai. Xin Đức Thế Tôn đại từ thương mến mà nói pháp yếu, giáo hóa chỉ dạy cho họ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì họ, tùy thuận nói các pháp. Những vị trưởng giả này nghe những lời giáo hóa của Đức Phật nói ra…, đối với tất cả các pháp đều biết như thật. Các vị trưởng giả này đều thành lậu tận A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát.

Thời ấy, ở trong thế gian có sáu mươi mốt vị A-la-hán. Đó là: Thế Tôn, năm vị Tỳ-kheo Kiều-trần-như…, Da-du-đà, bốn vị thiện hữu của Da-du-đà ở thành Ba-la-nại: Vô Cấu, Thiện Tý, Túc Mãn và Ngưu Chủ, cùng các vị Đại trưởng lão bằng hữu tại gia của Da-du-đà là năm mươi vị đều từ các nước khác nhau hợp lại, là những thiện nam tử hoặc lớn hoặc nhỏ.

Tại Lộc uyển thuộc thành Ba-la-nại đã độ những người như vậy, Đức Thế Tôn muốn du phương hóa độ, nên bảo Trưởng lão Da-du-đà:

–Này Da-du-đà, thầy ở lại đây, chớ nên theo Ta. Tại sao? Vì thầy từ nhỏ đến giờ thân chưa từng chịu khổ, lại nữa da thịt của thầy mịn màng, không thể ăn khổ, mặc áo thô, thầy ở lại đây thọ sự cúng dường của cha

mẹ, tùy ý thọ dụng đồ ăn mặc tốt đẹp. Cha mẹ thầy có thể cúng dường cho thầy.

Da-du-đà vâng lời Đức Phật dạy, đứng cung kính bạch Phật:

–Y theo lời Thế Tôn chúng con không dám trái.

Da-du-đà vâng lời Đức Phật dạy ở lại trong thành Ba-la-nại, nhất định không dời bước.

Thuở đó, ở thành Ba-la-nại thuộc xứ Thiên trúc, có năm trăm vị thương nhân trưởng giả cũng lại là bạn bè của Da-du-đà khi còn ở nhà. Các thương nhân này vào biển tìm ngọc quý, sau khi trở về cùng hỏi thăm chỗ ở Da-du-đà. Họ hỏi thăm biết Da-du-đà ngày nay theo Đại Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh. Nghe như vậy, họ cùng nhau bàn luận: "Phạm hạnh này phải là giáo pháp vô thượng vi diệu hơn những pháp khác. Nếu chẳng phải như vậy thì tại sao thiện nam tử Da-du-đà ngày nay hướng về Đại Sa-môn Cù-đàm tu phạm hạnh. Chúng ta ngày nay cũng nên cùng nhau đến Đại Sa-môn Cù-đàm cầu tu phạm hạnh."

Lúc ấy năm trăm vị thương nhân đại trưởng giả cùng nhau đến chỗ Da-du-đà, Đến nơi, họ đồng bạch Da-du-đà:

–Thưa nhân giả Da-du-đà, từ lâu chúng ta không gặp mặt nhau, anh em chúng tôi đi vào biển, nay mới trở về nhà, nghe Nhân giả xuất gia, cho nên cùng nhau kéo đến đây vấn an. Nhân giả có được an ổn khoái lạc không? Có phiền não hay không?

Bao lời niềm nở tốt đẹp cùng nhau an ủi như vậy. Chào hỏi qua lại xong rồi, họ cùng nhau cung kính đứng lui về một bên.

Năm trăm vị thương nhân trưởng giả bạch Trưởng lão Da-du-đà:

–Thưa nhân giả Da-du-đà ở đây rất tốt đẹp.

Da-du-đà liền trả lời:

–Đúng vậy, đúng vậy. Ở đây hết sức tốt đẹp.

Lúc bấy giờ, năm trăm vị thương chủ trưởng giả liền theo Trưởng lão Da-du-đà bỏ tục xuất gia thọ giới Cụ túc. Nhưng họ trải qua thời gian khá lâu mà không đắc đạo.

Đức Thế Tôn du hóa các nước, rồi quay về ngự tại tinh xá vườn cây Kỳ-đà thuộc thành Xá-bà-đề. Khi ấy Trưởng lão Da-du-đà đã trải qua thời gian ở Lộc uyển khá lâu, sau khi mãn hạ cùng năm trăm Tỳ-kheo rời khỏi vườn Nai. Nghe Đức Phật hiện ngự tại tinh xá Kỳ-đà, muốn yết kiến Đức Phật, các khách tăng này đi đến vườn Kỳ-đà. Bấy giờ, các Tỳ-kheo cựu trú

nơi đây, có người tiếp bát, có người tiếp y, khăn, nên trong căn phòng lúc này xôn xao ồn ào lớn tiếng.

Lúc ấy, tuy Đức Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi Trưởng lão A-nan:

–Này A Nan, trong căn phòng ấy hôm nay vì cớ gì to tiếng xôn xao ồn ào như vậy?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Như Lai Thế Tôn, hiện có năm trăm Tỳ-kheo khách đến, mà Trưởng lão Da-du-đà là vị thủ chúng. Chúng con thấy Tỳ-kheo khách đến, các vị Tỳ-kheo cựu trụ nơi đây cùng nhau hỏi thăm qua lại và tiếp rước y bát cất trong phòng, nên phát ra tiếng nói lớn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Này Trưởng lão A-nan, đã đúng lúc vì Ta mời các Tỳ-kheo khách đến đây.

Trưởng lão A-nan nghe theo lời Phật dạy, liền đến báo các Tỳ-kheo khách:

–Thưa các vị Tỳ-kheo khách, hiện giờ Đức Thế Tôn gọi tất cả chư vị Tỳ-kheo khách đến.

Tất cả Tỳ-kheo khách nghe A-nan nói như vậy, liền thưa với Tôn giả A-nan:

–Như lời Ngài dạy, chúng tôi xin vâng.

Năm trăm vị khách Tăng vâng lời chỉ dạy của Tôn giả A-nan cùng nhau đến chỗ Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, lễ bái xong, lui về đứng một bên. Các Tỳ-kheo khách lui về một bên rồi, đều đứng im lặng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo khách:

–Này các thầy, vì cớ gì các thầy nói lớn tiếng như vậy, giống như người thế gian cãi nhau la lên: "Hô hô! Ha ha!." Tiếng ấy giống như người câu cá la lên mỗi khi họ cùng nhau theo rượt đuổi bắt cá. Này các thầy Tỳ-kheo, các thầy nên trở về chỗ cũ, không được ở nơi đây cùng Ta, Ta đuổi các thầy ra khỏi chỗ này.

Bấy giờ, năm trăm vị tân Tỳ-kheo khách nghe Đức Phật nói như vậy, đồng bạch Phật:

–Chúng con xin y theo lời Phật dạy.

Năm trăm Tỳ-kheo khách này nghe lời Phật đuổi, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, rồi từ tạ ra đi. Họ mang y bát ra khỏi tinh xá, đi đến một bờ sông, sông này tên là Bà-la-cù-ma-đế *(nhà Tùy dịch là Tú-mị-chủ).* Họ ở tại bờ sông Tú-mị này ngày đêm siêng năng không

nghỉ, đầu đêm cuối đêm không nằm không ngủ, dụng tâm dũng mãnh chí nguyện mong cầu tu tập, để chứng được các pháp trợ đạo. Họ dụng tâm không ngừng nghỉ, trong thời gian chẳng bao lâu sự tu tập được kết quả. Những thiện nam tử này đều chánh tín xả tục xuất gia, lại chuyên tu tập phạm hạnh vô thượng, công năng tu tập đã xong, hiện tiền thấy được thật tướng các pháp, chứng được các phép thần thông, liền đoạn trừ tất cả kết sử, tự xướng lên: "Sinh tử đã dứt, được hoàn tất phạm hạnh, việc làm đã xong, lại không thọ sinh đời sau, tự chứng tự biết." Tất cả những Trưởng lão này đều thành A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn, không còn lo sợ.

Thuở ấy, Đức Thế Tôn đang ngự tại tinh xá Xá-bà-đề-kỳ-đà trong thời gian ngắn, Ngài sắp du hóa các thôn xóm còn lại, từ xóm làng này dần đến xóm làng khác. Khi đến thành Tỳ-da-ly, hướng về ao Di-hầu, trên bờ ao có tinh xá bằng cỏ, Ngài dừng nghỉ ở nơi đây.

Vào một hôm, mặt trời đã xế bóng, Đức Thế Tôn từ thiền định dậy, ra khỏi thảo tinh xá, đến chỗ đất trống trải tọa cụ ngồi. Các vị Tỳ-kheo bao vây chung quanh tả hữu trước sau. Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão A-nan:

–Này Trưởng lão A-nan, Ta thấy các Tỳ-kheo ở bờ sông Bà-la-cù-ma-đế, nơi đấy có hào quang rực rỡ, mà ở trên bờ sông Bà-la-cù-ma-đế là năm trăm vị Tỳ-kheo.

Đức Phật nói như vậy ba lần. Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Thầy hãy đến gọi các Tỳ-kheo ấy tới gặp Ta.

Tôn giả A-nan nghe Đức Phật sai như vậy, liền đến chỗ một Tỳ-kheo niên thiếu, đến nơi bảo Tỳ-kheo đó:

–Lành thay! Này Trưởng lão, thầy mau đến bờ sông Bà-la-cù-ma-đế, nơi đó đang có các Tỳ-kheo. Thầy đến thưa các vị Trưởng lão đó: "Đức Thế Tôn muốn gặp các vị Trưởng lão. Nếu các vị thấy đúng lúc, nên mau đến yết kiến Thế Tôn."

Vị Tỳ-kheo niên thiếu nghe Trưởng lão A-nan dặn như vậy, liền thưa Tôn giả A Nan:

–Y như Tôn giả dạy, tôi xin vâng lời.

Khi ấy Tỳ-kheo trưởng lão niên thiếu, cấp tốc đi trong khoảnh khắc như tráng sĩ duỗi cánh tay. Đúng vậy, đúng vậy, khi vị Tỳ-kheo-niên thiếu mất dạng từ thành Tỳ-da-ly để đi đến bờ sông Bà-la-cù-ma-đế, xuất hiện nơi các Tỳ-kheo đó. Đến nơi, vị Tỳ-kheo niên thiếu liền thưa các vị Tỳ-kheo kia:

–Lành thay! Các vị Trưởng lão, ngày nay nếu các vị thấy hợp thời, Đức Thế Tôn muốn gặp các vị Trưởng lão, quý vị nên biết, mau đến hầu Thế Tôn.

Khi ấy, các vị Tỳ-kheo ở bên bờ sông kia thưa vị Tỳ-kheo niên thiếu:

–Như Trưởng lão dạy, chẳng dám sai lời.

Bấy giờ, các vị Tỳ-kheo nghe vị Tỳ-kheo niên thiếu nói như vậy, trong thời gian như tráng sĩ duỗi cánh tay, đều khuất bóng tại bờ sông Bà-la-cù-ma-đế và xuất hiện tại thảo tinh xá bên bờ ao Di-hầu trong thành Tỳ-da-ly.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đang nhập vào Bất đọng tam-muội, Trưởng lão Da-du-đà và năm trăm Tỳ-kheo cũng nhập vào Bất đọng tam-muội. Canh một đêm ấy, Tôn giả A-nan đứng dậy, trịch áo vai bên phải, sửa sang y phục chắp tay hướng về Đức Thế Tôn thưa:

–Cúi xin Đức Thế Tôn biết cho, đêm nay đã đến canh một, Ngài có thể hỏi chuyện an ủi các Tỳ-kheo khách.

Đức Thế Tôn như vậy cho đến nửa đêm, Tôn giả A-nan lại thỉnh:… Đức Thế Tôn im lặng không nói. Lúc bấy giờ, đã hết canh ba, Tôn giả A-nan lại thưa thỉnh:… Đức Thế Tôn vẫn im lặng.

Cho đến cuối đêm, sắp đến giờ điểm trống thức, sao mai sắp mọc, Trưởng lão A-nan lại đứng dậy, trịch áo vai bên phải, sửa sang y phục chắp tay hướng về Đức Thế Tôn, bạch:

–Xin Đức Thế Tôn biết cho, đã đến cuối đêm, chẳng bao lâu nữa trống canh báo thức sẽ điểm, sao mai sắp mọc, bạch Thế Tôn nay có thể giáo huấn an ủi các Tỳ-kheo khách, lại e chư Tỳ-kheo ngồi đã lâu nên thân thể mệt mỏi.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Này Trưởng lão A-nan, người không biết sự việc này. Vì lý do gì? Này Trưởng lão A-nan, nếu thầy biết sự việc này thì không nên thưa thỉnh vì chánh định này không phải là cảnh giới của thầy. Tại sao? Này A-nan, Ta đang nhập vào chánh định Bất động, năm trăm vị Tỳ-kheo khách này cũng như Trưởng lão Da-du-đà đều nhập vào chánh định Bất động, mà Da-du-đà là người đứng đầu. Ta tự biết việc này là như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bằng giọng sư tử rống nói kệ:

Đã vượt vũng bùn dục phiền não
Các gai kết sử đã nhổ xong
Đến chỗ tham si đều diệt sạch

Chẳng ở trong vòng khổ với vui.
Vượt qua được đến bờ bên kia
Như vậy mới thật là dũng mãnh
Cũng gọi Tỳ-kheo phá hết ác
Cũng gọi người giải thoát hoàn toàn.

Khi Đức Thế Tôn nói kệ rồi, năm trăm vị Tỳ-kheo cho là việc hy hữu chưa từng có. Do sinh tâm hy hữu chưa từng có, họ cùng nhau nói:

–Các vị Trưởng lão, việc này thật hy hữu! Trưởng lão Da-du-đà này có thần thông lớn nên mới khiến tất cả năm trăm Tỳ-kheo chúng ta, như Da-du-đà. Xưa ở tại nhà là bằng hữu nay cũng như nhau. Cha mẹ thân tộc của vị ấy đều có phước đức.

Bấy giờ năm trăm vị Tỳ-kheo đều sinh nghi, muốn hỏi Đức Thế Tôn để giải bày, nên cùng nhau bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, Trưởng lão Da-du-đà này trong quá khứ trồng các căn lành gì mà thời hiện tại sống trong nhà giàu có phước đức như vậy? Nhiều tài sản như vậy? Nhiều ngọc quý như vậy? Gia súc đầy đủ như vậy? Sinh trong nhà đầy đủ như vậy? Khi mới sinh có chiếc lọng báu che trên thân ngài như vậy? Cha mẹ vì ngài kiến tạo ba tòa nhà như vậy? Xưa trồng nghiệp gì mà nay được quả báo như vậy? Lại đối với các cô gái đẹp lại tưởng như thây ma và nhân gì được gặp Đức Phật xuất gia thọ cụ túc giới thành A-la-hán? Nhân gì mà mẹ và vợ ngài đều được Thánh pháp? Nhân duyên gì thân bằng quyến thuộc cùng thương chủ triều đình các nước thành năm trăm Tỳ-kheo, ở tại bờ sông Bà-la-cù-ma-đế đồng chứng quả A-la-hán?

Thưa hỏi như vậy rồi, họ đều yên lặng.

Khi ấy, Đức Thế Tôn liền bảo năm trăm vị Tỳ-kheo khách:

–Này các thầy Tỳ-kheo, chú ý lắng nghe! Ta nhớ thuở quá khứ ở thành Ba-la-nại này, có một người sắp kinh doanh nhiều sự nghiệp, nghĩ thế này: "Nếu sự việc này của ta thành tựu, ta lại làm việc khác. Việc khác này được thành tựu rồi, ta lại làm việc khác nữa. Nếu tất cả những sự việc đều được thành tựu rồi thì sau đó sẽ ta sắm sửa đầy đủ thức ăn uống cao lương mỹ vị, như đồ ăn uống mềm, cứng…, mỗi thứ đều được đầy đủ, đem cúng dường Sa-môn, hay Bà-la-môn, để họ ăn uống thật no đủ."

Người này do nhân duyên thiện nghiệp ý chí dũng mãnh, lại được nhiều phước đức, nên tất cả các việc kinh doanh nhờ đó đều được thành tựu. Người này thấy sự nghiệp đã thành tựu, nên vào một buổi sáng mai nọ, thức dậy sửa soạn đầy đủ các thức ăn uống cứng mềm và mang đầy đủ thức

ăn uống này đi đến cửa thành. Đến nơi bày biện xong xuôi, ông ta thầm nghĩ: "Nơi cửa thành này, nếu gặp Sa-môn hay Bà-la-môn đầu tiên, ta sẽ đem nhiều thức ăn uống… cứng mềm để hiến dâng."

Thuở ấy, ngoài cửa thành có vị Bích-chi-phật hiệu là Na-dà-la Thi-khí *(nhà Tùy dịch là Thạnh Kế)* thường ở tại thành Ba-la-nại. Vị Tôn giả Bích-chi-phật này vào buổi sáng sớm hôm ấy, đắp y mang bình bát, đi bộ chậm rãi hướng về thành Ba-la-nại để khất thực.

Vị thương gia này thấy vị Bích-chi-phật oai nghi khoan thai, đi đứng trang nghiêm, bước đi thong thả không có nghiêng lệch, không liếc nhìn hai bên, bước đi chậm rãi nhìn thẳng về trước, giữ gìn oai nghi không nhanh không chậm, phục sức tương xứng, trong ngoài nghiêm chỉnh, ai cũng thích chiêm ngưỡng. Vị thương gia này thấy rồi, tâm sinh thanh tịnh, hết sức hoan hỷ, đem thức ăn dâng cúng vị Bích-chi-phật.

Bấy giờ, vị Bích-chi-phật thầm nghĩ: "Ta được bố thí thức ăn mỹ vị, mà giờ thọ trai chưa đến, còn thì giờ trống, cần phải tọa thiền nhất tâm buộc niệm." Suy nghĩ như vậy rồi, ngài liền lui bước hướng thẳng đến bờ sông. Nơi đấy có một tàng cây, ngài liền ngồi kiết già dưới gốc cây ấy, thân thể ngay ngắn ý tưởng chánh định, nhất tâm tịch tĩnh không lay, không động, an trú như vậy.

Thuở ấy, vị vua cai trị thành Ba-la-nại tên là Bà-lam-ma-đạt-đa *(nhà Tùy dịch là Phạm Đức)* sửa soạn bốn binh xe cộ, kéo ra khỏi cửa thành. Ngay lúc ấy bỗng nhiên có một người từ trong xóm tay cầm chiếc lọng đi ngược chiều nhà vua. Người này từ xa trông thấy Quốc vương Phạm Đức từ trước đi lại, nên thầm nghĩ: "Ta phải lánh mặt đừng để vua trông thấy."

Người này suy nghĩ như vậy rồi, liền lánh xuống mé đường, rẽ đi một lối khác, đường rẽ này dẫn đến bờ sông Ba-la-nại. Người ấy đi xuôi theo dòng sông, chưa được bao xa, bỗng nhiên thấy một vị Bích-chi-phật đang ngồi kiết già dưới tàng cây nọ bên bờ sông, chánh niệm tư duy, thân không lay động. Thân vị Bích-chi-phật bị ánh nắng nên cả mình đều ướt đẫm mồ hôi. Người này thấy vậy, suy nghĩ: "Vị Tiên này chắc có lẽ là người trì giới thanh tịnh, nhất định người sẽ chứng thật tướng các pháp, nay ánh sáng rọi vào thân thể, làm nóng bức khó chịu." Nghĩ như vậy rồi, người này tay cầm chiếc lọng đến che mát trên thân Bích-chi-phật.

Lúc ấy vị Bích-chi-phật biết giờ thọ trai sắp đến, nên suy nghĩ: "Giờ ăn của ta đã đến, nên phải xả thiền đứng dậy."

Khi vị Bích-chi-phật xuất thiền, bỗng thấy có người cầm lọng che mát thân mình. Thấy rồi vì thương tưởng người này, ngài bay vọt lên hư

không hiện mười tám sự biến hóa, ở trong hư không biến dạng những hành động tới lui: hoặc quỳ, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc bốc khói nóng, hoặc phóng hào quang, hoặc khi biến ra nước, lúc vọt lên, khi chìm xuống, lúc ẩn lúc hiện… Vị Bích-chi-phật thị hiện vô lượng, vô biên những thần thông như vậy.

Bấy giờ, người này liền đối với vị Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí sinh tín tâm thanh tịnh, chắp tay chí thành đảnh lễ, phát nguyện: "Tôi nguyện đời sau được gặp Thánh nhân như thế này hay hơn thế này. Gặp rồi, những giáo pháp ngài nói ra, tôi nguyện ở trong giáo pháp ấy được mau chứng biết, nguyện đời vị lai không đọa vào ác đạo." Rồi người này lại thưa thỉnh vị Bích-chi-phật:

–Xin thỉnh ngài dùng cơm.

Liền đó vị ấy lại thưa hỏi:

–Tôn giả hiện giờ ở đâu?

Đáp:

–Ta ở chỗ đó… Ta đi xứ kia…

Sau đó, vị ấy lại tìm đến thảo am, chỗ vị Bích-chi-phật ở. Tới nơi vị ấy rưới nước quét dọn trong ngoài, dùng bùn tô đắp, dọn dẹp cỏ rác xong, rồi thỉnh ý Bích-chi-phật:

–Ý con muốn dâng bốn sự nhu cầu cúng dường, những gì ngài cần con sẽ cung cấp đầy đủ tất cả y phục, thực phẩm…

Cung phụng vị Bích-chi-phật như vậy rồi, về nhà đối với cha mẹ, vợ con, thân tộc, vị ấy trình bày lại sự việc như trên:

–Ta thấy một vị Tiên nhân như vậy, giới hạnh như vậy, thanh tịnh chứng diệu pháp như vậy. Thưa các vị, nếu thấy hợp thời các vị nên đến đó cúng dường tôn trọng.

Bấy giờ cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc nghe xong, liền đồng nhau đi đến chỗ vị Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí, đem tâm thanh tịnh cung kính cúng dường.

Vị ấy trải qua một thời gian ngắn phát sinh thiện niệm thế này: "Ở tại gia bị nguy hiểm lớn vì phiền não trói buộc, xuất gia được an lạc lớn và giải thoát vô vi; tại gia không thể hoàn tất việc giải thoát, cũng không thể hoàn toàn vô cấu, cũng không thể hoàn toàn vô nhiễm cho đến cả cuộc đời này, muốn thanh tịnh vô cấu hoàn toàn cũng không thể được, vậy ta nên đến vị Tiên nhân kia xin xuất gia."

Nghĩ như vậy rồi, vị ấy đi đến thưa vị Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí:

–Lành thay! Thưa Đại tiên, xin ngài cho con được xuất gia.

Vị Bích-chi-phật không đồng ý. Vị ấy lại thưa thỉnh lần thứ hai, rồi cho đến lần thứ ba:

–Lành thay! Thưa Đại tiên, xin ngài cho con được xuất gia.

Bấy giờ, vị Bích-chi-phật Thi-khí thương tưởng vị ấy vì đã ba lần thưa thỉnh, liền bảo:

–Này thiện nam tử, hôm nay ông muốn xuất gia, thì cách đây chẳng bao xa có vị ngoại đạo tên Ba-lê-bà-la-xà *(nhà Tùy dịch Hành Hành Phục Hành)* ông nên đến đó tu tập điều phục thân tâm, lấy đó làm nhân duyên để đời sau xuất gia ở trong chánh pháp. Ông nên nguyện cầu, ở đời vị lai có một Đức Phật xuất hiện, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, nguyện gặp được Phật, gặp rồi chớ bỏ lỡ cơ hội, ở trong giáo pháp của Như Lai, được xuất gia thệ nguyện lìa xa các khổ.

Bấy giờ vị ấy vâng lời vị Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí, tuân hành không dám trái ý, thỉnh vị Bích-chi-phật trọn đời nhận tứ sự cúng dường. Bấy giờ Tôn giả Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí, tùy duyên trụ ở đời, thọ mạng đã mãn, nhập vào Niết-bàn. Vị ấy thấy vị Bích-chi-phật nhập Niết-bàn, liền cùng tất cả quyến thuộc nhóm họp liệm thân ngài làm lễ hỏa táng cúng dường đúng như pháp. Nghĩa là xây tháp thờ xá-lợi, trên đảnh tháp xây bánh xe hình tròn úp xuống, treo các bảo linh, phướn lọng, hoa thơm và các ngọn đèn thắp sáng liên tục để cúng dường.

Vị ấy trải qua thời gian cúng dường chư Phật, liền xuất gia ở trong pháp ngoại đạo Bà-la-bà-la-xà. Sau khi xuất gia, vị ấy trở vào rừng tu tập, thường vào mỗi buổi sáng đi vào thành Ba-la-nại khất thực độ nhật.

Một hôm, khi vào Ba-la-nại khất thực, tới nơi khu rừng nọ, vị ấy bỗng thấy một tử thi nữ vì bệnh nặng mà chết, da ngã màu xanh gần tan rữa, giòi tửa chui rúc khắp các lỗ trên thân. Thấy rồi, đứng gần bên đường quan sát tường tận, vị ấy sinh tưởng bất tịnh, rồi đi. Vị ấy buột niệm thân bất tịnh như vậy, nghĩ nhớ chẳng quên, lại luôn quán tưởng cực nhọc thành tựu, tâm đắc tứ thiền. Vị ấy lại phát lời nguyện: "Nguyện đời vị lai gặp được Đức Phật Thích-ca xuất hiện ở đời, ngày ấy tôi gặp Phật, nguyện làm đồng tử ở bên Phật xuất gia tu phạm hạnh, những giáo pháp Đức Như Lai nói ra, nghe rồi tôi nguyện mau chứng biết."

Vị ấy tùy tuổi thọ sống ở đời một thời gian rồi tạ thế. Sau khi qua đời sinh lên cung Phạm thiên. Vị ấy từ cõi Phạm thiên giáng sinh xuống nhân

gian, trải qua nhiều kiếp số như vậy, thân tối hậu sinh vào nhà trưởng giả cự đại phú trong thành Ba-la-nại, mà vị trưởng giả này có nhiều tiền của tài sản, y phục ngọc ngà, cho đến tất cả không có gì thiếu hụt.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Lại còn các nhân duyên khác Ta sẽ nói đầy đủ.

Cũng tại thành Ba-la-nại này, có một nước tên là Ca-thi, vua nước này tên là Kỳ-lê-thi *(nhà Tùy dịch là Tổn Sấu)*. Sau khi Đức Phật Thi-khí nhập Niết-bàn, vua Kỳ-lê-thi dùng bảy báu: vàng, bạc, pha lê, lưu ly, mã não, san hô, hổ phách xây tháp cúng dường, bên ngoài xây thành bằng đá bao bọc bảo tháp, tháp cao một do-tuần, rộng nửa do-tuần. Tháp mà Quốc vương Kỳ-lê-thi xây tên là Đà-xa-bà-lê-dà *(nhà Tùy dịch là Thập Tướng)*. Luân tướng của tháp: Tầng thứ nhất vua Kỳ-lê-thi làm. Tầng thứ hai do đại phi của vua làm. Tầng thứ ba do trưởng tử của vua làm. Tầng thứ tư do công chúa của vua tên là Ma-lê-ni *(nhà Tùy dịch Tiểu Man)* làm. Tầng thứ năm do con trai thứ hai của vua Kỳ-lê-thi làm. Tầng thứ sáu do con trai thứ ba của vua Kỳ-lê-thi làm. Tầng thứ bảy do con trai thứ hai của vua Kỳ-lê-thi làm.

Này các Tỳ-kheo, phải biết lúc bấy giờ con thứ ba của vua Kỳ-lê-thi vì thờ xá-lợi của Đức Phật Ca-diếp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà xây tầng tháp thứ sáu, nay là Tỳ-kheo Da-du-đà vậy.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Trong thời quá khứ, vị ấy cầm lọng che mát Bích-chi-phật và trang nghiêm luân tướng trên tầng tháp xá-lợi của Phật Ca-diếp sáng rực, nên nay thành tựu quả báo, vừa mới sinh tự nhiên có lọng báu che trên đầu.

Lại nữa, thuở xưa Da-du-đà tạo nghiệp cất thảo am cho Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí và đem đủ thứ tài vật: Y phục, đồ ăn uống… cúng dường vị Bích-chi-phật này, nên nay hưởng quả sinh trong nhà giàu có, khi tuổi thành niên cha mẹ kiến tạo ba tòa nhà, thọ hưởng phước báo một cách tự tại.

Lại nữa, trong quá khứ Da-du-đà do vì tạo thiện nghiệp: Từng ở trong rừng thấy nữ tử thi, sinh tưởng bất tịnh tâm hồn luôn tưởng nhớ thân bất tịnh, nên ngày nay được quả báo sống tại gia đối với hàng gái đẹp mà tưởng như bãi tha ma.

Lại nữa, trong quá khứ Da-du-đà do vì gây thiện duyên đối trước vị Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí phát lời thệ nguyện: "Ta nguyện đời đời về sau không sinh trong ác đạo." Do sức thiện nghiệp này nên các đời về sau

không trải qua các ác thú, chỉ từ cõi trời sinh xuống cõi người, hoặc từ cõi người sinh lên cõi trời hưởng quả báo an lạc.

Lại nữa, trong quá khứ Da-du-đà do vì nhân duyên ở trước vị Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí phát lời thệ nguyện vị lai: "Gặp bậc Tôn giả đại tiên như thế này, hoặc gặp các bậc Tối thắng hơn. Nếu Đức Tôn nói ra các pháp yếu vi diệu, ta nguyện nghe là thọ trì tất cả, nghe rồi đều chứng biết." Nhờ phước lực đó, nên nay được phước báo gặp Ta là Đức Thế Tôn Tối Thắng, lại ở trong giáo pháp của Ta xuất gia chứng quả lậu tận A-la-hán.

Lại nữa, trong quá khứ Da-du-đà do vì nhân duyên lần đầu tiên gặp vị Bích-chi-phật Na-dà-la Thi-khí, tâm sinh hoan hỷ, vì hoan hỷ nên trở về nhà truyền lại cho cha mẹ, vợ con, lục thân quyến thuộc, xưng dương tán thán vị Bích-chi-phật đại tiên Na-dà-la Thi-khí có nhiều công đức. Thân bằng quyến thuộc nghe lời tán thán này, tâm sinh hoan hỷ kính tín cung kính bội phần. Họ cùng nhau sắm sửa các thứ cúng dường, đến chỗ Bích-chi-phật lễ bái thiết lễ tứ sự cúng dường đầy đủ. Nhờ thiện nghiệp đó nên nay được phước báo là cha mẹ vợ con cùng thân bằng quyến thuộc của Tỳ-kheo Trưởng lão Da-du-đà, ở trong pháp của Ta đều được Thánh pháp; lại hàng thiện hữu tri thức của Da-du-đà khi còn tại nhà, đến bên bờ sông Bà-la-cù-ma-đế, năm trăm vị Tỳ-kheo ở đây một thời gian lâu đều chứng A-la-hán. Những người trong quá khứ gặp vị Bích-chi-phật, mỗi người đều đồng nguyện, đồng tâm phát lời thệ rằng ở chỗ bậc Đại tiên Thánh nhân trồng các thiện nghiệp như vậy, nên nay họ được quả báo ấy.

Khi ấy, Đức Thế Tôn lại nói kệ:

Cúng dường chân Thánh như thế ấy
Được đại quả báo số vô lượng
Bích-chi Thi-khí cùng Thế Tôn
Cùng bậc lậu tận A-la-hán,
Lại còn cúng dường Bậc Thập Lực
Đầy đủ Vô uý đầy tướng tốt
Các Bậc Thánh trí đại từ bi
Hưởng được quả báo không cùng tận.
Cúng dường ruộng phước Phật Duyên giác
Và các Thanh văn chúng giải thoát
Hiện thọ quả báo cõi trời người
Sau chứng tịch diệt đại Niết-bàn.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 37

Phẩm 40: PHÚ-LÂU-NA XUẤT GIA

Trong thời quá khứ, cách thành Ca-tỳ-la-bà-tô chẳng bao xa có làng Kiều-tát-la, trong làng này có một xóm, xóm ấy có vị đại Bà-la-môn, là vị Quốc sư của vua Tịnh Phạn, gia đình rất giàu có nhiều của báu, cho đến phòng nhà đều giống như cung trời của Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Vị Bà-la-môn này có một người con tên là Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử *(đời Tùy dịch là Mãn Túc Từ)* hết sức khôi ngô tuấn tú, có tướng Đại trượng phu, hiếm có người thứ hai, mọi người đều ưa thích ngắm nhìn, trí tuệ lanh lợi thông minh, tâm ý chín chắn, thấu triệt tất cả luận Phệ-đà, tự mình thông hiểu rồi dạy lại cho người khác. Vị ấy thông suốt ba bộ Phệ-đà, thông suốt luận Ni-càn-đà, thông suốt luận Kỳ-chu-bà và thông suốt luận Phá tự; lại giảng giải luận Ngũ minh, dầu là một câu nửa câu hay một bài kệ đều phân tích rõ ràng, lại thông suốt luận Thọ ký, thông thạo sáu mươi cách biện giải trong thế gian, có tướng của bậc Đại nhân.

Ngày Đại vương Tịnh Phạn sinh Thái tử Tất-đạt-đa, cũng chính là ngày Di-đa-la-ni Tử chào đời. Bản tánh của Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử nhàm chán thế gian, chí cầu giải thoát, luôn kinh sợ phiền não, tâm thường tịch định. Người đã nhiều đời trong quá khứ từng gặp chư Phật ra đời, trồng các căn lành ở chỗ các Đức Phật, tạo nhiều phước nghiệp, huân tập trong tâm, chí cầu pháp môn Niết-bàn, không thích phiền não. Đối với tất cả pháp sinh tử, vị này đều xa lìa, việc làm đã xong, phiền não tiêu diệt. Do sức nhân duyên này, căn tánh được thuần thục, chứng được Thánh pháp.

Phú-lâu-na ngồi một mình, tư duy: "Cha ta làm Quốc sư cho Đại vương Du-đầu-đàn (Tịnh Phạn), phải lo đủ mọi việc, tài ba đa diện, đối với vương pháp thì thay vua xử đoán. Rồi đây, Thái tử Tất-đạt-đa nhất định sẽ như Đại vương Du-đầu-đàn, nghĩa là nhất định làm Chuyển luân thánh vương. Đến khi thân phụ ta qua đời, ta chắc chắn sẽ thay cha làm Quốc sư cho Chuyển luân thánh vương Tất-đạt-đa. Cha ta làm Quốc sư cho một Tiểu vương mà còn bận rộn không chút thì giờ rảnh rang huống chi làm Quốc

sư của Đại vương Chuyển luân thánh vương, mà hoàn tất mọi việc trong nước để được rảnh rang thì không có việc như vậy! Ngày nay ta phải tính toán trước, phải làm việc gì đây? Phải có giải pháp gì? Ta chỉ có một việc duy nhất là xả tục xuất gia!"

Phú-lâu-na quyết định như vậy rồi, ngay đêm Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia, vào lúc nửa đêm, chàng không thưa cha mẹ, cùng bằng hữu ba mươi người bỏ nhà ra đi, trực chỉ Tuyết sơn, đến nơi Tiên nhân Ba-lê-bà-giá-ca cầu xin xuất gia, ở trong pháp của Tiên nhân này tu khổ hạnh. Những vị ấy tinh tấn dũng mãnh không tạm dừng nghỉ, nên ba mươi người đồng một lúc chứng được Tứ thiền và năm pháp thần thông.

Bấy giờ, Tiên nhân khổ hạnh Phú-lâu-na suy nghĩ: "Ta phải quán sát Thái tử Tất-đạt-đa đã chứng Thánh vị nào chưa?" Phú-lâu-na liền dùng Thiên nhãn quán sát thấy Đức Thế Tôn đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đang ở trong vườn Nai thuộc nước Ba-la-nại, chuyển pháp luân vô thượng vi diệu, Ngài vì chư Thiên nhân loại diễn thuyết các pháp. Phú-lâu-na thấy rồi, liền đi đến các bằng hữu nói với họ:

–Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia nay đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đang ở trong vườn Nai thuộc thành Ba-la-nại, vì khai thị cho chư Thiên nhân loại, nên đã chuyển pháp luân vô thượng thanh tịnh. Ngày nay các vị phải hết sức vui mừng hớn hở, chúng ta nên cùng nhau đến cầu Ngài xin tu phạm hạnh.

Bấy giờ, các vị bằng hữu của Phú-lâu-na đều hoan hỷ và nói:

–Hay thay lời nói của Nhân giả! Chúng tôi đều tùy thuận.

Khi ấy, Tiên nhân tu khổ hạnh Phú-lâu-na cùng với ba mươi bằng hữu, từ dưới chân Tuyết sơn bay lên hư không, giống như nhạn chúa bay bổng lên trời, đến vườn Nai trong thành Ba-la-nại. Đoàn người đến trước Đức Phật, đồng đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, hai tay ôm và đặt đầu vào chân Phật một cách thành kính, ngước đầu nói:

–Ôi bàn chân Như Lai!

Họ quỳ trước Đức Phật dùng kệ tán thán:

Thuở xưa, Ngài ở trời Đâu-suất
Chánh niệm hiện hình làm Bạch tượng
Thân nương thai tạng Thánh Ma-da
Sinh nhà họ Thích làm Thái tử.
Như hoa sen đẹp chẳng dính bùn
Thai trong bụng mẹ không ô uế
Thánh mẫu hoan lạc thật vô biên

Ngũ dục chẳng màng chỉ vui pháp
Chỉ làm việc thiện bỏ điều ác.
Thấy Ngài trong thai như vàng luyện
Vui mừng hớn hở không biết chán
Ngắm không thấy chán rồi lại nhìn
Ở trong thai tạng thường thuyết pháp
Khởi tâm thương xót chúng trời người
Tất cả vui mừng uống pháp dược.
Thế Tôn mới sinh, nói diệu ngữ:
Ta vượt sinh tử độ chúng sinh.
Sinh hông bên phải, đi bảy bước
Tợ sư tử chúa thật oai hùng
Ta là Như Lai diệt sạch khổ.
Ao tắm Thiện Thệ lúc đản sinh
Nước không lạnh, nóng vừa tràn đầy
Tắm xong thoa hương trang phục sức
Bỗng nhiên tàn lọng hiện che thân
Thế gian thấy việc chưa từng có
Do vậy chúng con đảnh lễ Ngài.

Phú-lâu-na cùng với các vị Tiên nhân nói kệ rồi, đồng thanh thưa Đức Phật cầu xin xuất gia:

–Cúi xin Đức Thế Tôn thương tưởng chúng con, tâm nguyện chúng con muốn được xuất gia, xin Ngài thương tưởng độ cho chúng con.

Đức Phật bảo Phú-lâu-na:

–Này Phú-lâu-na, các ông hãy đứng dậy, tùy theo ý các ông, ta sẽ cho các ông được toại nguyện.

Phú-lâu-na cùng hai mươi chín người bạn được Phật cho phép xuất gia thọ giới Cụ túc. Các vị Trưởng lão này sau khi được xuất gia thọ giới Cụ túc rồi, sau đó chẳng bao lâu mỗi người đi, đứng, nằm, ngồi một mình, dũng mãnh tinh tấn, kinh hành thiền tọa nơi vắng vẻ, mỗi người đều dụng tâm cẩn thận, chưa từng phóng dật, luôn luôn ở chỗ yên tĩnh. Các vị thiện nam vì cầu điều lợi ích lớn, chánh tâm chánh tín, bỏ tục xuất gia, vì muốn tu phạm hạnh vô thượng, nên trải qua thời gian ngắn diệt sạch ái dục, thấy được thật tướng các pháp, muốn tu thần thông liền được chứng đắc, đã đoạn tái sinh, được quả báo phạm hạnh, việc làm đã xong, không còn thọ thân đời sau. Các Trưởng lão này chứng biết được thật tướng các pháp, đều

thành quả A-la-hán. Với tâm hoàn hảo được giải thoát hoàn toàn, thành bậc Đại đức, làm tất cả đại sự, lợi ích cho chúng sinh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tuyên bố trước chúng Tỳ-kheo:

–Này đại chúng, các vị phải biết, trong hàng thuyết pháp, Phú-lâu-na là người đứng đầu.

Có kệ nói:

Thế Tôn ở thành Ba-la-nại
Dùng lời vi diệu bảo Tỳ-kheo:
Chân thật Tỳ-kheo Mãn Từ Tử
Trong hàng Giảng sư, người bậc nhất.

Lúc bấy giờ, trong thế gian gồm có chín mươi mốt vị A-la-hán. Đó là Đức Thế Tôn, năm vị Tỳ-kheo Kiều-trần-như…, Trưởng lão Da-du-đà, bốn vị trưởng giả tuyệt vời: Tỳ-ma-la, Thiện Ký, Mãn Túc và Ngưu Chủ, bạn cũ đồng sinh tại thành Ba-la-nại của Da-du-đà, là năm mươi thương nhân bạn cũ của Da-du-đà, Trưởng lão Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử và hai mươi chín người bạn.

□

Phẩm 41: NA-LA-ĐÀ XUẤT GIA (Phần 1)

Bấy giờ, ở phía Nam xứ Thiên trúc thuộc cõi Diêm-phù, có một nước quốc hiệu là A-bàn-đà, trong nước này có làng Di-hầu-thực, trong thôn Di-hầu có một Bà-la-môn rất giàu tên là Ca-chiên-diên, gia tài của người này như châu báu, tôi trai tớ gái, lục súc, lúa nếp đậu mè, nhà cửa, vườn rừng, tất cả đều dồi dào… giống như cung trời Tỳ-sa-môn. Bà-la-môn này trí tuệ thông minh, thọ trì đọc tụng ba bộ luận Vệ-đà, luận Kỳ-chu-bà, thông suốt các sự vật, một việc có mười tên gọi của luận Kỳ-chu-bà, văn cú tự luận, thông hiểu tất cả việc quá khứ, một câu nửa câu, nửa luận Ngũ minh đều biết rõ, luận phân biệt thọ ký ở thế gian và sáu mươi loại, tướng Đại trượng phu, biết rõ đầy đủ, đọc tụng thông suốt, là vị đại Quốc sư cho vua Nghiêm Xí.

Lúc ấy, trưởng tử của Quốc sư Bà-la-môn, từ giã gia đình du học các nước, hăng say học hỏi không biết nhàm chán, đi khắp mọi nơi cầu thầy học tập. Khi thông hiểu các luận và kỹ thuật thành tựu, về cố hương thăm lại thân phụ, vị ấy thưa:

–Lành thay thân phụ, học vấn của con ngày nay đã được thông đạt, cha hãy vì con cho nhóm họp đại chúng, để con đọc tụng các luận Vệ-đà và trình bày tài năng kỹ thuật.

Quốc sư nghe thưa rất vui mừng, liền cho tập họp đại chúng. Người con thấy đại chúng nhóm họp xong, liền ở trước mọi người tụng tất cả luận Vệ-đà và trình bày tài năng kỹ thuật, tất cả đều thông suốt không chút mơ hồ nên được đại chúng tôn kính, suy cử lên hàng Thượng tọa. Quốc sư liền đem đủ các thứ ngọc ngà châu báu tặng cho trưởng tử.

Vị Quốc sư này còn một người con thứ hai tên là Na-la-đà *(nhà Tùy dịch là Khiếu)*. Quốc sư bảo Na-la-đà:

–Này Na-la-đà, nay con nên rời gia đình du học các nước, tập tụng các luận Vệ-đà như anh của con vậy.

Khi nghe người anh đọc tụng tất cả các luận Vệ-đà qua một lần, thì đồng tử Na-la-đà thuộc tất cả. Nghe cha bảo như vậy, Na-la-đà thưa:

–Lành thay! Thưa cha, con đã thông hiểu các luận Vệ-đà cùng các chú thuật, cha có thể vì con mà triệu tập đại chúng. Trước đại chúng con sẽ đọc tụng tất cả luận Vệ-đà và trình bày tài năng kỹ thuật.

Quốc sư nghe con nói như vậy, cho là việc chưa từng có, nên nhóm họp đại chúng, an trí các thứ cần dùng. Khi ấy Na-la-đà ở trước đại hội đọc tụng các luận Vệ-đà. Đại hội nghe rồi đều hoan hỷ và tán thán đồng tử:

–Hay thay! Hay thay! Đồng tử là bậc Đại trí, đọc tụng các luận Vệ-đà một cách lưu loát.

Quốc sư lại đem đủ thứ quý báu thưởng cho đồng tử.

Ngược lại anh cả nghe em mình đọc thông thạo các luận Vệ-đà, thì buồn bã, ảo não, nghĩ: "Ta bỏ nhiều năm chu du các nước học tập các luận tụng chú, dụng tâm lao nhọc mới thọ trì đọc tụng các thuật chú như vậy. Tại sao Na-la-đà chỉ nghe thoáng qua mà tiếp thu hết sạch, người còn nhỏ tuổi mà tài cao như vậy, nếu sau này nó trưởng thành nhất định sẽ kế vị Quốc sư. Do đó ta phải dùng cách gì để ám hại nó, như vậy ta mới được lợi ích lớn, nếu không thì nó sẽ đoạt địa vị của ta."

Bấy giờ, Quốc sư biết được lòng dạ của trưởng tử, có ác ý với Na-la-đà. Quốc sư biết rồi liền suy nghĩ thế này: "Đứa bé thông minh dễ thương này, chớ để người anh ám hại, phải dùng phương pháp nào đừng cho nó biết."

Phương Nam có một tòa thành tên là Ưu-thiền-da-ni, cách thành này chẳng bao xa có núi Tần-đà, có Tiên nhân A-tư-đà đang tu tập trong đó. Vị Tiên này thông suốt các luận Vệ-đà và các luận khác, đã đạt được Tứ thiền và đầy đủ Ngũ thông, lại là cậu của Na-la-đà. Lúc ấy Quốc sư đại Bà-la-môn cùng phu nhân đem Na-la-đà đến núi nọ, xin Tiên A-tư-đà cho con mình được làm đệ tử.

Tiên A-tư-đà sau khi thâu nạp Na-la-đà làm đệ tử, dạy bảo hướng dẫn, chẳng bao lâu Na-la-đà thành tựu Tứ thiền, đủ năm pháp thần thông.

Sau đó Tiên nhân Phạm chí A-tư-đà cùng đệ tử Na-la-đà rời khỏi núi, đi về ngoài thành Ba-la-nại dựng một thảo am. Ở nơi thảo am này, ngày đêm sáu thời lớn tiếng dạy đệ tử như thế này:

–Lành thay! Lành thay! Này Na-la-đà, ngày nay Phật đã ra đời cho nên con đến đó cầu xin xuất gia tu phạm hạnh, quyết sẽ mãi mãi được lợi ích lớn, được an lạc lớn, lợi mình và lợi người. *(nói như vậy ba lần).*

Tiên A-tư-đà dạy bảo đệ tử Na-la-đà những lời như vậy, chẳng bao lâu sau từ giã cuộc đời. Sau khi Tiên A-tư-đà lìa trần, thì bao nhiêu danh tiếng và lợi dưỡng của người có được ở thế gian này, Na-la-đà được thừa hưởng. Khi ấy Na-la-đà thọ hưởng lợi dưỡng và danh tiếng, nên sinh tham đắm, đánh mất chánh niệm, lại không có chí hướng mong cầu thăng tiến, không tin Phật, Pháp, Tăng.

Thuở ấy, có Long vương Y-la-bát *(nhà Tùy dịch là Hoắc Hương Diệp),* mang thân rồng, tâm rất nhàm chán, muốn cầu thoát ly, chẳng thích cảnh giới này, tưởng là độc ác uế trược, nên nhớ lại: "Thuở quá khứ Đức Phật Ca-diếp Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã thọ ký cho ta: "Này Đại long vương, từ đây trở về sau, trải qua chừng ấy năm, ngàn vạn ức năm sẽ có một Đức Phật xuất thế hiệu là Thích-ca Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác." Nay đã trải qua vô lượng, vô biên ngàn vạn ức năm, không biết Đức Phật Thích-ca Như Lai đã ra đời hay chưa?"

Lại có một Long vương tên là Thương Khư *(nhà Tùy dịch là Loa),* cung điện của Long vương này thường là tụ điểm hội họp Long chúng, cũng là nơi hội họp trăm ngàn Long vương, cũng có sự hiện diện của Long vương Y-la-bát. Trong cuộc hội họp này, có mặt vua Dạ-xoa tên Kim Tề, là thiện hữu của Long vương Y-la-bát.

Long vương Y-la-bát ở trong chúng, thưa hỏi vua Dạ-xoa:

–Thưa Nhân giả, ngài có biết Đức Thế Tôn Thích-ca Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã xuất hiện ở đời hay chưa?

Vua Dạ-xoa đáp:

–Lành thay! Long vương, tôi thật không biết Đức Thích-Ca Như Lai ra đời hay chưa. Này Long vương, tuy nhiên tôi chỉ biết, ở đồng hoang kia có một tòa thành. Thành đó vốn là điện của Dạ-xoa tên là A-la-ca-bàn-trà *(nhà Tùy dịch là Khoáng dã cung điện).* Cung điện này từ trước nay có hai bài văn kệ ghi rằng: "Nếu Phật chưa xuất hiện ở đời, thì không có người đọc được kệ này, dầu có đọc được đi nữa cũng không hiểu nghĩa lý. Nếu

Phật đã xuất hiện ở thế gian, thì có người đọc được, nhưng không hiểu nghĩa, chỉ có Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mới giải thích được nghĩa này, hoặc có người được nghe Phật giải thích mới hiểu."

Bấy giờ Long vương Y-la-bát thưa Dạ-xoa:

–Thưa nhân giả, ngày nay ngài có thể đến đọc bài kệ ấy rồi đem về đây được chăng?

Vua Dạ-xoa Kim Tề nhận lời Long vương Y-la-bát, nhận lời rồi liền đi đến cung điện A-la-ca-bàn-trà đọc bài kệ, rồi vội vã trở về long cung, đến nơi thưa với Long vương Y-la-bát:

–Hay thay! Long vương, ngày nay tâm ngài chắc chắn sẽ được vui mừng. Vì lý do gì? Vì Đại Thánh Thích-ca Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã ra đời. Tại sao được biết? Vì khiến tôi đọc được bài kệ và đã đem về đây. Nếu có người nào hiểu được ý kệ này lại có thể thuyết giải, thì người đó chính là Đức Phật.

Lúc ấy Long vương Y-la-bát hết sức vui mừng, hớn hở tràn ngập cả thân không thể làm chủ được, nhận lấy bài kệ từ vua Dạ-xoa Kim Tề. Thuở ấy Long vương Thương Khư có một công chúa tên là Thường Phân, dung nhan xinh đẹp dễ thương, nhan sắc tuyệt vời mọi người nhìn thấy đều ưa thích, thế gian không có người thứ hai.

Tại buổi hội họp, các vị Long vương đề nghị: "Vào các ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm, hăm ba, hăm chín và ba mươi mỗi tháng, bảo Long nữ trang sức bằng chuỗi anh lạc tuyệt đẹp, tay bưng hai bát vàng và bạc tuyệt đẹp đựng đầy lúa bạc và vàng, từ cung điện này đi đến bờ sông Hằng đặt ở chỗ đất trống, rồi đọc hai bài kệ này để mọi người đều biết:

Do đâu được tự tại?
Say đắm gọi là nhiễm.
Sao gọi là thanh tịnh?
Sao gọi là ngu si?
Người ngu có gì mê?
Sao gọi là người trí?
Hợp giải rồi biệt ly?
Gọi là nhân duyên hết.

Long vương đọc bài kệ này rồi thông báo khắp thế gian: "Nếu ai đọc và giải nghĩa được hai bài kệ này, chúng tôi sẽ hiến dâng hai bát vàng và bạc đựng đầy lúa bạc, lúa vàng cùng với Long nữ và xem người ấy như Phật; hoặc có người nghe lại từ người khác, rồi đến đây diễn giải, ta cũng hiến dâng như vậy."

Bấy giờ, các Long vương Thương Khư và Y-la-bát… muốn gặp Đức Phật, khát ngưỡng Thế Tôn, nghĩ tưởng đến Thế Tôn, nên thường vào các ngày mùng tám, mười bốn, mười lăm… mỗi tháng có trăng và không trăng đem bát vàng quý đựng đầy lúa bạc, bát bạc đựng đầy lúa vàng và Long nữ trang điểm lộng lẫy, đồng đến bên bờ sông Hằng, đứng yên nơi đất trống, hai Long vương cùng nói hai bài kệ:

Do đâu được tự tại?

……

Gọi là nhân duyên hết.

Rồi lại nói:

–Nếu ai hiểu được ý nghĩa hai bài kệ này, chúng tôi sẽ đem hai bát vàng bạc… và Long nữ dung nhan đoan chánh khả ái, hiến dâng cho vị ấy.

Khi Long vương thông báo khắp việc này, tiếng đồn tám phương, khắp những nơi rừng rú, sông nước, đất bằng, có những vị Bà-la-môn, trưởng giả cùng nhau thảo luận: "Thường vào sáu ngày mỗi nửa tháng có trăng và không trăng, hai vị Long vương xuất hiện từ dưới nước sông Hằng, đem theo hai bát vàng và bạc đựng đầy lúa bạc và vàng cùng một Long nữ trang sức đầy anh lạc, lên đứng trên bờ sông, nói hai bài kệ:

Do đâu được tự tại?

……

Gọi là nhân duyên hết.

Lại nói thế này: "Nếu ai đọc và giải nghĩa hai bài kệ này, chúng tôi sẽ hiến dâng hai bát vàng và bạc cùng Long nữ."

Khi ấy, các vị Bà-la-môn và trưởng giả nghe Long vương nói vậy, từ tám phương tranh nhau tụ tập trước Long vương, mỗi người tự xưng rằng tôi có thể đọc giải nghĩa được hai bài kệ này. Khi đến trước Long vương, họ không hiểu nghĩa và cũng không đọc được kệ, có người đọc được lại hỏi hai Long vương, kệ này thế nào? Ý nghĩa ra sao?

Thuở ấy Tiên nhân đồng tử Na-la-đà cư ngụ tại nước Ma-dà-đà được dân chúng tôn là bậc Đạo sư, nam nữ trong nước tôn trọng cung phụng, tám thán ca ngợi Tiên nhân. Họ nói: "Tiên nhân Na-la-đà đem điều ngài đã biết, dạy lại cho người khác biết, đem điều ngài đã thấy chỉ lại cho người khác thấy."

Bấy giờ nam nữ dân chúng trong nước Ma-dà-đà đều nghĩ: "Tiên nhân đồng tử Na-la-đà, đã tự biết, tự thấy đem dạy lại cho người khác cũng biết cũng thấy. Chúng ta ngày nay nghe hai bài kệ nơi hai Long vương,

không có người đọc được cũng không có người giải nghĩa được. Chúng ta có thể đến trình việc này cho đồng tử Na-la-đà."

Suy nghĩ như vậy rồi, tất cả các vị Bà-la-môn, trưởng giả trong nước Ma-dà-đà đồng đến chỗ đồng tử Na-la-đà. Sau khi đến nơi, họ cùng nhau bạch rõ ràng cho đồng tử Tiên nhân Na-la-đà:

–Nhân giả nếu thấy hợp thời, trên bờ sông Hằng có hai vị Long vương, một tên là Thương Khư, một tên là Y-la-bát, thường vào sáu ngày trong mỗi tháng có trăng và không có trăng, xuất hiện từ dưới sông Hằng lên trên bờ sông, đem theo hai bát vàng bạc đựng đầy lúa bạc và vàng, cùng một Long nữ. Nếu ai giải được bài kệ này, họ sẽ hiến dâng những thứ này cho người giải kệ.

Do đâu được tự tại?

……

Gọi là nhân duyên hết.

Bấy giờ đồng tử Tiên nhân Na-la-đà thầm nghĩ: "Tất cả dân chúng nước này đều cúng dường ta, họ tôn trọng vâng thờ khâm phục ta. Họ lại cho rằng những điều ta tự biết, tự thấy đều đem dạy lại cho người khác. Nếu nay ở trước công chúng, ta nói không hiểu hai bài kệ này, thì dân chúng trong nước sẽ chê bai ta. Tất cả lợi dưỡng và danh dự sẽ bị giảm sút, ta đều mất cả hai."

Tiên nhân Na-la-đà nghĩ như vậy rồi, liền bảo các vị Bà-la-môn, đại trưởng giả nước Ma-da-đà:

–Ta cùng các vị cùng nhau đi đến hai vị Long vương xin hỏi bài kệ để xem ý nghĩ thế nào.

Bấy giờ đồng tử Tiên nhân Na-la-đà cùng các Bà-la-môn, trưởng giả và dân chúng nước Ma-dà-đà đi hai bên tả hữu, suy tôn đồng tử Tiên nhân Na-la-đà là bậc Thượng thủ, đến chỗ hai vị Long vương thưa:

–Thưa hai vị Long vương, xin các vị vì chúng tôi nói hai bài kệ, để chúng tôi nghe rồi nhận ra nghĩa lý.

Lúc ấy hai vị Long vương Thương Khư…, nói hai bài kệ:

Do đâu được tự tại?

……

Gọi là nhân duyên hết.

Đồng tử Tiên nhân Na-la-đà bảo hai Long vương:

–Ta nhận hai bài kệ nơi hai Long vương, từ nay trở đi hết bảy ngày, ta sẽ trở lại giải đáp ý nghĩa hai bài kệ cho các vị.

Hai Long vương thưa:

–Như lời Nhân giả dạy, xin làm như vậy.

Nhận hai bài kệ từ hai vị Long vương, rồi Na-la-đà về thảo am. Tất cả nhân dân nước Ma-dà-đà, nước Kiền-tát-la, nước Cưu-ưu, nước Bàn-giá… nghe tin đồn đồng tử Tiên nhân Na-la-đà nhận hai bài kệ từ hai Long vương Thương Khư và Y-la-bát và nói rằng qua bảy ngày sau sẽ trở lại nơi ấy, giải đáp ý nghĩa hai bài kệ cho Long vương. Do đó, họ sửa soạn xe cộ như xe voi, xe ngựa, xe trâu và người đi bộ tụ tập về sông Hằng. Bấy giờ trên hai bên bờ sông Hằng tụ tập chật ních đến tám vạn bốn ngàn người, đủ các thành phần, đồng muốn nghe Tiên nhân Na-la-đà giải thích kệ cho hai Long vương.

Bấy giờ hàng lục sư ngoại đạo ở thành Ba-la-nại đều tự cho mình là Tôn sư. Hàng lục sư gồm có Phú-lan Ca-diếp, Na-tát-ca-lê-cù-xa-ca-lê-ca, A-kỳ-đa-kỳ-xa-ca-ma-la, Ba-la-phù-đa-ca-giá-gia-na, San-xa-di-tỳ-la-sư-thùy-phú-đa-la và Ni-càn-tha-nhã-kỳ-phú-đa-la.

Khi ấy đồng tử Tiên nhân Na-la-đà đi đến gặp lục sư ngoại đạo, để hỏi ý nghĩa hai bài kệ. Khi được hỏi, lục sư ngoại đạo đã không hiểu được ý nghĩa của kệ, ngược lại còn làm cao, tức giận, hỏi ngược lại Tiên nhân Na-la-đà:

–Hai bài kệ nào có ý nghĩa gì?

Thuở ấy Đức Thế Tôn vừa thành đạo, đang ngự trong vườn Nai, khu rừng chư Thiên đời trước ở, thuộc thành Ba-la-nại. Đồng tử Tiên nhân Na-la-đà suy nghĩ: "Có Sa-môn đang ở trong vườn Nai, khu rừng chư Thiên đời trước ở, thuộc thành Ba-la-nại, ta hãy đến đó hỏi hai bài kệ này." Rồi ông lại suy nghĩ: "Từ các vị Sa-môn, Bà-la-môn xuất gia đã lâu, tuổi cao đức trọng, đã từng giữ chức Quốc sư cho các vương triều như Phú-lan Ca-diếp, Ni-càn-đà-nhã-kỳ-phú-đa-la… Ta đến hỏi, họ đều không biết, không thể giải đáp được, huống chi Sa-môn thiếu niên này, chẳng bao nhiêu tuổi, lại vừa mới xuất gia, nếu ta đến hỏi ý nghĩa hai bài kệ này, làm sao người đáp được." Rồi miên man nghĩ tiếp: "Chẳng nên vội khinh vị Sa-môn, Bà-la-môn trẻ tuổi. Lý do tại sao? Vì Sa-môn niên thiếu kia, hay Bà-la-môn niên thiếu kia cũng có khi trí tuệ họ thông minh lanh lợi. Vậy ta nay nên đến vị Đại Sa-môn kia hỏi ý nghĩa hai bài kệ này."

Lúc ấy đồng tử Tiên nhân Na-la-đà liền đi đến gặp Đức Phật, cùng nhau gặp mặt chào hỏi bằng những lời tốt đẹp. Nói chuyện thăm hỏi xong, đồng tử Tiên nhân Na-la-đà ngồi về một bên, bạch Phật:

–Thưa Tôn giả Sa-môn Cù-đàm, tôi muốn thưa hỏi Tôn giả một việc, không biết Tôn giả có bằng lòng hay không?

Đức Phật bảo đồng tử:

–Này đồng tử, tùy ý ông muốn hỏi việc gì, Ta sẽ giải đáp cho ông.

Được Phật cho phép đồng tử Tiên nhân Na-la-đà dùng kệ hỏi:

Tại sao được tự tại?
Say đắm gọi là nhiễm?
Sao gọi là thanh tịnh?
Sao gọi là ngu si?
Người ngu cớ gì mê?
Sao gọi là người trí?
Hợp gì phải biệt ly?
Gọi là nhân duyên hết?

Đức Thế Tôn nghe đồng tử nói kệ xong, Ngài dùng kệ giải đáp cho đồng tử Na-la-đà:

Do thứ sáu tự tại
Vua nhiễm gọi là nhiễm.
Không nhiễm mà có nhiễm
Do vậy gọi là si.
Bị chìm trong nước lớn
Nên gọi hết phương tiện.
Thông tất cả phương tiện
Nên gọi là người trí.

Bấy giờ đồng tử Tiên nhân Na-la-đà nghe được bài kệ của Phật như vậy, tâm ý sáng suốt, hết sức vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không tài nào diễn tả. Nghe rồi, ông đi đến gặp hai Long vương và bảo họ:

–Này hai vị Long vương hãy nói kệ hỏi ta!

Hai Long vương liền dùng hai bài kệ hỏi đồng tử Tiên nhân Na-la-đà:

Tại sao được tự tại?
……
Gọi là hết nhân duyên?

Đồng tử Tiên nhân Na-la-đà dùng hai bài kệ của Đức Phật giải đáp Long vương:

Do thứ sáu tự tại
……
Nên gọi là người trí.

Khi Long vương Y-la-bát nghe bài kệ này rồi, suy nghĩ: "Ta đã gặp được Đấng Thế Tôn Vô Thượng, ta nay gặp được Đấng Thiện Thệ Tối Thắng, ta nay đã biết Thế Tôn xuất hiện. Ta biết Thiện Thệ, biết Đại Thánh Thế Tôn vì ta mà đản sinh, vì ta mà xuất thế, vì ta mà giác ngộ." *(lập lại hai lần như vậy).*

Khi ấy Đại Long vương Y-la-bát và Thương Khư nghĩ như vậy rồi, bạch Đồng tử Na-la-đà:

–Thưa Nhân giả đồng tử, hai bài kệ mà ngài giải đáp cho chúng tôi, thật là sức biện tài tự ý của ngài, hay là ngài nghe lại từ người khác, rồi biện giải lại nghĩa này. Thưa đồng tử Tiên nhân, chúng ta thật chẳng thấy trong thế gian này, cho đến Thiên giới, có Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc trời người mà có khả năng biện tài luận thuyết thông đạt được hai bài kệ này, thật không có việc như vậy. Chỉ có Đức Như Lai Thế Tôn Vô Thượng, hoặc đệ tử của Ngài, thường hầu bên Phật, nghe Ngài nói mới biện giải được như vậy mà thôi.

Bấy giờ đồng tử Tiên nhân Na-la-đà dùng kệ bảo hai Long vương Y-la-bát và Thương Khư:

Long vương nói đúng, chẳng phải ta
Đại Thánh Thế Tôn đã xuất hiện
Thân đủ tướng tốt tự trang nghiêm
Ngài mới biện tài thuyết như vậy.

Bấy giờ Long vương Y-la-bát dùng kệ bạch đồng tử Tiên nhân Na-la-đà:

Đại tiên nói rằng Phật nói kệ
Phải chăng nằm ngủ nghe trong mộng
Hay là đối diện nghe rõ ràng
Xin ngài nói lại cho thật rõ.

Theo những điều mắt thấy, đồng tử Tiên nhân Na-la-đà lại dùng kệ đáp lời Long vương:

Trượng phu tự tại giữa trời, người
Đang ở vườn Nai, Ba-la-nại
Đã chuyển pháp luân vô thượng rồi
Như sư tử rống giữa rừng đẹp.

Long vương Y-la-bát dùng kệ bạch đồng tử Tiên nhân Na-la-đà:

Nhân giả nói về Phật Thế Tôn
Xưa ta chẳng nghe, nay mới biết
Nghe rồi cùng ngài đến chỗ Phật

Chiêm ngưỡng tướng tốt khó nghĩ bàn.
Xưa thấy, ngày nay lại được thấy
Tướng tốt Như Lai Bậc Chánh Giác
Ngày nay mới hiện lại thế gian
Khó gặp giống như hoa đàm bát
Trải qua nhiều kiếp hiện một lần.
Trong sáng như trăng giữa hư không
Kim thân đoan chánh nhiều tướng tốt
Chánh giác Tối thượng đại Bồ-đề
Diệu âm nhiều kiếp chẳng được nghe
Trong trẻo giống như giọng Phạm thiên
Nếu ai nghe được tiếng của Ngài
Theo Phật đi vào cửa giải thoát.

Sau khi Long vương Y-la-bát tán thán Đức Phật Thế Tôn, lại thưa hỏi Tiên nhân Na-la-đà:

–Thưa Tiên nhân, ngài nói về Phật như vậy chăng?

Khi đồng tử Tiên nhân đáp lời Long vương:

–Ta nói về Phật như vậy[5].

Long vương lại nói:

–Thưa Tiên nhân Na-la-đà, như ngài nói bậc Minh sư khó xuất hiện ở đời, đó là Phật Thế Tôn phải không? Thưa Tiên nhân Na-la-đà, Đấng A-la-hán Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nay ở đâu?

Bấy giờ, đồng tử Tiên nhân Na-la-đà sửa y phục, trịch áo vai phải, chắp tay hướng về chỗ Đức Phật ở để chỉ cho Long vương và nói:

–Các vị Long vương, nếu các ngài muốn biết chỗ ở của Đức Phật Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì hiện giờ Đức Phật đang ở chỗ đó.

Khi Long vương biết chỗ ở của Đức Phật rồi, liền sửa y phục trịch áo vai bên phải, đầu gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về chỗ ở của Đức Phật, xướng lên ba lần thế này: "Đảnh lễ Thế Tôn Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác."

Long vương Y-la-bát thưa đồng tử Tiên nhân Na-la-đà:

–Đồng tử Tiên nhân có thể cùng tôi đến chỗ Đức Thế Tôn được không?

---

[5]. *Trong bản Phạm ngữ hỏi đáp hai lần.*

Đồng tử Na-la-đà nhận lời Long vương:

–Tốt lắm Long vương! Chúng ta cùng đi.

Hai vị Long vương Y-la-bát và Thương Khư, cùng với quyến thuộc vô lượng long chúng, cùng đồng tử Tiên nhân Na-la-đà… tất cả tám vạn bốn ngàn người sắp đi đến chỗ Phật.

Bấy giờ, Long vương Y-la-bát suy nghĩ: "Nếu ta đem thân hình biến hóa, để lễ Phật thì ta là người không biết điều, ta nên dùng báo thân sẵn có xưa nay để đến chiêm ngưỡng Phật." Nghĩ thế rồi, Long vương Y-la-bát trở về long cung, tự dùng báo thân để đi chiêm bái Phật. Từ thành Xoa-thi-la ở phía Bắc Thiên trúc hướng về nước Ba-la-nại hơn ba trăm sáu mươi do-tuần. Lúc ấy Long vương muốn ra khỏi long cung để đi chiêm bái Phật, đầu Long vương đã đến chỗ Đức Phật mà đuôi còn ở tại long cung, đầu giống như chiếc thuyền độc mộc, cổ như vòi voi phun nước, tai giống như chiếc bát bằng đồng của nước Kiền-tát-la, miệng phun ra ngọn lửa sáng giống như điện chớp phát ra từ đám mây đen, tiếng nói như sấm rền phát ra âm thanh vi diệu, quyến thuộc cùng đi với Y-la-bát là tám vạn bốn ngàn người.

Y-la-bát từ xa trông thấy Đức Như Lai hết sức đoan chánh sáng chói phi thường, nên rất hoan hỷ…, giống như những vì sao lấp lánh tô điểm cho bầu trời về đêm, thấy rồi sinh tâm thanh tịnh chánh tín, vui mừng hớn hở tiến về phía Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn trông thấy Long vương Y-la-bát đang từ từ tiến đến. Thấy rồi, Ngài nói:

–Lành thay! Hãy đến đây! Xa cách đã lâu, ngày nay thân thể nhà vua có an ổn không? Ít bệnh ít phiền não không? Và tất cả quyến thuộc có khỏe mạnh chăng?

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 38

Phẩm 41: NA-LA-ĐÀ XUẤT GIA (Phần 2)

Bấy giờ Long vương Y-la-bát suy nghĩ: "Đức Thế Tôn đã biết danh tánh ta." Nên đối với Như Lai, Long vương càng thêm hoan hỷ, tâm được thanh tịnh, hết lòng ái kính. Khi ấy Y-la-bát ẩn hình rồng lại hóa thành thân đồng tử đứng trước Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui đứng về một bên, liền đọc hai bài kệ hỏi Phật:

Vua nào được tự tại?
Say đắm gọi là nhiễm?
Sao gọi là thanh tịnh?
Sao gọi là ngu si?
Người ngu cớ gì mê?
Sao gọi là người trí?
Hợp gì phải biệt ly
Gọi là nhân duyên hết?

Lúc ấy, Đức Thế Tôn lại dùng kệ đáp:

Do thứ sáu tự tại
Vua nhiễm gọi là nhiễm
Không nhiễm mà có nhiễm
Do vậy gọi là si.
Bị chìm trong nước lớn
Nên gọi hết phương tiện
Thông suốt hết phương tiện
Nên gọi là người trí.

Long vương Y-la-bát lại dùng kệ bạch Phật:

Giữ gìn giới gì, tu hạnh gì
Lại do nhân duyên tạo nghiệp gì
Thọ thân tối thắng hơn trời người
Tu tập tối thượng lợi vô biên?

Đức Thế Tôn nói kệ đáp lại Long vương:

Phụng dưỡng người già chớ mắng người
Muốn gặp Tôn trưởng phải đúng lúc
Thường hành ái ngữ tu thiện pháp
Thường nghe chân thật nói điều lợi,
Thích pháp nhớ kỹ đến Bồ-đề
Trí tuệ phân biệt tư duy nghĩa
Thật ngữ tinh cần tu phạm hạnh
Thường hành bố thí với mọi người,
Chất trực cần cù soi xét kỹ
Nói năng khóc cười đều lánh ác
Ngạo mạn gièm pha đều lánh xa
Chớ kết oán thù cùng người khác
Chánh niệm nói ra lời hoàn hảo
Hoặc nghe, hoặc biết tâm ý định.
Như người thường sống theo phóng dật
Không chánh tư duy, chẳng nghe pháp
Nếu hay tu hành nhân chánh đạo
Khẩu nghiệp thanh tịnh cũng từ đây
Nhẫn nhục chánh niệm, chánh tư duy
Nhờ vào học rộng trí đa văn.

Nghe Đức Thế Tôn nói bài kệ này rồi, đồng tử Na-la-đà tâm lìa ái dục. Long vương Y-la-bát gặp Đức Phật, nghe pháp chiêm ngưỡng tôn nhan vui buồn lẫn lộn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi Đại long vương Y-la-bát:

–Cớ gì ông vừa gặp Ta, tươi cười rồi bỗng nhiên buồn khóc ròng thế?

Long vương Y-la-bát bạch Phật:

–Thưa Đức Như Lai Thế Tôn, con nhớ đời quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Khi ấy con ở trong giáo pháp của Ngài làm người xuất gia tu phạm hạnh. Thưa Thế Tôn, thuở ấy con thấy một cây cỏ tên là Y-la, dùng tay bẻ cây cỏ này, rồi cầm đi đến chỗ Phật Ca-diếp, bạch Phật: "Thưa Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo bẻ cỏ Y-la có mắc quả báo gì không?"

Đức Thế Tôn đáp: "Này Tỳ-kheo, ông phải biết, nếu Tỳ-kheo cố ý bẻ cỏ này, thì người ấy sẽ đọa vào địa ngục kiên cố."

Thưa Thế Tôn, lúc ấy con được Đức Phật Ca-diếp Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác dạy lời như vậy, nhưng trong tâm không tin, nên không cho là việc hy hữu quá ư đặc biệt. Do vì không nghe Phật

Ca-diếp dạy, không nhận sự chỉ giáo của Như Lai, lại suy nghĩ rằng ta chỉ bẻ gãy cây cỏ Y-la, làm gì có quả báo như vậy.

Thưa Thế Tôn, khi ấy con đã phạm tội đọa mà không tin quả báo tội đọa, lại không xả bỏ tà kiến này, nên sau khi qua đời con liền sinh trong loài rồng trường thọ. Vì lý do ấy mà con có tên là Y-la-bát. Bấy giờ, con trở lại chỗ Đức Phật Ca-diếp bạch: Thưa Đại Thánh Thế Tôn, không biết chừng nào con thoát khỏi thân rồng xấu xí này? Khi nào con trở lại thân người?" Thưa như vậy rồi con đứng im lặng.

Lúc ấy, Đức Phật Ca-diếp Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác liền bảo con: "Này Đại long vương, ông phải biết, qua chừng ấy năm, chừng ấy trăm năm, chừng ấy ngàn năm, chừng ấy trăm ngàn vạn ức năm về sau, sẽ có Đức Phật ra đời hiệu là Thích-ca Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật Thích-ca sẽ thọ ký cho ông được làm thân người. Thưa Thế Tôn, vừa rồi con nghĩ rằng trong quá khứ, vì không tin, chống lại giới pháp của Đức Phật Ca-diếp, nên sinh làm thân rồng, nay nhờ chút ít thiện duyên nên được gặp Ngài mà không thể trì giới. Thưa Thế Tôn, con tự thấy tội lỗi như vậy, quở trách tự thân, nên buồn khóc ràn rụa cả mặt mày. Còn con thấy Thế Tôn nên hoan hỷ, đó là lý do khiến con tươi cười. Thưa Thế Tôn, con nghĩ: "Hy hữu thay! Hy hữu thay! Chưa từng có pháp nào như vậy, chỉ có Đức Phật Thế Tôn mới có pháp như vậy! Nghĩa là không có hai lời." Như Đức Phật Ca-diếp thọ ký cho con: "Này Đại long vương, trải qua chừng ấy năm… chừng ấy ức năm, ở tương lai có Đức Phật ra đời…." Nay y như lời Ngài đã thọ ký không sai khác. Thưa Thế Tôn do nhân duyên đó, nay con xin hỏi Thế Tôn:

–Chừng nào con thoát khỏi thân rồng? Chừng nào con được trở lại thân người?

Đức Thế Tôn bảo Đại long vương Y-la-bát:

–Này Đại long vương, từ nay trở đi trải qua chừng ấy năm,… chừng ấy ức năm *(như đã nói trước)* vào đời vị lai có Đức Phật ra đời hiệu là Di-lặc Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc ấy Đại vương sẽ được thân người, được Đức Phật Di-lặc độ cho xuất gia, tu phạm hạnh, diệt sạch các khổ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại vì Y-la-bát thuyết diệu pháp, khiến Long vương được hoan hỷ. Ngài khuyến khích dạy:

–Long vương hãy đến đây, quy y Phật, Pháp, Tăng và thọ trì năm cấm giới, thì Đại long vương sẽ được lợi ích an lạc vô cùng lâu dài.

Long vương Y-la-bát nghe Đức Phật dạy những lời như vậy, liền bạch Phật:

–Vâng lời Thế Tôn dạy, con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và thọ trì năm giới.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Y-la-bát:

–Này Đại vương, đã đến lúc.

Y-la-bát thưa với đồng tử Na-la-đà:

–Mời đồng tử lại đây, đồng tử cần bao nhiêu vàng bạc châu báu, tùy ý nhân giả, tôi sẽ dâng đủ cho nhân giả, còn Long nữ này nhân giả không nên dùng. Vì sao? Vì hơi thở của Long nữ có thể làm cho thân người thế gian biến thành tro bụi.

Na-la-đà trả lời Long vương:

–Này Đại long vương, ta không cần vàng bạc ngọc báu, cũng không cần ngọc nữ của Long vương. Lý do tại sao? Vì ta được ở bên Đức Phật nghe kệ, nên đối với ái dục đã nhàm chán xa lìa.

Long vương Y-la-bát đảnh lễ dưới chân Phật nhiễu quanh ba vòng rồi tạ từ ra về.

Đức Phật tuần tự dạy bảo cho tám vạn bốn ngàn chúng mà Na-la-đà là bậc Thượng thủ những giáo pháp như bố thí, trì giới, sinh lên trời… lại chỉ bày nhiều sự đau khổ do lòng tham dục, khiến họ nhàm chán xa lìa để chứng lậu tận. Ngài lại tán thán công đức xuất gia là yếu tố trợ giúp trên đường giải thoát.

Đức Phật biết các đại chúng mà Na-la-đà là vị thượng thủ, đều vui mừng hớn hở, thân tâm thư thái không còn chướng ngại. Bấy giờ Đức Phật dạy pháp trọng yếu chân chánh để đại chúng sinh hoan hỷ đó là pháp bốn chân lý: Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Đức Thế Tôn dùng tất cả phương tiện để thuyết, giải thích, chứng minh, xiển dương phân tích, kiến lập phương pháp thực hành tu tập; như thế này là khổ, như thế này là nguyên nhân của khổ, là diệt khổ và như thế này là pháp chứng đạo.

Đức Thế Tôn đem bốn chân lý chân thật này, bằng các nhân duyên, diễn thuyết chứng minh… dạy phương pháp tu hành. Khi ấy đại chúng liền ngay tại chỗ xa lìa trần cấu, dứt sạch phiền não, đối với các pháp được con mắt trí tuệ thanh tịnh, bao nhiêu nguyên nhân đau khổ đều trừ diệt, hiểu biết các pháp một cách như thật, ví như áo sạch không có chút dơ bẩn, không chỉ đen, khi muốn nhuộm màu gì thì thành màu đó. Đúng vậy! Đúng vậy! Na-la-đà và đại chúng này ngay tại chỗ ngồi xa lìa phiền não, các

nguyên nhân khổ đều diệt, biết thật tướng các pháp, kiến lập vô úy, vượt khỏi lưới nghi, chẳng phải nghe từ người khác nói, biết được là do Thế Tôn dạy, tất cả đều quy y Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng và thọ lãnh năm cấm giới. Bấy giờ, tám vạn bốn ngàn đại chúng này liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ sát chân Phật đi nhiễu quanh ba vòng rồi từ tạ ra về.

Lúc đó đồng tử Tiên nhân Na-la-đà đã thấy các pháp, đã được các pháp, đã chứng thật tướng các pháp rồi, vượt qua các nghi, thoát khỏi mê hoặc, lại không mắc vào lưới nghi, đã được vô úy, chẳng phải nghe từ người khác, đã biết giáo pháp sâu kín của Thế Tôn, liền đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật và bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn cho con được xuất gia thọ Cụ túc giới!

Bấy giờ Đức Phật bảo đồng tử:

–Lành thay! Đến đây Tỳ-kheo, vào trong giáo pháp của Ta tu phạm hạnh, sẽ chấm dứt khổ đau, đến được bờ Niết-bàn.

Liền khi ấy, đồng tử thành người xuất gia thọ giới Cụ túc.

Khi Trưởng lão Tỳ-kheo Na-la-đà đã xuất gia rồi, thành tựu giới Cụ túc chưa được bao lâu, đi đứng thiền tọa một mình, xa lánh nơi đông đảo ồn ào, giữ gìn thân khẩu chưa từng phóng túng, tinh tấn dũng mãnh chưa bao giờ trễ nải. Thiện nam này được xuất gia tu phạm hạnh vô thượng, chưa được bao lâu đã tiến đến bờ giải thoát, hiện thấy thật tướng các pháp, tự chứng các pháp thần thông, chứng rồi tự biết, tự thấy, tự giác ngộ rồi nói lên thế này: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân đời sau." Biết rõ như vậy, Trưởng lão này liền thành A-la-hán đắc tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát. Tỳ-kheo Na-la-đà này đắc quả Vô trước A-la-hán, ở riêng chỗ vắng lặng suy nghĩ: "Ta có thể đến bên Đức Phật, dùng bài kệ hỏi ngài."

Buổi sáng nọ, Trưởng lão Tỳ-kheo Na-la-đà từ phòng ra đi hướng đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, vị ấy đảnh lễ dưới chân Phật, rồi lui ra một bên. Bấy giờ Na-la-đà liền dùng kệ hỏi Đức Phật về các nghĩa:

Con nay mới biết A-tư-đà
Nói lời chân thật không sai khác
Nay lại được nghe Thế Tôn dạy
Bơi trong biển pháp đến Niết-bàn
Rời khỏi thế tục được xuất gia
Trì bát khất thực nuôi mạng sống
Tu hành pháp ấy được quả gì?
Nay con xin hỏi Phật Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói kệ đáp Trưởng lão Na-la-đà:

Ông hỏi quả báo tu phạm hạnh
Việc này vô thường khó biết được
Ta nay vì ông giải thích rõ
Cần phải tinh tấn thật vững bền.
Hễ người tu sĩ vào làng xóm
Được khen, bị chê xem như nhau,
Đề phòng những nơi làm loạn ý
Sẽ chứng tịch tịnh vô thượng quả.
Hành giả phải quán lời đường mật
Giống như lửa mạnh phừng phực cháy
Thấy người phụ nữ thân kiều diễm
Cần phải xa lìa chớ nhiễm tâm.
Do vì ái dục không tham đắm
Do mình và người không ái nhiễm
Không nhiễm tức không sinh tranh đấu.
Bao nhiêu chủng loại ở thế gian
Thân mình, thân người không có khác
Mạng sống ai ai cũng giống nhau
Chín chắn tư duy quán như vậy.
Khi sân chớ có giết, hại nhau
Tham, mạn các thứ nên tiêu diệt
Tất cả phàm phu chấp đắm thân
Người có mắt tuệ nên lìa oán
Như uống độc dược, đều bị chết.
Nếu vào xóm làng xin vật thực
Chẳng xem việc đời, tâm tán loạn
Tránh xa những nơi gây tham đắm
Do vì không đắm nên giải thoát.
Đêm vắng tọa thiền không mơ tưởng
Lánh xa làng xóm cũng chớ màng.
Sáng ra đến giờ đi khất thực
Chánh niệm tư duy bước vào làng
Trầm tĩnh mặc nhiên đi trong xóm
Khất thực thứ lớp trải từng nhà,
Du hành trong xóm đừng giỡn cợt
Không nên thô lỗ nói với người
Tay nâng bình bát đi khất thực

Dù có hùng biện chỉ làm thinh.
Khất thực dù ít chẳng nên buồn
Chẳng nên mạ lỵ người cho ít
Được họ dâng cúng thật là tốt
Với kẻ không cho, chớ nên buồn.
Đối hai người ấy tâm bình đẳng
Về lại gốc cây, dùng tùy ý
Ăn xong trở lại vào trong núi
Kiết già tọa thiền dưới gốc cây,
Giống như Tiên nhân ngồi nệm cỏ
Thân khẩu và tâm đều thu nhiếp
Khủng bố chẳng sợ, giữ tâm ý
Thế sự chẳng màng, vui rừng núi.
Dưới cây an tọa khéo tư duy
Lưỡi ép chân răng, thở nhè nhẹ
Ngoài ra, điều phục hết các căn
Tâm ý chẳng được duyên các pháp.
Tâm ý không vướng vào cảnh giới
Các pháp uế trược phải xa lìa
Chân tâm thanh tịnh tu phạm hạnh
Lời hay lẽ phải cần siêng học.
Thông minh đa trí phải phụng thờ
Người lìa ái dục ưa tịch tĩnh
Những người như vậy nên gần gũi
Đến về bên họ, tâm tín thuận
Tin rồi cung kính như Thế Tôn.
Chẳng nói việc tốt xấu nhà người
Không được chê người, khen ngợi mình
Không được cao giọng nói lớn lời
Như lửa phừng cháy, xa cũng nghe.
Tư duy như vậy dứt ái triền
Tỳ-kheo xuất gia là như thế.
Việc làm, không làm, thân chẳng vướng
Bình đẳng như vậy mọi việc an
Hạnh tu Thánh nhân phải như vậy.
Phải biết nghiệp báo như xe lăn
Giảng nói Thánh pháp cho một người
Người ấy tư duy thì chứng biết

Ngồi nơi vắng, điều phục các căn
Điều phục căn rồi tâm thanh tịnh
Về sau tiếng tốt truyền mọi nơi.
Hạnh này chỉ có trong rừng vắng
Hoặc ngồi trong núi dưới gốc cây
Hoặc tại bờ sông, bên ao suối
Nên ngồi tư duy chỗ như vậy.
Trí tuệ yếu kém thường ngủ nghỉ
Định lực dồi dào sinh giác ngộ
Như suối, như ao, như biển cả
Người tu thiền định cũng như vậy.
Người ngu như nửa bình nước cơm
Kẻ trí nào khác ao nước đầy
Người trí dầu có nói năng nhiều,
Tuy vậy mọi lời đều đúng lúc
Có người hùng biện lý luận nhiều
Hoặc người ít nói mà hiểu đúng
Ít nói như vậy cũng là trí
Như vậy gọi là Tiên thánh nhân
Cũng là chân thật tu Trung đạo
Đó là tịch tĩnh được giải thoát.

Đức Thế Tôn nói bài kệ này rồi, Trưởng lão Na-la-đà tâm ý được khai ngộ. Lại có vị sư nói: "Họ của Trưởng lão Na-la-đà thuộc dòng Ca-chiên-diên, nên còn gọi là Trưởng lão Ca-chiên-diên."

Đức Phật đã từng thọ ký: "Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết, trong chúng Thanh văn này của Ta, người hiểu ý nghĩa Phật pháp một cách nhanh chóng bậc nhất, hoặc nghe Ta nói nhiều mà thông minh lãnh hội hết, hoặc khi Ta nói cô đọng cũng lãnh hội rõ ràng, rồi vì người khác diễn giải. Đó là Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên này."

Bấy giờ chúng Tỳ-kheo nghe Đức Phật nói vậy, cho là việc hy hữu, nói với nhau:

–Tôn giả Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên trong hội này thật là ít có, đại chúng nghi ngờ lại không có người giải thích mối nghi ngờ cho chúng ta. Người rõ ý nghĩa mọi pháp chỉ có Thế Tôn mà thôi.

Họ liền đi đến chỗ Đức Phật, đồng bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, Trưởng lão Đại Ca-chiên-diên này đời trước trồng những căn lành gì, mà ngày nay đến với Phật liền được xuất gia

thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán? Rồi Đức Thế Tôn lại thọ ký ở trong chúng Thanh văn này là người có trí tuệ lanh lợi đệ nhất, Phật nói tóm lược mà người lại hiểu chi tiết, Phật nói rộng dài mà người lại hiểu được tóm lược, đó là Đại Ca-chiên-diên này vậy? Chúng con nguyện muốn được nghe.

Đức Thế Tôn bảo đại chúng Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, phải chí tâm lắng nghe, Ta nhớ thời quá khứ trong hiền kiếp, khi chúng sinh sống hai vạn tuổi, bấy giờ có Đức Như Lai xuất hiện ở đời hiệu là Ca-diếp Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi Đức Phật Ca-diếp Như Lai chuyển pháp luân dựng ngọn cờ pháp rồi, nguyện xưa của Ngài đã viên mãn, lợi lạc tự tại, khai thị giáo hóa chúng sinh, tất cả việc làm của bậc Đại trượng phu và độ tất cả chúng sinh trong chúng Liên Hoa tám vạn bốn ngàn ức loại, đều được sinh lên cõi trời. Sau khi Đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, các Tỳ-kheo ở trong vườn Nai, chỗ chư Tiên đời trước ở, thuộc thành Ba-la-nại, kiến lập pháp môn giải thoát, đều ở nơi đây mà thuyết pháp.

Thuở ấy, tại thành Ba-la-nại có một thiện tín Ưu-bà-tắc thọ trì ngũ giới. Vị Ưu-bà-tắc này thông suốt ngũ minh và phân biệt các luận ở thế gian một cách rành rẽ. Vị Ưu-bà-tắc này chỗ vị Tỳ-kheo ở trong vườn Nai hỏi về các ý nghĩa sơ lược. Được hỏi như vậy, các Tỳ-kheo liền thuyết giải rộng rãi. Vị Ưu-bà-tắc này nghe các Tỳ-kheo giải thích các nghĩa rộng rãi như vậy, tâm rất vui mừng, phát nguyện thế này: "Hay thay! Thật là hy hữu! Tôi nguyện ở đời vị lai được pháp giáo hóa như thế này, cũng có thể vì người khác theo thứ lớp phân tích rõ ràng cũng như các vị Tỳ-kheo này."

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy phải biết, vị Ưu-bà-tắc thọ ngũ giới thuở ấy nay là đồng tử Ca-chiên-diên. Do ở nơi Đức Phật Ca-diếp thọ ngũ giới, Ca-chiên-diên làm Ưu-bà-tắc hiểu rõ các pháp Ngũ minh một cách vi tế lại vì người khác diễn thuyết phân tích rõ ràng, thuở đó lại phát nguyện: "Nguyện đời vị lai thành tựu tất cả các pháp, rồi lại vì người khác diễn thuyết rộng rãi."

Lại nữa, này các thầy Tỳ-kheo, các thầy phải biết, Tỳ-kheo Ca-chiên-diên này do tâm hoan hỷ trồng các căn lành như vậy, nhờ nhân duyên đó nên ngày nay đến gặp Ta liền được xuất gia thành A-la-hán. Ta thọ ký ở trong chúng Thanh văn của Ta, là bậc đệ nhất đối với nghĩa tóm tắt, có thể giải bày rộng rãi; đối với nghĩa rộng rãi có thể tóm tắt, đó là Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên.

Bấy giờ, ở trong nhân gian có chín mươi hai vị A-la-hán: Thứ nhất là Đức Thế Tôn, năm vị Tỳ-kheo Kiều-trần-như…, Trưởng lão Da-du-đà; bốn vị Trưởng lão Vô Cấu, Thiện Tý, Mãn Túc, Ngưu Chủ, là những vị thiện nam rất giàu, trưởng giả tuyệt vời trong số các trưởng giả tuyệt vời bạn cũ của Da-du-đà; năm mươi vị thương chủ thanh niên, bạn bè của Da-du-đà từ các phương, Trưởng lão Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử và hai mươi chín bạn bè, cuối cùng là Trưởng lão Ca-chiên-diên.

□

Phẩm 42: TA-TỲ-DA XUẤT GIA (Phần 1)

Thuở xưa, ở phía Bắc Thiên trúc có một tòa thành tên Đặc-xoa-thi-ca *(nhà Tùy dịch là Tước Thạch).* Bấy giờ, trong thành có một gia đình, người vợ bỗng nhiên sinh song thai, một trai một gái; vợ chồng mời tướng sư danh tiếng đến xem tướng. Tướng sư xem tướng nói rằng bé gái không có tướng tốt, không có điềm lành lợi ích. Cha mẹ bé gái nghe tướng sư nói như vậy, mới nghĩ: "Con mình đã không có tướng tốt, lại không có điềm lành, nếu để nó trưởng thành thì ai chịu cưới nó làm vợ." Cha mẹ bàn luận như vậy rồi, liền đưa bé gái đến một nữ đạo sĩ tên là Ba-lê-bà-xà *(nhà Tùy dịch là Hành Hành)* thưa như thế này:

–Nay vợ chồng chúng tôi đến đây xin bà nhận nuôi giùm đứa bé gái này, dạy cho nó đạo pháp được tăng tiến, bao nhiêu nhu cầu đời sống chúng tôi xin cung cấp.

Lúc ấy nữ đạo sĩ Ba-lê-bà-xà nhận lời nuôi dưỡng bé gái, chăm sóc bé gái đến mười lăm tuổi, trí khôn đầy đủ, liền dạy tất cả kỹ năng chú thuật. Bé gái trí tuệ thông minh thông suốt các luận, đối với tất cả môn học đều được thành tựu. Khi đến tuổi trưởng thành nhan sắc tuyệt vời ít ai sánh kịp, mặt mày đẹp đẽ hơn người, thân hình mềm mại, cốt cách đoan trang hình dung cân đối rất vẹn toàn, mọi người đều hoan hỷ, ai cũng thích nhìn.

Bấy giờ, trên thân đồng nữ mặc một chiếc xiêm và khoác trên vai một chiếc áo choàng đều bằng vỏ cây, tay cầm giá thau, để khi cần thì đặt bình nước tắm rửa, du hành khắp mọi nơi, vương môn, quốc thành, thôn ấp, xóm làng các nước… để tìm luận sư tranh tài, vì muốn thu phục họ. Trải qua nhiều ngày tháng, cô ta tình cờ gặp được đạo nhân Ba-lê-bà-xà tên là Tối Diệu Tự Tại Thắng Tha từ phía Nam Thiên trúc du hành qua nhiều xứ hướng về phía Bắc Thiên trúc. Đạo nhân này cũng dễ thương hình dung đoan chánh không ai bằng, tuổi còn tráng niên, khí lực sung mãn, mặt mày cũng đẹp đẽ hơn người, tay chân xinh đẹp. Trong hàng luận sư thì người này danh tiếng bậc nhất. Bấy giờ đạo nhân thấy đồng nữ Ba-lê-bà-xà với

hình dung kiều diễm nhan sắc tuyệt vời, rất dễ thương được mọi người thích ngắm trông như vậy nên để tâm yêu mến. Khi ấy đồng nữ Ba-lê-bà-xà cũng có tâm luyến ái đạo nhân Ba-lê-bà-xà. Rồi cả hai cảm mến luyến ái nhau.

Bấy giờ, đạo nhân Ba-lê-bà-xà nói với đồng nữ Ba-lê-bà-xà:

–Này nhân giả thiện nữ, ta nay rất muốn cùng nàng làm việc thế gian.

Đồng nữ cũng đáp lại:

–Tôi cũng thích cùng nhân giả ở chung một chỗ.

Đạo nhân Ba-lê-bà-xà bảo đồng nữ:

–Hai người chúng ta đều là kẻ xuất gia tu đạo, nếu ở trong phép đạo, làm việc thế gian như vậy, mà mọi người biết được chúng ta làm việc này, thì họ hủy nhục chê trách chúng ta. Vậy chúng ta phải lập kế, ở trước công chúng tranh luận với nhau, lập lời giao ước nếu ai thua cuộc thì phải hầu hạ người thắng cuộc.

Đồng nữ lại nói:

–Nếu như em thắng mà anh thua, thì việc này không tốt, không hợp lý, lẽ nào đấng trượng phu mà hầu hạ nữ nhi hay sao! Còn nếu em thua thì em phụng sự anh, đây là việc tốt vì thuận lý.

Khi ấy đạo nhân liền bảo đồng nữ:

–Hay thay! Hiền nữ, lời nói của nàng thật là chí lý, sẽ làm theo lời nàng.

Bấy giờ, đạo nhân Ba-lê-bà-xà ở trước công chúng đánh trống nghị luận rao rằng ở xứ này có người nào cùng ta tranh luận hay không? Hoặc có đồng nam Ba-lê-bà-xà, hoặc là đồng nữ Ba-lê-bà-xà, ai có thể vấn đáp với ta? Nếu có được thì tốt.

Khi xướng lên như vậy cho đến lần thứ ba, thì đồng nữ Ba-lê-bà-xà ở trong đại chúng nghe lời rao như vậy, liền đáp:

–Ta có thể cùng người nghị luận hỏi đáp qua lại.

Trước đại chúng với dung nghi yểu điệu, đồng nữ đưa ra câu hỏi. Đạo nhân Ba-lê-bà-xà giải đáp thông suốt. Rồi đạo nhân lại hỏi đồng nữ. Đồng nữ cũng giải đáp thông suốt. Hỏi qua lại như vậy đến lượt thứ hai, cả hai đều hỏi đáp thông suốt. Đến lần thứ ba đạo nhân Ba-lê-bà-xà hỏi đồng nữ. Đồng nữ đủ sức giải đáp thông suốt, nhưng vì trong tâm yêu đạo nhân Ba-lê-bà-xà, muốn làm người hầu hạ, nên giả đò không thông hiểu, đứng nín thinh không giải đáp. Như vậy, ở trước đại chúng đạo nhân Ba-lê-bà-xà đã chinh phục đồng nữ.

Bấy giờ đồng nữ đã bị đạo nhân Ba-lê-bà-xà chinh phục, liền ở trước đại chúng nhận lấy dép da và giá ba chân từ nơi tay của đạo nhân mà đi theo hầu. Hai người này sống dưới hình thức như vậy, tâm cấu uế loạn động không thể rời nhau, cùng ở chung một chỗ. Vì hai người đã sống chung với nhau, nên đồng nữ đã có mang. Khi đồng nữ có mang mất đi nhan sắc không còn tươi thắm như xưa. Đạo nhân Ba-lê-bà-xà thấy đồng nữ nhan sắc không còn như thuở nào, liền sinh tâm nhàm chán mà nói với đồng nữ:

–Ta nay không thể cùng nàng sống chung một chỗ.

Lúc ấy đồng nữ thưa với đạo nhân Ba-lê-bà-xà:

–Hai chúng ta đều là đạo nhân, vì cả hai đánh mất chánh niệm, tôi sống bên chàng nay đã mang thai, chàng thấy tôi giờ này hoa sắc không còn bỏ tôi ra đi, thì tôi lập tức sẽ chết theo, còn nếu chưa chết thì sẽ khổ não vô cùng.

Bấy giờ, đạo nhân Ba-lê-bà-xà tâm đã quyết định ra đi, nên trao cho đồng nữ một chiếc nhẫn bằng vàng dùng làm vật kỷ niệm và bảo đồng nữ:

–Nếu nàng sinh con gái thì đem bán chiếc nhẫn này để nuôi con, còn nếu sinh con trai thì trao chiếc nhẫn này làm tín vật và bảo nó đi tìm ta.

Ông trao chiếc nhẫn rồi bỏ đồng nữ ra đi, về hướng Nam Thiên trúc. Đồng nữ Ba-lê-bà-xà đi bộ khắp đó đây, lần lần đến làng Ma-hầu. Bên làng này có một vùng đất tên là Bạch vân, nàng nương sống ở nơi này hạ sinh một bé trai. Khi bé trai chào đời bao nhiêu dân chúng trong huyện đều lấy làm cảm động xót thương, hoặc có người cho sữa, hoặc có người cho dầu, ngoài ra những gì cần dùng đều được họ bố thí. Đồng nữ Ba-lê-bà-xà nghĩ thế này: "Ta đã sinh bé trai ở trong huyện này, có thể lấy địa danh này để đặt tên cho nó, để nhớ nơi mở mắt chào đời." Nên cô ta đặt tên đứa bé là Ta-tỳ-da *(nhà Tùy dịch là Huyện Quan).*

Khi ấy Ba-lê-bà-xà theo đúng phương pháp nuôi dưỡng bú mớm để bé Ta-tỳ-da được mau lớn. Trải qua năm tháng Ta-tỳ-da lần lần lớn khôn sắp đến tuổi trưởng thành, được nữ nhân Ba-lê-bà-xà dạy cho các môn văn thơ, hội họa, toán số, ấn ký, chú thuật ngoài ra các luận khác đều dạy, khiến đồng tử được thành tài. Đồng tử thông minh lanh lợi, nên đối với các môn học đều được thành tựu, không có môn nào là không biết.

Vào ngày nọ Ta-tỳ-da hỏi mẹ:

–Thưa mẹ, cha con là ai? Nay ở đâu?

Người mẹ đáp:

–Này con Ta-tỳ-da, cha con hiện nay đang ở phương Nam Thiên trúc, con nên đến đó để tìm kiếm cha con.

Khi ấy Ba-lê-bà-xà trao cho con chiếc nhẫn, mà trước khi đi đạo nhân đã trao cho bà làm vật kỷ niệm, trao rồi bảo con:

–Con đem vật kỷ niệm này đi tìm cha con.

Ta-tỳ-da liền đáp:

–Như lời mẹ dạy, con sẽ đi tìm cha.

Khi ấy Ta-tỳ-da nhận vật kỷ niệm, rồi dần dần đi về phía Nam Thiên trúc, từ thôn này đến thôn khác, rồi làng kia qua làng nọ, thành này đến thành khác, lần hồi đã đến miền Nam xứ Thiên trúc. Đến đâu anh cũng thắng những người luận nghị. Dần dần Ta-tỳ-da đến chỗ người cha mà không biết là cha mình, cũng không cần hỏi han. Đến nơi, anh ta liền đánh trống nghị luận, rao lên thế này:

–Xứ này có đạo nhân Ba-lê-bà-xà hay nữ đạo sĩ Ba-lê-bà-xà nào cùng với ta hỏi đáp nghị luận hay không?

Khi ấy đạo nhân Ba-lê-bà-xà vừa thấy đồng tử Ta-tỳ-da, tự nhiên trong tâm sinh ra tình cảm cha con. Đạo nhân hỏi đồng tử Ta-tỳ-da:

–Này thiện đồng tử, người là ai? Từ đâu đến đây?

Đồng tử nói nguyên do lai lịch một cách chi tiết với đạo nhân Ba-lê-bà-xà, rồi đưa nhẫn cho đạo nhân xem. Khi đạo nhân thấy chiếc nhẫn, nói với đồng tử rằng người là con của ta.

Khi Ba-lê-bà-xà được con, liền dạy thêm các chú thuật, kỹ nghệ mà xưa nay đạo nhân đã từng tu các thiền định, như vậy theo thứ lớp dạy các thiền định cho con mình. Sau đó, chẳng bao lâu đạo nhân Ba-lê-bà-xà qua đời. Sau khi cha qua đời, Ta-tỳ-da đi đến bờ biển, dựng một thảo am, trong cảnh vắng lặng tọa thiền tư duy, chẳng bao lâu chứng được bốn thiền và năm phép thần thông. Sau khi chứng đắc, đồng tử nghĩ thế này: "Trong thế gian này được bao nhiêu vị A-la-hán, đã tự xưng đã chứng đắc A-la-hán đạo, đối với họ ta cũng là A-la-hán không khác."

Mẹ của đồng tử sau khi qua đời sinh vào cõi trời Ba mươi ba. Ngay sau khi Đức Thế Tôn thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ở trong vườn Nai chuyển pháp luân vô thượng, khi ấy chư Thiên Địa cư tán thán, lần lượt chuyển dần lên đến cõi trời Ba mươi ba, thiên nữ mẹ của đồng tử ở cõi trời Ba mươi ba nghe lời tán thán này, trong tâm suy nghĩ: "Con ta ngày nay ở chỗ nào?" Rồi vị ấy chánh niệm quán sát, thấy con mình ở bên bờ biển.

Lúc ấy, vị trời với thân hình đẹp đẽ hơn chư Thiên khác, ngay giữa đêm phóng hào quang chiếu xuống và đi đến chỗ ở của con mình. Vị trời Ba-lê-bà-xà đi đến bên Ta-tỳ-da bảo:

–Này Ta-tỳ-da, ông chẳng phải là La-hán, cũng chưa nhập đạo A-la-hán và pháp A-la-hán, ông cầu pháp A-la-hán không có thứ lớp.

Ta-tỳ-da hỏi Thiên nữ:

–Chư Thiên là người gì? Thiên nữ là A-la-hán phải không? Có pháp chứng nhập đạo quả A-la-hán không? Và có giáo pháp để dạy tôi tu tập chứng quả A-la-hán không?

Thiên nữ liền đáp:

–Này Ta-tỳ-da, hiện nay có Đức Thế Tôn Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đang ở vườn Nai, nơi chư Thiên đời trước ở, thuộc thành Ba-la-nại, Đức Thế Tôn này chính là Bậc A-la-hán, đã vào đạo quả A-la-hán, tự hiểu biết rồi dạy lại cho người khác cũng đắc quả A-la-hán.

Khi ấy Ta-tỳ-da hỏi Thiên nữ:

–Thưa nhân giả Đại thiên, tôi thật vô trí, nên dùng cách gì để biết người đó là Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thiên nữ dạy Ta-tỳ-da:

–Này Ba-lê-bà-xà, ông muốn hỏi về ý nghĩa pháp cần phải hỏi người đó như thế này: "Ông nhận tên Tỳ-kheo như vậy là gì? Sao gọi là điều phục? Sao gọi là hành thiện? Sao gọi là Phật? Sao gọi là Tỳ-kheo? Sao gọi là Sa-môn và Bà-la-môn? Sao gọi là thanh tịnh? Sao gọi là trí và biết ruộng phước? Sao gọi là hiểu rõ phương tiện thiện xảo? Sao gọi là Tiên? Sao gọi là danh văn? Sao gọi là tùy thuận? Sao gọi là tinh tấn? Sao gọi là rồng? Sao gọi là lãnh thọ? Sao gọi là Thánh? Sao gọi là tu hành? sao gọi là cầu đạo? Này Ta-tỳ-da, ông hỏi người nào như vậy, họ giải thích từng vấn đề một khiến ông hoan hỷ, lúc ấy ông nên ở chỗ người đó để tu phạm hạnh.

Bấy giờ Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà nghe lời Thiên nữ chỉ dạy như vậy, ghi nhớ kỹ, liền du hành trải qua các quốc gia, thành ấp, thôn xóm nơi nơi đánh trống muốn cầu người luận nghị. Ông ta lại rao lên: "Có Sa-môn hay Bà-la-môn nào có thể giải thích nghĩa cây hỏi của ta… như thế này chăng?'

Lúc ấy chỗ nào Ta-tỳ-da đi đến thì chỗ đó không có người nào có thể luận nghị, giải đáp những câu hỏi như vậy. Chỗ nào Ta-tỳ-da đi đến, hoặc có những người đang ngồi tư duy các pháp, hoặc các bậc luận sư, hễ nghe Ta-tỳ-da đi đến chỗ mình, đều tẩu tán, rốt cuộc không có người nào dám cùng với Ta-tỳ-da tranh luận.

Thuở ấy, Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà cứ tuần tự mà đi lần hồi đến thành Ba-la-nại. Trong thành này có sáu đại luận sư, mỗi vị đều tự xưng là người bậc nhất trong thiên hạ. Các vị đó là: Phú-lan-na, ba anh em Ca-diếp, Ni-kiền Tử…

Ta-tỳ-da đến Phú-lan-na, chào hỏi thăm viếng lẫn nhau, rồi lui đứng sang một bên.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 39

Phẩm 42: TA-TỲ-DA XUẤT GIA (Phần 2)

Bấy giờ Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà hỏi đại luận sư Phú-lan-na Ca-diếp… các nghĩa lý đã nói trên, như: "Sao gọi là Tỳ-kheo? Sao gọi là cầu đạo?." Ta-tỳ-da hỏi Ca-diếp… các lời như vậy. Nghe câu hỏi rồi tâm ý Ca-diếp rối loạn không thể trả lời. Do không hiểu ý nghĩa các câu hỏi của Ta-tỳ-da, nên mặt hiện rõ ba nét là châu mày, cau mặt, nhăn trán, rất oán hờn, sân hận, phẫn nộ không nói lên được một lời. Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà suy nghĩ: "Vị Trưởng lão này không giải đáp được mảy may ý nghĩa các câu hỏi của ta, họ lại hiểu sai lầm ý của ta nên không thể giải thích được, lời nói lập cập càng thêm xấu hổ, nên oán hận. Ôi thật là bất tài!"

Khi ấy Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà nhàm chán, bỏ Phú-lan-na Ca-diếp để đi đến Ma-ta-ca-lê-cù-xa-lê và Ni-kiền tử. Sau khi đến gặp Ni-kiền tử, dùng lời tốt đẹp chào hỏi, an ủi hỏi han xong rồi, Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà thưa hỏi Ni-kiền tử như những câu hỏi trên: "Tỳ-kheo là nghĩa gì? Sao gọi là cầu đạo?" Ni-kiền-tử bị Ta-tỳ-da hỏi những câu như vậy, tâm ý rối loạn không thể trả lời.

Ta-tỳ-da suy nghĩ: "Những Trưởng lão này đối với các nghĩa không hiểu được mảy may, đối với những câu hỏi của ta tâm họ mờ mịt rối loạn không thể hiểu được, lại sinh sân hận… như nói ở trên." Rồi Ta-tỳ-da lại nghĩ: "Trong thế gian này có người nào, hoặc Sa-môn, hoặc là Bà-la-môn mà mọi người tôn xưng là La-hán có tất cả trí tuệ chân thật. Nếu có được người như vậy ta sẽ đến hỏi họ những gì nghi ngờ trong tâm, nếu họ đáp được ta sẽ đảnh lễ cúng dường thờ phụng ngày đêm chẳng rời."

Bấy giờ Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà lại suy nghĩ: "Hiện nay, có vị Sa-môn trong vườn Nai, là chỗ Tiên nhân đời trước ở, thuộc thành Ba-la-nại. Người đời cho vị Sa-môn này là bậc trí tuệ Đại A-la-hán hết sức thông minh. Ta sẽ đến vị A-la-hán này hỏi các điều mình ngờ vực." Ông lại suy nghĩ tiếp: "Những vị Sa-môn, Bà-la-môn niên cao đức trọng trong xứ này, đã từng trải qua nhiều năm tu phạm hạnh cho đến nay, các vị đó giữ chức Quốc sư

cho các vua, người đời đều tôn xưng là bậc Đại A-la-hán, hết sức thông minh trí tuệ. Những vị đó là Phú-lan-na, Ca-diếp, Ni-kiền tử… Ta hỏi họ còn chưa biết huống là vị Sa-môn này, tuổi trẻ xuất gia chưa được bao lâu. Nếu ta đến hỏi làm sao người có thể trả lời được?" Rồi Ta-tỳ-da nghĩ trở lại: "Không thể xem thường, không thể xem thường vị Sa-môn đó. Tại sao? Vì biết đâu những vị Sa-môn trẻ tuổi lại có trí tuệ thông minh, ta nào lường được. Vậy ta nên đi đến vị Sa-môn ở vườn Nai để hỏi những điều thắc mắc trong tâm.

Sau đó Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà đi đến chỗ Đức Phật, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn giống như các vì sao tô điểm trên nền trời ban đêm, hiện đang thuyết giảng pháp cho đại chúng. Thấy rồi, vị ấy hết sức tin tưởng: Đây chính là Đức Thế Tôn Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đã từng được nghe không sai lầm. Ta-tỳ-da liền tiến về phía Đức Phật, đến nơi gặp mặt Thế Tôn, dùng lời tốt đẹp khéo léo chào hỏi thăm viếng. Hỏi thăm xong, lui về ngồi một bên, Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà dùng kệ hỏi Đức Phật:

Ta là đạo nhân Ta-tỳ-da
Từ phương xa tìm đến chốn này
Mang theo điều nghi hỏi Đại trí
Cúi xin vì tôi giải rõ ràng.
Tâm tôi ngờ vực nếu giải trừ
Xin Ngài tỉ mỉ giải từng mục
Giải theo thứ lớp từng câu hỏi
Giải thích rõ ràng chớ sai ngoa.

Ta-tỳ-da nói kệ rồi, đứng yên lặng. Nói về thường pháp của chư Phật có ba thứ thần thông, nếu thấy người hóa độ được thì hóa độ. Ba thứ thần thông đó là: Một, xuất hiện thần thông. Hai, giáo thị thần thông. Ba, giáo hạnh thần thông.

Đức Thế Tôn biết được tâm nghi của Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà nên nói kệ giải đáp cho Ta-tỳ-da:

Này Ta-tỳ-da đường xa đến
Tâm người nghi hoặc muốn hỏi Ta
Ngươi hãy hỏi ra Ta sẽ giải
Tùy ý hỏi gì Ta đáp cho.
Đúng như câu hỏi chẳng sai ngoa
Này Ta-tỳ-da, hãy hỏi đi!
Cứ hỏi tự do chớ ngại ngùng
Theo từng câu hỏi Ta giải rõ.

Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà nghe Đức Thế Tôn nói kệ, thầm nghĩ: "Ta trước kia đã từng hỏi các vị Sa-môn, Bà-la-môn tuổi cao đức trọng xuất gia đã lâu, có thể làm Quốc sư, được thế gian tôn xưng là bậc A-la-hán trí tuệ thông minh. Những điều ta hỏi, họ đều rối loạn không thể giải đáp, nên lấy làm xấu hổ, trên mặt hiện rõ ba tướng sân hận chau mày, cau mặt, trán nhăn, không thể nói lên được một lời." Khi ấy Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà cho là việc hy hữu: "Đại Sa-môn này đối với câu hỏi của ta không sân hận phẫn nộ, mà ngược lại sắc mặt tăng thêm trong sáng tươi vui, sắc mặt không biến lại thêm vui vẻ. Đối với câu hỏi của ta, Người hứa giải đáp. Ta thấy người này các căn tịch định không có sai lầm."

Ta-tỳ-da biết như vậy, hết sức vui mừng hớn hở, tràn ngập toàn thân không thể tự chế. Với tâm hoan hỷ, ông dùng kệ thưa hỏi Đức Phật những điều nghi ngờ:

Sao gọi Tỳ-kheo, thưa Đại Thánh?
Chư Thánh thu phục những thứ gì?
Biết được những gì gọi là giác?
Cúi xin Thế Tôn giải đáp cho.

Đức Thế Tôn dùng kệ giải đáp cho Ta-tỳ-da:

Khổ hạnh không ngại cầu tuệ giác
Vượt các lưới nghi hướng Niết-bàn
Có, không cả hai đều buông bỏ
Phạm hạnh lậu tận gọi Tỳ-kheo.
Buông bỏ tất cả, hành chánh niệm
Sống trong thế gian, không sát hại
Hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm ô
Thoát khỏi buộc ràng là điều phục.
Căn trần trong ngoài, đều thu nhiếp
Hàng phục như vậy là chân chánh
Đời này, đời sau đều nhàm chán
Cầu quả Niết-bàn gọi thiện hạnh.
Ở trong nhiều kiếp tu khổ hạnh
Hai đường sinh tử tùy nghiệp nhân
Không còn cấu trược lìa ràng buộc
Dứt cảnh luân hồi, giác ngộ sinh.

Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà nghe Đức Phật nói như vậy, vô cùng hoan hỷ, rồi nói kệ hỏi Phật:

Những gì gọi là tu phạm hạnh?

Sa-môn thanh tịnh phải thế nào?
Những gì Đại trí phải điều phục?
Nay xin Thiện Thệ giải đáp cho.

Đức Thế Tôn lại dùng kệ giải đáp câu hỏi của Ta-tỳ-da:

Do tội lìa cấu không ràng buộc
An trụ hoàn toàn trong thiền định
Một mình vượt khỏi biển phiền não
Gọi là phạm hạnh, bậc Thánh nhân.
Tích tập phước đức bỏ điều tà
Hiện tại, tương lai biết phiền não
Các khổ sinh tử cũng chẳng còn
Chứng được như vậy gọi Sa-môn.
Bao nhiêu nghiệp báo đều tiêu diệt
Tất cả trong ngoài nơi thế gian
Tất cả trời người không xâm phạm
Như vậy gọi là thân thanh tịnh.
Phiền não chẳng còn, ràng buộc hết
Trong ngoài thế giới khắp mọi nơi
Tham, si, sân hận đều vượt khỏi
Phật nói như vậy Bậc Đại trí.

Bấy giờ Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà nghe Đức Phật giải đáp như vậy, lại dùng kệ hỏi tiếp:

Chư Phật lấy gì làm ruộng phước?
Thế nào là biết thiện phương tiện?
Tiên nhân thế nào gọi Đại Thánh?
Cúi xin Thế Tôn giải đáp cho.

Đức Thế Tôn lại dùng kệ giải đáp cho Ta-tỳ-da:

Tất cả các cõi đều biết rõ
Đáng nhận cúng dường chư Thiên, Phạm
Không còn lệ thuộc nơi quả báo
Nếu được như vậy là ruộng phước.
Quả báo phát sinh từ gốc nghiệp
Chư Phạm, chư Thiên nghiệp khác nhau
Dùng sức các nhẫn trừ gốc nghiệp
Được vậy mới là thiện trí tuệ.
Phân biệt đó đây nhân thanh tịnh
Tất cả thế gian có trong ngoài

Không ngã, không chấp, không xứ sở
Phương tiện thiện xảo là như thế.
Biết rõ có, không của các pháp
Biết rõ trong, ngoài khắp thế gian
Hiện được người, trời thường cung kính
Giải thoát không ngại gọi là Tiên.

Bấy giờ Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà nghe Đức Phật giải đáp như vậy, dùng kệ hỏi Phật:

Đạt được những gì gọi là nghe?
Tùy thuận, tinh tấn là thế nào?
Tại sao gọi là loài rồng lớn?
Cúi xin Thế Tôn giải đáp cho.

Đức Thế Tôn lại dùng kệ giải đáp câu hỏi của Ta-tỳ-da:

Tất cả các pháp, đều nghe biết
Công đức tội phước, gồm tất cả
Vượt trên nghi hoặc hết khổ đau
Tất cả không đắm, gọi là nghe.
Danh sắc đều là nhân giả dối
Căn trần nội ngoại: gốc khổ đau
Bao nhiêu việc ấy được giải thoát
Nên Phật gọi là tâm tùy thuận.
Xa lìa tất cả duyên các tội
Lìa khổ địa ngục, cần dũng mãnh
Thoát khỏi mọi thứ chẳng nhiễm trước
Vậy mới gọi là người tinh tấn.
Tham ái thế gian phải xa lìa
Luân hồi giải thoát đều đoạn tuyệt
Các lậu diệt sạch hết khổ đau
Đạt được như vậy gọi là rồng.

Khi ấy Ta-tỳ-da nghe Đức Phật giải đáp như vậy, dùng kệ hỏi Phật:

Những lý do gì gọi là thọ?
Tại sao nói Thánh là đi qua?
Duyên gì gọi là người cầu đạo?
Xin hỏi, Thế Tôn giải đáp cho.

Đức Thế Tôn lại dùng kệ giải đáp cho Ta-tỳ-da:

Nắm rõ từng phần luận Vệ-đà
Hoặc nơi Sa-môn, Bà-la-môn

Đều được lãnh hội và chứng biết
Đối với pháp họ đều lãnh thọ.
Cắt đứt tà kiến, đoạn lưới nghi
Người trí chẳng còn thọ bào thai
Ba tướng vọng tưởng đã diệt trừ
Không còn phân biệt gọi là Thánh.
Chứng được tất cả pháp thần thông,
Biết được các pháp đều bình đẳng
Đạt đến Thiện Thệ giữa thế gian
Biết được như vậy là đi qua.
Bao nhiêu khổ báo của các pháp
Hoặc trên, hoặc dưới, hoặc trung gian
Cảnh giới danh sắc đều thông đạt
Người nào được vậy gọi cầu đạo.

Lúc ấy, Ta-tỳ-da Ba-lê-bà-xà đem bao nhiêu ý nghĩa thưa hỏi Đức Thế Tôn, đều được Ngài giải đáp vừa ý nên rất hoan hỷ, đảnh lễ dưới chân Phật, chắp tay chiêm ngưỡng tán thán Thế Tôn:

–Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn, trong thế gian có sáu mươi hai luận thuyết đều vô dụng, ở trong thế gian các thuyết này đều là giả dối. Nay con xin quy y Đấng Thế Tôn Vô Thượng, chỉ có Thế Tôn mới biết được tất cả các pháp một cách phân minh, là bậc Đại Trượng Phu, chỉ có Thế Tôn mới giảng rõ các pháp, chỉ có Thế Tôn mới biết rõ các Đạo, chỉ có Thế Tôn mới vượt qua được biển khổ, chỉ có Thế Tôn mới dứt sạch các lậu, chỉ có Thế Tôn mới có oai đức rất lớn, chỉ riêng Thế Tôn mới có nhiều trí tuệ, chỉ có Thế Tôn mới chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

–Ta-tỳ-da nói kệ tán thán:

Con xin đảnh lễ Đại Trượng Phu
Minh hạnh hào quang tỏa khắp nơi
Đối với người, trời trong vũ trụ
Mở cửa cam lộ, đánh trống pháp.
Tâm con thuở trước nghi hoặc nhiều
Chỉ có Thế Tôn làm con hiểu
Thế Tôn là Bậc Tiên Đại Giác
Trần cấu dẹp sạch không mảy may
Tương lai không thọ thân sau nữa
Tất cả nghiệp nhân đều tiêu diệt.
Thế Tôn đã đến chỗ thanh lương

Tâm tịnh thực hành hạnh tri túc
Vì vậy Thế Tôn như Rồng chúa.
Tối Đại trượng phu giảng lời vàng
Tất cả chư Thiên cùng Đế Thích
Tiên nhân Thánh giả đều muốn nghe
Thế Tôn đích thật chân giác ngộ.
Thế Tôn khéo dạy khắp mọi loài
Thế Tôn thu phục các ma quân
Thế Tôn đoạn sạch các kết sử.
Ngài tự giải thoát lại độ người
Đối kẻ tội, phước tâm bình đẳng
Vượt qua tất cả không tham đắm
Thế gian trời người, Ngài biết rõ,.
Chỉ Phật Chí Chân Vô Thượng Tôn
Vượt qua tất cả các tà đạo
Các nhân hữu lậu đều trừ diệt
Giống như đêm rằm trăng sáng tỏ
Bao nhiêu tinh tú khắp hư không
Như vậy soi sáng trong thế giới
Thọ mạng, danh sắc, thức các loại.
Dân chúng ở trong thành Vương xá
Có núi tên là Tỳ-phú-la
Cảnh trí đẹp hơn tất cả núi
Lại như Tuyết sơn hơn các núi,
Hư không rất cao, khó bay tận
Các sông, nước biển sâu hơn hết
Ở trong đám sao, trăng sáng tuyệt
Nếu muốn nương tựa người điều phục
Chỉ nên quy y Vô Thượng Tôn
Nương tựa Tối Thắng Tôn trong đời
Nương tựa Điều Ngự hơn loài người
Nương tựa Thiện Thệ Vô Thượng Tôn
Nương tựa Chí Chân không ai bằng.
Ví như tế tự lửa hơn hết
Ý luận thì chú thuật đứng đầu
Vua quyền lực nhất trong nhân dân
Các sông, biển cả rộng hơn nhiều
Các sao, chỉ trăng sáng hơn hết

Ánh sáng mạnh nhất chỉ mặt trời.
Trên dưới sáu đường cõi thiện ác
Đó là ba cõi các thế gian
Trời, người, hữu tình cùng các loại
Chỉ có Thế Tôn là tối thượng.
Do vậy con nay chắp tay lễ
Đầu mặt cúi lạy Vô Thượng Tôn.

Ta-tỳ-da nói kệ tán thán Như Lai như vậy rồi, lại bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn từ bi thương xót cho con được xuất gia và thọ giới Cụ túc.

Lúc ấy Đức Phật bảo Ta-tỳ-da:

–Lành thay đến đây! Lành thay đến đây! Này Ta-tỳ-da, đến với pháp của Ta nói ra thì chấm dứt các khổ, được giải thoát.

Khi ấy thân Trưởng lão Ta-tỳ-da liền thành Tỳ-kheo đầy đủ giới Cụ túc. Ta-tỳ-da xuất gia thọ giới Cụ túc chưa được bao lâu, đi đứng nằm ngồi một mình, hoàn toàn không giao hữu, chưa từng đắm nhiễm, giữ gìn thân khẩu không dám buông lung, coi việc cầu đạo như cứu lửa cháy trên đầu. Trong thời gian ngắn hành trì như vậy, thiện nam này chánh tín dũng mãnh, xả tục xuất gia muốn cầu phạm hạnh thanh tịnh vô thượng, thấy rõ tướng các pháp, tự tâm chứng biết. Trưởng lão nói lên: "Ta không còn sinh tử, phạm hạnh đã hoàn tất, không còn thọ thân đời sau, việc cần làm đã làm, tự biết như vậy." Ta-tỳ-da đã chứng biết như vậy rồi, đắc quả A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát. Bấy giờ trong thế gian có chín mươi ba vị A-la-hán, đứng đầu là Thế Tôn và cuối cùng là Ta-tỳ-da.

Sau khi Đức Thế Tôn thành đạo, Ngài ở trong vườn Nai thuộc thành Ba-la-nại, an cư mùa hạ bắt đầu vào ngày mười sáu tháng sáu kể cả Phật chỉ có tám người, đến ngày mười tháng chín giải hạ gồm tất cả chín mươi ba người.

□

Phẩm 43: GIÁO HÓA BINH TƯỚNG (Phần 1)

Bấy giờ người khắp mọi phương, hoặc từ các miền thành ấp xóm làng cho đến các lân quốc, nói với nhau có ý muốn xuất gia cầu thọ giới Cụ túc. Họ kéo nhau về thành Ba-la-nại đến bên Đức Phật bạch:

–Cho con xuất gia thọ giới Cụ túc.

Vì lý do này các vị Tỳ-kheo tiếp đón mệt nhọc, tiếng ồn ào của những người cầu xin xuất gia làm mất sự yên tĩnh nơi Đức Thế Tôn ở.

Một lúc khác, Đức Thế Tôn đang tĩnh tọa trong tịnh thất, suy nghĩ: "Nay người trong xóm làng, thành ấp và các lân bang từ khắp bốn phương kéo về đây, cầu Như Lai cho họ được xuất gia thọ giới Cụ túc. Do đó các người có ý cầu xin xuất gia này từ phương xa tới đây vừa mệt mỏi, vừa làm mất sự yên tĩnh. Nay Ta có thể cho các vị Tỳ-kheo đi đến các xóm làng thành ấp tha phương để giáo hóa mọi người. Có người nào cầu xin xuất gia thọ giới Cụ túc, nên đúng như pháp mà trao cho họ."

Nghĩ như vậy rồi, vào buổi sáng, Đức Như Lai ra khỏi phòng, cho họp tất cả các Tỳ-kheo. Sau khi đại chúng vân tập đông đủ, Ngài tuyên bố:

–Này các thầy Tỳ-kheo, các thầy nên biết, Ta ở trong tịnh thất vắng lặng suy nghĩ thế này… các thầy nên đi đến các phương khác, đúng như pháp cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc *(như đã nói trên)* chớ để họ đến đây đường xa khổ nhọc, lại làm mất sự yên tĩnh.

Ngài tuyên bố như vậy, rồi vẫn lặp lại:

–Ta bảo các thầy Tỳ-kheo nên đến các xóm làng thành ấp phương khác, nếu có người đến cầu xin xuất gia thọ giới Cụ túc, các thầy cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc.

Ngài lại bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Nếu có người đến cầu xin xuất gia, các thầy phải làm các việc sau: Trước tiên cạo bỏ râu tóc cho họ, tiếp đó dạy cho họ đắp y ca-sa hoại sắc. Khi họ phục sức chỉnh tề, dạy họ trịch áo vai bên hữu, ở trước đại chúng đầu gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay đảnh lễ dưới chân Tỳ-kheo, lễ rồi họ đứng dậy, rồi bảo họ ngồi xổm chắp tay trước chư Tỳ-kheo và dạy họ đọc lên thế này: "Con tên… quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng." Các thầy kể từ nay trở đi, y vào lời Ta chỉ dạy, nếu có người nào đến cầu xin xuất gia, thọ giới bằng cách đọc Tam quy thì đắc giới Cụ túc.

Bấy giờ vào mùa hạ, Đức Thế Tôn an cư tại vườn Nai trong thành Ba-la-nại. Ngài bảo các thầy Tỳ-kheo như thế này:

–Này các thầy Tỳ-kheo, nếu biết rằng Ta đã được giải thoát thì các thầy phải giáo hóa hàng trời người để cho nhiều người trong thế gian được lợi ích, được an lạc, hoặc khiến cho người trong thế gian cầu được lợi ích an lạc ở đời vị lai. Các thầy muốn đi đến các làng xóm khác thì được phép đi một mình không cần phải đi hai người. Lại nữa, các Tỳ-kheo, các thầy đi đến các xóm làng khác, vì số đông người nên thương xót giúp đỡ họ, phải thuyết các pháp trước, giữa và sau đều thiện, nghĩa lý vi diệu, đầy đủ không thiếu sót. Này các thầy Tỳ-kheo, phải nói các phạm hạnh, có chúng

sinh nào ít trần cấu, kết sử mỏng ít, các căn được thuần thục, mà họ không được nghe chánh pháp thì không biết được thật tướng của các pháp.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Từ ngày hôm nay, Ta sẽ đi lần về xóm Ưu-lâu-tần-loa nơi thôn Binh Tướng, thuyết pháp giáo hóa cho họ.

Đức Thế Tôn liền nói kệ:

Tỳ-kheo, Ta đã vượt các khổ.
Tự mình lợi lạc, lợi người khác
Nhiều người còn khổ trừ diệt
Nay sẽ vì họ khởi lòng thương.
Do vậy, hỡi các thầy Tỳ-kheo!
Mỗi người hành đạo về mỗi xứ
Nay Ta cũng sẽ rời nơi đây
Hướng về Tần-loa nơi thôn ấy.

Khi đó Ma vương Ba-tuần ẩn thân đi đến bên Đức Phật, dùng kệ nói:

Ông bị các phiền não trói buộc
Cũng như trời, người không có khác
Đã bị tất cả dây ràng buộc
Sa-môn người chưa thoát khỏi lưới.

Khi Thế Tôn nghe bài kệ này, suy nghĩ: "Đây là lời nói của Ma vương Ba-tuần." Ngài liền dùng kệ đáp lại:

Ta thoát ràng buộc đã từ lâu
Trời, người thuộc hữu, Ta không còn
Thân Ta đâu còn vướng trong lưới
Ngươi bị thu phục còn nói gì?

Đức Thế Tôn lại dùng kệ cảnh tỉnh Ma vương Ba-tuần:

Tất cả sắc thanh, hương, vị, xúc
Là pháp ngũ dục, người say đắm
Ta nay đã loại trừ tất cả
Đã thu phục ma Ba-tuần ác.

Lúc ấy Ma vương Ba-tuần nghe kệ rồi, suy nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm đã biết ý ta." Nên ma rất khổ não, hết sức hối hận, bỗng nhiên biến dạng không còn ở đó.

Khi ấy chư Tỳ-kheo bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu có người đến chỗ chúng con hỏi: "Thưa Tôn giả Tỳ-kheo, sao gọi là Sa-môn và Bà-la-môn?" Tỳ-kheo chúng con nghe hỏi như vậy phải giải đáp như thế nào?

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Nếu có người hỏi sao là Sa-môn, Bà-la-môn? Tỳ-kheo xuất gia phải như thế nào? Này các thầy, nên biết là lúc đó cần phải có chánh trí và cần phải có chánh tâm để quán sát.

Đức Thế Tôn vì nhân duyên này, theo thứ tự câu hỏi mà Ngài nói kệ trả lời cho các Tỳ-kheo:

Trừ diệt dua nịnh và ngã mạn
Tham sân dục hết, chẳng tham gì
Thể tánh thanh tịnh thường như vậy
Mới gọi Sa-môn hoặc Tỳ-kheo.
Phạm chí lậu hoặc phải diệt trừ
Sa-môn cần tinh tấn, khổ hạnh
Trừ sạch cấu nhiễm vượt trần lao
Là chân xuất gia phá các ác.

Các vị Tỳ-kheo nghe bài kệ này rồi, lại bạch Đức Phật:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn, khi Tỳ-kheo chúng con khất thực phải nói lời gì? Hoặc nói cho tôi thức ăn? Hoặc nói thẳng rằng hãy bố thí thức ăn? Chúng con dùng phương tiện gì để khất thực?

Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, chẳng phải nói như lời các thầy. Lý do tại sao? Vì Tỳ-kheo phải giữ gìn thân tâm. Khi ấy Đức Thế Tôn dùng kệ bảo các thầy Tỳ-kheo:

Người trí khất thực không nên nói
Cũng không chỉ bảo cho ta ăn,
Thánh giả chánh niệm đứng im lặng
Mới gọi Tỳ-kheo chân khất thực.
Nếu là người trí đi khất thực
Chỉ nên chăm chú đứng một bên
Thí chủ thấy được như vậy rồi
Liền biết Sa-môn hành khất thực.

Các thầy Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

–Nếu có người sinh tín tâm cho thức ăn, họ cung kính chúng con, Tỳ-kheo chúng con phải nói những lời thế nào? Phải chăng nói với họ: "Người được tốt đẹp, lợi ích lớn?" Hay phải nói với họ: "Người được an ổn lớn, được công đức lớn?" Hay phải nói với họ: "Ta nhận thức ăn rồi người sẽ được phước đức lớn?" Hay nói: "Không có phước?" Tỳ-kheo chúng con phải nói gì? Cúi xin Đức Thế Tôn chỉ dạy.

Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy không nên nói những lời như vậy. Ta nay phương tiện chỉ dạy các thầy phải nói lời thế này. Thế Tôn nói:

Bố thí tăng thêm phước đức lớn
Nhẫn nhục thì không có oán thù
Người tốt nên vứt bỏ sai lầm
Ly dục tự nhiên được giải thoát.
Tu phước thường được vui an ổn
Sở nguyện dễ thành nhiều lợi lạc
Hiện đời dễ được tâm tịch tịnh
Về sau chứng đắc quả Niết-bàn.

Đức Thế Tôn tóm lược bằng bài kệ này, để dạy cách thức chú nguyện trong khi thọ thực cho các Tỳ-kheo.

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo nhận được lời chỉ dạy của Đức Phật như vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng, rồi tùy ý mỗi vị ra đi.

Sau khi các vị Tỳ-kheo mỗi người ra đi mỗi nẻo, thì các vị thần nơi đây như thần rừng, thần cây, thần kinh hành, thấy khu rừng vắng bóng Tỳ-kheo, dưới mỗi gốc cây và nơi kinh hành cũng trống trải. Họ tưởng nhớ ái mộ các Tỳ-kheo, nên đồng đến chỗ Đức Phật dùng kệ hỏi:

Các thần chúng con thật ái mộ
Thấy rừng cây vắng bóng Tỳ-kheo
Tỳ-kheo đa văn chúng Tăng ấy
Đệ tử Cù-đàm nay ở đâu?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lời các vị thần hộ cây rừng:

Tỳ-kheo điều phục các căn xong
Du hành giáo hóa, độ chúng sinh
Có người đi đến Kiều-tát-la
Hoặc đến thành ấp Tỳ-da-ly
Hoặc đến quốc gia A-du-xà
Hoặc đến địa phương lớn Kim cương
Giải quyết nghi hoặc cho mọi người
Tùy thuận thời cơ mà thuyết pháp.

Sau khi Đức Thế Tôn an cư tại thành Ba-la-nại, Ngài ở lại đó thời gian ngắn, một lần nữa Ngài nhắc nhở các thầy Tỳ-kheo tùy duyên du phương giáo hóa. Thế Tôn cũng rời thành Ba-la-nại, lần lần đi về chỗ thuở xưa Như Lai tu khổ hạnh, đó là thôn Ưu-lâu-tần-loa, thôn này có vị đại Bà-

la-môn tên là Binh Tướng. Đến đây Ngài đi theo con đường cũ để đến giáo hóa vị ấy.

Khi Đức Thế Tôn đi trên con đường cũ, dọc đường thấy một khu lâm viên tươi tốt khả ái. Đức Thế Tôn rẽ sang đường tắt tiến sâu vào rừng, đi từ cây này đến cây kia, thấy có một cây ngay thẳng tươi đẹp, liền đến ngồi dưới gốc cây, ở lại một ngày để nghỉ ngơi.

Bấy giờ trong rừng có đám đàn ông bè bạn gồm ba mươi người trong đó hai mươi chín người có gia đình, một chàng còn độc thân. Tuy được hai mươi chín người bạn cùng hỏi vợ cho anh ta, nhưng không có một nàng nào anh ta vừa ý. Bỗng hôm ấy, có một dâm nữ đi lại, chàng trai không gia đình này cùng nàng hợp ý với nhau, nên nàng dâm nữ này cùng anh ta mặc tình hoan lạc, hành việc thế tục. Nàng ta chờ cơ hội ba mươi chàng trai này ngủ say, nàng lựa những vật quý giá rồi trốn đi.

Khi ba mươi chàng trai thức dậy, cùng nhau tìm kiếm dâm nữ, đi khắp cả khu rừng mà không gặp. Bỗng nhiên, từ xa thấy Đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây với tôn nhan đẹp đẽ dễ thương, mọi người ai cũng thích ngắm trông, các căn điều phục tâm ý tịch tĩnh, đã chứng được pháp nhãn tối thượng tối thắng, giống như voi chúa tốt đẹp tuyệt vời, giống như ao lớn tràn ngập nước mát mẻ, có hào quang tỏa rộng một tầm, ánh như vàng ròng, thân hình đủ các tướng tốt như cây Ta-la dày đặc cả hoa, cho đến giống như tinh tú trong vòm trời đêm tối.

Các thanh niên thấy vậy, liền đến trước Đức Phật bạch:

–Thưa Tôn giả, ở nơi đây Ngài có thấy một dâm nữ hình dạng như vậy hay không?

Đức Phật hỏi lại:

–Này các anh, người phụ nữ mà các anh hỏi là người đàn bà nào vậy? Người đàn bà ấy vì lý do gì đi đến đây?

Lúc ấy đám chàng trai cùng đáp:

–Thưa Đại Thiện Tôn giả, anh em chúng tôi gồm ba mươi người đều là dân lương thiện, dừng ở trong rừng này. Hai mươi chín người đã lập gia đình, chỉ còn một người chưa lập gia đình độc thân không vợ. Chúng tôi cùng nhau tìm một dâm nữ làm vợ anh ta, để anh ta tạm thời khoái lạc. Thấy chúng tôi hoan lạc quá độ, ngủ say, nàng ấy trộm lấy bảo vật của chúng tôi rồi trốn mất. Chúng tôi muốn tìm lại vật của người bạn này và của mình, nên đến đây kiếm người dâm nữ.

Bấy giờ Đức Phật bảo các chàng trai:

–Này các chàng trai, Ta hỏi các người, ý các người nên nghĩ thế nào, hiện giờ đây các người nên tìm nơi chính mình hay tìm người dâm nữ, trong hai việc đó việc nào lợi ích hơn?

Các chàng trai đồng đáp:

–Hay lắm! Thưa Thế Tôn, nếu chúng tôi tìm nơi chính mình là tốt nhất, không nên đi tìm người phụ nữ kia.

Đức Thế Tôn lại bảo:

–Này các chàng trai, nếu được như vậy xin các người hãy ngồi xuống đây! Ta sẽ nói pháp cho các người.

Lúc ấy ba mươi chàng trai đồng bạch Đức Phật:

–Xin vâng Đức Thế Tôn, chúng con sẽ y theo thánh giáo không dám trái lời.

Cả ba mươi người đều đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi lui qua ngồi một bên.

Bấy giờ Đức Thế Tôn tuần tự theo căn cơ của họ mà thuyết pháp bố thí, trì giới, nhiếp phục… các pháp đều là tướng hoại diệt, quán sát như thật, chứng biết được rồi, giống như chiếc áo trắng sạch, không lộn chỉ đen, không dính vết bẩn, tùy ý muốn nhuộm sắc gì thì thành sắc đó. Đúng vậy! Đúng vậy! Ba mươi chàng trai này ngay tại chỗ ngồi xa lìa trần cấu, diệt sạch tất cả phiền não, ở trong chánh pháp được pháp nhãn thanh tịnh, bao nhiêu pháp bất tịnh đều là tướng diệt. Quán sát biết được như vậy, các thiện nam tử này thấy tướng các pháp như vậy, hiểu, chứng và thể nhập được pháp tướng ấy, trừ diệt nghi ngờ, không mê đắm, đạt đến vô úy, không làm theo người khác. Khi hiểu được chánh pháp do Đức Thế Tôn dạy, tất cả đứng dạy lễ dưới chân Đức Phật, bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn cho chúng con được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các thiện nam:

–Này các thiện nam, hãy đến đây! Vào trong giáo pháp của Ta tu phạm hạnh thì dứt hết nguyên nhân đau khổ và diệt được trạng thái khổ đau.

Bấy giờ các thiện nam liền thành các vị Trưởng lão xuất gia đầy đủ giới Cụ túc. Đức Thế Tôn ân cần dạy bảo các Trưởng lão này về các pháp yếu. Họ được Đức Phật thuyết pháp một lần nữa. Thời gian chẳng bao lâu, các thiện nam có chánh tín xả tục xuất gia, chí cầu tối thắng phạm hạnh, tự mình hiện chứng đắc thần thông, mỗi người tự nói lên: "Ta đã được quả

báo tu phạm hạnh, việc làm đã xong, không còn thọ thân đời sau nữa.” Ngay khi biết như vậy, các Trưởng lão này đều chứng A-la-hán tâm giải thoát hoàn toàn.

Sau khi giáo hóa ba mươi vị Trưởng lão bằng hữu này chứng đạo quả rồi, Thế Tôn du hành đó đây, đi ngang qua khu rừng bạch diệp. Đến đó, Ngài tiến sâu vào trong rừng, thấy một cây vừa ý, trong lòng hoan hỷ, liền ngồi nghỉ dưới gốc cây này trải qua một ngày. Bấy giờ ở trong rừng này bỗng có sáu mươi người dòng họ Vân đi ngang qua. Từ xa họ trông thấy Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây đoan nghiêm dễ mến, ai cũng thích ngắm trông… giống như những vì sao trên bầu trời đêm. Thấy rồi, họ chánh tín thanh tịnh, hết sức hoan hỷ. Vì hoan hỷ nên họ đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, lui ngồi về một bên rồi im lặng.

Bấy giờ Đức Phật vì sáu mươi người họ Vân này tuần tự thuyết các pháp như dạy thực hành bố thí, trì giới… chứng biết. Tất cả những vị Trưởng lão đều chứng A-la-hán, tâm hoàn toàn giải thoát.

Khi giáo hóa sáu mươi vị Trưởng lão Tỳ-kheo họ Vân khiến họ phát tâm xong, Đức Phật rời nơi đó du hành đến phương khác.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 40

Phẩm 43: GIÁO HÓA BINH TƯỚNG (Phần 2)

Đức Thế Tôn dần dần đi về hướng sông Hằng. Khi Ngài gần đến bờ sông, ông lái đò từ xa trông thấy Đức Thế Tôn đi lại, liền vội vã đứng dậy, đến trước để đón tiếp Thế Tôn. Ông lái đò đến trước mặt Thế Tôn bạch:

–Lành thay! Đức Thế Tôn đã đến đây! Ngài từ phương xa nào đến đây vậy? Thưa Thế Tôn, nếu Ngài thương tưởng con, xin Ngài bước vào thuyền, con sẽ đưa Thế Tôn qua bờ bên kia mà con không lấy tiền đò.

Đức Thế Tôn liền lên đò. Ngồi vào đò rồi, Ngài nói kệ dạy bảo ông lái đò:

Ông giữ thuyền này được khô ráo
Thì thuyền sẽ nhẹ đi được nhanh
Nếu ông lìa dục, tham, sân, não
Nhất định mau đến được bờ kia.
Ông dùng từ tâm làm khô thuyền
Khiến được nhẹ nhàng, mau qua sông
Nếu ông lìa được tham, sân nhuế
Chắc chắn mau được chứng Niết-bàn.
Ông dùng lòng bi làm khô thuyền
Khiến được nhẹ nhàng mau qua sông
Nếu ông lìa được tham, sân nhuế
Chắc chắn mau được chứng Niết-bàn.
Ông dùng tâm hỷ làm khô thuyền
Khiến được nhẹ nhàng mau qua sông
Nếu ông lìa được tham, sân nhuế
Chắc chắn mau được chứng Niết-bàn.
Ông dùng tâm xả làm khô thuyền
Khiến được nhẹ nhàng mau qua sông
Nếu ông lìa được tham, sân nhuế
Chắc chắn mau được chứng Niết-bàn.

Nếu có Tỳ-kheo hành tâm từ
Tin chắc giáo pháp Phật Thế Tôn
Mau chóng chứng được cảnh tịch định
Không lâu, đến Niết-bàn vắng lặng.
Nếu có Tỳ-kheo hành tâm bi
Tin chắc giáo pháp Phật Thế Tôn
Mau chóng chứng được cảnh tịch định
Không lâu, đến Niết-bàn vắng lặng.
Nếu có Tỳ-kheo hành tâm hỷ
Tin chắc giáo pháp Phật Thế Tôn
Mau chóng chứng được cảnh tịch định
Không lâu, đến Niết-bàn vắng lặng.
Nếu có Tỳ-kheo hành tâm xả
Tin chắc giáo pháp Phật Thế Tôn
Mau chóng chứng được cảnh tịch định
Không lâu, đến Niết-bàn vắng lặng.

Đức Thế Tôn nói bài kệ này rồi, lại bảo ông lái đò:

–Này thiện nam, hãy tát nước cho thuyền khô ráo.

Ngài nói lời này rồi thì bao nhiêu hình thức thế tục nơi người lái đò đều biến mất. Tay trái người lái đò tự nhiên bưng bình bát bằng đất, râu tóc trên đầu đều rụng, giống như Tỳ-kheo cạo tóc cách đó bảy ngày, oai nghi đi lại giống như vị Thượng tọa một trăm hạ, thành tựu như vậy, được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ Đức Như Lai muốn Tỳ-kheo lái đò tăng sự hoan hỷ nên Ngài lại thuyết pháp một lần nữa. Chẳng bao lâu sau, thiện nam này do tu phạm hạnh đầy đủ, hiện chứng các pháp, được các pháp thần thông, muốn thoát khỏi sinh tử, tu hành thanh tịnh, việc làm đã xong, tự nói: "Ta không còn thọ thân đời sau." Rồi Trưởng lão này thành A-la-hán, tâm giải thoát hoàn toàn.

Đức Phật giáo hóa vị Trưởng lão này xong, liền dạy Trưởng lão đi truyền bá giáo pháp hóa độ chúng sinh. Trưởng lão Tỳ-kheo lái đò nhận lời chỉ dạy của Đức Phật, ra đi du phương giáo hóa. Đức Phật chỉ còn một mình không có người thứ hai để làm bạn. Ngài lần lần đi về xóm Ưu-lâu-tần-loa.

Lúc ấy Đế Thích, vua trời Đao-lợi, thầm nghĩ: "Không biết giờ đây Đức Như Lai đang hoằng hóa xứ nào?" Vị ấy quán sát, thấy Đức Như Lai một mình đang hướng về xứ Ưu-lâu-tần-loa. Thấy vậy, Đế Thích

liền ẩn thân biến thành đồng tử Phạm chí đẹp đẽ dễ thương, mọi người đều thích trông ngắm, trên đầu để búi tóc dùng thế chiếc mão, thân mặc áo vàng, tay trái bưng bình nước rửa bằng vàng ròng, tay phải cầm chiếc gậy quý báu, hiện trước mặt Đức Thế Tôn, rước lấy ba y và bình bát của Đức Phật rồi làm người hướng đạo.

Đế Thích đi trước, khi nào ngang qua châu, huyện, xóm làng, thành ấp, dùng thần thông bay vọt lên hư không, lượn quanh trên mỗi châu, huyện, xóm làng, thành ấp ấy ba vòng, rồi đứng trên hư không. Khi đồng tử biến hóa với hình dáng đẹp đẽ dễ thương như vậy làm mọi người thích trông ngắm uy đức như vậy. Thấy thế, hàng ngàn vạn người đủ các thành phần kéo nhau tụ tập, cùng hỏi đồng tử:

–Này đồng tử, ngươi là người gì? Nhà ở đâu? Thuộc dòng họ nào? Anh em tên họ là chi? Lý do gì đến đây?

Đồng tử liền dùng kệ đáp các câu hỏi của quần chúng:

Trượng phu biết đủ ở thế gian
Tự mình giác ngộ, đời không bằng
Hiệu A-la-hán khéo độc hành
Ta đang làm đệ tử của Ngài.
Chúng sinh chìm đắm biển phiền não
Khốn khổ không sao lên bờ được
Ngài đang làm người lái thuyền pháp
Ta mình qua khỏi, muốn chở người.
Nếu Ngài du hóa độ thế gian
Ta nguyện theo hầu làm đệ tử
Ngài đã dẹp sạch tham sân si
Hắc ám vô minh cũng xé nát
Hữu lậu thế gian đều trừ diệt.
Ta làm đệ tử cung phụng Ngài
Tuyệt diệu trong đời không ai bằng
Làm gì có kẻ hơn Ngài được?
Như Lai Thế Tôn nay xuất hiện
Ta theo hầu cận khắp đó đây
Bậc Vô Thượng Tôn trong thế gian.
Ngày nay Ngài sắp đến xứ này.

Khi Đế Thích nói kệ này rồi, Như Lai Thế Tôn hiện ra trước mặt. Mọi người thấy dung nhan Thế Tôn khả ái, rất đặc biệt, được mọi người ưa

thích trông ngắm. Thân thể Ngài giống như bầu trời đêm được những vì sao tô điểm. Thấy vạy dân chúng nói với nhau:

–Vị thầy như vậy mới có đệ tử như vậy. Đệ tử như vậy mới có vị thầy như vậy.

Vì đại chúng, Đức Thế Tôn bằng lời vi diệu khéo léo phương tiện thiện xảo thuyết nghĩa lý các pháp.

Bấy giờ những người trong hội này nghe Như Lai thuyết diệu pháp, có người phát tâm cầu xin xuất gia, hoặc có người chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, có người gây nhân duyên chủng tử Thanh văn thừa ở đời vị lai, có người gây nhân duyên chủng tử Duyên giác thừa ở đời vị lai, hoặc có người gây nhân duyên chủng tử Bồ-tát thừa ở đời vị lai, cũng có người thọ pháp Tam quy và Ngũ giới.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thiên chủ Đế Thích ra về vì đã đến giờ khất thực. Thế Tôn đắp y, mang bình bát, một mình ra đi khất thực, lần lần đi đến thôn Phạm chí Binh Tướng. Vào thôn, Ngài đi thẳng đến nhà Phạm chí. Đến nhà, Đức Phật tiến vào bên trong ngõ, trải tòa mà an tọa.

Lúc đó nhà vị Bà-la-môn có hai người con gái: một tên là Nan-đà, một tên là Ba-la. Khi ấy hai nàng đến chỗ Đức Phật, đồng đảnh lễ sát chân Phật rồi lui đứng về một bên. Bấy giờ Đức Thế Tôn biết ý hướng của hai nàng, kết sử đã nhẹ yếu, biết các giới và các nhập nên Ngài nói pháp Bốn chân lý. Khi hai nàng nghe Đức Phật giảng pháp Bốn chân lý như vậy, phá tan được hai mươi lớp núi kiến chấp, ngay khi đó họ được chứng quả Tu-đà-hoàn. Hai nàng đã thấy được thật tướng các pháp, xin Đức Phật thọ pháp Tam quy và Ngũ giới. Hai nàng đắc giới rồi, liền rước bình bát từ nơi tay của Đức Phật, đem các thức ăn uống đầy đủ sắc hương mỹ vị đựng đầy trong bát, đem hiến dâng cho Phật. Đức Phật nhận thức ăn rồi liền rời khỏi thôn này.

Thuở ấy đại Bà-la-môn Đề-bà nghe người khác nói: "Hiện giờ, Đại Sa-môn Cù-đàm đang ở xứ này." Nghe rồi, ông ta thầm nghĩ: "Xưa ta thỉnh vị Sa-môn này cúng dường đồ ăn uống chừng ấy. Ngày nay ta sa sút, tài sản thiếu hụt, khốn khổ, ta không biết tính sao đây?!." Đại Bà-la-môn Đề-bà nghe tin này và suy nghĩ như vậy, vội vã trở về nhà nói với vợ:

–Thuở xưa, vị Đại Sa-môn ở thôn Ưu-lâu-tần-loa, tu khổ hạnh. Lúc ấy ta nguyện cúng dường Đại Sa-môn. Ngày nay, Ngài trở lại xứ này, chúng ta phải tính cách gì?

Người vợ đáp:

–Xin phu quân cho phép em nói. Em nhớ thuở xưa tuổi còn thanh xuân, lúc ấy đại Bà-la-môn Binh Tướng thường trêu ghẹo em, van em cùng người làm việc thế tục. Lúc ấy em không đồng ý, người ấy chỉ dùng tay chạm vào mình. Nếu ngày nay Thánh phu quân đồng ý để em cùng Binh Tướng làm việc thế sự, em sẽ đòi ông ta nhiều ít tiền của, đem sắm thức ăn cúng dường Đại Sa-môn.

Đại Bà-la-môn Đề-bà đáp:

–Việc này không được, theo lý của Bà-la-môn không được làm chuyện như vậy.

Nhưng đại Bà-la-môn suy nghĩ một kế. Ngay khi ấy, Đề-bà đi đến nhà Bà-la-môn Binh Tướng. Đến nơi, vị ấy thưa với đại Bà-la-môn Binh Tướng:

–Lành thay Binh Tướng! Xin ngài cho tôi mượn năm trăm tiền. Nếu tôi trả được thì tốt, còn bằng không thì hai vợ chồng tôi cùng nhau đến nhà ngài làm người phục dịch.

Khi ấy đại Bà-la-môn Binh Tướng liền cho Đề-bà mượn đủ số năm trăm tiền và nói:

–Ông đem tiền đi tùy ý sử dụng. Sự việc nếu xong thì trả lại cho ta, nhưng không được mượn tiền người khác trả cho ta. Đúng như lời giao ước của ông, thân ông ra sức để kiếm tiền trả lại cho ta.

Lúc ấy đại Bà-la-môn Đề-bà y theo lời giao kèo, nhận năm trăm tiền từ nơi Binh Tướng, liền trở về nhà giao số tiền này cho vợ và bảo:

–Em nên sắm thức ăn uống trong sạch, mùi vị thật ngon.

Đề-bà đích thân đi ra ngoài rừng, tìm đến chỗ Đức Phật, đến gặp Đức Phật, chào hỏi, an ủi, liền lui đứng về một bên, ý muốn thỉnh Như Lai.

Khi ấy, Đại Bà-la-môn Đề-bà bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Đại đức Sa-môn Cù-đàm, cúi xin Ngài sáng mai nhận sự cúng dường trai phạn của con.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Đại Bà-la-môn Đề-bà biết Đức Phật im lặng nhận lời mời của mình nên rời chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng rồi về nhà.

Đêm hôm đó, mọi đường trong thành phố bán đủ các thức ăn nấu chín. Đêm ấy, đại Bà-la-môn Đề-bà sắm đầy đủ các thức ăn cao lương mỹ vị như thức ăn uống cứng, mềm.

Qua đêm, trời vừa bừng sáng, trong nhà rưới nước quét dọn sạch sẽ, trần thiết giường tòa... Xong, Đề-bà đi đến chỗ Đức Phật, quỳ, thưa:

–Lành thay! Bạch Sa-môn, trai phạn sắm sửa xong rồi, xin mời Ngài đến nhà con thọ thực.

Bấy giờ, thấy đến giờ thọ trai, Thế Tôn đắp y, mang bình bát, ung dung đi bộ hướng về nhà Bà-la-môn Đề-bà. Đến nhà rồi, Ngài ngồi vào tòa đã thiết sẵn. Bấy giờ vợ chồng Bà-la-môn Đề-bà thấy Đức Phật đã an tọa, liền tự tay bưng đủ thức ăn uống sạch sẽ thơm ngon, đứng trước Phật, dâng cúng Thế Tôn, cúi xin Đức Như Lai tự ý thọ dụng.

Hầu Đức Phật thọ trai xong, Đề-bà ngồi trên tọa cụ cạnh Như Lai. Thấy Đề-bà ngồi rồi, tùy căn cơ của vị đại Bà-la-môn này, Ngài thuyết các pháp, chỉ dạy khiến cho Đề-bà được hoan hỷ. Sau đó Như Lai rời chỗ ngồi ung dung ra về.

Khi ấy đại Bà-la-môn Đề-bà theo hầu đưa Đức Phật ra về. Vợ của Đề-bà mượn áo của người khác mặc để dâng cúng thức ăn cho Phật. Cúng dường cho Phật, nàng thấy Đức Phật ra về, liền cởi áo để một nơi, lo quét dọn nhà cửa. Lúc ấy, có một tên trộm lấy chiếc áo mang đi. Vợ Đề-bà thấy mất áo, hết sức sầu não.

Khi Đề-bà đưa Đức Phật xong trở về, thấy vợ mình ưu sầu khổ não, liền hỏi:

–Vì sao em buồn rầu như vậy?

Người vợ đáp:

–Thưa thánh phu phải biết, chiếc áo em mượn của người ta, không biết bị kẻ nào đánh cắp, bỗng nhiên mất dạng.

Đề-bà nghe nói như vậy, tinh thần mờ mịt, chẳng biết làm sao, nói lên:

–Ta mượn năm trăm tiền của Binh Tướng để sắm đồ cúng dường. Nàng thì mượn áo của người khác mặc, nay bị đánh cắp. Nhà ta nghèo khó, làm sao trả đủ số tiền? Sẽ tính kế gì đây?

Khi ấy Đề-bà muốn tự tử, liền vào trong rừng thây ma, trèo lên một đại thọ, muốn lao mình xuống đất nhưng không thể rơi, lại càng thêm sầu não.

Nói về kẻ trộm, sau khi đánh cắp được chiếc áo, đi vào rừng thây ma, tình cờ tên lưu manh đến dưới gốc cây mà Đề-bà đang ở trên đó, đào đất chôn chiếc áo, đại tiện lên rồi bỏ đi. Đề-bà từ trên cây nhìn xuống, thấy tự sự như vậy, sau khi tên lưu manh đi rồi, ông từ trên cây trèo xuống, đào đất lấy chiếc áo rồi trở về nhà.

Nói về người vợ, khi quét dọn trong nhà, quét sạch từng nơi, ở một góc nhà tự nhiên đất nứt ra. Nàng cúi đầu nhìn xuống, thấy một chiếc bình bằng đồng đỏ, bên trong đựng đầy vàng. Nói sơ lược cho đến bình thứ hai, bình thứ ba, bình thứ tư đều là bình đầy vàng như vậy. Dưới các bình này lại thấy có một chum bằng đồng đỏ cũng đựng đầy vàng như vậy. Rất đỗi kinh ngạc, nàng kêu cho chồng hay:

–Thánh phu! Thánh phu! Hãy đến đây gấp! Đến đây gấp! Em đã được rồi!

Khi nghe vợ mình kêu như vậy Đề-bà, suy nghĩ: "Người vợ đáng thương này vì sao đến nỗi đãng trí mà nói lời điên cuồng, là "em được rồi", nhưng được vật gì vậy? Chiếc áo trước kia nàng mượn của người khác đã bị đánh mất, giờ này ta lấy lại, hiện còn ở đây. Vì cớ gì vợ ta lại la lên: "Em được rồi!"" Khi ấy Đề-bà cầm áo đi vào nhà, hỏi vợ:

–Này vợ hiền, em nói được vật gì vậy?

Người vợ vừa chỉ vàng vừa nói:

–Thánh phu, em được vật này đây.

Đề-bà lại nói với vợ:

–Áo em đánh mất, anh cũng được lại đây.

Rồi người vợ đem chiếc áo trả lại cho chủ nó mà mình đã mượn khi trước. Bấy giờ đại Bà-la-môn Đề-bà suy nghĩ: "Ta nay không thể giấu riêng tiêu hết số vàng nhiều như vậy." Nghĩ rồi, liền mang năm trăm tiền đi trả lại Bà-la-môn Binh Tướng.

Đến nơi, ông nói với đại Bà-la-môn Binh Tướng:

–Tôi đã mượn ngài năm trăm tiền, nay xin hoàn lại cho ngài.

Binh Tướng nói với Đề-bà:

–Trước tôi đã nói với anh không được mượn tiền người khác trả cho tôi, chỉ dùng sức mình kiếm tiền trả cho tôi mà thôi.

Đề-bà nói:

–Tôi không vay mượn của người khác.

Binh Tướng hỏi:

–Ông từ đâu mà có?

Đề-bà đáp:

–Tôi được một kho vàng dưới đất.

Binh tướng không tin việc này. Khi ấy Đề-bà liền đưa Binh Tướng về nhà mình để chỉ kho vàng. Khi Binh Tướng vào thì thấy kho vàng của Đề-bà là một đống tro, nên nói với Đề-bà:

–Ông có điên chưa mà nói với ta đống tro này là vàng!

Lúc ấy Đề-bà lại một lần nữa nói với Bà-la-môn Binh Tướng:

–Đây là vàng thật, không phải là tro lửa.

Nói như vậy đến hai, ba lần, rồi dùng tay đặt vào bình vàng mà nói lên:

–Đây là vàng, không phải tro!

Đề-bà lại phát lời thệ nguyện: "Nếu do sức nhân duyên thiện nghiệp của tôi được vàng này, xin hiện ra cho Bà-la-môn Binh Tướng thấy!" Vừa dứt lời, Binh Tướng thấy vàng không phải là tro. Bấy giờ Binh Tướng thấy kho dưới đất toàn là vàng, nên hỏi Đề-bà:

–Nhân giả cúng dường ai? Là trời hay là Tiên nhân, hay là thiện nhân nào mà vị ấy ban cho nhân giả được phước báo như vậy?

Đề-bà đáp:

–Gia đình tôi ngày hôm nay chỉ cúng dường Đại Sa-môn, rước về nhà hiến dâng trai phạn. Hay là nhờ công đức này nên cảm lấy quả báo như thế.

Lúc ấy Binh Tướng nói với Đề-bà:

–Nhân giả ngày nay được kho vàng này đều do nhân duyên thiện nghiệp cúng dường Sa-môn, cho nên được quả báo này. Không người nào có thể cướp được, không người nào có thể làm mất được. Nhân giả chẳng nên nghi ngờ, an ổn mà thọ hưởng.

Bấy giờ Đề-bà lại nghĩ: "Ta do cúng dường trai phạn cho Sa-môn mà được quả báo công đức như vậy." Ông ta hết sức vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế. Sau đó ông ta đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi dùng lời tốt đẹp chào hỏi, sau khi hỏi thăm, lui ngồi về một bên và thỉnh Phật một lần nữa:

–Cúi xin Đại Sa-môn sáng mai nhận sự cúng dường của con.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Đề-bà thấy Đức Phật im lặng nhận lời thỉnh của mình, liền rời chỗ ngồi đi nhiễu quanh Đức Thế Tôn ba vòng rồi từ tạ ra về. Khi về đến nhà, trong ngày đó tất cả đường phố đều bán năm thứ thức ăn đã nấu chín *(như đã nói ở trên),* cho đến sau khi dâng cúng trai phạn cho Phật xong rồi, hai vợ chồng cùng trải chỗ ngồi trước mặt Đức Phật muốn nghe giáo pháp.

Đức Phật biết căn tánh hai người, kết sử đã yếu kém nên Ngài vì họ thuyết các pháp tướng của bốn chân lý. Họ nghe rồi, trừ sạch hai mươi lớp núi chấp ngã, liền chứng quả Tu-đà-hoàn. Họ đã thấy được thật tướng các pháp liền thọ ba pháp quy y và phụng trì năm giới cấm.

Bấy giờ Đức Thế Tôn rời chỗ ngồi đứng dậy, thư thái ra về. Sau đó các thầy Tỳ-kheo đều suy nghĩ, cùng hỏi nhau: "Đại Bà-la-môn Đề-bà và vợ của người trước kia đã tạo nghiệp gì mà ngày nay được quả báo gặp được Như Lai liền chứng Thánh pháp như vậy? Và lại tạo nghiệp gì mà đang bần cùng bỗng nhiên trở thành đại phú?" Chư Tỳ-kheo đặt nghi vấn như vậy, cùng nhau đến chỗ Đức Phật, thưa hỏi:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, đại Bà-la-môn Đề-bà và vợ xưa đã tạo nghiệp gì mà ngày nay được quả báo gặp Phật, chứng Thánh pháp? Lại tạo nghiệp gì mà trước nghèo bỗng nhiên sau một ngày giàu như vậy?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, nếu muốn nghe, hãy chú ý theo dõi. Đại Bà-la-môn Đề-bà do tạo hai nghiệp quá khứ và hiện tại.

Nghiệp quá khứ như thế nào?

Này các Tỳ-kheo phải biết, Ta nhớ thuở quá khứ trong thời Hiền kiếp, bấy giờ tuổi thọ của chúng sinh là hai vạn tuổi, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp, đầy đủ mười hiệu Như Lai, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác... Khi Đức Phật Ca-diếp viên mãn bổn nguyện thành Bậc Tối Thượng Trượng Phu, trở lại trong vườn Nai, là chỗ chư Thánh đời trước ở, thuộc thành Ba-la-nại, chuyển pháp luân độ chúng sinh qua đến bờ giải thoát, dựng ngọn cờ pháp, khai hóa vô lượng ngàn ức chúng sinh trụ vào thiện đạo.

Thuở ấy, tại thành Ba-la-nại có một người đến chỗ Đức Phật Ca-diếp cầu thọ Tam quy và Ngũ giới, nhưng suốt cuộc đời họ không biết làm việc. Khi lâm chung, họ phát nguyện thế này: "Tôi nghe Đức Phật Ca-diếp đã thọ ký cho một vị Bồ-tát tên là Hộ Minh, rằng vị Bồ-tát này ở vào đời tương lai, khi tuổi thọ của chúng sinh một trăm tuổi, sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tôi nguyện gặp được Đức Thế Tôn này."

Theo nhân duyên này, các thầy phải biết, vị Ưu-bà-tắc thọ Tam quy, Ngũ giới mà không bố thí lúc đó nay là Bà-la-môn Đề-bà. Vị ấy lúc đó thọ Tam quy, trì Ngũ giới làm người Ưu-bà-tắc, khi lâm chung phát lời nguyện gặp Ta. Do nhân duyên này nên nay được gặp Ta. Lại do lúc đó không làm việc bố thí nên nay mắc quả báo nghèo cùng. Đây là tạo tác nghiệp quá khứ.

Thế nào là nghiệp hiện tại?

Này các Tỳ-kheo phải biết, khi xưa Ta tu khổ hạnh sáu năm, Đề-bà tùy nghi đem cho Ta thức ăn uống. Nay Ta thành Vô thượng Bồ-đề, vị ấy lại thỉnh về nhà cúng dường trai phạn. Do nhân duyên này hiện đời được quả báo như vậy. Do vậy, các Tỳ-kheo cần phải biết, đối với Phật, Pháp, Tăng sinh tâm hy hữu cung kính sẽ được quả báo như vậy. Cũng như Bà-la-môn Đề-bà hiện nay được phước báo kho vàng. Còn trước kia không được quả báo tốt là do bỏn xẻn, tham lam không chịu bố thí nên nửa đời trước bị quả báo bần tiện, khốn khổ. Các thầy phải học như vậy.

Đức Thế Tôn từ thành Ba-la-nại đến xóm Ưu-lâu-tần-loa, trong khoảng thời gian này có tám vạn người được Đức Phật giáo hóa, đi vào Phật pháp.

□

Phẩm 44: BA ANH EM CA-DIẾP (Phần 1)

Một hôm, Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Ta nên giáo hóa một người đã thông suốt trước, làm cho họ hoan hỷ. Nếu người này được hoan hỷ rồi, sau đó Ta tuần tự giáo hóa khắp quần chúng."

Bấy giờ, trong làng Ưu-lâu-tần-loa có ba vị tiên Phạm chí để búi tóc. Người thứ nhất tên là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, là bậc thượng thủ giáo huấn năm trăm đệ tử búi tóc tu học pháp tiên, là bậc hướng dẫn mẫu mực trên hết. Người thứ hai tên là Na-đề Ca-diếp, thống lãnh ba trăm đệ tử búi tóc, là bậc hướng đạo hàng đầu. Người thứ ba là Dà-da Ca-diếp, thống lãnh hai trăm đồ chúng, là người hướng đạo hàng đầu. Tổng cộng đồ chúng theo học ba vị tiên này là một ngàn người.

Bấy giờ Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp này, danh tiếng ông ta vang khắp cõi nước Ma-kiệt-đà. Tất cả dân chúng trong ngoài nước này đều tôn xưng ông là A-la-hán, vậy Ta phải giáo hóa Ưu-lâu-tần-loa trước, khiến ông được hoan hỷ. Nếu ông hoan hỷ rồi sẽ có nhiều người thọ giáo pháp Ta." Đức Phật lại nghĩ: "Những vị tiên này lấy gì làm trọng? Lại hành pháp gì?." Ngài liền biết các vị tiên này chỉ lấy việc khổ hạnh làm chính, kế đến lấy việc lãnh chúng làm trọng.

Nghĩ như vậy rồi, Đức Thế Tôn liền ẩn thân Phật, biến thành Tiên nhân tu khổ hạnh, trên đầu để búi tóc, lấy búi tóc làm chiếc mũ. Lại hóa ra năm trăm đồng tử Phạm chí đồ chúng, tất cả đều có hình dung đoan chánh, dễ thương, không ai sánh bằng, được mọi người ưa thích ngắm

trông, theo hầu hạ xung quanh. Ngài dùng thần thông bay đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Đến nơi, Ngài hạ xuống đứng trên đất.

Bấy giờ tất cả chư Tiên thấy các sự biến hóa của Đức Phật, đều vội vàng chạy khắp đó đây. Có người trải tòa ngồi, có người múc nước rửa chân, có người chạy vào am quét dọn chỉnh đốn, có người lấy cỏ trải làm chiếu, có người lấy nước để tắm rửa. Mọi người đều nói:

–Các vị bỗng nhiên từ đâu đến đây, chẳng cho ta biết trước? Các vị sao chẳng sai sứ giả đến nói với ta là sắp đến? Nếu ta biết trước thì đã chuẩn bị đâu đó rồi, do vậy các vị phải đứng chờ một chút để chúng ta sửa soạn cho xong.

Đức Thế Tôn biết tâm niệm của tất cả chư tiên đều hoan hỷ, tất biết Ta rồi, liền thâu nhiếp thần thông, hiện thân như cũ, đứng một mình. Lúc ấy chư Tiên thấy Đức Thế Tôn cạo bỏ râu tóc, thân đắp ca-sa hoại sắc. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Đại Sa-môn này có đại thần thông, có đại oai đức nhưng chưa chứng quả A-la-hán như ta."

Đây là lần thứ nhất Như Lai hiện thần thông đứng ở nơi đây.

Bấy giờ Ưu-lâu-tần-loa bạch Phật:

–Lành thay! Thưa Đại Sa-môn, Ngài từ phương xa nào đến đây? Nếu ngày nay Nhân giả thích ở chỗ chúng tôi, tùy theo nhu cầu của Tôn giả, tôi sẽ cung cấp. Lại như ý Nhân giả muốn đi, đứng, nằm, ngồi ở chỗ nào thì đây là thảo am, đây là thảo đường... mặc tình Nhân giả chọn lấy.

Đức Phật nói với Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp như thế này:

–Lành thay! Này Ca-diếp, nếu Nhân giả không từ chối, kính trọng tôi, tôi muốn vào nhà tế thần lửa để ở.

Nói lại chuyện thuở trước, trước kia Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp có một đệ tử, người này mắc bệnh kiết lỵ từ lâu. Do vì bị bệnh nên đi chảy làm ô uế thảo am. Tất cả các đệ tử khác thấy ô uế làm bất tịnh thảo am nên tức giận đuổi đi ra ngoài. Lúc đó, đồng tử bệnh bị đuổi đi, suy nghĩ: "Thảo am này là do tất cả người búi tóc xây dựng. Tại sao thấy ta bệnh hoạn, đi kiết lỵ lại đuổi ta ra bên ngoài? Ta nguyện sau khi xả báo thân này, được thọ thân khác, ta sẽ báo thù sự việc các người này." Người bệnh nguyện báo thù như vậy rồi, liền sau đó qua đời. Sau khi qua đời, người này liền thọ thân rồng độc lớn, sống trong thảo am này. Nếu có người hay súc sinh lai vãng đến đây đều bị con rồng này sát hại. Vì chuyện này, từ đó về sau thảo am này bỏ trống, không có người ở.

Lúc đó Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp suy nghĩ: "Làm sao đối trị hàng phục rồng độc này? Chỉ có lửa mới có thể khuất phục nó mà thôi." Nghĩ như vậy

rồi liền đem thần lửa tôn trí trong thảo am, thường y như pháp, cúng tế đúng lúc.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp liền bạch Phật:

–Lành thay! Thưa Đại Sa-môn, thật sự tôi không từ chối, cũng không tiếc thảo am đó, nhưng vì thảo am có Long vương hết sức oai hùng độc ác hiện ở trong đó. Rồng này có đại thần thông, rất độc ác, có khí độc rất mạnh, chẳng chỉ hại Nhân giả mà cũng hại luôn cả tôi.

Đức Thế Tôn lại một lần nữa nói với Ca-diếp:

–Nếu Nhân giả không từ chối, cũng không quý trọng căn nhà thì xin Nhân giả cho tôi ở trong thảo am ấy.

Ca-diếp đáp:

–Ý tôi không muốn Nhân giả ở trong nhà thờ lửa. Lý do tại sao? Vì hiện nay trong nhà đó có đại độc long oai hùng độc ác. Tôi e nhân giả cùng tôi đều bị độc long làm hại. Thưa Sa-môn Thiện Đại, căn nhà đó từ lâu đến nay thầy trò chúng tôi đều bỏ hoang, không ai dám vào.

Đức Thế Tôn lại nói với Ca-diếp đến lần thứ ba:

–Thưa Nhân giả Ca-diếp, giả sử có nhiều độc long ở đầy trong nhà này, chúng cũng không làm hại đến một sợi lông của Ta, huống gì chỉ có một con rồng như vậy. Thưa Nhân giả Ca-diếp, Nhân giả đồng ý là được. Tôi tự nhiên sẽ vào trong nhà đó, miễn Nhân giả không từ chối, không quý trọng căn nhà, rồng hoàn toàn không làm hại đến tôi.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp vì thấy Đức Phật ân cần nài nỉ đến ba lần nên nói:

–Lành thay! Thưa Đại Sa-môn, tôi không từ chối, cũng không quý trọng căn nhà đó. Tôi trình bày như vậy, nếu Ngài không nghi thì tùy ý Ngài ở trong đó. Hãy luôn luôn đề phòng, đừng để bị tổn hại.

Đức Thế Tôn được Ca-diếp chấp nhận rồi, tay Ngài cầm một bó cỏ, bước vào nhà thờ thần lửa. Vào bên trong rồi, Ngài rải bó cỏ, lấy y Tăng-già-lê gấp làm bốn lớp, đặt trên thảm cỏ. Ngài kiết già, chánh thân đoan tọa trên y Tăng-già-lê, tâm ý không động, xả bỏ tất cả sự khủng bố trong ngoài, toàn thân không run sợ, an nhiên thiền định.

Khi Đức Thế Tôn vào nhà nhằm lúc độc long ra ngoài, đi khắp đó đây để tìm thức ăn. Ăn no trở về, nó bò vào nhà thờ thần lửa. Từ xa trông thấy Như Lai ngồi trong nhà, rồng suy nghĩ: "Ta đang còn sống mà lại có người nào vào trong nhà của ta." Rồng vốn sẵn tâm độc ác, liền phun chất độc để làm hại Thế Tôn. Khi miệng rồng phun ra khói lửa, ngay lúc đó Như

Lai cũng ở trong Tam-muội như vậy nên thân Ngài cũng phun ra khói. Rồng thấy Như Lai phun khói lại càng tức giận nên lại phun lửa mạnh cực nóng. Đức Như Lai cũng nhập vào Hỏa quang tam-muội, thân Ngài tỏa ra ngọn lửa mạnh. Đức Phật và độc long đều phun ra ngọn lửa mạnh. Vì vậy, căn nhà lúc bấy giờ đầy ánh lửa rực rỡ, vì lửa cháy dữ dội nên thấy thảo đường cháy đỏ, giống như đống lửa lớn.

Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Ta có thể dùng loại thần thông mà không hại mạng sống của Long vương, chỉ cần đốt da thịt, xương gân khiến đều sạch sẽ." Liền khi ấy, Thế Tôn dùng đến thần thông này khiến cho mạng căn của Long vương không tổn hại, chỉ khiến thân thể bị đốt sạch. Đức Phật vận dụng thần thông này rồi, Ngài lại từ trên thân phóng các đạo hào quang đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Phóng quang như vậy rồi, chỉ chiếu xuống đất một tầm để soi sáng chỗ Long vương.

Bấy giờ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đứng cách nhà thờ thần lửa chẳng bao xa, thấy trong nhà lửa cháy dữ dội, liền nói:

–Ôi thôi! Ôi thôi! Đại Sa-môn này nay bị độc long đốt chết. Đáng thương! Đáng tiếc! Vì người không nghe lời chân thật hiền hòa của thầy trò ta.

Trong chúng của Ca-diếp có một đồng tử tên là A-la-đà-kỳ-lê-ca *(nhà Tùy dịch là Thấp Thọ Y Bì)* thấy hỏa đường như vậy cũng áo não. Ngoài ra, các đồng tử khác cũng đều xướng lên:

–Thật khủng khiếp!

Họ đều cùng nhau than thở. Những vị đó là Ca-tra Mâu-ni *(nhà Tùy dịch là Khổ Hạnh Tiên),* Da-ma-kỳ-ni *(nhà Tùy dịch là Song Hỏa),* A-lị-ni-tỳ-xa-da-na *(nhà Tùy dịch là Lập Ngôn),* Tỳ-la-ba-la *(nhà Tùy dịch là Trượng Phu Quang),* Xa-ma-la-da-na *(nhà Tùy dịch là Tạp Sắc Nhãn),* Ba-la-da-na *(nhà Tùy dịch là Năng Độ Bỉ Ngạn),* Ca-tra-da-na *(nhà Tùy dịch là Tương Thọ Hành),* Cù-đàm Tánh (nhà Tùy dịch là Ám Ngưu), Mục-kiền-liên Chủng *(nhà Tùy dịch là Bạch Phủng)*, Bà-tư-tra Tánh *(nhà Tùy dịch là Hóa Trụ),* Phả-la-đọa *(nhà Tùy dịch là Trọng Tủng).* Những vị này đều la lên:

–Nhanh lên! Nhanh lên! Đại Sa-môn đang bị độc long thiêu đốt, chúng ta nên đến giúp sức dập tắt ngọn lửa.

Các đồng tử nghe tiếng la lên như vậy, có người mang bình nước, có người vội vã vác thang chạy đến. Đến nơi, họ bắt thang lên mái nhà lớn thờ thần lửa, ở trên dội nước xuống để dập tắt ngọn lửa. Vì ngọn lửa đó là do

oai thần của Thế Tôn nên càng thêm cháy mạnh. Khi ấy những vị đồng tử này đều rời mái nhà, trở xuống đứng bên nhà thờ thần lửa. Họ nói với nhau:

–Đại Sa-môn[6] xinh đẹp dễ thương mà bị độc long sát hại!

Bấy giờ, trong chúng có đồng tử Thấp-thọ-y-bì buồn rầu nói kệ khóc Thế Tôn:

Ôi thôi đoan chánh đẹp tuyệt vời
Tóc xanh đen mượt, tay mành lưới
Bảy chi đầy đặn, mắt tròn đầy
Bị rồng bao phủ mờ nhật nguyệt!

Có một đồng tử khác buồn thương nói kệ than khóc Thế Tôn:

Ôi thôi sinh trong dòng các vua
Hơn người, tối thượng, dòng Cam Giá
Thế gian không ai hơn họ này
Nay bị độc long thiêu đốt thân!

Có đồng tử khác buồn thương nói kệ than khóc Thế Tôn:

Ba hai tướng tốt, thân xinh đẹp
Mình đã giải thoát lại độ người
Điều phục sân hận chẳng động thân
Nay bị lửa dữ độc long đốt!

Có một đồng tử khác buồn thương nói kệ than khóc Thế Tôn:

Thân hình đoan chánh rất cân đối
Vua dòng Cam Giá, Ngài hơn hết
Thân như trụ vàng Diêm-phù-đàn
Nay lửa độc long đốt cháy thân!

Có một đồng tử khác buồn thương nói kệ than khóc Thế Tôn:

Chư Tiên nghe danh, tâm hoan hỷ
Bố thí, trì giới tối phước điền
Thân thể yêu kiều thật tốt đẹp
Ôi thôi, nay bị lửa rồng hại!

Lúc ấy cũng có mặt Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp ở đấy, đứng yên cách hỏa đường chẳng bao xa. Lúc đó có một đồng tử đến bạch Ưu-lâu-tần-loa:

–Thưa Hòa thượng, ngài xem thử sao bổn mạng của Đại Sa-môn, xem Đại Sa-môn thuộc sao nào? Lại có bị ác tinh khác làm xúc phạm hay không? Sao xúc phạm Đại Sa-môn đó là sao nào?

---

[6]. Bản Phạn ngữ, từ "Sa-môn" được lập lại hai lần.

Bấy giờ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp liền ngước mặt lên trời xem sao, rồi nói với đồng tử:

–Này đồng tử, nay ngươi phải biết, bổn mạng của Đại Sa-môn nhằm vào sao Quỷ, mà sao Quỷ thì không bị các sao khác bức xúc được. Này đồng tử, nghĩa là sao của Đại Sa-môn hết sức chói sáng. Theo chỗ ta thấy tướng mạo sao này, thì biết hiện giờ Đại Sa-môn đang chiến đấu với độc long. Tướng mạo này quyết định Đại Sa-môn chiến thắng, thu phục được độc long, không có nghi ngờ.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 41

Phẩm 44: BA ANH EM CA-DIẾP (Phần 2)

Bấy giờ độc long thấy bốn mặt nhà thờ thần lửa cùng một lúc lửa tràn ngập bốc cháy ngùn ngụt, chỉ riêng chỗ ngồi của Như Lai bình yên, không có một ánh lửa. Thấy vậy, độc long lần lần hướng đến chỗ Phật, liền phóng mình chui vào trong bát của Như Lai.

Có kệ nói:

Nếu người trăm ngàn vạn ức năm
Thành tâm cúng tế hỏa thần này
Hạng ấy không sao diệt được sân
Như nay Thế Tôn tối nhẫn nhục.
Tất cả trời, người trong thế gian
Thế Tôn duy nhất Đại Trượng Phu
Ai bị bệnh sân nó ràng buộc
Thế Tôn ban cho thuốc nhẫn nhục.

Phần cuối đêm đã hết, trời vừa hừng sáng, Đức Thế Tôn tay bưng bình bát có chứa độc long, đi đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đang ngồi. Đến nơi, Ngài liền nói với Ca-diếp:

–Thưa Nhân giả Ca-diếp, con độc long này làm các vị sợ không dám vào nhà thờ thần lửa. Con độc long này đã bị oai lực của Ta diệt trừ lửa độc của nó, nên nay Ta mang đến cho các người thấy.

Các vị Phạm chí nói kệ:

Thuở ấy phần đêm vừa qua khỏi
Như Lai đến chỗ ngài Ca-diếp
Tay bưng bình bát chứa độc long
Đặt trước Ca-diếp đại chúng tường.

Lúc ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp suy nghĩ: "Đại độc long này tự nó chui vào trong bình của Sa-môn, hay do thần lực của Sa-môn bảo độc long vào trong đó?."

Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Ca-diếp, liền khi đó chiếc bát ở trên tay Ngài bỗng nhiên chuyển hướng đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Lúc ấy độc long chín đầu cất cổ to, muốn bò đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Ca-diếp thấy rồng muốn bò đến chỗ mình, tâm sinh sợ hãi, co mình đứng yên, lấy hai tay che mặt.

Đức Thế Tôn nói với Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, cớ gì mà co mình như vậy? Tâm ông kinh hãi, hoảng hốt như vậy sao?

Ca-diếp trả lời:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa Đại đức Sa-môn, tôi thật sự rất sợ.

Đức Phật nói với Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, người đừng có sợ.

Rồi Ngài dùng kệ nói với Ca-diếp:

Hôm qua rồng này tôi giáo hóa
Dạy nó không nên khủng bố người
Nếu nay nó muốn hại Nhân giả
Thế gian việc ấy hoàn toàn không.
Giả sử mặt trời rơi xuống đất
Ví dầu quả đất nát thành tro
Tu-di chuyển động, rời chỗ củ
Lời nói chư Phật thật không ngoa.

Bấy giờ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp suy nghĩ: "Vị Sa-môn này có sức đại thần thông, có đại công năng mới có thể dùng ngọn lửa thần lực như vậy để tiêu diệt được ngọn lửa độc ác của độc long. Việc ấy tuy như vậy nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Lúc đó Đức Thế Tôn bắt độc long thả ngoài biển cả, nơi núi Thiết vi. Khi ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, hiện nay độc long này sẽ để nó sống ở đâu?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, con độc long ấy ta đã thả nó nơi núi Thiết vi rồi.

Ca-diếp thấy Đức Phật hiện thần thông như vậy lấy làm hoan hỷ, liền bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, xin Ngài ở luôn nơi đây, tôi sẵn sàng cúng dường thức ăn.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp.

(Hoặc lại có Sư nói Đức Phật bảo Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp: "Nếu các nhân giả có thể đến giờ ăn đến báo cho Ta, nếu được vậy Ta sẽ nhận lời mời của Nhân giả." Ca-diếp thưa: "Chúng tôi sẽ báo giờ ăn cho Sa-môn").

Chư Thiên Tịnh cư cõi Sắc liền nói kệ:

Do lòng đại từ của Thế Tôn
Có tài hàng phục đại độc long
Ba tiên Ca-diếp thờ thần lửa
Bao sức tinh tấn sẽ tiêu diệt.

Khi Đức Thế Tôn thọ thực ở nhà Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài tản bộ từ từ đi đến khu rừng Sai-ni-lê-ca *(nhà Tùy dịch là Chước Chi Tức Xuất Nhũ Trấp),* cách chỗ ở của Ca-diếp chẳng bao xa. Ngài đi kinh hành và nghỉ trong khu rừng này. Vào lúc nửa đêm hôm ấy có bốn vị Đại thiên vương trấn bốn phương giáng xuống trần gian, ánh sáng từ thân Thiên vương chiếu sáng khắp khu rừng. Các Thiên vương bay đến chỗ Đức Phật, đến nơi chắp tay đảnh lễ dưới chân Ngài, rồi lui đứng về một bên, khom lưng cúi đầu hướng về Đức Phật đảnh lễ, giống như khối lửa lớn phát ra ánh sáng chiếu khắp khu rừng Ni-ca.

Đêm hết, bình minh xuất hiện, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp liền đi đến chỗ Đức Phật, thưa:

–Bạch Đại đức Sa-môn, giờ ăn sắp đến, thức ăn dọn xong. Và kính thưa Sa-môn, không biết bốn vị đêm hôm qua là ai mà thân sáng rực, vào nửa đêm đi đến chỗ Sa-môn, chiếu sáng cả rừng cây này. Họ chắp tay cúi đầu đứng yên cung kính, giống như khối lửa tỏa ánh sáng chói lọi?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, bốn vị ấy là bốn vị Thiên vương. Họ đến với Ta vì muốn thưa hỏi giáo pháp.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có oai thần lớn, có oai đức to mới có bốn vị Thiên vương giáng hạ đến bên Ngài học hỏi giáo pháp. Tuy Sa-môn có oai lực như vậy, nhưng chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau Đức Thế Tôn cũng đi đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thọ thực. Sau khi thọ trai xong, Ngài trở vào trong rừng đi kinh hành và an trú trong tịch tĩnh. Nửa đêm hôm đó Đế Thích, vua trời Đao-lợi, đi đến chỗ Đức Phật, thân phóng hào quang tối thượng vi diệu làm sáng cả rừng cây. Đến nơi, vị ấy lễ dưới chân Đức Phật rồi lui về một bên, đứng yên, chắp tay hướng về Thế Tôn, giống như đống lửa lớn phát ra ánh sáng rực rỡ gấp

bội phần ánh sáng của thân hình Tứ Thiên vương đêm trước, ánh sáng chói lọi không gì sánh bằng.

Đêm ấy qua rồi, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đi đến chỗ Phật, bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, giờ ăn đã đến, thức ăn đã dọn xong. Và kính thưa Sa-môn, không biết nửa đêm vừa rồi, người tỏa ra ánh sáng hết sức chói lọi, đi đến đảnh lễ Ngài rồi chắp tay đứng về một bên... ánh sáng rực rỡ gấp bội phần ánh sáng trên thân hình Tứ Thiên vương, là người nào vậy?

Đức Phật đáp lời Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, đó là Đế Thích, chủ cõi trời Đao-lợi, đi đến chỗ Ta để nghe giáo pháp.

Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có oai đức lớn, cho đến trời Đế Thích cũng đến nghe pháp. Tuy có oai lực như vậy nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Rồi ngày hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài trở lại trong rừng, đi kinh hành và an trú trong đó. Vào nửa đêm hôm đó có trời Dạ-ma, thân phóng hào quang chói lọi, đi đến chỗ Phật, chắp tay đảnh lễ, rồi lui về một bên (nói sơ lược).... "Đại Sa-môn này có nhiều oai lực, có đại oai thần khiến đến nỗi trời Dạ-ma đến xin nghe pháp. Tuy có oai đức như vậy, nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, trở lại trong rừng đi kinh hành và an trú trong đó. Nửa đêm hôm ấy có trời Đâu-suất, thân phóng hào quang, đi đến chỗ Đức Phật... *(nói sơ lược...)* "Đại Sa-môn này có oai lực lớn, có đại oai thần khiến đến nỗi trời Đâu-suất-đà đến xin nghe pháp. Tuy có oai đức như vậy, nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Lại hôm sau, Đức Thế Tôn thọ trai nơi Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài trở vào trong rừng, đi kinh hành và an trú trong đó. Vào nửa đêm hôm đó có trời Hóa lạc, thân phóng hào quang, đi đến chỗ Phật... *(nói sơ lược)* "Đại Sa-môn này có đại oai thần, khiến đến nỗi trời Hóa lạc đến nghe pháp. Tuy oai đức như vậy, nhưng vị ấy vẫn chưa chứng A-la-hán."

Khi Đức Thế Tôn thọ trai ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong rồi, Ngài trở vào trong rừng đi kinh hành và an trú trong đó. Vào nửa đêm hôm ấy có trời Tha hóa tự tại, thân phóng hào quang đi đến chỗ Đức Phật... *(nói sơ lược)*... "Đại Sa-môn này có đại oai thần, có đại oai lực, khiến đến nỗi trời Tha hóa tự tại đến xin nghe pháp. Tuy oai đức như vậy, nhưng vị ấy chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau nữa, khi Đức Thế Tôn thọ trai ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài trở lại vào rừng rừng đi kinh hành và an trú trong đó. Vào nửa đêm, có Đại phạm Thiên vương, chủ thế giới Ta-bà, thân phóng hào quang tỏa khắp khu rừng, đi đến chỗ Phật, chắp tay đảnh lễ rồi lui về một bên, đứng yên lặng hướng về Phật, giống như khối lửa lớn, phát ra ánh sáng chói lòa, sáng hơn gấp trăm ngàn lần ánh sáng chư Thiên cõi Dục nói ở trước. Không có ánh sáng nào sánh bằng.

Đêm đã đi qua, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi bạch:

–Thưa Đại đức Sa-môn, giờ ăn đã đến, thức ăn đã dọn xong. Và thưa Đại Sa-môn, không biết đêm vừa rồi, người phát ra hào quang chói lọi, sáng cả khu rừng đi đến chỗ Sa-môn chắp tay đảnh lễ, rồi lui đứng về một bên... hơn ánh sáng chư Thiên cõi Dục ở trước, là người nào vậy?

Đức Thế Tôn liền bảo Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, người đến đó là Đại phạm Thiên vương, chủ thế giới Ta-bà này, đến chỗ Ta muốn nghe giáo pháp.

Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần lực, khiến đến nỗi Đại phạm Thiên vương, chủ thế giới Ta-bà đến cầu xin nghe pháp. Tuy oai đức như vậy, nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài trở vào trong rừng đi kinh hành và nghỉ lại trong đó. Hôm sau, gặp ngày thường niên, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và người xứ đó lập pháp tế tự. Thời giờ đã đến, tất cả dân chúng nước Ma-già-đà mang đến đủ thứ ẩm thực thượng vị, như đồ nuốt, đồ nhai, đồ liếm, đồ nhấm… Sáng hôm đó họ đều muốn đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp trong đêm trước hôm ấy, ở trong phòng một mình, suy nghĩ: "Ngày mai tất cả dân chúng nước Ma-già-đà sắm đầy đủ vô lượng thức ăn uống, tập trung bên ta cầu pháp tế tự, mà Đại Sa-môn Cù-đàm này xuất hiện trước chúng hội, hiển bày các pháp thần thông thù thắng như bấy lâu nay. Nếu vậy thì danh dự và lợi dưỡng của ta đều dồn về người, thì đối với ta sẽ bị giảm bớt. Cúi xin Đại Sa-môn, Ngài dùng phương tiện sáng mai đừng về đây."

Lúc ấy Đức Thế Tôn biết tâm niệm của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nên sáng ra Ngài đi đến châu Uất-đơn-việt, khất thực xong, Ngài đi đến bờ ao lớn A-nậu-đạt thọ thực. Ăn xong, Ngài ở bên bờ ao này tĩnh lặng nhiếp tâm trong chốc lát rồi trở về khu rừng cũ, đi kinh hành và an trú trong đó.

Qua ngày tiếp theo, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp sau giờ ăn mới đi đến chỗ Phật, đến nơi liền bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, giờ ăn đã tới, thức ăn cũng dọn xong, không biết vì cớ gì Sa-môn không đến. Tuy vậy, tôi vẫn không quên, có bao nhiêu thức ăn thượng vị, tôi nay vì Nhân giả vẫn để lại một phần.

Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, đêm hôm qua ông ngồi một mình trong phòng yên tĩnh, có phải ông suy nghĩ thế này chăng: "Ngày mai chỗ ở của ta theo thường niên tổ chức pháp tế tự, tất cả dân chúng nam nữ nước Ma-kiệt-đà đem đủ thứ ẩm thực đến dâng cho ta mà e Đại Tỳ-kheo Cù-đàm này ở trước chúng hội xuất hiện thần thông, hiển bày pháp thượng nhân thì bao nhiêu danh dự, lợi dưỡng của ta đều dồn về Đại Sa-môn này, ta sẽ bị giảm bớt"? Trong tâm ông muốn Ta sáng ngày chớ đến. Này Nhân giả Ca-diếp, Ta ngay lúc ấy biết tâm niệm của ông như vậy nên sáng ngày hôm sau bay đến châu Uất-đơn-việt, khất thực xong, Ta đến bờ ao A-nậu-đạt như pháp mà thọ trai. Tùy thời gian nhiều ít, Ta đi kinh hành nơi đó rồi trở về khu rừng này an nghỉ cho đến giờ này.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có đại thần lực, có đại oai quyền. Tuy cảm biết và biến hóa như vậy nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay." *(Đoạn này Ni-sa-tắc nói).*

Bấy giờ, ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp hằng năm có một ngày đại hội gọi là ngày Dực tú. Ngày hội này dân chúng nước Ma-già-đà tụ tập số đến ngàn vạn người. Nhưng ngày hội này cũng có ngày hội chợ để dân chúng tùy ý mua sắm. Lúc ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp suy nghĩ: "Ngày mai nơi đây nếu có Sa-môn đến, tất cả dân chúng đều chiêm ngưỡng người, chẳng vì ta sắm các món trai soạn." Suy nghĩ như vậy rồi, liền đi đến chỗ Đức Phật bạch:

–Thưa Đại đức Sa-môn, sáng mai chỗ Ngài tu hành trong rừng của tôi sẽ tổ chức đại hội, có trăm ngàn dân chúng tập họp đông đúc, hết sức huyên náo, mà Đại Sa-môn thì thích cảnh vắng vẻ, thường đi kinh hành chỗ thâm u thanh tịnh, nên Sa-môn có thể rời chỗ này đi tìm chỗ vắng lặng mà an trụ. *(Đoạn này Tăng-kỳ nói)*

Đức Thế Tôn từ khu rừng của Ca-diếp liền dời đến rừng Sai-lê-ca. Đến nơi, tâm Ngài nghĩ đến bốn vua Ca-lâu-la tên là Khả Xúc, bốn Long vương Đề-đầu-lại-tra, bốn rồng thủy thần, Tứ đại Thiên vương, Thiên chủ Đế Thích và tất cả chư Thiên Dục giới; Đại Phạm thiên, chủ thế giới Ta-bà...

Lúc ấy bốn vua Ca-lâu-la Khả Xúc... biết tâm niệm của Đức Phật liền xuất hiện trận cuồng phong, từ chỗ ở của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp phi hành trên hư không, lập tức đến rừng Sai-lê-ca. Đến nơi, họ đảnh lễ dưới chân Đức Phật, chắp tay đứng lui về một bên, từ xa hướng về Đức Phật mà đảnh lễ.

Bốn Long vương Đề-đầu-lại-tra, bốn vua thủy thần cũng biết ý Đức Phật, kéo mây đổ trận mưa lớn, từ chỗ ở của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp bay trên hư không, hướng về rừng Sai-lê-ca. Đến nơi, họ đảnh lễ dưới chân Đức Phật, chắp tay lui về một bên, từ xa hướng về Phật cung kính.

Tứ đại Thiên vương ở bốn phương cũng biết ý Phật, hiện hình hết sức đoan chánh, mọi người thích trông ngắm, oai quang hiển hách, tự thân chiếu sáng, đều cỡi bạch tượng từ dưới đất vọt lên, từ chỗ ở của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đi đến rừng Sai-lê-ca. Đến nơi, họ đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, từ xa cung kính chắp tay hướng về Đức Phật.

Đế Thích, vua trời Đao-lợi, chư Thiên cõi Dục và Đại phạm Thiên vương, chủ thế giới Ta-bà đều biết ý Phật, thân phóng hào quang chiếu sáng cõi đất này, từ chỗ ở của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp cùng một lúc bay trên hư không, đi đến rừng Sai-lê-ca. Đến nơi, họ đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, từ xa cúi đầu cung kính Phật.

Bấy giờ tất cả dân chúng ở nơi đây thấy những hiện tượng của chư Thiên, Long..., tâm họ sợ sệt, toàn thân dựng chân lông, liền đồng đến hỏi Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Thưa Đại đức Hòa thượng, những hiện tượng kỳ lạ này là do những vị thần nào biến hóa? Phải chăng là điều tai ương? Hoặc có tật dịch gì chăng? Hoặc có điều khủng bố dữ dội nào chăng? Hoặc báo hiệu xảy ra đại chiến chăng? Hoặc quỷ Ca-tra Phú-đơn-na và quỷ Hắc Ám muốn đến đây chăng?

Lúc ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nghĩ: "Việc này chắc là do oai lực của Đại Sa-môn thể hiện thần thông biến hóa như vậy", liền bảo quần chúng:

–Này tất cả mọi người, chớ nên sợ sệt, chớ nên kinh hãi. Đây chẳng phải là tai biến, cũng không phải tật dịch, cũng không phải các quỷ mị đến đấu tranh. Sẽ không có điều gì phải sợ hãi, sẽ hết sức an ổn, không có điều quái lạ xảy ra, cũng không có điều khủng bố và tật bệnh. Này các người, những hiện tượng đó hết sức an ổn, không có các điều khổ. Những hiện tượng đó hết sức tốt đẹp.

Rồi Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Ta nay cũng nên đi đến chỗ Đại Sa-môn để xem xét việc này, cần phải biết lý do gì xảy ra các hiện

tượng như vậy.” Ông ta suy nghĩ như vậy rồi liền đi đến chỗ Thế Tôn. Khi sắp gần đến nơi, Đức Như Lai bỗng nhiên hiện sức thần thông biến thành một hòn núi cao lớn chắn ngang trước mặt Ca-diếp. Ông ta muốn qua nhưng không tài nào qua được, nên đến chân núi rồi quay trở về. Qua đến ngày hôm sau Ca-diếp đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi ông bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, tại sao ngày hôm qua xuất hiện những hiện tượng kỳ lạ như vậy? Tôi từ xưa đến nay ở nơi đây chưa từng thấy việc này.

Đức Thế Tôn vì Ca-diếp nói rõ việc này. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nghe việc này cho là điều quá ư đặc biệt, hết sức hy hữu: “Ta nhiều năm ở đây luôn luôn tế tự thần lửa, chưa từng có ngọn gió lốc đến bên ta, huống hồ là các vị thần khác. Nhưng hôm nay Sa-môn Cù-đàm có đại oai đức, tất cả chư Thiên hướng đến bên Người.” Thầm nghĩ như vậy rồi, đối với Đức Phật ông sinh tâm kính tín, sinh tâm hy hữu, liền thỉnh Phật bằng tâm niệm: “Kính xin Đại Sa-môn giờ ăn sáng mai xin Ngài đến chỗ tôi thọ cúng dường thức ăn uống vi diệu. Nếu Phật là Bậc Nhất Thiết Trí, sẽ biết tâm tôi.”

Khi ấy Đức Như Lai biết tâm niệm của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm thỉnh như vậy nên Ngài im lặng nhận tâm thỉnh của Ca-diếp.

Ca-diếp về lại chỗ ở của mình. Sáng hôm sau bảo các đồng tử:

–Các người hãy đến chỗ Đại Sa-môn xem thử Đại Sa-môn đang đắp y sắp đi khất thực hay an tọa im lặng?

Các đồng tử vâng lời Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, liền đi đến rừng Sai-lê-ca. Đến nơi, thấy Đức Phật ngồi im lặng tư duy dưới gốc cây trong rừng, thân tỏa hào quang sáng khắp một vùng. Đối với việc ăn tự lấy biết đủ, yên lặng mà ngồi, không đi khất thực.

Các vị đồng tử thấy vậy liền tiến đến gần Đức Phật, đến nơi họ đồng bạch Phật:

–Thưa Đại Sa-môn, Nhân giả ngày nay sao không đi khất thực?

Đức Thế Tôn bảo các đồng tử:

–Này các đồng tử, Ta nay có người thỉnh rồi.

Các đồng tử lại hỏi:

–Thưa Đại đức Sa-môn, người thỉnh đó là ai?

Đức Phật đáp:

–Người thỉnh đó là Hòa thượng của các ông.

Các đồng tử hết sức ngạc nhiên, cho việc thật hy hữu, thật hy hữu! Vị Sa-môn này đối với điều chưa nói thành lời mà biết được trong tâm niệm

người ta. Mọi người hết sức vui mừng hớn hở tràn ngập châu thân, không thể tự chế.

Các đồng tử quay trở về chỗ ở của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Về đến nơi, họ thưa:

–Bạch Hòa thượng Tôn sư, chúng con biết chắc rằng vị Đại Sa-môn này là Bậc Nhất Thiết Trí. Vì Hòa thượng im lặng dùng tâm niệm thỉnh Ngài, Ngài liền biết ý Hòa thượng nên đã nói với chúng con: "Ta đã nhận tâm thỉnh của Hòa thượng các ông."

Khi Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nghe thưa lời như vậy liền trải tòa rộng lớn, trải xong liền phát tâm: "Nếu ngày nay Sa-môn Cù-đàm quả thật là Bậc Nhất Thiết Trí, liền ứng với tâm niệm của tôi, hiện ngay nơi tòa này!"

Lúc ấy Đức Thế Tôn liền biết tâm niệm của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, liền khi ấy hiện thân ngồi tại tòa. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thấy Đức Thế Tôn ngồi đoan trang trên tòa, hết sức hoan hỷ, tự tay mang lấy đủ các đủ các thức ăn thượng vị, nào là đồ cứng, đồ mềm, đồ cắn, đồ nhấm... dâng cúng cho Đức Phật tùy ý thọ dụng. Rồi lại nghĩ: "Thật hy hữu! Thật hy hữu! Đại Sa-môn này có đại oai đức, có đại oai thần mới có thể biết được tâm niệm của ta. Tuy có oai thần như vậy nhưng vị ấy chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Đức Thế Tôn thọ thực ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài trở lại trong rừng Sai-lê-ca, đi kinh hành và an trú trong đó. Thuở ấy, chiếc ca-sa đắp trên mình của Thế Tôn đã rách nát. Ngay lúc ấy có một người thuộc thôn của Bà-la-môn Binh Tướng mạng chung, người nhà đem bỏ nơi rừng tử thi. Bấy giờ Đức Thế Tôn ở trong rừng thấy vậy liền đến nhặt chiếc áo phấn tảo của tử thi. Đức Thế Tôn lấy rồi lại thầm nghĩ: "Ta nên giặt sạch chiếc áo phấn tảo này ở chỗ nào?"

Khi ấy vua trời Đao-lợi biết được tâm niệm của Thế Tôn nên Đế Thích ở trước Đức Phật dùng tay đào đất thành một cái ao nước trong sạch. Ao hoàn thành, Đế Thích lại bạch Phật:

–Hay thay! Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài dùng nước ao này giặt áo phấn tảo.

Đức Thế Tôn thấy nước trong ao rồi thầm nghĩ: "Nay tuy có nước rồi, không biết giặt áo trên cái gì?" Đế Thích biết ý Đức Phật nên mang một tảng đá lớn từ núi Thiết vi đặt nơi ao trước mặt Đức Phật. Đặt tảng đá rồi, Đế Thích lại bạch Phật:

–Xin Đức Thế Tôn giặt chiếc áo trên tảng đá này.

Đức Thế Tôn lại thầm nghĩ: "Nay tuy có tảng đá rồi, không biết vin vào cái gì để đứng đạp giặt chiếc áo này?." Lúc bấy giờ bên bờ ao sẵn có một cội cây từ trước, tên là Ca-câu-bà *(nhà Tùy dịch là Phong).* Lúc ấy nơi cội cây này có một thọ thần biết ý Đức Phật nên đè một cành cây cong sát đất, rồi bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn vin vào cành cây này để đạp giặt áo phấn tảo.

Đức Phật lại nghĩ: "Ta giặt xong chiếc áo này lại phải phơi trên cái gì?." Bấy giờ Đế Thích biết ý Đức Phật liền mang một tảng đá hết sức rộng lớn từ núi Thiết vi đến đặt trước mặt Đức Phật. Đặt xong, vị ấy liền bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn phơi chiếc áo trên tảng đá này.

Khi đó Đức Thế Tôn liền đem chiếc áo phấn tảo phơi trên tảng đá. Sáng hôm sau, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn! Giờ ăn đã đến. Thức ăn đã dọn xong.

Rồi lại bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, nơi đây trước kia không có cái ao này, vì cớ gì hôm nay bỗng nhiên có cái ao đầy nước? Nơi đây vốn trước kia không có hai tảng đá, nay lại từ đâu đến? Cây này trước kia không có cành cong xuống, ngày nay vì lý do gì cành rũ xuống như vậy? Không biết nguyên do gì bỗng nhiên có những hiện tượng như vậy?

Ca-diếp thưa hỏi những lời như vậy rồi đứng im lặng. Đức Thế Tôn bảo Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, ở nơi đây Ta được chiếc áo phấn tảo. Lúc bấy giờ Ta thầm nghĩ: "Lấy nước ở đâu giặt chiếc áo phấn tảo này?", thì ngay lúc ấy trời Đế Thích biết được ý Ta, người dùng tay đào đất thành cái ao này. Rồi người thưa Ta: "Xin Thế Tôn dùng nước ao này giặt áo phấn tảo." *(Vì lý do này nên truyền đến ngày nay, gọi là Ao tay Đế Thích đào).*

Sau khi có nước ao, Ta lại thầm nghĩ: "Ta sẽ giặt chiếc áo phấn tảo trên cái gì?" Lúc ấy trời Đế Thích biết ý Ta, người mang một tảng đá lớn từ núi Thiết vi đến đặt nơi đây và thưa với Ta: "Cúi xin Thế Tôn giặt chiếc áo trên tảng đá này." *(Vì lý do đó mà ngày nay gọi tảng đá này là Tảng đá phi nhân ném).* Lúc bấy giờ Ta lại thầm nghĩ: "Tay Ta vin vào cái gì để đạp giặt chiếc áo này?" Lúc ấy có vị thần cây Ca-câu-bà biết được tâm niệm Ta, người dùng tay đè cành cây này cong xuống và thưa với Ta: "Cúi xin

Đức Thế Tôn, tay Ngài vin vào cây này, dùng gót chân đạp chiếc áo." Vì nguyên do này, cành cây từ trên cao cong xuống như vậy.

Có cành để vin rồi, Ta thầm nghĩ: "Nay phơi chiếc áo này trên cái gì?." Lúc bấy giờ Đế Thích biết được ý Ta, người mang một tảng đá rộng lớn từ nơi núi Thiết vi đến đặt trước mặt Ta và thưa: "Cúi xin Đức Thế Tôn, chiếc áo giặt xong đem phơi trên tảng đá này." *(Vì lý do này, ngày nay người ta đặt tên là Tảng đá phi nhân ném).*

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có oai lực lớn, có sức thần thông lớn, đến nỗi chúa trời Đế Thích đến cung phụng. Tuy có sự biến hiện như vậy, nhưng vị Sa-môn này chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Khi Đức Thế Tôn thọ trai ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài trở về rừng, đi kinh hành và an trú trong đó.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp sáng ngày hôm sau đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, vị ấy thưa:

–Bạch Đại Sa-môn, giờ ăn đã đến, thức ăn đã dọn xong..

Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Này Nhân giả Ca-diếp, người về trước, Ta sẽ đi sau.

Khi Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp ra về rồi, Ngài liền vận thần thông bay đến núi Tu-di. Lúc ấy nơi núi này có một cây Diêm-phù. *(Do nhân duyên cây Diêm-phù này bởi vậy mới có danh từ Diêm-phù-đề).* Ngài hái quả cây này rồi trở về trước, ngồi đoan nghiêm trong nhà thờ thần lửa của Ca-diếp, mà sau đó Ca-diếp mới về. Ca-diếp thấy Như Lai đã ngồi sẵn trong nhà thờ thần lửa, hết sức ngạc nhiên, liền bạch Phật:

–Thưa Đại Sa-môn, sau khi tôi ra về, Nhân giả còn ở trong rừng, không biết Nhân giả đi đường nào mà bỗng nhiên về trước tôi, an tọa trong nhà thờ thần lửa như vậy?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này Ca-diếp, sau khi ông ra về, Ta đến núi Tu-di, nơi đó có một cây tên là Diêm-phù, do vậy nên cõi này đặt tên là Diêm-phù-đề. Trên cây này có quả, Ta hái mang về để trong nhà này.

Rồi Đức Phật chỉ cho Ca-diếp thấy quả Diêm-phù hình dáng đẹp đẽ, màu sắc tươi tốt, hương vị thơm tho, ăn thật tuyệt vời. Ông nay có thể lấy quả ngọt này mà ăn thử.

Ca-diếp liền bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, việc này không nên. Nhân giả phải ăn quả ngọt này, còn tôi không được phép.

Liền lúc ấy Ca-diếp lại nghĩ: "Đại Sa-môn này có đại thần thông, có đại oai đức mới có thể bảo ta về trước rồi sau đó người đi đến núi Tu-di hái quả Diêm-phù, rồi trở về ngồi trong nhà thờ thần lửa trước ta. Tuy việc ấy như vậy nhưng vị ấy chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Khi Đức Thế Tôn thọ trai ở chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài vội trở về trong rừng, đi kinh hành.

Qua ngày hôm sau, khi trời hừng sáng, Ca-diếp đi đến chỗ Đức Phật, bạch:

–Thưa Đại đức Sa-môn, nếu Ngài thấy đúng giờ, cơm nước đã dọn xong.

Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Này Ca-diếp, Nhân giả về trước, Ta sẽ đến sau.

Khi ấy Đức Phật bảo Ca-diếp về trước, sau đó Ngài trở lại núi Tu-di, cách cây Diêm-phù chẳng bao xa có một cội cây tên là Am-bà-la, Ngài hái một quả Am-bà-la rồi trở về trước, ngồi trong nhà thờ thần lửa của Ca-diếp, mà sau đó Ca-diếp mới về. Ca-diếp thấy Thế Tôn an tọa trong nhà thờ thần lửa như vậy, liền bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, Ngài đi đường nào mà về ngồi trong nhà thờ thần lửa trước tôi?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ta bảo người về trước rồi sau đó ta đi đến núi Tu-di hái trái Am-bà-la đem về đây....

...bảo Ca-diếp ăn quả này. Ca-diếp bạch Phật:

–Tôi không dám ăn.

Lúc ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ thế này: "Vị Đại Sa-môn này có đại thần thông, có đại oai lực... mới có thể bảo ta về trước rồi sau đó người đi đến núi Tu-di hái trái Am-bà-la, về ngồi trong nhà thờ thần lửa của ta. Tuy việc ấy như vậy, nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Khi Đức Thế Tôn thọ trai ở nhà Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp xong, Ngài trở lại trong rừng đi kinh hành.

Qua ngày sau, khi trời hừng sáng, Ca-diếp đi đến chỗ Đức Phật bạch:

–Thưa Đại Sa-môn, nếu Ngài thấy đúng giờ, cơm nước đã dọn xong.

...Cách cây Diêm-phù chẳng bao xa có cây Ha-lê. Ngài hái quả cây này rồi về trước, ngồi trong nhà thờ thần lửa của Ca-diếp...

... "Đại Sa-môn có đại thần thông. Tuy việc ấy như vậy nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Rồi ngày tiếp theo, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong trở lại trong rừng đi kinh hành... cách cây Diêm-phù chẳng bao xa có một cây tên là Tỳ-lê-lặc, Ngài hái một quả cây này, rồi về trước, ngồi trong nhà thờ thần lửa... như đã nói ở trước... "Vị Đại Sa-môn này có đại thần thông, bảo ta về trước, sau đó người đi hái quả. Tuy việc ấy như vậy, nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, trở vào trong rừng đi kinh hành... cách cây Diêm-phù chẳng bao xa lại có một cây tên là Am-ma-lặc. Ngài hái quả cây này rồi trở về trước, ngồi trong nhà thờ thần lửa... "Vị Sa-môn này có Đại thần thông, bảo ta về trước, sau đó người đi hái quả trở về ngồi trong nhà thờ thần lửa. Tuy việc ấy như vậy nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Qua ngày kế tiếp, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, trở lại trong rừng đi kinh hành.

Qua ngày hôm sau, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đi đến chỗ Phật. Đến nơi, bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, nếu biết đúng giờ, cơm nước đã dọn xong.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông về trước, Ta sẽ về sau.

Khi Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp đi rồi, Ngài đi đến châu Cù-da-ni. Đến đây, Ngài xin đầy bát sữa rồi trở về trước, ngồi trong nhà thờ thần lửa. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thấy vậy, bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, Ngài đi đường nào về ngồi trong nhà thờ thần lửa trước tôi như vậy?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ta bảo người đi rồi, sau đó Ta đi đến châu Cù-da-ni xin được một bát sữa đầy rồi về ngồi ở đây. Này Ca-diếp, sữa này màu sắc vi diệu, hương vị thơm ngon. Nếu ý ông muốn, nên lấy sữa này mà dùng.

Ca-diếp bạch Phật:

–Tôi không dám uống, xin Sa-môn hãy tự dùng.

Lúc ấy Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có đại oai thần, bảo ta về trước rồi sau đó người đi đến nước Cù-da-ni xin một bát sữa đầy rồi

về ngồi trong nhà thờ thần lửa trước ta. Tuy việc ấy như vậy, nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay.”

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 42

Phẩm 44: BA ANH EM CA-DIẾP (Phần 3)

Bấy giờ Đức Thế Tôn thọ trai xong, trở lại trong rừng đi kinh hành.

Ngày hôm sau, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, ông bạch:

–Thưa Đại đức Sa-môn, nếu thấy đúng giờ, cơm nước đã dọn xong.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Nhân giả về trước, Ta sẽ đến sau.

Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp đi về trước rồi, Ngài liền lên cung trời Đao-lợi. Đến nơi, Thế Tôn lấy một cành hoa Ba-lê-xà-đa-ca *(nhà Tùy dịch là Bỉ Ngạn Sinh)*. Lấy rồi về đến nhà thờ thần lửa trước. Ca-diếp đến sau, thấy Đức Phật đã an tọa, liền bạch:

–Thưa Đại đức Sa-môn, Ngài đi đường nào về nhà thờ thần lửa trước tôi?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ta bảo Nhân giả về trước, rồi sau đó Ta lên cung trời Đao-lợi lấy một cành hoa Ba-lê-xà đem về nơi nhà thờ thần lửa này. Cành hoa Ba-lê-xà-đa-ca này màu sắc tuyệt đẹp, hương khí thơm tho. Nếu ông thích nên lấy hoa này thưởng thức hương khí.

Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Đại Sa-môn, mùi thơm hoa này vi diệu, tinh hảo. Sa-môn tự cất lấy, tôi không được phép ngửi.

Khi ấy, Ca-diếp thầm nghĩ: "Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông mới có thể bảo ta về trước, rồi sau đó người lên cung trời Đao-lợi lấy một cành hoa Ba-lê-xà-đa-ca rồi trở về ngồi trong nhà thờ thần lửa trước ta. Tuy nhiên, vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Bấy giờ các vị Phạm chí Loa kế ở chỗ Ca-diếp muốn bửa một cây củi mà không được. Nếu dựng thì cây chẳng đứng, nếu để nằm thì cây chẳng

thẳng, nếu dùng búa bửa thì bửa chẳng ra. Các Phạm chí Loa kế suy nghĩ: "Đây là do thần thông của Đại Sa-môn, không còn gì phải nghi ngờ. Làm cho bọn ta ngày nay không thể bửa cây củi này, hết sức cực nhọc."

Đức Thế Tôn bảo tất cả các Phạm chí của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Này các đồng tử, nay các người muốn bửa cây củi này phải không?

Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, chúng tôi thật sự muốn bửa cây củi này mà không làm sao bửa được.

Khi Đức Thế Tôn hỏi lời như vậy rồi thì liền sau đó các Phạm chí bửa một cách dễ dàng. Lúc ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông. Tuy vậy nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, liền trở về trong rừng đi kinh hành. Lúc ấy các Phạm chí ở chỗ của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp muốn đốt lửa nhưng không cháy. Các Phạm chí Loa kế suy nghĩ: "Việc này là do thần thông của Đại Sa-môn tạo ra, không còn gì phải nghi ngờ, khiến chúng ta cực nhọc đốt lửa không được."

Đức Thế Tôn bảo các Phạm chí Loa kế của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Các người muốn đốt lửa phải không?

Các đồng tử của Ca-diếp thưa:

–Thưa Đại đức Sa-môn, chúng tôi muốn đốt lửa.

Khi Đức Phật hỏi rồi, lửa liền cháy thành năm trăm đống.

Bấy giờ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông, có thể khiến vật đốt cháy được làm cho không cháy. Nếu Sa-môn muốn cháy thì bùng cháy. Tuy vậy, vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, Ngài về lại trong rừng đi kinh hành. Khi các Phạm chí Loa kế muốn tắt lửa mà không tắt được. Các Phạm chí Loa kế đều nghĩ: "Đây là do sức thần thông của Đại Sa-môn, khiến ta tắt lửa không được."

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo các đồng tử của Ca-diếp:

–Này các đồng tử, có phải các người muốn tắt ngọn lửa này chăng?

Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, tôi nay muốn dập tắt ngọn lửa này mà không được.

Khi Đức Phật hỏi lời này rồi, năm trăm ngọn lửa liền dập tắt. Ca-diếp thầm nghĩ: "Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông. Sức của người muốn lửa tắt thì tắt, muốn lửa cháy thì liền cháy. Tuy việc ấy như vậy nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Ngày kế tiếp, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, Ngài trở về trong rừng, đi kinh hành và an trú trong đó. Thuở ấy vào mùa đông, trời hết sức giá lạnh; khí trời vào nửa đêm hay phần sau đêm lạnh buốt. Các Phạm chí Loa kế xuống sông Ni-liên-thiền cúi tắm trong đó. Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng thần lực biến thành năm trăm đống lửa cháy đỏ rực trên bờ sông. Các Phạm chí Loa kế lên sông, lạnh run lập cập, đều đến các đống lửa trên bờ để sưởi ấm. Tâm họ đều nghĩ: "Năm trăm đống lửa này bỗng nhiên xuất hiện là do sức thần thông của Đại Sa-môn biến hóa nên ngọn lửa không khói, để chúng ta từ dưới nước lạnh lên, đến sưởi ấm."

Lúc ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông nên mới hóa ra năm trăm lò lửa không khói này để cho năm trăm đệ tử Loa kế từ dưới sông lạnh lên, đến ngồi sưởi ấm. Tuy việc ấy như vậy nhưng vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, Ngài trở lại trong rừng đi kinh hành và an trú trong đó. Bấy giờ các Phạm chí Loa kế mỗi người cầm bình nước và bình quân trì đi lấy nước nhưng không sao cầm lấy bình được, nên các Phạm chí đều nghĩ: "Việc này là do Đại Sa-môn khiến chúng ta không thể cầm bình nước và bình quân trì được."

Lúc ấy Đức Thế Tôn bảo Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và năm trăm Phạm chí Loa kế:

–Này Ca-diếp, các ông muốn cầm bình nước và bình quân trì đi lấy nước, phải không?

Ca-diếp bạch:

–Hay thay! Thưa Sa-môn, năm trăm Phạm chí Loa kế muốn cầm bình nước và bình quân trì đi lấy nước.

Đức Phật hỏi như vậy rồi thì năm trăm Phạm chí Loa kế đều cầm bình nước và bình quân trì lấy được nước. Lúc ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Hy hữu thay! Hy hữu thay! Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông mới có thể khiến cho năm trăm Phạm chí Loa kế cho lấy nước liền múc được nước, không cho thì không lấy được. Tuy nhiên vị ấy vẫn chưa chứng được quả A-la-hán như ta ngày nay."

Ngày tiếp theo, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, trở về trong rừng đi kinh hành và an trú trong đó. Bấy giờ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp theo thường lệ trước khi tế tự thần lửa, lên ngồi trên cây Thất-đa-la, rồi sau đó mới cúng tế, nay muốn leo lên cây Thất-đa-la lại không thể leo lên được. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Nhất định việc này là do thần thông của Đại Sa-môn, không còn gì phải nghi ngờ, không cho ta leo lên cây Đa-la tế thần lửa."

Ca-diếp lại suy nghĩ tiếp: "Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông mới có thể không cho chúng ta leo lên cây thì chúng ta không thể leo lên được. Tuy nhiên vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, Đức Thế Tôn thọ trai xong, Ngài trở lại trong rừng đi kinh hành và an trú trong đó. Khi ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp lên cây Thất-đa-la để tế tự. Lên rồi nhưng ngồi chỗ cũ không được an ổn. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Việc này nhất định là do thần thông của Đại Sa-môn, không còn gì phải nghi ngờ, khiến ta ngày nay ngồi không an ổn nơi chỗ cũ trên cây Thất-đa-la." Ông ta bạch Thế Tôn:

–Lành thay! Thưa Sa-môn, xin Ngài cho chúng tôi ngồi vào chỗ cũ trên cây Thất-đa-la này để tế thần lửa.

Khi đó Đức Phật nói:

–Được rồi!

Ca-diếp và các Phạm chí liền ngồi an ổn trên cây Thất-đa-la. Lúc bấy giờ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông mới có thể cho ta ở trên cây thì ta mới ở được trên cây, còn không cho thì không được. Tuy vậy vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, Ngài trở lại trong rừng đi kinh hành và an trú trong đó.

Khi ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp tế thần lửa xong, muốn phủ lấp ngọn lửa nhưng không thể được. Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thầm nghĩ: "Việc này là do thần thông của Sa-môn Cù-đàm khiến chúng ta không phủ lấp được ngọn lửa." Khi đó Ca-diếp liền bạch Phật:

–Hay thay! Thưa Sa-môn, xin Ngài cho chúng tôi phủ lấp ngọn lửa này.

Nói lời này rồi liền dập tắt được ngọn lửa. Lúc ấy Ca-diếp thầm nghĩ: "Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông, cho phép thì ta dập tắt được ngọn lửa, còn không cho phép thì không dập tắt được. Tuy nhiên vị ấy chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Ngày kế tiếp, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong liền trở vào khu rừng cũ đi kinh hành và an trú trong đó. Khi Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đang tế thần lửa thì các dụng cụ dùng để tế thần di động khắp đó đây, không nằm yên một chỗ. Lúc ấy Ca-diếp thầm nghĩ: "Việc này nhất định là do Sa-môn Cù-đàm làm ra, khiến những dụng cụ tế thần lửa chạy khắp đó đây, giống như bị người rượt đuổi, không thể ở yên." Vị ấy liền bạch Phật:

–Lành thay! Thưa Sa-môn, xin Thế Tôn khiến cho những dụng cụ tế thần của chúng tôi đứng yên một chỗ.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Như ý các ông muốn.

Liền khi ấy các dụng cụ tế thần lửa an trụ một chỗ. Do vì nhân duyên này, Ca-diếp thầm nghĩ: "Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông nên mới có thể cho phép các đồ tế thần lửa đứng yên thì mới đứng yên, còn không cho thì không đứng yên. Tuy nhiên, vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Hôm sau, khi Đức Thế Tôn thọ trai xong, Ngài trở về trong rừng, đi kinh hành và an nghỉ trong đó.

Lúc ấy ở xứ này không phải là mùa mưa mà bỗng nhiên trên hư không nổi đám mây đen khổng lồ, giáng xuống trận mưa dữ dội nhưng chỗ ngồi của Phật không có một giọt nước. Bấy giờ Đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Ta nay có thể biến nước mênh mông mà thấy Ta ở trong đó đi kinh hành qua lại nơi đất khô ráo nổi bụi." Nghĩ như vậy rồi, Đức Phật hiện chỗ khô ráo nổi bụi như đã nói ở trên, Ngài đi kinh hành qua lại trong đó.

Ca-diếp nghĩ: "Nay không nhằm thời tiết mưa, tại sao trong hư không tự nhiên nổi mây giáng xuống trận mưa to như vậy? Có lẽ chỗ ở của Phật cũng bị nước tràn ngập không khác." Nghĩ như vậy rồi lại bảo các Phạm chí Loa kế dùng thuyền đi khắp mọi nơi, lần đến chỗ Phật, đến nơi họ đứng yên. Ca-diếp thấy bốn bên chỗ Phật đầy nước, chỉ riêng khoảng đất Đức Phật đang đi kinh hành là khô ráo nổi bụi. Thấy vậy Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, hiện giờ Ngài ở trong nước tràn ngập phải không?

Đức Phật đáp:

–Ta nay đang đứng nơi đây.

Nói lời này rồi, Ngài liền bay lên hư không rồi hạ xuống đứng trên thuyền của Ca-diếp. Vì nguyên nhân này Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Sa-môn này có đại thần thông, có đại oai lực mới có thể ở trên nước biến ra con

đường đi như vậy. Tuy nhiên vị ấy vẫn chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Ma-ha Tăng-kỳ nói: "Đức Như Lai vì Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và các Phạm chí hiện năm trăm phép thần thông mà Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đối với mỗi lần thị hiện thần thông đều cho rằng: 'Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông. Tuy có khả năng biến hiện như vậy vị ấy hoàn toàn không chứng quả A-la-hán như ta ngày nay."

Bấy giờ Đức Thế Tôn nghĩ: "Người ngu si này đối với vô lượng lần đều có ý nghĩ: 'Đại Sa-môn này có đại oai lực, có đại thần thông. Tuy nhiên chưa chứng quả A-la-hán như ta ngày nay', nên nay Ta vì Ca-diếp và các đệ tử của ông ta khiến họ mở con mắt tuệ, phát sinh tâm xa lìa tà chấp." Rồi Đức Thế Tôn bảo Ca-diếp:

–Này Ca-diếp, ông nay chẳng phải là A-la-hán, cũng chưa từng đi trên con đường để đến A-la-hán, mà ông thật chưa phải tướng A-la-hán, huống lại là ở trong quả A-la-hán.

Vì lời nói này, lúc ấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp sinh tâm hổ thẹn, toàn thân dựng chân lông, đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch:

–Hay thay! Bạch Đức Thế Tôn, xin cho con xuất gia và được thọ giới Cụ túc.

Đức Thế Tôn bảo Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Này Đại Ca-diếp, năm trăm Phạm chí Loa kế sống y chỉ vào ông, thuận theo pháp hạnh của ông, ông có thể cùng họ thảo luận phải trái và báo cho họ biết điều này. Nếu như tâm ý họ hoan hỷ việc xuất gia như vậy thì ông mới xuất gia.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp nghe lời Đức Phật chỉ dạy như vậy, liền đi đến chỗ năm trăm vị Phạm chí Loa kế, đến nơi bảo họ:

–Này năm trăm đồng tử Phạm chí, từ xưa đến nay các ông nương theo ta sống ở nơi đây. Hiện giờ nhà thờ thần lửa và các dụng cụ tế tự tùy ý các ông phân chia sử dụng. Còn ta ngày nay hướng về Đại Sa-môn tu phạm hạnh.

Năm trăm đệ tử Phạm chí Loa kế đồng thưa Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Thưa Hòa thượng, từ khi thầy gặp Sa-môn Cù-đàm cho đến nay chúng con đã nhiều lần tâm muốn hướng về Đại Sa-môn tu phạm hạnh, mà do vì trong tâm còn kính mến Hòa thượng nên chưa bộc lộ thành lời. Nếu nay Hòa thượng muốn hướng về Đại Sa-môn tu phạm hạnh thì chúng con cũng xin theo thầy đồng hướng về Sa-môn, nương vào giáo pháp của Ngài.

Rồi Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và các đệ tử của ông đồng đi đến chỗ d Phật, đến nơi đứng lui về một bên. Lúc ấy Đức Phật bảo Ca-diếp và các đệ tử:

–Này các Phạm chí, các ông hãy bỏ chiếc áo nai, bình quân trì, gậy và các tạp vật trên búi tóc cùng các bồn dùng tế lễ thần lửa. Thu dọn tất cả mang đến bờ sông Ni-liên-thiền, vứt xuống nước.

Các Phạm chí bạch Phật:

–Chúng tôi sẽ y theo lời Đại Đức Sa-môn dạy, không dám làm trái.

Liền khi ấy các Phạm chí đem áo da nai cho đến thu dọn các đồ vật, đi đến bờ sông, ném tất cả vào nước. Khi các vật ném xuống dòng nước rồi, phát ra đủ thứ tiếng, hoặc "tất tất"... rồi theo dòng sông cuốn đi. Các Phạm chí Loa kế thấy những việc kỳ lạ như vậy trong tâm càng thêm hoan hỷ, đồng đảnh lễ dưới chân Phật mà bạch:

–Cúi xin Đức Thế Tôn cho chúng con được xuất gia và thọ giới Cụ túc.

Đức Thế Tôn bảo các Phạm chí:

–Này các Tỳ-kheo, đến đây, vào trong pháp của Ta tu phạm hạnh, dứt sạch các khổ!

Lúc ấy năm trăm vị Trưởng lão ứng theo lời Phật nói liền thành người xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ Phạm chí Loa kế Na-đề Ca-diếp đang tu bên bờ sông, nơi hạ lưu sông Ni-liên-thiền, thấy các vật áo da nai và những đồ tế tự thần lửa trôi ven bờ sông. Thấy vậy, tâm rất đối kinh hãi, bồi hồi lo sợ mà la lên:

–Chao ôi, việc quái lạ! Chỗ ở của anh ta phải chăng bị giặc cướp? Phải chăng đồ chúng bị giặc giết hết? Ta nay phải đến đó quan sát xem thử tai họa kỳ quặc gì mà bỗng nhiên xảy ra như vậy!

Na-đề Ca-diếp nghĩ như vậy liền sai các Phạm chí Loa kế:

–Hãy đi ngược dòng đến đó trước, quan sát lành dữ thế nào, dò xem có điều quái lạ gì? Việc ấy như thế nào, trở về báo lại cho ta biết.

Các đệ tử Phạm chí vâng lệnh liền đi đến nơi quán sát rồi trở về báo cáo:

–Tất cả các vị đều được bình an và đang phụng thờ Cù-đàm.

Sau đó Na-đề Ca-diếp đem ba trăm đệ tử hầu hạ hai bên, đồng đi đến chỗ Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Đến nơi, thấy thầy trò Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa. Thấy vậy, trong tâm hết sức bất bình. Đối với người anh, Ca-diếp nói kệ:

Thần lửa anh bỏ chẳng phụng thờ
Pháp tu khổ hạnh cũng bỏ qua
Ngày nay đã bỏ khổ hạnh này
Giống như rắn nọ bị lột da.

Phạm chí Loa kế Na-đề Ca-diếp liền hỏi anh mình là Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Pháp này tối thắng sao?

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đáp:

–Pháp này thật sự tối thắng. Nên tu hạnh này vì hạnh này tối diệu.

Phạm chí Loa kế Na-đề Ca-diếp bảo ba trăm vị Phạm chí Loa kế, đệ tử của mình:

–Này các đồng tử Phạm chí Loa kế, chỗ ở của ta có bao nhiêu suối ao và tất cả đồ dùng, tự ý các ông phân chia. Ta nay muốn ở bên Đại Sa-môn tu phạm hạnh.

Ba trăm vị đệ tử Phạm chí Loa kế thưa bổn sư Na-đề Ca-diếp:

–Bạch Hòa thượng, nếu nay Hòa thượng muốn theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh thì chúng con cũng xin theo Hòa thượng cùng đi đến chỗ Đại Sa-môn tu phạm hạnh.

Na-đề Ca-diếp và các đệ tử đồng đi đến chỗ Phật, đến nơi đứng lui về một bên. Đức Phật bảo các Phạm chí:

–Này các Phạm chí, ngày nay có thể đem các áo da nai trên thân các ông, bồn và các dụng cụ tế tự thần lửa có thể ném xuống dòng sông Ni-liên-thiền hay không?

Các Phạm chí liền bạch Phật:

–Chúng con y theo lời chỉ dạy của Sa-môn, không dám làm trái.

Rồi các Phạm chí này cũng như các Phạm chí trước, đem tất cả các đồ dùng ném trong dòng nước, phát ra tiếng "tất tất", theo dòng nước cuốn đi. Lúc ấy các Phạm chí Loa kế thấy việc hy hữu như vậy, lòng càng thêm phấn khởi... Các Trưởng lão Tỳ-kheo này ứng theo lời Phật nói liền thành người xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ Phạm chí Loa kế Già-da Ca-diếp sống ở hạ lưu sông Ni-liên-thiền, chợt thấy áo da nai, bồn và tất cả dụng cụ tế tự thần lửa cuốn theo dòng sông. Thấy vậy, tâm rất đổi kinh hãi mà la lên:

–Chao ôi, việc quái lạ! Chỗ ở của anh ta có thể đã bị giặc cướp phá hoại chăng? Hay bị giết hại chăng? Ta nay phải đi đến chỗ đó quan sát tai họa như thế nào.

Nói vậy rồi liền bảo một số đệ tử Phạm chí Loa kế ngược dòng đi đến xem trước:

–Các ông nên quán sát có điều quái lạ, việc ấy thế nào, lành dữ ra sao, về đây báo lại cho ta biết.

Các đệ tử vâng lời ra đi, rồi trở về báo cáo giống như ở trước. Sau đó, Phạm chí Loa kế Già-da Ca-diếp đem hai trăm đệ tử của mình hầu hạ hai bên, đồng đi đến chỗ Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp. Đến nơi, thấy hai anh mình cạo bỏ râu tóc, thân đắp ca-sa. Thấy vậy, trong tâm rất đổi bất bình, nên vị ấy đối với hai anh Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp nói kệ:

Thần lửa từ trước anh không thờ
Pháp tu khổ hạnh cũng bỏ qua
Ngày nay hai anh bỏ pháp ấy
Giống như rắn nọ bị lột da.

Lúc ấy hai Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp đều dùng kệ trả lời người em:

Thần lửa từ trước ta không thờ
Pháp tu khổ hạnh cũng bỏ qua
Ngày nay chúng ta bỏ pháp ấy
Thật như rắn nọ bị lột da.

Lúc ấy Phạm chí Loa kế Già-da Ca-diếp lại hỏi Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp và Na-đề Ca-diếp:

–Thưa hai anh, pháp này tối thắng sao?

Hai Trưởng lão Ca-diếp đồng trả lời:

–Pháp này thật tối thắng! Nên tu pháp này. Pháp này tối diệu.

Phạm chí Loa kế Già-da Ca-diếp bảo hai trăm vị đệ tử Phạm chí:

–Này các đồng tử Phạm chí, chỗ ở của ta có bao nhiêu suối ao và tất cả đồ dùng, tự ý các ông phân chia sử dụng. Ta nay muốn ở chỗ Đại Sa-môn tu phạm hạnh.

Hai trăm vị đệ tử Phạm chí Loa kế đồng thưa bổn sư, Phạm chí Loa kế Già-da Ca-diếp:

–Bạch Hòa thượng, nếu nay Hòa thượng muốn theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh thì chúng con cũng xin theo Hòa thượng cùng đến chỗ Đại Sa-môn tu phạm hạnh.

Phạm chí Loa kế Già-da Ca-diếp và các đệ tử cùng đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, đứng lui về một bên mà bạch Phật:

–Thưa Đại Sa-môn, thầy trò chúng tôi ngày nay muốn ở trong giáo pháp của Sa-môn. Đối với tất cả pháp, chúng tôi sẽ y theo đó mà vâng giữ.

Đức Thế Tôn bảo các Phạm chí Loa kế:

–Các ông hãy làm các việc là đem áo da nai, bồn và dụng cụ tế tự thần lửa của tất cả các ông, tất cả thứ đó đều ném xuống dòng sông Ni-liên-thiền.

Các Phạm chí Loa kế đáp:

–Chúng tôi y theo lời chỉ dạy của Sa-môn, không dám làm trái.

Tất cả Phạm chí Loa kế liền đem áo da nai và tất cả dụng cụ tế thần lửa ném xuống sông. Khi các vật như áo da nai, bình quân trì, bình nước rửa... ném xuống sông, cuộn theo dòng nước, chúng phát ra các âm thanh "tất tất", "xướng hu". Các Phạm chí thấy việc hy hữu như vậy, trong lòng lại càng thêm phấn khởi mà bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin cho chúng con được xuất gia và thọ giới Cụ túc.

Đức Phật liền bảo:

–Này các Tỳ-kheo, đến đây! Vào trong pháp của Ta tu hành phạm hạnh để dứt các khổ.

Ứng với lời nói của Phật, các Trưởng lão ấy liền thành người xuất gia đầy đủ giới Cụ túc.

Trong khoảng thời gian qua, Đức Thế Tôn ở trong thôn của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, giờ đây không muốn ở nơi đây nữa, nên Ngài đi dần về thành Già-da. Như Lai đem theo một ngàn đồ chúng Tỳ-kheo lên ở trên núi Tượng đầu, dạy tu tập ba loại thần thông: Thân thần thông, khẩu thần thông và ý thần thông.

Bấy giờ Đức Như Lai muốn thị hiện thân thần thông, nghĩa là: Đối với một thân hiện thành nhiều thân, rồi nhiều thân trở lại thành một thân; ẩn phương trên, hiện phương dưới; ẩn phương dưới, hiện phương trên; ẩn phương Đông, hiện phương Tây; ẩn phương Tây, hiện phương Đông; ẩn phương Nam, hiện phương Bắc; ẩn phương Bắc, hiện phương Nam. Chui qua gộp núi vách đá không chướng ngại, vào trong đất như vào trong nước, đi trên nước như đi trên đất. Ngồi kiết già dưới đất bay thẳng lên hư không giống như chim bay, thân tỏa khói lửa như đống lửa lớn. Hết tỏa lửa rồi phun ra nước, hết phun nước rồi phun ra lửa. Năng lực mặt trời, mặt trăng như vậy mà Ngài dùng tay va chạm hay nắm lấy, cho đến hành động tự do như Phạm thiên. Đây là thân thần thông biến hóa của Như Lai.

Đức Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, nay lẽ ra các thầy phải biết phân biệt như thế này, lẽ ra chẳng sinh phân biệt như thế này, lẽ ra phải biết quán sát tư duy như thế này, lẽ ra chẳng nên quán sát tư duy như thế này. Này các Tỳ-kheo, nên làm thế này, chẳng nên làm thế này. Đây là Như Lai hiện khẩu nghiệp thần thông.

Này các thầy Tỳ-kheo, nay các thầy phải biết, Như Lai hiện ý thần thông là: đối với tất cả các pháp đều thiêu đốt. Ta nói là thiêu đốt nghĩa là nhãn căn cũng thiêu đốt, sắc chất cũng thiêu đốt, nhãn thức cũng thiêu đốt. Nhãn căn tiếp xúc sắc trần thiêu đốt. Do nhãn căn tiếp xúc sắc trần, sinh các cảm thọ hoặc vui, hoặc khổ, hoặc chẳng khổ chẳng vui. Những cảm thọ này cũng thiêu đốt. Tại sao đốt cháy như vậy? Tại vì lửa phiền não Dục thiêu đốt, tại vì lửa phiền não Sân thiêu đốt, tại vì lửa phiền não Ngu si thiêu đốt. Ta nói các đau khổ của nhãn căn như vậy.

Cũng vậy, nhĩ căn thiêu đốt, thanh trần thiêu đốt. Nói sơ lược cho đến tỷ căn và hương trần thiêu đốt, thiệt căn và vị trần thiêu đốt, thân căn và xúc trần thiêu đốt, ý căn và pháp trần thiêu đốt. Nguyên nhân ý căn tiếp xúc pháp trần sinh các cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc chẳng khổ chẳng vui... những cảm thọ này cũng thiêu đốt. Tại sao bị thiêu đốt? Tại vì lửa phiền não Dục thiêu đốt, tại vì lửa phiền não Sân hận thiêu đốt, tại vì lửa phiền não Ngu si thiêu đốt. Ta nói sự đau khổ của nhĩ, tỷ, thiệt, thân căn và các trần như vậy.

Lại nữa, có người học rộng, có thể quán sát sâu xa thế này: người này có thể xa lìa nhãn căn, xa lìa nhãn thức, xa lìa tác dụng của nhãn căn. Hoặc nhân nơi nhãn căn tiếp xúc với sắc trần sinh các cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc chẳng khổ chẳng vui. Trong các cảm thọ đó cũng nên xa lìa. Đây gọi là lìa nhãn căn.

Lại nữa, xa lìa nhĩ căn, xa lìa thanh trần. Nói sơ lược cho đến xa lìa tỷ căn và hương trần, xa lìa thiệt căn và vị trần, xa lìa thân căn và xúc trần, xa lìa ý căn và pháp trần. Hoặc do ý căn tiếp xúc pháp trần sinh ra cảm thọ: hoặc khổ, hoặc vui, hoặc chẳng khổ chẳng vui. Những cảm thọ này cũng phải xa lìa. Đã xa lìa rồi tức không đắm nhiễm. Đã không đắm nhiễm liền được giải thoát. Đã được giải thoát rồi, liền bên trong có trí tuệ thanh tịnh. Tự biết thế này: "Ta nay đã dứt sinh tử, việc làm đã xong, không thọ thân đời sau." Đây là ý thần thông của Như Lai.

Khi Đức Thế Tôn nói ba loại thần thông để giáo hóa các Tỳ-kheo như vậy, đồ chúng này gồm một ngàn Tỳ-kheo các lậu đều dứt sạch, chứng pháp vô vi, đối với các pháp tâm được giải thoát, mà có kệ:

Khô dòng ái dục, dứt sinh tử
Phạm hạnh đã thành, được tự lợi
Việc làm của mình đã hoàn tất
Lại không thọ lấy thân đời sau.

Lúc bấy giờ một ngàn vị Tỳ-kheo nghe Đức Thế Tôn nói lời như vậy xong, đối các pháp hữu lậu không tạo tác, trong tâm liền được giải thoát hoàn toàn, xả bỏ các pháp Phạm chí, được gọi là Thanh văn Tăng.

□

Phẩm 45: ƯU-BA-TƯ-NA (Phần 1)

Thuở ấy, ba anh em Ca-diếp có người cháu kêu bằng cậu là Phạm chí Loa kế tên Ưu-ba-tư-na *(nhà Tùy dịch là Tối Thượng Chinh Tướng)* sống trên một hòn núi tên là A-tu-la, thường cùng với hai trăm năm mươi đệ tử Phạm chí Loa kế tu học đạo tiên. Ưu-ba-tư-na nghe ba người cậu của mình và các đệ tử đi đến bên Đại Sa-môn, tất cả đều cạo bỏ râu tóc xuất gia. Nghe vậy, vị ấy hết sức kinh ngạc, rất đỗi bất bình mà la lên:

–Các ông cậu ta thật lạ thay! Bao năm nay tế tự thần lửa, giờ đây bỗng nhiên theo làm đệ tử Sa-môn. Ta nay đến đó quở trách mới được. Vì cớ gì làm điều bất thiện như vậy?

Rồi vị ấy đi đến chỗ ba người cậu với trong lòng hậm hực, cổ họng nghẹn ngào không nói thành lời. Đến nơi thấy ba người cậu đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa. Thấy vậy, vị ấy đối với ba người cậu mà nói kệ:

Các cậu thờ lửa chẳng trọn đời
Lại không tu hành pháp khổ hạnh
Ngày nay đồng bỏ pháp tu này
Giống như rắn nọ bị lột da.

Lúc ấy ba người cậu Ca-diếp dùng kệ đáp lại người cháu Ưu-ba-tư-na:

Thần lửa từ xưa nay không thờ
Pháp tu khổ hạnh cũng bỏ qua
Ngày nay chúng ta bỏ pháp ấy
Thật như rắn nọ bị lột da.

Phạm chí Loa kế Ưu-ba-tư-na nghe kệ rồi lại hỏi ba cậu:

–Pháp này tối thắng thật vậy sao?

Ba người cậu trả lời:

–Pháp này thật tối thắng, nên tu pháp này vì pháp này vi diệu.

Bấy giờ Phạm chí Loa kế Ưu-ba-tư-na bảo hai trăm năm mươi vị đệ tử Phạm chí Loa kế:

–Này các đồng tử Phạm chí, bao nhiêu vật sở hữu chỗ ở của ta như suối, ao và các vật dụng, các ông tùy ý phân chia. Ta nay muốn theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh.

Hai trăm năm mươi vị Phạm chí Loa kế đồng bạch Phạm chí Loa kế Ưu-ba-tư-na:

–Nếu ngày nay Hòa thượng muốn theo Đại Sa-môn tu phạm hạnh, chúng con cũng theo Hòa thượng đồng đi đến Đại Sa-môn cùng tu phạm hạnh.

Phạm chí Ưu-ba-tư-na và đồ chúng đồng đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, Phạm chí bạch Phật:

–Thưa Đại đức Sa-môn, ngày nay con cùng đồ chúng xin vào trong pháp của Sa-môn. Đối với tất cả giáo pháp của Ngài, chúng con y theo đó mà vâng giữ.

Đức Thế Tôn bảo các Phạm chí Loa kế:

–Nếu các ông có thể làm được các việc như thế này: phải đem tất cả áo da nai của các ông và những dụng cụ tế tự thần lửa vứt bỏ hoàn toàn.

Các Phạm chí thưa:

–Đúng như lời dạy của Sa-môn, chúng con không dám trái ý.

Rồi các Phạm chí trở về chỗ ở của mình, vứt bỏ tất cả dụng cụ thờ thần lửa. Sau khi Phạm chí đã vứt xong những dụng cụ ấy, liền trở lại chỗ Phật, đến nơi đảnh lễ dưới chân Thế Tôn mà bạch:

–Thưa Thế Tôn, lành thay! Xin Thế Tôn cho chúng con xuất gia thọ giới Cụ túc.

Đức Phật bảo các Phạm chí:

–Này các Tỳ-kheo, lại đây! Hãy vào trong pháp của Ta tu phạm hạnh để diệt các khổ.

Ứng với lời nói của Đức Phật, họ liền thành hai trăm năm mươi Trưởng lão xuất gia thọ giới Cụ túc. Đức Thế Tôn vì các Trưởng lão này lại thuyết thêm giáo pháp, cũng lại như trên, dùng ba loại thần thông chỉ dạy, được lợi ích an vui. Lúc ấy các Tỳ-kheo diệt sạch các lậu, ở trong pháp vô vi, tâm được giải thoát.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lần đầu tiên tập họp chúng Tỳ-kheo gồm đủ một ngàn hai trăm năm mươi người, tất cả đều từ dòng Phạm chí xuất gia, tất cả đều được tự lợi, chứng quả A-la-hán, luôn luôn theo hầu bên Phật, có mặt trong các hội thuyết pháp.

Lại nữa, về sau có các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn, thầy trò các Phạm chí Loa kế trong đời quá khứ trồng căn lành gì mà ngày nay được xuất gia thọ giới Cụ túc, tất cả đều chứng quả A-la-hán? Xưa tạo nghiệp gì mà ngày nay được phước báo như vậy? Lại nữa, tại sao Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đối với năm trăm vị Phạm chí Loa kế, chỉ có một mình Trưởng lão là người đứng đầu tối diệu, tối thắng, tối thượng, tối tôn? Tại sao Na-đề Ca-diếp đối với ba trăm đệ tử, người là bậc đứng đầu tuyệt diệu hơn hết? Tại sao Già-da Ca-diếp đối với hai trăm đệ tử, người là bậc đứng đầu tuyệt diệu hơn hết? Lại nữa, Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thuở xưa tạo nghiệp gì mà ngày nay Đức Thế Tôn đem các pháp khai thị, giáo hóa khó khăn như vậy? Ngoài ra các Phạm chí khác thì giáo hóa dễ dàng?

Thưa lời này rồi, các Tỳ-kheo đứng yên lặng chờ Đức Phật chỉ dạy. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, hãy chú ý lắng nghe. Ta nhớ thuở quá khứ, lại cũng ở trong Diêm-phù-đề này, có một ngàn thương nhân, trong số thương nhân này có ba anh em đều là thương chủ. Thương chủ thứ nhất cũng có tên là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp chỉ huy năm trăm thương nhân. Thương chủ thứ hai cũng có tên là Na-đề Ca-diếp chỉ huy ba trăm thương nhân. Thương chủ thứ ba cũng có tên là Già-da Ca-diếp, cũng chỉ huy hai trăm thương nhân.

Thuở ấy, ba vị đại thương chủ và các thương nhân cùng nhau đi vào biển. Để cuộc hành trình được an toàn, nên họ phải chuẩn bị lương thực và các dụng cụ trang bị. Tổn phí cuộc hành trình lên đến ba trăm ngàn vạn tiền vàng gồm: Một trăm ngàn vạn lo về lương thực. Một trăm ngàn vạn lo cho các thương nhân để dùng vào việc trả công mướn tay nghề. Một trăm ngàn vạn dùng vào việc sắm các vật dụng trên thuyền buồm.

Trang bị đầy đủ rồi, họ lần lần đi đến bờ biển. Khi đến nơi, thiết lễ cúng tế thần Đại Hải. Ngoài việc sắm sửa thuyền buồm, còn thuê năm người với giá gấp bội để lo vào các việc là một người có tài sửa chữa tàu bè. Một người quán sát bốn phương. Một người chuyên lặn dưới nước. Một người chuyên bơi ở trên mặt nước. Một người điều chỉnh buồm.

Sau khi thuê xong năm người như vậy, ba thương chủ đồng xướng lớn tiếng: “Ai có khả năng vào biển?” (Nói như vậy ba lần)

Sau khi xướng lớn tiếng ba lần như vậy, liền ngồi trong thuyền đồng ra khơi. Vì tìm bảo vật nên đoàn người đã đi sâu vào đại dương. Bỗng gặp trận cuồng phong, trận gió thổi giạt chiếc thuyền tấp vào một hòn đảo mà tàu vẫn đứng yên ổn...

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 43

Phẩm 45: ƯU-BA-TƯ-NA (Phần 2)

Lúc ấy thương chủ và các thương nhân đã đến một hải đảo, gặp được đủ thứ châu báu, họ nhặt lấy chứa đầy các thuyền, rồi đoàn người trở lại bờ biển, thu xếp bảo vật, sắp sửa trở về bổn quốc.

Trên đường về, gặp được bảo tháp thờ xá-lợi của Đức Thế Tôn Ca-diếp Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác. Tháp này bị đổ nát, nền móng và các tầng đều bị sụp đổ. Thấy vậy, vị thương chủ trưởng đoàn bảo hai vị thương chủ kia và các thương nhân: "Này các anh em, như các người đã biết, chúng ta vì tìm châu báu nên hy sinh thân mạng đi vào biển cả. Ngày nay ở trên biển ta được nhiều tài lợi. Trên đường về đến đây, nay chúng ta cũng nên cùng nhau tạo nhân duyên thiện nghiệp để lại lợi ích cho đời tương lai. Như bậc trí đời xưa có kệ dạy:

Sức mạnh phước đức thành nhiều lợi
Thường tình được lợi sinh phóng dật
Phóng dật thì tâm không kiềm chế
Do vậy đời sau đọa địa ngục."

Thương chủ đọc bài kệ như vậy rồi, lại bảo: "Các anh em phải biết, do vì nhân duyên này, ngày nay chúng ta động viên tinh thần, tùy ý mỗi người đóng góp ít nhiều tiền của để lo trùng tu ngôi bảo tháp của Đức Phật Ca-diếp."

Hai thương chủ kia và các thương nhân đồng thưa vị thương chủ trưởng đoàn: "Hay thay! Đại thương chủ, ngài là người đứng ra thu nhận tiền đóng góp, sẽ đứng ra làm chủ công trình, còn chúng tôi tùy tâm hưởng ứng ít nhiều."

Vị thương chủ trưởng đoàn nói: "Một mình ta không đủ sức trông coi việc xây cất. Vì sao? Vì ta còn bận nhiều công việc, không thể một mình đứng ra trùng tu ngôi tháp đổ nát này. Nếu ta đứng ra trông coi việc trùng tu này thì công việc sinh hoạt gia đình ta sẽ bỏ phế."

Hai thương chủ kia và các thương nhân nhiều lần cùng nhau ân cần nài nỉ thưa thỉnh vị thương chủ trưởng đoàn đứng ra coi tái thiết. Lúc ấy các thương nhân hăng hái tùy sức đóng góp nhiều ít tiền của giao nộp cho vị thương chủ trưởng đoàn.

Bấy giờ thương chủ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp lãnh trách nhiệm trùng tu bảo tháp. Tầng thứ nhất riêng Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp trang trí. Tầng thứ hai do Na-đề Ca-diếp trang trí. Tầng thứ ba do Già-da Ca-diếp trang trí.

Thứ lớp các tầng tháp xá-lợi của Phật Ca-diếp là do tiền của ba thương chủ và các thương nhân cùng nhau xây dựng. Ngôi tháp đổ nát lúc ấy đã được hoàn thành hết sức trang nghiêm, không khác nào ngôi tháp thuở trước.

Xây cất xong, ba thương chủ và các thương nhân phát nguyện: "Chúng tôi nguyện ở trong đời vị lai lại cùng nhau gặp được Đức Như Lai như thế này. Sau khi gặp được, sẽ ở trong giáo pháp của Đức Thế Tôn đó, chúng tôi nguyện mau chứng ngộ và nguyện đời đời kiếp kiếp không đọa vào ba ác bốn thú."

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy phải biết, ba thương chủ Ca-diếp và một ngàn thương nhân thuở ấy, nay là ba Trưởng lão và một ngàn Tỳ-kheo này. Lại nữa, này các thầy Tỳ-kheo, thương chủ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp thuở ấy do vì nhiều thương nhân ân cần thưa thỉnh mới chịu đứng ra chỉ huy xây dựng bảo tháp. Vì nguyên nhân ấy mà ngày nay đối trước mặt Ta, Ta phải bỏ rất nhiều thời gian người mới nhận sự giáo hóa của Ta.

Thuở ấy thương chủ Na-đề Ca-diếp và Già-da Ca-diếp cùng các thương nhân vừa nghe lời nói "Tùy tâm nhiều ít", họ sốt sắng đóng góp tiền của xây dựng bảo tháp. Do nguyên nhân này nên ngày nay họ vâng lãnh sự giáo hóa của Ta một cách dễ dàng.

Thuở xưa Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp làm vị thương chủ trưởng đoàn, trước tiên dùng bảo vật cúng dường trên tầng tháp xá-lợi thứ nhất Đức của Như Lai Thế Tôn Ca-diếp. Do nhân duyên này, nay được phước báo đối với năm trăm Phạm chí là người tối thắng, tối diệu, tối tôn đệ nhất.

Na-đề Ca-diếp do nhân duyên dùng bảo vật cúng dường tầng tháp xá-lợi thứ hai của Đức Như Lai Thế Tôn Ca-diếp nên ngày nay được phước báo đứng đầu trong nhóm ba trăm Phạm chí.

Già-da Ca-diếp do nhân duyên dùng bảo vật cúng dường tầng tháp xá-lợi thứ ba của Đức Như Lai Thế Tôn Ca-diếp nên ngày nay đứng đầu trong nhóm hai trăm Phạm chí.

Thuở ấy thương chủ và các thương nhân đồng phát nguyện: "Ta nguyện đời đời kiếp kiếp ở vị lai không rơi vào các đường ác, cho đến địa ngục." Do nhân duyên này họ được phước báo không đọa vào các đường ác cho đến địa ngục, thường được sinh vào loài trời và loài người, thọ hưởng khoái lạc. Lại nữa, họ đồng thấy tháp của Đức Ca-diếp đổ nát, cùng nhau tu sửa được trang nghiêm như cũ. Và họ lại đồng phát tâm: "Chúng tôi nguyện đời vị lai lại gặp được Đức Thế Tôn như vậy. Nếu gặp được rồi, chúng tôi nghe Thế Tôn thuyết pháp mau chứng ngộ." Do vì nhân duyên này, ngày nay họ gặp được Ta, liền được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn biết được Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp rơi vào tà đạo nên Thế Tôn mới dùng phương tiện thị hiện năm trăm phép thần thông để giáo hóa, rồi sau đó họ mới chứng quả A-la-hán?

Thưa lời này xong, các Tỳ-kheo đứng yên lặng chờ Phật chỉ dạy. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, chẳng phải chỉ có ngày hôm nay Ta mới thấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp rơi vào tà đạo mà Ta tinh cần dũng mãnh thị hiện năm trăm phép thần thông giáo hóa để thu nhiếp, mà ngay cả trong thời quá khứ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đã từng rơi vào tà đạo, Ta cũng chịu khó nhọc giáo hóa nhiếp phục được.

Các thầy Tỳ-kheo liền bạch Phật:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn, việc ấy thế nào, xin Ngài dạy rõ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, hãy chú tâm lắng nghe. Ta nhớ vào thời quá khứ có một quốc gia tên là Tỳ-đề-hà *(nhà Tùy dịch là Phi chánh thân)* được trị vì bởi dòng vua Sát-đế-lợi tên là Ương-già-đà *(nhà Tùy dịch là Thân Phần)* làm lễ quán đảnh lên ngôi. Nhà vua có thế lực mạnh, có nhiều binh chủng, kho tàng đầy ắp của cải, tiền tài, lúa gạo...

Thuở ấy Quốc vương sinh tâm tà kiến. Vào một đêm rằm trăng tròn, ánh sáng chiếu diệu. Đầu đêm hôm ấy, vua ra lệnh họp các đại thần, trong số này có ba vị đại thần đứng đầu. Vị đại thần thứ nhất tên là Tỳ-xà-da *(nhà Tùy dịch là Nan Thắng),* vị đại thần thứ hai tên là Tô-ma-na *(nhà Tùy dịch là Thiện Ý),* vị đại thần thứ ba tên là A-la-ba-đa *(nhà Tùy dịch là Tiền Ngôn).*

Nhà vua ra lệnh triệu tập tất cả các vị đại thần rồi phán: "Này các khanh, suốt đêm nay chúng ta cùng nhau vui chơi không ngủ và mỗi khanh phải phát biểu ý kiến của mình."

Đại thần Tiền Ngôn tâu vua: "Theo thiển kiến của hạ thần thì cần phải tổ chức bốn binh chủng một cách hoàn chỉnh. Những lân bang nào chưa hàng phục thì ngày nay phải hàng phục. Còn quốc gia nào đã hàng phục rồi thì ngày nay đặt nền thống trị."

Đại thần Thiện Ý lại tâu vua: "Theo thiển ý của hạ thần, ngày nay đối với tất cả nước thù địch, tất cả đều đã hàng phục xong, không còn gì phải lo sợ, nên việc làm hôm nay của chúng ta là mặc tình thọ hưởng thú vui ngũ dục."

Đại thần Nan Thắng lại tâu vua: "Đại vương phải biết, ngũ dục là việc tầm thường, chúng ta thọ hưởng hằng ngày, có gì hy hữu, có gì đặc biệt? Nhưng ngày nay Đại vương tìm được một vị Sa-môn hay Bà-la-môn trì giới tinh tấn, đầy đủ phạm hạnh, trí tuệ đa văn, nếu tìm được người như vậy, Đại vương nên tôn thờ, cúng dường. Tại sao phải làm như vậy? Do vị này mang sự giác ngộ cho mọi người."

Quốc vương liền bảo đại thần Nan Thắng: "Chỉ có lời nói này của khanh là đại thiện, là hay hơn hết. Vậy nay khanh nên quan sát và dò xét tường tận, ở đâu có vị Sa-môn hay Bà-la-môn tuyệt hảo, trì giới tinh tấn, trí tuệ đa văn như vậy, trẫm sẽ đến đó tôn thờ, cúng dường."

Đại thần Tiền Ngôn liền thưa nhà vua: "Nếu Đại vương cần người như vậy thì nay hạ thần biết chỗ ở của một người như vậy. Hiện nay ở tại vườn Nai có một vị tinh tấn, đa văn tên là Ca-diếp, thuộc phái tu lõa hình. Người dạy nhiều pháp môn vi diệu. Đại vương có thể đến đó tôn thờ."

Bấy giờ nhà vua cho trang hoàng xe tứ mã hết sức lộng lẫy, rồi nhà vua ngồi trên xe với y phục màu trắng, thân mang chuỗi anh lạc bằng bạch ngọc. Quần thần hầu hạ hai bên cũng phục sức toàn thân màu trắng theo hầu nhà vua. Chân nhà vua mang giày trắng, tay cầm thủ phất trắng, cán được nạm bằng ngọc ma-ni trắng để tạo oai thế cho nhà vua. Đức vua cùng các quần thần hộ vệ trước sau đồng đi đến chỗ tu sĩ lõa hình Ca-diếp. Khi đến nơi, nhà vua cung kính đảnh lễ rồi ngồi về một bên để thưa hỏi những điều chưa biết.

Trước hết vua Ương-già-đà vấn an tôn sư Ca-diếp lõa hình: "Thưa Tôn giả, tứ đại có an ổn không? Trải qua bốn mùa có hòa thuận không? Đời sống vật chất có đầy đủ không? Áo cơm được dễ dàng, không bị thiếu hụt phải không? Không bị nhiễu loạn phải không?"

Lúc ấy tôn sư Ca-diếp lõa hình liền trả lời vua Ương-già-đà: "Thưa Đại vương, tôi nay hoàn toàn không bị thiếu thốn, thân tôi cũng được an ổn, không có bệnh hoạn. Còn thân Đại vương đi lại có được an hòa hay không? Việc thiện lợi có tăng trưởng không? Dân chúng trong nước có sung túc, an lạc không? Việc chính trị của nhà vua thi hành có được nghiêm chỉnh công bằng không?"

Sau khi vua Ương-già-đà cùng đạo sư hỏi thăm sức khỏe, trong tâm nhà vua có điều nghi, người liền thưa hỏi: "Thưa Tôn giả, tất cả các vị Sa-môn, Bà-la-môn đều có chủ thuyết riêng của mình. Vậy trong đó có gì chí chân, xin Tôn giả hãy vì trẫm mà giải bày."

Khi nghe lời hỏi như vậy tôn sư Ca-diếp lõa hình, liền bảo nhà vua: "Xin Đại vương chú ý lắng nghe. Đây là nghĩa chân thật trong chỗ chí chân thật của giáo pháp. Tôi nay sẽ nói mà trong đó có những câu kệ người độn căn không thể hiểu:

Thế gian tăm tối kẻ ngu si
Hoặc thật, hoặc hư, hoặc vọng ngữ
Do vì người đời không trí tuệ
Nói năng không thể luận rõ ràng.
Tất cả nghiệp nhân đều không có
Quả báo thiện ác cũng trống không
Dạ-xoa các loài cũng chẳng thật
Huống lại chư Thiên ở cõi trời.
Song thân phụ mẫu lại cũng không
Đời này đời sau đều dứt tuyệt
Tất cả Sa-môn, Bà-la-môn
Hai hạng người này thảy đều không.
Sư trưởng thế gian lại không có
Lại không có gì để điều phục
Hạng người ngu si dạy người làm
Người trí nghe vậy tâm không phục.
Nếu hay khéo gạt lấy của người
Họ thật ngu si khoe rằng trí
Những gì phải chết nó tự chết
Bố thí rồi sau không quả báo.
Thân này tiếp diễn được thường tồn
Nếu nói đoạn diệt thật chẳng đúng
Bao nhiêu đất, nước và gió, lửa
Không khổ, không vui và khổ vui.

Thứ bảy là gốc của sinh mạng
Thứ này làm sao mà sát hại
Ở giữa thân căn và mạng sống
Binh khí từ trong tự vận hành.
Người ngu thế gian không hay biết
Nói rằng tánh mạng bị thương vong
Người ngu không trí sợ như vậy.
Nếu được mệnh danh người trí tuệ
Trải qua tám vạn bốn ngàn đời
Mới được thoát ra vòng luân chuyển
Như vậy phiền não mới diệt trừ.
Giáp vòng tám vạn bốn ngàn đời
Thời gian lưu chuyển không thay đổi
Giống như ba đào nương nước biển
Pháp ấy thứ lớp nói như vầy
Ngày nay Đại vương cần phải biết.

Đại thần Tiền Ngôn sau khi nghe bài kệ như vậy liền bạch đại sư Ca-diếp lõa hình: "Đúng như vậy! Đúng như vậy! Thưa đại nhân Ca-diếp, đúng như lời ngài đã nói. Tại sao như vậy? Thưa Tôn giả, vì tôi biết đời trước của tôi: Nhớ thuở xưa tôi ở thành Câu-thiểm-di, từng làm kẻ đồ tể. Lúc ấy tôi sát hại vô lượng vô biên bò, trâu, dê, heo, dê đen, ngựa, bán thịt chúng để sinh sống. Tôi tạo ác nghiệp như vậy, sau khi bỏ mạng ấy, nay được sinh vào nhà Đại tướng đầy đủ của cải, vì cớ ấy nên tôi biết không có quả báo thiện ác."

Lúc ấy vị đại thần thứ nhất của vua Ương-già-đà tên là Nan Thắng đang đứng sau lưng nhà vua, nghe nói lời như vậy buồn khóc rơi lệ, nghẹn ngào ấm ức. Vua Ương-già-đà mới hỏi đại thần: "Vì cớ gì khanh buồn khóc như vậy?"

Đại thần Nan Thắng thưa: "Tâu Đại vương, ngài phải biết ý nghĩa bài kệ của đạo nhân Ca-diếp và lời nói của đại thần Tiền Ngôn không sai. Đại vương phải biết, hạ thần cũng nhớ trong thời quá khứ, ở tại thành Câu-thiểm-di, hạ thần đã từng làm vị trưởng giả, lại là đại thí chủ, có bao nhiêu tiền của đều phân phát cho người khác tiêu dùng và vào các ngày ba mươi, mùng tám, mười bốn và rằm của mỗi tháng không trăng và có trăng, luôn luôn thọ trì bát quan trai giới, siêng năng tinh tấn giữ gìn thân khẩu ý, hạ thần lúc ấy tạo nghiệp thanh tịnh như vậy, nay đầu thai trong nhà nô tỳ hạ tiện, lớn lên làm tôi tớ. Đại vương phải biết, do đó hạ thần nghe lời nói của

hai vị đạo nhân Ca-diếp và đại thần Tiền Ngôn, liền buồn khóc không cầm được nước mắt. Thế nên biết thế gian không có thiện đạo."

Vua Ương-già-đà nghe đạo nhân Ca-diếp lõa hình nói lời như vậy liền rời chỗ ngồi trở về hoàng cung. Qua hôm sau nhóm họp tất cả đại thần bá quan mà bảo: "Này ba đại thần và tất cả các khanh, ta nay tuyển chọn ba vị đại thần Nan Thắng, Thiện Ý và Tiền Ngôn làm người thay thế cho ta lo việc triều chính vì ba vị này trí tuệ thông minh. Từ nay trở đi, nếu có các việc thiện ác, trộm cắp... xảy ra, nhớ chớ tâu ta."

Vua Ương-già-đà tuyên bố lời như vậy rồi, nhà vua vào sống trong một cung điện tên là Diệu sắc. Nơi đây nhà vua trải qua bảy ngày mặc tình thọ hưởng thú vui ngũ dục. Mãn sau bảy ngày, công chúa Ý Hỷ của vua Ương-già-đà với y phục màu sắc sặc sỡ cùng với chuỗi anh lạc bằng bảy báu trang điểm trên thân, đi đến cung điện Diệu sắc, nơi phụ vương đang ở. Đến nơi, công chúa đảnh lễ dưới chân phụ vương rồi lui ra ngồi một bên giữ vẻ im lặng.

Khi ấy vua Ương-già bảo công chúa: "Hay thay! Này ái nữ Ý Hỷ, con đã từng du ngoạn trong hoa lâm viên hay chưa? Trong đó có nhiều hoa thơm cỏ lạ, cây cối nặng trĩu hoa quả, lại có nhiều cầm thú kêu hót. Ý con có thích vào trong đó không? Ý con muốn những gì hãy nói cho cha biết, cha sẽ làm vừa lòng con."

Nhà vua hỏi những sự cần dùng của công chúa như vậy. Lúc bấy giờ công chúa Ý Hỷ bạch phụ vương: "Hay thay! Thưa phụ vương, trên thân con gái của cha không thiếu vật gì, chỉ xin phụ vương một việc. Cúi xin phụ vương cho phép con trình bày."

Rồi nàng nói kệ:

Phụ vương, con nay muốn bố thí
Vào ngày mười lăm, tháng có trăng
Cho con số đến ngàn tiền vàng
Bố thí Sa-môn, Bà-la-môn.

Vua Ương-già-đà nghe con mình nói lời như vậy, liền dùng kệ bảo công chúa Ý Hỷ:

Thiện nữ, con nay lắng tai nghe
Cha nghe bậc trí nói thế này:
Dù có bố thí nhiều tiền của
Tất cả đều không quả báo gì
Con nay vì sao nghĩ như vậy?
Mê hoặc người ngu ở thế gian

Hiện tại, vị lai đều vô bổ
Cần gì con phải chịu nhọc nhằn!
Con sao nay chẳng nghe người nói:
Ca-diếp thuyết pháp chẳng sai lầm
Nghiệp nhân người tạo thảy đều không
Quả báo thiện ác cõi trời người
Dạ-xoa, quỷ, thần đều chẳng có,
Cha mẹ, quyến thuộc lại cũng không
Nói tóm, tám vạn bốn ngàn đời
Phiền não như vậy mới diệt sạch.
Nếu vượt tám vạn bốn ngàn này
Lưu chuyển tâm không bị rối loạn
Giống như sóng biển chẳng định kỳ
Trong đó chưa đến không đoán trước
Mặc cho trôi nổi đợi thời gian
Cố gắng làm chi đời rắc rối.
Lời nói Ca-diếp con phải thông
Việc này chân thật chẳng điêu ngoa
Hiện tại, vị lai đều không có
Nay con chớ tự làm khổ mình.

Công chúa Ý Hỷ nghe phụ vương nói như vậy, trong lòng chẳng vui, lại dùng kệ thưa:

Cha nay làm chủ quốc gia này
Nên dùng chánh pháp trị dân chúng
Ác thần dua nịnh lời bất chánh
Khuyên cha thờ phụng kẻ ngu si
Ba vị đại thần cùng Ca-diếp
Lời nói của họ thiếu chánh chân.
Thưa cha, họ đều ác tri thức
Nay giả hiện trò kẻ thông minh
Mình tu tà đạo lại dụ người
Hạ tiện ngu si nào có khác
Chẳng mang an lạc đến cho vua
Ngược lại bày vua hành bất thiện.
Con xưa từng biết việc thế này
Hiện tại thân con tự chứng biết
Vì cớ ngu si sinh đến đó
Thân sau cũng lại bị ngu si

Ra khỏi tối tăm, vào tăm tối
Rồi sau trở lại chỗ tối tăm.
Ca-diếp đã là kẻ vô trí
Ý người ngu si hợp lời nói
Phụ vương lãnh chúa trị bốn phương
Thông hiểu thế gian các nghĩa lý
Tại sao chẳng khác bọn trẻ thơ
Đi vào đường hẻm hành tà đạo?
Ý cha tùy thuận người thân cận
Học hỏi với nhau bị xấu lây
Như tên bị máu làm nhơ bẩn
Buộc chung tên khác lại dính lây.
Người trí giao du cần thận trọng
Đối với bạn ác phải đề phòng
Tuy mình không làm điều tội lỗi
Nhưng thường gần ác, thành kẻ ác
Gần gũi lâu ngày thành thói quen
Về sau tự nhiên lây tánh ác.
Giống như mô đất tập bắn kia
Người trí sợ lây ác cũng vậy
Chẳng nên giao kết bọn ác tri
Nên thường gần gũi thiện trí tuệ.
Thân nghiệp chúng sinh nếu thanh tịnh
Trải qua tám vạn bốn ngàn đời
Với tên đồ tể giết sinh mạng
Cùng người săn thú, kẻ thả câu
Ca-diếp nào khác hạng người này
Hạng này cũng như lũ Ca-diếp
So sánh cả hai đồng một loại
Không hơn không kém, chẳng khác nhau.
Do vì Ca-diếp không tỏ ngộ
Ngu si mờ mịt uổng xuất gia
Lấy nhân giả dối cho thanh tịnh
Mãn phần tám vạn bốn ngàn đời
Điên đảo sai lầm hành bất chính
Vô trí ngu si tâm mê muội.
Nếu khi chúng sinh hành thanh tịnh
Chẳng thọ tám vạn bốn ngàn đời

Còn như giặc cướp hại người vật
Làm ác cùng nhau tạo oán thù.
Ca-diếp với họ chẳng hơn kém
Họ cùng Ca-diếp không có khác.
Chúng sinh nếu tu nhân thanh tịnh
Tại sao tám vạn bốn ngàn đời
Còn như hạng người hành thiện ác
Gieo nhân tốt xấu với trung bình
Tất cả ngang nhau không hơn kém
Đời sống lại cũng không khác nhau?
Nếu nói chúng sinh tu thanh tịnh
Trải qua tám vạn bốn ngàn đời?
Người ấy ngu si, không trí tuệ
Giống như Ca-diếp uổng xuất gia.
Ví như lửa hồng thiêu nóng bỏng
Đốt sạch tất cả vật cúng thờ
Do vì vô trí ngu si vậy
Tự đốt tất cả núi công đức.
Đại thần Tiền Ngôn biết vị lai
Làm điều tội lỗi không quả báo
Đời trước chúng sinh tu phước thiện
Nên nay tâm được hưởng an vui.
Nếu trước người làm điều tội lỗi
Hết phước tự nhiên thọ tai ương
Như thuyền lênh đênh trên mặt nước
Chìm sâu chẳng nổi vì chở nặng.
Người nào không thể vượt lên bờ
Chìm sâu trong nước đều tan rã
Giống kẻ thường xuyên gây tội ác
Gây mãi chẳng thôi, tội chất chồng
Người ấy chết rồi đọa địa ngục
Thưa cha, Tiền Ngôn này cũng vậy
Do tội ông ta chưa chín muồi
Chín muồi tự biết chẳng mấy hồi
Tội thành liền rơi vào địa ngục
Giống như thuyền nọ chìm trong nước
Bị lớp rêu xanh phủ bên ngoài
Lớp rêu tự mọc không thể cản

Thuyền lâu như vậy càng dày đặc
Người tạo tội lỗi chẳng khác nào
Càng lâu tội lỗi càng thêm nặng
Còn như người tạo nghiệp nhân lành
Người ấy mau sinh lên Thiên giới.
Xưa làm tất cả điều tội lỗi
Ngày nay như giống gieo trên đất
Tội nghiệp hết rồi lại liền sinh
Nếu như thiện nghiệp được vun trồng
Tức được quả lành sinh Thánh cảnh.

Sau khi công chúa Ý Hỷ nói kệ rồi, lại một lần nữa tâu phụ vương:

–Xin phụ vương biết cho, con tự tư duy cũng biết kiếp quá khứ. Việc ấy thế nào? Việc ấy thế này: "Con nhớ trong thời quá khứ đã bảy lần sinh trong thành Vương xá, thuộc nước Ma-già-đà. Lúc đó do ác tri kiến lôi cuốn, con làm nhiều điều tội lỗi, hành tà hạnh, xâm phạm trinh tiết thê thiếp của người, thọ vui như cõi trời. Đại vương nên biết, lúc ấy con tạo các nghiệp dữ, che giấu tội lỗi mà sống, giống như lửa lấp trong tro.

"Lại nữa thưa phụ vương, sau khi mãn báo thân ở thành Vương xá, con lại đầu thai vào một nhà phú quý thuộc làng Kim cang. Sống ở nơi đây con gặp được thiện tri thức, thường vào các ngày mùng tám, mười bốn và rằm của mỗi nửa tháng không trăng và có trăng, thọ trì tám pháp trai giới thanh tịnh. Phụ vương phải biết, khi con ở nơi đây đã tạo các thiện nghiệp, ví như chôn giấu kho tàng khắp nơi cho đến mé biển, niêm phong kiên cố, lại cứ như vậy mà thi hành.

"Lại nữa thưa phụ vương, con cũng bỏ thân mạng nơi làng Kim cang. Do nhân duyên quá khứ tạo ác nghiệp còn lại nên liền khi đó đọa vào địa ngục Kêu la. Ở trong địa ngục này chịu cực khổ trải qua nhiều ngàn năm.

"Lại nữa thưa phụ vương, khi tội địa ngục hết rồi, bỏ thân này liền thọ thân con dê đực trắng ở trong nước Tần-na-câu-tra, sống ở nơi đây hoặc bị kéo xe, hoặc bị thắng yên cương để các vương tử cỡi.

"Lại nữa thưa phụ vương, con sống ở nước Tần-na-câu-tra đã thoát khỏi thân dê đực trắng lại sinh vào nước Đà-tỳ-la, cũng mang lấy thân dê. Ở nơi đây thân dê chết rồi lại thọ lấy thân trâu. Cũng ở nơi đấy xả báo thân trâu, lại thọ lấy thân khỉ, sống trong rừng núi.

"Lại nữa thưa phụ vương, khi con ở trong rừng núi, xả bỏ thân khỉ, trở lại sinh trong nước Kim cang thọ thân người chẳng phải nam chẳng phải nữ. Sau khi nghiệp báo hết rồi, xả thân phi nam phi nữ ở nước Kim cang,

liền sinh trong hoa viên Hoan hỷ, nơi cung trời Đao-lợi, làm người hộ vệ cho trời Đế Thích.

"Lại nữa thưa phụ vương, sau khi con xả báo thân nơi cung trời Đao-lợi, do xưa mỗi tháng giữ gìn lục trai thanh tịnh nên ngày nay được sinh vào nhà Đại vương, của cải dẫy đầy chẳng thiếu thứ gì. Ngày nay phụ vương không tự quán nhân duyên này, không biết từ đâu mà được công đức như vậy, không thể không do đời trước tạo nghiệp mà ngày nay thọ phước báo như thế này hay chăng?"

Trong khi vua Ương-già-đà và công chúa Ý Hỷ đối thoại như vậy, ngay lúc đó có một Thiên tiên tên là Bất-na-la-đà *(nhà Tùy dịch là Bất Khiếu Hoán)* từ Thiên giới giáng xuống quán sát cõi Diêm-phù-đề, từ trên hư không từ từ hạ xuống, nhằm chính cung điện của nhà vua Ương-già-đà.

Khi công chúa Ý Hỷ thấy Thiên tiên từ trên hư không giáng xuống như vậy, liền đứng dậy đi tôn trí một tòa cao lớn mời Thiên tiên an tọa trên đó. Khi Thiên tiên an tọa xong, công chúa đảnh lễ dưới chân Thiên tiên rồi chắp tay hướng về Thiên tiên thưa:

–Thưa Tôn giả Thiên tiên, ở trong thế gian tạo các nghiệp có các quả báo thiện ác hay không? Có các loài Dạ-xoa và chư Thiên hay không? Có cha mẹ không? Có đời này, đời khác không? Cúi xin Thiên tiên vì tôi giải thích rõ ràng, vì phụ vương tôi không tin các việc ấy.

Đại tiên Bất-na-la-đà lại hỏi vua Ương-già-đà:

–Thưa Đại vương, ngày nay Đại vương thật sự không tin những việc như vậy phải không?

Nhà vua liền đáp:

–Tôi tin việc ấy là như vậy.

Thiên tiên nói tiếp:

–Đại vương phải biết, tất cả quả báo thiện ác đều có và cho đến cũng có chư Thiên, Dạ-xoa, cha mẹ, đời này, đời sau, Sa-môn, Bà-la-môn... Đại vương phải biết, ta từ Thiên giới giáng xuống đây.

Vua Ương-già-đà nói với Thiên tiên:

–Thưa Tôn giả Thiên tiên, nếu có đời sau thì ngày hôm nay xin Tôn giả cho tôi mượn năm trăm tiền vàng, rồi vào đời sau tôi sẽ trả lại Tôn giả đến một ngàn tiền vàng.

Thiên tiên Bất-na-la-đà đối với nhà vua nói kệ:

Ta nay cho vua năm trăm tiền
Thân vua cần phải giữ cấm giới

Tâm vua nếu không hành thiện pháp
Lấy gì đời sau trả ngàn tiền?
Đời này có người nói dua nịnh
Đời sau mong sống cảnh giới nào?
Người trí không bạn với người này
Như vậy làm sao hòng vay mượn.
Sau đọa địa ngục cháy phừng phừng
Hoặc bị loài chim bao vây mổ
Sau lại làm sao trả nợ ta?
Khi đọa địa ngục chịu các khổ
Dao bén cắt xén chẳng toàn thây
Phân thây từng mảnh máu tuôn trào
Khổ não triền miên không tạm nghỉ
Làm sao ngàn tiền trả cho ta?
Tay cầm dao bén lột da gân
Chặt chẻ xác thân như róc mía
Thân phần cơ thể nát tơi bời
Làm sao trả ta tiền gấp bội?
Chó đen hung dữ thân nhơ nhớp
Rảo đi khắp xứ xé thịt ăn
Làm cho tội nhân thân không thịt
Đời sau làm sao trả bội phần?
Địa ngục có chĩa lớn bén nhọn
Ngục tốt thường rượt phóng lên thân
Tội nhân trong ngục bị treo ngược
Làm sao trả ta một ngàn tiền?
Địa ngục có rừng nhiều dao kiếm
Mỗi kiếm trên đầu mười sáu dao
Trên đó thân thủng chẳng tạm dừng
Làm sao trả ta tiền gấp bội?
Địa ngục sông tro nước nóng sôi
Chảy nhanh như gió, như tên bắn
Rơi vào trong đó chịu khổ đau
Làm sao trả ta tiền gấp bội?
Ở trong địa ngục hòn sắt nóng
Hoặc là địa ngục nước đồng sôi
Trong đó tội nhân khổ bức xúc
Làm sao trả ta tiền gấp bội?

Địa ngục có tay như mưa xối
Đều phóng lửa nóng cháy phừng phừng
Cắt xẻ từng phần không tạm nghỉ
Làm sao trả ta tiền gấp bội?
Địa ngục tăm tối thật kinh hoàng
Nhật nguyệt sáng soi không chiếu đến
Ngu si vô trí sống ở trong
Làm sao trả ta tiền gấp bội?
Đại vương nên bỏ điều phi pháp
Vua nên thực hiện pháp chánh chân
Pháp ấy như vậy vua tu tập
Mai sau địa ngục khỏi sa vào.
Sa-môn Phạm chí khắp bốn phương
Hễ họ đến cầu xin vật thực
Vua dâng ẩm thực thật dồi dào
Y phục, thuốc thang, phòng, đồ ngủ
Vì bậc Phạm hạnh hành tinh tấn.
Lời nói Sa-môn, Bà-la-môn
Có thể giúp vua khỏi khổ não
Giống như tàng lọng che mưa nắng.
Khi vua thực hiện thiện nghiệp này
Có nhiều bằng hữu theo tùy hỷ
Đi đường hoàn mỹ đến an lành
Trong các thần thông đây trên hết.
Như trâu lội nước thẳng ngang sông
Ai nắm đuôi trâu cũng qua được
Tất cả thế gian đều như vậy
Gieo nhân tà chánh, quả tà chánh
Ở trong số người hành chánh pháp
Hễ ai thực tập kẻ đó hơn.

Khi vua Ương-già-đà nghe nói như vậy, lại dùng kệ thưa Thiên tiên Na-la-đà:

Thiên tiên Đại phạm thương xót tôi
Giống như cha mẹ thương con đỏ
Cúi xin vì tôi thường lai vãng
Gặp được người trí thấy điều lành.
Cúi xin Tôn giả bày lối thoát
Phiền não biển sâu con hụp lặn

Con nay như người không đất đứng
Xin ngài cho con về tựa nương.
Cúi xin Đại phạm cứu hộ con
Nay con mờ mịt rơi hố thẳm
Hằng sa địa ngục khổ vô cùng
Nay vâng Tôn giả chẳng dám sai.

Lúc ấy Đại tiên Na-la-đà lại dùng kệ bảo vua Ương-già-đà:

Vua nay tạo tội nếu chẳng thôi
Ganh ghét Sa-môn và Phạm chí
Điên đảo chấp đoạn lại chẳng trừ
Ta không bao giờ gặp trở lại.
Nếu vua ra sức hành chánh pháp
Phụng thờ Sa-môn, Bà-la-môn
Tinh tấn, trì giới, bố thí, thiền
Ta, vua cùng nhau thường hội ngộ.

Khi Thiên thần đại tiên Na-la-đà vì vua Ương-già-đà thuyết pháp, giảng dạy khiến cho nhà vua sinh chánh kiến, nhà vua hồi tâm, ý rất hoan hỷ, chắp tay đảnh lễ Thiên tiên, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi Na-la-đà rời khỏi chỗ ngồi, từ giã vua Ương-già-đà trở về Thiên giới.

Khi ấy Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

– Này các thầy, Thiên tiên Na-la-đà thuở ấy tức là thân Ta ngày nay, còn vua Ương-già-đà thuở ấy nay là ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp.

Rồi Đức Phật nói tiếp:

–Này các thầy, thuở xưa Ta thấy Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp tà kiến quá nặng, rơi vào con đường điên đảo. Ta lúc ấy phát tâm tinh tấn giáo hóa khiến người đi vào chánh đạo. Ngày nay cũng vậy, Ta thấy ông ta điên đảo, rơi vào tà kiến, nên Ta phát tâm đại tinh tấn, thị hiện năm trăm phép thần thông biến hóa để giáo hóa, khiến ông ta an trú Vô thượng Bồ-đề, không còn sinh tử, đạt đến cảnh giới vô úy, chứng quả Niết-bàn.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 44

Phẩm 46: HIẾN CÚNG RỪNG TRE (Phần 1)

Thuở ấy, Đức Thế Tôn trú trên núi Tượng đầu, trải qua một thời gian ngắn rồi sau đó Ngài du hành lần lần hướng về thành Vương xá. Ngài rời làng Ưu-lâu-tần-loa chưa được bao lâu đã đến thành Vương xá, nơi đây có khu rừng Pháp vũ, là chỗ ở của các Tiên nhân. Trong khu rừng này có thảo am của các vị Tiên nhân, trong thảo am này có đến năm trăm đạo nhân tu khổ hạnh, tất cả đều được thần thông. Đầu tóc họ đều bạc còn lơ thơ một ít sợi, răng long, lưng gù, da dẻ trên thân trổ đồi mồi, da yết hầu thòng như yếm bò, dung mạo khô gầy, hình hài bại hoại, đi đứng nhờ gậy, hơi thở khò khè, muốn đứng dậy đi thì liền té quỵ, dầu muốn bước tới trước một bước vẫn không thể dời chân, chỉ còn da bọc xương, gân cốt tiều tụy. Tất cả họ đều trăm tuổi nên không thể đi đâu được. Do vì đời trước các Tiên nhân này đã trồng căn lành nên chỉ một đời này, hễ gặp được Phật thì liền tín thuận. Nhưng vì họ chưa nghe pháp nên chưa vào Niết-bàn, hiện đều tọa thiền trong hang núi.

Lúc ấy Đức Thế Tôn vì lòng từ mẫn, muốn hóa độ các Tiên nhân khổ hạnh nên Ngài đến trước miệng hang, chỗ ở của các Tiên nhân mà nói kệ bảo họ:

Nếu có người dù nói trăm câu
Văn nghĩa, danh tự ý chẳng hợp
Thà nói một câu hơn ngàn vạn
Làm cho thính giả được định tâm.
Nếu người nói ra trăm câu kệ
Câu văn què quặt nghĩa lý sai
Thà nói một câu thật tối thắng
Nghe rồi tự nhiên được tịch định.
Nếu người thiện xảo thuật chiến đấu
Một người chiến thắng trăm vạn người
Nếu hay hàng phục được chính mình

Mới là thiện chiến trong nhân loại.
Nếu người một tháng đấu ngàn lần
Mỗi lần hơn địch gấp trăm lần
Nếu hay quy tín Phật Thế Tôn
Thì hơn người trước mười sáu lần.
Nếu người một tháng đấu ngàn lần
Mỗi lần hơn địch gấp trăm lần
Nếu hay quy tín Pháp chánh chân
Thì hơn người trước mười sáu lần.
Nếu người một tháng đấu ngàn lần
Mỗi lần hơn địch gấp trăm lần
Nếu hay quy tín tất cả Tăng
Thì hơn người trước mười sáu lần.
Nếu người một tháng đấu ngàn lần
Mỗi lần hơn địch gấp trăm lần
Nếu hay tư duy Pháp tánh không
Thì hơn người trước mười sáu lần.
Giống như trẻ thơ thường học tập
Kiến thức nhiều như đầu cỏ tranh
Nếu người quy kính Phật Như Lai
Thì hơn người trước mười sáu lần.
Nếu người quy kính Pháp, Tăng bảo
Và lại tư duy Pháp tánh như
Đức tin người ấy thật khó lường
Thì hơn người trước mười sáu lần.
Như người thờ lửa ở thế gian
Trải qua trăm năm thờ nghiêm túc
Nếu được nhất tâm quy Tam bảo
Phước này hơn kia trăm ngàn vạn.
Phước đó toán số khó tính cùng
Dùng lời diễn tả cũng không xiết
Do vì kiên cố tâm chất trực
Nên được phước báo lớn như vậy.
Nếu người tuổi thọ đến trăm năm
Ở trong rừng núi thờ thần lửa
Nếu thấy Điều phục thượng nhân đến
Bỏ ít thì giờ cúng dường Ngài
Phước ấy vượt hơn thờ thần lửa

Đầy đủ tất cả trọn một đời.
Nếu người tuổi thọ đến trăm năm
Phá giới, tâm không được tịch định
Ai hay kiên trì nhẫn tinh tấn
Chỉ sống một ngày hơn trăm năm.
Nếu người tuổi thọ đến trăm năm
Tâm thường ngu si sinh tán loạn
Ai được trí tuệ và thiền định
Chỉ sống một ngày hơn trăm năm.
Nếu người tuổi thọ đến trăm năm
Đui điếc mù mờ không nghe thấy
Ai hay thấy Phật và nghe pháp
Chỉ sống một ngày hơn trăm năm.
Nếu người tuổi thọ đến trăm năm
Ngây ngô rối loạn không tỉnh giác
Ai hay thấy rõ đường sinh tử
Chỉ sống một ngày hơn trăm năm.
Nếu người tuổi thọ đến trăm năm
Không hay thế gian thường biến đổi
Ai hay rõ được thân chẳng thật
Chỉ sống một ngày hơn trăm năm.
Nếu người tuổi thọ đến trăm năm
Không xét thế gian chỗ an lạc
Ai hay biết được cảnh an nhàn
Chỉ sống một ngày hơn trăm tuổi.

Khi Đức Thế Tôn nói bài kệ nghĩa lý vi diệu như vậy, tất cả Tiên nhân tu khổ hạnh nghe bài kệ này, mọi người đều chứng sáu phép thần thông.

Bấy giờ, các Tiên nhân khổ hạnh ra khỏi hang đảnh lễ dưới chân Phật Thế Tôn. Sau khi lễ rồi, mọi người đều bay lên hư không để xả thọ mạng, nhập vào Niết-bàn, thân tuôn ra nước lửa để tự thiêu thân thể. Thiêu thân rồi, tất cả xá-lợi từ hư không đều rơi xuống đất.

Khi ấy Đức Thế Tôn thâu xá-lợi của năm trăm A-la-hán, gom lại một đống, bắt đầu xây tháp. Trong lúc ấy các Tỳ-kheo phụ giúp Thế Tôn bưng đất đá làm tháp. Với bàn tay mành lưới thần diệu của Ngài, Đức Thế Tôn tự xây tháp và trang trí trên ngọn tháp xá-lợi đủ các thứ nên ngôi tháp hoàn thành trang nghiêm thật đẹp mắt.

Sau khi tháp hoàn thành, Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo tuần tự đi về nước Ma-già-đà. Đồ chúng theo Ngài gồm có một ngàn người đều là các Phạm chí Loa kế thuở trước, nay xuất gia, rồi như vậy lần lượt đi về thành Vương xá.

Khi Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến thành Vương xá, trú trong rừng Trượng lâm. Trong rừng này có một ngôi tháp tên là Thiện an trú, trên tháp có đề bài kệ:

Lúc ấy đại chúng vây chung quanh
Thế Tôn lần đến Vương xá thành
Ở trong Trượng lâm rừng vi diệu
Như Lai muốn đến ở nơi đây.

Bấy giờ tiểu vương nước Ma-già-đà thuộc dòng vua Túc Tán tên là Tần-đầu-sa-la nghe mọi người đồn: "Sa-môn Cù-đàm con dòng Cam Giá, thuộc họ Thích, xả tục xuất gia. Ngày nay Ngài cùng đồ chúng gồm đủ một ngàn Tỳ-kheo đều là các Phạm chí Loa kế xuất gia, đồng đến du hóa trong nước Ma-già-đà. Hiện giờ Ngài cùng đồ chúng dừng nghỉ nơi tháp Thiện an trú, trong rừng Trượng lâm, bên cạnh thành Vương xá, mà danh tiếng của vị Sa-môn này vang khắp trong thế gian. Đấng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn này hiện nay có nhân duyên giáo hóa ở đây. Lại nữa, Đức Thế Tôn đối với tất cả các hàng Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn... trong thế gian, Ngài tự dùng thần thông khiến mọi người đều giác ngộ. Sau khi giác ngộ rồi, họ nói lên thế này: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, hoàn toàn không còn thọ thân đời sau." Đức Thế Tôn thuyết pháp phần đầu thiện, phần giữa thiện, phần sau thiện, nghĩa lý vi diệu. Chỉ riêng giáo pháp của Ngài mới được đầy đủ, rốt ráo thanh tịnh như vậy. Đối với các Bậc Vô Thượng Chánh Giác như vậy, nếu ai muốn đến chiêm ngưỡng thì người này thật là may mắn." Vua suy nghĩ: "Ta nay cũng nên đến chỗ Đại Sa-môn để chiêm ngưỡng Thế Tôn."

Vua Tần-đầu-sa-la nước Ma-già-đà ra lệnh sửa sang xa giá thật hoàn chỉnh tốt đẹp, rồi nhà vua lên xe cùng với các vị Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, gồm tất cả là mười hai na-do-tha người hầu hạ trước sau, ra đi từ thành Vương xá, hướng về rừng Trượng lâm để chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn.

Thuở ấy, ở thành Vương xá có một dâm nữ tên là Bà-la-bạt-đế, hình dung kiều diễm khả ái, thế gian không ai sánh bằng, mọi người thế gian ai cũng thích trông ngắm. Tất cả các môn ca múa, xướng hát, âm nhạc đều rành. Nàng có đoàn kỹ nữ gồm sáu mươi bốn người đầy đủ tài

năng. Khi ấy, dâm nữ cũng nghe người ta nói: "Hiện giờ ở thành này có Sa-môn Cù-đàm, dòng họ Thích, thuộc vương tộc xuất gia", nên nàng mới nghĩ: "Ta nên đến yết kiến vị Sa-môn này."

Lúc dâm nữ thực hiện ý định yết kiến Đức Thế Tôn, vừa ra khỏi ngõ nàng lại nghĩ: "Ta nay nên đến Đức Thế Tôn trước Đại vương Tần-đầu-sa-la." Rồi lại nghĩ tiếp: "Do vua Tần-đầu-sa-la có nhiều nhân lực dọn đường đi đến Sa-môn, lại đoàn người đông đảo ồn ào, sợ họ ngăn chận làm ta không đi được. Ta nay nên đập phá chỗ tường thành vắng người đi, phải cấp tốc đến yết kiến Thế Tôn trước." Dâm nữ nghĩ như vậy rồi thuê nhiều người, bảo họ:

–Ai đập phá tường thành nhanh, ta sẽ trả cho người đó nhiều tiền.

Các người làm thuê chỉ trong một thời gian ngắn liền phá xong bờ tường và dọn sạch ngói đá, gai góc, thành lối đi bằng phẳng.

Dâm nữ Bà-la-bạt-đế liền sai người sửa soạn xe cộ nghiêm chỉnh tốt đẹp, rồi nàng lên xe ra khỏi nhà. Trên con đường bằng phẳng, nàng đi thẳng đến tháp Thiện an trú, trong rừng Trượng lâm để cung kính đảnh lễ yết kiến Thế Tôn.

Lúc ấy Đức Thế Tôn biết tâm niệm của dâm nữ Bà-la-bạt-đế, Ngài liền thầm nghĩ: "Nếu nàng dâm nữ này đến yết kiến ta trước, nhà vua Tần-đầu lại đến sau, thấy dâm nữ đứng trước mặt ta, nhà vua sẽ sinh tâm nghi kỵ." Nghĩ như vậy rồi, Ngài liền vận dụng thần thông khiến dâm nữ không thể đi đến trước vua. Còn vua Tần-đầu muốn đi đến trước, nhưng xe nhà vua đứng yên một chỗ, nhất định không thể chuyển bánh được. Đại vương Tần-đầu-sa-la sinh tâm sợ sệt kinh hoàng, lông tóc dựng ngược. Nhà vua lại thầm nghĩ: "Ta nay bị quỷ thần hay tai họa gì làm trở ngại, khiến ra nông nổi thế này?"

Lúc đó ở nơi đây có một Thiên thần biết tâm niệm vua Tần-đầu-sa-la nên ẩn hình trên hư không mà bảo nhà vua:

–Này Đại vương, nay ngài không nên lo sợ. Này Đại vương, nay ngài không gặp tai nạn, cũng không có điều quái lạ, quỷ thần biến hiện. Tuy nhiên, nhà vua hiện giờ có giam cầm một người vô tội, tên họ như vậy, tại một nơi trong thành Chiêm-ba. Nhà vua nên mau thả người ấy ra thì xe ngài liền chuyển bánh.

Đại vương Tần-đầu-sa-la nghe Thiên thần nói như vậy, lập tức ra lệnh cho sứ giả về phóng thích người kia. Khi phóng thích xong, đoạn đường nào thông suốt thì đi xe, còn đoạn đường nào không thông suốt thì đi bộ,

tiến vào trong rừng để đến chỗ Đức Phật. Khi đến nơi, nhà vua đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi ngồi về một bên.

Lúc ấy tất cả dân chúng, cư sĩ, trưởng giả ở nước Ma-già-đà, hoặc có người đảnh lễ rồi ngồi về một bên, hoặc có người cùng với Phật chào hỏi thân thiện rồi lui về ngồi một bên, hoặc có người đến trước Đức Phật tự xưng tên họ rồi lui ngồi về một bên, hoặc có người hướng về Đức Phật chắp tay rồi lui ngồi về một bên, hoặc có người ngồi đối diện trước Đức Phật im lặng, rồi lui ngồi về một bên.

Sau khi tất cả dân chúng, cư sĩ, trưởng giả ngồi về một bên, họ lại thầm nghĩ: "Hiện giờ trong số đạo nhân này vừa có Đại Sa-môn, vừa có Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, những vị Quốc sư của chúng ta, không biết Sa-môn Cù-đàm theo Ca-diếp học phạm hạnh, hay Ca-diếp theo Sa-môn học phạm hạnh?"

Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của tất cả dân chúng, trưởng giả, cư sĩ nước Ma-già-đà nên dùng kệ bảo Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp như thế này:

Ca-diếp, ông thấy việc thế nào?
Trước tại bờ sông tu khổ hạnh
Vì Ta và chúng nói ý này
Bỏ việc tế tự như thế nào?

Trưởng lão Phạm chí Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp vâng lời Phật dạy, dùng kệ đáp:

Sắc, thanh, hương, vị và xúc, pháp
Ngũ dục thế gian họ mong cầu
Ái nhiễm như vậy ngập thiên hạ
Vì tham việc ấy tôi tế tự.

Khi ấy, tất cả dân chúng, trưởng giả, cư sĩ và các Bà-la-môn nước Ma-già-đà này thầm nghĩ: "Sa-môn tự nói một bài kệ và Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp lại nói một bài kệ nhưng chúng ta hoàn toàn không biết hai người này ai là thầy, ai là trò?"

Đức Thế Tôn biết tâm niệm mọi người thầm nghĩ như vậy, Ngài dùng kệ hỏi Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

Sắc, thanh, hương, vị và xúc, pháp
Trong đó Ca-diếp có thích không?
Ở trong nhân gian và thiên thượng
Ông thích những gì nói Ta nghe.

Trưởng lão Phạm chí Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp lại vâng lời Phật dạy, dùng kệ đáp:

Tôi biết tịch tĩnh Không vô ngại
Tướng Không vô ngại, không nên chấp
Điều không thay đổi thì không dối
Điều ấy tâm tôi thích tế tự.

Khi ấy tất cả dân chúng, trưởng giả, cư sĩ nước Ma-già-đà thầm nghĩ: "Đại Sa-môn tự nói hai bài kệ, rồi Ưu-lâu-tần-loa lại nói hai bài kệ, hiện giờ đây chúng ta vẫn chưa biết ai là thầy, ai là trò?"

Chư Phật Thế Tôn mười phương đều có cùng một phương pháp là nếu không làm cho tất cả đại chúng sinh tâm hoan hỷ và hy hữu thì không nên thuyết pháp.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì muốn đại chúng sinh tâm hoan hỷ và hy hữu nên bảo Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp:

–Này Ca-diếp, nếu ngày nay ông thấy đúng lúc, nên vì tất cả dân chúng, trưởng giả, cư sĩ và Bà-la-môn nước Ma-già-đà xuất hiện thần thông, thể hiện pháp thượng nhân.

Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp khi nghe Đức Phật bảo như vậy, liền bạch Phật:

–Y theo lời Thế Tôn chỉ dạy, con chẳng dám trái lời.

Liền khi ấy, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp từ chỗ ngồi đứng dậy, xuất hiện thần thông bay lên hư không một cách tự tại: Hoặc đi kinh hành, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc lại nằm ngủ, thân phát ra khói lửa, hoặc lại ẩn hiện, biến hiện đủ loại thần thông như vậy, rồi từ hư không hạ xuống, đứng trên mặt đất, đến đảnh lễ dưới chân Phật và thưa:

–Đức Thế Tôn thật là Giáo thọ sư của con. Con nay thật là đệ tử Thanh văn của Đấng Vô Thượng Thế Tôn.

Rồi vị ấy nói kệ:

Thần thông vi diệu thu nhiếp rồi
Đảnh lễ dưới chân Tối Thắng Tôn
Bổn phận đệ tử con hoàn tất
Thế Tôn thật sự là Thầy con.

Bấy giờ đại chúng Bà-la-môn, cư sĩ, trưởng giả và tất cả nhân dân nước Ma-già-đà tâm nghĩ thế này: "Ngày nay Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm, theo Sa-môn tu học phạm hạnh." Biết như vậy rồi, họ đối với Thế Tôn sinh tâm hy hữu kính tín.

Đức Thế Tôn biết tâm đại chúng hoan hỷ cho rằng việc chưa từng có, Ngài liền vì đại chúng theo thứ lớp thuyết các pháp; dạy hành bố thí, trì giới, nói nhân duyên phước báo sinh lên cõi trời, nói việc xa lìa ngũ dục, nói nguyên nhân dứt các lậu, nói phiền não lậu hoặc, tán thán công đức xuất gia, tán trợ việc giải thoát. Đức Thế Tôn biết các hàng Bà-la-môn, cư sĩ và tất cả đại chúng nước Ma-già-đà sinh tâm hoan hỷ nhu thuận, không có tâm nhiễm ô.

Đức Thế Tôn biết đại chúng này cần nên đắc đạo, Ngài lại biết tất cả chư Phật Thế Tôn biết các chúng sinh, hoặc có chúng sinh tán thán mà đắc đạo pháp... nên Ngài liền vì thích ứng căn cơ đại chúng, đúng như pháp mà nói. Những pháp đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Đức Thế Tôn cũng vì đại chúng thuyết giảng các pháp tướng.

Lúc ấy trong chúng hội mà vua Tần-đầu-sa-la là người đứng đầu: Ngoài ra, còn có trên mười một na-do-tha người cùng một lúc lãnh ngộ. *(Có Sư cho: Gồm mười hai na-do-tha người xa lìa trần cấu, dứt sạch phiền não, tâm được thanh tịnh, đối với các pháp sinh pháp nhãn thanh tịnh, đối với bao nhiêu pháp phiền não đều là tướng tịch diệt, chứng biết như thật, ví như áo sạch không vết nhơ, không dính mồ hôi, không một điểm đen, thì tùy ý nhuộm màu gì sẽ thành màu đó.)* Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả nhân dân, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn nước Ma-già-đà đang ngồi tại chỗ xa lìa trần cấu, cho đến các pháp Khổ, Tập đều là tướng tịch diệt, chứng biết như vậy. Trong số này lại có một na-do-tha người phát tâm thanh tịnh, thọ giới Ưu-bà-tắc.

Lúc bấy giờ vua Tần-đầu-sa-la nước Ma-già-đà thấy tướng các pháp, đã biết tướng các pháp, đã chứng nhập các pháp, ở trong các pháp vượt qua các nghi, hoàn toàn không ngăn ngại, đối với các pháp đã được vô ngại, lại không còn sợ sệt. Ở trong giáo pháp của Thế Tôn không còn phải theo người khác, không còn phải học hỏi nơi người khác. Đối với các pháp biết như vậy rồi, tự tại vô ngại. Khi ấy vua Tần-đầu-sa-la liền bạch Phật:

–Thưa Đức Như Lai Thế Tôn, lúc trước, khi con còn là đồng tử phát năm lời nguyện mà ngày nay con đã được thành tựu hoàn toàn. Năm điều đó là gì?

Một là khi con còn thiếu niên sớm lên vương vị. Thưa Thế Tôn, đây là nguyện đầu tiên, nay con đã được thành tựu.

Thứ hai, lại nguyện trong khi con cai trị dân chúng có Đức Phật ra đời. Đây là điều tâm nguyện thứ hai, nay con đã thành tựu.

Thứ ba, lại nguyện có Đức Phật xuất thế rồi, con thiết lễ cúng dường Đức Phật này, khiến được hoan hỷ. Đây là điều tâm nguyện thứ ba, ngày nay con đã được thành tựu.

Thứ tư, lại nguyện đối với Đức Thế Tôn, con sinh tâm hoan hỷ, rồi Đức Phật vì con thuyết pháp. Đây là điều tâm nguyện thứ tư, ngày nay con đã được thành tựu.

Thứ năm, lại nguyện đối với tất cả giáo pháp của Thế Tôn đã thuyết cho nghe, con được chứng biết tất cả. Đây là điều tâm nguyện thứ năm, ngày nay con đã được thành tựu.

Lại nữa bạch Đức Thế Tôn, thuở trước con còn là đồng tử, tâm con phát nguyện thế này: "Nguyện những gì con làm đều được thành tựu." Thưa Đức Vô Thượng Thế Tôn, ngày nay nguyện con đều được viên mãn, như con khéo học tập thi thơ, nên ngày nay con giỏi hơn tất cả. Ví như người lưng gù thì được ngay thẳng, người lén lút chạy trốn thì được tự do, người không biết lối đi thì gặp được hướng đạo, nơi tối tăm thì được sáng tỏ, người mù mắt thì được thấy các vật. Thưa Đức Vô Thượng Thế Tôn, con nay cũng vậy, như nay Đức Thế Tôn vì con dùng tất cả phương tiện thuyết pháp.

Lại nữa bạch Đức Thế Tôn, con từ nay trở đi quy y Thế Tôn, quy y Pháp bảo và quy y Thánh tăng. Từ nay trở đi, con luôn luôn giữ hạnh Ưu-bà-tắc. Xin Đức Thế Tôn chứng minh cho con điều này. Bạch Đức Như Lai Thế Tôn, con từ nay trở đi cho đến trọn đời, con thề không sát sinh, ngược lại con bảo hộ mạng sống của chúng sinh như mạng sống của con, làm chỗ nương tựa của chúng sinh. Con nguyện thọ trì năm giới cấm và mười thiện nghiệp như vậy. Cúi xin Đức Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo sáng mai nhận sự cúng dường trai phạn của con.

Đức Thế Tôn vì Đại vương Tần-đầu-sa-la nước Ma-già-đà im lặng nhận lời mời. Vua Tần-đầu thấy Đức Phật im lặng, biết Phật đã nhận lời nên liền bạch Phật:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn, xin Ngài ngồi trên xe này vào thành Vương xá, con tự làm người đánh xe cho Thế Tôn.

Đức Phật nghe mời như vậy, liền bảo nhà vua:

–Lành thay! Này đại vương, cầu chúc đại vương thường được an lạc. Ta không cần dùng xe.

Vua Tần-đầu từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh Phật ba vòng rồi từ tạ ra về.

Vua Tần-đầu-sa-la về chưa được bao lâu, các vị Tỳ-kheo liền bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, tại sao ngày nay vua nước Ma-già-đà dâng xe cho Thế Tôn đi, nhà vua lại tình nguyện làm người đánh xe. Việc này như thế nào?

Các Tỳ-kheo thưa lời như vậy rồi, đứng yên lặng. Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các thầy phải lắng nghe. Đại vương Tần-đầu, nước Ma-già-đà chẳng những ngày nay dâng xe cho Ta đi và vì Ta làm người đánh xe, mà ngày xưa người cũng đã từng dâng xe cho Ta như vậy.

Các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con nói việc ấy như thế nào?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ đời quá khứ, ở nước Ca-thi có một vị vua tên là Thiện Ý Nhạo Pháp. Nhà vua đem chánh pháp trị dân. Thuở ấy, Đế Thích muốn gặp vua Thiện Ý Nhạo Pháp nên bảo vị Thiên thần đánh xe tên là Ma-đa-lê: "Này Ma-đa-lê, khanh đến nước Ca-thi chở vua Thiện Ý đến gặp ta. Khanh thay lời ta nói với vua Thiện Ý: 'Này nhân giả Thiện Ý, Đế Thích, vua trời Đao-lợi muốn gặp nhân giả. Xin nhân giả chớ từ chối, cần phải tới gấp!'."

Thiên thần đánh xe Ma-đa-lê liền bạch Thiên đế: "Như Thiên chủ dạy, chẳng dám trái lời."

Ma-đa-lê sau khi nhận sứ mạng, liền sửa soạn xa giá thật hoàn chỉnh, xe được thắng bởi ngàn con ngựa. Sau khi trang bị xong, liền bay xuống cõi Diêm-phù-đề, đến nước Ca-thi của vua Thiện Ý. Đến nơi, đứng trên hư không dùng kệ thưa vua Thiện Ý:

Nhân giả ngày nay lên xe này
Xe trời tốt đẹp chẳng ai bằng
Chư Thiên nghĩ nhớ đến nhân giả
Đó là Thiên chủ Ba mươi ba.
Lúc ấy Thiện Ý nghe vậy rồi
Liền từ phía Đông bước lên xe
Xe này tuyệt đẹp không gì sánh
Nhắm hướng cõi trời tôn thẳng đến
Chư Thiên xa thấy vua tới nơi
Đứng dậy nghinh tiếp nói, thế này:
Lành thay! Pháp vương trong nhân loại
Cùng trời Đế Thích tọa nơi đây.

Đế Thích Thiên chủ liền khi ấy
Xa thấy vua đến liền đứng dậy
Đón rước và nói với vua:
Lành thay Đại vương trong thế gian!
Nay ở nơi đây trời tự tại
Nên nương oai lực cõi trời này
Ở đây bao lâu tùy ý muốn
Mặc tình thọ dụng đều thỏa mãn.

Thuở ấy vua Thiện Ý lưu lại cung trời Đao-lợi một thời gian khá lâu, tâm ý chẳng vui, thầm nghĩ: "Ta nay e thọ mạng giảm bớt." Nghĩ như vậy rồi liền dùng kệ thưa Đế Thích:

Đầu tiên tôi thích lên Thiên giới
Ở đây âm nhạc thật tuyệt vời
Tôi nay e sợ thọ mạng chung
Không thích Thiên giới nên trở lại.

Đế Thích, chủ cõi trời Đao-lợi, đáp lời vua Thiện Ý:

Vua nay tuổi thọ chưa suy giảm
Lâm chung ngày ấy vẫn còn xa
Do vì vua nay thiện nghiệp ít
Do vậy chẳng thích sống ở đây.
Nhân giả trước đến do tự lực
Giờ này thiện nghiệp chẳng có dư
Do vì tội nghiệp tâm mê muội
Vì vậy tâm chẳng thích cõi trời.
Nếu nay muốn thọ thế lực trời
Liền hưởng thiên lạc như thuở trước
Như ngồi ở trong xe vi diệu
Hoặc như thích thú diệu lâm viên
Vua nay nếu khởi tâm như vậy
Vua liền thích sống cõi trời này.

Vua Thiện Ý nghe kệ như vậy, liền nói với trời Đế Thích:

–Rất lành thay! Thiên vương, tôi từ giã cõi trời này trở lại nhân gian phải tu nhiều phước nghiệp như hành bố thí, tu khổ hạnh, làm việc lành, nói năng chân thật, thọ trì trai giới. Sau khi tôi làm các thiện nghiệp như vậy rồi, sẽ trở lại lên sống trên cõi trời này.

Đế Thích bảo vua Thiện Ý:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời nhân giả nói. Nhân giả ngày nay từ biệt cõi trời này để trở lại nhân gian phải tạo nhiều công đức, phải tu nhiều thiện nghiệp, cho đến bố thí, thọ trì trai giới... như vậy. Nhân giả tạo các thiện nghiệp như vậy xong rồi mới trở lại lên sống nơi đây.

Vua Thiện Ý sống trên Thiên giới thời gian khá lâu, rồi sau đó mới trở lại cõi Diêm-phù-đề, đi đến vương cung. Nơi cung nội không thấy thể nữ, hậu phi, vương tử, đại thần bá quan, cho đến tất cả những người thân thuộc. Tất cả đều chết hết không còn một ai. Do không thấy được người xưa nên nhà vua không vui, ưu sầu khổ não, nói kệ:

Đây là y phục của người thân
Bông tai, nhẫn xuyến và anh lạc
Bình sinh tiếc giữ không bố thí
Nay chết vật còn, thân ở đâu?
Do vật trang hoàng nhiều như vậy
Giường nệm, mền chăn ren tuyệt mỹ
Hương sơn, ao nước với lâm viên
Bỗng nhiên buông bỏ còn để lại.
Tất cả dân chúng đã chẳng còn
Bao nhiêu cung điện thảy trống không
Vợ con quyến thuộc đều không có
Như vậy làm sao ta vui được!
Trí tuệ phú hào thật tôn quý
Oai đức như vậy dòng đại tộc
Ác quỷ chủ mạng không hộ trì
Lần hồi tất cả đều ly tán.
Hoặc giàu, hoặc sang, hoặc bần tiện
Hoặc thông, hoặc tuệ, hoặc ngu si
Hoặc lớn, hoặc nhỏ, hoặc lão thành
Nếu đến thời tiết thọ mạng chung
Ác quỷ chủ mạng không thể hộ
Tất cả đều bắt khiến tiêu ma.
Bao nhiêu Sát-lợi, Bà-la-môn
Tỳ-xá, Thủ-đà hàng quý tiện
Hoặc bọn hèn hạ Chiên-đà-la
Đến khi mạng chung không lựa chọn
Lôi đi tất cả chẳng có chừa
Kéo lôi giống như dòng nước dốc
Cuốn các cây cối mọc mé sông.

Già, bệnh, chết đến cũng như vậy
Nuốt chững mạng căn thân các loài
Bà con thân thuộc chỉ đứng nhìn.
Thiên vương trấn giữ ở bốn góc
Cung trời Đao-lợi thứ Ba ba
Một cuộc du hành thật thích thú
Qua bảy ngày đêm trong mấy chốc.
Ta cùng Đế Thích sống nơi đây
Thiên vương với ta thường đối diện
Nơi đây ta thấy chư Thiên khác
Thường thấy ở đấy việc như vậy.
Ta nay chỉ tạo các phước lành
Kiên trì giới luật và bố thí
Tinh tấn, nhẫn nhục, trí tuệ, thiền
Thề chẳng mong cầu ngôi vương vị.

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Này các thầy phải biết, vua Thiện Ý lúc ấy là thân Ta ngày nay, còn Thiên thần Ma-đa-lê đánh xe thuở ấy nay là vua Tần-đầu nước Ma-già-đà. Lúc ấy người đem xe rước Ta và làm người đánh xe cho Ta. Ngày nay cũng vậy, dâng xe cho Ta, cũng muốn đích thân làm người đánh xe. Thệ nguyện ấy vốn đã có từ xưa là như vậy.

Vua Tần-đầu-sa-la về đến cung điện của mình, ra lệnh sắm đầy đủ tất cả thức ăn uống cao lương mỹ vị. Những thức ấy như đồ ăn cứng, đồ ăn mềm, đồ uống, đồ nhắm... tất cả đều được đầy đủ. Sáng ngày hôm sau, vua cho rưới nước quét dọn cung điện, sắp đặt chỗ ngồi, rồi sai sứ giả đi thỉnh Thế Tôn. Sứ giả đến nơi bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, giờ thọ trai sắp đến. Nơi cung điện đã bày biện thức ăn xong rồi.

Vào buổi sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn đắp y, mang bình bát cùng đông đủ một ngàn Tỳ-kheo, đều là cựu Phạm chí Loa kế xuất gia, hầu hạ hai bên Thế Tôn như đôi cánh, cùng nhau đi vào thành Vương xá.

Lúc ấy Đế Thích, vua cung trời Đao-lợi, liền biến thân trời thành hình đồng tử, dung mạo khôi ngô, dễ thương, mọi người thích trông ngắm, đầu để búi tóc làm mũ, thân mặc áo vàng, tay trái bưng bình nước rửa bằng vàng, tay phải cặp lấy tích trượng làm bằng nhiều thứ ngọc quý, đi trước chúng Tỳ-kheo của Đức Phật, chân đi cách đất hai gang. Lúc ấy đồng tử Đế Thích nói kệ:

Phật tự điều phục, lại điều người
Cùng ngàn Tỳ-kheo gốc Loa kế
Sắc thân vàng chói tuyệt như vậy
Vô Thượng Thế Tôn nay vào thành.
Tự mình tịch tịnh, tịch tịnh người
Cùng ngàn Tỳ-kheo gốc Loa kế
Sắc vàng óng ánh đẹp như vậy
Vô Thượng Thế Tôn nay vào thành.
Tự mình đã độ, độ người khác
Cùng ngàn Tỳ-kheo gốc Loa kế
Sắc thân vàng chói tuyệt như vậy
Vô Thượng Thế Tôn nay vào thành.
Tự mình giải thoát, giải thoát người
Cùng ngàn Tỳ-kheo gốc Loa kế
Sắc thân vàng chói tuyệt như vậy
Vô Thượng Thế Tôn nay vào thành.
Ngày nay thuyết giảng mười pháp môn
Đầy đủ mười lực, mười vô thắng
Một ngàn Tỳ-kheo vây chung quanh
Vô Thượng Thế Tôn nay vào thành.

Tất cả dân chúng trong thành Vương xá thấy Đế Thích, họ đều la lên:

–Hy hữu thay! Hy hữu thay! Đồng tử này hình dung hết sức khôi ngô, thật rất dễ thương, không ai sánh bằng, mọi người đều thích trông ngắm. Người này hầu hạ ai? Cung phụng ai?

Lúc ấy Đế Thích, vua trời Đao-lợi, liền dùng kệ đáp lời tất cả dân chúng:

Chư Phật có tài hàng tất cả
Tịch tĩnh vô thượng Tối Thắng Tôn
Ứng Cúng thế gian khắp trời, người
Ta nay hầu hạ Đức Thế Tôn.
Trượng Phu tối đại hàng phục người
Thiên hạ không ai hơn Đức Phật
Ứng Cúng thế gian khắp trời, người
Ta nay hầu hạ Đức Thế Tôn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ung dung đi vào cung điện vua Tần-đầu-sa-la. Đến nơi, Ngài trải tòa an tọa. Đại vương Tần-đầu-sa-la thấy Thế Tôn và đại chúng an tọa xong rồi, nhà vua tự tay bưng đủ các thức ăn sơn hào hải vị

đồ ăn cứng, đồ ăn mềm, đồ nhắm... dâng lên Đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo một cách đầy đủ.

Khi Đức Thế Tôn và chư Tăng thọ trai xong và rửa tay chân thì nhà vua cùng tất cả quần thần, mỗi người trải một tòa nhỏ ngồi trước Đức Phật. Ngồi xong, vua ở trước Đức Phật thầm nghĩ: "Ngày nay ta phải thỉnh Đức Phật ở chỗ nào để cho đừng cách thành quá gần hay quá xa, làm chỗ an trú cho người xuất gia đúng như pháp mà hành đạo." Rồi vua Tần-đầu-sa-la lại nghĩ thêm: "Vườn Trúc của ta gần kinh thành, tới lui dễ dàng, đi lại không cực nhọc, đường bằng phẳng dễ đi, mọi người đều ưa thích, muốn cầu lợi ích dễ được không khó, lại thêm ít muỗi mòng, bọ cạp, độc trùng... Ban ngày vắng vẻ không người đi lại, ban đêm cũng được yên tĩnh, ít tiếng ồn, gần kề hồ ao, lui tới không chướng ngại. Đây là chỗ rất tốt cho người xuất gia an trú tu học. Ta nay nên đem rừng tre này hiến cúng cho Đức Thế Tôn làm nơi an trú."

Vua Tần-đầu nghĩ như vậy rồi, lại bạch Phật:

–Bạch Đại Thánh Thế Tôn, rừng tre này cách thành Vương xá chẳng xa chẳng gần, là chỗ rất tốt cho người xuất gia ở tu học. Cúi xin Đức Thế Tôn dạy cho con cách nào để hiến cúng rừng tre này cho Thế Tôn làm nơi an trú.

Đức Phật bảo vua Tần-đầu:

–Này Đại vương, nếu muốn hiến cúng rừng tre này cho Ta thì nên hiến cúng làm vật sở hữu cho chư Tăng bốn phương.

Vua Tần-đầu liền bạch Phật:

–Y theo lời Thế Tôn dạy.

Rồi nhà vua đứng dậy, tay cầm bình bằng vàng dâng nước cho Thế Tôn mà bạch:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn, rừng tre này ở gần bên thành..., là chỗ rất tốt cho người xuất gia ở tu học. Con nay hiến cúng cho chư Phật Thế Tôn làm vật sở hữu cho chư Tăng bốn phương. Cúi xin Thế Tôn thương xót con mà nạp thọ và sau khi hiến cúng xong, xin Ngài sử dụng.

Đức Phật Thế Tôn vì thương xót nhà vua nên Ngài nạp thọ. Do vì nhân duyên này, Đức Thế Tôn dùng kệ chú nguyện:

Bao nhiêu cây cối ở trong rừng
Đều dùng xây dựng cầu v.v...
Sông, ao, giếng, suối để giúp đời
Thuyền bè chuyên chở người qua lại
Bao nhiêu thứ đó suốt ngày đêm

Phước báo luôn luôn tăng không ngớt
Phạm hạnh trì giới chẳng khác gì
Tín kính kiên cố tức sinh thiên.

Đức Thế Tôn vì vua Tần-đầu chú nguyện xong, liền đứng dậy trở về rừng Trượng lâm. Về đến nơi, vì nhân duyên nhà vua cúng rừng tre nên Thế Tôn họp đại chúng tuyên bố cho các Tỳ-kheo biết:

–Này các thầy Tỳ-kheo, từ ngày nay trở đi, các thầy được phép nghỉ trong rừng tre. *(Sư Ni-sa-tắc nói: "Do nhân duyên được vườn tre.")*

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 45

Phẩm 46: HIẾN CÚNG RỪNG TRE (Phần 2)

Thuở ấy, trong đại thành Vương xá có một trưởng giả tên là Ca-lan-đà, là hàng đại phú trong nước, có nhiều tài sản, đông đúc kẻ hầu hạ, cho đến nhà cửa giống như cung điện của Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Trưởng giả Ca-lan-đà có một rừng tre, cách thành Vương xá không xa, có thể làm chỗ ở cho bậc thiện nhân, nên các đạo nhân thường lai vãng đến tu tập trong khu rừng này. Các đạo nhân đó là A-kỳ-tỳ-già *(nhà Tùy dịch là Tà Mạng).*

Sư Ca-diếp-di nói:

Lúc ấy có bốn vị Đại thiên vương trấn bốn phương, bảo Dạ-xoa thân màu xanh:

–Các ngươi cấp tốc đến vườn tre của Ca-lan-đà, rưới nước quét dọn tất cả sỏi sạn, đất đá, gai góc phẩn uế; các mô đất đều được san bằng, không còn hầm hố, sao cho sạch sẽ vì hôm nay Đức Thế Tôn sắp an cư kiết hạ trong vườn này.

Chúng Dạ-xoa màu xanh nương theo oai lực của bốn vị Đại thiên vương dạy như vậy, liền bạch:

–Y theo lời Thiên vương dạy.

Rồi lập tức đi đến vườn tre, tưới nước quét dọn sạch sẽ... đều được bằng phẳng, hết sức trang nghiêm.

Vào buổi sáng sớm hôm đó, khi sao mai vừa xuất hiện, một đạo nhân A-kỳ-tỳ-già thấy có bốn vị Dạ-xoa màu xanh đến vườn tre, rưới nước quét dọn. Thấy vậy, vị ấy liền đến hỏi bốn vị ấy:

–Các Trưởng lão làm gì? Các ngài là ai?

Các Dạ-xoa đáp:

–Thưa nhân giả, chúng tôi là những Dạ-xoa màu xanh, được Tứ Thiên vương sai đến vườn tre này quét dọn, rưới nước..., dọn dẹp bằng phẳng, vì hôm nay Như Lai sắp đến đây an cư trải qua mùa hạ này. Vì lý do đó, chúng tôi đến quét dọn.

Sáng ngày, đạo nhân A-kỳ-tỳ-già vội vã đi đến chỗ trưởng giả Ca-lan-đà. Đến nơi, đạo nhân báo tin cho trưởng giả biết:

–Này đại trưởng giả, nay trưởng giả phải biết, khi trời gần sáng, sao mai xuất hiện, tôi thấy có bốn vị Dạ-xoa màu xanh tưới nước quét dọn nơi vườn tre. Thấy vậy tôi đến hỏi họ: "Các vị Trưởng lão là ai?" Họ đáp: "Chúng tôi là Dạ-xoa màu xanh, được Tứ Thiên vương sai đến quét dọn vườn này." Và họ cũng nói: "Chúng tôi đến vườn tre này quét dọn, sửa san bằng phẳng sạch sẽ, vì Đức Thế Tôn hôm nay sắp đến đây để an cư, cho nên chúng tôi đến đây quét dọn, sửa soạn."

Rồi đạo nhân A-kỳ-tỳ-già nói với trưởng giả Ca-lan-đà:

–Trưởng giả nên đến vườn tre trước, để hiến dâng vườn này cho Sa-môn Cù-đàm thọ dụng. Tôi e rằng sau này vua Tần-đầu-sa-la đoạt vườn tre này hiến dâng cho Cù-đàm. Này trưởng giả, ngay lúc bấy giờ tôi sợ mất công đức bố thí này nên trưởng giả không được lơ đễnh bỏ qua cơ hội.

Đại phú trưởng giả Ca-lan-đà nghe đạo nhân A-kỳ-tỳ-già nói như vậy, liền đi đến gặp Đức Phật. Trên đường đi ngược chiều, trưởng giả Ca-lan-đà còn cách Phật nửa do-tuần, xa xa trông thấy Đức Thế Tôn từ trước tiến lại, tôn nhan đoan chánh, mọi người đều thích trông ngắm, cho đến các tướng tốt trang nghiêm trên thân, giống như bầu trời ban đêm được các vì sao tô điểm. Thấy vậy, trưởng giả liền đến trước Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, tay cầm bình vàng, rót nước sạch trên tay Thế Tôn.

Bấy giờ trưởng giả thưa:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn, con ở thành Vương xá, tên là Ca-lan-đà, con có một vườn tre, cách thành Vương xá không xa, có thể làm chỗ an trú cho bậc thiện nhân. Con nay muốn đem khu vườn này dâng cúng cho Thế Tôn. Xin Ngài rủ lòng thương xót tiếp nhận vườn tre này.

Đức Phật bảo trưởng giả Ca-lan-đà:

–Nếu có người bố thí cúng dường Phật hoặc khu vườn, hoặc nhà đất, hoặc y phục, hoặc những của cải khác. Các vật ấy được đem bố thí vô điều kiện cho Phật rồi, thì các vật ấy trở thành chùa tháp trong trời người, những kẻ khác không được dùng.

Đức Phật bảo:

–Ngày nay trưởng giả nên đem vườn tre này cúng cho chư Tăng bốn phương. Như vậy, tất cả đại chúng hiện tại hay vị lai đều được sử dụng.

Đức Như Lai khuyên dạy công đức bố thí to lớn như vậy. Trưởng giả Ca-lan-đà nghe Đức Phật dạy như vậy, liền bạch Phật:

–Y theo lời Thế Tôn dạy, con không dám trái lời.

Rồi trưởng giả lại bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, con nay đem vườn tre này hiến cúng cho tất cả chư Tăng trong ba đời được tùy ý sử dụng. Cúi xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót thọ dụng khu vườn này.

Đức Thế Tôn vì thương xót trưởng giả Ca-lan-đà nên thọ nạp khu vườn này, rồi Thế Tôn vì thương xót trưởng giả nên nói kệ chú nguyện, bài kệ y như ở trên:

Bao nhiêu cây cối ở trong vườn

... ...

Tín kính kiên cố được sinh Thiên.

Đây là lần đầu tiên Đức Thế Tôn thọ nhận cúng dường vườn tre. Lúc ấy, Đức Thế Tôn cùng một ngàn đại Tỳ-kheo đều là cựu Tiên nhân Phạm chí Loa kế xuất gia, ở trong vườn tre Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Phẩm 47: NHÂN DUYÊN CỦA ĐẠI CA-DIẾP (Phần 1)

Có một vị sư nói thế này: Thuở ấy cách thành Vương xá chẳng gần chẳng xa, có một thôn tên là Tân thụ lập.

Sư Ma-ha Tăng-kỳ lại nói: "Tại thành Vương xá, nước Ma-già-đà có một làng tên là Ma-ha Sa-đà-la *(nhà Tùy dịch là Đại trạch điền),* nơi đây có một thôn Bà-la-môn, thôn này lại mang tên là Ma-ha Sa-đà-la. Trong thôn này có một vị Bà-la-môn đại phú tên là Ni-câu-lô-đà-yết-ba *(nhà Tùy dịch là Kham Dụng Thọ).* Vị đại trưởng giả này hết sức giàu có, nhiều người hầu hạ phục dịch, cho đến nhà cửa giống như cung trời Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Vị Bà-la-môn này thống lãnh năm trăm thôn, phân chia cho các thuộc hạ quản lý."

Lúc bấy giờ vua Tần-đầu-sa-la, nước Ma-kiệt-đà có một ngàn con bò cày, còn trưởng giả Ni-câu-lô-đà-yết-ba đàn bò chỉ thiếu một con là đủ ngàn con. Vì sao vậy? Vì sợ Đại vương Tần-đầu sinh tâm ganh tỵ, do đó đàn bò của Bà-la-môn này ít hơn. Nhưng Bà-la-môn lại có đàn lục súc không thể đếm được số lượng, chỉ biết tổng quát nhiều ít mà thôi. Kho tiền vàng của trưởng giả tổng cộng tất cả hai mươi lăm kho.

Thuở ấy, người vợ của đại phú Bà-la-môn du ngoạn vui chơi nơi thượng uyển, nhân tiện bà đến ngồi dưới gốc cây Tất-bát-la. Người đàn bà này đang mang thai, lúc ấy bà ta hạ sinh một đồng tử ở dưới gốc cây này. Đồng tử hình dung đoan chánh, khôi ngô, đẹp như tượng vàng, ai cũng

thích trông ngắm, thế gian không ai sánh bằng. Khi sinh đồng tử, dưới gốc cây này xuất hiện một thiên y tuyệt đẹp. Vì cha mẹ đồng tử thấy thiên y xuất hiện nên thầm nghĩ: "Thiên y này nhất định là do phước của đồng tử mà ra." Do điểm này mà đặt tên cho đồng tử là Tất-bát-la-da-na *(nhà Tùy dịch là Thọ Hạ Sinh).* Vì nhân duyên đồng tử sinh dưới gốc cây này nên lấy đó mà đặt tên, tương truyền gọi là Tất-bát-la-da-na.

Rồi cha mẹ giao đồng tử cho bốn bà vú nuôi. Một bà vú lo bồng bế, một bà vú lo bú mớm, một bà vú dẫn đi chơi và một bà vú chăm sóc việc nuôi dưỡng. Bốn bà vú lo các việc nuôi dưỡng, tắm rửa, bồng bế, mua vui và cho bú mớm, mong sao cho đồng tử mau lớn khôn. Vì vợ chồng đại phú trưởng giả Bà-la-môn chỉ có một đồng tử Tất-bát-la-da-na rất yêu quý, không cho rời xa dù trong giây lát. Nếu có chuyện phải xa đồng tử thì trong lòng họ chẳng vui.

Đồng tử do nhân duyên phước đức nên trong thời gian nuôi dưỡng chẳng bao lâu, đồng tử lần lần khôn lớn, biết đi biết chạy, trí tuệ phát triển. Đến khi vừa tròn tám tuổi, cha mẹ liền cho đồng tử thọ giới pháp Bà-la-môn. Sau khi đồng tử thọ giới pháp rồi, cha mẹ lại phú chúc gia nghiệp và dạy các nghề, pháp thức tế tự, cùng dạy đồng tử các môn thơ phú, toán số, hội họa, khắc ấn, bốn bộ Vi-đà cùng các pháp thọ ký, biện luận thế gian, thọ trì các pháp binh trượng, các pháp đại chú thuật, luận Xiển-đà, các môn văn chứng, ngũ hành, tinh tú, toán số, âm dương, đoán trước thời vận trong mỗi ngày đêm có bao nhiêu điềm tốt xấu. Lại nữa, đồng tử biết tất cả các loại tiếng: Tiếng tướng đất chuyển động, tiếng sấm, tiếng sét, tiếng kêu của loài cầm thú, tiếng động của loài chim bay, thú chạy. Biết hết các tướng trạng, biết tất cả các sự chuyển biến, biết coi các tướng, biết tướng nghề nghiệp, biết tướng nam nữ, biết tướng lục súc, biết pháp tẩy tịnh thanh tịnh, biết pháp lấy nước, biết pháp xối rửa, biết pháp lấy tro, biết cách xướng ca chúc tụng, biết tướng tốt xấu, thịnh suy, biết cách giải trừ tai ương, biết pháp cúng tế thần lửa và chư Thiên đại nhân..., tất cả đều được hoàn bị.

Đồng tử tự học rồi lại có khả năng dạy lại người khác. Đồng tử học pháp khi tiếp nhận vật của người hay ban vật cho người. Mọi việc trong thế gian không gì là không rõ, không nơi nào là không biết, lanh lợi, sáng suốt, trí tuệ thông minh, có tài lý luận đanh thép, căn tánh nhạy bén khôn ngoan. Đồng tử bản tánh chất trực, thường nhàm chán việc thế gian, nhận thức được ái dục là điều bất tịnh nên sinh tâm xa lìa. Do trong đời quá khứ đã gặp chư Phật Thế Tôn, ở nơi chư Phật này đã trồng các thiện căn, tu nhiều công đức đã được thành tựu, nên đồng tử biết tất cả các pháp thế gian là giả

dối, tâm ưa thích hướng về cửa Niết-bàn, thường mong cầu ra khỏi phiền não, chẳng nhiễm pháp hữu vi thế gian, không thọ nghiệp chướng, hệ phược tiêu trừ. Do trí lực này nên được địa vị Nhất sinh bổ xứ.

Đồng tử Tất-bát-la-da-na trải qua năm tháng, lần lần lớn khôn, đến tuổi trưởng thành, có thể hưởng dục lạc thế gian. Cha mẹ đồng tử thấy vậy liền bảo đồng tử:

–Này con Tất-bát-la-da-na, cha mẹ muốn chọn người con gái sánh đôi với con để về hầu hạ.

Đồng tử Tất-bát-la-da-na nghe cha mẹ nói như vậy, liền thưa:

–Kính thưa song thân, tâm con không muốn cưới vợ, ý nguyện chỉ muốn tu phạm hạnh.

Khi ấy cha mẹ đồng tử Tất-bát-la-da-na bảo đồng tử:

–Này con yêu quý của ta, việc đầu tiên trong cuộc đời này là con phải có con để nối dõi gia thế, rồi sau đó con mặc tình tu phạm hạnh. Vì sao? Vì việc này có nghe nói trong truyện Tương Thừa: Nếu người không con, không có người nối dõi thì kẻ ấy không được sinh lên trời.

Đồng tử lại thưa cha mẹ:

–Kính thưa song thân, con nay không cần việc tiếp nối sự nghiệp ở đời, cũng không cần kế tục đời sau. Con chỉ cần tu phạm hạnh.

Rồi cha mẹ đồng tử đôi ba phen nói với Tất-bát-la-da-na:

–Con yêu quý của ta cần phải lập gia đình. Vì sao? Vì cha mẹ e rằng nhà chúng ta sẽ bị tuyệt tự.

Lúc ấy đồng tử Tất-bát-la-da-na bị cha mẹ ép buộc đến ba lần nên đồng tử lấy vàng Diêm-phù-đàn bảo thợ khắc thành một hình phụ nữ. Khi người thợ khắc xong, đồng tử mang đến đưa cho cha mẹ và thưa:

–Kính thưa cha mẹ, con không thích thọ hưởng thú vui ngũ dục, nguyện tu phạm hạnh. Nếu cha mẹ quyết định cưới vợ cho con để duy trì gia thế thì cha mẹ phải tìm được người con gái có nhan sắc giống như tượng vàng Diêm-phù-đàn này.

Cha mẹ đồng tử thấy việc như vậy, ưu sầu khổ não chẳng vui, tâm nghĩ thế này: "Ta phải tìm ở xứ nào để có được một người phụ nữ hình sắc như vàng Diêm-phù-đàn?" Khi ấy đại Bà-la-môn Câu-lô-đà ngồi im lặng trên lầu, trong lòng chẳng vui.

Thuở ấy nhà này có một thầy Bà-la-môn khác thường lai vãng đến nhà Bà-la-môn đại phú. Khi đến nhà Bà-la-môn đại phú thầy Bà-la-môn đọc lời chú nguyện:

–Nguyện đại thí chủ tiền của được tăng thêm, hưởng quả báo tốt đẹp, không có thứ gì thiếu hụt, thê thiếp, con cháu được đông đúc...

Rồi lại hỏi gia nhân:

–Chủ nhà của ngươi hiện giờ ở đâu?

Gia nhân đáp:

–Đại Bà-la-môn của chúng tôi hiện giờ đang ngồi lặng thinh trên lầu, lòng ngài rất buồn rầu áo não chẳng vui.

Thầy Bà-la-môn liền đến chỗ Bà-la-môn đại phú, thưa thế này:

–Nguyện đại thí chủ gia nghiệp tăng trưởng. Những ngày trôi qua như thế nào? Ăn có ngon không? Đêm ngủ có được không? Lại đêm đêm cùng với ái nhân vui chơi có được thỏa tình khoái lạc hay không?

Bao nhiêu câu hỏi như vậy mà chủ nhà Bà-la-môn đại phú ngồi im lặng không đáp một lời. Thầy Bà-la-môn lại hỏi:

–Nhân giả vì cớ gì ngày nay ngồi im lặng không đáp? Từ nhỏ đến giờ ta cùng nhân giả đồng chung khổ vui, ngày nay nhân giả vì lý do gì không bày tỏ cho ta biết?

Khi ấy đại Bà-la-môn Câu-lô-đà thuật lại sự việc cho thầy Bà-la-môn hay. Nói như vậy rồi, đại Bà-la-môn lại than:

–Ngày nay ta biết xứ nào có người con gái nhan sắc như tượng vàng Diêm-phù-đàn!

Thầy Bà-la-môn nói với vị đại Bà-la-môn:

–Này thí chủ đại phú Bà-la-môn, chớ nên ưu sầu khổ não. Nhân giả đã vì tôi làm vị đại thí chủ, bao nhiêu nhu cầu như y phục, thực phẩm, đồ cần dùng... của tôi đều do nhân giả cung cấp. Tôi nay sẽ vì đại thí chủ đi tìm người con gái có nhan sắc như vàng Diêm-phù-đàn. Nhân giả chớ nghi, tôi quyết định sẽ tìm được. Tôi nay cần lương thực và người đi đường, để tôi cùng họ đi khắp bốn phương tìm kiếm.

Đại phú Bà-la-môn nghe thầy Bà-la-môn nói như vậy, liền đem lương thực và bạn đi đường, theo như lời đòi hỏi của thầy Bà-la-môn, đáp ứng một cách đầy đủ. Thầy Bà-la-môn nhận được tất cả lương thực và người đi đường rồi, liền làm tán lọng Thần minh bốn màu, trang hoàng đủ thứ. Ở trước lập Thần minh, chung quanh trước sau trổi đủ thứ âm nhạc. Hoặc có tán lọng ở dưới dùng vàng làm mặt Thần minh, hoặc dùng bạc làm mặt Thần minh, hoặc dùng pha lê làm mặt Thần minh. Làm rồi, sai người đem ba tán lọng đi ba phương khác nhau, chỉ còn một cái đi theo mình. Thầy Bà-la-môn dạy các người đi phương khác:

–Các người khi đến các thôn ấp đều thông báo cho các thôn nữ: "Đây là Thần minh các nàng nên thiết lễ cúng dường. Nếu người nào cúng dường thì người đó mọi sự cầu nguyện đều được thành tựu như ý." Các ông nên quán sát trong các nàng ấy, nếu thấy nàng nào có nhan sắc màu vàng, các ông nên hỏi tên họ và địa chỉ của cô gái ấy, rồi lập tức đến báo tin cho ta biết.

Thầy Bà-la-môn dặn dò như vậy rồi, họ liền ra đi các phương khác nhau. Còn thầy Bà-la-môn tự mình đem theo một tán lọng Thần minh đặt trong một cái hộp và hành trang đi đến tha phương, hoặc thôn xóm, châu huyện, thành ấp, cung vua, đường sá... Đến nơi nào đều trổi nhạc Thần minh, tất cả phụ nữ ở nơi đó đều tụ tập đến quán sát.

Lúc thầy đại Bà-la-môn thấy phụ nữ tụ tập liền từ trong hộp lấy ra một hình Thần minh đưa cho các phụ nữ xem và bảo:

–Này các nàng! Các nàng nên cúng dường vị Thần minh này. Nếu người nào cúng dường "Thần minh" thì người ấy tùy theo sở nguyện sẽ được thành tựu.

Bấy giờ các phụ nữ từ nhà mang đến các thứ hương thoa, hương bột, tràng hoa, hoa rải... đến cúng dường Thần minh. Với phương tiện này, thầy Bà-la-môn lần lần đi đến thành Tỳ-da-ly.

Thuở ấy, cách thành Tỳ-da-ly chẳng bao xa có một thôn lớn tên là Ca-la-tỳ-ca *(nhà Tùy dịch là Xích huỳnh sắc),* trong thôn có vị đại Bà-la-môn cự phú tên là Sắc-ca-tỳ-la *(nhà Tùy dịch là Huỳnh Xích).* Bà-la-môn này giàu có của cải, người giúp việc đông đúc, cho đến nhà cửa giống như cung điện Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Bà-la-môn này có một người con gái tên là Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da *(nhà Tùy dịch là Hiền Sắc Huỳnh Nữ),* hình dung khả ái, nhan sắc tuyệt vời, người đời thích trông ngắm, thế gian không ai sánh bằng, người không cao không thấp, không mập không gầy, nước da không trắng không đen, không xanh không đỏ, tuổi độ thanh xuân, đáng làm bảo vật ngọc nữ cho thiên hạ.

Lúc ấy trong thành Tỳ-da-ly nhằm ngày hội đốt lửa, trong ngày hội này có năm trăm phụ nữ nhóm họp. Nàng Bạt-đà-la cũng có mặt trong hội này. Bấy giờ thầy Bà-la-môn đem tán cái Thần minh đi đến đám phụ nữ. Đến nơi, Bà-la-môn lấy từ hộp ra một tượng Thần minh đưa cho các phụ nữ xem và nói với họ:

–Này các phụ nữ, đây là tượng vị Thiên thần tối diệu tối thắng. Các người nên tế lễ cúng dường. Nếu nàng nào cúng dường vị thần này, tùy theo tâm nguyện sẽ được thành tựu.

Tất cả phụ nữ đều đem đủ các thứ hương bột, hương thoa, tràng hoa và hoa rải… vội vã đi đến đi đến trước Thần minh và khấn vái:

–Ngày nay con cúng dường vị trời Thần minh này.

Chỉ riêng nàng Bạt-đà-la không đến chỗ Thần minh. Tất cả bạn gái ôm lấy Bạt-đà-la kéo đến bên Thần minh, nên nàng cũng hiện diện nơi đây. Do sức oai quang của nàng, liền làm cho tượng vàng Diêm-phù-đàn mất đi ánh sáng vốn có của nó.

Nàng Bạt-đà-la dùng hết sức mạnh, thoát khỏi tay các bạn gái, chạy về nhà thưa với cha mẹ:

–Kính thưa cha mẹ, chớ nên đem con giao cho người đó. Vì sao? Vì ngày nay con không muốn lấy người đó làm chồng. Trong tâm con muốn tu phạm hạnh.

Lúc ấy các anh em của nàng nói với Bạt-đà-la:

–Này chị ơi, này em ơi, chúng ta thật sự không muốn xa nhau, nhưng vì anh em chúng ta không gả em (chị) đi lấy chồng, thì không hợp với đạo lý thế gian, hoặc sẽ bị người đời họ nói: "Anh em của Bạt-đà-la ở gần với nhau quyết có tâm tà tư, vì vậy không gả nàng cho người khác." Chúng ta e nhằm với ý nghi này.

Anh em nàng Bạt-đà-la lại nói tiếp:

–Em (chị) đừng có sầu muộn, chúng ta nên hứa gả em (chị) cho người ta, nhưng đòi hỏi họ phải nạp nhiều tiền của theo sự đòi hỏi của em (chị). Nếu người cầu em (chị) làm vợ không đáp ứng đủ số tiền nhiều như vậy thì em (chị) khỏi rời ngôi nhà này. Mà nếu có người đến cầu em (chị) làm vợ, thì anh em ta sẽ nói với họ thế này: "Nếu người muốn cầu em (chị) gái ta làm vợ thì phải đem số vàng ròng nhiều bằng thân em (chị) ta. Được vậy, ta sẽ gả cho."

Lúc thầy đại Bà-la-môn đi tìm cầu người phụ nữ, mang theo tượng phụ nữ làm bằng vàng Diêm-phù-đàn, ông ta đã thấy nàng Bạt-đà-la, liền hỏi các phụ nữ khác:

–Cô gái ấy là ai? Nhà cô ấy ở đâu?

Các phụ nữ đáp lời Bà-la-môn khách:

–Ở xứ này có một vị Bà-la-môn cự phú tên là Ca-tỳ-la, con gái ấy là con của ông ta.

Vị Bà-la-môn khách nghe biết tung tích như vậy, vào lúc hoàng hôn, mặt trời sắp lặn, ông liền đi lần lần đến nhà Bà-la-môn cự phú kia. Khi đến nơi, ông xin ngủ trọ, gia nhân của đại Bà-la-môn cự phú đồng ý, mời người

ở trong nhà khách. Bà-la-môn khách ngủ ở đây qua một đêm, đến ngày hôm sau, trời vừa tảng sáng, người đi đến gặp Bà-la-môn Ca-tỳ-la. Khi đến nơi, người đứng trước mặt Ca-tỳ-la, chú nguyện:

–Cầu nguyện gia đình nhân giả Bà-la-môn này luôn luôn tăng trưởng tốt đẹp.

Sau khi chú nguyện xong, lui ngồi về một bên. Ca-tỳ-la hỏi Bà-la-môn khách:

–Thưa nhân giả, đêm hôm như thế nào? Có được an ổn không?

Vị Bà-la-môn khách đáp:

–Đêm qua tôi rất được an ổn, vui sướng, không có phiền não.

Sáng sớm hôm ấy, nàng Bạt-đà-la sau khi thức dậy, đi đến đảnh lễ dưới chân phụ thân, rồi đứng lui về một bên. Khi ấy Bà-la-môn khách đi tìm cầu người phụ nữ, thưa với Bà-la-môn cự phú Ca-tỳ-la:

–Lành thay! Thưa nhân giả, cô gái này là ai?

Ca-tỳ-la đáp:

–Cô gái này là con của tôi.

Vị Bà-la-môn khách lại hỏi:

–Thưa nhân giả, cô gái này ông bà đã đính hôn chỗ nào chưa?

Ca-tỳ-la đáp:

–Con gái tôi chưa hứa gả cho ai cả.

Khi ấy vị Bà-la-môn khách đi tìm cầu người con gái liền bạch chủ nhân Ca-tỳ-la:

–Thưa đại phú nhân giả, nước Ma-già-đà có làng tên là Ma-ha Sa-đà-la, trong làng này có một thôn cũng tên Ma-ha Sa-đà-la. Trong thôn có đại Bà-la-môn tên là Ni-câu-lô-đà-yết-ba, rất giàu có của cải. Người lại có một cậu con trai tên là Tất-bát-la-da-na. Đồng tử hiểu thông các nghĩa, lại dạy cho người khác, đối với ba bộ Vi-đà đều thông suốt, lại thấu rõ luận Nhất Sự Thập Danh và các thơ luận Ni-kiền-chu, luận Vãng Sự Ngũ Minh... Một câu, nửa câu, một bài kệ, nửa bài kệ đều phân tích rõ ràng, giải rõ lời sấm thế gian, biết rõ sáu mươi loại luận, biết rõ các tướng căn bản của bậc đại nhân. Tất cả kỹ nghệ không yếu kém một nghề nào.

Bà-la-môn khách lại thưa:

–Thưa chủ nhân, nay xin nhân giả đem cô gái này gả làm vợ đồng tử Tất-bát-la-da-na.

Đại phú Bà-la-môn và các con trai ông ta nói với Bà-la-môn khách:

–Cô con gái này nếu đi lấy chồng, cần phải nạp nhiều tiền của. Ai được như vậy mới gả.

Bà-la-môn khách hỏi:

–Nhiều tiền của là bao nhiêu?

Các người trong nhà đáp:

–Vàng phải tương xứng với thân hình của cô ta. Chúng tôi chỉ đòi hỏi chừng ấy thôi.

Bà-la-môn khách liền từ trong túi lấy ra một pho tượng phụ nữ bằng vàng Diêm-phù-đàn, đưa ra cho cha mẹ, anh em của cô Bạt-đà-la xem, rồi nói:

–Pho tượng bằng vàng Diêm-phù-đàn này tương xứng với cô gái, các người nên nhận lấy, rồi trao cô gái này cho ta.

Bấy giờ cha mẹ, anh em cô Bạt-đà-la suy nghĩ như thế này: "Đối với người xứ họ, nghe con gái của chúng ta dung nhan đoan chánh thế này nên tom góp vàng Diêm-phù-đàn nhiều chừng ấy, để tạo pho tượng phụ nữ khiến to chừng ấy." Rồi cha mẹ, anh em cô gái bàn luận: "Nếu ngày nay chúng ta nhận lấy pho tượng bằng vàng Diêm-phù-đàn này mà không quán sát gia đình họ tiền của nhiều ít, lại cũng không biết rõ về lễ nghĩa, phép nước của họ văn minh hay lạc hậu, thì con gái ta về nhà họ có thể sẽ gặp phải khổ não. Vậy nay ta nên cho mật sứ đến quán sát gia đình họ."

Thảo luận như vậy rồi, họ liền nói với Bà-la-môn khách tìm cầu phụ nữ:

–Lành thay! Thưa sứ giả đại Bà-la-môn, ta nay muốn cho sứ giả đến nhà đàng trai xem xét lễ nghi phong tục thế nào, rồi sau đó ta suy tính có gả con gái hay không?

Vị Đại Bà-la-môn khách thưa:

–Như vậy, tùy ý cho người thăm hỏi.

Vị Đại Bà-la-môn khách nói lời ấy rồi, liền từ tạ chủ nhà trở về bổn quốc. Về đến nhà Bà-la-môn Ni-câu-lô-đà-yết-ba thưa với ông ta:

–Thưa nhân giả đại Bà-la-môn, chuyến đi hết sức tốt đẹp. Ngài nên vui vẻ, vì tôi đã tìm ra người con gái có sắc vàng như pho tượng Diêm-phù-đàn. Nàng hết sức đoan chánh, thùy mị vô song, mọi người đều thích trông ngắm.

Khi ấy Bà-la-môn đại phú hỏi vị Bà-la-môn đi tìm cầu con gái:

–Này Bà-la-môn, nhân giả gặp nàng ta ở xứ nào?

Thầy Bà-la-môn đáp:

–Cách thành Tỳ-da-ly chẳng bao xa, có một thôn tên là Ca-tỳ-la. Trong thôn này có một Bà-la-môn thật giàu có cũng mang tên là Ca-tỳ-la. Bà-la-môn sinh ra nàng con gái này, tên là Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da. Đó là quê quán của cô ta.

Cha mẹ đồng tử Tất-bát-la-da-na khi nghe sự việc như vậy, trong tâm rất vui mừng tràn ngập châu thân, không thể tự chế. Lúc ấy đại Bà-la-môn Ni-câu-lô-đà-yết-ba liền bố trí trên con đường từ bổn thôn, liên tiếp cho đến thành Tỳ-da-ly, cứ mỗi khoảng đường nửa do-tuần thiết lập một bầy bò và dựng lên căn nhà khách. Mọi nơi đều bày biện như vậy xong, khi ấy đại Bà-la-môn Ni-câu-lô-đà-yết-ba bảo các người coi bò:

–Các người phải chuẩn bị như thế này: nếu có người từ thành Tỳ-da-ly đến, nếu họ cần những vật gì, các người phải tiếp đón, cung phụng, chớ để thất lễ.

Khi anh em nàng Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da ra khỏi nhà, hướng về nước Ma-già-đà, đi đến thành Vương xá, họ gặp địa điểm đàn bò đầu tiên. Các người ở đây đều hạ mình nghinh tiếp và nói:

–Tốt thay quý khách từ phương xa đến đây!

Rồi liền mời vào nhà khách, lấy nước nóng hương thơm để tắm rửa. Lại dùng đủ thứ hương thơm để thoa vào mình. Lại đem các thứ y phục vô giá mời họ mặc. Lại dùng các hoa thơm kết tràng để họ trang sức trên đầu. Rồi sau đó đem đủ thức ăn uống sơn hào hải vị ngon ngọt thết đãi. Những thứ ẩm thực đó như đồ ăn cứng, đồ ăn mềm, đồ nhắm, đồ uống... Tất cả thức ăn mỹ vị như vậy đều đầy đủ, họ mặc tình thưởng thức no nê. Các người đó thưa:

–Đây là căn nhà của những người coi bò chúng tôi. Xin quý khách có thể dừng chân lại đây một đêm, sáng mai sẽ tùy ý lên đường.

Đoàn khách hỏi người coi bò:

–Nhà nuôi bò này của ai?

Người giữ bò đáp:

–Nhà nuôi bò này là của Bà-la-môn đại phú Ni-câu-lô-đà-yết-ba. Vì ông ta sợ các nhân giả lữ hành đi đến mỏi mệt, đói khát cực khổ, thiếu thốn vật dụng và tiện nghi nên xây cất ngôi nhà này.

Đoàn lữ hành an nghỉ ở đây qua đêm, sáng ngày hôm sau ra đi. Cứ như vậy, tuần tự gặp nhà bầy bò thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy... họ đều ra nghinh tiếp và thưa:

–Này các nhân giả, quý khách từ phương xa đến, dừng chân lại đây một đêm, ngủ nghỉ khỏe khoắn rồi sớm mai sẽ tùy ý lên đường.

Đoàn lữ hành hỏi người chủ:

–Có bao nhiêu nhà trông coi bò như thế này?

Người coi bò trả lời:

–Từ thôn Ma-ha Sa-đà-la đến đây rồi cứ như vậy cho đến tận thành Tỳ-da-ly, cứ trong nửa do-tuần đặt một nhà trông coi bò.

Lúc ấy anh em của nàng Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da đồng nghe nói lời như vậy, liền suy nghĩ: "Nhà coi bò của người này còn nhiều chừng ấy, ngoài ra tiền của chẳng cần phải nói. Chúng ta nên từ chỗ này quay về nhà, nên đem em (chị) gả làm vợ người này."

Anh em của họ sau khi về nhà, liền sai sứ giả đến báo tin cho Bà-la-môn đại phú:

–Quý ngài có thể đến rước em (chị) của chúng tôi về làm vợ.

Sứ giả báo tin rồi, liền quay trở về. Đồng tử Tất-bát-la-da-na nghe sứ giả nói như vậy, được người con gái hợp ý của mình, nghe rồi liền nghĩ: "Ta nay phải đi đến xem người con gái kia thật có đức hạnh, trí tuệ hay không." Đồng tử Tất-bát-la-da-na liền đến bên cha mẹ quỳ gối thưa:

–Thưa cha mẹ, tâm con thật không thích ngũ dục, nguyện tu phạm hạnh, mà nay đấng song thân đã ép con lập gia đình. Do vậy, ngày nay con phải theo thứ lớp đi khất thực đến xứ ấy để xem người con gái kia có đúng sự thật như lời sứ giả nói hay không.

Cha mẹ liền bảo:

–Nếu thấy hợp thời, con cứ tự ý ra đi.

Rồi đồng tử từ giã quê nhà, đi khất thực theo thứ lớp, lần lần đi đến thôn Ca-la-tỳ-ca. Theo tục lệ nước này, nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn đến khất thực, thì tự tay con gái bưng đồ ăn đến dâng. Lúc ấy nàng Bạt-đà-la từ trong nhà mang thức ăn ra trao tận tay khách đồng tử. Lúc bấy giờ đồng tử Tất-bát-la-da-na thấy cô ta, tâm chàng tự nghĩ: "Đây chính là nàng Bạt-đà-la." Tự tay nàng dâng thức ăn cho đồng tử rồi lại đảnh lễ dưới chân, đứng lui về một bên.

Đồng tử hỏi:

–Này nhân giả thiện nữ, nàng đã kết duyên với ai chưa?

Cô ta liền đáp:

–Thưa nhân giả đồng tử, nước Ma-già-đà có một làng nọ tên là Ma-ha Yết-ba. Xứ ấy có một thôn Bà-la-môn, trong thôn ấy có một Bà-la-môn

cự phú tên là Ni-câu-lô-đà-yết-ba. Bà-la-môn này có một người con trai tên là Tất-bát-la-da-na, cha mẹ tôi đã hứa gả tôi cho đồng tử ấy.

Đồng tử Tất-bát-la-da-na liền đáp lời cô Bạt-đà-la:

–Này thiện nữ, ta nghe nói đồng tử ấy trong tâm không thích ngũ dục, chỉ muốn tu phạm hạnh.

Khi ấy nàng ta liền thưa đồng tử:

–Thật rất hoan hỷ, vì tôi cũng không thích ngũ dục, chỉ muốn tu phạm hạnh mà thôi. Ngày nay cha mẹ hứa gả tôi, đó là ý của người thế gian, tôi thật không muốn. Nay cha mẹ ép tôi, tôi cũng tùy thuận tình đời mà kết duyên với đồng tử kia vậy.

Đồng tử Tất-bát-la-da-na nghe nói vậy liền hỏi cô ta:

–Này nhân giả thiện nữ, cô từ trước đến giờ có thấy đồng tử Tất-bát-la-da-na hay chưa?

Cô ta đáp:

–Thưa thiện đồng tử, tôi chưa từng gặp mặt.

Đồng tử lại nói với cô ta:

–Này thiện nữ, ta chính là đồng tử Tất-bát-la-da-na. Ta thật không thích ngũ dục, nay trong tâm ta chỉ muốn tu phạm hạnh. Việc vợ con là ý của cha mẹ quyến thuộc. Chính cha mẹ ta đã ép ta cưới nàng làm vợ.

Nàng Bạt-đà-la nghe nói như vậy, liền bạch đồng tử:

–Hay thay! Thưa nhân giả đại đồng tử, tôi nghe lời này hết sức vui mừng. Nếu nhân giả quyết định không thích ngũ dục, nay xin nhân giả chẳng để lâu, nên mau mau đến rước tôi, chớ để khiến có người thế gian khác không phạm hạnh đến cầu tôi làm vợ.

Đồng tử Tất-bát-la-da-na nghe vậy rồi liền quay trở về nhà, đi đến bên cha mẹ, quỳ mọp bạch:

–Thưa cha mẹ, con thật sự không thích ngũ dục thế gian, chỉ muốn tu phạm hạnh. Vì song thân muốn cưới vợ cho con nhưng phải mau mau rước dâu về nhà.

Khi ấy cha mẹ đồng tử Tất-bát-la-da-na liền cùng đại Bà-la-môn Ca-tỳ-la-ca lập tờ giao kết nạp tiền sính lễ, tùy sự đòi hỏi ít nhiều, sắm đủ các thức ăn uống cao lương mỹ vị, chuỗi anh lạc vô giá, y phục diệu hảo... rồi chọn ngày lành tháng tốt đem nhiều tài bảo đi nạp lễ để rước nàng Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da về kết duyên với con mình.

Sau khi rước cô dâu về nhà, ở trong một căn phòng đã bày sẵn hai chiếc giường mà đồng tử và cô dâu ở trong phòng này, nhưng cả hai đều thúc liễm thân tâm, không xúc nhiễm với nhau.

Khi cha mẹ đồng tử Tất-bát-la-da-na biết được chuyện này mới suy tính: "Hai trẻ ở trong một phòng mà không xúc nhiễm với nhau, ta phải tìm cách nào để cho hai trẻ gần gũi nhau? Nếu cất bớt một chiếc giường, chỉ để lại một cái, hai người phải ngủ chung một giường thì tự nhiên chúng nó đụng chạm với nhau."

Nhưng hai người vẫn không đụng chạm. Nếu đồng tử Tất-bát-la-da-na nằm ngủ, thì nàng Bạt-đà-la đứng dậy đi kinh hành. Nếu nàng Bạt-đà-la nằm ngủ thì đồng tử Tất-bát-la-da-na lại đứng dậy đi kinh hành. Cứ như vậy trải qua nhiều năm, hai người hoàn toàn không nằm ngủ chung với nhau.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 46

Phẩm 47: NHÂN DUYÊN CỦA ĐẠI CA-DIẾP (Phần 2)

Vào một hôm, chính lúc nàng Bạt-đà-la đang nằm ngủ, còn chồng của nàng thì đứng dậy đi kinh hành. Ngay khi ấy có con hắc xà sắp bò ngang qua mà nàng đang ngủ say, có một cánh tay thòng khỏi thành giường, Tất-bát-la-da-na thấy rắn nọ bò gần đến cánh tay nàng, trong tâm nghĩ: "Sợ rắn độc cắn vào tay nàng", nên Tất-bát-la-da-na liền dùng áo bao lấy tay mình, rồi cầm cánh tay nàng Bạt-đà-la đặt lên giường. Do vì xúc chạm vào cánh tay nên nàng Bạt-đà-la liền thức dậy, lo sợ, buồn rầu, tâm sinh ngờ vực chẳng vui, liền thưa hỏi Tất-bát-la-da-na:

–Thưa thánh tử hiền thiện, lúc trước nhân giả nói với tôi lời thề kiên cố: "Ý ta không muốn thọ hưởng ngũ dục, chỉ mong tu phạm hạnh." Vì cớ sao hôm nay thánh tử lại móng tâm như vậy?

Tất-bát-la-da-na đáp:

–Đúng như vậy! Tâm tôi không muốn ái dục.

Bạt-đà-la lại hỏi:

–Nếu thánh tử không muốn ái dục, tại sao hôm nay lại nắm tay tôi?

Lúc ấy Tất-bát-la-da-na cứ như sự thật thuật lại:

–Lúc nãy có một con hắc xà bò ngang qua đây. Ta thấy tay nàng thòng xuống dưới giường. Khi ấy tâm ta sợ rắn phun nọc độc cắn tay nàng nên dùng áo bao lấy bàn tay ta, rồi mới nắm tay nàng để trên giường. Thật sự không cố ý va chạm.

Cứ như vậy, hai người thay nhau ngủ và đi kinh hành. Trải qua mười hai năm ở trong một phòng, ngủ chung một giường mà không xúc chạm nhau. Sau một thời gian, cha mẹ Tất-bát-la-da-na qua đời. Vì gia nghiệp to lớn, lại phải đứng ra điều hành, Tất-bát-la-da-na đích thân trông coi việc bên ngoài ruộng vườn..., còn nàng Bạt-đà-la trông coi tất cả tài sản, công việc trong nhà.

Vào một hôm, Tất-bát-la-da-na bảo Bạt-đà-la:

–Này nhân giả hiền thiện, nàng hãy bảo người phục dịch ép mè đen, ta nay muốn lấy dầu cho bò uống.

Nàng Bạt-đà-la liền thưa:

–Y như đồng tử dạy, chẳng dám trái lời.

Nàng nghe bảo như vậy, liền kêu các bà phục dịch và bảo họ:

–Này các chị em, nên mau mau ép mè đen lấy dầu, vì thánh tử muốn đem dầu này cho bò uống.

Khi các bà phục dịch nghe nàng Bạt-đà-la dạy lời như vậy, liền đem mè đen phơi nắng, họ thấy trong mè có trăm ngàn sâu lúc nhúc. Thấy vậy họ bàn luận với nhau:

–Chúng ta sẽ bị vô lượng tội.

Hoặc có người bảo:

–Ta biết ngày nay chúng ta đâu có tội gì. Tội lỗi này là do Bạt-đà-la, vì người sai ta làm việc ấy.

Nàng Bạt-đà-la khi nghe các bà phục dịch nói như vậy, nàng liền bảo các người phục dịch:

–Nếu biết có tội như vậy thì chị em chẳng nên ép dầu.

Khi ấy nàng sai người thâu cất mè đen, rồi trở vào phòng đóng cửa, ngồi gục đầu yên lặng, trong tâm buồn bã chẳng an. Khi Tất-bát-la-da-na đi kiểm tra đồng ruộng, vì thấy cảnh chúng sinh nơi đồng nội chịu vô lượng các thứ khổ não, như thấy sự cực nhọc của bò cày, bị nông dân đuổi mãi cho không tạm nghỉ. Thấy vậy, tâm sinh khổ não, cúi đầu làm thinh suy nghĩ thế này: "Ôi thôi! Tất cả chúng sinh chịu khổ não như vậy!

Rồi Tất-bát-la-da-na trở về nhà, trong tâm rất ưu sầu, dung mạo buồn bã, ngồi cúi đầu suy nghĩ. Nàng Bạt-đà-la thấy chồng mình ngồi cúi đầu ưu sầu tư duy như vậy, liền đến bên cạnh thưa:

–Thưa thánh tử, vì cớ gì hôm nay người ngồi cúi đầu, trong tâm ưu sầu không vui như vậy? Hay là nay nhân giả nghĩ: "Ta bảo Bạt-đà-la cho người ép dầu mà nàng chẳng nghe lời ta cho người ép dầu." Do đó nên tâm thánh tử chẳng vui chăng?

Tất-bát-la-da-na nói:

–Này nhân giả hiền thiện, ta nay chẳng phải vì lý do đó mà ngồi cúi đầu trong tâm chẳng vui. Này thiện nữ, vào sớm mai này, ta từ nhà ra đi, kiểm tra sự canh tác, thấy các chúng sinh đi đứng qua lại chịu các khổ não không ngừng. Lại thấy những con bò cày chẳng từng tạm nghỉ. Ta thấy vậy

rồi suy nghĩ thế này: "Ôi thôi! Ôi thôi! Tất cả chúng sinh chịu tất cả khổ não." Do vậy, ta ngồi cúi đầu, trong tâm chẳng vui.

Khi ấy nàng Bạt-đà-la thưa với chồng:

–Thưa thánh tử thiện nhân, tôi nay cũng thấy việc rất đau khổ như vậy.

Người chồng hỏi:

–Này nhân giả hiền thiện, nàng thấy sự đau khổ gì?

Người vợ Bạt-đà-la theo thứ lớp trình bày nhân duyên như trên. Tất-bát-la-da-na mới nói với nàng Bạt-đà-la:

–Này nhân giả hiền thiện, ở tại gia khó tu phạm hạnh thanh tịnh, khó thoát khỏi khuyết điểm sai lầm tổn hại sinh linh, trọn đời không thể chấm dứt. Chi bằng một mình một bóng tu phạm hạnh mới được vừa lòng.

Nàng Bạt-đà-la thưa:

–Bạch thánh tử, rõ ràng như vậy. Hai chúng ta phải xả tục xuất gia.

Tất-bát-la-da-na liền nói với Bạt-đà-la:

–Này nhân giả hiền thiện, nàng nay nên ở tại nhà để ta đi tìm thầy. Nếu tìm được rồi sẽ báo tin cho nàng biết, nàng sẽ xả tục xuất gia sau.

Tất-bát-la-da-na liền kêu tất cả người phục dịch nam nữ trong nhà và bảo họ:

–Này tất cả các người, tiền của và những gì ta hiện có như lúa, gạo... đều thuộc quyền sở hữu của các người, ta nay đều buông bỏ, muốn xuất gia tu phạm hạnh, nhàm chán nó.

Rồi Tất-bát-la-da-na lấy chiếc áo nỉ màu trắng vô giá của mình làm thành y Tăng-già-lê và nhờ người xuống tóc. Khi xuống tóc, ông ta nói thế này:

–Ở thế gian có thể có vị Đại A-la-hán xuất gia. Ta nay theo vị ấy mà tu học.

Bấy giờ ở thế gian chưa có A-la-hán xuất gia, chỉ trừ Đức Thế Tôn Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vào một buổi sáng ngày kia, mặt trời vừa ló dạng, Đức Thế Tôn chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chính lúc ấy đêm hôm trước đã qua, mặt trời vừa xuất hiện, Tất-bát-la-da-na tìm lối xuất gia.

Tất-bát-la-da-na sinh trong dòng họ Đại Ca-diếp nên trong nhân gian gọi Tất-bát-la-da-na là Đại Ca-diếp. Sau khi xuất gia rồi, Đại Ca-diếp tuần tự vào trong các xóm làng, theo thứ lớp mà đi khất thực.

Một thuở nọ, Đại Ca-diếp theo thứ lớp du hành, đi đến nước Ma-già-đà, rồi đến làng Ma-già-đà, tiếp đến thôn Na-đồ-đà, thuộc thành Vương xá. Ở nơi đây Đại Ca-diếp bỗng nhiên thấy Đức Thế Tôn ở chỗ thờ thần kỳ, vị thần này tên là Đa Tử, ngồi sau Đức Thế Tôn. Thân hình Thế Tôn hết sức đoan chánh, giống như các vì sao tô điểm bầu trời ban đêm. Đại Ca-diếp thấy vậy, tâm liền thanh tịnh, không có nghi ngờ: "Ta, ngày hôm nay quyết định thấy được Giáo Sư. Ta, ngày hôm nay quyết định thấy Bậc Vô Thượng. Ta ngày hôm nay quyết định thấy Bậc Nhất Thiết Trí. Ta ngày hôm nay quyết định thấy được Thế Tôn Nhất Thiết Trí. Ta thấy được Thế Tôn. Ta thấy được Đấng Vô Ngại Tri Kiến. Ta thấy được Phật."

Tâm Đại Ca-diếp được thanh tịnh như vậy, luôn luôn chánh niệm không tán loạn, đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rồi ở trước Phật quỳ gối bên phải sát đất, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con là đệ tử Thanh văn của Ngài. Cúi xin Thế Tôn làm thầy con, con là đệ tử Thanh văn của Thế Tôn.

Nên luận giả có bài kệ:

Nơi cây Đa tử người thấy Phật
Giống như tượng vàng sáng chói lọi
Tâm người phát sinh Nhất thiết trí
Chắp tay hoan hỷ hướng Thế Tôn
Ở nơi rừng nọ lễ chân Phật
Chắp tay trước Phật bạch thế này:
Cúi xin Đức Phật làm thầy con
Giống như chỗ tối đèn soi sáng.

Lúc ấy Đức Phật bảo Đại Ca-diếp:

–Này Đại Ca-diếp, nếu có đệ tử Thanh văn nhất tâm chánh niệm như vậy rồi, xưng vị ấy là thầy mình, đem tâm cung kính cúng dường như vậy, mà vị Giáo sư không biết nói biết, không thấy nói thấy. Vị Giáo sư vì lời nói hư vọng, thọ sự tôn trọng cúng dường của người ta, thì đầu của vị Giáo sư đó sẽ vỡ làm bảy mảnh.

Này Đại Ca-diếp, nhưng Ta ngày nay thật biết nói biết, thật thấy nói thấy. Khi Ta vì các đệ tử Thanh văn giảng dạy các pháp, nói nhân duyên chẳng phải là không nhân duyên, không phải không khai giá, chẳng phải chỉ khai giá, cũng hiện thần thông chẳng phải chỉ hiện thần thông, cũng có khai giá chẳng phải không khai giá.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp, ở lúc ấy Ta nói nhân duyên... cũng có khai giá chẳng phải không có khai giá. Theo giáo pháp của Ta giảng dạy nên

vâng giữ thực hành, không được trái phạm. Nếu người nào tùy thuận lời nói của Ta thì đời vị lai ở trong đêm dài được sự lợi ích hết sức an lạc.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp, ông nên như vậy tu học. Này Đại Ca-diếp, nếu ông muốn tu học hạnh như vậy, đối với các bậc phạm hạnh thượng, trung và hạ nên sinh tâm kính trọng, tàm quý. Này Đại Ca-diếp, ông nên học như vậy.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp, ông ở lúc ấy luôn luôn khởi chánh niệm, không được tạm thời gián đoạn. Này Đại Ca-diếp, đối với việc này ông lại cần phải tu tập.

Lại nữa, này Đại Ca-diếp, ông ở lúc ấy nên quán tướng sinh diệt trong thân ngũ ấm, nghĩa là: "Đây là sắc, đây là sắc sinh, đây là sắc diệt, đây là thọ, đây là tưởng, đây là hành, đây là thức. đây là thức sinh, đây là thức diệt." Này Đại Ca-diếp, ông nên đối với ngũ ấm đó mà tu tập.

Trưởng lão Đại Ca-diếp được Đức Phật chỉ dạy như vậy, đối với thân ngũ ấm sinh tâm bất tịnh, thường đi khất thực mà sống, trải qua bảy ngày cho đến tám ngày, y như pháp tu hành, được sinh trí tuệ.

Sau khi Đức Thế Tôn dạy cho Đại Ca-diếp như vậy rồi, từ tòa đứng dậy ra đi. Trưởng lão Đại Ca-diếp theo hầu Thế Tôn. Khi ấy Đức Thế Tôn đi chưa được bao lâu, Ngài ghé lại dưới gốc cây bên đường. Lúc đó Trưởng lão Đại Ca-diếp lấy y Tăng-già-lê của mình gấp làm bốn lớp đặt trên đất rồi thưa với Thế Tôn:

–Bạch Đức Thế Tôn, con vì Ngài mà trải tòa này. Cúi xin Thế Tôn thương xót con, ngồi trên ấy.

Đại Ca-diếp nói lời như vậy rồi, Đức Thế Tôn ngồi trên tòa của Đại Ca-diếp. Sau khi an tọa xong, Đức Phật bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Này Đại Ca-diếp, y Tăng-già-lê này mềm mại, hết sức vi diệu tối thắng.

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Đức Thế Tôn:

–Thưa Thế Tôn, hay thay! Hay thay! Ngày nay do Thế Tôn thương xót con mà thọ dụng tòa này.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Đại Ca-diếp:

–Này Đại Ca-diếp, ông nay có thể thọ trì chiếc y phấn tảo của Ta đang mặc hay không?

Trưởng lão Đại Ca-diếp bạch Đức Phật:

–Dạ vâng, thưa Thế Tôn, con nay có thể thọ trì y phấn tảo của Như Lai đang mặc.

Đức Thế Tôn khi ấy liền trao cho Trưởng lão Đại Ca-diếp chiếc y phấn tảo thô xấu của mình, Thế Tôn lại nhận lấy chiếc y tốt đẹp của Đại Ca-diếp. Trong thế gian có nghi vấn: Có thể Thế Tôn vì thương xót chúng sinh, thể hiện lòng phước đức đại lợi ích nên Ngài trước đã xả bỏ thế lực giàu sang mà mặc y phấn tảo, nhưng nay đổi lấy y tốt của Đại Ca-diếp. Điều nghi đó phải nên được giải thích như sau: Chỉ có Đại Ca-diếp là đệ tử Thanh văn có khả năng nhận lãnh y phấn tảo của Như Lai, vì từ khi Trưởng lão Đại Ca-diếp chứng quả A-la-hán cho đến trọn đời, Trưởng lão Đại Ca-diếp không bỏ ý tưởng khổ hạnh. Do vậy, Đức Thế Tôn mới thọ ký: "Này các Tỳ-kheo, nếu muốn biết đệ tử Thanh văn của ta thiểu dục tri túc, tu hạnh đầu đà một cách đầy đủ, đó là Tỳ-kheo Trưởng lão Đại Ca-diếp này vậy."

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại rừng cây Kỳ-đà, vườn Cấp cô độc, thuộc thành Xá-vệ. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, Ta ở trong quá khứ lìa các pháp ác dục bất thiện, có giác, có quán, được ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ thiền. Lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như Ta, xa lìa các pháp ác dục bất thiện, có giác, có quán, được ly sinh hỷ lạc nhập vào Sơ thiền. Khi Ta diệt các giác quán, trong tâm thanh tịnh, định tại một chỗ, không giác, không quán, được định sinh hỷ lạc nhập vào Thiền thứ hai thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, diệt giác, diệt quán... nhập vào Thiền thứ hai.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta ly hỷ, hành xả, nhớ nghĩ chánh trí, thọ cái vui nơi thân, là điều Hiền thánh khen ngợi, đã xả bỏ các việc, trụ trong an lạc, nhập vào Thiền thứ ba, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, ly hỷ, hành xả, nhớ nghĩ chánh trí, thọ cái vui nơi thân, là điều Hiền thánh khen ngợi, xả bỏ các việc rồi, trụ trong an lạc, nhập vào Thiền thứ ba.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta muốn đoạn các khổ, dứt bỏ các vui, trước tiên diệt ưu hỷ, không còn khổ, không còn vui, được xả niệm thanh tịnh, nhập vào Thiền thứ tư, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, dứt khổ dứt vui, trước tiên diệt ưu hỷ, không còn khổ, không còn vui, được xả niệm thanh tịnh nhập vào Thiền thứ tư.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta đang vận dụng tâm từ biến khắp một phương, an trú trong định. Phương thứ nhất, phương thứ hai, phương thứ ba, cho đến phương thứ tư cũng vậy, phương trên phương dưới cũng vậy. Đối với tất cả xứ, tất cả thế gian Ta dùng tâm từ biến mãn cùng khắp, an trú trong định, rộng lớn vô lượng, không có oán hận, không sinh độc hại,

thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy... không có oán hận, không có tâm độc hại, buồn vui.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta dùng tâm xả biến mãn một phương, an trụ trong định. Phương thứ nhất, phương thứ hai, phương thứ ba, cho đến phương thứ tư cũng như vậy, phương trên phương dưới cũng như vậy. Đối với tất cả xứ, tất cả thế gian, Ta dùng tâm xả biến cùng khắp, an trú trong định, rộng lớn vô lượng, không có oán hận, không sinh độc hại, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy... không sinh độc hại.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tất cả tướng đối hiện, không nghĩ, không tưởng đến tất cả các tướng khác nhau, nghĩ đến chỗ Hư không vô biên, liền chứng vào định Không vô biên xứ, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, vượt qua tất cả sắc tướng... nhập vào định Không vô biên xứ.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta ở cảnh giới Hư không vô biên, tưởng đến cảnh giới Thức vô biên, liền nhập vào định Thức vô biên xứ, thì lúc đó Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy... nhập vào định Thức vô biên xứ.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta vượt qua tất cả thức tướng, tưởng đến tướng vô sở hữu, liền nhập vào định Vô sở hữu xứ, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy... nhập vào định Vô sở hữu xứ.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta vượt qua tất cả tướng vô sở hữu, nhập vào định Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy... liền nhập vào định Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta vượt qua định Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta nhập vào tám định giải thoát nghịch thuận, xuất nhập, nhập rồi lại xuất, xuất rồi lại nhập, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy... nhập rồi lại xuất, xuất rồi lại nhập.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta nhập vào tám thắng xứ nghịch-thuận, nhập-xuất, nhập rồi lại xuất, xuất rồi lại nhập, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy... nhập rồi lại xuất, xuất rồi lại nhập.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta nhập vào mười một xứ, nhập rồi lại xuất, xuất rồi lại nhập, thì Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy... nhập rồi lại xuất, xuất rồi lại nhập.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta du hý tất cả cảnh giới thần thông, nghĩa là một thân hiện ra nhiều thân, hợp nhiều thân thành một thân, từ ngoài vào trong, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, xuyên qua núi non vách đá không ngăn ngại, ra vào trong đất không khác trong nước. Mặt

trời, mặt trăng có đại oai đức, có đại thần lực mà Ta có thể dùng tay nắm lấy, giống như lửa cháy nóng liền tắt, thân được tự tại bay đến cõi Phạm thiên.

Này các Tỳ-kheo, khi ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, cũng du hý tất cả cảnh giới thần thông, có thể dùng một thân phân ra nhiều thân, lại nhiều thân hợp thành một thân... thân được tự tại bay đến cõi Phạm thiên.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta dùng nhĩ căn thanh tịnh của chư Thiên hơn nhĩ căn của loài người, nghe được các loại tiếng, hoặc tiếng chư Thiên, hoặc tiếng nhân loại... tất cả đều nghe được rõ ràng, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, lại cũng dùng nhĩ căn thanh tịnh của chư Thiên hơn nhĩ căn của nhân loại... nghe tất cả tiếng đều được rõ ràng.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta dùng Tha tâm trí biết tất cả tâm niệm của chúng sinh, tức biết thật có tâm niệm như vậy. Nếu có tâm nguyện tức biết thật có tâm nguyện như vậy. Nếu không có tâm nguyện, tức biết thật không có tâm nguyện như vậy. Nếu có tâm sân, tức biết thật có tâm sân như vậy. Nếu không có tâm sân, tức biết thật không có tâm sân như vậy. Nếu có tâm si, tức biết thật có tâm si như vậy. Nếu không có tâm si, tức biết thật không có tâm si như vậy. Nếu có tâm ái, tức biết thật có tâm ái như vậy. Nếu không có tâm ái tức biết thật không có tâm ái như vậy. Nếu có tâm hữu vi, tức biết thật có tâm hữu vi như vậy. Nếu có tâm vô vi, tức biết thật có tâm vô vi như vậy. Tâm hẹp hòi hay khoan dung, tâm rộng rãi hay keo kiết, tâm loạn động hay không loạn động, tâm vô lượng hay tâm vô biên, có tâm tăng thượng hay không có tâm tăng thượng, tâm nhập định hay tâm không nhập định, tâm trụ trong định hay không trụ trong định, tâm giải thoát hay tâm không giải thoát... đều biết một cách như thật, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, cũng có Tha tâm trí biết tất cả tâm niệm của chúng sinh, tức biết thật tâm niệm như vậy. Nếu có tâm nguyện hay không tâm nguyện... biết thật tâm giải thoát hay không giải thoát như vậy.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta nhớ tất cả việc trong đời quá khứ hoặc một đời, hoặc hai đời, hoặc ba đời, hoặc bốn đời, hoặc năm đời, hoặc mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, hoặc một trăm đời, hoặc một ngàn đời, hoặc trụ trong một kiếp, hoại rồi trụ, trụ rồi hoại. Hoặc biết vô lượng kiếp hoại, thành rồi hoại, hoại rồi thành. Ta ở trong các kiếp ấy tên tuổi như vậy, dòng họ như vậy, đời sống như vậy, ăn uống như vậy, vui như vậy, khổ như vậy, hưởng thụ như vậy, tuổi thọ bao nhiêu. Ta chết ở xứ kia, sinh đến xứ này. Ta chết xứ này sinh đến xứ kia, hình dáng

như vậy, tướng mạo như vậy, tất cả đời sống trong quá khứ Ta đều nhớ biết, thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, cũng dùng con mắt thanh tịnh hơn chư Thiên và nhân loại thấy sự việc trong đời quá khứ; hoặc một đời... tướng mạo hình dạng như vậy, tất cả đời sống trong quá khứ đều nhớ biết.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta dùng Thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn con mắt chư Thiên và nhân loại, Ta thấy tất cả chúng sinh chết ở chỗ kia sinh ra ở chỗ này, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc sinh thiện đạo, hoặc sinh ác đạo, tùy theo nghiệp báo của chúng sinh, cho đến thật biết các chúng sinh này hoặc thân làm đủ việc ác, miệng nói đủ điều ác và hủy báng Hiền thánh, tà kiến điên đảo. Do các nhân duyên tạo nghiệp này thành thục, thân hoại mạng chung đọa trong ác đạo. Hoặc có các chúng sinh thân làm đủ việc lành, miệng nói đủ lời lành, ý nghĩ đủ điều lành, không hủy báng Hiền thánh. Do nhân duyên tạo nghiệp chánh kiến, thân hoại mạng chung sinh trong thiện đạo. Những việc như vậy do dùng Thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn con mắt của chư Thiên và nhân loại, thấy chúng sinh chết ở chỗ kia, sinh ra ở chỗ này, hoặc thù thắng hoặc hạ liệt, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc thiện đạo hoặc ác đạo, theo nghiệp thọ báo, tất cả đều biết rõ ràng. Thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, thật biết như vậy, thật thấy như vậy.

Này các Tỳ-kheo, khi Ta các lậu đã dứt sạch, ở trong vô lậu tâm được giải thoát, tuệ được giải thoát, hiện ở trong các pháp thần thông tự tại, được chứng an lạc, xướng lên thế này: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân đời sau", thì lúc ấy Tỳ-kheo Đại Ca-diếp cũng lại như vậy, đã dứt sạch các lậu hoặc... việc làm đã xong, không còn thọ thân đời sau."

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, Trưởng lão Ca-diếp nay sinh trong gia đình giàu sang, đầy đủ của cải... việc làm đã xong, thân tướng đoan nghiêm, mọi người thích trông ngắm, thế gian không ai sánh bằng, hình dung tốt đẹp, vượt trên mọi người, sắc thân như vàng ròng, là do thuở xưa tạo nghiệp gì? Lại được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán, rồi được Phật thọ ký: "Trong hàng Tỳ-kheo, người thiểu dục tri túc, khổ hạnh bậc nhất là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp", là do tạo nghiệp nhân gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật như vậy rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ vào thời quá khứ có một vị Bích-chi-phật tên là Đa-già-la-thi-khí, luôn luôn ở tại thành Ba-la-nại, gặp lúc nạn đói, lúa gạo đắt đỏ, dân chúng chết đói, xương trắng ngổn ngang, người xuất gia ra đi khất thực khó

khăn. Lúc bấy giờ vị Bích-chi-phật vào một buổi mai, khi mặt trời phương Đông vừa ló dạng, đắp y mang bình bát vào thành Ba-la-nại theo thứ lớp khất thực, không ai cúng dường, mang bát không trở về như khi mới ra đi.

Lúc ấy trong thành Ba-la-nại có một người gia đình nghèo khổ, nhưng có để dành chút ít thực phẩm. Người nghèo khổ này thấy vị Bích-chi-phật Đa-già-la-thi-khí lần lần tiến bước, oai nghi chững chạc, chăm chú nhìn xuống đất mà đi, tới lui đúng pháp, ung dung tiến tới, đầy đủ oai nghi, tâm ý chánh niệm. Người nghèo khổ thấy Bích-chi-phật, tâm được thanh tịnh, lần đến bên Bích-chi-phật mà bạch:

–Lành thay! Thưa Đại tiên, Ngài ở trong thành này khất thực có được vật thực không?

Tôn giả đáp:

–Cám ơn nhân giả, tôi ở trong thành khất thực không được gì.

Người nghèo khổ bạch Bích-chi-phật:

–Lành thay! Thưa Đại tiên, xin mời Ngài về nhà tôi.

Lúc đó, trong nhà người ấy chỉ có một thăng gạo đã nấu thành cơm. Người ấy liền đưa vị Bích-chi-phật về nhà, trải tòa mời ngồi rồi dâng cơm.

Phương pháp thông thường của các vị Bích-chi-phật là dùng sức thần thông giáo hóa chúng sinh, không dùng các pháp khác. Vị Bích-chi-phật sau khi thọ thực nơi nhà này xong, vì thương xót người nghèo khổ nên bay lên hư không mà đi.

Người nghèo khổ thấy Tôn giả Bích-chi-phật bay đi trên hư không, vui mừng hớn hở tràn ngập châu thân, chắp tay trên đầu, cung kính đảnh lễ sát đất, phát lời thệ nguyện: "Nguyện đời tương lai tôi gặp được vị Thánh nhân Bích-chi-phật như vậy, hoặc giả hơn thế nữa. Nếu vị Thánh nhân đó có nói pháp yếu, tôi nguyện được nghe và thọ trì, mau được giải ngộ. Lại nguyện đời đời kiếp kiếp không đọa vào các đường ác."

Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết, người nghèo khổ ở thành Ba-la-nại mời vị Bích-chi-phật Đa-già-la về nhà cúng dường thức ăn, đó là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp vậy. Người nghèo khổ lúc ấy dành dụm được một ít thực phẩm, vì nhân duyên hảo tâm cúng dường vị Bích-chi-phật Đa-già-la một bữa ăn mà được phước báo ngàn lần sinh vào châu Uất-đơn-việt, trải qua vô lượng đời thường sinh trong dòng đại tánh Sát-lợi, dòng Bà-la-môn hay đại gia cư sĩ.

Do nhờ sức nhân duyên nghiệp báo ấy nên vào thời kỳ Đức Phật Ca-diếp ra đời, được làm con vua Ngật-lợi-thi, nước Ca-thi. Con vua

Ngật-lợi-thi, nước Ca-thi cúng dường tôn trọng Đức Như Lai Ca-diếp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau đó Đức Phật Ca-diếp xả báo thân, nhập vào Niết-bàn, vua nước Ca-thi xây tháp bằng bảy báu thờ xá-lợi. Bảy báu đó là vàng, bạc, pha lê, lưu ly, hổ phách, mã não, xa cừ. Dùng bảy báu trang hoàng bên trong, còn bên ngoài dùng thềm đá bao quanh bảo tháp. Bảo tháp trang nghiêm cao đến một do-tuần, rộng nửa do-tuần. Vương tử tên là Xa-bà-lăng-già *(nhà Tùy dịch là Phan Duyên)* làm chiếc lọng bằng bảy báu che phủ trên tháp.

Lại có thuyết cho rằng vương tử xây tháp làm tám phần, cúng dường đồ ăn uống, y phục, giày dép cho Tỳ-kheo Tăng. Cúng rồi, lại phát nguyện: "Nguyện đời tương lai gặp được Thánh nhân như thế này. Giáo pháp mà vị này nói ra, tôi liền tỏ ngộ." Lại nguyện: "Chẳng sinh trong các ác đạo. Hễ sinh ở đâu, thân sắc cũng được màu vàng." Nguyện như vậy rồi lại xin cha mẹ đi xuất gia, cha mẹ không đồng ý. Sau khi cha mẹ qua đời mới xuất gia. Xuất gia rồi, tụng đọc kinh điển, thiền định thuần thục. Sau khi mạng chung, nhiều kiếp sinh trong cõi nhân thiên, vô lượng kiếp trải qua như vậy. Báo thân sau cùng, tức là ngày nay, sinh vào nhà Bà-la-môn Ni-câu-đà-yết-ba, một gia đình cự phú, rất nhiều của cải, cho đến mọi phương tiện không thiếu một thứ gì.

Rồi sau đó, Đại Ca-diếp làm một chiếc lọng bằng bảy báu che trên tháp xá-lợi của Phật Ca-diếp, do sức nhân duyên tôn trọng cúng dường nên được sắc thân màu vàng. Lúc ấy lại nguyện: "Nguyện tôi chẳng sinh vào ác đạo." Nhớ sức nhân duyên nghiệp báo này mà từ đó đến nay chẳng đọa ác đạo, thường sinh vào chốn nhân thiên hưởng thụ sự vui sướng vô lượng vô biên.

Nhưng Đại Ca-diếp lúc ấy lại nguyện: "Nguyện đời sau con được gặp Thánh nhân như vậy. Sau khi gặp vị ấy rồi, vị ấy chớ bỏ con. Hoặc gặp vị Thánh nhân hơn vị này, nếu Thánh nhân này có thuyết pháp, con nghe rồi liền giải ngộ." Do sức nghiệp báo nhân duyên như vậy, nên nay gặp được Ta giáo hóa, liền được xuất gia, thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán và Ta thọ ký: "Trong hàng Tỳ-kheo, người thiểu dục tri túc tức Thượng tọa Tỳ-kheo Đại Ca-diếp này vậy."

Này các Tỳ-kheo, vị Đại Ca-diếp này do sức nhân duyên nghiệp báo tạo công đức đời trước nên nay sinh trong nhà Bà-la-môn cự phú... không thiếu một thứ gì, thân tướng đoan trang, hết sức đẹp đẽ, dung nhan như pho tượng vàng, lại được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán, cho nên

Ta thọ ký: "Người thiểu dục tri túc, tu khổ hạnh bậc nhất là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp."

Trải qua thời gian khá lâu, có một hôm Đức Thế Tôn bảo Đại Ca-diếp:

–Này Đại Ca-diếp, thời niên thiếu đã qua lâu rồi, giờ này tuổi đã quá già mà ông đắp lấy chiếc y phấn tảo bằng vải gai thô xấu, nên bỏ chiếc y ấy đi. Nay nên lấy chiếc y hết sức tốt đẹp của Ta mà đắp. Này Ca-diếp, từ trước đến giờ ông mặc như vậy, nay Ta có vải mềm mỏng của trưởng giả cúng, ông nên lấy dao cắt may thành y mà mặc, nên thường ở bên Ta nhận lời thỉnh của trai chủ, chẳng được xa Ta.

Đại Ca-diếp nghe Đức Phật dạy như vậy liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con suốt cuộc đời sống nơi yên tĩnh và cũng thường ca ngợi pháp yên tĩnh. Con suốt đời đi khất thực tự sống, cũng lại ca ngợi công đức khất thực. Con suốt đời đắp y phấn tảo, cũng lại ca ngợi công đức đắp y phấn tảo. Con suốt đời không ăn phi thời, cũng lại ca ngợi pháp không ăn phi thời. Con suốt đời ngày ăn một bữa, cũng lại ca ngợi pháp ăn một bữa. Con suốt đời chỉ thọ một loại đoàn thực và tiết chế sự ăn uống, cũng lại ca ngợi pháp thọ một loại đoàn thực và tiết chế sự ăn uống. Con suốt đời sống ở gò mả, cũng lại ca ngợi pháp sống ở gò mả. Con suốt đời sống ngoài trời, cũng lại ca ngợi pháp sống ngoài trời. Con suốt đời sống dưới gốc cây, cũng lại ca ngợi pháp sống dưới gốc cây. Con suốt đời giữ pháp đi kinh hành, cũng lại ca ngợi pháp đi kinh hành. Con suốt đời thường ngồi không nằm, cũng lại ca ngợi pháp thường ngồi không nằm. Con suốt đời chỉ chứa ba y, cũng lại ca ngợi pháp chứa ba y. Con suốt cuộc đời thiểu dục tri túc, cũng lại ca ngợi pháp thiểu dục tri túc. Con suốt cuộc đời thích chỗ vắng lặng, cũng lại ca ngợi pháp vắng lặng. Con suốt cuộc đời không thích nói lời vô ích, cũng lại ca ngợi pháp không thích nói lời vô ích. Con suốt đời tu hạnh tinh tấn, cũng lại ca ngợi pháp tinh tấn. Con suốt đời thành tựu chánh niệm, cũng lại ca ngợi pháp thành tựu chánh niệm. Con suốt đời thành tựu chánh định, cũng lại ca ngợi pháp thành tựu chánh định. Con suốt đời thành tựu trí tuệ, cũng lại ca ngợi pháp thành tựu trí tuệ. Con suốt đời nhập vào thiền định, cũng lại ca ngợi pháp nhập vào thiền định.

Đức Phật bảo Đại Ca-diếp:

–Này Đại Ca-diếp, ông thấy lợi ích gì mà suốt cuộc đời tự sống một mình nơi vắng lặng, cũng lại ca ngợi pháp sống một mình nơi vắng lặng... suốt cuộc đời nhập vào thiền định, cũng lại suốt đời ca ngợi pháp nhập vào thiền định?

Lúc ấy Đại Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Đức Thế Tôn, do vì con thấy suốt cuộc đời sống nơi yên tĩnh, lại cũng ca ngợi người sống nơi yên tĩnh... Suốt đời thường nhập định, lại cũng ca ngợi người thường nhập định, có hai lợi ích. Hai lợi ích đó là gì? Một là ngày nay con được pháp hạnh an lạc. Hai là sinh tâm thương xót chúng sinh đời sau. Mong rằng chúng sinh đời tương lai thấy đời sống của con rồi, họ học hạnh của con nên họ nói thế này: "Ở trong đời quá khứ có bậc kỳ túc Thượng tọa Tỳ-kheo Thanh văn suốt đời thích sống cảnh yên tĩnh và ca ngợi pháp sống cảnh yên tĩnh... thường nhập vào thiền định, lại cũng ca ngợi người thường nhập thiền định. Rồi họ nói: "Chúng ta làm sao học hạnh của vị ấy... tự nhập vào thiền định, lại cũng ca ngợi người thường nhập thiền định.'

Thưa Đức Thế Tôn, do con thấy hai lợi ích ấy nên suốt đời sống nơi yên tĩnh, lại cũng ca ngợi người sống nơi yên tĩnh... thường nhập vào thiền định, lại cũng ca ngợi người thường nhập vào thiền định.

Đức Phật nói với Đại Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này Đại Ca-diếp, người vì chúng sinh đời vị lai làm điều đại lợi ích, đại an lạc, làm điều đại an ổn cho chư Thiên, nhân loại. Do vây, ngày nay tùy ý thích, người sống nơi yên tĩnh, người tùy thời muốn gặp Như Lai thì cứ đến gặp.

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, Trưởng lão Đại Ca-diếp vì lý do gì làm cho nhiều chúng sinh được lợi ích lớn?

Sau khi các Tỳ-kheo hỏi như vậy rồi, Đức Phật bảo các thầy:

–Này các Tỳ-kheo, vị Đại Ca-diếp này chẳng chỉ một đời này khiến nhiều chúng sinh được lợi ích lớn, mà ở trong quá khứ cũng vì chúng sinh tạo nhiều điều lợi ích lớn.

Các vị Tỳ-kheo bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn nói về nhân duyên ấy.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, Ta nhớ trong thời quá khứ, Đại Ca-diếp này đã từng làm vua trời Đế Thích, trong thời ấy không có Đức Phật ra đời, cũng không có Bích-chi-phật xuất hiện. Tất cả con người ở trong nhân đạo sau khi mạng chung, xả bỏ thân người, phần nhiều đọa vào ác đạo, ít kẻ được sinh vào nhân gian hay Thiên giới. Cũng vậy, chư Thiên các cõi trời Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa tự tại và Phạm thiên, sau khi họ xả

bỏ thân chư Thiên rồi, phần nhiều sinh vào ác đạo, ít kẻ sinh vào cõi trời hay nhân gian. Lúc ấy cõi trời và nhân gian phần nhiều trống vắng.



KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 47

Phẩm 47: NHÂN DUYÊN ĐẠI CA-DIẾP (Phần 3)

Bấy giờ vua trời Đế Thích suy nghĩ: "Ta ngày nay cũng nên xuống cõi Diêm-phù-đề, thọ sinh trong nhân gian để răn dạy, giáo hóa chúng sinh ở nơi đây được thành tựu." Suy nghĩ như vậy rồi, Đế Thích gọi Tứ Thiên vương đến bảo: "Ta muốn cùng các khanh xuống nhân gian để giáo hóa, răn dạy chúng sinh. Lúc ấy ta hiện hình sư tử chúa, còn các khanh biến thành bầy sư tử thường theo hộ vệ, đem theo nhiều quyến thuộc hầu hạ chung quanh. Sau khi hiện thân rồi chúng ta cùng nhau du hành trong thôn xá, thành ấp, xóm làng. Khi chúng ta du hành, nếu dân chúng nơi đó có hỏi các khanh: "Ngày nay chúng tôi nên thường đem vật gì dâng cho các ông?", thì các khanh nên bảo dân chúng: "Dâng riêng cho sư tử chúa này một trăm người." Nếu họ lại hỏi các khanh: "Cần người lớn hay trẻ con? Cần con trai hay con gái?" Các khanh nên đáp: "Nếu có những kẻ hay sát sinh thì mỗi ngày nên nạp một trăm người như vậy cho sư tử chúa này ăn thịt. Hoặc những kẻ trộm cắp, hoặc những kẻ tà dâm, hoặc những kẻ nói dối, hoặc những kẻ nói hai lưỡi, hoặc những kẻ nói lời thô ác, hoặc những kẻ nói lời thêu dệt, hoặc những kẻ hay tham lam, hoặc những kẻ hay sân hận, hoặc những kẻ tà kiến, thì mỗi ngày cần phải nạp cho sư tử chúa này một trăm người ác như vậy. Còn nếu hạng người không sát sinh thì các ngươi không nên cung cấp, vì Sư tử chúa không ăn thịt hạng người này. Như vậy cho đến các người không trộm cắp..., không tà kiến thì các ngươi chớ nạp, vì sư tử chúa không ăn thịt hạng người như vậy." Rồi nên dạy họ mỗi gia đình cần phải có một người xuất gia."

Khi trời Đế Thích và Tứ Thiên vương suy tính phương pháp khéo giáo dục như vậy rồi, liền giáng xuống cõi Diêm-phù-đề. Lúc ấy Đế Thích biến thành con sư tử cao lớn một câu-lô-xá, giống như sư tử thật không khác. Có những người ở sau sư tử chúa, bị sư tử chúa đòi ăn thịt nên đi theo. Mọi việc y theo lời chỉ dẫn của Đế Thích lúc trước.

Lúc ấy dân chúng vì sợ sư tử, nên hối cải không còn sát sinh, không còn trộm cắp, cũng không còn tà dâm cho đến không còn tà kiến. Họ đều tu thiện nghiệp một cách đầy đủ, mỗi gia đình đều có một người xuất gia học đạo, tu bốn phạm hạnh, sau khi qua đời sinh lên cung Phạm thiên. Trong số người này, nếu những ai chỉ tu thập thiện mà không xuất gia, phần nhiều được sinh trong cõi trời và người.

Lúc ấy Đại Ca-diếp dùng phương tiện như vậy đi khắp đó đây, vì chúng sinh mà làm điều lợi ích lớn. Do vì sức nhân duyên kiếp quá khứ, ngày nay cũng như vậy, nghĩa là Đại Ca-diếp vì chúng sinh mà làm điều đại lợi ích.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Đại Ca-diếp này sẽ ở trong pháp hội của Đức Thế Tôn Di-lặc đời vị lai cũng vì chúng sinh làm điều lợi ích lớn.

Các vị Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, ngài Đại Ca-diếp ở vào đời Đức Phật Di-lặc sẽ làm điều lợi ích gì?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, vị Đại Ca-diếp này, sau khi Ta nhập Niết-bàn rồi, giữ gìn giáo pháp và giới luật của Ta khiến được tồn tại lâu dài ở thế gian. Suốt đời, tổ chức pháp hội, đến khi lâm chung đi vào trong núi, dùng sức thần thông duy trì thân này và phát nguyện: "Nguyện khi thân này của ta chớ hư hoại, cho đến khi Đức Như Lai Di-lặc Thế Tôn Chánh Đẳng Chánh Giác ra đời thấy được thân ta." Phát nguyện rồi mới xả thân mạng, nhập vào Vô dư Niết-bàn. Sau khi vào Niết-bàn rồi, hai hòn núi hợp lại. Về sau, vào đời Đức Phật Di-lặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vị ấy sẽ xiển dương giáo pháp.

Lúc ấy Đức Thế Tôn Di-lặc nhớ đến xá-lợi của Đại Ca-diếp bảo các vị Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo, các thầy muốn thấy xá-lợi của ngài Đại Ca-diếp là đệ tử Thanh văn thiểu dục tri túc, tu hạnh đầu đà bậc nhất của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay không?"

Các vị Tỳ-kheo bạch Phật: "Bạch Thế Tôn, chúng con muốn thấy."

Đức Di-lặc Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác cùng với vô lượng ngàn người bao vây chung quanh, đồng đi đến núi nọ. Khi đến nơi, hai hòn núi tự nhiên mở ra. Đức Di-lặc Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác thấy xá-lợi Tỳ-kheo Đại Ca-diếp còn nguyên vẹn, còn mặc y Tăng-già-lê. Thấy vậy, Ngài liền bảo các Tỳ-kheo: "Đây là đệ tử Thanh văn tu hạnh đầu đà bậc nhất của Đức Phật Thích-ca Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác, tên là Đại Ca-diếp, chính là người này."

Bấy giờ tại chỗ ấy, Đức Di-lặc Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác vì các Tỳ-kheo mà nói pháp: "Này các Tỳ-kheo, hạnh tu của Tỳ-kheo Đại Ca-diếp là như vậy. Ta cũng dạy pháp ấy. Các thầy nên học hạnh Tỳ-kheo Đại Ca-diếp."

Bấy giờ ở trong chúng có hàng ngàn Tỳ-kheo nương giáo pháp này tu hành, giống như Tỳ-kheo Đại Ca-diếp đã tu. Trong chúng có vô lượng ngàn Tỳ-kheo nhờ tu pháp ấy, chứng được pháp nhãn thanh tịnh.

Đức Phật Thích Ca bảo các Tỳ-kheo:

–Tuần tự như vậy, Tỳ-kheo Đại Ca-diếp sẽ làm điều lợi ích lớn cho chúng sinh đời vị lai. Này các Tỳ-kheo, Ta khuyên các thầy nên học theo hạnh Tỳ-kheo Đại Ca-diếp. Ta mong các thầy nên tu theo hạnh Tỳ-kheo Đại Ca-diếp.

□

Phẩm 48: NHÂN DUYÊN VỢ CHỒNG BẠT-ĐÀ-LA

Nói về nàng Bạt-đà-la do không tìm được Thiện sư nên theo ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca xuất gia học đạo. Nàng tu tập tinh cần, thành tựu pháp ngoại đạo, chứng được Thiền thứ tư, đủ năm phép thần thông. Do thành tựu oai lực nên danh tiếng đồn khắp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đã cho phép phái nữ xuất gia. Khi ấy Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng năm trăm người phụ nữ dòng họ Thích đều được xuất gia. Bà kiến lập chúng Tỳ-kheo-ni để phát huy Phật pháp.

Lúc ấy Trưởng lão Đại Ca-diếp suy nghĩ, nhớ lại: "Ta thuở trước ra đi xuất gia, có hứa với nàng Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da, nếu tìm được Thiện giáo sư, cần phải cho nàng biết để nàng được xuất gia học đạo." Rồi ngài lại nghĩ: "Hiện giờ nàng Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da ở đâu?" Trưởng lão nhập định tìm kiếm, dùng Thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt loài người, thấy nàng ta xuất gia tu học với ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca, đang hành đạo tại bờ sông Hằng. Đại Ca-diếp liền kêu Tỳ-kheo-ni đắc thần thông đến bảo:

–Hay thay! Này ni cô, nếu cô thấy hợp thời, hiện giờ Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da xuất gia tu học với ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca tại bờ sông Hằng. Hay thay! Này ni cô, cô nên đến đó nói rằng: "Hay thay! Này nữ tu sĩ, Đại Ca-diếp, chồng của chị cùng tôi xuất gia tu học một thầy. Chị cũng có thể đến đó cầu thầy ta xin xuất gia học đạo, tu tập phạm hạnh."

Lúc ấy vị Tỳ-kheo-ni đắc thần thông nghe Trưởng lão Đại Ca-diếp dạy như vậy, ví như lực sĩ duỗi cánh tay, trong khoảnh khắc vị Tỳ-kheo-ni như gió thổi mạnh, biến dạng ở thành Xá-vệ, liền hiện trước mặt nữ ngoại

đạo Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da, Ba-ly-bà-xà-ca, rồi lui đứng về một bên. Tỳ-kheo-ni liền vấn an nữ tu sĩ ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca. Vấn an xong, Tỳ-kheo-ni lại nói:

–Lành thay! Này nữ tu sĩ, chị nên biết, Đại Ca-diếp, chồng của chị cùng với tôi xuất gia tu tập phạm hạnh, học đạo đồng một thầy. Ngày nay chị cũng có thể đến gặp ngài, xin thầy tôi cho xuất gia học đạo, tu tập phạm hạnh, có được không?

Bấy giờ nữ tu sĩ Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da thuộc ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca, hỏi vị Tỳ-kheo-ni:

–Lành thay! Thưa ni cô, vị giáo sư của quý cô như thế nào?

Vị Tỳ-kheo-ni nghe hỏi như vậy, đáp lời nữ ngoại đạo Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da:

–Hay thay! Này nữ tu sĩ, vị Giáo sư của chúng tôi có ba mươi hai tướng trang nghiêm, đầy đủ tám mươi vẻ đẹp, mười tám pháp bất cộng của Phật, mười lực, bốn vô úy, đại từ đại bi, đầy đủ vô biên giới, đầy đủ vô biên định, đầy đủ vô biên trí tuệ, đầy đủ vô biên giải thoát, đầy đủ vô biên giải thoát tri kiến. Tất cả đệ tử Thanh văn của Đại sư chúng tôi cũng như vậy đầy đủ giới, đầy đủ định, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến.

Vị Tỳ-kheo-ni ở trước nữ tu sĩ Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da tán thán công đức của Phật và hàng đệ tử Thanh văn của Phật như vậy... như vậy...

Nữ ngoại đạo Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da nghe Tỳ-kheo-ni tán thán công đức của Đức Phật và hàng đệ tử Thanh văn, tâm được thanh tịnh. Sau khi tâm đã được thanh tịnh rồi, cô ta thưa với Tỳ-kheo-ni:

–Hay thay Tỳ-kheo-ni! Nếu đúng như vậy, tôi sẽ xin đi theo cô.

Tỳ-kheo-ni nói với nữ tu sĩ ngoại đạo Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da:

–Hay thay nữ tu sĩ! Hãy nương theo thần thông của tôi, cùng nhau mà đi.

Nữ tu sĩ nói:

–Lành thay! Thưa chị, tôi cũng có thần thông.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo-ni cùng nữ tu sĩ Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da đồng khởi hành. Trong khoảng thời gian rất ngắn như lực sĩ duỗi cánh tay, biến dạng ở sông Hằng, bỗng chốc xuất hiện ở rừng Kỳ-đà, đi đến chỗ Đức Phật.

Nữ tu sĩ Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da từ xa trông thấy Đức Thế Tôn, tôn nhan đoan chánh, đẹp đẽ tuyệt vời... giống như bầu trời ban đêm có các vì

sao tô điểm. Thấy rồi, tâm nàng thanh tịnh, đến trước mặt Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài mà bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Ngài cho con xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

–Này Trưởng lão A-nan, thầy dẫn nữ tu sĩ ngoại đạo Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da giao cho Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di và dặn: "Cho nữ tu sĩ ngoại đạo Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da này được xuất gia và thọ giới Cụ túc. Nữ tu sĩ này đã chứng thần thông, đầy đủ oai lực."

Lúc ấy Trưởng lão A-nan nghe lời Phật dạy, bạch Phật:

–Như Thế Tôn dạy, con xin vâng lời.

Ngài A-nan liền dẫn nữ tu sĩ ngoại đạo đến chỗ Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di và trình bày như lời Phật dạy.

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di độ cho nữ tu sĩ ngoại đạo Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da được xuất gia và thọ giới Cụ túc. Nữ tu sĩ thọ giới Cụ túc chưa được bao lâu, nàng đi đến chỗ vắng vẻ, tự sống một mình, mau lìa cấu trược, siêng năng tu khổ hạnh, tâm không phóng dật, trụ trong tư duy.

Nữ tu sĩ Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da đã được xuất gia thọ giới Cụ túc, tâm không phóng dật, trụ trong tư duy... Không lâu sau, ở trong đại chúng, vị thiện nữ chánh tín xuất gia, cầu phạm hạnh vô thượng, thấy được các pháp, chứng được thần thông, việc làm đã xong, trụ trong cảnh an lạc, tự xướng lên: "Sinh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân đời sau."

Vị nữ trưởng lão này thấy biết như vậy, liền chứng quả A-la-hán, tâm được giải thoát, Đức Phật thọ ký:

–Này các Tỳ-kheo, trong hàng Tỳ-kheo-ni chứng Túc mạng thông thì Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da này là người bậc nhất. Phàm những điều thưa hỏi của các Tỳ-kheo-ni khác, người đều biết trước.

Bấy giờ chúng Tỳ-kheo-ni cho việc hết sức hy hữu, mọi người đều ca ngợi: "Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da này thật là hy hữu! Thật là hy hữu! Trong chúng Tỳ-kheo-ni có những vị xuất gia đã lâu, tu tập phạm hạnh, chưa ai được mau chứng thần thông như Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da."

Bấy giờ chúng Tỳ-kheo-ni có ý nghĩ phân vân nên đến chỗ Đức Như Lai xin giải trừ phân vân, để hiểu rõ tất cả sự thật. Đến nơi, họ đảnh lễ dưới chân Phật, đảnh lễ rồi lui đứng về một bên và bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da trong quá khứ đã tạo thiện nghiệp gì mà ngày nay sinh trong nhà đại phú đầy đủ của cải... không thiếu một vật gì, dung nhan lại đẹp đẽ, mọi người thích ngắm chẳng chán, ở thế gian ít ai có đầy đủ tướng tốt như vậy? Do nhân duyên gì lại được xuất gia, đầy đủ giới hạnh, mau chứng thần thông, được Thế Tôn thọ ký: "Ở trong chúng đệ tử Thanh văn Tỳ-kheo-ni, người chứng Túc mạng thông bậc nhất là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da?"

Đức Phật nghe thưa như vậy, liền bảo các Tỳ-kheo-ni:

–Này các Tỳ-kheo-ni, Ta nhớ vào thời quá khứ, trong thành Ba-la-nại có hai người phụ nữ kết bạn thân với nhau: Một là trưởng giả nữ giàu có, hai là Bà-la-môn nữ dòng họ cao quý. Một hôm, người phụ nữ thuộc dòng đại tộc Bà-la-môn đi đến nhà của vị nữ đại phú trưởng giả để mời bạn. Bấy giờ Đức Như Lai Ca-diếp Thế Tôn Chánh Đẳng Chánh Giác cũng đi đến nhà của vị nữ đại phú trưởng giả. Nữ đại phú trưởng giả thấy Đức Như Lai Ca-diếp đi đến nhà mình, nàng liền ra khỏi nhà nghinh tiếp Thế Tôn. Thấy vị nữ Bà-la-môn không đón rước, vị nữ đại phú trưởng giả mới nói với vị nữ Bà-la-môn: "Lành thay! Này chị, vì cớ gì chị không đi đón rước Thế Tôn?"

Người phụ nữ Bà-la-môn đáp: "Lành thay! Thưa chị, trong tay tôi không có vật gì cả, làm sao tay không đi rước Thế Tôn? Nay đến tiếp rước Thế Tôn phải dùng vật gì để nghinh đón Đức Phật."

Vị nữ đại phú trưởng giả bảo vị nữ Bà-la-môn: "Hay thay! Này chị, chị cứ đi nghinh tiếp thì Đức Như Lai sẽ vào nhà."

Lúc ấy vị nữ Bà-la-môn liền làm một chiếc lọng bằng các vật trang sức, dùng nỉ mỏng lợp lên trên, lại có đủ các loại tràng hoa treo rũ chung quanh.

Đức Như Lai Ca-diếp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vào buổi sáng sớm, mặt trời còn ở phương Đông, vì thương tưởng vị nữ Bà-la-môn, Ngài đắp y, mang bình bát đi đến nhà vị nữ đại phú trưởng giả. Khi ấy vị nữ đại tộc Bà-la-môn đem chiếc lọng quý dâng cúng Đức Như Lai Ca-diếp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi dùng kệ bạch Phật:

Lọng bằng ngọc quý, cán bằng vàng
Vải mỏng tuyệt đẹp hoa bao phủ
Nghinh rước Trượng phu oai đức lớn

Cúi xin Thế Tôn thương nạp thọ.

Lúc bấy giờ Đức Ca-diếp Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vì thương tưởng vị nữ Bà-la-môn nên nhận lấy chiếc lọng quý.

Này các Tỳ-kheo-ni, chớ có nghi ngờ, người phụ nữ cúng chiếc lọng quý cho Đức Phật Ca-diếp lúc đó đâu phải người nào khác, nay chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da này vậy.

Này các Tỳ-kheo-ni, lại có nhân duyên:

Ta nhớ thời quá khứ, cũng tại thành Ba-la-nại này có một đại phú trưởng giả, vị phú trưởng giả này có một đầy tớ gái. Lúc đó có một vị Bích-chi-phật ở trong thành Ba-la-nại. Một buổi sáng sớm, khi mặt trời còn ở phương Đông, vị Bích-chi-phật đắp y, mang bình bát đi vào nhà vị đại phú trưởng giả khất thực. Lúc ấy người đầy tớ gái thấy vị Bích-chi-phật lần lần hướng đến với oai nghi chững chạc, tới lui đúng phép, khiến tâm nàng được thanh tịnh. Tâm được thanh tịnh rồi, nàng vội vã chạy vào nhà, đến bên bà chủ thưa:

–Lành thay! Thưa thánh nữ, hiện giờ ngoài ngõ có một vị Tỳ-kheo khất thực.

Bà trưởng giả lúc ấy đang ngồi chải tóc, với bàn tay trái vẹt tóc, trông thấy vị Bích-chi-phật thân hình xấu xí, không được khôi ngô. Bà ta thấy vậy, liền bảo tỳ nữ:

–Ta không thích người không có dung mạo khôi ngô, xấu xí như vậy, huống chi cho thức ăn.

Vị tỳ nữ lại thưa:

–Lành thay! Thưa thánh nữ, nên cúng thức ăn đến vị Tiên nhân này. Người như vậy, hà tất phải khôi ngô, chỉ cần tâm hiền thiện.

Bà trưởng giả lại nói:

–Ta thật không thích người như vậy. Làm sao bảo ta bố thí thức ăn!

Vị tỳ nữ lại thưa:

–Nếu hôm nay thánh nữ quả thật không vui khi dâng thức ăn cho Tiên nhân, xin bà cho phần ăn một ngày của con để con đem dâng cúng cho vị Tiên nhân này.

Bà trưởng giả lại nói:

–Lành thay, chị là người phục dịch trong nhà ta, chị có thể lấy phần ăn của mình, tùy ý cho.

Khi ấy vị tỳ nữ nhận phần ăn của mình ở nơi bà trưởng giả, rồi đem hiến cúng cho vị Bích-chi-phật.

Các vị Bích-chi-phật chỉ có pháp dùng sức thần thông giáo hóa chúng sinh, không dùng các pháp khác. Lúc ấy vị Bích-chi-phật vì thương tưởng người tỳ nữ nên thọ thức ăn cúng dường, rồi ở trước mặt tỳ nữ bay vọt lên hư không mà đi.

Vị tỳ nữ thấy sức thần thông của vị Bích-chi-phật bay đi trong hư không, nên thân tâm vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế. Cô ta chắp tay hướng về vị Bích-chi-phật, đảnh lễ và phát nguyện xướng lên:

–Con nguyện đời sau gặp được bậc thầy tốt đẹp như vậy, hoặc hơn thế nữa. Giáo pháp của các Ngài nói ra, nguyện con mau lãnh ngộ, đời đời kiếp kiếp không đọa vào các đường ác, chớ bị thân hình xấu xí không đoan chánh như vị Tiên nhân này. Tại sao? Vì thân hình xấu xí, đi khất thực khó khăn. Nguyện bất cứ sinh ở đâu và bất cứ trong thời gian nào, con được thân hình đoan chánh dễ thương, mọi người ưa trông ngắm.

Bấy giờ bà trưởng giả thấy Tôn giả Bích-chi-phật hiện thần thông như chư Thiên, bay đi trên hư không nên bảo tỳ nữ:

–Lành thay! Này tỳ nữ, nàng cho ta công đức này, ta sẽ cho nàng phần ăn nữa.

Vị tỳ nữ thưa bà trưởng giả:

–Lành thay! Thưa thánh nữ, con không thể cho được!

Bà trưởng giả lại nói:

–Lành thay! Này tỳ nữ, xin nàng cho ta công đức này, ta sẽ cho nàng gấp hai phần ăn.

Vị tỳ nữ thưa:

–Cũng không thể được!

Bà trưởng giả lại cũng nói như vậy. Cho gấp ba, bốn phần, năm phần, mười phần, hai mươi phần, ba mươi phần, bốn mươi phần, năm mươi phần..., nhưng nàng tỳ nữ vẫn nói:

–KHÔNG THỂ ĐƯỢC.

Bà trưởng giả lại bảo tỳ nữ:

–Lành thay! Này tỳ nữ, nếu nàng cho ta công đức này, ta sẽ cho nàng một trăm phần ăn.

Vị tỳ nữ vẫn thưa:

–Cũng không thể được!

Bà trưởng giả lúc ấy liền nổi giận, nói:

–Tại sao mày cố trái lời ta?

Rồi bà ta cho người bắt trói, đánh tỳ nữ. Vị tỳ nữ vì đau khổ nên kêu khóc lớn tiếng. Khi ấy ông trưởng giả từ ngoài vào nhà, thấy tỳ nữ kêu khóc như vậy, hỏi:

–Hiền giả vì cớ gì kêu khóc như vậy?

Vị tỳ nữ liền kể lại sự tình vừa qua. Khi ấy ông trưởng giả tức giận, liền gọi vợ mình đến và ra lệnh cởi bỏ chuỗi anh lạc cùng y phục, nói:

–Ta đã bảo nàng trông coi tài sản, nay có Sa-môn hay Bà-la-môn đến nhà khất thực mà nàng không cho. Vì lý do đó, nay ta đuổi nàng ra ở ngoài căn phòng nhỏ tồi tệ và không còn quản lý tài sản nữa.

Trưởng giả bảo vị tỳ nữ tắm rửa và đem y phục, chuỗi anh lạc của vợ mình trao cho tỳ nữ. Ông mở kho và chỉ cho tỳ nữ tài sản bảo vật, nói:

–Này hiền nữ, trong số tiền bạc bảo vật như vậy, nếu có Sa-môn, Bà-la-môn đến khất thực, tùy theo nhu cầu mặc tình cung cấp không có giới hạn.

Này các Tỳ-kheo, ý các thầy nghĩ sao? Vị tỳ nữ trong nhà trưởng giả lúc ấy đâu phải người nào khác, nay chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da, chớ nên nghi ngờ. Vị tỳ nữ lúc ấy vì cúng dường vị Bích-chi-phật, sinh tâm thanh tịnh, tùy theo thọ mạng, sau khi qua đời sinh lên cõi trời Đao-lợi, hình dung đoan chánh, hết sức đẹp đẽ, mọi người thích trông ngắm, so với hàng ngọc nữ ở trong cung trời Đao-lợi không ai hơn nàng. Có bốn vị Thiên tử cõi này đều tranh nhau cầu nàng làm vợ, mỗi Thiên tử đều nói:

–Ngọc nữ này hãy kết duyên với ta.

Khi ấy Thiên chủ Đế Thích thấy bốn Thiên tử tranh nhau như vậy, liền bảo:

–Này các Thiên tử, nếu các Thiên tử muốn cầu ngọc nữ này làm vợ, thì mỗi Thiên tử tùy ý làm một bài kệ. Hễ bài kệ người nào hay nhất, ta sẽ gả ngọc nữ cho.

Bấy giờ bốn vị Thiên tử đồng bạch Đế Thích:

–Hay thay! Thưa Thiên vương, cúi xin Thiên vương nói kệ trước, rồi chúng tôi sẽ nói kệ sau.

Lúc ấy Đế Thích nói kệ:

Đi, ngồi thường nhớ nghĩ
Nằm ngủ cũng không yên
Khi ta nằm ngủ say

Lúc ấy mới quên nàng.

Một vị trong bốn vị Thiên tử nói kệ:

Thiên vương ngài khoái lạc
Ngủ nghỉ được an ổn
Như trống chiến giục vang
Khuấy động mãi tâm tôi.

Vị Thiên tử thứ hai nói kệ:

Như trống chiến thúc dục
Tiếng ấy đổ liên hồi
Như quậy lạc bên tai
Khuấy động mãi không thôi.

Vị Thiên tử thứ ba nói kệ:

Như quậy sữa thành lạc
Càng lúc càng nhanh hơn
Tôi bị dục náo loạn
Như nắng mặt trời thiêu.

Vị Thiên tử thứ tư nói kệ:

Các người đều an lạc
Nên mới nói được kệ
Còn ta chẳng biết ta
Đang sống hay đã chết.

Lúc bấy giờ Đế Thích thấy Thiên tử thứ tư say đắm ái dục, nên nói kệ:

Người này sắp bỏ mạng
Chẳng bao lâu lâm chung
E bỏ vui cõi trời
Nên trao ngọc nữ ngay!

Lúc ấy chư Thiên cùng nhau bình luận, liền trao ngọc nữ cho vị thứ tư.

Đức Phật nói:

–Vị tỳ nữ từ đó đến nay không đọa vào các đường ác, xoay vần trong cõi trời, người trải qua vô lượng kiếp, kiếp cuối cùng sinh trong nhà Bà-la-môn Ca-tỳ-la rất nhiều của báu, tài sản vô lượng.

Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da khi sinh làm người phụ nữ trong nhà đại Bà-la-môn, đã cúng chiếc lọng làm bằng nhiều vật quý báu cho Đức Như Lai Ca-diếp Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại trong thời quá khứ làm tỳ nữ trong nhà trưởng giả, đã cúng cho Tôn giả Bích-chi-phật một bữa ăn

và phát nguyện: "Nguyện thân con đời sau đẹp đẽ dễ thương, mọi người đều thích trông ngắm." Do sức nhân duyên tạo nghiệp trong quá khứ nên được quả báo đời đời sinh ở đâu, thân hình được xinh đẹp dễ thương, mọi người thích trông ngắm, hết sức tuyệt vời, ai ai cũng ái mộ.

Do đời quá khứ lại nguyện: "Đời tương lai con không bị rơi vào đường ác." Do sức nhân duyên nghiệp báo này nên đời đời không sinh trong ba đường ác, thường qua lại trong cảnh nhân thiên, thọ hưởng khoái lạc.

Do đời quá khứ lại nguyện: "Nguyện đời tương lai con gặp được vị Giáo sư như vậy hay hơn thế nữa, tùy theo giáo pháp của Ngài nói ra đều được lãnh ngộ." Do sức nhân duyên nghiệp báo này nên ngày nay gặp được Ta, lại được xuất gia thọ giới Cụ túc, cũng lại mau chứng thần thông, được Ta thọ ký: "Ở trong chúng Tỳ-kheo-ni Thanh văn, người được Túc mạng thông bậc nhất là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da."

Này các Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da xưa trồng căn lành như vậy. Do sức nhân duyên thiện căn nên ngày nay Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da sinh trong nhà đại Bà-la-môn, hình dung đoan chánh dễ thương..., trong chúng Tỳ-kheo-ni Thanh văn của Ta là người nhớ kiếp trước bậc nhất.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, hy hữu thay Thế Tôn! Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da khéo tùy thuận cho Trưởng lão Đại Ca-diếp được xuất gia và tùy theo pháp để được xuất gia.

Sau khi các Tỳ-kheo nói lời ấy rồi, Đức Phật liền bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da chẳng phải chỉ một đời này thuận theo Đại Ca-diếp xuất gia, mà trong quá khứ cũng thuận theo Đại Ca-diếp xuất gia.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, việc này thế nào? Xin Ngài dạy rõ.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ thời quá khứ có một người nông dân nghèo khổ đang làm ruộng ngoài đồng. Vợ anh ta từ nhà mang cơm ra đồng cho chồng. Nàng ta đi đến bờ sông thấy một vị Bích-chi-phật đang ngồi thẳng thân chánh niệm dưới gốc cây, thân tâm không lay động. Vợ người nông dân nghèo này thấy vị Bích-chi-phật, sinh tâm thanh tịnh, đến trước Bích-chi-phật cung kính chắp tay, cúi đầu đảnh lễ sát chân.

Người chồng ở ngoài ruộng, xa xa trông thấy vợ mình ra khỏi nhà, đã đến mé sông mà không lội qua sông, trong tâm liền nghi: "Không biết vợ ta cùng với ai đứng tại mé sông làm việc gì mà chẳng thấy đến, để ta giờ này đói khát, hết sức khó chịu?" Anh ta muốn vợ đến ngay. Vì cớ đó, người chồng hết sức tức giận, buồn bã chẳng vui, cầm gậy chạy đến. Khi tới nơi, chàng thấy vị Bích-chi-phật an tọa thiền định. Thấy vậy, anh ta liền nghĩ: "Nhất định vợ ta cùng với Sa-môn này làm việc thế gian."

Lúc ấy anh ta tức giận vô cùng, cầm gậy đánh vị Bích-chi-phật. Bích-chi-phật lúc ấy vận dụng thần thông, từ bờ sông bay lên, đi trong hư không.

Khi ấy vợ người nông dân nghèo liền thưa với chồng:

–Hỡi ôi! Anh làm việc hết sức tội lỗi như vậy! Tiên nhân không lỗi, vì cớ gì anh ngang nhiên não loạn như vậy! Vị Đại tiên này đầy đủ giới đức, tu hành diệu pháp, có oai đức lớn, đầy đủ thần thông.

Người nông dân sau khi đánh vị Bích-chi-phật liền hối hận. Vì hối hận nên anh ta nói với vợ:

–Hay thay! Này thiện nữ, ta nay cùng nàng đồng đi xuất gia, cùng tu phạm hạnh. Lý do tại sao? Vì ta phạm tội, không thể lấy một chút ít nhân duyên thiện pháp mà diệt trừ được!

Người vợ liền thưa với chồng:

–Hay thay! Thưa thánh tử, tôi chẳng dám trái lời. Ngày nay hai chúng ta xả tục xuất gia.

Khi ấy hai người đồng tâm xuất gia. Sau khi xuất gia rồi, hai người tu tập, thành tựu tâm từ. Sau khi qua đời, cả hai sinh lên cõi Phạm thiên.

Này các Tỳ-kheo, ý các thầy nghĩ thế nào? Người nông dân nghèo khổ làm ruộng thuở ấy đâu phải người nào khác, chính là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp này. Người vợ của chàng nông dân nghèo thuở nọ đem phần cơm của chồng cúng cho Bích-chi-phật... thành tựu tâm từ, sau khi qua đời sinh lên cõi Phạm thiên đâu phải là ai khác, chính là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-la Ca-tỳ-lê-da này. Do thuở ấy thuận theo ý chồng xuất gia nên nay cũng thuận theo Đại Ca-diếp đi xuất gia, không trái lời.

□

Phẩm 49: NHÂN DUYÊN XÁ-LỢI-PHẤT VÀ MỤC-KIỀN-LIÊN (Phần 1)

Vào một thuở nọ, vùng Ma-ha-đà cách thành Vương xá chẳng xa, có một thôn nhỏ tên là Na-la-đà. Trong thôn này có một đại Bà-la-môn cự phú

tên là Đàn-nương-da-na *(nhà Tùy dịch là Cát Chí).* [Lại có thuyết khác nói: Bà-la-môn này tên là Đàn-na-đạt-đa *(nhà Tùy dịch là Tài Dự)*].

Bà-la-môn này là một đại cự phú, có nhiều của cải, nhà cửa giống như cung điện Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Bà-la-môn này có tám người con trai. Người con thứ nhất tên là Ưu-bà-đê-sa, người con thứ hai tên là Đại Tất, người con thứ ba tên là Thuần Đà, người con thứ tư tên là Khương-xoa-hiệt-lợi-bạt-đa, người con thứ năm tên là Xiển-đà, người con thứ sáu tên là Diêm-phù-ha-ca, người con thứ bảy tên là Kiều-trần-ni, người con thứ tám tên là Tô-đạt-ly-xá-na, đó là tên tám người con trai.

Bà-la-môn lại có một người con gái tên là Tô-thi-di-ca. Nàng này xuất gia tu học trong pháp của ngoại đạo Ba-ly-bà-xa.

Các vị Sư Ma-ha Tăng-kỳ lại nói: Bà-la-môn này có bảy người con trai: Người con thứ nhất tên là Đạt-ma, người con thứ hai tên là Tô-đạt-ma, người con thứ ba tên là Ưu-ba-đạt-ma, người con thứ tư tên là Đê-sa, người con thứ năm tên là Ưu-ba-đê-sa, người con thứ sáu tên là Hiệt-ly-đạt-na, người con thứ bảy tên là Ưu-ba-ba-ly-bạt-đa. Đây là tên của bảy người con.

Trong số các anh em, có đồng tử Ưu-ba-đê-sa là người giỏi nhất vì đồng tử khéo hay tụng tập và dạy lại các người khác. Đối với bốn bộ Vệ-đà, không nghĩa lý nào là không thông hiểu, tụng tập thành tựu, khéo hay giải thích. Ngoài ra, các luận khác như Ni-kiền-đà, Kê-thơ-bà..., cho đến các danh tự, người này đều giải thích rõ ràng, biết việc quá khứ, có tài phân biệt, đối với ngũ minh am tường không chướng ngại, Thọ ký biệt luận ghi nhớ trong tâm, có tài thành tựu sáu mươi bốn pháp một cách đầy đủ, hiểu rõ các tướng bậc Đại trượng phu. Đồng tử bản tánh nhu hòa, hiền từ, chất trực, thường có lòng từ bi, ngao ngán thế sự, luôn hối hận tội lỗi đã làm. Vì trong quá khứ đồng tử đã gặp được chư Phật, trồng nhiều căn lành, thành tựu các pháp, khéo hay huân tập, thường thích siêng năng, đối việc ăn uống thì biết đủ, xa lìa phiền não, hướng đến Niết-bàn, thuận lý không ngăn ngại, không thích các cõi, thành tựu các hạnh, phiền não kết phược tiêu tan, đến được địa vị thành thục, chỉ còn một đời, thông minh tài giỏi, suy nghĩ chín chắn, hiểu rõ mọi việc. Đối với công việc kinh doanh, cha mẹ đều hỏi đồng tử rồi mới thực hiện.

Bấy giờ cách thành Vương xá chẳng bao xa cũng có một làng tên là Câu-ly-ca, trong thôn này có một cư sĩ dòng đại Bà-la-môn. Trong thôn, cư sĩ là hàng cự phú, giàu có của cải..., nhà cửa giống như cung điện Thiên vương Tỳ-sa-môn không khác. Bà-la-môn này sinh một con trai tên Câu-ly-đa, dung nhan tuấn tú, mọi người đều thích nhìn ngắm, thông suốt tất cả

kinh luận, lại có thể dạy lại người khác..., hiểu rõ các tướng bậc Đại trượng phu...

Thuở ấy đồng tử Ưu-ba-đê-sa kết giao thân hữu với đồng tử Câu-ly-đa, hai người yêu mến lẫn nhau, luôn luôn hoan hỷ, nhan sắc tươi vui hòa nhã. Nếu phải xa nhau trong giây lát thì hết sức nhớ nhung, vì hai người này trong ngàn đời về trước đã thân ái với nhau.

Có kệ:

Nhân quả đời trước quyện với nhau
Hai người với nhau tâm thân mật
Do vì tâm ái là như vậy
Giống như hoa sen mọc trong nước.
Ưu-ba-đê-sa, Câu-ly-đa
Hai người với nhau rất ái kính
Giả sử xa nhau trong giây lát
Trong lòng áo não tự buồn phiền.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 48

Phẩm 49: NHÂN DUYÊN XÁ-LỢI-PHẤT VÀ MỤC-KIỀN-LIÊN (Phần 2)

Thuở ấy cách thành Vương xá chẳng bao xa có các ngọn núi: Ngọn núi tên Kỳ-ly-cừ-ha, nơi núi này thường tổ chức đại hội. Hội này được mang tên Kỳ-ly-cừ-ha. Lại có núi tên Ly-sư-kỳ-ly, cũng thường tổ chức đại hội và hội này cũng được mang tên núi Ly-sư-kỳ-ly. Lại có một núi khác tên là Bội-ha-la. Ngoài ra, còn có các núi khác như Bàn-đồ và Tỳ-phú-la. Các núi này cũng vậy; mỗi núi đều có tổ chức đại hội và đại hội cũng mang tên núi là Bàn-đồ và Tỳ-phú-la.

Núi Kỳ-ly-cừ-ha đến ngày lễ thì tổ chức đại hội. Vào những ngày hội, quần chúng tụ họp rất đông, có ngày đến vô lượng ngàn người. Có ngày đến vô lượng trăm ngàn người. Có ngày đến vô lượng ức ngàn người. Họ từ tám phương kéo về xem đại hội dưới nhiều phương tiện voi, ngựa, xe, bộ.

Lúc ấy tất cả dân chúng trong thành đều ra khỏi thành để dự hội. Ngoài thành Vương xá có hai thôn Na-la-đa và Câu-ly-ca, cách nhau khoảng nửa do-tuần.

Đồng tử Ưu-ba-đê-sa suy nghĩ: "Hôm nay ta có thể đến núi Kỳ-ly-cừ-ha để xem hội. Khi đến đó, nhất định ta sẽ được một việc là nhàm chán thế gian." Đồng tử Ưu-ba-đê-sa đi xe tứ tượng, từ thôn Na-la-đa đi đến đại hội Kỳ-ly-cừ-ha để quan sát.

Khi ấy đồng tử Câu-ly-đa cũng nghĩ: "Hôm nay ta nên đi đến đại hội Kỳ-ly-cừ-ha... sinh tâm nhàm chán thế gian." Ngồi trên thớt voi đi chậm rãi, phía trước có người ca, có người múa để giúp vui, đồng tử khởi hành từ thôn Câu-ly-ca đi đến đại hội để quan sát.

Bấy giờ hai đồng tử hình dáng tuấn tú, làm đẹp lòng người, cho đến tất cả kỹ nghệ, không nghề nào là không thông hiểu, đáng bậc đứng đầu trong thiên hạ.

Lúc ấy trong hội có tôn trí những tòa cao, hai người đến nơi đều lên tòa này. Đồng tử Ưu-ba-đê-sa thấy đại chúng trình diễn đủ trò vui. Nào trỗi các loại nhạc, hoặc ca, hoặc múa, vui chơi thỏa thích. Đồng tử thấy vậy suy nghĩ: "Việc này thật là hy hữu, chưa từng thấy như vậy. Ngày nay dân chúng có thể ở trong sự đau khổ, ở trong cảnh nhơ nhớp, già yếu, uế trược mà tham đắm, phóng dật. Bệnh khổ nhơ nhớp, không an ổn như vậy, già chết, uế trược, mạng sống chẳng bao lâu, thế mà dân chúng cho là an vui nên buông lung phóng dật, ca múa xướng hát, tấu đủ âm nhạc, thọ hưởng vui chơi."

Rồi Ưu-ba-đê-sa tiếp tục quan sát chúng hội, lại nghĩ: "Qua một trăm năm sau, tất cả những người trong hội này không còn một ai." Khi nghĩ như vậy, liền sinh hối hận, không thấy thích thú, chàng liền rời tòa cao, từ từ đứng dậy, lần lần ra khỏi đại hội, đi đến rừng vắng, ngồi dưới một gốc cây, buồn rầu áo não, đóng chặt các căn, tư duy thiền định.

Bấy giờ trong đại hội có một diễn viên giúp vui cho khán giả. Đồng tử Câu-ly-đa thấy đại chúng cười "ha ha" lớn tiếng, liền thầm nghĩ: "Tất cả quần chúng này sau một trăm năm, liệu bộ xương còn có liên kết với nhau hay không?!" Nghĩ như vậy rồi, chàng hết sức buồn rầu khổ sở, không thích vui chơi, liền rời khỏi chỗ ngồi, đi tìm đồng tử Ưu-ba-đê-sa, với ý nghĩ: "Giờ này không biết đồng tử Ưu-ba-đê-sa ở đâu?" Đưa mắt nhìn chung quanh, chàng xa xa trông thấy đồng tử Ưu-ba-đê-sa đang ngồi yên tư duy tại một rừng cây, tâm chẳng vui, đóng chặt các căn, tư duy thiền định. Đồng tử Câu-ly-đa thấy vậy, liền tiến đến hỏi:

–Anh vì sao ngồi một mình ở nơi đây tư duy, trong tâm chẳng vui như vậy? Hay bị những điều phiền não khổ sở, tai biến bất thường gì chăng?

Câu-ly-đa liền nói kệ:

Đàn, trống, các âm nhạc
Tiếng nam nữ ca ngâm
Nên nghe tiếng du dương
Cớ sao tâm lại buồn?
Lúc này nên hoan hỷ
Vì sao lại âu sầu?
Chính đây lúc hưởng lạc
Chẳng nên buồn kêu khóc.
Chỉ nghe âm thanh này
Như giọng hát thiên nữ
Hội này như hội trời

Cớ gì tâm chẳng vui?

Đồng tử Ưu-ba-đê-sa nói với đồng tử Câu-ly-đa:

–Này thân hữu, thật lạ thay! Anh có thấy những việc trong hội này chăng? Tất cả quần chúng trong đại hội đang nghe những tiếng âm nhạc, ca vịnh thật vui đùa. Một trăm năm sau, không còn một ai.

Rồi Ưu-ba-đê-sa nói kệ:

Mọi người tham cảnh ái
Cảnh ấy đâu giải thoát
Muôn vật không lâu bền
Hạng ngu cớ gì vui?
Những hạng chúng sinh này
Tâm tham đắm ngũ dục
Chẳng lâu đọa địa ngục
Qua đời thành tro bụi.
Tâm ta ngày nay không chút vui
Lo sợ âu sầu càng tăng trưởng
Âm nhạc các người tuy có vui
Ý ta chỉ thấy vui với pháp.
Trời, người, Tu-la thần nhạc trời
Trong tâm thường hưởng cảnh hoan lạc
Chẳng chịu nhàm chán rồi qua đời
Do vậy ta nay tu pháp hạnh.

Đồng tử Câu-ly-đa lại nói với đồng tử Ưu-ba-đê-sa:

–Này anh Ưu-ba-đê-sa, ý tôi cũng vậy.

Chàng liền nói kệ:

Khổ sướng cũng giống nhau
Buồn vui nào có khác
Điều bậc trí ngợi khen
Tôi cũng đồng như bạn.
Điều bạn nghĩ tốt đẹp
Ý tôi cũng làm theo
Thà chết đồng với bạn
Chẳng muốn sống xa nhau.

Đồng tử Câu-ly-đa hỏi đồng tử Ưu-ba-đê-sa:

–Ngày nay chúng ta nên làm gì?

Đồng tử Ưu-ba-đê-sa trả lời đồng tử Câu-ly-đa:

–Này bạn thân, nếu vậy thì ngày nay chúng ta cần phải xuất gia, cầu pháp cam lộ thù thắng.

Câu-ly-đa bảo Ưu-ba-đê-sa:

–Như ý muốn của bạn, tôi cũng vậy. Này Ưu-ba-đê-sa, chúng ta đã ra khỏi nhà, hãy từ đây đi cầu xuất gia luôn.

Đồng tử Ưu-ba-đê-sa nói với đồng tử Câu-ly-đa:

–Bạn nên biết, chúng ta ngày nay mọi người đều biết, nếu cha mẹ không cho phép thì vị Đạo sư nào độ cho chúng ta? Vị ấy sẽ sợ cha mẹ chúng ta làm trở ngại. Chi bằng ngày nay chúng ta nên về xin phép cha mẹ.

Hai đồng tử giã từ đại hội trở về nhà. Đồng tử Ưu-ba-đê-sa về đến nhà, thưa với cha mẹ:

–Lành thay! Thưa cha mẹ, ý con ngày nay muốn xuất gia. Cúi xin cha mẹ cho phép.

Khi ấy cha mẹ đồng tử bàn riêng với nhau: "Ngày nay trong nhà chúng ta, ai là người sẽ thừa kế làm chủ tất cả tài sản? Chúng ta rất thương yêu đồng tử này, mà nó lại muốn bỏ ta xuất gia cầu đạo. Chúng ta lòng nào để nó biệt ly?" Cha mẹ bàn riêng như vậy rồi, bèn bảo đồng tử Ưu-ba-đê-sa:

–Này đồng tử, cha mẹ ngày nay tuy có nhiều con, nhưng tình cảm phần nhiều dồn về con, nên vắng bóng con trong giây lát đủ làm cha mẹ hết sức ưu sầu, thường muốn gần bên con, không muốn xa lìa. Hơn nữa, con từ khi sinh ra cho đến ngày nay chưa từng chịu khó nhọc. Theo ý của cha mẹ, khi cha mẹ qua đời còn không muốn rời con, huống chi là ngày nay cha mẹ còn sống mà để con xuất gia, hoàn toàn không có việc như vậy.

Đồng tử Ưu-ba-đê-sa cứ như thế thưa đến lần thứ hai, rồi đến lần thứ ba mà cha mẹ cũng không cho phép.

Đồng tử Ưu-ba-đê-sa đã ba lần xin phép như vậy mà cha mẹ vẫn không cho. Vì không được cha mẹ cho phép, nên vào một hôm nọ đồng tử không chịu ăn uống, cho đến bảy ngày. Lúc ấy tất cả quyến thuộc cùng những người thân quen tập họp trước mặt cha mẹ đồng tử, thưa với ông bà:

–Lành thay! Thưa thánh giả, ông bà nên để đồng tử Ưu-ba-đê-sa xuất gia. Nếu đồng tử được phép xả tục xuất gia, sẽ vui sống trên con đường cầu đạo. Như vậy thân mạng vẫn còn, lo gì ông bà không gặp mặt. Còn nếu đồng tử không vui với đạo thì người sẽ tự trở về nhà. Chẳng lẽ để đồng tử phải chịu bỏ mạng trước hay sao?

Bấy giờ cha mẹ đồng tử liền nói:

–Nếu như vậy, chúng ta đồng ý.

Nói về đồng tử Câu-ly-đa, lúc ấy cũng về nhà, đến thưa cha mẹ:

–Lành thay! Thưa cha mẹ, ngày nay con muốn xả tục xuất gia. Cúi mong cha mẹ cho phép.

Cha mẹ Câu-ly-đa chỉ có một người con, lại càng thêm quý trọng, không muốn tạm rời. Trong giây lát không thấy mặt con, tâm rất ưu sầu, nhưng vì thuở trước cha mẹ Câu-ly-đa đối với người trong nhà đã có lời thề quan trọng: "Này các ngươi, mọi người lớn nhỏ trong nhà đối với những gì đồng tử Câu-ly-đa làm không được cản trở. Hễ lời gì đồng tử nói ra đều phải làm theo." Bấy giờ cha mẹ và người trong nhà nhớ rõ điều này, nên nói với đồng tử Câu-ly-đa:

–Tùy ý muốn của đồng tử, hãy làm theo ý mình.

Thuở ấy, trong đại thành Vương xá có một ngoại đạo tên là Ba-ly-xà-bà San-xà-da, cùng năm trăm quyến thuộc ở trong thành này. Khi ấy đồng tử Ưu-ba-đê-sa cùng đồng tử Câu-ly-đa chưa có chỗ nương tựa, không biết đi đâu, nên lúc ấy hai đồng tử đến chỗ ngoại đạo San-xà-da *(nhà Tùy dịch là Bỉ Thắng)* cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo.

Khi ấy hai đồng tử căn cơ lanh lợi, thiểu dục tri túc, trí tuệ sâu xa nên con của San-xà-da là Tỳ-la-sắt-trí *(Tỳ-la-sắt-trí nhà Tùy dịch là Biệt Dị Trượng)* đối với hai người này dạy đạo thuật của mình như các kỹ thuật, phương thuốc, thảo dược, thiền định Phi tưởng.

Khi ấy hai đồng tử được chỉ dạy rồi, ở trong bảy ngày đêm, tất cả đều thông đạt. Sau khi hai đồng tử thông đạt rồi, làm vị Giáo thọ sư trong ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca và năm trăm quyến thuộc. Khi ấy hai đồng tử thay nhau làm chủ thống lãnh đại chúng. Tuy được như vậy, trong tâm vẫn chưa an tịnh nên đồng tử Ưu-ba-đê-sa bảo Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca *(nhà Tùy dịch là Viễn Ly)*:

–Lành thay! Này Câu-ly-đa, giáo pháp của San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca không diệt tận sự đau khổ. Này Câu-ly-đa, anh nên cùng tôi đi cầu bậc Thiện sư khác.

Khi ấy đồng tử Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca nói với đồng tử Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Như lời bạn nói, tôi thuận theo lời. Tuy nhiên, vị thầy này chúng ta cũng không nên từ bỏ hẳn để tìm thầy khác.

Khi ấy hai người đồng tâm lập thệ:

–Hai chúng ta, ai gặp được vị thầy thù thắng vì chúng ta dạy đạo cam lộ thù thắng, thì phải bảo với nhau.

Thuở ấy, giáo hóa vua Tần-bà-sa-la và mười hai na-do-tha người xong, Đức Thế Tôn ngự trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá cùng chúng đại Tỳ-kheo một ngàn người, đều xuống tóc xả tục xuất gia. Lúc ấy trong đại chúng có một Tỳ-kheo tên Ưu-ba-tư-na, oai nghi trang nghiêm bậc nhất. Vào buổi sáng sớm, vị ấy đắp y mang bát vào thành Vương xá, ở trong thành theo thứ lớp khất thực. *(Đây là thuyết của sư Ma-ha Tăng-kỳ).*

Ngoài ra, các vị khác nói thế này: Khi ấy Tỳ-kheo A-thấp-ba Du-kỳ-đa *(nhà Tùy dịch là Mã Thị)*, vào buổi mai, khi mặt trời còn ở phương Đông, đắp y mang bình bát vào thành khất thực. Trong thành, Tỳ-kheo mặc y nội và đắp y Tăng-già-lê, mang bình bát, oai nghi tề chỉnh, thu nhiếp các căn, định tâm nhìn bên ngoài, tư duy các pháp, chánh niệm, đi thẳng, tuần tự khất thực.

Bấy giờ tất cả nhân dân trong đại thành Vương xá thấy vậy đều cùng nhau bàn luận nói kệ:

Giữ vững các giác quan
Đi đứng thường tịch định
Mỉm cười giọng hòa nhã
Đây chắc đệ tử Phật.

Bấy giờ đồng tử Ưu-ba-đê-sa thấy Trưởng lão Tỳ-kheo A-thấp-ba Du-kỳ-đa ở trong thành, mặc y nghiêm chỉnh, khéo thu thúc các giác quan, định tâm nhìn bên ngoài, tư duy các pháp, chánh niệm, ung dung tiến bước, theo thứ lớp khất thực. Vì vậy dân chúng mới nói kệ như trên. Đồng tử Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca liền nghĩ: "Trong thế gian có các vị A-la-hán, tất cả các Thánh nhân và bậc đang hướng đạo, Đại đức này chắc là một trong số đó. Ta nên đến gặp vị ấy để thưa hỏi những điều nghi."

Bấy giờ Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca lại nghĩ thế này: "Nếu đến thưa hỏi thì không đúng lúc. Tại sao vậy? Vì Tỳ-kheo đang khất thực. Phàm người cầu pháp phải dẹp bỏ ngã mạn, nên ta phải theo dõi Tỳ-kheo đi về chỗ nào?"

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca nghĩ như vậy rồi, liền đi theo sau xem Tỳ-kheo đi về đâu. Khi Tỳ-kheo A-thấp-ba Du-kỳ-đa khất thực xong, mang thức ăn ra khỏi đại thành Vương xá. Khi ấy Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca liền đi đến chỗ Đại đức Tỳ-kheo A-thấp-ba Du-kỳ-đa, cùng Trưởng lão thăm hỏi, chào hỏi lẫn nhau, rồi lui đứng về một bên.

Khi ấy Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca bạch Đại đức Tỳ-kheo A-thấp-ba Du-kỳ-đa:

–Thưa nhân giả, ngài chính là bậc đạo sư hay là đệ tử Thanh văn của bậc nào khác?

Trưởng lão A-thấp-ba Du-kỳ-đa nghe hỏi như vậy, nói với Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Có Đại sư khác, tôi chỉ là một trong số các đệ tử Thanh văn của Ngài.

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca lại hỏi Đại đức A-thấp-ba Du-kỳ-đa:

–Bạch Đại đức, Thầy của nhân giả là ai? Nương vào ai xuất gia? Vui pháp hạnh gì?

(Nói về Đức Thế Tôn khi mới thành đạo, mọi người đều gọi Phật là Đại Sa-môn, tức là dịch từ Ma-ha Sa-môn mà ra).

Đại đức Tỳ-kheo A-thấp-ba Du-kỳ-đa nói với Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Lành thay! Thưa nhân giả, có Đại Sa-môn họ Thích, thuộc dòng Thích-ca. Tôi xuất gia nơi Ngài, Ngài là thầy của tôi. Tôi đã theo Ngài xuất gia, vui sống trong giáo pháp của Ngài.

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca lại bạch Đại đức A-thấp-ba Du-kỳ-đa:

–Lành thay! Thưa nhân giả, Đại sư của nhân giả tôn nhan có đoan chánh hơn nhân giả hay không? Tài đức có hơn nhân giả không?

Bấy giờ Trưởng lão A-thấp-ba Du-kỳ-đa nói kệ:

Hạt cải so Tu-di
Dấu chân trâu so biển
Muỗi mòng sánh đại bàng
Tôi so Phật cũng vậy.
Giả sử Thanh văn đã giải thoát
Các quả thành tựu vẫn đệ tử
Không được dự vào hàng chư Phật
Uy đức khác với Phật Thế Tôn.

Thầy của tôi đối với các pháp trong ba đời đều biết rõ ràng, chứng được trí vô ngại. Này nhân giả, Thầy của tôi đối với tất cả pháp, mọi việc đều được thành tựu trí vô ngại.

Bấy giờ Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca thưa Đại đức A-thấp-ba Du-kỳ-đa:

–Thầy của ngài nói những pháp gì? Luận những việc gì?

Rồi chàng liền nói kệ:

Tôi thấy oai nghi Ngài
Thân tâm rất tịch định
Do vậy, tôi phân vân
Xin ngài nói việc này
Nay ngài chớ từ nan
Tâm tôi luôn ngờ vực:
Thầy ngài dạy pháp gì?
Xin ngài nói rõ cho.
Thấy Bà-la-môn bày
Cung kính hỏi như vậy.
Đáp lại: Thầy của ta
Đại tộc dòng Cam Giá
Tối thắng Nhất Thiết Trí
Thầy ta Vô Thượng Sư.

Bấy giờ Đại đức A-thấp-ba Du-kỳ-đa nói với Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Thưa nhân giả, tôi còn nhỏ tuổi, Phật pháp học hỏi chẳng được bao nhiêu, hiểu biết cạn cợt, đâu có thể trình bày rộng rãi được, nên tôi chỉ nói tóm lược cho nhân giả mà thôi.

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca thưa A-thấp-ba Du-kỳ-đa:

–Lành thay! Thưa Đại đức, xin ngài nói chỗ cốt yếu, tôi không thích nghe nói dài.

Rồi chàng nói kệ:

Tôi chỉ nhận chân lý
Không thích mặt từ chương
Người trí quý nghĩa thật
Theo nghĩa tôi tu hành.

Bấy giờ Đại đức A-thấp-ba Du-kỳ-đa nói với Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Này nhân giả, Đại sư của tôi dạy pháp Nhân duyên, giảng con đường Giải thoát. Thầy tôi nói kệ thế này: (Đây là lời nói của các thầy trong bộ phái Ma-ha Tăng-kỳ. Còn các thầy thuộc bộ Ca-diếp nói cách khác: "Nghĩa ấy thế nào?" Đại đức A-thấp-ba Du-kỳ-đa nói: "Này nhân giả, Thầy tôi nói câu pháp thế này:

Các pháp từ nhân sinh

Các pháp theo nhân diệt
Gọi là sinh và diệt
Sa-môn nói như vậy.

Lúc ấy Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca hiểu rõ nghĩa pháp qua văn tự. Đại đức Tỳ-kheo A-thấp-ba Du-kỳ-đa hiểu rõ văn nghĩa, lại nắm lấy ý nghĩa và văn tự. Vậy cần gì phải nói nhiều.)

Các pháp từ nhân sinh
Pháp ấy theo nhân diệt
Nhân duyên diệt là Đạo
Đại sư dạy như vậy.

Khi ấy Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca quán thấy pháp hạnh này như vậy, ngay tại chỗ ấy xa lìa trần cấu, diệt sạch phiền não, chứng được pháp nhãn tịnh, quán sát biết được tướng diệt của các pháp hữu vi. Giống như chiếc áo sạch không dính vết đen, không thấm mồ hôi nhơ bẩn thì dễ nhuộm các màu sắc. Đúng vậy! Đúng vậy! Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca quán các pháp hạnh này, liền ngay lúc đó xa lìa trần cấu... quán biết thật tướng các pháp như vậy. Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca quán biết thật tướng các pháp như vậy rồi, được các pháp rồi, chứng các pháp rồi, nhập vào các pháp rồi, vượt qua các pháp rồi, không còn nghi ngờ, tâm chấp phải trái đều diệt, được địa vị vô úy, không do sự chỉ dạy của người khác, tự nhiên biết được pháp của Như Lai rồi liền nói kệ:

Pháp hành là như vậy
Là điều tôi chứng được
Na-do-tha số kiếp
Chưa từng được pháp này.

Khi Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca đã thấy thật tướng các pháp, đã được các pháp, phát sinh trí tuệ, xả bỏ ngã mạn, liền sửa sang y phục, đảnh lễ dưới chân A-thấp-ba Du-kỳ-đa, đứng dậy nhiễu quanh bên phải ba vòng, rồi từ giã trở về chỗ Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca.

Đến nơi, từ xa Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca trông thấy Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca gương mặt thanh tịnh, dung nghi tươi sáng, nên hỏi:

–Nhân giả Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca, hiện nay các căn của bạn thanh tịnh, da dẻ tươi sáng, vẻ mặt tươi vui. Phải chăng bạn đã chứng cam lộ? Hay là chứng đạo cam lộ?

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca nói với Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Thưa nhân giả, tôi đã gặp thắng pháp cam lộ, đã được đạo cam lộ.

Câu-ly-đa nói với Ưu-ba-đê-sa:

–Nhân giả được pháp cam lộ ở nơi vị nào?

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca đáp:

–Thưa nhân giả, tôi được pháp này nơi Đại Sa-môn.

Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca thưa:

–Thưa nhân giả, Đại Sa-môn đó nói những pháp gì? Luận về những pháp gì? Ngày nay nhân giả làm sao được thắng đạo cam lộ?

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca dùng kệ trả lời nhân giả Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca:

Các pháp từ nhân sinh
Pháp ấy theo nhân diệt
Nhân duyên diệt là Đạo
Đạo Sư dạy như vậy.

Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca nghe bài kệ này rồi, liền ngay chỗ ấy xa lìa trần cấu, sạch các phiền não, được pháp nhãn thanh tịnh, chứng được tướng tịch diệt của tất cả pháp, biết như thật, hiểu như thật. Ví như chiếc áo sạch không dính vết đen, không thấm mồ hôi thì dễ nhuộm các màu, cho đến quán biết như thật, rồi nói kệ:

Pháp hành là như vậy
Là điều tôi chứng được
Na-do-tha kiếp số
Chưa từng được pháp này.

Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca lại dùng kệ nói với Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

Vì anh được cam lộ
Mặt anh tươi như hoa
Anh tuyên dương pháp ấy
Tôi nghe, chứng tịnh nhãn.

Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca nói với Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Lành thay! Thưa nhân giả, mau đến đó, mau từ giã nơi đây đi đến chỗ Đại Sa-môn để tu phạm hạnh. Đức Phật Thế Tôn là thầy của chúng ta.

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca nói với Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Này nhân giả, ngày nay chúng ta không nên vô ân, nên đến gặp San-xà-da. Vì sao? Vì thầy trước đã đem lại cho ta nhiều lợi ích, ta mang trọng ân vì thầy đã độ cho ta xuất gia, nên phải đến thưa lời từ biệt. Lại nữa, năm trăm đồ chúng của thầy theo ta tu học pháp hạnh, ta thông báo cho họ biết, nếu họ muốn thì cùng đi với chúng ta.

Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca cùng Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca đi đến chỗ thầy San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca. Đến nơi, cả hai bạch:

–Lành thay! Thưa nhân giả, ngày nay chúng tôi muốn đến chỗ Đại Sa-môn Phật Thế Tôn để tu phạm hạnh.

Khi ấy San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca bảo Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Này nhân giả, chẳng nên đến nơi đó. Ta cùng hai người lãnh đạo đại chúng này.

Như vậy, lần thứ hai Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca lại cũng nói với San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca:

–Hay thay! Thưa nhân giả, chúng tôi muốn đến chỗ Đại Sa-môn Phật Thế Tôn để tu phạm hạnh.

Khi ấy San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca lại nói với Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca:

–Này nhân giả, chẳng nên đến đó. Bao nhiêu đệ tử của ta đều giao cho người. Ta sống riêng một mình, hoàn toàn không dự vào.

Như vậy, lần thứ ba Ưu-ba-đê-sa Ba-ly-bà-xà-ca và Câu-ly-đa Ba-ly-bà-xà-ca đồng thưa với San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca:

–Chúng tôi không muốn nhận các đệ tử này. Chúng tôi chỉ mong muốn đi đến chỗ Bậc Đại Sa-môn kia để tu phạm hạnh. Bậc Đại Sa-môn kia là Thế Tôn của chúng tôi, là Giáo Sư của chúng tôi.

Nói lời này rồi, hai người từ giã San-xà-da ra đi không trở lại.

Lúc ấy năm trăm chúng ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca suy nghĩ: "Hai nhân giả Ưu-ba-đê-sa và Câu-ly-đa là người học rộng hiểu nhiều, thông minh trí tuệ. Chúng ta nhiều năm cần cù khổ sở, đọc tụng chú thuật, kỹ nghệ... nhưng hai vị này chỉ trong bảy ngày đêm tinh thông tất cả. Họ không phải là kẻ tầm thường, họ là kẻ thông minh nên chỗ họ mong cầu phải là chỗ tối thắng. Như chỗ họ mong cầu, chúng ta cũng theo đó mà mong cầu. Pháp họ tu hành, chúng ta cũng theo đó tu hành. Phạm hạnh họ tu tập, ta cũng nên theo đó tu tập." Suy nghĩ như vậy rồi, họ cùng nhau đi theo Ưu-ba-đê-sa và Câu-ly-đa.

Lúc ấy San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca lại bảo đại chúng:

–Này các ngươi, chẳng nên đi! Chẳng nên đi!

Tuy có lời ngăn như vậy mà không thể giữ đại chúng được, nên họ vẫn đi. Khi ấy San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca suy nghĩ: "Nay đại chúng này quyết định bỏ ta." Do đại chúng bỏ đi nên San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca hết sức ưu sầu khổ não, tức giận đau đớn mà chết.

Ưu-ba-đê-sa cùng với Câu-ly-đa đem năm trăm đồ chúng cùng đi đến rừng Trúc Ca-lan-đà.

Khi ấy Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo cần phải biết, phải trải tòa sạch sẽ trong tu viện này.

Các vị Tỳ-kheo bạch Phật:

–Dạ vâng! Chúng con xin vâng lời Thế Tôn dạy.

Trong tu viện, các Tỳ-kheo trải tòa sạch sẽ và Thế Tôn ngự trên tòa này. Khi ấy Trưởng lão Kiều-trần-như thấy Ưu-ba-đê-sa và Câu-ly-đa cùng chúng ngoại đạo vây chung quanh, sắp đến chỗ mình nên bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay có Ưu-ba-đê-sa và Câu-ly-đa..., họ đa văn trí tuệ, có nhiều nghề nghiệp, thông thạo các đạo thuật, danh tiếng đồn khắp bốn phương đang đến trước Thế Tôn. Theo như ý con đoán, hai người này nay đến đây nhất định muốn tranh luận với Ngài.

Nghe lời này, Đức Phật bảo Trưởng lão Kiều-trần-như:

–Này Kiều-trần-như, Ta biết tâm niệm hai người này, họ đến đây là cầu pháp thù thắng, không phải đến để tranh luận.

Bấy giờ Đức Phật Thế Tôn trông thấy Ưu-ba-đê-sa và Câu-ly-đa nên nói kệ:

Gặp các Thánh là vui
Chung sống lại càng vui
Không gặp kẻ ngu si
Gọi là thường an lạc.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, các thầy có thấy hai vị ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca không? Một người tên là Ưu-ba-đê-sa và người kia là Câu-ly-đa.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, chúng con có thấy.

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, hai người này sẽ ở trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, mỗi người đứng đầu về một phương diện, một người trí tuệ đệ nhất và một người thần thông đệ nhất.

Có kệ:

Đại chúng trông thấy hai người đến
Đồ chúng quyến thuộc vây chung quanh
Tiếng Phật vang dội bảo Tỳ-kheo

Hai người như vậy từ ngoại đạo
Nay đến xin vào đại chúng Ta.
Tỳ-kheo các thầy nên phải biết
Một người trí tuệ hơn tất cả
Người kia thần thông lại đứng đầu.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, đối với tất cả đệ tử Thanh văn của chư Phật Thế Tôn Chánh Đẳng Chánh Giác trong quá khứ không ai sánh bằng hai người này và trong hiện tại cũng lại như vậy. Này các Tỳ-kheo, nếu có hàng Thanh văn của chư Phật Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác ở đời vị lai cũng không thể sánh bằng hai vị đệ tử Thanh văn này ngày nay của Ta. Này các Tỳ-kheo, các thầy cũng nên trải tòa mời hai vị ấy ngồi.

Có kệ:

Hai vị trâu chúa trí sâu xa
Đã bỏ tất cả các tà đạo
Tuy chưa đến trong đại lâm này
Thế Tôn trông thấy liền thọ ký.

Khi hai người lần lần tiến bước gần Trúc lâm, họ trông thấy Trưởng lão A-thấp-ba Du-kỳ-đa đang đi kinh hành dưới một gốc cây, thấy vậy liền đến đảnh lễ dưới chân và lui đứng về một bên.

Kiều-trần-như bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, tại sao ngày nay Ưu-ba-đê-sa... không nghĩ đến đời sống cao thượng và học rộng của mình mà phát tâm tối thượng, đối với Trưởng lão A-thấp-ba Du-kỳ-đa hạ mình thấp kém?

Nghe lời ấy, Đức Phật bảo Trưởng lão Tuệ mạng Kiều-trần-như:

–Phàm người trí đối với người đã khiến mình được phát sinh trí tuệ thường khởi tâm báo ân, luôn luôn nhớ nghĩ chẳng quên. Nếu nhận lấy một ân nhỏ, thường nhớ chẳng quên, huống nữa là thọ ân nhiều. Này Kiều-trần-như, Ưu-ba-đê-sa... được pháp nhãn tịnh là nhờ A-thấp-ba Du-kỳ-đa. Do nhân duyên đó mà có pháp cú:

Pháp chư Phật thuyết giảng
Hiểu được qua người nào
Phải cung kính người ấy
Như Phạm chí thờ lửa.

Bấy giờ Ưu-ba-đê-sa cùng các đồ đệ đồng đến trước Đức Phật đảnh lễ dưới chân, quỳ xuống bạch:

–Lành thay! Bạch Đức Thế Tôn, ngày nay chúng con muốn ở trước Thế Tôn xuất gia tu tập. Cúi xin Thế Tôn cho con xuất gia thọ giới Cụ túc.

Đức Phật bảo:

–Lành thay! Tỳ-kheo đến đây! Hãy đến đây gia nhập vào giáo pháp mà Ta đã tự chứng để tu tập phạm hạnh, diệt sạch các khổ.

Đức Phật nói lời đó xong, các vị ấy tự nhiên râu tóc đều rụng, giống như đồng tử vừa cạo tóc cách đấy bảy ngày, thân mặc ba y, tay bưng bình bát, đều thành Tỳ-kheo, liền được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ Trưởng lão Ưu-ba-đê-sa ở phía tay phải của Đức Phật, Trưởng lão Câu-ly-đa ở bên tay trái Đức Phật. Còn bao nhiêu đều ngồi về một bên.

Trưởng lão Ưu-ba-đê-sa sau khi xuất gia được nửa tháng đã dứt sạch các kết lậu, hiện sức thần thông và chứng được thần thông trí tuệ Ba-la-mật, thành tựu quả A-la-hán. Trong khi đó Trưởng lão Câu-ly-đa chỉ trải qua bảy ngày dứt sạch các kết lậu, hiện sức thần thông và thần thông trí tuệ Ba-la-mật, chứng quả A-la-hán.

Do nhân duyên như vậy, Trưởng lão Ưu-ba-đê-sa và Câu-ly-đa cùng năm trăm đồ đệ lúc bấy giờ lần lượt đều được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Thuở ấy, tên mẹ của Trưởng lão Ưu-ba-đê-sa là Xá-lợi *(nhà Tùy dịch là Anh Dục),* nên người đời gọi Ưu-ba-đê-sa là Xá-lợi-phất-đa *(Phất-đa nhà Tùy dịch là Tử)*. Còn Trưởng lão Câu-ly-đa có họ là Mục-kiền-liên, do vậy mà người đời gọi Trưởng lão Câu-ly-đa là Mục-kiền-liên-diên. Đức Thế Tôn lại thọ ký cho hai vị Tỳ-kheo này:

–Ở trong đệ tử Thanh văn của Ta, người có Đại trí tuệ là Xá-lợi-phất-đa và người có Thần thông đệ nhất là Mục-kiền-liên-diên.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, hai vị Trưởng lão Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ở trong quá khứ đã trồng thiện căn gì? Nhờ nhân duyên gì mà ngày nay được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán, lại được Thế Tôn thọ ký: "Ở trong chúng Thanh văn, hàng đại trí tuệ thì Xá-lợi-phất là hơn hết, trong hàng thần thông thì Mục-kiền-liên là tối thắng?"

Nghe các Tỳ-kheo thưa hỏi như vậy, Đức Phật bảo họ:

–Này các Tỳ-kheo, Ta nhớ đời quá khứ, tại thành Ba-la-nại có hai người. Người anh tên là Tô-tất-lợi-da *(nhà Tùy dịch là Thiện Ái)* và người em gái cũng tên là Tô-tất-lợi-da. Khi ấy người anh Thiện Ái xả tục xuất gia. Sau khi xuất gia rồi, chứng được quả Bích-chi-phật. Còn người em gái

cũng xả tục xuất gia, nhưng theo ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca, ở trong thành Ba-la-nại. Vào một hôm, người anh Thiện Ái Bích-chi-phật đi đến chỗ người em gái ngoại đạo, đến nơi, tự trải tòa ngồi. Người em bưng đủ thức ăn trăm vị hiến cúng để cho vị Bích-chi-phật thọ dụng no đủ, rồi lại đem một con dao và một cây kim dâng cúng cho người anh Bích-chi-phật. Vị Bích-chi-phật sau khi ăn uống xong, cầm con dao và cây kim của em gái Thiện Ái cúng bay đi trong hư không. Người em gái Thiện Ái thấy vị Bích-chi-phật bay đi trong hư không, vui mừng hớn hở khắp cả thân tâm, không thể tự chế, từ xa chắp tay cung kính đảnh lễ Bích-chi-phật và phát nguyện: "Nguyện đời sau, tôi gặp được vị Giáo sư như vậy hay hơn thế nữa. Những giáo pháp của người dạy làm cho tôi được hiểu rõ và không bao giờ sinh vào các cõi ác. Như cúng con dao bén, không gì là không cắt đứt, do nhân duyên cắt đứt này, khiến cho đời vị lai của tôi không một phiền não nào là không bị đoạn diệt. Như cây kim có khả năng xuyên qua tất cả, khiến tất cả phiền não đời vị lai của tôi đều bị đâm thủng."

Này các Tỳ-kheo, Thiện Ái nữ ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca cúng cho vị Bích-chi-phật con dao và cây kim thuở ấy đâu phải là người nào khác, tức là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Ta nhớ trong quá khứ cũng tại thành Ba-la-nại có một người bán hàng thường vào trong biển, bắt ốc bán. Lúc ấy người bán hàng nghĩ thế này: "Đời này ta đi tìm của cải để sống, làm nghề này rất khổ. Ta nên làm việc công đức để gây nhân cho tương lai." Thuở ấy, tại thành Ba-la-nại có một vị Bích-chi-phật thường trú nơi đây. Vào sớm mai, mặt trời còn ở phương Đông, vị Bích-chi-phật đắp y mang bình bát vào thành khất thực. Ở trong thành, vị Bích-chi-phật theo thứ lớp đi khất thực. Khi ấy người bán ốc từ xa trông thấy Tôn giả Bích-chi-phật oai nghi chững chạc, đi đứng chậm rãi, dáng đi thư thái, bình thản bước tới. Thấy vậy, tâm được thanh tịnh, người này liền đảnh lễ và mời vị Bích-chi-phật về nhà, rồi tôn trọng cúng dường các thức ăn sơn hào hải vị và cung cấp vật cần dùng. Thông thường các vị Bích-chi-phật không thuyết pháp, chỉ dùng thần thông làm phương tiện giáo hóa, ngoài ra không có pháp gì khác.

Khi vị Bích-chi-phật ăn uống xong và nhận lấy vật dụng của người bán ốc, ngài liền từ dưới đất bay lên hư không. Khi đó trông thấy Tôn giả Bích-chi-phật bay trên hư không như vậy, người này hết sức vui mừng tràn ngập toàn thân, không thể tự chế, hướng về chắp tay đảnh lễ vị Bích-chi-phật, phát nguyện: "Ở đời vị lai tôi sẽ gặp được vị Giáo sư như vậy hay hơn

thế nữa. Giáo pháp người nói ra, tôi mau hiểu rõ, đời đời sinh ở đâu chẳng rơi vào ác đạo. Những gì Giáo sư có, tôi nguyện cũng chứng đắc đồng như Thánh giả. Bích-chi-phật bay đi trong hư không, khiến tương lai tôi cũng như vậy."

Này các Tỳ-kheo, các thầy nghĩ thế nào? Người bắt ốc bán thuở ấy, sau cúng dường vị Bích-chi-phật đâu phải người nào khác, tức là Tỳ-kheo Mục-kiền-liên này.

Này các Tỳ-kheo, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên do đời trước trồng các căn lành nên ngày nay xuất gia chứng quả A-la-hán, lại được Ta thọ ký: "Trong số đệ tử Thanh văn của Ta, người có trí tuệ hơn hết là Xá-lợi-phất và người có thần thông hơn hết là Mục-kiền-liên."

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 49

Phẩm 50: NHÂN DUYÊN NĂM TRĂM TỲ-KHEO

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, tại sao Xá-lợi-phất có được năm trăm đệ tử của ngoại đạo San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca. Họ đã rơi vào con đường tà kiến đầy nguy hiểm, tu hành điên đảo mà Xá-lợi-phất lại có thể giáo hóa, đem họ quy y Phật, lại được Đức Phật dạy bảo bỏ con đường tà kiến đầy nguy hiểm, đang ở trong các khổ mà được giải thoát?

Nghe các Tỳ-kheo thưa như vậy, Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Xá-lợi-phất chẳng những chỉ ngày nay giáo hóa, đem năm trăm ngoại đạo San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca đã rơi vào con đường tà kiến nguy hiểm, tu hành hư vọng, trở về nương tựa Phật và được thoát khỏi tà kiến hư vọng điên đảo, ở trong khổ não mà được giải thoát. Thuở xưa năm trăm người này đang bị rơi trong ách nạn, khi đó Xá-lợi-phất cũng hướng dẫn đến với Ta, lúc đó Ta cũng cứu họ khỏi các khổ não.

Các Tỳ-kheo thưa:

–Cúi xin Thế Tôn vì chúng con nói rõ việc này.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ đời quá khứ có một Mã vương tên là Kê-thi, hình dạng uy phong, thân thể trắng sạch như ngọc kha tuyết hay như bạch ngân, như trăng rằm hay hoa quân trà, lông đầu xanh biếc, phi nhanh như gió, hí như tiếng trống rền. Thuở ấy, tại cõi Diêm-phù-đề có năm trăm thương nhân sắp vào biển cả, nên sắm đủ lương thực, hành trang, mang theo đến ba ngàn vạn thứ hàng hóa và mười vạn lương thực, dự định trên đường đi đổi lấy lãi. Lại có tiền riêng, thuê người lái thuyền.

Sau khi sắm sửa đầy đủ, đi đến bờ đại dương, họ thiết lễ tế Thần biển. Ngoài thuyền bè và mọi dụng cụ đã được đầy đủ, lại phải thuê năm người: người thứ nhất lái thuyền, người thứ hai chèo, người thứ ba vá thuyền, người thứ tư giỏi nghề lặn, người thứ năm là thuyền trưởng. Các

người này lại nói với nhau: "Ai có tội lỗi cần phải sám hối cho được thanh tịnh."

Họ lại dạy nguyên tắc đi biển, rồi sau đó mới nhổ neo đi vào biển tìm châu báu. Bấy giờ đoàn thương nhân đang ở giữa biển, bỗng nhiên có trận gió dữ dội thổi thuyền bè trôi vào nước La-sát. Nước này có nhiều nữ La-sát. Khi sắp đến bờ có trận cuồng phong làm tàu bè hư nát. Lúc ấy các thương nhân dùng tay chân bơi vào bờ.

Nói về các quỷ nữ La-sát, trước đây nghe trong biển có tàu vỡ chìm, họ liền đến tiếp cứu, vớt được thương chủ và năm trăm thương nhân, vui mừng khôn xiết, đem về cùng nhau vui thú ngũ dục, sinh ra con trai, con gái. Đến khi các nữ La-sát nghe tin có tàu chìm trong biển thì họ đem đoàn thương nhân trước nhốt vào trong thành sắt.

Sau khi nhốt họ xong, chúng giấu hình dạng thật, hiện thành những đồng nữ, hoặc hiện những nàng dâu mới về nhà chồng, hình dung đẹp đẽ, dễ thương hơn loài người, nào khác chư Thiên. Hóa thân như vậy rồi, chúng dùng nước thơm tắm gội, dùng hương thơm thoa vào người, mặc đủ thứ y phục, thân trang sức bằng những chuỗi anh lạc, đầu đội mũ kết bằng hoa tuyệt đẹp, khắp thân đeo những tua anh lạc, lại dùng các hoa đẹp trang điểm trên thân với những chuỗi hoa, nơi các tràng hoa có gắn linh quý. Chúng vội vã đi đến chỗ tàu chìm. Đến nơi nói với các thương nhân: "Này các Thánh tử, chớ nên sợ hãi! Các Thánh tử chớ nên ưu sầu! Các Thánh tử đưa bàn tay, khuỷu tay hay cánh tay, chúng tôi sẽ nắm lấy vớt ra khỏi nước."

Bấy giờ các thương nhân chỉ còn bảo vệ mạng sống, lo sợ bị chết, tưởng các nữ La-sát là người thật nên đưa cánh tay cho họ. Các nữ La-sát dìu các thương nhân ra khỏi biển cả. Sau khi ra khỏi biển, các nữ La-sát dùng lời ngọt ngào tình cảm nói với các thương nhân: "Lành thay! Này các Thánh tử, hãy đến đây! Quý vị từ phương xa nào đến? Các Thánh tử có thể cùng chúng em kết nghĩa trăm năm? Xin thương xót làm chồng, làm chủ chúng em. Ngày nay chúng em không người yêu thương, để chúng em khỏi khổ não ưu sầu, vì chúng em làm người gia trưởng, chúng em sẽ đúng phép hầu hạ, không để thiếu sót. Mời các Thánh tử về nhà chúng em, hoan hỷ thọ hưởng thú vui ngũ dục. Các Thánh tử chớ lo sợ, tất cả việc nhà chúng em sẽ đảm đang hoàn bị, bao nhiêu nhu cầu chúng em đều có. Vị thần lớn trong biển cả vì rất thương mến chúng em nên đã đưa các Thánh tử đến đây."

Bấy giờ tất cả thương nhân đồng nói với nữ La-sát: "Lành thay! Này các chị em, các chị em nên yên tâm, có thể đợi chúng tôi trong thời gian

ngắn, đến chừng nào hết ưu sầu.” Rồi sau đó, họ sống chung một căn phòng, buồn bã cất tiếng kêu khóc. Hoặc có người kêu lên: “Ôi thôi cha mẹ ơi!” Hoặc có người kêu lên: “Ôi thôi anh em ơi!” Hoặc có người than: “Ôi thôi chị em ơi!” Hoặc lại than: “Ôi thôi dòng họ quyến thuộc ơi!” Hoặc lại than: “Ôi thôi tôn tộc ơi! Chúng tôi ngày nay đã xa lìa thân thích!” Hoặc lại than: “Nay chúng tôi đã xa lìa kẻ thân yêu!” Hoặc lại than: “Ôi thôi cảnh giới Diêm-phù, mảnh đất tuyệt đẹp!”

Họ buồn rầu cất tiếng khóc than như vậy, rồi lại cùng nhau nói: “Ôi thôi chúng ta phải chịu đựng!” Nói lời này xong, họ đều thở ra hơi nóng và cùng nhau an ủi, dần dần được an tâm. Sau đó họ hướng lần về thành La-sát. Trên đường đi chưa đến thành, thấy một vùng đất bằng phẳng rộng rãi, không có gai góc, sỏi đá, bụi bặm, chỉ thấy những đồng cỏ xanh rợp mênh mông, bát ngát trông thật hữu tình.

Lại có những rừng cây xinh xắn, cành lá hoa quả sum suê, giống như đám mây xanh là là trên mặt đất. Khu rừng rộng rãi vô biên, đủ các loại cây như cây Na-ca-đa-ma-la, cây Ca-ni-ca-la, cây A-thấp-ba-tha, cây Ni-câu-đà, cây Ô-đồ-bà-la, cây Ba-la-xoa, cây A-xà-ra, cây Ca-ly-ra...

Lại có những loài hoa thơm mọc khắp cả rừng, những loài hoa đó là hoa A-đề-mục-đa-la, hoa Chiêm-ba-ca, hoa A-du-ca, hoa Ba-đa-la, hoa Ba-lợi-sư-ca, hoa Câu-lan-trà, hoa Câu-tỳ-đà-la, hoa Đàn-nô-sa-ca-lê-ca, hoa Mục-chân-lân-đa, hoa Tô-ba-na... Những loài hoa này có thứ mới tượng búp, hoặc có thứ đã thành búp hoa, hoặc có thứ hé nở, hoặc có thứ nở tròn đầy, hoặc có thứ sắp héo rụng...

Lại có những loại trái cây như quả Am-ba-la, hoặc quả Diêm-phù, hoặc quả Câu-xà, hoặc quả Phá-na-ba, hoặc quả Chân-đầu-ca, hoặc quả Ha-lê-lặc, hoặc quả Am-bà-lặc... Những loại trái cây này, hoặc có thứ còn xanh, hoặc có thứ đã chín, hoặc có thứ vừa chín có thể ăn được, hoặc có thứ chín mùi rụng xuống đất. Hoặc có những loại cây ăn trái vừa ra hoa...

Lại có vô số những loài chim bay đậu trên các cây như là chim Anh võ, chim Cù dục, chim Câu-sí-la, chim Khổng tước cồ, chim Ca-lăng-tần-già, chim Mạng mạng...

Trong hồ tràn ngập các loài hoa như là hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen vàng, hoa sen trắng...

Trong ao lại có các loài chim như Hồng hộc, Phù, Nhạn, Côn lôn, Oan ương... dạo chơi trong đó, làm tăng vẻ đẹp hồ ao, làm cho du khách thích thú, tiêu tan nỗi ưu phiền.

Bốn bức tường thành La-sát trắng sạch như ngọc kha tuyết hay như núi băng. Thành này nằm trên mặt đất, từ xa trông thấy giống như dải mây trắng từ dưới đất nổi lên. Lại trên các tường thành có các lầu gác để đẩy lui quân địch. Lầu gác này bao quanh như tường. Chung quanh bốn mặt thành có các hào lũy, trên mỗi hào lũy lại có các lan can bao quanh, hoặc có các lầu gác, trong mỗi lầu gác lại có những cửa sổ chắn song. Lại có các cung điện như chư Thiên được hành lang bao bọc tề chỉnh. Các lối đi ngay thẳng đẹp đẽ, có bảo trướng giăng che ở trên. Chung quanh thành có dựng các cờ lọng và trưng bày các bảo án với những chiếc lư xông đủ thứ những hương thơm tuyệt hảo.

Bấy giờ các nữ La-sát đưa các thương nhân đến thành này rồi, bảo thay y phục cũ, dùng nước nóng thơm tắm gội thân thể và mời ngồi trên các tòa hết sức sang trọng, rồi bày đủ trò ngũ dục mà vui chơi. Ở trước mặt trỗi lên những tiếng nhạc ngũ âm. Sống với những hình thức như vậy trải qua một thời gian khá lâu, sảng khoái thích thú, cùng nhau khoái lạc vô cùng.

Sau đó các nữ La-sát nói với các thương nhân: "Lành thay! Thưa các Thánh tử, phía Nam thành này có một chỗ mà các Thánh tử không được đến.'

Khi ấy trong số thương nhân có thương chủ là người thông minh lanh lợi, sâu xa vi tế, liền nghi nên suy nghĩ: "Vì những lý do gì các nàng này cấm đoán bọn chúng ta không được phép đi đến địa điểm phía Nam thành? Ta đợi các nàng này ngủ say, lúc ấy ta tìm đường đi đến chỗ cấm. Đến nơi ta sẽ quán sát xem thử việc lành hay dữ. Nếu biết được rồi, tùy theo sự việc, ta sẽ dùng phương tiện đối phó."

Suy nghĩ như vậy rồi, thương chủ theo dõi khi thấy các nữ La-sát nằm ngủ say, liền lén rời khỏi giường không gây một tiếng động, rồi cầm lấy con dao bén đi ra khỏi nhà, chăm chú tìm đường tiến tới, lần hồi đã đến một khu đất nhỏ, thấy một vùng kín đáo rợn người, vì nơi đây không có thảo mộc, thật đáng sợ hãi. Lại vọng nghe có tiếng người kêu la lớn tiếng, giống như tiếng kêu rên trong đại địa ngục. Nghe vậy, anh ta rất hoảng sợ, toàn thân lông dựng ngược, nên đứng yên giây lâu, lấy lại hơi thở, lần lần thân tâm bình tĩnh, ý chí phục hồi, rồi tiếp tục tiến lần trên con đường nọ.

Đi chưa được bao xa, anh ta thấy một tòa thành bằng sắt. Thành này cao ngất, chính là chỗ phát ra tiếng rên la. Thương chủ đến nơi, đi giáp vòng bốn phía thành mà không thấy cửa vào, chỉ có mặt Bắc thành có một cây tên là Hiệp hoan, mọc gần bờ thành, cây này cao lớn vượt lên tường

thành. Thương chủ thấy vậy liền leo lên cây để quan sát nội thành, thấy xác chết số trên trăm người, hoặc có người đã bị ăn hết nửa thân, hoặc có người bị cắt phân nửa thân mà chưa chết, hoặc có người ngồi bị đói khát bức xúc, hoặc có người gầy ốm chỉ còn gân với xương, đôi mắt sâu hoắm như hai ngôi sao đặt dưới đáy giếng, hoặc có người mê muội nằm trên đất, đầu tóc bù xù, thân đầy đất bụi, hết sức ốm gầy, cùng nhau cắt thịt mà ăn. Do vì nguyên nhân đó nên họ rên la, giống như tội nhân thọ đại khổ não nơi cảnh giới Diêm-la vương.

Thương chủ thấy cảnh tượng như vậy thật là hãi hùng, toàn thân lông dựng ngược. Thương chủ hồi lâu mới lấy lại bình tĩnh, không còn sợ sệt, khí lực phục hồi, liền dùng tay lay động cành cây Hiệp hoan. Khi một cành lay động thì tất cả cành lá toàn cây phát ra tiếng động. Lúc ấy những người khổ não ngước mặt nhìn lên thành, thấy thương chủ trên cây Hiệp hoan. Thấy rồi, họ buồn rầu kêu hỏi:

–Người là ai? Là chư Thiên hay là Rồng? Là Dạ-xoa hay Càn-thát-bà? Là A-tu-la hay Ca-lâu-la? Là Khẩn-na-la hay Ma-hầu-la-già? Là Đế Thích hay Kiều-thi-ca? Hay là Thiên tôn Đại Phạm vương? Phải chăng thấy chúng tôi đang lâm ách nạn mà đến đây cứu vớt đau khổ?

Khi ấy họ chắp tay cúi đầu từ xa đảnh lễ, buồn khóc lớn tiếng, ngửa mặt thưa:

–Lành thay! Thưa Nhân giả, xin ngài vì thương xót chúng tôi, sinh lòng đại từ bi cứu chúng tôi khỏi tai nạn này. Chúng tôi đều là những người xa cách người thân yêu. Ngày nay xin ngài cứu vớt chúng tôi, dùng mọi phương tiện đưa chúng tôi trở về nơi thân ái.

Khi ấy thương chủ nghe lời van xin cầu cứu của những người này như vậy, thân tâm buồn bã âu sầu, nói:

–Này các người phải biết, ngày nay ta chẳng phải là chư Thiên, cũng không phải Rồng..., chẳng phải Đại Phạm thiên, chỉ là người cõi Diêm-phù, vì kinh doanh sự nghiệp mà vào biển cả tìm tài sản nên mới đến đây. Khi chúng tôi sắp trở lại đất liền, bỗng gặp một cơn gió mạnh làm thuyền bè vỡ nát, gặp các phụ nữ đến cứu vớt. Rồi từ đó đến nay, chúng tôi cùng với các nàng ấy vui chơi, thọ hưởng dục lạc. Tôi làm sao cứu được nỗi khổ của các người!

Rồi thương chủ hỏi lại:

–Tại sao các người ở đây chịu khổ như vậy?

Các người bị khổ nạn đáp:

–Lành thay! Thưa Thiện nhân, chúng tôi cũng vậy, từ cõi Diêm-phù-đề kinh doanh buôn bán, do vì ham tài sản nên vào đại dương. Sắp đến bờ, bỗng nhiên bị trận gió ác thổi đến làm tàu bè hư nát. Khi ấy chúng tôi gặp các quỷ nữ La-sát này cứu nạn, rồi họ cùng với chúng tôi vui thú ngũ dục. Nhưng khi chúng nghe tiếng kêu của các vị thì nữ La-sát liền biết trong biển cả có thuyền bị vỡ đắm. Lúc ấy chúng lập tức đem chúng tôi nhốt trong thành sắt này. Chúng tôi cũng có năm trăm bạn đồng hành, từ khi bị nhốt trong thành này đến nay đã bị chúng ăn thịt hết hai trăm năm mươi người, nay chỉ còn hai trăm năm mươi người mà thôi. Chúng tôi trước đó cũng ăn ở với họ, sinh con trai con gái. Nữ La-sát ăn nói tế nhị, dịu dàng ủy mị, nhưng chúng nó ham ăn thịt, nên số nam nữ sinh ra đều bị chúng ăn sạch. Vậy các người cẩn thận, chớ nên cùng chúng nó thọ hưởng thú vui năm dục. Vì cớ sao? Vì chúng nó không có tình thương. Thật đáng sợ!

Vị thương chủ lại hỏi:

–Đoàn người các anh có cách nào để thoát khỏi nạn La-sát hay không?

Họ liền đáp:

–Có một phương pháp.

Thương chủ lại hỏi:

–Phương pháp đó như thế nào? Hay thay! Xin nói giùm cho.

Họ liền trình bày:

–Vào đêm mười lăm tháng tư là ngày hội Đại hỷ lạc. Khi mặt trời, mặt trăng cùng sao Mão hợp lại, lúc ấy có một Mã vương tên là Kê-thi *(nhà Tùy dịch là Đa Phát),* hình dáng uy phong, ai cũng thích nhìn ngắm, bộ lông trắng sáng như ngọc kha bối, lông đầu xanh đen, phi nhanh như gió, giọng hí như tiếng trống rền vang. Mã vương dừng ở đâu thì tự nhiên có cháo gạo không lộn thóc, hết sức trắng tươi, đủ hương vị thơm ngon làm thức ăn cho Mã vương. Khi ăn xong, Mã vương đi đến mé biển, để lộ bán thân, nói bằng tiếng người ba lần: "Ai muốn qua khỏi biển rất mặn, ta nay sẽ chở các người vượt qua biển, đến bờ bên kia một cách an ổn." Nếu các anh gặp được Mã vương này, liền được thoát nạn. Chỉ một cách này, ngoài ra không còn có phương pháp nào khác. Nếu các anh muốn thoát nạn, nhất định không được tiết lộ điều này.

Vị thương chủ lại hỏi:

–Các anh đã từng gặp Mã vương Kê-thi hay chưa? Nếu các anh đã gặp tại sao các anh không gần gũi? Nếu các anh được gần gũi tại sao Mã

vương không đưa các anh qua khỏi biển. Chắc các anh lần đầu tiên nghe việc này do người khác nói lại, như vậy là giả dối không thật.

Những người kia đáp:

–Lành thay! Thưa Nhân giả, tôi nghe tiếng nói từ hư không vọng lại thế này: "Các thương nhân trong cõi Diêm-phù-đề ngu si vô trí. Vì sao? Vì ở vào đêm rằm tháng tư, khi sao Mão cùng mặt trăng giao hợp, là tiết hội Đại hoan lạc, họ không đi về con đường phương Bắc. Nếu đi về hướng đó sẽ gặp được Mã vương với hình dang uy phong, người nhìn không chán. Mã vương ăn cháo xong, đi về mé biển, để lộ bán thân, ngay đó xướng lên ba lần thế này: "Ai muốn qua khỏi biển mặn, về lại đất liền, ta có thể đưa họ từ trong biển cả về lại đất liền một cách an ổn." Những người nghe rồi, nếu ai tin tiếng nói từ hư không, thì đi về hướng Bắc, chỗ của Mã vương. Ai không tin lời nói này, tuy Mã vương có đến đó cũng trở về. Chúng tôi vì yêu mến nữ La-sát, cho nên ngày nay bị tai ách thế này.

Vị thương chủ lại hỏi:

–Các ông có ra đây cùng chúng ta tới chỗ Mã vương hay không?

Họ đáp:

–Chúng tôi muốn trèo lên thành thì thành cứ cao mãi. Chúng tôi muốn đào đất để chui ra thì lỗ đào liền bị đất lấp bít. Chúng tôi ở nơi đây không có thời kỳ ra khỏi, chúng tôi nhất định bị nữ La-sát ăn thịt, làm sao gặp lại thân bằng quyến thuộc. Các anh cẩn thận, chớ nên phóng dật. Chúc anh trở về được như ý, sớm trở lại quê hương đoàn tụ với cha mẹ, thân bằng quyến thuộc. Cúi xin các anh vui lòng giúp tôi một việc. Chúng tôi vốn sinh xứ ấy, thành ấy, ấp ấy. Lành thay! Khi các anh đến quê nhà chúng tôi rồi, thay lời chúng tôi vấn an sức khỏe cha mẹ cùng thân bằng quyến thuộc, thiện hữu tri thức và sau đó lại dặn bà con: "Này các thân bằng quyến thuộc, từ nay về sau chẳng nên có ý muốn đi vào biển cả. Vì sao? Vì trong biển cả có nhiều sự khủng bố như sóng to, gió lớn, dòng nước xoáy, dưới đáy biển có nhiều loài giao long, các quỷ nữ La-sát... Trong biển cả có nhiều nạn khủng bố như vậy. Bà con nên ở quê nhà làm các nghiệp thiện tùy nghi sinh sống, dẫu đem sức lực làm thuê cũng còn tồn tại để đoàn tụ cha mẹ, vợ con, thân bằng quyến thuộc, khỏi bị phân ly. Bà con nên thường bố thí, tạo nhiều phước nghiệp, giữ gìn trai giới."

Khi nghe nói như vậy, vị thương chủ hết sức sợ hãi, liền trèo xuống cây Hiệp hoan. Khi vị ấy xuống khỏi cây rồi, ngay lúc đó các người ở trong thành cất tiếng kêu la khóc lóc:

–Ôi thôi quá khổ! Ôi thôi vô cùng đau đớn! Cõi đất Diêm-phù-đề thật là xinh đẹp! Làm sao gặp lại mảnh đất này? Nếu trước kia chúng ta biết tai nạn như thế này, thà ở cõi Diêm-phù-đề đói ăn phân bò để sống, không vì tài sản mà đến xứ này!

Sau khi xuống khỏi cây, vị thương chủ y theo đường cũ trở về chỗ ngủ của mình. Khi ấy thấy tất cả mọi người và các quỷ nữ La-sát vẫn còn ngủ say, thương chủ nằm lại chỗ của mình, ngủ cho đến lúc trời sáng. Thức dậy, vị ấy nghĩ thế này: "Làm cách nào cho đoàn thương nhân biết việc này mà quỷ nữ La-sát không hay. Nếu ta vội nói việc này cho chúng biết, thì liền bị bại lộ. Nếu tiết lộ mà quỷ nữ La-sát hay được, e bị chúng nó đem bọn ta nhốt vào nơi ách nạn. Vậy ta phải giữ kín việc này cho đến tháng tư, vào ngày hội Đại hoan lạc, là ngày Mã vương đến, chừng ấy mới tiết lộ cho chúng thương nhân biết. Vì cớ sao? Vì xưa có kệ:

Phàm với điều hiểu biết
Vội thật tâm nói ra
Việc ấy bị tiết lộ
Người nghe truyền cho nhau.
Thế nên bị oán thù
Lại bị nhiều đau khổ
Cho nên kẻ trí tuệ
Không nói lời tiết lộ.

Khi ấy vị thương chủ suy nghĩ như vậy nên giấu kín chuyện này. Đến tháng tư, vào ngày hội Hoan lạc, vị ấy mới nói cho các thương nhân hay:

–Lành thay! Này các thương nhân, lúc này các người cẩn thận, không nên phóng dật, chẳng nên lưu luyến, chẳng nên sinh tâm ái nhiễm, hoặc tham đắm các phụ nữ này, hay tham ăn uống và tài sản. Ta hết sức thương xót các bạn, nên muốn tỏ điều bí mật cùng nhau. Khi các ông thấy quỷ nữ La-sát ngủ say rồi, nên cùng nhau tề tựu tại chỗ ấy.

Đoàn thương nhân nghe vị thương chủ nói như vậy, giống như sư tử ở sơn lâm bỗng nhiên rống tiếng dữ dội, bao nhiêu thú khác ở trong rừng nghe tiếng sư tử rống hết sức sợ hãi. Họ nói với nhau:

–Chúng ta chưa thoát khỏi cảnh đáng ghê sợ nơi đại hải này.

Ngày đã qua, màn đêm buông xuống, đoàn thương nhân thấy tất cả quỷ nữ La-sát nằm ngủ say, liền lén rời khỏi giường, đồng đi đến chỗ đã hẹn. Khi đến nơi, họ đồng thưa thương chủ:

–Lành thay! Thưa thương chủ, những gì thương chủ mắt thấy, xin nói cho chúng tôi biết, hoặc thương chủ nghe lại từ người khác, vì thương xót lợi ích cho chúng tôi, xin nhân giả nói lại cho chúng tôi cùng nghe.

Khi ấy vị thương chủ bảo các thương nhân:

–Các người phải biết, giờ đã đúng lúc, việc bí mật mới được tiết lộ.

Các thương nhân nói:

–Chúng tôi nói thật, khi nghe việc này rồi đều giữ bí mật.

Vị thương chủ liền nói những việc mình đã chứng kiến cho các thương nhân nghe. Các thương nhân nghe thương chủ kể lại những việc như vậy, ưu sầu khổ não, hết sức buồn bã, run sợ thưa thương chủ:

–Lành thay! Thưa thương chủ, hiện nay chúng ta cần phải lập tức đi đến chỗ Mã vương, xin ngài đưa chúng ta về quê hương ở cõi Diêm-phù-đề một cách an toàn.

Liền khi ấy thương chủ và thương nhân đồng đi về phương Bắc, tụ họp ở chỗ Mã vương Kê-thi.

Nói về Mã vương ăn cháo gạo không lộn thóc, thanh tịnh, hương thơm tự nhiên, ăn rồi đi đến bờ biển, để lộ bán thân, dùng tiếng người xướng lên ba lần: "Ai muốn vượt khỏi biển, qua đến bờ bên kia, ta sẽ đưa giúp các người đến bờ bên kia một cách an ổn." Khi ấy đoàn thương nhân nghe Mã vương nói như vậy, vui mừng hớn hở, toàn thân lông dựng ngược, chắp tay đảnh lễ Mã vương và thưa:

–Lành thay! Thưa Mã vương, chúng tôi rất muốn qua bờ bên kia, xin ngài chở chúng tôi từ bờ biển này sang bờ bên kia.

Lúc ấy Mã vương bảo các thương nhân:

–Các người phải biết, chẳng bao lâu các quỷ nữ La-sát sẽ đến đây, đem con trai hay con gái hiển hiện trước mặt các ông, tỏ vẻ thương xót buồn khóc khổ sở. Khi ấy các ông không nên sinh tâm nhiễm trước, luyến ái. Nếu khi đó các ông khởi ý nghĩ thế này: "Đây là vợ tôi, đây là con trai tôi, đây là con gái tôi...." Giả sử lúc ấy các ông có cõi lên lưng tôi rồi, nhất định rơi xuống, bị La-sát ăn thịt. Nếu lúc ấy các ông khởi lên ý nghĩ thế này: "Họ không phải là của ta. Ta không phải là vật của họ. Chẳng phải con trai, con gái của ta." Giả sử lúc ấy tay các ông bám vào một sợi lông của ta, thì ta sẽ chở các ông, đưa các ông từ bờ biển bên này sang bờ biển bên kia một cách an toàn.

Đại Mã vương dặn lời như vậy rồi, lại bảo các thương nhân:

–Giờ này đã đến lúc các ông có thể cỡi trên lưng ta, hoặc nắm lấy một phần trên thân thể hay chân tay của ta.

Đoàn thương nhân, hoặc cởi trên lưng, hoặc nắm giữ một phần thân thể, bốn chân của Mã vương. Khi ấy Mã vương chở đoàn thương nhân vừa bay đi trong hư không nhanh như gió, vừa kêu lên những lời bi cảm.

Nói về đám quỷ nữ La-sát, đang nằm ngủ bỗng nghe tiếng bi cảm và tiếng ngựa phi như gió của Mã vương liền thức dậy, không thấy đoàn thương nhân đâu hết nên tìm kiếm mọi nơi. Lại xa xa trông thấy đoàn thương nhân, hoặc có người cỡi trên lưng ngựa, hoặc có người nắm lấy lông trên thân, đồng nương hư không mà đi. Thấy vậy chúng vội đưa trai gái chạy nhanh đến bờ biển, kêu khóc ai oán, với âm thanh rất khổ não, bằng những lời:

–Các Thánh tử ơi, nỡ bỏ chúng em để đi đâu vậy, làm cho chúng em mất chồng. Anh là chồng của em, trước đây bị nạn chìm trong biển cả khủng khiếp, chúng em vớt lên chỉ muốn cùng nhau kết nghĩa vợ chồng. Ngày nay các anh nỡ bỏ chúng em ra đi về xứ nào? Các anh là kẻ vô ân bạc nghĩa, vì sao bỏ em, không báo ân? Nếu khi chúng em sống ở bên chồng có điều gì làm phật ý, nay xin sám hối tạ tội. Từ nay trở đi, chúng em không dám làm các điều ác. Này các phu quân, phàm đấng nam nhi không nên giở lòng oán giận, xin mau trở về. Ngày nay bỏ chúng em đi về đâu? Này các thánh tử, nếu ngày nay các đức lang quân không dùng chúng em, còn các đứa con trai, con gái này hãy mang chúng nó theo!

Khi các quỷ nữ La-sát nói lời buồn thương ai oán như vậy, Mã vương Kê-thi vẫn chở năm trăm thương nhân từ biển cả đến cõi Diêm-phù-đề một cách an ổn.

Này các Tỳ-kheo, ý các thầy nghĩ sao? Chớ phân vân về Mã vương Kê-thi lúc đó. Nào phải là người nào khác, chớ sinh ý nghĩ gì khác, chính là thân Ta. Còn vị đại thương chủ trong số năm trăm thương nhân đâu phải người nào khác, nay chính là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Năm trăm thương nhân đâu phải là ai khác, nay chính là năm trăm đệ tử của ngoại đạo San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca vậy.

Thuở ấy Ta vì năm trăm thương nhân bị ách nạn rơi vào cảnh giới La-sát. Sau đó nữ La-sát sắp đem năm trăm thương nhân tùy ý làm hại. Lúc ấy thương chủ đem năm trăm thương nhân đến chỗ Ta, lúc ấy Ta chở họ khỏi biển đến đất liền, cứu họ thoát khỏi khổ ách. Còn ngày nay, Ta cũng vì năm trăm đồ chúng đi trên con đường hư vọng vào trong đồng hoang tà kiến nguy hiểm của ngoại đạo San-xà-da, Xá-lợi-phất ở

trong ngoại đạo này giáo hóa họ, đem đến chỗ Ta, Ta cũng dạy họ đang ở trong đồng hoang tà kiến ra khỏi biển sinh tử.

Này các Tỳ-kheo, Như Lai khi chưa thành Phật, đã làm những việc lợi ích lớn. Do vậy các thầy đối với Phật cần phải sinh tâm cung kính tôn trọng và sinh tâm tưởng thán phục, cho nên các thầy cần phải tu học như vậy.

Phẩm 51: ĐOẠN TRỪ NIỆM BẤT TÍN VỚI VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI

Theo thuyết của các thầy Ma-ha Tăng-kỳ nói: "Lúc ấy Đức Như Lai độ Trưởng lão Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên cùng năm trăm môn đồ đều được xuất gia thọ giới Cụ túc. Sau đó Ngài từ nước Ma-già-đà tuần tự đi từ làng này đến làng khác, tùy ý du hành qua các thôn ấp, lần lần đến thành Vương xá."

Theo thuyết của các thầy thuộc bộ Ca-diếp-di lại nói khác: "Đức Như Lai đến núi phương Nam, du hành các xứ, rồi sau đó trở về thành Vương xá."

Thuở ấy có nhiều thiện nam oai quyền thế lực lớn, ảnh hưởng rộng rãi trong xã hội, theo Như Lai tu tập phạm hạnh. Nhưng ngược lại cũng có những người chê trách Thế Tôn, họ nói:

–Sa-môn Cù-đàm luôn khiến chúng ta không có con cái, khiến chúng ta tán gia bại sản, làm cho chúng ta tuyệt tự. Sa-môn Cù-đàm đã độ một ngàn Phạm chí búi tóc xuất gia. Sa-môn Cù-đàm cũng cướp đoạt năm trăm đệ tử của San-xà-da Ba-ly-bà-xà-ca khiến họ xuất gia. Nay tại nước Ma-già-đà cũng có nhiều thiện nam oai đức thế lực lớn, đang hướng về Như Lai tu phạm hạnh.

Các người hủy báng này khi thấy các Tỳ-kheo sắp đến trước mặt mình, họ cùng nhau nói kệ:

Đại Sa-môn trở lại
Vượt Nam sơn đến đây
Đã độ chúng Bà-xà
Sẽ dụ ai đi đây?

Khi ấy chúng Tỳ-kheo nghe họ nói những lời như vậy, lấy làm xấu hổ, trở về Trúc lâm trình lên Phật bài kệ ấy. Khi đó Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các thầy phải biết, những lời nói như vậy không tồn tại lâu dài, chỉ trong vòng bảy ngày. Sau bảy ngày, những lời nói ấy tự tiêu diệt, mọi nơi không còn nghe. Này các Tỳ-kheo, nếu có người đến với các thầy nói bài kệ như vầy:

Đại Sa-môn trở lại
Vượt Nam sơn đến đây
Đã độ chúng Bà-xà
Sẽ dụ ai đi đây?

Nếu họ nói như vậy thì các thầy dùng kệ như sau đáp lại:

Thế Tôn Đại Trượng Phu
Như pháp dẫn người đi
Đã đi như pháp rồi
Kẻ trí nào không theo.

Một hôm, vào lúc bình minh, mặt trời còn ở phương Đông, các Tỳ-kheo đắp y mang bình bát vào thành khất thực. Khi ấy các người hủy báng cùng đem bài kệ chế diễu các Tỳ-kheo:

Đại Sa-môn trở lại
Vượt Nam sơn đến đây
Đã độ chúng Bà-xà
Sẽ dụ ai đi đây?

Khi ấy các Tỳ-kheo dùng kệ như trên đáp lại. Lúc ấy các người kia nghe kệ rồi, suy nghĩ: "Phàm Sa-môn Thích tử độ người đều dạy họ thực hành đúng như chánh pháp, không phải là không đúng chánh pháp."

Do đó, những lời kệ của họ chỉ tồn tại trong bảy ngày. Qua bảy ngày, tất cả sự việc trên không còn, ở mọi nơi đều không còn nghe nữa.

□

Phẩm 52: NGHI THỨC THUYẾT PHÁP (Phần 1)

Một thuở nọ, tại đại thành Vương xá có chúng ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca, thường cứ mỗi năm ngày tập hợp quần chúng thuyết pháp. Thính giả đến nghe pháp rất đông. Vì vậy, trong thời gian này, hàng ngoại đạo Ba-ly-bà-xà-ca ấy được cung kính tôn trọng và nhiều lợi dưỡng.

Khi ấy quốc vương Tần-bà-sa-la ở thành Vương xá, nước Ma-già-đà rất chánh tín Phật pháp, suy nghĩ: "Ngày nay ngoại đạo Ba-ly-bà-ca thường thường cứ mỗi năm ngày tập hợp quần chúng thuyết pháp, thính giả đến nghe pháp rất đông. Vì vậy hàng ngoại đạo này được người đời quý trọng, cung kính cúng dường, được nhiều lợi dưỡng. Ngày nay, ta cũng tập hợp

các thầy Tỳ-kheo, khuyến thỉnh các thầy cứ mỗi năm ngày thuyết pháp một lần, rồi ta đích thân đi dự đại hội. Nếu chúng hội thấy ta đến, thì tất cả dân chúng cũng đều đến dự. Vì vậy sẽ khiến thầy của ta được người thế gian tôn trọng, cung kính cúng dường, được nhiều lợi dưỡng."

Nghĩ như vậy rồi, nhà vua liền đem mọi việc đến bạch Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn nhân sự việc này tập hợp chúng Tỳ-kheo, bảo:

–Này các Tỳ-kheo, Ta đã hứa với đại vương Tần-bà-sa-la, cứ mỗi năm ngày các Tỳ-kheo được phép tổ chức đại hội, vì quần chúng mà thuyết pháp, luận bàn nghĩa lý các pháp.

Các Tỳ-kheo lúc ấy bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, chúng con sẽ thuyết những pháp gì? Và không nên thuyết những pháp gì?

Khi các Tỳ-kheo hỏi như vậy, Đức Phật bảo đại chúng Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Ta đã hứa với đại vương Tần-bà-sa-la, cứ mỗi năm ngày, khi tập họp đại chúng xong, các thầy nên tán thán công đức của Phật, công đức của Pháp, công đức của Tăng, công đức của chánh tín, cho đến tán thán sơ lược các công đức trì giới, đa văn, bố thí, trí tuệ, tri túc, thiểu dục, đầu đà, xa lìa làng xóm thành ấp, thường ưa ở chỗ vắng lặng, hành diệu hạnh, lợi ích, tinh tấn; các công đức cúng dường cha mẹ, tôn trưởng, Sa-môn và Bà-la-môn, cúng dường thiện hữu tri thức; tán thán thiện ngôn, tán thán chế ngự các căn, tán thán ăn uống có tiết độ, tán thán đầu đêm cuối đêm tỉnh thức không ngủ nghỉ, tán thán sinh chánh niệm, tán thán cùng phục vụ nhau, tán thán công đức cùng nhau học hỏi, tán thán công đức nghe pháp được lãnh ngộ, tán thán công đức đã làm theo điều đã nghe thầy dạy, không chống trái; tán thán công đức nghe chánh pháp rồi sinh chánh tri kiến, nghe pháp rồi tùy thuận tu tập; tán thán công đức niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thiên, niệm thí, niệm tịch diệt, niệm quán sổ tức, niệm thân, thường niệm quán tưởng bất tịnh, niệm tử tưởng, niệm ăn uống khởi tưởng bất tịnh. Tán thán quán tưởng thế gian không an lạc, tưởng vô thường, tưởng khổ không, tưởng vô ngã. Tán thán công đức của tưởng từ bỏ diệt, tưởng ly dục, tưởng diệt, tưởng tướng xương trắng, tưởng xương phân tán, tưởng sình trướng, tưởng sắp rã nát, tưởng mất nửa thân người, tưởng thân tan rã. Tán thán tưởng thiêu cháy nửa thân, tưởng thiêu cháy đỏ, tưởng thân đáng ghét, cũng nên tán thưởng niệm các công đức. Cũng nên tán thán tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác, bát đạo phần, tán thán pháp môn giải thoát và các phần giải thoát, tán thán tám thắng xứ, tán thán tam minh. Cũng tán thán công đức sáu phép thần thông.



KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 50

Phẩm 52: NGHI THỨC THUYẾT PHÁP (Phần 2)

Bấy giờ các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Như Lai đã cho phép chúng ta, cứ mỗi năm ngày nhóm họp quần chúng để tán thán công đức của chư Phật..., tán thán sáu phép thần thông."

Sau đó, các Tỳ-kheo cứ năm ngày lại nhóm họp một lần, rồi các thầy thuyết pháp bằng cách đồng thanh tán thán công đức chư Phật..., tán thán công đức sáu phép thần thông. Khi ấy thính giả nghe pháp đều bàn tán chê bai, nói:

–Tại sao các thầy của ta thuyết pháp cùng một âm điệu, giống như bọn con nít mới tập học, cùng nhau tập đọc.

Các Tỳ-kheo nghe thính giả chê bai như vậy, đem việc này về trình lên Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, từ nay trở đi, Ta không cho các thầy đồng thanh tán thán giáo pháp, chỉ cho phép các thầy thỉnh một vị nào có biện tài khả năng thuyết pháp.

Lúc ấy các Tỳ-kheo hoặc thỉnh các thầy kém khả năng, thiếu uy nghi, giới đức bị hủy phạm, không được thanh tịnh, làm người thuyết pháp. Thính giả lại chê bai bằng những lời không vui lòng đẹp ý. Họ chê rằng:

–Các pháp sư mà còn nói lời như vậy, huống gì không phải pháp sư!

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, trình lại đầy đủ lên Đức Phật. Đức Phật dạy:

–Này các Tỳ-kheo, từ nay về sau, Ta dạy các đệ tử không được thỉnh các thầy kém khả năng, thiếu uy nghi, giới đức không thanh tịnh làm vị pháp sư. Nếu có thỉnh vị pháp sư thì phải thỉnh thầy đầy đủ khả năng, phải là thầy ở trong chúng thành tựu giới hạnh.

Cho đến Đức Phật quy định:

–Cần phải thỉnh thầy hiểu giáo pháp và có tài thuyết pháp, tuần tự hiểu rõ các kinh A-hàm làm vị Pháp sư.

Trong chúng có nhiều thầy hiểu các kinh A-hàm, Đức Phật dạy các thầy Tỳ-kheo:

–Chẳng những chỉ thỉnh các thầy hiểu các kinh A-hàm làm vị Pháp sư, mà vị ấy cần phải hiểu các luận khác. Nếu được thế thì mới nên thỉnh vị ấy đại diện chúng làm Pháp sư. Nếu trong đại chúng có nhiều Tỳ-kheo hiểu nghĩa lý các kinh, luật và luận thì chọn trong chúng những vị hiểu rõ văn tự, giỏi diễn giảng. Nếu trong chúng đang có những vị hiểu rõ văn tự, giỏi cả diễn giảng thì Ta cho phép thỉnh trong số ấy theo thứ lớp từ hạ tọa lần lên, thay đại chúng làm vị Pháp sư. Nếu vị thứ nhất bị ốm yếu thì lại thỉnh vị thứ hai. Nếu vị thứ hai bị ốm yếu thì thỉnh vị thứ ba. Nếu vị thứ ba bị ốm yếu thì nên thỉnh vị thứ tư. Nếu vị thứ tư ốm yếu thì nên thỉnh vị thứ năm. Như vậy lần lượt thỉnh các thầy Tỳ-kheo có khả năng thuyết pháp, thay đại chúng làm vị Pháp sư.

Lúc bấy giờ có những Tỳ-kheo thuyết pháp ngoài trời, hoặc bị nóng hay bị lạnh. Đức Phật liền cho phép cất giảng đường ở trong đó thuyết pháp. Tuy có giảng đường mà không có bốn vách, bị gió thổi bụi rác làm nhơ nhớp các thầy, Đức Phật lại cho phép xây tường chung quanh giảng đường ngăn chận bụi rác.

Các Tỳ-kheo thuyết pháp trong giảng đường như vậy, nhưng nền giảng đường không bằng phẳng, nên dùng các thứ đay hoặc cỏ rải trên mặt đất, hoặc dùng bùn tô trên mặt nền để được sạch sẽ.

Khi ấy các Tỳ-kheo xây cất giảng đường tráng nền đất xong, ở trong đó tu tập, đọc tụng, kinh hành. Bị bụi làm dơ chân nên Đức Phật cho các thầy Tỳ-kheo được phép rửa chân.

Khi ấy các Tỳ-kheo thường xuyên rửa chân nên gót bị đau nhức, Đức Phật mới dạy các Tỳ-kheo nên dùng nước nóng thơm rưới trên nền để quét sạch bụi.

Sạch bụi rồi, thì nền nhà khô trở lại, làm dơ chân nên Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Ta nay cho phép các thầy dùng phân bò và nước hương thơm trét trên nền giảng đường.

Khi nước hương thơm khô rồi thì phân bò bị bong nát làm dơ chân như trước. Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo nên dùng cỏ mềm hoặc đay trải lên mặt nền.

Khi thấy các Pháp sư đầy đủ biện tài thuyết pháp, quần chúng liền đem hoa thơm rải trên mình Pháp sư. Khi ấy các Pháp sư không nhận pháp cúng dường này, lại xa lánh. Vì sao? Vì Đức Phật cấm người xuất gia không

được dùng hương thơm và các tràng hoa thơm. Khi ấy thính giả nghe thấy việc như vậy mới chê trách các Tỳ-kheo này:

–Đối với đồ cúng dường tầm thường như vậy mà không dám nhận, huống nữa là vật tốt đẹp hơn.

Các Tỳ-kheo đem việc này trình lên Đức Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nếu có đàn việt cư sĩ vì cầu an lành, hoan hỷ đem các loại hoa thơm, bột thơm và tràng hoa rải lên người Pháp sư thì các thầy nên thọ lãnh.

Khi ấy lại có kẻ đàn việt cư sĩ đem của cải quý giá áo ca-sa cúng dường, vị Pháp sư lo sợ, xấu hổ nên không nhận lãnh. Người đời thấy vậy bàn tán, chê bai:

–Hàng Sa-môn Thích tử này đối với đồ vật tầm thường như vậy còn không dám thọ nhận, huống nữa là vật tốt hơn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe việc như vậy, đem việc này trình lên Đức Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Nếu có người đời đem của cải và ca-sa... dâng cúng cho vị Pháp sư với tấm lòng hoan hỷ, thì Ta cho phép các thầy xả thí. Nếu thầy nào cần dùng thì cho phép nhận lãnh. Nếu thầy nào không cần dùng, thì được phép cho lại.

Bấy giờ các Tỳ-kheo trong thời thuyết pháp lại đem bộ kinh lớn, nên tụng thầm hoặc một tháng mà không xong, chỉ muốn mau xong, lo sợ xấu hổ, chỉ muốn mong tụng mau hết, nên thân tâm mỏi mệt.

Khi ấy các Tỳ-kheo đem việc này trình lên Đức Phật. Bấy giờ Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Vì đại chúng thuyết pháp phải hợp thời.

Thuở ấy các Tỳ-kheo thuyết pháp dùng giọng truyền cảm, lời lẽ văn chương diễn thuyết. Khi ấy các Tỳ-kheo lo sợ, xấu hổ, liền đem việc này bạch lên Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Ta cho phép các thầy dùng lời văn chương truyền cảm diễn thuyết nghĩa lý các pháp.

Thuở ấy có các thầy lược lấy các nghĩa chính trong kinh mà thuyết pháp cho đại chúng nghe, không thuyết theo thứ lớp. Khi ấy các Tỳ-kheo lo sợ, xấu hổ, lo trái với kinh luật, đem đầy đủ việc này trình lên Đức Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Ta cho phép tùy tiện trích lấy nghĩa cốt yếu trong các kinh, sắp đặt theo câu văn mà thuyết pháp, nhưng phải lấy đúng nghĩa, không được sai ý bổn kinh.

Thuở ấy các vị Pháp sư trong khi thuyết pháp, vì đại chúng nhóm họp đông đảo, tiếng thuyết pháp nghe không được rõ ràng, làm cho đại chúng không được hoan hỷ vừa lòng. Khi ấy các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Phật một cách đầy đủ. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Ta nay cho phép ở trong đại chúng được thiết lập tòa cao, rồi thỉnh Pháp sư thăng tòa thuyết pháp để mọi thính giả được nghe.

Một hôm các thầy Tỳ-kheo tổ chức đại hội thuyết pháp, quần chúng nhóm họp đông đảo, tiếng thuyết pháp của Pháp sư cũng không cùng khắp. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật lại dạy:

–Cần phải thiết tòa cao gấp bội, mời Pháp sư lên tòa ấy thuyết pháp.

Đại chúng thiết tòa cao gấp nhiều lần mà tiếng của vị Pháp sư vẫn không vang khắp. Các Tỳ-kheo lại bạch Phật. Đức Phật dạy:

–Ta cho phép các thầy tùy tiện hoặc đi hoặc đứng mà thuyết pháp.

Thuở ấy, các Tỳ-kheo tập trung trong một giảng đường mà có đến hai thầy diễn nói kinh pháp nên làm trở ngại lẫn nhau. Do đó liền cất hai giảng đường, ở trong mỗi giảng đường có một Pháp sư thuyết pháp khác nhau, nhưng vẫn còn trở ngại lẫn nhau. Vì chúng Tỳ-kheo ở trong giảng đường này đi đến giảng đường kia, rồi Tỳ-kheo giảng đường này rủ Tỳ-kheo giảng đường kia thay nhau trở lại giảng đường này. Hoặc có Tỳ-kheo không thích nghe pháp môn này nên thính giả có kẻ qua giảng đường này, kẻ lại giảng đường kia, làm cho pháp hội ồn ào, sự nghe pháp không được liên tục. Lúc ấy các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Từ nay trở đi, không được hai người thuyết pháp chung một giảng đường, lại cũng không được xây cất hai giảng đường gần nhau khiến tiếng nói giảng đường này làm ồn giảng đường kia. Cũng không được chúng giảng đường này đến giảng đường kia, chúng giảng đường kia đến giảng đường này, không được chê bai pháp môn, không ưa thích nghe thuyết. Ai chê bai phải theo đúng như luật mà xử trị.

Một hôm, trong chúng không có Pháp sư, các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Nếu không có Pháp sư, nên thỉnh một vị lên tòa tụng kinh.

Lúc ấy trong chúng không có người biết tụng kinh, các Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Ta cho phép các thầy theo thứ lớp mà tụng kinh: Hoặc từ hàng Thượng tọa theo thứ lớp sai tụng kinh, hoặc từ hàng hạ tọa theo thứ lớp sai tụng kinh, cho đến đọc một bài kệ bốn câu.

Bấy giờ có những Pháp sư tụng kinh giống như người đời, ca ngâm các pháp, nên người nghe bàn luận chê bai:

–Tụng kinh như vậy giống chúng ta ngoài đời ca vịnh. Sa-môn cạo tóc đâu được ca vịnh như vậy mà nên thuyết pháp.

Các Tỳ-kheo nghe việc như vậy, liền đem việc này trình lên Phật. Đức Phật dạy các Tỳ-kheo:

–Nếu thầy Tỳ-kheo dùng giọng ca vịnh theo đời để thuyết pháp thì mắc phải năm lỗi. Năm lỗi ấy là gì? Một là nhiễm thói quen giọng ca vịnh. Hai là người nghe sinh nhiễm tâm, không nhận được nghĩa chánh pháp. Ba là do giọng trầm bổng làm mất chữ trong câu kinh. Bốn là người đời nghe được, bàn tán chê bai. Năm là người đời tương lai nghe việc như vậy liền căn cứ vào việc làm thế gian cho là nguyên tắc thông lệ.

Nếu có Tỳ-kheo nào dựa vào giọng ca vịnh của thế tục mà thuyết pháp thì người ấy bị năm lỗi như vậy. Vì vậy, không được dùng giọng ca vịnh mà thuyết pháp.

Này các Tỳ-kheo, nếu thầy nào chưa hiểu các pháp như trên, đến ở nơi nào, trước phải thỉnh ý vị Hòa thượng hay A-xà-lê...

Khi ấy các có Tỳ-kheo muốn du hành tha phương đến thành ấp, xóm làng. Các vị Hòa thượng và A-xà-lê bảo các Tỳ-kheo đó:

–Này các thầy, các thầy không nên đến đó.

Khi ấy các Tỳ-kheo không tuân lời, cứ ra đi. Khi đi đến giữa đường gặp phải bọn cướp, chúng bắt lấy các Tỳ-kheo này. Họ dùng tay chân đánh đập, các thầy đau khổ vô cùng, chỉ còn lại mạng sống thoi thóp. Bọn cướp đoạt lấy y bát, rồi sau đó mới thả ra. Sau đó, các Tỳ-kheo trở về chùa, đem việc này thuật lại đầy đủ với các thầy khác. Bấy giờ Tỳ-kheo đem việc này bạch lên Phật. Đức Thế Tôn nhân việc này cho triệu tập chúng Tăng, hỏi các thầy:

–Thật sự các Hòa thượng và A-xà-lê của các thầy không đồng ý cho các thầy viễn du đến các xóm làng đó phải không?

Các Tỳ-kheo đó trả lời:

–Bạch Thế Tôn, thật sự như vậy.

Đức Phật lại hỏi:

–Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết việc làm như vậy là không tốt. Hòa thượng và A-xà-lê của các thầy đã không cho, tại sao các thầy tự tiện đi đến xóm làng ấy?

Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, vì sao có chuyện như vậy? Ta nhớ trong quá khứ, ở trong cõi Diêm-phù-đề này, trong đoàn thương nhân năm trăm người, có một thương chủ tên là Từ Giả, là người dẫn đầu.

Lúc ấy các thương nhân tập trung bàn luận với nhau:

–Chúng ta ngày nay nên sắm đầy đủ tất cả dụng cụ lương thực để đi vào biển cả tìm kiếm bảo vật, quyết sẽ được nhiều trân bảo như ma-ni, chân châu, kha ngọc, san hô, vàng, bạc... đem về nhà, khiến bọn chúng ta giàu có trong bảy đời liên tiếp, trở thành đại phú gia, giữ lấy tài vật này, nuôi dưỡng quyến thuộc, kinh doanh sự nghiệp.

Lúc ấy năm trăm thương nhân sắm đầy đủ các dụng cụ phương tiện, hàng hóa để đi vào biển, tổn phí lên đến ba ngàn vạn tiền. Một ngàn vạn lo việc lương thực trong khi đi đường. Một ngàn vạn cho thương nhân làm vốn buôn bán. Một ngàn vạn lo vào việc tu bổ và thuê người lái thuyền.

Chuẩn bị đầy đủ như vậy rồi, mỗi người đều an tâm thọ Bát quan trai. Thọ Bát quan trai rồi, mỗi người đều về nhà mình từ biệt cha mẹ, vợ con, quyến thuộc.

Lúc ấy thương chủ Từ Giả đem việc này thỉnh ý mẹ. Khi đó mẹ ông ta đang ở trên lầu, vừa mới tắm rửa xong, thọ Bát quan trai giới được yên tĩnh. Từ Giả đến trước cha mẹ thưa:

–Lành thay! Thưa cha mẹ, con muốn vào đại dương tìm của báu. Đến nơi đó con tìm được nhiều của cải như ma-ni, chân châu, pha lê cho đến vàng, bạc, rồi sẽ trở về, sẽ khiến nhà mình giàu có trong bảy đời, mọi vật dụng đều được đầy đủ, vô cùng giàu có, cúng dường cha mẹ, nuôi dưỡng vợ con, lại đem bố thí tạo các công đức.

Lúc ấy mẹ của thương chủ Từ Giả bảo:

–Con cần gì phải vào trong biển cả. Trong nhà con ngày nay đầy đủ tài sản, hết sức giàu có, hễ cần thứ gì thì đều có đầy đủ, không thiếu hụt đến bảy đời nữa có thể sinh sống và cứu tế, làm việc cúng dường và bố thí để tạo các công đức. Này con yêu quý, trong biển cả có nhiều điều khủng bố như phong ba bão chướng dữ dội, cá Đê-di-la, Thần biển gây khủng bố, cùng quỷ nữ La-sát... Này con yêu quý, trong biển cả có nhiều tai nạn như

vậy. Mẹ tuổi đã già, sự suy yếu đã đến, con yêu quý nếu ra đi thì việc mẹ con tái ngộ thật khó khăn. Mạng sống của mẹ ngày nay thật mong manh, ngày chết gần kề.

Mẹ Từ Giả tha thiết nói ba lần như vậy. Từ Giả lại thưa mẹ:

–Lành thay! Thưa mẹ, con đã quyết định đi vào biển để tìm của báu. Đến đó, con sẽ thâu được nhiều ngọc quý rồi quyết định sẽ trở về, mang theo các thứ ma-ni, chân châu, vàng, bạc... đem dâng cha mẹ, sư trưởng, cứu tế, bố thí, tạo nhiều công đức.

Nói lời này rồi, Từ Giả ra đi. Lúc ấy mẹ Từ Giả rời khỏi chỗ ngồi, đi đến ôm lấy Từ Giả, nói:

–Từ Giả, con yêu quý của mẹ! Mẹ không đồng ý cho con vào biển tìm châu báu. Vì sao trong nhà mình đang có rất nhiều của cải mà con còn đi tìm?

Khi ấy Từ Giả thầm nghĩ: "Mẹ ta không vui với việc của ta đã là tổn hại rồi. Hôm nay lại không cho ta vào biển tìm châu báu thì ta sẽ bị tai họa thất bại." Vì vậy, Từ Giả nổi giận, đánh mẹ mình té nằm trên đất, đạp vào đầu rồi bỏ đi.

Từ Giả cùng đoàn thương nhân đi đến bờ biển. Đến nơi, họ tổ chức lễ tế Thần biển. Tế lễ xong, họ sửa soạn thuyền bè nghiêm chỉnh. Ngoài ra, họ còn thuê riêng năm người giá gấp ba lần. Năm người này lo các việc sau: Một người giữ dây buồm, một người nắm bánh lái, một người tu bổ tàu, một người có tài bơi lặn, một người có tài đi biển.

Mọi việc được sắp đặt xong, họ liền lên thuyền ra khơi, vào trong biển cả để tìm của báu.

Khi đoàn người đi vào trong biển, tàu bè bị vỡ tan, năm trăm thương nhân đều bị chết đuối, chỉ còn một mình thương chủ Từ Giả sống sót. Lúc ấy Từ Giả bám vào mảnh thuyền vỡ, nương vào mảnh gỗ này dùng sức tay chân bơi lội hết sức lực, nhờ sức gió thổi nên sóng đưa vào bờ, lạc đến một hòn đảo nhỏ tên là Tỳ-thi-đề-bà *(nhà Tùy dịch là Hóa chử)*.

Lúc ấy Từ Giả ở trên đảo chỉ ăn trái cây và rau cỏ. Sống ở đây một thời gian ngắn, sau đó Từ Giả dạo khắp nơi, đến phía Nam đảo thấy có một lối đi, liền đi theo lối này chừng một khoảng ngắn, xa xa trông thấy một thành bằng bạc, thành này rất hấp dẫn, đẹp đẽ ít có, xem hoài không chán. Nào lầu gác, vọng gác đẩy lui quân địch, hào lũy bao quanh, có lan can cửa chắn. Các cửa đó đều làm bằng ngọc quý, cung điện lầu đài, thềm thang lót ván, trên giăng bảo trướng, trang hoàng ngọc quý, treo đủ phướn lọng, dùng

những bảo phan, bàn án, lư hương, xông hương thơm ngát. Chung quanh thành có nhiều vườn rừng, hồ ao, sông rạch đều là chỗ đầy đủ thú vui chơi.

Chính giữa thành có một bảo điện tên là Hỷ lạc. Điện này được làm bằng bảy báu như là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, hổ phách, chân châu... Lúc ấy có bốn phụ nữ tuyệt thế giai nhân từ trong thành đi ra, dung nhan kiều diễm, khả ái, trang điểm bằng chuỗi anh lạc, nhìn hoài không chán. Họ hướng về thương chủ Từ Giả thưa:

–Lành thay! Từ Giả đã tới đây. Làm sao có thể mạo hiểm lặn lội đến đây? Thành này vô chủ, lại đầy đủ của cải không thiếu vật gì. Trong thành có một bảo điện tên là Hỷ lạc, làm bằng thất bảo. Chúng em đang sống trong đó. Tối ngủ, sáng thức dậy tâm ý trong sạch, ăn nói chân thật, dung hạnh thùy mỵ, giọng nói dịu hiền. Do vậy, ngày nay chàng có thể vào thành này, đi lên bảo điện. Nơi đó không có đàn ông, mặc tình chàng đi, đứng, nằm, ngồi. Chúng ta cùng nhau hòa hợp thọ hưởng dục lạc. Chúng em đem tất cả phẩm vật dâng hiến, cung phụng cho chàng.

Khi ấy Từ Giả liền vào thành, đến cung điện không có đàn ông, cùng bốn nàng này mặc tình thọ hưởng năm dục. Sống như vậy trải qua vài năm, rồi trải qua một trăm năm, trải qua một ngàn năm buông lung hưởng thụ khoái lạc.

Vào một hôm, bốn nàng lại thưa với Từ Giả:

–Lành thay! Này Thánh tử, chàng cứ ở trong thành này, không được đi đến các thành khác.

Từ Giả liền sinh nghi: "Tại sao các nàng ấy lại nói với ta lời thế này: "Ngày nay Thánh tử chỉ ở trong thành này, không được đi đến các thành khác." Ta không nên nghe lời các nàng, sẽ lén đi. Chờ cho các nàng ngủ say, ta theo con đường này đi khắp mọi nơi để biết việc này đích thực thế nào, hoặc lành hoặc dữ, khi đó ta tùy nghi xử lý."

Từ Giả chờ các cô gái nằm ngủ say, từ từ đứng dậy, ra khỏi bảo điện, tuần tự đi ra khỏi cửa thành phía Đông rồi đi quanh bốn phía thành. Khi đến mặt phía Nam thành thấy một con đường, liền theo đường này lần lần tiến tới, lại thấy từ xa một thành bằng vàng đẹp đẽ, hấp dẫn..., có nhiều sông ngòi, suối ao đầy nước bao quanh. Trong thành có một bảo điện tên là Thường túy được làm bằng bảy báu vàng, bạc, xa cừ, chân châu... nguy nga tráng lệ đẹp mắt. Lúc ấy có tám cô gái hình dung xinh đẹp, trang điểm bằng chuỗi anh lạc đẹp đẽ tuyệt vời từ trong thành này đi ra, hướng về thương chủ Từ Giả thưa:

–Lành thay! Từ Giả, làm sao chàng có thể từ xa đến đây?

Họ lại thưa thương chủ:

–Thành này làm toàn bằng vàng ròng, đầy đủ tài sản bảo vật, ở chính giữa thành có một bảo điện tên là Thường túy, làm bằng bảy báu. Chúng em tối ngủ sáng dậy...

Từ Giả cũng vào thành, lên bảo điện, nơi không đàn ông, cùng với tám nàng này mặc tình vui chơi hoan lạc thú vui ngũ dục. Như vậy, trải qua vài năm, trăm năm sống tự do. Một hôm nọ, tám cô gái lại thưa với Từ Giả:

–Này Thánh tử, Thánh tử chớ nên ra khỏi thành này mà đi đến thành khác.

Khi ấy Từ Giả cũng lại sinh nghi, rồi tìm cách trốn ra khỏi thành, du hành quán sát mọi nơi... Lại từ xa trông thấy một thành làm bằng pha lê, đẹp đẽ hấp dẫn, xem hoài không chán. Trong thành có một bảo điện tên là Ý lạc, làm bằng bảy báu vàng, bạc, lưu ly, chân châu... trang nghiêm tráng lệ, đẹp mắt. Lúc đó có mười sáu cô gái dung mạo đẹp đẽ tuyệt vời, với bảo châu anh lạc trang điểm trên thân, nhìn hoài không chán, từ trong thành đi ra, hướng về chỗ Từ Giả và cũng thưa:

–Lành thay! Từ Giả, sao chàng lại mạo hiểm đến đây. Thành này làm toàn bằng pha lê, đầy đủ tài sản bảo vật. Trong thành có một bảo điện tên là Ý lạc, cũng làm toàn bằng bảy báu. Mười sáu chúng em tối ngủ sáng dậy...

... như trước, thỉnh Từ Giả ở trong bảo điện. Từ Giả liền vào thành, lên bảo điện, nơi không có đàn ông, cùng với mười sáu nàng này vui chơi, thọ hưởng thú vui ngũ dục. Trải qua vài năm, vài ngàn năm, rồi vào một hôm nọ, các nàng lại thưa với Từ Giả:

–Cẩn thận, chớ nên đi đây đó.

Từ Giả cũng sinh nghi, liền không nghe lời, ra khỏi thành này, lần lần tiến bước dạo khắp các nơi. Lại xa xa trông thấy một thành làm bằng lưu ly, bốn tường kiên cố, tráng lệ, hấp dẫn, suối ao, sông hồ đầy nước bao vây. Trong thành có một bảo điện tên là Phạm đức, làm bằng bảy báu, nguy nga, hấp dẫn. Lúc ấy có ba mươi hai mỹ nhân trang sức bằng chuỗi anh lạc, dung nhan đẹp đẽ tuyệt vời, ra khỏi thành này, hướng đến Từ Giả, thưa:

–Lành thay, làm sao thánh giả từ xa đến đây được?

Họ lại nói:

–Thành này làm bằng lưu ly, đầy đủ của cải vật báu, chúng em hoàn toàn trong trắng, sống với nhau không chống trái, hễ làm một việc gì, trước phải hội ý rồi sau mới thực hiện, tâm ý hòa thuận, lời nói thanh nhã, phong

lưu. Chúng em đến thỉnh thánh tử vào trong thành, lên bảo điện để cùng chúng em hòa hợp vui chơi, thọ hưởng thú vui ngũ dục. Hễ Thánh tử cần những thứ gì, chúng em cung phụng đầy đủ.

Khi ấy Từ Giả vào thành, lên bảo điện, là nơi không có đàn ông, cùng với ba mươi hai mỹ nhân thọ hưởng đủ thú vui ngũ dục. Trải qua vài năm, vài trăm năm, vài ngàn năm sống cuộc đời thích thú. Một hôm nọ, ba mươi hai nàng lại thưa Từ Giả:

–Lành thay! Thưa Thánh tử, chàng hãy thận trọng, không được rời thành này mà đi đến các thành khác.

Lúc ấy Từ Giả lại sinh nghi, suy nghĩ: "Tại sao các nàng lại nói với ta: "Thánh tử nên thận trọng, không nên rời thành này mà đi đến các thành khác." Ta nay có thể chờ các nàng ngủ say, sẽ lén đứng dậy, theo con đường này mà đi đến đó để biết việc lành hay việc dữ. Biết rồi tùy nghi xử lý."

Sau đó, Từ Giả chờ các nàng ngủ say, lén đứng dậy, xuống khỏi bảo điện, ra khỏi cửa thành phía Đông, tuần hành khắp quanh thành. Đến mặt Nam thấy một con đường, rồi theo đường này mà đi, chỉ trong chốc lát xa xa chàng trông thấy một tòa thành bằng sắt, các mặt thành đều có cửa, bên trong không có một người, hoặc đàn ông hay đàn bà, đồng nam hay đồng nữ ra nghinh tiếp. Chỉ nghe tiếng như thế này: "Ai đói, ai khát, ai lõa thân, ai chạy nhanh, ai đi xa về mỏi mệt, ta nương vào ai!"

Lúc ấy Từ Giả lại nghĩ thế này: "Từ trước ta đã gặp thành bằng bạc, trong thành này có bốn nàng ra tiếp rước ta. Lại khi ta đi đến thành vàng, trong thành này có tám nàng ra tiếp rước ta. Lại khi ta đến thành pha lê, trong thành này có mười sáu nàng ra tiếp rước ta. Lại khi ta đến thành lưu ly, trong thành này có ba mươi hai nàng ra tiếp rước ta. Mà nay thành này không có một người đàn ông hay đàn bà, đồng nam hay đồng nữ ra tiếp rước ta, chỉ nghe những tiếng chẳng vui: "Ai đói, ai khát, ai lõa thân, ai chạy nhanh, ai đi xa về mỏi mệt, ta nương vào ai." Ta nên vào thành này coi thử ai nói lời như vậy."

Bấy giờ Từ Giả liền bước vào thành. Vừa vào trong thành thì bốn cửa thành liền đóng kín. Từ Giả kinh hồn hoảng vía, toàn thân dựng chân lông, chạy khắp đó đây kêu la thế này: "Ta nay thất bại chăng? Ta nay bị hủy hoại chăng?" Trong khi Từ Giả tìm lối thoát bỗng thấy một người đầu đội bánh xe sắt, bánh xe đỏ rực giống như lửa hừng đang bốc cháy, thật đáng kinh hoàng. Từ Giả liền đến hỏi:

–Thưa nhân giả, người là ai? Tại sao trên đầu có bánh xe xoay chuyển, đốt cháy đỏ rực, đáng sợ, giống như đống lửa như vậy?

Tội nhân đáp:

–Này nhân giả, người có biết chăng, tôi là thương chủ Cù-tần-bà.”

Từ Giả lại hỏi:

–Trước kia do nhân duyên tạo nghiệp gì mà ngày nay người bị vòng sắt đốt cháy đỏ rực xoay chuyển trên đầu như vậy?

Tội nhân đáp:

–Ngày trước do tôi sân hận đánh, đạp trên đầu mẹ tôi. Vì nhân duyên tội nghiệp như vậy nên ngày nay bị bánh xe sắt cháy đỏ rực xoay chuyển trên đầu.

Từ Giả nghe nói như vậy, buồn khóc kêu la, tự trách, sám hối, nhớ lại nghiệp mình thuở trước, rồi thốt lên:

–Ta đang bị giam cầm như con nai trong chuồng!

Đang lúc ấy có một quỷ Dạ-xoa quản thủ thành này tên là Bà-lưu-ca, đến gỡ vòng sắt trên đầu thương chủ Cù-tần-bà, đến chụp dính trên đầu Từ Giả. Lúc đó, vòng sắt đốt cháy đỏ rực làm cho Từ Giả đau khổ vô cùng, không thể chịu nổi. Chàng dùng kệ hỏi Dạ-xoa:

Thành này chu vi có bốn cửa
Thường rực ánh lửa khủng bố người
Ta đã bị thành giam hãm rồi
Giống như nai nọ sập vào bẫy.
Lành thay! Dạ-xoa, ta xin hỏi:
Vòng lửa cớ gì dính đầu ta
Bùng cháy phừng phực như đống lửa
Làm cho mạng ta sắp từ trần?
Ta trước trải qua điện Hỷ lạc
Lại vào thành vàng, cung Thường túy
Đến thành pha lê, cung Ý lạc
Cuối cùng đến sống cung Phạm đức.
Trước vào thành bạc có bốn nàng
Sau đến thành vàng lại gặp tám
Pha lê thành nọ mười sáu nàng
Thành lưu ly ba mươi hai cô
Như vậy gặp đây, lại gặp kia
Tuần tự trải qua càng tốt đẹp.
Nay chẳng may gặp việc thế này
Nay sao vòng lửa khủng bố ta?
Do ta tham dục không biết đủ

Nay gặp khổ ách nạn như đây.
Hay là trước kia tạo nghiệp gì?
Nay bị vòng sắt cháy trên đầu
Bốc cháy đỏ rực như đống lửa
Làm mạng ta sắp lìa trần.
Xin vua Dạ-xoa thương nói rõ
Trải bao nhiêu năm chịu vòng này?

Khi ấy Dạ-xoa quản thủ thành sắt liền dùng kệ giải đáp cho Từ Giả:

Xưa kia mẹ ngươi giữ tịnh giới
Ngươi dùng gót chân đạp đầu bà
Do vì nhân duyên nghiệp như vậy
Nay bị vòng sắt xoay trên đầu
Bốc cháy giống như đống lửa đỏ
Ngọn lửa cháy đỏ thật ghê mình.
Vòng lửa chuyển động trên đầu ông
Làm cho mạng ông chết rồi sống
Như vậy trải đủ sáu vạn năm
Số năm như vậy không giảm bớt
Vòng lửa thường ở trên đầu ông
Sự thật như vậy quyết không nghi.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Như có người quen giúp ích người
Người lại đền ân bằng tai họa
Người ấy về sau mắc tai ương
Giống như Từ Giả nổi sân si.
Chẳng nên gây ác lại gây ác
Chẳng nên tạo tội lại tạo tội
Người ấy về sau mắc tai ương
Giống như Từ Giả nổi sân si.
Như khởi từ tâm sau đổi ý
Với chỗ ân đức không báo ân
Người ấy về sau mắc tai họa
Giống như Từ Giả nổi sân si.
Nghiệp lực quá khứ dẫn đến nay
Nghiệp lực hôm nay sẽ tiếp diễn
Nghiệp lực dẫn người sinh các xứ
Tùy người tạo nghiệp thọ khổ vui.
Chẳng phải trong biển, đất, hư không

Cũng không giữa núi hay trong đá
Không thể ở bất kỳ chỗ nào
Có thể thoát ly không thọ nghiệp.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ý các thầy thế nào? Chẳng nên nghĩ gì khác. Từ Giả lúc ấy là thân Ta ngày nay. Lúc ấy, trước khi vào biển Ta thọ Bát-quan-trai, do vì sức nhân duyên tạo nghiệp này nên được phước báo là bốn lần gặp thành báu, tất cả các vật đều được đầy đủ không thiếu hụt như vậy. Do nhân duyên ác tâm, tức giận đạp đầu mẹ mình nên tròn sáu vạn năm thọ quả báo bị vòng sắt đốt cháy rất cực khổ.

Này các Tỳ-kheo, do nhân duyên nghiệp báo, không phải vô cớ mà thọ khổ. Chỉ vì chúng sinh tạo nghiệp thiện ác, rồi theo nhân duyên ấy mà thọ quả báo. Do vậy các thầy cần phải tạo nghiệp thân khẩu, ý thanh tịnh.

Này các Tỳ-kheo, nếu thầy nào ngu si không rõ được tội phước thiện ác, cần phải thưa hỏi Sư trưởng, Hòa thượng, A-xà-lê, rồi sau đó mới đi vào xóm làng. Nếu Hòa thượng, A-xà-lê không cho phép mà tự ý ra đi thì theo pháp mà trị Tỳ-kheo ấy về tội bất kính không hiếu thuận.

□

Phẩm 53: BỔN SINH CỦA PHẬT THI-KHÍ (Phần 1)

Khi Bồ-tát còn tu khổ hạnh ở bên bờ sông Ưu-lâu-tần-loa, ngồi nằm theo hoàn cảnh, mặc áo xấu cũ, chỉ nhận vật dùng cần thiết. Mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa canh, hoặc một hạt tiểu đậu, hoặc một hạt đại đậu, hoặc một hạt lục đậu, hoặc một hạt đậu đỏ, hoặc một hạt đậu xanh.

Lúc đó vua Thâu-đầu-đàn tìm kiếm Bồ-tát, không biết ở đâu nên hỏi mọi người:

–Hiện giờ con ta ở xứ nào? Làm công việc gì?

Vào tháng, năm ấy vua thầm sai một sứ giả đi thăm hỏi chỗ ở của Bồ-tát. Nhà vua dặn sứ giả:

–Khanh ngài hãy tìm kiếm con ta đang ở đâu? Làm việc gì? Báo tin cho ta biết.

Khi ấy các sứ giả lãnh sứ mạng, tâu vua:

–Hạ thần sẽ y như lệnh Đại vương dạy, không dám trái lời.

Họ vội đi khắp nơi hỏi thăm tin tức, lần lần đi đến xứ Ưu-lâu-tần-loa, thấy Bồ-tát ở nơi đây tu hạnh khổ hạnh khó tu. Sứ giả vội trở về báo tin cho vua Thâu-đầu-đàn:

–Bạch Đại vương, lành thay! Hiện nay đồng tử đang tu khổ hạnh tại xứ Ưu-lâu-tần-loa, chỗ ở của người đều tùy theo hoàn cảnh, mỗi ngày ăn một hạt đậu xanh...

Đại vương Thâu-đầu-đàn nghe tâu như vậy, lòng buồn áo não không vui, cất tiếng than:

–Ôi thôi, con ta ơi! Thân con mềm mại yếu đuối, vì việc gì con phải làm như thế!

Tuần tự trong vòng sáu năm, sứ giả luôn luôn đem những tin tức lành dữ tâu lên cho Đại vương biết. Thuở ấy, nàng Da-du-đà-la dòng họ Thích nghe sứ giả tâu: "Đồng tử đang ở chỗ khổ sở, tu khổ hạnh, chỗ ở ngủ nghỉ tùy hoàn cảnh, mỗi ngày ăn một hạt đậu xanh..." Nàng nghe việc như vậy rồi suy nghĩ: "Vì sao chồng ta đang tu khổ hạnh mà ta an nhiên hưởng thọ. Thật là điều không tốt. Ta cũng tùy thuận pháp tu của đồng tử mà hành khổ hạnh." Nàng suy nghĩ như vậy rồi, liền cởi bỏ tất cả các đồ trang sức quý giá như chuỗi anh lạc, vàng, bạc, lưu ly, chân châu, ma-ni, phấn sáp, tràng hoa... rồi mặc toàn đồ trắng, chỉ để lại búi tóc trên đầu. Đồ nằm tầm thường, ăn cơm dỡ chỉ sao cho đủ sống. Người đời khổ hạnh không hơn như vậy được.

Sau khi Đức Thế Tôn đã thành đạo rồi, Ưu-đà-di bạch Phật:

–Tại sao Da-du-đà-la khi biết Thế Tôn tu khổ hạnh trong rừng núi, nàng khéo tùy thuận Thế Tôn mà tu khổ hạnh, các người thế gian không thể sánh bằng?

Đức Phật bảo Ưu-đà-di:

–Này Ưu-đà-di, nàng Da-du-đà-la dòng họ Thích, chẳng chỉ mới đời này khi thấy Ta tu khổ hạnh trong rừng núi, nàng có thể theo pháp của Ta mà tu khổ hạnh, nhưng trong đời quá khứ, khi thấy Ta lâm ách nạn nàng cũng theo Ta vào nơi đại khổ nạn.

Ưu-đà-di bạch Phật:

–Việc ấy như thế nào, xin Ngài kể rõ.

Đức Phật bảo Ưu-đà-di:

–Ta nhớ thuở quá khứ lâu xa, trong vùng núi rừng khe thác vô cùng vắng vẻ, yên tĩnh. Ở đó có một con nai chúa dẫn đầu bầy nai, ăn cỏ lá để sống. Vào một hôm nọ, nai tuần tự dạo khắp đó đây, bị sa vào bẫy lưới của một thợ săn. Bầy nai hoảng hốt bỏ chạy tứ tản. Khi ấy chỉ còn một con nai cái thấy nai chúa sa bẫy, liền đứng lại không chạy. Thuở ấy bầy nai biết tiếng người, nên nai cái dùng kệ nói với nai chúa:

Nai chúa phải nỗ lực
Đầu và chân phải mạnh
Thợ săn rập bủa lưới
Lúc này họ chưa đến.

Nai chúa dùng kệ đáp lại nai cái:

Ta nay tuy dùng sức
Không thể phá bẫy này
Vì da làm dây lưới
Trói buộc lại càng chặt.
Núi rừng cảnh tuyệt đẹp
Suối ngọt, cỏ xanh ngon
Nguyện cho đời vị lai
Chẳng còn tai ương này.

Có kệ:

Thuở ấy hai nai này
Sợ hãi lệ tuôn trào
Do vì thợ săn đến
Cầm gậy lại cầm dao.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 51

Phẩm 53: BỔN SINH CỦA PHẬT THI-KHÍ (Phần 2)

Thấy thợ săn cầm gậy đến, nai chúa dùng kệ bảo nai cái:

Kia là thợ săn, họ sắp đến
Mặc áo da nai, thân đen sạm
Nay đến quyết lột lấy da ta
Chặt nhỏ thân ta, họ mang về.

Khi ấy nai cái ngước nhìn thợ săn đang tiến đến trước mặt mình, nói kệ:

Lành thay bác thợ săn!
Nay nên trải cỏ ra
Trước mổ da thịt ta
Rồi giết nai chúa sau.

Thợ săn hỏi nai cái:

–Nai chúa này cùng với ngươi thân thuộc thế nào?

Nai cái đáp:

–Nai chúa này là chồng của tôi, hết sức yêu kính nhau. Vì vậy nên tôi nghĩ thế này: "Mong rằng chúng tôi chẳng bị cảnh ái biệt mà phân ly." Vì vậy xin bác giết tôi trước, sau mới giết nai chúa.

Lúc ấy tên thợ săn nghĩ: "Hiền phụ này thật là ít có. Là loài nai mà có lòng chung thủy sâu nặng như vậy!"

Thợ săn đối với nai cái hết sức vui lòng, dùng kệ đáp:

Từ nhỏ đến nay chưa từng nghe
Thấy có loài thú biết tiếng người
Việc này thế gian thật ít có
Ta nào nỡ sinh tâm sát hại.
Ta nay chẳng những không giết ngươi
Chồng ngươi ta cũng đều phóng thích
Vậy mạng hai ngươi đều được sống

Nguyện vợ chồng ngươi thường đoàn tụ.

Thợ săn đến chỗ bẫy, thả nai chúa ra. Nai cái thấy chồng mình được tự do, rất vui mừng hớn hở toàn thân, không thể tự chế, lại dùng kệ thưa thợ săn:

Lành thay thợ săn thật cao cả!
Thân quyến thấy bác đều hoan hỷ
Như ta thấy được chồng giải thoát
Vui mừng hớn hở cũng như nhau.

Đức Phật bảo Ưu-đà-di:

–Thầy phải biết, nai chúa thuở ấy đâu phải người nào khác, là thân Ta ngày nay. Nai cái thuở đó là tiền thân của nàng Da-du-đà-la ngày nay. Da-du-đà-la thuở ấy còn theo Ta chịu đại khổ ách, huống chi là ngày hôm nay tùy thuận Ta thực hành đại khổ hạnh. Đối với việc người đời không thể làm được mà nàng có thể làm được.

Nói về La-hầu-la, do bị nghiệp nhân quá khứ làm khổ sở nên ở trong thai mẹ sáu năm. Còn Da-du-đà-la vì Bồ-tát nên chịu buồn khổ, không trang điểm. Khi Như Lai mãn sáu năm tu khổ hạnh, chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vua Thâu-đầu-đàn vẫn sai sứ giả theo dõi tin tức. Khi sứ giả thấy Đức Phật Thế Tôn rời chỗ ngồi thì vội vã trở về hoàng cung, tâu vua Thâu-đầu-đàn:

–Bạch Đại vương, ngày nay Thái tử đã thỏa mãn tâm ý, rời khỏi chỗ ngồi, không còn tu khổ hạnh nữa.

Vua Thâu-đầu-đàn nghe tâu như vậy, liền sai sứ giả khác và dặn:

–Các khanh phải đi đến chỗ Thái tử. Đến đó truyền lời của ta như thế này: " Con không còn tu khổ hạnh, vậy mau trở về thống lãnh quốc gia, làm Chuyển luân thánh vương đầy đủ bảy báu."

Hai sứ giả vâng lãnh sắc lệnh, như lời vua dạy theo đúng sắc lệnh, đi đến chỗ Thái tử. Đến nơi, họ đầu mặt đảnh lễ sát chân Thái tử, đứng lui về một bên, bạch Thái tử:

–Lành thay! Thưa Thái tử, Đại vương Thâu-đầu-đàn sai hạ thần đến đây truyền lời Đại vương cho Thái tử biết: "Con không còn tu khổ hạnh, nên mau trở về thống lãnh quốc gia, làm Chuyển luân thánh vương đầy đủ bảy báu."

Nghe hai sứ giả thưa như vậy, Thế Tôn nói kệ:

Người nào đã điều phục
Người đời không lay chuyển
Cảnh chư Phật vô biên

Đến đi không tung tích.
Nếu người không sa lưới
Ái không do đâu sinh
Cảnh chư Phật vô biên
Đến đi không tung tích.

Khi ấy Da-du-đà-la ở trong cung, nghe tin Thái tử hết tu khổ hạnh, hy vọng chẳng bao lâu chắc chắn sẽ trở về thọ lãnh vương vị, làm Chuyển luân thánh vương cai trị dân chúng. Bà lại nghĩ: "Thái tử làm Chuyển luân thánh vương, ta sẽ làm đệ nhất phi." Vì vậy bà vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế, đem các loại dầu thơm thoa vào thân, mặc y phục quý giá và trang sức bằng chuỗi anh lạc, ăn toàn thức ăn thượng vị, nằm ngủ trên bảo sàng với đồ mềm mại. Làm như vậy là để chờ đón Thái tử.

Khi La-hầu-la ở trong thai mẹ đã sáu năm, nghiệp báo trong quá khứ đã mãn, cũng chính là lúc Da-du-đà-la tự bổ dưỡng cho mình. Do vậy, La-hầu-la mới chào đời. Khi La-hầu-la ra đời, mọi người trong cung vội vã đến tâu lên vua Thâu-đầu-đàn:

–Lạ thay! Tâu Đại vương, Da-du-đà-la đến nay mới sinh con!

Nhà vua nghe tâu như vậy, hết sức phẫn nộ, nói:

–Thái tử con ta xả tục xuất gia đã sáu năm, đến nay Da-du-đà-la mới sinh con, ở đâu có vậy?

Lúc ấy Thích Đề-bà-đạt-đa thưa:

–Đứa bé đó là con tôi.

Đại vương Thâu-đầu-đàn lại càng tức giận, liền cho triệu tập tất cả người trong Hoàng gia, tuyên bố:

–Này các khanh phải biết, Da-du-đà-la không giữ gìn thanh danh Thái tử con ta, cũng không giữ gìn thanh danh ta, cũng không giữ danh dự. Tâm ý nàng buông lung làm ô nhục tôn tộc chúng ta, ngày nay chúng ta phải làm gì để phạt nó?

Bấy giờ tất cả hoàng tộc đồng thanh nói:

–Da-du-đà-la làm ô nhục gia tộc chúng ta. Chúng ta phải đem khổ nhục pháp của hoàng gia mà trị phạt.

Lúc ấy trong cuộc họp có một đại thần đề nghị:

–Nên cắt tóc nó! Dùng gậy đánh nó, đánh rồi gây thương tích trên người.

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Phải cắt tai, mũi nó quăng đi!

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Nên móc hai con mắt nó!

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Đâm lủng thân nó rồi xỏ cột trên cây!

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Ném nó xuống dưới giếng lạng!

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Ném nó trong đống lửa!

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Bắt nó ôm cột sắt nung cháy!

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Cột tay chân nó rồi cho bầy bò giậm đến chết!

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Bắt nó nằm trên đất cho voi lớn giậm qua.

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Dùng cưa xả ra từ đầu đến chân.

Lại có một đại thần khác đề nghị:

–Chặt thân nó làm tám khúc.

Bấy giờ Đại vương Thâu-đầu-đàn tuyên bố với các đại thần:

–Ngày nay ta ra lệnh cho Da-du-đà-la và con của nó đều phải chết.

Thuở ấy Thái tử đã thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên nhìn thấy nàng Da-du-đà-la và con nàng bị ách nạn. Do lòng từ bi nên nơi nào khổ nạn Ngài cũng đều thấy. Có trời Tỳ-sa-môn cách Đức Phật chẳng xa, Thiên vương này biết được ý của Như Lai, liền cầm bút mực và lá kè dâng lên Như Lai. Lúc ấy tự tay Thế Tôn viết thư cho phụ vương: "Thưa Đại vương, đứa bé Da-du-đà-la sinh ra là con của con. Xin phụ vương chớ nghi."

Lúc ấy Thiên vương Tỳ-sa-môn vội vã đi đến giữa đám quần thần của vua Thâu-đầu-đàn, đưa thư này cho nhà vua. Có bức thư làm chứng rõ ràng, vua Thâu-đầu-đàn xem xét mới thấy rõ ràng những dòng chữ trong bức thư này chính là tay Thái tử Tất-đạt-đa, con mình viết. Vua Thâu-đầu-đàn và các vị đại thần vì bức thư này mới hoan hỷ đối với Da-du-đà-la.

Thuở ấy, Da-du-đà-la nghe người nói lại: "Đại vương ra sắc lệnh sắp giết hai mẹ con mình." Vì để bảo tồn thân mạng nên nàng vội vã đi đến cung điện của Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di tâu lên:

–Lành thay! Thưa Tôn hậu, việc này con vô tội. Hài nhi này là dòng máu của Thái tử. Nghe rằng một thời gian ngắn nữa, Thái tử sẽ trở về. Khi Thái tử về thì sự vụ này sẽ rõ. Nếu nay tính giết mẹ con con, thật là oan uổng!

Khi Ma-ha Ba-xà-ba-đề nghe Da-du-đà-la tâu lên như vậy, rất hoan hỷ, liền cho tỳ nữ đến thỉnh vua Thâu-đầu-đàn đến vườn cây A-du-ca. Khi nhà vua giá lâm thì Ma-ha Ba-xà-ba-đề tâu lên nhà vua:

–Cúi xin Đại vương xét cho. Nay nàng Da-du-đà-la dòng họ Thích đến đây tâu với thiếp: "Việc này con vô tội. Hài nhi này là dòng máu của Thái tử. Nếu Thái tử về đây thì việc này hư thật tự rõ." Vì vậy, xin Đại vương đừng ra lệnh giết mẹ con họ. Cần phải đợi Thái tử về liền biết việc này sự thật thế nào.

Khi ấy vua Thâu-đầu-đàn nghe Ma-ha Ba-xà-ba-đề tâu những điều hợp tình hợp lý như vậy, liền bảo Ma-ha Ba-xà-ba-đề:

–Lời này thật có lý, nên y như lời của tôn hậu, chúng ta nên đợi Thái tử về. Nếu không đúng như vậy thì việc này chẳng biết xác định thế nào.

Tuy như vậy, nhưng nhà vua đối với Da-du vẫn chưa hoan hỷ. Do vậy, nên chỉ cấp một ít y phục và chuỗi anh lạc, đồng thời ra lệnh an trí sống một mình.

Sau đó Da-du-đà-la lại đi đến Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di tâu lên:

–Lành thay! Thưa Tôn hậu, ngày nay con muốn đến trong vườn để tế lễ đền đáp nguyện nhỏ với chư Thiên, không biết Tôn hậu có cho phép hay không?

Lúc bấy giờ Ma-ha Ba-xà-ba-đề cùng Da-du-đà-la đem theo La-hầu-la, sắm đầy đủ lễ vật đi đến đền thờ Thiên thần. Vị thần này tên là Lô-đề-la-ca nên lâm viên cũng lấy tên Thiên thần là Lô-đề-la-ca. Nơi đây thuở xưa, khi còn tại gia Bồ-tát thường đến vui chơi an nghỉ nơi vườn này. Trong vườn có một tảng đá lớn, là nơi khi xưa Bồ-tát ngồi trên đó. Lúc ấy Da-du-đà-la đặt La-hầu-la nằm nghỉ trên tảng đá này, rồi sau đó xô tảng đá xuống nước, thề nguyện:

–Ta nay phát lời thề chân thật không giả dối. Việc này chỉ với Thái tử, ngoài ra không với một người đàn ông nào khác. Đứa con của tôi thật

là dòng máu của Thái tử. Nếu điều này không hư dối thì khiến tảng đá này nổi lên mặt nước, không chìm.

Lúc ấy tảng đá lớn đúng như lời thề, nổi trên mặt nước, giống như tàu lá chuối nổi trên nước, không bị chìm.

Bấy giờ mọi người thấy việc như vậy cho là điều hy hữu, xôn xao, vui mừng hớn hở không thôi, reo hò, ca múa, xướng hát, vung vạt áo, tay áo rồi lại trỏi các kỹ nhạc...

Khi vua Thâu-đầu-đàn nghe việc này, hết sức vui mừng tràn ngập toàn thân, không thể tự chế, liền ra lệnh trong hoàng thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô dọn dẹp gai góc, sạn sỏi, đất đá và các vật bất tịnh ô uế... Lại dùng nước thơm rưới mặt đường, quét dọn sửa sang bằng phẳng, tại các nơi, an trí lư hương được đốt bằng các loại hương thơm tuyệt diệu. Xen lẫn giữa các lư hương đặt những bình quý đựng đầy nước hoa với những cành hoa thơm ngát. Lại giữa các lư hương và bình hoa có trồng các cây chuối thành hàng dài, trên đó treo những dải lụa sặc sỡ, với những cờ phướn đầy đủ màu sắc cùng những chuỗi ngọc quý tung bay khắp nơi, cùng với mành lưới gắn linh vàng bủa khắp phía trên. Lại tạo những hình mặt trời, mặt trăng, tinh tú treo trên hư không với những chuỗi hoa bằng ngọc rủ xuống. Lại dùng các đuôi mao ngưu xen lẫn bên trong.

Khi thành Ca-tỳ-la được trang hoàng xong, tráng lệ giống như thành Càn-thát-bà. Sau khi trang hoàng xong, nhà vua liền rước La-hầu-la vào thành. Sau đó vua lại triệu tập thân bằng quyến thuộc hoàng gia họ Thích, tất cả đều tề tựu đông đủ rồi mới trần thiết các vật cần dùng, tài vật, đồ ăn uống... Lại tổ chức một ngày sinh nhật riêng cho La-hầu-la.

Khi Da-du-đà-la lâm bồn thì thần La-hầu-la A-tu-la vương dùng tay che ánh sáng mặt trăng trong khoảng thời gian ngắn, chốc lát rồi buông ra. Do vậy, các quần thần quyến thuộc họ Thích nhóm họp lại bàn luận: "Khi thần A-tu-la che mặt trăng trong thời gian ngắn thì nhằm lúc sinh đồng tử, vì vậy đặt tên cho đồng tử là La-hầu-la."

La-hầu-la khôi ngô dễ thương, mọi người trông thấy ai cũng hoan hỷ. Da thịt trắng vàng như màu vàng chân kim, đầu tròn như chiếc lọng, mũi cao thẳng như chim anh vũ, đôi cánh tay dài thon duỗi dài quá gối. Tất cả các bộ phận trên người không có khuyết giảm. Các căn đều hoàn hảo, không một căn nào là không hoàn bị.

Bấy giờ vua Thâu-đầu-đàn vì La-hầu-la chọn bốn di mẫu. Bốn di mẫu làm những gì? Một bà bồng bế, một bà tắm rửa, một bà bú mớm, một bà

dẫn dạo chơi. Bốn di mẫu này tùy theo thời tiết nuôi dưỡng nên chẳng bao lâu La-hầu-la đã được khôn lớn.

Thuở đó Đức Thế Tôn chuyển pháp luân tại thành Ba-la-nại, tiếng thuyết pháp được chư Thiên các cõi trời truyền nhau lên đến cõi Phạm đảnh. Khi ấy vua Thâu-đầu-đàn nghe Thái tử thành đạo, sau khi thành đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Thế Tôn đến thành Ba-la-nại chuyển đại pháp luân, vì chư Thiên và dân chúng mà thuyết giảng diệu pháp.

Bấy giờ vua Thâu-đầu-đàn đối với Thế Tôn nhớ nhung gấp bội, suy nghĩ: "Ta phải dùng phương tiện gì để khiến Thái tử thương xót quyến thuộc, mau trở về thành Ca-tỳ-la?." Rồi vua lại nghĩ: "Phải sai ai làm sứ giả? Ai là người có trí lược thông thạo trong việc này?" Vua lại nghĩ thế này: "Ưu-đà-di, con của Quốc sư, kế đến là Xa-nặc. Hai người này từ nhỏ đến lớn đã cùng với Tất-đạt-đa luôn luôn gần gũi thân thiết, giao du với nhau. Hai người này có khả năng đi đến chỗ Tất-đạt-đa. Vậy nay ta có thể sai hai người này làm sứ giả."

Nhà vua liền đòi Ưu-đà-di con Quốc sư và Xa-nặc đến, bảo:

–Này hai khanh, nay hai khanh phải biết, ngày nay Thái tử đã thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người đã đến thành Ba-la-nại chuyển pháp luân, vì chư Thiên, dân chúng mà diễn nói các pháp. Nay các khanh nên mau đến đó, đọc sắc lệnh của ta, truyền ý muốn của ta: "Ngày nay Thái tử tu khổ hạnh đã đến chỗ cùng tột, thỏa mãn tâm ý, đã chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã chuyển Vô thượng pháp luân, vì chư Thiên, dân chúng diễn thuyết các pháp. Lành thay! Thưa Thái tử, hãy thương xót quyến thuộc mà trở về thành Ca-tỳ-la."

Bấy giờ Ưu-đà-di, con của Quốc sư cùng với Xa-nặc tâu vua:

–Đại vương phải biết, nếu Thái tử Tất-đạt-đa không về thì chúng tôi không biết phải dùng kế gì?

Đại vương bảo:

–Hai khanh chỉ nghe lời Thái tử dạy bảo.

Ưu-đà-di, con Quốc sư và Xa-nặc liền tâu nhà vua:

–Theo như lời Đại vương dạy, kẻ hạ thần này không dám trái lệnh.

Hai người lãnh chiếu chỉ, đảnh lễ dưới chân nhà vua, rồi mỗi người trở về gia đình mình từ giã cha mẹ, quyến thuộc.

Hai người lần lần đi đến vườn Nai, chỗ ở của chư Tiên nhân, thuộc nước Ba-la-nại. Đến nơi, hai người đảnh lễ dưới chân Thế Tôn rồi đứng lui về một bên và bạch:

–Ngày nay chúng tôi phụng lệnh Đại vương Thâu-đầu-đàn mang thánh chỉ đến đây. Thánh chỉ dạy: "Lành thay Thái tử, ngày nay Thái tử tu khổ hạnh đã được siêu việt, đã mãn nguyện chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển đại pháp luân, lại vì chư Thiên, dân chúng diễn thuyết các pháp. Lành thay Thái tử, nay vì thương xót tất cả thân bằng quyến thuộc có thể trở về thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô."

Đức Thế Tôn nghe nói như vậy liền nói kệ:

Nếu người đã điều phục
Người đời không lay chuyển
Cảnh chư Phật vô biên
Đến đi không tung tích.
Nếu người không sa lưới
Ái không do đâu sinh
Cảnh chư Phật vô biên
Đến đi không tung tích.

Lúc bấy giờ Ưu-đà-di con Quốc sư và Xa-nặc bạch:

–Thế Tôn muốn chúng tôi nên làm gì?

Đức Phật dạy:

–Các ông có thể học pháp xuất gia như các đệ tử này của Ta được không?

Tuy Thế Tôn hỏi hai người như vậy nhưng trước họ đã đối với Phật có ý ngưỡng mộ xuất gia, nhân đấy họ bạch Phật:

–Hai chúng tôi đều hâm mộ xuất gia.

Khi ấy Đức Thế Tôn liền cho họ xuất gia thọ giới Cụ túc.

Từ khi Đức Thế Tôn xuất gia cho đến khi thành đạo, rời khỏi tòa chưa từng xoay mặt về hướng quê hương thành Ca-tỳ-la, cho đến khi chưa hóa độ năm Tỳ-kheo thiện hữu tri thức và cho đến thân bằng thiện hữu của Da-du-đà, bốn vị trưởng giả ở thành Ba-la-nại: một là Tỳ-ma-la, hai là Tô-bà-hầu, ba là Phú-lâu-na và bốn là Bà-bà-bát-đế.

Bấy giờ Tôn giả Da-du-đà có trên năm mươi bạn thân. Trưởng lão Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử có đồ chúng là ba mươi mốt người. Trưởng lão Ma-ha Ca-chiên-diên lại có tám vạn bốn ngàn đệ tử. Trưởng lão Bà-tỳ-da cũng có đệ tử lớn, là ba mươi người và số bạn thân đồng hành là sáu mươi người. Tại làng Mê-kỳ-da có Trưởng lão Na-tỳ-ca-tê-na-da-na.

Lại một Bà-la-môn có hai người con gái, một người là Nan-đà, một người là Bà-la. Lại có vợ chồng Bà-la-môn Đề-bà, Trưởng lão Tần-loa

Ca-diếp gồm có năm trăm Phạm chí Loa kế. Lại có Trưởng lão Phạm chí Loa kế Na-đề Ca-diếp gồm ba trăm đồ chúng. Lại có Trưởng lão Dà-da Ca-diếp với số đồ chúng là hai trăm người. Lại có Trưởng lão Ưu-ba-tư-na có hai trăm năm mươi người. Lại có năm trăm Tiên nhân tu khổ hạnh trong rừng Thọ lâm. Vì họ mà Đức Phật đã tuôn trận mưa pháp. Lại vua Tần-bà-sa-la và bá quan, dân chúng trong thành Vương xá gồm có chín mươi hai na-do-tha người. Lại có Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp, Trưởng lão Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và năm trăm đệ tử của ngoại đạo San-xà-da Ba-lê-bà-xà-ca.

Khi Đức Thế Tôn giáo hóa những người ấy rồi, sau đó Ngài mới ngồi xoay mặt về hướng quê hương thành Ca-tỳ-la. Bấy giờ Ưu-đà-di thấy Thế Tôn ngồi xoay mặt về quê hương thành Ca-tỳ-la. Lúc ấy chư Thiên thưa Trưởng lão Ưu-đà-di:

–Lành thay! Thưa Tôn giả, giờ đây ngài có thể thỉnh Thế Tôn về thành Ca-tỳ-la, nơi quê hương, vì thương xót thân bằng quyến thuộc.

Lúc ấy Trưởng lão Ưu-đà-di hiểu được thánh ý là Như Lai sắp về quê, liền rời chỗ ngồi, bày áo vai hữu, sửa sang y phục, chắp tay khom lưng cúi đầu, nói kệ thưa:

Ví như cây cối chẳng phải mùa
Muốn ra hoa, quả đợi thời tiết
Hoa quả trái thời không tươi tốt
Nay Phật có thể vượt sông Hằng.
Chính lúc ngàn cây khoe sắc thắm
Hương hoa tỏa khắp mười phương cõi
Hoa nở rồi lại kết quả ngon
Chính lúc Thế Tôn về đất mẹ.
Lúc này vi diệu thật tuyệt vời
Sông hồ nước biếc, hương thanh khiết
Ngàn nội trăm chim hót ví von
Hân hoan hạnh phúc chính lúc này.
Xưa kia họ Thích phát tâm nguyện
Tất cả đại địa thuộc của ta
Thấy Ngài xuất gia càng buồn khổ
Không vừa ý nguyện càng uất hận.
Quyến thuộc Thế Tôn đang mong đợi
Do Ngài sinh hạ La-hầu-la
Nguyện Ngài về lại giải điều nghi

Mọi người khát ngưỡng trông gặp mặt.
Như Lai nên nghĩ ân di mẫu
Vì bà Ngài khởi lòng thương xót
Nếu thấy Đại thánh đi xa về
Vui mừng hớn hở hết ưu tư.
Đại vương họ Thích Thâu-đầu-đàn
Xưa nay phát nguyện lòng tha thiết
Ước sao gặp lại thân vàng ròng
Con ta trở lại Ca-tỳ-la.
Thời tiết lúc này trời ấm áp
Hợp lúc Thế Tôn đi an lạc
Ngàn vạn thân bằng chờ chiêm ngưỡng
Giống như sao Tất đợi trăng về.

Đức Thế Tôn liền bảo Ưu-đà-di:

–Này Ưu-đà-di, nếu việc ấy thật như vậy thì hai thầy về thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô báo tin trước cho thân bằng quyến thuộc dòng họ Thích của Ta thế này: "Việc tu hành khổ hạnh của Thái tử nay đã xong, vì thương xót quyến thuộc, chẳng bao lâu nữa Thái tử sẽ trở về."

Ưu-đà-di và Xa-nặc được Phật chỉ dạy, liền bạch Phật:

–Cúi xin Đức Thế Tôn, chúng con xin vâng lời.

Hai người đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng rồi từ tạ ra đi. Lần hồi đã về đến thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, hai người dừng chân lại trong xóm, nơi khu rừng Ni-câu-đà.

Thuở ấy, nhằm lúc vua Thâu-đầu-đàn trang hoàng bảo xa tứ mã, ra khỏi thành, hướng về khu rừng Ni-câu-đà thưởng ngoạn mảnh đất tươi mát này. Khi ấy nhà vua từ xa trông thấy Trưởng lão Xa-nặc và Trưởng lão Ưu-đà-di cạo bỏ râu tóc, thân đắp ca-sa, tay bưng bình bát. Thấy vậy, nhà vua liền hỏi các đại thần:

–Đó là người gì mà cạo bỏ râu tóc, thân đắp ca-sa, tay bưng bình bát vậy?

Các đại thần liền tâu vua:

–Hai người này là môn đồ của Thái tử Tất-đạt-đa.

Khi ấy trong lòng vua Thâu-đầu-đàn âu sầu áo não chẳng vui, nói:

–Con ta dung nghi đoan chánh dễ thương, giống như tượng vàng, người ta trông thấy không chán mà ngày nay thân hình hai người này như

vậy, ta chẳng muốn thấy chút nào! Này các khanh, các khanh phải đuổi hai người này cho khuất mắt.

Nhà vua nói vậy rồi mới tiến vào trong hoa viên. Bấy giờ các đại thần suy nghĩ: "Hai người này, một người là con Quốc sư, người thứ hai là kẻ hầu cận Thái tử Tất-đạt-đa." Suy nghĩ như vậy nên không đuổi họ đi.

Vua Thâu-đầu-đàn dạo chơi trong vườn, lại muốn trở ra. Bấy giờ các đại thần sợ vua thấy hai vị Trưởng lão này mà sinh khó chịu, cho nên đưa hai vị này vào căn nhà trống.

Khi ấy Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nay phải nhanh chóng sắm đầy đủ y bát. Ta sắp du hành quan sát xóm làng, thành ấp, các nước. Nhân đó Ta sẽ ghé thăm quê hương là thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, vì thương xót tất cả quyến thuộc.

Bấy giờ Trưởng lão Xá-lợi-phất rời khỏi tòa, sửa sang y phục, trịch áo vai bên phải, đầu gối phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch:

–Hy hữu thay Thế Tôn! Chưa từng có như vậy! Thưa Thế Tôn, ngày nay chính là lúc Thế Tôn du phương. Thật là vi diệu! Ngày nay Đức Thế Tôn sắp du hành quán sát các nước, thật là đúng lúc!

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nay thầy muốn nghe việc này chăng? Ta sẽ nói cho thầy biết. Đức Thế Tôn Thi-khí Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khi sắp du hành thăm quê hương sinh ra Ngài, quán sát xóm làng thành ấp mọi nơi, lúc ấy có nhân duyên vi diệu thật là thích thú.

Khi ấy Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, nay đã đúng lúc, xin Thế Tôn vì các Tỳ-kheo mà nói việc Như Lai Thi-khí thuở xưa, khi sắp về lại quê hương, nơi sinh ra Ngài, quán sát xóm làng, thành ấp, để các Tỳ-kheo nghe việc đó ghi nhận.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng kệ nói việc Đức Như Lai Thi-khí du hành mọi nơi, quán sát quê hương sinh ra Ngài:

Hay thay tuyệt diệu Xá-lợi-phất!
Thầy nay cần phải nhất tâm nghe
Ngày xưa Như Lai Phật Thi-khí
Đi lại quán sát vùng đất mẹ:
Du hành tất cả thành, thôn ấp
Xưa thấy Như Lai Phật Thi-khí
Nơi nơi đều sinh dòng suối ngọt

Nước đầy mùi vị tám công đức.
Du hành tất cả thành, thôn ấp
Xưa thấy Đại Thánh Phật Thi-khí
Nơi nơi đều có các rừng hoa
Cành lá sum suê rủ sát đất.
Du hành ngang qua dưới rừng cây
Như Lai Thi-khí nghỉ ở đâu
Cây ấy tự nhiên tuôn hoa đẹp
Phủ kín một vùng trên mặt đất.
Tất cả rừng cây Ngài bước đến
Như Lai Thi-khí đứng ở đâu
Quả ngọt cây ấy tự nhiên rụng
Cành lá uốn mình đều sát đất.
Có cây người ta vừa vói tới
Hoa quả chen nhau thật tuyệt vời
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Cây nào người ta vói không tới
Hoa tươi, quả ngọt tự nhiên rơi
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên trên đất hoặc trên không
Cùng lúc rải hoa thật tuyệt vời
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Đều rải hoa thơm đẹp tươi mát
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Mưa hoa tên gọi Mạn-đà la
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Hoa Ba-lê-da được rải xuống
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không

Mưa hoa tên gọi Tỳ-bà-già
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải xuống loại hoa thơm ngào ngạt
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải xuống các hoa thơm tuyệt đẹp
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải các loài hoa hương tỏa khắp
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải các hoa thơm nhiều loại khác
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải toàn hoa vàng màu tuyệt đẹp
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải hoa bảy báu màu tuyệt đẹp
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải toàn loại hoa cọng vàng ròng
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải toàn loại hoa cộng quý báu
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải toàn hoa cánh Ưu-ba-la
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư

Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải toàn bột thơm gỗ chiên-đàn
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải bột hoa thơm xích chiên-đàn
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Rải toàn bột hương gỗ ngưu đầu
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở tại hư không
Tấu lên các thứ âm nhạc trời
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Phi nhân hiện ở tại hư không
Tung vãi các loại y trời đẹp
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Chư Thiên tùy thuận đường Phật đi
Mang các loại hoa mùi thơm diệu
Hoa đó long lanh ánh sáng ngời
Mưa hoa xuống đường ngập đến gối.
Thuở ấy khí hậu trời ấm áp
Cũng không ruồi nhặng, các độc trùng
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Đại địa mọi nơi đều chuyển động
Tất cả đại hải và núi lớn
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Tất cả đại địa đều êm dịu
Sạch sẽ gai góc đều không có
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Bao nhiêu hầm hố đều bằng phẳng

Núi non, gò nổng chẳng gồ ghề
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Vua chúa Sát-lợi đầy oai đức
Số ấy tám vạn lẻ sáu ngàn
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Các hàng Phạm chí tu tịnh hạnh
Số ấy tám vạn lẻ sáu ngàn
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Trưởng giả phú quý đầy oai đức
Số ấy tám vạn lẻ sáu ngàn
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Chư Thiên Địa cư cũng hiện diện
Trang nghiêm thanh tịnh đẹp tuyệt vời
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Lại có chư Thiên cõi hư không
Oai đức trang nghiêm thật thù thắng
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Bốn Đại thiên vương và thiên chúng
Oai đức thù thắng đẹp tuyệt vời
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó, theo hầu hạ.
Các vị Đại vương trời Hộ thế
Lại đầy oai thế đẹp tuyệt vời
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Chúng trời Đao-lợi ba mươi ba
Oai lực vi diệu càng thù thắng
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Vua trời Đế Thích đảnh Tu-di
Cùng các thân hữu hàng quyến thuộc
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư

Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Chư Thiên Thiện phần trời Dạ-ma
Oai nghiêm thanh tịnh đẹp tuyệt vời
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Chư Thiên Hỷ lạc trời Đâu-suất
Công đức oai nghiêm thật nhiệm mầu
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Lại có chư Thiên trời Hóa lạc
Công đức tu hành càng vi diệu
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Lại có chư Thiên trời Tha hóa
Oai đức trang nghiêm rất rực rỡ
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Lại có chư Thiên Đại phạm cung
Màu sắc oai lực xoay rực rỡ
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Bao nhiêu chư Thiên trời Sắc giới
Tất cả thần, rồng, chim cánh vàng
Thần Càn-thát-bà, A-tu-la
Dạ-xoa, quỷ thần và La-sát
Ma-hầu-la-già, Khẩn-na-la
Đầy đủ oai đức thật nhiệm mầu
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Tất cả chúng sinh nơi thế gian
Đã kể trên đây và chưa kể
Như Lai Thi-khí Đại Thánh Sư
Đứng ngồi đây đó theo hầu hạ.
Thế Tôn Thi-khí hạnh như vậy
Điều phục vô lượng chúng trời, người
Chánh giác nhập vào Đại Niết-bàn
Dứt hẳn luân hồi không sinh lại.

Đức Phật lại nói với Xá-lợi-phất:

–Đức Thi-khí Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn lần đầu tiên sắp trở về thăm quê hương của Ngài, có vô lượng vô biên những sự việc hy hữu như vậy.



KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 52

Phẩm 54: NHÂN DUYÊN ƯU-ĐÀ-DI (Phần 1)

Bấy giờ Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất, Ta sắp du hành các nước, trước tiên sẽ đến mảnh đất tươi đẹp, nơi quê hương của Ta.

Xá-lợi-phất liền rời tòa đứng dậy, sửa y phục, bày vai bên phải, chắp tay bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, khi nào Đức Thế Tôn du hành các nước để quán sát xóm làng?

Đức Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất, vào tháng này, khi kỳ Bố tát giữa tháng xong, sau đó Ta sẽ du hành các nước.

Sau khi Đức Thế Tôn Bố-tát giữa tháng xong, Ngài cùng các Tỳ-kheo đi bộ trải qua các nước. Khi Đức Thế Tôn đến thành Vương xá, Ngài thọ trai xong, xoay lại đưa chân bước lên cửa ngoài thành. Khi ấy quả đất chấn động sáu cách, động rồi lại động, nổi lên chìm xuống, nổi lên.

Lúc ấy vua Tần-bà-sa-la cùng với dân chúng nước Ma-già-đà liền đi đến chỗ Phật rồi theo Phật du hành các quốc gia để quán sát các xóm làng. Khi ấy trên hư không có vô lượng ngàn ức chư Thiên thấy Đức Phật sắp du hành các nước, họ đều nhóm họp vui mừng hớn hở cả toàn thân không thể tự chế. Miệng họ xướng lên những âm thanh rất hay, ca hát, huýt gió vui nhộn, kêu la rộn rịp, ngồi xoay tròn, múa tay áo, tung rải Thiên y, lại tung rải các loại hoa sen xanh, hoa sen hồng, hoa sen trắng lớn trên mình Đức Phật, lại đem các loại phấn thơm, dầu thơm và các tràng hoa thơm rải đi rải lại trên mình Đức Phật.

Lúc bấy giờ, quốc gia xứ sở nào mà Đức Thế Tôn quang lâm đến thì tất cả dân chúng ở vùng ấy đều cung kính tôn trọng cúng dường. Như Lai đến chỗ nào đều được các thứ y phục tốt đẹp, đồ ăn uống, thuốc thang, mền mùng, giường nệm... tất cả những vật như vậy không thể kể xiết, lợi dưỡng

tuyệt vời không thể thiếu một món gì. Danh tiếng đồn khắp thế gian, nhưng Đức Phật đối với danh dự và lợi dưỡng này không sinh tâm tham đắm, giống như hoa sen mọc nơi bùn lầy.

Bấy giờ vô lượng oai đức của Thế Tôn như vậy, so với tất cả oai đức tối thắng trong thế gian, thì oai đức của Ngài thù thắng đệ nhất.

Bấy giờ Đức Như Lai, Ứng Cúng, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, ở thế giới này hay thế giới khác, đối với chư Thiên hay Ma, Phạm thiên, Sa-môn, Bà-la-môn... đối với tất cả cảnh giới thiên nhân, Ngài đều dùng thần thông chứng biết, nên Đức Thế Tôn vì thế gian mà thuyết pháp bằng văn nghĩa hay đúng, trước, giữa và sau đều hoàn hảo, khiến chúng sinh được đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh.

Đức Thế Tôn biết chúng sinh nào có khả năng nhận sự giáo hóa thì Ngài liền giáo hóa, nơi nào nên kiến lập Phật pháp thì Ngài dạy bảo kiến lập, tùy họ ở các xứ sở đều được thành tựu. Ai nên thọ Tam quy thì Ngài trao cho pháp Tam quy. Ai nên thọ Ngũ giới thì Ngài trao cho pháp Ngũ giới. Ai nên thọ pháp Bát quan trai thì Ngài trao cho pháp Bát quan trai. Ai nên thọ pháp Thập thiện thì Ngài trao cho pháp Thập thiện. Ai nên xuất gia thì Ngài độ cho xuất gia. Ai nên thọ giới Cụ túc thì Ngài trao cho giới Cụ túc. Cứ như vậy, lần lượt trên hành trình, Ngài đến thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô dừng chân trong hoa lâm viên.

Khi Đức Thế Tôn đã về đến thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, ngự trong hoa lâm viên Ni-câu-đà. Có kệ trình bày những sự việc hết sức huyền diệu trong khi Ngài du hành qua các nước:

Như Lai họ Thích sư tử chúa
Cù-đàm Bậc Oai Đức Tối Thắng
Thành ấp, xóm làng Ngài đi đến
Đều hiện rất nhiều điều kỳ lạ.
Xóm làng, thành ấp Ngài sắp đến
Vừa thấy Như Lai Đại Thánh Sư
Tất cả dân chúng khắp mọi xứ
Cung kính, tôn trọng đến rước Ngài.
Xóm làng, thành ấp Ngài sắp đến
Vừa thấy Như Lai Đại Thánh Sư
Bao nhiêu cây cỏ, hoa cùng lá
Tất cả nghiêng mình lễ Thế Tôn.
Cho đến ngang qua dưới các cây

Thế Tôn an nghỉ hoặc đứng đi
Cây ấy tự nhiên tuôn hoa xuống
Vùng đất nơi đây rực cả hoa.
Dưới những tàng cây Như Lai đến
Bất cứ nơi nào Phật nghỉ ngơi
Quả ngọt cây này tự nhiên rụng
Cành lá uốn mình rủ sát chân.
Có cây cao độ cỡ tầm tay
Hoa quả xen nhau trông đẹp mắt
Thế Tôn Cù-đàm Đại Thánh Sư
Du hành cảm ứng việc như vậy.
Có cây người ta không vói tới
Hoa thắm quả ngọt tự nhiên rơi
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thánh Sư
Du hành cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Mưa xuống loài hoa Cương-ca-la
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thánh Sư
Du hành cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Mưa xuống loài hoa Mạn-thù-sa
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thánh Sư
Oai đức cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải các loài hoa đẹp tuyệt trần
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thế Tôn
Oai thần cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải các loài hoa Mạn-đà-la
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thánh Sư
Oai đức cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải xuống loài hoa Ba-lợi-da
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thánh Sư
Du hành cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải xuống loài hoa Tỳ-bà-la
Sư tử Cù-đàm Đại Thánh Sư

Du hành cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải xuống loài hoa thơm bậc nhất
Sư tử Cù-đàm trời người trọng
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải xuống loài hoa thơm bát ngát
Đại thánh Cù-đàm mắt trời người
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải xuống hoa thơm tỏa khắp nơi
Cù-đàm dũng mãnh Đại Tôn Thánh
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải xuống hoa vàng màu tuyệt diệu
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thánh Sư
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải xuống hoa báu màu tuyệt diệu
Đại Thánh Cù-đàm Đấng Thập Lực
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải hoa cộng báu màu tuyệt đẹp
Cù-đàm dũng mãnh mắt trời người
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải hoa sen xanh màu tuyệt đẹp
Cù-đàm dũng mãnh Thầy trời người
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải bột trầm thủy thơm bát ngát
Cù-đàm ba cõi trời người trọng
Oai đức cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Rải xích chiên-đàn hương vi diệu
Sư tử Cù-đàm Đại Thánh Sư
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không

Rải bột ngưu đầu thơm bát ngát
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thế Tôn
Du hành oai đức việc như vậy.
Chư Thiên hiện ở trên hư không
Trổi lên các bản âm nhạc trời
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thánh Tôn
Du hành oai đức việc như vậy.
Phi nhân hiện ở trên hư không
Tung rải các loại Thiên y đẹp
Sư tử Cù-đàm Đại Thánh Sư
Du hành cảm ứng việc như vậy.
Chư Thiên hộ vệ đi theo Phật
Đều đem theo hoa đầy hương sắc
Vì Bậc Đại Thánh trời trong trời
Đi theo rải hoa ngập đầu gối.
Lúc ấy khí hậu trời ấm áp
Không có muỗi mòng cùng trùng độc
Đại Thánh nhiệm mầu nhất chư Thiên
Cảm ứng phát sinh việc như vậy.
Tất cả cõi đất đều bằng phẳng
Núi non, gò nổng chẳng gồ ghề
Cù-đàm mười lực Đại Thánh Tôn
Du hành cảm ứng việc như vậy.
Khắp cõi đại địa thật trong sạch
Không có bụi bặm cùng gai độc
Cù-đàm oai đức nhất trời người
Du hành cảm ứng việc như vậy.
Khắp cõi đại địa đều chuyển động
Sông dài biển cả với núi non
Cù-đàm cao tột nhất ba cõi
Du hành cảm ứng việc như vậy.
Tất cả vua chúa, Bà-la-môn
Cùng hàng Tỳ-xá, Thủ-đà-la
Số ấy lớp lớp ngàn vạn chúng
Luôn luôn hầu cận Đức Thế Tôn.
Lại trời Địa cư đẹp hơn hết
Sắc đẹp, sức lực thật oai nghiêm
Cù-đàm dũng mãnh Đại Thế Tôn

Đi đứng, nghỉ ngơi đều hầu Phật.
Lại có bốn vua trời Hộ thế
Đều có oai lực hơn tất cả
Cù-đàm vi diệu Đại Thánh Tôn
Đi đứng, nghỉ ngơi đều hầu Phật.
Vua trời Đế Thích đảnh Tu-di
Cho đến Phạm vương, vua Ta-bà
Cù-đàm đặc biệt thật tối thắng
Chúng ấy luôn luôn hầu bên Phật.
Lại có chư Thiên cảnh giới Dục
Cho đến Tứ thiền, chúng Sắc giới
Cù-đàm oai mãnh Đại Thánh Sư
Chúng ấy luôn luôn hầu bên Phật.
Lại có loài rồng, chim cánh vàng
Thần Càn-thát-bà, A-tu-la
Cho đến Dạ-xoa, chúng La-sát
Cùng nhau theo hầu Đức Như Lai.
Bao nhiêu chúng sinh ở thế gian
Đã kể ở trên hoặc chưa kể
Tất cả theo hầu Đức Thế Tôn
Du hành các nước và thành ấp.
Như vậy, Thế Tôn khi du hành
Giáo hóa vô lượng chúng trời người
Thương mến quê hương cùng thân tộc
Về lại thành xưa Ca-tỳ-la.

Lúc ấy hai vị Trưởng lão Ưu-đà-di và Xa-nặc đồng đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân rồi đứng lui về một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, vua Thâu-đầu-đàn không có tín tâm, không có tịnh tâm, không muốn thấy các vị Tỳ-kheo...

Thế Tôn biết sự việc này nên bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, thầy nào có khả năng đến giáo hóa vua Thâu-đầu-đàn, khiến nhà vua sinh tâm thanh tịnh?

Lúc ấy trong chúng có một Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Xá-lợi-phất có khả năng đến chỗ vua Thâu-đầu-đàn dùng phương tiện giáo hóa, khiến nhà vua sinh tâm tín kính.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Mục-kiền-liên có khả năng đến chỗ vua Thâu-đầu-đàn dùng phương tiện giáo hóa khiến nhà vua sinh tâm tín kính.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp có khả năng đến giáo hóa, khiến nhà vua sinh tâm kính tín.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Ca-chiên-diên có khả năng đến giáo hóa khiến nhà vua sinh tâm tín kính.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

–Trong chúng này có Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp có khả năng đến giáo hóa khiến nhà vua sinh tâm kính tín.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, trong chúng này có Trưởng lão Na-đề Ca-diếp có khả năng đến giáo hóa khiến nhà vua sinh tâm tín kính.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Ưu-ba-tư-na có khả năng đến chỗ vua Thâu-đầu-đàn dùng phương tiện giáo hóa khiến nhà vua sinh tâm kính tín.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Ưu-đà-di:

–Này Ưu-đà-di, lúc này thầy có thể đến chỗ vua Thâu-đầu-đàn giáo hóa, khiến nhà vua sinh tâm kính tín hay không?

Ưu-đà-di bạch Thế Tôn:

–Thưa Thế Tôn, con có thể làm được việc này.

Đức Phật liền bảo:

–Này Ưu-đà-di, thầy nên đến vua Thâu-đầu-đàn dùng phương tiện giáo hóa khiến nhà vua sinh tâm kính tín.

Khi ấy, Trưởng lão Ưu-đà-di nghe Thế Tôn dạy như vậy liền bạch Phật:

–Dạ vâng. Thưa Thế Tôn, y như lời Ngài dạy, con xin làm theo.

Vào sớm mai, mặt trời vừa ló dạng, Ưu-đà-di đắp y, mang bình bát, đi đến cung điện của vua Thâu-đầu-đàn. Đến nơi, ngài hỏi người lính gác cổng:

–Thưa nhân giả, người có biết hiện giờ Đại vương Thâu-đầu-đàn ngự ở đâu chăng?

Tên lính gác thưa:

–Hiện giờ nhà vua ngự tại cung điện Trị lý vương vụ.

Khi ấy Ưu-đà-di đi đến chỗ vua Thâu-đầu-đàn. Đến nơi, đứng yên tại hiên nhà. Lúc ấy các vị đại thần tả hữu thấy Ưu-đà-di đứng một bên hiên, liền bảo lính gác bốn cửa:

–Mau đến đuổi người xuất gia kia đi ra, không được đứng ở đây. Đừng để nhà vua thấy mà khó chịu.

Lính gác cửa nghe các đại thần nói như vậy, vội đến chỗ người xuất gia. Khi đến nơi mới phát hiện vị này là con của Quốc sư mà thuở thiếu thời là bạn thân tình và luôn luôn giao du vui chơi bên cạnh Thái tử Tất-đạt-đa, nên không nỡ đuổi và đi trở vào.

Khi ấy, các đại thần hỏi người giữ cửa:

–Tại sao các ngươi không đuổi người xuất gia kia ra khỏi chỗ này?

Lính gác cửa đáp:

–Thưa các đại thần, vị ấy là con của Quốc sư. Từ khi sinh ra cho đến ngày nay là bạn tâm giao thường lui tới vui chơi với Thái tử Tất-đạt-đa. Vì vậy chúng tôi không nỡ đuổi đi.

Khi vua Thâu-đầu-đàn ở nơi cung điện bàn việc chánh trị xong rồi, nhà vua đứng dậy, sắp ra khỏi cửa, các đại thần hộ vệ hai bên đưa vào nội cung. Lúc ấy Ưu-đà-di vội đi thẳng đến và nắm lấy tay vua Thâu-đầu-đàn. Nhà vua im lặng không nói, chỉ suy nghĩ: " Nếu nay ta bảo thì người gác cổng sẽ đuổi người này ra. Người gác cổng lại nghĩ: "Các đại thần tự phải đuổi đi." Các đại thần lại nghĩ: "Kẻ giữ cửa nội cung phải ngăn chận đuổi ra." Những kẻ giữ cửa nội cung lại nghĩ: "Người này vốn được Đại vương thương tưởng, nay lại cầm tay nhau mà đi." Họ đều có ý nghĩ như vậy nên không có người nào chịu đuổi đi cả.

Đại vương Thâu-đầu-đàn tiến lần vào thâm cung rồi lên nội điện ngự trên ngai vàng. Khi ấy Ưu-đà-di thấy nhà vua vào nội cung rồi thẳng lên nội điện thì Trưởng lão cũng đi vào điện này, đứng trước mặt nhà vua chẳng bao xa. Vua Thâu-đầu-đàn thấy Ưu-đà-di đứng cách trước mặt mình chẳng bao xa, thấy vậy tâm sinh bực dọc, thầm than:

–Ôi thôi, đau khổ thay! Con ta hình dung cũng gầy ốm như thế này chăng? Thật đáng nhàm chán! Các người nên mau đuổi kẻ xuất gia này. Kẻ nào đã cho phép nó vào đây?

Lúc ấy các đại thần tâu:

–Tâu Đại vương, theo bọn hạ thần chúng tôi, đối với việc này không nên làm như vậy. Đại vương không nên đuổi người xuất gia này đi. Vì lý do gì? Vì người này là con của Quốc sư, lại là bạn thâm tình, thường giao du với Thái tử từ thuở nhỏ.

Khi ấy Ưu-đà-di dùng lời kệ buồn thương mà không làm phật ý nhà vua nói:

Muốn lúa tốt cần cày, giống tốt
Muốn tìm châu báu phải vào biển
Ý ta đến đây, ở mãi đây
Chỉ mong việc ấy mau thành tựu.
Con đường như vậy thường lợi ích
Hết nỗi buồn lo, hưởng an lạc
Muốn đến tha phương cầu lợi ích
Cần đến Cù-đàm, thành tựu lợi.
Mọi người luôn luôn cày đất ấy
Luôn luôn gieo giống trong ruộng này
Chư Thiên luôn luôn mưa cam lộ
Quốc gia luôn luôn ngũ cốc đầy,
Khất sĩ luôn luôn hành khất thực
Thí chủ luôn luôn hành bố thí
Đời này luôn luôn làm bố thí
Luôn luôn được quả tốt trên trời.
Bò sữa luôn luôn vú căng sữa
Bê con luôn luôn bên mẹ mình
Đàn bà luôn luôn mang thai nghén
Sinh nở luôn luôn bị khổ đau.
Thây ma luôn luôn chôn nghĩa địa
Thân thích buồn tiễn thường khóc vang
Nếu chứng thánh đạo hết luân hồi
Ở trong phiền não chẳng thọ sinh.

Bấy giờ vua Thâu-đầu-đàn nghe Ưu-đà-di đọc những lời kệ buồn thương như vậy, nhưng vẫn còn chút ít nghi ngờ, liền hỏi Ưu-đà-di:

–Tôn giả xuất gia ở nơi vị nào? Đại sư của Tôn giả là ai?

Ưu-đà-di dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Cha Thầy ta: Vua Thâu-đầu-đàn
Mẹ của Thầy ta tên Ma-da
Mang Thầy trong thai qua mười tháng

Sinh xong mẹ chết, sinh Đao-lợi.
Như vậy, Thầy ta sinh nhà Ngài
Đại Thánh đức lớn trời trong trời
Nhà này bảy đời thường cứu tế
Danh tiếng lưu truyền khắp mười phương
Trong hàng Trượng phu thật ít có
Lại không sinh vào nhà nào khác
Đại Thánh chỉ sinh nhà như vậy.
Nhà này hưởng phước thật an nhàn
Thân tộc họ Thích danh tiếng lớn
Ngài được trăm phước trang nghiêm thân
Thích tử như vậy hơn loài trời
Ta ở bên Ngài xin xuất gia.

Lúc ấy vua Thâu-đầu-đàn lại hỏi Trưởng lão Ưu-đà-di:

–Hay thay! Này Tỳ-kheo, thầy thật sự theo người nào xuất gia, mà vị Thầy ấy có chánh tín, có chánh ý tu phạm hạnh hay không? Thầy của Tôn giả ngồi dưới gốc cây vắng vẻ, tâm có được an lạc hay không?

Trưởng lão Ưu-đà-di lại dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Vua hỏi theo ai được xuất gia?
Vị này chánh tín tu phạm hạnh
Ở đâu, Ngài cũng chẳng lo sợ
Ngồi dưới gốc cây thường an lạc
Không sợ tiếng khác, như sư tử
Không bị lưới ngăn, như gió mạnh
Chỉ dạy người học, mình không học
Cứu khổ cho người, mình không khổ.

Vua Thâu-đầu-đàn lại hỏi Trưởng lão Ưu-đà-di:

–Vị Tỳ-kheo như vậy nay ở đâu?

Ưu-đà-di đáp:

–Theo lời hỏi của Đại vương thì hiện giờ Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác hiện đang ngự trong vườn Ni-câu-đà, nơi thành Ca-tỳ-la này.

Lúc ấy vua Thâu-đầu-đàn nghĩ: "Ưu-đà-di là đệ tử của con ta. Vì vậy ta phải bảo các đại thần mời Ưu-đà-di ngồi." Rồi nhà vua bảo:

–Này các khanh, nay các khanh nên mời vị Tỳ-kheo này lên tòa an tọa.

Các đại thần nghe vua dạy như vậy, liền tâu:

–Thưa Đại vương, chúng tôi không dám trái lời.

Các quan liền mời Ưu-đà-di ngồi. Vua Thâu-đầu-đàn lại bảo các quan:

–Này các khanh, nên dọn cơm cho vị Tỳ-kheo này ăn.

Các quan nghe lời vua dạy, liền mang nước sạch cho Ưu-đà-di rửa tay rồi dâng thức ăn cho Ưu-đà-di. Ưu-đà-di nhận thức ăn mà không ăn, ý định đem thức ăn này về cúng cho Thế Tôn.

Vua Thâu-đầu-đàn lại hỏi Trưởng lão Ưu-đà-di:

–Tại sao thầy không ăn cơm?

Ưu-đà-di đáp:

–Thức ăn này tôi để dành dâng cúng Thế Tôn, vì vậy mà không ăn.

Khi ấy vua Thâu-đầu-đàn lại càng áo não, buồn khóc, nước mắt ràng rụa mà than:

–Ôi thôi! Con ta thân thể mềm mại, xưa ở trong cung thường hưởng khoái lạc, thân không bị các khổ. Ngày nay vì cớ gì bị khổ như vậy? Đến nỗi bảo Tỳ-kheo đi khất thực, được đồ ăn về mới có ăn!

Vua Tịnh Phạn cất tiếng than vãn như vậy, buồn khóc nghẹn ngào, lại bảo Ưu-đà-di:

–Thầy cứ dùng phần ăn này. Ta sẽ cho người lấy một phần ăn khác đem cho Thầy của thầy.

Ưu-đà-di lại tâu Đại vương:

–Như thế này, thưa Đại vương, phần ăn này tôi đã có ý định dâng cúng Thế Tôn rồi, thì bất cứ chúng sinh nào ăn phần ăn này đều không tiêu. Tại sao vậy? Vì Đức Thế Tôn giới hạnh hơn mọi người, thiền định hơn mọi người, trí tuệ cũng hơn mọi người.

Khi ấy vua Thâu-đầu-đàn bảo các đại thần:

–Các khanh nên đem phần ăn khác dâng cho Tỳ-kheo này và dặn Tỳ-kheo ăn xong nên mau đem phần ăn này cho Thái tử.

Các đại thần lập tức đem phần ăn khác dâng cho Ưu-đà-di. Khi Ưu-đà-di ăn xong, lại tâu vua:

–Đúng vậy! Thưa Đại vương, Đức Như Lai Thế Tôn, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác là Bậc được hàng vua chúa cho đến vô lượng vô biên chúng sinh đều cung kính. Như vậy, ngày nay Đại vương cũng nên đến đó.

Ưu-đà-di nói như vậy rồi, liền rời chỗ ngồi, định ra khỏi hoàng cung. Vua Thâu-đầu-đàn lại bạch Trưởng lão Ưu-đà-di:

–Tôn giả về trước báo cho Thái tử Tất-đạt-đa là chẳng bao lâu ta sẽ đến thăm Thái tử.

Ưu-đà-di cung kính nhận lời vua. Ưu-đà-di mang phần cơm ra khỏi thành, về lại rừng Ni-câu-đà. Đến nơi, ngài bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con đã giáo hóa vua Thâu-đầu-đàn, khiến nhà vua hoan hỷ nên Đại vương sắp đến thăm Đức Thế Tôn.

Khi Ưu-đà-di vừa rời khỏi hoàng cung, vua Thâu-đầu-đàn lại bảo các đại thần:

–Này các khanh phải biết, ngày nay Thái tử Tất-đạt-đa đã đến thành này rồi. Chúng ta phải làm gì bây giờ?

Các đại thần tâu:

–Lành thay! Tâu Đại vương, nếu có các Sa-môn khác đến thành của Đại vương, chúng ta còn phải cúng dường, cung cấp, huống nữa nay là Thái tử Tất-đạt-đa cùng với bản thân chúng ta không khác, đâu được thản nhiên không sinh tâm cung kính. Chúng ta chỉ theo ý của Đại vương, rồi sau mới đến đó.

Vua Thâu-đầu-đàn liền ra lệnh rung chuông thông báo mọi người trong nội thành đều hay biết. Thông báo rằng: "Ta nay sắp đi đến quán sát chỗ ở của Thái tử Tất-đạt-đa. Mọi người đều phải trang hoàng một cách hoàn bị, rồi đi theo ta."

(Đây là lời nói của các thầy thuộc bộ Ca-diếp-di. Theo các thầy thuộc bộ Ma-ha Tăng-kỳ lại nói: "Lúc bấy giờ vua Thâu-đầu-đàn bạch Ưu-đà-di:

–Theo ý của Tỳ-kheo thì nên làm những món ăn gì để cúng dường Thái tử?

Ưu-đà-di thưa Đại vương:

–Như thế này, thưa Đại vương, nếu muốn làm thức ăn cho Thế Tôn, thì nên làm món ăn ngon ngọt, trong sạch thanh khiết.

Khi ấy vua Thâu-đầu-đàn ra lệnh các đại thần:

–Các khanh phải biết, vì Thái tử các khanh nên mau mau làm các thức ăn ngon, trong sạch thanh khiết.

Các đại thần nghe vua phán như vậy, lại tâu:

–Y như lời Đại vương dạy, chẳng dám sai trái.

Họ cùng nhau làm các món ăn uống sơn hào hải vị ngon ngọt thơm tho, trong sạch thanh khiết, làm xong giao cho Ưu-đà-di. Khi Ưu-đà-di ăn

xong, mang các thức ăn uống sơn hào hải vị ngon ngọt thơm tho, trong sạch thanh khiết vừa mới làm xong, ra khỏi thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, trở về rừng Ni-câu-đà. Sau khi đến nơi, Trưởng lão bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con đã giáo hóa vua Thâu-đầu-đàn, khiến nhà vua sinh tâm hoan hỷ. Ngài sắp đến thăm Phật. Xin Phật nhận lãnh món ăn như pháp này).

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, tại sao Trưởng lão Ưu-đà-di giáo hóa được vua Thâu-đầu-đàn, khiến cho nhà vua được hoan hỷ? Lại có thể khiến nhà vua làm các món ăn uống sơn hào hải vị ngon ngọt thơm tho, trong sạch thanh khiết đem về dâng cho Thế Tôn?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Ưu-đà-di chẳng chỉ ngày nay giáo hóa được vua Thâu-đầu-đàn và đem món ăn uống ngon ngọt cho Ta, mà thuở xưa cũng giáo hóa khiến vua Thâu-đầu-đàn sinh tâm hoan hỷ và đem món ăn ngon ngọt dâng cho Ta.

Khi ấy các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Việc ấy như thế nào, cúi xin Đức Thế Tôn vì chúng con mà kể rõ. Chúng con nay nguyện muốn nghe.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ vào đời quá khứ lâu xa, tại nước Ba-la-nại có một con chim chúa tên là Tô-phất-đa-la *(nhà Tùy dịch là Thiện tử)* cùng bầy chim tám vạn con hòa hợp với chim chúa đồng sống tại nước này. Chim chúa có một chim mái tên là Tô-phất-thất-lợi *(nhà Tùy dịch là Thiện nữ)*. Thuở ấy, chim mái giao hợp với chim chúa đã có mang, chim mái bỗng sinh ý nghĩ: "Ta muốn được thức ăn uống thơm ngon, trong sạch như thức ăn của vua loài người ngày nay vậy." Nhưng vì sợ mơ ước không toại nguyện nên chim mái lần lần buồn rầu, thân thể tiều tụy ốm o, đứng run rẩy không vững. Chim chúa Thiện Tử thấy vợ mình lăn lộn trên đất, buồn rầu tiều tụy ốm o, đứng run rẩy không vững nên hỏi: "Vì lý do gì nàng lăn lộn trên đất, thân thể tiều tụy ốm o, đứng run rẩy không vững như vậy?"

Chim mái đáp: "Lành thay! Thưa thánh tử, thiếp đang có mang, bỗng nghĩ muốn được thức ăn sơn hào hải vị thơm ngon trong sạch như thức ăn nhà vua vậy."

Lúc ấy chim chúa than với vợ: "Lạ thay! Này hiền thê, ta làm sao được thức ăn uống thơm ngon như vậy. Cung vua thì kín đáo sâu xa, không thể đến được. Nếu ta có vào đó sẽ sa vào tay họ, nhất định bỏ thây."

Chim mái lại thưa với chim chúa: "Này thánh tử, nếu ngày nay thiếp không được thức ăn uống như vậy, nhất định sẽ chết và bào thai nhất định sẽ không còn sống."

Chim chúa lại nói với chim mái: "Lạ thay! Này hiền thê, ngày chết của nàng sắp đến, nên mới nghĩ đến thức ăn khó được như vây." Chim chúa nói như vậy rồi, ưu sầu khổ não đứng suy nghĩ: "Theo ý ta nghĩ, thức ăn uống thơm ngon trong sạch như thức ăn của nhà vua, thật là khó được."

Lúc ấy trong bầy chim của chim chúa có một con thấy sự việc này, bay đến chỗ chim chúa thưa: "Lạ thay! Thưa thánh giả, vì cớ gì ngài đứng suy tư sầu não như vậy?"

Chim chúa Thiện tử nói rõ chi tiết nguyên nhân sự việc vừa qua. Chim kia lại thưa với chim chúa Thiện tử: "Lành thay! Thưa thánh tử, xin chớ ưu sầu. Tôi nay sẽ vì ngài đi tìm thức ăn sơn hào hải vị thơm ngon khó tìm của nhà vua."

Lúc ấy, chim chúa lại nói: "Lành thay! Này thiện hữu, nếu người có năng lực vì ta làm việc này, ta sẽ đền đáp công đức ấy."

Lúc bấy giờ chim nọ từ chỗ của chim chúa bay vọt lên hư không, thẳng đến cung vua Phạm Đức, đậu trên đọt cây, cách nhà bếp chẳng bao xa để quán sát thức ăn của vua nơi nhà bếp. Chim thấy thức ăn nhà vua nấu xong, có một phụ nữ chuẩn bị đầy đủ các thứ sơn hào hải vị. Đến giờ ăn, nàng mang sớt vào đồ bằng bạc đầy ắp thức ăn uống, sắp dâng lên nhà vua. Ngay lúc ấy chim nọ từ trên cây cao hạ cánh đậu trên đầu người phụ nữ, dùng mỏ mổ vào mũi cô ta. Nàng này lỗ mũi bị chim mổ đau nhức nên lỡ tay làm đồ ăn rơi xuống đất. Khi ấy chim vội đớp lấy thức ăn bay về cho chim chúa. Chim chúa được thức ăn liền đem cho chim vợ Thiện nữ. Chim vợ được thức ăn liền ăn no nê, thân thể an ổn, sau đó sinh nở.

Chim nọ vào những ngày khác, thường lui tới cung vua đoạt lấy thức ăn dâng cho chim chúa. Khi ấy, vua Phạm Đức thường thấy xảy ra việc này nên mới suy nghĩ: " Quái lạ thay! Tại sao con chim này thường đến đây làm ô uế thức ăn của ta? Lại dùng móng mỏ làm phụ nữ ta bị thương!" Nhà vua không chịu nổi việc này, liền kêu thợ bẫy chim đến bảo:

–Các khanh mau mau đi đến đó, bắt sống con chim này cho ta.

Các thợ bẫy chim nghe lời vua phán, liền tâu:

–Y như lời Đại vương dạy, chúng tôi không dám sai trái.

Các thợ bẫy chim đến nơi, bắt sống được con chim này đem giao cho vua Phạm Đức. Vua Phạm Đức hỏi chim:

–Vì cớ gì ngươi thường đến đây làm ô uế thức ăn của ta? Lại dùng mỏ móng làm thương tổn phụ nữ của ta?

Chim đáp:

–Lành thay! Tâu Đại vương, xin nhà vua nghe tôi kể việc ấy, ngài sẽ bằng lòng.

Khi ấy vua Phạm Đức hoan hỷ, vì lại nghĩ thế này: "Việc này thật hy hữu. Tại sao loài chim lại biết nói tiếng người?" Nghĩ như vậy rồi, nhà vua bảo chim:

–Hay thay! Hay Thay, người nên vì ta nói ý nghĩa việc này để ta được hoan hỷ.

Bấy giờ chim dùng kệ đáp lời vua Phạm Đức:

Vua phải biết, thành Ba-la-nại
Có chim chúa thường ngày ở đó
Cùng chim bạn tám vạn bủa vây
Đều tuân thủ lệnh của vua chim.
Vợ chim chúa có điều mơ ước
Hướng đến chồng bày tỏ khúc lòng
Nàng ước ao cao lương mỹ vị
Đúng là thức ăn của Đại vương.
Vì vậy tôi thường bay đến đây
Đoạt thức ăn mỹ vị của ngài
Nay vì phục vụ chúa chim tôi
Đến nỗi bị Đại vương bắt giữ.
Lành thay! Cầu mong đại thánh vương
Mở lòng từ bi thả tôi ra
Bởi vì tôi phụng sự vợ vua chim
Thường cướp lấy thức ăn của ngài.
Nhớ từ nhỏ cho đến bây giờ
Chưa bao giờ làm điều như vậy
Xin được lệnh Đại vương dung thứ
Mãi về sau không dám tái phạm.

Khi vua Phạm Đức nghe chim nói như vậy, trong lòng hoan hỷ nói: "Việc này thật hy hữu! Loài người đối với chủ nhân còn không có tâm ái trọng như loài chim này vậy."

Nói như vậy rồi, vua Phạm Đức nói kệ:

Nếu có những đại thần như vậy
Biết đáp ân nặng lộc phong hầu
Giống như chim nọ thật dũng kiện
Vì chủ tìm mồi chẳng tiếc thân.

Vua Phạm Đức nói kệ rồi, lại bảo chim:

–Lành thay! Này chú chim, từ nay trở đi ngươi hãy thường tới đây lấy thức ăn mỹ vị. Nếu có người nào ngăn đón không cho, ngươi hãy đến báo ta biết, ta sẽ cho ngươi phần ăn của ta để ngươi đem về.

Đức Phật nói với các Tỳ-kheo:

–Các thầy phải biết, con chim chúa thuở ấy là thân Ta ngày nay. Chim đi ăn cắp thức ăn thuở ấy là Ưu-đà-di ngày nay. Còn vua Phạm Đức thuở ấy tức là vua Thâu-đầu-đàn ngày nay. Thuở ấy, Ưu-đà-di làm cho nhà vua hoan hỷ và cũng vì Ta đi tìm thức ăn. Ngày nay cũng lại như vậy, Ưu-đà-di làm cho vua Thâu-đầu-đàn sinh tâm hoan hỷ và lại vì Ta mang thức về.

Sau đó, vua Thâu-đầu-đàn mới ra lệnh rung chuông, rung linh thông báo tất cả dân chúng trong thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô không được một ai đến thăm Thái tử trước. Ai muốn đi thăm Thái tử sẽ cùng đi theo vua đến đó yết kiến.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 53

Phẩm 54: NHÂN DUYÊN CỦA ƯU-ĐÀ-DI (Phần 2)

Bấy giờ, vua Thâu-đầu-đàn đem tất cả những người trong cung của mình, những người trong cung của Thái tử Tất-đạt-đa, ngoài ra còn đem theo các quyến thuộc khác, là đồng tử dòng họ Thích và các thuộc hạ, lại đem bốn binh chủng, trăm quan đại thần, các tướng soái hộ vệ và các cư sĩ, trưởng giả kỳ cựu nơi các xóm làng, thành ấp. Để thể hiện oai thế của nhà vua và hiển bày tinh thần đức độ của mình nên nhà vua đem theo các đại thần, thân tộc, binh chủng hộ vệ chung quanh như vậy.

Bấy giờ tôn tộc của họ Thích có chín vạn chín ngàn người, cùng dân chúng trong thành Ca-tỳ-la-bà-tô-đô muốn đến chiêm ngưỡng Như Lai.

Đức Như Lai trông thấy Đại vương Thâu-đầu-đàn cùng với quần chúng hàng ngũ chỉnh tề đang hướng đến, nên suy nghĩ: "Nếu Ta thấy phụ vương mà không đứng dậy nghênh tiếp thì người ta sẽ cho rằng: "Người này không đủ đức hạnh quả báo làm người. Tại sao thấy cha mà không đứng dậy nghênh tiếp?"

Nếu Ta thấy phụ vương và đại chúng mà đứng dậy nghênh tiếp thì họ sẽ bị vô lượng tội lớn.

Nếu Ta giữ tư thế ngồi yên như cũ thì họ đối với Ta không sinh tâm cung kính."

Như Lai suy xét ba trường hợp như trên, thấy mỗi trường hợp đều có khuyết điểm như vậy. Như Lai suy nghĩ ý nghĩa của ba trường hợp như vậy rồi, Ngài từ chỗ ngồi dùng sức thần thông bay vọt lên hư không, ở trong hư không, Ngài hóa hiện các thứ thần thông, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ngủ, hoặc tỏa khói, hoặc phóng lửa ngọn, hoặc ẩn, hoặc hiện...

Các vị thần ở thành Ca-tỳ-la-bà-tô-đô như thần bảo vệ thành, thần giữ cổng... hiện ra trước mặt vua Thâu-đầu-đàn rồi đằng vân lên hư không, đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui về một bên, nói kệ thưa Thế Tôn:

Hôm đêm Thái tử đi xuất gia
Các thần Dạ-xoa hộ mở cửa

Vua Tỳ-sa-môn dẫn dường đi
Thế Tôn là Bậc Công Đức lớn.
Khi ấy Thái tử ra khỏi cửa
Phát đại thệ nguyện như thế này:
"Nếu chẳng thu phục được ma quân
Thành này, Ta không vào trở lại."
Ngày nay nguyện ấy đã thành công
Thế Tôn thu phục lũ ma quân
Chứng quả Bồ-đề Vô thượng đạo
Nguyện xưa nay đã được viên thành.
Phật vì làm phước hiện ra đời
Đã chứng Bồ-đề Vô thượng đạo
Do vì thương mến hàng thân tộc
Vì vậy ngày nay lại vào thành.

Khi ấy vua Thâu-đầu-đàn từ xa trông thấy Thế Tôn dùng sức thần thông bay lên hư không, thể hiện các thứ thần thông biến hóa, nên suy nghĩ: "Ta nhớ thuở trước Thái tử Tất-đạt-đa xả tục xuất gia, mà nay đã thành Bậc Đại Tiên có nhiều oai đức, có đại thần thông."

Vua Thâu-đầu-đàn suy nghĩ như vậy rồi liền xuống xe đi bộ đến chỗ Phật. Khi nhà vua từ từ tiến gần đến chỗ Phật ngồi thì Đức Phật cũng từ hư không từ từ hạ xuống. Khi vua Thâu-đầu-đàn đến sát chỗ ngồi của Phật, thì ngay lúc đó Đức Phật cũng từ hư không đã đến chỗ ngồi của mình.

Vua Thâu-đầu-đàn thấy trên đầu Phật không có mão thiên quan, lại cạo bỏ râu tóc, thân đắp ca-sa, vì lòng thương con nên nhà vua ngã xỉu. Trong giây lát mới tỉnh dậy, vua nằm lăn trên đất buồn khóc, nước mắt đầm đìa. Lúc ấy chín vạn chín ngàn người trong hoàng gia cùng với tất cả dân chúng trong thành cũng như ngoài thành đều ngã xỉu trên đất, buồn khóc lăn lộn, nước mắt ràn rụa cả mặt mày, buồn rầu áo não, đau khổ vô cùng.

Khi ấy đại chúng nói kệ:

Đại vương dẫn chúng đến bên Phật
Phụ vương thấy Phật chưa thăm hỏi
Vua muốn gọi con nhưng e ngại
Muốn gọi Tỳ-kheo cũng ngượng ngùng.
Vua thấy Thái tử dạng Sa-môn
Tự ở ngôi vua thấy hổ thẹn
Than ngắn thở dài lòng tức giận
Xỉu ngã trên đất, kể đủ điều.

Như Lai im lìm ngồi thiền định
Vua thấy như vậy vẫn ưu sầu
Giống người khát nước từ xa đến
Đã thấy nước rồi, vẫn chịu khát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nghĩ: "Hoàng gia họ Thích rất tự thị cống cao ngã mạn. Nếu đặt đầu xuống đất để lễ Ta thì họ chẳng muốn làm." Ngài nghĩ như vậy, liền bay lên hư không cách đất khoảng một trượng. Ngài lại nghĩ: "Nay Ta ở cách đất chừng ấy, để họ đủ khom người cúi đầu làm lễ."

Có kệ:

Phật biết vua tôi lòng ngã mạn
Bay lên hư không cao một trượng
Thương mến tất cả người đến đây
Vì vậy Ngài trú nơi hư không.

Khi ấy vua Thâu-đầu-đàn từ dưới đất ngồi dậy, đảnh lễ dưới chân Phật và nói kệ:

Ta lạy ba lần Đấng Chân Như
Lễ Phật khi vừa mới đản sinh
Khi xưa trong cung tướng sư đoán
Khi ngồi gốc cây che mát thân
Nay thấy thể hiện việc hơn người
Mặt mày tươi sáng như hoa nở
Khiến thân tâm ta rất vui mừng
Thế nên ta nay lễ ba lạy.

Bấy giờ, vua Thâu-đầu-đàn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi sau đó tuần tự quyến thuộc hai cung đều lễ Phật. Kế đến quyến thuộc bên ngoại cũng lễ dưới chân Phật. Các đồng tử dòng họ Thích cũng lễ dưới chân Phật. Các tướng sĩ hộ vệ và trăm quan đại thần cũng tuần tự lễ Phật. Những cư sĩ dòng đại tộc cũng đảnh lễ dưới chân Phật. Tuần tự những vị kỳ túc đại phú trưởng giả cũng lễ dưới chân Phật.

Đức Thế Tôn có những giáo pháp sâu xa vi diệu nhưng e ngại đại chúng chưa sinh tâm hoan hỷ, khát ngưỡng, chưa sinh ý tưởng hy hữu đặc biệt nên Như Lai chưa nói pháp này.

Bấy giờ Đức Thế Tôn muốn đại chúng hiện tiền sinh tâm hoan hỷ kính tin nên Ngài vận dụng thần thông bay lên hư không, trụ tại phương Đông cao khoảng một cây Đa-la, rồi Ngài biến hiện các thần thông: một thân hiện ra nhiều thân, hoặc nhiều thân hợp thành một thân, đi lại chân không đụng đất, từ dưới đi lên, từ trên đi xuống, đi xuyên qua núi, vách đá

không bị chướng ngại, vào trong đất như vào trong nước, đi trên mặt nước như trên mặt đất, ngồi kiết già trên hư không an nhiên bất động, hoặc đi kinh hành giống như chim bay, hoặc trên thân bốc khói, dưới thân phun nước, hoặc thân như đống lửa lớn, như vầng nhật nguyệt có oai đức lớn, có thần thông lớn, oai đức lẫy lừng quang minh chiếu khắp, hoặc có khi dùng tay nắm bắt mặt trời, mặt trăng, thân hình cao lớn đụng đến cõi Phạm thiên...

Sau khi hiện những thần thông như trên, Ngài lại hiện cùng một lúc hai thần thông đối nhau, nghĩa là nửa thân phía trên bốc khói, nửa thân phía dưới phun lửa. Hoặc nửa thân phía dưới bốc khói, nửa thân phía trên phun lửa. Hoặc hông bên trái phun lửa, hông bên phải tỏa khói. Hoặc hông bên phải phun lửa, hông bên trái tỏa khói. Hoặc lại nửa thân phía trên bốc khói, nửa thân phía dưới phun nước lạnh trong mát. Hoặc nửa thân phía trên phun nước lạnh trong mát, nửa thân phía dưới bốc khói. Hoặc hông bên trái bốc khói, hông bên phải phun nước lạnh trong mát. Hoặc trong chốc lát hông bên phải bốc khói, hông bên trái phun nước lạnh trong mát. Hoặc nửa thân phía dưới bốc lửa nóng, nửa thân phía trên phun nước mát lạnh. Hoặc nửa thân phía trên bốc lửa nóng, nửa thân phía dưới phun nước trong mát lạnh. Hông bên trái phun lửa, hông phải phun nước mát. Hoặc hông bên trái bốc lửa, hông bên phải phun nước trong mát lạnh. Hoặc hông bên trái phun nước mát lạnh, hông bên phải bốc ra lửa đỏ. Hoặc toàn thân bốc lửa, khoảng giữa hai con mắt phun nước mát lạnh. Hoặc khoảng giữa hai con mắt bốc lửa đỏ, toàn thân phun nước mát lạnh.

Bấy giờ Đức Như Lai để hiện nửa thân phía dưới, ẩn mất nửa thân phía trên mà thuyết pháp. Rồi để hiện nửa thân phía trên, ẩn mất nửa thân phía dưới mà thuyết pháp.

Như Lai nhập vào định Hỏa quang, trên mỗi lỗ chân lông phát ra các đạo hào quang; có loại hào quang màu xanh, có loại hào quang màu vàng, có loại hào quang màu đỏ, có loại hào quang màu trắng, có loại hào quang màu cỏ biếc, có loại hào quang màu pha lê..

Như Lai có khi ở trên hư không, cách mặt đất chừng một cây Đa-la mà hiện thần thông, có khi cách đất khoảng hai cây Đa-la, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc bảy cây Đa-la, ở trong hư không mà hiện thần thông. Những thần thông hiện ra là một thân hiện ra nhiều thân... hào quang màu pha lê.

Bấy giờ Như Lai ẩn thân nơi phương Nam, xuất hiện nơi phương Tây, cao cách mặt đất khoảng một cây Đa-la, biến hóa đủ các thứ thần

thông. Hoặc Thế Tôn ẩn thân ở phương Tây, hiện nơi phương Bắc, cao cách đất khoảng một cây Đa la, rồi trụ trong hư không biến hóa đủ các loại thần thông. Những thần thông đó như: một thân phân thành nhiều thân... phóng hào quang màu pha lê. Cho đến mỗi phương khác cũng như vậy, đều trụ trong hư không cao cách mặt đất khoảng một cây Đa-la... bảy cây Đa-la, biến hóa đủ các loại thần thông. Những thần thông đó như: một thân phân ra nhiều thân... phóng hào quang màu pha lê.

Bấy giờ, đại chúng thấy Đức Thế Tôn thể hiện những thần thông như vậy, liền sinh tâm hoan hỷ, tín kính Đức Phật, cho là việc chưa từng có.

Khi thấy đại chúng đã hoan hỷ, tín kính, cho là việc chưa từng có rồi, Đức Thế Tôn mới từ hư không hạ xuống, trải tọa cụ ngồi trước đại chúng, rồi vì đại chúng, tuần tự giảng các pháp. Ngài nói: "Chúng sinh từ lâu ở trong phiền não", khiến cho người nghe xa lìa phiền não. Do vậy, Ngài khuyên tu các pháp bố thí, giữ giới, tinh tấn, nhẫn nhục sẽ được sinh vào thiện xứ. Ngài lại dạy xa lìa dục lậu, hữu lậu... để được thoát ly phiền não. Ngài cũng ca ngợi công đức xuất gia. Ngài tán thán các pháp giải thoát như vậy.

Khi Đức Như Lai thuyết pháp, Ngài biết đại chúng vui mừng hớn hở, nhu hòa và tâm không phóng dật.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn cũng thuyết các pháp truyền thừa của chư Phật như Khổ, Tập, Diệt, Đạo...

Khi Đức Thế Tôn vì đại chúng theo phương tiện thị hiện thần thông, tuyên dương chánh pháp, thì có vô lượng trăm ngàn ức chúng sinh ngay tại chỗ ngồi xa lìa trần cấu, không còn phiền não, đoạn các kết sử, được pháp nhãn thanh tịnh, đối với pháp tập khởi đều diệt các tướng, chứng được thật trí. Ví như y phục sạch, không chút vết nhơ, có thể tùy ý nhuộm màu sắc gì thì thành màu sắc đó.

Đức Phật nói những pháp như vậy rồi, trong đại chúng có vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức các chúng sinh, ngay tại chỗ ngồi xa lìa trần cấu, không còn phiền não, đoạn các kết sử, được pháp nhãn thanh tịnh... tịch diệt tất cả tướng, chứng trí như thật. Đại chúng này tự thấy các pháp, đã được các pháp, đã chứng các pháp, đã nhập vào các pháp, vượt qua các nghi, các hoặc đã diệt, không còn tâm nghi, đã được vô úy, tất cả nhân duyên sinh ra thân kiến đều diệt sạch. Họ biết như vậy rồi quy y Phật, Pháp, Tăng, thọ trì năm giới cấm, làm người cư sĩ.

Vua Thâu-đầu-đàn vì lưới phiền não thương con bao phủ nên không chứng quả, ngồi trước Thế Tôn, buồn thương than thở, nghẹn ngào ấm ức mà nói kệ:

Mũ bằng bảy báu xưa con đội
Trang nghiêm đẹp đẽ bỏ nơi nào?
Minh châu trong tóc lạc đi đâu
Đầu trần hủy thể không oai đức?
Xưa mặc Ca-thi áo tuyệt vời
Nay con cũng bỏ nó ở đâu?
Y phục vứt bỏ thô xấu này
Con yêu của ta sao lại mặc?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Trung thần danh tiếng của Đại vương
Ta gởi thiên quan cho bạn ấy
Vì muốn trừ bỏ tâm ngã mạn
Lại muốn thành tựu pháp cam lộ.
Chế ra ca-sa y hoại sắc
Do vậy Ta bỏ áo Ca-thi
Thân này lại mặc y hoại sắc
Chứng quả Vô thượng diệu Bồ-đề.

Đại vương Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ bạch Như Lai:

Ta xưa tại cung cầu trăm nguyện
Nguyện được sinh con làm Chuyển luân
Nay thấy cạo đầu, tay bưng bát
Con nói với ta được hơn gì?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Luân vương được cả vẫn không chán
Tuy được sống lâu không tự tại
Tâm Ta tự tại không biên giới
Muốn con Luân vương thật không hay.

Đại vương Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ bạch Thế Tôn:

Giày da bảy báu xưa con mang
Nệm êm chăn mịn đủ loại hàng
Cung điện lầu gác nơi an ổn
Trên đầu được che tàng lọng trắng
Chân trắng mềm mại như hoa sen
Làm sao chịu nổi gai, cát sỏi!

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Ta đã chứng Bậc Nhất Thiết Trí
Không nhiễm các pháp, như hoa sen
Vượt qua các cõi không tham đắm
Như vậy, khổ ấy Ta chẳng còn.

Vua Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ bạch Phật:

Xưa ở cung điện dùng chiên-đàn...
Với các hương thơm mát như trăng
Tùy thời thoa ướp trên thân thể
Thoa xong thân thể thấy lâng lâng.
Ngày nay hạ đến, bị nóng bức
Rừng vắng đi bộ khổ dường nào!
Xưa ở nội cung nhạc êm dịu
Nay không thể nữ vui với ai?

Đức Thế Tôn dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Tôi có ao pháp nước trong mát
Người trí hân hoan, chỗ an lạc
Ao báu công đức rửa sạch thân
Không bị đắm chìm, lên bờ giác.

Vua Thâu-đầu-đàn dùng kệ nói:

Xưa ở trong cung mặc Ca-thi
Thân xông Chiêm-bặc với hương sen
Nhiều lớp hoa mềm lót trong áo
Ngự trong cung điện thật oai nghiêm.
Nay mặc áo gai vải vứt bỏ
Màu sắc tùy xứ nhuộm vỏ cây
Chỉ để che thân thật xấu hổ
Bậc Đại Trượng Phu sao chẳng chán?

Đức Thế Tôn lại dùng kệ trả lời vua Thâu-đầu-đàn:

Y phục, đồ nằm, thức ăn uống...
Xưa Ta tham đắm các thứ này
Thân hình kiều diễm sắc đáng yêu
Ta nay chánh niệm nên không dùng.

Vua Thâu-đầu-đàn dùng kệ nói:

Xưa ở trong cung vật bảy báu
Đồ dùng, bàn án nạm bạc vàng
Sơn hào hải vị thơm ngon ngọt

Vương tử tùy ý mặc sức dùng.
Nay thức ăn dở, lại hôi ê
Nhạt nhẽo chẳng ngon sao ăn được?
Tại sao chẳng chê thức ăn này
Chẳng sinh ý giận vật hôi thối?

Đức Phật lại dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Tương truyền quá khứ đến ngày nay
Cùng đời vị lai, các Thánh giả
Tuy ăn đồ dở, vị chẳng ngon
Thương xót thế gian nên không chê.

Vua Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ nói:

Khi xưa người ở trong điện ta
Nằm ngồi trên chỗ thật êm dịu
Vượt trội thế gian không ai sánh
Tựa gối vừa ý, chẳng chê bai.
Nay nằm trên đất, đồ nhám nhúa
Chỉ trải cỏ rác với lá cây
Tại sao nằm ngủ mà không chê
Thân thể mềm mại chẳng đau sao?

Thế Tôn dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Ta đã chứng được trí tự tại
Thoát khỏi tất cả các khổ đau
Đã nhổ các gai phiền não khổ
Thương mến người đời nên chẳng chê.

Vua Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ nói với Phật:

Thuở xưa người ở nhà vừa ý
Trên sàn rải các loài hoa đẹp
Phòng kín không gió, đèn sáng choang
Cho đến lầu gác và cửa sổ
Vòng hoa anh lạc trang điểm thân
Thê thiếp đoan trang như ngọc nữ
Nói năng dịu ngọt theo hầu hạ
Kính ngưỡng chẳng trái lệnh phu quân.

Thế Tôn lại dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Phụ vương, Ta có pháp tân học
Phạm hạnh vi diệu trong cõi trời
Do Ta chứng được tâm tự tại

Những gì Ta muốn đều thành tựu.

Vua Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ nói:

Tiếng trống, không hầu cùng đàn sắt
Ca ngâm tuyệt diệu làm người thức
Giống như Đế Thích tại Thiên cung
Người ở trong cung xưa cũng vậy.

Đức Phật lại dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Lời kinh, tiếng kệ âm vi diệu
Như ý giải thoát giác ngộ Ta
Ta có thiện hữu hạnh thanh tịnh
Đại vương, Ta sống giữa chúng này.

Vua Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ nói:

Thống lãnh biên cương cùng sông núi
Hưởng dục đủ cả ngàn người con
Bảy báu tuyệt vời sao chẳng tưởng
Tại sao tu lấy hạnh Sa-môn?

Đức Phật dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Tam-muội trí tuệ đất của Ta
Ngàn pháp thiền định là con Ta
Bảy báu giác chi là thất bảo
Đại vương, pháp ấy Ta chứng đắc.

Vua Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ nói:

Xưa con đi xe với tuấn mã
Xe ấy trang hoàng bằng các báu
Tàng lọng như tuyết để che thân
Quạt lụa trắng tinh, cán bằng ngọc.

Đức Phật lại dùng kệ đáp lời vua Thâu-đầu-đàn:

Tôi lấy chánh cần làm ngựa giỏi
Lấy tuệ, tư, tàm quý làm xe
Vận chuyển tinh tấn, dũng mãnh tu
Ta cỡi xe này vào vô úy.

Vua Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ nói:

Người xưa tại cung cỡi Kiền-trắc
Bạch mã trắng tinh hơn tất cả
Yên cương trang trí bằng bảy báu
Cỡi ngựa này đi theo ý muốn.

Đức Phật dùng kệ đáp lời Đại vương:

Bao nhiêu loài ngựa trong thế giới
Vô số thế gian người cỡi nó
Chúng nó đều bị luật vô thường
Quán xong, tùy ý cỡi thần thông.

Vua Thâu-đầu-đàn lại dùng kệ nói:

Khi xưa người ở trong cung điện
Lầu gác khác nào cảnh chư Thiên
Cung tên, giáo mác cầm hộ vệ
Thân mặc chiến bào thật oai nghi.
Nay ở trong rừng không ai hộ
Dạ-xoa, La-sát thật hãi hùng
Thú rừng gầm thét trong đêm tối
Làm sao ở ma không sợ hãi.

Đức Phật lại dùng kệ đáp lời nhà vua:

Bao nhiêu Dạ-xoa, Tỳ-xá-giá
Những loại thú dữ đáng sợ kia
Trong rừng đêm tối luôn đi lại
Không thể động đến một lông Ta
Không sợ tiếng gầm, dù sư tử
Như gió không thể bị lưới ngăn
Cũng như hoa sen không dính nước
Ta ở thế gian nào ô trược.

Bấy giờ vô lượng đại chúng: Trưởng lão Mục-kiền-liên, Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp, Trưởng lão Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Ma-ha Câu-hy-la, Thôn-đà-la, Ly-bà-đa... ngồi hai bên Đức Phật. Các Đại đức trưởng lão này do tu khổ hạnh nên thân thể không tươi sáng, ốm gầy uể oải, sắc diện kém tươi, khí lực sút giảm, chỉ còn da bọc xương. Lúc ấy, vua Thâu-đầu-đàn bạch Đức Phật:

–Thưa Thế Tôn, những vị ngồi bên phải Thế Tôn, họ từ đâu theo Thế Tôn xuất gia?

Lúc ấy Đức Phật đưa cánh tay màu vàng chỉ từng vị Tỳ-kheo và nêu danh tánh giới thiệu cho vua biết:

–Đây là Xá-lợi-phất, đây là Ma-ha Ca-diếp, đây là Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, đây là Na-đề Ca-diếp, đây là Già-da Ca-diếp, đây là Ưu-ba-tư-na, đây là Ly-bà-đa. Những vị đó đều thuộc dòng họ đại quý tộc Bà-la-môn ở nước Ma-già-đà.

Vua Thâu-đầu-đàn lại hỏi:

–Hiện giờ những vị ngồi bên trái là ai? Từ đâu đến theo Thế Tôn xuất gia?

Đức Phật bảo vua:

–Đây là Ma-ha Mục-kiền-liên, đây là Ma-ha Ca-chiên-diên, đây là Ma-ha Thuần-đà... Những vị ấy cũng thuộc dòng đại quý tộc thuộc nước Ma-già-đà.

Khi vua Thâu-đầu-đàn nghe Đức Phật giới thiệu như vậy, trong lòng buồn bã chẳng vui, lại suy nghĩ: "Con ta tuy thật là đồng tử thuộc dòng đại quý tộc Sát-đế-lợi, hình dung khôi ngô giống như tượng vàng, người ta trông thấy không chán. Nhưng đã là đồng tử dòng đại tộc Sát-đế-lợi mà để hàng Bà-la-môn hầu hạ hai bên là điều phi lý. Đã là đồng tử dòng Sát-đế-lợi cao quý thì lẽ ra phải có hàng Sát-đế-lợi hầu hạ chung quanh mới phải lẽ."

Nghĩ như thế rồi, vì muốn việc này được thành tựu, nhà vua liền rời chỗ ngồi, đứng dậy trở về hoàng cung.

□

Phẩm 55: NHÂN DUYÊN CỦA ƯU-BA-LY (Phần 1)

Sau khi vua Thâu-đầu-đàn trở về hoàng cung, liền có một đồng tử tên là Ưu-ba-ly, từ đại chúng ở trước đi đến chỗ Phật. Người mẹ dắt tay đồng tử đi đến Đức Phật. Bà ta cất tiếng nói:

–Ưu-ba-ly này đã từng cạo râu tóc cho Thế Tôn.

Khi đó Ưu-ba-ly liền cạo râu tóc cho Thế Tôn.

Mẹ đồng tử Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, đồng tử Ưu-ba-ly cạo râu tóc cho Phật có khéo không?

Đức Phật bảo người mẹ của đồng tử Ưu-ba-ly:

–Tuy cạo bỏ râu tóc đã sạch nhưng thân đồng tử cúi quá thấp.

Khi ấy mẹ đồng tử Ưu-ba-ly lại nói với Ưu-ba-ly:

–Này Ưu-ba-ly, con cạo bỏ râu tóc cho Như Lai, chớ nên cúi quá thấp khiến tâm Tôn Giả loạn động.

Ngay khi ấy Ưu-ba-ly nhập vào Sơ thiền.

Mẹ đồng tử Ưu-ba-ly lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, đồng tử Ưu-ba-ly đã cạo râu tóc cho Thế Tôn có khéo léo không?

Đức Phật liền bảo mẹ đồng tử Ưu-ba-ly:

–Tuy đã cạo bỏ râu tóc nhưng đồng tử ngước quá cao.

Mẹ đồng tử Ưu-ba-ly bảo đồng tử:

–Này Ưu-ba-ly, chớ ngước quá cao, khiến tâm Tôn Giả loạn động.

Khi ấy Ưu-ba-ly nhập vào Thiền thứ hai.

Mẹ Ưu-ba-ly lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, đồng tử Ưu-ba-ly cạo bỏ râu tóc có khéo léo không?

Đức Phật bảo mẹ đồng tử Ưu-ba-ly:

–Tuy đã cạo bỏ râu tóc nhưng hơi thở vào quá gấp.

Mẹ đồng tử Ưu-ba-ly lại bảo đồng tử:

–Con cạo bỏ râu tóc cho Như Lai chớ nên thở vào quá gấp, khiến cho tâm Tôn Giả loạn động.

Liền khi ấy Ưu-ba-ly nhập vào Thiền thứ ba.

Mẹ đồng tử Ưu-ba-ly lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, đồng tử Ưu-ba-ly cạo bỏ râu tóc có khéo léo không?

Đức Phật bảo mẹ đồng tử Ưu-ba-ly:

–Tuy khéo cạo bỏ râu tóc nhưng hơi thở ra quá gấp.

Khi ấy mẹ đồng tử Ưu-ba-ly nói với đồng tử:

–Con cạo bỏ râu tóc cho Như Lai, chớ nên thở ra quá gấp như vậy, khiến tâm Tôn Giả loạn động.

Liền khi ấy Ưu-ba-ly nhập vào Thiền thứ tư.

Lúc ấy Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, các thầy nên mau đến lấy con dao cạo trong tay Ưu-ba-ly, chớ để rơi xuống đất. Tại sao? Vì đồng tử đã nhập vào Thiền thứ tư.

Khi ấy mẹ Ưu-ba-ly liền lấy con dao từ nơi tay đồng tử.

Khi vua Thâu-đầu-đàn về đến thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, liền triệu tập tất cả hoàng tộc nơi đại điện và tuyên cáo:

–Này tất cả các vị, các vị cần phải biết: Thái tử Tất-đạt-đa con của trẫm nếu không xuất gia nhất định sẽ làm Chuyển luân thánh vương thì các khanh phải phục vụ. Nay, Thái tử xuất gia thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã chuyển pháp luân Vô thượng hơn tất cả trời người. Đã là Vương tử dòng Sát-đế-lợi, có dung nhan đoan chánh giống như tượng vàng, mọi người thích trông ngắm, tại sao người lại dùng người dòng Bà-la-môn làm đệ tử hầu hạ. Điều này thật chẳng đúng pháp. Đã là Vương tử

dòng họ Thích Sát-đế-lợi phải có Sát-đế-lợi họ Thích hầu hạ mới đúng pháp.

Bấy giờ hoàng tộc cùng nhau tâu vua Thâu-đầu-đàn:

–Thưa Đại vương, ngày nay ý Đại vương muốn chúng tôi trước phải làm gì?

Lúc bấy giờ vua Thâu-đầu-đàn bảo các vị Thích tử:

–Này các người dòng họ Thích, nếu các khanh thấy hợp thời thì mỗi gia đình cần có một người xuất gia. Hay gia đình họ Thích nào có năm anh em trai thì cho ba người xuất gia, hai người ở nhà. Nếu có bốn người thì hai người xuất gia, hai người ở nhà. Nếu gia đình có ba anh em trai thì hai người xuất gia, một người ở nhà. Nếu gia đình có hai anh em trai thì một người xuất gia, một người ở nhà. Nếu gia đình nào chỉ có một con trai thì không được xuất gia. Vì sao? Vì không được để dòng họ Thích tuyệt tự.

Bấy giờ hoàng gia họ Thích đồng tâu vua Thâu-đầu-đàn:

–Thưa Đại vương, nếu như vậy thì phải lập giấy tờ rõ ràng.

Vua Thâu-đầu-đàn liền triệu tập hoàng gia và tuyên bố:

–Con ta đã xuất gia, có ai theo con ta xuất gia hay không? Nếu ai muốn xuất gia thì nêu tên mình để ghi danh.

Bấy giờ có năm trăm đồng tử họ Thích đều tự ghi danh theo Thái tử xuất gia. Năm trăm đồng tử này bỏ chuỗi anh lạc trang sức trên thân ra và bàn với nhau:

–Ai là người xứng đáng để nhận lấy chuỗi anh lạc của chúng ta?

Rồi họ nghĩ: "Ưu-ba-ly từ xưa đã trải qua thời gian dài khó nhọc phụng sự chúng ta nên Ưu-ba-ly là người xứng đáng nhận chuỗi anh lạc của chúng ta." Bấy giờ tất cả năm trăm đồng tử đều cởi chuỗi anh lạc trao cho Ưu-ba-ly. Sau khi trao xong, mỗi đồng tử trở về gia đình mình thưa cha mẹ để từ giã.

Khi ấy Ưu-ba-ly suy nghĩ: "Nay các đồng tử họ Thích đã cởi bỏ châu báu và chuỗi anh lạc, nếu ta nhận dùng thì điều này không nên. Các vị đồng tử họ Thích có oai đức thế lực lớn, đã xả bỏ của báu và địa vị quan quyền trọng vọng để đi xuất gia, còn ta ngày nay vì lý do gì mà không xuất gia?."

Thuở ấy Ưu-ba-ly là thợ cắt tóc, thấy các đồng tử về thưa cha mẹ để từ giã. Ưu-ba-ly cũng bỏ lại tất cả chuỗi anh lạc đã được các đồng tử bố thí, đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Ngài rồi đứng lui về một bên. Sau khi đứng lui về một bên, Ưu-ba-ly bạch Phật:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, xin Ngài cho con được theo Phật xuất gia.

Khi ấy Đức Phật cho phép Ưu-ba-ly xuất gia và thọ giới Cụ túc.

Nói về năm trăm đồng tử họ Thích, sau khi về nhà từ giã cha mẹ rồi liền trở lại triều đình thưa vua Thâu-đầu-đàn:

–Tâu Đại vương, nay Đại vương có thể cùng chúng tôi đi đến chỗ Thế Tôn. Thái tử xuất gia thì chúng tôi cũng nên theo Thái tử xuất gia.

Vua Thâu-đầu-đàn cùng với năm trăm đồng tử họ Thích đồng đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, họ đảnh lễ dưới chân Ngài và lui ngồi về một bên. Sau khi an tọa xong, vua Thâu-đầu-đàn bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, lành thay Đại Đức! Dòng Sát-đế-lợi không nên dùng người dòng Bà-la-môn hầu hạ chung quanh, điều này thật không đúng phép. Ngày nay Thế Tôn lẽ ra đem dòng Sát-đế-lợi trở lại hầu hạ chung quanh Sát-đế-lợi mới là phải phép. Nay, dòng họ Thích của Thế Tôn có năm trăm đồng tử muốn ở trong giáo pháp của Thế Tôn xin xuất gia thọ giới Cụ túc. Xin Thế Tôn thương mến cho phép họ được xuất gia thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ, năm trăm đồng tử được Thế Tôn cho phép xuất gia thọ giới Cụ túc. Ngài lại dạy cho họ các oai nghi và bảo:

–Này năm trăm Tỳ-kheo họ Thích, các thầy đều phải đến đảnh lễ Tỳ-kheo Thượng tọa Ưu-ba-ly.

Khi ấy năm trăm vị Tỳ-kheo trước đảnh lễ dưới chân Phật, rồi sau đảnh lễ Tỳ-kheo Thượng tọa Ưu-ba-ly. Đảnh lễ xong, họ theo thứ lớp an tọa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với vua Thâu-đầu-đàn:

–Nay Đại vương nên đảnh lễ Ưu-ba-ly, rồi theo thứ lớp đảnh lễ năm trăm Tỳ-kheo.

Lúc bấy giờ, nhà vua nghe Thế Tôn dạy như vậy, liền thưa:

–Thưa Thế Tôn, vâng, trẫm không dám trái lời.

Rồi nhà vua liền đảnh lễ dưới Phật, kế đó lễ Tỳ-kheo Thượng tọa Ưu-ba-ly và cuối cùng theo thứ lớp đảnh lễ năm trăm vị Tỳ-kheo. Đức vua theo thứ lớp đảnh lễ xong, lại trở về ngồi chỗ cũ.

Lúc ấy nhan sắc của Thế Tôn tươi sáng, Ngài nói:

–Ngày nay dòng họ Thích đã tự chiến thắng được lòng tự kiêu về dòng họ quý phái và phá tan sự ngạo mạn về bản thân.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, ngày nay Ưu-ba-ly nhờ Thế Tôn nên được năm trăm Tỳ-kheo họ Thích và Đại vương Thâu-đầu-đàn cung kính tôn trọng đảnh lễ.

Nghe các Tỳ-kheo nói như vậy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, Ưu-ba-ly không chỉ riêng đời này nhờ Ta mà được năm trăm Tỳ-kheo họ Thích và Đại vương Thâu-đầu-đàn cung kính tôn trọng lễ bái. Này các Tỳ-kheo, trong quá khứ, Ưu-ba-ly cũng nhờ Ta mà đã từng được năm trăm đại thần quỳ lạy và cũng được vua Phạm Đức thuở ấy cung kính lễ bái.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Việc này như thế nào, cúi xin Thế Tôn vì chúng con nói rõ bổn nghiệp của Ưu-ba-ly.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ thời quá khứ, tại nước Ba-la-nại, có hai người bạn thân, họ đều nghèo hèn, không có tên tuổi trong xã hội. Một hôm, hai người này mang theo một thăng đậu xanh từ nhà mình ra khỏi thành Ba-la-nại để đi làm mướn. Bấy giờ có một vị Bích-chi-phật thường lui tới thành Ba-la-nại.

Vào buổi sớm, vị Bích-chi-phật đắp y, mang bình bát vào thành khất thực. Hai người bạn nghèo này từ xa trông thấy vị Bích-chi-phật đi đến, thân đắp y Tăng-già-lê tề chỉnh ngay ngắn, tay bưng bình bát, ung dung chậm rãi, im lặng nhìn thẳng, tiến tới trước. Hai người thấy vậy sinh tâm thanh tịnh, kính tin Bích-chi-phật, tâm họ hết sức vui mừng nói với nhau:

–Ngày nay chúng ta bần cùng, do đời trước chưa từng gặp ruộng phước như vậy, hoặc có gặp cũng không chiêm ngưỡng, cung kính, hầu hạ, cúng dường. Nếu khi ấy ta gặp được ruộng phước Vô thượng tối thắng mà biết cung kính cúng dường, thì ngày hôm nay chúng ta khỏi bị sự khốn khổ không tài sản, luôn luôn đi làm thuê để độ nhật. Nên hôm nay, ta cần phải đem một thăng đậu xanh này cúng dường cho Tiên nhân. Nếu ngài thương xót nạp thọ thì chúng ta thoát khỏi ách nghèo khổ.

Nghĩ như vậy rồi, họ liền đem thăng đậu xanh cúng cho vị Bích-chi-phật và thưa:

–Cúi xin Tôn giả khởi lòng thương nhận vật cúng dường này của chúng con.

Vị Bích-chi-phật thương mến hai người này nên nhận lấy vật cúng dường. Nhận rồi, nhưng Bích-chi-phật muốn giáo hóa chúng sinh, chỉ có một pháp duy nhất là thị hiện thần thông, ngoài ra không có phương tiện

nào khác. Khi ấy vì thương mến hai người này, sau khi thọ sự cúng dường rồi, vị Bích-chi-phật từ ngay mặt đất bay lên hư không mà đi.



KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 54

Phẩm 55: NHÂN DUYÊN CỦA ƯU-BA-LY (Phần 2)

Bấy giờ hai người bạn thân thấy vị Bích-chi-phật bay đi trong hư không một cách tự do, trong tâm hết sức hoan hỷ, tràn ngập toàn thân không thể tự chế, chắp tay cung kính đảnh lễ dưới chân vị Bích-chi-phật, phát lời thệ nguyện: "Hôm nay, chúng con nguyện ở đời vị lai thường gặp được vị Giáo sư như vậy hoặc hơn thế nữa. Những giáo pháp của Giáo sư nói ra, chúng con nghe rồi đều thông đạt và nguyện không sinh vào các đường ác."

Nguyện như vậy rồi, một trong hai người lại nguyện: "Nguyện nhờ sức công đức này, ở đời vị lai con thường sinh trong dòng đại tộc Bà-la-môn, nguyện tụng được bốn bộ luận Duy-đà và biết sáu thứ kỹ nghệ."

Có kệ:

Chẳng phải trực tâm giữ chánh tín
Mà được gọi là ruộng phước tốt
Cần phải cúng dường Phật cùng Tăng
Cho đến nhờ gặp Bích-chi-phật.

Sau khi hai người này qua đời, một người sinh tại thành Ba-la-nại, trong dòng Sát-đế-lợi, kế nghiệp ngôi vua, tên Phạm Đức. Người thứ hai sinh làm đồng tử trong nhà Bà-la-môn rất thanh tịnh, tên là Ưu-ba-già, thông hiểu các luận. Đồng tử Ưu-ba-già có một người vợ tên là Ma-na-tỳ-ca, dung nhan kiều diễm, mọi người nhìn ngắm không chán, ở thế gian không ai sánh bằng. Nàng được đồng tử Ưu-ba-già yêu quý nên vắng mặt trong giây lát thì tâm chàng chẳng an.

Vào một hôm, nàng Ma-na-tỳ-ca vì có chút hờn giận đồng tử nên không nói năng với chồng. Đồng tử Ưu-ba-già buồn rầu khổ não, than thở: "Ngày nay Ma-na-tỳ-ca không nói gì với ta, làm thinh như vậy!"

Sau đó, bốn tháng mùa hạ đã qua, đến tiết thu sang, nàng Ma-na-tỳ-ca thưa với đồng tử:

–Lành thay! Thưa thánh tử, chàng nên đi đến chợ búa mua sắm các thứ dầu thơm, phấn sáp và tràng hoa thật đẹp. Tại sao như vậy? Vì tiết mùa

thu bốn tháng đã đến, mọi người cùng nhau hưởng thú ngũ dục, chúng ta cũng phải trang điểm để hưởng thú vui này.

Đồng tử Ưu-ba-già nghe vợ nói như vậy, vui mừng hớn hở khắp toàn thân, không thể tự chế, thầm nghĩ: "Ngày nay Ma-na-tỳ-ca vợ ta vì sao bỗng nhiên trò chuyện với ta?" Trước đó Ưu-ba-già có một tiền vàng, đã cho người thôn khác mượn nên giữa trưa hôm ấy, mặt trời chiếu xuống đất, nắng chang chang, mọi cảnh vật đỏ giống như mào gà, mà đồng tử vẫn ra khỏi nhà để đến thôn kia đòi nợ. Trên đường đi, vì dục tâm bức xúc, chàng cất tiếng hát bài dâm ca. Nơi ấy cách cung vua Phạm Đức chẳng bao xa.

Khi ấy vua Phạm Đức đang ngủ trưa trên lầu, vừa thức dậy ngồi hóng mát, bỗng nghe tiếng người bị nhiễm ngũ dục cất tiếng hát bài dâm ca. Nhà vua nghe như vậy liền phát khởi dục tâm.

Có kệ:

Hoặc do thói quen có từ trước
Hoặc bởi nhân cảnh động tâm tình
Đây do ái nhiễm nơi sắc dục
Giống tợ hoa sen từ nước sinh.

Khi vua Phạm Đức nghe bài dâm ca này, lấy làm kinh ngạc: "Không biết người này là ai, ở giữa trưa trời nắng chang chang như thiêu như đốt, mà tâm nhiễm ái dục, miệng hát dâm ca như vậy?."

Nhà vua nghĩ như vậy rồi, vọng qua cửa sổ, xa xa trông thấy Ưu-ba-già ở trên đường vừa đi vừa hát dưới ánh nắng gay gắt của buổi trưa, liền gọi tùy quan đến bảo:

–Khanh mau đến bắt người đang hát kia về đây cho ta.

Vị quan nghe sắc lệnh, liền tâu Đại vương:

–Chẳng dám trái thánh chỉ.

Vị quan này đến chỗ Ưu-ba-già nói:

–Này đồng tử, đến đây, đến đây! Ngày nay nhà vua gọi ông đến.

Ưu-ba-già nghe nói vậy hết sức sợ hãi, toàn thân dựng chân lông, buồn rầu áo não, thầm nghĩ: "Nay sao lại có người biết ta? Không biết ta có lỗi gì với nhà vua? Điều này thật làm cho ta sầu não!"

Khi đại thần dẫn Ưu-ba-già đến yết kiến, nhà vua có tâm thương mến với người này, nên nói kệ:

Giữa trưa nắng chang chang thiêu đốt
Cảnh vật đỏ rực như mào gà
Người đang nhiễm dục hát dâm ca

Tại sao trong nắng không thấy khổ?
Mặt trời tung lửa tỏa khắp nơi
Cát vàng trên đất càng thêm nóng
Ông đang say đắm hát dâm ca
Tại sao trong nắng không thấy khổ?

Bấy giờ đồng tử Ưu-ba-già dùng kệ tâu vua Phạm Đức:

Đại vương, hôm nay không nóng bức
Trên trời vầng nhật nóng là bao!
Chỉ có cầu lợi và mất lợi
Trong khổ, khổ này là khổ nhất
Ánh sáng mặt trời tuy nóng bỏng
Khổ này trong khổ, ít khổ nhất
Kinh doanh tất cả các sự nghiệp
Như vậy gọi là hết sức khổ.

Bấy giờ vua Phạm Đức lại hỏi đồng tử Ưu-ba-già:

–Này đồng tử, ông nay kinh doanh sự việc gì mà đi trên đường trong vùng đất nóng bức như vậy?

Lúc ấy Ưu-ba-già trình lên nhà vua những sự việc của mình như trên một cách tường tận. Vua Phạm Đức lại bảo đồng tử:

–Này đồng tử, dừng lại, đừng có đi. Ta nay sẽ cho ngươi hai đồng tiền *(tức tiền vàng bên Ấn độ)*.

Nhà vua liền lấy tiền trao cho đồng tử. Đồng tử nhận hai đồng tiền rồi tâu vua Phạm Đức:

–Lành thay! Thưa Đại vương, tuy được Đại vương cho hai đồng tiền, tôi lại xin Đại vương một đồng tiền nữa, tổng cộng trước sau ba đồng tiền, rồi tôi đến thôn nọ đòi một tiền, cộng với tiền Đại vương cho, tất cả là bốn đồng tiền, để tôi cùng với nàng Ma-na-tỳ-ca thọ hưởng ngũ dục trong tiết thu này.

Vua Phạm Đức lại bảo đồng tử Ưu-ba-già:

–Ngươi dừng lại chớ đi. Ta sẽ cho ngươi tám đồng tiền.

Nhà vua trao tiền cho đồng tử. Ưu-ba-già nhận tám đồng tiền rồi lại thưa vua:

–Lành thay! Thưa Đại vương, xin ngài hoan hỷ, nay xin Đại vương cho tôi một đồng tiền nữa tức thành chín đồng tiền, rồi tôi đến thôn kia đòi một đồng tiền nữa, tổng cộng thành mười đồng tiền. Nếu được như vậy, tôi cùng với nàng Ma-na-tỳ-ca thọ thú vui ngũ dục trong tiết thu này.

Vua Phạm Đức lại bảo đồng tử Ưu-ba-già:

–Thôi chớ đi, ngày nay ta sẽ cho ngươi tất cả mười sáu đồng tiền.

Vua liền trao cho đồng tử mười sáu đồng tiền. Đồng tử nhận tiền rồi lại thưa vua:

–Lành thay! Lành thay! Thưa Đại vương, ngài đã hoan hỷ cho tôi mười sáu đồng tiền, nay ngài cho tôi một tiền thành mười bảy đồng tiền, rồi tôi đến thôn kia đòi một tiền, tổng cộng thành mười tám đồng tiền. Nếu được như vậy, tôi cùng với nàng Ma-na-tỳ-ca thọ thú vui ngũ dục.

Vua Phạm Đức lại bảo đồng tử Ưu-ba-già:

–Này đồng tử, thôi chớ đi! Ta nay sẽ cho ngươi tổng cộng ba mươi hai đồng tiền.

Đồng tử được tiền rồi, lại thưa vua:

–Lành thay! Thưa Đại vương, ngài đã hoan hỷ cho tôi ba mươi hai đồng tiền, nay lại xin Đại vương cho tôi một đồng tiền nữa, rồi tôi lại đến thôn kia đòi một đồng tiền, tổng cộng thành ba mươi bốn đồng tiền, để cùng với nàng Ma-na-tỳ-ca hưởng thụ thú vui ngũ dục.

Vua Phạm Đức lại bảo đồng tử:

–Này đồng tử, thôi chớ đi, ta nay cho ngươi sáu mươi bốn đồng tiền.

Khi ấy Ưu-ba-già nhận tiền rồi, lại bạch nhà vua:

–Lành thay Đại vương! Được ngài hoan hỷ, tôi đã nhận nơi Đại vương sáu mươi bốn đồng tiền. Nay xin Đại vương cho tôi một đồng tiền, rồi tôi đến thôn kia đòi một đồng tiền, tổng cộng thành sáu mươi sáu đồng tiền để cùng với nàng Ma-na-tỳ-ca hưởng thụ thú vui ngũ dục trong tiết mùa thu.

Đại vương Phạm Đức lại bảo Ưu-ba-già:

–Này đồng tử, thôi chớ đi! Ta nay sẽ cho ngươi một trăm đồng tiền.

Ưu-ba-già nhận tiền rồi, lại thưa vua:

–Lành thay! Thưa Đại vương, tôi đã xin, ngài hoan hỷ cho tôi một trăm đồng tiền. Nay lại xin Đại vương cho tôi một đồng tiền, rồi tôi sẽ đến thôn kia đòi một đồng tiền nữa, tổng cộng là một trăm lẻ hai đồng tiền. Được vậy, để tôi cùng với nàng Ma-na-tỳ-ca thọ hưởng thú vui ngũ dục trong tiết mùa thu.

Vua Phạm Đức lại bảo Ưu-ba-già:

–Này đồng tử, thôi chớ đi. Ta sẽ phong cho ông hưởng lộc một thôn.

Đồng tử Bà-la-môn này càng được nhà vua cho lại càng tham, nên thường đến chỗ nhà vua. Do đó nhà vua chọn một thôn trù phú ban cho đồng tử. Đồng tử sau khi được phong ấp rồi, cần cù làm việc không biết mỏi mệt, giống như nô bộc phụng sự nhà vua, thức khuya dậy sớm, thao tác thuần thục, sự việc đều hợp với ý vua, tâm ý ngay thẳng. Phụng sự như vậy hoàn toàn không bị vua quở trách. Vì lý do đó được lòng nhà vua, khiến cho vua Phạm Đức hoan hỷ không thôi. Sau đó nhà vua chia hai giang san cho Ưu-ba-già cai trị, cho đến kho tàng của nhà vua cũng chia hai.

Bà-la-môn này được vua Phạm Đức sủng ái như vậy, thọ hưởng đầy đủ thú vui ngũ dục, không có thứ gì thiếu hụt. Tất cả việc làm tuần tự được nhà vua kiểm tra mới được hoàn tất. Hễ mỗi lần Bà-la-môn từ nhà đến hoàng cung, vua thường gối trên đùi Bà-la-môn này để ngủ.

Về sau này, vào hôm nọ, vua Phạm Đức nằm gối trên đùi Ưu-ba-già nên ngủ say. Ưu-ba-già nhân thấy nhà vua ngủ say, bỗng phát sinh ý nghĩ: "Làm sao một nước mà lại có hai vua đồng dùng một oai thế. Trong kho tàng lại cũng không nên hai người cùng sử dụng. Nay nhân cơ hội vua Phạm Đức ngủ say, ta ám sát nhà vua. Nếu sự ám sát thành công, một mình ta giữ lấy ngôi vua, trị hóa dân chúng."

Ưu-ba-già nghĩ như vậy rồi, khi sắp cầm dao, lại nghĩ: "Vua Phạm Đức trước đã vì ta ban cho sự lợi ích lớn, đã chia hai giang san cho ta cai trị, tất cả kho tàng đều chia hai cho ta. Nếu nay ta giết vua, thành ra ta là kẻ vô ân nghĩa."

Lần thứ hai Ưu-ba-già lại nghĩ thế này: "Làm sao hai người đồng cai trị một nước. Lại cũng không nên hai người đồng sử dụng một kho tàng."

Cho đến lần thứ ba cũng nghĩ như vậy, rồi tự hối: "Nếu ta giết vua thì nhất định ta thành kẻ vô ân nghĩa."

Khi Ưu-ba-già nghĩ như vậy, cất tiếng khóc vang. Vua Phạm Đức nghe tiếng khóc vang bỗng nhiên tỉnh giấc, thức dậy hỏi Ưu-ba-già:

–Này anh, vì cớ gì mà khóc to như vậy?

Ưu-ba-già trình bày tỉ mỉ mọi việc suy tính của mình vừa rồi. Vua Phạm Đức không tin Ưu-ba-già có việc như vậy, nên nói:

–Này Ưu-ba-già, nhất định anh không có việc như vậy. Này Ưu-ba-già, chớ nói lời như vậy!

Ưu-ba-già vội thưa vua Phạm Đức:

–Đại vương phải tin lời nói của tôi. Thật sự tôi có ác tâm như vậy.

Khi ấy Ưu-ba-già lại suy nghĩ: "Ta đang vì sự việc gì mà bỗng nhiên sinh ác tâm như vậy!" Chánh tư duy như vậy rồi liền nói:

–Ta sinh việc ác như vậy, chẳng phải là do ngũ dục hay sao? Hay chẳng phải là do ngôi vua hay sao? Ta cũng không nên tham ngôi vua này, cũng không ham thú vui thế gian. Do những việc ấy mà ta sinh tâm ác này. Ta chỉ có một việc là cần phải xả tục xuất gia.

Ưu-ba-gia liền thưa với nhà vua:

–Thưa Đại vương, xin ngài biết cho, ngày nay tôi muốn xả tục xuất gia.

Vua Phạm Đức nói với Ưu-ba-già:

–Chớ nói như vậy! Ta đã chia nửa giang san cho anh cai trị, kho tàng cũng chia hai. Ta cùng anh rất tâm phúc, không có được người thứ hai như anh. Nếu nay anh xuất gia thì ta nhất định không vui.

Ưu-ba-già lại thưa vua:

–Lành thay! Thưa Đại vương, xin ngài thương tình cho tôi xuất gia. Tôi nay nhất định xuất gia không còn do dự. Đối với việc làm của tôi, xin Đại vương không nên cản trở.

Vua Phạm Đức lại nói với Ưu-ba-già:

–Anh hãy thực hiện theo ý thích của mình.

Thuở ấy, tại thành Ba-la-nại có một người thợ gốm, xuất gia trước đó, tu hạnh Tiên nhân, hiện cư ngụ nơi thành này. Tiên nhân ấy có oai đức lớn, đã chứng năm phép thần thông, có thể dùng tay rờ mặt trời, mặt trăng. Bấy giờ Ưu-ba-già cạo bỏ râu tóc xuất gia theo vị tiên này tu học. Sau khi xuất gia rồi, dũng mãnh tinh tấn đạt được tứ thiền và chứng năm phép thần thông, có oai đức lớn, cũng có thể dùng bàn tay rờ mặt trời, mặt trăng.

Vua Phạm Đức nghe Ưu-ba-già xuất gia thành tựu đại tiên, có oai đức lớn, cũng có thể dùng tay rờ mặt trời, mặt trăng. Nghe vậy nhà vua mỉm cười, đi vào nội cung dùng kệ nói với cung nhân:

Ưu-ba hành thiện chẳng bao lâu
Mà được lợi ích kết quả lớn
Lành thay! Ưu-ba được thân người
Xả bỏ ngũ dục đi xuất gia.

Khi các cung nhân nghe vua Phạm Đức nói bài kệ như vậy, tâm họ đều ưu sầu chẳng vui, đồng tâu vua:

–Đại vương nên biết, người đó trước làm nghề buôn bán cờ bạc, cầm gậy hành khất để tự nuôi thân. Kẻ Bà-la-môn này không có thế lực, do vậy

mới xuất gia. Ngày nay Đại vương chẳng nên bắt chước người ấy, xả bỏ quốc gia mà xuất gia.

Vua Phạm Đức có một thợ hớt tóc tên là Căn-già-bà-la, từ xưa đến nay được vua yêu mến. Khi ấy vua Phạm Đức kêu người thợ hớt tóc đến bảo:

–Này Căn-già-bà-la, ngươi hãy cạo tóc cho ta.

Nói lời này rồi vua liền ngủ say. Khi thấy nhà vua ngủ rồi, người thợ cạo liền cạo râu tóc cho vua. Cạo xong, nhà vua vẫn ngủ chưa dậy.

Sau khi thức dậy, vua bảo thợ hớt tóc Căn-già-bà-la:

–Ta đã ra lệnh cho ngươi cạo râu tóc cho ta, tại sao ngươi không cạo?

Nghe nói lời ấy, thợ hớt tóc Căn-già-bà-la tâu vua Phạm Đức:

–Tâu Đại vương, hạ thần đã cạo xong. Đại vương ngủ say không biết đó thôi.

Khi ấy vua Phạm Đức dùng gương soi, thấy mình đã được cạo râu tóc rồi, rất vui mừng, nhân đó bảo Căn-già-bà-la:

–Ông nên nhận lấy thôn làng trù phú nhất của ta và được quyền tự do sử dụng.

Thợ hớt tóc Căn-già-bà-la tâu vua Phạm Đức:

–Thưa Đại vương, xin cho hạ thần cùng với cung nhân quyến thuộc của Đại vương thảo luận chi tiết đã, sau đó hạ thần sẽ trả lời.

Nói lời ấy rồi ông ta bái biệt nhà vua. Xưa nay được tự do ra vào trong cung, nên thợ hớt tóc Căn-già-bà-la đi vào nội cung, trình bày với các cung nhân:

–Đại vương phong cho tôi thôn làng rất phong phú dùng làm phong ấp. Xin hoàng hậu cùng các phi cho ý kiến thế nào? Nên nhận hay không nên nhận?

Lúc ấy các hậu phi bảo Căn-già-bà-la:

–Này Căn-già-bà-la, ông nhận thôn làng trù phú đó làm gì! Hiện giờ chúng ta có thể cho ông đầy đủ vàng bạc, ngọc ngà. Nhưng ta chỉ nhờ ông một chuyện, ông có làm không?

Căn-già-bà-la hỏi cung nhân:

–Các phi ngày nay muốn bảo tôi làm việc gì?

Các phi liền bảo người thợ hớt tóc:

–Đại vương mỗi khi vào nội cung thường nói kệ:

Ưu-ba hành thiện chẳng bao lâu

Mà được lợi ích kết quả lớn
Lành thay! Ưu-ba được thân người
Xả bỏ ngũ dục đi xuất gia.

Khi chúng ta nghe nhà vua nói bài kệ này, liền nghĩ: "E Đại vương bỏ ngôi đi xuất gia." Lành thay! Này Căn-già-bà-la, ông đến thưa hỏi Đại vương bài kệ này ý nghĩa thế nào?

Căn-già-bà-la vội đi đến chỗ nhà vua Phạm Đức, tâu với vua:

–Đại vương đã hứa ban cho hạ thần thôn làng trù phú. Hạ thần không nhận ý đó, chỉ muốn biết tại sao mỗi khi Đại vương đi đến trước các phi hậu, lại nói bài kệ:

Ưu-ba hành thiện chẳng bao lâu
Mà được lợi ích kết quả lớn
Lành thay Ưu-ba được thân người
Xả bỏ ngũ dục đi xuất gia.

Lành thay! Thưa Đại vương, xin ngài giải thích ý nghĩa bài kệ này như thế nào? Hạ thần đến Đại vương chỉ mong muốn điều như vậy.

Vua Phạm Đức bảo Căn-già-bà-la:

–Ta từ khi nghe đồng tử Ưu-ba-già bỏ địa vị nửa quốc gia mà đi xuất gia, thành bậc Đại tiên nhân, có oai đức lớn, có thể dùng bàn tay rờ mặt trời, mặt trăng. Ta đang bị say đắm lệ thuộc ngũ dục thế này, do vậy ta muốn làm Tiên nhân, nên thường vào trong cung đọc bài kệ ấy.

Thợ hớt tóc Căn-già-bà-la liền trở lại nội cung trình ý này cho các phi hậu:

–Này các phi hậu, chớ lo Đại vương muốn xuất gia. Đại vương ngày nay nhất định không thể xuất gia.

Các phi hậu nghe thợ hớt tóc nói lời như vậy, đều vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế, cởi các chuỗi ngọc anh lạc đang trang điểm trên thân và bảo Căn-già-bà-la:

–Những chuỗi anh lạc này của ta đều cho ông. Ông chẳng phải vì đời sống mà làm các nghề nghiệp khác.

Căn-già-bà-la thấy việc như vậy, phát sinh ý nghĩ: "Ưu-ba-già đã bỏ vương vị nửa quốc gia mà tìm lối xuất gia, nên vua Phạm Đức ngưỡng mộ nơi người. Ta vì cớ gì mà chẳng xuất gia, để tất cả thế gian ngưỡng mộ ta. Nếu ta chiều ý các phi hậu thì việc ấy nhất định không tốt. Ngày nay ta cũng bỏ các thứ đó mà đi xuất gia."

Căn-già-bà-la nghĩ như vậy rồi, liền đi đến chỗ vua Phạm Đức, tâu lên nhà vua:

–Thưa Đại vương, ngài đã ban cho hạ thần những việc như trước, nay thần muốn bỏ những thứ đó đi xuất gia.

Vua Phạm Đức hỏi Căn-già-bà-la:

–Ý ông muốn theo ai xuất gia?

Căn-già-bà-la đáp:

–Tâu Đại vương, ý của hạ thần muốn theo Ưu-ba-già xuất gia.

Vua Phạm Đức lại nói:

–Căn-già-bà-la, tùy theo ý ông, tự do mà đi.

Lúc bấy giờ Căn-già-bà-la tự cạo râu tóc rồi đi đến chỗ Ưu-ba-già, liền thành người xuất gia. Sau khi xuất gia rồi, người siêng năng tinh tấn, đạt Tứ thiền và đủ năm phép thần thông, được đại oai thần, có đại oai đức, cũng có thể dùng tay chạm mặt trời, mặt trăng.

Vua Phạm Đức nghe sau khi Căn-già-bà-la xuất gia, đã thành bậc đại tiên, có oai lực thần thông lớn, cũng có năng lực dùng bàn tay rờ lấy mặt trời, mặt trăng. Nghe việc như vậy, không thể ngăn chận lòng khao khát kính ngưỡng, nên muốn tìm đến chiêm ngưỡng, vua bảo các quần thần:

–Này các đại thần, nay trẫm muốn đi đến chỗ Tiên nhân Căn-già-bà-la. Vậy các khanh nên đi cùng trẫm.

Các đại thần tâu nhà vua:

–Đại vương không nên làm như vậy. Đại vương không nên giá lâm đến chỗ Tiên nhân kia. Chúng tôi sẽ cho sứ tới đòi người ấy đến.

Vua Phạm Đức bảo các đại thần:

–Nay các khanh không nên làm như vậy. Các khanh chớ nói lời như vậy. Từ xưa đến nay, không có phép mình không đi đến các đại Tiên nhân mà gọi các Tiên nhân đến yết kiến mình. Đích thân chúng ta phải đi đến chỗ các Tiên nhân, như vậy mới đúng pháp. Vì sao? Vì hàng Tiên nhân là ruộng đại phước, đáng nhận sự cúng dường, đích thân chúng ta nhất định phải đến đó.

Bấy giờ vua Phạm Đức lấy oai đức của mình ra lệnh trang hoàng năm trăm cỗ xe cùng với năm trăm đại thần hộ vệ, đồng khởi hành từ thành Ba-la-nại đi đến chỗ các Tiên nhân, vì muốn phô trương oai thế của nhà vua.

Khi Tiên nhân Căn-già-bà-la từ xa trông thấy nhà vua đến, tự đi đến trước mặt vua, nói:

–Lành thay! Đại vương Phạm Đức từ xa giá lâm đến đây, thật là hy hữu!

Lúc ấy năm trăm vị đại thần oán tức Căn-già-bà-la nên thốt ra những lời thô lỗ:

–Ngươi là kẻ hạ tiện, con nhà dâm nữ ô uế bất tịnh, luôn luôn phải tẩy rửa những cấu ghét. Tại sao ngày hôm nay ngươi dám kêu tên Đại vương!

Khi ấy vua Phạm Đức ngắt lời các đại thần:

–Các khanh không nên nói các lời như vậy. Theo phép Tiên, kêu tên người là việc thường. Vì Tiên nhân có giới hạnh, có đại oai lực.

Rồi vua Phạm Đức dùng kệ nói với các đại thần:

Các khanh chớ giận Tiên nhân này
Chư Tiên phạm hạnh được toàn vẹn
Bao nhiêu khổ hạnh họ tu hành
Vượt qua các khổ cùng sợ hãi
Ác tâm tiêu trừ, hết tội lỗi
Không còn là thợ hớt, thợ gốm.
Căn-già-bà-la đã khổ hạnh
Hàng phục ngã mạn nên gọi tên
Các khanh đang thấy sức nhẫn nhục
Thu phục các căn chứng quả tiên
Được hàng người trời đều kính trọng
Ở trong trời người vượt lên trên.

Lúc ấy vua Phạm Đức cùng các thể nữ trong cung của mình, đảnh lễ dưới chân các Tiên nhân trước, rồi đứng lui về một bên. Sau đó năm trăm vị đại thần vội đảnh lễ dưới chân các Tiên nhân ấy, rồi sau đó mới đảnh lễ dưới chân Tiên nhân Căn-già-bà-la, kế đến cũng đảnh lễ dưới chân Tiên nhân thợ gốm.

Đại vương Phạm Đức lui ngồi về một bên rồi mới hỏi những lời an ủi các Tiên nhân:

–Các Tôn giả thân thể có được an ổn khỏe mạnh không? Vật dụng cho đời sống có khó khăn không? Có ai làm phiền không?

Các Tiên nhân đáp lời vua Phạm Đức:

–Đúng như vậy, thưa Đại vương, việc ấy cần phải chịu đựng. Nhưng long nhan của Đại vương có an ổn không? Tất cả quyến thuộc và đại thần cùng hàng thứ dân trong nước, tất cả đều được bình yên không?

Hỏi thăm như vậy xong, các Tiên vì nhà vua mà thuyết pháp giáo hóa, khiến tâm nhà vua hoan hỷ, tăng trưởng công đức.

Bấy giờ Đại vương Phạm Đức được các Tiên nhân thuyết pháp giáo hóa khiến tâm hoan hỷ, tăng trưởng công đức, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân các Tiên nhân rồi trở về hoàng cung.

Bấy giờ Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Các thầy nếu phân vân Ưu-ba-già lúc ấy là người nào, thì chớ nên nghĩ gì khác, chính là thân Ta ngày nay.

Này các Tỳ-kheo, nếu có phân vân Tiên nhân hớt tóc Căn-già-bà-la thuở ấy là người nào, thì chớ nên nghĩ gì khác, tức là Ưu-ba-ly này vậy.

Này các Tỳ-kheo, hoặc các thầy phân vân không biết vua Phạm Đức thuở đó là ai, thì chớ nên nghĩ gì khác, nay là Thâu-đầu-đàn này vậy.

Này các Tỳ-kheo, hoặc các thầy phân vân không biết năm trăm vị đại thần thuở ấy là hạng người nào, thì chớ nên nghĩ gì khác, là năm trăm Tỳ-kheo này vậy.

Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ưu-ba-ly thuở ấy cũng nhờ Ta mà được năm trăm vị đại thần cùng vua Phạm Đức lễ bái. Ngày nay cũng nhân nơi Ta được năm trăm Tỳ-kheo và vua Thâu-đầu-đàn lễ bái.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nếu muốn biết rõ trong chúng Tỳ-kheo Thanh văn của Ta, ai là người trì giới luật hơn hết. Đó là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly này vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Ưu-ba-ly trước tạo nghiệp gì mà nay theo nghiệp báo đó sinh trong nhà hạ tiện, làm nghề hớt tóc? Lại tạo nghiệp gì mà nay theo nghiệp báo đó được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán, lại được Như Lai thọ ký: "Này các Tỳ-kheo, trong chúng đệ tử Thanh văn của Ta, người trì giới đệ nhất là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly?"

Các Tỳ-kheo nghĩ như vậy rồi, đến bạch Thế Tôn:

–Bạch Đức Thế Tôn, thuở xưa Ưu-ba-ly tạo nghiệp gì mà nay theo nghiệp báo đó sinh trong nhà hạ tiện, làm nghề hớt tóc? Lại tạo nghiệp gì mà nay theo nghiệp báo đó được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán, lại được Như Lai thọ ký: "Trong số đệ tử Thanh văn của Ta, Ưu-ba-ly là người trì giới đệ nhất?"

Bấy giờ Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Ta nhớ thuở xưa cũng tại thành này có một người thợ hớt tóc, người này cầu hôn với một cô gái, con của một nhà hớt tóc khác, tương xứng với gia đình mình để làm vợ. Chẳng bao lâu sau khi

sinh được một đứa bé trai, người thợ hớt tóc bỗng nhiên lâm bệnh. Tuy mời thầy thuốc chữa trị nhưng bệnh không lành, do vậy mà vị ấy qua đời. Sau khi người thợ hớt tóc chết rồi, vợ anh ta đem bé trai giao cho anh (em) của nàng và nói: "Bé trai này là cháu bên ngoại của các anh, các cậu đó. Nay tôi đem giao cho các anh, các cậu. Các anh, các cậu phải dạy cháu học nghề của cha mình."

Người thợ hớt tóc kia nghe em (chị) của mình nói như vậy, nên nhận lãnh đứa bé, rồi dạy nghề hớt tóc của cha nó. Người hớt tóc này thường ở trong cung vua, được vua trọng dụng để sửa râu tóc cho nhà vua nên hầu như không đi ra ngoài để hớt tóc cho dân.

Thuở ấy, nhà vua cấp cho thợ hớt tóc một con bạch tượng mặc tình sử dụng đi đó đây và cấp cho một hộp bằng vàng để đựng con dao cạo và các dụng cụ đồ nghề hớt tóc. Nhà vua lại dặn: "Hễ trong thời kỳ không có Phật ra đời, chỉ có Bích-chi-phật xuất hiện, giống như con tê ngưu ra đi một mình, ta phải làm điều lợi ích."

Lúc đó, có một vị Bích-chi-phật tóc râu, móng tay đều ra dài, đi đến thợ cạo tóc, nói:

–Lành thay! Này hiền thủ, xin nhân giả cạo bỏ râu tóc giùm cho tôi.

Thợ cạo tóc đáp:

–Lành thay! Đại tiên, nếu muốn vậy, xin đợi đến sáng sớm mai, đến đây tôi sẽ cạo râu tóc cho Đại tiên.

Tôn giả Bích-chi-phật nghe nói như vậy liền trở về. Qua đêm ấy, sáng sớm ngày mai thức dậy, đắp y, mang bình bát trở lại nhà thợ cạo tóc, nói:

–Lành thay! Này hiền thủ, hôm nay xin nhân giả cạo râu tóc giùm cho tôi.

Khi ấy người thợ cắt tóc lại bạch Bích-chi-phật:

–Lành thay! Đại tiên, nếu muốn vậy, xin đợi đến chiều, tôi sẽ cạo râu tóc cho Đại tiên.

Như vậy, ngày ấy, khi mặt trời đã ngã về Tây, Tiên nhân trở lại chỗ người thợ hớt tóc. Thợ hớt tóc lại nói:

–Xin ngài đợi đến sáng mai.

Như vậy, sáng mai Tiên nhân lại đến chỗ người thợ hớt tóc. Người thợ hớt tóc lại nói:

–Xin ngài đợi cho đến chiều.

Cứ như vậy, buổi mai cũng không cạo tóc, buổi chiều cũng không cạo tóc.

Khi ấy thấy vị Bích-chi-phật, hoặc sáng sớm đến, hoặc chiều mát đến, liên tiếp các ngày như vậy, nên đồng tử thưa với vị Bích-chi-phật:

–Thưa Tôn giả Bích-chi-phật, vì lý do gì sáng sớm và chiều mát luôn luôn đến đây vậy?

Vị Bích-chi-phật tường thuật đầy đủ những việc vừa rồi cho đồng tử nghe. Đồng tử thưa Tiên nhân:

–Cậu tôi nhất định không cạo tóc cho Tiên nhân đâu. Tại sao? Vì cậu tôi ỷ mình được tự do ra vào trong cung vua nên sinh kiêu mạn. Tôi sẽ cạo tóc cho ngài.

Đồng tử liền cạo tóc cho Tiên nhân. Bấy giờ Tôn giả Bích-chi-phật thầm nghĩ: "Nay đồng tử này tạo công đức lớn, ta cần phải vì người biểu dương thị hiện công đức." Nghĩ như vậy, Tôn giả này bảo đồng tử:

–Này đồng tử, nếu ngươi hiểu biết nên thâu cất râu tóc của ta, sau này sẽ đem lại lợi ích lớn cho ngươi.

Nói như vậy rồi, giống như nhạn chúa giương đôi cánh, vị Bích-chi-phật ấy vận dụng sức thần thông, bay vọt lên hư không mà đi.

Khi ấy đồng tử thâu lượm râu tóc của Bích-chi-phật để trên vai rồi hướng về Bích-chi-phật đem tâm thanh tịnh, chắp tay đảnh lễ, phát nguyện: "Con nguyện đời vị lai sẽ gặp được Tôn giả Bích-chi-phật như thế này hay hơn thế nữa, những giáo lý của Thế Tôn nói ra con nguyện đều mau hiểu biết tất cả. Lại nguyện đời sau con chẳng sinh vào các ác đạo. Lại nguyện đời đời kiếp kiếp con làm thợ hớt tóc. Vì ruộng phước nên con vâng thờ cúng dường các Thánh giả như vậy."

Bấy giờ nơi thành ấy, bá quan đại thần hầu hạ hai bên nhà vua đang lâm triều trên đại điện trong nội cung, đều trông thấy vị Bích-chi-phật bay đi trong hư không. Quần thần thấy vậy liền tâu đức vua:

–Ngày nay có điềm lành lợi ích thật hy hữu, khó được thân người như vậy. Hôm nay trong nước có ruộng phước ra đời.

Khi ấy nhà vua ngước mặt trông thấy vị Bích-chi-phật như vậy, liền bảo quần thần:

–Người nào cạo bỏ râu tóc cho Bích-chi-phật sẽ được nhiều lợi ích.

Người sửa râu tóc cho nhà vua lúc đó đang đứng bên cạnh liền tâu vua:

–Chính hạ thần đã cạo bỏ râu tóc cho vị Tiên nhân ấy, ngoài ra có ai đâu?

Đồng tử nghe cậu mình nói lời như vậy, liền đến tâu với vua:

–Thưa Đại vương, Đại vương biết, vừa rồi cậu con nói lời giả dối không thật. Không phải cậu con cạo râu tóc cho Tiên nhân. Việc nhỏ như vậy, mà còn nói dối là ta cạo râu tóc cho Tiên nhân. Thật ra, người cạo bỏ râu tóc cho Tiên nhân chính là con.

Bấy giờ người thợ sửa tóc cho nhà vua quở trách đồng tử:

–Chao ôi! Kẻ ngu si kia! Ngươi có thế lực gì mà cạo râu tóc cho Tiên nhân?

Bấy giờ đồng tử lấy tóc của Tiên nhân đưa ra cho quần thần xem và nói:

–Đây là tóc của Tiên nhân, hiện giờ tôi đem theo đây, xin các vị thấy cho!

Khi ấy nhà vua thấy việc như thế, nổi giận bảo tên thợ sửa râu tóc cho mình:

–Chao ôi! Kẻ ngu si! Ngươi ở bên ta có thế lực như vậy, nay vì cớ gì nói dối ta? Ngươi mau ra khỏi nước, không được ở trong biên giới quốc gia ta.

Nhà vua đòi lại con bạch tượng cùng những dụng cụ hớt tóc rồi phong lộc cho đồng tử và sắc phong:

–Từ nay về sau, khanh luôn luôn sửa râu tóc và móng tay chân cho ta.

Đồng tử tâu vua:

–Vâng lệnh Đại vương! Hạ thần không dám trái lời. Từ nay về sau, hạ thần này luôn luôn sửa râu tóc và móng tay cho Đại vương.

Do công đức cạo râu tóc cho vị Bích-chi-phật, đồng tử tùy theo tuổi thọ ở đời, sau khi qua đời, đời đời kiếp kiếp không sinh vào ác đạo, thường qua lại trong cõi trời người. Rồi đời sau cùng sinh trong thành Ba-la-nại, nơi nhà thợ hớt tóc, hình dung khôi ngô, dễ thương, người xem thấy không chán. Đồng tử được cha mẹ nuôi dưỡng, dần dần khôn lớn, thành tựu nghề nghiệp.

Thuở ấy Đức Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác Ca-diếp ra đời, làm vị Đại Giáo Sư Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Bấy giờ Đức Tịnh Hạnh Thế Tôn Chánh Đẳng Chánh Giác Ca-diếp đã chuyển pháp luân thuận nghịch, đã thọ pháp cùng bản nguyện đầy đủ,

được xưng là Bậc Trượng Phu trí tuệ tối thắng, thiết lập tòa Liên hoa để giáo hóa, đem vô lượng trăm ngàn ức chúng sinh đưa vào thiện đạo.

Thuở ấy Đức Phật Ca-diếp cùng hai vạn chúng Tỳ-kheo đồng ngự tại vườn Nai, là chỗ ở của chư vị Tiên nhân đời trước, thuộc thành Ba-la-nại. Bấy giờ cha của người thợ hớt tóc này thường đến vườn Nai cạo râu tóc cho các Tỳ-kheo. Do vậy đồng tử được cùng với cha đi đến Già-lam. Khi các Tỳ-kheo thuyết kinh hay giảng luận, đồng tử thấy mọi người được phép đến nghe pháp. Nhưng cho đến khi đọc luật thì thấy có người được nghe, có người không được nghe. Khi ấy đồng tử hỏi các thầy Tỳ-kheo:

–Tại sao tất cả giáo pháp là thiện ngôn mà con thấy có người được nghe, có người không được nghe? Ý đó như thế nào?

Các Tỳ-kheo giải đáp cho đồng tử:

–Này đồng tử, luật là pháp bí mật của hàng Tỳ-kheo. Nếu người nào chưa thọ giới Cụ túc thì nhất định không được nghe.

Đồng tử nghe nói như vậy, rất buồn rầu, suy nghĩ: "Ta phải làm sao sớm xuất gia để có thể nghe Luật tạng quý báu này?"

Về sau, khi trưởng thành, đồng tử đến một vị Luật sư cầu xin xuất gia, được thọ giới Cụ túc, theo học hỏi nơi các thầy Tỳ-kheo trì giới và tụng luật, căn cứ vào pháp mà tu hành. Tuy vậy nhưng vị ấy vẫn không chứng được trí xuất thế. Về sau, thầy Tỳ-kheo lâm trọng bệnh, nằm tại giường, khi lâm chung lại phát nguyện: "Đức Như Lai Ca-diếp Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có một vị đệ tử Bồ-tát tên là Hộ Minh, đã được Phật Ca-diếp thọ ký: "Ông ở đời tương lai, khi con người tuổi thọ một trăm sẽ được thành Phật hiệu là Thích-ca Như Lai Thế Tôn Chánh Đẳng Chánh Giác." Tôi nay nguyện vào đời tương lai ấy gặp được Phật Thích-ca Mâu-ni. Nếu được như sở nguyện, tôi ở trong pháp của Ngài cũng xin xuất gia thọ giới Cụ túc. Đối với trong hàng đệ tử trì giới của Thế Tôn, tôi là người đệ nhất, như Hòa thượng của tôi ngày nay đối với hàng đệ tử trì luật của Phật Ca-diếp, Thầy tôi là tối thượng. Tôi cũng như vậy, ở trong giáo pháp của Đức Phật Thích-ca tương lai, là đệ nhất trong hàng đệ tử trì luật của Ngài."

Khi đó vị Tỳ-kheo ấy khi ấy qua đời, về sau sinh lên trời cho đến ngày nay, thân sau cùng đầu thai trong gia đình thợ hớt tóc tại thành Ba-la-nại, tên là Ưu-ba-ly, tức là vị này vậy.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 55

Phẩm 55: NHÂN DUYÊN CỦA ƯU-BA-LY (Phần 3)

Này các thầy Tỳ-kheo, nếu các thầy có phân vân về đồng tử hớt tóc lúc ấy thì chớ có ý nghĩ gì khác, chính là Ưu-ba-ly này vậy. Thuở xưa, Ưu-ba-ly cạo râu tóc cho vị Bích-chi-phật đã phát nguyện: "Tôi nguyện đời đời kiếp kiếp, nếu làm được thân người thì thường sinh trong nhà thợ hớt tóc." Lúc đó vị ấy lại nguyện: "Tôi nguyện không sinh trong các ác đạo." Do vì quả báo của sức phát nguyện ấy nên từ đó đến nay không sinh trong các ác đạo, chỉ sinh trong cõi trời và cõi người, hưởng nhiều hạnh phúc, hiện đã được tự lợi như vậy.

Vị ấy lại nguyện: "Ta nguyện ở đời vị lai thường gặp vị Giáo sư tối thắng như vậy. Những giáo pháp của vị Giáo sư chỉ dạy, tôi nguyện mau chứng biết rõ ràng." Do nghiệp báo này, ngày nay Ưu-ba-ly gặp được Ta, tôn làm Giáo sư, được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán.

Lại thuở trước, vị ấy ở trong giáo pháp Như Lai Ca-diếp phát nguyện: "Ta nguyện ở đời vị lai gặp được Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni. Nếu được xuất gia, trong hàng đệ tử trì giới của Ngài, ta là trên hết." Nhờ nghiệp báo đó mà ngày nay vị ấy ở trong giáo pháp của Ta được xuất gia..., trong hàng đệ tử trì giới của Ta, vị ấy là Tỳ-kheo trì giới hơn hết.

Này các Tỳ-kheo, Ưu-ba-ly ở trong thời quá khứ đã tạo nghiệp như vậy, nay được quả báo sinh trong nhà thợ hớt tóc. Lại do nhân duyên phát nguyện ấy, ngày nay được quả báo ở trong giáo pháp của Ta được xuất gia, cho đến thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán. Nay được Ta thọ ký: "Ở trong hàng đệ tử trì giới của Ta, Ưu-ba-ly là bậc Trì giới đệ nhất."

□

Phẩm 56: NHÂN DUYÊN CỦA LA-HẦU-LA (Phần 1)

Vào một hôm, vua Thâu-đầu-đàn bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn và đại chúng sáng mai nhận sự cúng dường trai phạn của tôi.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Vua Thâu-đầu-đàn thấy Đức Phật im lặng chấp nhận, liền rời chỗ ngồi, đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi từ tạ ra về.

Khi nhà vua về đến nội cung, ngay trong đêm đó ra lệnh sắm sửa các thức ăn uống cao lương mỹ vị. Sau khi sắm sửa xong, qua đêm đó, trời vừa sáng, vua cho người rưới nước, quét dọn, trần thiết và vua cho sứ giả đi thỉnh Thế Tôn:

–Bạch Đức Thế Tôn, đã đến giờ thọ trai, phẩm vật sắm sửa đầy đủ. Cúi xin Thế Tôn và đại chúng quang lâm.

Khi ấy mặt trời còn ở phương Đông, Đức Thế Tôn đắp y, mang bình bát, Ngài đi đầu với đại chúng Tỳ-kheo theo sau, đồng đến nội cung vua Thâu-đầu-đàn. Đến nơi, Thế Tôn ngồi vào tòa đã bày sẵn, còn các Tỳ-kheo đúng như pháp, thứ lớp mà an tọa.

Đại vương Thâu-đầu-đàn thấy Đức Phật và đại chúng ngồi xong, nhà vua tự tay mang đủ thức ăn cao lương mỹ vị đến dâng cho Đức Phật và đại chúng, làm cho tất cả đều được no nê vừa ý. Thấy Đức Phật và đại chúng ăn uống xong và đã rửa cất bình bát, nhà vua bắt một chiếc ghế nhỏ ngồi bên cạnh Phật, bạch:

–Cúi xin Thế Tôn chỉ dạy cho tôi. Nguyện Thế Tôn, Bậc Thiện Thệ giáo hóa cho chúng tôi, để chúng tôi được nhiều lợi ích an lạc lâu dài.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thưa với Đại vương Thâu-đầu-đàn:

–Thưa Đại vương, nếu ngày nay ngài biết thời, không nên bỏ qua những việc nghe pháp, cũng nên thường hỏi thăm các vị Tỳ-kheo. Chẳng bao lâu Đại vương sẽ chứng quả tối thắng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng phương tiện giáo hóa thuyết giảng các pháp khiến vua Thâu-đầu-đàn giải ngộ, tâm rất hoan hỷ, rồi đứng dậy từ giã trở về hoàng cung.

Vào khi khác nhờ Xá-lợi-phất mà Đại vương được pháp nhãn thanh tịnh và chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi Đại vương Tịnh Phạn đã được các pháp, đã chứng các pháp, đã nhập các pháp, đã vượt các nghi, tâm không còn hoặc, không còn sợ sệt, không còn nghi vấn về các pháp hạnh khác, tất cả đều chứng biết, vua liền đi đến chỗ Đức Phật và bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn, cúi xin Ngài độ cho tôi xả tục xuất gia, thọ giới Cụ túc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn quán căn cơ nhà vua, ở trong giáo pháp của Ngài xả tục xuất gia có được thắng pháp tối thượng hay không? Rồi Đức Thế Tôn tư duy tự biết: "Đại vương Thâu-đầu-đàn không thể xả tục xuất gia, cũng không thể chứng được thắng pháp tối thượng."

Đức Phật quán biết như vậy rồi, liền nói với nhà vua:

–Đại vương, nếu ngày nay Đại vương biết thời, chỉ nên ở tại gia làm người đàn việt bố thí, tạo các phước nghiệp mà thôi.

Hôm sau, đại phu nhân Ma-ha Ba-xà-ba-đề lại thỉnh Đức Phật và đại chúng cúng dường ngọ phạn..., đều được đầy đủ.

Đến ngày thứ ba, các phi thuộc hàng quyến thuộc trong cung thứ nhất lại thỉnh Đức Phật và đại chúng cúng dường sơn hào hải vị..., tất cả đều được đầy đủ.

Đến ngày thứ tư, quyến thuộc trong cung thứ hai thỉnh Đức Phật và đại chúng cúng dường trăm thứ thức ăn mỹ vị, đều được đầy đủ.

Nói về La-hầu-la, sau khi Như Lai xuất gia được sáu năm, La-hầu-la mới ra đời. Khi Như Lai trở về hoàng cung thì lúc ấy La-hầu-la lên sáu tuổi. Khi Như Lai về đến thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, mẹ của La-hầu-la nghĩ thế này: "Xưa vì La-hầu-la mà ta bị hoàng tộc sỉ nhục, nay đến lúc ta phải làm sáng tỏ vấn đề để chứng tỏ bản thân ta trong sạch. Do vậy, ta phải quyết thỉnh Phật và đại chúng cúng dường ngọ phạn và cũng thỉnh hoàng tộc tham dự để việc này được sáng tỏ." Da-du-đà-la nghĩ như vậy rồi, sáng ngày hôm sau liền cho sứ giả đến thỉnh Đức Phật, bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, tất cả thực phẩm đều được sắm sửa đầy đủ. Xin Ngài biết cho.

Và bà cũng sai sứ giả thỉnh tất cả quyến thuộc hoàng gia đến dự hội.

Sớm hôm ấy, khi mặt trời còn ở phương Đông, Đức Như Lai đắp y, mang bình bát cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị. Ngài dẫn đầu, đại chúng đi theo hai bên, đồng đến cung vua. Đức Phật và đại chúng đúng như pháp theo thứ lớp ngồi vào những tòa đã trần thiết sẵn.

Bấy giờ nàng Da-du-đà-la làm một viên tròn, đặt tên là viên đại hoan hỷ, rồi nàng gọi La-hầu-la đến, đặt viên này trong tay La-hầu-la và bảo:

–Này con La-hầu-la, con hãy đến trong chúng Tỳ-kheo xem vị nào là cha của con, thì hãy cúng dường viên hoan hỷ này.

Nàng Da-du-đà-la lại thưa với quyến thuộc:

–Hôm nay La-hầu-la đi tìm cha nó.

Khi đó La-hầu-la cầm viên hoan hỷ đi xem tất cả Tỳ-kheo rồi đi thẳng đến chỗ Đức Phật, bạch với Phật:

–Sung sướng thay dưới bóng mát của Sa-môn này! Sung sướng thay dưới bóng mát của Sa-môn này!

Bấy giờ Đại vương Thâu-đầu-đàn bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, việc này như thế nào? Đối với việc này Da-du-đà-la có tội chăng?

Lúc ấy Thế Tôn thưa Đại vương Thâu-đầu-đàn:

–Thưa đại vương, ngày nay Đại vương chớ nghi như vậy. Đối với việc này, Da-du-đà-la không có tội. La-hầu-la thật là con Ta, chỉ vì do nghiệp duyên đời trước ngăn cản nên phải ở trong thai mẹ sáu năm.

Đại vương Thâu-đầu-đàn và quyến thuộc nghe Đức Phật nói như vậy, tất cả đều vui mừng hớn hở khắp cả thân tâm. Mọi người tự tay bưng lấy thức ăn uống mỹ vị dâng cho Đức Phật và chúng Tỳ-kheo. Khi Đức Phật và đại chúng ăn uống, rửa tay và bình bát xong, tất cả hoàng gia mỗi người trải một tòa nhỏ ngồi quanh, hướng về Đức Phật.

Bấy giờ Đại vương Thâu-đầu-đàn do vì quá cung kính Đức Phật nên không thể thưa hỏi Phật về mọi việc, mà bạch chúng Tỳ-kheo:

–Cúi xin quý thầy thưa hỏi Đức Phật về nhân duyên quá khứ của La-hầu-la và Da-du-đà-la đã tạo nghiệp nhân gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, La-hầu-la tạo nghiệp nhân gì? Do nghiệp báo gì ở trong thai mẹ sáu năm? Bạch Đức Thế Tôn, Da-du-đà-la tạo nghiệp nhân gì mà mang thai đến sáu năm?

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ về quá khứ cách đây vô lượng kiếp. Thuở ấy có một vua tên là Nhân Thiên, thuộc dòng Bà-la-môn, sinh hạ hai vương tử: người lớn tên là Nhật, người nhỏ tên là Nguyệt. Vương tử lớn không thích việc thế gian, ý muốn xuất gia. Rồi trải qua thời gian chẳng bao lâu, vua Nhân Thiên mãn tuổi thọ, qua đời. Sau khi nhà vua băng hà rồi, hai vương tử Nhật, Nguyệt nhường ngôi cho nhau, người anh bảo người em: "Em phải làm vua, nắm lấy chính sự, cai trị quốc gia."

Người em lại nói với người anh: "Anh phải làm vua, nắm lấy chính trị, cai trị quốc gia."

Vương tử Nhật nói với vương tử Nguyệt: "Em nhất định phải làm vua, còn anh sẽ xả tục xuất gia."

Vương tử Nguyệt lại thưa với anh: "Anh lớn hơn, ngôi vua phải là của anh, còn em thì không phải đạo."

Vương tử Nhật lại nói với vương tử Nguyệt: "Phàm nhận lãnh ngôi vua, trước phải làm pháp gì?"

Vương tử Nguyệt đáp: "Trước phải ban hiệu lệnh."

Vương tử Nhật lại hỏi: "Nếu có người phạm hiệu lệnh sẽ thuộc tội gì?"

Vương tử Nguyệt lại đáp: "Cần phải phạt trọng tội."

Vương tử Nhật lại hỏi Vương tử Nguyệt: "Căn cứ vào đạo lý, ta phải làm vua, nhưng nay ta đem ngôi vua này trao cho em, em phải làm vua, vì ta muốn xả tục xuất gia."

Khi ấy vương tử Nhật đem vương vị trao cho vương tử Nguyệt, rồi xả tục xuất gia, tìm lối tu học. Bao nhiêu quyến thuộc của vương tử Nhật đều theo vương tử đi xuất gia.

Bấy giờ vị Tiên nhân Nhật suy nghĩ: "Ngày nay những người này đã theo ta xuất gia, ta làm thầy những người này nên ta phải siêng năng tu học, cầu đạo nghiệp hơn họ." Nghĩ như vậy rồi, Tiên nhân phát lời thệ nguyện: "Ta nguyện thân này từ nay về sau nếu vật của người ta không cho thì không lấy, cho đến nước uống và cây chà răng."

Vào hôm nọ, Tiên nhân Nhật quên lời nguyện, tự lấy dùng rễ cây, dược thảo và các hoa quả mà người không cho. Một hôm khác, vào ban đêm, Tiên nhân khát nước, thấy bồn nước của người ta bên cạnh, tưởng là bồn nước của mình nên lấy uống. Khi vị chủ thấy bồn mình khô nước mới hỏi: "Ai đã lấy nước trong bồn của ta? Đây là chỗ ở của kẻ cướp, không phải là chỗ ở của Tiên nhân."

Bấy giờ Tiên nhân Nhật đã uống nước thấy bồn của mình đầy nước ở bên cạnh, bồn kia liền thưa với người ấy: "Tôi lầm nên đã uống nước của nhân giả, vì cho là bồn nước của tôi." Tiên nhân kia nói với Tiên nhân Nhật: "Nếu Tiên nhân uống, điều đó thật tốt, tôi rất vui mừng."

Khi ấy Tiên nhân Nhật chánh tâm tư duy: "Ta đã trái lời thề thuở trước, là điều bất thiện. Hành động như vậy không phải là pháp của Tiên nhân. Tại sao ngày nay đối với những hoa quả, thảo dược, rễ cây, người ta không cho mà lại lấy dùng? Tại sao lại lấy nước của người khác mà uống?" Vì những sự việc này nên Tiên nhân buồn bã chẳng vui, ưu sầu khổ não,

ngồi xổm trên đất chánh tâm suy nghĩ, âu sầu về việc này. Lúc ấy các đồng tử đệ tử của Tiên nhân Nhật đi đến đảnh lễ dưới chân Tiên nhân, phụng thờ đúng như pháp. Tiên nhân bảo các đồng tử đệ tử: "Này các đồng tử, ngày nay trở đi không nên đảnh lễ ta. Tại sao như vậy? Vì ngày nay ta đã trở thành kẻ trộm."

Các đồng tử hỏi Tiên nhân: "Thưa Hòa thượng, việc đó như thế nào?"

Tiên nhân Nhật lại bảo các đồng tử: "Này các đồng tử, các người phải biết, ta đã lấy dùng hoa quả, dược thảo, rễ cây không cho của người khác, lại lấy nước của người ta mà uống."

Tiên nhân nói lời như vậy rồi, các đồng tử vội bạch: "Thầy không nên nói như vậy. Tất cả những thức ăn uống đó đều là của Hòa thượng."

Tiên nhân Nhật lại bảo các đồng tử: "Các người phải biết, vật chẳng được người ta cho mà tự lấy dùng, việc ấy chẳng nên. Đối với dược thảo, hoa quả, rễ cây và nước trong bồn của người, không được cho mà ta tự lấy dùng, như vậy ta đã thành kẻ giặc. Do vậy, các ông phải phạt tội ta như trị giặc cướp."

Các đồng tử đều thưa Tiên nhân: "Chúng con không dám trị tội Hòa thượng. Hiện giờ em Hòa thượng làm vua thống lãnh quốc gia này, như pháp trị hóa dân chúng, cho đến tận biên cương này, nhất định em Hòa thượng có thể trị tội Hòa thượng được."

Lúc ấy Tiên nhân đi đến cung điện Nguyệt vương. Lúc ấy Nguyệt vương đã nghe việc này rồi, biết Tiên nhân Nhật sắp đến nên cho bốn đạo binh ra ngoài thành sẵn sàng nghinh tiếp. Khi Tiên nhân Nhật đến nơi, Nguyệt vương đảnh lễ dưới chân. Khi ấy Tiên nhân Nhật nói với Nguyệt vương: "Thôi đi, đừng đảnh lễ dưới chân tôi. Vì sao vậy? Vì tôi nay là tên giặc. Xin Đại vương trị phạt tội tôi như trị tội giặc."

Bấy giờ nhà vua hỏi vương huynh Tiên nhân Nhật: "Ngày nay Thánh giả làm giặc gì vậy?"

Tiên nhân đáp: "Đại vương phải biết, khi ta tu hành nơi rừng cây yên tĩnh thanh vắng, đối với hoa quả, rễ cây, dược thảo và nước uống, không phải người khác cho mà tự lấy dùng."

Đại vương Nguyệt nghe như vậy, buồn phiền áo não, khóc than ấm ức, nước mắt ràn rụa, suy nghĩ thế này: "Công đức bổn hạnh của Tiên nhân từ xưa đến nay thanh tịnh không có tội lỗi, tại sao ngày hôm nay lại có tội đáng trị phạt!"

Suy nghĩ như vậy rồi, vua bảo Tiên nhân: "Ta cho các Tiên nhân được phép lấy hoa quả, rễ cây, dược thảo, kể cả nước uống... tự do lấy dùng. Do

vậy, những vật mà Tiên nhân đã lấy dùng đều là vật của ta, nên đại tiên không phải giặc, nên không trị phạt."

Bấy giờ vua tiên Nhật lại bảo Nguyệt vương: "Lệnh này mới ban hành ngày nay, không phải có từ trước."

Nhà vua liền nói: "Khi em mới lên ngôi liền ban lệnh này: "Ta bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn cây cỏ và nước uống, tùy ý sử dụng." Do vậy, đại tiên không phải giặc, làm sao ngày nay em trị phạt được!"

Vua tiên lại nói: "Hay thay! Này Đại vương, ngày nay ta đã tạo tội bất thiện, tự nghĩ tội này không thể tiêu được, ta đã uống nước của người khác. Như vậy Đại vương phải trị tội ta như trị giặc không khác."

Khi ấy Nguyệt vương có một người cháu ngoại đang ở trong đại chúng. Vị ấy thưa với Nguyệt vương: "Thưa Đại vương, Tiên nhân đã quyết định có tội, chớ để Tiên nhân buồn phiền áo não."

Nguyệt vương thưa với Tiên nhân: "Sự việc nếu như vậy, Tiên nhân sẽ vào ở trong vườn của ta lo tu tập."

Khi đã ra lệnh cho Tiên nhân vào ở trong vườn rồi, nhà vua liền quên mất không nhớ. Cho đến sáu ngày sau mới sực nhớ lại, Nguyệt vương vội gọi các quần thần: "Này các khanh, Tiên nhân ở trong vườn đã ra chưa?"

Quần thần tâu: "Thưa Đại vương, vị Tiên nhân ấy vẫn còn ở trong vườn."

Khi ấy Nguyệt vương ra lệnh phóng thích tất cả tù nhân trong nước, kể cả các loài chim bay thú chạy, nhưng đặc biệt Tiên nhân được mời ở lại cúng dường các thức ăn cao lương mỹ vị. Vua nói: "Cúi xin đại tiên, ngài tùy ý đi."

Sau khi thả Tiên nhân rồi, nhà vua chẳng an tâm, nói: "Ta có tội đối với Tiên nhân này. Do Tiên nhân này ta có tội."

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu ai phân vân vua tiên Nhật thuở ấy nay là người nào, chớ nên nghĩ gì khác, là thân Ta ngày nay vậy.

Này các Tỳ-kheo, nếu ai phân vân Nguyệt vương thuở ấy nay là người nào, chớ nên nghĩ gì khác, tức là La-hầu-la này vậy. Vì do nhân duyên nhốt Tiên nhân trong vườn sáu ngày nên chịu nghiệp báo ở trong sinh tử phiền não chịu vô lượng khổ. Do dư báo ấy, lại phải ở trong thai mẹ sáu năm.

Này các Tỳ-kheo, Ta nhớ thuở xưa trải qua vô lượng kiếp, chủ nông trại có một đàn bò. Vợ của người chủ đàn bò đem theo một người con gái

đi đến chỗ đàn bò vắt sữa đựng vào hai chiếc bình. Người mẹ sai con gái mang bình lớn, còn bình nhỏ thì mình mang lấy. Khi đi được nửa đường, người mẹ nói với con gái: "Con đi mau lên, đoạn đường này đầy nguy hiểm, đáng sợ hãi." Người con gái thưa với mẹ: "Cái bình này quá nặng, làm sao con có thể đi nhanh được?!" Người mẹ cứ nói như vậy đến hai ba lần: "Con đi mau lên, đoạn đường này có nhiều sự khủng bố!"

Người con gái lúc ấy suy nghĩ: "Tại sao bảo ta đội lấy bình quá nặng, lại thúc dục đi nhanh?" Do vậy, người con gái tức giận nên thưa với mẹ: "Mẹ có thể mang hộ luôn bình sữa này, con đi đại tiểu tiện trong chốc lát."

Người mẹ nhận cả bình sữa lớn mà vác đi, người con gái từ từ đi theo sau. Lúc đó người mẹ mang cả hai bình sữa nặng đi đến sáu câu-lô-xá.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu các thầy phân vân người con gái tức giận, sai mẹ mang bình sữa nặng đi trong sáu câu-lô-xá, nay là người nào thì chớ nghĩ ai khác, chính là nàng họ Thích Da-du-đà-la này vậy. Thuở ấy nàng đã sai mẹ mình mang bình sữa nặng đi trên đoạn đường sáu câu-lô-xá. Do nghiệp báo ấy, ở trong sinh tử phiền não chịu vô lượng khổ. Do dư nghiệp ấy, ngày nay mang thai sáu năm.

Này các Tỳ-kheo, tất cả nghiệp báo chẳng phải do tự nhiên nhận lấy, mà tùy theo tác nghiệp thiện ác, rồi trở lại thọ lấy.

Do vậy, này các thầy Tỳ-kheo, phải từ bỏ các nghiệp ác bằng thân khẩu ý. Vì sao? Vì nhân duyên thiện ác nơi thân khẩu ý. Các thầy hiện đã thấy quả báo thiện ác như vậy, nên các thầy cần phải tu các thiện nghiệp.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì vua Tịnh Phạn và hoàng gia, mà tuyên dương diệu pháp, khai thị giáo hóa khiến nhà vua được hoan hỷ. Rồi Thế Tôn rời khỏi tòa, trở về chỗ ở của mình.

Lúc ấy Da-du-đà-la bảo La-hầu-la đi đến bên Thế Tôn, xin Thế Tôn phong tặng. Lúc bấy giờ La-hầu-la đi theo Phật, vừa đi vừa nói:

–Xin Sa-môn phong tặng cho con! Xin Sa-môn phong tặng cho con.

Khi ấy Đức Thế Tôn đưa ngón tay cho La-hầu-la nắm, La-hầu-la nắm ngón tay Phật đi theo một bên. Khi Đức Thế Tôn đem La-hầu-la về đến khu rừng yên tĩnh, vọng gọi Xá-lợi-phất:

–Này Xá-lợi-phất, thầy đem La-hầu-la cho nó xuất gia.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Xin theo lời Phật dạy.

Xá-lợi-phất vâng lời Đức Phật, độ cho La-hầu-la xuất gia. Lúc Đức Thế Tôn vì các Tỳ-kheo chế cấm giới. La-hầu-la rất vui mừng được thọ cấm giới, y theo pháp mà vâng giữ. Lý do tại sao? Vì giáo pháp thích ứng với vị này. Xá-lợi-phất theo sự chỉ dạy của Đức Phật, vâng lệnh chỉ dạy La-hầu-la.

Đương thời, bao nhiêu thiện nam tử đều được chánh tín, chánh kiến. Vì sao? Vì họ muốn xuất gia tu phạm hạnh, cầu đạo Vô thượng. Họ được lợi ích, được chứng biết các pháp. Tự chứng biết rồi, họ tự xướng lên: "Các lậu đã dứt, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân đời sau." La-hầu-la cũng như vậy, chứng lấy tự tâm, được chánh giải thoát. Thế Tôn liền ấn chứng:

–Này các Tỳ-kheo phải biết, trong hàng đệ tử Thanh văn trì giới của ta, La-hầu-la là hơn hết.

(Trên đây là thuyết của các sư thuộc bộ phái Ma-ha Tăng-kỳ).

Bộ phái Ca-diếp-duy thì nói:

Khi vua Thâu-đầu-đàn sắm sửa thức ăn xong, liền gọi các quyến thuộc trong nội cung và ra lệnh cho họ:

–Này các khanh, nay không được một ai nói với La-hầu-la biết Thế Tôn là cha của nó.

Vì sao? Vì vua sợ La-hầu-la biết được sẽ theo cha xuất gia.

Trong đêm ấy vua Tịnh Phạn cho sắm sửa hoàn tất các món ăn uống cao lương mỹ vị. Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa mới mọc, cho trần thiết các tòa ngồi, sai người đưa La-hầu-la cùng các đồng tử nam nữ ra chơi ở rừng A-thâu-ca và đồng thời cho sứ giả đến bạch Phật:

–Giờ ngọ trai đã đến, thức ăn uống đã bày biện xong, xin Thế Tôn biết cho.

Lúc mặt trời còn ở phương Đông, Thế Tôn đắp y, mang bình bát đi trước, cùng các Tỳ-kheo tùy tùng theo sau, cùng đi đến cung vua Thâu-đầu-đàn. Đến nơi, ngồi theo thứ lớp đã bày sẵn.

La-hầu-la thấy các đồng nam, đồng nữ đi nói giỡn cười mất trật tự mà các nhũ mẫu cũng không ngăn cản được. Chúng cùng nhau cười giỡn, đi từ rừng A-thâu-ca dần dần vào cung vua. Chúng thấy Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo liền đảnh lễ. Đảnh lễ xong, chúng vội lên lầu thượng. Mẹ La-hầu-la đã đứng sẵn nơi đây. Nàng thấy Thế Tôn cạo bỏ râu tóc, thân đắp ca-sa, thì buồn bã, rơi lệ.

Có kệ:

Vợ mới Đại vương dòng họ Thích
Tên nàng được gọi Du-đà-la
Thấy chồng dưới tướng kẻ xuất gia
Buồn rầu khóc lóc tâm áo não.

Khi ấy La-hầu-la hỏi mẹ:

–Thưa thánh mẫu, vì sao mẹ buồn khóc như vậy?

Da-du-đà-la nói với La-hầu-la:

–Người có thân vàng ròng trong chúng Sa-môn là cha của con.

La-hầu-la lại hỏi mẹ:

–Thánh giả ấy từ khi con sinh ra cho đến ngày nay, con chưa từng nghĩ đến, sao nay bỗng thấy an lạc.

La-hầu-la nói lời này rồi, từ trên lầu vội vã chạy xuống hướng đến Đức Phật, rồi chui trốn trong vạt y của Ngài. Khi ấy các Tỳ-kheo muốn ngăn cản lại. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, chớ nên ngăn cản, để nó đứng vào trong y của Ta.

Thấy Đức Phật và chúng Tăng theo thứ lớp ngồi xong, vua Thâu-đầu-đàn tự tay mình bưng các thức ăn sơn hào hải vị, đến dâng cho Đức Phật và chư Tăng. Tất cả đều được thọ trai đầy đủ.

Khi Đức Thế Tôn ăn rồi, rửa bát rửa tay xong. Nhà vua đem một chiếc ghế nhỏ ngồi một bên Thế Tôn. Thế Tôn vì Đại vương liền nói lời chúc phúc:

Cúng tế, lửa hơn hết
Các kệ, tán hơn hết
Loài người, vua hơn hết
Các sông, biển hơn hết
Các sao, trăng hơn hết
Sáng, mặt trời hơn hết.
Trên dưới và bốn phương
Chúng sinh bao nhiêu loại
Loài trời hay nhân loại
Chư Phật là hơn hết.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì vua Tịnh Phạn nói kệ xong, liền rời chỗ ngồi tự tại ra về.

Sau đó, vua Thâu-đầu-đàn đi khắp đó đây kiểm tra mọi việc. Lúc ấy La-hầu-la đã đi theo Thế Tôn, khi ra khỏi cung ý muốn trở vào. Thế Tôn đưa ngón tay cho La-hầu-la nắm, khi ấy trên nửa thân La-hầu-la cảm thấy

an lạc, dễ chịu, giống như sợi dây buộc chân con chim, không thể rời được. La-hầu-la nương vào mình Thế Tôn như vậy, cùng nhau đi đến rừng Ni-câu-đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi La-hầu-la:

–Này La-hầu-la, con có thể theo Thế Tôn xuất gia được không?

La-hầu-la đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, con thật có thể xuất gia được.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nay muốn cho La-hầu-la xả tục xuất gia, mời Xá-lợi-phất làm Hòa thượng.

Bấy giờ các Tỳ-kheo suy nghĩ: "Xưa Đức Thế Tôn thường dạy chúng ta, nếu ai tuổi chưa đủ hai mươi không được thọ giới Cụ túc, mà nay La-hầu-la tuổi mới mười lăm, chúng ta nên căn cứ lời Phật dạy thuở trước mà làm, hay sẽ làm khác đi." Vì có ý nghĩ như vậy, họ đem việc này bạch lên Phật.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, phải biết mười lăm tuổi mà được xuất gia, chỉ có thể làm Sa-di.

Các Tỳ-kheo được Phật chỉ dạy rồi, liền cho La-hầu-la xuất gia, cầu Xá-lợi-phất làm Hòa thượng.

Khi Đại vương Thâu-đầu-đàn đưa Thế Tôn và các Tỳ-kheo cùng quyến thuộc ra về, rồi sau đó ngồi vào bàn ăn. Nhà vua lại bảo cận vệ:

–Các khanh hãy bảo La-hầu-la đến cùng ăn với ta.

Khi ấy quan cận vệ tìm kiếm khắp nơi mà không thấy La-hầu-la, liền trở lại tâu đầy đủ với vua:

–Thưa Đại vương, hạ thần tìm La-hầu-la, nay không biết đồng tử ở đâu?

Đại vương Thâu-đầu-đàn lại bảo:

–Các khanh nên đến vườn A-thâu-ca và trong các cung. Nên tìm ở các nơi ấy.

Các quan cận vệ lập tức đi đến vườn A-thâu-ca và trong các cung, nhưng cũng không tìm thấy La-hầu-la đâu cả nên về tâu vua:

–Thưa Đại vương, hạ thần đã tìm các nơi ấy mà không thấy.

Đại vương Thâu-đầu-đàn liền bảo:

–Các khanh mau đến rừng Ni-câu-đà, có lẽ Thế Tôn đem theo, cho nó xuất gia nên nó đi như vậy chăng?

Khi các quan cận vệ nghe sắc lệnh của vua như vậy, vội vã đi đến rừng Ni-câu-đà, tìm kiếm khắp nơi mới thấy La-hầu-la được Thế Tôn cho xuất gia. Thấy vậy, họ vội chạy về cung tâu lên vua Thâu-đầu-đàn:

–Đại vương phải biết, nay La-hầu-la được Đức Thế Tôn cho xuất gia rồi.

Đại vương Tịnh Phạn nghe vậy, liền té nhào xuống đất chết giấc, giây lâu mới tỉnh, vội ra khỏi thành, đi đến rừng Ni-câu-đà. Đến nơi, nhà vua đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi về một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, khi xưa Thế Tôn còn tại gia, các thầy toán số Bà-la-môn đã từng dự đoán: "Nếu Thế Tôn ở tại gia sẽ thành Chuyển luân thánh vương." Ngày nay Thế Tôn đã xả tục xuất gia, sau khi Thế Tôn xuất gia rồi, tôi suy nghĩ: "Sắp truyền ngôi cho Nan-đà". Sau đó Thế Tôn lại dạy Nan-đà xuất gia. Sau khi Nan-đà xuất gia rồi, tôi lại suy tính: "Sẽ ra lệnh A-nan-đà kế nghiệp vương vị." Sau lại bị Thế Tôn dẫn đi xuất gia. Sau khi A-nan-đà xuất gia rồi, tôi lại suy tính: "Cần phải ra lệnh A-na-luật kế nghiệp ngôi vua." Sau lại bị Thế Tôn dẫn đi xuất gia. Sau khi A-na-luật xuất gia rồi, tôi lại suy tính: "Ba-đề-lợi-ca sẽ nối ngôi vua." Sau lại bị Thế Tôn đem đi xuất gia. Đến nay, chỉ còn kỳ vọng nơi La-hầu-la, sẽ trao ngôi vua cho nó, lại bị Thế Tôn dẫn đi xuất gia. Thế Tôn dẫn La-hầu-la đi xuất gia như vậy, há chẳng phải là đoạn chủng tộc làm vua của tôi hay sao?

Lại nữa, thưa Thế Tôn, chẳng những như vậy, mà còn quan hệ đến tình luyến ái con cái, thấu đến da thịt, gân cốt tủy xương. Vì vậy, xin Thế Tôn từ nay về sau phải chế điều kiện thế này: "Có ai muốn xuất gia làm Tỳ-kheo, phải dạy họ xin phép cha mẹ. Nếu cha mẹ đồng ý rồi sau mới cho phép xuất gia."

Bấy giờ Đức Thế Tôn thưa Đại vương Thâu-đầu-đàn:

–Ta không trái việc như vậy. Ta nhất định dạy họ làm việc này.

Nói lời như vậy rồi, Thế Tôn vì vua Tịnh Phạn giảng giải nghĩa các pháp để cho nhà vua được hoan hỷ, tăng thêm oai lực, khiến nhà vua lại càng hoan hỷ. Khi vua Thâu-đầu-đàn hoan hỷ rồi, rời khỏi chỗ ngồi, đảnh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi từ tạ Thế Tôn trở về hoàng cung.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì nhân duyên này tập hợp chúng Tỳ-kheo và nói:

–Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết, làm con báo ân cha mẹ rất khó. Tại sao? Cha mẹ làm những điều khó làm, giới thiệu cho cuộc đời, nuôi dưỡng các ấm để con ra đời, rồi cho bú mớm, dưỡng dục thành người. Vì vậy các thầy từ nay trở đi, nếu có thiện nam tín nữ nào cầu xin xuất gia, trước phải dạy họ xin phép cha mẹ, rồi sau đó mới cho xuất gia. Nếu cha mẹ họ không đồng ý, thầy nào độ họ xuất gia, thì đúng như pháp mà xử trị. Từ nay về sau Ta lập quy chế như thế này: Hễ người đến cầu xin xuất gia, trước phải hỏi họ: "Cha mẹ người còn hay mất?" Người ấy nếu đáp: "Cha mẹ tôi nay còn sống." Lại hỏi: "Cha mẹ ông đã cho ông xuất gia hay chưa?"

Về việc La-hầu-la, có các thuyết khác nhau:

–Hoặc có thuyết nói như thế này: La-hầu-la sau khi sinh được hai tuổi, Bồ-tát mới xuất gia, tu khổ hạnh sáu năm, sau mới thành đạo.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát sau khi thành đạo bảy năm rồi mới trở về thành Ca-tỳ-la, tuần tự như trên. Thông thường các thuyết nói La-hầu-la xuất gia năm mười lăm tuổi.

Hoặc có thuyết nói: Di mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề thấy Bồ-tát xuất gia, nên ưu sầu khổ não, kêu khóc buồn rầu, mù hai con mắt. Nhưng khi Bồ-tát thành Phật Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau đó mười hai năm, vì Phật muốn thể hiện lòng thương xót quyến thuộc nên mới trở về thành Ca-tỳ-la. Lúc bấy giờ Đại vương Thâu-đầu-đàn đi đầu, với tất cả quyến thuộc trong các cung hộ vệ chung quanh. Như vậy, tất cả chủng tộc họ Thích gồm chín vạn chín ngàn người đồng đến yết kiến Phật.

Bấy giờ Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di đồng ở trong hội này, đi đến chỗ Phật vì muốn gặp được La-hầu-la. Lúc ấy Đức Như Lai cùng lúc hiện hai phép thần thông. Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di được nghe người khác nói lại: "Nay con bà thể hiện thần thông, những thần thông đó là: Nửa phần thân phía trên phóng ánh lửa, nửa phần thân phía dưới phun nước lạnh..." Bà nghe như vậy, hết sức vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân không thể tự chế, nên đi đến chỗ Phật. Đến nơi, cung kính lễ Phật, lấy nước từ thân Phật phun ra, rưới trên mình và rửa mặt.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì thương mến Ma-ha Ba-xà-ba-đề, khiến toàn thân bà cảm giác khoái lạc, đôi mắt mù của bà lập tức sáng tỏ hơn lúc trước, nên đối với Phật càng thêm cung kính. Khi ấy các Tỳ-kheo lại bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn, tại sao ngày nay Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di, trước vì Thế Tôn ưu sầu khổ não, buồn khóc mù hai con mắt. Nay cũng lại nhân Thế Tôn, cặp mắt bà được sáng tỏ?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di chẳng phải chỉ một đời này vì Ta buồn khóc mù hai con mắt; lại cũng vì Ta mà con mắt được sáng tỏ. Ở trong đời quá khứ cũng vì Ta mà buồn khóc mù hai con mắt; sau cũng nhân Ta, mắt được sáng lại.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, việc này như thế nào? Xin Thế Tôn thuật lại!

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 56

Phẩm 56: NHÂN DUYÊN CỦA LA-HẦU-LA (Phần 2)

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Ta nhớ thuở xưa, cách đây rất lâu, gần làng nọ trong nước Ca-thi, có một đồi núi tên là Uất-trưng-già. Phía Nam núi này có một khu rừng nhiều cây, số đến mười vạn loại, hoa quả sum suê, cành lá rậm rạp, từ xa trông thấy như đám mây xanh. Ở trong rừng có rất nhiều hồ sen rải rác đó đây tô điểm khu rừng. Rừng này rộng lớn, hết sức yên tĩnh.

(Có thuyết nói rừng Uất-trưng-già ở thành Ba-la-nại)

Thuở ấy, khu rừng này có bầy voi, một con voi cái sinh chú voi con, hình dáng rất đẹp, nhìn không chán. Chú voi con này làn da trắng nõn, đầy đủ sáu ngà, đầu thuần sắc đen, giống như chim Nhân-đà-la-cù-ba, bảy chi sát đất. Voi con được nuôi dưỡng chẳng bao lâu trở thành một con voi to lớn. Con voi lớn này sống đúng như pháp, hiếu thuận cha mẹ. Mỗi khi voi lớn có được những thức ăn như hoa quả, rễ lá... thì trước hết cung kính cúng dường cho cha mẹ, cha mẹ ăn uống no nê rồi sau đó nó mới ăn.

Một hôm, voi lớn dạo khắp nơi, kiếm thức ăn uống hoa quả. Tình cờ đám thợ săn thấy được, họ suy nghĩ: "Con voi lớn này không phải người thường có thể cỡi được. Chỉ có Đại vương Phạm Đức mới có thể cỡi được mà thôi." Toán thợ săn liền đi đến hoàng cung, nơi bệ rồng, tâu lên vua Phạm Đức: "Tâu Đại vương, xin ngài biết cho, tại một khu rừng ở xứ nọ có một con voi chúa hình dung đẹp đẽ, dễ thương, làn da trắng nõn, đầy đủ sáu ngà, đầu đen như đầu chim Nhân-đà-la-cù-ba, bảy chi sát đất. Theo chỗ nhận thấy của hạ thần, con voi này chỉ có Đại vương cỡi được mà thôi. Nếu như ý của Đại vương muốn thì nên cho người bắt voi đến đó, bắt con voi này dẫn về cho Đại vương xem."

Khi ấy vua Phạm Đức liền đòi người bắt voi đến, bảo: "Trẫm nghe người ta mách bảo: Có một con voi chúa đầy đủ sáu ngà, thân hình đẹp đẽ dễ thương, người xem không biết chán... bảy chi đều sát đất. Các khanh

phải mau đến đó bắt con voi chúa này đem về cho ta, chớ nên chậm trễ khiến nó đi mất."

Những người bắt voi nghe sắc lệnh của vua Phạm Đức như vậy, liền tâu: "Y như lời Đại vương dạy, hạ thần không dám trái lệnh."

Họ liền sắm đủ các dây thừng bằng da rồi đi đến chỗ ở của voi chúa, dùng chú thuật khiến voi chúa đến bên họ. Họ dùng dây da cột lấy voi chúa rồi dẫn về cho vua Phạm Đức.

Đức vua Phạm Đức từ xa thấy các người bắt voi dẫn voi chúa sắp đến nơi, vì lòng vui mừng nên đứng dậy ra tiếp nhận. Nhà vua nói: "Sung sướng thay được thớt voi to lớn tuyệt đẹp như vậy! Sung sướng thay được thớt voi to lớn tuyệt đẹp như vậy!"

Bấy giờ nhà vua đích thân nuôi voi. Tất cả những thức ăn gì voi có thể ăn được, nhà vua đều chăm sóc cho ăn. Tuy vậy mà voi chúa lại gầy ốm, thường gầm thét và rên rỉ, buồn khóc rơi lệ mãi. Đại vương Phạm Đức thấy voi gầy ốm tiều tụy, buồn khóc lệ trào như vậy, nên đi đến trước mặt voi, chắp tay nói: "Ta đem tất cả món ăn ngon cung phụng cho ngươi, không bổ dưỡng da thịt thân thể, ngược lại ốm gầy, sắc lực giảm sút, thân bệnh gầy gò. Ta thấy ngươi như vậy, rất lo lắng chẳng vui. Ta đã đem tâm thương ngươi, cung cấp thức ăn, chăm sóc nuôi dưỡng không chút nào rời, vì lý do gì ngươi không vui vẻ? Nay ngươi muốn những gì, ta đều cho để ngươi được hoan hỷ."

Voi chúa thưa vua Phạm Đức: "Tôi xin trình bày một điều, để Đại vương hoan hỷ."

Khi nhà vua nghe voi chúa nói như vậy, rất hoan hỷ, cho là việc ít có, nghĩ thế này: "Việc này thật hy hữu. Voi chúa này biết nói tiếng người!" Nghĩ vậy rồi, nhà vua bảo: "Này voi chúa, điều mà ngươi cho là ta hoan hỷ, thì ngươi cứ nói ra."

Bấy giờ voi chúa tâu vua Phạm Đức: 'Đại vương phải biết, nơi rừng kia tôi còn có cha mẹ già sức yếu ở trong đó. Tôi nghĩ: Trước khi chưa bị Đại vương bắt về, tôi nhớ chưa từng có khi nào tôi ăn trước rồi cha mẹ ăn sau, nước uống cũng vậy. Tôi dâng cho cha mẹ tôi ăn trước, rồi sau đó tôi mới ăn. Ngày nay tôi suy nghĩ: Tôi đang nhận sự nuôi dưỡng, cung cấp tất cả thức ăn không thiếu hụt, nhưng cha mẹ tôi ở trong rừng trở nên cô độc, chịu nhiều sự đau khổ. Vì không được ở gần cha mẹ nên tôi ưu sầu, khổ não chẳng vui."

Vua Phạm Đức nghe nói như vậy, cho là việc quá đặc biệt, chưa từng có. Vua lại suy nghĩ: "Việc này thật hy hữu, không thể nghĩ bàn! Trong loài

người còn khó có việc như vậy, tại sao voi chúa này lại được như vậy?." Suy nghĩ rồi, nhà vua bảo Tượng vương: "Này voi chúa, ta thà tự giam hãm trong lao ngục, chứ chẳng dám gây nhiễu loạn cho kẻ giữ gìn giới luật diệu hạnh, hiếu dưỡng phụ mẫu đúng theo pháp như vậy."

Vua nói với voi chúa: "Này voi chúa, ta thả ngươi về với cha mẹ, tự đem đồ ăn nuôi dưỡng cha mẹ, tùy ý hưởng lạc."

Khi thả voi, vua có nói kệ:

Voi chúa tự do nay trở về
Đem lòng hiếu thuận nuôi cha mẹ
Ta thà xả bỏ thân mạng này
Với ngươi, ta không gây nhiễu loạn.

Sau khi voi chúa được vua Phạm Đức thả ra, lần lần về đến khu rừng cũ. Thuở ấy voi mẹ vì mất con, ưu sầu khổ não, buồn khóc kêu la thảm thiết, do vậy mù cả đôi mắt. Vì mù đôi mắt, nên voi mẹ từ chỗ ở của mình lần hồi đi khắp đó đây, lạc đến phương khác. Đến khi voi chúa khi trở lại quê nhà, tìm kiếm mẹ mình nhưng không biết ở đâu. Do không thấy mẹ nên voi chúa rống tiếng kêu la. Voi mẹ nghe tiếng kêu như vậy liền biết đó là tiếng của con mình nên rống tiếng khóc buồn thảm. Voi chúa nghe tiếng mẹ kêu, vội vã theo hướng tiếng kêu đi đến. Voi chúa thấy mẹ mình đang đứng nghỉ bên bờ ao. Để mẹ đứng yên trên bờ, voi chúa vào trong ao nước, dùng vòi hút đầy nước rồi lên khỏi ao thân tâm khoan khoái, vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế. Voi chúa đem nước đến, phun nước tắm rửa cho mẹ mình. Khi voi mẹ được voi con đem nước tắm rửa thân thể, đôi mắt bỗng nhiên bừng sáng hơn xưa, voi mẹ trông thấy được con mình mới hỏi: "Con đi đâu ngày nay mới trở về, để suốt thời gian đằng đẵng vừa qua mẹ không thấy con?"

Bấy giờ voi chúa đem đủ mọi việc từ khi vua Phạm Đức cho người bắt đem về hoàng cung, nhân duyên nhà vua chăm sóc, nuôi dưỡng, thả ra, trở về đây... trình bày cho voi mẹ biết. Khi voi mẹ nghe con trình bày như vậy, vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân không thể tự chế, nên nói lớn: "Con ơi! Con ơi, mẹ con chúng ta ngày nay chung sống sung sướng thế này, ta nguyện rằng Đại vương Phạm Đức cùng cha mẹ, vợ con, nam nữ quyến thuộc, cho đến tất cả thân bằng thiện hữu tri thức, trăm quan đại thần, phụ tá... cùng sống hạnh phúc khoái lạc như chúng ta ngày nay."

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nếu các thầy có phân vân voi chúa thuở ấy nay là ai, thì chính là thân Ta vậy. Nếu các thầy có phân vân voi mẹ thuở ấy nay là

người nào, các thầy chớ nghĩ gì khác, tức là Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di này vậy. Các thầy cần phải biết, thuở ấy Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di cũng vì Ta ưu sầu khổ não, kêu khóc thảm thiết, nước mắt tuôn trào, mù đôi mắt. Lại cũng do Ta mà đôi mắt bà sáng lại. Ngày nay cũng vậy, Ma-ha Ba-xà-ba-đề cũng vì không thấy Ta nên ưu sầu khổ não kêu khóc, hai mắt bị mù. Lại cũng do Ta, đôi mắt bà sáng lại.

Này các Tỳ-kheo, thuở xưa còn ở địa vị tu nhân, chưa thành Phật, mà Như Lai còn làm lợi ích cho chúng sinh như vậy, huống nữa là ngày hôm nay thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vậy, các thầy nếu là người có trí, đối với Phật phải luôn luôn có tâm hy hữu và kính trọng. Đối với Pháp bảo và Tăng bảo cũng phải sinh tâm kính trọng. Các thầy phải nương tựa theo đây mà tu học.

□

Phẩm 57: NHÂN DUYÊN NAN-ĐÀ XUẤT GIA (Phần 1)

Một hôm, Đức Thế Tôn giáo hóa Thích tử Nan-đà xả tục xuất gia, nói về nhân duyên xuất gia, lại cũng ca ngợi nhân duyên xuất gia. Ngài nói:

–Này Nan-đà, lại đây! Ông nên đi xuất gia.

Nghe Đức Phật nói lời này rồi, Thích tử Nan-đà bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con không xuất gia. Lý do tại sao? Vì con nguyện trọn đời đem bốn thứ y phục, đồ nằm, thức ăn uống và thuốc thang cúng dường cho Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo.

Đức Thế Tôn lại giáo hóa Nan-đà bằng cách tán thán công đức xả tục xuất gia..., thường nói nhân duyên xuất gia và cho đến dùng lời tán thán khuyên xuất gia.

Như vậy, đến lần thứ hai, lần thứ ba, mà Nan-đà không chịu xuất gia, vẫn nói:

–Con trọn đời đem bốn thứ y phục, đồ nằm, thức ăn uống và thuốc thang cúng dường cho Thế Tôn và đại chúng Tỳ-kheo.

Sau đó một thời gian ngắn, Đức Thế Tôn sau khi thọ trai xong đem theo một thị giả, đi từ từ hướng về cung điện của Thích tử Nan-đà. Lúc ấy đồng tử Nan-đà cùng nàng Tôn-đà-lợi dạo chơi, ngồi trên lầu ngắm cảnh. Nan-đà ở trên lầu, xa xa trông thấy Thế Tôn hướng về cung điện mình, nên vội vã đứng dậy, xuống lầu nghinh tiếp Thế Tôn. Đến nơi, Nan-đà đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đứng về một bên và bạch Phật:

–Hay thay! Bạch Thế Tôn, Ngài từ phương xa nào đến đây? Cúi xin Thế Tôn rủ lòng vào nhà con, an tọa trên chỗ ngồi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vào cung điện Nan-đà, ngồi trên tòa, an ủi ủy dụ Nan-đà. Ủy dụ xong, Ngài ngồi im lặng. Nan-đà bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, cúi xin Ngài thọ sự cúng dường trai phạn. Con sẽ cho người sửa soạn đủ thức ăn sơn hào hải vị.

Đức Phật bảo Nan-đà:

–Ta thọ trai rồi, không nên dọn thức ăn nữa.

Đồng tử Nan-đà lại bạch Phật:

–Con có ít mật phi thời, Ngài có dùng được chăng?

Đức Phật bảo Nan-đà:

–Tùy ý đồng tử.

Nan-đà bạch Phật:

–Dạ vâng, bạch Thế Tôn.

Nan-đà bưng bát mật phi thời dâng cho Thế Tôn. Thế Tôn lúc ấy không chịu tiếp lấy bát mật. Đồng tử Nan-đà lại đem bát mật trao cho thị giả của Đức Phật, nhưng vị thị giả cũng không tiếp lấy. Đức Thế Tôn cùng vị thị giả đứng dậy trở về rừng Ni-câu-đà, đồng tử Nan-đà cũng từ trên lầu bưng bát mật đi theo sau Phật.

Bấy giờ nàng Thích nữ Tôn-đà-lợi đang chải đầu, thấy Nan-đà bưng bát mật đầy đi theo sau Phật, nàng vội cao giọng vọng gọi:

–Nan-đà ơi, Thánh tử muốn đi đâu đó?

Nan-đà tay chỉ vào bát mật mà nói:

–Đem bát mật này đến dâng cúng cho Đức Phật. Đến đó rồi, anh về liền.

Tôn-đà-lợi nói:

–Thánh tử mau về, không nên ở lâu bên đó.

Khi Đức Thế Tôn ra khỏi cung điện, Ngài vì Nan-đà nên đi khắp đó đây trên những ngã đường. Ý Phật là muốn tất cả dân chúng trong thành thấy Nan-đà bưng bát mật phi thời đi sau Như Lai.

Bấy giờ dân chúng thấy việc như vậy, đều nói với nhau: “Ngày nay Đức Thế Tôn đã quyết định khiến Nan-đà xả tục xuất gia.”

Khi về đến tự viện, Ngài đưa tay ra hiệu bảo một Tỳ-kheo đến tiếp lấy bát mật trong tay Nan-đà. Khi ấy vị Tỳ-kheo hiểu được ý Đức Phật, liền nhận bát mật từ tay Nan-đà. Lúc bấy giờ Nan-đà đảnh lễ dưới chân Phật và thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con xin từ giã, muốn trở về nhà.

Đức Phật bảo Nan-đà:

–Ông không nên trở về.

Nan-đà lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con suy nghĩ không muốn xuất gia. Tại sao? Vì con nguyện trọn đời đem bốn việc cúng dường cho Phật và chúng Tỳ-kheo.

Đức Thế Tôn lại bảo Nan-đà:

–Cõi Diêm-phù-đề này, bề dọc rộng bảy ngàn do-tuần, hướng Bắc rộng rãi, hướng Nam chật hẹp, giống như thùng xe. Ví dụ trong đó chứa đầy chư vị La-hán nhiều như mía lau, mè, lúa... Có thiện nam hay thiện nữ nào trọn đời đem bốn sự cúng dường cho những vị La-hán này. Sau khi các vị La-hán này nhập Niết-bàn, họ lại xây tháp thờ xá-lợi, ở trên mỗi tháp trang trí phướn lọng và bảo linh, lại dùng hương hoa, đèn dầu... để cúng dường, ông nghĩ thế nào? Công đức của người thiện nam hay thiện nữ ấy có nhiều không?

Nan-đà đáp:

–Phước ấy rất nhiều.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại bảo Nan-đà:

–Nếu có người trọn đời đem bốn sự…, hoa hương, dầu, đèn... cúng dường chư vị La-hán trong cõi Diêm-phù-đề như trên. Nếu có người cúng dường một Đức Phật, thì quả báo cúng dường một Đức Phật hơn công đức cúng dường các vị La-hán ở trước.

Lại nữa, này Nan-đà, nếu người nào có thể vào trong giáo pháp của Phật, xuất gia chỉ được một ngày một đêm, tu hành phạm hạnh thanh tịnh, thì quả báo của người này hơn quả báo của người cúng dường Phật. Do vậy Nan-đà nên quyết định xuất gia, chớ nên tham hưởng thú vui ngũ dục ở đời.

Lại nữa, này Nan-đà, các dục lạc thú vị ít, đau khổ lại nhiều. Dục lạc vô thường nên đáng xa lìa. Dục lạc là gốc của đại khổ, là ung nhọt lớn, là gai nhọn độc, là sự ràng buộc của ách nạn lớn, là đại khổ não, là tướng tổn giảm, là tướng phá hoại, vô thường, không đứng yên, không kiên cố, nguy hiểm, dễ tan vỡ, nhiều sự sợ sệt, là khổ, là không, là không có tự chủ. Ông nay cần phải quán sát tội lỗi đau khổ của ngũ dục như vậy.

Này Nan-đà, ông đã tư duy rõ ràng về tội lỗi đau khổ của ngũ dục, thì chớ nên tham đắm.

Được nghe Thế Tôn nói những tội lỗi đau khổ của ngũ dục như vậy, trong tâm Nan-đà tuy không thích xuất gia, nhưng vì kính nể Đức Phật nên ông cúi đầu bái lạy, bạch Thế Tôn:

–Con sẽ xuất gia.

Thế Tôn đang đi kinh hành, liền đưa tay ra hiệu vẫy một Tỳ-kheo đến và bảo:

–Thầy hãy kêu một thợ cạo tóc đến đây.

Bấy giờ vị Tỳ-kheo này liền kêu một thợ cạo tóc ở trong chúng đến trước mặt Nan-đà. Khi người này cầm dao cạo, sắp sửa cạo tóc cho Nan-đà. Thì Nan-đà nắm tay đưa trước mặt thợ cạo và nói:

–Ngươi có oai đức gì mà dám cạo đầu ta?

Bấy giờ Đức Thế Tôn chánh ý chánh niệm bảo Nan-đà:

–Tỳ-kheo hãy đến đây! Ở trong pháp của Ta tu phạm hạnh, vì để dứt sạch các khổ.

Khi Đức Như Lai nói lời như vậy xong, râu tóc của Nan-đà liền tự rụng, giống như vị Tỳ-kheo vừa cạo râu tóc cách đây bảy ngày, thân tự nhiên đắp ca-sa, tay bưng bình bát đúng như pháp, liền được xuất gia thọ giới Cụ túc, thành vị Trưởng lão.

Nan-đà cũng có ba mươi tướng tốt không thiếu, thân thể sắc vàng nhưng thấp hơn Đức Phật bốn ngón tay, tuấn tú dễ thương, người trông không chán. Nan-đà sắm ca-sa giống như y của Phật, may rồi dùng mặc. Có Tỳ-kheo từ xa trông thấy Nan-đà đi đến, đều lầm tưởng là Phật, nên đứng dậy nghinh tiếp. Khi đến nơi mới biết chẳng phải Phật, họ trở lại chỗ ngồi. Vì lý do này các Tỳ-kheo chê trách, suy nghĩ: "Tại sao Trưởng lão Nan-đà sắm y giống như Phật mà dùng!."

Các Tỳ-kheo này đến bạch Đức Phật. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì nhân duyên này, lập tức triệu tập đại chúng. Ngài hỏi Nan-đà:

–Thầy có may y Tăng-già-lê rộng bằng y của Phật mà dùng hay không?

Bấy giờ Nan-đà đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, việc này sự thật là như vậy.

Đức Phật bảo Nan-đà:

–Như vậy là không đúng pháp. Tại sao thầy mặc y Tăng-già-lê rộng như y của Phật vậy?

Đức Thế Tôn răn dạy, quở trách Nan-đà như vậy rồi tuyên bố với chúng Tỳ-kheo:

–Từ nay trở về sau, các thầy không được may y rộng như y của Phật mà mặc. Nếu ai vi phạm thì như pháp mà trị tội.

Bấy giờ Nan-đà suy nghĩ: "Thế Tôn cấm hẳn không cho phép Tỳ-kheo dùng y rộng dài như Phật. Y của ta phải giặt ủi cho bóng láng để mặc." Nan-đà liền ủi y bóng láng mà dùng, rồi lấy thuốc tô điểm đôi mắt và kẻ mi, trang điểm thân hình, chân mang giày da, tay phải bưng bát, tay trái cầm dù, đi đến bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con muốn vào làng để khất thực.

Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Thầy chẳng phải có tâm chánh tín xả tục xuất gia hay sao?

Nan-đà đáp:

–Đúng như lời Thế Tôn nói, sự thật là như vậy.

Đức Thế Tôn lại bảo Nan-đà:

–Thầy đã là kẻ thiện nam chánh tín, xả tục xuất gia. Tại sao ủi y phục bóng láng mà mặc? Lại vì việc gì trang điểm thân thể, dùng thuốc tô điểm đôi mắt, kẻ mày, chân mang giầy da, một tay bưng bát, một tay cầm dù, muốn đi khất thực? Lại nữa, này Nan-đà, nếu như thầy ở chỗ vắng vẻ, đi khất thực để sống mặc y phấn tảo, như vậy mới là điều tốt.

Đức Thế Tôn vì sự việc này nói kệ:

Khi nào Ta thấy được Nan-đà
Ở nơi vắng lặng thường khất thực
Tri túc thiểu dục dùng vật bỏ
Lại thích xa lìa các tướng dục?

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì sự việc này, tập họp chúng Tỳ-kheo và tuyên bố:

–Này các thầy, từ nay trở về sau, không được giặt ủi y bóng láng mà dùng. Nếu thầy nào mặc y bóng láng, sẽ y như pháp mà trị tội. Lại nữa, các thầy không được dùng thuốc tô điểm đôi mắt, kẻ mày và mang giầy da tốt. Lại cũng không được cầm bát mỏng, đẹp và cũng không được cầm dù đi vào thành, xóm làng khất thực. Nếu Tỳ-kheo nào phạm những điều như vậy, thì y như pháp mà trị.

Bấy giờ Nan-đà tuy bị Thế Tôn cấm hẳn các việc ủi y bóng láng, không được dùng thuốc tô mắt, kẻ mày, không được mang giầy da tốt, không được dùng bát mỏng, đẹp và không được mang dù. Nhưng vẫn còn nghĩ đến thế lực và thú vui của cuộc đời vua chúa, không chịu tuân theo giới cấm, lại mơ tưởng nàng Thích nữ Tôn-đà-lợi, nghĩ đến sắc dục, không

tu tập phạm hạnh, ý muốn xả giới hoàn tục. Vì lý do này, Nan-đà thường vẽ tượng nàng Tôn-đà-lợi.

Vào một hôm, Nan-đà đi đến chỗ vắng vẻ, lấy đất sét hay tấm ván vẽ hình Thích nữ Tôn-đà-lợi, ngắm nhìn cả ngày. Có Tỳ-kheo khác thấy được, sinh tâm chê trách, nói với Nan-đà:

–Tại sao Trưởng lão ở nơi vắng vẻ, lấy đất sét hay ván vẽ hình phụ nữ rồi ngắm nhìn trọn ngày như vậy?

Bấy giờ các Tỳ-kheo đem việc này bạch với Đức Phật. Đức Thế Tôn vì nhân duyên này triệu tập các Tỳ-kheo. Ở trong chúng, Ngài hỏi Nan-đà:

–Thật sự thầy có ở chỗ vắng vẻ dùng đất sét hay ván vẽ hình phụ nữ rồi ngắm nhìn trọn ngày không?

Nan-đà bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, thật sự là như vậy.

Bấy giờ Đức Phật bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Thầy làm việc như vậy là tốt chăng? Ôi, kẻ xuất gia làm Tỳ-kheo đâu được vẽ hình phụ nữ để ngắm nghía!

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy Tỳ-kheo, từ nay trở đi, các thầy không được vẽ hình phụ nữ, dầu là hình của người có thật hay là hình người do mình tưởng tượng. Do vì tâm dục, vẽ rồi ngắm nhìn. Nếu có thầy nào vẽ hình phụ nữ mà ngắm nhìn, thì mắc tội trái với giới luật.

Vào một lúc khác, Trưởng lão Nan-đà theo thứ lớp đến ngày trực trông coi tu viện. Nan-đà nghĩ thế này: "Như Lai chẳng bao lâu sẽ vào thành khất thực. Hôm nay ta trở về hoàng cung." Khi ấy biết được tâm niệm Nan-đà, Thế Tôn gọi Trưởng lão Nan-đà đến và bảo:

–Này Nan-đà, nếu thầy muốn đi thì đóng các cửa phòng lại rồi mới đi.

Thế Tôn nói như vậy rồi, liền đi vào xóm làng khất thực. Trưởng lão Nan-đà suy nghĩ: "Thế Tôn đã đi vào làng khất thực rồi, ta sẽ được trở về nhà."

Khi ấy Nan-đà thấy cửa phòng Thế Tôn bỏ trống, nên nghĩ: "Ta đóng cửa phòng của Đức Thế Tôn, rồi sau đó mới trở về nhà."

Cửa phòng của Thế Tôn đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Xá-lợi-phất chưa đóng, Nan-đà liền đi đến đóng cửa phòng của ngài Xá-lợi-phất. Cửa phòng của Xá-lợi-phất đóng rồi, lại thấy cửa phòng của Mục-kiền-liên bỏ trống. Nan-đà vội đi đến đóng cửa phòng của Mục-kiền-

liên. Cửa phòng của Mục-kiền-liên đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Đại Ca-diếp bỏ trống. Nan-đà vội đi đến đóng cửa phòng của ngài Đại Ca-diếp. Cửa phòng của Đại Ca-diếp đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Đại Ca-chiên-diên bỏ trống. Nan-đà vội đi đến đóng cửa phòng của ngài Đại Ca-chiên-diên. Cửa phòng của Đại Ca-chiên-diên đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp bỏ trống. Nan-đà vội đi đến đóng cửa phòng của ngài Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Cửa phòng của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Na-đề Ca-diếp bỏ trống. Nan-đà vội đi đến đóng cửa phòng của ngài Na-đề Ca-diếp. Cửa phòng của Na-đề Ca-diếp đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Già-da Ca-diếp bỏ trống. Nan-đà vội đi đến đóng cửa phòng của ngài Già-da Ca-diếp. Cửa phòng của Già-da Ca-diếp đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Ưu-ba-tư-na bỏ trống... Cửa phòng của Ưu-ba-tư-na đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Câu-hy-la bỏ trống... Cửa phòng của Câu-hy-la đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Ma-ha Chiên-đà bỏ trống... Cửa phòng của Ma-ha Chiên-đà đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Lợi-ba-đa bỏ trống... Cửa phòng của Lợi-ba-đa đóng rồi, lại thấy cửa phòng của ngài Ưu-ba-ly-ba-đa bỏ trống...

Cứ tuần tự như vậy, cửa thứ nhất đóng, cửa thứ hai bỏ trống, cửa thứ ba đóng rồi thì cửa thứ tư bỏ trống. Nan-đà thấy đóng một cửa thì một cửa bỏ trống, nên nghĩ thế này: "Ta tội lỗi gì mà các Tỳ-kheo hành ta như vậy! Dầu là cửa đóng hay bỏ trống, ta sẽ bỏ đi về nhà, vì e rằng chẳng bao lâu nữa Thế Tôn trở về." Nghĩ như vậy rồi, ông liền từ rừng Ni-câu-đà sắp sửa ra về.

Khi ấy Đức Thế Tôn bằng Thiên nhãn xem thấy, biết ý Nan-đà muốn rời khỏi khu rừng Ni-câu-đà. Như Lai thấy vậy liền ẩn thân nơi thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, lập tức xuất hiện nơi rừng Ni-câu-đà. Khi ấy Nan-đà thấy Đức Phật có mặt trong rừng, liền vội ngồi núp dưới thân cây Ni-câu-đà lớn. Lúc ấy Đức Thế Tôn dùng sức thần thông đưa vị đại thọ này lên hư không. Đức Phật thấy Nan-đà ngồi núp dưới gốc cây, Ngài hỏi:

–Này Nan-đà, hôm nay thầy muốn đi về đâu?

Nan-đà đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, ngày nay con nhớ lại sự tự do khoái lạc của vương vị và lại nhớ Thích nữ Tôn-đà-lợi. Do vậy, chẳng thích tu phạm hạnh, ý muốn xả giới hoàn tục.

Nhân đây Đức Phật nói kệ:

Muốn ra khỏi rừng đã ra khỏi

Ra khỏi rừng rồi lại vào rừng
Thầy hãy quán sát người như vậy
Ra khỏi trói buộc, lại trói buộc.

Đức Thế Tôn vì Nan-đà nói kệ như vậy rồi, lại khuyên:

–Này Trưởng lão Nan-đà, thầy ở trong giáo pháp của Ta, phải phát tâm siêng năng tinh tấn, tu các phạm hạnh để diệt trừ các đau khổ.

Đức Thế Tôn đã giáo hóa Nan-đà như vậy nhưng Nan-đà vẫn không quên lạc thú về ngũ dục ngày trước và sự khoái lạc thỏa thích của vương vị, vẫn còn mơ tưởng nàng Tôn-đà-lợi, không thích chánh pháp tu theo phạm hạnh, muốn xả giới trở về hoàng cung.

Vào một hôm, có vị đại trưởng giả thỉnh Đức Phật cúng dường trai phạn. Hôm ấy cũng nhằm phiên Nan-đà giữ Già-lam. Lúc ấy Nan-đà suy nghĩ: "Thế Tôn nhận lời mời của trưởng giả. Khi Ngài vào làng thọ trai, thì ta sẽ trở về hoàng cung."

Biết tâm niệm của Nan-đà nên Đức Thế Tôn bảo:

–Này Nan-đà, nay thầy phải biết đến lúc rưới nước quét dọn vườn chùa và phải lấy đầy nước những bồn rửa của Tỳ-kheo.

Nói như vậy rồi, Đức Phật đi vào xóm làng để chứng trai theo lời mời trước.

Lúc ấy Trưởng lão Nan-đà suy nghĩ: "Thế Tôn nhận lời thỉnh, đi vào làng dự hội. Ta có thể tự do về nhà." Nan-đà nghĩ như vậy, thấy trước phòng Như Lai nhiều đất dơ bẩn nên lại suy nghĩ: "Ta trước tiên đến quét dọn phẩn uế rồi sau đó trở về hoàng cung."

Nghĩ như vậy rồi, Nan-đà cầm chổi quét dọn trước phòng của Như Lai. Khi Nan-đà quét dọn bên này thì gió thổi cỏ rác tấp phủ nửa bên kia, nên phải quét trở lại. Bấy giờ Nan-đà nghĩ: "Ta thôi quét dọn, trước phải lấy đầy nước tất cả bồn rửa của chúng Tăng, sau mới quét sân."

Nghĩ như vậy rồi, Nan-đà đem tất cả bồn rửa của chúng Tăng đến giếng lấy đầy nước. Khi những bồn đã đựng đầy nước thì bị lật úp. Khi ấy Nan-đà lại nghĩ: "Ta làm sao quét sạch và lấy nước đầy các bồn được, như Lai không bao lâu sẽ trở về, ta nên mau mau trở về hoàng cung." Nghĩ như vậy rồi, Nan-đà liền từ rừng Ni-câu-đà sắp trở về hoàng cung.

Bấy giờ Đức Thế Tôn đang thọ trai tại nhà trưởng giả, Ngài dùng Thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt loài người, xem thấy Nan-đà đang từ rừng Ni-câu-đà sắp đi về nhà. Thấy vậy rồi, Ngài hóa một thân khác, từ nhà

trưởng giả trong nháy mắt hiện ở rừng Ni-câu-đà, đứng trước mặt Trưởng lão Nan-đà.

Lúc ấy Nan-đà ở xa trông thấy Thế Tôn sắp đến gần mình, liền trèo lên bờ gộp cao lớn, rồi trèo xuống ngồi núp mình trong eo trũng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng sức thần thông biến bờ núi cao kia thành vùng đất bằng phẳng như bàn tay, Ngài thấy Nan-đà ngồi như vậy, mới bảo:

–Thầy ngồi ở đây để làm gì?

Nan-đà bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, con đã hứa với nàng Tôn-đà-lợi là con sẽ trở về nhà. Nay con nghĩ rằng không nên để mình trở thành kẻ nói dối. Do vậy, con muốn trở về nhà.

Đức Phật bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Thầy cần gì phải gặp Tôn-đà-lợi, thân nàng như da gói lấy xương, bên trong chứa đầy các thứ tủy, não, máu, mủ, phẩn tiểu, giống như hố xí, thật đáng ghê tởm! Thầy cần phải xa lìa.

Này Nan-đà, Ta nói đại khái, mỗi một chúng sinh cùng với vợ mình chung sống tiết ra đồ bất tịnh nhiều hơn nước biển cả, mà cũng không biết lấy làm đủ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì nhân duyên này, nói kệ:

Muốn ra khỏi rừng, đã ra khỏi
Ra khỏi rừng rồi, lại vào rừng
Thầy hãy quan sát người như vậy
Ra khỏi trói buộc, lại trói buộc.

Bấy giờ Đức Thế Tôn giáo hóa Nan-đà, Ngài dạy:

–Này Nan-đà, thầy đang ở trong giáo pháp của Ta, tự do vui vẻ tu phạm hạnh thanh tịnh, là do muốn dứt tất cả khổ.

Lúc ấy Nan-đà tuy được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện giáo hóa như vậy mà vẫn không ưa thích tu phạm hạnh nên cùng với Lục quần Tỳ-kheo kết làm bè bạn, thường lui tới bàn luận, từ sáng đến tối nói toàn chuyện tà mạng xấu xa.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy Nan-đà làm việc như vậy, nên suy nghĩ: "Ngày nay Nan-đà đã học theo đám Lục quần Tỳ-kheo, sợ tổn hại công đức hạnh nghiệp. Ta nên cắt đứt không cho Nan-đà giao du với họ."

Ngài nghĩ như vậy rồi, liền bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Này Nan-đà, thầy đến đây, Ta cùng thầy đi vào thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô.

Nan-đà bạch Phật:

–Dạ vâng, như lời Thế Tôn dạy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Nan-đà đi vào thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, lần lần đi đến cửa hàng bán cá. Khi ấy Thế Tôn thấy có đến trăm con cá hôi thối trải trên tấm chiếu cỏ tại gian hàng. Thấy rồi, Ngài bảo Nan-đà:

–Nan-đà lại đây, thầy hãy cầm một cọng chiếu cỏ phơi cá.

Nan-đà trả lời:

–Bạch Đức Thế Tôn, con sẽ làm như lời Ngài dạy.

Nói lời ấy rồi, Nan-đà liền rút một cọng cỏ hôi tanh dưới tấm chiếu phơi cá nơi gian hàng. Khi Nan-đà cầm cọng cỏ tranh nơi tay rồi, Đức Phật lại bảo:

–Thầy cầm một lát rồi ném xuống đất.

Nan-đà bạch Phật:

–Y như lời Thế Tôn dạy.

Khi ấy Nan-đà nắm cọng cỏ tranh hôi tanh đứng trong thời gian ngắn, rồi ném xuống đất. Lúc ấy Đức Phật lại bảo Nan-đà:

–Thầy hãy ngửi tay của thầy.

Nan-đà liền ngửi bàn tay mình. Đức Phật lại hỏi:

–Này Nan-đà, thầy thấy bàn tay có mùi gì?

Trưởng lão Nan-đà đáp:

–Thưa Thế Tôn, chỉ có một mùi hôi thối bất tịnh.

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 57

Phẩm 57: NHÂN DUYÊN NAN-ĐÀ (Phần 2)

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Người nào gần gũi bạn xấu, cùng với họ kết làm bạn bè, giao du với nhau thì tuy kết bạn trong thời gian ngắn, sau do huân tập việc xấu, khiến cho tiếng xấu đồn xa.

Đức Thế Tôn nhân việc này mà nói kệ:

Từ tấm chiếu cỏ để phơi cá
Dùng tay rút lấy cọng cỏ lát
Tay người bị thối mùi cá chết
Gần gũi bạn xấu cũng như vậy!

Rồi một hôm, Đức Thế Tôn cùng Trưởng lão Nan-đà đồng đi đến hàng bán hương liệu, thấy nhiều túi hương ở nơi gian hàng. Thấy vậy, Ngài bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Này Nan-đà, thầy hãy cầm lấy túi hương nơi gian hàng này.

Nan-đà y theo lời Phật dạy, cầm lấy các túi hương nơi cửa hàng.

Đức Phật lại bảo Nan-đà:

–Thầy cầm túi hương này trong chốc lát rồi để nó xuống.

Nan-đà nghe Đức Phật bảo như vậy, đưa tay cầm lấy túi hương trong phút chốc rồi để xuống. Đức Phật lại bảo Nan-đà:

–Thầy hãy ngửi bàn tay thầy.

Nghe Đức Phật bảo, Nan-đà liền ngửi bàn tay mình. Đức Phật hỏi Nan-đà:

–Thầy ngửi bàn tay thấy có mùi gì?

Nan-đà đáp:

–Bạch Đức Thế Tôn, bàn tay có mùi thơm dễ chịu vô cùng.

Đức Phật bảo Nan-đà:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu người gần gũi bạn tốt, thường từng sống chung với hạng người này, nhờ đó mà được ảnh hưởng. Do gần gũi với nhau, tiếng tốt nhất định sẽ vang lừng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhân đây mà nói kệ:

Tay ai cầm lấy hương trầm thủy
Hoắc hương, xạ hương, các thứ hương
Cầm hương chốc lát người cũng thơm
Gần gũi bạn lành cũng như vậy.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ra khỏi thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, về đến rừng Ni-câu-đà. Vì lý do này, Đức Phật tập hợp chúng Tỳ-kheo, bảo Nan-đà:

–Này Nan-đà, thầy đừng gần gũi lục quần Tỳ-kheo, không nên cùng với họ kết làm bạn bè. Vì sao? Người nào gần gũi bạn xấu như vậy, hoặc kết làm bạn bè, thì cùng làm việc với nhau, hoặc theo họ làm tất cả các sự việc xấu. Nếu gần gũi các người xấu thì tiếng xấu sẽ đồn khắp trong thế gian.

Này Nan-đà, nếu muốn tìm bạn thân tốt thì thầy nên gần gũi các Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ca-chiên-diên, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Ưu-ba-tư-na, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Tôn-đà, Ly-bà-đa... Ta khuyên thầy nên gần gũi, tùy thuận và phục vụ các Tỳ-kheo ấy. Tại sao? Nếu gần gũi bạn tốt, thân thiện phục vụ, thì tuy chưa chứng được sự lợi ích, nhưng giao du với nhau thì tiếng tốt sẽ được đồn khắp trong thế gian.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhân đây nói kệ:

Người nào gần gũi với bạn xấu
Hiện tại không được nghe tiếng khen
Bởi vì gần gũi với bạn xấu
Tương lai sẽ đọa ngục A-tỳ.
Nếu người gần gũi với bạn tốt
Tùy thuận theo họ việc làm việc thiện
Tuy chưa chứng đắc lợi thế gian
Nhưng trong tương lai sẽ hết khổ.

Tuy được Thế Tôn dùng lời tốt đẹp giáo hóa, nhưng Nan-đà vẫn tham luyến thú vui phóng dật nơi vương triều, mơ tưởng dục lạc nơi nàng Tôn-đà-lợi, đối với Phật pháp không ưa thích, muốn bỏ phạm hạnh, xả giới hoàn tục.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết tâm niệm Nan-đà như vậy, Ngài nghĩ: "Nan-đà này phiền não quá mạnh, không thể giáo hóa bằng cách bình

thường mà phá được phiền não ấy. Ta phải dùng phương tiện giống như người đời: Dùng lửa diệt lửa, dùng độc trị độc."

Đức Thế Tôn nghĩ như vậy rồi, dùng thần lực nắm tay Nan-đà, ẩn thân khỏi rừng Ni-câu-đà, xuất hiện đứng trên đỉnh núi Hương túy. Bấy giờ ở núi này, do gió thổi hai cây cọ sát nhau, phát ra lửa đốt cháy khu rừng, tỏa ra khói lửa rất nóng. Trong núi này có nhiều khỉ vượn số đến năm trăm con, chúng bị lửa đốt cháy lông, nằm lăn thân trên đất để tắt lửa.

Lúc ấy Đức Thế Tôn thấy ở trong đàn vượn có một con vượn cái mù đôi mắt lấy tay phủi lửa trên thân, nên bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Thầy có thấy con vượn cái mù mắt, ở trong đàn vượn, đang dùng tay phủi lửa trên thân không?

Nan-đà bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con đang thấy việc ấy.

Đức Thế Tôn lại bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Ý thầy nghĩ thế nào? Nàng Tôn-đà-lợi nhan sắc kiều diễm dễ thương, so với con vượn cái già này, ai đẹp hơn?

Nan-đà hướng về Thế Tôn xịu mặt im lặng không trả lời. Đức Thế Tôn lại nắm tay Nan-đà, ẩn thân nơi núi Hương túy, đi đến cõi trời Ba mươi ba, đứng dưới cây Ba-lợi-chất-đa. Dưới gốc cây này có một tảng đá lớn tên là Bà-nô-câm-ma-la *(nhà Tùy dịch là Huỳnh hạt)*. Khi ấy vua Đế Thích đang đi du ngoạn trong vườn Y-ca-phân-đà-lợi cùng với năm trăm cung nhân thể nữ, ca nhạc hầu hạ xung quanh.

Thấy vua Đế Thích nơi hoa viên Y-ca-phân-đà-lợi có đem theo năm trăm thể nữ, đang vui chơi ca nhạc, Đức Thế Tôn bảo Nan-đà:

–Thầy có thấy năm trăm thể nữ dạo chơi, ca múa, xướng hát hay không?

Nan-đà bạch Đức Thế Tôn:

–Nay con có thấy.

Đức Thế Tôn lại bảo Nan-đà:

–Ý thầy nghĩ thế nào? Nàng Thích nữ Tôn-đà-lợi đẹp hay là năm trăm thể nữ này đẹp?

Trưởng lão Nan-đà bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, nếu đem con vượn cái già mù mắt so với Tôn-đà-lợi thì không bằng một phần trăm, cho đến một phần ngàn, cho đến một phần trăm ngàn, hay dùng toán số thế gian cũng không thể so sánh được. Nếu đem nàng Tôn-đà-lợi so với năm trăm thể nữ này thì gấp trăm lần, gấp ngàn

lần cũng không bằng, cho đến gấp trăm ngàn lần, hay toán số thế gian cũng không thể so sánh được. Con không thể làm cách nào so sánh được.

Đức Phật lại bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Thầy có thích cùng với các thể nữ này vui chơi không?

Nan-đà vui mừng hớn hở bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, ý con thật muốn cùng với năm trăm thể nữ này vui chơi hoan lạc.

Đức Phật lại bảo Nan-đà:

–Thầy không thể dùng thân phàm để cùng các Thiên nữ hưởng lạc. Nếu muốn vậy, thầy phải hoan hỷ ở trong pháp của Ta tu phạm hạnh. Ta sẽ cho thầy biết: Ngày nay nếu thầy tùy thuận theo pháp của Ta, tu hành thanh tịnh, sau khi qua đời, vào đời sau quyết định sẽ thọ báo thân sinh ở cõi này, cùng với năm trăm Thiên nữ vui chơi, hưởng lạc.

Nan-đà nghe Đức Phật dạy như vậy, vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế, bạch Phật:

–Con xin từ nay trở đi, ở trong giáo pháp của Đức Phật ham thích tu phạm hạnh thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, con ngày nay đã có báo thân này, con thật sự muốn vào đời vị lai sinh nơi thế giới này để cùng với năm trăm Thiên nữ ấy hưởng lạc.

Đức Thế Tôn nắm lấy tay Trưởng lão Nan-đà biến mất nơi cõi trời Ba mươi ba, trở về rừng Ni-câu-đà. Khi ấy Nan-đà nghĩ thế này: "Đức Thế Tôn đã hứa cho ta ở đời vị lai cùng năm trăm Thiên nữ kia thọ hưởng thú vui." Vì vậy, Nan-đà đem hết thân tâm chánh niệm tu phạm hạnh thanh tịnh, điều phục các căn, tiết chế ăn uống, đầu hôm cuối hôm tụng kinh hành thiền, dũng mãnh tinh tấn, không cùng với người khác đàm luận giỡn cười, tâm không rộn ràng dao động, miệng không nói lời thêu dệt, phát hạnh tinh tấn, giữ bốn oai nghi, ưa ở chỗ vắng lặng, điều phục các căn, thành tựu chánh niệm vi diệu tối thắng.

Thuở ấy Nan-đà muốn quán phương Đông, thân tâm an định, ý chí dũng mãnh, đã được chánh niệm rồi mới bắt đầu quán phương Đông. Trong khi quán như vậy không có sầu não, không có tối tăm, với các pháp bất thiện luôn luôn quán sát không bị rơi vào, cũng không bị mê hoặc.

Khi muốn quán phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên, phương dưới, thân tâm cũng an định, ý chí dũng mãnh. Khi quán các phương cũng không bị sầu não, tối tăm, đối với các pháp bất thiện luôn luôn quán sát không bị rơi vào, cũng không mê hoặc như trên.

Bấy giờ có các Tỳ-kheo đồng tu với Nan-đà nói:

–Này Trưởng lão Nan-đà, tại sao trước kia Trưởng lão không thúc liễm các căn, đối với sự ăn uống không biết tiết chế, thường tìm cầu đồ ngủ: giường nằm, mền nệm tuyệt hảo, ngủ nghỉ li bì không biết nhàm chán, hoặc có khi thì cười cợt vui đùa, tâm ý không an định, ăn nói ngang trái thêu dệt, chưa từng biết tinh cần, luôn luôn giải đãi, cũng không có chánh niệm, phần nhiều xao lãng, đánh mất oai nghi, không có thiền định, không được nhiếp tâm, các căn phóng dật... không thể kể xiết. Mà ngày nay Trưởng lão điều phục các căn, ăn uống tiết lượng, đầu hôm cuối hôm không từng ngủ nghỉ, lại không ngông nghênh, thúc liễm thân tâm, lại không nói thêm bớt, tinh tấn dũng mãnh, chánh niệm siêng năng, đã được thiền định, tâm không phóng dật, các căn không buông lung... ngày nay vì sao Trưởng lão được như vậy?

Bấy giờ Nan-đà thưa các Tỳ-kheo:

–Này các vị Trưởng lão, các vị phải biết, Đức Thế Tôn nói với ta rằng nếu muốn đời sau sống chung với năm trăm Thiên nữ đẹp ở cõi trời Ba mươi ba vui chơi hoan lạc thì nên siêng năng tu phạm hạnh trong giáo pháp của Ngài.

Bấy giờ các Tỳ-kheo thân hữu đồng hành của Nan-đà nhạo cười chế diễu, nói với nhau:

–Trưởng lão Nan-đà ra sức làm thuê cho Thế Tôn, ở trong giáo pháp của Ngài siêng năng tu phạm hạnh để mưu cầu quả báo tương lai. Sở dĩ Nan-đà ở trong giáo pháp của Phật tu phạm hạnh chỉ vì mưu cầu đời tương lai sống chung với năm trăm Thiên nữ đẹp mà thôi.

Từ đó về sau, các Tỳ-kheo bạn hữu Nan-đà thường gọi Nan-đà là người làm thuê.

Thuở ấy, Đức Thế Tôn thấy Nan-đà đã vì các Thiên nữ mà tu các phạm hạnh, Ngài cầm tay Nan-đà biến mất nơi rừng Ni-câu-đà, đi vào đại địa ngục. Ở đây, Đức Phật thấy dưới chảo đồng lửa đốt cháy phừng phực, chảo bị nung đỏ như lửa. Thấy vậy, Ngài bảo Nan-đà:

–Thầy đến hỏi các ngục tốt kia là chảo đồng này vì ai mà nấu sôi như vậy?

Trưởng lão Nan-đà nghe Đức Phật bảo như vậy, liền bạch:

–Thưa Thế Tôn, y như lời Ngài dạy.

Nan-đà đi đến chỗ các ngục tốt hỏi:

–Chảo đồng lớn này vì ai mà nấu sôi như vậy?

Ngục tốt trả lời Nan-đà:

–Đức Phật có người em con di mẫu tên là Nan-đà. Vì người ấy mà nấu đốt chảo này.

Nan-đà lại hỏi:

–Các ông không nghe Như Lai ngày trước có hứa với Nan-đà là nếu muốn thọ hưởng lạc thú với năm trăm Thiên nữ thì nên tu phạm hạnh, sau sẽ sinh lên cõi trời thứ Ba mươi ba hay sao?

Các ngục tốt nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Chúng tôi đã biết như vậy. Nhưng chúng tôi lại nghe rằng người ấy sau khi sống trên cõi trời Ba mươi ba bị đọa lạc sẽ đầu thai nơi xứ này.

Bấy giờ Nan-đà nghe nói như vậy hết sức sợ sệt, toàn thân dựng chân lông, suy nghĩ: "Theo tuần tự rồi ta sẽ bị cái khổ này. Vậy ta không cần quả báo thọ hưởng thú vui với năm trăm Thiên nữ đẹp."

Lúc ấy Đức Thế Tôn nắm tay Trưởng lão Nan-đà biến mất nơi địa ngục, lại xuất hiện nơi rừng Ni-câu-đà.

Thuở ấy Nan-đà bị các bạn hữu gọi là người làm thuê cho Phật, bị trêu ghẹo chế diễu, chê cười, lại thêm thấy cảnh địa ngục nên Nan-đà lấy làm xấu hổ lo sợ, sinh nhàm chán, tự ăn năn hối cải, tìm chỗ vắng vẻ, đi đứng thiền tọa một mình, lại không còn phóng dật, tinh tấn dũng mãnh.

Người thiện nam chánh tín xả tục xuất gia, cầu phạm hạnh hết sức tinh tấn, tu các phạm hạnh ấy rồi, thì các lậu dứt sạch, thân chứng thần thông, tự xướng lên: "Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, dứt sạch sinh tử, không còn thọ thân đời sau." Vị ấy chứng quả A-la-hán, tâm được giải thoát. Trưởng lão Nan-đà này cũng như vậy.

Sau khi chứng quả A-la-hán, Nan-đà mới đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân, rồi ngồi về một bên, lại bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, con nay xin trả lại cái ân mà Phật đã hứa ngày trước. Ngày trước con nhận lấy lời nói của Như Lai chính là vì năm trăm Thiên nữ đẹp. Vậy con xin Thế Tôn từ bỏ việc ấy.

Bấy giờ Đức Phật lại bảo Trưởng lão Nan-đà:

–Chẳng phải đến ngày nay Ta mới xả bỏ việc ấy cho ông, mà từ khi ông bắt đầu xướng lên: "Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thân đời sau", ngay khi ấy Ta đã xả bỏ việc ấy cho ông rồi.

Khi ấy các Tỳ-kheo cùng sống với Nan-đà chưa biết Nan-đà đã dứt sạch các lậu, nên vẫn đối xử với Nan-đà như ngày nào như diễu cợt, biếm

nhẽ, nói thế này: "Trưởng lão Nan-đà ở nơi Thế Tôn để làm thuê vì cầu quả báo, muốn sống chung với năm trăm Thiên nữ đẹp, nên siêng tu phạm hạnh."

Bấy giờ Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Các Tỳ-kheo này chưa biết Nan-đà đã dứt sạch các lậu, vẫn đối xử như khi còn các lậu, như rêu rao: "Trưởng lão Nan-đà chỉ vì năm trăm Thiên nữ đẹp mà tu phạm hạnh." E rằng các thầy này mắc những tội lỗi. Hôm nay, Ta nên ở trước đại chúng tuyên bố việc Nan-đà đã dứt sạch các lậu."

Đức Thế Tôn do nhân duyên này cho nhóm họp tất cả Tỳ-kheo Tăng mà tuyên bố:

–Này các Tỳ-kheo, nếu người ta nói: có nam tử tốt đẹp nào, thì Nan-đà chính là người ấy. Nếu có người nào tuấn tú cũng là Tỳ-kheo Nan-đà này. Nếu họ nói có người đại dũng mãnh nào, thì cũng là Tỳ-kheo Nan-đà này. Nếu họ nói có người thân thể dịu dàng, lại cũng là Tỳ-kheo Nan-đà này. Nếu họ nói có người các căn vắng lặng không tán loạn nào, lại cũng là Tỳ-kheo Nan-đà này. Nếu họ nói có người đối với sự ăn uống biết tiết chế, thì cũng là Tỳ-kheo Nan-đà này. Nếu họ nói có người đầu hôm cuối đêm không ngủ nghỉ nào, thì cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà ngày nay. Nếu họ nói có người nào sinh từ ba chủng tộc thanh tịnh thì cũng chính là Tỳ-kheo Nan-đà này. Nếu họ nói có người chứng sáu phép thần thông nào, thì cũng là Tỳ-kheo Nan-đà này. Nếu nói có người được tám định giải thoát nào thì cũng là Tỳ-kheo Nan-đà này vậy.

Đức Thế Tôn cũng bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người điều phục các căn thì Tỳ-kheo Nan-đà này là bậc nhất.

Lúc ấy các Tỳ-kheo hỏi Đức Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, như vậy Tỳ-kheo Nan-đà này đời trước đã trồng căn lành gì, nhờ căn lành ấy mà ngày nay sinh trong nhà họ Thích hết sức giàu sang, của cải rất nhiều, thân thể đẹp đẽ dễ thương, đến nay được Thế Tôn thọ ký: "Trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người điều phục các căn bậc nhất là Tỳ-kheo Nan-đà này."?

Nghe các Tỳ-kheo hỏi như vậy, Đức Phật bảo:

–Này các Tỳ-kheo, Ta nhớ đời quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp, thuở ấy có một Đức Phật ra đời hiệu là Tỳ-bà-thi, Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Kinh đô, nơi vua ở tên là

Bàn-đồ-ma-để. Bấy giờ Đức Phật Tỳ-bà-thi cùng với chúng Tỳ-kheo sáu ngàn người đều là bậc A-la-hán, ngự trong thành này. Vị vua thuở ấy tên là Bàn-đầu. Vua tôn trọng, cung kính cúng dường Đức Phật và chúng Tỳ-kheo đủ các thứ y phục, đồ nằm, thức ăn uống, thuốc thang và phòng xá.

Thuở ấy, trong thành Bàn-đầu-ma-để có một đồng tử Bà-la-môn xây cất căn phòng tắm ấm, cúng dường cho Đức Phật và chư Tăng sử dụng. Đồng tử Bà-la-môn thấy các Tỳ-kheo từ phòng tắm ấm đi ra, thân thể thanh tịnh, hết sức thơm tho trong sạch, không chút mùi hôi. Thấy vậy vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế, đồng tử phát tâm: "Nguyện ở đời vị lai, thân tôi được thanh tịnh, không có chút cấu uế, hôi hám, giống như thân các Tỳ-kheo này, thanh tịnh thơm tho không chút mùi hôi."

Sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhập Niết-bàn, nhà vua Bàn-đầu xây tháp bằng bốn thứ báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê để thờ xá-lợi Phật. Lúc ấy đồng tử Bà-la-môn chỉ huy công trình xây tháp. Sau khi xây tháp xong, đồng tử phát nguyện: "Ở đời vị lai tôi thường được gặp Đức Thế Tôn như thế này. Bao nhiêu giáo pháp của Ngài nói ra, tôi đều lãnh hội, chứng biết không trái pháp ấy. Nguyện đời đời kiếp kiếp không sinh các đường ác." Do vậy sau khi đồng tử này qua đời, thường sinh lên cõi trời hay trong nhân gian. Sau đó, có đời đồng tử ấy sinh vào nhà trưởng giả đại phú, được cha mẹ nuôi dưỡng, lần lần lớn khôn, mọi mặt đều được thành tựu.

Thuở ấy, nhà của đồng tử có một vị Bích-chi-phật làm vị thầy trong nhà nên thường lui tới. Vị Bích-chi-phật ấy đoan chánh dễ thương, đầy đủ ba mươi tướng đại trượng phu. Đồng tử thường đem bốn việc cúng dường cho Bích-chi-phật suốt đời không thiếu. Vị Bích-chi-phật mãn tuổi thọ, sau đó nhập Niết-bàn.

Bấy giờ trưởng giả thấy vị Bích-chi-phật nhập Niết-bàn, đem thi hài đúng như pháp làm lễ hỏa thiêu, thâu xá-lợi, dùng đất đá xây tháp và tô tro bùn bên ngoài. Trên tháp, trưởng giả treo các chuỗi anh lạc để trang nghiêm, rồi phát lời thệ nguyện: "Tôi nguyện đời vị lai gặp được Đức Bích-chi-phật Thế Tôn như vậy và giáo pháp của Ngài thuyết giảng, tôi nghe rồi liền được chứng ngộ, ghi nhớ không quên. Nguyện đời đời kiếp kiếp không sinh vào các đường ác. Cũng nguyện thân tôi đoan chánh dễ thương, đầy đủ ba mươi tướng đại trượng phu, được mọi người trông thấy hoan hỷ, không biết chán, như vị Đại tiên này."

Trưởng giả ấy sau khi qua đời, chưa từng sinh vào các đường ác, luôn luôn sinh vào cõi trời, người, lưu chuyển như vậy trong một thời gian lâu,

sau lại sinh làm con vua Cát-lợi-thi *(nhà Tùy dịch là Sậu Tế)* ở nước Ba-la-nại. Thuở ấy có Đức Phật hiệu là Ca-diếp Như Lai Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Thế Tôn ấy tùy cơ trụ ở đời rồi sau đó diệt độ.

Bấy giờ vua Cát-lợi-thi dùng toàn bảy báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xích chân châu, san hô và mã não để xây tháp. Bên ngoài tháp được xây bằng gạch lớn. Tháp này cao một do-tuần, ngang dọc Đông, Tây rộng nửa do-tuần. Có khắc bài minh gọi là Đạt-xá-bà-lăng-ca *(nhà Tùy dịch là Thập tướng)*.

Lúc bấy giờ vua Cát-lợi-thi có bảy vương tử, họ đồng tâu vua: "Lành thay! Tâu Đại vương, xin phụ vương biết cho, chúng con muốn mỗi người cúng một chiếc lọng lớn để che lên trên tháp xá-lợi của Đức Phật Ca-diếp Thế Tôn Như Lai Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lành thay! Tâu Đại vương, xin ngài cho phép."

Nhà vua bảo: "Ta cho phép, tùy ý các con."

Bấy giờ bảy vương tử, mỗi người làm một chiếc lọng: Hoặc bằng vàng, hoặc bằng bạc, bằng mã não... che trên tháp.

Vị vương tử thứ hai trong số bảy vương tử làm chiếc lọng bằng vàng che trên tháp và phát nguyện: "Tôi nguyện ở đời vị lai thường gặp được Đức Bích-chi-phật Thế Tôn. Những giáo pháp của Ngài dạy, tôi nguyện được lãnh hội, nhớ mãi không quên. Nguyện đời đời kiếp kiếp không sinh vào các đường ác và nguyện được sắc thân như vàng."

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nếu ai phân vân về đồng tử Bà-la-môn ở trong thành Bàn-đầu-ma lúc ấy cúng dường phòng tắm ấm cho Đức Phật và chúng Tăng và phát nguyện: "Ở đời vị lai được thân thanh tịnh, thơm tho không cấu uế, giống như những Tỳ-kheo ấy", rồi sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác diệt độ, đồng tử này xây tháp cúng dường, thì các vị chớ nghĩ gì khác, đồng tử đó tức là tiền thân của Tỳ-kheo Nan-đà này vậy.

Này các Tỳ-kheo, nếu ai có tâm nghi ngờ vị trưởng giả trọn đời cúng dường vị Bích-chi-phật, rồi sau khi vị Bích-chi-phật diệt độ, trưởng giả dùng đất đá, tro xây tháp và các chuỗi anh lạc trang hoàng cúng dường xá-lợi, lại nguyện: "Tôi nguyện đời vị lai được báo thân đoan chánh, đầy đủ ba mươi tướng đại trượng phu không thiếu, giống như vị Tiên nhân Bích-chi-phật này", đó là người nào? Các thầy chớ phân vân gì khác, trưởng giả này cũng là tiền thân của vị Tỳ-kheo Nan-đà này.

Này các Tỳ-kheo, nếu ai phân vân vị vương tử thứ hai của vua Cát-lợi-thi, vì Đức Phật Ca-diếp Như Lai Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác làm một chiếc lọng bằng vàng che trên tháp, chớ có nghi ngờ gì khác, vương tử đó cũng là tiền thân của Tỳ-kheo Nan-đà này.

Tỳ-kheo Nan-đà thuở xưa đã vì Đức Phật Tỳ-bà-thi và chúng Tỳ-kheo xây nhà tắm ấm, đúng như pháp cúng dường và nhân đó phát nguyện: "Tôi nguyện ở đời vị lai được thân thanh tịnh, thơm tho, không cấu uế, giống như thân các Tỳ-kheo ấy."

Tỳ-kheo Nan-đà lại trọn đời cúng dường Đức Bích-chi-phật Thế Tôn, sau khi Đức Bích-chi-phật Thế Tôn diệt độ, dùng đất đá tro xây tháp và các chuỗi anh lạc trang nghiêm cúng dường xá-lợi và phát nguyện: "Tôi nguyện ở đời vị lai được báo thân đoan chánh, đầy đủ ba mươi tướng đại trượng phu không thiếu, giống như thân Tiên nhân này vậy."

Đối với tháp xá-lợi của Đức Phật Ca-diếp Như Lai Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vị ấy làm một chiếc lọng toàn bằng vàng che lên trên và phát nguyện: "Tôi nguyện ở đời vị lai được sắc thân như vàng ròng." Nhờ nghiệp duyên ấy, vị ấy ngày nay được sắc thân màu vàng, đoan chánh, đủ ba mươi tướng đại trượng phu.

Lại thuở ấy, Tỳ-kheo Nan-đà đã phát nguyện: "Tôi nguyện ở đời vị lai không sinh vào các đường ác." Nhờ nghiệp báo phát nguyện này nên không sinh vào các ác đạo, thường được sinh lên cõi trời hay trong nhân gian.

Lại thuở trước, vị ấy đã coi xây tháp thờ xá-lợi Phật Tỳ-bà-thi Như Lai Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trọn đời đem bốn sự cúng dường cho Đức Bích-chi-phật; nhờ nhân duyên nghiệp báo ấy, ngày nay được sinh trong nhà họ Thích.

Lại thuở ấy Tỳ-kheo Nan-đà đã khởi tâm phát nguyện: "Tôi nguyện đời vị lai được gặp Đức Thế Tôn như vậy, hoặc hơn thế nữa. Đối với các giáo pháp mà Đức Thế Tôn ấy nói ra, tôi nguyện nghe rồi mau được giải ngộ. Nhờ sức nghiệp báo nhân duyên đó, ngày nay vị ấy được gặp được Ta và xuất gia thọ giới Cụ túc, lại được Ta thọ ký: "Này các Tỳ-kheo, nếu muốn biết hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người điều phục các căn hơn hết là ai? Đó là Tỳ-kheo Nan-đà này vậy."

Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết, ngày xưa Tỳ-kheo Nan-đà đã trồng các căn lành như vậy. Nhờ nhân duyên đó, nay sinh trong nhà họ Thích, thân màu vàng, đầy đủ ba mươi tướng đại trượng phu, được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán, lại được Ta thọ ký: "Nếu muốn biết

trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người điều phục các căn hơn hết là ai? Đó là Tỳ-kheo Nan-đà này vậy.”

□

Phẩm 58: NHÂN DUYÊN CỦA BÀ-ĐỀ-LỢI-CA (Phần 1)

Thuở nọ, đồng tử Đề-bà-đạt-đa dòng họ Thích thấy năm trăm đồng tử họ Thích xả tục xuất gia, khởi lên ý nghĩ: “Ta cũng có thể theo Thế Tôn xả tục xuất gia.” Nghĩ vậy rồi, đồng tử đến thưa cha mẹ:

–Lành thay! Thưa song thân phụ mẫu, con muốn phát tâm xuất gia theo Phật, cúi xin song thân cho phép.

Nghe nói như vậy, cha mẹ liền bảo đồng tử Đề-bà-đạt-đa:

–Cha mẹ nghĩ thế này: Cha mẹ phải nương vào con, con phải nương vào cha mẹ, nhưng con đã có ý định như vậy, thì tùy theo ý con muốn, cho phép con được xuất gia.

Khi ấy đang mặc y phục tuyệt đẹp vô giá, cỡi voi tốt, đi ra cửa thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, Đề-bà-đạt-đa bị cái móc hai bên cửa, móc vào làm rách hết y phục. Có một vị đại Bà-la-môn hiểu rõ tướng số, ở gần bên thấy vậy, nên huyền ký cho đồng tử Đề-bà-đạt-đa:

–Sự nghiệp xuất gia của đồng tử sẽ bất thành.

Đồng tử Đề-bà-đạt-đa ra khỏi thành, đi đến tòng lâm, lễ dưới chân Phật, đứng về một bên, bạch Phật:

–Cúi xin Thế Tôn cho con xuất gia.

Bấy giờ Đức Thế Tôn chánh niệm quán sát sự nghiệp đời trước và đời sau của Đề-bà-đạt-đa để biết được tâm hạnh của đồng tử. Đức Phật bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Này Đề-bà-đạt-đa, ông nên cẩn thận, không nên xả tục xuất gia, chỉ nên về nhà tu tập, đem của cải dùng vào việc bố thí, tạo các công đức, không nên xuất gia trong pháp của Ta.

Khi ấy, bị Đức Phật quở trách, đồng tử Đề-bà-đạt-đa đi đến Trưởng lão Xá-lợi-phất, bạch:

–Thưa Thánh giả Xá-lợi-phất, cho con được xuất gia.

Trưởng lão Xá-lợi-phất hỏi Đề-bà-đạt-đa:

–Này Đề-bà-đạt-đa, ông đã đến thưa với Đức Phật chưa?

Đề-bà-đạt-đa thưa:

–Con đã thưa với Đức Phật rồi.

Trưởng lão Xá-lợi-phất hỏi:

–Này Đề-bà-đạt-đa, Đức Thế Tôn đã nói với ông thế nào?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

–Thưa Thánh giả, Đức Phật nói thế này: "Ông không nên xả tục xuất gia, nên ở nhà tu hạnh bố thí, tạo các công đức. Nếu xuất gia ở trong pháp của Ta, ông sẽ không được lợi ích."

Bấy giờ Xá-lợi-phất mới nghĩ: "Ngày nay Đức Thế Tôn đã không cho Đề-bà-đạt-đa xuất gia. Nếu ta cho xuất gia thì ta không đúng." Nghĩ như vậy rồi, ngài Xá-lợi-phất liền bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Này Đề-bà-đạt-đa, ông nên làm theo lời Thế Tôn dạy.

Lúc ấy đồng tử Đề-bà-đạt-đa bị Xá-lợi-phất khước từ, lại đi đến chỗ Trưởng lão Mục-kiền-liên. Đến nơi đảnh lễ, đứng lui về một bên, đồng tử bạch:

–Kính bạch Trưởng lão Mục-kiền-liên, cúi xin ngài cho con được xuất gia.

Mục-kiền-liên lại hỏi Đề-bà-đạt-đa:

–Này Đề-bà-đạt-đa, ông đã đến thưa Đức Phật chưa?

Đề-bà-đạt-đa trả lời:

–Con đã đến thưa Đức Phật rồi.

Trưởng lão Mục-kiền-liên lại bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Đức Thế Tôn đã nói với ông những gì?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

–Thế Tôn bảo con: "Ông chớ nên bỏ tục xuất gia ở trong pháp của Ta, nên sống tại gia đúng như pháp mà tu hành, dùng của cải bố thí, tạo các công đức. Chẳng nên xuất gia ở trong pháp của Ta. Nếu xuất gia thì không lợi ích cho ông."

Bấy giờ Trưởng lão Mục-kiền-liên cũng bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Ông cần phải nghe lời Thế Tôn dạy, nên trở về nhà, cần phải làm những việc ấy.

Lúc ấy Đề-bà-đạt-đa cũng bị Mục-kiền-liên không cho xuất gia, lại đi đến chỗ Trưởng lão Đại Ca-diếp… Sơ lược như trên.

Kế tiếp, Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ ngài Ca-chiên-diên, rồi đi đến chỗ ngài Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp. Kế tiếp đi đến Trưởng lão chỗ ngài Na-đề Ca-diếp. Kế tiếp đi đến chỗ Trưởng lão Ưu-ba-tư-na, cho đến chỗ của các ngài Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Tôn-đà-ly-ba-đa... đều không được cho xuất gia.

Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Trưởng lão Ưu-ba-ly Ba-đa, đảnh lễ dưới chân, đứng lùi về một bên. Đồng tử Đề-bà-đạt-đa lại cầu Ưu-ba-ly Ba-đa xin xuất gia.

Trưởng lão Ưu-ba-ly Ba-đa lại hỏi Đề-bà-đạt-đa:

–Ông đã đến chỗ Đức Phật chưa?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

–Thưa Thánh giả, trước đây con đã đến chỗ Đức Phật rồi.

Bấy giờ Trưởng lão Ưu-ba-ly Ba-đa hỏi:

–Ông đã đến chỗ Đức Phật, Ngài đã dạy ông những gì?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

–Thế Tôn bảo con không nên xả tục xuất gia, chỉ nên ở tại nhà y như pháp tu tập, dùng của cải bố thí, tạo các công đức, chẳng nên ở trong pháp của Ngài xuất gia. Nếu xuất gia thì con không được lợi ích.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 58

Phẩm 58: NHÂN DUYÊN CỦA BÀ-ĐỀ-LỢI-CA (Phần 2)

Bấy giờ Trưởng lão Ưu-ba-ly Ba-đa suy nghĩ: "Nay Thế Tôn đã không cho đồng tử Đề-bà-đạt-đa xuất gia, nếu ta vội cho xuất gia thì ta không đúng." Nghĩ như vậy rồi liền bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Đồng tử phải nghe lời Thế Tôn dạy, cần phải làm những việc như vậy.

Đề-bà-đạt-đa tuần tự đã đi đến chỗ các Tỳ-kheo Thượng tọa, Đại đức cầu xin xuất gia mà các vị Tỳ-kheo Thượng tọa, Đại đức đều nói với Đề-bà-đạt-đa:

–Đức Thế Tôn đã có lời dạy như vậy, đồng tử nên làm theo lời dạy đó.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa bị các Tỳ-kheo từ chối không cho xuất gia, nên cỡi voi trắng trở về thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô, sống lại cảnh vương cung.

Đồng tử A-nan khi vừa thấy năm trăm đồng tử họ Thích đều được xuất gia, liền nghĩ thế này: "Ngày nay ta phải xả tục xuất gia." Nghĩ như vậy rồi đến thưa cha mẹ:

–Thưa cha mẹ, ý con ngày nay muốn xả tục theo Đức Phật xuất gia, cúi xin cha mẹ hoan hỷ cho con được toại nguyện.

Mẹ A-nan vốn có tâm bất tịnh đối với Đức Phật. Vì lý do gì bà ta có tâm như vậy? Vì khi Đức Thế Tôn còn là Bồ-tát tại gia, bà ta thấy Bồ-tát có công đức oai lực sáng ngời, nên đối với Bồ-tát bà sinh nhiễm tâm, nói nhiều lời bất chánh. Khi ấy Bồ-tát vì người thân của bà ấy là dì mẫu Ma-ha Ba-xà-ba-đề, nên đối với lời bất chánh ấy, Ngài im lặng không quan tâm.

Vì bà không có tịnh tâm nên nhất định không cho A-nan xả tục xuất gia. Khi nghe nói lại là A-nan muốn xuất gia, nhưng cha mẹ không cho, Đề-bà-đạt-đa đến nói với A-nan:

–Tâm đồng tử thật sự muốn xuất gia nhưng cha mẹ chưa cho phải không?

A-nan đáp lời Đề-bà-đạt-đa:

–Đúng như lời vương tử nói. Tôi không biết làm cách gì để cha mẹ cho phép xuất gia, được thọ giới làm Tỳ-kheo.

Đề-bà-đạt-đa nói với A-nan:

–Nếu sau này cha mẹ đồng tử cho đồng tử xuất gia thì nói cho ta biết, để cùng người đi xuất gia.

A-nan liền đáp:

–Như lời vương tử nói, tôi không dám thất hứa.

Bấy giờ A-nan nghĩ thế này: "Cha mẹ ta chắc chắn không cho ta xuất gia" Nghĩ như vậy rồi, liền ở trong nhà lấy năm trăm đồng tiền lén đi đến nước Tỳ-đề-da, nơi làng nọ có một trưởng giả, trước kia là bạn tốt của phụ vương, đem năm trăm tiền giao cho trưởng giả và dặn:

–Tôi đem số tiền này giao cho nhân giả để dùng vào việc ăn uống cho tôi. Khi nào muốn ăn thì tôi đi đến nhà nhân giả, lúc ấy đem tiền này mua đồ ăn cho tôi. Nhân giả cũng đừng hỏi tôi từ đâu đến. Khi tôi đến là nhân giả biết tôi cần thức ăn.

A-nan nói như vậy rồi, liền đi đến chỗ hoang vắng, thọ giới "không nói", đi-đứng-nằm-ngồi im lặng không nói. Mỗi khi cần thức ăn, A-nan đi đến nhà trưởng giả ngồi ăn uống im lặng. Ăn uống xong rồi, im lặng ra về.

Bấy giờ dân cư ở làng này thường thấy đồng tử Thích A-nan đi đứng nằm ngồi, tới lui im lặng. Thấy vậy, họ mới hỏi A-nan:

–Nhân giả là ai?

Bấy giờ A-nan không đáp một lời, lại im lặng bỏ đi. Khi ấy dân làng nói với nhau: "Vị Tiên nhân này có lẽ phát xuất từ nước Tỳ-đề-da." Vì vậy, họ đặt tên A-nan là Tiên nhân nước Tỳ-đề-da.

Một hôm, cha mẹ A-nan nghe nói thế này: "A-nan trốn khỏi thành Ca-tỳ-la, đi đến xóm làng thuộc nước Tỳ-đề-da, thọ giới "không nói", tu hạnh tiên, nay đã thành Tiên nhân." Nghe được tin này cha mẹ A-nan, liền sai sứ giả đến nói:

–Con ơi! Con ơi, nếu con quyết định không chịu ở nhà, chỉ muốn xuất gia thì nên theo đồng tử họ Thích mà xuất gia.

A-nan nghe vậy trở về nhà, rồi đến nói với Đề-bà-đạt-đa:

–Này Đề-bà-đạt-đa, vương huynh phải biết, cha mẹ tôi đã cho tôi xuất gia rồi.

Đề-bà-đạt-đa lại hỏi A-nan:

–Ý vương tử nay muốn xuất gia với ai?

A-nan đáp:

–Nay ý tôi muốn theo Đức Phật xuất gia.

Đề-bà-đạt-đa lại nói:

–Ta trước đây đã đến Đức Phật cầu xin xuất gia, mà Ngài không cho ta xuất gia.

A-nan lại nói:

–Nên đến chỗ thánh giả Xá-lợi-phất cầu xin xuất gia.

Đề-bà-đạt-đa lại đáp:

–Trưởng lão này cũng không cho ta xuất gia. Như vậy cho đến Ma-ha Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Đại Ca-chiên-diên, Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Già-da Ca-diếp, Ưu-ba-tư-na, Ma-ha Câu-hy-la, Ma-ha Chuyên-đà, Ưu-ba-ly Ba-đa..., bao nhiêu chư vị Tỳ-kheo Thượng tọa, Đại đức như vậy đều không cho ta xuất gia.

A-nan lại hỏi Đề-bà-đạt-đa:

–Này Đề-bà-đạt-đa, như theo ý vương huynh thì nên đi đâu?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

–Này A-nan, chúng ta nên đi đến chỗ nào mà không ai biết.

A-nan lại nói:

–Tôi cũng tùy theo ý của vương huynh.

Mỗi gia đình họ Thích trong hoàng gia phải có một người xuất gia, nên có nhiều đồng tử họ Thích đầy oai thế xuất gia theo Phật.

Khi ấy tại thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô có một gia đình họ Thích nọ chỉ có hai anh em. Người em tên là Ma-ni-lâu-đà *(bổn cũ gọi là A-ni-lâu-đà)*. Người anh tên là Ma-ha Na-ma. Đồng tử Ma-ni-lâu-đà đã nhiều kiếp trồng các căn lành, tu các hạnh giải thoát, dứt các phiền não, hướng về Niết-bàn, không muốn sinh trong các cõi hữu lậu, ở trong tam giới chỉ muốn diệt sạch các hoặc lậu. Do vì trong quá khứ đồng tử chứa nhiều công đức nên ngày nay sinh trong nhà họ Thích. Từ khi đồng tử sinh trong nhà họ Thích ấy thì gia nghiệp của nhà này lần lần phát triển, như là của cải, vàng bạc, lúa gạo, chân châu, lưu ly, san hô, hổ phách, các loại bích ngọc... cho đến vàng bạc, nhân sự, súc sinh đều được đầy đủ, năm trăm thứ tài vật ẩn tàng dưới đất tự nhiên được xuất hiện. Khi đồng tử nằm ngủ, nơi giường lại có chư Thiên đem năm trăm trân bảo vô giá trải trên giường.

Quyến thuộc thấy những điều kỳ lạ như vậy nên cùng nhau bàn: "Khi đồng tử này ngủ, có chư Thiên đem vật báu vô giá trải trên giường. Vì vậy, chúng ta nên đặt tên đồng tử này là Ma-ni-lâu-đà."

Đồng tử này khôi ngô dễ thương, người ta nhìn thấy không chán, làn da vàng tươi giống như vàng ròng, đầu tròn như chiếc lọng, mũi cao lớn đầy đặn giống như mũi chim Anh võ, hai cánh tay duỗi dài quá gối, thân thể ngang dọc trên dưới cân phân, các căn hoàn hảo không khuyết. Cha mẹ đặt riêng bốn bảo mẫu chăm sóc: Một bà bồng bế, một bà tắm rửa, một bà bú mớm và một bà dẫn dạo chơi. Bốn bảo mẫu này chăm nom nuôi dưỡng, đồng tử dần dần được lớn khôn, đã có hiểu biết. Thấy đồng tử rong chơi đây đó, đã đến lúc có khả năng tiếp thu sự giáo dục nên cha mẹ dạy các kỹ nghệ để giao phó gia nghiệp. Những môn đó là toán số, ấn ký, âm nhạc, ca vũ, trào phúng, hài hước, khôi hài, nhảy múa, duyên dáng, gọt sửa các ngọc ma ni, may cắt, nhuộm áo, pha chế các mùi thơm, tô vẽ hoa lá và chân dung; dạy các loại cờ vi kỳ, lục bát, xu bồ cùng các trò vui khác...; dạy học văn chương, cỡi voi, cỡi ngựa và các loại xe; nghệ thuật bắn tên, cử chỉ cúi xuống ngước lên, thu sức, ra sức, xoa bóp..., dạy phép xua đuổi giặc loạn, điều voi lao nhanh, tu sửa hoa viên, cung cách đi đứng ra vào, biết rõ điềm tốt xấu, vi tế ẩn tàng, phá các quân trận, nắm tay người khác họ gỡ không ra, đứng yên trên đất người xô không lay động, chải đầu sửa tóc, cầm dao đẽo gọt, dùi thủng các vật, chẻ bửa gỗ đá, bắn đích không sai, bắn đúng các phần trên người trong chân lông sợi tóc; bắn cung nhanh như tiếng động, giương cung rất mạnh… Bao nhiêu nghề như vậy đều được am tường, thành tựu đầy đủ, không gì là không biết, ý chí sâu xa, tinh thần sáng suốt, tâm trí tuyệt vời, trí tuệ thông minh.

Sau đó, đồng tử Ma-ni-lâu-đà đi theo thân phụ kiểm tra nông nghiệp, cho đến việc mưu sinh. Khi đến đó, vì khát nước nên đồng tử đi đến bờ suối múc nước để uống, thì nước suối biến thành cam lộ chư Thiên. Thân phụ không biết, thấy vậy lập tức cản ngăn, kêu lên:

–Này con! Này con! Không nên uống nước đó, sợ e thân con chẳng an.

Khi đồng tử Ma-ni-lâu-đà đã nếm thử nước suối, thưa thân phụ:

–Cha ơi! Nước suối này rất ngon ngọt.

Vì thân phụ không tin nên đồng tử dùng tay bụm nước dâng cho cha và thưa:

–Nếu không tin, xin cha nếm thử nước này.

Vì vậy cha đồng tử nếm thử rồi nói:

–Con ơi! Con ơi, cha tuy sống ở vương cung nhưng chưa từng được uống nước ngon ngọt như vậy!

Nói lời ấy rồi, người cha rất vui mừng vì thấy việc chưa từng có, tự nói:

–Con ta thật kỳ lạ, có phước báu rất lớn. Từ khi sinh ra cho đến ngày nay, bao nhiêu nhu cầu ăn uống, sắc, hương, vị, xúc, mỗi khi người ta đem đến cho con ta đều biến thành tốt hơn gấp bội lần.

Bấy giờ người anh là Ma-ha Na-ma thấy thức ăn uống của em mình như vậy mới sinh tâm ganh tị nên nói:

–Vì sao những thức ăn ngon trong sạch thơm tho chỉ dành riêng cho em ấy mà chẳng cho mình?

Người mẹ nghe con lớn nói như vậy, liền bảo:

–Con ơi! Con ơi, con có biết chăng, từ trước đến giờ những thức ăn uống làm xong, đem cho Ma-ni-lâu-đà, thường thường biến ngon hơn gấp mười lần.

Nhưng Ma-ha Na-ma vẫn nhất định không tin.

Lại một hôm nọ Ma-ni-lâu-đà dạo chơi trong lâm viên, sai người hầu về nhà lấy đồ ăn và bảo:

–Người đến chỗ mẹ ta nhận đồ ăn đem đến đây.

Khi ấy mẹ đồng tử sắp đồ ăn trên mâm, rồi dùng lụa trắng phủ lên trên, sai người mang đến cho đồng tử Ma-ha Na-ma trước, rồi sau đó mới sai người mang đến cho đồng tử Ma-ni-lâu-đà.

Khi mang thức ăn đến, đồng tử Ma-ni-lâu-đà thấy màu sắc hương vị ngon hơn gấp bội phần, thức ăn trong các tô dĩa cũng tràn đầy. Tuy sự việc như vậy, nhưng Ma-ha Na-ma vẫn không tin, lại nói:

–Tuy thức ăn từ nhà mang đến nhưng thức ăn ngon dở đầy vơi là do người nhà sắp xếp, ai biết được việc này?

Một lúc khác, Ma-ni-lâu-đà du ngoạn quang cảnh trong viên lâm, sai người hầu về thưa với mẹ mình: "Xin mẹ cho người mang đồ ăn đến." Bấy giờ người mẹ lấy các bát dĩa không đặt trên mâm rồi dùng khăn phủ lên trên, cho người mang đến đứa con lớn xem trước, sau đó mới mang đến cho Ma-ni-lâu-đà. Bà ta nói với đồng tử lớn:

–Con tự xem đó, hư thật thế nào?

Ma-ha Na-ma nghe nói như vậy, liền đi theo chiếc mâm đến chỗ Ma-ni-lâu-đà, thấy bát dĩa trong mâm chứa đầy đồ ăn màu sắc hương vị thơm ngon. Khi thấy việc như vậy đồng tử Ma-ha Na-ma, rất vui mừng, thốt lên thế này:

–Kỳ lạ thay! Chưa từng thấy! Em ta có phước đức lớn như vậy!

Đồng tử Ma-ni-lâu-đà qua thời gian khôn lớn, sức lực tráng kiện, cha mẹ vì đồng tử xây ba tòa nhà. Tòa thứ nhất dùng vào mùa Đông, tòa thứ hai dùng vào mùa Xuân thu và tòa thứ ba dùng vào mùa Hè. Tòa nhà ở vào mùa Đông thì hoàn toàn ấm áp. Tòa nhà ở vào mùa Hè thì hoàn toàn mát mẻ và tòa nhà ở vào mùa Xuân và Thu thì nhiệt độ ôn hòa hợp ý. Chỗ ở của đồng tử không có một người đàn ông nào khác, duy nhất một mình đồng tử, tự ý đi lại thọ hưởng đủ thứ vui ngũ dục.

Bấy giờ đồng tử Ma-ha Na-ma suy nghĩ: "Ngày nay các đồng tử họ Thích đều có thế lực lớn, mỗi gia đình phải có một người đi xuất gia mà gia đình ta chưa có người đi xuất gia. Vậy ta nên xả tục xuất gia. Nếu không thì phải bảo em ta Ma-ni-lâu-đà xuất gia." Ma-ha Na-ma nghĩ như vậy rồi, liền đi đến nói với đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Này Ma-ni-lâu-đà, các gia đình thuộc họ Thích có đầy thế lực, mỗi nhà phải có một người xuất gia, mà trong nhà chúng ta chưa có ai xuất gia. Anh suy nghĩ là hoặc em hoặc anh phải có một người xuất gia.

Bấy giờ đồng tử Ma-ni-lâu-đà thưa với anh Ma-ha Na-ma:

–Anh hãy xuất gia, em không thể xuất gia.

Ma-ha Na-ma lại nói:

–Này Ma-ni-lâu-đà, nếu như vậy, anh sẽ giao phó gia nghiệp cho em. Phàm nguyên tắc canh tác, trước phải cày đất, sau đó ban cho bằng, kế đến dọn sạch cỏ cây gạch đá, rồi mới gieo giống. Sau khi gieo giống, nếu trời không mưa phải tùy thời tiết mà tưới nước. Em phải theo phương pháp cày bừa trồng tỉa thật kỹ và đợi thu hoạch. Sau đó, dọn sạch cỏ rác chôn lấp dưới đất và đem phần thu gặt cất vào kho. Làm như vậy rồi, cho đến năm sau cũng như thế, từ năm này sang năm khác cứ theo thứ lớp như vậy mà làm, không được dừng nghỉ.

Bấy giờ đồng tử Ma-ni-lâu-đà thưa với Ma-ha Na-ma:

–Như vậy thì em ở nhà làm các công việc không ngớt, cũng không có thời gian nghỉ ngơi. Làm việc như vậy, không có ngày hoàn tất thì thời gian nào em được ở nơi ba tòa nhà hưởng thụ thú vui ngũ dục?

Đồng tử Ma-ha Na-ma lại bảo đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Này em, việc làm ấy quả thật không có ngày xong, cũng không có thời gian chấm dứt. Cha mẹ chúng ta dành dụm của cải ông bà để lại, nên làm việc cũng như vậy, công việc chưa xong mà đã kết liễu cuộc đời.

Bấy giờ đồng tử Ma-ni-lâu-đà nói với anh Ma-ha Na-ma:

–Nếu biết được việc làm không bao giờ xong, không có ngày chấm dứt, cha mẹ mình đã ham tiếc sự nghiệp tổ tiên, làm lụng không có thời gian thôi nghỉ mà đã bỏ thân mạng thì cũng không nên ở. Em nghĩ anh phải ở lại nhà kinh doanh sự nghiệp, để em xả tục xuất gia tu tập.

Lúc ấy đồng tử Ma-ni-lâu-đà đến thưa cha mẹ:

–Kính thưa song thân, con nay muốn xả tục xuất gia, đến thỉnh ý cha mẹ cho phép con được xả tục xuất gia, đến tu học với Như Lai.

Bấy giờ cha mẹ bảo Ma-ni-lâu-đà:

–Con phải biết, cha mẹ chỉ có hai con, nên đối với hai con cha mẹ rất yêu quý, không muốn xa lìa. Nếu xa lìa trong giây lát thì cha mẹ ưu sầu khổ não. Giả sử ta có chết rồi, vẫn mong muốn không xa lìa hai con. Huống chi ngày nay cha mẹ còn sống mà lại cho con đi xuất gia hay sao!

Cứ như vậy, đồng tử Ma-ni-lâu-đà xin đến lần thứ hai, rồi đến lần thứ ba, thưa:

–Con muốn xả tục xuất gia ở trong giáo pháp của Như Lai. Cúi xin cha mẹ cho phép.

Thuở trước, khi Thái tử Tất-đạt-đa xuất gia tu phạm hạnh thì Đại vương Thâu-đầu-đàn vì Bồ-tát mà ưu sầu khổ não, bức xúc nên triệu tập hoàng gia, tuyên bố:

–Này các quyến thuộc, quý vị phải biết, nay Thái tử Tất-đạt-đa con ta đã xuất gia rồi, ta không muốn ở ngôi vua, lại cũng không muốn đội mão Thiên quan. Trong hoàng gia, vị nào có thể nhận lãnh ngôi vua, ta sẽ làm lễ quán đảnh trao mão Thiên quan truyền ngôi cho.

Bấy giờ trong hội có đồng tử Bà-đề-lợi-ca, con của bà Hắc-Cù-đà-di, tâu vua:

–Tâu Đại vương, hạ thần có thể nhận ngôi vua và Thiên quan.

Lúc ấy vua Thâu-đầu-đàn và tất cả hoàng gia họ Thích liền làm lễ quán đảnh trao Thiên quan truyền ngôi vua cho đồng tử Bà-đề-lợi-ca. Từ đó về sau, Bà-đề-lợi-ca họ Thích làm vua, quyến thuộc gọi là vua Thích Bà-đề-lợi-ca. Vua Thích Bà-đề-lợi-ca làm vua trải qua mười hai năm, đúng như pháp trị hóa dân chúng. Quyến thuộc hoàng tộc họ Thích vốn trước đó có lập lời cam kết: "Nếu người nào nhận được Thiên quan làm vua thì vị ấy phải vì tất cả quyến thuộc họ Thích mà thết đãi bữa tiệc sơn hào hải vị đủ trăm thức ăn uống." Vua Thích Bà-đề-lợi-ca với đồng tử Ma-ni-lâu-đà khi xưa còn thời thơ ấu vọc đất chơi với nhau, kết làm bạn bè, nên nay nhà vua thiết hội, ra lệnh đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Này đồng tử, anh giúp đỡ ta thết đãi quyến thuộc trước, xong rồi ta với anh cùng ăn.

Đồng tử Ma-ni-lâu-đà tâu vua Thích Bà-đề-lợi-ca:

–Y theo lệnh Đại vương, thần không dám trái lời.

Khi nhà vua cùng với đồng tử lo thết đãi quyến thuộc xong, sau đó mới cùng ăn. Ăn xong, nhà vua mời đồng tử lưu lại nghỉ tại hoàng cung.

Đêm ấy sắp qua, trời gần sáng, vua Thích Bà-đề-lợi-ca đến vấn an đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Này đồng tử, đêm rồi có ngủ ngon không?

Ma-ni-lâu-đà đáp:

–Thưa Đại vương, đêm qua tôi ngủ không ngon.

Nhà vua hỏi:

–Lý do gì khanh ngủ không ngon?

Ma-ni-lâu-đà đáp:

–Đêm rồi tôi bị đau bụng và nóng lạnh.

Nhà vua hỏi:

–Lý do gì đau bụng và nóng lạnh?

Ma-ni-lâu-đà lại đáp:

–Thưa Đại vương, thức ăn uống ngày hôm qua gia vị không thích hợp, do vậy hiện giờ tôi còn đau bụng. Lại chiếc chăn đắp này, khi xưa thợ dệt dệt chăn, thân họ bị nóng lạnh nên tôi cũng mắc bệnh nóng lạnh.

Bấy giờ vua Thích Bà-đề-lợi-ca kêu người đầu bếp hỏi:

–Khanh vừa rồi làm món ăn trăm vị là có quá nhiều hay quá ít hay là vừa phải?

Người đầu bếp tâu:

–Thưa Đại vương, đúng như vậy, đúng như vậy! Khi hạ thần làm thức ăn, có vị hơi nhiều, có vị hơi ít. Vì khi ấy hạ thần bận rộn không được như ý, lo đi kiểm tra nhiều việc. Lại người phụ tá không biết xử dụng nên gia vị đều bị lầm lộn.

Vua Thích Bà-đề-lợi-ca lại cho người đòi thợ dệt chăn đến hỏi:

–Khi khanh vì ta dệt chiếc chăn này, vì sao không chuyên tâm?

Thợ dệt đáp:

–Tâu Đại vương, đúng như lời ngài nói. Khi hạ thần dệt tấm chăn đó thân thể bị bệnh nóng lạnh, mà Đại vương lại sai sứ giả đến thôi thúc. Lúc

ấy hạ thần chưa hết nóng lạnh, sợ Đại vương tức giận nên hạ thần dệt vội đưa cho sứ giả, cho nên tấm chăn không được tinh xảo.

Bấy giờ vua Thích Bà-đề-lợi-ca cho việc này thật kỳ lạ chưa từng có, không thể nghĩ bàn, nên nghĩ: "Ít có! Ít có! Ma-ni-lâu-đà lại có trí tuệ thù thắng vi diệu như vậy!."

Vua Thích Bà-đề-lợi-ca nói với đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Này Ma-ni-lâu-đà, từ nay về sau, nếu có cần gì ở ta đồng tử khỏi phải đích thân đến, chỉ cho người đến. Ta không phụ nhau đâu.

Lúc đó mẹ đồng tử Ma-ni-lâu-đà nghĩ: "Thích Bà-đề-lợi-ca này thuở thơ ấu đã cùng con ta vọc đất chơi với nhau, đồng kết bạn thân thiện, nên ngày nay đồng tử chắc không xuất gia." Nghĩ như vậy rồi, bà gọi con mình về và nói:

–Này Ma-ni-lâu-đà, nếu vua Thích Bà-đề-lợi-ca xả tục xuất gia thì khi ấy con có xuất gia không?

Đồng tử Ma-ni-lâu-đà nghe mẹ hỏi như vậy, nên đi gặp vua Thích Bà-đề-lợi-ca. Trong lúc này, nhà vua rời cung điện đến dự hội tại Na-tra-ca *(nhà Tùy dịch là Dĩ ca thuyết cát sự) và* đang ngồi xem. Bấy giờ đồng tử Ma-ni-lâu-đà suy nghĩ: "Nếu ta đi vào hội thì nhất định sẽ cản trở sự du hý thưởng ngoạn của nhà vua." Nghĩ như vậy rồi, nên ngồi ngoài ngõ, đợi hội vui Na-tra-ca tan, sau đó mới vào.

Khi ở trong hội, lúc hội vui nhộn nhất, nhà vua thấy một nữ ca sĩ tay cầm đàn không hầu. Khi ấy đàn bỗng đứt một dây, nàng lẹ tay nối lại mà trong hội vui Na-tra-ca không có một ai hay biết, chỉ một mình nhà vua thấy mà thôi. Nhưng đồng tử Ma-ni-lâu-đà ở ngoài ngõ cũng biết việc này.

Khi đồng tử thấy hội vui Na-tra-ca-sắp hết, mới đến gặp nhà vua Thích Bà-đề-lợi-ca. Đến nơi, chàng lấy tay choàng cổ nhà vua rồi sau đó mới ngồi về một bên. Nhà vua Thích Bà-đề-lợi-ca nói với đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Này Ma-ni-lâu-đà, trước đây ta có nói với đồng tử, nếu có cần việc gì khỏi phải thân hành đến, chỉ cho người đến, ta không phụ đâu. Nay vì việc gì đồng tử đích thân đến đây?

Ma-ni-lâu-đà đáp:

–Tâu Đại vương, sự việc như thế này, không thể cho người khác đến được.

Nhà vua hỏi đồng tử:

–Này Ma-ni-lâu-đà, sự việc theo người nói là việc gì? Là do đồng tử hay là do ta?

Ma-ni-lâu-đà đáp:

–Tâu Đại vương, việc này do tôi, cũng có liên quan đến Đại vương.

Nhà vua lại hỏi:

–Nếu có liên quan đến ta thì xin đồng tử nói rõ.

Ma-ni-lâu-đà đáp:

–Tâu Đại vương, Đại vương phải biết, ý tôi muốn xả tục xuất gia. Như vậy, việc ấy có liên quan đến Đại vương.

Nhà vua lại đáp:

–Này đồng tử Ma-ni-lâu-đà, đồng tử muốn xả tục xuất gia, tất có quan hệ đến ta, ta sẽ đồng ý cho đồng tử xuất gia. Đồng tử đối với ta chớ nên lo âu. Nếu muốn xuất gia thì tùy ý đồng tử.

Đồng tử Ma-ni-lâu-đà tâu vua Thích Bà-đề-lợi-ca:

–Đại vương phải cùng tôi xuất gia. Vì sao? Vì cha mẹ tôi nói với tôi: "Này Ma-ni-lâu-đà, nếu vua Thích Bà-đề-lợi-ca xả tục xuất gia thì con cũng theo nhà vua mà xuất gia."

Lúc đó đồng tử Ma-ni-lâu-đà thấy vua Thích Bà-đề-lợi-ca ở trước đại chúng nói lời chân thật:

–Này Ma-ni-lâu-đà, đồng tử muốn xả tục xuất gia, nếu có quan hệ đến ta thì ta không làm ngược lại, sẽ tùy thuận với đồng tử mà xuất gia.

Lúc đó mọi người trong hoàng gia họ Thích đều nói lời thành thật:

–Như vậy, xin thỉnh Đại vương cùng đi xuất gia với Ma-ni-lâu-đà.

Bấy giờ Đại vương Thích Bà-đề-lợi-ca nói với đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Nếu quyết định như vậy, đồng tử phải đợi ở nhà bảy năm, để ta sắp đặt quốc sự xong xuôi rồi sau đó ta sẽ cùng đồng tử xả tục xuất gia.

Đồng tử Ma-ni-lâu-đà lại tâu vua Thích Bà-đề-lợi-ca:

–Tâu Đại vương, chớ nói như vậy. Tôi không thể đợi đến bảy năm. Tại sao? Tâu Đại vương, bảy năm quá lâu. Biết đâu trong khoảng thời gian đó việc xuất gia của chúng ta bị trở ngại.

Nhà vua lại nói với đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Đồng tử có thể đợi ta trong vòng sáu năm, để ta thu xếp quốc sự xong rồi, sau đó ta sẽ cùng với đồng tử xả tục xuất gia.

Đồng tử Ma-ni-lâu-đà lại tâu vua Thích Bà-đề-lợi-ca:

–Đại vương, không nên nói như vậy. Tôi cũng không thể đợi sáu năm. Vì sao vậy? Vì sáu năm quá lâu, biết đâu trong thời gian đó, có việc gây chướng ngại cho việc xuất gia của chúng ta.

Nhà vua Bà-đề-lợi-ca lại nói với đồng tử Ma-ni-lâu-đà:

–Này đồng tử, nếu nhất định như vậy, xin đồng tử đợi ta trong vòng năm năm, để ta thu xếp quốc sự.

Cứ như vậy, giảm xuống bốn năm, ba năm, hai năm mà đồng tử Ma-ni-lâu-đà đều không chịu. Bấy giờ nhà vua lại nói:

–Nếu không chịu như vậy, thì xin đợi ta trong vòng một năm để ta thu xếp quốc sự, sau đó ta sẽ cùng đồng tử xuất gia.

Ma-ni-lâu-đà vẫn tâu vua Thích Bà-đề-lợi-ca:

–Tôi cũng không thể đợi đến một năm. Tại sao? Vì một năm vẫn còn lâu. Biết đâu trong thời gian ấy có việc của nhà vua làm trở ngại.

Bấy giờ vua Thích Bà-đề-lợi-ca nói với Ma-ni-lâu-đà:

–Này đồng tử, nếu nhất định không chịu, xin đồng tử đợi cho tôi trong vòng sáu tháng để tôi thu xếp quốc sự.

Cứ như vậy giảm xuống ba tháng, hai tháng, một tháng mà đồng tử Ma-ni-lâu-đà đều không chịu. Khi ấy vua Thích Bà-đề-lợi-ca nói với Ma-ni-lâu-đà:

–Này đồng tử, nếu đồng tử nhất định không chịu, xin đồng tử đợi cho tôi bảy ngày bảy đêm để tôi thu xếp quốc sự, rồi sau đó sẽ cùng đồng tử xả tục xuất gia.

Ma-ni-lâu-đà liền tâu vua Thích Bà-đề-lợi-ca:

–Lành thay! Tâu Đại vương. Lành thay Bà-đề-lợi-ca! Vâng theo ý Đại vương, tôi sẽ đợi bảy ngày bảy đêm.

Thuở ấy, Đức Thế Tôn ngự tại làng A-nô-di-ca-da. Trong bảy ngày đêm nơi hoàng cung nhà vua dùng các thứ trang hoàng như chuỗi anh lạc trang sức trên thân, cho đến ở hoa viên thọ hưởng thú vui ngũ dục. Như người sắp đi đến nhà khác dự đại hội, họ gội đầu, chải tóc, mặc y phục, dùng chuỗi anh lạc trang điểm trên thân, sau đó mới đi. Khi vua Thích Bà-đề-lợi-ca sắp đến hoa viên du ngoạn vui chơi cũng như vậy.

Có một đồng tử tên là Bạt-phù-đà *(nhà Tùy dịch là Đa Mi)*. Lại có một đồng tử khác tên là Cung-tỳ-la. Lại có một đồng tử khác tên là Nan-đề-ca. Lại có một đồng tử họ Thích khác tên là A-nan. Lại có một đồng tử họ Thích khác tên là Đề-bà-đạt-đa. Thân thể các đồng tử này cũng trang điểm như vị vua nói trên, các đồng tử này cũng mặc y phục, trang sức bằng

chuỗi anh lạc, lại đem theo một thợ cắt tóc giỏi, đồng đi đến làng A-nô-di-ca-da.

Bấy giờ vua Thích Bà-đề-lợi-ca có các bảo vật giá trị đến ba trăm lượng vàng. Giá trị y phục một trăm lượng vàng, giá trị chuỗi anh lạc một trăm lượng vàng và giá trị yên cương, đồ trang bị cho ngựa một trăm lượng vàng. Đồng tử Ma-ni-lâu-đà cũng như vậy.

Các đồng tử họ Thích: Bạt-phù-bà, Cung-tỳ-la, Nan-đà-ca, A-nan-đà, Đề-bà-đạt-đa, mỗi vị cũng có nhiều thứ bảo vật giá trị đến ba trăm lượng vàng.... giá trị trang bị cho ngựa. Tổng giá trị bảo vật của các đồng tử lên đến hai ngàn một trăm lượng vàng.

Khi các đồng tử ra khỏi thành Ca-tỳ-la Bà-tô-đô rồi, mọi người xuống ngựa, đều cởi hết chuỗi anh lạc trên thân cho thợ hớt tóc và nói:

–Các chuỗi anh lạc này chúng ta đều cho ông để sinh sống, ông hãy nhận lấy làm vốn sinh sống, không nên mong cầu gì khác.

Các đồng tử trao chuỗi anh lạc rồi đồng đi đến làng A-nô-di-ca.

Bấy giờ người thợ hớt tóc nghĩ thế này: "Những người họ Thích oai đức lẫy lừng có khi sẽ cho rằng ta đưa các đồng tử đi trốn khắp đó đây. Vì lý do đó, e rằng họ đến bức hiếp làm tổn hại ta. Các đồng tử đã mửa bỏ các vật này, tại sao ta lại ăn vào? Ngày nay, ta không nên nhận lấy các bảo vật này, các đồng tử đã giàu sang phú quý, đầy oai đức lẫy lừng như vậy, vẫn còn vứt bỏ vô lượng tài sản, bảo vật cùng vương vị để xả tục xuất gia. Huống gì như ta ngày nay vì cớ gì mà không theo họ xuất gia?."

Suy nghĩ như vậy rồi, người thợ hớt tóc liền đem các bảo vật, chuỗi anh lạc... móc trên cành cây và thầm nghĩ: "Nếu ai thấy được vật này, tự do lấy dùng, hoàn toàn không phải ăn cắp."

Tự nghĩ như vậy rồi, người thợ hớt tóc đi đến chỗ các đồng tử họ Thích. Các đồng tử họ Thích từ xa trông thấy người thợ hớt tóc hướng đến, hỏi vị ấy:

–Vì sao ông không trở về nhà?

Người thợ hớt tóc trả lời các đồng tử họ Thích:

–Thưa các Thánh tử, tôi nghĩ thế này: "Những người họ Thích rất hùng cường, có đầy oai đức thế lực như vậy, có thể cho rằng ta đưa các đồng tử đi trốn đó đây. Vì lý do đó, e sợ họ đến làm tổn hại thân mạng ta. Các đồng tử đã mửa bỏ bảo vật, ta vì sao lại ăn vào, ta không nhận lấy các vật báu. Vì sao? Vì các đồng tử họ Thích cường thạnh, có nhiều oai thế mà

vẫn xuất gia, huống chi ta ngày nay vì sao lại không xuất gia?" Thưa các thánh tử! Vì lý do đó tôi không trở về nhà.

Bấy giờ các đồng tử họ Thích nghe nói như vậy nên bảo:

–Ông đã suy nghĩ, quyết định như vậy thì không nên trở về nhà. Vì lý do gì? Đúng như lời ông nói. Các người họ Thích của ta oai nghiêm rực rỡ, tất sẽ cho rằng ông dẫn các đồng tử đi trốn đó đây. Đã có lời nói như vậy, nhất định họ sẽ đến làm hại thân mạng ông.

Bấy giờ các đồng tử họ Thích cùng với người thợ hớt tóc đồng đi đến chỗ Phật, đến nơi lễ dưới chân Phật, rồi ngồi về một bên và bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, xin cho chúng con được xả tục xuất gia thọ giới Cụ túc.

Họ lại bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, nếu Ngài cho chúng con xuất gia thì nên độ cho người thợ hớt tóc xuất gia trước. Vì sao? Vì người thợ hớt tóc này đã trải qua thời gian lâu dài cần khổ phụng sự chúng con, chưa từng sơ xuất, nên cho người thợ hớt tóc xuất gia và thọ giới Cụ túc trước. Ông ta xuất gia rồi, chúng con mới xuất gia thọ giới Cụ túc sau, để có dịp chúng con đứng dậy nghinh tiếp, chắp tay cung kính đảnh lễ ông ta, thể hiện sự tôn trọng. Vì sao? Vì các đồng tử họ Thích chúng con cống cao kiêu mạn, nay do người này chúng con hồi tâm, từ bỏ tâm kiêu mạn thuở trước.

Bấy giờ Đức Thế Tôn độ cho người thợ hớt tóc xuất gia thọ giới Cụ túc trước. Sau đó kế tiếp độ vua Thích Bà-đề-lợi-ca xuất gia thọ giới Cụ túc. Ngoài ra, các đồng tử khác đều theo thứ tự được xuất gia thọ giới Cụ túc. Lúc đó A-nan và Đề-bà-đạt-đa vẫn chưa được xuất gia vì hai vị này rời Thế Tôn đi đến dưới chân núi Tuyết.

Bấy giờ dưới chân Tuyết sơn có một vị Trưởng lão họ Bạt-da-sắc-tra, tên là Tăng-già. Vị này tu hành đã chứng ba quả, thành tựu Tứ thiền, thường sống dưới chân Tuyết sơn.

Bạt-da-sắc-tra Tăng-già thấy hai đồng tử A-nan và Đề-bà-đạt-đa đi đến, Trưởng lão tiếp đón hỏi han:

–Các đồng tử họ Thích có nhân duyên gì đến đây?

Hai đồng tử đáp:

–Hôm nay, hai chúng con muốn xuất gia, vì vậy mới đến Trưởng lão. Lành thay! Thưa Thánh giả, cúi xin ngài độ cho chúng con xuất gia.

Bấy giờ Bạt-da-sắc-tra Tăng-già chưa quán sát đức hạnh và cũng chưa từng biết căn tánh của đồng tử Đề-bà-đạt-đa nên Trưởng lão liền cho hai người xuất gia và thọ giới Cụ túc.

Trưởng lão A-nan xuất gia chưa được bao lâu, ở chỗ vắng vẻ tọa thiền tư duy, suy nghĩ thế này: "Hôm nay, có lẽ Thân Giáo sư cho ta đi gặp Đức Phật. Ta cũng nên đến yết kiến Đức Phật."

Nghĩ như vậy rồi, trời vừa sáng, A-nan từ phòng đi ra, hướng về Bạt-da-sắc-tra Tăng-già, đảnh lễ dưới chân, đứng về một bên rồi bạch Trưởng lão Bạt-da-sắc-tra Tăng-già:

–Bạch Trưởng lão, ý con nay muốn đến gặp Đức Phật, không biết Trưởng lão có cho phép hay không?

Bạt-da-sắc-tra Tăng-già bảo A-nan:

–Nếu thấy đúng lúc thì thầy cứ đi. Khi đến nơi, thầy sẽ thay ta lễ dưới chân Đức Phật, thay ta hỏi lời vấn an Đức Thế Tôn rằng Ngài có ít bệnh, ít não, thân có được an ổn không? Đi đứng có được dễ dàng không? Du hành giáo hóa có khó nhọc không? Thân thể khí lực có được dồi dào không?

A-nan nghe Thân Giáo sư nói như vậy, lại bạch:

–Y như lời Trưởng lão, con không dám trái lời.

A-nan đảnh lễ dưới chân Bạt-da-sắc-tra Tăng-già, nhiễu quanh ba vòng rồi từ tạ ra đi.

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 59

Phẩm 58: NHÂN DUYÊN CỦA BÀ-ĐỀ-LỢI-CA (Phần 3)

Bấy giờ Trưởng lão Đề-bà-đạt-đa thấy A-nan đi gặp Đức Phật nên hỏi:

–Trưởng lão A-nan, thầy đi đâu đó?

A-nan đáp:

–Tôi định đến yết kiến Đức Phật.

Đề-bà-đạt-đa nói:

–Này A-nan, nếu thầy nhất định đi, xin đợi tôi chốc lát, tôi cũng sẽ đến xin phép Thân giáo sư, rồi tôi cùng thầy đi đến Đức Phật.

Đề-bà-đạt-đa liền đi đến chỗ Tôn giả Bạt-da-sắc-tra Tăng-già đảnh lễ dưới chân, đứng về một bên, bạch:

–Thưa thầy, con muốn yết kiến Đức Phật. Cúi xin thầy thương mến cho phép.

Bấy giờ Trưởng lão Bạt-da-sắc-tra bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Nếu thầy thấy đến lúc, khi đi đến chỗ Phật sẽ thay ta đảnh lễ dưới chân Phật và vấn an Thế Tôn: ít bệnh, ít não, thân thể có an ổn không? Đứng ngồi có dễ dàng không? Đi lại hóa đạo có khó khăn không? Thân thể khí lực có dồi dào không?

Đề-bà-đạt-đa thưa Bạt-da-sắc-tra Tăng-già:

–Như lời Tôn sư dạy, con không dám trái phép.

Đề-bà liền đảnh lễ Tôn sư, nhiễu quanh ba vòng, từ tạ ra đi.

Bấy giờ hai vị Trưởng lão A-nan-đà và Đề-bà-đạt-đa rời khỏi chân Tuyết sơn, đồng đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi, hai người đảnh lễ dưới chân Đức Phật và đứng lui về một bên.

Trưởng lão Đề-bà-đạt-đa bạch Thế Tôn:

–Khi trước con cầu xin Như Lai xuất gia mà Như Lai không cho. Nay Như Lai không thấy con được xuất gia rồi hay sao?

Đức Phật bảo Đề-bà-đạt-đa:

–Này Đề-bà-đạt-đa, người vì mục đích gì mà xuất gia vậy? Xuất gia rồi, xin người không nên phản lại.

Các thầy Tỳ-kheo bạch Phật:

–Kỳ lạ thay! Bạch Thế Tôn, khi trước Ngài thường răn dạy Đề-bà-đạt-đa làm việc lợi ích. Ngược lại nay Đề-bà-đạt-đa lại đem oán thù đến với Phật.

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, chẳng chỉ đời này Ta dạy Đề-bà-đạt-đa làm điều lợi ích, mà người lại oán thù Ta, ở trong quá khứ cũng như vậy. Ta dạy điều lợi ích, ngược lại, ông ấy oán thù Ta.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, việc ấy thế nào, xin Ngài dạy rõ cho.

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ trong thời quá khứ dưới chân Tuyết sơn có con chim một thân hai đầu, thường ở tại nơi đây. Một đầu gọi là chim Ca-lâu-trà, một đầu gọi là chim Ưu-ba-ca-lâu-trà. Chim hai đầu này, một đầu ngủ, một đầu thức.

Một hôm nọ, đầu chim Ưu-ba-ca-lâu-trà đang ngủ thì gần bên đầu chim thức có một cây ăn quả tên Ma-đầu-ca. Cây này gió thổi làm hoa rơi nơi đầu chim thức. Lúc ấy với ý nghĩ: "Nếu một mình ta ăn hoa này, khi nuốt vào bụng thì cả hai đầu đều được sắc đẹp và sức lực, được hết đói khát", nên đầu chim thức không đánh thức đầu chim ngủ, cũng không báo cho biết, im lặng ăn hoa.

Sau đó, đầu chim ngủ thức dậy, thấy trong bụng no nê, ho hắt hơi ra ngoài, liền nói với đầu chim thức: "Anh ăn uống thức ăn tuyệt vời này ở đâu, khiến cho thân thể tôi no nê thoải mái, làm cho âm thanh của tôi trong trẻo?"

Đầu chim Ca-lâu-trà đáp: "Khi anh ngủ say, nơi đó cách đầu tôi chẳng xa, có hoa của cây ăn quả Ma-đầu-ca, lúc ấy một hoa rơi trên đầu tôi. Bấy giờ với ý nghĩ: "Chỉ một mình ta ăn hoa này, đến khi vào bụng thì cả hai đầu đều khỏi đói khát, đều có sắc đẹp và sức lực", nên tôi không đánh thức anh dậy, cũng không nói cho anh biết, mà ăn hoa ấy."

Đầu chim ngủ nghe nói như vậy, liền oán giận, hiềm trách, nghĩ thế này: "Người được thức ăn không nói ta hay, không gọi ta dậy, tự ăn một

mình. Như vậy, từ nay về sau nếu được thức ăn ta cũng không gọi, không cho biết."

Chim hai đầu ấy vào một hôm nọ bay đi đó đây, bỗng nhiên gặp một bông hoa độc. Với ý nghĩ: "Ta ăn hoa này để cả hai đầu đều chết." Nên đầu kia nói với đầu Ca-lâu-trà: "Giờ này anh ngủ đi, tôi sẽ thức."

Ca-lâu-trà nghe đầu Ưu-ba-ca-lâu-trà nói như vậy liền ngủ say. Đầu chim Ưu-ba-ca-lâu-trà vội ăn hoa độc. Đầu chim Ca-lâu-trà ngủ xong thức dậy, ho hắt hơi ra ngoài, biết đây là hơi độc, liền hỏi đầu chim kia: "Khi thức, anh ăn thức ăn độc nào khiến cho thân thể ta không an, mạng sống sắp chết, làm cho âm thanh ta khàn khàn, muốn nói ra nhưng cổ họng nghẹt cứng không thông!"

Lúc ấy đầu chim Ưu-ba-ca-lâu-trà nói với đầu chim Ca-lâu-trà: "Khi anh ngủ say, tôi ăn hoa độc, muốn cho hai đầu đều chết."

Ca-lâu-trà nói với Ưu-ba-ca-lâu-trà: "Việc làm của anh thật bộp chộp vội vàng! Tại sao anh làm việc như vậy?"

Liền nói kệ:

Ngày xưa anh đang yên giấc ngủ
Tôi ăn hoa lành mùi ngon ngọt
Hoa kia gió thổi rớt bên tôi
Anh lại phát sinh tâm sân hận.
Nguyện chẳng muốn thấy kẻ ngu này
Cũng nguyện chẳng sống chung với họ
Sống chung người ngu không lợi ích
Người ngu tự hại, hại người khác.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Nếu các thầy có tâm nghi ngờ chim Ca-lâu-trà ăn hoa thơm thuở ấy là ai thì chớ nên nghĩ gì khác, tức là thân Ta vậy. Chim Ưu-ba-ca-lâu-trà ăn hoa độc thuở ấy là ai? Tức là Đề-bà-đạt-đa này vậy. Thuở ấy Ta làm việc lợi ích, Đề-bà-đạt-đa ngược lại sinh sân hận. Ngày nay cũng vậy, Ta dạy điều lợi ích, ngược lại oán thù Ta.

Khi Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca đã xuất gia rồi, ở trong ba tháng hạ thành tựu ba pháp thần thông, Ma-ni-lâu-đà chứng được Thiên nhãn, Trưởng lão Bạt-phù-bà, Trưởng lão Nhân Kỳ, Trưởng lão Nan-đề-ca… những vị này đắc quả A-la-hán. A-nan lại chứng quả Tu-đà-hoàn, Đề-bà-đạt-đa chứng được thần thông phàm phu thế gian.

Khi Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca đắc quả A-la-hán, hoặc ở dưới gốc cây hay trong phòng vắng, hoặc ở nơi đất trống, hoặc ở trong vườn Kỳ-đà, ngày đêm ba thời thường xướng lên ba lần thế này: "Thật là an lạc!"

Lúc ấy các vị Tỳ-kheo đến bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca Kiều-cù-di không thích ở trong pháp Thế Tôn, không vui không mừng, luôn luôn nhớ đến thú vui phú quý khi còn vương vị. Vì thường nhớ nghĩ đến việc ấy nên hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở trong phòng vắng, hoặc ở nơi đất trống, thường ba thời xướng lên ba lần: "Thật là an lạc!."

Khi ấy Đức Phật gọi một Tỳ-kheo đến và bảo:

–Thầy đến đây. Hãy vì Ta, thầy đến gặp Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca và nói rằng Thế Tôn cần gặp thầy.

TỲ-KHEO ẤY BẠCH PHẬT:

–Y như lời Thế Tôn dạy, con xin vâng lời.

Đi đến chỗ Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca, vị ấy nói:

–Thưa Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca, Đức Thế Tôn gọi thầy đến.

Bà-đề-lợi-ca nghe nói như vậy, liền đi đến chỗ Đức Phật, đến nơi đảnh lễ rồi đứng lui về một bên.

Đức Phật bảo Bà-đề-lợi-ca:

–Này Bà-đề-lợi-ca, thầy không thích ở trong pháp của Ta tu phạm hạnh phải không? Thầy luôn luôn tưởng đến ngôi vua phải không? Vì tưởng nhớ như vậy nên hoặc ở dưới gốc cây, hoặc nơi phòng vắng, hoặc nơi đất trống, trong ba thời xướng lên thế này: "Thật là an lạc! Thật là an lạc!", phải không?

Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca bạch Phật:

–Đúng vậy, bạch Thế Tôn. Đúng vậy, bạch Như Lai.

Đức Phật lại bảo:

–Thầy thấy lợi ích gì, hoặc ở dưới gốc cây… ba thời xướng lên: "Thật là an lạc! Thật là an lạc!"?

Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, khi xưa con ở tại cung vua, nhận lễ quán đảnh, lên làm vua trị vì, được bảy lớp tường thành bao bọc cung điện bảo vệ con, lại có bảy lớp tượng quân hộ vệ, lại có bảy lớp chiến mã, như vậy. Lại có quân xa, bộ binh, mỗi loại đều có bảy lớp, đều mặc áo giáp, tay cầm binh khí cung, tên, giáo, mác, mâu, thuẫn, chày kim cang lớn và gậy sắt lớn,

khóa sắt, vòng sắt, chĩa ba, búa rìu… Bao nhiêu binh khí như vậy hộ vệ chung quanh con. Ngoài tường lại có bảy lớp hào nước. Giữ gìn như vậy, che chở như vậy, nhưng ban đêm nếu nghe tiếng động, con vẫn hồi hộp không yên, toàn thân dựng chân lông, thường sinh hổ thẹn, các căn biến động.

Bạch Đức Thế Tôn, ngày nay hoặc con ở dưới gốc cây, hoặc trong phòng vắng, hoặc nơi đất trống, ban đêm nghe bao tiếng thú dữ, con không còn sợ sệt, thân không dựng chân lông, không có hổ thẹn, các căn không biến động. Do vậy, con thường tư duy, nghĩ thế này: "Ta đã được điều lợi ích lớn! Ngày nay Thế Tôn là Bậc Đạo Sư của ta, thuyết các pháp mà Ngài đã được giác ngộ, ở trong pháp ấy ta được xuất gia, tu hành phạm hạnh, có nhiều cấm giới hộ trì ta để trở thành bậc diệu hạnh. Ta đang được đời sống tốt đẹp, khi qua đời cũng tốt đẹp."

Bạch Đức Thế Tôn, con đem sự sung sướng giàu sang thuở xưa nơi vương vị, so với sự an lạc xuất gia ngày hôm nay như cái vui ngồi chỗ vắng, cái vui giác quán, cái vui tịch tịnh, những cái vui của bậc Sa-môn…, do con nghĩ đến những cái vui này nên khi đang ở dưới gốc cây, hoặc trong phòng vắng, hoặc nơi đất trống, tri túc thiểu dục, đi khất thực, mà thân không sợ hãi dựng chân lông, giống như nai rừng tâm được tự tại, đi đứng nằm ngồi không bị chướng ngại. Cho nên ba thời thường reo lên ba lần: "Thật là an lạc!."

Lúc bấy giờ, Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca ở trước Đức Phật vì đại chúng mà nói kệ:

Thâm cung ngày xưa tôi đang ngự
Bảy lớp tường thành cao chót vót
Lầu canh đuổi giặc thật vững bền
Thành lũy bao quanh đến bảy lớp
Quân sĩ luôn luôn cầm khí giới
Suốt cả ngày đêm hộ vệ tôi
Nhiều cách như vậy để phòng thủ
Nhưng thân tâm vẫn sợ chẳng an.
Ngày nay tôi sống với Thế Tôn
Không có một người theo hộ vệ
Cho đến sống nơi thật hoang vắng
Hoặc dưới gốc cây trong rừng núi
Tôi: Ba-đề-ca, đệ tử Phật
Mọi người cùng nhau đồng che chở

Đi đứng nằm ngồi thường an lạc
Do vậy tâm không còn lo nghĩ.
Tôi xưa trong cung cõi voi chúa
Thân mặc y phục lụa tuyệt vời
Ăn uống canh cơm đồ ngon ngọt
Canh cháo hòa với vị thịt ngon,
Tôi nay nằm ngồi tùy ý trải
Phẩn tảo che thân nơi hoang vắng
Cắt ái từ bỏ gốc khổ đau
Muốn làm việc gì đều tùy ý.

Khi ấy vì việc này Đức Thế Tôn nói kệ:

Biết thân mạng, không lo khi sống
Cũng không buồn khi mạng lâm chung
Người nào dũng mãnh thấy chân đế
Tuy trong biển khổ nào có sợ.
Tỳ-kheo nào đã đoạn hữu ái
Thì đoạn trừ hết tất cả trần
Phiền não sinh tử đều diệt sạch
Như vậy không luân hồi đời sau.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người giàu sang quyền quý nhất xuất gia, đó là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca này.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca này ngày trước tạo thiện nghiệp gì, nay sinh trong nhà đại hào quý họ Thích, được nhiều của cải, sản nghiệp không thiếu? Tạo nghiệp gì được thừa kế lên ngôi vua họ Thích? Tạo nghiệp gì được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán? Được Thế Tôn ghi nhận: "Này các Tỳ-kheo, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, xả bỏ sự hào quý danh vọng đi xuất gia, thì Bà-đề-lợi-ca là người đệ nhất"?

Bấy giờ Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Ta nhớ thuở quá khứ, có một người nghèo cùng đi ăn xin để sống. Người này từ một thành nọ đi đến thành Ba-la-nại. Khi đến nơi, những ăn mày ở nơi đây đều quở trách tên ăn mày đó: "Ngươi từ đâu đến đây? Ta ngăn cấm ngươi không được đi ăn xin."

Bấy giờ người ăn mày này thấy có sự trở ngại nên suy nghĩ: "Ta với bọn họ không tội lỗi gì, tại sao họ ngăn cấm không cho ta đi xin?."

Thuở ấy, tại thành Ba-la-nại có một vị trưởng giả mất một cái bát bằng đồng, nên ông ta đi tìm kiếm. Tìm tại nơi đây không có, ông mới đi đến các thôn khác tìm bát đồng.

Khi ấy người ăn mày kia lượm được bát đồng nơi đống phân, treo bát trên đầu cây gậy, đi vào thành Ba-la-nại, đi từ đường phố này đến đường phố nọ, đi từ đường hẻm nọ đến đường hẻm kia, từ ngã tư đường hẻm này đến ngã tư đường hẻm kia, từ góc đường này đến góc đường nọ, miệng rao lên: "Bát đồng này là vật của ai? Ai là người chủ, xin nhận lãnh!"

Người ăn mày đi khắp đó đây để tìm người chủ, nhưng rốt cuộc không tìm ra chủ nó nên đến giao cho vua Phạm Đức. Sau đó, trưởng giả mới nghe: "Có người lượm được bát đồng từ nơi đống phân, treo bát trên đầu gậy đi vào thành Ba-la-nại, từ đường phố này đến đường phố kia, từ đường hẻm kia đến đường hẻm nọ và miệng rao lên: Bát đồng này của ai?… Đi khắp mọi nơi không biết chủ nó ở đâu. Vì không tìm được người chủ nên họ đến giao cho vua Phạm Đức."

Trưởng giả nghe như vậy, đến gặp vua Phạm Đức và tâu: "Đại vương biết cho! Bát đồng mà trước đây tên ăn mày dâng cho Đại vương là chiếc bát của tôi."

Lúc ấy vua Phạm Đức cho sứ giả đi gọi tên ăn mày đến, nhà vua hỏi: "Chiếc bát trước kia người mang đến đây, nay trưởng giả này nói là của trưởng giả. Việc ấy như thế nào?"

Người ăn mày tâu vua Phạm Đức: "Như thế này, thưa Đại vương, tôi không biết bát đồng này là vật sở hữu của ai. Nó ở nơi đống phân, tôi lượm được rồi treo trên đầu cây gậy, đi vào thành Ba-la-nại này, đi khắp đó đây hỏi không biết chủ của nó ở đâu. Do không biết chủ, nên tôi mới đem dâng cho Đại vương. Nay tùy ý Đại vương sử dụng.

Bấy giờ vua Phạm Đức nghe nói như vậy, rất vui mừng, trao bát đồng lại cho trưởng giả và nói với người ăn mày: "Này nhân giả, đối với ta, người muốn cầu mong những gì ta sẽ ban cho người."

Người ăn mày tâu vua Phạm Đức: "Tâu Đại vương, nếu ngày nay Đại vương thật sự hoan hỷ đáp ứng nguyện vọng của tôi thì xin Đại vương cho tôi làm chúa trong đám ăn mày nơi thành Ba-la-nại này."

Vua Phạm Đức lại nói: "Ngày nay, ngươi xin làm chúa đám ăn mày đó làm gì! Nên xin các điều ước muốn khác hoặc là vàng bạc, hoặc xin phong ấp một thôn trù phú nhất nước ta… ta sẽ ban ngay cho người."

Người ăn mày lại tâu: "Tâu Đại vương, nếu Đại vương hoan hỷ xin ban cho tôi được ước nguyện đó, tôi chỉ muốn được như thế thôi."

Nhà vua liền phán: "Theo ý ông muốn, ta chấp thuận."

Bấy giờ tại thành Ba-la-nại tổng cộng có năm trăm người ăn mày. Người ăn mày được ước nguyện ấy tập họp tất cả các ăn mày và tuyên bố: "Ta được Đại vương cho làm chúa các ngươi, các ngươi phải nghe lệnh ta phân xử."

Năm trăm ăn mày hỏi người ăn mày chúa: "Nay chúa phân chia chúng tôi làm những gì?"

Người ăn mày chúa phán: "Các ngươi phải cùng nhau khiêng ta trên vai, hoặc đặt ta trên lưng mà cõng đi, còn bao nhiêu hầu hạ chung quanh hai bên mà đi."

Bọn ăn mày năm trăm người nghe nói như vậy, liền theo sự xử phân đó: Hoặc người kiệu trên vai, hoặc người cõng trên lưng, du hành khắp đó đây. Đến xin những nơi có đồ ngồi, đồ nằm, thức ăn uống… rồi đem về một chỗ, vị ăn mày chúa phân chia rồi cùng nhau đồng sử dụng. Sự sinh hoạt như vậy, sống qua thời gian khá lâu.

Hôm nọ, có một người ngồi chỗ vắng, ăn Ma-hồ-trà-ca *(nhà Tùy dịch là Hoan hỷ hoàn).* Lúc ấy tên ăn mày chúa cướp lấy thức ăn Ma-hồ-trà-ca của người này rồi bỏ chạy, năm trăm ăn mày đồ chúng đồng đuổi theo ăn mày chúa. Chạy được quảng đường xa, mọi người đều mỏi mệt. Do vì mỏi mệt nên họ đều trở về, còn tên ăn mày chúa thân thể sức lực tráng kiện nên chạy mà không mệt. Chạy đến chỗ xa, xoay đầu nhìn lại không thấy năm trăm ăn mày. Thấy vậy người này đi vào một khu rừng, dùng nước rửa tay, ngồi bên mé bờ, ý sắp ăn Ma-hồ-trà-ca. Nhưng khi sắp ăn, anh ta hối hận: "Ta chẳng tốt, Ta vì cớ gì đoạt thức ăn của người khác, đoạt được rồi lại giấu đám tùy tùng của ta. Đồ ăn đã nhiều, ta ăn không hết. Nếu trong thế gian có các Thánh nhân, xin rõ được lòng tôi mà đến đây, tôi sẽ phân cho thức ăn này."

Phát tâm như vậy rồi, có một vị Bích-chi-phật tên là Thiện Hiền, từ hư không bay đến, hạ xuống đứng trước mặt ăn mày chúa, cách người này chẳng bao xa. Ăn mày chúa từ xa trông thấy vị Bích-chi-phật oai nghi chậm rãi, bước đi chững chạc, cử chỉ đúng phép, không gấp không hoãn. Thấy vậy rồi, anh ta đối với vị Bích-chi-phật sinh tâm tịnh tín. Đã được lòng tin thanh tịnh rồi, người này suy nghĩ: "Ở trong quá khứ và cho đến hiện tại, ta chịu cảnh nghèo hèn đều do không gặp được ruộng phước như thế. Ta chưa từng biết cung kính cúng dường người như vậy. Giả sử trong quá khứ ta đã gặp được ruộng phước như vậy thì ngày nay lẽ ra không gặp cảnh khốn khổ này, lẽ ra không sống dưới sự áp bức. Ta nay đem thức ăn Ma-

hồ-trà-ca dâng cho vị Tiên nhân này, không biết Tiên nhân có nhận lấy hay không? Nếu được người nhận lấy thì nguyện ở đời vị lai ta thoát khỏi thân khốn ách bần tiện này.” Nghĩ như vậy rồi, anh ta đem Ma-hồ-trà-ca dâng cho Tiên nhân.

Bích-chi-phật chỉ có một pháp duy nhất là hiện thần thông làm phương tiện giáo hóa chúng sinh, ngoài ra không có pháp nào khác. Vị Bích-chi-phật nhận thức ăn Ma-hồ-trà-ca rồi, vì thương mến người này, từ đây bay vọt lên hư không mà đi.

Người ăn mày chúa thấy vị Bích-chi-phật bay đi trong hư không như vậy, vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế. Do hoan hỷ nên anh ta chắp tay trên đầu, từ xa lễ dưới chân Tôn giả Bích-chi-phật, rồi phát nguyện: “Nguyện thân ta ở đời vị lai gặp được Bậc Thế Tôn như vậy, hoặc hơn thế nữa, với bao nhiêu giáo pháp của Ngài nói ra, tôi nguyện khi nghe qua rồi liền được tỏ ngộ. Lại nguyện rằng ta ở đời vị lai sinh trong nhà hào tộc, có đại oai đức, làm vua trị hóa dân chúng, chớ sinh trở lại trong đám ăn mày khổ sở. Lại nguyện rằng đời đời kiếp kiếp không sinh vào các đường ác.”

Đức Phật bảo các thầy Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nếu có ai nghi ngờ tên ăn mày chúa ở thành Ba-la-nại cúng dường Ma-hồ-trà-ca cho vị Bích-chi-phật thuở nọ là người nào thì chớ nghĩ gì khác, đó là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca này vậy. Khi xưa tên ăn mày chúa cúng dường Ma-hồ-trà-ca cho vị Bích-chi-phật, do nhân duyên đó nên ngày nay được phước báo sinh trong dòng họ Thích, một đại hào quý tộc, cho đến của cải không thiếu một vật gì.

Lại thuở đó, tên ăn mày phát nguyện: “Ở đời vị lai được sinh trong hào tộc đại oai đức, làm vua trị hóa dân chúng.” Do nghiệp nhân đó, nay được phước báo sinh trong nhà họ Thích, nhận lãnh ngôi vua.

Lại thuở ấy tên ăn mày chúa lại nguyện: “Vào thời vị lai, đời đời kiếp kiếp không đọa vào các đường ác, thường được lưu chuyển qua lại trong cõi trời người, hưởng nhiều diệu lạc.”

Lại thuở ấy tên ăn mày chúa lại nguyện: “Ở đời vị lai thường gặp được vị Bích-chi-phật Thế Tôn như vậy, hoặc là hơn thế nữa, những giáo pháp Thế Tôn nói ra, tôi nguyện nghe qua liền tỏ ngộ.” Do nhân duyên ấy, ngày nay được phước báo gặp Ta, được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán. Ta lại ghi nhận: Trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người hào quý nhất xuất gia, đó là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca.

Này các Tỳ-kheo, Bà-đề-lợi-ca xưa tạo các nhân duyên thiện căn như vậy, do nhân duyên thiện căn ấy nên nay sinh trong nhà họ Thích, thuộc chủng tộc hào quý, hết sức giàu sang, cho đến của cải không thiếu hụt, ở trong dòng họ Thích được nối ngôi vua, mà xả bỏ ngôi vua đi xuất gia, thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán. Cho nên Ta ghi nhận: ở trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, kẻ thuộc dòng họ hào quý xuất gia thì Bà-đề-lợi-ca là người bậc nhất.

Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca-sau khi chứng quả A-la-hán, thường ở chỗ vắng vẻ, đi khất thực để sống, đắp y phấn tảo, thường ngồi không nằm, ngồi nơi thuận tiện, chỉ giữ ba y, lại không cất chứa vật gì khác.

Một lúc nọ, Trưởng lão ở chỗ vắng vẻ trong rừng cây thuộc thành Xá-bà-đề. Trưởng lão tìm cỏ và lá cây nhưng không có nên lượm phẩn khô của bạch tượng, nhóm lại làm chỗ ngồi. Trưởng lão ngồi kiết già trên đống phân voi, thân thể ngay ngắn, nhiếp tâm chánh niệm trải qua một đêm.

Sáng sớm hôm sau, Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca đắp y, mang bình bát, sắp vào thành Xá-bà-đề khất thực. Bấy giờ trong thành này có nhiều ăn mày xin được đồ ăn xong, nên đi ra khỏi thành chẳng bao xa, mỗi người sắp ăn thức ăn của mình vừa mới xin được.

Lúc ấy Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca từ xa trông thấy các người ăn mày, sau khi xin thức ăn xong, rời khỏi thành chẳng bao xa, mỗi người ngồi mỗi chỗ sắp sửa ăn. Trưởng lão đến bên những người này đứng yên lặng.

Bấy giờ tất cả ăn mày suy nghĩ: "Vị Tỳ-kheo này cố ý thương mến chúng ta, cho nên đến đây khất thực." Nghĩ như vậy rồi, mỗi người tự giảm bớt một ít phần ăn của mình để cúng dường Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca.

Bấy giờ vua Ba-tư-na, nước Kiều-tát-la cỡi con bạch tượng tên là Nhất-phân-đà-lợi ra đi từ thành Xá-bà-đề cùng với một đại thần tên Thi-lợi-bạt-đà *(nhà Tùy dịch là Bỉ Hiền),* khi ấy vua Ba-tư-na nước Kiều-tát-la xa xa trông thấy Bà-đề-lợi-ca khất thực nơi những người ăn mày để ăn, liền nói với đại thần Thi-lợi-bạt-đà:

–Này Thi-lợi-bạt-đà, đây là Tỳ-kheo nào mà xin thức ăn từ đám ăn mày để ăn như vậy?

Bấy giờ vị đại thần quán sát thấy rõ là Tỳ-kheo Bà-đề-lợi-ca, biết chắc chắn không sai, nên tâu vua:

–Tâu Đại vương, xin ngài biết cho, đây là Tỳ-kheo Thích Bà-đề-lợi-ca.

Nhà vua bảo vị đại thần:

–Nếu quả thật như vậy, khanh đánh bạch tượng đến chỗ Bà-đề-lợi-ca.

Đại thần Thi-lợi-bạt-đà nghe vua truyền lệnh, tâu:

–Y như lời Đại vương dạy, xin vâng lệnh.

Nhận lệnh rồi, vị đại thần đánh bạch tượng chở vua đến chỗ Bà-đề-lợi-ca. Khi vua Ba-tư-na nước Kiều-tát-la đến gần Bà-đề-lợi-ca, liền xuống voi, đảnh lễ dưới chân Trưởng lão, rồi đứng lui về một bên. Vua Ba-tư-na nước Kiều-tát-la thưa Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca:

–Thánh giả, ngày nay vì lý do gì có ý bần tiện, xin thức ăn ở nơi những kẻ ăn mày để ăn như vậy.

Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca nói với vua Ba-tư-na Kiều-tát-la:

–Này Đại vương, tôi không phải bần cùng mà theo họ xin ăn. Tôi có bảy món của báu, ý tôi muốn theo những người nghèo đó xin ăn để cho họ được thoát cảnh bần cùng.

Đại vương phải biết, tôi đã có con mắt trí tuệ, chỉ vì muốn phá màn vô minh cho chúng sinh nên đến đó xin ăn để mở con mắt tuệ cho họ.

Lại nữa, này Đại vương, tôi đã thoát khỏi tất cả sự ràng buộc, chỉ vì chúng sinh bị tham dục, sân hận trói buộc nên tôi đến đó xin ăn để mở trói buộc cho họ.

Này Đại vương, nay tôi đã vượt đến bờ giải thoát, chỉ vì muốn cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong vũng bùn lầy phiền não nên tôi đến đó xin ăn.

Lại nữa, này Đại vương, tôi nay đã đạt được đến chỗ không bệnh, chỉ vì muốn trị bệnh phiền não cho chúng sinh nên đến đó ăn xin.

Khi ấy vua Ba-tư-na nước Kiều-tát-la lại bạch Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca:

–Thưa Thánh giả, trẫm cũng bần cùng không có bảy thứ báu. Trẫm cũng tối tăm, sống trong hắc ám. Trẫm cũng bị chìm đắm trong vũng bùn lầy phiền não. Trẫm nay cũng bị bệnh tham dục. Cúi xin Thánh giả thương mến thường đến nội cung của trẫm.

Bấy giờ Trưởng lão Bà-đề-lợi-ca nói với vua Ba-tư-na Kiều-tát-la:

–Này Đại vương, Đại vương chẳng cần làm như vậy.

Nói như vậy rồi, Trưởng lão từ giã nhà vua mà đi.

□

Phẩm 59: MA-NI-LÂU-ĐÀ (Phần 1)

Một hôm, Đức Thế Tôn vì hàng Tỳ-kheo mà diễn thuyết các pháp. Khi ấy Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà ngủ gục không biết nên Đức Phật quở trách Ma-ni-lâu-đà:

–Này Ma-ni-lâu-đà, tại sao thầy đối với giáo pháp này mà ngủ gục như vậy? Việc làm của thầy như vậy không tốt. Thầy đứng dậy, đừng ngủ nữa!

Từ đó về sau, Ma-ni-lâu-đà không ngủ. Vì trải qua thời gian lâu không ngủ nên cặp mắt bị mù, chỉ dùng Thiên nhãn thấy cảnh vật thế gian.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người phạm hạnh trên hết là Tỳ-kheo Ma-ni-lâu-đà.

Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà thường hay may vá y phục. Có đôi lúc năm ngón tay nắm tất cả năm cây kim.

Lại một hôm nọ, Trưởng lão Mục-kiền-liên đến nói với Ma-ni-lâu-đà:

–Nay Trưởng lão hãy cùng tôi du hành đây đó.

Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà đáp lời Trưởng lão Mục-kiền-liên:

–Xin Tôn giả nán lại, nán lại. Đợi tôi may y xong.

Trưởng lão Mục-kiền-liên lại nói với Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà:

–Nếu Trưởng lão dùng thần thông mà may thì y sẽ mau xong, nếu muốn dùng ý để mau thành thì nguyện mau thành.

Khi Ma-ni-lâu-đà may y này, sợi chỉ thoát khỏi lỗ kim, Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà tự nói một mình: "Ở trong thế gian có ai muốn làm công đức xỏ giùm sợi chỉ cho ta?"

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi thiền, nhiếp tâm một mình trong phòng, với Thiên nhĩ thanh tịnh nghe Ma-ni-lâu-đà nói như vậy. Ngài nghe rồi, giống như lực sĩ duỗi cánh tay, liền hiện đứng trước mặt Ma-ni-lâu-đà mà không hiện thân, lấy chỉ luồn kim. Lúc ấy Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà liền hỏi:

–Ai xỏ giùm chỉ cho ta vậy?

Đức Phật bảo:

–Này Ma-ni-lâu-đà, Ta xỏ giùm chỉ cho Trưởng lão.

Bấy giờ tất cả Tỳ-kheo truyền nhau nói: "Đức Thế Tôn xỏ chỉ giùm cho Ma-ni-lâu-đà." Nghe rồi, mỗi người tự nghĩ: "Đức Thế Tôn còn vì

người phạm hạnh giúp đỡ không ngừng, cớ gì chúng ta lại làm ngơ không giúp đỡ lẫn nhau?" Do vậy, từ đó về sau các Tỳ-kheo có ai làm việc gì, đều giúp đỡ cùng nhau.

Khi ấy các Tỳ-kheo vì nhân duyên này đi đến bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà ngày trước trồng thiện nghiệp gì, nay được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán? Được Thế Tôn ghi nhận: "Này các Tỳ-kheo, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người được Thiên nhãn thanh tịnh bậc nhất, đó là Tỳ-kheo Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà."

Nghe các Tỳ-kheo bạch như vậy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ ở đời quá khứ lâu xa, trải qua vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, có một Đức Phật ra đời hiệu là Nhiên Đăng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Khi vì hàng Tỳ-kheo mà thuyết pháp, Đức Phật ấy tán thán các công đức của Thiên nhãn.

Thuở ấy, có một cư sĩ tên là Đại Tài đến dự hội. Khi nghe nói đến pháp này, vị ấy suy nghĩ: "Ta nay tuy không xin cha mẹ xuất gia, nhưng ta nay chỉ vì muốn đời tương lai được Thiên nhãn nên lúc này ta phải tạo các căn lành."

Suy nghĩ như vậy rồi, Đại Tài sắm đầy đủ dầu mỡ được năm trăm đấu, cúng cho Đức Phật Nhiên Đăng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và phát nguyện: "Ta nguyện đời vị lai gặp được Đức Phật như thế này, giáo pháp của Ngài nói ra, ta đều mau chứng ngộ. Đối với hàng đệ tử Thanh văn có Thiên nhãn của Ngài, ta là người đệ nhất."

Lại nguyện: "Đời đời kiếp kiếp không rơi vào các cõi ác."

Bấy giờ Đức Nhiên Đăng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn bảo cư sĩ Đại Tài: "Ở đời vị lai có Đức Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni đầy đủ mười hiệu: Như Lai Thế Tôn Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác... ở trong hàng Thanh văn chứng Thiên nhãn của Ngài, người là đệ nhất."

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, các thầy có tâm nghi ngờ cư sĩ Đại Tài vô cùng giàu có ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng thuở ấy là ai không? Tức là Ma-ni-lâu-đà này vậy.

Bấy giờ Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ thời quá khứ lâu xa có tên giặc cướp, trong đêm tối đang đi trên đường hẻm, ý muốn đi ăn cướp, đi giữa đường dây giày bị đứt. Thuở ấy nơi đó có một tháp thờ xá-lợi Bích-chi-phật. Nơi tháp này, có một người phụng thờ, thắp đèn cúng dường cầu phước, mà dầu ngọn đèn sắp cạn. Tên giặc đến, thấy đèn sắp cạn dầu, vì để nối dây giày bị đứt nên đổ thêm mỡ vào đèn, dùng đầu mũi tên nhọn khêu tim, đèn sáng rực trở lại.

Bấy giờ tên giặc thấy đèn sáng tỏ, nối lại dây giày. Do ánh đèn chiếu sáng, thấy cạnh đó có ngôi tháp ấy nên tâm được thanh tịnh. Tâm được thanh tịnh rồi phát nguyện: "Tháp này của ai? Ta nguyện ở đời vị lai gặp được Thế Tôn bản thể của tháp này, hoặc hơn thế nữa. Với giáo pháp Thế Tôn nói ra, tôi nguyện nghe rồi mau tỏ ngộ. Trong hàng đệ tử Thanh văn của Thế Tôn, người chứng Thiên nhãn, tôi là trên hết."

Lại nguyện: "Đời đời kiếp kiếp tôi không rơi vào các đường ác."

□

KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

QUYỂN 60

Phẩm 59: MA-NI-LÂU-ĐÀ (Phần 2)

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, tên ăn trộm thêm dầu ngọn đèn trước tháp Bích-chi-phật thuở ấy là ai? Chớ nên nghĩ gì khác, đó là Tỳ-kheo Ma-ni-lâu-đà này.

Ma-ni-lâu-đà thuở xưa là cư sĩ Đại Tài, kiếp sau lại làm tên ăn trộm, vì nhân duyên thêm dầu vào đèn tháp thờ Bích-chi-phật, với tâm thanh tịnh, phát nguyện: "Nguyện đời vị lai ta không rơi vào các đường ác, thường sinh trong cõi trời và người." Nhờ nghiệp báo đó, sinh ra đời chưa từng ở trong cõi ác, thường được an lạc ở cõi trời người.

Lúc đó, vị ấy có nguyện: "Vào đời vị lai ta thường gặp Đức Thế Tôn như vậy hay hơn thế nữa. Bao nhiêu giáo pháp của Ngài nói ra, tôi nguyện mau tỏ ngộ." Do nghiệp đó nên ngày nay được gặp Ta và xuất gia, thọ giới Cụ túc.

Lại thuở ấy phát nguyện: "Trong hàng đệ tử chứng Thiên nhãn của Thế Tôn ấy, ta là người đệ nhất." Do nghiệp báo này nên ngày nay, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta chứng Thiên nhãn thì Ma-ni-lâu-đà là người đứng đầu.

Này các Tỳ-kheo, Ma-ni-lâu-đà ngày xưa do trồng các thiện căn như vậy nên nhờ phước báo đó ngày nay được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng quả A-la-hán. Này các Tỳ-kheo, Ta lại ghi nhận: "Trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta chứng Thiên nhãn thì Ma-ni-lâu-đà là người đứng đầu."

Một thời, Đức Thế Tôn ngự tại vườn Nai, là chỗ ở của các cựu Tiên nhân, thuộc thành Ba-la-nại. Gặp lúc trời đang mưa, Trưởng lão A-nan đến đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rồi đứng lui về một bên, bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay trời mưa không đi khất thực được, nên làm cách gì để các Tỳ-kheo đỡ đói qua một ngày một đêm?

Đức Phật bảo A-nan:

–Thầy khỏi phải lo. Tỳ-kheo Ma-ni-lâu-đà hiện có phước lực rất lớn, hôm nay, Tỳ-kheo ấy có thể làm cho chúng Tăng khỏi đói qua một ngày một đêm.

Khi ấy Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà đến đảnh lễ Đức Phật, rồi đứng lui về một bên, bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài nhận lễ mọn cúng dường của con. Nếu Ngài nhận lấy thức ăn của con thì có thể khiến đại chúng khỏi đói qua được một ngày một đêm.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Vào sớm mai hôm ấy, Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà đắp y, mang bình bát đi đến thành Ba-la-nại, khi vừa vào thành chưa đi khất thực, lại cũng không gặp người quen cựu thân tình nào. Bỗng nhiên, lúc ấy có năm trăm bồn đựng đầy thức ăn hiện trước mặt Trưởng lão. Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà liền đưa năm trăm bồn thực phẩm về vườn Nai, sắp đặt trước các chỗ ngồi, trần thiết xong rồi, đi đến thỉnh Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, giờ ăn đã đến, thức ăn đã xong, cúi xin Ngài quang lâm thọ trai.

Khi ấy mặt trời còn ở phía Đông, Đức Thế Tôn mặc y mang bát cùng các Tỳ-kheo đồng đi đến trai đường, thấy thức ăn đã dọn sẵn, theo thứ lớp mà an tọa.

Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà thấy Thế Tôn và đại chúng theo thứ lớp an tọa xong, tuần tự bưng năm trăm bồn thức ăn, trước dâng cho Đức Phật, sau dâng cho đại chúng. Đức Phật và đại chúng ăn xong rồi, sau đó Ma-ni-lâu-đà mới ăn. Sau khi ăn rồi, Trưởng lão cùng các Tỳ-kheo đồng đến giảng đường, trải tòa mà ngồi.

Khi Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà ngồi xong, bạch các Tỳ-kheo:

–Thưa chư vị Trưởng lão, thật hiếm có! Thật hiếm có! Chưa từng thấy việc như vậy. Có phước báo rất lớn, công đức rất lớn, oai đức rất lớn như vậy là do đâu?

Thưa chư Trưởng lão, tôi nhớ thuở quá khứ lâu xa, tại thành Ba-la-nại này có một người bần cùng, không có của cải kho chứa. Nơi thành này có một vị Bích-chi-phật tên là Ba-tư-tra. Thành ấy lúc đó gặp thời kỳ lúa gạo rất quý, phần nhiều dân chúng đói khát, thiếu hụt. Trong thành ngoài thành có nhiều người chết đói, xương trắng ngổn ngang khắp nơi. Lúc ấy các vị xuất gia không thể khất thực được. Do bị đói khát bức xúc nên họ không thể tu tập.

Hôm nọ, mặt trời còn ở phương Đông, vị Bích-chi-phật Ba-tư-tra đắp y, mang bình bát, vào thành Ba-la-nại theo thứ lớp khất thực, qua khắp các nhà trong thành mà không khất thực được, trở ra khỏi thành mà bát vẫn không có gì.

Bấy giờ tôi thấy Tôn giả Bích-chi-phật Ba-tư-tra, liền đến bên Ngài thưa: "Lành thay! Thưa Đại tiên, nơi đây Ngài có khất thực được không?"

Tôn giả trả lời: "Thưa nhân giả, hôm nay tôi không khất thực được."

Bấy giờ tôi lại bạch: "Thưa Tôn giả, nếu như vậy, xin ngài đến nhà con, hiện giờ trong nhà con có một phần cơm nấu bằng lúa ty."

Tôi liền mời Tôn giả Bích-chi-phật về nhà rồi vào nhà lấy cơm ty dâng cúng cho Ngài. Khi vị Bích-chi-phật nhận sự cúng dường rồi tùy ý ra về. Bấy giờ tôi ra khỏi thành để kiếm củi. Nơi tôi kiếm củi cách rừng tha ma chẳng bao xa. Trong khi lấy củi, nơi bãi tha ma có một bộ xương trắng, bỗng nhiên đứng dậy, đi đến ôm lấy cổ tôi. Tôi cố gắng hết sức gỡ bộ xương, mãi đến chiều tối mà không được. Khi mặt trời sắp lặn, tôi đành mang bộ xương vào thành. Dân chúng thấy vậy nên họ bảo tôi: "Quái lạ! Người này mang xương người chết vào thành làm gì?"

Tôi đáp: "Này các anh, tôi nay cố gắng hết sức gỡ bộ xương mà rốt cuộc không được. Nếu các anh có khả năng, xin gỡ giùm tôi."

Khi ấy các người này xúm nhau nắm lấy bộ xương dùng hết sức hy vọng sẽ gỡ được, nhưng cũng không ra.

Bấy giờ, tôi lần lần vào trong nhà với ý định sẽ gỡ được xương trắng tử thi. Ngay lúc đó, xương trắng đều biến thành vàng, tự nhiên rơi xuống đất. Tôi thầm nghĩ: "Riêng ta không nên dùng vàng này." Nghĩ vậy rồi, tôi liền đi đến vua Phạm Đức tâu: "Đại vương biết cho, ngày nay chỗ đất nhà hạ thần có kho vàng, xin nhà vua thâu nhận sung vào của báu nhà vua."

Vua Phạm Đức đòi các quan tả hữu đến phán: "Các khanh phải đi theo người này và người này sẽ chỉ cho kho vàng. Các khanh phải nhận lấy đem về đây."

Khi ấy quan tả hữu nhận sắc lệnh nhà vua, lập tức họ theo tôi về nhà. Tôi liền chỉ vàng cho sứ giả. Sứ giả lại thấy toàn xương trắng người chết. Họ thấy vậy, nói với tôi: "Quái lạ! Này người ngu si, ông có phải là kẻ điên cuồng không? Cớ gì cho xương trắng của người chết là vàng?" Sứ giả trở về tâu đầy đủ sự việc lên nhà vua.

Vào một lúc sau, tôi lại đến tâu nhà vua: "Đại vương phải biết, hạ thần được kho vàng, sự thật không có nói dối. Cúi xin Đại vương sớm thâu nhận."

Lúc ấy, vua Phạm Đức đích thân đến nhà tôi để quán sát kho vàng thì lúc ấy vàng cũng biến thành xương trắng như trước. Nhà vua lại bảo tôi: "Quái lạ! Này kẻ ngu si, ông mắc bệnh điên chăng? Cớ gì ông cho xương trắng là vàng?"

Tôi lại thưa vua Phạm Đức: "Đại vương phải biết, đây là vàng thật, không phải là xương người chết."

Tôi nói vậy đến hai lần, rồi lúc ấy tay tôi cầm vàng phát lời thề: "Nếu vàng quý này vì ta đến đây là do phước báo thiện nghiệp, xin cho vua Phạm Đức cũng thấy như vậy." Phát lời thề rồi, thì nhà vua liền thấy xương người chết biến thành vàng, như tôi thấy vàng quý không khác.

Đại vương Phạm Đức liền nói với tôi: "Lành thay! Này nhân giả, người do tạo phước nghiệp gì? Hay đã thờ vị thần nào? Hay là cúng dường cho vị Thiên thần nào? Hay đã cúng dường vị Tiên nhân nào mà có thể cho người toại nguyện như vậy?"

Bấy giờ tôi thưa vua Phạm Đức: "Đại vương biết cho, hạ thần đã từng cúng dường thức ăn cho một vị Tiên nhân, chắc có lẽ do thần lực của vị Tiên nhân này khiến ngày nay hạ thần được phước báo như thế."

Vua Phạm Đức lại nói với tôi: "Nhân giả đã tạo thiện nghiệp như vậy nên ngày nay được phước báo này. Đây là phước báo của nhân giả, người khác không thể đoạt được. Nhân giả không nên phân vân, tùy ý sử dụng."

Thưa chư vị Trưởng lão, thuở ấy, tôi nhờ cúng dường vị Bích-chi-phật một bữa ăn nên trong đời ấy được phước báo nhu cầu của cải tùy ý được đầy đủ.

Do cúng dường một bữa ăn mà bảy lần sinh lên cõi trời Ba mươi ba. Nơi đây, tôi thọ phước báo làm vua Đế Thích. Sau đó, tôi sinh trong nhân gian làm vị Quốc vương và sau lại làm Chuyển luân thánh vương trị vì bốn châu thiên hạ, làm chủ thế giới, hộ trì thế gian, đầy đủ bảy báu, cho đến chinh phục giặc thù, y như pháp trị hóa muôn dân.

Do phước báo cúng dường một bữa ăn, sau khi qua đời, tôi sinh lên trời, rồi từ trời giáng xuống nhân gian, từ nhân gian qua đời lại sinh lên trời. Cứ như vậy, tôi lưu chuyển lên xuống, không sinh vào các cõi khổ khác. Chỗ tôi sinh ra, cung điện đều được tốt đẹp vô cùng. Nếu tôi sinh trong nhân gian thì sinh trong nhà hào quý, của cải dẫy đầy, cho đến tất cả nhu cầu không thiếu hụt. Nếu tôi sinh làm chư Thiên, thì thân hưởng thọ nhiều khoái lạc, sinh xuống nhân gian cũng như vậy.

Do nhân duyên cúng dường một bữa ăn nên nay tôi được phước báo sinh trong nhà họ Thích. Ngày sinh nhật của tôi, chư Thiên giáng hạ, đem

năm trăm y phục trời quý báu đắp trên thân tôi. Dưới đất lại có năm trăm kho tàng tự nhiên xuất hiện... đều do quả báo của sự cúng dường một bữa ăn. Vì tôi mà cha mẹ tôi đã cho xây ba cung điện, tòa thứ nhất nghỉ vào mùa hạ, tòa thứ hai nghỉ vào mùa đông và tòa thứ ba nghỉ vào mùa xuân thu.

Do nhân duyên cúng dường một bữa ăn, ngày nay tôi được phước báo sinh trong nhà họ Thích. Các kho lúa gạo trong nhà tôi lúc bấy giờ dần dần mỗi ngày thêm tràn ngập. Các thứ ngọc chân châu, lưu ly, san hô, hổ phách, vàng, bạc... vô lượng trân bảo, người và vật, không có gì thiếu hụt.

Lại do nhân duyên cúng dường một bữa ăn thuở ấy, ngày nay được phước báo. Một hôm, tôi ở hoa viên, mẹ tôi muốn thử tôi nên bày biện các bát dĩa không trên mâm, rồi dùng khăn phủ kín, sai người bưng đến cho tôi. Trên đường đi, chư Thiên đem các thức ăn uống rất thơm ngon, đầy đủ chất bổ dưỡng đặt đầy trong bát.

Lại cũng do sức phước báo cúng dường đó, một hôm tôi theo cha tôi kiểm tra công việc đồng áng. Khi ấy tôi khát nước, đi đến dòng suối múc nước, sắp uống thì nước ấy biến thành cam lộ diệu vị của chư Thiên.

Lại do nhân duyên cúng dường bữa ăn đó, nay phước báo thành thục, đi vào thành Ba-la-nại, chưa từng quen biết một ai, tự nhiên có năm trăm bồn thức ăn hiện đến trước mặt. Tôi nhận lãnh thức ăn này và mang về tòng lâm, thỉnh Đức Phật và chư Tăng cúng dường, làm cho Đức Phật và đại chúng đều được no nê.

Nhờ phước báo cúng dường một bữa ăn, ngày nay đối với bốn sự nhu cầu tôi không thiếu hụt. Phước báo do nhân duyên cúng dường bữa ăn, đối với dục lạc ở đời tôi cũng không thiếu. Nay xuất gia, đối với niềm vui xuất gia tôi cũng đều đầy đủ.

Lại do phước báo cúng dường một bữa ăn, nay đoạn sinh tử, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân đời sau, đạt đến chỗ vô úy, ngay trong đời này, chứng nhập Niết-bàn. Sau khi vào Niết-bàn rồi, tự nhiên chứng biết, không còn khổ vui.

Thưa chư Trưởng lão, thuở ấy tôi không biết vị tiên ấy là Tôn giả Bích-chi-phật. Nếu tôi biết Bích-chi-phật một cách rõ ràng, thì ngay khi ấy tôi cầu quả thù thắng, cầu đại uy đức, sẽ cầu quả vô thượng quảng đại.

Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà tóm tắt sự việc trên qua bài kệ:

Tôi tự suy nghĩ nhớ thuở xưa
Đang sống tại thành Ba-la-nại
Làm nghề bán củi sống qua ngày

Gặp được Tôn giả Bà-tư-tra
Thấy rồi cúng dường một bữa ăn
Nên sinh họ Thích nhà hào quý.
Ma-ni-lâu-đà tức tên tôi
Ca hát, vũ thuật đều tài giỏi
Đánh phách, phúng tụng và ca ngâm
Cho đến tất cả các kỹ thuật.
Tôi nay tự biết đời quá khứ
Cho đến thuở trước sinh ở đâu
Sinh lên cõi trời Ba mươi ba
Lên xuống nơi đây đến bảy lần.
Nơi đây có lần làm Đế Thích
Sống trong cung trời rất tự tại
Tất cả đều theo lệnh của tôi
Như vậy trị hóa hàng thiên chúng.
Làm vua nhân gian đến bảy lần
Làm lễ quán đảnh lên ngôi vua
Quyền lực sức mạnh thu phục người
Không dùng võ lực cùng binh khí
Như pháp trị hóa khắp mặt đất
Có nhiều trân bảo số vô lượng,
Quốc độ của tôi đều giàu có
Sinh ra trong nhà đại cự phú
Của cải tăng thêm không kể xiết
Đối với mọi người, tôi bậc nhất,
Ngũ dục thế gian đều đầy đủ
Ngọc quý bảy báu không thiếu gì
Đều do tôi tạo nghiệp như vậy.
Chưa từng sinh vào ba đường ác
Nay thuộc họ Thích được xuất gia
Được pháp cam lộ ba giải thoát.
Tôi lại nhờ đâu được xuất gia?
Xả bỏ gia nghiệp đến nơi đây
Chính vì tôi được lợi ích ấy
Nên đến đền đáp ân Đức Phật.
Thế Tôn biết tôi đã thuần thục
Vì tôi diễn thuyết pháp vô thường
Nếu tôi nghĩ đến thân huyễn hóa

Phật dùng thần thông đến chỗ tôi.
Tâm tôi nếu có điều nghi hoặc
Như vậy thật giải nghi cho tôi
Pháp Phật nói ra không phân biệt.
Nói pháp vì tôi không phân biệt
Tôi nay nghe được lời chân thật
Yêu thích chánh pháp mà thọ trì
Như vậy liền được ba giải thoát
Tức là kính đền ân chư Phật.
Tôi chẳng muốn mạng sống chấm dứt
Cũng không muốn tuổi thọ kéo dài
Tuổi thọ của tôi đến lúc hết
Chánh niệm tư duy xả thọ mạng.
Tôi biết sinh tử đời vị lai
Chúng sinh qua lại tôi cũng biết
Đã biết nơi đây qua đời rồi
Cũng biết chỗ đến của chúng sinh
Thành Tỳ-xá-ly nơi rừng Trúc
Tôi ở Trúc lâm xả thọ mạng
Ở trong rừng ấy, nơi rậm rạp
Xả thân hữu lậu vào Niết-bàn.

Bấy giờ Đức Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh hơn loài người, nghe Trưởng lão Ma-ni-lâu-đà nói nhân duyên tạo nghiệp trong quá khứ, nên ngày nay được phước báo như vậy, rồi lại dùng diệu kệ mà trình bày. Nghe như vậy rồi, Ngài hân hoan ca ngợi.

□

Phẩm 60: NHÂN DUYÊN CỦA A-NAN

Một hôm, các vị Đại đức phạm hạnh thỉnh Trưởng lão A-nan làm thị giả cho Đức Phật. Từ ấy về sau, Trưởng lão A-nan đem hết tâm lực của mình làm vừa ý Như Lai. Những gì Như Lai nói ra, Trưởng lão đều ghi nhớ. Những việc thế gian hay xuất thế gian, khi được nghe Đức Phật nói ra, Trưởng lão đều ghi nhớ vào lòng không quên. Nếu có ai đến hỏi chỗ nghi ngờ, cũng đều giải thích, khiến tâm họ được hoan hỷ.

Do vậy, Đức Thế Tôn họp chúng, tuyên bố với các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, trong số thị giả hàng Thanh văn đệ tử của Ta, người có Trí tuệ đa văn, đó là Tỳ-kheo A-nan này vậy.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, Trưởng lão A-nan ở trong quá khứ đã trồng thiện căn gì, mà nay nhờ thiện căn đó được sinh trong nhà đại hào tộc họ Thích, rất nhiều của cải, có nhiều thế lực, cho đến tất cả nhu cầu không thiếu một thứ gì? Do thiện nghiệp gì ngày nay được xuất gia thọ giới Cụ túc, được các Thánh pháp, khi nghe Thế Tôn nói những pháp thế gian hoặc xuất thế gian, nhớ mãi không quên? Có ai đến hỏi chỗ nghi ngờ, Trưởng lão cũng giải đáp khiến tâm họ được hoan hỷ. Được Thế Tôn ghi nhận: "Này các Tỳ-kheo, các thầy phải biết, trong hàng đệ tử Thanh văn của Ta, người có trí tuệ đa văn nhớ mãi không quên đệ nhất, đó là Tỳ-kheo A-nan này vậy."

Nghe các Tỳ-kheo hỏi như vậy, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nhớ trong thời quá khứ xa xưa, cũng nơi thành Ba-la-nại này, có vị vua trị vì tên Phạm Đức. Nhà vua có hai vương tử, người thứ nhất tên Hỷ Căn, người thứ hai tên Bà-nô *(nhà Tùy dịch là Nguyệt).*

Trong hai người này, Hỷ Căn là vương tử lớn, bản tánh hiền lành điềm đạm, chất trực nhu hòa, từ tâm quảng đại, biết sợ tội lỗi, xa lìa ái dục. Vương tử Hỷ Căn thấy cảnh phép vua trị tội trong thành, quan lại gây khổ não giết hại, nhiều cảnh trói buộc giam cầm như gông cùm, xiềng xích, nhà giam, hầm nhốt rất kiên cố, chặt đứt tay chân, xẻo tai, xẻo mũi, móc mắt... Vương tử thấy vậy liền suy nghĩ: "Khi phụ vương ta trăm tuổi, băng hà rồi, ta làm sao trị vì? Ta biết dùng vương vị như thế này để làm việc gì? Thân mạng ta cũng không biết dùng làm việc gì? Vì sao vậy? Ta đã thấy tất cả chúng sinh bị bao nhiêu khổ não bức xúc thân thể. Như vậy ngày nay tốt nhất là xuất gia tu đạo." Nghĩ như vậy rồi, chàng đi đến thưa với phụ vương và mẫu hậu: "Kính thưa cha mẹ, con muốn xả tục xuất gia học đạo."

Bấy giờ phụ vương và mẫu hậu nói với vương tử: "Con là đứa con yêu dấu của cha mẹ, tâm ý cha mẹ luôn luôn nghĩ đến con, mắt nhìn hoài không biết chán. Cha mẹ thà chịu chết chứ không thể xa con, hễ cha mẹ còn sống ngày nào thì nhất định không cho con xuất gia."

Nói lời như vậy đôi ba lần, vương tử Hỷ Căn thưa phụ vương và mẫu hậu: "Kính thưa cha mẹ biết cho, ngày nay con quyết định xuất gia. Cúi xin cha mẹ thương xót cho phép."

Vương tử luôn thưa phụ vương và mẫu hậu lời như vậy nên phụ vương và mẫu hậu cho phép vương tử xuất gia và bảo vương tử: "Con là con của ta, hãy làm theo ý muốn của con."

Bấy giờ vương tử Hỷ Căn được phụ vương và mẫu hậu cho phép được xuất gia.

Vào một ngày kia, vương tử Hỷ Căn sau khi đã xả tục xuất gia, cạo bỏ râu tóc, tuần tự tu tập thành bậc Duyên giác, đầy đủ các pháp thần thông biến hóa, phóng quang, phun nước, xoay chuyển mặt trời, chấn động đại địa, nổi mây, phát mưa... mọi việc biến hóa một cách tự tại.

Vị Bích-chi-phật suy nghĩ: "Ta vì việc gì mà xuất gia? Sự việc như vậy, ta đã làm hoàn tất, đã được tự lợi, bổn phận đã xong. Ta nên thương xót cha mẹ và quyến thuộc cùng các chúng sinh, mà trở về hoàng cung, làm ruộng phước cho họ." Bấy giờ Tôn giả Bích-chi-phật Hỷ Căn đi dần về thành Ba-la-nại. Khi đến nơi, Bích-chi-phật dừng chân nơi rừng A-la, trong thành của phụ vương Phạm Đức.

Khi ấy vua Phạm Đức nghe nói: "Đồng tử Hỷ Căn đã thành Tiên nhân, đang về nơi đây, hiện ở trong thành." Nên suy nghĩ: "Vậy ta nên đến gặp Hỷ Căn, hỏi thăm an ủi." Lúc ấy vua Phạm Đức dùng oai thế của mình, trang nghiêm oai phong với bốn binh chủng hộ vệ đưa ra khỏi thành, để thể hiện thần đức của mình.

Bấy giờ Tôn giả Bích-chi-phật Hỷ Căn từ xa trông thấy phụ vương đến, thầm nghĩ: "Những người này và vua Phạm Đức... có oai quyền thế lực rất lớn, nên họ ngã mạn cống cao. Nếu ở trước vua Phạm Đức... ta thủ lễ thì nhất định họ không cung kính ta."

Nghĩ như vậy rồi, Bích-chi-phật bay vọt lên hư không hiện các phép thần thông biến hóa như nằm, ngồi, đi kinh hành, nửa thân bốc khói, nửa thân phun lửa, nửa thân phía trên phun lửa, nửa thân phía dưới phun nước...

Khi ấy Đại vương Phạm Đức cùng bá quan quần thần thấy Tôn giả đại thánh Bích-chi-phật bay vọt lên hư không thị hiện các thần thông biến hóa. Nhà vua thấy vậy, lại nghĩ: "Đồng tử của ta xả bỏ vương vị đi xuất gia, nay đã thành đại tiên, có đại oai đức, có đại thần thông", nên hết sức vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế. Nhà vua đi đến chỗ ngồi của Bích-chi-phật. Khi nhà vua gần đến nơi thì Bích-chi-phật từ hư không từ từ hạ xuống. Nhà vua đến nơi, hoan hỷ cung kính lễ bái, vừa lúc Bích-chi-phật hạ xuống, ngồi trên tòa cũ.

Khi ấy vua Phạm Đức đảnh lễ dưới chân Bích-chi-phật rồi đứng lui về một bên. Bấy giờ Bích-chi-phật thuyết một ít diệu pháp, khiến nhà vua vô cùng vui mừng hớn hở, thể hiện an lành.

Khi vua được nghe Bích-chi-phật thuyết pháp, vui mừng hớn hở, thưa: "Lành thay! Thưa Đại tiên, xin nhận lời mời của tôi, Tiên nhân ở luôn

trong cung, tôi sẽ vì Tôn giả tạo cảnh chùa và nhà kinh hành, cung cấp bốn sự cúng dường. Tôn giả muốn gì, tôi đều cung ứng đầy đủ. Nếu Tôn giả vì thương xót chúng sinh nơi thôn xóm, thành ấp muốn đi khất thực thì Tôn giả tự do đi, tôi không cản trở."

Tôn giả Bích-chi-phật im lặng nhận lời mời của phụ vương. Khi ấy nhà vua thấy Tôn giả Bích-chi-phật Hỷ Căn im lặng nhận lời mời, nên vội vã sắm sửa các thứ cúng dường: nhà kinh hành, bốn sự cúng dường... tất cả được sắm sửa bài trí xong. Còn bao nhiêu nhu cầu khác đều được cung cấp đầy đủ.

Một hôm, Bích-chi-phật vì thương xót chúng sinh, đi vào thành khất thực. Vào lúc Bích-chi-phật vào thành khất thực, vương tử Bà-nô đi đến chỗ Tiên nhân Bích-chi-phật Hỷ Căn phụng sự cúng dường. Những điều nghi ngờ trong tâm vị ấy thường đến hỏi Bích-chi-phật. Bích-chi-phật bị vương tử Bà-nô hỏi thì im lặng không đáp, chỉ nơi các ngón tay phóng ra lửa sáng. Bấy giờ vương tử Bà-nô thầm nghĩ: "Bích-chi-phật này có đại thần thông mà không có biện tài."

Bích-chi-phật Hỷ Căn nói với vương tử Bà-nô: "Này vương tử, vương tử nên xuất gia. Nếu ngày nay vương tử không chịu xuất gia, ta biết chắc chắn sau khi chết vương tử sẽ rơi vào đường ác. Nếu vương tử xuất gia, thì ta cũng biết vương tử thành bậc Đại tiên có đại thần thông."

Bấy giờ vương tử Bà-nô về thưa với phụ vương và mẫu hậu: "Lành thay! Thưa cha mẹ, Tiên nhân Hỷ Căn nay đã xuất gia. Ý con ngày nay cũng muốn xuất gia. Cúi xin cha mẹ thương xót cho con toại ý."

Nhà vua và hoàng hậu không cho phép, nhưng vương tử Bà-nô vẫn thường luôn đến chỗ Tiên nhân Hỷ Căn thờ phụng cúng dường. Bích-chi-phật cũng lại thường nói với vương tử Bà-nô:

–Vương tử phải xuất gia...

Vương tử Bà-nô đáp lời Bích-chi-phật: "Phụ vương và mẫu hậu ngày nay nhất định không cho em xuất gia. Việc ấy phải làm thế nào?"

Bấy giờ Tiên nhân Bích-chi-phật thấy trên mặt vương tử Bà-nô hiện tử tướng, chắc chắn bảy ngày nữa sẽ chết, nên Tiên nhân bảo vương tử: "Này vương tử Bà-nô, đến đây! Vương tử nhất định phải xuất gia. Vì lý do gì? Vì tướng chết của vương tử đã hiện, trong bảy ngày nữa vương tử sẽ qua đời."

Vương tử Bà-nô trở về thưa cha mẹ: "Kính bạch phụ vương và mẫu hậu, cúi xin song thân cho con xả tục xuất gia."

Lúc ấy Tôn giả Bích-chi-phật Hỷ Căn cũng đến thưa cha mẹ: "Bạch phụ vương cùng mẫu hậu, cha mẹ phải cho em xuất gia. Vì sao? Vì em Bà-nô đã xuất hiện tử tướng, trong vòng bảy ngày nữa sẽ qua đời. Vì nhân duyên này, cha mẹ nhất định sẽ biệt ly em con. Vì vậy, thà cho em đi xuất gia, chết trong pháp xuất gia, chớ nên để ở nhà."

Phụ vương và mẫu hậu nói: "Nếu nhất định trong bảy ngày nữa vương tử Bà-nô sẽ chết, vĩnh biệt chúng ta, nên chúng ta phải cho xuất gia."

Ngay lúc ấy vương tử Bà-nô liền cạo bỏ râu tóc, đắp ca-sa, thành người xuất gia. Ở trong bảy ngày cung kính phụng thờ Bích-chi-phật. Vị Bích-chi-phật dạy cho Bà-nô các pháp oai nghi. Mãn ngày thứ sáu, sang đến ngày thứ bảy, Bích-chi-phật biết Bà-nô nhất định phải chết. Do vì thương xót nên Bích-chi-phật rời khỏi tòa, bay vụt lên hư không, thể hiện các thần thông đi kinh hành, nằm, ngồi, phun khói, phun lửa, ẩn thân không hiện... Tiên nhân Bà-nô thấy Bích-chi-phật Hỷ Căn ở trong hư không biến hóa các thần thông như vậy. Thấy vậy Bà-nô rất vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân, không thể tự chế, chắp tay hướng về Bích-chi-phật đảnh lễ; đảnh lễ rồi, phát nguyện: "Tôi nguyện đời vị lai thường được gặp vị Thánh nhân Bích-chi-phật như thế này, hay hơn thế nữa. Bao nhiêu giáo pháp của Ngài nói ra, tôi nguyện nghe rồi đều được thông suốt."

Lại nguyện: "Tôi được làm thị giả hầu hạ cúng dường Thánh nhân ấy."

Lại nguyện: "Ở đời vị lai tôi được các thần thông, bao nhiêu oai lực đều như Bích-chi-phật này. Nếu có ai đến hỏi tôi nghĩa lý các pháp, tôi đều vì họ giải thích, khiến họ được hoan hỷ."

Lại nguyện: "Đời đời kiếp kiếp không rơi vào các đường ác."

Bấy giờ Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, nếu ai có tâm nghi ngờ vương tử Bà-nô ở trong bảy ngày thọ pháp và cung kính cúng dường Bích-chi-phật thuở ấy là người nào thì chớ nên nghĩ gì khác, tức là Tỳ-kheo A-nan này vậy.

Vương tử Bà-nô thuở ấy do tâm hoan hỷ cúng dường Bích-chi-phật Hỷ Căn nên nay được phước báo sinh trong nhà họ Thích.

Lại đối với Bích-chi-phật phát nguyện: "Tôi nguyện đời đời kiếp kiếp không đọa vào các cõi ác", do phước báo ấy nên chưa từng rơi vào các cõi ác, chỉ lưu chuyển sinh lên trời và nhân gian, hưởng khoái lạc tuyệt diệu.

Lại thuở ấy nhờ phát nguyện: "Nguyện đời vị lai gặp bậc Thánh nhân giáo thọ sư như thế này, hoặc hơn thế nữa, những giáo pháp của

Thánh nhân nói ra, tôi nguyện nghe qua một lần liền được thông suốt." Do vì nghiệp báo này nên ngày nay gặp Ta là Vị Giáo Sư, lại ở bên Ta được xuất gia thọ giới Cụ túc, chứng được Thánh pháp.

Lại thuở ấy phát nguyện: "Tôi nguyện ở đời vị lai gặp được vị giáo sư như vậy, tôi nguyện được làm thị giả cúng dường Thánh giả." Nhờ phước báo của nghiệp duyên này, nên nay làm thị giả cung kính cúng dường Ta.

Lại thuở ấy phát nguyện thế này: "Tôi nguyện ở đời vị lai được đại thần thông, có đại oai lực." Nhờ phước báo nghiệp nhân này nên ngày nay thành bậc Đại thánh, có đại oai lực.

Lại thuở ấy phát nguyện thế này: "Nếu đời vị lai có ai đến hỏi những điều nghi ngờ, tôi sẽ vì họ giải thích, phân tích rõ ràng, khiến tâm họ được hoan hỷ." Nhờ phước báo nghiệp nhân đó, nên ngày nay nếu có ai đến hỏi điều nghi ngờ, thì vì họ giải thích, khiến họ được hoan hỷ.

Bấy giờ Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Này các thầy, Ta nhớ thuở quá khứ lâu xa, tại thành Ba-la-nại này, có một vị đại phú trưởng giả tên là Tăng-tát-đà-na *(nhà Tùy dịch là Vương An)*. Vị trưởng giả này rất nhiều của cải, gia nghiệp vĩ đại giống như cung điện Thiên vương Tỳ-sa-môn không khác. Trong nhà mỗi ngày thường có đến năm trăm Bích-chi-phật lui tới khất thực. Thuở ấy có một bình bát của một Bích-chi-phật đáy nhọn như hình vú bò, nên bình bát mỗi khi để lên cỏ hay trên tấm thảm, liền ngã, không thể đứng vững.

Trưởng giả Tăng-tát-đà-na có một cô con gái, hình dung đoan chánh dễ thương, đầy đủ đức tướng của nữ nhi. Cô nàng thấy bình bát của Bích-chi-phật để không vững, liền cởi chiếc vòng của mình dâng cho Bích-chi-phật, bạch: "Cúi xin Đại tiên nhận lấy chiếc vòng này, dùng lót đáy bát."

Bấy giờ Tiên nhân vì thương xót cô ta, nên nhận lấy chiếc vòng dùng để lót đáy bát, nên bình bát không bị nghiêng ngã. Khi ấy cô gái thấy chiếc bát của Bích-chi-phật đứng yên trên chiếc vòng không bị nghiêng ngã, nên vui mừng hớn hở tràn ngập toàn thân không thể tự chế, nên phát nguyện: "Như bình bát của Tiên nhân đặt trên chiếc vòng này không ngã không nghiêng, thì ta nguyện ở đời vị lai, nếu nghe những pháp thế gian hay xuất thế gian của Thánh nhân nói ra, ta đều ghi nhớ hoàn toàn."

Khi ấy Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, nếu có thầy nào nghi ngờ cô gái nhà trưởng giả thuở ấy nay là ai thì chớ nên có ý nghĩ gì khác, tức là Tỳ-kheo A-nan này vậy. Do thuở ấy hoan hỷ cởi chiếc vòng trên tay, dâng cho Tôn giả Bích-

chi-phật để lót đáy bình bát, nhân đây phát nguyện: "Như Tiên nhân đặt bát trên chiếc vòng thì không ngã không nghiêng, ta nguyện ở đời vị lai, nếu nghe được bao nhiêu pháp thế gian hay xuất thế gian, tất cả đều ghi nhớ hoàn toàn không quên." Do nghiệp nhân đó, nay được phước báo những gì nghe được không quên.

Lại một hôm nọ, mặt trời còn ở phương Đông, Trưởng lão A-nan đắp y mang bình bát, đi vào thành Xá-bà-đề khất thực. Khi đi khỏi khu lâm viên Kỳ-đà, Cấp cô độc, nhưng chưa đến thành Xá-bà-đề, trên khoảng đường đi có một đại thọ tên là Thi-xa-ba, dưới tàng cây này có nhiều vị Bà-la-môn đang dừng nghỉ. Từ xa, trông thấy Trưởng lão A-nan sắp đi đến nơi, các Bà-la-môn ấy nói với nhau:

–Các người phải biết, vị Sa-môn em Cù-đàm này, trong hàng thông minh đa văn trí tuệ, thì người này là bậc nhất.

Họ nói lời như vậy rồi thì Tôn giả vừa đến nơi. Họ hỏi:

–Thưa Nhân giả, nay xin ngài quán sát cây Thi-xa-ba này có bao nhiêu lá?

Quán đại thọ rồi, Tôn giả A-nan bảo họ:

–Cành cây phía Đông tổng cộng gồm có chừng ấy trăm ngàn lá...

Lần lượt như vậy cho đến cành cây phía Nam, phía Tây, phía Bắc, Tôn giả đều nói:

–Tổng cộng gồm có chừng ấy trăm ngàn lá.

Nói như vậy rồi, Tôn giả bỏ đi. Sau khi Tôn giả A-nan đi rồi, các Bà-la-môn lặt cây ấy chừng trăm lá rồi giấu đi một nơi khác. Khi Tôn giả A-nan trở lại, các vị Bà-la-môn lại chận hỏi:

–Thưa Tôn giả A-nan, ngài đã trở lại. Xin ngài quán sát cây Thi-xa-ba có bao nhiêu lá?

Bấy giờ Tôn giả A-nan ngước xem cây rồi liền biết Bà-la-môn rút dấu chừng trăm lá, liền nói với họ:

–Cành phía Đông có chừng ấy trăm ngàn lá...

Như vậy cho đến cành phía Nam, cành phía Tây, cành phía Bắc cũng nói chừng ấy trăm ngàn lá. Tôn giả nói như vậy rồi liền bỏ đi.

Lúc bấy giờ các vị Bà-la-môn cho là việc ít có, chưa từng thấy. Họ nói với nhau:

–Vị Sa-môn này trí tuệ hết sức thông minh.

Các Bà-la-môn do vì nhân duyên này sinh tâm chánh tín. Đã có chánh tín rồi, sau đó chẳng bao lâu họ đều được xuất gia, thành A-la-hán.

Lúc bấy giờ có Trưởng lão Phân-na-bà-tố *(nhà Tùy dịch là Phi Túc),* Trưởng lão Cung-tỳ-la *(nhà Tùy dịch là Giao Long)*, Trưởng lão Nan-đề-ca. Ba người này chỉ biết nguyên nhân mình xuất gia mà không biết nguyên do mình từ đâu sinh ra, cũng không biết các đời quá khứ tạo nghiệp gì. Họ hỏi kinh này đặt tên gì?

Đáp rằng:

–Các thầy thuộc bộ phái Ma-ha Tăng-kỳ gọi là Bổn Sự.

–Các thầy thuộc bộ phái Tát-bà-đa gọi là Đại Trang Nghiêm.

–Các thầy thuộc bộ phái Ca-diếp-di gọi là Nhân Duyên Phật Sinh.

–Các thầy thuộc bộ phái Đàm-vô-đức gọi là Bổn Hạnh Của Phật Thích-ca Mâu-ni.

–Các thầy thuộc bộ phái Ni-sa-tắc gọi là Căn Bổn Của Tạng Tỳ-ni.

□

SỐ 191

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Tam tạng
Pháp Sư Pháp Hiền.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật trú trong rừng Ni-câu-đà thuộc nước Ca-tỳ-la. Bấy giờ đại chúng thuộc tộc họ Thích ở nước Ca-tỳ-la, tự suy nghĩ: "Đức Phật Thế Tôn của chúng ta trong đời quá khứ đã sinh ra ở đâu? Ngài có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Và có những nhân duyên gì?" Nghĩ xong, họ bèn nói những suy nghĩ ấy với mọi người trong tộc họ và tiếp:

–Chúng ta nay hãy đến chỗ Đức Phật để hỏi về những ý nghĩa ấy. Những điều được Phật giảng dạy, chúng ta sẽ y theo mà giữ gìn tu tập.

Nói như thế xong, đông đảo những người thuộc tộc họ Thích ấy liền đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu cung kính đảnh lễ dưới chân Thế Tôn rồi ai nấy về chỗ ngồi của mình. Lúc ấy đại chúng dòng họ Thích ở nước Ca-tỳ-la bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con thuộc dòng họ Thích ở trong một ngôi tinh xá thuộc nước Ca-tỳ-la chợt suy nghĩ: "Đức Thế Tôn của chúng ta trong đời quá khứ đã sinh ra ở nơi nào? Có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Và có những nhân duyên gì?" Chúng con không biết nên cùng Thích chúng đến chỗ Đức Phật xin chỉ dạy. Mong Đức Phật vì chúng con mà giảng nói những điều ấy, chúng con được nghe xong sẽ xin y giáo thọ trì.

Bấy giờ vì muốn giải tỏa những thắc mắc của đại chúng nên Đức Phật nói với Thích chúng:

–Trước hết, Ta không muốn nói về những điều ấy. Vì sao? Vì nếu những người ngoại đạo nghe được những điều này thì họ sẽ chế nhạo: "Ông

Sa-môn Kiều-đáp-ma tự nói tốt về mình.” Do vậy nói mà vui thì nói, còn nói mà không vui vẻ thì thử hỏi nói có ích gì?

Khi đó ngài Đại Mục-kiền-liên đang ở trong chúng từ chỗ ngồi đứng lên, chăm chú chiêm ngưỡng dung nhan của Đức Thế Tôn. Đức Phật bèn nói với Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Các vị Thích chúng ấy muốn được nghe về đời quá khứ của Ta, Ta đã sinh ở nơi đâu? Từng có họ gì? Thuộc dòng tộc nào? Có những nhân duyên gì? Nay ông hết lòng vì họ mà giảng thuyết những điều ấy.

Bấy giờ ngài Đại Mục-kiền-liên yên lặng suy nghĩ hồi lâu rồi thu y Tăng-già-lê đặt làm gối, nằm nghiêng bên phải, chân xếp lên nhau, lặng lẽ nhập vào pháp Tam-ma-địa, xem xét về quá khứ của Đức Phật rõ được nơi sinh, dòng họ cùng những việc mà Đức Phật đã trải qua. Sau khi tuệ quán biết rõ như thật, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên xuất định, trở lại chỗ cũ an tọa và bảo với Thích chúng:

–Trong lúc nhập chánh định ta đã xem xét rõ những việc về quá khứ của Bậc Kiều-đáp-ma. Xưa kia, vào lúc thế giới hoại, chúng sinh sau khi mạng chung mà được vãng sinh vào cõi Biến tịnh thiên thì các căn đều đầy đủ, hình tướng đoan nghiêm, không có những nỗi khổ, thân tâm yên vui, sắc tướng sáng rỡ, du hành tự tại trên không, ăn những vị ngon trên trời, thọ mạng dài lâu, không có kẻ nào mạng yểu. Bấy giờ những thứ do từ đất, từ nước sinh ra đầy khắp trong không trung giống như biển lớn gió thổi sóng xao, như sữa được nấu chín nên thứ nước ấy luôn trong lành, sau đó chúng sinh sẽ ăn những vị thanh tịnh tối thượng nhất.

Ngài Đại Mục-kiền-liên lại nói với đại chúng:

–Khi cuộc sống ở cõi Biến tịnh thiên hoại rồi, các chúng sinh ấy do phước báo thọ mạng đã hết nên rời khỏi Biến tịnh thiên sinh xuống cõi nhân gian thì thân tướng lúc ấy cũng như ở Thiên giới, hình tướng cũng đoan nghiêm, các căn không khiếm khuyết, sắc diện diệu kỳ tỏa rộng, tự thân có ánh sáng thường chiếu rực rỡ, sống lâu vui vẻ, tự tại đi lại trên không. Thời ấy không có mặt trời, mặt trăng và các vì sao, cũng không có thời gian như năm tháng, ngày giờ, cũng không có tướng nam, nữ của các loài chúng sinh, lại sinh ra vị đất để hỗ trợ cho sự sống. Vị đất ấy ngon ngọt lạ lùng, loài hữu tình ăn vào thì sinh ra tham đắm, rồi vì tham đắm mà thân thể bỗng trở nên nặng nề, ánh sáng không còn nữa, cả cõi thế gian trở nên tối tăm. Các loài hữu tình thấy thế gian tối tăm sinh tâm sợ hãi, ưu sầu. Nhưng rồi thế gian xuất hiện mặt trời, mặt trăng và các vì sao, từ đấy mà có ngày đêm và thời tiết, khiến các loài hữu tình thọ mạng lâu dài, không còn khổ não.

Do sự tham đắm mùi vị của đất, có kẻ tham nhiều, kẻ tham ít mà hình tướng hoặc xấu xí hoặc đoan nghiêm khác nhau, thế rồi sinh tâm phân biệt nên chịu quả báo có tướng đen, trắng chẳng đồng dẫn tới tình trạng ghen ghét lẫn nhau mà tạo thành tâm bất thiện. Vì tâm bất thiện nảy sinh nên vị ngon ngọt của đất dần dần mất đi, khiến cho chúng sinh đau khổ, than thở: "Nay không còn gì để ăn. Thật là khổ thay!"

Rồi họ lại suy nghĩ: "Vị đất ngon ngọt ấy vì sao mất đi. Trong tương lai chúng ta sẽ lấy gì để ăn." Việc ấy đã khiến họ bị lâm vào cảnh tai họa đói kém, sầu não mà không thể hiểu, cũng không thể cầu cứu ai được.

Nhưng không bao lâu thì trong lòng đất lại sinh ra một thứ bánh mùi vị thơm ngon như hoa Ca-lê-ni-ca-la. Chúng sinh ăn thứ bánh này thì thân thể khỏe mạnh, hình tướng đoan nghiêm, khí lực sung mãn, sống lâu và an lạc. Nhưng rồi có kẻ tham ăn nhiều, người tham ăn ít mà sinh ra sắc tướng khác nhau, từ đó sinh tâm phân biệt, làm những nghiệp phi hạnh, bất thiện đối với nhau khiến loại bánh sinh từ đất ấy biến mất. Điều này làm cho chúng sinh lại trở nên đau khổ, suy nghĩ không biết vì đâu mà loại bánh kia đã biến mất. Họ lại rơi vào cảnh đói kém. Sau đấy trên mặt đất lại sinh loài mây rừng có hình sắc kỳ diệu, hương vị thơm ngon. Chúng hữu tình ấy ăn vào thì khí lực tăng trưởng, thọ mạng dài lâu, hình tướng đoan chánh, đầy đủ nhân tướng và rồi cũng như trên, do chúng sinh tham đắm mà thức ăn mây rừng ấy biến mất khiến mọi loài đau khổ vì đói kém. Thời gian này, trong đất lại sinh ra loại lúa thơm, cứ đến mùa thì tự nhiên chín. Chúng hữu tình dùng lúa ấy để ăn, mùi vị thơm ngon, bổ dưỡng thân thể, mạng sống được kéo dài. Do ăn loại lúa thơm ấy nên dần dần con người cảm thấy trong thân hình mình có cái gì ngăn ngại, bèn nghĩ cách làm thế nào để trừ bỏ sự ngăn ngại ấy. Do ý nghĩ như vậy, mà nảy sinh hai giới tính nam nữ có thân căn khác nhau. Khi ấy loài hữu tình do sắc hương vị mà nảy sinh luyến ái, tự yêu thân mình, dùng hương hoa, y phục cùng những thứ khác để cung phụng bản thân, lại dùng những lời lẽ dịu ngọt để làm cho kẻ khác vui thích. Nếu kẻ khác tỏ ra không yêu thương thì mình trách mắng, thậm chí dẫn đến đánh nhau, tạo những điều bất thiện, khiến những chúng sinh kia trước sống đúng chánh pháp thì nay làm điều phi pháp, trước sống có luật nghi thì bây giờ sống trái với luật nghi, thậm chí luôn trong ngày đêm, giờ khắc đều có những phân biệt điên đảo. Giống như người dùng đấu để lường than mà cứ muốn đầy bằng, cái hạnh bất chánh cũng như vậy, do dùng tâm điên đảo nên chánh pháp trở thành tà pháp, khiến cho giống lúa thơm kia lại biến mất.

Lúc đó ngài Đại Mục-kiền-liên lại nói với đại chúng:

–Vì lúa thơm biến mất nên chúng sinh ngày ngày phải đi khắp nơi để tìm giống lúa về trồng. Thuở ấy có một người tính tình lười nhác, tham lam tài lợi, tuy có giống lúa mà không thể trồng. Có người biết nên nói với anh ta: "Anh có giống lúa thì hãy chia cho tôi một ít để đem về trồng."

Người kia đáp: "Tôi có giống lúa thơm đủ dùng cho bản thân. Nay nếu anh cần, tôi sẽ chia cho anh, nhưng sau một, hai ngày, trễ lắm là bảy ngày thì phải trả lại cho tôi."

Người mượn lúa nói: "Tốt lắm, tốt lắm! Nếu một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày mà chưa trả được thì nửa tháng hoặc một tháng sẽ xin trả lại."

Nói xong người ấy liền suy nghĩ: "Trước kia lúa thơm không trồng mà tự mọc, khỏi phí sức lực mà vẫn có ăn, nay muốn có lúa thì phải có nhiều ruộng, rồi bỏ công sức ngày đêm chăm sóc thì mới thu lại kết quả." Nghĩ xong người ấy sinh ra buồn bã, nước mắt tuôn rơi. Rồi lại nghĩ tiếp: "Thời quá khứ, chúng sinh sắc tướng đoan nghiêm, các căn đầy đặn, đầy đủ nhân tướng, tâm hồn vui sướng, thân có ánh sáng, tự tại mà đi lại trên không, thọ mạng lâu dài, lần lượt được hưởng các thức ngon trong cõi nhân gian như "địa vị", "địa bỉnh", "lâm đẳng", "hương đạo" khiến chúng sinh có được hình sắc đoan chánh, trường thọ, thân phát ánh sáng, tâm hồn an lạc, cơ thể nhẹ nhàn có thể đi lại trên không... Nhưng vì lòng tham đắm những thức ăn đó mà dần dần nảy sinh tâm phân biệt, khiến hạnh bất thiện dấy phát làm cho các thức quý báu đó biến mất, còn chúng sinh thì cũng không được như xưa. Cơ thể họ nặng nề mất hết ánh sáng, phải đi tìm giống lúa và ra công khó nhọc gieo cấy trên đồng ruộng thì mới có gạo ăn. Tuy nhiên hạt lúa thơm sinh ra đã dần dần nhỏ đi. Vì vậy lòng tham về ruộng đất nảy sinh, muốn chiếm được nhiều khiến tâm gian tham và hành vi trộm cắp xuất hiện." Lúc bấy giờ có một người thấy kẻ kia trộm lúa, bắt gặp một lần, hai lần, đến lần thứ ba bèn hỏi kẻ kia: "Anh cũng có lúa gạo sao không sử dụng, lại đi lấy trộm của kẻ khác? Từ nay chớ có làm như vậy nữa."

Kẻ trộm nghe rõ những lời ấy, nhưng vẫn không hối cải, cứ tiếp tục ăn trộm. Người ấy lại bắt gặp nữa, liền trách tên trộm: "Trước đây tôi đã khuyên anh đừng trộm cắp nữa nhưng vì sao nay lại tái phạm."

Vị ấy bèn họp nhiều người để cùng lên án anh ta. Bấy giờ trong đám đông đó, bèn tuyển ra một người có đầy đủ phước đức để bầu làm Điền chủ chia đều ruộng đất, kẻ nào vi phạm thì để cho vị Điền chủ ấy dàn xếp.

Vào mùa thu hoạch, khi lúa chín thì trích ra một ít để thưởng cho người Điền chủ, như vậy người Điền chủ phải luôn giữ gìn giới hạnh để vổ

về khuyên bảo mọi người sống cho hợp pháp. Từ đó, trong thế gian có tầng lớp quý tộc (Sát-đế-lợi), vị vua đầu tiên có tên là Tam-ma-đạt-ma. Vị vua ấy có vị đại thần tên là Hữu Tình. Sau đó vị vua ấy sinh Thái tử đặt tên là Ái Tử. Vua Ái Tử có vị đại thần tên Y-hạ-ca và Thái tử tên là Thiện Hữu. Thái tử Thiện Hữu nối ngôi vua có vị đại thần tên là Đế-la-ca và sinh một Thái tử đặt tên là Tối Thượng. Vua Tối Thượng có đại thần tên là A-bạt-la-kiến-xá và Thái tử tên là Giới Hạnh. Đại thần của vua Giới Hạnh là Đa-la-nhạ-già. Trên đỉnh đầu của vua Giới Hạnh ấy sinh ra một cục bướu mềm mại, vua thường dùng sợi của loại hoa Đâu-la-miên để lau rửa. Khi lau rửa khối thịt ấy vua không đau đớn. Sau đấy, cục bướu tự nhiên vở ra sinh được một đồng tử có phước đức đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt, ai cũng kính mến nên đặt tên là Đảnh Sinh. Vừa sinh xong Thái tử đã được đưa ngay vào trong cung.

Khi đó trong cung của vua Giới Hạnh có sáu vạn cung nhân, người nào cũng tâu vua: "Xin Đại vương cho thần được làm nhũ mẫu của Thái tử." Vì vậy mà Thái tử còn có tên là Ngã Nãi Vương.

Vào thời vua Đảnh Sinh, trí tuệ của chúng sinh ở thế gian dần dần tăng trưởng, đã có những tư duy sâu sắc, phân biệt phải trái, phân biệt công sức và hiệu quả... nên vua lập hiệu là Ma-nổ-sa.

Vào thuở ấy, sáu vị vua có thọ mạng vô lượng, có sáu vị đại thần. Vị thứ nhất tên là Hữu Tình, vị thứ hai tên Y-hạ-la, vị thứ ba tên Đế-la-ca, vị thứ tư tên A-bạt-la, vị thứ năm tên Đa-la-nhạ-già, vị thứ sáu tên Ma-nổ-nhạ. Sáu vị đại thần ấy đều thông minh đa trí, có năng lực cai trị thế gian, rất có uy đức.

Lúc ấy vua Đảnh Sinh bỗng sinh ra một cục bướu nơi bắp vế bên phải. Khối bướu ấy rất mềm mại, vua thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên để lau rửa mà không bị đau nhức gì. Khi bướu vỡ thì sinh ra một đồng tử có thân tướng đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt, vua đặt tên là Ni-lỗ. Thái tử Ni-lỗ có trí tuệ và phước đức lớn lao, được làm Kim luân vương cai trị bốn cõi thế gian. Luân vương Ni-lỗ sau đó ở bắp vế bên trái cũng sinh một khối bướu mềm mại, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không đau đớn gì. Đến khi chín mùi khối bướu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra một đồng tử có tướng mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng, đặt tên là Ô-ba-ni-lỗ. Thái tử ấy có trí tuệ sâu xa, phước đức vô lượng, lên ngôi Ngân luân vương cai trị ba cõi thiên hạ. Về sau, vua Ô-ba-ni-lỗ lại có cục bướu nơi chân bên phải, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không đau đớn gì, rồi khối bướu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra đồng tử có tướng

mạo đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng, đặt tên là Thất-ni-lỗ, có phước đức sâu dày, lên ngôi Đồng luân vương cai trị hai cõi thiên hạ. Nơi chân trái vua Thất-ni-lỗ lại sinh ra khối bướu, thường dùng sợi của hoa Đâu-la-miên lau rửa mà không gây đau đớn gì, rồi cục bướu cũng tự nhiên vỡ, sinh ra đồng tử có tướng mạo đoan chính, đủ ba mươi hai tướng, được đặt tên là Ma-ni-lỗ, phước tuệ sâu dày, lên ngôi Thiết luân vương cai trị một cõi thiên hạ.

Lúc bấy giờ ngài Đại Mục-kiền-liên lại bảo với Thích chúng:

–Cứ thế, ngôi vua nối tiếp nhau cho đến nay, số lượng rất nhiều như: Chúng Hứa vương sinh ra Ái vương, Ái vương sinh Thiện Hữu vương, Thiện Hữu vương sinh Tối Thượng vương, con của Tối Thượng vương là Giới Hạnh vương, Giới Hạnh vương sinh ra Đảnh Sinh vương, Đảnh Sinh vương sinh Ni-lỗ vương, con của Ni-lỗ vương là Ô-ba-ni-lỗ vương, con của Ô-ba-ni-lỗ vương là Thất-ni-lỗ vương, con của Thất-ni-lỗ vương là Ma-ni-lỗ vương, Ma-ni-lỗ vương sinh ra Lỗ-tức vương, con của Lỗ-tức vương là Tô-lỗ-tức vương, con của Tô-lỗ-tức vương là Mẫu-tức vương, con của Mẫu-tức vương là Mẩu-tức-lân-nại vương, con của Mẩu-tức-lân-nại vương là A-nga vương, con của A Nga vương là A-nghi-la-tha vương, con của A-nghi-la-tha vương là Bà-nghi-la-tha vương, Bà-nghi-la-tha vương lại sinh ra Ta-nga-la vương, Ta-nga-la vương có con là Ma-hạ-ta-nga-la vương, Ma-hạ-ta-nga-la vương có con là Xá-củ-nễ vương, Xá-củ-nễ vương có con là Ma-hạ-xá-củ-nễ vương, Ma-hạ-xá-củ-nễ vương lại sinh ra Củ-xá vương, con của Củ-xá vương là Ô-ba-củ-xá vương, con của Ô-ba-củ-xá vương là Ma-hạ-củ-xá vương, Ma-hạ-củ-xá vương sinh Ma-hạ-tô-nại-lí-xá-nẵng vương, con của Ma-hạ-tô-nại-lí-xá-nẵng vương là Bát-la-nỗ-da vương, Bát-la-nỗ-da vương lại sinh Ma-hạ-bát-la-nỗ-da vương, Ma-hạ-bát-la-nỗ-da vương có con là Bát-la-nỗ-na vương, Bát-la-nỗ-na vương lại sinh Ma-hạ-bát-la-nỗ-na vương, con của Ma-hạ-bát-la-nỗ-na vương là Bát-la-bán-ca-la vương, Bát-la-bán-ca-la vương lại sinh Bát-la-đa-ba vương, Bát-la-đa-ba vương lại sinh Phược-di-lỗ vương, Phược-di-lỗ vương có con là Di-lỗ-ma-đa vương, Di-lỗ-ma-đa vương có con là A-lí-tức vương, A-lí-tức vương có con là La-lí-tức-sắt-ma-đa vương, La-lí-tức-sắt-ma-đa vương có con là Nẵng-lí-tức-sắt-ma-đa vương, Nẵng-lí-tức-sắt-ma-đa vương có con là A-lí-chỉ-ta-mãn-đa vương... Cứ thế, con cháu các vua kế tục đến một trăm vị đại Quốc vương, đều đóng đô ở thành Bố-đa-la-ca. Vua đời cuối cùng sinh ra vua tên là Hàng Oán. Vì vua có uy đức rất lớn, đã hàng phục được các thứ ma oán nên có hiệu là Hàng Oán vương. Vị vua này có con cháu truyền đời không dứt, tới năm vạn bốn ngàn đời vua và đều đóng đô ở thành A-dụ-đá-

giả. Đến đời vua cuối cùng lại sinh con là Vô Năng Thắng vương. Con cháu vị vua này nối tiếp lên ngôi đến sáu vạn vị Thiên tử, đến đóng đô ở nước Ba-la-nại. Tới đời vua cuối lại sinh con có hiệu là Nậu-bát-la-ta-ha vương. Con cháu vị vua này nối nghiệp đến tám vạn bốn ngàn đời và đóng đô ở thành Khẩn-bế-la. Con của vị vua cuối cùng của thành này là Phạm Thọ vương truyền được ba vạn hai ngàn đời và đều đóng đô ở thành Hạ-tất-đế-nẵng-bố-lí. Vua cuối lại sinh Hạ-tất-đế-nại-đa vương và truyền được năm ngàn đời, đóng đô ở thành Bát-xoa-thi-la. Vua cuối lại sinh Ta-đa-lê-long vương, cháu con truyền được ba vạn hai ngàn đời, đóng đô ở thành Ô-la-ta-đại, đời cuối lại sinh một người con là Nẵng-nga-nẵng-bố-nẵng vương, truyền được ba vạn hai ngàn đời và đều đóng đô ở thành Vô Năng Đại. Vị vua cuối của thành ấy sinh ra con lấy hiệu là Thắng Quân vương, con cháu truyền đến một vạn tám ngàn đời, đóng đô ở thành Chiêm-ba-đại. Đời vua cuối lại sinh con lấy hiệu là Long Thiên vương, con cháu truyền được hai vạn năm ngàn đời đóng đô ở thành Đát-ma-lê-đa. Đời vua cuối lại sinh con tên là Vi Hải vương, con cháu truyền được một vạn tám ngàn đời, đóng đô ở thành Nan-đa-bố-lí. Vua đời cuối sinh con lấy hiệu là Diệu Ý vương, truyền được hai vạn năn ngàn đời và cũng đều đóng đô ở nước Ba-la-nại. Tới đời sau cùng của vương triều này, sinh được người con lấy tên là Đại Quân vương, con cháu nối ngôi được một ngàn đời, đóng đô ở thành Củ-xá-phược-đế. Đời cuối của vương tộc ấy sinh con là Hải Quân vương, truyền được một ngàn đời, đóng đô ở thành Bổ-đa-la-ca. Đến đời vua sau cùng sinh người con lấy hiệu là Tà-đa-bán-ni-la vương, truyền được tám vạn bốn ngàn đời, đóng đô ở Củ-xá-đế thành. Đời cuối lại sinh ra Ma-tứ-mục-khư vương, con cháu nối ngôi được mười vạn đời và cũng đóng đô ở nước Ba-la-nại. Đời cuối cùng sinh con lấy hiệu là Ma-tứ-bát-đế vương, cũng gọi là Địa Chủ vương, truyền được một trăm đời đóng đô ở thành A-dụ-đà-đại. Đời sau rốt sinh con lấy hiệu là Đại thiên vương, phạm hạnh thanh tịnh, con cháu nối ngôi được tám vạn bốn ngàn đời và cũng đóng đô ở thành Di-thể-la. Đến đời vua cuối, lại sinh người con hiệu là Nhĩ-di vương, vua này lại sinh Ma-ngộ-nỗ vương, vua Ma-ngộ-nỗ lại sinh Niết-lí-xá Nhĩ-di-khư-nỗ vương, vua ấy lại sinh Lỗ-ba-khư-nỗ vương, vua này lại sinh Khư-nỗ-ma-nẵng vương, đời tiếp theo là Khu-nỗ-mãn-đa vương, tiếp đấy là các đời vua: Bà-niết-lí-xá vương, Tô-lỗ-đa-tế-nẵng vương, Đạt-ma-tế-nẵng vương, Vĩ-nhĩ-đa vương, Ma-hạ-vĩ-nhĩ-đa vương, Vĩ-nhĩ-đa-tế-nẵng vương, A-du-ca vương, Vĩ-nga-đa-du-ca vương, Phả-la-ta-thùy vương, Nhạ-la-ta-thùy vương, Một-độ-ma-la vương, A-lỗ-nỗ vương, Nhĩ-phiến-ba-đế vương, Lí Ngũ vương, Thương-ca-la-ca vương, A-nan-na

vương, A-na-lí-xá-mục-khư vương, Nhạ-na-ca vương, Tán-nhạ-nẵng-khư vương, Nha-nẵng-sa-bà vương, Án-nẵng-bá-nẵng vương, Bát-la-tổ-la-nẵng-ba-nẵng vương, A-lan-đa vương, Ba-la-lan-đa vương, Bát-la-để-sắt-sỉ-đa vương, Tô-bát-la-để-sắt-sỉ-đa vương, Ma-hạ-ma-la vương, Phược-hạ-nẵng vương, Tô-ma-đế vương, Niết-lí-xá-phược-hạ vương, Nại-xả-đà-nô vương, Thiết-đa-đà vương, Nẵng-phược-đế-đà-nỗ vương, Thất-tả-đát-la-đà-nỗ vương, Vĩ-nhĩ-đa-đà-nỗ vương, Niết-lí-xá-đà-nỗ vương, Nại-xã-la-tha vương, Thiết-đa-la-tha vương, Nẵng-phược-đế-la-tha vương, Tức-đát-la-tha vương, Niết-lí-xá-la-tha vương... Cứ thế, con cháu truyền đến bảy vạn bảy ngàn đời vua, đều đóng đô ở thành Ca-nại. Tới đời vua cuối của thành này, lại sinh con lấy hiệu là A-mạt-lộc-sa vương. Vua này có người con là Long Hộ vương, con cháu truyền được trăm đời và đóng đô ở nước Ba-la-nại. Vua sau cùng của thành Ba-la-nại sinh con hiệu là Ngật-lí-cát vương. Bấy giờ Đức Phật Ca-diếp có đầy đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian. Lúc Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát, Ngài luôn giữ gìn giới luật và phạm hạnh, đã phát nguyện lớn cầu Vô thượng giác, là vị Bồ-tát Bổ-xứ ở cung trời Đâu-suất. Cơ duyên đầy đủ, Ngài hạ sinh nơi cung vua Ngật-lí-cát, bỏ ngôi xuất gia tu hành mà thành tựu Phật đạo.

Lúc ấy vua Ngật-lí-cát còn có một Thái tử tên là Thiện Sinh, vua Thiện Sinh lại sinh một Thái tử, rồi cứ thế con cháu truyền được một trăm đời, tới đời vua cuối sinh ra Ca-la-nỗ vương. Sau vua này sinh hai Thái tử, người lớn tên là Cồ-đàm, người nhỏ tên là Bà-la-nại-phược-nhạ. Vị Thái tử sau thích cuộc sống ở vương cung, ham việc cai trị nước, trong khi Thái tử Cồ-đàm thì lại luôn nghĩ đến việc chúng sinh bị trôi lăn trong vòng luân hồi, chịu bao nỗi chìm đắm trong ba đường dữ thật là khổ não. Do luôn suy nghĩ như thế nên Thái tử đến gặp phụ vương cúi đầu quỳ thưa: "Nay con không muốn ở chốn vương cung mà muốn xuất gia vào nơi núi rừng để tu tập phạm hạnh."

Vua cha nói: "Con là trưởng tử, có cả đất nước và ngôi vua, lại có các quan phò tá, quyền hành nắm trong tay, sao lại dứt bỏ để đi xuất gia?"

Thái tử tâu: "Thưa cha, con xem ba cõi đều là cảnh ảo hóa không bền chắc, tất cả đều bị luật vô thường chi phối, đâu thể quyến luyến. Con nay xin từ tạ phụ hoàng để ra đi." Vua cha nghe như thế biết chí hướng lớn của con nên đã bằng lòng.

Bấy giờ trên núi có một vị tiên tên là Ngật-lí-sắt-nỗ-phệ-ba-dã-nô lập một thảo am trong núi ấy để tu hành. Thái tử Cồ-đàm vui mừng tìm đến chỗ vị tiên, năm vóc sát đất đảnh lễ thưa: "Tôi rời bỏ cung vua đến đây để phụng sự thầy, xin thầy thâu nhận." Vị tiên biết ý chí kiên định của Thái tử nên đã chấp nhận. Từ đó Thái tử ở nơi núi rừng, hái trái, gánh nước, chịu nhiều gian khổ, trải qua nhiều năm tháng để phụng sự Tiên nhân. Vị thầy nhận thấy Thái tử luôn siêng năng, tâm không thoái chuyển bèn cho tên hiệu cũng là Tiên nhân.

Sau đấy, vua Ca-la-nỗ băng hà, người em là Bà-la-nại-nhạ lên ngôi, Cồ-đàm biết tin vua cha đã mất liền thưa với thầy: "Nay con không thể ở trong núi hái quả, gánh nước hầu hạ thầy mà muốn về trong thành ở."

Vị tiên nói: "Cồ-đàm, trước kia khi đến, con nói là muốn ở chốn núi rừng, sao nay lại muốn về thành? Nếu con có về thì chớ vào trong thành, mà nên chọn một nơi tịch tịnh che thảo am ngoài thành Bổ-đa-lạc-ca mà tu hành, giữ gìn các căn, tinh tấn, phạm hạnh." Thái tử nghe lời, đến ngoài thành Bổ-đa-lạc-ca, tìm chỗ thanh tịnh cất am dốc sức tu trì.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

QUYỂN 2

Thuở ấy, ở thành lớn Bổ-đa-lạc-ca có một dâm nữ hết sức xinh đẹp. Một người đàn ông tên là Di-lí-nã-la rất say mê nàng, thường tặng vàng bạc, ngọc ngà, cùng những y phục quý, đẹp cho nàng. Rồi có một người khác cũng say đắm cô gái, đến nói với nàng: "Ta tặng nàng năm trăm đồng tiền, nàng hãy theo ta vui chơi."

Dâm nữ bằng lòng và sai thị nữ đến nói với Di-lí-nã-la rằng hôm nay có khách, chờ hôm khác sẽ gặp. Nã-la nghe thế, nói với tỳ nữ: "Nếu cô ta trở về thì ngươi nói với cô ta hãy mau đến tại khu viên lâm, ta chờ cô ta ở đấy."

Tỳ nữ về thưa, nhận thấy cô ta có ý không muốn đến chốn hẹn, bèn trở lại nói với Di-lí-nã-la. Nghe xong, anh ta rất tức giận, bảo tỳ nữ trở về tìm cách khuyên giải. Vị tỳ nữ trở về nàng dâm nữ đã đến. Người đàn ông lớn tiếng trách: "Ta trước nay thường cung cấp cho nàng những y phục cùng các đồ vật quý giá, tại sao nay nàng phản bội ta?" Nói xong, y lập tức lấy thanh gươm bén đâm chết dâm nữ. Giết xong, y đem gươm ném vào am của Cồ-đàm gần đó, rồi bỏ trốn. Nữ tỳ tri hô lên: "Ở đây có kẻ giết người. "

Mọi người chạy đến, tìm thấy thanh gươm còn vấy máu trong am của Cồ-đàm. Họ liền trách mắng: "Ông là người tu hành, sao nay lại giết người?" Trách xong, họ cùng nhau dùng dây trói tay vị Tiên nhân, giải vào trước điện vua và tâu với vua: "Người này là Tiên nhân xuất gia không giữ phạm hạnh, làm việc bất chính lại còn dùng gươm giết chết dâm nữ."

Vua nghe tâu như thế rất giận dữ bèn sai dẫn ra ngoài thành dùng cây nhọn xuyên qua tay chân. Vua ra lệnh xong, quan quân liền giải Tiên nhân Cồ-đàm đi. Lúc đó đầu Tiên nhân đang đội vòng hoa, thân mặc áo xanh, những người giải ông tay cầm binh khí vây quanh, hô to:

–Đây là kẻ phạm giới giết người.

Cồ-đàm vẫn bình thản, không chút sợ hãi, cứ tự nhiên đi ra ngoài thành mà chịu hình phạt.

Bấy giờ thầy của ngài, Tiên nhân Ngật-lí-sắt-nỗ-phệ-ba-dã-nẵng đến thăm không gặp, bèn tìm tới nơi thấy đệ tử chân tay bị trói, bị cây nhọn xuyên qua, thọ khổ hình như thế, lấy làm đau xót, rơi nước mắt hỏi: "Con sao lại có thể phạm tội như vậy được? Con thọ hình phạt đau đớn cùng cực suốt ngày đêm làm sao chịu đựng nỗi?"

Tiên nhân Cồ-đàm thưa: "Con cầu cho thân thể con đau đớn mà không được."

Người thầy hỏi: "Làm sao con rời khỏi những đau đớn ấy được?"

Cồ-đàm thưa: "Con xin thành thật phát nguyện trước thầy: Nếu quả thật thân con không đau đớn thì thân thầy sẽ có sắc vàng."

Sau lời phát nguyện của Cồ-đàm thì thân vị thầy bỗng chốc hiện sắc vàng. Tất cả mọi người ở đấy đều thấy như thế, cho nên gọi vị thầy là Tiên nhân Kim Sắc. Lúc ấy Cồ-đàm hỏi thầy: "Sau khi con chết thì sẽ được sinh ở đâu?"

Vị Tiên nhân đáp: "Theo pháp của Bà-la-môn, nếu không có con nối dõi thì khi chết sẽ không có nơi sinh!"

Vị đệ tử nói: "Từ thuở nhỏ con đã không ham thích chốn vương cung, từ bỏ ngôi vị để xuất gia, sao lại có con được?"

Vị thầy bảo: "Hiện giờ con hãy tưởng tượng đến những lạc thú nơi vương cung đi."

Cồ-đàm nói: "Thân con hiện chịu hình phạt của vua như thế này, làm sao có thể tưởng tượng đến những lạc thú được?"

Khi đó Tiên nhân Kim Sắc liền dùng thần lực chỉ trong khoảnh khắc làm tuôn xuống một cơn mưa rưới khắp thân thể đệ tử, khiến cho vị đệ tử mát mẻ, tiêu tan mọi khổ não, thân thể bình phục như xưa, do đó ông bèn nhớ lại những lạc thú trước kia mà sinh dục tâm, làm rơi hai giọt tinh trên đất. Lúc đó Cồ-đàm Tiên nhân suy nghĩ đến bốn điều: Một là tự nghĩ đến thân mình, hai là nghĩ đến chúng sinh, ba là nghĩ tới chúng sinh sẽ thành Phật, bốn là nghĩ tới tất cả cõi Phật. Khi ông suy nghĩ về những điều đó thì hai giọt tinh kia bỗng kết thành hai quả trứng. Mỗi ngày mặt trời hiện lên, ánh nắng đã sưởi ấm hai quả trứng, chẳng bao lâu hai quả trứng nở, sinh ra hai đồng tử có sắc tướng đoan chính. Tiên nhân Cồ-đàm đem hai đồng tử vào ở trong một vườn mía. Sau khi ông lâm chung, Kim Sắc Tiên nhân đến thăm gặp hai đồng tử, hỏi ra mới biết là con của Cồ-đàm, rất vui mừng liền đem hai đồng tử về am nuôi. Vì do mặt trời sưởi nóng mà sinh ra nên đồng tử thuộc về Nhật tộc *(chủng tộc mặt trời),* lại do Cồ-đàm sinh ra nên có họ

Cồ-đàm, lại do tự sinh ra nên lấy họ A-nghi-la-ta, lại do gặp từ trong vườn mía rồi đem về nuôi nên còn có họ là Cam Giá.

Bấy giờ vua Bà-la-nại-phược-nhạ băng hà, không có con nối ngôi, triều thần chưa biết chọn ai. Một vị đại thần thưa: "Trước kia vua Ca-la-nã có vị Thái tử tên là Cồ-đàm, đã bỏ ngôi báu theo vị Tiên nhân Ngật-lí-sắt-nỗ-phệ-ba-dã-nẵng vào rừng núi tu hành. Thái tử thuộc dòng họ Thích có thể rước về nối ngôi."

Quần thần nghe lời, liền vào núi tìm đến chỗ vị Đại tiên cung kính đảnh lễ rồi thưa: "Xưa vua Ca-la-nã có người con tên là Cồ-đàm vậy Tiên nhân có biết hiện Thái tử ở đâu?"

Đại tiên cho biết Thái tử đã mất rồi và nói rõ mọi việc cho họ nghe. Quần thần rất đau xót, nhận rõ tội của mình, chợt thấy hai vị đồng tử thân tướng đoan nghiêm, hỏi ra mới biết đó là con của Thái tử Cồ-đàm, quần thần rất vui mừng, xin đón đồng tử về và lập làm vua lấy hiệu là Cam Giá vương. Vua Cam Giá truyền được một trăm đời và đều đóng đô ở thành Bổ-đa-lạc-ca. Đến đời vua Cam Giá cuối cùng thì sinh được bốn người con: Người thứ nhất tên là Ô-la-ca-mục-khư, người thứ hai tên Ca-la-ni, người thứ ba tên Hạ-tất-đế-nẵng-dã, người thứ tư tên Tô-nẵng-bố-la-ca. Sau khi hạ sinh bốn người con, hoàng hậu qua đời. Nhà vua rất buồn rầu đau khổ. Bấy giờ có vị đại thần thấy vua buồn khổ bèn thưa hỏi: "Tâu Đại vương, vì sao ngài kém vui như vậy?"

Vua cho biết vì hoàng hậu mất nên đau buồn. Vị đại thần tiền tâu: 'Thần được biết vị tiểu vương của nước lân bang có một người con gái đầy đủ phước đức, nhan sắc xinh đẹp, hình tướng đoan chánh, vua có thể xin cưới về lập hoàng hậu."

Vua nói: "Vua nước ấy luôn muốn đem quân xâm phạm nước ta, làm sao có thể cầu thân được?"

Vị đại thần tâu: "Nhưng ở tiểu quốc kia cũng có nàng công chúa xinh đẹp, đoan trang có thể rước về làm phi hậu, mới khiến nhà vua bớt buồn được."

Vua bèn sai sứ đến tiểu quốc kia nói ý muốn của vua là xin cưới công chúa về làm chánh phi. Vị tiểu vương ấy rất vui mừng, nhưng lại nói với sứ giả: "Nếu Đại vương xin cưới con ta làm chánh phi thì khi sinh được con trai thì phải cho nối ngôi. Được như vậy thì ta mới bằng lòng gả."

Sứ thần trở về tâu rõ ý của vua tiểu quốc. Nhà vua nghe điều ấy trong lòng không vui bảo: "Ta đã có con lớn, theo lý phải được nối ngôi, sao có thể bỏ lớn lập nhỏ?"

Một vị đại thần tâu: "Nay ta cứ xin cưới, còn việc sinh con trai hay gái đâu có thể biết được."

Vua nghe theo, sai đem lụa là, vàng bạc, gấm vóc đến xin cưới. Sau người phi hậu này có mang, trải qua chín tháng sinh được một Thái tử thân tướng đoan nghiêm. Sau khi Thái tử hạ sinh, quần thần đến chúc mừng, vua bèn nói: "Nay đứa con này nên đặt tên là gì?"

Vị đại thần tâu: "Vị tiểu vương kia đã thuận gả con cho bệ hạ làm phi, muốn Thái tử khi sinh ra được nối ngôi, vậy nên đặt tên cho Thái tử là Lạc vương." Vua nghe rồi truyền cho tám vị phu nhân làm nhũ mẫu để lo việc nuôi dưỡng Thái tử.

Lúc ấy vua muốn lập Thái tử lớn lên nối ngôi. Vua tiểu quốc biết tin liền nổi giận sai sứ giả sang trách: "Trước đã hứa, nếu con gái ta sinh được hoàng tử thì cho nối ngôi, sao nay lại bội ước? Nếu như thế, nước ta tướng mạnh binh đông, ta sẽ đem quân sang đánh."

Vua nghe vậy rất lo, nói với quần thần: "Bỏ con lớn lập con nhỏ thật không hợp lẽ?"

Các quan trong triều tâu: "Nước kia tuy nhỏ nhưng vị vua ấy rất uy dũng, binh tướng rất thiện chiến. Nếu họ cất binh sang đánh sợ ta không thắng được, vậy nên cho Thái tử ra nước ngoài để tránh họa chiến tranh."

Vua nghe tâu thì yên lặng không nói gì. Bấy giờ quần thần bèn lập mưu, ra gần thành lập một ngự uyển có đủ đền đài, ao, suối, dùng trầm hương vật báu trang sức lộng lẫy. Khi đó Thái tử cùng quần thần ra ngoài thành du ngoạn, nhìn thấy hoa viên liền hỏi: "Vườn này của ai?" Quần thần cho biết đó là ngự viên của hoàng cung. Thái tử nghe nói liền quay ngựa trở về. Các quan khuyên Thái tử nên vào dạo vườn hoa, Thái tử nói: "Ngự uyển của phụ hoàng, ta đâu dám vào."

Các quan thưa rằng nếu là các quan cùng dân chúng thì không thể vào, còn Thái tử thì có thể vào được. Nghe thế, Thái tử liền vào ngự viên vui chơi.

Bấy giờ có một vị đại thần tâu lên vua: "Nay ngự viên đã xong, thỉnh Hoàng thượng đến ngoạn cảnh." Vua nghe tâu liền cho xa giá đến ngự uyển. Vừa tới nơi đã nghe tiếng nhạc, vua liền sinh nghi, hỏi ra mới biết là Thái tử đã đến trước, đang chơi nhạc ở đấy. Vua nổi giận phán: "Ta cho lập ngự viên, chưa đến xem qua, sao Thái tử lại dám đến chơi trước? Tội này không thể tha được, hãy đuổi Thái tử ra khỏi nước!"

Quần thần can gián nhưng nhà vua giận dữ không nghe, truyền lệnh trong bảy ngày phải đem Thái tử ra khỏi nước, cho phép được đem theo tùy

tùng, quyến thuộc. Thái tử vâng lệnh, đem theo tùy tùng quyến thuộc ra khỏi thành, cách thành không xa mà ở, nhưng vua lại truyền lệnh bảo phải đi xa hơn nữa.

Ngày đó, bên núi Tuyết, cạnh bờ sông Bà-nghi-la có một vị tiên tên là Ca-tỳ-la, giữ gìn phạm hạnh, lập am tu ở đấy. Thái tử lại đem theo tất cả người thân đến chỗ Tiên nhân kia lập nghiệp, hái trái, săn thú để nuôi thân. Về sau, vì quá nghĩ đến sắc dục nên thân hình Thái tử tiều tụy. Vị Tiên nhân sinh nghi hỏi, Thái tử liền nói thật. Tiên nhân bảo: "Với chị em thân thuộc thì không được, nhưng với người ngoài thì có thể."

Thái tử say đắm vui đùa huyên náo ngày đêm, số nam nữ lại đông đảo làm Tiên nhân loạn tâm, bèn nói với Thái tử là mình muốn đi nơi khác để lo tu hành. Thái tử nghe nói thì hổ thẹn, nói với Tiên nhân: "Đại tiên ở đây tu hành từ lâu, đạo quả đã thành, không nên đi nơi khác. Nay tôi xin đem quyến thuộc tìm chỗ khác để ở."

Tiên nhân nghe thế vui lòng, bèn chọn một chỗ đất tốt gần đó, rưới nước phân ranh giới, để Thái tử an cư nơi ấy. Sau một thời gian nhân dân hưng thịnh, quyến thuộc đông đảo bèn theo ranh giới mà xây thành, lập quốc lấy tên là Ca-tỳ-la. Sau đó có một vị Hiền Vương lên ngôi, tạo riêng một tòa thành đặt tên là Chỉ thành và đóng đô ở thành ấy.

Bấy giờ vua Vĩ-lỗ-trà-ca hỏi các đại thần: "Thái tử con ta nay ở đâu?"

Một vị đại thần thưa: "Thái tử nay ở phía nam Tuyết sơn, bên bờ sông Bà-nghi-la, tại thành Ca-tỳ-la, đã xây dựng hai ngôi thành lớn nơi đó dùng làm đô ấp. Quan liêu, sĩ thứ, bà con thân thuộc phồn thịnh, đông đảo, giống như một nước lớn."

Vua Vĩ-lỗ-trà-ca Cam Giá cúi toàn thân xuống hỏi vị đại thần: "Con ta sao được như thế?"

Vị đại thần tâu: "Do Thái tử có nhân đức nên được hùng thịnh như thế, nhân đó mà lập nên họ."

Sau khi vua Vĩ-lỗ-trà-ca Cam Giá qua đời thì Thái tử Năng Nhân lên ngôi. Vua Năng Nhân có con là Ô-la-ca-mục-ca vương, con của Ô-la-ca-mục-ca vương là Nhược-ca-ni vương, con của Nhược-ca-ni vương là Hạ-tất-đế vương, kế tiếp là: Nỗ-bố-na-la-ca vương, Ô-bố-la-ca vương, như thế con cháu nối truyền đến năm vạn năm ngàn đời vua, đóng đô ở thành lớn Ca-tỳ-la. Sau đó có vị vua tên là Thập Xa vương, tiếp theo là Cửu Thập Xa vương, rồi Bách Xa vương, Họa Xa vương, Tối Thắng Xa vương, Lao Xa vương, Thập Cung vương, Cửu Thập Cung vương, Bách Cung vương, Tối Thắng Cung vương, Họa Cung vương, Lao Cung vương, vua này là bậc có

tài bắn cung giỏi nhất ở cõi Nam Diêm-phù-đề. Vua Lao Cung vương có hai người con, vị thứ nhất tên là Tinh Hạ Hạ Nỗ vương, vị thứ hai tên là Sư Tử Hống vương. Tinh Hạ Hạ Nỗ vương sinh bốn người con là Tịnh Phạn vương, Bạch Phạn vương, Hộc Phạn vương và Cam Lộ Phạn vương. Tịnh Phạn vương có hai con trai là Tất-đạt-đa và Nan-đà. Bạch Phạn vương có hai con trai là Ta-đế-sơ-lỗ và Bà-nại-lí-hạ. Hộc Phạn vương có hai con trai là Ma-hạ-nẵng-ma và A-nễ-lâu-đà. Cam Lộ Phạn vương có hai con trai là A-nan-đà và Đề-bà-đạt-đa. Tịnh Phạn vương có một người con gái tên là Tô-bát-la. Bạch Phạn vương có một người con gái tên là Bát-đát-la-ma-lê. Hộc Phạn vương có một con gái là Bạt-nại-lê. Cam Lộ vương có con gái là Tế-phược-la. Tất-đạt-đa có người con là La-hỗ-la, đó là con của Phật. Đấy là chủng tộc Chúng Hứa của đời quá khứ. Nay gặp Phật ra đời, theo Phật xuất gia rõ được sinh tử, dứt được luân hồi, chứng được chân không mà thành Thánh vị.

Lúc ấy sau khi nêu bày những điều đó xong, ngài Đại Mục-kiền-liên liền từ chỗ ngồi đứng lên chắp tay hướng về Đức Phật. Đức Phật bảo:

–Ông hãy về chỗ ngồi. Lành thay! Quý thay! Ông đã vì các Bí-sô mà nói về đời quá khứ của dòng họ Thích khiến các Bí-sô được điều thiện lợi, mãi được an ổn.

Lúc ấy tất cả Thích chúng đều vui mừng, tin tưởng, theo đó thọ trì.

Bấy giờ vua nước Ca-tỳ-la là Tịnh Hạ Hạ Nỗ vương, có đầy đủ đại phước đức, tài sản nhiều vô số, nhân dân đông đúc, đất đai phì nhiêu. Cách nước này không xa có một nước tên là Thiên chỉ thành, vị quốc vương tên là Tô-bát-la-một-đà, rất giàu có, bạc vàng, châu báu đầy khắp nơi. Nhà vua có vị chánh phi tên là Long Nhĩ Nễ, thân sắc đoan nghiêm, đầy đủ tướng tốt. Trong nước ấy có một vị trưởng giả vốn có căn lành, đức hạnh thuần hậu, quyến thuộc đông đảo, kho tàng dồi dào chẳng khác gì vị Tỳ-sa-môn Thiên vương. Ông trưởng giả có một hoa viên, trong đó có đền đài, lầu gác, suối chảy, ao tắm và gồm đủ các loài hoa cỏ chim muôn quý hiếm. Một hôm, vua Tô-bát-la-một-đà cùng chánh phi và quyến thuộc đến vườn hoa của trưởng giả dạo chơi. Vị chánh phi thấy vườn hoa rực rỡ, đẹp đẽ nên sinh lòng rất yêu thích, liền tâu với vua:

–Thiếp muốn có một hoa viên như thế này để dạo chơi.

Vua nói:

–Khu vườn này là của trưởng giả, làm sao ta lấy được, nhưng ta là quốc vương thì cũng tạo được thôi.

Nhà vua liền truyền lệnh xây dựng một ngự uyển có suối, ao, đài quán đẹp đẽ hơn hết, đặt tên là Long-nhĩ-nễ viên. Lúc ấy nhà vua ngày đêm suy nghĩ mong muốn có được một Thái tử, sau có thể làm đến Kim luân vương. Theo điều mong muốn ấy, vị chánh phi bỗng sau đó mang thai, rồi sinh được một người con gái có đủ phước đức trí tuệ, dung mạo đoan trang, nhan sắc diễm lệ nhất thế gian. Mọi người khi nhìn thấy phước tướng ấy đều cho là hy hữu, thậm chí có người còn cho là do vị trời cõi Tỳ-thủ-yết-ma hoặc do Phạm thiên tạo ra. Sau khi công chúa hạ sinh, trong suốt hai mươi mốt ngày, nhà vua luôn mở tiệc mừng công chúa ra đời cùng quần thần và quyến thuộc vui chơi, rồi đặt tên nàng là Ma-da. Công chúa có đến tám vú, thầy tướng cho là quý tướng, sẽ sinh quý tử nối ngôi vua. Sau đó, vua lại có thêm một công chúa, hình tướng cũng đoan chánh bậc nhất thế gian. Lúc công chúa hạ sinh, ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thành trì, do đó vua đặt tên là Ma-hạ Ma-da. Thầy tướng cho biết là công chúa về sau sẽ sinh con trai có đủ ba mươi hai tướng, làm đến Kim luân vương. Lúc bấy giờ vua Tô-bát-la-một-đà nghe đồn Thái tử con vua Tịnh Hạ Hạ Nỗ vương là bậc hiền đức liền cử sứ thần đến tâu:

–Tôi có hai công chúa tên Ma-da và Ma-hạ Ma-da. Khi mới sinh thầy tướng đều bảo sau này hai công chúa sẽ sinh con có đủ ba mươi hai tướng, làm đến Kim luân vương.

Vua Tinh Hạ Hạ Nỗ nghe tâu xong bèn nói với Thái tử Tịnh Phạn:

–Vua Tô-bát-la-một-đà muốn gả hai người con gái cho con, sau này sinh con có thể làm đến Kim luân vương.

Rồi vua liền cho năm trăm người họ Thích sang nước kia xin đón dâu.

Bấy giờ ở biên giới có một bộ tộc tên là Bán-nô-phược có ý định xuất lãnh binh tướng chặn đường hiểm yếu để cướp đoạt. Đoàn người họ Thích biết được tin đó, sợ gặp tai họa, bèn tâu lên vua và thỉnh vua ngự giá. Vua bảo:

–Trẫm nay tuổi đã cao, hãy để Thái tử Tịnh Phạn đem quân thảo phạt, nếu chiến thắng trẫm sẽ ban thưởng.

Nói rồi, vua sai tuyển lựa quân lính giao cho Thái tử Tịnh Phạn và chúng họ Thích cùng đi dẹp tộc họ kia để rước dâu về. Công việc xong, họ tâu vua về lời hứa mà vua đã nói. Vua bảo:

–Nay con đã cưới được vợ. Nếu sau này có con phải cố gắng giữ gìn để có người nối ngôi.

Sau khi vua qua đời, quần thần cùng nhau tôn Thái tử Tịnh Phạn lên nối ngôi. Lúc bấy giờ trong nước thịnh vượng, vua và phu nhân cùng các phi tần thường hưởng mọi sự an lạc.

Lúc đó Bồ-tát Thích-ca tại cung trời Đâu-suất muốn thị hiện ở cõi nhân gian, bèn quán sát năm điều: Một là xem nên sinh vào các tầng lớp nào. Ngài nghĩ: "Ta không thể sinh vào các tầng lớp Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, vì đó không phải là tầng lớp cao thượng. Nếu là tầng lớp Sát-đế-lợi thì Ta có thể sinh vào đó, vì chúng sinh thời ấy thường tôn trọng phú quý, nếu sinh trong tầng lớp thấp kém thì chúng nhân sẽ không tôn kính. Nay vì để nhiếp hóa muôn loài khiến họ trở về nương tựa, Ta nên sinh ra nơi gia đình thuộc tầng lớp Sát-đế-lợi." Thứ hai là xem xét về quốc độ, Bồ-tát thấy rằng nếu có quốc độ tốt đẹp hơn hết như trù phú, có nhiều thức ngon quý, không xảy ra tranh đấu, dân cư luôn an lạc thì nơi đó Bồ-tát có thể hạ sinh được, như vậy để chúng sinh khỏi cho là Bồ-tát đã trải qua nhiều kiếp tu phạm hạnh, sao lại sinh nơi chốn biên địa. Thứ ba là xem xét về thời gian, Bồ-tát thấy rằng nếu vào thời kiếp tăng, loài người sống đến tám vạn tuổi, nhưng căn trí trì độn, không phải là pháp khí, do đó không nên sinh ra. Vào thời kiếp giảm, chúng hữu tình thọ mạng một trăm tuổi, tuy gần với ngũ trược, nhưng loài người căn tánh lanh lợi, trí tuệ sáng láng, cho nên Bồ-tát sẽ hạ sinh. Thứ tư là xem xét về dòng giống, Bồ-tát thấy Tịnh Phạn vương là dòng Chúng Hứa vương trong thời thành kiếp, trải qua nhiều đời đều là Luân vương, do đó Bồ-tát có thể hạ sinh. Thứ năm là xem xét về người mẹ, Ngài thấy nếu có người nữ nào có trí tuệ thâm diệu, phước đức lớn lao, các tướng đoan nghiêm, giữ giới trong sạch, được chư Phật quá khứ thọ ký thì Bồ-tát có thể chọn làm mẹ. Nay thấy Ma-da phu nhân có đầy đủ những duyên lành ấy lại thuộc dòng hoàng tộc nên có thể được chọn làm mẹ Bồ-tát.

Xem xét những điều kể trên xong, Bồ-tát bèn nói với vua của sáu cõi trời Dục giới:

–Các vị chú ý, Ta nay sẽ sinh xuống cõi Nam thiệm-bộ châu, giáng thần nơi Ma-da phu nhân, các vị hãy rưới mưa cam lộ để Ta hưởng điều vui.

Các vị Thiên tử thưa:

–Ở Nam thiệm-bộ châu có sáu đại ác nhân: Một là lão Ca-diếp, hai là Ma-sa-ca-lê-ngu-bà Tử, ba là Sa-nhạ-dã-vĩ-la-trí Tử, bốn là A-nhĩ-đa-kế-xả-ca-ma-la, năm là Ca-đã-dã, sáu là Nhĩ-nga-la-ngã-đế tử. Nam thiệm-

bộ châu lại có sáu phái ngoại đạo lõa hình: Một là Cu-trá-đa-nỗ Bà-la-môn, hai là Tô-lỗ-nỗ-đa-nô Bà-la-môn, ba là Ma-nhi Bà-la-môn, bốn là Phạm Thọ Bà-la-môn, năm là Bố-sa-ca-la Bà-la-môn, sáu là Lộ-tư-đã Bà-la-môn. Ở Nam thiệm-bộ châu còn có sáu đại lực sĩ: Một là Ô-nại-la-củ-la-ma Tử, hai là A-la-nã, ba là Ca-loại-ma, bốn là Tô-bạt-nại-la, năm là Ba-lí-một-la-nhạ-ca, sáu là Tán-da-ma-nô-phược-ca. Đó là mười tám hạng chúng sinh khó điều phục.

Thuở ấy, trong nhân gian có một vị tiên, tuổi đã già tên là Ô-lư-vĩ Ca-diếp, thầm nghĩ: "Chính ở cõi nước trải rộng tới mười hai do-tuần là đất có nhiều phước đức, đúng là nơi Bồ-tát ngự đến thuyết pháp. Ước mong Bồ-tát hãy sớm xuống nhân gian vì ta mà nói pháp, khiến ta được nhiều lợi ích lâu dài."

Bấy giờ Bồ-tát nói với vua cõi trời Đâu-suất:

–Ông nay hãy vì Ta mà tấu tất cả các loại nhạc khí.

Chư Thiên bèn cử tấu âm nhạc, còn Bồ-tát thì thổi đại Pháp loa, tiếng loa cao xa hơn cả thiên nhạc, do đó mười tám hạng hữu tình khó điều phục ở Nam thiệm-bộ châu sẽ được Bồ-tát dùng biện tài vô ngại hàng phục cũng như trên, Bồ-tát liền nói kệ:

Sư tử gầm lên muôn thú hãi
Một chày kim cang đỉnh núi tan
Vô số Tu-la đều theo phục
Vầng dương chiếu phá trừ tối tăm.

Lúc đó vua sáu cõi trời thuộc Dục giới và trời Đế Thích xem thấy Bồ-tát cưỡi voi trắng sáu ngà từ trời Đâu-suất đi vào bụng Ma-da phu nhân, liền rưới cam lộ hộ trì làm cho thân Ma-da phu nhân thanh tịnh an ổn, rồi nói kệ:

Ta xem Bồ-tát giáng cõi trần
Cung vua Cam Giá, chốn thọ sinh
Lợi ích hữu tình, tròn nguyện ước
Như vầng dương hiện phóng quang minh.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐẾ

QUYỂN 3

Bấy giờ bà Ma-ha Ma-da thấy bốn điềm mộng: Một là thấy voi trắng sáu ngà, hai là voi ấy từ trời đi xuống nhập vào bụng bà, ba là tự thân lên núi cao, bốn là thấy nhiều người quyền quý tập hợp cùng đến quỳ lạy mình. Phu nhân đem những điềm mộng ấy tâu với vua Tịnh Phạn. Vua liền đem các điềm mộng ấy hỏi các nhà chuyên đoán mộng, họ đều bảo rằng hoàng hậu sẽ sinh được quý tử, hình tướng đoan nghiêm, nếu ở tại gia sẽ lên ngôi Chuyển luân vương, còn nếu xuất gia tu Phạm hạnh thì sẽ thành Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác hiệu là Thiên Nhân Sư.

Lúc bấy giờ, khi Bồ-tát giáng sinh, đại địa chấn động, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ, chúng sinh trông thấy cho là điều chưa từng có. Trời Đế Thích và bốn vị Thiên vương hộ thế, mỗi vị đều cầm vũ khí hộ vệ cho Bồ-tát để các loài ma quỷ không thể làm hại. Khi đó thân Bồ-tát trong lành như ngọc Ma-ni, như ngọc báu Ca-diếp-ca, mọi thứ bụi bặm cấu uế không thể làm ô nhiễm. Bồ-tát lại làm cho thân tâm của mẹ trở nên trong sạch như ngọc lưu ly, có thể thấy rõ thân tướng và các căn của Bồ-tát, giống như làn nước trong vắt khiến làm hiển lộ rõ ánh sáng năm màu một cách rõ ràng. Ngài lại khiến cho mẹ có khí lực dồi dào, không chút tật bệnh hay đau khổ, ý chí kiên định thọ trì năm giới, luôn dốc tịnh tấn lìa mọi lỗi lầm.

Lúc đó Thánh mẫu tâu với Tịnh Phạn vương rằng bà muốn được uống nước trong bốn biển. Vua đem điều ấy hỏi các tướng sư, họ đều đáp:

–Hoàng hậu chắc chắn sẽ sinh vị Thái tử có đủ các tướng tốt, tu tập đạo vô thượng, thành Bậc Đẳng Chánh Giác. Nếu hoàng hậu không uống nước bốn biển thì thân tướng Thái tử sẽ không tốt đẹp đầy đủ.

Lúc bấy giờ, trong nước Ca-tỳ-la có một người giỏi ảo thuật tên là La-yết-đa-sô, được vua mời đến chánh điện của hoàng cung để hóa nước bốn biển cho phu nhân dùng. Uống nước xong, phu nhân tâu vua nên ân xá tất cả những kẻ bị tù tội, bố thí cơm áo cho những người nghèo khổ và làm các việc phước lành. Lần khác, Ma-da phu nhân tâu vua Tịnh Phạn rằng, phu nhân muốn đến ở một hoa viên. Nhà vua liền báo cho vua Tô-bát-la-một-đà. Vua Tô-bát-la-một-đà liền cho tạo lập một hoa viên có lâu đài tốt

đẹp, hoa cỏ xanh tươi gọi tên là Long-nhĩ-nễ viên. Phu nhân và cung tần cùng đến ở nơi ấy. Trông thấy cây Vô ưu xanh tốt, hoa nở đầy cành, tỏa hương thơm ngát, phu nhân đưa tay phải vin vào cành hoa, muốn sinh Thái tử, nhưng nhìn thấy những người hầu đứng xung quanh, nên phu nhân có sắc thẹn, biết được điều đó Thiên vương liền làm một trận gió mưa thổi đến khiến cho người hầu chạy tứ tán, rồi tự thân Thiên vương hóa thành một lão bà đến trước phu nhân để lo đỡ Thái tử. Thái tử lúc mới sinh thân như Kim sơn, hình sắc như vàng ròng, lão mẫu muốn bồng, Thái tử bảo:

–Kiều-thi-ca chớ đỡ, Ta tự xuất sinh.

Lúc đó đại địa chấn động, một nguồn sáng lớn phát ra chiếu khắp thế gian, chúng sinh nhìn thấy đều khen là việc chưa từng có. Vua Tịnh Phạn trông thấy điềm lành ấy liền đi quanh Thái tử ba vòng, cung kính lễ Thái tử rồi lên tiếng:

–Lành thay, lành thay! Hôm nay ta có được người con là bậc Trượng phu, đầy phước đức, khiến ta được nhiều lợi tốt.

Thái tử khi mới sinh thân tướng đầy đủ, trong ngoài trong suốt như ngọc lưu ly, không một chút nhơ uế. Thái tử bước đi bảy bước về bốn hướng. Phương Đông biểu hiện Niết-bàn tối thượng, phương Nam biểu hiện lợi lạc cho quần sinh, phương Tây biểu hiện giải thoát sinh tử, phương Bắc biểu hiện dứt hẳn luân hồi. Bấy giờ chư Thiên trên hư không cầm lọng trắng che trên đầu Thái tử và tuôn xuống hai cơn mưa, một ấm một mát để tắm cho Thái tử. Các vị trời khác và Long thần thì hòa tấu nhạc, từ nơi hư không tung xuống đủ các loại hoa như Mạn-đà-la, Ưu-bát-la, Câu-mẫu-na, Bôn-nỗ-lí-ca và các thứ hương thơm như Trầm hương, Đàn hương, Mạt hương, Đa-ma-la hương cùng những y phục kỳ diệu... và nói kệ:

Khéo sinh Đại Mâu-ni
Tướng trang nghiêm trăm phước
Dứt hết bụi phiền não
Chứng quả Vô thượng giác
Thân viên mãn sáng trong
Phóng hào quang rực rỡ
Chiếu khắp cả thế gian
Phá trừ màn si ám.

Khi chư Thiên đọc bài kệ xong, có bốn vị quốc vương đều đồng loạt sinh Thái tử. Vua A-la-noa của nước Xá-vệ sinh một Thái tử, vua nghĩ: "Khi con ta sinh ra, thế giới thanh tịnh, an ổn, nên đặt tên Thái tử là Bạt-la-tẩy-nẵng-dụ-na." Vua Ma-ha-bát-na ở thành Vương xá sinh một Thái tử,

vua nghĩ: "Lúc con ta sinh ra, ánh sánh rực rỡ chiếu khắp thế gian, nên đặt tên Thái tử là Vĩ-nhĩ-ta-la." Vua Thiết-đa-nhĩ-ca ở thành Câu-thi-na sinh một Thái tử và nghĩ: "Lúc con ta sinh ra, thế giới sáng rực, trời đất trong trẻo nên đặt tên Thái tử là Ô-na-đã-nẵng." Vua nước Ô-nhạ-nhĩ là A-nan-đa-nhĩ-thị-nỗ sinh được một Thái tử và nghĩ: "Con ta sinh ra lúc có ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp, không còn chút u ám, nên đặt tên Thái tử là Bát-la-lã-đa." Bốn Thái tử ấy đều do sức cảm hóa của Bồ-tát mà sinh ra.

Cách thành Ca-tỳ-la không xa, có một ngọn núi lớn tên là Khẩn-sư-kiết-đà. Có một vị tiên tên A-tư-đà, thường ở nơi ấy tu hành phạm hạnh. Lúc đó cháu ngoại của vị tiên này tên là Nẵng-la-na theo xuất gia tu tập với Tiên nhân, vào lúc Bồ-tát giáng sinh, ánh sáng chiếu khắp, khiến Nẵng-la-na nghi sợ không biết thế nào, liền vào am hỏi thầy. Tiên nhân đáp:

–Nay ánh sáng ấy có màu hoàng kim, không nóng bức, nhẹ chiếu khắp ba cõi, đó là điềm lành báo có Phật giáng sinh.

Nẵng-la-na thưa:

–Nay con muốn đến đó để đảnh lễ Bồ-tát.

Tiên nhân nói:

–Ngài có oai đức lớn, chung quanh Ngài luôn có chư Thiên, Long thần bảo hộ, nên không thể gặp được. Hãy đợi khi Phật đã nổi danh, trở về thành Ca-tỳ-la thì ngươi đến đó sẽ được lợi ích lớn.

Lại nữa, khi Bồ-tát giáng sinh, có năm trăm voi trắng và với năm trăm người tùy tùng cũng được sinh ra. Kho báu trong đất tự nhiên hiện lên, trời rưới cam lộ. Các tiểu vương quốc đều đến chúc mừng. Vua Tịnh Phạn thấy Thái tử sinh ra có nhiều điềm lành, nên thầm nghĩ: "Con ta sinh ra có đầy đủ phước đức, thành tựu nhiều việc tốt đẹp.", nên đặt danh hiệu Thái tử là Nhất Thiết Nghĩa Thành.

Ở thành Ca-tỳ-la có một vị thần Dạ-xoa tên là Xá-cá-phược-đà-nẵng, người nào mới sinh con cũng đều đem đến miếu thần để cầu thần che chở. Lúc ấy vua Tịnh Phạn cũng cho Thái tử ngồi xe tứ báu đến miếu lễ thần. Khi xe của Thái tử vừa đến sân miếu, thần Dạ-xoa vội ra nghinh tiếp, cung kính lạy trước xe. Vua thấy thế liền nói:

–Thiên thần đáng kính đã kính lễ Bồ-tát, vậy nên đặt hiệu Thái tử là Thiên tử.

Những người trong họ Thích tính tình cứng cỏi, khó điều phục nhưng thấy Thái tử thân tướng uy nghiêm, dung mạo đoan trang, hòa nhã, trời người đều trọng, nên tự hồi tâm bỏ tánh kiêu căng, tính tình trở nên nhu

thuận, lặng im chiêm ngưỡng Thái tử, nhân đó vua đặt cho Ngài hiệu nữa là Tịch Mặc.

Lúc bấy giờ vua Tịnh Phạn căn dặn các cung nhân phải hết lòng nuôi dưỡng Thái tử cẩn thận, mọi việc ăn uống, tắm rửa phải luôn điều độ, y phục luôn trang nghiêm, không nên sơ sót. Khi Thái tử mới sinh, trời rưới mưa cam lộ, thầy tướng xem tướng thấy Thái tử có đủ ba mươi hai tướng trượng phu, nếu ở tại gia sẽ là bậc Chuyển luân vương có bảy thứ báu: Kim luân, Bảo tượng, Bảo mã, ngọc Ma-ni báu, ngọc nữ, thần chủ kho báu và thần tướng báu; bảy thứ báu ấy luôn có đầy đủ và có một ngàn người con vây quanh Luân vương, thật hiếm thấy, nhà vua sẽ rất dũng mãnh có thể phá tan mọi thứ oan khiên.

Bấy giờ, vị tướng sư nói kệ:

Bánh xe vàng ngàn căm
Guồng xe quay tít vòng
Bay khắp bốn phương trời
Khoảnh khắc về chỗ cũ.
Voi báu thật tuyệt vời
Sắc lông ngời ánh tuyết
Dạo khắp Thiệm-bộ châu
Không nơi nào trở ngại.
Ngựa báu chân uy nghiêm
Cổ xanh đời ít thấy
Bay được trên hư không
Tới lui nhanh như gió.
Ngọc Ma-ni đẹp nhất
Chiếu sáng một do-tuần
Như trong đêm tối tăm
Giữa trời hiện trăng sáng.
Bảo nữ đời ít có
Rất đẹp lại đoan nghiêm
Hầu gần bên Luân vương
Biết được lòng vua nghĩ.
Chúa kho tàng uy đức
Chủ các báu trong đời
Ngọc quý trong lòng biển
Vua cần liền cho hiện.
Thần chủ binh sức mạnh
Điều khiển bốn bộ binh

Tượng, mã, bộ và xe
Đến đâu đều hàng phục.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn hỏi thầy tướng:

–Ba mươi hai tướng tốt của Thái tử là những tướng nào?

Thầy tướng tâu:

–Ba mươi hai tướng tốt ấy là:

1. Dưới bàn chân của Thái tử có ngàn đường chỉ vòng tròn như những bánh xe và rất đều đặn.

2. Tay chân Thái tử mềm mại như hoa Đâu-la-miên.

3. Kẽ ngón tay, ngón chân của Thái tử giống như Nga vương, màng lưới sắc như vàng ròng.

4. Các ngón tay và ngón chân đều rất dài.

5. Gót chân và mu bàn chân tương xứng, cân đối.

6. Lòng bàn chân Thái tử bằng phẳng.

7. Các ngón chân, ngón tay thon nhỏ dần ở đầu ngón.

8. Hai cánh tay dài quá gối.

9. Nam căn ẩn tàng không nhìn thấy giống như long mã hoặc tượng vương.

10. Các lỗ chân lông đều có lông tơ xoắn màu xanh biếc.

11. Lông tóc ngay thẳng, thân thể sắc vàng nhìn vào thấy vui thích.

12. Da mịn màng, bụi nhơ không bám được.

13. Trên da có ánh sáng màu hoàng kim chiếu ra rất trang nghiêm khiến trời người đều yêu kính.

14. Lòng bàn tay, bàn chân, cổ và hai vai đều đầy đặn.

15. Vai cổ đều đẹp đẽ.

16. Dưới hai nách đầy đặn.

17. Khuôn mặt vô cùng đoan nghiêm.

18. Thân tướng cao lớn, trang nghiêm hơn hẳn trời người.

19. Thân tướng vòng quanh người đều tròn đầy.

20. Nửa thân trên, bộ ngực oai nghiêm như sư tử.

21. Thân có ánh sáng chiếu xa một tầm.

22. Có đủ bốn mươi cái răng, bằng đều, trắng sạch như tuyết, kín khít và bền chắc.

23. Có bốn răng cửa trắng, sắc.

24. Tất cả thức ăn khi ăn vào luôn biến thành thượng vị, yết hầu tiết ra dịch nên nuốt dễ dàng, thường không bệnh, thân tâm vui vẻ.

25. Lưỡi rộng, sạch, dài có thể đưa ra phủ đến mí tóc.

26. Tiếng nói lớn, âm vang như tiếng trống trời nhưng hòa nhã, nhu nhuyến như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.

27. Lông mi thuần xanh biếc như Ngưu vương.

28. Đôi ngươi mắt xanh biếc, phân biệt với tròng trắng một cách rõ ràng.

29. Mặt Thái tử đầy đặn như mặt trăng tròn.

30. Lông mi dài và cong như chiếc cung của vua trời.

31. Giữa hai lông mày có lông trắng, cuốn vòng theo phía phải, mềm mại như hoa Đâu-la-miên, tỏa ra ánh sáng tinh hơn cả ánh sáng của tuyết.

32. Trên đỉnh đầu có nhục kế nhô cao như chiếc lọng trời.

Đó là ba mươi hai tướng tốt của bậc Đại trượng phu. Thái tử đã tinh tấn tu tập phạm hạnh, giới hạnh và các thiện pháp trong vô số kiếp ở quá khứ liên tục không gián đoạn nên nay mới được tướng công đức lành ấy. Do vậy khi Thái tử sinh vào cung vua thì mọi thứ ẩm thực, ăn uống, y phục, giường nằm, voi ngựa, tất cả những đồ quý báu đều đầy đủ, quyến thuộc đông đảo, vương tộc luôn được nối tiếp không dứt, trong cõi trời người không ai bằng được. Nếu Thái tử không xuất gia thì năm ba mươi hai tuổi sẽ thành Kim luân vương.

Hoàng hậu Ma-ha Ma-da sinh Thái tử được bảy ngày thì lâm chung, sinh lên cung trời Đao-lợi, hưởng năm thứ vui thú. Thân tướng Thái tử đoan nghiêm khiến ai nhìn cũng sinh yêu kính, nếu như có người thợ vàng tài giỏi cũng không thể đúc được hình tượng tốt đẹp như hình tướng của Ngài. Thí như chư Thiên nơi cõi trời Bán-nỗ-ca-thạch có ánh sáng lớn chiếu rõ khắp chốn, ánh sáng trên thân thể Bồ-tát vắng lặng thanh tịnh cũng như vậy. Lại như hoa sen nở ra trên nước, tỏa hương thơm ngát, tất cả loài hữu tình trông thấy đều yêu thích, thân tướng của Bồ-tát người nhìn sinh lòng cung kính cũng như vậy. Đôi mắt của Bồ-tát trong trẻo, sáng láng nhìn xa thấy được khoảng một do-tuần những sắc trần rất nhỏ, hơn cả mắt của chư Thiên, ngày đêm đều không khác. Thanh âm trong giọng nói của Bồ-tát trong trẻo, êm tai lạ lùng như tiếng của chim Ca-lăng-tần-già, lại cũng như loài chim trên núi Tuyết ăn các loài hoa nước, ăn đến say rồi hót lên những âm thanh hòa nhã ra sao thì tiếng của Bồ-tát cũng như vậy.

Bấy giờ, Tiên nhân Nẵng-la-na thưa sư phụ A-tư-đà là mình muốn đến thành Ca-tỳ-la để tham bái Bồ-tát. Thầy trò liền vận thần thông cùng đến thành Ca-tỳ-la. Khi đến gần thành, vì uy đức của Bồ-tát nên thần thông của Tiên nhân không còn hiệu nghiệm nữa, họ phải đi bộ đến cung vua Tịnh Phạn. Quan giữ cửa thành trông thấy liền tâu vua. Nhà vua vui mừng truyền lệnh đón vào cung, rồi mời ngồi lên tòa, cử nhạc, dọn tiệc thết đãi rất cung kính, rồi nhà vua hỏi Tiên nhân có điều gì mà thân hành đến đây. Tiên nhân A-tư-đà thưa:

–Nay tôi muốn gặp vị Nhất Thiết Nghĩa Thành Đại Mâu-ni sư.

Vua bảo Thái tử còn đang ngủ, xin chờ trong chốc lát. A-tư-đà chỉ xin vào giường để ngắm Thái tử. Lúc ấy Thái tử tuy ngủ nhưng đôi mắt vẫn mở, thấy thế Tiên nhân liền nói kệ:

Chư Thiên quan sát cảnh
Nhìn vật mắt không chớp
Bồ-tát trong giấc ngủ
Nhìn cảnh cũng như vậy.

Tiên nhân nói kệ xong thì cung nữ nhũ mẫu cũng bồng Thái tử đến trước mặt. A-tư-đà nhìn kỹ dung mạo phi thường của Thái tử, liền hỏi nhà vua đã có vị tướng sư nào đến xem cho Thái tử chưa. Vua bảo có vị thầy tướng người Bà-la-môn xem và đoán là Thái tử nếu không xuất gia chắc chắn sẽ là Chuyển luân vương, nếu xuất gia thì sẽ trở thành Bậc Chánh Giác. Nghe xong Tiên nhân liền nói kệ:

Xưa thân lỡ vướng vòng ngoại đạo
Nay gặp phước đức Chuyển luân vương
Năng dứt phiền não chứng Bồ-đề
Nói pháp nhiệm mầu sâu như biển
Tướng tốt nhưng vẫn lìa ngôi báu
Thành Đại Mâu-ni cứu quần sinh
Cho nên tôi nay cung kính lễ
Xin được gần gũi dứt trần lao.

Nói kệ xong, Tiên nhân tự xem thọ mạng mình còn được bao lâu có thể gặp lúc Thái tử thành Phật không? Quán chiếu xong, thấy rằng năm hai mươi chín tuổi Thái tử sẽ rời hoàng cung vào núi xuất gia, sáu năm tu khổ hạnh trong rừng và sau đó sẽ giác ngộ pháp cam lộ, diệt trừ phiền não thành đạo Vô thượng, rồi xem lại mình thì thấy không thể sống đến lúc Thái tử đắc đạo được, nên buồn tủi, bật khóc nức nở. Lúc ấy vua Tịnh Phạn thấy Tiên nhân khóc lóc như vậy vô cùng kinh hoảng liền nói kệ:

Nếu người có con cái
Lòng yêu thương không đủ
Phước tướng đẹp như vậy
Nhìn ngắm luôn vui thích.
Tiên nhân thấy Thái tử
Vì sao lại khóc than?
Con ta nếu sợ hãi
Sẽ chợt sinh bệnh tật
Chưa biết là ý gì
Mau vì ta nói rõ.

Lúc ấy tiên A-tư-đà nghe xong bài kệ liền nói với vua:

–Không lâu nữa Thái tử sẽ thành Bậc Chánh Giác, đâu có gì phải lo sợ! Giả sử từ hư không tuôn xuống đầy các hạt kim cương và ngọc báu cũng không làm tổn hại đến một sợi lông của Bồ-tát. Gió lớn, lửa dữ, thuốc độc, đao kiếm, cung tên đầy khắp trời đất cũng không thể xâm phạm Ngài được, cho tới loài rồng độc ác, các loài thú hung dữ cũng không làm hại được Ngài, bởi vì trong quá khứ Thái tử đã tu hạnh từ bi, không bao giờ rời xa chúng sinh khiến mọi loài hữu tình luôn được yên ổn. Vả lại, trong không trung luôn có các vị Đế Thích và Tứ Thiên vương ủng hộ, giữ gìn, nên Thái tử đâu có gì phải lo sợ. Nay tôi buồn khóc là vì thấy mình đã quá già, nay mai sẽ qua đời, không thể được dự nghe Đức Phật thuyết diệu pháp sau này. Chính vì không có phần lợi ích ấy nên tôi mới tủi thân than khóc. Xin vua đừng lo âu.

Lúc ấy Tiên nhân A-tư-đà lại nghĩ: "Ta vốn có thần thông, nhưng do uy lực của Bồ-tát chế phục, không thể hiện ra được nên đã đi bộ vào hoàng cung, nay nếu lại đi bộ ra khỏi thành, không khỏi khiến chúng hữu tình sinh tâm kiêu mạn cho rằng bậc đại tiên mà phải đi bộ mãi như thế." Nghĩ thế rồi, Tiên nhân bèn tâu với vua Tịnh Phạn:

–Nay tôi giã từ nhà vua, xin nhà vua cho sửa sang đường xá từ trong thành dẫn ra ngoài thành.

Vua Tịnh Phạn liền sai quan quân tu sửa đường sá sạch sẽ, rưới nước bạch đàn hương lên đường, treo tràng phan, dây báu, đốt hương theo lối đi rồi nhà vua cùng các quan, các vị trưởng giả, cư sĩ cùng vây quanh cung kính tiễn đưa Tiên nhân ra thành. A-tư-đà được vua tiễn ra ngoài thành rồi liền đi thẳng về núi Chi-sắc-kế-đà, sau đấy nỗ lực tu tập thiền định, chẳng bao lâu phục hồi thần thông như trước, thân thể nếu có bệnh thì chỉ dùng thức ăn và ít hoa quả là hết bệnh.

Một hôm, người đệ tử thưa với thầy:

–Con xuất gia tu hành là vì muốn cầu pháp cam lộ giải thoát. Nay thầy đã chứng được, xin thầy truyền cho con.

Vị thầy nói:

–Ta tu hành đã lâu mà vẫn chưa nếm được vị cam lộ, làm thế nào truyền cho ngươi được? Thái tử Tất-đạt-đa con vua Tịnh Phạn sẽ thành Bậc Chánh Giác có được pháp vị chân cam lộ, người nào xuất gia theo Ngài tịnh tu phạm hạnh, không phân biệt đẳng cấp, bỉ thử, ngã nhân, thì sẽ đắc đạo vô vi.

Lúc đó Tiên nhân A-tư-đà lại nói kệ:

Ta tu nơi núi này
Theo con đường phạm hạnh
Tuy có được thần thông
Nhưng chưa nếm cam lộ,
Tự biết thân vô thường
Luôn ở trong sinh diệt
Hòa hợp những tướng giả
Đó là pháp vô thường.

Tiên nhân nói kệ xong, Nẵng-la-na cảm động trước lời dạy của thầy, nên lễ bái và cúng dường thầy rồi xin đi sang nước Ba-la-nại để gặp năm trăm vị Ma-noa-phược-ca Bà-la-môn học Vi-đà kinh. Một thời gian sau, biết đấy không phải là đạo rốt ráo, không thể thân cận được nên Tiên nhân bèn đến chỗ Phật mong được nghe yếu chỉ Phật pháp. Thuở ấy Nẵng-la-na có họ là Ca-đa, dùng họ làm tên, khi được Phật khai thị cho những yếu chỉ của Phật pháp thì đạt được niềm vui của sự tịch diệt nên lại có tên là Đại Ca-đa.

Lại nói về Thái tử đang nằm trong lòng nhũ mẫu, cầm bình vàng đựng thức ăn, ăn xong, nhũ mẫu liền thu dọn bình ấy, nhưng bình quá nặng nên không sao nhấc lên được. Nhũ mẫu liền báo việc này lên vua, vua sai nhiều cung nhân và cùng họ đến nhấc thì bình ấy càng nặng thêm, đến nỗi nhà vua cho một con voi thật lớn đến nhấc cũng không làm cho bình nhúc nhích được chút nào. Vì sao? Đó là do thần lực của Bồ-tát: Người đưa một ngón tay trái giữ lấy chiếc bình vàng kia, khiến con voi dù cố hết sức cũng không lay chuyển được chiếc bình. Lúc ấy vua Tịnh Phạn suy nghĩ: "Nếu Bồ-tát dùng hai ngón tay để giữ chiếc bình thì dẫu cả trăm con voi lớn cũng không sao nhấc lên được, bởi vì Bồ-tát có sức mạnh của ngàn thớt voi. Nếu có

những đồng tử muốn đùa giỡn đấu sức với Bồ-tát thì thật chẳng khác gì đem sức của loài vịt trời sánh với lực của Ngỗng chúa."

Khi Bồ-tát cùng năm trăm quyến thuộc nơi cung cấm bắt đầu đi học, đến trường đọc sách, vị thầy giáo đưa một cuốn sách cho Thái tử đọc. Thái tử nói:

–Sách này con đã biết rõ rồi!

Người thầy đưa một cuốn sách khác, Thái tử cũng bảo là đã thông suốt. Người thầy lại đưa cho Thái tử năm trăm loại sách khác, Thái tử cũng bảo là đã đọc hiểu hết cả, xin hãy cho đọc sách khác. Vị thầy nói:

–Trong thế gian này chỉ có năm trăm loại sách ấy thôi, ngoài ra tôi không biết còn có những loại sách nào nữa.

Khi đó Thái tử liền đặt bút tự viết một cuốn sách, rồi đưa cho vị thầy đọc, vị thầy thú nhận là xưa nay mình chưa từng thấy sách ấy, Thái tử bảo đó là sách của Phạm thiên. Bấy giờ Phạm thiên biết Bậc Luân vương kia muốn mình đọc tụng sách ấy, bèn dùng Phạm âm vi diệu để tụng đọc, rồi vị Đại Phạm thiên từ hư không lớn tiếng nói:

–Sách đó đúng là sách của Phạm thiên.

Vị thầy dạy nghe thế càng thêm tin tưởng lời của Thái tử. Thuở ấy, bên ngoại của Thái tử có hai vị danh sư giỏi nghề bắn cung, tên là Ta-nại-lê và Ta-hạ-nhĩ-phược có đến năm trăm người theo học. Hai danh sư ấy bàn luận với nhau:

–Đề-bà-đạt-đa tính tình thô bạo, hay ganh tỵ, nếu truyền nghề cho ông ta thì có thể gây nhiều tai hại. Thái tử Tất-đạt-đa thì từ bi, thông tuệ, hay thương xót chúng sinh vậy chúng ta nên truyền dạy cho Thái tử.

Nghề bắn cung có năm loại: Một là bắn xa, tức là đứng từ rất xa mà bắn. Hai là nghe tiếng mà bắn, tức là bắn theo tiếng kêu của con vật. Ba là theo ý mà bắn trúng mục tiêu. Bốn là bắn gần mục tiêu, tức những mũi tên cách xa nhau. Năm là bắn đứt vật, tức là vật bị bắn sẽ bị xuyên đứt. Thái tử đã làu thông năm cách bắn.

Bấy giờ, ở thành Tỳ-xá-ly có một con voi lớn, hình tướng đoan chánh, có sức mạnh vô cùng. Dân chúng thành ấy cùng nhau bàn luận: Vua Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la có một vị Thái tử tên là Tất-đạt-đa, thầy tướng đoán là sẽ lên ngôi Chuyển luân vương, vậy chúng ta sẽ đem voi này hiến dâng cho Thái tử." Mọi người đều bằng lòng, bèn dùng những châu báu trang sức cho voi rồi đưa voi đến thành Ca-tỳ-la. Khi đến vương cung thì gặp Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà vừa bước ra cửa thành thấy con voi liền hỏi:

–Voi này từ đâu đưa đến?

Quan gác cổng thưa:

–Voi này là của dân thành Tỳ-xá-ly vì biết Thái tử Tất-đạt-đa sẽ lên ngôi Chuyển luân vương nên đem đến dâng cho Thái tử.

Đề-bà-đạt-đa nghe xong, lòng ganh ghét nổi lên liền nói:

–Tất-đạt-đa sao được lên ngôi?

Nói rồi ông ta liền dùng gậy đánh chết voi. Khi ấy Nan-đà thấy xác voi và biết bị Đề-bà đánh chết, trong cơn phẫn nộ muốn thi thố sức mạnh của mình nên liền cầm đuôi xác voi ném ra ngoài bảy thước. Lúc ấy Thái tử Tất-đạt-đa đến nơi thấy xác voi không còn ở chỗ cũ biết là do Nan-đà muốn biểu diễn sức mạnh của mình, Thái tử bèn một tay cầm đuôi xác voi ném tung lên không, cao hơn bảy tầng thành, chẳng khác nào ném một hòn đất. Vị sứ giả của thành Tỳ-xá-ly đến hiến voi, trông thấy uy lực của Thái tử Tất-đạt-đa như thế bèn nói kệ:

Chúng tôi đem voi đến
Để hiến cho Luân vương
Gặp phải kẻ hung ác
Đã giết chết voi đi.
Nan-đà cầm đuôi voi
Ném xa ngoài bảy thước
Bồ-tát sức oai thần
Ném voi như ném đất.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐẾ

QUYỂN 4

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa cầm cung tên ra khỏi thành Ca-tỳ-la để tập bắn, Thái tử Tất-đạt-đa biết điều ấy, nên cùng với năm trăm quyến thuộc cũng cầm cung tên ra khỏi thành. Đến nơi, Đề-bà từ xe nhắm bắn một thân cây, trúng tên cây đổ ngay. Thái tử cũng nhắm bắn một cây, cây tuy bị trúng tên đứt làm đôi nhưng vẫn đứng yên. Đề-bà-đạt-đa thấy thế hỏi Thái tử:

–Tôi nghe Ngài đã hiểu thông năm thế bắn, nhưng sao bắn cây ấy lại không trúng?

Đề-bà vừa nói xong thì một trận gió nỗi lên và cây bị bắn trúng ấy liền đổ xuống, khiến ông ta rất kinh ngạc. Đó là do vị vua trời Đế Thích suy nghĩ: "Nay ta phải làm hiển lộ thần lực của Bồ-tát, nếu không thì làm sao chúng sinh biết là Bồ-tát có khả năng thông đạt tất cả mọi việc", nên làm ra trận gió ấy.

Lúc ấy Thái tử liền cho xếp bảy cây Bố-đa-la, bảy chiếc trống sắt và bảy chiếc thùng sắt và bảo mọi người bắn. Đề-bà-đạt-đa bắn thủng cây gỗ thứ nhất, Nan-đà bắn xuyên đến cây thứ hai, còn Thái tử Tất-đạt-đa thì bắn xuyên thủng cả bảy cây gỗ, bảy chiếc trống sắt và bảy chiếc thùng sắt, mũi tên của Thái tử còn xuyên đến cung điện của Long vương. Long vương trông thấy mũi tên của Bồ-tát bắn bèn nhặt chiếc tên ấy đem cắm ở phía trên dòng suối làm vọt nước ra. Những người Bà-la-môn, cư sĩ có tín tâm liền xây tháp nơi đó để cúng dường, những vị Tỳ-kheo thường đến chiêm bái.

Sau cuộc thi bắn, Thái tử lên xe trở về cung. Khi đó có vị tướng sư đoán đến năm mười hai tuổi, nếu Thái tử không xuất gia thì sẽ là vị Chuyển luân vương cai trị bốn châu, có ngàn người con vây quanh. Tịnh Phạn vương nghe thế rất vui mừng, bèn báo tin cho các quan biết. Một vị đại thần tâu:

–Nếu bệ hạ muốn Thái tử nối ngôi Luân vương thì nên gấp truyền chọn một người trong số các thục nữ của công khanh, đại thần, quan liêu cho đến cả dân chúng để cưới cho Thái tử. Và cần phải cho xây cất đền đài

nguy nga, trang trí vô số châu báu, may các loại y phục tuyệt đẹp, chọn ngày lành rồi truyền Thái tử ngồi nơi tòa sư tử, những người con gái xinh đẹp của các quan lại hoặc của các cư sĩ, trưởng giả đều phải đến cung, nếu có cô nào hiền thục, giàu phước đức được Thái tử ưng ý tặng những vật báu thì sẽ chọn làm phu nhân.

Vua y theo lời tâu ấy. Đến ngày đã chọn, vua bảo Thái tử lên điện ngồi nơi tòa sư tử, truyền cho các thiếu nữ đi vào dự hội. Lúc ấy có người con gái tên là Da-du-đà-la không muốn đến dự hội. Người cha hỏi vì sao, nàng đáp rằng:

–Nhà ta đâu có thiếu châu báu, lụa là... sao lại phải đến cung vua xin ân tứ?

Người cha nói:

–Con đến vương cung là nhằm để được Thái tử chọn cưới làm vợ, chứ đâu phải chỉ để nhận các tặng vật?

Nghe thế, Da-du-đà-la ấy mới sửa soạn y phục đẹp đẽ, trang điểm bằng những món trang sức quý giá đi đến dự hội.

Thái tử thấy Da-du-đà-la có phước tướng hơn hẳn các cô khác, thân tướng tươi sáng, lòng rất vui mừng, bèn bước xuống khỏi tòa, theo đúng lễ nghi truyền thống chào nhau rồi trở về chỗ ngồi, chắp tay một cách trang nghiêm cung kính. Thấy thế các quan tâu với vua là nàng thiếu nữ ấy có nhiều tướng tốt, phước đức sâu dày, rất hợp là phu nhân của Thái tử. Vua liền truyền cho hai vạn cô gái cùng hộ tống Da-du-đà-la vào cung.

Lúc bấy giờ ở cách thành Ca-tỳ-la không xa, có một con sông lớn tên là Lỗ-hạ-ca. Bên bờ sông có một cây to tên là Sa-la-ca-lý-nỗ, mọc lên cùng lúc với Thái tử sinh ra, chẳng mấy chốc mà cao trăm thước. Vào lúc mặt trời chưa lên thì thân cây rất mềm, dùng móng tay bấm cũng thủng, nhưng khi mặt trời lên rồi thì búa bổ không vô, lửa đốt không cháy, do nước sông ngấm vào bờ, dần dần làm mục rễ cây, khiến cây đổ ngang dòng sông, làm cho nước ở hạ lưu cạn đi. Vua Tô-bát-la-một-đà biết là cây đã làm cho nước sông tắc nghẽn, người trong nước không có nước dùng, liền sai sứ giả đến thưa với vua Tịnh Phạn việc đó và ngỏ ý nhờ Thái tử dùng thần lực dẹp bỏ cây ngăn dòng sông kia. Vua Tịnh Phạn yên lặng không trả lời, vua muốn Thái tử đến tận nơi rồi tự ý hành động chứ vua không trực tiếp sai Thái tử đi. Có vị đại thần tên Thượng-na ngầm biết ý vua nên nói với Thái tử:

–Ở gần con sông Lỗ-hạ-ca có hoa viên, trong ấy có nhiều hoa cỏ quý, lầu gác đẹp đẽ rất đáng đến du ngoạn.

Thái tử nghe nói liền cùng với quyến thuộc, quan lại rời khỏi thành Ca-tỳ-la đến hoa viên vui chơi. Lúc ấy Đề-bà-đạt-đa thấy một con nhạn bay ngang trên không, liền giương cung bắn, nhạn rơi ngang trước mặt Thái tử. Thái tử thương xót nhặt nhạn lên, rút mũi tên rồi thả cho nhạn bay đi. Đề-bà sai người đến bắt nhạn, Thái tử bảo:

–Ta đã phát Bồ-đề tâm, thực hành hạnh từ bi làm lợi ích cho hữu tình khiến mọi loài thoát khổ, cho nên đã cứu nhạn, vậy ông hãy bỏ qua đừng giận hờn.

Đề-bà-đạt-đa nghe nói thế, lặng thinh, nhưng tỏ vẻ không vui.

Bấy giờ vua Tô-bát-la-một-đà biết Thái tử đang có mặt tại hoa viên gần sông, liền sai dân chúng đến bờ sông kéo cây lên khỏi dòng, tiếng hò la vang dậy. Nghe tiếng reo, Thái tử liền hỏi những người chung quanh, các quan tâu:

–Đó là dân chúng của vua Tô-bát-la-một-đà sai đến kéo thân cây ngã ngăn dòng sông.

Thái tử nói:

–Để ta đến đó xem.

Cách bờ sông không xa, có một cái hang, là nơi cư trú của một con độc long. Khi Thái tử đi đến, độc long liền bò ra khỏi hang. Mọi người sợ nó làm hại Thái tử, liền dùng kiếm giết chết rồng độc, khí độc của nó nếu ai nhiễm phải thì toàn thân tím đen, do đó có tên Ca-lộ-na-di *(người có da đen)*. Thái tử đến bờ sông, bảo Đề-bà-đạt-đa kéo cây lên trước, Đề-bà dùng hết sức kéo nhưng cây vẫn không nhúc nhích. Rồi đến Nan-đà dốc hết toàn lực, cũng chỉ nhấc cây lên được một chút. Thái tử bèn dùng sức mình bẽ cây làm hai đoạn, ném qua hai bên bờ sông mỗi bên một đoạn, rồi nói với mọi người:

–Cây này là một loại thuốc rất quý, lửa không thể đốt được. Người nào mắc bệnh ghẻ lở, sưng phù, dùng nó bôi lên sẽ khỏi, mọi người hãy nhớ lấy!

Nói xong, Thái tử lên xe trở về thành. Có vị tướng sư xem tướng Thái tử và nói:

–Nếu trong bảy năm nữa mà Thái tử không xuất gia thì sẽ lên ngôi Chuyển luân vương.

Thái tử vừa về đến vương cung, có người con gái tên là Ngu-nhàn-ca, con của một người dòng họ Thích tên Già-trá-nghi-lý đang đứng nơi lầu cao, chợt thấy Thái tử thân tướng đoan nghiêm nên sinh tâm kính yêu. Thái

tử thấy nàng ấy liền báo dừng xe lại, quay đầu nhìn lên, tay cầm cung tên bỗng rơi xuống đất. Mọi người thấy nàng thiếu nữ ấy có nhiều phước tướng nên đều cho rằng nàng ta có thể hầu cận Thái tử được. Vua cha biết việc đó liền sai hai vạn thể nữ đến hộ tống Ngu-nhàn-ca vào cung.

Sau khi lập vương phi, Thái tử muốn đi ra ngoài thành dạo chơi, bèn bảo người phu xe chuẩn bị xe ngựa sẵn sàng. Người phu xe tên A-nga-đa vâng lệnh đem xe đến trước Thái tử, Thái tử lên xe ra dạo chơi ngoài thành. Bỗng Thái tử thấy một người già da nhăn tóc bạc, chống gậy rên rỉ, lê bước phía trước xe, rất nghẹn ngào liền hỏi A-nga-đa:

–Người đó là người gì vậy?

A-nga-đa thưa:

–Đó là người già.

Thái tử hỏi tiếp:

–Sao gọi là người già?

Người phu xe tâu:

–Thân thể giả tạo, không gì chắc chắn, bốn tướng thay đổi, sáu căn mờ ám, đứng ngồi khó khăn, nên phải chống gậy nên gọi là già.

Thái tử hỏi:

–Ngươi có khỏi già không?

Người phu xe đáp:

–Thần làm sao có thể tránh khỏi được.

Thái tử gặng hỏi tiếp:

–Vậy ta có khỏi già không?

Người đánh xe thưa:

–Giàu nghèo tuy có khác nhưng thân thể đều giả tạo như nhau, ngày tháng trôi qua, không người nào có thể tránh khỏi tuổi già.

Nghe thế Thái tử không vui, về cung suy nghĩ: "Tứ đại là giả hợp, ngũ uẩn không thật, vừa tuổi trẻ đấy bỗng thành người già. Thật đáng thương!" Vua Tịnh Phạn hỏi A-nga-đa:

–Thái tử ra thành đi dạo có gặp chuyện gì không?

A-nga-đa tâu:

–Thái tử ra ngoài thành gặp một người già, tóc bạc da nhăn...và kể lại mọi chuyện.

Nghe chuyện này vua nhớ lại lời đoán của thầy tướng là Thái tử nhất định sẽ xuất gia tu hành, nhưng vua lại nghĩ rằng Thái tử nay ở trong cung

hưởng đủ các sự sung sướng, chắc hẳn lòng sẽ say đắm mà bỏ ý xuất gia. Vua nghĩ như thế rồi đọc bài kệ:

Ta nghe thầy tướng đoán Thái tử
Sợ sau lìa ngôi mà xuất gia
Nay đem ngũ dục để ràng buộc
Say đắm chắc chịu nối ngôi trời.

Lần thứ hai, Thái tử cũng bảo A-nga-đa sửa soạn xe cho Ngài ra ngoài thành du ngoạn. Lần này, trên đường đi Thái tử thấy một người bệnh thân thể gầy còm, tinh thần suy nhược. Trong lòng ngạc nhiên Thái tử hỏi người đánh xe:

–Đó là người gì vậy?

Người đánh xe thưa:

–Đó là người bệnh.

Thái tử liền hỏi:

–Sao gọi là bệnh?

Xa-nặc[7] thưa:

–Thân tứ đại không hòa hợp được thì sinh ra bệnh, hình dung gầy xấu, trong lòng không yên, nên gọi là bệnh.

Hỏi:

–Ngươi có khỏi bệnh không?

Thưa:

–Không sao tránh khỏi.

Thái tử lại hỏi:

–Ngươi đã không tránh khỏi vậy, Ta cũng không sao tránh khỏi bệnh phải không?

Thưa:

–Thái tử cũng có tấm thân giả ảo thì làm sao tránh khỏi bệnh!

Về đến cung, Thái tử lại suy nghĩ: "Thân giả hợp này là nơi tập hợp mọi thứ bệnh, thế mà chúng sinh không biết, thật là đáng thương!

Lần này vua cũng hỏi như lần trước và A-nga-đa cũng tâu trình mọi việc đầy đủ. Vua nghe tâu xong sợ Thái tử sẽ xuất gia, nên truyền trong cung hãy dùng mọi thú vui để phục vụ Thái tử và nói kệ:

Sắc, thanh, hương, vị, xúc diệu kỳ

---

7. Xa-nặc tức A-nga-đa.

Thỏa tình Thái tử chốn thâm cung
Mong con buộc ràng trong hoan lạc
Bỏ chí xuất gia cầu Chánh giác.

Lần thứ ba, Thái tử lại muốn đi ra ngoài thành để dạo xem, A-nga-đa lại đưa Thái tử đi. Lần này Thái tử thấy một xác chết, thần khí đều đã tuyệt, giống như gạch ngói, đất đá không còn tri giác, chung quanh có thân tộc kẻ nam người nữ đang than khóc. Thái tử liền hỏi A-nga-đa:

–Đó là người gì?

A-nga-đa đáp:

–Đó là người chết.

Hỏi:

–Sao gọi là chết?

Người đánh xe thưa:

–Thân thể hữu vi này dù thọ mạng dài hay ngắn, tới khi lẽ vô thường đến thì cũng phải vĩnh biệt người thân, như thế gọi là chết.

Hỏi:

–Vậy thì ngươi có chết không?

Người phu xe tâu:

–Thưa Thái tử, thần rồi cũng sẽ chết.

Thái tử hỏi:

–Còn Ta, có thoát khỏi việc đó chăng?

A-nga-đa đáp:

–Thưa Thái tử, luật vô thường đâu có chừa ai, thân Ngài rồi cũng như thế.

Nghe xong lời A-nga-đa, Thái tử không vui, bảo đánh xe quay về. Về đến cung, Thái tử luôn nghĩ đến lẽ vô thường, Ngài thấy rõ từ con người cho đến các vị trời cõi Sắc, Vô sắc, Phi tưởng Phi phi tưởng xứ không ai tránh khỏi nó được nên buồn bã thương xót cho chúng sinh. Lần này, vua Tịnh Phạn cũng hỏi xem Thái tử gặp những gì trong chuyến dạo chơi ngoài thành và A-nga-đa đã tâu lại việc Thái tử trông thấy người chết. Vua suy nghĩ nhớ lời tiên đoán của thầy tướng Bà-la-môn, liền truyền lệnh cho nội cung dùng mọi thú vui làm cho Thái tử vơi buồn mà bỏ chí xuất gia. Vua lại nói bài kệ:

Ta dùng ngũ dục và giàu sang
Làm cho Thái tử khỏi buồn phiền
Sẽ quên chí hướng cầu xuất thế

Thuận lên ngôi cao quý Luân vương.

Lần thứ tư, Thái tử cũng lại muốn đi ra ngoài thành du ngoạn và sai A-nga-đa trang hoàng xe ngựa như những lần trước. A-nga-đa vâng lời, rồi đánh xe đến đưa Thái tử ra đi. Bấy giờ vua trời Đâu-suất biết Thái tử ra dạo chơi ngoài thành, liền nghĩ cách trợ duyên xuất gia cho Thái tử. Vua trời liền hóa ra vị Sa-môn tay cầm bình bát khất thực, đứng trước xe của Thái tử. Thái tử trông thấy, hỏi người đánh xe:

–Đó là người nào vậy?

A-nga-đa đáp:

–Đó là một người xuất gia.

Hỏi:

–Thế nào là người xuất gia?

Thưa:

–Người ấy hiểu rõ lý sinh tử, phát thệ nguyện dứt luân hồi, tu đạo Bồ-đề cầu quả giải thoát, cạo bỏ râu tóc, thân mặc pháp phục, tâm hồn lặng yên trong sáng, đó là người xuất gia.

Thái tử nghe xong, vui mừng bèn xuống xe hỏi vị Bí-sô:

–Thưa Ngài, xuất gia có những lợi ích gì?

Vị Bí-sô ấy đáp:

–Người xuất gia lìa bỏ người thân, không say đắm vinh hoa, thường tu phạm hạnh, một lòng giữ gìn giới luật, bỏ hết mọi lo phiền của cuộc đời, giữ gìn các căn để vọng niệm không phát sinh, nuôi lớn hạnh lành, tu tập tinh tấn như thế nên gọi là người xuất gia.

Thái tử nghe xong lòng vô cùng vui mừng, khen ngợi vị Bí-sô:

–Lành thay! Ngài đúng là bậc Trượng phu, trong cuộc đời ô trược này mà khéo điều phục thân tâm, siêng năng tu tập, thật là chân xuất gia, thật là chân thiện hữu!

Nói xong Thái tử cung kính đảnh lễ vị Sa-môn rồi lên xe trở về. Đến hoàng cung Thái tử luôn nghĩ tới lý tưởng xuất gia, hạnh thật cao siêu, lý thật sâu xa, nên sinh ra nhàm chán, muốn lìa bỏ cuộc sống nơi cung vua mà cầu đạo giải thoát. Vua Tịnh Phạn lại đến hỏi A-nga-đa:

–Trong chuyến dạo chơi lần này Thái tử gặp những gì? Tâm ý được vui thích không?

A-nga-đa tâu kể lại mọi chuyện đầy đủ, vua nghe xong suy nghĩ: "Thầy tướng bảo Thái tử nếu không xuất gia sẽ là Chuyển luân vương, nay

ta phải nghĩ cách làm cho Thái tử từ bỏ ý muốn xuất gia", liền nói với Thái tử:

–Vùng Ca-lý-sa-ca là trọng địa của đất nước, nay con hãy thay ta đến đó để vỗ về nhân dân, để mọi người được an vui.

Thái tử nghe nói không vui, ngày đêm tìm cách xuất gia nhưng chưa được, phải theo lời vua cha đi đến vùng Ca-lý-ca-sa. Đi chừng nửa đường thì gặp năm vị thần giữ kho báu từ đất vọt lên, thưa với Thái tử:

–Tất cả kho báu này là của Bồ-tát, xin Bồ-tát nhận cho.

Thái tử đáp:

–Những kho báu ấy là do các thứ châu báu tập hợp lại, chúng hữu tình luôn tham đắm, nhưng ta thì không ham thích.

Các vị thần ấy biết Thái tử không nhận các báu vật nên cùng đồng loạt đi vào biển cả. Thái tử tiếp tục cất bước đi đến vùng đất Ca-lý-ca-sa, thấy dân chúng đang cày bừa trên đồng, thân thể lam lũ, áo quần rách rưới, đói khát khổ cực, chịu bao nỗi khổ đau trói buộc. Thái tử xót xa hỏi các kẻ theo hầu, được họ cho biết đó là những nông nô của Ngài. Thái tử bèn truyền để cho họ làm theo ý muốn, các quan không nên bó buộc họ. Ra lệnh xong, Thái tử đến dưới bóng cây Diêm-phù ngồi kiết già tham thiền, quan lại và tất cả mọi người đều đến đứng vây quanh chỗ Thái tử ngồi.

Bấy giờ vua cha thấy Thái tử đi lâu mà chưa thấy về, liền truyền chuẩn bị ngựa xe thân hành đến chỗ Thái tử. Đến nơi, vua trông thấy Thái tử đang ngồi nhập định dưới bóng cây, lúc ấy ánh sáng mặt trời đã di chuyển mà bóng cây vẫn y nguyên chỗ cũ để che cho Thái tử. Thấy thế vua liền khen:

–Lành thay! Bậc trượng phu nhiều uy đức, thật là hiếm thấy, mặt trời di chuyển mà bóng cây vẫn không dời.

Nói xong, vua cúi đầu đảnh lễ và nói kệ:

Lành thay đại trượng phu
Thế gian thật ít có
Khi sinh rực hào quang
Khắp đại địa rung chuyển.
Nay dưới cội Diêm-phù
Nắng chuyển, bóng không dời
Mọi người đều trông thấy
Ta thành kính nghiêng mình.

Sau khi xuất định, Thái tử lên xe về thành. Lúc ngang qua rừng Thi-đà, thấy những người chết nằm trong rừng thân thể lõa lồ, thịt xương rữa

thối, Thái tử càng thấm thía về nỗi khổ của thế gian. Khi nhà vua và Thái tử vào thành, có một vị tướng sư nhìn thấy uy đức của Thái tử thật phi thường, liền tâu vua:

–Trong vòng bảy ngày nữa, nếu Thái tử không xuất gia thì nhất định sẽ lên ngôi Chuyển luân vương. Tiếp đó vị thầy tướng nói kệ:

Nay Đại vương nên biết
Thái tử Tất-đạt-đa
Bảy ngày không xuất gia
Sẽ thành vua Chuyển luân
Cai trị bốn đại châu
Bảy báu giàu vô kể
Nếu thành Bậc Chánh Giác
Thuyết pháp độ chúng sinh.

Vị tướng sư nói kệ xong, Thái tử tiếp tục lên xe vào cung. Lúc ấy có một cô gái tên Mật-lý-nga-nhạ, con của một người dòng họ Thích tên Ca-la-xoa-ma thấy Thái tử uy nghi đáng kính, liền đến trước mặt Thái tử mà ca ngợi:

Cha được vui giải thoát
Mẹ cũng được như vậy
Sinh Ngài Tất-đạt-đa
Xin cùng được sánh đôi.
Sau thành Nhị Túc Tôn
Chứng Niết-bàn rốt ráo
Mười phương đều nghe danh
Tôi nay xin kính lễ.

Thái tử nghe kệ xong lòng rất vui, liền lấy xâu chuỗi bằng châu ngọc anh lạc quý giá choàng lên cổ cho thiếu nữ. Vua Tịnh Phạn thấy thế liền sai hai vạn cung nhân đến rước Mật-lý-nga-nhạ về cung. Thế là Thái tử có ba phu nhân: Da-du-đà-la, Ngu-nhàn-ca và Mật-lý-nga-nhạ cùng với sáu vạn cung nhân ngày đêm phục vụ Thái tử, nhưng Ngài vẫn không mê đắm, đêm ngày luôn nghĩ mọi phương cách để xuất gia. Biết thế, nên vua Tịnh Phạn bảo với ba vị vương đệ:

–Có thầy tướng Bà-la-môn đoán rằng nội trong bảy ngày nếu Thái tử không xuất gia thì sẽ lên ngôi Luân vương, vậy các vương đệ hãy giúp ta trong bảy ngày đêm cùng nhau ngăn chặn Thái tử.

Rồi vua còn ra lệnh cho dân chúng xây dựng bảy tầng thành, có hào sâu, cửa sắt, ở mỗi cửa đều treo đầy chuông, hé mở cửa thì chuông sẽ rung

vang xa đến hơn một do-tuần. Bấy giờ Thái tử ở trong cung ngày đêm luôn có cung nữ múa hát làm vui, còn Tịnh Phạn vương thì ra lệnh cho các quan canh gác cẩn mật mọi nơi, lại sai bốn đội quân là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh luôn tuần sát ở bốn cửa thành.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn tự trấn giữ ở cửa thành phía Đông, vua Hộc Phạn ở cửa thành phía Nam, vua Bạch Phạn ở cửa Tây, vua Cam Lộ Phạn ở phía Bắc, các vua cùng các quan quân đêm không ngủ, chuyên tâm canh gác, lại truyền lệnh cho vị đại thần là Ma-hạ-nẵng-ma luôn túc trực tuần hành ở bốn cửa để thức tỉnh quan quân cho họ khỏi ngủ quên.

Ma-hạ-nẵng-ma đến cửa thành phía Đông hỏi:

–Ai ở nơi đây, hãy thức mà lo việc canh gác.

Tịnh Phạn vương bảo:

–Có ta đây!

Ma-hạ-nẵng-ma tâu:

–Tâu Đại vương, nếu luôn thức như thế thì không có gì sơ sót. Nói rồi đọc kệ:

Say ngủ như người chết
Cũng giống kẻ mê man
Nếu ngăn được giấc ngủ
Sai sót không xảy đến.

Nói kệ xong, ông lại đi đến cửa Tây và cũng hỏi như trên. Hộc Phạn vương đáp:

–Ta chuyên tâm bảo vệ nơi đây.

Ma-hạ-nẵng-ma tâu:

–Tâu Đại vương, nếu không ngũ quên thì sẽ không sai sót.

Tiếp nói kệ:

Người ngủ giống như chết
Cần biết ngủ thì mê
Nếu ngăn giấc ngủ được
Không xảy ra sơ sót.

Nói xong, ông ta qua cửa Nam và cũng hỏi giống trước. Nơi đây gặp vua Bạch Phạn cũng đang thức điều quân canh gác. Ma-hạ-nẵng-ma cũng nói như trên và tiếp đọc kệ:

Say ngủ như uống rượu
Mê man vào cõi không
Sai sót liền sinh ra

Vậy nên gắng không ngủ.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐẾ

QUYỂN 5

Bấy giờ Ma-hạ-nẵng-ma lại đến cửa thành phía Bắc lớn tiếng hỏi:

–Người nào ở đây thức mà canh gác?

Cam Lộ Phạn vương đáp:

–Ta đang thức ở đây.

Ma-hạ-nẵng-ma nói:

–Nếu thức lo canh gác thì sẽ không có sơ sót.

Nói xong liền nói kệ:

Sợ ngủ như leo núi
Như bơi trên sông biển
Cẩn thận phòng hiểm nguy
Bớt ngủ cũng như thế.

Ma-hạ-nẵng-ma nói kệ xong bèn đi tuần đến các khu chợ, các con đường khác trong thành để nhắc nhở quan quân phải luôn thức để lo việc canh gác và nói kệ:

Phải làm theo đúng lệnh
Nói thật chớ dối trá
Nhà vua bậc tối thượng
Vẫn thức lo canh giữ.

Nói xong kệ thì trời cũng vừa sáng. Ma-hạ-nẵng-ma đến tâu vua Tịnh Phạn:

– Đã qua một ngày đêm, trong ngoài đều yên tịnh không có sai sót gì, xin bệ hạ ra lệnh quan quân dốc sức canh gác đủ bảy ngày đêm, cho đến khi Thái tử lên ngôi Chuyển luân.

Canh phòng như thế được sáu ngày đêm. Bấy giờ vua cõi trời Đao-lợi quan sát thấy Thái tử vẫn muốn xuất gia nên nói kệ:

Lành thay Đại Trượng Phu
Đấng Mâu-ni họ Thích
Sẽ lìa nơi cung ấm
Tìm đến nơi sơn dã

Hành trọn sáu Ba-la
Chứng Bậc Vô Thượng Trí
Cứu vớt mọi chúng sinh
Đều bước lên bờ giác.

Lúc ấy Thái tử đang vui với các cung tần, chợt nghĩ: "Ta nay có ba vợ, lại thêm sáu vạn thể nữ, nhưng không có con lại đi xuất gia, e chúng sinh cho rằng Thái tử Tất-đạt-đa không phải là bậc Trượng phu." Vì nghĩ như thế, Thái tử liền cho Da-du thọ thai. Rồi vì các cung tần, Thái tử giảng nói về thuyết duyên sinh và sự luân hồi:

–Nếu không thấy được chân tâm thì không thể nào chấm dứt được sinh tử luân hồi, nên nếu còn gần gũi sống chung với nữ nhân thì chẳng khác nào đi trên lửa, sẽ gặp ngay sự đau khổ lớn, do đó mà lòng ta đã nhàm chán muốn được xa lìa.

Thái tử vừa nói xong những lời ấy thì một thể nữ miệng trào nước dãi, tay chân múa may, tóc tai rối loạn ngã ra bất tỉnh, khiến các cung tần rất sợ hãi. Thái tử thấy thế càng thêm thương xót, than thở:

–Khổ thay, sao hình ảnh cái chết vẫn xảy ra ở đây!

Và Ngài nói kệ:

Bỗng chốc biến hoại tướng ác sinh
Tay chân co giật miệng phun dãi
Thấy cảnh vô thường thân khổ đau
Ta nay quyết chí cầu giải thoát.

Nói kệ xong, Thái tử quan sát chúng sinh, thấy tất cả đều không có tướng chắc thật về ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, như vào rừng Thi-đà không có gì đáng yêu thích, như lội trong bùn lầy chỉ thêm dơ bẩn, như nuôi rắn độc chẳng có ích gì. Vạn vật hư ảo như ánh chớp, như giấc mộng, hoặc như bọt nước, bị vô minh che lấp mà chúng sinh không biết.

Khi ấy vua Tịnh Phạn nói về bốn giấc mộng của Ngài vừa thấy. Một là thấy vầng trăng đang đầy thì bị khuyết, hai là thấy mặt trời mới mọc bỗng lặn ở phương Đông, ba là mơ thấy nhiều người to lớn đến quỳ lạy, bốn là thấy mình vừa cười vừa khóc.

Công chúa Da-du-đà-la cũng nói về tám giấc mộng của mình vừa trải qua. Một là thấy họ hàng ly tán, hai là thấy tòa ngồi an lành bị hư hoại, ba là vàng ngọc đeo nơi tay bị vỡ và rơi khỏi tay, bốn là thấy răng rụng, năm là thấy mái tóc rối loạn và xõa xuống, sáu là thấy đám mây kiết tường bay khỏi cung điện, bảy là thấy mặt trăng tròn bị nguyệt thực che, tám là thấy mặt trời mọc lên chưa cao bỗng lại lặn xuống ở phương Đông.

Thái tử thì nhớ đến năm giấc mộng của mình: Một là thấy sàng tòa vững như núi Tu-di nằm ngồi tự tại. Hai là thấy hai tay, tay trái đỡ biển Đông còn tay phải đỡ biển Tây, hai chân thả chìm xuống trên biển Nam. Ba là thấy cây cối hoa quả và các loại thảo dược mọc cao vút đụng tới trời. Bốn là thấy nhiều loại chim mình trắng đầu đen cùng nhiều loại chim nhỏ khác đủ màu đủ sắc từ bốn phương bay đến trước mặt, rồi hiện ra một màu lễ dưới chân Thái tử. Năm là thấy những tảng đá lớn nơi núi cao đi kinh hành, vừa đi vừa ngoái lại như trông chờ. Thái tử suy nghĩ những giấc mơ ấy báo hiệu chắc chắn Ngài sẽ xuất gia và chứng được quả đại Bồ-đề.

Công chúa Da-du-đà-la đem tám giấc mộng ấy nói với Thái tử và xin người đoán xem lành dữ thế nào. Thái tử bảo:

–Thấy thân tộc ly tán là dòng họ tạm xa nhau lúc đầu, nhưng sau lại đoàn tụ. Thấy tòa ngồi an lành bị hư đổ tức là tòa này vẫn còn y như xưa. Thấy vòng ngọc trên tay rơi xuống tức là thấy nó vẫn còn ở trên cánh tay nàng. Thấy răng rụng tức là không có chiếc nào rụng cả. Thấy tóc rối buông xõa là do từng thấy tóc xõa mà có. Thấy đám mây lành bay khỏi cung tức là điềm lành vì Ta vẫn ở trong cung. Thấy trăng bị ngăn che nhưng trăng vẫn ở trên trời, có gì ngăn che đâu. Thấy mặt trời mọc rồi lặn xuống trở lại vì lúc ấy là nửa đêm thì mặt trời đâu đã mọc. Vậy những giấc mộng đó đều là mộng lành không có gì phải lo ngại.

Nói rồi Thái tử tự nghĩ: "Tám giấc mộng ấy là điềm ứng với việc Ta sẽ xuất gia." Ngài bèn nói với công chúa:

–Ta vì muốn giải thoát cho tất cả chúng sinh nên sẽ đi vào núi rừng với chí nguyện tìm cho được phương pháp giải thoát, Niết-bàn.

Da-du-đà-la nói:

–Như Thái tử có chí ấy thì thiếp xin nguyện đi theo.

Lúc ấy các vị Đế Thích và Phạm thiên thưa với Thái tử:

–Lành thay! Mau xa ngũ dục, rời khỏi cung điện, làm sáng tỏ chân tướng, chứng Nhất thiết trí.

Bồ-tát nói với Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca, Ta ở trong cung như hổ trong hang, chung quanh Ta có bốn đạo binh canh giữ, các cửa trong cung đều khóa chặt, treo chuông cảnh giác canh gác nghiêm nhặt, làm thế nào mà ra được?

Vị trời Đế Thích nói với Bồ-tát:

–Hãy nhớ lại vô số kiếp trong quá khứ, Ngài đã tu tập với hạnh nguyện là muốn cứu khổ cho chúng sinh và giải thoát mọi loài trong thế gian.

Nói xong, bốn vị Đại thiên vương dùng thần lực khiến cho mọi việc không còn trở ngại. Đế Thích liền hóa ra một chiếc thang báu rồi bảo với vua Dạ-xoa là Ban-tức-ca:

–Hiện Bồ-tát ở trên lầu cao, ông nên dùng thang này đến nghinh tiếp Ngài.

Vua Dạ-xoa vâng lời làm theo. Bồ-tát xuống lầu, đi tìm Sang-na để truyền chuẩn bị ngựa tốt. Thấy Sang-na đang ngủ, liền nói kệ:

Lành thay! Sang-na, ngươi mau dậy

Hãy thắng con ngựa Ca-tha-ca

Đưa Ta vào núi tu Phật đạo

Mong được chứng quả Vô thượng giác.

Sang-na tỉnh giấc ngồi dậy, chắp tay thưa Bồ-tát:

–Có việc gì gấp gáp mà nửa đêm Ngài lại bảo thần mau thắng ngựa để đi xa? Vả lại trong cung không có giặc giã trộm cướp, cũng không có nạn nước lửa, sao phải vội vậy?

Bồ-tát nói:

– Ngươi trước giờ luôn ngoan ngoãn, nay sao có ý cưỡng lại ta?

Sang-na thưa:

–Giờ mới nửa đêm, trời còn tăm tối, con sợ có điều bất trắc mà đắc tội.

Bồ-tát không nói, yên lặng đi về hướng chuồng ngựa. Vị vua trời Đế Thích cầm đuốc dẫn đường cho Thái tử đi đến nơi, dắt con ngựa chúa ra. Ngựa có vẻ sợ hãi, hai chân giẫm xuống đất, Bồ-tát phải dùng đôi tay phước đức của mình vỗ lên đầu ngựa nói:

–Này Ca-tha-ca, ngươi có duyên với Ta, nếu ngươi đưa Ta đến Tuyết sơn tu hành, sau này Ta chứng được quả vô thượng Bồ-đề, truyền bá chánh pháp cứu độ chúng sinh, ngươi sẽ được phước rất lớn.

Ca-tha-ca nghe lời nên ngoan ngoãn đứng yên. Khi đó có bốn vị Đại Thiên tử: Vị thứ nhất tên là Câu-la, vị thứ hai tên là Ô-ba-câu-la, vị thứ ba tên Ba-câu-nỗ, vị thứ tư tên Ba-la-nỗ-xá-phược-đế đến trước Bồ-tát chắp tay cung kính thưa:

–Hôm nay chúng tôi biết Bồ-tát xuất gia tu hạnh Bồ-đề, chúng tôi nguyện đi theo bảo vệ.

Bồ-tát hỏi:

–Các ông có đủ thần lực sao?

Vị Thiên vương thứ nhất nói:

–Có đất vững chắc đỡ Ngài đi.

Vị thứ hai nói:

–Đi biển thì có biển lớn sông dài đỡ Ngài đi.

Vị thứ ba thưa:

–Tất cả đồi núi đều giúp người đi.

Vị thứ tư thưa:

–Có đất lớn núi đồi và sông biển giúp Ngài ra đi mà không mệt mỏi.

Nghe thế, Bồ-tát dùng chân đặt nhẹ lên đất khiến đại địa chấn động. Bốn vị Thiên tử ấy sợ hãi, không ngờ Bồ-tát lại có uy lực lớn như thế, lo lắng làm thế nào để sám hối tạ lỗi với Bồ-tát.

Bấy giờ Sang-na thấy thần lực Bồ-tát như thế liền dắt ngựa đến trước Ngài. Các vị Thiên vương uy đức cùng với chư Long thần đều tỏ ra buồn bã vì sắp phải xa rời Bồ-tát, khóc lóc làm lệ rơi từ không trung xuống. Sang-na nói:

–Sao không thấy mây mà có nước mưa rơi?

Bồ-tát đáp:

–Không phải mưa, vì Ta sắp xuất gia, nên chư Thiên cảm động mà rơi lệ.

Sang-na nghe vậy liền cung kính chắp tay đứng hầu.

Bồ-tát nghĩ đến công đức lớn lao của Phật pháp đối với chúng sinh, lại nghĩ đến ân sâu của cha mẹ, nếu ra đi mà không giã từ hai bậc sinh thành thì sẽ không tròn đạo hiếu. Nghĩ thế Thái tử liền vào cung và thấy phụ vương đang ngon giấc. Ngài theo phía phải đi quanh giường vua một vòng, rồi chắp tay thưa:

–Hôm nay con vào núi Tuyết tu hành để cầu đạo Vô thượng nhằm cứu vớt muôn loài khỏi sinh, già, bệnh, chết, để họ được giải thoát hoàn toàn.

Nói xong Thái tử từ tạ ra đi. Có vị thân tộc tên Ma-hạ-nẵng-ma nhìn thấy Thái tử sắp đi nên buồn thương than khóc:

–Sao Ngài nỡ rời bỏ vương cung mà ra đi?

Thái tử nói:

–Ta vì lợi ích tất cả chúng sinh nên đi tìm cầu Phật quả.

Ma-hạ-nẵng-ma nói:

–Vua đã ra lệnh cho chúng thần luôn canh phòng, ngăn không để Thái tử rời bỏ cung cấm.

Thái tử đáp:

–Từ xưa Ta đã phát tâm Bồ-đề, trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu muôn hạnh để cầu giác ngộ, độ thoát chúng sinh. Vương cung này không phải là chỗ ở của Ta.

Ma-hạ-nẵng-ma nghe thế càng thêm thương xót, khóc than:

–Thật là đau đớn! Niềm hy vọng của vua ta đã không thành rồi, có vị trưởng tử mà lại từ bỏ cung cấm ra đi tu hành!

Lúc ấy công chúa Da-du-đà-la nghe được thì hoảng sợ đến nỗi hôn mê, ngã lăn ra đất, chốc lát tỉnh lại, nói với Thái tử:

– Do duyên cớ nào mà hôm nay Ngài bỏ thiếp ra đi?

Các phu nhân Ngu-nhàn-ca, Mật-lý-nga-nhạ cùng các cung tần đều khóc lóc chạy đến tâu vua Tịnh Phạn:

–Thái tử bỗng dưng muốn rời cung lên chốn núi rừng, như có ma quỷ xui khiến không thể nào ngăn cản được. Mong nhà vua dùng uy quyền để ngăn Thái tử lại.

Vua nghe tâu bèn muốn đến ngăn Thái tử. Khi ấy các vị Đế Thích và các vị Thiên vương đã đón Thái tử đi ra ngoài thành. Bên phải Bồ-tát là vua cõi trời Sắc giới hiện tướng uy nghi, bên trái Bồ-tát là vua cõi trời Dục giới tay cầm tràng phan, phía trước có vô số chư Thiên tấu nhạc dẫn đường, lại có trăm ngàn vị Thiên tử từ hư không tung rải các loài hoa, như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-mẫu-na, hoa Bạch Liên và hoa Mạn-đà-la và rưới các loại hương như trầm hương, mạt hương, chiên-đàn hương và nhiều loại y phục diệu kỳ. Còn có những vị Thiên tử ca múa, hát xướng, những vị Thiên tử tay nâng chân ngựa, chiêm ngưỡng Bồ-tát, chốc lát đã đến núi Tuyết, cách thành Ca-tỳ-la mười hai do-tuần.

Bấy giờ, Đế Thích cùng các vị Đại Phạm thiên chắp tay thưa:

–Chư Thiên chúng tôi đã phát tâm tinh tấn hộ vệ Bồ-tát đến được Tuyết sơn. Sau này, khi Bồ-tát chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xin Bồ-tát hãy thương mà nhiếp thọ độ thoát chúng tôi.

Nói xong chư Thiên đứng sang bên phải chắp tay cung kính chiêm ngưỡng Bồ-tát. Bồ-tát liền nói kệ:

Ta đạt đạo Tối thượng
Chỗ chư Phật đã đạt

Sẽ độ thoát các ông
Và tất cả hữu tình.

Nói kệ xong, Thái tử cởi mũ và y phục trao cho Sang-na, bảo:

–Ngươi hãy đem y phục và ngựa này về tâu với phụ vương Ta rằng nếu Ta không chứng được đạo Bồ-đề thì Ta sẽ không bao giờ trở về.

Tiếp đó, Ngài nói bài kệ:

Ngươi đem mã vương và y phục
Mau về lại nước Ca-tỳ-la
Ta đến Tuyết sơn tu phạm hạnh
Không chứng Bồ-đề quyết không về.

Sang-na nghe bài kệ của Thái tử xong thì buồn bã, khóc thưa:

–Trong núi có biết bao nhiêu hổ báo, sư tử và thú dữ, một mình Thái tử làm sao ở được? Vả lại, núi rừng cây cối, gai góc đất đá chập chùng, làm sao mai chiều Thái tử đi lại nỗi?

Thái tử nói:

–Này Sang-na, sao ngươi mê muội thế? Thân của chúng sinh là do nghiệp cảm mà ra, tứ đại hòa hợp tan lìa, khổ già bệnh chết khi đã đến thân thì sang hèn, giàu nghèo, già trẻ, oán thân... đều không thoát khỏi lẽ vô thường. Thế thì vì sao tu hành lại sợ nguy nan?

Sang-na thưa:

–Chí tu hành của Thái tử là như thế, nhưng khi con về, nhà vua thấy con mà không thấy Thái tử chắc sẽ sinh đau khổ, nếu vua lâm bệnh thì làm thế nào?

Thái tử nói:

–Ta nay xuất gia tu đạo Bồ-đề, thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, thành tựu được Thập lực, Tứ vô sở úy... Chẳng lẽ không đem lại tốt đẹp cho cha mẹ sao?

Thái tử nói rồi, chắp tay đảnh lễ, sau đó tay cầm kiếm giống như lá cây Ưu-bát-la tự cắt tóc mình ném lên hư không và được Đế Thích vận thần lực tiếp nhận tóc ấy cùng với các vị Thiên tử đem về nơi cung trời Đao-lợi, như pháp cúng dường. Nơi Thái tử cắt tóc về sau này các vị Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ có tín tâm đã xây tháp phụng thờ.

Cắt tóc xong, Thái tử hỏi Sang-na:

–Ý ngươi thế nào, có thể ở lại đây cùng Ta tu hành không?

Sang-na thưa:

–Không có phép của vua, con đâu dám ở lại.

Bấy giờ Bồ-tát dùng bàn tay uy lực và trăm ngàn phước đức của mình vỗ lên đầu mã vương Ca-tha-ca nguyện chúc cho nó, rồi cho Sang-na trở về thành Ca-tỳ-la. Sang-na đi bảy ngày đêm, đến canh hai ngày thứ bảy thì về đến vườn hoa ngoài thành. Vua sai cung nhân và quyến thuộc đến hoa viên nghênh tiếp. Đến nơi, chỉ thấy ngựa mà không thấy Thái tử, các cung nhân và quyến thuộc đều ào đến ôm cổ ngựa than khóc. Ngựa Ca-tha-ca nghe khóc than, lòng nhớ Thái tử nên buồn thương chảy nước mắt, rồi quay đầu nhìn qua hai bên, giây lát ngã ra tắt thở. Nhờ vào túc duyên, nên ngựa sinh vào nhà Bà-la-môn, có được lợi căn, nhẹ nghiệp, thông minh sáng trí. Sau này khi Thái tử thành Phật, vị Bà-la-môn ấy liền đến nghe pháp rồi chứng được vô sinh nhẫn.

Lúc ấy Bồ-tát suy nghĩ: "Nay Ta đã cắt tóc thành tướng một Sa-môn, nhưng làm sao có được áo ca-sa?" Cùng thời ấy, ở thành A-nậu-ba-ma có một trưởng giả họ hàng đông đúc, của cải vô số chẳng khác gì bậc Tỳ-sa-môn. Nhà ông có mười người con đều đủ phước tướng đoan nghiêm, có trí tuệ, thông minh lanh lợi và đều vui thích với cuộc sống xuất gia, tịnh tu phạm hạnh, nhờ quan sát thấy vạn vật vô thường nên chứng đạo quả Duyên giác. Sau khi người cha mất, người mẹ có lòng tin sâu sắc, may một chiếc áo ca-sa cúng cho các vị Bích chi. Một người con thưa với mẹ:

–Con chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, nay con nhận ca-sa này cũng không sử dụng. Cách đây không xa, có Thái tử Tất-đạt-đa là con vua Tịnh Phạn, chẳng bao lâu nữa sẽ thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay hãy dùng ca-sa này cúng dường Bồ-tát, nhờ đó mẹ sẽ được phước quả lớn lao.

Nói xong, vị Bích chi liền vận thần thông bay trên không trung biến ra mây, sấm, chớp, gió mưa, rồi hóa lửa tự thiêu thân mà viên tịch.

Bấy giờ vị lão mẫu sắp qua đời, liền đưa ca-sa cho một người con gái bảo cô ta đem dâng cúng Bồ-tát, không ngờ khi cô ta đến dưới một bóng cây thì mang bệnh mà mất. Trước khi qua đời cô ta treo áo ca-sa trên một cành cây rồi vái với thần cây:

–Ca-sa này nhờ thần dâng cho Thái tử Tất-đạt-đa, con vua Tịnh Phạn.

Vua Đế Thích biết việc đó liền hóa thân thành một người đi săn đến lấy ca-sa. Khi thấy Thái tử đi đến, ông liền mặc vào mà ngồi bên đường. Thái tử tới nơi thấy thế hỏi:

–Anh là thợ săn sao lại mặc áo ca-sa? Có thể cho Ta biết được không?

Người thợ săn nói:

–Áo ca-sa này tôi cũng không thích mặc, nay muốn cho Ngài, nhưng sợ người ta cướp đoạt làm hại tính mạng Ngài thôi.

Bồ-tát nói:

–Cả thế gian này đều biết Ta, ngươi cứ tặng ca-sa cho Ta, đừng lo ngại.

Đế Thích liền hiện nguyên hình sụp lạy xuống chân Bồ-tát và dâng chiếc ca-sa. Bồ-tát mặc vào thấy không vừa, Đế Thích thấy thế trong lòng sinh nghi ngờ, nhưng uy thần của Bồ-tát đã khiến cho ca-sa liền vừa với cơ thể. Chư Thiên ở cung Đao-lợi liền cung kính cúng dường. Về sau, các vị trưởng giả Bà-la-môn đã lập tháp miếu phụng thờ tại chỗ ấy, thường có chư vị Tỳ-kheo đến đó lễ bái.

Lúc bấy giờ Bồ-tát với uy nghi đầy đủ đang cất bước trên đường, thì chợt thấy một Tiên nhân tên Bà-lý-nga-phược sắc mặt buồn bã, đang lấy tay tự vả mặt mình. Bồ-tát hỏi:

–Sao ngài lại tự đánh mình như thế?

Vị Tiên nhân đáp:

–Tôi ở dưới bóng cây Đa-la này, trước đây cây luôn có rất nhiều hoa trái, mùi vị thơm ngon, nay bỗng nhiên trở nên khô héo khiến tôi phiền não.

Bồ-tát nói:

–Tiên nhân ở đây là để tu hành, sao lại vì cây khô héo mà sinh phiền não?

Tiên nhân nghe qua tâm chợt tỉnh ngộ, trông thấy một vị Bồ-tát sắc tướng đoan nghiêm, sinh lòng cảm mến nhìn ngắm mãi, rồi lên tiếng hỏi:

–Ngài có phải là vị Bồ-tát xuất gia không?

Bồ-tát đáp:

–Ông thật có cái nhìn sáng suốt.

Tiên nhân Bà-lý-nga-phược liền trừ dứt nghi hoặc, được pháp nhãn thanh tịnh, liền mời Bồ-tát ngồi rồi dùng hoa trái đúng pháp mà cúng dường. Được một lúc, Bồ-tát hỏi Tiên nhân:

–Thành Ca-tỳ-la cách đây bao xa?

Tiên nhân thưa:

–Từ đây đến đó mười hai do-tuần.

Bồ-tát suy nghĩ: "Nơi đây cách thành không xa mấy, nếu người trong họ Thích tìm đến sẽ gây phiền hà." Nghĩ xong, Bồ-tát liền từ biệt Tiên nhân, vượt qua sông Khắc-già đến thành Vương xá. Bằng sự khéo léo, Thái tử

hái những chiếc lá cây tạo nên chiếc bình bát ôm vào người và đi vào trong thành khất thực. Lúc ấy vua Dân-di-sa-la đang ngồi trên lầu cao nhìn ra xa thấy Bồ-tát thân tướng đoan nghiêm, uy nghi tịch tĩnh, mình mặc ca-sa, tay cầm bình bát lần lượt đến từng nhà khất thực, vua liền khen:

–Trong thành của ta không ai có dáng vẻ uy nghi như vị Bí-sô này! Ông ta quyết không phải xuất thân từ tầng lớp bình dân hoặc dòng họ bình thường mà là dòng dõi vua chúa bỏ ngôi xuất gia tu hành nhằm diệt trừ nghiệp ác giữ gìn tịnh hạnh.

Sau khi khất thực xong, Bồ-tát ra khỏi thành đi vào trong núi, để bát trên đất, ngồi yên nhập định tư duy: "Vua Dân-di-sa-la thấy Ta tu hành tất có ý khác." Cùng lúc đó, nhà vua đang nói với các vị đại thần:

–Ta ở trên lầu nhìn ra thấy một vị Bí-sô thân tướng đoan nghiêm, uy nghi đĩnh đạt, chắc không phải thuộc hàng thứ dân hay hạ tộc, vậy các ngươi tìm xem vị ấy ở đâu và báo cho ta biết.

Vị sứ giả được phái đi đến vùng núi gặp vị Bí-sô ấy đang an nhiên tĩnh tọa. Quốc vương nghe tin bèn tự đến nơi nhìn thấy Bồ-tát, trong lòng vui mừng, liền nói:

–Tướng mạo của Ngài thật đoan nghiêm mà làm Bí-sô thật không hợp. Ta có cung điện lầu gác, cung tần mỹ nữ, lại giàu sang tột bậc, ta sẽ trao cho người sử dụng, chớ làm Bí-sô. Người tên họ là gì? Thuộc dòng tộc nào? Hãy nói cho ta biết.

Bồ-tát đáp:

–Gần Tuyết sơn có thành Ca-tỳ-la, phụ vương của tôi thuộc dòng Sát-đế-lợi, tên là Tịnh Phạn, đang cai trị thành ấy. Tôi lìa bỏ ngôi vua là để tìm đạo Bồ-đề. Như kẻ ngu si tham lam thì dù của cải, châu báu đầy trong bốn biển vẫn còn cho là không đủ, giống như lửa đốt củi khô, tâm tham ái cũng như vậy. Tâu Đại vương, tôi xem sự giàu sang là oan gia, như rắn độc, là nguồn cội của ưu sầu lo sợ. Thưa Đại vương, giả sử gió lớn thổi rung chuyển tất cả các núi, nhưng núi Tu-di thì không thể rung chuyển được. Giả sử của cải châu báu trong thế gian cùng với thành quách, vợ con, voi ngựa, tôi tớ... có thể làm mê loạn tâm tất cả chúng sinh, nhưng tâm tôi vẫn không rung động, chỉ có Niết-bàn, giải thoát mới là cứu cánh chân thật.

Vua Dân-di-sa-la hỏi:

–Nay Ngài ở đây là muốn cầu điều gì?

Bồ-tát trả lời:

–Tôi chỉ cầu tìm đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vua thưa:

– Nếu Ngài đắc đạo xin hãy tiếp độ tôi trước.

Bồ-tát ưng thuận nên vua rất vui mừng mà trở về thành.

Bấy giờ Bồ-tát đến đỉnh núi Thứu, bên sườn núi có các Tiên nhân tu phạm hạnh, có vị có thể đứng một chân trong suốt một ngày. Nghe thế, Bồ-tát cũng đứng một chân, nhưng suốt trong hai ngày. Một Tiên nhân khác lại dùng lối khổ hạnh bằng cách phơi mình dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời và trải qua suốt một ngày. Bồ-tát cũng làm được như vậy nhưng đến những hai ngày. Các vị Tiên nhân kia đều kinh ngạc, thán phục, họ cho như thế mới thật sự là tu hành, như thế mới thật sự là Đại Sa-môn.

Bồ-tát hỏi:

–Các người tu hành như thế để cầu điều gì?

Các Tiên nhân trả lời, có người thì muốn lên trời làm Đế Thích, có người thì muốn làm Phạm thiên, có người lại muốn hóa thân trong cõi ma giới. Bồ-tát suy nghĩ: "Hướng tu của các đạo sĩ này đều là tà đạo, không phải hướng mà Ta cần tìm. Bổn nguyện của Ta là muốn chứng đắc Phật quả để đem lại an vui cho tất cả chúng sinh, đạo của họ không chân chính, Ta phải rời xa họ."



KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐẾ

QUYỂN 6

Bấy giờ Bồ-tát tìm đến nơi tu của đạo sĩ A-la-noa Ca-la-ma để tham học. Tới nơi, Bồ-tát chắp tay cung kính hỏi:

–Con đường tu hành của ngài có ý nghĩa như thế nào?

A-la-noa Ca-la-ma đáp:

–Ta thường tinh tấn tu tập định tuệ, thông đạt đến cảnh định Hữu tưởng thiên, người chưa biết sao?

Bồ-tát tự nghĩ: "Trí tuệ mà La-ma đã đạt được, tâm đạt đến cảnh định Hữu tưởng thiên, quả thật không dối. Với trình độ ấy Ta cũng có thể đạt được." Nghĩ rồi, Bồ-tát liền nhập thiền định, chỉ trong chốc lát liền đạt trí tuệ thiền định như vị đạo sĩ kia và báo chỗ sở đắc của mình với đạo sĩ.

Đạo sĩ La-ma quan sát thấy đúng như thế, vô cùng kính phục, xem Bồ-tát như bậc thầy và dâng hoa quý, quả ngon để cúng dường Bồ-tát. Lúc đó Bồ-tát lại suy nghĩ: "Pháp tu này chưa đạt đến chỗ rốt ráo, không phải là chánh đạo." Nghĩ vậy, Ngài liền từ giã ra đi đến tham học với một vị thầy khác là Ô-nại-la Ca-la-ma tử. Đến nơi, Ngài đảnh lễ rồi chắp tay hỏi vị đạo sĩ:

–Chỗ đạt đạo của ngài có ý nghĩa như thế nào?

Đạo sĩ Ô-nại-la Ca-la-ma đáp:

–Ta nhiều năm tinh tấn tu tập trí tuệ, đã từ lâu đạt đến cảnh định Phi phi tưởng. Người không biết sao?

Bồ-tát nghe nói liền quan sát thấy chỗ sở đắc của vị Tiên nhân là đúng sự thật, rồi tự nghĩ: "Với trình độ ấy sao Ta chưa đạt được?" Nghĩ như thế một lúc, Ngài liền đạt trình độ như vị đạo sĩ kia, liền nói với vị đạo sĩ ấy:

–Chỗ người chứng đắc tôi cũng đã đạt được.

Đạo sĩ Ô-nại-la Ca-la-ma lòng chưa tin tưởng, liền lắng lòng quan sát, thấy đúng sự thật, không sai nên vô cùng tôn kính, phụng sự hơn cả bậc thầy. Bồ-tát lại suy nghĩ: "Con đường tu hành này cũng chưa phải là cứu cánh, không phải là con đường giác ngộ thật sự. Ta cần rời nơi đây để tìm con đường tu tập khác."

Bấy giờ ở vương cung, vua Tịnh Phạn nhớ Thái tử, không biết Thái tử hiện ở nơi đâu, nên rất buồn khổ. Có vị đại thần tâu:

–Hiện nay Thái tử đã rời thành Vương xá đến chỗ đạo sĩ Ô-nại-la Ca-la-ma, một thân một mình siêng năng tu tập đạo pháp.

Nghe thế vua càng thương xót, liền sai ba trăm người trong hàng thân quyến tìm đến nơi để hầu hạ Thái tử. Vua Tô-bát-la-một-đà ở thành Thiên chỉ cũng sai hai trăm người đi tới nơi ấy để theo hầu Thái tử. Năm trăm người đó đến nơi đều cung kính cúi lạy Thái tử rồi đi vòng quanh mà chiêm ngưỡng Ngài.

Bồ-tát suy nghĩ: "Ta rời bỏ vương cung, vào núi rừng thanh vắng là để dốc tâm chí tu tập tìm cầu đạo giải thoát. Nay có nhiều người ngày đêm ồn ào, phiền nhiễu làm tổn hại đạo tâm, vậy Ta chỉ lưu lại năm người thân trong dòng họ, còn thì cho về." Bồ-tát lập tức dẫn năm người thân thuộc ấy đến vùng của Tiên nhân Nga-da gọi là Ô-lỗ-vĩ-loa-tây-nẵng-dã-nê. Nhìn thấy gần đó có một khu vực thanh vắng và gần sông Ni-liên có một khu rừng, đất đai bằng phẳng, cây cối rậm rạp mát mẻ, thật là một thánh địa, Bồ-tát nói với năm người đi theo:

–Này các thiện nam, nếu người nào ở đây tu tập phạm hạnh mà chưa chứng Niết-bàn thì không lâu sẽ chứng. Ta nay dừng ở đây để tu tập đạo Vô thượng.

Nói xong, Bồ-tát chọn một bóng cây ngồi kiết già tu tập thiền định bằng cách ngậm miệng, cắn răng, lưỡi đưa sát lên vòm họng, giữ tâm vắng lặng như cầm một vật trên tay không để cho vuột mất. Trong một thời gian thì mồ hôi chảy ra ở những lỗ chân lông, nhưng vẫn tinh tấn không lùi, tâm luôn tịch tĩnh tập trung tinh thần, hướng về tâm vô lậu nhưng tâm vô lậu vẫn không khởi lên. Tiếp đến Bồ-tát lại tu pháp biệt quán: Ngồi kiết già, ngậm miệng, khép mắt, để lưỡi sát vòm họng trên, nín thở không để hơi thở thoát ra ngoài. Một hồi lâu sau khí dồn lên đầu làm cho đầu rất đau đớn như có dùi đâm vào não, chịu khổ não vô cùng nhưng tâm Ngài vẫn vững vàng, không loạn động, sức tinh tấn càng bền chắc, chuyên chú nhất tâm hướng vào định niệm trong hiện tại nhưng tâm vô lậu vẫn không hiện ra. Khí trong thân của Ngài dần dần vận động, từ đỉnh đầu xuống hai lỗ tai, sự đau đớn lại tăng lên gấp bội như thể nỗi khổ trong địa ngục. Lúc ấy Bồ-tát vẫn giữ tâm kiên cố, không tán loạn, tự sách tấn quyết chí giữ vững chánh định một lòng quyết phá phiền não nhưng cũng không đạt được. Bồ-tát chuyển qua nín thở hoàn toàn, không còn thấy, nghe, quên tất cả cảnh bên ngoài, hơi chứa trong tạng phủ vận chuyển khắp toàn thân, đau khổ cùng

cực không gì sánh bằng. Tâm Bồ-tát lúc ấy vẫn không loạn động, kiên định tinh tấn, tập trung tinh thần phá trừ phiền não, nhưng vẫn không đạt được.

Sau khi đã tu tập như thế, Bồ-tát tự nghĩ: "Từ nay về sau Ta sẽ dứt luôn việc ăn uống." Lúc ấy có vị Thiên tử biết được, liền thưa với Bồ-tát:

–Trong lỗ chân lông của thân tôi có thức ăn quý báu xin được cúng dường cho Ngài.

Bồ-tát trả lời:

–Thức ăn của Ta không phải là những vị cay nồng, thức ăn từ thân ngươi không phải là thức ăn thanh tịnh, nếu ăn vào sẽ đọa địa ngục. Các Thiên tử nếu dùng các loại gạo, đậu đem đến thì Ta nhận.

Các Thiên tử y theo lời dạy đem các thứ ngũ cốc làm thức ăn cho Bồ-tát. Lúc ấy thân Bồ-tát gầy ốm, dung nhan tiều tụy, nhưng tâm vẫn không khổ não, không thoái lui mà tinh cần tu tập, chuyên chú nhất tâm diệt trừ phiền não, nhưng cũng không đạt được giải thoát.

Bồ-tát lại giảm khẩu phần ăn, thân thể càng gầy ốm, hai mắt lõm sâu vào như hai lỗ giếng sâu thẳm nhưng tâm Bồ-tát không khổ não, không thoái lui, an trú tâm trong định, chuyên chú diệt trừ phiền não nhưng vẫn không đạt được giải thoát. Bồ-tát lại giảm khẩu phần ăn lần nữa, ăn ít đến mức mỗi ngày chỉ ăn một hạt đậu, hoặc một hạt mè, hoặc một hạt gạo, hay một hạt lúa mạch. Do ăn như thế nên sức lực của Ngài càng thêm suy yếu, đi đứng thường hay vấp ngã, tu tập đến thế nhưng vẫn chưa đạt đạo.

Bấy giờ Bồ-tát suy nghĩ: "Lối tu khổ hạnh này không phải là lối tu chân chính, không đạt đến giải thoát rốt ráo." Khi ấy có ba vị Thiên tử đến trước Bồ-tát, nhận thấy hình dạng của Ngài gầy ốm và biến đổi quá nhiều, nên mỗi vị thuật lại dung mạo của Bồ-tát khác nhau. Vị thì nói sắc thân Bồ-tát màu đen, vị thì bảo màu xanh tím. Bồ-tát nghe thế liền suy nghĩ: "Ta ở đây tu tập đủ các loại khổ hạnh đến nỗi dung mạo biến đổi mà cuối cùng vẫn không đạt đạo. Nếu muốn đạt Chánh giác thì vì sao Ta lại phải tiết thực, khổ hạnh? Người tương ứng với chánh kiến là người với mọi pháp dù thủ hay xả đều có thể viễn ly, đó mới là giác ngộ thật sự, cứu cánh thật sự, ví như củi ướt, bên ngoài có vẽ tươi, nhưng hễ gặp lửa chắc sẽ bốc cháy. Lại như ở nơi gia đình Bà-la-môn, tuy sống trong dục lạc mà tâm không tham đắm cũng được giải thoát. Ta nay cũng vậy, cứ đúng chánh pháp mà tu tập không đắm say, chấp trước thì sẽ chứng đạo Bồ-đề."

Bấy giờ vua Tịnh Phạn nghe tin Thái tử tu khổ hạnh trong rừng, mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo, một hạt mè...để cầu đạo Bồ-đề thì xót xa than khóc

và cùng với vua Tô-bát-la-một-đà, mỗi vị gởi đến hai trăm năm mươi người để hầu Thái tử. Biết công chúa Da-du-đà-la đang có thai, vua liền chỉ dụ cho các cung nhân quyến thuộc không được cho công chúa biết việc Thái tử tu hành khổ hạnh, sợ công chúa lo nghĩ mà hại đến thai nhi.

Lúc bấy giờ Thái tử đến rừng Thi-đà nằm nghiêng người bên phải, gối đầu lên tử thi, hai chân xếp chồng lên nhau, suy nghĩ người thế gian sống trong cảnh hữu vi, sinh diệt ở thế gian như đàn kiến bò quanh vô tận. Sau khi tư duy như thế xong, Bồ-tát ngồi dậy, nhập vào chánh định. Lúc ấy có đám trẻ con nam, nữ đi vào khu rừng. nhìn thấy Bồ-tát đang ngồi khép mắt bất động, chúng liền lấy cành cây chọc vào hai lỗ tai Bồ-tát rồi nói với nhau:

–Đây là than đất, không nên đến gần.

Nói xong chúng dùng cát đất ném vào Bồ-tát rồi kéo nhau đi. Được một thời gian, Bồ-tát xuất định, nhưng vẫn giữ chánh niệm, thân tâm bất động, tư duy: "Phương pháp tu này cũng không phải là chân chánh, không đưa đến đạo Vô thượng. Nhớ lại xưa kia khi còn làm Thái tử, Ta đã từng rời hoàng cung đến ngồi tham thiền dưới bóng cây Thiệm-bộ nhập chánh định, tâm Ta lúc ấy thanh tịnh, xa những tội lỗi, không có các nhơ xấu, xuất hiện căn lành, tu hành như thế nhất định sẽ đạt được đạo quả." Tư duy xong, Bồ-tát muốn đứng dậy đi tới, nhưng sức lực suy kiệt không đứng dậy được, liền ăn uống trở lại, lấy dầu thoa lên thân, rồi tắm rửa ngủ nghỉ để làm cho thân thể phục hồi sức lực.

Lúc ấy năm người theo hầu nói với nhau:

–Trước kia Thái tử rời khỏi thành, bỏ ngôi Luân vương vào rừng nhiều năm khổ hạnh, đạo quả sắp thành, nhưng ý chí không vững vàng nên nay đã phóng túng ăn uống trở lại, xoa dầu, tắm rửa, ngủ nghỉ, đánh mất công phu tu tập như thế làm sao gọi là xuất ly được? Chúng ta ở đây chỉ tốn công vô ích. Nơi vườn Lộc dã tại thành Ba-la-nại thường có các vị Thánh La-hán đến ở, chúng ta nên đến đó mà cầu đạo quả.

Lúc đó Thái tử xuống sông Ni-liên để tắm nhưng vì sức lực quá yếu nên không lên được, may vin vào một cành cây gần bờ để leo lên. Sau đó Ngài đi đến thôn Tây-nẵng-dã-nhĩ. Trong thôn có hai cô gái tên Nan-na và Nan-na-mạt-la, thân tướng đoan chính, có lòng thương người nghe mọi người đồn nên biết được có vị Thái tử ở thành Ca-tỳ-la, đang tu tập phạm hạnh bên bờ sông Bà-nghi-la-đề, dưới chân rặng núi Tuyết, có đủ ba mươi hai tướng tốt, phước đức trang nghiêm, nên sinh tâm vui

mừng, mong muốn được kết duyên cùng Thái tử, nên lập hạnh bố thí, tu phước để được như nguyện ước.

Khi đó cô gái nghe nói trên bờ sông Ni-liên có vị Tiên nhân tu khổ hạnh, bèn phát tâm muốn dâng cúng cháo sữa. Nàng liền chia đàn bò một ngàn con ra làm hai, lấy sữa của năm trăm con này cho năm trăm con kia uống. Lại chia năm trăm con ấy ra làm hai đàn rồi lấy sữa của hai trăm năm mươi con này cho hai trăm năm mươi con kia uống... Cứ như thế, cho đến lúc chỉ còn tám con, sữa của tám con bò ấy trở nên ngon béo vô cùng. Nàng lại dùng chiếc nồi bằng pha lê để nấu món cháo sữa. Khi ấy trên mặt nồi cháo sữa bỗng hiện lên hình bánh xe ngàn tăm có hoa văn như chữ vạn. Có người trông thấy thế liền thầm nghĩ: "Ai ăn được cháo này sẽ nhanh chóng đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề", nên bảo với nàng thiếu nữ:

–Tôi nay đang đói khát, nàng hãy cho tôi ăn món cháo sữa ấy.

Thiếu nữ đáp:

–Tôi làm món ăn này để cúng cho vị Tiên nhân đang tu khổ hạnh chứ không phải cho anh.

Lúc ấy vua trời Đế Thích hóa thân thành một vị Bà-la-môn đến trước mặt thiếu nữ, cô gái muốn đem sữa ấy dâng cho vị Bà-la-môn. Vị Bà-la-môn nói

–Tôi không dám nhận. Gần đây có vị đại nhân chủ của thế gian, nàng nên đem cúng dường cho vị ấy.

Cô gái hỏi:

–Ai là vị chủ của thế gian?

Vị Bà-la-môn đáp:

–Đi cách đây không xa, có vị Đại Phạm thiên.

Cô gái bèn đem dâng cho vị Đại Phạm thiên. Vị Đại phạm Thiên vương nói:

–Tôi không dám nhận, có vị Tịnh quang Thiên vương cao quý, nàng nên đến cúng dường cho vị đó.

Thiếu nữ lại đem món cháo sữa đến dâng lên vị Tịnh quang Thiên tử, nhưng vị ấy liền nói:

–Ta không dám nhận. Nay có vị Bồ-tát tắm ở sông Ni-liên sức lực suy yếu phải vịn tay vào cành cây để lên bờ. Vị ấy khoác áo ca-sa sắp thành Phật quả. Nếu nàng cúng dường sẽ được phước đức lớn.

Thiếu nữ vâng lời, đem bát cháo sữa đến thành tâm hiến cúng cho Bồ-tát. Bồ-tát lặng yên thọ thực. Sau khi dùng xong, Ngài ném chiếc bát

xuống sông Ni-liên. Long vương liền hiện lên muốn lấy chiếc bát, Đế Thích liền hóa thân thành Kim sí điểu, rồng sợ liền rút lui. Đế Thích lấy bát đem về để ở cung trời Đao-lợi xây tháp cúng dường.

Bấy giờ Bồ-tát hỏi hai thiếu nữ:

–Hai nàng cúng món cháo sữa này là muốn cầu điều gì?

Hai cô gái thưa:

–Chúng con nghe nói vua Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la có vị Thái tử thân tướng đoan nghiêm, sẽ là bậc Chuyển luân vương nên muốn kết duyên với Thái tử.

Bồ-tát nói:

–Thái tử ấy là người tu phạm hạnh, vắng lặng, xa lìa tham dục có tên là Nhất Thiết Nghĩa Thành, không lâu nữa sẽ đắc đạo Bồ-đề, làm sao lại có thể kết duyên với cô được?

Thiếu nữ nghe xong, đứng lặng yên, không nói. Bồ-tát bèn leo lên một tảng đá cao, dự tính sẽ nằm một mình giữa rừng cây, vừa ngồi xuống trong giây lát thì tảng đá đó bị sụp lở, Bồ-tát ngạc nhiên không biết do đâu.

Lúc ấy vua trời Tịnh Quang thưa với Bồ-tát:

–Nay Ngài muôn hạnh đã vẹn toàn, sắp thành tựu tứ trí. Nơi đây phước mỏng, không kham nổi đối với thành tựu to lớn ấy. Cách đây không xa có tòa Kim cang là nơi ba đời chư Phật đều thành Chánh giác.

Bồ-tát liền đến nơi vua trời đã chỉ. Mỗi bước đi của Bồ-tát đều nở hoa sen, sóng biển sôi động, đại địa rung chuyển gây nên âm thanh như tiếng chuông. Bồ-tát thong thả bước đến một hang lớn. Trong hang có một con rồng đen bị mù, vì nghe đất rung, sóng dậy liền ra khỏi hang, đôi mắt bỗng sáng trở lại, trông thấy Bồ-tát thân tướng đoan nghiêm, ánh sáng như mặt trời, rất vui mừng, chiêm ngưỡng và nói kệ:

Đất rung sóng dậy tiếng vang lừng
Ta nghe liền rời khỏi hang sâu
Mắt chợt sáng bừng thấy thân Phật
Hết lòng chiêm ngưỡng, thật vui mừng.

Rồng lại thưa với Bồ-tát:

–Nhớ lại thuở xưa khi Phật ra đời thì hai mắt tôi được sáng ra để thấy được Đức Phật ấy. Nay cũng như thế, đôi mắt sáng ra liền thấy thân tướng của Phật.

Bèn nói kệ:

Xưa con nhờ uy đức của Phật

Khiến con thấy được thân tướng tốt
Biết gặp Đấng Mâu-ni thành đạo
Ngắm thân tướng Ngài cũng như xưa.

Bấy giờ Bồ-tát muốn đến chỗ tòa Kim cang, bèn cất chân phải bước đi oai vệ như Ngưu vương, thân vững vàng như núi báu, ca-sa không lay động, tâm rộng như hư không, mặt rực rỡ như trăng rằm, hào quang chiếu khắp chứa đại pháp dược, các loài chim quý, thú hiếm di chuyển theo phía phải vòng quanh Bồ-tát. Đại thể có đến mười điềm lành như vậy.

Lúc ấy Bồ-tát nghĩ: "Ta nên lấy cỏ cát tường trải trên tòa Kim cang." Vua trời Đế Thích hiểu rõ ý Bồ-tát, liền hóa thân đến núi Hương túy lấy cỏ Cát tường, loại cỏ này rất mềm mại như hoa Đâu-la-miên đem về trải lên tòa Kim cang.

Bồ-tát ngồi kiết già trên tòa Kim cang ấy, phát thệ nguyện:

–Ta sẽ không đứng dậy rời khỏi tòa ngồi này nếu không diệt hết phiền não.

Phát thệ xong, Bồ-tát thu nhiếp tâm ý nhập vào chánh định.

Bấy giờ trong cung Ma vương có hai lá cờ: Một lá tên là Hỉ tướng, lá kia là Nghi tướng, hễ lá cờ nào lay động là có điềm báo tương ứng. Lúc ấy lá cờ Nghi tướng bỗng nhiên lay động. Ma vương kinh hãi, nghi ngờ có việc chẳng lành nên liền quan sát biết rằng Thái tử Tất-đạt-đa, con vua Tịnh Phạn đang ngồi nơi tòa Kim cang mà cầu chứng đạo quả Vô thượng giác. Ma Ba-tuần liền sinh tâm ganh ghét, hóa thân thành người đưa thư của vua Tịnh Phạn đến cho Thái tử. Người ấy đến trước Bồ-tát hỏi thăm:

–Sao Thái tử ở gần đây mà lâu quá không về thăm? Nơi triều đình, Đề-bà-đạt-đa đã vào cung Thái tử ngang tàng làm điều phi pháp, lại sát hại nhiều người trong họ Thích.

Bồ-tát nghe qua, trong lòng chợt khởi sinh ba ý niệm bất thiện. Đó là nghĩ đến việc dâm dục, việc người thân bị giết hại, từ đó nổi lên giận dữ, nhưng vì biết là Ma vương đánh lừa nên chuyển thành ba ý niệm thiện là lìa dục, không nghĩ tới việc sát hại và dứt hẳn sân hận. Ma vương hỏi:

–Ngài ngồi dưới cội Bồ-đề để làm gì?

Bồ-tát đáp:

–Ta cầu đạt Vô thượng trí.

Ma vương lại nói:

–Làm sao Ngài đạt được trí tuệ vô thượng ấy?

Bồ-tát bảo:

–Ngươi là kẻ ma đạo có nhiều tội chướng. Giả sử có người Bà-la-môn vâng chịu bố thí hãy còn có được quả báo tự tại, huống chi Ta đã trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp, xả bỏ vô số trăm ngàn na-do-tha vạn ức đầu, mắt, tủy, não, thành trì, vợ con, vàng bạc, châu báu để bố thí, làm lợi ích cho chúng sinh để cầu vô thượng trí, sao lại không đạt được?

Ma vương nói:

–Ta tạo cho nhóm người Bà-la-môn được giàu sang tự tại, người có thể làm chứng cho ta được, còn người nói trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp bố thí đầu, mắt... thì lấy ai làm chứng?

Nghe thế Bồ-tát liền đưa bàn tay phải kỳ diệu kết ấn vô úy chạm vào mặt đất và nói:

–Hãy vì Ta mà làm chứng.

Ngay lập tức, các vị địa thần từ đất vọt lên, chắp tay đồng nói lớn:

–Này Ma vương, Đức Thế Tôn của chúng ta từ xưa đã trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp dùng vô số trăm ngàn na-do-tha câu-chi đầu, mắt, não, tủy, thành quách, vợ con, vàng bạc châu báu làm lợi ích cho chúng sinh để cầu Vô thượng trí, đó là điều chân thật, không hư dối. Ma chúng các ngươi chớ có nghi ngờ.

Ma vương nghe lời ấy, trong lòng sợ hãi, yên lặng suy nghĩ: "Nếu Bồ-tát đắc đạo chắc sẽ xâm chiếm cảnh giới của ta, đoạt lấy hết uy quang của ta." Nghĩ thế rồi y quay về ma cung để nghĩ ra kế độc ác khác.

Ma vương bèn biến ra ba nàng con gái, thân tướng xinh đẹp đến trước Bồ-tát, dáng bộ dịu dàng uyển chuyển, giả vờ chiêm ngưỡng Bồ-tát để mong làm mê loạn Ngài. Bồ-tát liền dùng thần lực biến chúng thành những bà già tóc bạc, da mặt nhăn nheo, xấu xí vô cùng, rồi dùng gương cho soi, chúng quá xấu hổ nên biến mất.

Ma vương thấy không thành công trong việc quấy phá Bồ-tát nên rất tức giận, liền thống lãnh ba mươi sáu ức binh tướng quỷ mị, thân mặc giáp, tay cầm đủ loại binh khí, kéo theo cả những thú dữ như rồng độc, voi, ngựa, hổ, báo... rồi còn làm sấm chớp, mưa đá bốn phía vây phủ nhằm nhiễu hại Bồ-tát. Bồ-tát thấy thế càng thương xót cho sự mê muội của Ma quân, tâm Ngài nhập định, khởi lên niệm từ bi. Lúc ấy vị Thiên tử Tịnh Quang ở trên hư không biến ra cây lọng thật to bao trùm bầu trời để che đỡ các thứ mưa đá, cung tên, gậy gộc... và những thứ ấy đều biến thành các loại hoa trời, như hoa Ưu-bát-la, Bát-nạp-ma, Câu-mẫu-na và hoa Bôn-trà-lợi, tất cả đều tung bay quanh tòa Kim cang như để cúng dường Bồ-tát.

Bấy giờ Bồ-tát từ trong chánh định vận thần thông hợp nhiều thành một, biến một thành nhiều, bay lên không trung đi đứng ngồi nằm, thân trên hóa nước, thân dưới hóa lửa, đi trên nước như đi trên đất bằng... Sau khi đã biến hiện xong, Bồ-tát quan sát chúng ma thấy còn nhiều tà kiến, nghi hoặc, tham dục, oán giận, ngu si và thấy các loài hữu tình có người ly dục lại có kẻ say đắm dục, có người có tưởng lại có kẻ không có tưởng... dẫn đến chỗ phân biệt giải thoát và phi giải thoát; tất cả những pháp ấy Bồ-tát đều thấu hiểu rõ ràng. Bồ-tát lại dùng Túc mạng thông quan sát xem cha mẹ của Ma vương và của chúng hữu tình trong quá khứ, từ một kiếp, hai kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp cho đến vô số kiếp, rồi đến thế giới, cõi nước, tộc họ quyến thuộc giàu sang hay nghèo hèn, sống lâu hay chết yểu, sau khi chết sinh đến nơi nào, đều biết rõ ràng tường tận.

Xong Bồ-tát lại dùng Thiên nhãn xem ở đời vị lai của Ma vương và chúng hữu tình sẽ sinh vào cõi nào, việc nhân quả và sống chết, nghiệp thiện và bất thiện của thân, khẩu, ý đưa đến hậu quả xấu, tốt, cuối cùng thế nào cũng đều hiểu rõ.

Ngài lại tư duy về ba cõi Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới và về hành tướng của tứ đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, hoặc nhiễm hoặc tịnh, phân biệt các loại hoặc phiền não như Câu sinh hoặc, Căn bản hoặc, Tùy hoặc. Suy nghĩ như thế xong, trí tuệ vô lậu liền hiện ra, lìa bỏ nhận thức nhị kiến, Bồ-tát chứng thành Bậc Vô Thượng Giác. Lúc ấy chúng ma đều tan rã, thoái lui nhưng Ma vương lại đến nói dối vua Tịnh Phạn:

–Thái tử Tất-đạt-đa đã qua đời trên tòa Kim cang.

Nghe tin, vua và thân quyến vô cùng đau buồn, than khóc đến nỗi nhiều người ngã ra đất hôn mê. Bấy giờ có vị trời nói cho vua biết là Thái tử đã thành Bậc Vô Thượng Bồ-đề, vua nghe tin ấy liền vui mừng vô cùng. Vừa lúc đó, có quan vào tâu:

–Cam Lộ Phạn vương vừa có được người con mới sinh, công chúa Da-du-đà-la cũng vừa sinh được một người con trai.

Được tin, vua cùng quyến thuộc vô cùng phấn khởi. Vua Tịnh Phạn truyền lệnh dọn dẹp sửa sang đường sá, treo tràng phan cùng chuỗi quý, ở bốn cửa thành đều bày vàng bạc cùng nhiều loại đồ vật quý báu để cúng cho các Sa-môn, Bà-la-môn, các khất sĩ ngoại đạo để cầu phước.

Lúc con của Cam Lộ vương sinh ra, ai cũng vui mừng nên đặt tên là A-nan-đà. Công chúa Da-du-đà-la khi sinh con gặp lúc nguyệt thực nên có tên là La-hộ-la. Vua Tịnh Phạn bảo:

–Con của Da-du-đà-la không phải là dòng giống của Phật.

Công chúa nghe được trong lòng phiền muộn. Khi ấy ở bờ ao sau cung vua có một tảng đá tên Bồ-tát thạch, một hôm La-hộ-la đến ngồi chơi trên đó, công chúa nhìn thấy liền bảo:

–Nếu La-hộ-la đúng là con của Thái tử Tất-đạt-đa thì nguyện cho tảng đá sẽ không chìm, còn nếu không phải là con của Thái tử thì tảng đá sẽ chìm.

Phát lời nguyện xong, công chúa liền đẩy tảng đá luôn cả La-hộ-la đang ngồi chơi trên ấy xuống ao, nhưng tảng đá vẫn nổi trên nước, La-hộ-la vẫn chơi đùa một cách tự nhiên.

Bấy giờ vua và quyến thuộc thấy được cảnh ấy, ai cũng vui mừng ngạc nhiên, cho là điều chưa từng thấy. Lúc ấy đại địa chấn động, ánh sáng chiếu khắp đến tận các nơi tối tăm khiến các loài hữu tình ở đấy trông thấy nhau và đều cung kính cúi đầu đảnh lễ.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

QUYỂN 7

Bấy giờ tại cung trời Phạm thiên, có hai vị Phạm thiên tử suy nghĩ: "Nay ở cõi Nam thiệm-bộ châu có Đức Phật Thế Tôn ra đời, vừa thành đạo trên bờ sông Ni-liên, gần hồ Ô-lô-vĩ-la, Đức Thế Tôn ấy đang ngồi kiết già dưới cội Bồ-đề đã bảy ngày đêm nhập vào Chánh định." Hai vị Phạm thiên ấy bèn nói với nhau:

–Chúng ta có đại thần lực, trong thời gian co duỗi cánh tay có thể đến được nơi đó, vậy nay chúng ta hãy mau tới đó dùng lời kệ ca ngợi Phật và xin Ngài chuyển Pháp luân cứu vớt chúng sinh.

Nói xong, hai vị liền đến chỗ Phật, cung kính nhiễu hành, lễ bái, rồi đứng trước Phật, một vị nói kệ thưa thỉnh:

Xin Phật dựng gốc đạo
Cứu chúng sinh thế gian
Nên nói pháp Tối thượng
Để trí thâm nhập pháp.

Vị Phạm thiên kia cũng nói kệ thỉnh:

Khuôn mặt như trăng tròn
Tâm tịnh, không phiền não
Xin nói pháp vi diệu
Làm an vui thế gian

Hai vị Phạm thiên kia nói kệ xong liền biến mất. Lúc ấy Đức Thế Tôn ra khỏi định, quan sát khắp thế gian rồi nói kệ:

Những thú vui trong cõi thế gian
Cho đến niềm vui ở cõi trời
Đem so niềm vui dứt tham dục
Mười sáu phần không được một phần.

Lại nói tiếp kệ:

Gánh nặng khổ của đời
Khổ vì không bỏ mê
Nếu buông gánh nặng khổ

Ắt được Tối thượng lạc.

Thế Tôn lại nói tiếp:

Dứt được tham ái ở thế gian
Tất cả phiền não tự tiêu trừ
Biết được phiền não thoát luân hồi
Sẽ được niềm vui trong giải thoát.

Suốt trong bảy ngày đêm, Đức Thế Tôn ngồi kiết già nhập định, trong thời gian ấy người không ăn uống gì cả. Ngài vừa xuất định nói kệ xong, bỗng có một lái buôn tên Bố-tát-bà-lê-ca đang chuyển năm trăm cỗ xe hàng sang nước khác để bán, đi ngang qua gần nơi Đức Phật thiền định. Vốn có thiện căn nên ông ta thường suy nghĩ: "Làm thế nào để có những bạn lành và quyến thuộc tốt." Bỗng ông ta nghe có người nói:

–Đức Thế Tôn nhập định luôn bảy ngày không ăn uống, ngồi dưới cội Bồ-đề bên bờ sông Ni-liên, gần hồ Ô-lỗ-vĩ-la. Ngài đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người lái buôn thầm nghĩ rằng Đức Phật chính là bậc Thiện hữu đem lại lợi ích cho anh ta nên vội vàng đến đó dâng những thức ăn ngon bổ nhất để cúng dường Phật.

Bấy giờ có một vị trời biết được tâm nguyện của Bố-tát-bà-lê-ca, bèn xem xét người lái buôn và những hàng hóa ông đang đem đi bán. Quan sát xong vị ấy đến bạch Phật:

–Hôm nay sẽ có người lái buôn tên là Bố-tát-bà-lê-ca biết Thế Tôn tu hành đắc đạo ở đây nên đến cúng dường, mong cầu phước báo an vui, lợi ích.

Nói xong, vị trời liền biến mất.

Lúc ấy Bố-tát-bà-lê-ca cùng các bạn thân cùng đi trong đoàn tự tay nấu những thức ăn thơm ngon, tinh khiết, với tấm lòng thành đem đến cúng dường Đức Phật. Đi chưa tới nơi, ông ta lại nghĩ: "Nay ta đem thức ăn dâng lên cúng dường chắc thế nào cũng được nghe Phật thuyết pháp tối thượng. Chúng ta nhờ gieo nhân này hẳn sẽ được quả tốt." Đến nơi, người lái buôn cung kính cúi đầu lễ xuống chân Phật, rồi đứng lên chiêm ngưỡng Ngài và thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con cùng các thân hữu đã làm các thức ăn đem đến cúng dường. Xin Ngài thương xót nhận cho.

Đức Phật nhận lời, nhưng chưa dùng. Vì lúc mới thành đạo, Ngài chưa có bát để thọ thực nên nghĩ: "Nếu Ta không dùng bát để thọ nhận các món cúng dường, Ma vương, ngoại đạo sẽ chê cười mà nói rằng chẳng lẽ

trong quá khứ, các Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác vì lợi ích cho mọi chúng sinh, lại thọ sự cúng dường như vậy sao?"

Khi Đức Phật vừa khởi niệm như thế, Phạm thiên liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, các Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác trong quá khứ vì lợi ích cho chúng sinh, đều dùng bát để thọ lãnh các thức ăn cúng dường của tín thí.

Lúc ấy Thế Tôn khởi niệm muốn có một cái bát, bốn vị Đại thiên vương biết tâm ý của Ngài nên mỗi vị đã dùng những thứ đá quý sai các thợ giỏi trong thời gian ngắn tạo được các chiếc bát rất thanh tịnh, tốt đẹp không gì bằng. Sau khi làm xong, bốn vị Thiên vương đồng nhau cầm bình bát đến dâng cho Đức Phật. Tới nơi, bốn vị cúi đầu đảnh lễ Phật rồi đứng sang một bên chiêm ngưỡng người và đồng lên tiếng thưa với Đức Phật:

–Chúng con mỗi người đã dùng đá quý tạo thành chiếc bát, nay cùng nhau đem đến dâng lên Đức Phật. Cúi mong Đức Thế Tôn thương chúng con mà nhận cho.

Bạch xong các vị đều đứng chờ ý chỉ của Phật. Khi ấy Đức Phật tự nghĩ: "Bốn vị Thiên vương đều dâng bát, nếu Ta nhận bát của một vị thì ba vị kia sẽ không vui, nên nay Ta sẽ nhận cả bốn cái." Sau khi nhận cúng bốn chiếc bát, Ngài lại nghĩ: "Ta chỉ dùng một chiếc bát, nay nên dùng chiếc bát nào trước?" Nghĩ thế rồi, Đức Phật liền dùng thần lực hợp bốn chiếc bát thành một, tuy hợp lại nhưng vẫn giữ nguyên hình một chiếc bát. Vì lợi ích cho muôn loài, Đức Phật cầm bát đến thọ nhận thứ ăn cúng dường của người lái buôn Bố-tát-bà-lê-ca. Thọ thực xong, Đức Phật nói với người lái buôn:

–Hôm nay Ta vì ông mà nói pháp Tam quy, ông nên chú ý lắng nghe.

Bố-tát-bà-lê-ca vâng lời đứng yên lãnh hội. Đức Thế Tôn dạy:

–Tam quy gồm có quy y Phật, quy y pháp và quy y Tăng-già trong tương lai. Trọn đời ông phải hết lòng giữ gìn chớ có sai phạm.

Bố-tát-bà-lê-ca thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con nay xin quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng-già trong tương lai, trọn đời không dám sai phạm.

Đức Thế Tôn nói với Bố-tát-bà-lê-ca:

–Tùy hỷ bố thí chắc chắn hưởng được phước quả. Ông đã là người tự ý bố thí nhất định sẽ được an vui, mọi điều mong cầu sẽ được thành tựu, tương lai cũng sẽ chứng quả Niết-bàn. Này Bố-tát-bà-lê-ca, ngươi tu hạnh bố thí, làm điều phước lợi, trời, người và cả Ma vương cũng không thể mê

hoặc được. Nếu tu tập thiền định, trí tuệ nữa thì sẽ diệt được nguồn gốc của khổ đau, chứng được quả thánh.

Bố-tát-bồ-lê-ca nghe lời Phật dạy xong, tâm ý vô cùng vui mừng, phát nguyện cả trong đời vị lai sẽ luôn nhớ nghĩ không bao giờ quên. Sau khi phát nguyện rồi, ông liền đảnh lễ Phật và lui ra.

Bấy giờ Đức Phật sau khi thọ lãnh sự cúng dường của người lái buôn Bố-tát-bà-lê-ca rồi, liền đem thức ăn đến bờ sông Ni-liên, trải cỏ làm chỗ ngồi và thọ thực. Ăn xong, rửa bát, bỗng Đức Thế Tôn cảm thấy trong người không được thoải mái. Vì sao vậy? Chính vì Ngài muốn cho chúng sinh biết rõ thân này là huyễn ảo nên mới thị hiện việc ấy.

Lúc ấy Ma vương sợ Đức Phật ra đời giáo hóa chúng sinh thoát khỏi khổ não nơi ba cõi thì cảnh giới của mình sẽ trở nên vắng vẻ, nên thường chờ dịp thuận lợi để đến nhiễu loạn Phật. Nay biết Phật đang khó ở trong người, Ma vương liền rời khỏi ma cung đến chỗ Đức Phật nói:

–Thưa Bậc Thiện Thệ, Ngài nay phát bệnh, giờ vào Niết-bàn sắp tới. Nay tôi tới để thỉnh Phật nhập Đại Niết-bàn.

Phật biết Ma vương muốn làm loạn tâm, nên bảo Ma vương:

–Giờ Niết-bàn của Ta vẫn chưa đến, Ta nay còn chờ các hàng đệ tử chứng quả Thanh văn có trí tuệ sáng suốt, hiểu rõ pháp Phật, quảng diễn pháp tướng cùng với các hàng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di... đều tu hành phạm hạnh và nhiều chúng sinh trong thiên hạ, cho đến các vị trời đều được chứng quả giải thoát. Đến lúc đó Ta mới vào Niết-bàn.

Ma vương nghe Đức Phật nói thế, biết là Ngài chưa vào Niết-bàn nên trong lòng buồn bã, xấu hổ mà bỏ đi.

Khi đó Đế Thích biết trong người Đức Phật không được khỏe, nên từ thiên cung thân hành xuống cõi Nam thiệm-bộ châu đến rừng Đại Ha-lê-lặc cách cội Bồ-đề không xa hái những trái Ha-lê-lặc ngon nhất đem đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, chiêm ngưỡng và thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, con được biết thánh thể của Thế Tôn không được khỏe nên đến cõi Thiệm-bộ châu này hái những quả Ha-lê-lặc có màu sắc tốt tươi, hương vị thơm nhất, có thể chữa được bệnh ấy, đem đến đây xin Phật từ bi nhận cho.

Đức Thế Tôn nhận và ăn những trái cây ấy xong, thân thể khỏe mạnh như xưa. Đức Phật liền an ủi, khen ngợi trời Đế Thích. Vua trời từ tạ trở về thiên cung.

Bấy giờ Thế Tôn rời cội Bồ-đề đến cung điện của Long vương Mẫu-tức-lân-na. Tới nơi Ngài ngồi kiết già nhập định bên một cội cây. Trong suốt bảy ngày đêm Đức Phật nhập định luôn có mưa. Long vương thấy trời mưa tuôn, gió thổi, biết Đức Phật đang thiền định, biết rõ về thời tiết này, sợ gió mưa hại đến thân Phật, lại sợ các loài sâu bọ quấy nhiễu thánh thể nên dùng thân mình quấn quanh người Phật, đầu biến thành lọng che cho Đức Phật, trải qua bảy ngày đêm không rời. Lúc Đức Phật xuất định, Long vương cũng thu hình lại và trở về long cung, dùng các loại hoa hương trang điểm thân rồi đến chỗ Phật đảnh lễ thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, mưa gió trong bảy ngày vừa qua và các loại côn trùng có nhiễu loạn đến thân Ngài không? Thánh thể Ngài có được an vui không?

Đức Phật liền nói kệ đáp:

Ta quan sát thế gian
Tất cả khắp muôn loài
Nếu không bị xâm hại
Sẽ vui mừng sung sướng.
Lìa dục đoạn phiền não
Vui ấy lớn hơn nhiều
Điều phục được vô minh
Ấy, niềm vui tối thượng.

Sau khi nói kệ trả lời Long vương, Đức Phật liền trở lại cội Bồ-đề trong bảy ngày đêm ngồi kiết già nhập định quán sát lý mười hai duyên sinh. Ngài nội quán: "Do nguyên nhân căn bản nào mà có sự sinh? Đó là do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử, sầu bi khổ ưu não. Do nhân ấy mà tích tụ tất cả nỗi khổ lớn như vậy. Nếu căn bản phiền não không khởi lên thì tất cả mười hai nhân duyên đều diệt. Đó là khi vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, sầu bi khổ ưu não cũng diệt. Hiểu rõ quá trình sinh diệt như thế thì diệt được các khổ não lớn đang tích tụ."

Trong bảy ngày đêm nhập định, Đức Phật đã quan sát rõ về lý mười hai duyên sinh. Vừa ra khỏi chánh định, Ngài liền nói kệ:

Lắng lòng quán sát các tướng khổ
Biết rõ các pháp có nguyên nhân
Nếu biết tướng khổ không phát sinh
Tự nhiên tất cả ái dục dứt.
Lắng lòng quán sát ái hữu vi
Biết pháp hữu vi là vô cùng
Nếu biết pháp hữu vi không sinh
Tự nhiên trừ tất cả ái dục.
Lắng lòng quan sát nhân duyên sinh
Biết pháp duyên sinh là vô tận
Nếu biết duyên sinh không phát khởi.
Tự nhiên tất cả ái dục dứt.
Lắng lòng quan sát pháp hữu lậu
Mới biết pháp hữu lậu vô cùng
Nếu biết pháp hữu lậu không sinh
Tự nhiên tất cả ái dục dứt.
Lắng lòng quan sát pháp như thị
Biết pháp như thị là không sinh
Như mặt trời chiếu khắp thế gian
Đi đứng trên không, không trở ngại.
Lắng lòng quan sát các tướng khổ
Biết tất cả khổ đều không sinh
Phá trừ phiền não chứng Niết-bàn
Như Phật hàng phục chúng ma quân.

Nói kệ xong, Đức Phật lại nói tiếp:

–Nếu có chúng sinh nào đoạn được luân hồi, biết các pháp sâu xa, thông tỏ tất cả ngôn từ vi diệu, những người như thế là bậc Trí, Ta sẽ vì những người đó mà nói, vì những người ấy mà dạy cho họ hiểu. Nay Ta ở một mình nơi núi rừng, nương theo pháp ấy để tu hành, tìm thấy niềm vui trong việc tu tập.

Thế Tôn nói xong bèn đi đứng tự tại không gì ràng buộc, không thuyết pháp, cũng không có ý định sẽ thuyết pháp.

Bấy giờ vua trời cai quản cõi Ta-bà là Đại phạm Thiên vương biết Thế Tôn không thuyết pháp cũng không có ý định thuyết pháp, liền suy nghĩ: "Như thế thì thế gian sẽ bị hoại diệt! Vì sao? Vì Như Lai xuất hiện ở thế gian khác nào như hoa Ưu-đàm lâu lắm mới nở một lần. Nay Đức Phật không thuyết pháp, tự vui với pháp mình vừa đạt, sẽ khiến tất cả những kẻ

tham dục vui thích theo tà pháp, không được giác ngộ, thế thì làm sao thế gian không bị hủy diệt? Ta nay phải tự thân đến chỗ Đức Phật, hết lòng khuyến thỉnh Đức Phật thuyết pháp độ sinh.” Nghĩ xong, Đại phạm Thiên vương rời khỏi Phạm giới trong khoảnh khắc thời gian co duỗi cánh tay đã đến chỗ Đức Phật, đứng trước Đức Phật nói kệ:

Ra đời nước Ma-già
Bậc Vô Cấu thuở xưa
Đều mở cửa Cam lộ
Thuyết pháp độ chúng sinh.

Đức Thế Tôn bảo:

–Pháp của Ta rất sâu xa khó gặp, khó hiểu, nếu Ta vội nói ra chắc sẽ bị tiêu hoại. Vì sao? Vì tất cả những kẻ ham thích tà pháp, những kẻ nhiều tham dục trong thế gian sẽ không ưa thích nghe theo nên không thể giác ngộ. Vì sao vậy? Vì nội tâm những kẻ tham dục ấy luôn bị màn đen tối che lấp.

Đại Phạm vương thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng sinh ở thế gian có sinh có lão, có người căn tính thông minh lanh lợi, có người căn tính kém cỏi chậm lụt hoặc có kẻ trung căn, tướng mạo thì có xấu có đẹp nhưng cũng có người dễ cảm hóa, những kẻ phàm phu có ít phiền não trần lao. Bạch Thế Tôn, như loài hoa sen xanh hoặc trắng sinh ra, phát triển và tàn úa trong nước, có hoa nhô lên khỏi mặt nước, có hoa không nhô lên khỏi mặt nước. Cũng như thế, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không vì muôn loài mà nói pháp vi diệu thì họ sẽ đều rơi vào các đường dữ. Cúi xin Đấng Thiên Thệ hãy ban pháp bảo, hãy rưới cam lộ!

Lúc ấy Đức Thế Tôn yên lặng nhận lời khuyến thỉnh của Đại phạm Thiên vương. Ngài dùng Phật nhãn quán sát chúng sinh trong thế gian có trẻ có già, có kẻ lợi căn, có người độn căn, cho đến kẻ ở bậc giữa hoặc bậc dưới, dung mạo đẹp xấu, dễ cải hóa hoặc khó cải hóa, có kẻ ít phiền não hoặc rất ít phiền não... rồi Ngài tư duy: “Với các chúng sinh ấy, nếu Ta không giảng nói các pháp vi diệu thì họ sẽ không biết nguồn gốc của khổ đau, sẽ dễ rơi vào các đường dữ.”

Sau khi quan sát thấy rõ như thế, Đức Thế Tôn khởi tâm từ bi muốn giảng nói diệu pháp. Trước hết Ngài nói kệ:

Ta nay tuôn mưa pháp cam lộ
Thấm nhuần chúng sinh, kẻ thích nghe
Từ nay cõi đời được diệu pháp

Nếu gặp ác ma không quảng diễn.

Khi ấy Đại phạm Thiên vương nghe Đức Phật nói kệ, biết rõ Đức Phật sẽ giảng nói pháp mầu nên trong lòng vui mừng khôn xiết, liền cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi cáo lui.

Bấy giờ Đức Phật suy nghĩ: "Người nào sẽ được nghe Ta giảng diệu pháp trước tiên?" Ngài bèn nhớ lại: "Ngày trước, Tiên nhân A-la-nã Ca-la-ma từng cúng dường và cầu chúc cho Ta khi Ta đi ngang qua nơi vị ấy đang tu tập. Vậy Ta hãy đến thuyết pháp cho người đó trước."

Bỗng có vị Phạm thiên đến bạch với Phật:

–Tiên nhân A-la-nã Ca-la-ma và các bạn ông đã mất vừa đúng bảy ngày.

Nghe lời ấy, Đức Phật liền cất tiếng than:

–Luật vô thường ở thế gian thật đáng sợ.

Ngài lại nghĩ: "Những Tiên nhân kia thật bạc phước, không được nghe chánh pháp."

Lúc ấy Đức Phật lại nhớ đến Lỗ-nại-la Ca-la-ma tử cũng đã từng cúng dường và chúc tụng Ngài. Khi Phật vừa nghĩ đến đó bỗng có vị La-trá đến bạch Phật:

– Lỗ-nại-la Ca-la-ma Tử cũng đã qua đời.

Đức Thế Tôn nghe báo liền than:

–Phật pháp khó được nghe, ông ta thật là bạc phước!

Đức Phật lại nghĩ đến năm người khi Phật mới rời vương cung vào rừng tu khổ hạnh thì năm người ấy đã tìm đến cúng dường, giúp đỡ nên muốn thuyết pháp cho họ trước tiên. Lúc ấy Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh quán xem năm người đó hiện giờ ở đâu, thì thấy năm người đang ở vườn Lộc dã, thuộc nước Ba-la-nại. Ngài liền rời khỏi cội Bồ-đề đi đến nơi ấy. Giữa đường, Đức Phật gặp một vị Tiên nhân tên Ô-ba-nga đang đi ngược chiều. Vị ấy trông thấy Thế Tôn thân tướng cao một trượng sáu, thân sắc vàng chói, tướng thật đoan nghiêm đặc biệt, vượt hẳn người thế gian, ngạc nhiên trong giây lát rồi vị ấy nói:

–Hỡi Ngài Cù-đàm, Ngài có thân tướng tuyệt đẹp, trong sáng thanh tịnh, tỏa ra ánh sáng như vàng ròng, cõi đời không có, do nguyên nhân gì Ngài xuất gia? Tu tập theo pháp môn nào? Ai là thầy của Ngài? Nay Ngài đi về đâu?

Đức Thế Tôn liền nói kệ đáp:

Ta tu không có thầy

Ở đời không bạn lữ
Ngộ pháp Chánh đẳng giác
Là Thầy của trời người,
Biết các pháp thế gian
Không nhiễm cũng không dứt
Đầy đủ Nhất thiết trí
Hàng phục chúng ma quân.

Tiên nhân Ô-ba-nga nói:

–Thưa Cù-đàm, nếu đúng như lời Ngài vừa nói thì đó chính là quả vị Phật.

Đức Phật nói:

–Vì Ta đã ngộ được chân lý, các lậu hoặc phiền não đều tận diệt, hàng phục được các nghiệp chướng và tội báo nên có hiệu là Phật.

Tiên nhân lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm, nay Ngài đi đâu?

Đức Phật bảo:

–Ta đến thành Ba-la-nại để trổi lên tiếng trống pháp, chuyển đại pháp luân, những điều mà người ở thế gian chưa từng nói, lại cũng giảng nói về những lời dạy của chư Phật trong quá khứ để thế gian biết mà xa rời dục vọng.

Đức Phật nói thế rồi, Tiên nhân Ô-ba-nga đảnh lễ Phật và tiếp tục tục lên đường.

Khi Đức Phật đến vườn Lộc dã, năm đạo sĩ ở đấy là Sái-thế-lê-ca, Ma-hộc-lê-ca, Mạt-hộc-lê-ca, Phược-bát-la-hạ và Nã-vĩ-bà-la-đa mới vừa tắm rửa xong, thoa dầu lên thân thể, dọn bày thức ăn và cùng nhau ngồi chuẩn bị thọ trai. Bỗng năm người nhìn thấy Đức Thế Tôn từ xa đi đến, nhận ra Ngài, đều ngạc nhiên, nói với nhau:

–Thái tử đã tu khổ hạnh trên rừng mong thành Phật nhưng rồi thoái chí, nay lại đến tìm chúng ta. Chúng ta cứ ngồi yên đừng đứng lên nghênh tiếp.

Từ xa, Đức Phật đã biết thái độ của họ, nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đi tới, thân hình Phật sừng sững như kim sơn, các tướng tôn quý, an lành hiện ra đầy đủ, uy đức lớn lao không ai sánh bằng.

Năm người ấy thấy Đức Phật đến gần với oai đức còn tăng hơn trước, tất cả đều không thể ngồi yên, vội đứng lên nghênh tiếp. Năm người cùng nói:

–Lành thay! Mời Ngài ngồi.

Rồi thì kẻ dọn chỗ ngồi, người thì lấy nước rửa chân, kẻ dâng áo, người chắp tay đứng hầu. Năm người hầu hạ Đức Phật giống như lúc trước.

Đức Thế Tôn sau khi an tọa, ung dung nói với năm người:

–Năm người các ông khi mới nhìn thấy Ta liền bàn với nhau là nên tỏ ra xem thường Ta. Các ông chẳng hiểu biết gì cả! Các ông đều là người trong họ của Ta, phải nghe những lời Ta chỉ dạy. Các ông không nên khinh mạng Như Lai. Vì sao? Nếu khinh mạng Như Lai sẽ không đạt lợi ích gì cả, mà sau này sẽ mãi mãi gặp khổ đau.

Năm người ấy bạch Phật:

–Trước kia Phật là người có uy nghi hơn hết trong đời, lại có phép tu rất mầu nhiệm, sau tu khổ hạnh được trí Vô thượng và sự thanh tịnh tối thắng, thông đạt diệu pháp. Lúc trước Ngài thường độc cư tu tập, nay Ngài tu tập ở nơi nào?

Đức Phật nói:

–Này năm vị, nếu Ta nay nhận tất cả đồ cúng dường, bố thí của chúng sinh những thức ăn uống quý giá như cháo sữa, ăn uống xong thì tắm rửa, thoa dầu thơm lên thân thể, các căn trong sạch, thân tướng oai nghiêm đẹp đẽ, ngắm nhìn sắc dáng trước sau rất là tươi vui, như thế thì các ông cho là đã thấy Ta hay là chẳng phải thấy Ta?

Sái-thế-lê-ca thưa:

–Đúng như vậy. Lúc trước năm người chúng tôi thường đi khất thực, lúc Đức Thế Tôn đến thì ba người đi khất thực, còn hai người thì phục vụ Ngài, hoặc hai người đi khất thực thì ba người phục vụ, luôn thay đổi phục vụ siêng năng không mỏi mệt.

Nhân đó Đức Phật dạy:

–Có hai điều mà người tu hành không được làm. Hai điều đó là gì? Đó là tâm tham đắm sắc dục, ấy là cội nguồn của luân hồi, chẳng phải là pháp của bậc Thượng nhân. Nếu có người nào có thể tự thân giữ đoan chánh, tu tập khổ hạnh, như thế người ấy không bị mê chấp với các pháp năm uẩn, ba độc, dùng con mắt trí tuệ để quan sát thì dứt được luân hồi, lìa cả khổ và vui, đi theo Trung đạo. Lại phải tu tập theo tám con đường chân chánh, đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh cần, Chánh niệm và Chánh định thì sẽ đạt được thần thông, chứng quả Niết-bàn. Theo đúng nẻo Trung đạo tu tập sẽ đạt Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Những điều đó Ta đã thực hiện một cách đầy đủ, rốt ráo.

Bấy giờ Đức Thế Tôn lại quan sát thấy năm người này có thể thọ lãnh pháp, liền bảo với họ:

–Đây là Khổ, các ông phải biết.

Năm người lúc ấy tư duy, dùng tuệ nhãn quán pháp ấy, thấy rõ trong đời quá khứ đã từng được nghe thấy, tâm Bồ-đề phát sinh nên được hiểu rõ hoàn toàn.

Đức Phật lại nói:

–Đây là Tập *(Nguyên nhân gây khổ),* các ông nên dứt trừ.

Năm người lại tư duy về chân lý thứ hai này, dùng tuệ nhãn xem xét trong đời quá khứ đều đã từng nghe thấy, nên tâm Bồ-đề phát sinh và được hiểu rõ.

Đức Phật lại dạy tiếp:

–Đây là Diệt, chân lý mà các ông cần phải chứng ngộ.

Năm người suy nghĩ, dùng tuệ nhãn quan sát chân lý ấy, thấy trong quá khứ đã từng nghe biết, trí giác phát sinh nên được hiểu rõ hoàn toàn.

Cuối cùng Đức Phật dạy:

–Này các ông, đây là Đạo, tức con đường đưa đến giải thoát, mà các ông cần phải tu tập.

Năm người suy nghĩ, dùng tuệ nhãn xem xét con đường tu tập ấy, cũng thấy trong đời quá khứ đã từng nghe biết, do đó trí giác phát sinh nên được liễu ngộ.

Đức Thế Tôn lại dạy:

–Chân lý thứ nhất là Khổ, Ta đã hiểu rõ. Tập, nguyên nhân của khổ, Ta đã đoạn trừ. Diệt là chân lý mà Ta đã chứng ngộ. Đạo là những con đường Ta đã tu tập. Chính do phát hiện ra những chân lý ấy và tu tập theo đó mà Ta đã thành tựu được Phật đạo. Các ông cần phải học tập. Ta đã biết khổ, dứt trừ các nguyên nhân gây khổ (Tập), chứng đạt cảnh an vui (Diệt), bằng việc tu tập theo những con đường chân chính (Đạo). Nếu các ông giác ngộ được con đường chân thật của Tứ đế thì tự nhiên hiểu rõ lý Trung đạo không phiền não, không giải thoát, không có trí, không có tuệ, không có Bồ-đề, không phải bất sinh, cũng không trụ vào tướng Sa-môn, Bà-la-môn cho đến các cõi Phạm thiên, Ma, Trời, Người, xa rời các tưởng điên đảo, tâm ý an vui, sẽ chắc chắn chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Sau đó Đức Phật đã ba lượt chuyển pháp luân, giảng nói về mười hai hành, thì Tôn giả Câu-ni dứt bỏ trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh. Lúc ấy tám vạn trời, người cũng đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

Sau khi đã ngộ đạo, năm vị ấy liền bạch Phật:

–Chúng con muốn xuất gia tu theo Phật pháp, xin Đức Phật thương mà chấp nhận.

Đức Như Lai liền vui vẻ nói:

– Hay lắm! Các Tỳ-kheo.

Năm người liền tự cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, trở thành Sa-môn. Lúc đó Đức Phật dạy cho nhóm của Tôn giả Câu-ni:

–Này các ông, sắc uẩn là thường hay vô thường, là khổ hay không phải khổ, là không hay phi không, là hữu ngã hay vô ngã? Bốn uẩn kia: Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy chăng?

Tôn giả Câu-ni thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, con xem xét năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

Khi đó năm vị Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng về năm uẩn liền dứt được các lậu và chứng bậc Vô học (A-la-hán). Đức Phật lại nói:

–Này các ông, việc Ta làm đã xong, phạm hạnh đã trọn. Ta đã dứt hẳn tái sinh, mãi mãi không còn bị luân hồi. Ta và các ông là sáu người sẽ là phước điền đệ nhất ở thế gian, ba ngôi báu ngày nay đã đủ.

Khi Đức Thế Tôn nói pháp như thế, có một vị Dạ-xoa tên là Bồ-ma bèn lớn tiếng xướng lên:

–Hôm nay ở nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc dã, nơi ở của các Tiên nhân, Đức Phật vì lòng từ mẫn đã ba lần chuyển Pháp luân, giảng nói Tứ đế và Thập nhị hành, vì đem lại lợi ích cho cả cõi thế gian và xuất thế gian, cõi Phạm thiên, Ma giới, Trời, Người, Sa-môn, Bà-la-môn.

Lúc ấy bốn vị Thiên vương của cõi Tam thập tam thiên và chư Thiên chúng cùng nhau truyền vang khiến các vị trời ở cõi Phạm thiên đều nghe biết rõ Thế Tôn đã ở nước Ba-la-nại, trong vườn Lộc dã, nơi ở của các Tiên nhân ba lần chuyển pháp luân, Tam bảo đã xuất hiện ở thế gian làm lợi lạc cho khắp trời người cùng các loài hữu tình.

Khi đó đại địa chấn động, không trung rực sáng, các vị Phạm thiên, Đế Thích và chư Thiên... mỗi vị đều cầm các thứ tràng phan, bảo cái đồng đến chỗ Phật, tung xuống các loại thiên hoa vi diệu như mưa, trống trời

vang lừng, ca nhạc ngợi khen… để cúng dường Phật. Sau đó tất cả đều vui mừng cung kính lễ Phật lui ra.



KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

QUYỂN 8

Sau khi chuyển pháp luân lần đầu tiên độ năm vị Tỳ-kheo xong, Đức Phật cùng các vị ấy du hành và dừng lại nghỉ bên bờ sông Phược-la-ca.

Bấy giờ tại thành Ba-la-nại, có người con của ông trưởng giả Câu-lê-ca tên là Da-xá, nhà rất giàu, có nhiều của báu. Gia đình bên mẹ thuộc một dòng họ hào phú trong nước, có nhiều nô tỳ; các nô tỳ đều trẻ tuổi, thông minh, nhiều tài nghệ, giỏi ca nhạc thường hầu hạ bên chủ.

Ngày kia, Da-xá bỗng nhiên lệnh cho các kỹ nữ trang điểm dung nhan, mặc y phục đẹp đẽ, gióng trống nổi nhạc rồi cùng quyến thuộc vui chơi suốt ngày, đến tận nửa đêm mới dừng nghỉ.

Do mỏi mệt các kỹ nữ ngủ say, cửa phòng không cài. Nửa đêm Da-xá thức giấc đi rảo quanh kiểm tra nhà kho và các phòng ốc. Đi ngang qua phòng của các kỹ nữ, Da-xá thấy các cô gái thân thể, tóc tai, quần áo xốc xếch, nằm la liệt như những xác chết. Nhìn thấy cảnh ấy do nhân duyên xuất gia đã đến, lòng Da-xá bỗng sinh ra chán ngán, rồi như kẻ phát cuồng, đang đêm anh ta mang đôi giày quý đến cung vua kêu lớn gọi người giữ cửa:

–Ta khổ lắm, ta khổ lắm! Hãy báo với vua.

Người giữ cửa không chịu nghe lời. Da-xá lại đến cửa sau gọi người giữ cửa và cũng gào lớn:

–Ta khổ lắm, ta khổ lắm! Hãy báo với vua.

Người giữ cửa ấy cũng không nghe. Thế là trong đêm ấy, Da-xá ra khỏi thành đi về hướng Đông đến thẳng bờ sông Phược-la-ca, vừa đi vừa gào:

–Ta khổ lắm, ta khổ lắm!

Lúc ấy Đức Thế Tôn vào canh ba đang đi kinh hành ở bờ sông bên kia gần đó. Da-xá từ xa nhìn thấy Đức Thế Tôn oai đức trang nghiêm không ai sánh được, đúng là Bậc Phi phàm, nên liền gọi lớn:

–Thưa Thánh giả, con khổ quá!

Đức Thế Tôn dùng lời êm diệu khuyên bảo:

–Này thiện nam tử, ông hãy đến đây với Ta, ở chỗ Ta sẽ được an lạc.

Da-xá nghe thế lập tức cởi bỏ đôi giày quý trên bờ, lội qua sông, đến cúi đầu lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Đức Phật cùng Da-xá đi trở về chỗ Ngài. Sau khi dọn bày chỗ ngồi xong, Phật nói với Da-xá:

–Bố thí và giữ giới là nguyên nhân để sinh lên cõi trời. Ở cõi ấy tuy tự do vui sướng trong năm dục nhưng chưa dứt được luân hồi, ông chớ lấy phước đức sinh lên cõi trời mà vui mừng. Nay nếu ông muốn tìm nẻo nhằm cắt đứt phiền não, trừ hết chướng ngại để được giải thoát thì phải nỗ lực tu tập theo chánh đạo, có thể ngộ chân lý, chứng Niết-bàn. Này Da-xá, sắc là thường hay vô thường? Là khổ hay không khổ? Là không hay phi không? Là hữu ngã hay vô ngã? Các uẩn khác là thọ, tưởng, hành, thức có như thế không?

Da-xá nghe Đức Phật nói thế, tâm chàng lúc ấy giống như một chiếc áo trắng dễ nhuộm màu, liền lìa mọi trần cấu, chứng được pháp nhãn thanh tịnh.

Đức Thế Tôn lại giảng rộng về pháp Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Da-xá ngay tại chỗ ngồi tâm liền dứt sạch các lậu, chứng quả La-hán, bèn đáp lời Thế Tôn:

–Theo như lời Phật dạy thì các uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đức Thế Tôn biết tâm Da-xá đã thật sự đạt được vô lậu, chứng giải thoát, trong khi còn mặc chiếc áo đẹp của người tại gia, nên vì Da-xá mà nói kệ:

Nếu đạt chánh đạo
Còn tiếc trang phục
Tuy tu phạm hạnh
Lòng trần chưa dứt.
Nếu điều phục được
Cầm trượng mà đi
Tuy Bà-la-môn
Thật là Sa-môn.

Da-xá vốn là người có trí tuệ, nay lại vừa chứng quả vô học nên vừa nghe lời kệ của Đức Phật xong liền suy nghĩ: "Đức Thế Tôn nói như thế là vì ta còn mặc y phục tại gia." Da-xá liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, con nay muốn làm Sa-môn trong Phật pháp, xin Đức Thế Tôn thương mà chấp nhận cho.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Tỳ-kheo.

Da-xá bèn tự cạo râu tóc, mặc áo ca-sa thành vị Sa-môn có đầy đủ oai nghi. Hôm ấy, vào lúc trời sáng, trưởng giả Câu-lê-ca được người hầu hốt hoảng đến báo tin Da-xá giữa đêm đã bỏ ra ngoài thành, đến giờ vẫn chưa về, không biết là đi đâu. Được tin, trưởng giả vô cùng kinh ngạc, tự nghĩ: "Con ta đang đêm bỏ nhà ra đi chắc là làm điều bất chánh", liền hỏi người nhà:

–Con ta ra đi đã mặc quần áo, mang giầy như thế nào?

Người nhà thưa:

–Những áo quần tốt, giầy quý không còn thấy ở chỗ thường ngày, chắc là công tử đã mặc rồi.

Trưởng giả suy nghĩ: "Con ta ra đi mặc quần áo tốt, mang giầy quý chắc không phải làm chuyện xấu. Vậy ta phải mau đến các nơi tìm kiếm." Nghĩ thế rồi, ông cho người nhà chia nhau đi tìm, còn tự thân mình cũng ra khỏi thành, đến bờ sông Phược-la-ca để tìm kiếm đứa con. Trưởng giả bỗng nhìn thấy đôi giày quý của con mình thường mang để nơi bờ sông, lại nghe mọi người nói có Đức Phật cùng các đệ tử đang ở bên kia sông, liền nghĩ: "Chắc con ta đang ở nơi đó." Trưởng giả bèn cởi giày lội qua sông, đến chỗ Đức Phật. Từ xa, Đức Phật thấy ông ta, biết đang đi tìm con. Khi trưởng giả đến trước Đức Phật, thấy Ngài sáng rỡ với những tướng lạ, ông chưa kịp hỏi về con của mình đã sinh tâm ngạc nhiên, thán phục.

Đức Thế Tôn dùng phương tiện theo tâm niệm vừa khởi lên của trưởng giả, lên tiếng bảo:

–Lành thay! Trưởng giả! Chắc là mỏi mệt lắm! Ông hãy ngồi, Ta sẽ nói với ông điều này.

Trưởng giả Câu-lê-ca vừa nhìn Đức Thế Tôn với các tướng tốt và dáng vẻ uy nghiêm, lại được nghe những lời êm dịu hiền từ, nên càng chú ý chiêm ngưỡng quên cả việc tìm con.

Thế Tôn hỏi trưởng giả:

–Ta có pháp vi diệu, ông thích nghe chăng?

Trưởng giả thưa:

–Xin Đức Phật thương xót mà giảng thuyết cho con.

Đức Phật nói:

–Bố thí, trì giới là nguyên nhân để được sinh lên cõi trời, nhưng đó không phải là quả báo rốt ráo, nếu dứt trừ hết phiền não thì mới có thể đạt

được Thánh đạo. Này trưởng giả Câu-lê-ca, nay Ta hỏi ông, sắc là thường còn hay không thường còn? Là khổ hay không khổ? Là không hay phi không? Là hữu ngã hay vô ngã? Các uẩn kia: Thọ, tưởng, hành, thức đều có như thế không?

Lúc ấy Đức Thế Tôn vì muốn cho trưởng giả được giải thoát, nên bảo ông:

–Ông hãy quán sát kỹ và nói cho Ta biết.

Trưởng giả Câu-lê-ca thưa:

–Nay con mới thật biết năm uẩn Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Đức Thế Tôn lại giảng rõ về pháp Tứ đế, do đó trưởng giả Câu-lê-ca đã trừ bỏ được mọi trần cấu, đạt pháp nhãn tịnh, thân tâm vui sướng, vui vẻ vô hạn.

Bấy giờ Thế Tôn biết trưởng giả tâm ý đã khai mở, lòng yêu thương của kẻ phàm tục không còn mạnh mẽ trong tâm nữa, nếu thấy con mình trở thành vị Sa-môn thì chắc không còn sầu khổ, nên hỏi trưởng giả:

–Này Câu-lê-ca, do nguyên nhân nào ông đến đây?

Trưởng giả thuật lại việc đi tìm con cho Đức Thế Tôn nghe. Đức Phật liền gọi:

–Tỳ-kheo Da-xá, hãy đến đây!

Trưởng giả thấy con mình đã xuất gia mang hình tướng một Sa-môn, lại biết con mình đã đạt vô lậu, chứng quả La-hán, liền lên tiếng:

–Thật sung sướng! Này con, con trước có thể tự lợi, lại có thể làm lợi ích cho người khác. Con đã khiến ta được nghe pháp tối diệu, được xa rời trần cấu, chứng pháp nhãn thanh tịnh, đều nhờ con mà ta được như thế.

Trưởng giả lại bạch Phật:

–Con nay nguyện tu tại gia, xin Đức Phật truyền giới cho con.

Đức Phật khen:

–Lành thay! Ta nay sẽ truyền Tam quy cho ông. Ông hãy lắng nghe cho kỹ, trọn đời giữ gìn, chớ có sai phạm.

Câu-lê-ca thưa:

–Con nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng-già.

Đức Phật dạy:

–Nay ông đã thọ Tam quy rồi, từ hay ông là cận sự nam đầu tiên tại thế gian.

Câu-lê-ca được nghe Đức Phật thuyết pháp mà xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh, lại được thọ Tam quy, khiến tâm hồn thư thái, vô cùng vui vẻ, liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, ngày mai con sẽ chuẩn bị bữa trai thực tại nhà để thỉnh Đức Phật cùng các Thánh chúng đến cúng dường. Cúi mong Đức Phật từ bi hứa nhận cho.

Đức Phật lặng yên chấp nhận. Trưởng giả biết Đức Phật đã nhận lời nên trong lòng mừng vui vô hạn, liền nhiễu quanh Phật ba vòng, lễ Phật rồi lui ra.

Trưởng giả Câu-lê-ca-sau khi đã thỉnh Phật được rồi, vội về nhà bảo với vợ con và quyến thuộc:

–Da-xá đêm ấy ra đi đến sông Phược-la-ca xuất gia theo Phật làm vị Sa-môn và tu chứng được quả vị La-hán. Ta tìm Da-xá nên đã đến đó và được nghe Đức Phật thuyết pháp, nhờ đấy mà lìa trần cấu, có được pháp nhãn tịnh. Đức Phật truyền lại pháp Tam quy cho ta, ta đã thỉnh Ngài ngày mai đến để cúng dường. Đức Phật và Thánh chúng sẽ tới đây thọ trai, vậy các người hãy vì ta mà dọn dẹp, rưới nước quét dọn sạch sẽ nhà cửa, chuẩn bị các thứ ăn uống cùng với hương hoa để cúng dường Phật. Các người nên gắng sức sẽ được lợi ích lớn.

Hôm sau, khi bình minh vừa lên thì mọi việc đã chuẩn bị xong. Trưởng giả Câu-lê-ca từ nơi sân nhà đốt hương hướng vọng về chỗ Đức Phật bạch:

–Bửa ăn đã chuẩn bị xong, thỉnh Đức Phật đến với chúng con.

Lúc ấy Đức Phật bảo Câu-ni-ca:

–Này các vị La-hán, hãy cùng đến nhà Câu-lê-ca theo như lời thỉnh cầu của gia chủ.

Đức Phật lại bảo Da-xá:

–Ông trở về nhà ăn mặc khác xưa, mẹ và thân thuộc chắc là buồn khổ! Nay ông đã xuất gia và chứng quả La-hán, vậy ông nên dùng phương tiện để khiến ai nhìn thấy mình cũng sinh tâm cung kính, vui mừng.

Đức Phật dạy xong liền cùng Thánh chúng đến nhà trưởng giả thọ thực.

Lúc đó Câu-lê-ca đứng ở cửa nhà dốc tâm mong chờ Phật đến. Đức Phật tới nơi, trưởng giả cung kính lễ xuống chân Phật, rồi đốt hương rước mời vào cửa trong. Thân mẫu, nhũ mẫu của Da-xá cùng các quyến thuộc đồng ra nghinh tiếp. Lần đầu tiên thấy tướng tốt đoan nghiêm, uy quang

khác thường của Đức Phật, lại thấy Da-xá vá các vị La-hán với y phục nghiêm trang, hình dáng uy nghi, cử chỉ đi đứng đều rất khác thường, nên vây quanh chiêm ngưỡng và vui mừng khôn xiết. Trưởng giả Câu-lê-ca thỉnh Đức Phật ngồi lên trên, các vị La-hán cũng đều an tọa. Lúc ấy trưởng giả và mọi người ở trong nhà lần lượt lễ xuống chân Đức Phật và Thánh chúng rồi đứng sang một bên.

Bấy giờ Đức Phật vì muốn cho thân mẫu Da-xá cùng tất cả bà con thân thuộc trong nhà của trưởng giả được vui mừng mà phát tâm Bồ-đề, nên bảo:

–Bố thí, giữ giới sẽ được sinh lên cõi trời, tuy có vui sướng nhưng chưa dứt được luân hồi. Muốn dứt luân hồi thì phải dứt trừ phiền não, trong pháp sinh diệt cần phải hiểu rõ. Vậy các vị nên lắng nghe và suy nghĩ thật kỹ, Ta sẽ vì các vị mà giảng rõ.

Đức Phật giảng:

–Này các vị, sắc là pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Bốn uẩn kia là thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như thế. Các vị có biết không?

Rồi Thế Tôn giảng rộng phân biệt. Thân mẫu, nhũ mẫu của Da-xá vốn đã có căn lành nên khi được nghe Phật giảng giải rõ ràng về các pháp mầu nhiệm ấy đã dễ dàng thấu hiểu, khác nào những tấm vải trắng nên dễ nhuộm các sắc màu.

Đức Phật lại giảng giải rộng về bốn chân lý là khổ, nguyên nhân gây ra khổ, Niết-bàn và con đường tu tập đạt đến Niết-bàn *(Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo).* Thân mẫu của Da-xá và những người thân nghe Đức Phật giảng thuyết tâm dứt trừ tham ái, lìa nghi hoặc thấu hiểu các pháp không còn chướng ngại, ngay khi chưa rời khỏi chỗ ngồi đã chứng được pháp nhãn thanh tịnh, liền đứng dậy đến trước Đức Phật thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con đã thật sự hiểu rõ năm uẩn, ba độc đều là pháp khổ, không, vô ngã, vô thường.

Khi ấy thân mẫu và quyến thuộc của Da-xá được Đức Phật truyền pháp Tam quy, bà và những người được truyền vô cùng vui mừng, liền đảnh lễ tạ ân Phật, rồi thưa với Phật:

–Bạch Thế Tôn, đã đến giờ thọ trai.

Đức Phật yên lặng. Vợ chồng trưởng giả tự tay bưng những thức ăn thơm ngon, tinh khiết nhất dâng lên Đức Phật và Thánh chúng.

Sau khi Đức Phật và Thánh chúng thọ trai và rửa tay xong, vợ chồng vị trưởng giả liền đến ngồi vào chỗ thấp nhất trước Phật, cầu xin Phật nói

pháp. Đức Phật vì muốn giáo hóa đem lại lợi ích khiến cho tâm họ được vui vẻ, nên hứa khả chấp nhận. Vợ chồng vị trưởng giả liền thưa hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn, chúng con có chỗ chưa hiểu rõ muốn thưa hỏi, cúi mong Thế Tôn giảng cho chúng con được rõ. Con của chúng con là Da-xá do nhân duyên gì mà đang ở nhà bỗng ra đi rồi gặp Phật, được nghe pháp rồi trở thành Sa-môn, vận pháp phục trang nghiêm, trừ hết lậu hoặc, chứng quả La-hán?

Đức Thế Tôn bèn nói với gia đình vị trưởng giả:

–Trong thời quá khứ, ở cách nước Ba-la-nại không xa có một Tiên nhân có lòng từ bi, luôn làm lợi ích cho chúng sinh, thường ôm bát vào thành khất thực. Một hôm, đi đến ngã tư đường Tiên nhân bỗng thấy một xác chết, thân thể rữa nát, bay mùi hôi thối, người qua đường không ai dám lại gần. Tiên nhân chợt nghĩ đến thân mình khi chết chắc cũng giống như thế, do đó rất chán sợ muốn rời xa sự luân hồi. Lúc ấy có một thiếu niên cũng thấy xác vật chết mà sinh chán ghét nỗi khổ luân hồi như vị Tiên nhân. Cả hai cùng chán nỗi khổ luân hồi, nên đều siêng năng tu tập theo con đường giải thoát của chánh đạo. Vị Tiên nhân ấy chính là Ta, còn đồng tử kia chính là Da-xá. Cho nên ngày nay, Da-xá gặp ta, được nghe diệu pháp mầu, liền chứng quả La-hán.

Trưởng giả Câu-lê-ca cùng tất cả quyến thuộc nghe Đức Phật nói xong, rất vui mừng, tin tưởng thọ trì, rồi lễ Phật lui ra. Đức Thế Tôn cùng Thánh chúng cũng trở về vườn Lộc dã.

Trưởng giả Câu-lê-ca khi đó còn có bốn người con là Bố-la-nỗ, Vĩ-ma-la, Nga-tông-bát-đế và Tô-ma-hộc, thấy Da-xá theo Phật xuất gia chứng quả La-hán nên đều suy nghĩ: "Tại sao chúng ta còn quyến luyến với tham ái mà không tìm cầu nẻo giải thoát?" Lại nghĩ tiếp: "Nếu nay trong đời không có Bậc Vô Thượng Giác thì lấy ai mà nói pháp tối thượng. Thế thì chúng ta làm sao dứt được luân hồi. Nay đã gặp được Phật pháp, có được chánh tín, chúng ta nên cùng nhau rời gia đình, theo Da-xá để tìm giải thoát."

Nghĩ xong bốn anh em Bố-la-nỗ rời khỏi nhà đến nước Ba-la-nại, nơi Phật đang ở, cung kính lễ Phật rồi đứng sang bên thưa:

–Chúng con là con của trưởng giả Câu-lê-ca và là em của Da-xá, nay đến để xin được làm Sa-môn, mong Đức Phật thương xót chấp nhận.

Đức Thế Tôn sai các đệ tử cạo bỏ râu tóc cho họ, cho mặc ca-sa làm Sa-môn và nói pháp cho họ nghe. Đức Phật dạy:

–Này Bố-la-nỗ, các ông làm Sa-môn phải sống khổ hạnh, thu nhiếp tâm ý, đừng cho loạn động để cầu pháp chân thật, làm cho tâm đạt vô ngã thì sẽ hiểu rõ chân tướng của các pháp, hết sinh tử, dứt luân hồi, đạt đến giải thoát.

Khi ấy bốn anh em Bố-la-nỗ nghe Đức Phật dạy xong, khởi sinh chánh tín, dốc lòng siêng năng tu tập diệt trừ phiền não, đạt tâm giải thoát biết rõ: "Việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không còn tái sinh, vĩnh viễn dứt hẳn luân hồi", liền được chứng quả A-la-hán. Lúc ấy chúng đệ tử của Đức Phật đã có đúng mười vị đại A-la-hán.

Bấy giờ trong nước Ba-la-nại, có năm mươi chàng trai, con của các trưởng giả những tộc họ lớn, là bạn với các người con của trưởng giả Câu-lê-ca, bỗng nghe tin Da-xá cùng Bố-la-nỗ... đã theo Phật xuất gia, chứng được đạo quả, liền nghĩ: "Anh em Da-xá là con trưởng giả, thuộc dòng họ danh tiếng, giàu có không ai bằng, thông minh hơn người, dáng vẻ đoan nghiêm, ít kẻ sánh kịp, hưởng thụ sung sướng, không chút khổ não mà còn lìa bỏ gia đình để học đạo giải thoát, chúng ta lại còn luyến tiếc sao?" Suy nghĩ xong, các chàng trai con trưởng giả liền rời khỏi thành Ba-la-nại, đến chỗ Đức Phật, thành tâm đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một bên, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con là năm mươi người con của các trưởng giả, nay muốn xuất gia theo Phật để làm Sa-môn, xin Đức Phật từ bi thương mà chấp nhận.

Đức Phật nói:

–Lành thay! Những người con của các trưởng giả, nay đã đúng lúc các vị lìa bỏ gia đình để theo đạo pháp.

Nói xong, Đức Phật bảo các đệ tử giúp họ cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa rồi nhận họ vào hàng Sa-môn.

Đức Thế Tôn vì muốn họ chứng được đạo quả, nên dạy:

–Này những người con của các trưởng giả, các vị từ bỏ gia đình làm Sa-môn thì phải hết lòng tu tập khổ hạnh, thu nhiếp tâm ý, đừng cho loạn động để cầu chân lý, tâm trừ chấp ngã nhất định sẽ được liễu ngộ, chấm dứt cội nguồn sinh tử, mãi mãi không còn luân hồi, chắc chắn sẽ được giải thoát.

Các vị trưởng giả tử sau khi nghe lời Phật dạy, lòng tin thêm chân chính vững chắc, siêng năng tu tập, diệt được phiền não, đạt tâm giải thoát, biết rõ: "Việc làm đã xong, phạm hạnh đã thành, không còn tái sinh, đoạn trừ vĩnh viễn luân hồi"; tất cả đều chứng quả La-hán. Lúc ấy lần đầu tiên tại thế gian có được sáu mươi vị Đại La-hán.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nhìn các đệ tử rồi bảo:

–Ta từ vô lượng kiếp tới nay luôn siêng năng tinh tấn tu tập, đến nay được thành ngôi Chánh Giác, chính vì Ta đã giải trừ những trói buộc cho tất cả chúng sinh. Các ông hôm nay được nghe Ta giảng nói về chánh pháp, phiền não tiêu trừ, được giải thoát, có đầy đủ tam minh lục thông, thoát khỏi mọi ràng buộc ở cõi trời lẫn cõi người, có thể làm ruộng phước tốt nhất cho tất cả chúng sinh. Vậy các ông nên ra đi vì lòng từ bi, tùy duyên làm lợi ích, an vui cho thế gian.

Đức Phật vừa nói xong, lúc ấy có một tội ma tên Ma-nã-phược-ca, từ xa biết được hôm nay Sa-môn Cồ-đàm đã nói với các đệ tử nơi vườn Lộc dã: "Các ông đã thoát khỏi mọi ràng buộc của cõi trời và cõi người. Mỗi người nên ra đi tùy duyên làm lợi ích, đem lại an vui cho chúng sinh.", liền nghĩ: "Nay nếu ta không làm mê hoặc, rối loạn họ thì chắc chắn họ sẽ giáo hóa hết chúng sinh ở thế gian theo Phật." Tội ma liền biến thành thân người, trong chốc lát đã đến chỗ Phật, đứng trước Đức Phật nói kệ:

Giải thoát của Ngài không phải chân
Sa-môn không đạt giải thoát ấy
Tự thân Ngài còn bao trói buộc
Làm sao giải thoát được cho người.

Đức Thế Tôn biết tội ma đến muốn mê hoặc, làm rối loạn tâm ý, thầm nghĩ: "Ngươi chỉ tự tạo nghiệp, làm sao có thể phá được Ta", liền nói kệ:

Ta ở cõi trời cùng nhân gian
Đã giải thoát được các buộc ràng
Các La-hán cũng đều giải thoát
Tội ma các ngươi sao phá được.

Ma-nã-phược-ca nghe những lời ấy, biết Đức Phật đã rõ âm mưu của mình, bèn nghĩ là không thể nào nhiễu loạn được, nên hết sức đau khổ rồi biến mất.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo:

–Ta đã nói rằng các ông thoát khỏi mọi trói buộc trong cõi trời, người, vậy hãy thương chúng sinh mà đi truyền bá chánh pháp. Các ông nên mau lên đường!

Các vị La-hán tuân lời Phật dạy cùng nhau đảnh lễ, từ biệt Thế Tôn rồi lên đường du hóa.

Sau khi các vị La-hán đã rời khỏi vườn Nai, Đức Phật một mình đi đến vùng Tây-nẵng-dã-nhĩ, bên bờ hồ Ô-lô-vĩ-loa, nơi rừng Ca-la-ba-ta kinh hành rồi an tọa thiền định. Lúc ấy có sáu mươi người hiền ở trong

vùng thường cùng các kỹ nữ hằng ngày ca hát vui chơi. Một hôm, có một kỹ nữ đang trong cuộc vui bỗng sinh tâm chán nản, bỏ đi không biết về đâu. Sáu mươi người hiền vốn có căn lành, trong khi đi tìm cô gái ấy đã vào đến rừng Ca-la-ba-ta gặp Đức Thế Tôn đang ngồi tại một gốc cây. Tất cả họ đều vô cùng kinh ngạc, nói với nhau:

–Vị Sa-môn này thân hình như núi vàng sáng chói, diện mạo đoan chính, đầy đủ các tướng tốt, tôn quý không ai sánh bằng.

Họ đều ca ngợi hết lời rồi đến trước Đức Phật lên tiếng hỏi:

–Thưa Sa-môn, Ngài có thấy một người con gái đi ngang qua đây không?

Đức Phật đáp:

–Này các hiền giả, nơi đây vắng vẻ, không phải là chốn cho các cô gái đến dạo chơi. Các ông đến đây để tìm một cô gái, sao bằng tự kiếm chính mình.

Những người hiền ấy nghe Đức Phật nói thế liền tỉnh ngộ, biết rõ các lỗi lầm trước đây nên thưa với Phật:

–Chúng con vừa rồi đi tìm cô gái thật là lầm lạc, nay muốn tự tìm mình, xin Đức Phật thương mà chỉ dạy.

Đức Phật nói:

–Này các hiền giả, nếu các vị đã biết được như thế thì hãy ngồi xuống, Ta sẽ vì các vị mà nói pháp.

Tất cả họ liền lễ Phật rồi lui ra, ngồi qua một bên. Đức Phật dạy:

–Này các hiền giả, bố thí, trì giới là nguyên nhân được sinh lên cõi trời, tuy được hưởng vui sướng, nhưng không phải là hạnh phúc vĩnh viễn. Nếu muốn giải thoát thì phải dứt trừ phiền não, nhận thấy rõ con đường sinh tử.

Những người hiền vừa nghe xong những lời dạy ấy, lập tức các mê mờ, ngăn ngại đều được tiêu trừ, chú tâm tư duy và khởi lên niềm vui vô hạn. Đức Phật biết tâm họ đã chuyển biến nên tiếp theo, Ngài giảng rộng pháp Tứ thánh đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Tâm của các vị ấy như những chiếc áo trắng dễ nhuộm các màu, tùy theo căn cơ đều đạt được lợi ích. Ngay tại chỗ ngồi, họ đã chứng ngộ diệu lý của Tứ thánh đế, đạt được tri kiến chân chánh với các pháp, lòng tham dục tiêu trừ, không còn nghi hoặc, nhờ vậy nên đạt được Tứ vô úy. Họ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, kéo áo bày vai bên phải, chắp tay hướng về Đức Phật thưa:

–Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Thế Tôn từ bi chứng nhận cho chúng con được quy y Phật, Pháp, Tăng, từ nay cho đến trọn đời sẽ không sát sinh, nguyện giữ giới Ưu-bà-tắc.

Sáu mươi hiền giả sau khi được nghe Đức Phật thuyết pháp, vô cùng vui mừng đảnh lễ Phật và lui ra.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

QUYỂN 9

Sau khi độ sáu mươi hiền giả rồi, Đức Phật suy nghĩ: "Ai sẽ là người nên được hóa độ tiếp theo?" Ngài nhớ đến Nan-na và người con gái lớn cùng quyến thuộc của ông ở vùng Tây-nẵng-dã-nhĩ. Lúc còn tu khổ hạnh, Ngài có đi qua nhà họ và được họ cúng dường cháo sữa, mật ong, nay xét thấy căn duyên của họ đã thành thục, có thể hóa độ được. Nghĩ như thế nên sáng ngày mai, đến giờ ăn, Đức Thế Tôn ôm bình bát đi vào xóm Tây-nẵng-dã-nhĩ, tuần tự đi đến từng nhà để khất thực. Khi tới nhà Nan-na, ông ta và người con gái lớn cùng thân quyến thấy Đức Phật đến thì vô cùng vui mừng, liền vấn an Đức Phật:

–Quý hóa thay! Đức Thế Tôn, Thánh thể của Ngài có an vui không? Thỉnh Ngài từ bi vào nhà chúng con.

Đức Phật liền vào nhà. Nan-na sửa soạn chỗ ngồi cho Phật, rồi cùng con gái và quyến thuộc cung kính cúi đầu lễ dưới hai chân Đức Phật. Lễ xong họ đều ngồi sang một bên.

Bấy giờ Thế Tôn bèn vì họ mà thuyết pháp:

– Này Nan-na, các vị hãy lắng nghe cho kỹ, bố thí và giữ giới là nhân được sinh lên cõi trời, tuy hưởng vui sướng nhưng rồi hết phước, cuối cùng sẽ trở lại vòng luân hồi, vậy các ngươi phải dứt hết phiền não để tìm giải thoát.

Đức Phật lại giảng sâu rộng về lý của sự sinh diệt để họ liễu ngộ chân lý. Vì Nan-na căn duyên đã thành thục, nên nghe Đức Phật thuyết pháp thì những mê mờ ngăn ngại liền được tiêu trừ, chú tâm tư duy liền khởi lên niềm vui vô hạn. Đức Phật lại giảng rộng về Tứ thánh đế khiến Nan-na cùng con gái và quyến thuộc ngay tại chỗ ngồi đạt được trí tuệ, ngộ được lý của pháp Tứ đế, đoạn trừ các nghi hoặc, dứt hết tham ái, một lòng tin theo Phật pháp. Tất cả bèn đứng lên chắp tay, đảnh lễ Phật, thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, chúng con nay nhờ Phật nói pháp nên đạt được tri kiến chân thật. Nay chúng con nguyện quy y Phật, Pháp và Tăng-già, nguyện làm Phật tử cận sự suốt đời không sát sinh.

Lại bạch Phật:

–Đã đến giờ thọ trai, xin Đức Phật từ bi thọ nhận sự cúng dường của chúng con.

Đức Phật im lặng tỏ ý chấp nhận. Nan-na và quyến thuộc thấy thế biết Đức Phật đã chấp nhận, liền tự tay dâng lên Đức Phật các loại hương hoa, cùng các thức ăn uống. Sau khi Đức Phật thọ trai, súc miệng rửa mặt xong, Nan-na cùng quyến thuộc ngồi ở dưới để chờ nghe Phật nói pháp.

Đức Phật khéo léo dùng phương pháp thích hợp để giảng nói. Nan-na và quyến thuộc được nghe pháp đều hết sức vui mừng, cùng nhau lễ Phật và lui ra.

Sau khi hóa độ Nan-na và gia đình xong, Đức Phật suy nghĩ, muốn đến nước Ma-già-đà để tùy duyên làm lợi ích, đem lại an lạc cho chúng sinh. Bấy giờ trong nước Ma-già-đà có vị thầy tướng giỏi tên Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp, đã ba trăm tuổi, tự cho là đã đắc quả A-la-hán, sống ở gần bên sông Ni-liên. Chúng đệ tử thân cận có đến năm trăm người. Vua nước Ma-già-đà cùng quan lại, dân chúng đều cung kính cúng dường ông hơn bất cứ ai trên đời. Vô số người dân trong nước Ma-già-đà như bị mê hoặc nên xem Ô-lỗ-vĩ-loa như người dẫn đạo.

Mặc dù được vị đạo sĩ ấy hóa độ, nhưng không một ai được giải thoát. "Nay Ta sẽ hóa độ cho Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp và dân chúng nước đó khiến họ đạt được chánh đạo!" Đức Phật suy nghĩ như thế thì cũng vừa lúc Ngài đi tới chỗ ở của Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp, bên bờ sông Ni-liên thuộc nước Ma-già-đà. Khi ấy Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp chợt thấy Đức Phật đi tới chỗ mình lại thấy Phật có nhiều tướng tốt, oai đức khác thường, liền tiến lên nghênh tiếp, lòng càng thêm cung kính, hỏi Đức Phật:

–Quý hóa thay! Thưa Sa-môn, Ngài trước đây ở đâu mà nay bỗng nhiên đến đây?

Ô-lỗ-vĩ-loa vừa hỏi vừa lo sửa soạn chỗ ngồi để mời Thế Tôn an tọa. Đức Phật ngồi vào chỗ, đạo sĩ cũng ngồi vào và dùng những lời lẽ đẹp để thăm hỏi Thế Tôn. Đức Thế Tôn cũng dùng lời lẽ ôn tồn để khai mở đạo lý nhằm giáo hóa ông ta. Chuyện trò chưa hết, mặt trời đã ngã về Tây. Đức Phật nói:

–Trời đã về chiều, người có nơi nào yên tĩnh, cho Ta nghỉ qua một đêm?

Đạo sĩ đáp:

–Thưa Đại Sa-môn, các phòng đều có người cả, chỉ có một nơi yên tĩnh hợp với Đại Sa-môn, nhưng bên trong lại có con độc long, nếu ở đó sợ nó làm thương tổn đến Ngài, xin Ngài suy nghĩ.

Đức Phật bảo Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp:

–Xin ngài cho Ta được ở nơi ấy, chắc không hại gì.

Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp nói:

–Nếu có thể được, xin tùy ý Ngài.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền đến hang của độc long. Đức Phật rửa chân xong, rồi vào hang, tự tìm cỏ sạch trải làm chỗ ngồi rồi ngồi lên cỏ nhập vào chánh định.

Rồng độc bỗng thấy Đức Thế Tôn đang ngồi trong hang của nó, liền nỗi cơn phẫn nộ hóa ra khói và sương mù bao trùm cả bên trong và bên ngoài hang. Đức Phật dùng thần lực, cũng biến ra sương và khói. Rồng độc càng nổi giận, nên biến ra lửa cháy trong hang. Đức Phật cũng hóa lửa, cả hai thứ lửa càng bốc lên dữ dội bao trùm cả trong lẫn ngoài hang làm sáng rực cả một vùng. Đạo sĩ Ca-diếp mỗi đêm thường ra ngoài ngắm sao, bỗng thấy hang rồng lửa bốc cao ngất liền thương cảm, than thở:

–Khổ thay! Khổ thay! Vị Sa-môn đoan chính kia vì không nghe lời ta, lửa của độc long sáng mãnh liệt gấp bội ngày thường như thế chắc là ông ta bị hại rồi, thật là đáng tiếc!

Bấy giờ các đệ tử của Ca-diếp đều thấy ngọn lửa ấy, còn độc long thì biết là không thể hại được Thế Tôn, thân mình cũng đã mỏi mệt nên ngọn lửa ác kia cũng tự tiêu diệt. Đức Thế Tôn bèn thu hồi thần lực, hàng phục độc long thâu vào trong bình bát. Trời sáng Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp và các đệ tử đến hang rồng để xem xét, tới nơi thấy Đức Phật bình yên, liền thưa:

–Thưa Đại Sa-môn, đêm qua Ngài vẫn bình yên chứ?

Đức Phật đáp:

–Ta bình yên.

Lại hỏi:

–Ngài chứa gì trong bình bát vậy?

Đức Phật đáp:

–Đó là con rồng trong hang. Ông bảo là trong hang này có con độc long không ai dám ở, nay Ta đã hàng phục thu nó thâu vào trong bình bát. Ông hãy xem đi cho biết thật hư.

Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp thường coi mình tuổi cao đức lớn, tu hành khổ hạnh, học lực uyên bác, những điều hiểu biết không ai hơn mình, nay thấy

lửa rồng không hại được Thế Tôn, lại còn hàng phục con vật ấy thâu nó vào trong bát thì lên tiếng khen:

–Kỳ diệu thay! Vị Đại Sa-môn thật có uy đức lớn, điều đó thật ta chưa hề thấy. Ngài đúng là Đại Sa-môn, Đại Trượng Phu, một vị chân A-la-hán.

Đức Thế Tôn sau khi hàng phục độc long, qua ngày thứ hai. Ngài đi kinh hành một cách an lành dưới bóng cây gần nơi ở của Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp. Đêm đến có bốn vị Đại thiên vương xuống nghe Đức Phật thuyết pháp. Lúc ấy Ca-diếp thức dậy xem thiên văn, thấy trước chỗ Phật ngồi có bốn ngọn lửa lớn, liền nói với đệ tử:

–Vị Sa-môn kia cũng thờ lửa.

Các đệ tử hỏi:

–Sao thầy biết được?

Ca-diếp bảo:

–Vừa rồi ta ngắm thiên văn, thấy trước chỗ vị Sa-môn kia có bốn ngọn lửa lớn nên biết vị Sa-môn ấy chắc chắn cũng thờ lửa.

Trời mới sáng, Ca-diếp vội đến chỗ Đức Phật thưa:

–Thưa Đại Sa-môn, Ngài cũng thờ lửa chăng?

Đức Phật đáp:

–Ta không thờ lửa.

Ca-diếp hỏi:

–Đêm hôm rồi tôi ngắm thiên văn, thấy trước chỗ Ngài có bốn ngọn lửa lớn. Nếu Ngài không thờ lửa thì dùng ngọn lửa ấy để làm gì?

Đức Phật đáp:

–Không phải lửa đâu, ấy là bốn Đại thiên vương đến nghe Ta thuyết pháp, ánh sáng ấy là từ thân họ phát ra.

Ca-diếp giật mình nói:

–Kỳ diệu thay! Bậc Sa-môn đã tạo được việc ấy. Chắc là do Ngài có uy đức lớn, cảm được các vị Thiên vương nên họ mới đến nghe pháp. Phải chăng Ngài chính thật là A-la-hán?

Đến ngày thứ ba, vào lúc nửa đêm, vua trời Đế Thích xuống chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ nơi chân Phật rồi ngồi sang một bên. Đức Phật liền nói pháp cho Đế Thích. Đế Thích nghe được pháp ấy vô cùng vui mừng phấn khởi, lễ Phật rồi lui về thiên cung. Đêm ấy, Ca-diếp cũng ra xem thiên văn, thấy

dưới bóng cây, nơi chỗ Phật ngồi có một ngọn lửa thật lớn, ánh sáng rực rỡ như mặt trời mới mọc, bèn nói với các đệ tử:

–Chắc chắn vị Sa-môn kia theo thờ đạo lửa rồi.

Sáng ra, ông cùng các đệ tử đến chỗ Đức Phật thưa:

–Thưa Đại Sa-môn, đêm qua tôi xem thiên văn, lại thấy nơi chỗ Ngài có một ngọn lửa rực rỡ như mặt trời mới mọc. Tôi nay cho rằng Ngài nhất định thờ lửa.

Đức Phật bảo:

–Ta không thờ lửa. Đêm qua Đế Thích xuống đây nghe thuyết pháp, đó là ánh sáng nơi thân ông ta chiếu ra.

Ca-diếp khen:

–Kỳ diệu thay! Bậc Sa-môn có uy đức lớn, thật là điều chưa từng thấy. Tôi nay tin chắc Ngài cũng là vị La-hán.

Đến đêm thứ tư, Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp cũng ra ngoài ngắm sao, lại trông thấy trước chỗ ngồi của vị Sa-môn có ngọn lửa thật lớn, ánh sáng rực rỡ như mặt trời giữa trưa. Ca-diếp liền nói với chúng đệ tử:

–Đêm nay ta ra xem sao, thấy trước chỗ vị Sa-môn ngồi có ngọn lửa ánh sáng rực rỡ hơn những lần trước, như ánh mặt trời giữa trưa, xem như thế thì chắc vị Sa-môn ấy có thờ lửa.

Đến sáng Ca-diếp cũng lại tới chỗ Đức Phật, thưa:

–Đêm rồi tôi xem sao, thấy trước chỗ Ngài có ngọn lửa lớn, tôi tin chắc là Ngài thờ lửa.

Đức Phật đáp:

–Này Ca-diếp, Ta có cầu gì đâu mà cần đến lửa? Đêm qua vua trời Phạm thiên, chủ cõi Ta-bà đến ngồi trước Ta để nghe thuyết pháp, ánh sáng ông thấy là từ nơi thân tướng của Phạm thiên vương phát ra đó.

Ca-diếp lại khen ngợi:

–Vị Đại Sa-môn này có đủ uy đức lớn như vậy nên mới cảm được Phạm thiên vương đến nghe thuyết pháp! Thật là hy hữu! Tôi nay biết chắc là Ngài cũng đã chứng A-la-hán.

Đến ngày thứ năm, năm trăm đệ tử của Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp, đứng đầu là Ma-noa-phược-ca, mỗi người đều dùng ba chiếc lò để thờ lửa, tổng cộng là một ngàn năm trăm lò. Lúc ấy Đức Thế Tôn đang ở dưới bóng cây gần đó, lại gặp lúc các đệ tử của Ca-diếp đang dùng lửa để tế trời. Năm trăm người đó cứ theo nghi thức thường lệ mà nhóm lò, nhưng lửa không cháy, họ bèn đi báo với thầy, thưa:

–Thầy có biết không, hôm nay chúng con nhóm lò nhưng lửa không cháy, không biết vì nguyên nhân gì?

Ca-diếp suy nghĩ: "Việc này chắc là do vị Sa-môn kia đang ở gần đây, do uy lực của người chế phục nên sinh ra như vậy", liền cùng các đệ tử đến chỗ Đức Phật thưa:

–Thưa Bậc Đại Sa-môn, đệ tử tôi là Ma-noa-phược-ca cùng cả thảy năm trăm người, thường theo nghi thức dùng lửa tế trời, nhưng sáng hôm nay họ nhóm lửa mãi mà lửa không cháy, tôi ngờ là do uy lực của Sa-môn chế phục chăng?

Đức Phật nói:

–Ông muốn lửa cháy không?

Ca-diếp đáp:

–Muốn lửa cháy.

Đức Phật bảo:

–Ông về đi, tự nhiên lửa sẽ cháy.

Ca-diếp trở về thì thấy lửa đã cháy. Ca-diếp và các đệ tử đều khen ngợi:

–Vị Đại Sa-môn này có thần lực như thế, chắc cũng đã chứng được quả A-la-hán.

Họ dùng lửa tế rồi, muốn tắt lửa thì lửa không tắt, dùng đủ cách cũng không sao dập tắt lửa được. Ma-noa-phược-ca cùng các bạn liền đến chỗ thầy trình bày sự việc. Ca-diếp nói:

–Đây chắc cũng do vị Sa-môn kia chế phục.

Nói xong, họ liền cùng nhau đến chỗ Đức Phật thưa:

–Thưa Sa-môn, lửa tuy đã cháy rồi, nhưng nay lại không tắt được, phải chăng là do uy lực của Ngài chế phục?

Đức Phật hỏi:

–Ông muốn tắt lửa chăng?

Ca-diếp thưa:

–Muốn làm cho lửa tắt.

Đức Phật bảo:

–Các ông về đi, lửa sẽ tự tắt.

Ca-diếp trở về thì lửa đã tắt, nên cất lời khen ngợi:

–Vị Đại Sa-môn ấy có thần lực như vậy đúng cũng là một vị La-hán.

Đến ngày thứ sáu, Ô-lô-vĩ-loa Ca-diếp lại muốn dùng lửa tế trời, nhưng đốt không cháy, ông bèn nhập định nhằm khiến cho lửa cháy, nhưng lửa vẫn không cháy liền đến chỗ Đức Phật, thì sự việc lại cũng diễn ra như trước, đến khi muốn tắt thì cũng không sao tắt được và cũng lại đến chỗ Phật, rồi sự việc cũng diễn ra như vậy.

Sau khi lửa tắt, tro dồn chung một chỗ, bỗng sau đó tro lại bừng cháy, họ cùng nhau diệt lửa mà vẫn không sao dập tắt được. Lại đến bạch Đức Phật và sự việc cũng diễn ra như những lần trước. Ca-diếp kinh ngạc nghĩ: "Vị Sa-môn ấy có thần lực thật là kỳ diệu, ta muốn đốt lửa, lửa không cháy được, đến thưa thì lửa cháy. Ta muốn dập tắt lửa, lửa không chịu tắt, đến thưa thì lửa tắt. Rồi lửa lại bừng cháy, không sao tắt được, đến thưa thì lửa tự nhiên tắt. Uy lực của người thật lớn lao, thật là hy hữu! Vị ấy đúng là một vị La-hán."

Hôm sau, Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp muốn tổ chức bảy ngày hội theo pháp ngoại đạo. Vua nước Ma-già-đà cùng mọi người trong nước đều hay biết. Ca-diếp suy nghĩ: "Nay vị Đại Sa-môn đang ở gần đây, trước đây việc thờ lửa đã bị uy lực của người chế phục, nếu trong bảy ngày này, vị Sa-môn ấy không đến thì đại hội ta ắt thành. Nếu vị ấy đến ta e sẽ bị chế phục. Vả lại vị Sa-môn ấy tướng tốt, oai nghi vượt chúng, nếu mọi người trong nước được trông thấy thế, chắc họ sẽ bỏ ta mà theo người?" Vì việc đó nên Ca-diếp cứ mãi suy nghĩ. Đức Phật đã ngầm biết được nên trong bảy ngày ấy Ngài bèn đi du hóa nơi khác. Trong khoảng thời gian đó, Ca-diếp cùng các đệ tử không thấy Đức Phật đâu cả. Trong suốt bảy ngày hội, mọi người trong nước đem nhiều hương, hoa cùng của cải quý giá đến cúng dường. Khi lễ hội xong, Ca-diếp lại nghĩ: "Vị Đại Sa-môn kia trong bảy ngày qua không thấy đâu, ta nay thiết lễ được nhiều của cải. Nếu vị Sa-môn đến đây, ta sẽ cúng dường." Đức Phật biết được ý nghĩ của Ca-diếp nên trở lại. Ca-diếp thấy Đức Phật đến thì vô cùng vui mừng, nghĩ: "Vị Sa-môn này ta vừa nghĩ thì đã đến ngay", liền bạch Phật:

–Thưa Sa-môn, Ngài đã trở về!

Đức Phật đáp:

–Phải, Ta đã trở về.

Ca-diếp lại hỏi:

–Trong bảy ngày qua sao Ngài không tới?

Đức Phật nói:

–Ông đã suy nghĩ rằng trong bảy ngày mở pháp hội ấy, nếu vị Sa-môn kia đến thì sợ pháp không thành. Ta biết ý ông nên không tới. Nay ông

lại nghĩ rằng pháp hội đã xong, nếu Sa-môn đến thì ta sẽ cúng dường, Ta biết như thế nên đến đây.

Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Đại Sa-môn này phải là Bậc Đại Thánh nên biết được ý nghĩ của ta, chắc chắn Ngài là Bậc A-la-hán." Đức Phật và Ca-diếp chuyện trò xong, ai về chỗ nấy.

Sau đó, Ca-diếp với lòng thành kính, thanh tịnh sửa soạn một bữa ăn vô cùng thơm ngon, đợi đến ngày mai, đích thân đến bạch Phật:

–Bạch Sa-môn, tôi đã hết lòng sửa soạn bữa trai xong, xin Ngài đến chỗ tôi thọ nhận cúng dường.

Đức Phật nhận lời và nói:

–Ông về trước, Ta sẽ đến.

Ca-diếp đi rồi Đức Thế Tôn nhập Tam-ma-địa và chỉ trong chốc lát như khoảng thời gian người tráng sĩ co duỗi cánh tay, đã đến Nam thiệm-bộ châu hái đầy bát trái của cây Thiệm bộ rồi trở về trước cả Ca-diếp, ngồi kiết già trong tịnh thất của ông ta. Ca-diếp về đến, thấy Đức Phật đã tới trước mình nên kinh ngạc nói:

–Ngài đã đến rồi sao?

Đức Phật đáp:

–Ta đến từ lâu rồi.

Ca-diếp hỏi:

–Ngài theo đường nào đến đây?

Đức Phật đáp:

–Ta từ chỗ ở đi đến cõi Thiệm-bộ châu hái quả Thiệm-bộ rồi trở về đây.

Ca-diếp tán thán:

–Vị Đại Sa-môn quả thật có thần lực phi thường. Trong khoảng thời gian ngắn có thể đến đó hái quả đem về. Ngài đúng là vị A-la-hán vậy.

Đức Phật lấy quả Thiệm-bộ đưa cho Ca-diếp xem và hỏi Ca-diếp:

–Ông đã thấy quả này chưa?

Ca-diếp đáp:

–Tôi chưa hề thấy.

Đức Phật hỏi:

–Ông thích ăn không?

Ca-diếp đáp:

–Thích ăn.

Đức Phật bảo:

– Vậy ông cứ tự nhiên.

Ca-diếp ăn trái ấy khen là chưa từng có. Ăn xong, Ca-diếp tự thân dâng lên Phật những thức uống đã chuẩn bị sẵn. Đức Phật thọ thực xong, súc miệng rửa mặt và nói kệ chúc nguyện cho Ca-diếp, rồi Ngài trở về bên cội cây.

Ngày thứ hai, Ca-diếp đến thỉnh Phật thọ cúng dường. Như lần trước, Đức Phật nhập Tam-ma-địa đến xứ Phất-bà-đề hái quả Am-ma-la và về nơi ngụ của Ca-diếp trước.

Ngày thứ ba, sau khi nhận lời mời cúng dường của Ca-diếp, Phật cũng nhập định, đến Tây cù-đà châu hái quả Vĩ-loa-ca-bế-tha và quay về chỗ của Ca-diếp trước khi ông ta về tới.

Ngày thứ tư, Ca-diếp lại thỉnh Đức Phật đến cúng dường, lần này Đức Phật nhập định đến Bắc câu-lô châu lấy loại gạo tự nhiên đầy bát đem về, ngồi yên ổn nơi nhà của Ca-diếp, hồi lâu Ca-diếp mới về tới.

Ca-diếp hỏi:

–Ngài đến từ con đường nào?

Đức Phật đáp:

–Ta vừa đi tới Bắc câu-lô châu lấy cơm của thứ gạo tự nhiên đầy bát đem về đây.

Ca-diếp lại khen Phật là vị Đại Sa-môn có thần thông kỳ diệu. Đức Phật hỏi Ca-diếp có thích thứ cơm của loại gạo tự nhiên lấy từ Bắc câu-lô châu về không, Ca-diếp trả lời là thích ăn. Đức Phật bảo:

–Ông cứ tự nhiên.

Ca-diếp ăn xong khen ngon chưa từng thấy, rồi dâng thức ăn đã nấu xong lên Đức Phật. Đức Phật thọ thực xong, súc miệng, rửa tay, nói kệ chúc nguyện Ca-diếp rồi về nơi cội cây.

Hôm sau, Đức Phật ôm bình bát lên cõi trời Tứ Thiên vương, đến thẳng cung Đao-lợi nhận món Thiên tô *(loại sữa đặc biệt)* trở về cội cây thọ trai. Thọ thực xong, Đức Phật nghĩ tới nước để rửa. Vua trời Đế Thích biết ý nên đến bạch Phật:

–Ngài cần nước chăng?

Đức Phật đáp:

–Ta cần nước.

Đế Thích trông thấy bên cạnh có cái ao khô, liền chỉ ngón tay xuống ao, lập tức nước vọt lên đầy ao trong trẻo, thơm sạch để Phật có nước sử dụng. Công việc hoàn tất, Đế Thích liền trở về thiên cung.

Ca-diếp đến nơi bỗng thấy chiếc ao cạn khô nước từ lâu, hôm nay lại tràn ngập nước không biết từ đâu đến nên vô cùng ngạc nhiên vội vàng đến chỗ Đức Phật thưa:

–Thưa Bậc Đại Sa-môn, ao này đã khô nước từ lâu, sao nay nước từ đâu đến mà đầy tràn như vậy?

Đức Phật đáp:

–Hôm nay Ta ăn xong, không có nước rửa, Đế Thích biết việc ấy nên vì Ta mà đến làm cho ao có nước.

Ca-diếp khen:

–Thật là chưa từng có! Lên trời lấy thức ăn, nước có Đế Thích làm ra, Ngài có năng lực chiêu cảm đến trời như thế, thật đúng là vị A-la-hán.

Ca-diếp liền đặt tên cho ao là Bá-nĩ-khưu-đa.

Sau đó, Đức Phật xuống ao tắm. Trên bờ ao có cội cổ thụ tên là A-tổ-la-nẵng, Phật mắc áo ca-sa trên cây. Ca-diếp đến thấy áo mắc ở đó biết là Phật xuống ao tắm liền tới xem Đức Phật tắm. Tắm xong lên bờ, Đức Phật đưa tay lên thì cành cây tự sà thấp xuống. Ca-diếp thấy thế càng kinh ngạc khen thầm: "Vị Đại Sa-môn này thật khó nghĩ bàn, cảm hóa được cả cây cối vô tri, chắc Ngài đã chứng quả La-hán rồi."

Sau khi tắm, Đức Phật muốn giặt y, nghĩ cần một tảng đá. Đế Thích biết ý liền đến bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, Ngài cần tảng đá để giặt chăng?

Đức Phật đáp:

–Phải, Ta cần.

Đế Thích liền lệnh cho các thần Dạ-xoa trên núi chọn sửa một tảng đá vuông vức đem đến bên ao để Phật giặt áo. Giặt xong, Đức Phật lại muốn có chỗ để phơi, Đế Thích lại truyền Dạ-xoa mang đến một tảng đá đặt bên bờ ao để Đức Phật phơi áo.

Ca-diếp lại đến bên bờ ao thấy tự nhiên có tảng đá nên rất kinh ngạc, nghĩ: "Bờ ao trước đây không có đá, sao nay lại có?", bèn bạch Đức Phật:

–Thưa Đại Sa-môn, các tảng đá trên bờ ao do đâu mà có?

Đức Phật trả lời:

–Vì Ta muốn có các tảng đá để giặt và phơi ca-sa, nên Đế Thích đã cho đem đến đấy.

Ca-diếp khen:

–Vị Đại Sa-môn này làm những điều ít có trên đời, chắc là đã chứng quả A-la-hán rồi, sở chứng của Ngài hơn hẳn ta.

Đức Phật biết tâm của Ca-diếp như có điều tỉnh ngộ, nên với ý định tìm mọi cách như hiện ra những điều lạ để thức tỉnh Ca-diếp đi vào chánh đạo, Đức Phật liền biến nước sông Ni-liên bỗng dâng tràn lên, hai bên bờ sông đều ngập nước, những nơi như triền dốc, ao hồ khô cạn, bây giờ đầy ắp nước, nơi Phật ở là trung tâm làn nước mênh mông ấy. Đức Phật lại dùng thần lực làm nước chảy vòng quanh chỗ Ngài, bốn mặt như là bức tường nước, còn ở giữa thì khô ráo. Ca-diếp thấy nước dâng nhiều như thế, nghĩ: "Nơi ở của vị Đại Sa-môn kia chắc là bị ngập cả", nên vội chèo thuyền đến nơi, nhưng thấy Đức Thế Tôn đi kinh hành dưới bóng cây, chỗ ấy hoàn toàn khô ráo, lại bị bức tường nước ngăn không sao đưa thuyền qua được, kinh ngạc vô cùng, từ xa lên tiếng hỏi:

–Thưa Sa-môn, Ngài vẫn an ổn chứ? Có lo sợ gì không?

Đức Phật đáp:

–Ta không có gì lo sợ cả, phiền ông thăm hỏi.

Ca-diếp thầm nghĩ: "Vị Sa-môn này có nhiều thần thông, sao lại không đi khỏi nơi ấy", bèn hỏi Phật:

–Ngài muốn lên thuyền để rời khỏi nơi đó không?

Đức Phật đáp:

–Muốn rời khỏi.

Ca-diếp nói:

–Nếu muốn rời khỏi thì Ngài hãy tự lên thuyền đi.

Đức Phật dùng thần lực, tức khắc vào ngồi kiết già trong thuyền. Ca-diếp thấy Phật đã ngồi trong thuyền rồi mà không biết Ngài lên thuyền bằng cách nào, thầm nghĩ: "Vị Sa-môn này là Bậc Đại Trượng Phu, có đại uy lực nên mới có thần thông như vậy. Ta cũng chứng La-hán nhưng không bằng chỗ chứng ngộ như Ngài." Đức Phật biết Ca-diếp đã hồi tâm, liền nói:

–Ngươi nói đã chứng A-la-hán, nhưng thật ra người chưa chứng.

Ca-diếp bỗng nghe Đức Thế Tôn nói như thế, kinh hãi, lông tóc dựng đứng, tự trách lỗi mình: "Vị Đại Sa-môn này biết tất cả mọi việc của ta. Nay ta nên tôn Ngài làm Thầy để tiến tu đạo hạnh." Nghĩ thế rồi Ca-diếp liền bạch Phật:

–Thưa Đại Sa-môn, Ngài đã biết mọi ý nghĩ của con, nay con muốn xuất gia theo chánh pháp, làm đệ tử, học hỏi lời dạy của Ngài để tu trì phạm hạnh, xin Ngài thương mà chiếu cố chấp nhận cho.

Đức Phật biết Ca-diếp đã đến lúc có thể giác ngộ, lại muốn dùng phương tiện để hóa độ đệ tử của ông, nên nói với Ca-diếp:

–Ông muốn theo Ta xuất gia làm Sa-môn, nhưng có cho tất cả đệ tử ông biết không?

Ca-diếp thưa:

–Các đệ tử chưa biết.

Đức Phật nói:

–Ông là thầy của họ, không nên vội vàng mà phải về bàn với các đệ tử, nếu tất cả bằng lòng thì lại đến đây.

Trời còn sớm, Ca-diếp theo lời Phật dạy vội trở về cùng với Ma-noa-phược-ca và chúng đệ tử họp tại một chỗ rồi nói:

–Vị Đại Sa-môn kia tướng tốt lạ thường, thần thông không ai sánh kịp, mọi ý nghĩ, việc làm của Ngài chư Thiên đều biết, có vị đến nghe thuyết pháp, có vị biết Ngài cần gì thì liền đến giúp đỡ. Thấy những biến hóa của Ngài ta đây thật không bằng. Nay ta muốn xuất gia tôn Ngài làm Thầy để tiến tu đạo hạnh, ta đã quyết định rồi, các người thì thế nào cứ suy nghĩ rồi nói thật với ta.

Ma-noa-phược-ca thưa với thầy:

–Đầu tiên vị Đại Sa-môn hàng phục được rồng độc, thần thông lạ thường, biết được ý nghĩ của người khác, mọi người đều chứng kiến. Tất cả những gì chúng con học được đều do thầy truyền, thế mà thầy không bằng Bậc Sa-môn kia thì chúng con còn nói gì nữa. Nếu như thầy đã quyết chí xuất gia, chúng con nguyện đi theo. Nếu thầy đạt đạo xin cứu độ chúng con. Tất cả chúng con đã một lòng quyết tâm, nay nên đi ngay chớ để lỡ dịp.

Ca-diếp biết các đệ tử đều chí thành xuất gia, liền bảo họ đem hết những dụng cụ thờ lửa, các chiếc áo bằng da nai, bằng vỏ cây, tịnh bình, gậy, giày bằng da thú... bỏ hết xuống sông Ni-liên để tỏ quyết tâm không trở về con đường cũ nữa. Sau khi xong thầy trò cùng nhau đến chỗ Đức Phật đảnh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi sang một bên.

Đức Thế Tôn hỏi Ca-diếp:

–Ông đã đến?

Ca-diếp đáp:

–Nay con cùng các đệ tử đều muốn xuất gia tu học theo pháp của Ngài.

Đức Phật đã biết nhưng lại hỏi:

–Các đệ tử của ông đều thành tâm cả chứ?

Ca-diếp thưa:

–Con và các đệ tử đều một lòng thành, cúi xin Ngài thương xót cứu độ.

Đức Phật yên lặng tỏ ý chấp nhận họ làm Sa-môn và nói:

–Từ nay các ông mới thật là xuất gia, mới thật có phạm hạnh, mới thật là Sa-môn vận áo ca-sa.

Bấy giờ Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp thân khoác áo ca-sa đúng hình tướng của một Sa-môn, nghe Phật dạy:

–Nay ông mới thật là kẻ xuất gia, mới thật là có phạm hạnh.

Ca-diếp tự thân vui mừng, tâm tự ngã liền trừ diệt hoàn toàn, lại khởi lên suy nghĩ: "Xưa các Đại tiên thường nói, thế gian ít khi có Phật xuất hiện làm hưng thịnh cho đời. Đức Phật đã đạt Nhất thiết trí, đã đạt giác ngộ hoàn toàn. Ngài là Bậc Đại Thánh có năng lực đem lại lợi ích, an vui cho tất cả thế gian từ cõi trời đến cõi người." Lúc trước, ban đêm ta ra xem thiên văn, thấy có ngọn lửa lớn, nghĩ là Ngài thờ lửa cùng đạo với ta, hóa ra là Phạm vương, Đế Thích cùng Tứ Thiên vương đến nghe thuyết pháp, chỉ điều đó thôi thì Ngài đã là Đại Thánh rồi. Ngài không phải là Thánh thì còn ai là Thánh?"

Từ đó Ca-diếp không gọi Phật là Sa-môn mà gọi Ngài là Thế Tôn.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

QUYỂN 10

Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp có hai người em trai là Nẵng-đề Ca-diếp và Nga-da Ca-diếp, mỗi người có hai trăm năm mươi đệ tử và đều cư ngụ bên bờ vùng hạ lưu sông Ni-liên. Các học trò đều siêng năng tu tập theo pháp thức của thầy.

Một hôm, hai vị Ca-diếp ấy bỗng trông thấy những dụng cụ thờ lửa, những áo da nai, áo bằng vỏ cây, tịnh bình, gậy, giày bằng da thú của người anh trôi trên sông Ni-liên, họ rất ngạc nhiên, suy nghĩ: "Anh của ta đắc tội với vua chăng, hay bị nạn cướp, nạn nước, lửa? Vì có bị các nạn ấy mới không thể tu hành, nếu không thì sao các dụng cụ thờ lửa lại bị bỏ trôi sông như thế?"

Lúc ấy hai người suy nghĩ, bàn luận mãi về việc dị thường ấy và quyết định cùng nhau đi tìm anh. Họ đến chỗ ở của người anh, không thấy Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp và các đệ tử ở đó, chỉ thấy phòng ốc vắng vẻ, trống trơn. Hai người càng thêm hoang mang buồn bã bèn đi hỏi thăm, những người láng giềng cho biết là Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp đã bỏ đạo tiên, dẫn các đệ tử đến quy y vị Sa-môn, còn ra sao nữa thì họ không rõ, nên thân hành đến đó tìm hiểu xem.

Hai anh em Ca-diếp được tin ấy bèn nói với nhau:

–Ta nghe nói có vị Sa-môn tới ở gần đây và có nhiều quyền phép kỳ diệu, các hành đông, oai nghi của vị ấy đều khác người thường, có thể anh của ta và các đệ tử đã đến đó rồi. Nếu quả thật như thế thì đúng là việc vô cùng hy hữu. Nay chúng ta hãy tới đó để xem thật hư thế nào.

Hai người cùng nhau đến chỗ Đức Phật liền thấy người anh Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp cùng các đệ tử đều vận ca-sa với hình dáng Sa-môn đang ngồi trước Phật, chăm chú nghe pháp. Thấy thế hai người thất kinh, lông tóc dựng đứng, chân như thể không bước được.

Đức Phật thấy Nẵng-đề và Nga-da đến tìm anh, lại đứng ngây người ra không bước được, liền bảo Ô-lỗ-vĩ-loa tới đón hai em. Hai người thấy anh mình đến liền bước vội tới, quỳ lạy và hỏi:

–Anh đã lớn tuổi, đức hạnh cao, tu hành lâu năm, học rộng biết nhiều, đời không ai bằng. Vua nước Ma-già-đà và các quan đại thần cùng chúng dân đều cho anh là đã chứng quả La-hán, thường đem thức ăn, hương hoa, y phục và nhiều báu vật đến cúng dường. Anh dạy điều gì họ cũng nghe theo, sao hôm nay bỗng bỏ đạo mình mà theo đạo người khác. Xưa nay chúng em tu tập theo lời truyền dạy của anh, cho đến các đệ tử cũng không bỏ theo đường lối nào khác. Nay anh lại từ bỏ con đường tu tập của mình, thì chúng em làm sao giữ đạo được? Chúng em rất hoang mang, nghi ngờ vậy xin anh chỉ dạy cho.

Nói xong hai người em đều đứng sang một bên. Ô-lỗ-vĩ-loa nói với hai người em Nẵng-đề và Nga-da:

–Trước khi có Phật, thế gian giống như đêm tối, con người không có đôi mắt tuệ nên không thấy đường dễ rơi vào hang hố. Trước đây anh tu khổ hạnh, thờ lửa để cầu chứng Thánh quả, lại đem đạo ấy dạy lại các em, cho rằng không đạo nào hơn được, rồi tự cho là đã chứng quả A-la-hán, may có vị Đại Sa-môn, tức Đức Phật Thế Tôn, thân cao một trượng sáu, sắc vàng rực rỡ, tướng tốt đầy đủ, uy đức vô cùng. Vì Ngài thương anh nên đến ở gần, mọi động tỉnh của Ngài chư Thiên đều biết, có cả Tứ Thiên vương, Phạm thiên, Đế Thích đến nghe pháp. Ngài lại có thần túc thông chỉ trong khoảnh khắc đã đi khắp bốn châu thiên hạ, lại lên cung trời nhận thức ăn về..., tất cả đều nhằm để khai thị cho anh, lại biết anh chưa chứng quả A-la-hán. Qua những điều đó ta thấy đức ta không bằng, nên tỉnh ngộ trước để khỏi hối hận về sau. Thế là anh cùng các đệ tử xin xuất gia, Ngài thương chúng ta nên chấp nhận cho mặc pháp phục làm Tăng-già. Ta không báo trước cho các em thật ta có lỗi.

Bấy giờ Nẵng-đề và Nga-da căn duyên đã thuần thục, nghe xong liền khởi sinh lòng tin với Đức Phật, trong lòng buồn vui lẫn lộn, liền nói với anh:

–Chúng em tu hành là do anh dạy, nay anh xuất gia, chúng em cũng xin đi theo. Nếu không có Phật ra đời làm sao nghe được chánh pháp, chúng em dù tuổi đã già cũng mong được giải thoát.

Ô-lỗ-vĩ-loa nói:

–Quý hóa thay! Nay đã đúng lúc.

Nẵng-đề và Nga-da đến lễ Phật, rồi đứng sang một bên thưa:

–Bạch Thế Tôn, anh của chúng con là Ô-lỗ-vĩ-loa trước là thầy chúng con, nay đã xuất gia làm Sa-môn, nên chúng con cũng muốn xuất gia, xin Phật thương mà cứu độ.

Đức Phật bằng lòng, nhưng muốn hóa độ luôn số đệ tử của hai người, nên bảo:

–Các đệ tử của ông đã biết chưa?

Hai người thưa:

–Chưa biết.

Phật bảo:

–Các ông hãy nói rõ với họ rồi đến đây, Ta sẽ nhận cho xuất gia.

Hai người vâng lời Phật, mỗi người trở về tập hợp các đệ tử của mình lại bảo:

–Các ngươi có biết không, có một vị Đại Sa-môn gọi là Phật đã đến ở chỗ của anh ta, hiện nhiều thần thông và tướng lạ để khai thị cho anh ta, lại dùng uy lực chế phục anh ta, làm anh ta tỉnh ngộ biết đạo pháp mình không bằng, nên đã đem tất cả đệ tử đến xin xuất gia Phật. Vì thấy những dụng cụ thờ lửa trôi trên sông, nên chúng ta đã đến tìm hiểu và tới chỗ Phật. Đến nơi ta đã thấy anh ta và các đệ tử vận ca-sa thành Sa-môn đang ngồi chăm chú nghe thuyết pháp. Khi thấy việc ấy, lúc đầu ta vô cùng kinh hãi, sững sờ. Anh ta ra đón và cho biết đầy đủ mọi việc nên ta đã xin xuất gia, nhưng nghĩ đến các ngươi nên phải về nói lại cho hay. Các ngươi nghĩ thế nào cứ thật lòng cho ta biết.

Các đệ tử liền thưa:

–Chúng con theo học với thầy, thầy dạy gì đều nghe theo, nay thầy xuất gia theo Phật, chúng con sao dám bảo thủ đạo của mình. Chúng con cũng nguyện xin theo.

Lúc ấy Nẵng-đề Ca-diếp và Nga-da Ca-diếp liền đem tất cả đệ tử đến đảnh lễ Phật, rồi đứng lên chờ nghe Phật dạy. Đức Phật hỏi hai người:

–Các ông đã đến rồi sao?

Hai người đáp:

–Chúng con và các đệ tử đồng đến lễ Phật cầu xin được xuất gia, theo chánh pháp, vâng giữ giới luật, tu trì phạm hạnh. Xin Đức Phật từ bi chấp thuận.

Đức Phật thâu nhận họ làm Sa-môn. Ngài dạy:

–Hôm nay các ông mới thật là xuất gia, mới thật có phạm hạnh.

Các vị ấy nghe thế vui mừng khôn xiết, mỗi vị đều đảnh lễ, nhiễu quanh Phật và đứng sang một bên chiêm ngưỡng Ngài.

Lúc ấy giờ, sau khi độ ba anh em Ca-diếp và một ngàn vị Tỳ-kheo xong, Đức Phật liền cùng họ rời khỏi nơi đó, lên đỉnh núi Nga-da kinh

hành. Đến nơi, Đức Phật vì các vị Tỳ-kheo làm ba việc: Một là thị hiện thần thông, hai là thuyết pháp và ba là điều phục tâm họ. Lúc ấy Thế Tôn nhập chánh định, hiện thần thông, biến ra các tướng trạng, biến mất ở chỗ ngồi hiện ra nơi hư không phương Đông với bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, thân phóng năm sắc hào quang xanh, vàng, trắng, đỏ và hồng. Thân trên Phật hóa lửa, thân dưới hóa nước, hoặc ngược lại. Đức Phật lại hiện ra ở các phương Tây, Nam, Bắc cũng với các biến tướng ấy và chỉ trong khoảnh khắc, lại trở về chỗ ngồi. Đức Phật lại vì các vị Tỳ-kheo thuyết pháp, Ngài dạy:

–Trong lòng các ông đối với các pháp điều nào còn nghi, điều nào hết nghi, điều nào nhớ, điều nào không nhớ, phiền não đã diệt, hay chưa diệt, trong những pháp ấy hãy chọn mà quyết tâm tu tập.

Đức Phật lại nói tiếp:

–Các ông cần biết: Nhãn thức do duyên tham luyến với các sắc, do tiếp xúc với sắc nên tâm phát sinh, do đó mà có khổ, vui, không khổ, không vui, cho đến thức của các căn tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng đều như vậy. Này các Tỳ-kheo, lửa tham thế nào thì sân, si cũng thế, do đó mà có luân hồi cùng sinh lão bệnh tử, lo buồn khổ đau. Này các Tỳ-kheo, ba thứ lửa ấy thịnh lên là do cái ta mà ra, muốn diệt ba thứ lửa kia thì phải trừ ngã chấp, ngã chấp không có thì ba thứ lửa kia tự nhiên không còn, từ đó sự luân hồi và tất cả khổ đau trong ba cõi tự nhiên chấm dứt.

Lúc ấy ba anh em Ca-diếp cùng một ngàn vị Tỳ-kheo được Phật thị hiện các thần thông và giảng nói chánh pháp, nên dứt trừ phiền não, đạt tâm giải thoát, mọi việc cần làm đã làm xong, trút được gánh nặng, dứt được luân hồi và đều chứng quả La-hán.

Đức Phật sau khi độ ba vị Ca-diếp cùng một ngàn vị đệ tử của họ chứng được quả vị A-la-hán, thì vua Dân-di-ta-la, các vị đại thần cùng dân chúng đều biết được Đức Phật và hơn ngàn vị đệ tử đang ở tại đỉnh núi Nga-da. Lúc ấy có một vị quan đại thần tâu với vua:

–Thần nghe gần đây dân chúng thường bàn rằng dòng họ Thích có sinh một người con trai. Khi mới sinh vị ấy đã có đầy đủ tướng tốt, thầy tướng đoán là sau này sẽ lên ngôi Chuyển luân thánh vương cai trị bốn châu thiên hạ, dùng chánh pháp để dạy dân hành thập thiện, lại có đầy đủ bảy thứ báu, có một ngàn người con tướng mạo đẹp tốt tuyệt trần, có nhiều oai lực, đâu đâu cũng phải hàng phục, còn nếu xuất gia thì sẽ thành Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thần nghe như thế nên xin trình tâu hết lên bệ hạ. Xin bệ hạ sớm tìm kế trừ diệt đi để tránh tai họa về sau.

Bấy giờ vua Dân-di-ta-la, những lúc ngự ở chánh điện thường nghĩ mơ ước năm điều: Một là có Đức Phật xuất hiện ở thế gian. Hai là sớm được đến chỗ Đức Phật đảnh lễ, chiêm ngưỡng và vui theo những công đức của Ngài. Ba là được nghe thuyết pháp. Bốn là nghe thuyết pháp thì liền được liễu ngộ. Năm là được Đức Phật truyền giới rồi hết lòng giữ giới. Đang mơ ước như thế, bỗng nghe quan đại thần tâu như vậy trong lòng đau xót, một lúc sau mới cất tiếng bảo:

–Ngươi là kẻ ngu si nên sinh tâm ác độc đối với Như Lai, thật là một kẻ đại ngu. Hãy đi đi, chớ nói nữa!

Vị quan kia biết vua không chịu nghe lời tâu nên sợ sệt, xấu hổ đi ra. Vua Dân-di-ta-la nhìn các quan chung quanh, thấy một vị đại thần có nhiều phước tướng và trí tuệ nên truyền lệnh cho vị ấy:

–Ngươi hãy đến đỉnh núi Nga-da, nơi Đức Thế Tôn đang ở, thay mặt ta cung kính bạch Thế Tôn rằng vua Dân-di-ta-la xin cung kính cúi đầu đảnh lễ Đức Thế Tôn, gởi lời vấn an sức khỏe, cầu cho Thế Tôn tâm thể an lành, mọi việc điều an vui và kính thỉnh Thế Tôn giáng lâm kinh thành thọ sự cúng dường, để ta và nhân dân trong nước được nhiều lợi lạc, nguyện xin Thế Tôn và chư Thánh chúng từ bi chấp nhận cho. Ta sẽ trọn đời dâng cúng thực phẩm, thuốc men, y Tăng-già-lê và tất cả các vật dụng khác, nguyện xin Thế Tôn và Thánh chúng từ bi không ngại lao khó quang lâm. Bạch như thế xong, ngươi hãy cung kính đảnh lễ nơi chân Phật và chờ nghe lời Ngài dạy.

Vị đại thần vâng lời vua tìm tới chỗ Đức Phật tâu bày mọi việc đúng như nhà vua truyền. Khi đảnh lễ xong, thấy Đức Thế Tôn im lặng, vị sứ giả biết Phật đã hứa nên vui mừng đảnh lễ, nhiễu quanh Đức Thế Tôn rồi từ tạ trở về triều.

Vua Dân-di-ta-la nghe sứ giả trở về, liền ngự lên điện. Vua tôi chào nhau xong, nhà vua hỏi sứ giả:

–Đức Thế Tôn có nhận lời mời không?

Sứ thần tâu:

–Thần thừa lệnh nhà vua lên Nga-da sơn thỉnh Đức Phật và chúng Tăng, trình những lời của vua lên Phật. Ngài lặng im chấp nhận, chắc chắn là Phật sẽ giáng lâm.

Vua liền truyền lệnh các quan cận thần lo dọn sửa cung điện cho sạch sẽ, trang nghiêm, cả đến thành hào, đường xá đều được dọn dẹp, lại bày các thứ hương thơm, hoa quý để chuẩn bị đón tiếp Đức Phật.

Bấy giờ Đức Phật cùng các đệ tử lớn tuổi như ba anh em Ca-diếp, cùng một ngàn vị La-hán từ núi Nga-da đến vương thành. Cách thành không xa có ngôi tháp ở khu Trượng lâm, Đức Phật và Thánh chúng dừng lại nghỉ nơi tháp đó. Vua Dân-di-ta-la nghe tin Đức Phật đã tới Trượng lâm tháp liền sai chuẩn bị xa giá có người hầu hạ, rồi vua cùng quyến thuộc cùng quần thần ra khỏi thành đến nơi Đức Phật dừng chân. Vừa ra khỏi cung không xa, xe vua bị rơi vào hố không đi tới được. Vua nghĩ: "Chắc đời trước ta đã tạo nghiệp bất thiện nên nay mới gặp sự cố này." Vua vừa nghĩ như vậy thì nghe trong không trung có tiếng nói:

–Không phải đời trước vua làm điều bất thiện mà vì hiện tại còn có nhiều tù nhân bị giam cầm trong tù ngục. Đó là nguyên nhân khiến xe bị sụp hố.

Vua nghe tiếng nói từ không trung, biết là do các vị Thánh hiền dạy bảo nên rất vui mừng, liền sai quan đi đến tất cả nhà lao, tù nhân tội nặng nhẹ lần lượt được ân xá. Xe đi tới cửa thành, bỗng mũ vua đội bị hư rách, vua lại nghĩ: "Nhất định kiếp trước ta làm điều bất thiện nên nay có nhiều việc chẳng lành xảy ra." Hiền thánh từ không trung lại nói:

–Không phải đời trước vua làm điều chẳng lành mà là hiện tại trong khi tha tù nhân, chỉ tha tù tội nhẹ, còn tù tội nặng tuy còn sống nhưng lại đày nơi khác. Mũ bị hư rách là vì cớ ấy.

Vua nghe thế liền sai quan đi khắp nơi, truyền ân xá cho tất cả. Tù nhân được thả vui mừng vô cùng và đều ca ngợi đạo đức của nhà vua. Lúc ấy vua cùng những người hầu cận và quyến thuộc đi trên một vạn hai ngàn cỗ xe, những người Bà-la-môn, trưởng giả và dân chúng trong nước thì đi trên trăm ngàn chiếc xe khác, tất cả đều rời khỏi thành, đến nơi Đức Phật đang ngự. Khi tới tháp Trượng lâm, nơi vườn hoa, vua hái năm đóa hoa Ca-câu-la rồi tự tay cầm hoa đi đến chỗ Phật. Lúc gần đến vua xuống xe đi bộ, cho dẹp hết những đồ nghi trượng như cờ lọng, kiếm kích... Đến trước Đức Phật, vua trịch áo bày vai bên phải, chắp tay hướng Phật, ba lần tự xưng:

–Con là vua Dân-di-ta-la.

Đức Phật cũng ba lần trả lời:

–Đúng vậy! Đúng vậy!

Vua dâng năm đóa hoa rồi cúi đầu lễ dưới chân Phật, dùng những lời tốt đẹp nhất tán thán Đức Phật. Đức Thế Tôn mời vua ngồi. Sau khi vua an tọa, vương quyến và những vị Bà-la-môn, các trưởng giả cùng chúng dân lần lượt lễ Phật, đều vui mừng vô cùng. Mỗi người nói kệ ca ngợi Thế Tôn xong liền đứng sang một bên.

Ô-lỗ-vĩ-loa Ca-diếp, trước đây đã từng được vua, các quan đại thần và dân chúng rất tôn kính, nay lại thành Sa-môn đứng hầu bên Phật, nhà vua và dân chúng không ai là không ngạc nhiên. Có người nghĩ: "Trưởng lão Ca-diếp thờ lửa, tu hành khổ hạnh lâu năm, trí tuệ đạo đức hơn người, nay lại ở đây khiến chúng ta thắc mắc là Ca-diếp hóa độ Như Lai hay Như Lai hóa độ Ca-diếp?"

Đức Phật ngầm biết những thắc mắc ấy, liền bảo Ca-diếp:

– Đến lúc ông nên cho họ thấy sở đắc của mình.

Ca-diếp vâng lời Đức Phật, ngay tại chỗ ngồi nhập chánh định, rồi biến mất hiện sang phương Đông với bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, từ thân phóng ra hào quang rực sáng gồm năm màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, các màu xen nhau, hoặc trong như pha lê, lại biến thân trên hóa nước, thân dưới hóa lửa, hoặc ngược lại. Phương Nam, phương Tây cho đến phương Bắc đều biến hóa như thế. Hiện thần thông xong, trong chốc lát Ca-diếp trở về chỗ ngồi, chắp tay hướng Phật, nói kệ:

Con vốn tu hành
Theo đạo thờ lửa
Trải qua nhiều năm
Siêng năng lao khổ
Lòng thường tự nhủ
Đã chứng La-hán
Chấp ngã còn nhiều
Không thể giải thoát.
Phật vì từ bi
Nên đến cứu độ
Làm lửa không cháy
Cháy rồi không tắt.
Lúc đầu cứ tưởng
Cùng đạo thờ lửa
Phật nói: Không cần
Dùng lửa làm chi
Khắp cả trời người
Không gì luyến ái.
Con lập pháp hội
Vì muốn lợi dưỡng
Muốn đến không đến
Đều biết ý con.

Phật đến bốn châu
Cũng ở cõi trời
Hái trái lấy cơm
Đều cho con nếm.
Con cố thờ lửa
Mê mờ chánh đạo
Như người đui mù
Hoặc như người chết
Không hay biết gì
Chắc bị đọa lạc.
Đức Đại Mâu-ni
Giống như rồng lớn
Rải mây tinh tấn
Rưới nước Cam lộ
Lợi ích tất cả
Hữu tình vô tình.
Con muốn giải thoát
Xin làm Sa-môn
Ân Phật từ bi
Nói pháp thanh tịnh
Dạy pháp tối thượng
Khiến con liễu ngộ.
Con nay mới thật
Chứng A-la-hán
Phật là thầy con
Con là đệ tử.
Các ngươi nên biết
Chớ nên hoài nghi
Những lời thành thật
Nên hết lòng tin.

Nói kệ xong Ca-diếp đảnh lễ Đức Phật rồi trở về chỗ ngồi. Lúc ấy vua và mọi người mới biết Ca-diếp là đệ tử của Đức Phật. Bấy giờ Đức Phật biết mọi người trong chúng đã hết nghi ngờ, thắc mắc nên bảo vua:

–Ta nay sẽ vì vua mà nói những pháp quan trọng. Vua nên lắng nghe, suy nghĩ cho kỹ.

Đức Phật lại nói tiếp:

–Này Đại vương, Đại vương nên biết rằng sắc thân của Đại vương có sinh thì có diệt, nên quán sát kỹ hai tướng sinh diệt cho thật rõ ràng và cần quán thọ, tưởng, hành, thức cùng giống như sắc uẩn. Này các thiện nam tử, nếu các vị có thể liễu ngộ được các uẩn là sinh diệt thì lại cần nội quán kỹ tính không sinh diệt. Nếu các vị có thể tuệ quán rõ tính không sinh diệt của sắc thì sẽ biết thọ, tưởng, hành, thức cũng không sinh diệt. Này các thiện nam tử, sắc, thọ, tưởng, hành, thức vốn không sinh diệt, không đến, không đi. Nếu liễu ngộ được thật tướng không sinh không diệt, không đến, không đi của các pháp thì cũng không được chấp thủ vào tính không sinh, không diệt, không đến, không đi ấy. Thưa Đại vương, nếu đã biết rõ tướng như thật của các pháp rồi thì sẽ đạt được vô số a-tăng-kỳ các pháp tịch diệt.

Lúc ấy tất cả chúng hội, từ các vị Bà-la-môn, các trưởng giả cho đến dân chúng đều sinh tâm niệm nghi ngờ, thắc mắc: "Nay Thế Tôn nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức vốn là không thì sao lại có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng Bố-nại-nga-la, tướng Ma-noa-phược-ca, tướng của người chủ, tướng của người thừa hành…? Nếu các tướng ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả… đều không thì sao biết được nhân quả của chúng sinh khi làm điều thiện hay bất thiện, bỏ thân này rồi lại đến với thân khác?"

Đức Thế Tôn biết những suy nghĩ thắc mắc trong chúng, liền nói với Ca-diếp và chúng Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo, thấy có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả… thì đó chính là cái thấy sai lạc của hàng phàm phu, vô trí. Nếu có tri kiến như thế thì sẽ nhận lấy sự khổ. Nếu biết khổ đã sinh thì phải cầu diệt khổ. Này các Tỳ-kheo, vô số các pháp nhân quả hữu vi đều chính từ những hạt giống âm thầm phát sinh, Ta đều đã nhận biết rõ, nay muốn cho chúng sinh cũng như Ta thấu đạt được sự sinh diệt của các pháp. Này các Tỳ-kheo, tuệ nhãn của Phật sáng suốt hơn cả chư Thiên nhiều. Những chúng sinh có tướng tốt, xấu, sinh nơi sang, hèn, muốn làm điều lành hay điều ác theo nghiệp của họ, tất cả Ta đều thấu rõ. Các nghiệp của chúng sinh có thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, khái quát thì chúng sinh có tà kiến sẽ sinh tà nghiệp, hoặc hủy báng Phật pháp. Vì những nghiệp ấy mà sau khi chết bị đọa vào những đường dữ, chịu bao nỗi khổ. Này các Tỳ-kheo, nếu chúng sinh nào ở thân khẩu tạo nên nghiệp lành, có đủ chánh kiến, chánh hạnh, chánh nghiệp và thường ngợi ca Phật pháp, do có thiện hạnh như thế nên khi lâm chung sẽ sinh cõi trời Thiện Thệ. Này các Tỳ-kheo, Ta có tri kiến như thật, không có gì mà không biết, biết rõ tướng ngã,

tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả, tướng Ma-noa-phược-ca, cho đến tướng người chủ và người thừa hành…, hoặc gây ra nhân quả về nghiệp thiện nghiệp ác, rời bỏ thân này tìm đến thân khác, tất cả những việc đó chẳng gì là thật có. Ta đã từng nói tất cả pháp nhân quả hữu vi đều có nguyên nhân sinh ra thì cũng có nguyên nhân mà tiêu diệt. Nhân đó là duyên với vô minh sinh ra hành, duyên với hành sinh ra thức, duyên với thức sinh danh sắc, duyên với danh sắc sinh lục nhập, duyên với lục nhập sinh xúc, duyên với xúc sinh thọ, duyên với thọ sinh ái, duyên với ái sinh thủ, duyên với thủ sinh hữu, hữu là nhân của sinh, sinh là nhân của lão tử, lo buồn đau khổ. Vì do một nguyên nhân mà bao nỗi khổ sinh ra. Này các Tỳ-kheo, nếu diệt được nguyên nhân ấy thì khổ sẽ không còn, tức là vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì lão tử, lo buồn đau khổ không còn nữa, như thế toàn bộ khổ uẩn đều diệt. Này các Tỳ-kheo, do nhân của Tập diệt nên khổ đau sẽ tự diệt, dứt hết đau khổ chính là Niết-bàn an vui. Lại nữa, nếu tướng ngã dứt được thì không còn nguyên nhân sinh ra khổ tức không còn luân hồi. Nếu biết cái khổ là không có thì diệt cái gì? Đó là đạt được sự dừng dứt dòng nhân quả kia, đạt được sự thanh tịnh trong lành, xa rời tất cả mọi vướng mắc của khái niệm đạt, chính là Niết-bàn.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

QUYỂN 11

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn hỏi vua Dân-di-ta-la:

–Vua xem sắc là thường còn hay không thường còn?

Vua đáp:

–Không thường còn.

Đức Phật hỏi:

–Là khổ hay không khổ?

Vua đáp:

–Là khổ.

Đức Phật lại hỏi:

–Các uẩn khác thọ, tưởng, hành, thức có thường còn không? Có khổ không?

Vua đáp:

–Là không thường còn, là khổ.

Đức Phật dạy:

–Sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường, là khổ, là pháp điên đảo; tất cả chúng đều vô ngã.

Đức Phật lại bảo nhà vua:

–Thưa Đại vương, Đại vương hãy dùng trí tuệ chân chánh quán sát kỹ sự thật này. Đó là Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có quá khứ, hiện tại và vị lai không? Có trong thân hay ngoài thân, là thô hay tế, có tính sang hay hèn, ở xa hay ở gần?

Vua đáp:

–Bạch Thế Tôn, Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng không ở trong thân hay ở ngoài thân, không thô cũng không tế, không sang cũng không hèn, không ở xa cũng không ở gần.

Đức Phật nói:

–Quý hóa thay! Đại vương, nếu biết rõ như thật năm uẩn là vô thường, khổ, vô ngã và dùng chánh trí để quán niệm sẽ biết rõ năm uẩn không có quá khứ, hiện tại hay vị lai cho đến không có tính trong, ngoài, trên, dưới, sang, hèn, to, nhỏ... lại không chấp trước, không xả bỏ, đó mới thật sự là giải thoát. Này Đại vương, người được giải thoát như vậy là người có trí tuệ giải thoát, đã thành tựu Phạm hạnh, mọi việc cần làm đã làm xong, đã tận diệt tái sinh, vĩnh viễn không còn rơi vào vòng luân hồi nữa.

Nghe những lời Phật dạy, vua Dân-di-ta-la cùng tám vạn chúng gồm trời, người đều lìa xa trần cấu, đạt pháp nhãn tịnh. Cả những người Bà-la-môn, trưởng giả và dân chúng gồm một trăm ngàn người cũng đều lìa khỏi mọi cấu uế và đạt pháp nhãn thanh tịnh. Nhà vua đã đạt chân tri kiến và nguyện một lòng giữ gìn, dứt mọi tham ái, không còn nghi hoặc, lòng tin vững bền, bèn đứng lên trịch áo, bày vai bên phải chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn, lòng con hoàn toàn tin theo Phật, Pháp và chư Tăng, quyết giữ giới của người cận sự, mãi mãi không sát sinh. Nay con xin cung thỉnh Đức Thế Tôn hãy ở lại nơi nước chúng con, để chúng con có thể cúng dường Phật và chư Thánh chúng mọi thứ như các thứ ăn uống, giường nằm, thuốc men chữa bệnh, không bao giờ để thiếu, cho đến trọn đời.

Đức Phật yên lặng chấp nhận. Được Phật chấp nhận vua Dân-di-ta-la vô cùng vui mừng, liền đảnh lễ Phật, nhiễu quanh người rồi lui ra.

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo thấy vua Dân-di-ta-la nghe Đức Phật thuyết pháp liền được viễn ly trần cấu, đạt pháp nhãn thanh tịnh ngay khi chưa rời khỏi chỗ ngồi, nên có ý thắc mắc: "Vì sao nhà vua vừa được gặp Phật, nghe pháp lập tức chứng năm pháp nhãn thanh tịnh, từ bỏ trần cấu?." Đức Phật biết điều ấy bèn dạy:

–Này các Tỳ-kheo, vua Dân-di-ta-la trong quá khứ đã từng làm những điều thiện lớn nên ngày nay hưởng được quả. Nay làm thân người, vua có đầy đủ mọi phước đức đều do nhân quả cảm ứng từ quá khứ. Này các Tỳ-kheo, đất, nước, gió, lửa khi đã hợp rồi thì năm uẩn, sáu căn tất cả xấu tốt đều tùy thuộc vào nghiệp thiện, ác của chúng sinh mà đều có quả báo.

Lúc ấy Thế Tôn nói kệ:

Điều chúng sinh đã làm
Lành dữ trải trăm kiếp
Nghiệp nhân không thể hoại
Cuối cùng thọ quả báo.

Này các Tỳ-kheo, trong đời quá khứ có Đức Phật ra đời hiệu là A-la-nẵng-tỳ với đủ mười tôn hiệu, là Đạo Sư của trời người. Sau khi duyên hóa độ đã mãn, Đức Phật vào Niết-bàn, các đệ tử thu xá-lợi rồi chọn nơi thanh tịnh lập tháp, dùng đủ các loại hương thơm hoa quý để cúng dường.

Trải qua một thời gian dài, sau đó, có vị Chuyển luân thánh vương ra đời, hiệu là Yết-lý-kế, có đến mười tám câu-chi quân lính, vua thường cùng quân lính bay trong không trung để tuần thám, mỗi lần như vậy đều có bảy thứ báu đi trước. Ngày kia, vua và quân lính đang đi tuần trên không, thì bỗng không đi tới được nữa, vua bèn nghĩ cho là phước báo của mình đã hết nên mới như thế. Liền đó, có vị thần trong không trung thưa: "Tâu Đại vương, không phải là ngài hết phước mà vì bên dưới có tháp thờ xá-lợi của Đức Phật A-la-nẵng-tỳ, nên ngài không thể đi tới được nữa."

Vua Yết-lý-kế và mười tám câu-chi quân lính liền cùng hạ xuống đến chỗ tháp Phật, rồi cùng những thân thuộc dùng áo vải tốt lau chùi tháp ấy sạch sẽ, rải hoa, đốt hương, tấu nhạc để cúng dường, lễ tháp Phật và phát lời nguyện: "Từ công đức hôm nay, xin được hưởng quả đời sau."

Này các Tỳ-kheo, các ông nghĩ sao? Vua Yết-lý-kế và quyến thuộc ngày trước chính là vua Dân-di-ta-la và quyến thuộc của nhà vua hiện nay. Vì công đức cúng dường tháp Phật A-la-nẵng-tỳ thời ấy mà vua Dân-di-ta-la đã được hưởng phước báo an vui ở cõi trời và cõi người, trải qua trăm ngàn ức kiếp và cũng từ sức thệ nguyện ấy mà nay gặp Ta rồi cúng dường, công đức này so với việc cúng dường tháp Phật ngày xưa bằng nhau không khác. Này các Tỳ-kheo, tất cả chúng sinh kẻ nào gây nghiệp ác đều có quả báo dữ, gây nghiệp thiện thì mới được hưởng phước lành, kẻ gây tạp nghiệp thì cũng như thế. Tạo nhân nào sẽ được quả nấy, luật nhân quả này, các thầy Tỳ-kheo cần phải biết và hãy vì chúng sinh mà giảng nói.

Bấy giờ các vị Tỳ-kheo trong chúng hội thấy vua Dân-di-ta-la nghe pháp mà được viễn ly trần cấu, lại được nghe Đức Phật giảng về việc làm trong quá khứ của vua liền hiểu rõ, nhưng lại thắc mắc về việc Đức Phật hiện thần thông để giáo hóa Tôn giả Ô-lỗ-vĩ-loa đắc đạo, nhưng đối với Nẵng-đề và Nga-da thì Đức Phật chỉ thuyết pháp mà hai vị ấy được chứng quả. Họ đem điều thắc mắc ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

–Hễ gây nhân thì có quả, điều đó không sai. Trong tiền kiếp, vào thuở loài người sống hai vạn tuổi, có Đức Phật ra đời hiệu là Ca-diếp với đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Ca-diếp cũng ở vườn Lộc dã nước Ba-la-nại

mà hóa độ chúng sinh. Khi nhân duyên đã mãn, Phật vào Niết-bàn. Lúc ấy có vị vua tên là Yết-lý-kế thường cung kính cúng dường Phật. Khi Đức Phật Ca-diếp nhập diệt, vua dùng các loại gỗ thơm làm lễ trà tỳ, dùng nước thơm dập tắt lửa, thu xá-lợi đặt vào trong bình tứ bảo, rồi chọn nơi thanh tịnh để lập tháp, tháp ấy cao đến một do-tuần, vua và nhân dân thường đến cúng dường. Khi đó, có một trưởng giả trong nước giàu sang sánh ngang với vị Thiên vương Tỳ-sa-môn, quyến thuộc đông đảo và sống an vui, kết bạn với một trưởng giả thuộc một dòng họ khác và cũng thường cúng dường tháp Phật. Sau đó trưởng giả cưới vợ và sinh được ba người con trai. Khi trưởng giả già lâm bệnh rồi qua đời, ba người con dùng lễ chôn cha nơi Thi lâm, thương nhớ công ân của cha khiến ngày đêm họ khóc mãi, lại nghĩ nhà mình giàu có nên cùng nhau bàn luận tìm cách làm phước để cứu độ vong linh của cha. Người anh cả tánh tình bỏn xẻn, từ trước tới nay chưa hề biết làm việc thiện nên hơi tiếc của, nghe bố thí làm phước thì do dự, nhưng vì chữ hiếu sau cùng chấp nhận. Người anh nói: "Cúng dường xong, còn thì chia nhau thọ dụng."

Hai người em vâng chịu, liền dùng vàng bạc của cải đến chỗ tháp Phật, dùng hình thức cúng dường tối thượng, rồi phát lời thệ nguyện: "Do căn lành này trong tương lai chúng con sẽ được sinh vào dòng tộc mang họ Ca-diếp của Đức Phật, lại gặp được Đức Phật ra đời, được nghe pháp, tin hiểu pháp và được giác ngộ." Phát nguyện xong, họ lễ bái, nhiễu quanh tháp và trở về. Do đó, mà nay ba vị ấy có họ Ca-diếp, rồi gặp Ta xuất gia thành Sa-môn, nghe được chánh pháp liền chứng quả A-la-hán. Này các Tỳ-kheo, việc Ô-lỗ-vĩ-la lúc đầu ông ấy khó cảm hóa, Ta phải dùng phương tiện thần thông để giác ngộ là vì ngày xưa khi bố thí, ông ấy còn hơi do dự nên nay như thế. Hai ông Nẵng-đề và Nga-da dễ hóa độ, nghe pháp liền được giác ngộ, vì kiếp xưa khi làm việc bố thí tâm hồn họ trong sáng, vui vẻ. Này các Tỳ-kheo, do lời nguyện xưa nên nay Ô-lỗ-vĩ-la, Nẵng-đề và Nga-da đều mang họ Ca-diếp, làm anh em với nhau, được gặp Ta, nghe pháp và chứng quả. Đó là những việc về đời quá khứ của ba anh em Ca-diếp.

Sau khi giảng rõ về quá khứ của anh em Ca-diếp xong, Đức Phật cùng Thánh chúng rời khu Trượng lâm hướng về thành Vương xá. Được một đoạn, Đức Phật dừng lại nơi khu đất cách thành không xa. Vua Dân-di-ta-la biết Đức Phật đến gần, muốn lập tinh xá để Đức Phật và chúng Tăng an trụ tu tập lâu dài ở đây.

Lúc vua còn là Thái tử thường ra ngoài thành dạo chơi, gần thành có một khu vườn cây cối xanh tươi, mát mẻ, lại có suối ao trong sạch, bốn mùa hoa cỏ tốt tươi. Thái tử thích cảnh ấy nên hỏi mua, người chủ vườn cây mình già lão, lại giàu có nên Thái tử nói mấy ông cũng không bán, lại còn nói:

–Tôi thà rời khỏi nước này chứ không rời khu vườn đó.

Thái tử nghe thế bèn nói với người hầu cận:

–Ông lão này nói năng không khiêm tốn gì cả. Nếu ta được nối ngôi vua sẽ không bỏ qua việc này.

Sau khi vua cha Ma-ha-bát-nạp-ma qua đời, Thái tử lên ngôi hiệu là Dân-di-ta-la, nhớ lại việc xưa nên sai quân đến chiếm khu vườn ấy, ông trưởng giả kia do đó buồn rầu phát bệnh mà chết. Vị trưởng giả ấy chết rồi mà lòng uất hận không nguôi nên đầu thai làm con rắn độc ở tại khu vườn đó để chờ dịp báo oán.

Ngày kia, nhân tiết xuân, vua cùng cung tần đến dạo chơi nơi vườn ấy. Vì vui chơi mỏi mệt nên vua bèn ngủ lại trong vườn. Rắn độc thấy dịp báo thù đã đến, liền ra khỏi hang muốn đến mổ vua. Lúc ấy các cung tần còn dạo chơi, bên vua chỉ có một người lính cầm kiếm đứng hầu. Khi đó có con chim Ca-lan-na-ca thường ăn uống bay lượn trong vườn, thấy rắn xuất hiện liền kêu vang lên, người lính hầu nhìn ra thấy rắn độc bò đến bèn vung gươm giết chết. Đàn chim lại kêu lên inh ỏi khiến vua tỉnh giấc. Vua hỏi người hầu việc gì huyên náo như vậy. Người lính hầu thuật việc rắn độc định vào cắn nhà vua, chim Ca-lan-na-ca kêu vang nên đã kịp thời giết chết rắn. Vua nghe việc đó hoảng sợ, lông tóc dựng đứng, liền cho triệu Thái tử và các đại thần bàn về việc ấy. Vua hỏi:

–Theo tục lệ xưa nay, khi vua bị nạn có người cứu mạng được phải thưởng thế nào?

Vị đại thần tâu:

–Người cứu mạng sống của vua có thể được thưởng nửa lãnh thổ của nước.

Vua chuẩn tấu, chia phân nửa vương quốc để thưởng công cho chim. Nhưng vị đại thần lại tâu:

–Ca-lan-na-ca là loài chim, vậy chia đất đai cho chúng làm gì?

Vua hỏi:

–Thế thì phải làm sao?

Vị đại thần tâu:

–Nơi chim thường làm tổ, ta cho trồng nhiều trúc để chúng ở và truyền lệnh không cho kẻ nào được làm hại chúng.

Vua nghe theo, liền chọn một khu đất bên ngoài vườn hoa kia rồi cho trồng nhiều trúc để chim Ca-lan-na-ca có nơi trú ngụ yên ổn và lệnh cho người canh giữ không để ai làm hại chúng.

Bấy giờ vua có người cậu tu theo đạo tiên, muốn tìm nơi yên tỉnh để tu tập. Vua cho vào ở tạm khu rừng trúc đó, nhưng khi thấy Đức Thế Tôn cùng Thánh chúng đang nghỉ dưới cội cây nơi khu đất trống, nhà vua liền nảy ý định lập tinh xá nơi vườn trúc Ca-lan-na-ca. Nghĩ thế nên vua liền lên xa giá tự đến chỗ Phật, đến nơi vua lễ Phật rồi đứng sang một bên.

Đức Phật bèn dùng phương tiện khéo léo giảng cho vua nghe khiến vua vô cùng hoan hỷ. Đức Phật khuyên vua nên tinh tấn tu tập để cầu đạt an lạc tối thượng. Vua cúi đầu vui vẻ tuân theo và từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai bên phải, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay con xin thỉnh Phật và Thánh chúng ngày mai vào cung để chúng con cúng dường mong Phật từ bi chấp nhận.

Đức Phật yên lặng tỏ ý nhận lời. Nhà vua biết Đức Phật đã nhận lời nên vô cùng hoan hỷ, đảnh lễ rồi trở về cung.

Về đến triều, vua truyền lệnh các quan hãy chuẩn bị những thức ăn ngon, quý và thanh tịnh để mai cúng dường Đức Phật cùng Thánh chúng. Vua cũng truyền lệnh làm sạch sẽ trong, ngoài thành và những con đường trong thành.

Sáng ngày, vua sai sứ đến bạch Phật:

–Trai thực đã sửa soạn xong, thỉnh Đức Phật cùng Thánh chúng quang lâm.

Lúc ấy Đức Phật và một ngàn vị La-hán khoác y bưng bát, từ từ đi vào cung. Nhà vua tay nâng lư hương đứng ở cửa ngoài, chờ nghênh đón Đức Phật. Đức Phật và Thánh chúng đến, vua thỉnh vào chỗ ngồi rồi vua cùng quyến thuộc chiêm ngưỡng, lễ bái, sau đấy dâng thức ăn cùng hương hoa và vui vẻ cúng dường.

Đức Phật và các vị La-hán thọ trai, rửa tay xong, nhà vua và quyến thuộc tỏ ý muốn nghe thuyết pháp. Đức Phật liền giảng dạy, mọi người chăm chú lắng nghe xong hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Khi đó vua rời chỗ ngồi chắp tay thưa với Phật:

–Nay con muốn dùng khu rừng trúc Ca-lan-na-ca để lập tinh xá làm nơi cư trú của Đức Phật và chư Thánh Tăng, xin Phật từ bi nạp thọ.

Đức Phật im lặng, vua biết Đức Phật đã chấp nhận liền dùng nước trong bình vàng đem rửa tay Phật, rồi sửa sang nơi ấy để Đức Phật và Thánh chúng nghỉ ngơi. Tinh xá Ca-lan-na-ca được thành lập trong dịp này.

Sau đó, vì muốn đem lại lợi ích cho chúng sinh, nên Đức Phật cùng thánh chúng rời vườn trúc Ca-lan-na-ca đến khu Hàn lâm (khu rừng dùng để bỏ xác người chết), kinh hành, tĩnh tọa. Bấy giờ trong thành Vương xá có một vị trưởng giả đã thỉnh Phật và các Thánh Tăng ngày mai đến nhà ông thọ cúng đường. Do vậy mà đêm ấy, họ hàng thân quyến cho đến người hầu trong nhà trưởng giả đều thức khuya chuẩn bị mọi thứ để mai cúng dường Phật.

Khi ấy trưởng giả Cấp Cô Độc nhân có việc đi đến thành Vương xá, lúc đi ngang qua nhà vị trưởng giả kia thì trời tối, nên ghé vào xin nghỉ. Đêm ấy, Cấp Cô Độc thấy cả nhà vị trưởng giả kia đều thức khuya, sửa soạn những thức ăn ngon quý cùng hương hoa, thì lấy làm lạ, hỏi chủ nhà:

–Nhà ngài sắp mời đức vua hay các đại thần, hoặc có lễ gì mà mọi người thức khuya chuẩn bị như thế?

Trưởng giả đáp:

–Tôi không mời đức vua hay các vị đại thần, nhà tôi cũng không có lễ hội gì cả, chỉ vì hiện nay Đức Phật đã ra đời, Ngài và một ngàn Thánh chúng đang du hóa ở nước này. Từ nhà vua đến các quan cùng dân chúng đều tin theo và lần lượt xin được cúng dường. Ngày mai nhà tôi thỉnh Đức Phật và Thánh chúng đến thọ trai, nên mọi người phải thức khuya để chuẩn bị.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe thế rất ngạc nhiên, liền hỏi:

–Sao gọi là Phật?

Vị trưởng giả đáp:

–Vua Tịnh Phạn thuộc dòng họ Thích sinh vị Thái tử tên là Tất-đạt-đa có đủ phước tướng của một vị Chuyển luân thánh vương, nhưng Thái tử đã bỏ ngôi báu xuất gia tu tập khổ hạnh và đã chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là Phật.

Lại hỏi:

–Còn sao gọi là Thánh chúng?

Đáp:

–Đó là những người xuất gia theo Phật, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, nghe pháp tu tập rồi chứng quả vị La-hán. Họ là những vị thiện nam xuất thân từ hàng quý tộc Sát-đế-lợi, hàng Bà-la-môn, cho tới giới thương nhân,

lao động, có tất cả một ngàn vị, đó là Thánh chúng. Ngày mai, nhà chúng tôi sẽ cúng dường Đức Phật và các vị Thánh Tăng ấy.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe được việc đó, bỗng nhiên rất cảm động, vui mừng bèn hỏi tiếp:

–Làm thế nào tôi có thể gặp Đức Phật và Thánh chúng?

Vị trưởng giả kia đáp:

–Ngày mai, Đức Phật và thánh chúng sẽ đến đây thọ trai, thì ngài sẽ được gặp.

Tuy nghe thế, nhưng vì quá hâm mộ, nên không đợi đến sáng mà ngay trong đêm ấy trưởng giả Cấp Cô Độc tìm đến chỗ Phật, lại gặp đêm trời có trăng sáng nên rất thuận lợi cho việc đi tới Hàn lâm. Nhưng khi vừa đi đến cửa thành thì trăng bị mây che khuất, trưởng giả thấy trời tối mù mịt, trong lòng sinh lo sợ, đứng lại suy nghĩ: "Chẳng lẽ có loài phi nhân nào ngăn cản ta sao?" Vì nghĩ thế, nên ông muốn quay về. Khi ấy có vị Thiên thần lên tiếng:

–Này trưởng giả, hãy đi tới, đừng e ngại, chắc chắn sẽ có điều tốt đẹp chứ không có điều xấu ác đâu! Vì sao vậy? Bởi vì, nếu như có trăm chiếc xe, trăm con ngựa được trang điểm lộng lẫy toàn những đồ quý giá, ai thấy cũng ưa thích và nếu có người đem những xe ngựa ấy bố thí thì công đức đó không bằng một phần mười sáu của công đức người đến gần Phật một bước chân. Lại như có trăm thớt voi quý được trang sức toàn bằng đồ châu báu cùng với trăm mỹ nữ cũng được trang sức toàn vàng, ngọc, châu báu đem bố thí hết, thì công đức ấy cũng không thể bằng một phần mười sáu của việc bước đến gần Phật một bước.

Nói xong, vị Thiên thần dùng ánh sáng nơi thân mình soi sáng con đường từ cửa thành đến rừng Hàn lâm tỏ rõ như trăng rằm. Trưởng giả Cấp Cô Độc lên tiếng hỏi:

–Không biết vị Thánh thần nào đã giúp đỡ tôi như thế?

Vị Thiên thần đáp:

–Ta trước kia là mẹ của Tôn giả Xá-lợi-phất, tên là Nại-nga-la, sau khi qua đời được sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương và có hiệu là Ma-độ-ta-kiện-đà-ma-noa-phược-ca, hiện đang trông coi cửa thành này. Xin trưởng giả chớ nghi ngại, cứ việc đi tới, nhất định sẽ có điều lợi ích.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nghe xong liền khen sự việc hôm nay thật là hy hữu và quyết tâm đến với Phật, không còn nghi ngại gì nữa. Ông thầm nghĩ: "Nếu không có Bậc Chánh Giác xuất hiện ở đời thì biết bao giờ ta

mới nghe được chánh pháp tối thượng.” Nghĩ thế và nhờ có ánh sáng kia nên trưởng giả mạnh dạn đi thẳng vào khu Hàn lâm, nơi Đức Thế Tôn đang ngự. Lúc bấy giờ Đức Phật đang kinh hành bên ngoài khu rừng. Thấy được tướng tốt trang nghiêm thật khác thường của Phật, trưởng giả liền chắp tay thưa:

–Ngài có phải Đức Thế Tôn không?

Đức Phật đáp:

–Đúng vậy.

Trưởng giả biết là Đức Phật nên vui mừng vô cùng và bạch tiếp:

–Trong đời có người nào ngủ được yên giấc không?

Đức Phật nói kệ trả lời trưởng giả:

Nếu tâm người vắng lặng
Nhất định ngủ an giấc
Tâm bị dục lạc trói
Phiền não không dứt được.
Trừ tham dục, phiền não
Giải thoát khỏi buộc ràng
Điều phục được tâm ý
Chắc chắn ngủ an giấc.

Nói kệ dạy trưởng giả xong, Đức Phật cùng trưởng giả đi vào rừng. Thế Tôn ngồi lên tòa, trưởng giả cung kính đảnh lễ Phật rồi ngồi sang một bên chờ nghe Phật giảng pháp. Đức Phật dạy trưởng giả:

–Bố thí, giữ giới được sinh lên cõi trời, tuy hưởng phước báo vui sướng của năm dục nhưng không dứt được luân hồi, muốn dứt luân hồi thì phải diệt phiền não.

Đức Phật lại giảng rộng về các pháp thiện, ác, trưởng giả nghe Phật giảng rõ, lại nhờ có sẵn thiện căn nên chú tâm tư duy, những mê mờ ngăn che tâm trí đều tan biến, lòng vui mừng vô hạn. Đức Phật biết được tâm của trưởng giả như thế nên giảng tiếp về Tứ thánh đế. Trưởng giả ngay tại chỗ ngồi thấu tỏ được bốn chân lý, tâm trí khác nào tấm vải trắng nên dễ nhuộm các màu sắc, các pháp nhiễm hoặc trong tâm trước đây đều biến thành tịnh pháp.

Sau khi có chánh tri kiến với Phật pháp, lòng trưởng giả không còn nghi hoặc, có đức tin kiên cố với Tam bảo, liền đứng dậy trịch áo, bày vai bên phải, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn, nay con xin quy y Phật, Pháp và Tăng-già, nguyện giữ giới của người cận sự, vĩnh viễn không sát sinh.

Lúc ấy Đức Phật hỏi trưởng giả:

–Ông tên là gì?

Trưởng giả thưa:

–Con ở trong nước có chút ít của cải, thường bố thí cho những kẻ nghèo nàn, cô độc nên người trong nước gọi con là Cấp Cô Độc.

Đức Phật hỏi tiếp:

–Nước ông ở tên là gì?

Thưa:

–Là nước Xá-vệ. Cầu xin Đức Phật và Thánh chúng đến nước của con. Con nguyện sẽ phụng sự Đức Phật và chư Thánh chúng đủ mọi nhu cầu cần thiết.

Đức Phật bảo:

–Này trưởng giả, Ta và chúng Tăng có đến hơn ngàn người, nơi đó không có tinh xá làm sao có chốn cư trú?

Trưởng giả thưa:

–Nếu Đức Phật thương mà đến thì con sẽ xin xây dựng ngay tinh xá. Cúi xin Đức Phật không từ chối lời thỉnh nguyện của con.

Phật yên lặng, trưởng giả thấy Đức Phật im lặng biết Đức Phật đã nhận lời nên vô cùng sung sướng, cung kính đảnh lễ, đi nhiễu quanh Phật rồi lui ra.

Trưởng giả về tới thành Vương xá, thu xếp mọi công việc xong, định về nhà, nhưng rồi quay trở lại khu Hàn lâm, bạch Phật:

–Xin Đức Phật và Thánh chúng đừng ngại không có tinh xá, chỉ xin Đức Phật và Thánh chúng sớm đến với chúng con.

Bạch Phật xong, ông mới an tâm trở về nhà. Từ đó trở đi, mọi việc trong nhà đều gác lại, trưởng giả đi khắp nơi trong, ngoài thành để tìm một nơi vô cùng thanh tịnh để có thể xây cất tinh xá. Ông tìm thấy khu vườn của Thái tử Kỳ-đà là phù hợp hơn hết cho việc lập tinh xá. Vì sao? Vì khu vườn ấy rộng rãi, sạch sẽ, cây cối xinh tươi, suối ao trong trẻo, khí hậu mát mẻ, không có ruồi muỗi, độc trùng, chỉ có những loài chim, thú hiền lành, lại không gần cũng không xa thành lắm, khiến những người muốn cầu nghe chánh pháp dễ dàng đi đến. Nghĩ thế nên trưởng giả liền đi tới gặp Thái tử Kỳ-đà, thưa:

–Thưa Thái tử, xin ngài đừng ngạc nhiên và mong ngài cho phép tôi thưa với ngài một điều tốt đẹp.

Thái tử nói:

–Có việc gì trưởng giả cứ nói.

Trưởng giả đứng lên, rồi tiến đến trước Thái tử và thưa:

–Tôi muốn mua khu vườn của ngài để lập tinh xá, thỉnh Đức Phật và một ngàn đệ tử của Phật đến ở. Nếu Thái tử bằng lòng, xin cho biết giá bán.

Thái tử trả lời:

–Việc gì cũng được, riêng khu vườn thì xin đừng nói đến.

Trưởng giả thưa:

–Tôi nghe Đức Phật dạy: "Vạn vật đều vô thường, không có tự chủ." Thái tử nên lấy cái không chắc chắn mà đổi thành vững bền.

Thái tử đáp:

– Điều đó tôi không biết Ông không nên nói nữa.

Trưởng giả lại nói tiếp:

–Gặp Phật rất khó, còn một khu vườn thì lại dễ tìm, nay ngài không chịu bán, sợ sau này có hối hận chăng?

Thái tử chưa chấp thuận hẳn, có ý gây khó khăn cho trưởng giả, nên nói:

–Nếu trưởng giả có thể dùng vàng ròng lót kín khắp khu vườn thì tôi trao khu vườn này cho ông tùy ý sử dụng.

Trưởng giả nghe Thái tử bằng lòng bán, nhưng lại sợ không chắc nên nói:

–Thưa Thái tử, nếu Ngài chấp nhận lời vị quan trông coi việc mua bán thì chúng ta đến gặp vị ấy để sau khỏi có sự thay đổi.

Thái tử bằng lòng đi gặp vị quan. Lúc ấy trời Tứ Thiên vương biết việc ấy liền suy nghĩ: "Nay Phật đã xuất hiện tại thế gian. Trưởng giả Cấp Cô Độc ở trong thành Xá-vệ muốn mua khu vườn của Thái tử Kỳ-đà để xây dựng tinh xá. Hai người đã bàn luận cần có một vị quan trông coi việc mua bán làm chứng. Nay ta phải hóa thân thành vị ấy để công việc mau thành tựu." Vị Thiên vương bèn hiện thân thành viên thị quan đứng ở nơi chợ để đón hai người. Thái tử và trưởng giả đến gặp viên thị quan, trưởng giả lên tiếng:

–Tôi mua khu vườn của Thái tử để lập tinh xá, Thái tử bảo tôi phải dùng vàng lót khắp khu vườn thì sẽ bán, nên đến gặp ông nhờ làm chứng.

Thị quan hỏi:

–Hai người đã thỏa thuận với nhau rồi chứ?

Thưa:

–Đã thỏa thuận.

Thị quan nói:

–Vậy thì quý hóa quá, Thái tử được vàng, trưởng giả có vườn.

Thái tử lặng yên tỏ vẻ không ân hận, hối tiếc. Trưởng giả liền trong ngày ấy cho xe ngựa, voi và cả những tôi tớ trong nhà chuyên chở vàng đến lót kín khu vườn, chỉ phần trước vườn là chưa phủ kín. Trưởng giả đang suy nghĩ xem nên dùng vàng ở kho nào đủ để lót kín mảnh vườn còn lại. Thái tử thấy trưởng giả suy nghĩ nên nói:

–Nếu ông đổi ý thì cứ thu vàng lại.

Trưởng giả nói:

–Tôi đang suy nghĩ nên lấy vàng từ kho nào cho đủ để lót phần còn lại thôi, chứ không đổi ý.

Thái tử nghe thế liền suy nghĩ: "Lạ thật! Vị trưởng giả này có thể bỏ chừng ấy của cải để lập tinh xá cho Đức Phật và chúng Tăng ở. Ta từng nghe nếu không có Bậc Thánh Giác ra đời thì mọi chúng sinh sẽ không nghe được chánh pháp, nay ta có thể góp phần giúp ông ta hoàn thành sở nguyện." Nghĩ xong, Thái tử liền nói với trưởng giả:

–Thôi, ông đừng đưa vàng đến nữa, tôi cũng xin góp phần với ông để hoàn thành việc công đức ấy.

Trưởng giả Cấp Cô Độc liền nói:

–Chẳng phải tôi không đủ vàng. Nay nếu Thái tử đã thật lòng như vậy thì thật là tốt lành.

Mua vườn xong, trưởng giả đang cho tìm thợ chuẩn bị xây cất tinh xá. Các nhóm ngoại đạo nghe được tin ấy đều tìm đến có ý ngăn trở. Họ nói với trưởng giả:

–Sa-môn Cồ-đàm đang ở thành Vương xá thuộc nước Ma-kiệt-đà, còn ở đây là thành Xá-vệ, là vùng đất quý giá, tiếng tăm, không thể là nơi ở của ông ấy. Ngài đừng lập tinh xá và cũng đừng thỉnh Phật đến làm chi.

Trưởng giả liền nổi giận, nói với các nhóm ngoại đạo:

–Thành Xá-vệ không phải là của riêng các ông, vậy thì có liên quan gì đến các ông?

Kẻ ngoại đạo nghe thế, biết là trưởng giả không nghe lời mình, liền đến tâu lên vua, nhưng vua cũng không nghe. Họ hổ thẹn, bực tức vô cùng, nhưng vẫn trở lại nói với trưởng giả:

–Vừa rồi chúng tôi nói sự việc ấy không phải vì khu vườn mà vì chúng tôi với Phật không cùng một lối tu hành. Trưởng giả hôm nay không nghe theo ý chúng tôi chắc chắn sẽ có báo ứng. Chúng tôi nghe người đệ tử lớn của Sa-môn đã đến nơi đây, xin cho cùng tranh luận, nếu ông ấy thắng thì sẽ lập tinh xá còn thua trí thì không nên thỉnh họ tới. Ý tôi như vậy, trưởng giả thấy thế nào?

Trưởng giả đáp:

–Tốt lắm, có thấy hơn thua thì mới biết nên tin cậy vào bên nào, ai cao ai thấp, ai chân ai ngụy sẽ được rõ ràng.



KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

QUYỂN 12

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở tại khu Hàn lâm đã nhận lời thỉnh của trưởng giả Cấp Cô Độc và biết trước ở nước Xá-vệ có nhiều người ngoại đạo tu khổ hạnh, khá thông minh tuy siêng năng tu tập nhưng chưa được giải thoát. Đức Phật cũng thấy nhân duyên hóa độ của họ đã đến, mà trong chúng thì Tôn giả Xá-lợi-phất có nhiều túc duyên với họ, vậy nên phái Tôn giả đến đó sẽ có nhiều lợi ích.

Đức Phật bèn gọi Tôn giả Xá-lợi-phất dặn nên đến trước nơi nước Xá-vệ để giúp trưởng giả Cấp Cô Độc xây dựng tinh xá. Tôn giả vâng lời Phật sang nước Xá-vệ, đến gặp trưởng giả Cấp Cô Độc. Trưởng giả đem những lời ngoại đạo thách thức thưa với Tôn giả và hỏi ý của Tôn giả như thế nào, lại nói thêm:

–Mọi người trong nước Xá-vệ chưa biết đến Phật, trong cuộc tranh tài này họ sẽ thấy được cao thấp, nhờ đó mà Phật pháp được tuyên dương.

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

–Quý hóa quá, đó là những lời rất đáng chú ý.

Nói xong, Tôn giả nhập định xem xét thấy những người ngoại đạo và dân chúng ở nước Xá-vệ căn duyên đã đến, nhưng chờ tới bảy hôm nữa thì mới là thời gian thuận tiện.

Tôn giả xuất định, nói với trưởng giả:

–Hãy hẹn với họ bảy ngày nữa thì mới tranh tài.

Trưởng giả thông báo ngày ấy cho các nhóm ngoại đạo. Nghe xong, họ bèn bàn với nhau:

–Vị ấy hẹn bảy ngày thì một là biết sẽ không thắng nên tìm cách âm thầm rút lui, hai là đi tìm bạn bè đến trợ giúp. Vậy sao chúng ta không đi mời thêm bạn bè?

Bàn xong, họ đi khắp nơi để tìm bạn bè trợ giúp và tìm được một người Bà-la-môn tên Xích Nhãn. Bọn họ liền nói với người ấy:

–Đệ tử lớn của Sa-môn Cồ-đàm thách tranh luận với chúng ta, Ngài cùng đạo, vậy hãy giúp chúng tôi, bởi nếu ta thắng thì quyền lợi sẽ không mất, còn nếu họ thắng thì chúng ta phải đi về đâu?

Người ấy hỏi:

–Chừng nào thì tranh tài?

Đáp:

–Quá bảy ngày nữa.

Vị Bà-la-môn ấy nói:

–Vậy đến lúc ấy thì báo cho tôi, tôi sẽ đến giúp các bạn.

Thế nhưng người Bà-la-môn kia vẫn sợ thua, nên lòng rất lo lắng, liền thông báo đến các nơi để tìm thêm vây cánh. Trong thời gian ấy trưởng giả Cấp Cô Độc tìm nơi yên tĩnh, rộng rãi để lập đài làm chốn tranh luận, lập một tòa sư tử cho Tôn giả Xá-lợi-phất và một tòa cao cho vị ngoại đạo kia.

Sau khi đã sắp xếp xong, trưởng giả cho bố cáo xa gần. Đến ngày tranh tài, mọi người già trẻ hoặc vì công hay tư, có tất cả một trăm ngàn người, lại có cả các Bà-la-môn ngoại đạo từ nước ngoài đều đến nơi thi đấu.

Trưởng giả Cấp Cô Độc tay nâng lư hương cùng với quyến thuộc rước Tôn giả Xá-lợi-phất lên tòa sư tử. Tôn giả an tọa, mọi người nhìn ngắm thấy uy nghi của ngài, ai ai cũng ngợi khen. Bên kia, vị Bà-la-môn ngoại đạo ấy cũng được chúng ngoại đạo rước lên tòa cao an tọa.

Tôn giả Xá-lợi-phất lên tiếng hỏi:

–Ông muốn thi tài như thế nào?

Vị ngoại đạo nói:

–Ta biến hiện như thế nào thì ông cũng biến như thế.

Tôn giả nói:

–Điều ta làm thì trời, người đều không làm được, sao ông bảo ta biến hóa như ông? Này Bà-la-môn Xích Nhãn, những gì ông biến ra ta đều có thể phá được.

Bà-la-môn Xích Nhãn hóa ra một cội cây có hoa nở vừa đẹp vừa thơm khiến mọi người khen ngợi. Tôn giả dùng thần lực hóa ra cơn gió chỉ thổi nhẹ qua là bao nhiêu hoa tàn rụng tơi tả hết. Xích Nhãn lại hóa ra một ao nước trong lành mọc đầy hoa sen, mọi người đều khen là tài tình, Tôn giả biến ra một con voi lớn, thân hình uy nghi lội xuống ao vùng vẫy làm tất cả hoa sen đều bị tàn tạ. Ngoại đạo lại hóa ra con rồng bảy đầu, giương vây

trợn mắt nhào lộn trên không, Tôn giả hóa ra vua của loài Kim sí điểu từ không trung bổ xuống trên đầu rồng làm rồng phải hàng phục. Cuối cùng, ngoại đạo hóa ra thần La-sát hiện ra trước chúng hội, khiến mọi người đều khiếp sợ. Tôn giả trì chú, dùng thần thông trói thần La-sát, khiến thần La-sát giận dữ vì đau khổ. Ngoại đạo sợ hãi, lông tóc dựng đứng, sợ bị tổn thương nên lên tiếng cầu cứu, nói với Tôn giả:

–Nay tôi xin quy y, xin ngài cứu giúp.

Tôn giả ngưng trì chú, thần La-sát không còn giận dữ nữa. Xích Nhãn Bà-la-môn thoát được tai họa là sự giận dữ của thần La-sát và tự biết con đường tu tập của mình không phải chánh đạo, nên cung kính thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nay con xin theo Tôn giả xuất gia làm Sa-môn. Xin Tôn giả thương xót thâu nhận.

Tôn giả nhận ông ta vào hàng Sa-môn. Sau đó Xích Nhãn siêng năng tu tập, diệt được phiền não, dù còn trong ba cõi nhưng đã trừ được ba độc, tâm bình đẳng như hư không, xem vàng như đất. Sau một thời gian tu tập liền đạt tam minh, lục thông và chứng quả La-hán, được Đế Thích Thiên vương đến cúng dường.

Lúc đó mọi người kinh ngạc chăm chú ngắm nhìn Tôn giả Xá-lợi-phất đồng cất tiếng ngợi khen, xem ngài như bậc Đệ nhất luận sư không ai sánh bằng giống như ngưu vương ở giữa bầy trâu, tất cả đều chiêm ngưỡng Tôn giả không biết chán.

Biết được tâm ý của mọi người đến lúc có thể hóa độ được, Tôn giả Xá-lợi-phất liền giảng về pháp Tứ thánh đế. Khi nghe xong bài pháp, trong đại chúng có người phát tâm quy y Tam bảo, có người phát tâm cầu quả Thanh văn, có người phát tâm đạt quả Bích-chi-phật, có người phát tâm đạt đạo Vô thượng Bồ-đề, có những người xin xuất gia và chứng quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm hoặc A-la-hán.

Sau cuộc tranh luận, mọi người đều ra về. Trong chúng ngoại đạo có một số người tánh tình cố chấp, cho rằng thua cuộc là nhục nhã nên bèn họp kín với nhau bàn mưu giả vào xin làm thợ cho trưởng giả để gặp lúc thuận lợi thì sát hại Tôn giả. Bàn xong, họ đến gặp và nói với trưởng giả:

–Ông làm mất quyền lợi của chúng tôi, nay chúng tôi không có nơi nương tựa, vậy xin ông thương tình nhận chúng tôi vào làm công cho ông để còn gần quê hương, nếu ông không nhận chúng tôi lại phải đi tới nước khác.

Họ van nài nhiều phen, khiến ai cũng phải cảm động. Trưởng giả đem lời ấy thưa với Tôn giả Xá-lợi-phất, để với lòng nhân nhờ Tôn giả xem xét việc ấy. Tôn giả liền nhập định, xem thấy những người ấy không bao lâu nữa sẽ đắc đạo nên bảo trưởng giả không cần phải lo lắng.

Trưởng giả trở về và nhận những người ngoại đạo ấy vào làm việc. Tôn giả hóa ra một người để cầm đầu những người thợ ấy, rồi ở sau quan sát, biết rằng căn duyên của họ đã thuần thục, có thể hóa độ được, liền đến nơi họ làm việc, chọn một bóng cây ung dung ngồi tham thiền. Lúc ấy những người ngoại đạo ban đầu nghĩ là mình đã gặp thuận lợi nên mỗi người vui mừng muốn đến gần, nhưng người cầm đầu đã dùng cây xua đuổi, không cho họ tới gần Tôn giả.

Làm việc mệt nhọc, họ cất tiếng kêu cứu:

–Đại Thánh Tôn giả, xin mau đến cứu chúng tôi.

Ngài Xá-lợi-phất bảo:

–Các ngươi làm việc mệt nhọc, vậy hãy tạm nghỉ đi.

Những kẻ ngoại đạo ấy thầm nghĩ: "Vị Đại Tôn giả này đã biết chúng ta có âm mưu hãm hại người mà vẫn cho phép chúng ta nghỉ ngơi. Thật là vô cùng xấu hổ, chúng ta còn biết nói gì nữa đây." Tôn giả Xá-lợi-phất biết họ có ý ăn năn và thời điểm giáo hóa họ cũng đã đến nên bảo bọn đến gần. Khi họ đến, Tôn giả giảng dạy về pháp Tứ thánh đế. Những kẻ ngoại đạo nghe xong bài pháp bao nhiêu tri kiến cũ nặng nề như hai mươi ngọn núi của họ đã bị trí tuệ kim cang phá vỡ nát vụn. Ngay lúc đó, tất cả bọn họ đều đạt được quả vị Tu-đà-hoàn và xin với Tôn giả cho phép được xuất gia. Tôn giả Xá-lợi-phất nhận cho họ xuất gia làm Sa-môn. Sau một thời gian siêng năng tu tập, giữ gìn phạm hạnh, họ đều thấu hiểu rốt ráo con đường thoát khỏi luân hồi, diệt trừ phiền não, chứng quả La-hán, tâm bình đẳng như hư không, xem vàng như đất, bỏ mọi lợi dưỡng thế gian, nội tâm an tĩnh, trong lành, được tất cả chư Thiên và trời Đế Thích cúng dường.

Sau khi hóa độ các kẻ ngoại đạo ấy xong, Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với trưởng giả Cấp Cô Độc dùng dây đo đạc kích thước để xây cất tinh xá. Đo đạc chu vi xong, trưởng giả Cấp Cô Độc do có phước báo, được chư Thiên ở cung trời Đâu-suất hiện ra cung điện vàng, nhưng trưởng giả không hiểu được dụng ý của chư Thiên, nên nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ngôi tinh xá này không phải chỉ dành riêng cho các vị La-hán mà là xây cho Đức Phật.

Xá-lợi-phất nói:

–Tôi làm trước hết là vì Đức Như Lai nhưng sau cũng vì các vị La-hán. Ông tặng đất này, nên chư Thiên mới hiện điềm báo.

Ngài Xá-lợi-phất liền cho trưởng giả có được Thiên nhãn để ông thấy điềm báo ấy. Thấy được cung điện vàng, trưởng giả Cấp-cô-độc ngạc nhiên, vui mừng vô cùng và phát tâm thượng phẩm.

Tôn giả Xá-lợi-phất tự cầm một đầu dây, bảo trưởng giả giữ đầu kia, lần lượt chia ra mười sáu phòng lớn và sáu mươi phòng nhỏ, nơi dành cho Đức Phật, nơi dành cho chúng Tăng, mỗi chi tiết đều đã hoạch định xong, các cung điện hiện ra trong tâm trí trưởng giả thật trang nghiêm. Tôn giả lại giúp cho trưởng giả có được thần thông Thiên nhãn, nhìn thấy những cung điện nơi cõi trời khiến trưởng giả vô cùng vui mừng, reo lên:

–Việc làm của ta sẽ cảm ứng được lợi ích phước đức như thế sao!

Trưởng giả tự thấy phước báo đời sau nhiều điều khác lạ, nên với việc xây dựng lại càng siêng năng gấp bội.

Tinh xá xây cất xong, trưởng giả cho trang bị đầy đủ mọi phương tiện bên trong rồi đến thưa Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thưa Tôn giả, đón Đức Thế Tôn đến đây phải như thế nào?

Tôn giả đáp:

–Nên dùng nghi thức như đối với vị Chuyển luân vương.

Trưởng giả liền cho dựng từ nước Xá-vệ đến thành Vương xá, cứ mười câu-lô-xá là một cung điện để Đức Phật và Thánh chúng nghỉ ngơi khi dừng lại trên đường. Bên trong những cung điện ấy có kho chứa mọi vật dụng, lại đặt một người ở đó để giữ gìn và lấy nước bạch đàn hương hàng ngày rưới cho thơm sạch, vì để đón Như Lai nên phải luôn tinh khiết. Các nơi chuẩn bị xong, trưởng giả cho người đến thành Vương xá thỉnh Đức Phật và Thánh chúng. Ông nói với người được sai đi:

–Nhà ngươi đến nơi thay ta mà bạch Phật rằng trưởng giả Cấp Cô Độc cung kính đảnh lễ Phật và xin vấn an Đức Thế Tôn có được ít bệnh, ít phiền, mọi việc có được an vui không? Tinh xá nay đã lập xong, nguyện xin Đức Phật và Thánh chúng thương xót quang lâm. Chúng con nguyện sẽ suốt đời hết lòng phụng sự Đức Phật và chư Thánh chúng đủ mọi phương tiện y phục, ngọa cụ, y dược cùng mọi tiện nghi khác, xin Bậc Đại Giác hãy soi xét lòng thành của chúng con.

Người được sai đi vâng lãnh lời dặn, đem hết lòng thành thưa đầy đủ với Phật, rồi cúi đầu đảnh lễ sát đất để tỏ hết lòng cung kính Đức Phật, lại đứng lên nhiễu ba vòng quanh người, rồi đứng sang một bên.

Vì muốn làm lợi ích và an vui cho chúng sinh nên Đức Phật đã lặng yên tỏ dấu chấp nhận lời thỉnh cầu ấy. Vị sứ giả biết Đức Phật đã nhận lời, liền nhanh chóng quay xe về thành Xá-vệ gặp trưởng giả Cấp cô độc để báo rằng Đức Như Lai nghe lời thỉnh đã im lặng, chắc chắn người sẽ đến. Trưởng giả vui mừng chuẩn bị cờ lọng, hương hoa để nghênh tiếp Đức Phật.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị La-hán cùng rời thành Vương xá đến nước Xá-vệ, theo lời thỉnh của trưởng giả Cấp Cô Độc. Trên đường đi Đức Phật nhìn đại chúng và nói:

–Quyến thuộc của Ta là những người đã điều phục thân tâm, xa lìa tham dục, khéo giải thoát là bậc A-la-hán, đó là quyến thuộc của Phật. Thí như Ngưu vương ở trong đàn hoặc như Tượng vương có đàn voi vây quanh, vua Sư tử có đàn sư tử vây quanh, Nga vương có đàn ngỗng vây quanh, Kim sí vương có đàn kim sí vây quanh; lại như học trò theo thầy, bệnh nhân tìm lương y, quân sĩ phò tướng lãnh, các thương gia theo vị thương chủ; cũng như vua Chuyển luân có ngàn người con vây quanh, Trì Quốc Thiên vương có các nhạc thần vây quanh, Tăng Trưởng Thiên vương có quỷ Cưu-bàn-trà vây quanh, Quảng Mục Thiên vương có Long chúng vây quanh, Đa Văn Thiên vương có Dạ-xoa vây quanh, mặt trời có ngàn tia sáng vây quanh, mặt trăng có các sao vây quanh, Đế Thích có Thiên chúng vây quanh, Phạm vương có Phạm chúng vây quanh, đến như loài cá Tất-đế-di ở trong biển, như Thần biển quy tụ mọi loài thủy tộc, thân của Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đầy đủ, trọn vẹn, ánh sáng trang nghiêm như ánh mặt trời rọi khắp nơi, bước đi vững vàng, trang nghiêm như ngọn núi báu, đầy đủ đức đại bi, mười lực, bốn vô úy... cùng tất cả các pháp.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn, Đấng đã thành tựu mọi công đức, giải thoát hoàn toàn, cùng chúng Tăng vừa đi vừa hóa độ, dần dần đã đến nước Xá-vệ. Trưởng giả Cấp Cô Độc cùng các quyến thuộc và người hầu cầm tràng phan, bảo cái, hương hoa ra khỏi thành Xá-vệ rất xa để rước Đức Phật và Tăng đoàn, trăm ngàn người trong thành từ các vị trưởng giả đến nhân dân, nam nữ cũng đã đi theo ra thành đón Phật. Lại có vô số chư Thiên tại hư không hết lời ngợi khen. Khi Đức Thế Tôn vào thành, người dùng chân phải dẫm lên cổng thành, khiến cho đại địa hiện đủ sáu cách chấn động, phóng luồng ánh sáng chiếu khắp thế gian, trống trời tự nhiên kêu vang, các thứ hoa trời như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-nại-la, hoa Câu-mẫu-na, hoa Bôn-nã-lí-ca, hoa Mạn-đà-la kiếp thọ... tuôn xuống như mưa và rải xuống

các loại hương như trầm hương, chiên-đàn hương, ma-la hương; các loại nhạc cũng tự nhiên tấu lên. Những người mù thì được sáng, người điếc nghe được, người câm nói được, kẻ khuyết tật đều được lành lặn như xưa, kẻ đang say thì tỉnh, kẻ ăn uống trúng độc vẫn bình yên, những người thù ghét nhau trở nên hòa thuận, kẻ giam cầm được phóng thích, người có mang sinh nở vuông tròn, cho đến người nghèo có được của... Khi Đức Thế Tôn vào thành đã đem lại vô số việc tốt lành và lợi ích như thế.

Khi đến nhà của trưởng giả, Phật và đại chúng lần lượt an tọa. Mọi người trong nhà trưởng giả đều đến đốt hương, dâng hoa cúng dường. Lễ bái xong, trưởng giả tay bưng lư hương thỉnh Phật và đại chúng về tinh xá. Khi Phật và Thánh chúng đều đã an tọa, trưởng giả dùng bình vàng đựng nước đến rưới lên tay của Phật, nhưng nước trong bình không chảy ra, trưởng giả nghĩ: "Chắc trước đây ta gây nghiệp bất thiện gì chăng, sao nay lại có chuyện lạ này?" Đức Phật biết ý nghĩ của trưởng giả, liền nói:

–Không phải là ông đã gây nghiệp bất thiện, chỉ vì đất này, trong quá khứ ông đã từng làm tinh xá cúng dường cho Đấng Chánh Đẳng Chánh Giác nay ông cũng làm việc ấy. Làm bố thí nhưng chớ để tâm, nếu lìa lòng chấp trước thì nước trong bình sẽ chảy ra.

Trưởng giả thưa:

–Nguyện đúng như Đức Phật dạy.

Nói xong, nước trong bình phát ra đủ năm thứ công đức. Sau khi đã rưới nước lên tay Phật, trưởng giả xin Đức Phật đặt tên cho ngôi tinh xá. Lúc ấy Thái tử Kỳ-đà đang có mặt trong lễ hội. Thái tử nghĩ: "Nếu Phật biết rõ sự việc thì chắc tên ta được nói đến trước." Phật biết tâm ý của Thái tử nên đặt tên cho tinh xá là Kỳ thọ Cấp cô độc viên. Thái tử nghe xong vui vẻ vô cùng, càng tin tưởng Phật, liền dùng các loại vật tứ bảo để trang trí cửa tinh xá. Ngôi tinh xá ấy do vậy mà có tên là Kỳ thọ Cấp cô độc tinh xá.

Bấy giờ vua nước Xá-vệ là Thắng Quân đại vương nghe Đức Phật đã du hóa đến nước mình theo lời thỉnh cầu của trưởng giả Cấp Cô Độc và đang tại tinh xá, nên rất vui mừng liền đến đảnh lễ, khen ngợi Phật rồi ngồi sang một bên và thưa với Ngài:

–Tôi nghe nói Sa-môn Cồ-đàm biết được tướng của tâm, đã chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thưa Sa-môn Cồ-đàm, như pháp đã nói tâm có tà, chánh, thiện, ác, nhưng tướng của tâm là không đến, không đi, không thể biết, không thể nói. Đó là pháp rất sâu xa, làm sao thấu tỏ được?

Đức Phật đáp:

–Điều vua nói thật là chân thật. Tâm kia cũng gọi là tà, cũng gọi là chánh, cũng làm nên thiện, cũng làm nên ác, nhưng tướng của tâm là không đến, không đi, không thể biết cũng không thể nói. Điều đó rất sâu xa, nhưng Ta biết được tâm ấy và đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vua nói:

–Thưa Sa-môn Cồ-đàm, sao Ngài nói thế? Có những vị tu hành lâu năm như Ca-diếp Ma-ta-lê, Ngu-xá-ly tử, Tán-nhạ-duệ-vĩ-la-trí tử, A-nhĩ-đa-kế-xá-kiếm-mạt-la-ca, Câu-na-ca-đán-dã-nẵng, Nễ-nga-da-đà-nghê-dã-đế Tử... các vị ấy cũng biết được tướng của tâm mà còn chưa chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tại sao Sa-môn còn trẻ, lại mới xuất gia mà nói là đã chứng được?

Đức Phật nói:

–Thưa Đại vương, Đại vương chớ nói như thế. Ở đời có bốn việc không nên xem thường. Bốn việc ấy là gì? Một là con vua, hai là rồng nhỏ, ba là đốm lửa nhỏ, bốn là vị Tăng trẻ. Vì sao? Bởi vì vị Thái tử nhỏ bé thuộc dòng Sát-đế-lợi có đầy đủ đại phước đức của bậc đế vương khi trưởng thành sẽ có lúc nối ngôi, kẻ ngu si vô trí cho là nhỏ nên khinh thường đến khi Thái tử lên ngôi sẽ mang tội không kịp hối hận. Rồng là loài ác có thể biến hình to nhỏ bất thường, người ngu không biết tỏ ra khinh mạn, xúc phạm nó tất bị nó làm hại. Đốm lửa tuy nhỏ nhưng có thể đốt cháy tất cả, không nên thấy nó nhỏ mà xem thường, có ngày nó sẽ thiêu rụi cả khu rừng, xóm làng. Vị Tăng trẻ biết tu tập, tự giữ gìn phạm hạnh thanh tịnh, dù tuổi còn trẻ nhưng vẫn có thể chứng quả tối thượng, không nên xem thường, bởi vì việc giác ngộ, chứng quả không dựa vào già hay trẻ, sang hay hèn. Người đời vô trí không phân biệt được, kẻ phàm bậc thánh, gặp bậc A-la-hán mà hủy báng sẽ lãnh lấy tội báo như cây Đa-la bị chặt không thể mọc lại được nữa. Kẻ ấy dù siêng năng sám hối cũng không thể tiêu tội được.

Vua Thắng Quân nghe Đức Phật nói bốn điều ấy, trong lòng tin tưởng, ăn năn những lời đã nói, liền cúi đầu đảnh lễ sám hối với Phật, đi nhiễu quanh Ngài rồi hoan hỷ lui ra.

Đức Thế Tôn sau khi hóa độ một số người ở nước Xá-vệ, liền nghĩ muốn trở về thành Ca-tỳ-la. Vua Thắng Quân sau khi được Đức Phật hóa độ, đã quyết lòng quy hướng Tam bảo, vua liền cho sứ đem thư đến vua Tịnh Phạn báo tin: "Vị Thái tử của ngài là Tất-đạt-đa đã chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chúng sinh trong thế gian này hay ngoài thế gian đều được ân tế độ." Vua Tịnh Phạn đọc thư xong liền nghĩ: "Tuy con ta đã thành đạo Chánh giác là điều đáng mừng, nhưng nếu sai sứ đi mời

thì sứ giả chắc lại xuất gia theo Phật.” Do đó vua cứ mãi nghĩ ngợi. Lúc ấy thì có vị đại thần tên Ô-na-duê-nẵng thấy vua như thế bèn hỏi:

–Tâu Đại vương, sao người có vẻ đăm chiêu không vui vậy?

Vua nói:

–Ta chẳng phải không vui mà đang có điều suy nghĩ. Vua Thắng Quân mới gửi thư báo cho biết Thái tử đã chứng quả Chánh đẳng Chánh giác, hiện có hàng ngàn đệ tử chứng quả A-la-hán, đang ngụ ở nơi tinh xá của ông Cấp Cô Độc tại nước Xá-vệ. Ta muốn cho sứ đến mời, nhưng nghĩ lại ngày xưa khi Thái tử tu khổ hạnh, ta đã cho người theo tìm giúp đỡ, nhưng rồi những người ấy không trở về, nay cho người khác ra đi e rằng cũng lại không về, bởi vì Tất-đạt-đa là bậc thông minh, trí tuệ hơn người, hễ nói ra thì ai cũng tin yêu. Đó là điều ta đang suy nghĩ.

Ô-na-duệ-nẵng tâu vua:

–Nay thần xin đi, xin nhà vua chớ lo nghĩ.

Vua nói:

–Chỉ có ngươi là ta tin tưởng, nếu ngươi đi chắc là được việc.

Vua liền tự tay viết thư cho Phật, thư viết rằng: “Này Nhất Thiết Nghĩa Thành, con thân yêu của ta, con vì chán phiền não, bỏ nước xuất gia để cầu được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay nghe đã thành đạo, giáo hóa chúng sinh, ta ngày đêm thương nhớ không nguôi. Nay người khác được an vui, chỉ có ta là đau khổ, giống như đại thọ do đất sinh ra, đã có rễ cành, cuối cùng là mong được ăn quả. Nay con đã mãn nguyện, hãy nhớ lời xưa là nếu không chứng quả Bồ-đề nguyện không trở về thành Ca-tỳ-la-vệ. Nay nguyện đã thành, hãy nghĩ đến ta và quyến thuộc.”

Ô-na-duệ-nẵng nhận thư vua, liền đi nhanh đến nước Xá-vệ, vào tinh xá đến chỗ Đức Phật, thưa:

–Bạch Thế Tôn, phụ vương của Ngài là vua Tịnh Phạn gửi thư cho Ngài.

Nói xong dâng thư lên. Đức Phật nhận thư mở ra đọc và im lặng một hồi lâu. Ô-na-duệ-nẵng bạch Phật:

–Nay thỉnh Đức Thế Tôn trở về thành Ca-tỳ-la.

Đức Phật nói:

–Ta sẽ đi.

Ô-na-duệ-nẵng liền gieo năm vóc sát đất, cung kính lễ Phật, lại thưa với Ngài:

–Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đi thì không nói gì, nhưng nếu Ngài không đi thì con sẽ kiên trì cầu thỉnh cho đến lúc Ngài chấp thuận.

Đức Phật vì Ô-na-duệ-nẵng nói kệ:

Tịnh nhãn Phật thấy rõ
Mắt của Bậc Vô Trước
Thấy mênh mông vô hạn
Sao ông lại phải về!
Phật nhãn thấy vô biên
Tham ái không đắm nhiễm
Sức tinh tấn không dời
Sao ông bảo phải đi!
Nếu lòng người không loạn
Không cần hàng phục tâm
Trí vô biên không bước
Sao ông cố quay về!
Nếu ông đã đạt hàng phục tâm
Tâm ấy không gì không hàng phục
Như Phật tinh tấn bước vô cùng
Ông dùng bước nào cố đòi đi!

Ô-na-duê-nẵng bạch Phật:

–Con có thể đem bài kệ này về cho vua được không?

Đức Phật nói:

–Ta không có ý đó.

Vị đại thần bèn hỏi:

–Nếu không phải như vây thì ý đó như thế nào?

Đức Phật nói:

–Ta chỉ muốn ông xuất gia.

Vị ấy bảo:

–Trước đây con đã giao ước với vua là nếu gặp được Phật thì nhất định phải trở về.

Đức Phật nói:

–Ngươi không trái lời giao ước. Nếu ông xuống tóc, nhuộm áo cũng không có gì ngăn ngại ông trở về, muốn về thì cứ về.

Ô-na-duệ-nẵng nói:

–Bạch Thế Tôn, khi Ngài còn là Bồ-tát con còn theo như lời cha mẹ, thầy học. Con nay sao dám không y lời dạy. Nay con muốn xuất gia, xin Đức Phật cứu đô.

Đức Phật liền độ cho ông ta xuất gia và dạy:

–Ô-na-duệ-nẵng, nay ông có thể trở về được. Khi về đến thành, không nên vào cung liền, nên đứng ngoài cửa thành nhờ người báo cho vua. Nếu vua hỏi tên gì thì xưng là Tỳ-kheo của Phật Thích-ca, khi vua cho mời vào cung thì mới vào cung. Nếu vua hỏi ông thật sự là đệ tử Tỳ-kheo của Phật Thích-ca thì hãy trả lời là đúng thật như vậy. Nếu vua hỏi Thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành hiện nay cũng có hình dáng giống ngươi sao, thì đáp là giống như vậy. Lại khi vua hỏi Thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành có về không thì nói là có về, hỏi bao giờ về thì thưa là bảy ngày nữa. Nói xong ông nên đi ra, vua có yêu cầu ở lại cũng không nên ở lại. Vua có hỏi là Nhất Thiết Nghĩa Thành về có ở trong cung không thì đáp là không ở, nếu hỏi ở đâu thì trả lời là ở nơi núi rừng hoặc ở tinh xá. Nếu vua hỏi tại sao gọi là tinh xá thì thuật lại câu chuyện về tinh xá Kỳ thọ Cấp cô độc thật đầy đủ cho vua nghe.

Đức Phật dặn dò xong, Ô-na-duệ-nẵng toan đi, Đức Phật lại bảo:

–Vua chỉ một lời thì được giàu sang, chư Thiên khởi tâm niệm thì mọi việc đều thành công, tất cả bậc Thánh đều như thế.

Nói xong, Đức Phật dùng thần lực trong chốc lát đã đưa Ô-na-duệ-nẵng về thành Ca-tỳ-la.

Theo lời Phật dạy, Ô-na-duệ-nẵng giữ chánh niệm về đến ngoài cung thì dừng lại, đứng trước cửa thành bảo người gác cửa tâu với vua:

–Ông hãy vào tâu vua rằng có Bí-sô của Đức Thích-ca đến ngoài cửa cung mà không vào.

Vua nghe tâu liền truyền lệnh gọi vào. Ô-na-duệ-nẵng mới vào, vua Tịnh Phạn vừa thấy liền vô cùng ngạc nhiên, hỏi:

–Này Ô-na-duệ-nẵng, ông xuất gia rồi sao?

Đáp:

–Thần đã xuất gia.

Vua hỏi:

–Lúc đi ông đã nói gì với ta?

Đáp:

–Thần đã vâng lệnh truyền của bệ hạ, vốn không có ý xuất gia nhưng uy lực của Đức Thế Tôn đã khai hóa nên thần đã biết rõ Đức Phật khó gặp,

Phật pháp khó được nghe. Đức Phật là Thái tử mà còn bỏ ngôi huống chi kẻ bầy tôi nhỏ mọn này sao lại ham chức tước?

Lời vua như trách cứ, nhưng lòng vua không giận, lại thấy ông ta tướng mạo oai nghi rất trang nghiêm nên không đối xử như một bầy tôi mà bảo lên điện, cầm tay an ủi và truyền bảo cận thần sửa soạn chỗ ngồi, mời uống nước ăn trái cây.

Ô-na-duệ-nẵng lúc ấy có uy nghi khác tục, cử chỉ đúng phép tắc, lời nói rất rõ ràng, chí tình chí lý. Vua thấy Ô-na-duệ-nẵng xuống tóc thay y phục, nói chuyện hồi lâu mà quên hỏi về Thái tử, cho đến lúc ấy mới hỏi:

–Con ta, Nhất Thiết Nghĩa Thành cũng có thân tướng uy nghi như thế này sao?

Đáp:

–Bệ hạ đem tôi sánh với Phật thì chẳng khác nào hạt cải so với núi Tu di, như vết chân trâu so với biển cả, như ánh sáng nơi cửa sổ mà so với ánh sáng mặt trời.

Vua nghe những lời đó, nhớ đến Thái tử, bỗng nhiên sinh ra sầu muộn đến nỗi hôn mê, ngã lăn ra đất. Vị cận thần vội lấy nước lau mặt cho vua. Hồi lâu vua tỉnh lại liền hỏi:

–Con ta có về không?

Đáp:

–Sẽ về.

Vua hỏi:

–Bao giờ về?

Đáp:

–Bảy ngày nữa.

Vua lập tức truyền lệnh dọn quét, trang hoàng cung điện để đón Thế Tôn và chư Thánh chúng. Ô-na-duệ-nẵng tâu:

–Khi Thế Tôn về, Ngài sẽ không ở trong cung.

Vua hỏi:

–Phật muốn ở nơi nào?

Đáp:

–Nếu Ngài không nơi núi rừng thì sẽ ở trong tinh xá.

Vua hỏi:

–Sao gọi là tinh xá?

Ô-na-duệ-nẵng lần lượt nói về tinh xá Kỳ thọ Cấp cô độc cho vua biết:

–Tinh xá có mười sáu phòng lớn, sáu mươi phòng nhỏ. Thế Tôn ngự ở giữa, Thánh chúng ở bốn bên, những vật dụng luôn đầy đủ.

Vua Tịnh Phạn nghe xong lập tức sai quan quân lên rừng Nhĩ-dã-nga-lỗ-đà ngay ngày hôm đó khởi công xây cất tinh xá như tinh xá ở vườn Cấp Cô Độc, dùng nhiều vật dụng quý để trang hoàng.

Đến ngày, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Mục-kiền-liên:

–Ông hãy báo với tất cả Tỳ-kheo nay Ta muốn trở về thành Ca-tỳ-la, mỗi Tỳ-kheo nên mặc ca-sa nghiêm trang, mang bát để cùng đi. Ai còn cha mẹ, thân quyến thì có thể về hóa độ làm lợi lạc cho họ.

Tôn giả Mục-kiền-liên vâng lời Đức Phật giáo huấn, thông báo lời Phật dạy cho tất cả các vị A-la-hán để chuẩn bị lên đường.

Lúc ấy Đức Phật và đại chúng rời tinh xá Cấp cô độc, đi về hướng thành Ca-tỳ-la theo lời thỉnh của phụ vương. Các vị La-hán nối bước trang nghiêm theo sau Đức Phật. Đức Phật quay lại nhìn các đệ tử và dạy:

–Thân quyến của Ta là những vị đã điều phục thân tâm, xa lìa tham dục, được giải thoát, chứng quả A-la-hán. Đó là quyến thuộc của Phật, giống như Ngưu vương giữa đàn trâu, Tượng vương có đàn voi vây quanh, Sư tử vương có đàn sư tử vây quanh, Nga vương có đàn ngỗng vây quanh, Kim sí vương có đàn kim sí vây quanh, cũng như học trò theo thầy, bệnh nhân tìm lương y, quân lính theo vị tướng lãnh, người đi buôn theo chủ, lại cũng như vua Chuyển luân có ngàn người con vây quanh, Trì Quốc Thiên vương có thần âm nhạc vây quanh, Tăng Trưởng Thiên vương có quỷ Cưu-bàn-trà vây quanh, Quảng Mục Thiên vương có chúng rồng vây quanh, Đa Văn Thiên vương có quỷ Dạ-xoa vây quanh, mặt trời có ngàn tia sáng vây quanh, mặt trăng có ngàn ngôi sao vây quanh, Đế Thích có Thiên chúng vây quanh, Phạm vương có Phạm chúng vây quanh, cho đến loài cá Tất-đế-di ở giữa biển, như Thần biển thu phục các loài thủy tộc. Thân Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ trọn vẹn mọi mặt, ánh sáng trang nghiêm như mặt trời chiếu soi tất cả các nơi, bước đi hùng dũng, vững vàng như quả núi báu, có đầy đủ tất cả các pháp đại bi, mười lực, bốn vô úy…

Bấy giờ Đức Thế Tôn cùng Thánh chúng vừa đi vừa hóa độ trên đường về thành Ca-tỳ-la. Cách kinh thành không xa có con sông Lỗ-hạ-ca. Lúc đó vua Tịnh Phạn, hoàng tộc và các quan lớn nhỏ đều ở bên bờ sông chuẩn bị cờ phan, lọng báu, tấu nhạc, đốt hương, rải hoa chờ đón

Thế Tôn. Từ bờ sông Lỗ-hạ-ca đến rừng Nhĩ-giã-lỗ-đà, trong và ngoài thành đều được vua ra lệnh dọn dẹp sạch sẽ, rưới nước thơm, đốt hương trên từng đoạn đường để chờ nghinh đón Đức Thế Tôn. Dân chúng trong thành Ca-tỳ-la từ sang hèn, già đến trẻ, trai gái đều cầm hương hoa đứng hai bên đường để chờ đón cúng dường Đức Phật, bàn tán với nhau Thế Tôn trước đây là Thái tử nay đã thành Phật. Họ vô cùng vui mừng muốn chiêm ngưỡng oai nghi phạm tướng của người. Trong dân chúng có người thắc mắc, thầm nghĩ: "Không biết cha con gặp nhau sẽ chào hỏi thế nào? Nếu con lạy cha thì chẳng khác nào ở đời, nếu cha lạy con thì theo quốc lễ không có. Thái tử tu tập khổ hạnh thành Phật chắc phải khác người thế gian."

Dân chúng đứng chật cả lối đi. Khi Đức Phật và Thánh chúng sắp đến gần sông, biết vua và mọi người đang ở đấy, Đức Phật nghĩ: "Nay phụ vương, thân quyến và mọi người trong thành Ca-tỳ-la đều cho rằng Ta lúc đi tu có trăm ngàn chư Thiên theo hộ vệ xung quanh đưa tiễn, vượt hư không đến Tuyết sơn tu hành. Nay Ta đắc đạo trở về mà lại đi bộ thì thật là không hợp. Ta nên thị hiện thần thông để phụ vương thấy và cũng làm cho mọi người vui thích." Khi thấy phụ vương, quyến thuộc và nhân dân muốn chạy đến đón, Đức Phật liền nhập định, hiện thân ở trên hư không phía Đông với bốn tướng oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi; trên thân hóa nước, dưới thân hóa lửa; hoặc ngược lại, từ thân phóng ra hào quang đủ năm màu xanh, đỏ, trắng, vàng và hồng xen nhau, giống như ánh sáng đi qua quả cầu pha lê trong suốt. Ở cõi hư không các phương Nam, Tây, Bắc, Đức Phật đều hiện thân như thế. Các vị Tỳ-kheo, mỗi người đều thị hiện thần thông hóa thân cao vút hơn bảy lần cây Đa-la. Đức Phật ở giữa chúng Tỳ-kheo cũng hóa hiện như vậy. Hóa thân của các Tỳ-kheo cao thấp không đều, có vị cao sáu lần cây Đa-la, có vị cao năm lần cây Đa-la, cũng có các vị chỉ cao bốn lần, ba, hai, một lần cây Đa-la, nhưng Đức Phật bao giờ cũng hiện rõ cao hơn mọi người. Sau khi hóa hiện xong, Đức Phật và Thánh chúng tự nhiên biến mất, trong khoảnh khắc lại hiện về chỗ cũ. Vua và mọi người càng tăng thêm lòng kính tín, liền tiến đến để đón tiếp. Vua thấy đại chúng đều mặc ca-sa, hình tướng giống nhau không sao nhận ra ai là Đức Thế Tôn, ai là đệ tử. Ô-na-duệ-nẵng liền đưa vua đến trước Phật. Vua gặp Thế Tôn nhưng trong lòng vẫn còn coi Phật là con. Ô-na-duệ-nẵng nói với vua:

–Như Lai đã dứt mọi phiền não, tâm tự tại như mặt trời nơi hư không chiếu khắp mọi nơi, tu tập theo chân như, chứng quả Toàn giác

tối thượng, có đầy đủ Thập lực và Nhất thiết trí, tướng tốt tỏa ánh sáng làm lợi ích cho muôn loài, xin vua nên cung kính cầu Thánh đạo.

Vua nghe lời ấy liền tỉnh ngộ, tin tưởng cung kính lễ Phật rồi nói kệ:

Khi sinh đại địa đều rung động
Bóng cây che thân không chuyển dời
Lại dùng tuệ nhãn quán chúng sinh
Ta nay hết lòng xin kính lễ.

Lúc ấy trong số thân quyến họ Thích, có người thấy vua lễ Phật, liền nói với nhau:

–Đức Thế Tôn đi ngược với đạo lý ở đời thì làm sao hóa độ chúng sinh được?

Vua nghe những lời ấy liền nói với mọi người:

–Các người há không nghe việc Tất-đạt-đa khi vừa sinh ra là đại địa đã chấn động theo sáu cách, ánh sáng chiếu khắp toàn thể thế gian đến tận những nơi tối tăm, không có nguồn sáng nào chiếu tới. Ánh sáng oai đức ấy không gì sánh bằng, chiếu đến chốn tối tăm, những chúng sinh đã tạo ác nghiệp ở trong ấy bỗng nhiên do ánh sáng đó nhìn thấy được nhau, đều thắc mắc: "Vì sao ở đây lại có chúng sinh?." Ngay lúc ấy ta đã lễ Thái tử rồi. Trước lúc xuất gia, Tất-đạt-đa đã đến ngồi tham thiền dưới bóng cây Thiệm-bộ, nội tâm thanh tịnh, vô dục, xa rời các pháp bất thiện, đoạn trừ tất cả niệm phân biệt, nghi hoặc, lạc trú trong định tịch tĩnh vô tránh. Mọi bóng cây trong rừng đều di chuyển theo ánh mặt trời, riêng bóng cây Thiệm-bộ vẫn ở yên một chỗ để che cho Người. Lúc đó, ta thấy việc lạ kỳ nên đã lễ dưới chân của Thái tử. Nay ta lễ Phật lần thứ ba chính vì người là Bậc Giải Thoát.

□

KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐỀ

QUYỂN 13

Vua Tịnh Phạn sau khi nói những lời ấy, xong nghĩ đến những ngày tháng Phật tu khổ hạnh trong núi rừng mà chợt rơi nước mắt. Vua dùng kệ hỏi Phật:

Ngày trước ở trong cung
Có nhiều người hầu hạ
Chốn núi rừng vắng vẻ
Một mình làm sao yên?

Phật đáp:

Mười loại xứ của Thánh
Tôi đều đã ở yên
Nay giải thoát buộc ràng
Chẳng ở nơi cung cấm.

Vua hỏi:

Giường quý nhiều châu báu
Là nơi xưa người nghỉ
Núi rừng toàn cỏ cây
Làm sao an giấc được?

Đức Phật đáp:

Ngọa cụ là giải thoát
Bồ-đề phần trang nghiêm
Nằm ngủ rất an vui
Rũ bỏ bao phiền não.

Vua hỏi:

Voi ngựa cùng xe báu
Xưa lên xuống ra vào
Nơi nào cũng cỏ gai
Làm sao đi lại được?

Phật đáp:

Tôi có xe thần túc

Siêng năng đi mọi nơi
Dù đi khắp thế gian
Không ngại gai phiền não.

Vua hỏi:

Áo đẹp Ca-thích-ca
Mặc vào thân mát mẻ
Nay ca-sa vải thô
Sao chịu mặc như thế?

Đức Phật đáp:

Với y Tăng-già-lê
Mâu-ni mặc trong núi
Mặc vào sinh tướng lành
Người thấy đều hoan hỷ.

Vua hỏi:

Xưa ăn bằng bát vàng
Thức ăn toàn thượng vị
Nay tự ôm bình bát
Thức ăn như thế nào?

Đức Phật đáp:

Pháp bình đẳng thức ăn
Ăn vào được giải thoát
Đã lòng ái thế gian
Thương đời nên hóa độ.

Vua hỏi:

Sữa, đường toàn nước ngon
Xưa uống không hề chán
Nay uống nước suối trong
Làm sao biết ngon dở?

Đức Phật đáp:

Vua trọng loại nước ngon
Thế gian tranh nhau uống
Uống rồi càng thêm nhiễm
Người tu không ưa thích.

Vua hỏi:

Điện báu và lầu cao
Xưa ở đâu tùy ý
Nay ở rừng một mình

Làm sao không sợ hãi?

Đức Phật đáp:

Đã trừ gốc phiền não
Sợ sệt không phát sinh
Phiền não nhỏ cũng không
Khắp chốn đều an lạc.

Vua hỏi:

Nước thơm thật trong lành
Xưa từng tắm mát mẻ
Một thân trong núi, rừng
Ai lo cho việc đó?

Đức Phật đáp:

Hương giới, nước pháp lành
Người có đức tắm luôn
Thân sạch đến bờ giác
Là lời bậc Thánh dạy.

Vua nói:

Xưa hương thơm thoa thân
Mình mặc áo Ca-thích
Luôn ở trong hoàng cung
Nay lìa chẳng tương xứng.

Đức Phật đáp:

Giới hương xông thơm ngát
Dùng đó trang nghiêm thân
Tôi nay không mê mờ
Xa rời vật trang sức.

Vua hỏi:

Nơi nào đáng xem thường
Nơi nào là đáng sợ
An nhàn và bận bịu
Nay xin nói cho biết?

Đức Phật đáp:

Ba điều già, bệnh, chết
Đáng sợ chớ xem thường
Nên tìm cảnh an lạc
Vô sự là điều vui.

Vua Tịnh Phạn nghe những lời ấy xong vô cùng vui vẻ, cất tiếng ngợi khen:

–Lành thay! Dòng họ Thích đã khéo sinh người con đi vào cõi đời mà không bị ô nhiễm.

Vua lại cung kính đảnh lễ Phật, thầm nghĩ: "Ta thật may mắn, có người con đạt được công đức như thế." Rồi vua và quyến thuộc đồng đưa Đức Thế Tôn vào tinh xá Nhĩ-dã-nga-lỗ-đà.

Sau khi Đức Phật vào tinh xá, ngồi lên tòa, vua cùng mọi người vây quanh chiêm ngưỡng, chư Thiên trụ ở hư không vui mừng ngợi khen Đức Phật. Đức Phật xem xét, biết rõ căn tánh của mọi người xong liền giảng rộng pháp Tứ đế. Sau thời pháp, vua và bảy mươi bảy ngàn người họ Thích đều chứng được quả Tu-đà-hoàn. Đức Phật lại quán xem nơi nào có đủ duyên lành, thấy có thể thuyết pháp trong khu rừng Phạm hiện, liền cùng đại chúng đi đến đó, vô số người cũng đi theo để nghe pháp. Đức Thế Tôn giảng chi tiết về hành tướng của pháp Tứ đế. Hộc Phạn vương và những người thuộc họ Thích cùng với trời, người tất cả gồm bảy mươi sáu ngàn người nữa đều chứng được quả Tu-đà-hoàn. Thế Tôn lại đến rừng Lỗ-tứ-đát-ca, cũng có vô số chư Thiên, những người thuộc họ Thích cùng với dân chúng đi theo nghe pháp. Đức Phật cũng giảng về pháp Tứ đế khiến vua Cam Lộ và mọi người gồm bảy mươi lăm ngàn vị đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Ngoài ra, cũng có người chứng quả vị Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, có người phát tâm cầu quả Thanh văn, có người phát tâm cầu quả Bích-chi-phật, có người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, có người xuất gia dứt trừ phiền não, sau đó chứng được quả A-la-hán, lại cũng có người phát tâm thọ Tam quy y.

Lúc ấy Đề-bà-đạt-đa thấy Đức Phật hiện thần thông và diễn thuyết diệu pháp nhưng ông không được chứng quả nên sinh tâm ganh ghét, nói những lời bất thiện với nhiều người:

–Mọi người đều mù mắt nên mới tin những trò ảo thuật ấy. Những trò ấy tất cả mọi người đều có thể làm được.

Một người trong họ Thích tên Bát-la-ma-nô liền bảo Đề-bà-đạt-da:

–Ông không nên nói xấu Đức Thế Tôn là Bậc Đại Trượng Phu như vậy.

Đề-bà-đạt-đa yên lặng không nói gì. Vua Tịnh phạn suy nghĩ: "Ngày xưa, trời, người, A-tu-la được thế gian cúng dường. Nay Đức Phật ra đời, đúng là lúc thế gian phải cung kính cúng dường." Lúc đó có một đồng tử họ Thích nói kệ khen ngợi Phật:

Bậc trượng phu Đại Tiên họ Thích
Tuôn mưa pháp cam lộ nhiệm mầu
Cứu kẻ bị đọa chốn tối tăm
Dẫn đưa về nơi cửa giải thoát.

Vua Tịnh Phạn nghe đồng tử nói kệ tán thán Đức Phật, trong lòng rất vui. Nhưng tự thân vua chưa thể đạt được chân lý nên nghĩ rằng chỉ có Đức Thế Tôn là Bậc Trượng Phu, có đầy đủ đại uy đức và tự hào là không ai có người con Thánh như vua.

Đức Thế Tôn quán sát tư duy: "Tịnh Phạn vương, cha Ta chưa thể đạt chân lý nên vướng mắc hai việc: Một là tâm chấp ngã, hai là tâm phân biệt. Nếu người có thể lìa được hai tâm trạng ấy thì sẽ thấy được chân lý." Đức Phật lại quán thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên có túc duyên với vua nên nói với Tôn giả:

–Ông nên dùng phương tiện làm cho vua Tịnh Phạn không còn tâm chấp ngã nữa.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vâng lời Đức Phật liền đến chỗ vua. Gặp Tôn giả, vua rất vui mừng. Ngay khi đó Tôn giả liền nhập định và hiện ra ở phương Đông với đủ bốn tướng oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, thân trên hóa nước, thân dưới hóa lửa, phóng ra hào quang năm sắc như ánh sáng đi qua quả cầu pha lê, phản chiếu lẫn nhau. Tôn giả lại biến hiện ra rất nhiều hình tướng ở phương Đông như thế và ở các phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy, chỉ trong chốc lát là trở về chỗ cũ, đứng trước mặt nhà vua. Vua hỏi Tôn giả:

–Trong hàng đệ tử Phật có ai được như Tôn giả không?

Tôn giả nói kệ trả lời vua:

Đệ tử Thế Tôn uy đức lớn
Có đủ tam minh và lục thông
Vượt ra ba cõi chứng La-hán
Thanh văn tịch tĩnh như tôi nhiều.

Lúc đầu vua Tịnh Phạn tưởng chỉ có Đức Phật là tu chứng, có được thần thông, nên tâm luôn có niệm chấp ngã, đến khi thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên thần thông thật mầu nhiệm và nghe bài kệ ấy mới biết đệ tử Phật đắc đạo rất nhiều, từ ấy dứt được tâm chấp ngã. Đức Thế Tôn muốn phương tiện độ sinh nên dùng tâm thế gian nghĩ: "Làm sao có các chư Thiên như Phạm vương, Đế Thích, Tịnh Quang thiên... đến nghe Ta thuyết pháp. Vì sao? Vì tâm của Như Lai thì các bậc Thanh văn, Bồ-tát còn không thể biết được, còn tâm thế gian thì thấp như loài sâu kiến còn có thể lãnh hội được

huống chi là chư Thiên.” Biết được ý nghĩ đó của Đức Phật, vua trời Đế Thích bèn bảo vị Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma:

–Ngươi hãy đến rừng Nhĩ-dã-nga-lỗ-đà biến hóa tạo ra một đại pháp hội, bên trong lâu đài, điện các đều đặt tòa sư tử, đều phải dùng châu báu để trang hoàng, mở bốn cánh cửa, mỗi cánh cửa đều dùng tứ bảo để tô điểm và truyền lệnh bốn vị Thiên vương canh giữ.

Vị Thiên tử Tỳ-thủ-yết-ma vâng lệnh của Đế Thích làm xong mọi việc rồi đến bạch với Đức Thế Tôn:

–Pháp hội đã xong, kính thỉnh Thế Tôn quang lâm.

Thế Tôn và Thánh chúng cùng các vị Thiên vương Đế Thích, Phạm thiên, Tịnh quang thiên... và vô số trăm ngàn chúng đều đến pháp hội tại rừng Nhĩ-dã-nga-lỗ-đà.

Sau khi mọi người tề tựu, Đức Phật lên ngồi tòa sư tử tuyên nói diệu pháp. Lúc ấy Tôn giả Mục-kiền-liên cùng đi với vua Tịnh Phạn đến pháp hội, đến cửa thì Tôn giả vào còn vua bị ngăn lại. Vua thắc mắc thì có tiếng trả lời:

–Hôm nay Đức Phật thuyết pháp cho chư Thiên, người phàm không thể vào.

Vua hỏi:

–Bậc Thần thánh nào giữ cửa này?

Đáp:

–Ta là Trì Quốc Thiên vương.

Vua lại hỏi:

–Ở cửa Nam và cửa Đông có cho vào không?

Vị Thiên vương đáp:

–Ta không biết.

Vua lần lượt đi hết bốn cửa: Cửa Nam có vị Tăng Trưởng Thiên vương cản lại, cửa Tây có Quảng Mục Thiên vương ngăn, cửa Bắc cũng có vị Tỳ-sa-môn Thiên vương chặn lại. Vua thấy sự ngăn cách giữa Thánh và phàm, nên buồn rầu nghĩ: “Ta là chí thân mà cũng còn cách xa thế này.” Từ đó, tâm chấp ngã phân biệt của vua không còn nữa.

Lúc đó Đức Thế Tôn biết tâm vua đã diệt được niệm phân biệt ngã, nhân và thấy tình cảm của vua thật tha thiết, sợ vua có bề gì nên dùng thần lực biến đền đài, cung điện, tường vách trong suốt như pha lê khiến vua trông thấy được Phật. Vua vô cùng vui mừng đảnh lễ rồi ngồi sang một bên.

Đức Phật vì vua mà thuyết giảng để vua diệt trừ ngã chấp, phân biệt rồi Ngài giảng tiếp pháp Tứ đế. Vua nghe xong bài pháp bao nhiêu tâm chấp ngã của vua đều bị tiêu tan, khác nào hai mươi ngọn núi bị trí tuệ kim cang phá tan nát, lập tức chứng quả Tu-đà-hoàn. Vua nghĩ: "Nay ta đạt được tâm vô phân biệt như thế này là nhờ tâm từ hiếu của Như Lai. Bao nhiêu đời nay ta bị trôi lăn trong vòng sinh tử, xương tụ thành núi, máu và nước mắt tuôn ra như biển, hoặc bị đọa vào các đường dữ, nay mới được vào cửa giải thoát, mới được dự vào Thánh đạo." Nghĩ xong, vua bèn tán thán:

–Lành thay! Đức Thế Tôn đã trải qua vô số kiếp tu hành khổ hạnh, không nghĩ đến thân mình mà chỉ vì chúng sinh. Nay tôi muốn cầu phước báo lớn lao ở cõi trời.

Với lòng từ bi, Đức Phật liền bảo vua:

–Thưa phụ vương, nay người muốn cầu phước báo gì?

Vua vội đứng dậy, chắp tay đảnh lễ, bạch Phật:

–Tôi muốn thỉnh Đức Phật và Thánh chúng mai vào cung thọ trai. Mong Thế Tôn vì thương mà chấp nhận.

Đức Phật im lặng tỏ dấu bằng lòng. Vua biết Đức Phật nhận lời nên vui mừng, đảnh lễ từ tạ rồi trở về cung. Về đến cung vua cho mời ba vị vương đệ là Bạch Phạn, Hộc Phạn và Cam Lộ Phạn để bàn việc nhường ngôi vì vua đã chứng quả, nhưng khi hỏi ba vua kia thì ai cũng từ chối nhận ngôi vua, vì người nào cũng được nghe pháp và đã chứng quả rồi. Bốn vị đồng ý chọn một người trong họ Thích có đủ tài đức để lên thế vị.

Sắp xếp mọi việc hoàn tất, vua truyền lệnh dọn dẹp trang hoàng cung điện trong ngoài sạch sẽ, mỹ lệ và cho nấu những thức ăn ngon quý để mai cúng dường Đức Phật và Thánh chúng. Vua còn cho bày biện sẵn hương, hoa, nước thơm… không thiếu thứ gì.

Sau khi chuẩn bị xong, vua sai sứ tới thỉnh Đức Phật và Thánh chúng vào cung thọ thực. Khi Đức Phật đến, vua và quyến thuộc tay nâng lư hương rước Đức Phật vào cung. Sau khi Đức Phật và Thánh chúng đã an tọa, vua và hoàng tộc đảnh lễ, vấn an, tán dương Đức Phật và Thánh chúng, rồi chính tay vua dâng thức ăn lên cúng dường Phật. Đức Phật thọ thực xong, vua Tịnh Phạn dùng nước trong bình vàng rưới nước rửa tay Phật và thưa:

–Nay tôi xin cúng tinh xá ở rừng Nhĩ-dã-lỗ-đà, xin Đức Phật tùy ý sử dụng.

Khi vua nói lời ấy, nước rưới từ bình phát ra đủ năm loại tiếng công đức. Đức Phật cũng chúc nguyện cho vua:

–Do phước cúng dường này mà vua và mọi người trong họ Thích muốn cầu điều gì đều được thành tựu.

Vua và quyến thuộc nghe những lời chúc ấy vô cùng vui mừng, lễ Phật rồi lui ra. Đức Phật và Thánh chúng trở về tinh xá.

Ngày kia, khi Đức Phật được thỉnh vào cung thọ thực, các quyến thuộc của vua bàn với nhau:

–Đệ tử Phật hiện đều là những vị cao tuổi, thân tướng uy nghi rất đáng kính, nhưng chưa có ai thích hợp làm thị giả hầu cận bên Phật. Nay nên chọn những người trẻ tuổi tánh hiền thiện trong họ Thích, cho xuất gia để hầu hạ Phật mới thật xứng.

Bàn xong, vua liền hạ lệnh kêu gọi trong thân tộc và các quan cận thần:

–Nay Nhất Thiết Nghĩa Thành bỏ ngôi Chuyển luân vương, tu khổ hạnh đã thành Bậc Đại Pháp Vương. Các người hãy chọn ra các người con hiền đức để xuất gia theo hầu Đức Phật mới thật xứng với Ngài.

Bấy giờ vua Hộc Phạn có hai người con tên là A-nhĩ-lỗ-đà và Ma-hạ-nẵng-ma. Ma-hạ-nẵng-ma giỏi làm việc trị quốc, nhưng lại tham tài lợi. A-nhĩ-lỗ-đà thì thường ở trong cung hưởng mọi thú vui. Vua Hộc Phạn gọi Ma-hạ đến bảo:

–Con có thể xuất gia theo lệnh vua không?

Ma-hạ-nẵng-ma trả lời:

–Con không xuất gia đâu. A-nhĩ-lỗ-đà luôn ở trong cung hưởng sự vui thú. Phụ vương nên để cho anh ấy đi xuất gia.

Vua cha nói:

–Anh con có nhiều phước đức, con không nên phê phán.

Ma-hạ nói:

–Đó là do cha mẹ thương yêu thôi, nếu thật có phước đức thì hãy thử xem.

Người cha hỏi:

–Thử như thế nào?

Đáp:

–Đến bữa ăn hãy đem đến cho anh ấy cái mâm không, nếu thật có phước đức thì tự nhiên có thức ăn.

Vua liền cho cung tần bưng chiếc mâm không đưa đến chỗ A-nhĩ-lỗ-đà và dặn:

–Nếu Thái tử hỏi có những thức ăn gì thì nói là có đủ thức ăn trong ấy.

Bấy giờ vua trời Đế Thích xem thấy sự việc và biết A-nhĩ-lỗ-đà trong quá khứ đã từng cúng dường thức ăn cho Bích-chi-phật, nay phải giúp ông ấy, liền hóa ra những thức ăn ngon quý đầy trong mâm. Cung nữ đến nơi, A-nhĩ-lỗ-đà hỏi:

–Có những thức ăn gì?

Vị cung nữ vì giận nên không đáp đúng như lời dặn mà trả lời:

–Không có thức ăn gì cả.

A-nhĩ-lỗ-đà thầm nghĩ: "Vì sao cha mẹ lại đưa đến ta chiếc mâm không?", liền giở mâm ra xem thì thấy thức ăn ngon lạ chưa từng thấy, mùi thơm tỏa khắp nơi. A-nhĩ-lỗ-đà ngạc nhiên, hỏi lại người cung nữ:

–Thật sự là có thức ăn không?

Cung nữ thưa:

–Thật sự là chỉ có chiếc mâm không thôi.

Thái tử liền đem thức ăn ấy dâng lên cha mẹ. Vua và hoàng hậu càng ngạc nhiên hơn, lấy thức ăn đó đưa cho Ma-hạ-nẵng-ma xem và nói:

–Con xem thức ăn này do anh con biến hóa ra. Ai cũng mến yêu A-nhĩ-lỗ-đà. Ta đã nói là nó có phước, con không sánh bằng, lúc đầu con không tin, bây giờ đã chứng nghiệm.

Ma-hạ-nẵng-ma bèn thưa với cha mẹ:

–Anh ấy có phước nên cho xuất gia, con là kẻ vô phước nên không thể xuất gia được.

Cha mẹ liền nói với A-nhĩ-lỗ-đà:

–Vua nay truyền lệnh tuyển người xuất gia, con có xuất gia không?

A-nhĩ liền hỏi:

–Xuất gia có lợi ích gì? Tại gia có thiệt hại gì?

Cha mẹ nói:

–Người xuất gia sẽ chứng Niết-bàn, có thể thọ nhận sự cúng dường của trời, người. Nếu người tại gia hay xuất gia mà xa lìa tham dục cũng được trời người cúng dường. Nếu tại gia mà dối xưng là xuất gia thì sẽ chịu quả báo rơi vào đường ác.

A-nhĩ-lỗ-đà thưa:

–Xuất gia hay tại gia có lợi hay không lợi như thế nào con đã rõ rồi. Nay con muốn xuất gia theo lệnh vua.

Cha mẹ nói:

–Lời con nói thật là tốt lành.

A-nhĩ-lỗ-đà có người bạn cùng tuổi tên là Hiền Vương. Hai người rất tương đắc nên A-nhĩ đến báo cho bạn biết. Vừa tới cửa nhà Hiền Vương thì gặp lúc đàn vừa đứt dây, âm thanh không đủ. A-nhĩ là người có khiếu thẩm âm nên nghe biết là đàn đứt dây, liền đứng lại không vào nhà, đến khi biết là đàn đã nối dây rồi thì mới cho người vào báo. Hiền Vương mời vào và hỏi:

–Anh đến vào lúc nào?

Đáp:

–Dây đàn vừa đứt thì tôi cũng vừa đến cửa, phải chờ nối dây đàn rồi mới cho người vào báo.

Hiền Vương khen hay mời ngồi và hỏi:

–Hôm nay anh đến tôi có việc gì không?

Đáp:

–Vua Tịnh Phạn có lệnh cho những người trong dòng họ Thích xuất gia để hầu hạ Đức Phật, biết anh là người yêu điều thiện nên tôi đến thông báo cho anh biết.

Hiền Vương nói:

–Tôi cũng biết lệnh của vua truyền. Nếu anh xuất gia thì tôi sẽ đi với anh. Đêm nay mời anh ngủ lại nhà tôi.

A-nhĩ-lỗ-đà bằng lòng. Hiền Vương cho người sửa soạn chỗ ngủ, nhưng đêm đó A-nhĩ ngủ không yên giấc. Sáng ngày Hiền Vương hỏi:

–Đêm rồi anh ngủ ngon không?

Đáp:

–Chiếc chiếu trải giường dành cho người bệnh nên tôi khó ngủ.

Hiền Vương liền gọi người hầu đến hỏi:

–Sao lại có việc này?

Người hầu thưa:

–Lúc ngài vừa mới sinh, đem trải thì dài. Sau này do ngài có bệnh nên đã từng dùng đến chiếu ấy.

Hiền Vương khen:

–Quý hóa thay! Dòng họ Thích có người con kỳ lạ như thế.

Hiền Vương lại nói tiếp:

–Nếu tôi xuất gia thì Đề-bà-đạt-đa sẽ thay ngôi vua của tôi.

Liền khiến người hầu đi mời Đề-bà-đạt-đa đến hỏi:

–Chúng ta theo lệnh vua đều xuất gia, còn em sẽ làm gì?

Đề-bà suy nghĩ: "Nếu ta bảo không xuất gia thì Hiền Vương sẽ không xuất gia", liền nói đại:

–Tôi cũng xuất gia.

Hiền Vương liền viết công văn tâu lên vua Tịnh Phạn. Vua Tịnh Phạn liền bố cáo trong ngoài: "Nay có Hiền Vương, A-nhĩ-lỗ-đà và Đề-bà-đạt-đa cùng với năm trăm người của dòng họ Thích xin xuất gia." Ai biết tin cũng vui mừng, chỉ riêng có Đề-bà-đạt-đa là khổ não, thầm nghĩ: "Ta vốn muốn cho Hiền Vương xuất gia nên nói thế thôi, nay nếu trái lời sợ mang tội dối trá, mà xuất gia thì tương lai mất ngôi vua. Thôi thì tạm thời cứ nhận chịu theo mọi người đi xuất gia."

Bấy giờ muốn cho đời sau biết dòng họ mình là tôn quý, vua Tịnh Phạn truyền lệnh cho dọn dẹp trong ngoài, đường xá, thành quách đều vô cùng sạch sẽ, trang nghiêm. Trên đường thì rưới nước thơm, bày cờ lọng, hương hoa để tiễn nhóm Hiền Vương và năm trăm người họ Thích đi xuất gia. Cha mẹ của họ đều đứng bên đường kéo dài cho đến cổng thành để xem và tiễn con đi. Vua lại cho vị thầy tướng giỏi đứng ở cổng thành xem ai tu đắc đạo, ai không.

Đầu tiên Hiền Vương đi qua, vị tướng sư khen ngợi:

– Người này xuất gia chắc là thành đạo.

Kế là A-nhĩ-lỗ-đà, tướng sư đoán không lâu người này sẽ đắc đạo. Lúc Đề-bà-đạt-đa đi qua, tự nhiên mũ trên đầu rơi xuống. Tướng sư thấy thế cho đó là người gây ác nghiệp, chắc đọa địa ngục. Tiếp theo là Hải Thọ, vừa đến cổng thành đã phát lên những lời ác, tướng sư biết người này mắc khẩu nghiệp vì từng phỉ báng Thanh văn, trong tương lai chắc chắn sẽ đọa vào đường ác. Ô-ba-na-đà cỡi voi đi ngang qua cổng thành, xâu chuỗi ngọc trên cổ bỗng nhiên rơi xuống đất, liền xuống voi để nhặt, tướng sư cho đây là kẻ keo kiệt, chắc đọa địa ngục. Cứ thế năm trăm người họ Thích trước sau diễu qua, tướng sư xem thiện ác ra sao đều báo với cha mẹ họ.

Năm trăm người ấy ra khỏi thành Ca-tỳ-la, đi nhiễu quanh vườn rồi đến chỗ Phật xin xuất gia. Đức Phật nghĩ: "Nay những người họ Thích này tuy cầu xuất gia nhưng có kẻ thật sự muốn xuất gia, có kẻ không thật sự." Đức Phật bèn dùng Tứ pháp độ tất cả họ, thâu nhận vào Tăng đoàn.

Lúc ấy vua Tịnh Phạn có một người hầu cận tên Ô-ba-lê rất giỏi nghề cắt tóc. Vua bèn phái tới để cạo tóc cho những người họ Thích vừa xuất gia. Đến nơi anh ta không làm mà buồn bã than khóc. Hiền Vương hỏi:

–Sao lại thế?

Ô-ba-lê nói:

– Tôi vâng lệnh của một người, chứ không phải là người sai của mọi người, có thể thà chết chứ không cạo tóc.

Hiền Vương liền khuyên can:

–Chớ nói vậy! Ông vâng lời vua, chứ không phải mọi người sai khiến. Đó là điều tốt chớ có ưu phiền.

Hiền Vương liền bảo với Thích chúng:

–Các vị xuất gia, mũ tốt, áo đẹp, cùng những đồ trang sức nay nên bỏ đi vì không thể dùng. Nay hãy bỏ vào một nơi giao cho Ô-ba-lê.

Mọi người vui vẻ đem mũ áo chất thành một đống. Lúc ấy Ô-ba-lê mới cạo tóc cho họ. Cạo tóc cho các vị ấy xong, ông nghĩ: "Những người họ Thích này tuổi đều còn trẻ, mà bỏ giàu sang đi xuất gia. Ta nay nghèo hèn có gì mà luyến tiếc? Nên bỏ ân ái, lìa xa phiền não để khỏi trôi lăn trong vòng sinh tử." Ô-ba-lê lại có dáng ưu tư. Tôn giả Xá-lợi-phất thấy thế hỏi:

–Sao ông có vẻ ưu tư không vui như vậy?

Ô-ba-lê đáp:

–Không phải không vui, nhưng có điều suy nghĩ.

Rồi đem nỗi lo của mình thưa thật với Tôn giả. Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

–Đức Thế Tôn độ người không phân biệt sang hèn. Nay đã đúng lúc, ông nên hăng hái lên.

Đức Thế Tôn biết nhân duyên của Ô-ba-lê đã đến. Cùng Lúc ấy Xá-lợi-phất cũng đưa ông ta tới trước Đức Phật. Tôn giả cúi mình sát đất cung kính lễ Phật thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, Ô-ba-lê muốn được xuất gia theo chánh pháp, xin Đức Phật thương mà nhận cho.

Đức Phật liền nói với Ô-ba-lê:

–Ngươi đã đạt phạm hạnh.

Đức Phật vừa dứt lời, râu tóc Ô-ba-lê tự rụng, ca-sa hiện lên thân. Bảy ngày sau râu tóc mọc lại, hiện ra thân tướng uy nghi như vị Tỳ-kheo có trăm hạ lạp, liền tự nói kệ:

Tôi nay trước Như Lai
Cầu xuất gia học đạo
Phật bảo đạt phạm hạnh
Râu tóc tự nhiên rơi
Ca-sa bỗng tự hiện
Đó là do căn lành
Hôm nay mới được vậy
Tôi vào hàng Bí-sô.

Bấy giờ Đức Phật nói với đại chúng Tỳ-kheo:

–Kể từ nay, các vị xuất gia đều lấy hạ lạp mà phân trên dưới, cho đến sau này cũng theo quy tắc ấy. Ô-ba-lê cũng được xem bằng những người họ Thích.

Lúc ấy Hiền Vương lần lượt lạy mọi người, đến trước Ô-ba-lê, ông không chịu lạy và đến bạch Phật:

–Ô-ba-lê là người giúp việc, nay lạy ông ta thật không hợp lẽ.

Đức Phật nói:

–Ông đã xuất gia nên bỏ chấp ngã. Vị ấy có hạ lạp lớn hơn thì ông phải kính trọng.

Hiền Vương bèn lạy Ô-ba-lê làm cho đại địa hiện ra sáu loại chấn động. Đề-bà-đạt-đa cũng không chịu lễ Ô-ba-lê đến thưa với Đức Phật. Đức Phật cũng dạy nên xả bỏ tâm chấp ngã. Lúc ấy Đề-bà-đạt-đa và tất cả người trong họ Thích đều đến lễ Ô-ba-lê. Họ đều thắc mắc: "Do nhân duyên gì mà khi Hiền Vương lễ Ô-ba-lê, đại địa lại hiện ra sáu loại chấn động?" Họ đem điều thắc mắc ấy đến xin Thế Tôn chỉ dạy. Đức Phật kể:

–Trong đời quá khứ, nơi cõi Diêm-phù-đề, trong nước Ba-la-nại có vị vua tên là Phạm Thọ, đất nước giàu có, nhân dân an vui. Lúc bấy giờ trong thành có một ca sĩ tên là Bạt-nại-la nhan sắc đoan chính, nhiều người mến thương. Có một người đàn ông tên là Tôn-na-la-ma-noa-phược-ca đến chỗ nữ ca sĩ kia bày tỏ sự hâm mộ. Cô ấy trả lời: "Hãy đem đến đủ năm trăm đồng tiền thì mới được hội kiến."

Người kia vì nghèo nên không đáp ứng nổi, liền tìm cách ở gần, bèn dời nhà đến cạnh nhà cô gái và thường tặng biếu hoa trái. Nhân đến ngày hội, nam nữ vui chơi, trang điểm cài hoa tươi đẹp. Hôm ấy, Bạt-nại-la suy nghĩ: "Nếu có Tôn-na-la-ma-noa-phược-ca đến chơi thì thích thú hơn."

Giây lát, anh ta tới. Cô gái vui vẻ nói: "Anh hãy hái hoa đem đến để cùng tôi vui chơi."

Hôm ấy vì anh ta có việc buồn phiền, nên suốt đêm không ngủ được, gần sáng mới chợp mắt ngủ say nên dậy trễ, các hoa đẹp đã bị mọi người hái hết, chỉ còn những hoa Thi-lợi-sa, anh bèn hái đem đến nhà cô gái. Cô ta không vui và nói kệ:

Do nghiệp không siêng năng
Lười nhác lo ngủ mãi
Người ta hái hoa hết
Chỉ còn hoa Thi-lợi.

Rồi cô ta bảo anh đi tìm hái hoa khác. Lúc ấy là đầu mùa thu, trời còn rất nóng, anh mãi mê đi tìm hoa đến giờ ngọ mà vẫn ca hát quên cả nóng nực. Khi đó, đúng lúc vua Phạm Thọ, vào bìa rừng tránh nắng dưới bóng cây, bỗng vua nghe tiếng hát, bèn cho lính đi tìm người ca hát đến. Gặp anh ta, vua liền hỏi: "Trời nóng bức thế này, sao ngươi ca hát được vậy?"

Anh ta dùng kệ đáp:

Vì lòng đam mê
Không phải không nóng
Trong lòng có việc
Nên không thấy khổ.

Vua thấy anh chàng hái hoa nói năng cũng hay nên lưu lại trò chuyện. Vua hỏi: "Ta đi đường gặp nắng vào đây nghỉ mát, vậy ngươi nói những gì làm ta bớt nóng xem."

Tôn-na-la-ma-noa-phược-ca vốn là người nhanh trí, biết đoán tâm lý vua nên nói về những ích lợi của việc chinh phục rất hợp ý vua khiến nhà vua khen là kỳ lạ, quên cả nóng nực. Vua hỏi vị đại thần: "Theo thông lệ trong nước khi có người cởi mở được những khổ nhọc của vua thì nên thưởng phần thưởng gì là cao nhất?" Vị đại thần tâu: "Có thể lập làm Thái tử."

Vua liền bảo vị đại thần ghi cho anh ta vào địa vị đó, đồng thời thông báo trong cung, ngoài thành chuẩn bị nghi thức để đến cung làm lễ tôn anh ta lên ngôi Thái tử, được hưởng thức ăn trân quý, ngủ nghỉ trên giường êm nệm ấm bậc nhất. Tôn-na-la-ma-noa-phược-ca suy nghĩ: "Ngôi Thái tử này thật là cao quý nhưng dễ khiến người nảy lòng tham muốn đạt ngôi báu. Nếu ta chiếm ngôi ấy sau này chắc có quả báo." Do suy nghĩ vậy nên không ngủ được bèn rời giường, xuống nằm trên đất ngủ đến sáng. Nhà vua cho

quan đến quan sát thấy anh ta ngủ trên đất, liền về tâu lại nhà vua: "Anh ta thật không xứng là Thái tử, chỉ là kẻ tiện nhân."

Vua hỏi: "Vì sao ngươi biết?"

Vị quan liền thuật lại những điều trông thấy. Vua nói: "Đó là bậc đại trí không phải kẻ tiện nhân." Bèn sai triệu anh ta đến hỏi duyên cớ, vua hỏi: "Đêm qua ngươi không ngủ trên giường mà ngủ dưới đất là lý do gì?"

Anh ta tâu: "Giàu sang không phải là chân hạnh phúc nên thần không cảm thấy an lạc."

Vua hỏi: "Ý ngươi muốn điều gì?"

Đáp: "Nay thần chỉ muốn xuất gia."

Vua lại hỏi: "Ta chưa biết việc ấy. Xuất gia là gì và có được công đức gì?"

An ta bèn thưa: "Tìm nơi vắng vẻ, khổ công tu hành, không có thầy cũng không tìm bạn, quan sát chân lý nên chứng được quả vị Độc giác Bồ-đề."

Vua cho là tốt và để anh ta xuất gia. Sau khi tu chứng, anh ta liền đến trước vua, ở trên không trung biến hiện thần thông. Vua thấy được việc ấy, rất tin tưởng, cúi mình sát đất đảnh lễ và nói kệ:

Lành thay bậc Trí tuệ
Nghiệp ác không buộc ràng
Nơi vắng vẻ tu hành
Chứng quả Độc giác Phật.

Nói kệ xong, vua tiếp: "Nếu có những người như Ma-noa-phược-ca xuất gia cầu đạo thì ta sẽ vui theo."

Lúc ấy có vị cận thần tên là Khắc-nga-ba-la nghe được bài kệ kia thì vui vẻ vô cùng, luôn nhớ trong lòng để tự tâm nhắc nhở không tham dục. Nhà vua cũng từ đó luôn tự khích lệ mình không mê chốn thâm cung mà ưa thích tìm nơi vắng vẻ. Khắc-nga-ba-la sau đó thấy vua vui vẻ liền xin xuất gia. Vua bằng lòng, ông ta liền từ giã đi vào rừng sâu, gặp được vị tiên khổ hạnh kia liền theo học đạo, siêng năng tu tập, sau chứng được ngũ thông cũng tìm đến trước vua hiện đủ thần thông. Vua hỏi: "Ông đã đạt công đức như thế sao?"

Khắc-nga-ba-la thưa: "Tôi đã chứng được."

Vua sinh lòng cung kính, cúi đầu đảnh lễ. Đầu vua vừa chạm đất thì đại địa chấn động. Bấy giờ vương mẫu xem xét việc ấy là có thật không, liền vì Khắc-nga-ba-la mà nói kệ:

Nếu thật sự xuất gia
Phụng sự vị Sa-môn
Yên lặng và siêng năng
Khổ hạnh chứng Duyên giác
Mọi tội vĩnh viễn trừ
Tất cả phước đều sinh
Sau ở tại thế gian
Rộng làm lợi chúng sinh.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Vua Phạm Thọ ngày xưa là Hiền Vương bây giờ, còn Khắc-nga-ba-la thuở xưa nay là Ô-ba-lê vậy. Xưa lạy khiến đại địa chấn động thì nay lễ cũng giống như trước. Này các Tỳ-kheo, những việc về quá khứ Ta đã nêu giảng rõ, các ông nghe xong nên tin tưởng, thọ trì.

Lúc ấy các vị Tỳ-kheo nghe xong lời ấy đều vui mừng, cung kính đảnh lễ Phật và lui ra.

□